Cội Rễ
Alex Haley

Dịch giả: Dương Tường

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tổng kết thập kỷ 70 của thế kỷ này, một sự kiện nổi bật lên như cột mốc tiêu biểu của đời sống văn học ở Mỹ: việc xuất bản tác phẩm CỘI RỄ của Elicx Hêili. Tiểu sử của tác giả da đen này có thể tóm tắt bằng một dòng khiêm tốn: sinh vào mùa hè năm 1921, nhà báo chuyên nghiệp, tác giả cuốn tự truyện của Malcom X, lãnh tụ của những người Hồi giáo da đen. Điều đáng nói hơn, là niềm khắc khoải khôn nguôi về cội nguồn đã thôi thúc ông bỏ ra mười lăm năm để tìm lại gốc gác tổ tông mà ông biết chắc không phải ở trên đất Mỹ .
Và kết quả cuộc tìm kiếm lâu dài ấy đã dẫn đến sự ra đời của Cội Rễ. Chỉ hai tháng sau, gần một triệu bản đã hết ngay. Và bộ phim vô tuyến truyền hình dựng theo tác phẩm ấy đã vượt cả bộ phim nổi tiếng "Cuốn theo chiều gió" về kỷ lục người xem. Cuốn sách gây chấn động tới mức đã có hai vụ tố tụng nhằm hạ uy tín tác giả. Nhưng điều quan trọng là nó đã đánh thức ở những người da màu Mỹ nỗi niềm hoài cổ tổ tiên, và ý thức đó từ nay sẽ không bao giờ tắt trong họ. Đối với Hêili, đó cũng là phần thưởng tinh thần, sự đền bù xứng đáng cho công sức bền bỉ mười lăm năm trời mò mẫm trong hầu hết các thư viện, kho lưu trữ tư liệu khắp nước Mỹ, từ bang này sang bang khác, để cuối cùng tìm đến tận làng Jufurê hẻo lánh của Găмbia (châu Phi), nơi cách đây hơn 230 năm, Kunta Kintê, ông tổ 7 đời của tác giả đã bị bắt xuống con tàu buôn nô lệ da đen chở sang Mỹ. Với Cội Rễ có thể nói Elicx Hêili đã dựng một tượng đài cho nỗi đau hàng thế kỷ của bao thế hệ người Phi bị trốc rễ, để biến thành những mớ hàng đem bán đấu giá ở các chợ buôn người.

Chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc bản gia phả bằng nước mắt này .

TÁC PHẨM MỚI

Chương I

Đầu mùa xuân năm 1750, ở làng Jufurê, cách bờ biển Găмbia, Tây Phi bốn ngày đường ngược lên thượng nguồn, Ômôrô và Binta Kintê sinh được một đứa con trai. Thoát thai từ thân thể trẻ trung khỏe khoắn của Binta, đứa bé đen bóng y như mẹ, người lấm tấm và nhây nhớt máu Binta và nó oa oa cất tiếng khóc. Hai bà mụ mặt mày nhăn nheo: già Nyô Bôtô và bà nội đứa bé Yaixa, thấy đó là con trai, vui thích cười vang. Theo các cụ tổ, con trai đầu lòng là ân huệ đặc biệt của Chúa Ala ban xuống không những cho cha mẹ nó, mà cả cho đôi bên gia đình của họ nữa, và họ hãnh diện biết rằng dòng họ Kintê như vậy sẽ vừa danh giá vừa trường tồn.

Đó là cái giờ trước lúc gà gáy lần thứ nhất và cùng với tiếng trò chuyện của già Nyô Bôtô và bà nội Yaixa, âm thanh đầu tiên đứa bé nghe thấy là tiếng bùm bụp bùm bụp trầm lắng và nhịp nhàng của những chày gỗ do phụ nữ trong làng giã mạch kê trong cối để chuẩn bị bữa cháo điểm tâm cổ truyền nấu trong những nồi đất trên một bếp lửa xếp bằng ba tảng đá .

Làn khói xanh mỏng, găn gắt mà dễ chịu, ngoằn ngoèo bốc lên trên ngôi làng bụi bậm với những túp lều tròn đắp bằng bùn, khi tiếng hô giọng mũi của alimamô (1) Kajali Đemba bắt đầu cất lên, gọi cánh đàn ông tới đọc bài thứ nhất trong năm bài cầu nguyện hằng ngày vẫn được dâng lên Chúa Ala từ thuở xa xưa nhất còn có thể lưu lại trong trí nhớ . Từ những chiếc giường bằng gióng tre và da thú sấy hối hả vùng dậy khoác vội những chiếc áo dài bằng bông thô, cánh đàn ông trong làng nhanh nhẹn chạy tới nơi cầu nguyện, tại đó alimamô dẫn đầu cuộc lễ: "Allalu Alebar! Ashadu an lailahailala!" (Thượng đế là vĩ đại! Con xin chứng rằng chỉ có một thượng đế!). Chính sau đó, khi mọi người trở về nhà để điểm tâm, là lúc Ômôrô bồ nhào vào giữa đám, mặt rạng rỡ và phấn khởi, báo cho họ biết là mình đã có con trai đầu lòng. Tất cả cánh đàn ông chúc mừng anh, lặp lại những điểm tốt lành.

Mỗi người đàn ông trở về lều của mình được vợ đưa cho một suất cháo đựng trong một vỏ bầu rỗng. Liền đó quay vào bếp, các bà vợ cho trẻ ăn, rồi cuối cùng, mới đến lượt mình. Ăn xong, cánh đàn ông cầm lấy những chiếc cuốc ngắn, cán cong, lưỡi gỗ đã được bác thợ rèn của làng bịt kim loại, và lên đường làm công việc hằng ngày là xới đất chuẩn bị trồng lạc, mạch kê và bông – những thứ cây trồng chủ yếu của đàn ông, cũng như lúa là hoa màu chính của đàn bà ở vùng xavan nóng nực, xum xuê thảo mộc này của Găмbia.

Theo phong tục cổ, trong bảy ngày sau, Ômôrô chỉ có độc một nhiệm vụ phải bận tâm một cách nghiêm túc: chọn một cái tên cho đứa con trai đầu lòng. Đó phải là một cái tên phong phú màu sắc lịch sử và đầy hứa hẹn, bởi lẽ dân trong bộ lạc anh – những người Manđinka – vốn tin rằng một đứa trẻ sẽ phát triển bảy đặc tính cũa bất cứ người nào hoặc vật nào mà nó mang tên.

Nhân danh bản thân mình và Binta, suốt trong tuần lễ suy nghĩ đó, Ômôrô đến thăm mọi nhà ở Jufurê và mời từng gia đình đến dự lễ đặt tên cho đứa bé sơ sinh vào ngày thứ tám của đời nó theo tục lệ cổ truyền. Ngày đó, cũng như cha nó và cha của cha nó, đứa con trai mới ra đời sẽ trở thành một thành viên của bộ lạc.

Đến ngày thứ tám, dân làng tụ tập từ sáng sớm trước lều của Ômôrô và Binta. Phụ nữ của hai gia đình đội trên đầu những trái bầu rỗng đựng sữa chua và bánh ngọt munkô bằng gạo giã cùng mật ong. Karamôxila, Jaliba (1) của làng, cũng có mặt với bộ trống tan-tăng của mình; alimamô và arafang (2) Brima Xêxay, một ngày nào đó sẽ là thầy giáo của đứa bé; và cả hai anh trai của Ômôrô là Jannê và Xalum từ rất xa cũng lặn lội tới dự lễ, khi cái tin cháu trai mình ra đời đến tai họ theo cách truyền đạt bằng hiệu trống.

Khi Binta hãnh diện bế đứa con mới đẻ của mình, một cụm nhỏ lớp tóc đầu tiên của nó được cạo đi, như người ta bao giờ cũng làm thế vào ngày đó, và cả đám phụ nữ đều trầm trồ khi thấy thằng nhỏ thật là đẹp đẽ xinh xắn. Rồi họ im tiếng khi Jaliba bắt đầu nổi trống. Alimamô đọc một lời nguyện trên những vỏ bầu đựng sữa chua và bánh munkô, và trong khi ông cầu nguyện, mỗi người khách đưa tay phải sờ miệng một chiếc vỏ bầu – một cử chỉ biểu lộ lòng tôn trọng đối với lương thực. Rồi alimamô quay sang cầu nguyện trên đứa bé, xin Chúa Ala cho nó sống lâu, thành công trong việc mang lại uy tín, niềm tự hào và con cái đầy đàn cho gia đình, làng bản và bộ tộc – và cuối cùng là ban cho nó sức khỏe cùng tinh thần để tôn vinh và xứng đáng với cái tên nó sắp được nhận .

Sau đó Ômôrô bước ra trước toàn thể dân làng tụ tập ở đó. Đi tới bên vợ, anh nhấc bổng đứa bé lên và trong khi mọi người chăm chú theo dõi, thì thầm ba lần vào tai con trai cái tên mà anh đã chọn cho nó. Đó là lần đầu tiên cái tên đó được thốt ra với tư cách là tên của đứa bé, vì những người cùng bộ tộc với Ômôrô cho rằng mỗi con người phải là kẻ đầu tiên được biết mình là ai .

Tiếng trống tan-tăng lại vang lên; và bây giờ Ômôrô nói thầm cái tên đó vào tai Binta, và Binta mỉm cười hãnh diện và vui sướng. Rồi Ômôrô lại rỉ tai arafang lúc này đang đứng trước dân làng :

"Con đầu lòng của Ômôrô và Binta được đặt tên là Kunta!" Brima Xêxay kêu lớn .

Như mọi người đều biết, đó là chữ giữa trong tên người ông nội đã quá cố của đứa bé, Kairaba Kunta Kintê, ông cụ đã từ Moritanya, nơi chôn nhau cắt rốn, đến Găмbia tại đó ông đã cứu dân làng Jufurê thoát khỏi nạn đói, đã lấy bà nội Yaixa, phụng sự hiển hách với tư cách là thánh nhân làng Jufurê cho đến khi qua đời.

Thầy giáo lần lượt kể tên các ông tổ người Moritanya mà ông nội đứa bé, già Kairaba Kintê, thường hay nhắc tới. Những tên đó, lừng lẫy và rất nhiều, trở ngược lên tận thời xa xưa cách đây có tới hơn hai trăm vụ mưa. Rồi Jaliba nện trống tan-tăng và tất cả mọi người hô lớn tỏ lòng ngưỡng mộ và kính trọng đối với một dòng dõi vẻ vang như vậy.

Bên ngoài, dưới trời trăng sao, đêm hôm thứ tám ấy, một mình với đứa con trai, Ômôrô hoàn thành nốt cái nghi thức đặt tên. Bế chú bé Kunta trong đôi cánh tay lực lưỡng, anh đi ra ven làng, nhấc bổng thằng bé cho ngửa mặt lên trời và khe khẽ nói : " Fend kiling dorong leh warrara kaileh tee" (Hãy nhìn xem, đó là thứ duy nhất lớn hơn bản thân con).

Chương 2

Đó là mùa trồng cấy và chẳng bao lâu nữa, những trận mưa đầu tiên sẽ bắt đầu. Trên khắp đất đai canh tác, cánh đàn ông ở Jufurê đã chất những đống cỏ khô cao ngất và đốt lên cho ngọn gió nhẹ tung tãi tro tàn ra bốn phía để nuôi đất. Và ở những ruộng lúa, phụ nữ đã cấy những mạ non xanh rờn xuống bùn.

Trong thời gian Binta nghỉ ngơi hồi sức sau khi đẻ, mảnh ruộng lúa của chị được bà nội Yaixa trông nom, nhưng giờ đây Binta đã sẵn sàng trở lại với công việc của mình. Địu Kunta trên lưng bằng một tấm vải bông, chị cùng với những phụ nữ khác – một số, kể cả cô bạn Jankay Turay của chị, cũng địu con thơ cùng với những bọc quần áo đội trên đầu – đi ra những chiếc xuồng độc mộc trên bờ bôlông[1], một trong nhiều nhánh phụ từ sông lớn Gămbia uốn khúc chảy vào miền trong, gọi là Kamby Bôlônggô. Những chiếc xuồng nhẹ lướt xuôi dòng, cứ dăm sáu chị em một chiếc, ráng sức đẩy đưa những mái chèo ngắn, rộng bản. Mỗi lần cúi về đằng trước để chèo, Binta lại cảm thấy thân mình mềm ấm của Kunta áp vào lưng mình.

Không khí ngào ngạt mùi cây xú ngát xâu như xạ hương và những mùi thơm của các loài thảo mộc khác mọc chi chít hai bên bờ bôlông. Hoảng hốt vì đoàn thuyền đi qua, hàng bầy khỉ đầu chó thức giấc, bắt đầu kêu choe chóe nhảy tứ tung và rung những cành cọ. Lợn rừng khịt khịt và gầm gừ chạy trốn vào những đám cỏ và bụi rậm. Đậu kín hai bờ sông lầy lội, hàng ngàn bồ nông, sếu, cò, diệc, cò bạch, cò thìa, nhạn, đang kiếm bữa sáng đều ngừng lại, sợ hãi theo dõi khi đoàn thuyền lướt qua. Một số loài chim nhỏ hơn bay lên không trung – chim cu, nhạn biển mỏ dẹt, gà nước, chim đầu rắn và bói cá – vừa lượn vòng vừa kêu the thé cho đến khi những kẻ đột nhập đã qua hẳn.

Khi xuồng lao qua những đám nước lăn tăn, nhộn nhạo, từng đàn cá tuế thường vọt cả lên, thành một điệu khiêu vũ óng ánh bạc rồi lại nhào xuống. Có những con cá lớn dữ tợn thường săn đuổi cá tuế, đôi khi đói mồi rượt hăng đến nỗi lao thẳng vào trong một cái xuồng đi qua và chị em phụ nữ thường lấy mái đập chết, cất đi để chiều làm một bữa ngon lành. Nhưng sáng nay đàn cá tuế bơi quanh các xuồng, không bị quấy rầy.

Dòng bôlông ngoằn ngoèo đưa những người đàn bà chèo xuồng ấy quành một khúc ngoặt, tới một nhánh sông rộng hơn và khi họ vừa xuất hiện, không gian bỗng rộn khắp tiếp vỗ cánh rào rào, rồi một tấm thảm sống, mênh mông hàng vạn con chim biển đủ mọi màu sắc cầu vồng, bay lên kín cả bầu trời. Cánh chim đập rạch nước thành từng luống, mặt sông tối xầm vì cơn lốc chim đó và lốm đốm những lông chim khi đám phụ nữ khua chèo tiếp tục lướt tới.

Gần tới khu đồng lầy, nơi bao thế hệ phụ nữ làng Jufurê đã từng gieo trồng lúa từ xưa tới nay, đoàn thuyền xuyên qua những đám muỗi nhung nhúc, rồi từng chiếc một nối đuôi nhau lách vào sát một bờ nhỏ đắp bằng cỏ dại ken thật dầy. Bờ cỏ phân ranh giới và xác định phần ruộng của mỗi chị em, ở đó những cây mạ non mơn mởn màu ngọc bích giờ đây đã nhô lên cao hơn mặt nước chiều dọc một bàn tay.

Vì kích thước mảnh ruộng của mỗi phụ nữ là do Hội đồng bô lão làng Jufurê quyết định mỗi năm một lần, tùy theo số miệng ăn mà mỗi phụ nữ phải cung đốn bằng gạo, thành thử phần của Binta hiện vẫn còn nhỏ bé. Thận trọng giữ thăng bằng khi địu đứa con mới đẻ từ xuồng bước lên bờ, Binta bước vài bước rồi dừng phắt lại ngạc nhiên và sung sướng nhìn một cái chòi tre nhỏ xíu lợp rạ. Trong khi chị đau đẻ, Ômôrô đã tới đây, dựng nó lên làm chỗ che mưa nắng cho con trai. Với cái đặc tính của đàn ông, anh chẳng nói gì về chuyện đó cả.

Sau khi cho con bú, rồi đặt gọn nó vào trong chòi, Binta thay quần áo, mặc bộ đồ lao động mang theo trong cái bọc đội đầu và lội ra làm việc. Gập đôi mình trên mặt nước, chị nhổ đến tận rễ những túm cỏ dại mà, nếu để mặc, chúng sẽ mọc vượt lên, làm chết lúa. Hễ Kunta khóc, Binta lại lội tới, ròng ròng nước, cho nó bú trong bóng râm của chòi.

Cứ thế, hằng ngày, bé Kunta sưởi ấm trong âu yếm nâng niu của mẹ. Chiều chiều trở về lều, sau khi nấu nướng và dọn bữa tối cho Ômôrô, Binta thường lấy dầu cây hạt mỡ thoa từ đầu đến chân thằng bé cho mượt da rồi – đây là chuyện thường xuyên – hãnh diện bế nó đi xuyên qua làng tới lều của bà nội Yaixa cho bà chầm bập, hôn hít nó. Và cả hai thi nhau liên tiếp nắn đầu, nắn mũi, nắn tai, nắn môi thằng bé cho cân đối, ngay ngắn hơn, làm cho Kunta cáu kỉnh khóc nhặng lên.

Thỉnh thoảng, Ômôrô mang con trai đi, tạm rời khỏi mẹ và bà nó, và ẵm thằng bé bọc kín trong chăn đến túp lều riêng của mình – các ông chồng bao giờ cũng có chỗ ở riêng cách biệt với vợ – tại đó, anh để cho nó tha hồ nhìn ngắm, sờ mó những đồ vật hấp dẫn, chẳng hạn như những cái bùa ở đầu giường Ômôrô để xua đuổi ma quỷ. Mọi

thứ gì có màu sắc đều gợi trí tò mò của Kunta – đặc biệt là cái túi săn bằng da của bố, giờ đây gần như phủ kín bằng những đồng tiền vỏ ốc, mỗi đồng tượng trưng cho một con thú mà đích thân Ômôrô đã mang về làm thức ăn cho bản làng. Và Kunta cứ bi bô hoài với chiếc nỏ dài, cong vút cùng bó tên treo bên cạnh. Ômôrô mỉm cười khi thấy một bàn tay nhỏ xíu với ra và nắm lấy cây dao đen xẫm, thanh mảnh, cán bóng lên vì dùng nhiều. Anh để cho Kunta sờ mó tất cả mọi thứ, trừ tấm thảm cầu kinh là vật thiêng liêng đối với người sở hữu nó. Và một mình với con trai trong lều, Ômôrô thường nói với Kunta về những hành động đẹp đẽ và dũng cảm mà nó sẽ làm khi lớn lên.

Cuối cùng, anh đem Kunta về lều Binta cho nó bú bữa sau. Ở đâu, Kunta cũng luôn luôn khoái và cu cậu thường ngủ tít khi Binta ẵm vào lòng mà đu đưa hoặc đặt lên giường và cúi xuống hát khe khẽ một điệu ru con đại loại như :

Ngoan ngoan con nhoẻn miệng cười
Mang tên ông, phải tỏ ngời tên ông.
Rồi mai, săn thú trên rừng
Hay nơi trận mạc lẫy lừng chiến công
Cha con hởi dạ hởi lòng
Mẹ riêng nhớ thuở con nằm trong nôi.

Dù yêu con, yêu chồng đến đâu chăng nữa, Binta vẫn cảm thấy một mối lo lắng rất thực tế, những người chồng theo đạo Hồi, do tập tục cũ, thường hay chọn lấy một người vợ thứ trong khi vợ cả đang nuôi con thơ. Cho tới nay, Ômôrô chưa lấy thêm người vợ nào khác; và vì Binta không muốn anh bị chuyện đó cám dỗ, nên chị cảm thấy rằng bé Kunta càng chóng biết đi càng tốt, vì đó là lúc kết thúc giai đoạn nuôi con thơ.

Vì vậy, khi Kunta, chừng mười ba tháng, thử đi những bước chập chững đầu tiên, là Binta vội vã giúp nó ngay. Và chẳng mấy chốc, nó đã có thể lẩm chẩm đi quanh không cần ai đỡ. Ômôrô hãnh diện bao nhiêu thì Binta nhẹ nhõm đi bấy nhiêu và sau đó, khi Kunta khóc đòi ăn thì Binta không chìa vú ra cho con nữa mà phát một cái kêu ra dáng vào đít nó và ấn vào miệng nó một bầu sữa bò.

Chú thích:

[1] Sông.

Chương 3

Ba vụ mưa đã qua và đây là cái mùa còm cõi khi mà dự trữ thóc cùng các loại lương khô khác từ mùa gặt trước đã gần cạn. Cánh đàn ông đã đi săn nhưng chỉ vác về được vẻn vẹn dăm ba con linh dương nhỏ và mấy chú chim rừng vụng dại, vì vào cái mùa nắng thiêu đốt này, rất nhiều vũng nước ở vùng xavan đã khô cạn chỉ còn bùn, thành thử các thú săn lớn và quý đã rút vào rừng sâu – vào đúng lúc dân làng Jufurê cần tận dụng mọi sức lực để làm mùa cho vụ gặt mới. Các bà vợ đã phải độn mầm tre nhạt thếch và lá bao-báp khô hôi xì vào lương thực chính là mạch kê và gạo. Những ngày đói kém đã bắt đầu sớm đến nỗi phải mổ năm con dê và hai con bò đực – nhiều hơn lần trước – để tế lễ, gia tăng sức mạnh cho lời cầu nguyện của mọi người xin đức Ala che chở cho làng bản khỏi chết đói.

Cuối cùng, bầu trời nóng bức phủ đầy mây, những cơn gió thoảng trở thành mạnh và cũng đột ngột như mọi lần, những trận mưa nhỏ bắt đầu rơi, ấm áp và nhẹ nhàng, khi đám nông dân cuốc xới lớp đất đã mềm đi thành những hàng dài thẳng tắp sẵn sàng đón hạt giống. Họ biết rằng phải làm xong việc gieo trồng trước khi những trận mưa lớn tới.

Mấy buổi sáng tiếp theo, sau khi điểm tâm, thay vì chèo xuồng đến ruộng lúa của mình, những người vợ nông dân, theo tục lệ cổ truyền để cầu cho đất đai mầu mỡ, mặc những bộ trang phục tết bằng lá cây to tươi tốt, tượng trưng cho mầm xanh của những gì đang lớn lên, và đi ra những mảnh ruộng đã xới thành luống của cánh đàn ông. Họ chưa ló dạng, đã nghe thấy tiếng họ lên bổng xuống trầm đọc những lời cầu nguyện do tổ tiên truyền lại, xin cho những hạt kê, củ lạc và những hạt giống khác đựng trong những bát sành đội lên đầu sẽ mọc rễ cứng cáp và lớn mạnh.

Chân không, bước theo nhịp đều đặn, toán phụ nữ xếp thành hàng dọc vừa đi vừa hát ba lần quanh mỗi thửa ruộng. Rồi họ giải tán và mỗi chị đứng vào sau một nông dân trong khi anh ta tiến dọc theo một luống đất, cứ dăm phân lại lấy ngón chân cái thọc xuống đất thành một lỗ. Cứ mỗi lỗ, chị em bỏ vào một hạt giống, lấy ngón chân cái lấp đất lên, rồi lại tiếp tục tiến. Thậm chí, phụ nữ làm việc còn vất vả hơn đàn ông, vì họ không những phải giúp chồng mà còn phải chăm sóc cả những thửa ruộng lúa lẫn những mảnh vườn rau, trồng ở cạnh bếp.

Trong khi Binta trồng hành, khoai mỡ, bầu, sắn, và cà chua, bé Kunta ban ngày chơi nhổng dưới sự trông nom cẩn thận của mấy bà già chịu trách nhiệm toàn thể trẻ con làng Jufurê thuộc lứa kafô[1] đầu, nghĩa là bao gồm những đứa tuổi dưới năm vụ mưa. Bầy trẻ, trai cũng như gái, trần truồng như những con thú nhỏ, chạy tung tăng – một số mới bắt đầu bập bẹ những tiếng đầu tiên. Tất cả, cũng như Kunta, đều mau lớn, cười đùa và la hét trong khi chúng nối đuôi nhau chạy quanh thân cây bao-báp khổng lồ trong làng, chơi đi trốn đi tìm và đuổi chó, gà chạy tán loạn.

Nhưng tất cả bọn trẻ con – kể cả những đứa bé như Kunta – hễ thấy một trong mấy bà già hứa kể chuyện, là vội vàng giành nhau xí chỗ, ngồi im phăng phắc. Tuy có nhiều chữ nó chưa hiểu được, Kunta vẫn tròn xoe mắt theo dõi các bà diễn xuất câu chuyện của mình bằng nhiều điệu bộ và tiếng động nhộn nhạo đến nỗi tưởng như sợ việc đang diễn ra thực.

Tuy còn bé tí, nhưng Kunta đã biết một số truyện mà bà nội Yaixa đã kể cho một mình nó nghe những lần nó được bế đến thăm lều của bà. Nhưng cùng với các bạn chơi nhởn cùng lứa kafô đầu, nó cảm thấy người kể chuyện tuyệt nhất trong tất cả là già Nyô Bôtô yêu dấu, bí ẩn và dị thường. Đầu không còn sợi tóc, mặt mày đầy những nếp nhăn sâu, da đen như nhọ nồi, một cái rễ chanh làm tăm giữa mấy cái răng còn sót lại, chòi ra khỏi miệng như cái vòi của một thứ côn trùng – già Nyô Bôtô mỗi lần ngồi vào chiếc ghế thấp lè tè, lại lầm bầm. Tuy thái độ bà cộc cằn, nhưng lũ trẻ biết bà yêu chúng như con đẻ và bà cũng tuyên bố rằng tất cả bọn chúng đều là con cháu bà.

Những lúc thấy chúng quây quần xunh quanh, bà thường làu bàu: "Để yên bà kể chuyện…"

"Bà kể đi!" bọn trẻ đồng thanh, đứa nào đứa nấy ngọ nguậy, dự cảm thấy trước nỗi thú vị.

Và bà lão bèn mở đầu theo kiểu của tất cả những người kể chuyện của dân tộc Mandinka: "Hồi ấy, ở một làng nọ, có một người".

Đó là một chú bé trạc tuổi chúng, cũng chừng nấy vụ mưa – bà kể – một hôm, chú đi dọc bờ sông và thấy một con cá sấu mắc kẹt trong một cái lưới.

"Cứu tôi với", con cá sấu kêu lớn.

"Để rồi mày giết tao à!" chú bé đáp.

"Không! Lại gần đây nữa nào!" con cá sấu nói.

Thế là chú bé lại chỗ con cá sấu – và phút chốc, bị ngoạm giữa hai hàm răng của cái miệng dài ngoẵng.

"Thế là mày đem oán trả ơn tao đấy hả!" chú bé kêu lên.

"Dĩ nhiên rồi", con cá sấu nói bằng khóe miệng, "Sự đời là thế"

Chú bé không chịu tin như vậy, và cá sấu đồng ý sẽ không nuốt chửng chú trước khi biết ý kiến của ba kẻ làm chứng đầu tiên đi ngang qua. Trước nhất là một bác lừa già.

Khi chú bé hỏi ý kiến bác, lừa ta bèn đáp: "Bây giờ tôi già không làm việc được nữa, chủ tôi đuổi tôi ra khỏi nhà cho beo ăn thịt".

“Mày thấy chưa?” con cá sấu nói. Tiếp đó, một bác ngựa già đi qua cùng chung ý kiến.
“Mày thấy chưa?” con cá sấu nói. Rồi một chú thỏ bụ bẫm đến; chú ta bảo: “Chà, tôi không làm sao có ý kiến đúng đắn được nếu không thấy sự việc diễn ra từ lúc bắt đầu”.
Con cá sấu làu bàu há miệng ra để kể lại – thế là chú bé nhảy vọt lên bờ an toàn.
“Cậu có thích ăn thịt cá sấu không” chú thỏ hỏi. Chú bé trả lời có. “Thế bố mẹ cậu?” Chú bé lại trả lời có. “Thế thì đây đã có một con cá sấu sẵn sàng để cho vào nồi đấy thôi”
Chú bé chạy đi và trở lại với trai tráng trong làng, họ giúp chú giết chết con cá sấu… Nhưng họ lại mang theo một con chó ngao, nó đuổi bắt và giết luôn cả chú thỏ.
“Thế là con cá sấu vẫn có lý”, già Nyô Bôtô nói. “Sự đời là thế: làm phúc thường hay phải tội. Truyện ta kể cho các cháu là như vậy đó”.
“Cầu trời phù hộ bà mạnh khỏe và thịnh vượng!” bọn trẻ nói để cảm ơn.
Rồi các bà già phân phát cho lũ trẻ những bát bọ dừa và châu chấu vừa rán xong. Vào một thời kỳ khác trong năm, của này chỉ là miếng ngon nếm náp qua loa, nhưng bây giờ, vào đận trước những trận mưa lớn, khi mùa đói kém đã bắt đầu, món côn trùng rán được dọn làm bữa ăn trưa, vì trong kho của hầu hết các gia đình chỉ còn mấy nắm kê và gạo mà thôi.

Chú thích:
[1] Kafô: ngũ niên, quãng thời gian 5 năm.

Chương 4

Độ này, hầu như sáng nào cũng có những trận mưa rào ngắn, mát mẻ và những lúc tạnh giữa hai đợt, Kunta và các bạn nó thường náo nức lao ra ngoài trời. "Của tao!" "Của tao" chúng nó thường la lên nhận phần khi thấy những cầu vồng xinh đẹp uốn cong tới tận mặt đất, tưởng như không xa lắm. Nhưng những trận mưa rào cũng kéo theo hàng đàn côn trùng có cánh, đốt và cắn nhoi nhói khiến cho đám trẻ chẳng mấy chốc đã phải rút vào trong nhà.

Rồi, bất thình lình, một đêm khuya, những trận mưa lớn bắt đầu, và mọi người náu trong những túp lều lạnh giá của mình, nghe nước xối rầm rầm trên mái rạ, nhìn chớp lóe và dỗ con nhỏ khi tiếng sấm khủng khiếp ầm ì trong đêm. Giữa những đợt mưa bất thần, chỉ nghe thấy tiếng chó rừng kêu, tiếng linh cẩu gào và tiếng ếch nhái ồm ộp.

Đêm sau, rồi đêm sau nữa và đêm sau nữa, lại mưa – mà chỉ mưa về đêm – ngập tràn những cánh đồng thấp ở gần sông, biến ruộng thành đầm lầy và cả làng thành một vũng bùn. Tuy vậy, mỗi sáng, trước lúc điểm tâm, tất cả nông dân vẫn lội bùn tới ngôi nhà thờ nhỏ của làng Jufurê để xin Chúa Ala cho mưa thêm nữa, vì cuộc sống tùy thuộc vào việc có đủ nước thấm sâu vào lòng đất trước khi nắng nực có thể làm khô héo mùa màng nếu rễ không hút đủ nước để sống.

Trong túp lều trẻ ẩm ướt, những cành củi nỏ cùng những nắm phân súc vật khô cháy lom rom trong hõm lò nông toèn trên sàn đất, soi sáng lờ mờ và không đủ sưởi ấm, già Nyô Bôtô kể cho Kunta và những đứa khác về các thời kỳ ghê sợ khi mà những trận mưa lớn không đủ. Bất kỳ xảy ra sự gì xấu đến đâu chăng nữa, già Nyô Bôtô cũng vẫn nhớ ra được thời kỳ khác mà tình hình còn tệ hại hơn thế. Sau hai ngày mưa lớn – bà kể với bọn trẻ là đến những ngày nắng thiêu đốt. Mặc dầu mọi người cầu nguyện Chúa Ala rất khẩn thiết, nhảy hoài điệu nhảy mưa do tổ tiên truyền lại và mỗi ngày tế hai con dê, một con bò mộng, tất cả những gì mọc trên mặt đất vẫn bắt đầu héo hắt và chết. Cả những vùng nước trong rừng cũng khô cạn, già Nyô Bôtô kể, và thoạt tiên là chim rừng, rồi đến thú rừng, ốm lử vì khát, bắt đầu xuất hiện ở giếng làng. Đêm đêm, trên bầu trời trong như pha-lê, hàng ngàn vì sao sáng lấp lánh, một ngọn gió lạnh thổi và ngày càng có nhiều người ốm. Rõ ràng, ma quỷ hoành hành ở Jufurê.

Những người còn khỏe tiếp tục cầu nguyện và nhảy múa, rồi sau hết, con dê cuối cùng và con bò cuối cùng được đem tế nốt, cứ như là Chúa Ala đã quay lưng lại không đoái hoài đến làng Jufurê nữa vậy. Một số – gồm những người già, yếu và bị bệnh – bắt đầu lăn ra chết. Những người khác bỏ đi, tìm một làng khác để cầu xin một người nào đó có lương thực nhận mình làm nô lệ, cốt được chút gì vào bụng, còn những người ở lại thì đâm mất tinh thần, nằm bẹp trong lều. Chính lúc đó, già Nyô Bôtô kể, Chúa Ala đã xui khiến bước chân của thầy tu Kairaba Kunta Kintê rẽ vào làng Jufurê đang sắp chết đói. Thấy cảnh dân làng như vậy, người bèn quỳ xuống và cầu Chúa Ala suốt năm ngày sau, hầu như không ngủ và chỉ thỉnh thoảng nhấp vài ngụm nước cầm hơi. Và đến tối ngày thứ năm, một trận mưa lớn kéo đến, trút xuống như cơn lũ và cứu sống làng Jufurê.

Khi bà kể xong, những đứa trẻ khác kính phục nhìn Kunta, thằng bé mang tên người ông lỗi lạc, chồng của bà nội Yaixa. Ngay cả trước đó, Kunta cũng đã thấy bố mẹ những đứa kia đối xử với bà nội Yaixa như thế nào, và nó đã mang máng cảm thấy bà là một phụ nữ quan trọng khác nào già Nyô Bôtô chắc chắn cũng là người như vậy.

Những trận mưa lớn tiếp tục đổ xuống từng đêm cho đến khi Kunta cùng những đứa trẻ khác bắt đầu thấy những người lớn lội qua làng, bùn ngập đến mắt cá chân, có khi đến gần đầu gối và thậm chí phải dùng xuồng để đi lại. Kunta nghe thấy Binta bảo Ômôrô là các ruộng lúa bị nước sông lên cao làm ngập. Vừa đói vừa rét, những ông bố của đám trẻ hầu như ngày nào cũng đem dê, bò quý tế Chúa Ala, lợp vá víu những mái dột, chống lại những lều bị xụt – và cầu cho số dự trữ lúa và kê đang vơi dần có thể đậu đến vụ gặt.

Nhưng Kunta và những đứa khác, vốn còn là con nít không chú ý đến những cơn đói cồn cào trong bụng mà chỉ mải chơi đùa trong bùn, vật nhau và trượt trên cái đít trần của chúng. Tuy nhiên, trong nỗi mong ngóng được thấy lại mặt trời, chúng thường huơ tay lên phía bầu trời xám xịt màu chì và gào lên – như chúng vẫn thấy bố mẹ làm thế – "Mặt trời ơi, hãy chiếu sáng, tôi sẽ xin tạ người một con dê!".

Đợt mưa mang lại nguồn sống đã làm cho mọi thứ gì mọc được lớn được, đều trở nên tươi mát và sum suê. Chim hót khắp mọi nơi. Cây cối nở rộ hoa thơm lừng. Mỗi buổi sáng, lớp bùn nâu đo đỏ dính bết dưới chân, lại được phủ một tấm thảm mới bằng những cánh hoa rực rỡ màu sắc và những lá xanh do trận mưa đêm trước làm rụng xuống. Nhưng giữa tất cả sự tốt tươi đó của thiên nhiên, bệnh tật vẫn cứ lan tràn đều trong dân làng Jufurê, vì trong số những cây trồng đang lớn lên mây mẩy, vẫn chưa có loại nào đủ chín để ăn được. Người lớn cũng như trẻ con

thường giương con mắt đói nhìn hàng ngàn trái xoài và bao báp mầm mẫm trĩu nặng trên cành, những quả xanh rắn như đá, ai cắn vào đều nôn nao khó chịu và mửa liền.

“Chỉ còn da bọc xương”, mỗi lần thấy Kunta, bà nội Yaixa đều tặc lưỡi rất to mà kêu lên như thế. Nhưng thực ra bà nội của Kunta cũng gầy rộc chẳng khác nó mấy; bởi vì kho của mọi nhà ở Jufurê giờ đây đều rỗng tuếch. Còn lại chút ít gia súc, dê, gà trong làng, chưa ăn đến hoặc chưa đem tế, thì phải giữ cho chúng sống, nuôi chúng, để sang năm có một lứa con mới. Thành thử dân làng bắt đầu ăn đến các loài gặm nhấm, rễ và lá cây, bòn mót được trong làng và xung quanh làng trong những cuộc lùng sục kéo dài từ rạng đông cho đến khi lặn mặt trời.

Cánh đàn ông có vào rừng săn thú như vẫn thường làm vào những thời gian khác trong năm, cũng không đủ sức lôi chúng về làng. Tục lệ kiêng kỵ của bộ tộc cấm người Manđinka không được ăn thịt khỉ lớn khỉ con đầy rẫy trong rừng, họ cũng không được đụng đến đám trứng gà để la liệt hoặc hàng triệu cóc nhái mà người Mandinka coi là độc. Và, vốn là những người Hồi giáo sùng đạo, họ thà chết chứ không ăn thịt những con lợn rừng thường hay kéo từng bầy xộc thẳng qua làng dũi đất tìm bới.

Hàng đời nay, những gia đình sếu vẫn làm tổ ở những cành cao nhất của cây gạo trong làng, và khi trứng nở, sếu lớn bay qua bay lại như con thoi, mang cá bắt được ở ven sông về nuôi con. Rình đúng lúc, các bà già và trẻ con thường đổ xô đến dưới vòm cây, la hú, ném những gậy nhỏ và đá lên tổ sếu. Và thường thường, trong cơn ồn ào và loạn xị ấy, một con sếu non há hốc miệng để rơi cá, rồi con cá lọt khỏi tổ, qua đám lá dày của cây cao, rớt xuống đất. Bọn trẻ liền tranh nhau cướp lấy miếng bở ấy, và gia đình một đứa nào đó sẽ được một bữa tiệc tối. Nếu một hòn đá nào do bọn trẻ ném lên, tình cờ lại trúng vào một con sếu non vụng về, lông chơm chởm, có khi nó ngã nhào luôn cùng với con cá từ trên tổ cao chót vót, rập mình xuống đất chết hoặc bị thương, thế là đêm ấy, một vài gia đình có cháo sếu ăn. Nhưng những bữa như vậy thật hiếm hoi.

Chiều tối, mỗi gia đình thường tụ tập ở lều, mỗi người mang về bất cứ cái gì đã kiếm được – có khi là cả một con chuột chũi hay một nắm ấu trùng to, nếu họ may mắn – để nấu nồi cháo đêm, rắc thật nhiều hạt tiêu và ớt cho nổi vị. Nhưng thức ăn đó chỉ làm đầy bụng chứ không bổ béo gì. Và cứ như thế, dân làng Jufurê bắt đầu chết dần chết mòn.

Chương 5

Giờ đây, càng ngày càng hay thấy tiếng phụ nữ the thé gào lên vang vọng khắp làng. Những kẻ may mắn là đám trẻ sơ sinh và mới chập chững, còn quá nhỏ chưa hiểu gì, vì ngay cả Kunta cũng đã đủ lớn để biết rằng tiếng gào đó có nghĩa là một người thân yêu vừa chết. Thường thường, khi chiều đến, một người nông dân ốm nào đó đang cắt cỏ ngoài đồng, được khiêng về làng nằm cứng đơ trên một tấm da bò.

Và bệnh tật bắt đầu làm phù chân một số người lớn tuổi. Lại có những người khác lên cơn sốt, mồ hôi toát ra đầm đìa và rét run bần bật. Cả lũ trẻ, chân hoặc tay phồng lên từng đám nhỏ nhanh chóng lan rộng ra và mỗi lúc một đau hơn, rồi những chỗ phồng nứt toác, rỉ ra một thứ nước hồng hồng chẳng mấy chốc thành nước vàng đặc sệt, hôi thối, thu hút đàn ruồi vo ve bu đến.

Vết đau hở toác to tướng ở chân Kunta, một hôm, làm nó vấp rúi trong khi đang cố chạy nhổng. Ngã đau, nó được các bạn vực dậy, điếng người và chảy máu trán, kêu rống lên. Vì Binta và Ômôrô đi làm đồng, bọn trẻ hối hả mang nó đến lều bà nội Yaixa, đã nhiều ngày nay, không thấy bà xuất hiện ở lều trẻ.

Nom bà rất yếu, bộ mặt đen gầy ruộc và rã rượi, mình đẫm mồ hôi dưới tấm da bò trên chiếc chiếu tre. Nhưng khi trông thấy Kunta, bà bèn vùng dậy lau cái trán rỉ máu của nó. Ôm chặt lấy cháu, bà sai những đứa trẻ khác chạy đi kiếm cho bà mấy con kiến còng kơlêlalu. Khi chúng trở lại, bà nội Yaixa bóp chặt hai mép da bị toạc lại với nhau, rồi lần lượt ấn từng con kiến dũi đang giãy giụa vào vết thương. Trong khi mỗi con kiến tức tối cắm đôi càng vào lớp thịt hai bên vết toác, bà khéo léo dí bẹp thân nó, để cái đầu ở nguyên chỗ, cho đến khi vết thương được khâu liền lại.

Cho những đứa trẻ kia lui, bà bảo Kunta nằm xuống nghỉ bên cạnh bà trên giường. Nó nằm mà nghe bà nặng nhọc thở trong khi bà nín lặng một lát. Rồi bà nội Yaixa khoát tay về phía một chồng sách trên giá cạnh giường. Cất giọng chậm rãi và dịu dàng, bà kể cho Kunta nghe thêm về ông nội, theo lời bà, là chủ nhân của những cuốn sách kia.

Tại đất nước quê hương Moritanya, khi Kairaba Kunta Kintê đến tuổi ba mươi vụ mưa[1], thầy dạy ông, một giáo trưởng, ban phước cho ông, phong thành một thánh nhân, bà nội Yaixa nói vậy. Ông nội Kunta đã kế tục một truyền thống gia đình các bậc thánh nhân trở ngược về trước hàng mấy trăm vụ mưa trên vùng đất Mali cổ xưa. Hồi còn là một thanh niên thuộc lứa kafô thứ tư[2], ông đã xin vị giáo trưởng già nhận là môn đồ và trong suốt mười lăm vụ mưa sau đó đã viễn du cùng bầu đoàn của thầy gồm thê thiếp, nô lệ, môn đồ và trâu bò, dê trong cuộc hành hương từ làng này qua làng khác phụng sự Chúa Ala cùng thần dân của người. Trên những nẻo đường mòn lầm bụi và những vũng khe lầy lội, dưới nắng thiêu và mưa lạnh, qua những con thung xanh và những vùng đất hoang lộng gió – bà nội Yaixa kể – họ hì hụi từ Moritanya đi về phương Nam.

Được phong là thánh nhân, Kairaba Kunta Kintê liền một mình lang thang nhiều tuần trăng qua các nơi thuộc đất nước Mali cổ xưa như Kêyla, ĐJila, Kangaba và Timbúctu, kính cẩn phủ phục trước các vị thành nhân già rất vĩ đại, cầu xin các vị ban phúc cho mình thành công, điều mà tất cả các vị đều sẵn lòng ưng thuận. Thế rồi Chúa Ala đã đưa bước chân bậc thánh nhân trẻ tuổi theo hướng Nam, cuối cùng tới Găмbia, nơi ông dừng chân đầu tiên ở làng Pakali N' Đing.

Trong một thời gian ngắn, thấy kết quả mau chóng của những lời ông cầu nguyện, dân làng liền hiểu ra rằng vị thánh nhân trẻ tuổi này dã được ân sủng đặc biệt của Chúa Ala. Trống con, trống cái mách lẻo loan tin đi xa và chẳng bao lâu, các làng khác tìm cách lôi kéo ông đi khỏi bằng cách phái sứ giả đến dâng gái tân làm vợ và nào là nô lệ, nào là trâu bò, nào là dê. Và ít lâu sau, ông đi thật, lần này tới làng Jiffarong, nhưng đó chỉ là do Chúa Ala gọi ông đến đó, vì làng Jiffarong chẳng có gì nhiều nhặn làm lễ vật ngoài lòng biết ơn đối với những lời cầu nguyện của ông. Chính tại đây, ông đã nghe nói đến làng Jufurê, nơi mà dân đang đau ốm và ngoắc ngoải vì thiếu một trận mưa lớn. Và thế là cuối cùng, ông tới Jufurê – bà nội Yaixa kể – tại đó, năm ngày liền không ngừng, ông đã nguyện cầu cho đến khi Chúa Ala trút xuống trận mưa lớn cứu thoát cả làng.

Được biết việc làm vĩ đại của ông nội Kunta, đích thân vua xứ Barra, hồi ấy cai quản vùng này của Găмbia, chọn một nữ đồng trinh tặng bậc thánh nhân trẻ tuổi làm vợ đầu, tên là Xireng. Kairaba Kunta Kintê lấy Xireng sinh ra được hai con trai đặt tên là Jannê và Xalum.

Lúc này, bà nội Yaixa đã ngồi dậy trên chiếc giường tre của mình. “Chính khi đó”, bà nói mắt long lanh, “ông đã trông thấy Yaixa này múa điệu xêôruba! Hồi ấy, ta mới mười lăm vụ mưa”. Bà toét miệng cười, phô hai hằng lợi rụng hết răng. “Ông chẳng cần đến vua để chọn vợ thứ!”. Bà nhìn Kunta. “Chính từ bụng ta mà ông đã cho ra đời bố Ômôrô của cháu đó”.

Đêm hôm ấy, trở về lều của mẹ, Kunta nằm thao thức hồi lâu nghĩ về những điều bà nội Yaixa kể. Đã nhiều lần, Kunta được nghe về người ông nội thánh nhân đã cứu cả làng bằng lời cầu nguyện của mình và về sau đã được Chúa Ala gọi về trời. Nhưng đến bây giờ, Kunta mới thực sự hiểu rằng con người đó là cha của cha nó, rằng Ômôrô đã biết ông như nó biết Ômôrô, rằng bà nội Yaixa là mẹ Ômôrô cũng như Binta là mẹ nó. Một ngày kia, nó cũng sẽ gặp một người đàn bà như Binta để mang trong bụng một đứa con trai của chính nó. Và lại đến lượt đứa con trai đó…

Trở mình và nhắm mắt lại, Kunta thong thả dõi theo những ý nghĩ đó vào tận trong giấc ngủ.

Chú thích

[1] Nhân dân ở đấy tính tuổi theo vụ mưa; khu vực nắng cháy này của Châu Phi mỗi năm chỉ có một vụ mưa.
[2] Tức là từ 15 đến 20 tuổi.

Chương 6

Trong mấy ngày sau, ngay trước lúc mặt trời lặn, ở ruộng lúa trở về, Binta thường sai Kunta ra giếng làng múc một bầu nước ngọt để nấu một nồi cháo bằng bất kỳ mẩu đầu thừa đuôi thẹo nào mà chị nhặt nhạnh được. Rồi chị và Kunta mang một ít cháo đó qua làng đến cho bà nội Yaixa, Binta đi chậm chạp hơn lúc bình thường, theo cảm giác của Kunta, và nó nhận thấy bụng mẹ rất to và nặng nề.

Mặc dù bà nội Yaixa yếu ớt cất tiếng phản đối rằng mình sắp bình phục, Binta cứ quét trước căn lều và dọn dẹp đồ đạc cho ngăn nắp. Và hai mẹ con ra về sau khi dựng bà nội Yaixa ngồi dậy trên giường để ăn bát cháo với chút bánh mùa đói kém do Binta làm bằng cái thứ bột vàng vàng phủ trên những quả đen của cây bồ kếp dại.

Rồi một đêm, Kunta thức giấc, thấy mình đang bị bố lay lấy lay để. Binta đang thốt ra những tiếng rên rẩm khe khẽ trên giường và, cũng ở trong lều, bà già Nyô Bôtô và chị bạn Jankay Turay của Binta đang lăng xăng vội vã. Ômôrô hối hả đưa Kunta qua làng và chú bé, ngỡ ngàng không hiểu đó lá chuyện gì, chẳng mấy chốc đã chìm đắm trở lại trong giấc ngủ trên chiếc giường trong lều bố.

Sáng ra Ômôrô lại đánh thức Kunta dậy và bảo: “Con mới có một em trai đấy”. Ngái ngủ lồm cồm quỳ dậy và rụi mắt, Kunta nghĩ bụng rằng đây ắt là một cái gì đặc biệt lắm nên mới khiến người bố, bình thường vốn nghiêm nghị, thích thú đến thế. Đến chiều, Kunta đang đi với lũ bạn cùng lứa tuổi, tìm xem có cái gì ăn được, thì già Nyô Bôtô gọi lại và đưa nó đến thăm Binta. Vẻ người rất mệt nhọc, chị ngồi trên mép giường, dịu dàng vuốt ve đứa bé trong lòng. Kunta đứng một lúc ngắm thật kỹ cái vật nhỏ đen đủi, nhăn nheo ấy, rồi nó nhìn hai người đàn bà đang cười với vật đó và chợt nhận thấy cái chỗ phình to quen thuộc trên bụng Binta đột nhiên biến mất. Lặng lẽ trở ra ngoài không nói một câu, Kunta đứng yên một hồi lâu, thay vì quay lại với lũ bạn, nó đến ngồi một mình đằng sau lều bố, và ngẫm nghĩ về những điều đã trông thấy.

Kunta tiếp tục ngủ ở lều của Ômôrô trong bảy đêm sau – mà hình như không ai để ý hoặc quan tâm đến, vì họ còn lo cho đứa bé mới đẻ. Nó đã bắt đầu nghĩ rằng mẹ không cần nó nữa – hay cả bố cũng thế – cho đến khi vào chiều tối ngày thứ tám, Ômôrô gọi nó đến trước lều mẹ nó cùng với tất cả mọi người khác còn khỏe mạnh ở Jufurê để công bố cái tên chọn cho đứa bé sơ sinh là Lamin.

Đêm hôm ấy, Kunta ngủ yên và ngon lành – trở về giường của chính mình bên cạnh mẹ và em trai mới đẻ. Nhưng trong vòng mấy ngày, vừa mới lại sức, Binta liền bắt đầu ẵm lấy đứa bé sau khi nấu nướng và dọn thức gì đó cho Ômôrô và Kunta ăn sáng và gần như ở suốt ngày tại lều bà nội Yaixa. Qua vẻ lo lắng trên mặt của cả Binta lẫn Ômôrô, Kunta biết là bà nội Yaixa ốm rất nặng.

Một buổi chiều tà, vào mấy ngày sau, nó và các bạn cùng tuổi đi hái những trái xoài, rốt cuộc, cũng đã chín. Rập lượt vỏ màu vàng da cam vào tảng đá gần nhất, chúng cắn, bươi một đầu mấp ra để ép mạnh vào múp lớp thịt mềm ngọt bên trong. Chúng đang vơ hàng rổ táo khỉ và đào dại thì bỗng nhiên Kunta nghe thấy tiếng gào của một giọng quen thuộc vọng lại từ phía lều bà nội. Toàn thân nó run lên vì đó là giọng mẹ nó cất lên trong tiếng hò chết chóc nó đã từng nghe thấy bao lần trong những tuần gần đây. Nhiều phụ nữ lập tức hòa vào thành một tiếng tru tréo chẳng mấy chốc đã lan ra khắp làng. Kunta chạy quáng quàng như người mù về phía lều bà nội.

Giữa đám hỗn độn nhộn nhạo, Kunta trông thấy Ômôrô vẻ đầy đau đớn và già Nyô Bôtô đang khóc thảm thiết. Lát sau, trống tôbalô nổi lên và gã jaliba lớn tiếng kể những việc thiện trong cuộc đời dài của bà nội Yaixa ở làng Jufurê. Choáng người đến tê dại, Kunta cứ đứng thao láo mắt nhìn, trong khi những phụ nữ trẻ chưa chồng trong làng cầm những chiếc quạt rộng kết bằng cỏ quạt tung bụi từ đất lên, theo tục lệ mỗi khi có người chết. Xem chừng không ai để ý thấy Kunta cả.

Khi Binta và già Nyô Bôtô cùng hai phụ nữ la hờ khác bước vào trong lều, đám đông bên ngoài bèn quỳ xuống và cúi đầu. Kunta đột nhiên òa lên khóc, cả vì sợ lẫn vì buồn thương. Chẳng mấy chốc, những người đàn ông mang tới một cây gỗ lớn vừa mới xẻ xong và đặt xuống trước lều. Kunta dõi nhìn đám phụ nữ khiêng ra và đặt lên mặt bằng cây gỗ thi hài bà nội nó liệm kín từ cổ đến chân bằng một tấm vải bông trắng quấn vòng vèo.

Qua hàng nước mắt, Kunta thấy những người chịu tang đi bảy vòng quanh bà Yaixa, cầu khấn và tụng niệm, trong khi alimamô rền rỉ rằng bà đang viễn du về với Chúa Ala và tổ tiên mình trong cõi vĩnh hằng. Để bà có sức làm

cuộc viễn du đó, những chàng trai chưa vợ trìu mến đặt những chiếc sừng trâu bò đựng đầy tro mới xung quanh thi thể bà.
Sau khi phần lớn những người chịu tang diễu qua, bà Nyô Bôtô cùng nhiều bà già khác bèn chiếm lĩnh vị trí cạnh đấy, nép sát vào nhau, khóc lóc, hai bàn tay ôm chặt lấy đầu. Kế đó, đám phụ nữ trẻ mang tới những tàu lá xiboa lớn nhất có thể kiếm được để che đầu cho các bà già khỏi bị mưa trong đêm thức canh thi hài. Và khi các bà già ngồi đó, các cỗ trống trong làng lên tiếng kể lể về bà nội Yaixa mãi đến khuya.
Trong buổi sáng mờ sương, theo tục lệ của tổ tiên, chỉ có đàn ông trong làng Jufurê – những người còn đủ sức đi được – tham gia vào đám tang đi đến chỗ chôn cất, cách làng một quãng không xa (nếu không thể, ắt chẳng có ai đi), vì lòng kính sợ của người Manđinka đối với linh hồn ông bà ông vải. Đi đằng sau những người khiêng thi hài bà nội Yaixa trên cây gỗ, là Ômôrô bế đứa trẻ sơ sinh Lamin và dắt chú bé Kunta khiếp đảm đến nỗi không dám khóc. Và đằng sau họ, là các đàn ông khác trong làng. Cái thi thể cứng đờ liệm bằng vải trắng được hạ xuống huyệt mới đào và phủ một chiếc chiếu mây đan dày. Rồi đến những bụi gai để ngăn lũ linh cẩu khỏi đào bới và phần còn lại của huyệt được lèn chặt bằng đá với một gò đất mới.

Sau đó, trong nhiều ngày, Kunta biếng ăn biếng ngủ, cũng chẳng buồn đi đâu với các bạn cùng lứa tuổi. Nó buồn đến nỗi một tối, Ômôrô phải mang con đến lều mình và ở đó, bên cạnh giường, nói với con dịu dàng, êm ái hơn bao giờ hết, kể cho nó nghe đôi ba câu chuyện để làm nhẹ bớt nỗi buồn của nó.

Anh bảo rằng ở mỗi làng đều có ba nhóm người. Trước hết là loại ta trông thấy trước mắt – đang đi đi lại lại, ăn ngủ và làm việc. Thứ hai là tổ tiên, giờ đây bà nội Yaixa đã nhập vào nhóm đó.
“Còn loại người thứ ba là những ai?” Kunta hỏi.
“Loại người thứ ba”, Ômôrô nói, “là những kẻ đang chờ ra đời”.

Chương 7

Các trận mưa đã kết thúc, và giữa bầu trời xanh trong sáng và mặt đất ẩm ướt, không khí ngạt ngào mùi thơm của hoa và quả dại sum suê. Những buổi sáng sớm vang dội tiếng chày của phụ nữ giã kê, kiều mạch và lạc – không phải do thu hoạch vụ mùa chính mà là những hạt giống mọc sớm mà vụ gặt năm ngoái còn để sót lại trong lòng đất. Đàn ông đi săn mang về những con linh dương béo đẹp và sau khi chia thịt họ nạo và ướp da để phơi khô. Còn đàn bà thì bận bịu lượm những trái mangkanô chín đỏ mọng, rũ những nhành cây trên những tấm vải trải ở phía dưới và đem những trái đó phơi nắng trước khi đem giã để tách rời thứ bột futô ngon lành với hạt. Không một chút gì bị phí phạm. Đem ngâm và đun sôi với kê đã giã, những hạt này được nấu thành một thứ cháo ăn sáng ngọt lờ lợ mà Kunta và mọi người khác đều hoan nghênh, coi như một sự đổi món để thỉnh thoảng thay thế cái bữa sáng thường lệ bằng cháo mạch kê đặc.

Vì mỗi ngày đồ ăn thức uống một nhiều thêm, cuộc sống mới trào vào làng Jufurê một cách rõ ràng, trông thấy và nghe thấy được. Đàn ông bắt đầu đi lại nhanh nhẹn hơn, ra trại và ở trại trở về, hãnh diện kiểm tra mùa màng tươi tốt chẳng bao lâu sẽ có thể thu hoạch. Giờ đây, nước sông mùa lũ đang rút nhanh, cánh phụ nữ hàng ngày chèo xuồng đến khu đồng lầy nhổ nốt những đám cỏ cuối cùng mọc lẫn giữa những hàng lúa cao, xanh rờn.

Và làng xóm lại vang lên tiếng hò la, cười đùa của lũ trẻ trở lại nô nghịch sau mùa đói kém dài đằng đẵng. Những cái bụng giờ đây đầy thứ dinh dưỡng, những vết đau lở đã đóng vẩy và tróc đi, chúng đùa rỡn, nhào tới nhào lui như điên. Một hôm, chúng bắt được mấy con bọ hung, đem sắp thành hàng cho chạy thi và lấy que động viên con nào chạy nhanh nhất ra khỏi một vòng tròn vạch trong đống rác. Một hôm khác, Kunta và Xitafa Xila, thằng bạn đặc biệt của nó ở cạnh lều Binta, tiến công một gò đất, đào lên trục xuất lũ mối mù lòa, không có cánh, sống trong đó và ngắm nhìn chúng túa ra hàng nghìn con, cuống cuồng tháo chạy.

Đôi khi, bọn trẻ xua xục những con sóc nhỏ và rượt đuổi chúng vào tận rừng bụi rậm. Và bọn chúng không khoái gì hơn là vừa la thét vừa ném đá vào những bầy khỉ nhỏ lông nâu, đuôi dài, kéo nhau đi qua, có khi một vài con ném trở lại một hòn đá rồi mới quăng mình theo anh em chúng đang kêu chí chóe, lên những cành cây cao nhất. Ngày nào bọn trẻ con trai cũng đánh vật, túm lấy nhau, gầm gừ, giành từng miếng xoài ra rồi lại bật dậy bắt đầu keo khác, mỗi đứa đều mơ tới ngày trở thành một tay đô vật vô địch của làng Jufurê và được chọn đi dự những cuộc giao đấu kịch liệt với các kiện tướng các làng khác trong những dịp hội mùa.

Những người lớn đi ngang qua bất kỳ chỗ nào gần đám nhóc thường trịnh trọng làm ra vẻ không nhìn thấy hoặc nghe thấy gì, trong khi Xitafa, Kunta và những dứa cùng lứa tuổi gầm thét như sư tử, như voi và hầm hè như lợn rừng, hoặc trong khi bọn con gái – chơi nấu nướng, chăm chút những con búp bê và giã mạch kê – đóng vai những người mẹ, người vợ. Nhưng dù đang chơi hăng đến đâu, bọn trẻ cũng không khi nào thiếu tôn kính đối với mọi người lớn, sự tôn kính mà mẹ chúng đã dạy là bao giờ cũng phải bày tỏ với các bậc cha anh. Lễ phép nhìn thẳng vào mắt những người lớn, lũ trẻ hỏi: Kêrabê? (ông, hoặc bà, chú, bác, cô dì v.v… có được bằng an không ạ) và người lớn bèn đáp: Kêra dorong (vừa đủ, bằng an). Và nếu một người lớn chìa tay ra, lần lượt mỗi đứa trẻ phải đưa cả hai tay xiết chặt lấy, rồi đứng chắp lòng bàn tay lên ngực cho đến khi người lớn đó đi qua.

Việc dạy dỗ Kunta trong gia đình chặt chẽ đến nỗi nó cảm giác là nhất cử nhất động của nó đều khiến Binta bực dọc bật ngót tay tanh tách – nếu không phải là thực sự túm cổ và quất cho một chầu nên thân. Đang ăn mà Binta bắt được cu cậu để mắt vào cái gì khác ngoài thức ăn của mình là y rằng nó xơi liền một cái củng vào đầu. Và nếu sau một ngày chơi đùa miết, trở về lều mà không rửa sạch từng vết lấm bẩn trên mình, là Binta liền vớ lấy búi cây khô lởm chởm dùng thay đá kỳ và bánh xà phòng nhà làm lấy, cọ cho Kunta khiến nó tưởng như sắp bị lột da.

Hễ có giương mắt nhìn chòng chọc vào mẹ, hay bố, hay bất kỳ người đứng tuổi nào khác là ăn một cái tát ngay tắp lự, ý như nó phạm cái tội không kém nghiêm trọng là ngắt quãng câu chuyện của bất cứ người lớn nào. Và đối với nó, nói bất cứ điều gì ngoài sự thật là chuyện không thể tưởng tượng được. Vì xem ra nó chẳng bao giờ có lý do gì để nói dối, nên nó không khi nào làm thế.

Mặc dù Binta dường như không cho là thế, Kunta vẫn cố hết sức là một chú bé ngoan và sớm bắt đầu thực hành những bài học giáo dục gia đình với những đứa trẻ khác. Khi trong bọn chúng, có chuyện bất hòa, như vẫn thường xảy ra luôn – đôi khi phát triển đến mức nặng lời nhiếc móc nhau và bật ngón tay tanh tách vào mặt nhau – Kunta bao giờ cũng quay lưng và đi khỏi, tỏ rõ cái tư cách và sự tự chủ mà mẹ nó đã dạy là những đặc điểm đáng tự hào nhất của bộ lạc Manđinka.

Nhưng hầu như đêm nào Kunta cũng bị phát vào đít vì giở một trò gì xấu với đứa em trai nhỏ – thường thường là nạt em bằng cách gầm gừ dữ tợn hoặc bò bốn chân như con khỉ đầu chó, mắt long xòng xọc và giậm giậm nắm tay xuống đất như hai chân trước đầy móng vuốt của thú rừng. "Tao thì đưa bọn tubôp đến bây giờ!" Binta thường rít lên như vậy với Kunta những khi nó khiến chị mất hết kiên nhẫn nổi xung lên, làm Kunta sợ hết vía, vì các bà già thường hay nói đến những tên da trắng lông lá xồm xoàm, mặt đỏ bự, bộ dạng kỳ lạ, có những chiếc xuồng lớn vẫn lén đến bắt người mang đi khỏi nhà.

Chương 8

Mỗi ngày, vào lúc mặt trời lặn, tuy Kunta và tụi bạn vừa mệt vừa đói vì đùa nghịch, chúng vẫn thi nhau trèo lên những cây nhỏ và chỉ vào quả cầu đỏ thắm đang chìm dần. "Ngày mai, ông mặt trời sẽ còn đẹp hơn nữa cơ!" chúng thường kêu lớn như vậy. Và cả đến những người lớn tuổi ở làng Jufurê cũng ăn bữa chiều cho thật nhanh để ra tụ tập ở ngoài trời trong hoàng hôn thẫm sâu dần, mà reo hò, mà vỗ tay, mà nện trống đón vầng trăng bán nguyệt, tượng trưng cho Chúa Ala, nhô lên vòm trời.

Nhưng khi có mây che liềm trăng thượng tuần như đêm nay, thì mọi người tản ra, hoảng hốt, và đàn ông vào đền cầu nguyện xin tha tội, vì một vầng trăng đầu tháng bị mây phủ có nghĩa là các vị thần phật trên trời có điều không bằng lòng dân làng Jufurê. Sau khi cầu nguyện, cánh đàn ông dẫn những gia đình khiếp đảm của mình đến cây bao-báp, tại đó, trong đêm ấy, Jaliba đã ngồi xổm bên một đống lửa nhỏ, hơ cho căng đến tột cùng mặt trống da dê của mình.

Rụi đôi mắt cay xè vì khói của đống lửa, Kunta nhớ lại những lần mà tiếng trống đàm thoại ban đêm từ nhiều làng khác nhau đến quấy rối giấc ngủ của nó. Tỉnh giấc nó thường nằm nguyên, lắng nghe thật kỹ, những âm thanh và tiết tấu của trống sao mà giống âm thanh và tiết tấu ngôn từ, đến nỗi cuối cùng, nó hiểu ra một số lời, kể về một nạn đói, hay một dịch bệnh, hay việc cướp bóc, đốt phá một làng nào đó, giết dân hoặc bắt người mang đi.

Treo trên một cành cây bao-báp, bên cạnh Jaliba, là một tấm da dê có ghi những dấu hiệu biết nói, nghĩa là do thầy giáo viết lên đó bằng chữ Arập. Trong ánh lửa chập chờn, Kunta ngắm nhìn Jaliba bắt đầu nện rất nhanh và sắc gọn những khuỷu xù xì của bộ dùi gấp khúc lên nhiều chỗ khác nhau của mặt trống. Đó là một thông điệp khẩn cấp mời pháp sư ở gần nhất đến làng Jufurê để đuổi tà ma đi.

Không dám ngước lên nhìn trăng, dân làng vội vã về nhà và sợ hãi vào giường nằm. Nhưng, từng quãng một trong đêm, tiếng thoại của những chiếc trống ở xa các làng khác cũng lặp lại lời của Jufurê kêu gọi pháp sư. Run rẩy dưới tấm chăn da bò, Kunta đoán là trăng non ở chỗ họ cũng bị mây phủ.

Ngày hôm sau, những người thuộc lứa tuổi Ômôrô có nhiệm vụ giúp trai làng canh giữ những cánh đồng sắp chín chống lại sự quấy nhiễu của lũ khỉ đầu chó và chim đang vào kỳ đói. Bọn con trai ở lứa kafô thứ hai[1] được dặn dò là phải đặc biệt cảnh giác khi chăn dê, còn các bà, các mẹ thì quanh quẩn chăm nom bày trẻ sơ sinh và chập chững sát sao hơn lúc bình thường. Những đứa lớn nhất trong lứa kafô đầu tiên, vào tầm Kunta và Xitafa được căn dặn là phải chơi bên ngoài làng, quá hàng rào cao một quãng ngắn, ở đó chúng có thể quan sát kỹ xem có người lạ mặt nào lại gần cây lữ khách cách đấy không xa. Chúng nó làm theo như vậy, nhưng hôm ấy không thấy ai tới cả.

Đến sáng hôm thứ hai, người đó mới tới – một ông cụ rất già chống một cây gậy gỗ và đội một bọc lớn trên cái đầu hói. Phát hiện thấy ông lão, bọn trẻ nhào trở về qua cổng làng, vừa chạy vừa la. Già Nyô Bôtô chồm dậy, tập tễnh bước và bắt đầu nện vào chiếc trống lớn tôbalô gọi cánh đàn ông từ đồng ruộng hối hả bổ về làng một lát trước khi pháp sư tới cổng và bước vào làng Jufurê.

Trong khi dân làng tập hợp quanh ông pháp sư bước tới cây bao báp và thận trọng đặt cái bọc xuống đất. Bất thình lình ngồi xệp xuống, ông lắc lắc một cái túi da dê rúm ró, đổ ra một đống những vật khô đét, một con rắn nhỏ, một cái xương hàm linh cẩu, những chiếc răng khỉ, một cái xương cánh bồ nông, những rễ cây kỳ dị. Đưa mắt nhìn quanh, ông sốt ruột ra hiệu cho đám đông im thin thít dãn ra cho ông rộng chỗ hơn: và dân làng lùi lại trong khi ông bắt đầu run rẩy toàn thân – rõ ràng là đang bị tà ma làng Jufurê tấn công.

Người ông thầy mo quằn quại, mặt mày rúm ró, mắt đảo lên đảo xuống dữ dội, trong khi hai bàn tay run rẩy gắng hết sức bắt cây roi bướng bỉnh chạm vào đống đồ vật huyền bí. Khi đầu roi, do một nỗ lực tột đỉnh, cuối cùng chạm tới được ông ngã ngật người ra đằng sau và nằm sóng sượt như bị sét đánh. Dân làng như nghẹn thở. Nhưng rồi ông bắt đầu từ từ hồi lại. Tà ma đã bị đuổi khỏi. Trong khi ông yếu ớt gắng gượng quỳ dậy, những người lớn trong làng Jufurê – mệt nhoài nhưng nhẹ hẳn người – chạy vội về lều và nhanh chóng trở lại với những quà cáp tới tấp tặng ông lão. Nhà pháp thuật bỏ thêm những thứ này vào chiếc bọc vốn đã to đùng và chất nặng những tặng phẩm của các làng trước, và phút chốc ông lại lên đường để đáp lại lời kêu gọi sắp tới. Chúa Ala, một lần nữa lại mở lượng từ bi xá cho làng Jufurê.

Chú thích:

[1] Tức là từ 5 đến 9 tuổi.

Chương 9

Mười hai tuần trăng đã qua và, cùng với những trận mưa lớn chấm dứt một lần nữa, mùa du lịch của Găмbia bắt đầu. Dọc theo mạng lưới đường bộ hành giữa các làng, khá nhiều lữ khách đi qua hay tạm dừng chân tại Jufurê, đủ để cho Kunta và các bạn chơi của nó hầu như ngày nào cũng phải canh phòng. Hễ có một người lạ mặt xuất hiện, sau khi đưa báo động cho làng biết, chúng lại vội vàng trở ra gặp vị khách khi người đó đến gần cây lữ khách. Mạnh dạn kéo nhau lũ lượt theo bên cạnh người đó, chúng xí xộ hỏi han trong khi đưa cặp mắt sắc sảo truy tìm mọi dấu hiệu về công cán hoặc nghề nghiệp của khách. Nếu tìm ra dấu hiệu nào, chúng bèn đột ngột bỏ vị khách và chạy trước về kể cho những người lớn ở căn lều hôm đó được chọn để tiếp khách. Theo truyền thống cổ xưa, hàng ngày mỗi làng chọn một gia đình khách để biếu không đồ ăn thức uống và lo chỗ tạm trú cho các khách tới địa phương mình, chừng nào họ muốn lưu lại trước khi tiếp tục cuộc hành trình.

Được giao trách nhiệm làm đội canh gác làng, Kunta, Xitafa và những đứa bạn cùng lứa kafô, bắt đầu tự cảm thấy và hành động lớn hơn tuổi của chúng. Giờ đây, mỗi sáng sau khi điểm tâm, chúng tập họp bên sân trường của arafang và lặng lẽ quỳ xuống nghe thầy dạy đám con trai lớn hơn - những đứa thuộc lứa kafô thứ hai, vừa qua tuổi Kunta, từ năm đến chín vụ mưa – bày cho chúng đọc những câu kinh Koran và tập viết với những cây bút bằng thân cỏ rỗng chấm vào thứ mực đen pha bằng nước cam đắng trộn với nhọ nồi.

Khi bọn học trò xong bài và chạy đi - vạt đuôi áo vải bông lật phật đằng sau - để lùa bày dê của làng ra những cánh đồng cỏ rậm chăn chúng ở đó trong ngày. Kunta và các bạn nó cố làm ra vẻ dửng dưng, nhưng thực ra chúng thèm những chiếc sơmi dài cuả bọn con trai lớn hơn chúng cũng như những công việc quan trọng của bọn này. Tuy không nói ra, nhưng chẳng phải chỉ một mình Kunta tự cảm thấy đã lớn, không thể để bị đối xử như một đứa con nít và thả rông trần truồng nữa. Bọn nó tránh những đứa còn đang bú mẹ như Lamin như tránh bệnh và coi những đứa mới chập chững là không đáng để ý, trừ phi là để phát cho chúng một cái nên thân khi người lớn không ngó tới. Trốn tránh cả sự chăm sóc ân cần của các bà già đã trông nom chúng bao lâu nay, từ những buổi còn lưu lại được trong trí nhớ chúng. Kunta, Xitafa và những đứa trẻ khác nữa, giờ đây, bắt đầu lảng vảng quanh những người lớn vào tuổi cha mẹ chúng, với hy vọng được họ thấy quẩn chân và có thể sai chúng chạy việc vặt gì đó.

Chính vào lúc trước khi mùa gặt tới, một đêm sau bữa ăn tối, Ômôrô rất thản nhiên bảo Kunta hôm sau dậy sớm để giúp vào việc canh giữ mùa màng. Kunta phấn khởi đến nỗi hầu như không ngủ được. Sáng ra, sau khi nuốt vội bữa điểm tâm, nó vui sướng tưởng đến vỡ tim khi Ômôrô đưa cho nó vác cái cuốc, lúc hai bố con xuất phát ra đồng. Kunta và các bạn lao lên lao xuống dọc những luống hoa màu đã chín, hò hét và vung gậy đuổi đám lợn rừng và khỉ đầu chó từ rừng mò tới hầm hè định tróc rễ hoặc moi bới lạc. Bằng những cục đất và những tiếng la thét, chúng đánh lui từng đàn chim hét vừa kêu rít vừa xà thấp trên ruộng mạch kê vì các bà già thường kể rằng chim đói phá các ruộng chín cũng nhanh không kém gì dã thú. Thu vén nhặt nhạnh những nắm mạch kê và lạc mà cha chú đã hái hoặc bới lên xem thử đã chín thật chưa và mang những bầu nước lạnh tới cho người lớn uống, bọn chúng làm việc suốt ngày nhanh thoăn thoắt, lòng đầy tự hào.

Sáu ngày sau, Chúa Ala phán truyền là bắt đầu mùa gặt. Sau khi cầu kinh xuba lúc rạng đông, các nông dân cùng con trai họ - một số chọn mấy đứa mang theo những trống tamtăng và xaraba nhỏ - ra đồng và chờ đợi, nghênh đầu dỏng tai nghe. Cuối cùng, trống cái lớn tôbalô của làng rộn lên và đám nông dân lao vào công việc gặt hái. Trong khi jaliba và những tay trống khác bước vào giữa đám họ đánh theo một nhịp khớp với các động tác của họ, mọi người bắt đầu cất tiếng hát. Trong niềm hân hoan, thỉnh thoảng một nông dân tung cuốc lên xoáy tròn theo một tiếng trống rồi lại bắt lấy nó vào phách trống tiếp theo.

Lứa tuổi của Kunta cũng làm mướt mồ hôi cùng với cha chú, rũ những búi lạc cho sạch đất. Khoảng giữa buổi sáng, là đợt nghỉ đầu tiên - rồi đến trưa, những tiếng reo vui nhẹ nhõm thốt lên khi toán đàn bà, con gái mang bữa trưa tới. Đi thành một hàng dọc, cũng hát những bài ca mùa gặt, họ nhấc những chiếc nồi từ trên đầu xuống lấy muôi múc vào những trái bầu rỗng, dọn ra mời các tay trống và thợ gặt, đám này ăn xong rồi ngủ trưa cho đến khi trống tôbalô lại vang lên lần nữa.

Đến cuối ngày đầu tiên ấy, từng đống hoa màu đã thu hoạch, rải rác điểm khắp cánh đồng. Mồ hôi và bùn đất nhễ nhại, đám nông dân mệt mỏi đi tới dòng suối gần nhất, cởi quần áo, nhảy tùm xuống nước, cười vang và vỗ bì bạch, tắm mát và rửa ráy sạch sẽ. Rồi họ hướng về nhà, vừa đi vừa đập những con ruồi vo ve quanh thân thể bóng loáng của họ. Càng tới gần làn khói bốc ra từ bếp của các bà các chị bay về phía họ, mùi thịt quay càng khêu gợi cồn cào, món này sẽ được dọn cho họ mỗi ngày ba lần trong suốt thời gian gặt cho đến khi nào kết thúc.

Đêm ấy, sau khi nhồi nhét đầy tễ, Kunta nhận thấy – như nó đã thấy thế mấy đêm rồi - mẹ nó đang khâu khâu vá vá cái gì. Mẹ chẳng nói gì về cái đó mà Kunta cũng chẳng hỏi, nhưng sáng hôm sau nó vác cuốc lên và bước ra khỏi cửa, mẹ bèn nhìn nó và làu bàu nói: " Sao con không mặc quần áo vào?"
Kunta quay phắt lại. Kìa, một cái áo dài mới toanh treo trên mắc. Cố giấu nỗi phấn khởi của mình, nó làm ra vẻ thản nhiên mặc áo vào và nhẩn nha bước ra khỏi cửa - đến đây, nó mới vùng chạy. Những đứa khác cùng lứa tuổi nó đã ra ngoài lều – tất cả bọn chúng, cũng như nó, lần đầu tiên trong đời được mặc quần áo, tất cả chúng đều nhảy cẫng lên, la hét và cười vang vì cuối cùng sự trần truồng của chúng đã được che đậy. Giờ đây chúng đã chính thức thuộc lứa kafô thứ hai. Chúng đang trở thành người lớn.

Chương 10

Cho tới lúc Kunta đủng đỉnh trở về căn lều của mẹ đêm hôm ấy, nó đã nắm chắc là mọi người trong làng Jufurê đều đã trông thấy nó mặc áo dài. Mặc dù làm việc không ngừng suốt ngày, nó vẫn chẳng thấy mệt tí nào và biết rằng mình sẽ không thể đi ngủ vào cái giờ thường lệ. Giờ đây nó đã là người lớn, có lẽ Binta sẽ để cho nó thức khuya hơn. Nhưng ít phút sau khi Lamin ngủ, cũng như mọi bữa, Binta liền bảo nó vào giường nằm – kèm theo lời nhắc là phải treo áo lên.

Khi nó quay lưng định đi, ra mặt hờn dỗi vừa đủ mức mà nó nghĩ không đến nỗi phải ăn đòn, thì Binta gọi lại – có lẽ để mắng về tội hờn dỗi, Kunta nghĩ vậy, hay có thể là vì thương hại nó mà thay đổi ý kiến chăng. "Bố muốn gặp con sáng mai đây." mẹ nó thản nhiên nói. Kunta biết rằng tốt hơn là đừng có hỏi tại sao, nên nó chỉ nói: "Thưa mẹ, vâng." Và chúc mẹ ngủ ngon. Cũng may mà nó không mệt, vì dù sao đi nữa, nó cũng không thể ngủ ngay được, nó nằm dưới tấm chăn da bò, tự hỏi mình đã làm điều gì bậy bạ, như vẫn thường xảy ra luôn. Nhưng vắt óc mãi, nó vẫn không nghĩ ra chuyện gì, nhất là một chuyện tệ hại đến nỗi Binta không tự tay trừng phạt mà phải đến bố nó, bởi lẽ một người bố chỉ nhúng vào khi có chuyện gì ghê gớm lắm. Cuối cùng nó thôi không thắc mắc nữa và ngủ thiếp đi.

Vào lúc điểm tâm sáng hôm sau, Kunta xìu đến nỗi hầu như quên cả niềm vui về chiếc áo dài, mãi cho đến khi thằng bé Lamin trần truồng tình cờ cọ mình vào nó. Kunta giật phắt tay lên định đẩy nó ra, nhưng thấy Binta quắc mắt nhìn, lại không dám. Ăn xong, Kunta quanh quẩn một lát, hy vọng Binta sẽ nói thêm điều gì, nhưng khi chị làm như thậm chí đã không bảo gì nó đêm qua, thằng bé đành hậm hực rời khỏi lều và lững thững bước một, đi tới lều Ômôrô, khoanh tay đứng trước cửa.

Khi Ômôrô chui ra và lẳng lặng đưa cho con trai một cái ná bắn đá nho nhỏ, mới tinh, Kunta gần như ngừng thở. Nó đứng nhìn xuống cái súng, rồi lại ngước lên nhìn bố, không biết nói gì. "Đây là của con, vì con đã thuộc lứa kafô thứ hai. Con phải đảm bảo chớ bắn quàng xiên và đã bắn cái gì là phải trúng".
Kunta chỉ nói: " Vâng, thưa bố" lưỡi vẫn líu lại không thốt ra được lời nào nữa.
"Thêm nữa, nay con đã bước sang kafô thứ hai," Ômôrô nói tiếp, "thế có nghĩa là con sẽ bắt đầu chăn dê và đi học. Hôm nay, con hãy đi lùa dê với Tumani Turay. Nó với bọn trai lớn sẽ dạy con. Hãy chú ý nghe bọn nó. Và sáng mai, con sẽ tới sân trường." Ômôrô trở vào lều và Kunta lao đi tới các chuồng dê, ở đó nó thấy thằng bạn Xitafa và số còn lại thuộc kafô nó, tất cả đều mặc áo dài mới và nắm chắc những chiếc ná mới - những đứa bố chết rồi thì chú, bác hoặc anh lớn làm cho.

Bọn con trai lớn mở cửa chuồng và bầy dê be be nhẩy ra, đói thèm bữa gặm cỏ trong ngày. Trông thấy Tumani, con trai đầu lòng của đôi vợ chồng bạn thân thiết của Ômôrô và Binta, Kunta tìm cách sán lại gần, nhưng Tumani cùng bọn bạn thảy đều lùa dê xô vào đám trẻ nhỏ đang chen nhau né ra. Nhưng chẳng mấy chốc, bọn lớn khanh khách cười cùng lũ chó uôlô (1)(loại chó lớn để chăn gia súc, như chó becgiê) đã xua đàn dê hối hả theo con đường lầm bụi, với lứa kafô hoang mang chạy theo sau, vừa nắm chặt những chiếc ná bắn đá vừa cố phủi những vết lấm trên áo.

Tuy đã quen thuộc với dê là thế, Kunta vẫn chưa hề biết chúng chạy nhanh đến mức nào. Trừ một số cuộc đi dạo với bố, nó chưa bao giờ ra khỏi làng xa như giờ đây đàn dê đang dẫn bọn nó tới một bãi chăn rộng đầy cỏ và bụi cây thấp, một mé là rừng và mé kia là cánh đồng của nông dân trong làng. Bọn lớn uể oải đứa nào đứa nấy thả đàn của mình ở những đám cỏ riêng rẽ, trong khi lũ chó uôlô đi quanh quanh hoặc nằm xuống gần bầy dê.

Cuối cùng, Tumani quyết định để mắt tới Kunta đang lẽo đẽo theo sau, nhưng nó làm như thằng bé là một giống sâu bọ nào đấy. "Mày có biết giá trị của một con dê thế nào không?" nó hỏi và Kunta chưa kịp thừa nhận rằng mình không biết chắc chắn lắm, nó đã nói: "Này nhé, mày mà để mất con nào bố mày sẽ cho mày biết!" Và Tumani bắt đầu lên lớp về những điểm phải đề phòng trong việc chăn dê. Trước hết là nếu thằng nào không chú ý hoặc lười nhác để một con dê nào lạc khỏi đàn, thì vô số điều khủng khiếp sẽ có thể xảy ra. Chỉ về phía rừng, Tumani bảo rằng chẳng hạn, ở ngay kia kìa có những con sư tử và báo thường hay lết bụng trườn qua đám cỏ cao, và chỉ nhảy một phát là có thể xé một con dê ra làm hai mảnh. Nhưng nếu có một thằng bé con ở khá gần", Tumani nói "thì đó là một món còn ngon hơn dê."

Hài lòng nhận thấy Kunta tròn xoe mắt, Tumani tiếp tục. Một điều thậm chí còn nguy hiểm hơn cả sư tử và báo là bọn tubốp cùng lũ tay sai da đen giúp việc thường bò qua đám cỏ cao để bắt người, đem đến một nơi thật xa để ăn

thịt. Trong năm vụ mưa nó làm công việc chăn dê – nó kể - đã có chín thằng ở Jufurê và nhiều thằng nữa ở các làng lân cận bị bắt đi. Kunta không biết đứa nào trong số con trai của làng Jufurê bị mất tích, nhưng nó nhớ là nó đã sợ hết vía khi nghe kể về bọn ấy, đến nỗi trong mấy ngày liền, nó không dám đi quá lều mẹ đến một tầm tay ném.

"Nhưng ngay cả ở bên trong cổng làng, mày cũng chả an toàn đâu." Tumani nói, như đọc được ý nghĩ của Kunta. Nó kể với Kunta; nó biết một gã ở Jufurê mất hết của cải vì một bày sư tử giết sạch đàn dê của y, thế rồi ít bữa sau cái đêm có hai đứa con trai thuộc lứa kafô thứ ba (10 đến 14 tuổi) mất tích ngay trong lều của chúng, người ta bắt được y mang tiền của bọn tubốp trong người. Y bảo là bắt được số tiền ấy trong rừng, nhưng ngay trước hôm đem ra xử ở Hội đồng Bô lão, y đã biến mất tăm. "Hồi ấy, chắc mày còn bé quá, chả nhớ được chuyện này." Tumani nói. "Nhưng những điều như vậy vẫn còn xảy ra. Cho nên, chớ có đi đâu khuất khỏi tầm mắt của những người mày tin cậy. Và khi mày ra đây chăn dê, đừng có bao giờ để chúng đi xa đến độ có thể phải xục vào rừng sâu tìm chúng, kẻo rồi gia đình mày có bữa chẳng gặp lại được mày đâu."

Trong khi Kunta đứng run lên vì sợ, Tumani nói thêm rằng ngay cả nếu nó không bị một con mèo lớn hoặc một tên tubốp bắt, nó vẫn có thể mắc chuyện lôi thôi nếu một con dê tách khỏi bầy, và một khi chú dê đào tẩu vào khu trại mạch kê và lạc của một người nào đó gần đấy, thì đừng hòng bắt lại được. Và một khi cả người lẫn chó đều đổ đi tìm, bầy đàn còn lại có thể chạy theo con dê lạc, mà dê đói thì thậm chí có thể phá hoại cánh đồng của một nông dân nhanh hơn là khỉ đầu chó, linh dương hoặc lợn rừng nữa kia.

Đến trưa, khi Tumani chia một suất ăn mẹ nó đã gói cho nó với Kunta, thì toàn thể bọn trẻ mới bước vào lứa kafô thứ hai đã nuôi trong lòng một niềm kính trọng lớn hơn đối với lũ dê từ xưa tới nay vẫn quanh quất ở bên chúng. Ăn xong, mấy đứa trong lứa kafô của Tumani nằm kềnh ra dưới bóng những cây nhỏ gần đấy và số còn lại đi loanh quanh bắn chim bằng những cây súng bật học trò chưa được thử thách của mình. Trong khi Kunta và các bạn cố canh giữ đàn dê, bọn lớn hét lác, lúc dặn dò, lúc mắng mỏ và ôm bụng cười khi thấy tụi nhỏ cuống cuồng la lối và xông tới bất cứ con dê nào ngóc đầu lên nhìn xung quanh. Lúc nào Kunta không rượt theo dê, thì lại đưa mắt nơm nớp nhìn về phía rừng, đề phòng trường hợp có con gì rình mò ở đó định ăn thịt nó.

Xế chiều, khi dê sắp no cỏ, Tumani gọi Kunta đến chỗ nó và nghiêm nghị nói: "Mày muốn tao phải kiếm củi thay cho mày đấy phỏng?" Đến lúc đó, Kunta mới nhớ ra là đã bao lần nó thấy bọn chăn dê chiều chiều trở về, mỗi đứa đều đội một bó củi để đóng góp vào đống lửa ban đêm của làng. Vừa phải để mắt đến đàn dê, vừa phải coi chừng phía rừng, Kunta và các bạn chỉ có thể chạy quanh tìm kiếm và bứt những bụi rậm, nhặt những nhánh cây nhỏ rơi xuống đất đã đủ nỏ để cháy tốt. Kunta chất số củi của mình thành một mớ mà nó cho là vừa sức, có thể đội lên đầu được, nhưng Tumani liền giễu và ném thêm vào mấy que nữa. Rồi Kunta lấy một sợi dây leo xanh, mảnh buộc mớ củi lại, trong bụng không chắc đã nhấc nổi nó lên đầu, chưa kể còn phải đi cả quãng đường từ đó về làng.

Dưới con mắt quan sát của bọn lớn, Kunta và các bạn nó cũng tìm được cách nâng những bó củi lên đầu và bước thấp bước cao theo chân lũ chó uôlô và đàn dê, những con vật này lại thuộc đường về nhà hơn là toán mục đồng mới. Giữa tiếng cười chế giễu của bọn lớn, Kunta và những đứa kia cứ níu chặt lấy bó củi trên đầu để giữ cho nó khỏi rơi. Chưa bao giờ Kunta thấy làng mình đẹp hơn lúc này, vì nó đã mệt thấu xương; nhưng chúng vừa mới bước vào bên trong cổng làng, bọn lớn đã làm rầm rĩ ỏm tỏi lên, nào quát tháo ra lệnh, nhắc nhở dè chừng, nào nhảy chồm chồm xung quanh, sao cho tất cả những người lớn ở trong trong tầm nhìn và tầm nghe đều biết rằng chúng đang hoàn thành nhiệm vụ và cái ngày huấn luyện những thằng nhóc vụng về này quả là một thực nghiệm hết sức vất vả đối với chúng. Dù sao bó củi của Kunta cũng an toàn đến được sân nhà arafang Brima Xêxay, mà sáng hôm sau, Kunta và lứa kafô mới của nó sẽ bắt đầu theo học.

Ngay sau khi ăn sáng, các chú mục đồng mới - mỗi đứa hãnh diện mang một tấm bảng gỗ, một cái bút lông chim và một đoạn tre đựng bồ hóng để hòa với nước làm mực - hồi hộp kéo nhau vào sân trường. Coi chúng thậm chí còn ngu xuẩn hơn những con dê của chúng, arafang ra lệnh cho bọn trẻ ngồi xuống. Vừa nói dứt lời, ông đã bắt đầu giáng cây thước gỗ vào bọn chúng, làm chúng nháo nhác vì biểu hiện đầu tiên của chúng để tuân thủ mệnh lệnh ông không nhanh chóng như ông muốn. Mặt cau có giận dữ, ông đe chúng thêm rằng chừng nào chúng còn học lớp ông, bất cứ đứa nào làm một tiếng động nhỏ, trừ trường hợp xin phép nói, sẽ ăn roi nữa – ông dữ tợn vung roi vào mặt bọn chúng – và sẽ bị đuổi về nhà với bố mẹ. Và hình phạt đó cũng sẽ áp dụng với bất cứ đứa nào đến lớp muộn, giờ học được ấn định vào sau bữa điểm tâm và cả ngay sau khi chúng lùa dê trở về.

"Các con không còn là trẻ nít nữa và bây giờ các con có những trách nhiệm rồi." arafang nói. "Hãy lo làm tròn những trách nhiệm ấy." Sau khi quy định những kỷ luật ấy, ông thông báo rằng giờ học chiều hôm ấy, chúng sẽ bắt đầu nghe ông đọc một số câu kinh Koran mà chúng phải nhớ và đọc thuộc lòng trước khi học sang những môn khác. Rồi ông cho chúng ra về, khi bọn học trò lớn hơn - những mục đồng cũ - bắt đầu tới. Tụi nầy ngó bộ còn sợ sệt hơn cả lứa kafô của Kunta nữa kia, bởi vì đó là ngày thi kiểm tra kết thúc của chúng về khoa mục đọc thuộc

lòng kinh Koran và viết chữ Arập, kết quả của đợt kiểm tra này sẽ có ảnh hưởng quyết định đến việc chúng được chính thức chuyển qua cương vị lứa kafô thứ ba.

Hôm ấy, lần đầu tiên trong đời, lứa kafô của Kunta hoàn toàn tự lực mở cửa chuồng dê và lùa chúng đi long tong theo một hàng xộc xệch theo con đường mòn dẫn ra khu vực thả gia súc. Trong một thời gian khá dài sắp tới, có lẽ bầy dê sẽ ít được ăn hơn mọi khi, vì Kunta và các bạn nó cứ mỗi lần thấy chúng đi mấy bước tới một đám cỏ mới, là lại đuổi và la hét. Nhưng chính Kunta còn cảm thấy bị truy dồn hơn cả đàn dê của nó nữa kia. Hễ nó cứ ngồi xuống để ngẫm nghĩ cho ra ý nghĩa của những chuyển biến này trong đời mình, là y như rằng lại có việc phải làm, lại phải chạy chỗ này chỗ nọ. Bận bịu đủ thứ, nào là chăn dê suốt ngày, nào là đến học arafang sau bữa ăn sáng và sau khi lùa dê về, nào là làm sao thu xếp tập bắn ná tí chút trước khi trời tối, xem ra nó không thể tìm đâu ra thì giờ để suy nghĩ thật sự nữa.

Chương 11

Việc thu hoạch lạc và mạch kê đã hoàn thành, tiếp theo là vụ gặt lúa của phụ nữ. Không người đàn ông nào giúp vợ mình; thậm chí bọn con trai như Xitafa và Kunta cũng không giúp mẹ chúng, vì làm lúa là công việc của riêng phụ nữ thôi. Bình minh vừa chớm tia sáng đầu tiên đã thấy Binta cùng Jankay Turay và các phụ nữ khác cúi gập mình trên cánh đồng lúa chín, cắt những thân lúa dài vàng óng để phơi khô mấy ngày trên lối đi, trước khi chất vào xuồng chở về làng, ở đó cánh phụ nữ cùng các con gái họ sẽ đánh đống gọn ghẽ trong kho chứa của mỗi gia đình Nhưng ngay cả khi gặt lúa xong, cánh phụ nữ vẫn không được nghỉ ngơi chút nào, vì bây giờ họ lại phải giúp cánh đàn ông thu nhặt số bông đã được để lại mãi cuối tận cuối vụ nhằm phơi thật lâu dưới ánh nắng ấm và, do đó, se thành chỉ tốt hơn cho đàn bà khâu và thêu thùa.

Vì ai nấy đều mong chờ bảy ngày hội mùa hàng năm của làng Jufurê, cánh phụ nữ giờ đây lại hối hả may quần áo mới cho gia đình. Nhiều tối, Kunta buộc phải trông thằng em nhỏ Lamin vòi quấy, trong khi Binta quay bông, tuy nhiên nó biết chớ có dại mà lộ vẻ bực mình ra mặt. Nhưng Kunta lại có dịp vui sướng khi được mẹ đưa đến người thợ dệt của làng, Đembô Đipha, nó say mê ngắm bà trong khi cái khung cửi thủ công khẳng khiu của bà dệt những thoi chỉ thành những tấm vải bông. Trở về nhà, Binta để cho Kunta rót nước rỏ giọt qua tro củi làm chất nước kiềm mạnh hòa lẫn với lá chàm giã nhỏ để nhuộm vải thành màu xanh thẫm. Tất cả phụ nữ ở Jufurê đều làm vậy và chẳng mấy chốc những tấm vải của họ được phơi ra trên những bụi cây thấp, điểm trang cho làng xóm những dải băng đầy màu sắc - đỏ, vàng, lục cũng như xanh da trời.

Trong khi đàn bà se sợi và khâu may, nam giới cũng làm việc cật lực để hoàn thành những nhiệm vụ được giao cho xong trước khi vào hội mùa – và trước khi mùa nóng tới khiến cho không thể làm được công việc nặng nhọc. Lũy tre làng được vá lại ở những chỗ đổ hoặc gẫy do bò, dê cọ lưng vào. Những căn lều trát bùn bị những trận mưa lớn làm hư hại nay được chữa lại, và mái mới đã thay thế mái cũ dột nát. Một số cặp trai gái sắp cưới cần có nhà mới và Kunta may mắn được cùng những đứa trẻ khác dầm đất nhào nước thành thứ bùn mịn, dầy mà cánh đàn ông dùng để đắp tường cho những căn lều mới.

Vì trong thùng nước múc ở giếng lên đã thấy vẩn bùn, một người trong toán đàn ông bèn tụt xuống xem và phát hiện ra là đám cá con nuôi trong giếng để ăn sâu bọ, đã chết trong làn nước âm u. Cho nên mọi người quyết định phải đào một giếng mới. Kunta quan sát những người đàn ông đứng xuống ngập tới vai trong cái hố mới và chuyền lên những cục đất sét trắng ngả sang màu lục to bằng quả trứng một. Những cục này lập tức được đem đến cho những phụ nữ có mang trong làng và được ăn ngấu nghiến. Thứ đất sét này, Binta bảo nó, làm cho đứa hài nhi cứng xương hơn.

Được để mặc, Kunta, Xitafa và lũ bạn dùng phần lớn quãng thời gian năm giờ của chúng vào việc chạy quanh khắp làng chơi trò đi săn bằng những cây ná mới. Bắn vào hầu hết mọi thứ - và may mắn thay, chẳng trúng cái gì cả - tụi trẻ làm náo động lên tới mức có thể làm khiếp vía cả một rừng súc vật. Cả đến bọn lít nhít vào lứa kafô của Lamin cũng chơi rông, hầu như được thả lỏng vì không có ai ở làng Jufurê bận bịu hơn các bà già, những ngày này, các bà phải làm đến tận khuya để đáp ứng yêu cầu của các cô gái chưa chồng trong làng về khoản độn tóc để mang vào dịp hội mùa. Các loại búi tóc nhỏ, đuôi sam và trọn bộ tóc giả tết bằng những sợi được gỡ rất cẩn thận từ những lá xigan đang mục hoặc từ vỏ cây bao-báp ngâm nước. Độn tóc bằng sợi xigan thô đỡ tốn hơn độn tóc bằng sợi bao-báp mềm, óng, loại này tết mất nhiều thời gian đến mức một bộ tóc giả trọn vẹn có thể đáng giá ngang với ba con dê. Nhưng các khách hàng bao giờ cũng to mồm cò kè dằng dai, vì biết rằng nếu liến láu miệng mà cả độ một giờ, các bà già sẽ bùi tai mà tính bớt cho.

Ngoài những bộ tóc giả mà bà làm rất đẹp, già Nyô Bôtô còn khiến cho tất cả phụ nữ trong làng đều thích vì bà lớn tiếng bất chấp cái truyền thống cổ hủ buộc đàn bà bao giờ cũng phải tỏ ra hết sức kính trọng đàn ông. Sáng nào bà cũng ngồi chễm chệ trước cửa lều, mình trần, khoan khoái hưởng ánh nắng mặt trời trên làn da thô cứng già nua của mình và bận bịu tết độn tóc – nhưng không bao giờ bận bịu đến mức để lọt một người đàn ông nào đi ngang qua. “Hà!” những lúc ấy bà thường kêu lớn “Nhìn xem kìa! Thế mà họ tự xưng là đàn ông! Chao, vào thời buổi của ta, đàn ông mới ra đàn ông chứ!” Và những gã đàn ông đi ngang - vốn chờ đợi cái điều bao giờ cũng xảy tới - chỉ còn thiếu nước ù té chạy để thoát khỏi miệng lưỡi bà, cho đến chiều, cuối cùng, già Nyô Bôtô ngủ thiếp đi, những độn tóc đang tết đặt trong lòng và những đứa bé mới chập chững biết đi, đặt dưới sự chăm sóc của bà, khanh khách cười khi thấy bà ngáy ầm ầm.

Bọn con gái thuộc lứa kafô thứ hai, trong thời gian đó, giúp mẹ và chị nhặt đầy những giỏ tre nào rễ cây làm thuốc đến độ chín, nào gia vị để nấu nướng, đem phơi dưới nắng. Khi các hạt hoa mầu được đem giã, bọn con gái gạt vỏ và trấu đi. Bọn chúng còn giúp gia đình giặt giũ, đập vào đá những quần áo bẩn đã được vò sùi bọt lên bằng thứ xà phòng ram ráp đỏ kệch mà mẹ chúng làm bằng nước kiềm và dầu dừa.
Khi công việc chủ yếu của cánh đàn ông đã xong xuôi - chỉ mấy ngày trước tuần trăng mới, thời điểm mở đầu hội mùa ở các làng trong toàn Găмbia – âm thanh của các nhạc cụ bắt đầu vang lên đây đó trong làng Jufurê. Trong khi các nhạc công của làng biểu diễn trên những cây đàn kora hai mươi bốn dây, những trống phách và balafông - một loại nhạc cụ du dương làm bằng vỏ bầu buộc dưới những phím gỗ dài, ngắn khác nhau, đánh bằng vồ - từng đám đông nho nhỏ tụ tập quanh họ, vỗ tay và nghe. Đang lúc họ chơi nhạc, Kunta và Xitafa cùng các bạn chăn dê trở về, cũng kéo đến quanh đó thổi sáo trúc, rung chuông và lúc lắc xủng xoảng những trái bầu khô…

Phần đông đám nam giới giờ đây xả hơi, chuyện gẫu và ngồi xổm quanh quẩn dưới bóng cây bao báp. Những người vào lứa tuổi Ômôrô và trẻ hơn kính cẩn tách ra khỏi Hội đồng Bô lão lúc này đang vạch những quyết định hàng năm trước hội mùa về những công việc của làng xóm. Thỉnh thoảng, hai ba gã trai trẻ lại đứng lên, vươn vai và sải bước quanh làng, những ngón tay út ngoắc hờ vào nhau theo phong thái yayo lâu đời của những người Phi.

Nhưng một số người thui thủi hàng giờ liền kiên nhẫn gọt đẽo những miếng gỗ có kích thước và hình thù khác nhau. Kunta và các bạn thậm chí thỉnh thoảng còn tạm gác trò bắn ná cốt để đứng xem các bác thợ chạm tạo nên những vẻ ghê sợ và huyền bí trên những chiếc mặt nạ sắp tới sẽ được dùng trong hội mùa. Nhiều người khác đẽo những hình người hoặc thú, tứ chi sát vào mình, bàn chân bẹt và đầu dựng đứng.

Binta và những phụ nữ khác, hằng ngày tranh thủ được ít phút xả hơi nào là đến quây quần quanh cái giếng mới của làng để uống hớp nước mát và chuyện gẫu giây lát. Nhưng giờ đây, hội đã đến sát nút mà họ vẫn còn ối việc phải làm, nào may cho xong quần áo, nào dọn dẹp lều cho sạch sẽ, nào ngâm tẩm lương khô, nào giết dê để quay. Và nhất là phụ nữ phải tự trang điểm cho thật lộng lẫy, thật đẹp để dự hội.

Theo Kunta, các cô gái tinh nghịch mà nó luôn luôn thấy trèo cây thoăn thoắt, giờ đây nom thật dở hơi dở hồn với cái kiểu õng ẹo làm ra vẻ thẹn thò, nhút nhát. Thậm chí họ không bước được cho ngay ngắn nữa. Và nó không thể hiểu tại sao cánh nam giới cứ ngoái lại để ngắm họ - cái bọn vụng về không làm sao giương cung bắn nổi một mũi tên, dù có cố gắng.

Nó nhận thấy miệng một số cô gái ấy sưng lên to bằng nắm đấm, phía bên trong môi thì lấy gai chích và lấy nhọ nồi sát đen nhánh. Cả Binta, cùng với mọi người phái nữ trong làng trên tuổi mười hai vụ mưa, đêm đêm cũng nấu sôi rồi để nguội một nồi nước lá funđanô vừa mới giã để ngâm chân – và cả hai lòng bàn tay trắng nhợt – cho đến lúc đen như mực tàu. Khi Kunta hỏi tại sao, mẹ nó bảo: cút đi. Nó bèn hỏi bố và bố bảo nó: “Người phụ nữ càng đen bao nhiêu càng đẹp bấy nhiêu.”
“Nhưng tại sao lại thế?” Kunta hỏi.
“Một ngày kia,” Ômôrô nói, “con sẽ hiểu.”

Chương 12

Kunta chồm dậy khi trống tôbalô vang lên vào lúc rạng đông. Rồi nó, Xitafa cùng các bạn chạy giữa đám người lớn đến cây bông gạo, nơi những tay trống của làng đã nện thì thùng, tay hoa lên loang loáng trên mặt da dê căng, vừa đánh vừa la hét, quát mắng những cái trống như thể chúng là những vật sống vậy. Đám đông dân làng mặc quần áo ngày hội đang từng người một tập hợp lại, chẳng mấy chốc đã bắt đầu hưởng ứng, từ từ nhún nhảy tay, chân, mình, rồi mỗi lúc một nhanh hơn cho đến khi hầu hết mọi người đều tham gia cuộc nhảy.

Kunta đã thấy những nghi lễ tương tự như thế vào nhiều vụ gieo trồng và gặt hái, vào dịp đàn ông xuất phát đi săn, vào những dịp cưới xin, sinh đẻ, ma chay, nhưng chưa bao giờ sự nhảy múa lại làm nó xúc động bằng lúc này – theo một cách nói không hiểu nổi mà cũng không bao giờ cưỡng lại được. Giữa đám người quay cuồng, nhảy nhót, uốn éo, một số lại đeo mặt nạ, Kunta hầu như không tin ở mắt mình khi nó trông thấy già Nyô Bôtô dẻo dai đột nhiên rít lên man dại, vung cả hai tay lên trước mặt, rồi loạng choạng chúi về đằng sau như khiếp sợ một vật ghê sợ gớm ghiếc vô hình nào đó. Rứt bỏ một gánh nặng tưởng tượng, bà vừa quật vừa đá vào không khí cho đến khi quỵ xuống.

Kunta quay hết bên nọ sang bên kia, trân trân ngó vào nhiều người nó quen biết trong đám khiêu vũ. Dưới một trong những cái mặt nạ gớm ghiếc, nó nhận ra alimamô đang văng mình oằn oại mãi như thể một con rắn quấn quanh một thân cây, Nó thấy một số người mà nó nghe nói là còn già hơn cả bà Nyô Bôtô cũng rời khỏi lều, chật chưỡng trên đôi chân ống sậy, lập cập đôi cánh tay nhăn nheo, hiêng hiếng cặp mắt kèm nhèm dưới ánh nắng, tới nhảy múa dăm ba bước loạng choạng. Rồi mắt Kunta trố ra khi bắt gặp bố mình. Hai đầu gối Ômôrô cất cao đảo đảo, chân giậm bụi mù lên. Với những tiếng kêu the thé, anh lùi lại đằng sau, các bắp thịt rung lên, rồi lao về phía trước, đấm thùm thụp vào ngực và nhảy chồm chồm, xoáy người trong không để rồi rơi bịch xuống với những tiếng ậm è nặng nhọc.

Tiếng trống nện đều đặn tựa nhịp tim đập dường như rộn lên thình thình không những ở tai Kunta mà cả ở trong tứ chi nó nữa. Hầu như một cách vô thức, tựa hồ trong cơn mơ, nó cảm thấy toàn thân bắt đầu run rẩy và đôi cánh tay đập đập, chẳng mấy chốc nó cũng nhảy chồm lên, hò hét cùng với những người khác mà nó thôi không buồn để ý tới nữa. Cuối cùng, nó vấp rúi và ngã xuống, kiệt lực.

Nó gượng dậy và rún đầu gối bước tới vạch biên – lòng cảm thấy một nỗi kỳ dị sâu sắc trước nay chưa từng biết tới. Bàng hoàng, sợ hãi và phấn khích, nó trông thấy không chỉ riêng Xitafa mà cả những đứa khác cùng lứa kafô đang nhảy múa ngoài đó giữa đám người lớn và Kunta lại nhảy. Từ đứa rất bé đến các cụ già lụ khụ, dân làng cứ nhảy múa hoài suốt cả ngày, những người nhảy và những tay trống có ngừng chăng cũng chẳng phải để ăn hoặc uống, mà chỉ để lấy hơi mà thôi. Nhưng đêm đó, khi Kunta gục xuống ngủ lịm, trống vẫn tiếp tục đổ hồi.

Ngày thứ hai của hội liên hoan mở đầu bằng một cuộc diễu hành của những nhân vật danh dự, ngay sau buổi trưa. Đi đầu đoàn diễu hành là arafang alimamô, các vị bô lão, các nhà đi săn, các đô vật và một số người khác mà Hội đồng Bô lão đã ghi tên vì những nghĩa cử quan trọng của họ từ hội mùa lần trước. Mọi người khác đi nối đuôi theo sau, ca hát và hoan hô trong khi các nhạc công dẫn họ thành một hàng ngoằn ngoèo rồng rắn ra quá ngoài làng. Và khi họ ngoặt vòng quanh cây lữ khách, Kunta và lứa kafô của nó lao lên, hình thành cuộc diễu hành riêng của bọn nó, rồi lũ lượt nhào tới nhào lui qua mặt đám người lớn đang đều bước, chúng vừa đi vừa cúi chào và mỉm cười, thoăn thoắt bước theo nhịp sáo, chuông và phách của chúng. Bọn trẻ diễu hành thay phiên nhau đóng vai trò danh dự, đến lượt Kunta, nó vênh vênh váo váo dạo quanh, đầu gối cất cao, thực sự cảm thấy mình rất quan trọng. Đi ngang qua đám người lớn, nó bất chợt thấy cả Ômôrô và Binta đều đưa mắt nhìn nó và biết hai người lấy làm hãnh diện vì con trai mình.

Bếp của tất cả phụ nữ trong làng đều bày ra hàng loạt thức ăn công khai mời bất cứ ai đi ngang muốn dừng lại một lúc và thưởng thức một món. Kunta và các bạn cùng lứa kafô chén đẫy tễ nhiều bát thịt hầm với gạo ngon tuyệt. Ngay cả thịt quay – dê và thú rừng – cũng ê hề, và bọn con gái có nhiệm vụ đặc biệt là giữ cho những giỏ tre luôn luôn đầy mọi thứ trái cây có thể kiếm được.

Khi không nhồi nhét dạ dày thì bọn con trai ùa ra cây lữ khách đón những người khách lạ phấn khởi kéo nhau vào làng. Một số ở lại qua đêm, nhưng phần lớn chỉ lưu lại mấy giờ, trước khi tiếp tục đến dự hội ở làng bên. Những khách từ Xênêgan dựng những quày sặc sỡ trưng bày các súc vải hoa. Nhiều người khác mang tới những bao tải nặng hạt dẻ kôla thượng hảo hạng miền Nigiêria, được định giá theo thứ bậc và cỡ to nhỏ của mỗi hạt. Cánh thương

nhân đi ngược sông trên những thuyền chất nặng muối thỏi để đổi lấy củ nâu, da thú, sáp ong và mật ong. Đích thân già Nyô Bôtô cũng bận bịu bán những túm rễ cỏ chanh rửa sạch và tỉa gọn mỗi túm một đồng tiền vỏ ốc, thứ rễ này đem cọ răng thường xuyên sẽ giữ cho hơi thở thơm dịu và mát miệng.

Những thương nhân tà giáo đi qua Jufurê vội vội vàng vàng, thậm chí không dừng lại vì những hàng hóa của họ: thuốc lá, rượu, bia, chỉ dành cho bọn vô đạo mà thôi, còn người Manđinka theo đạo Hồi không bao giờ uống rượu hoặc hút thuốc, một số khác họa hoằn lắm mới dừng lại vì đích của họ là những làng lớn hơn, đó là đông đảo thanh niên tự do lông bông từ những làng khác tới – cũng như một số trai trẻ đã rời bỏ làng Jufurê trong mùa gặt. Phát hiện thấy họ đi qua trên con đường ngoài làng, Kunta và các bạn thường chạy theo bên cạnh họ một lúc, cố gắng xem thử họ mang gì trong những thúng tre nhỏ đội trên đầu. Đó thường thường là quần áo và những món quà nhỏ cho những bạn mới mà họ hy vọng gặp trên bước đường lang thang nay đây mai đó, trước khi trở về làng vào mùa gieo trồng tới.

Mỗi sáng, làng ngủ và thức dậy theo tiếng trống. Và mỗi ngày lại có thêm những nhạc công lưu động khác nhau tới - những tay thành thạo về kinh Koran, về đàn balafôn và trống. Và nếu họ khá phởn chí vì những quà tặng dồn dập cùng với cảnh nhảy múa, những tiếng hoan hô và vỗ tay của đám đông, họ có thể dừng lại và biểu diễn một lúc trước khi tiếp tục đi đến làng bên.

Khi các vị graiốt (1) một nhân vật đặc biệt ở nhiều nước châu Phi. Những ông già này là những pho truyện bất tận, tích lũy qua cuộc đời rất dài của họ. Người Châu Phi thường nói khi một người graiốt chết, cũng coi như cháy cả một thư viện. Trong quá trình 12 năm thu nhập tài liệu, tác giả cuốn sách này đã dựa khá nhiều vào các graiốt.) tới, dân làng mau chóng im bặt ngồi xuống quanh cây bao báp nghe kể về các vị vua và tộc họ ngày xưa, về các chiến tướng, các trận đánh lớn và các huyền thoại của quá khứ. Hoặc giả một graiốt tôn giáo xướng lên những câu sấm và báo cho hay rằng cần cầu xin Chúa Ala toàn năng nguôi giận, rồi tỏ ý vui lòng đáp lại một món quà nhỏ bằng cách tiến hành những nghi lễ cần thiết và giờ đây đã trở thành quen thuộc đối với Kunta. Bằng một âm độ cao, vị graiốt ngâm nga những câu thơ bất tận về những huy hoàng đã qua của các vương quốc Gana, Xoonggai và Mali cổ xưa, và khi đọc xong một số người trong làng thường bỏ tiền nhờ ông tới lều riêng hát ngợi ca cha mẹ già của mình. Và dân làng thường vỗ tay hoan hô khi các cụ già bước ra cửa và đứng hấp háy mắt dưới ánh nắng rực rỡ, há rộng miệng cười phô hai hàng lợi rụng hết răng. Làm xong công việc thiện của mình, vị graiốt nhắc mọi người nhớ rằng bất cứ khi nào cần hát ngợi ai trong những đám tang, đám cưới, hoặc những dịp đặc biệt khác, cứ gióng hiệu trống mời – cùng một lễ vật nhỏ - là ông sẽ mau chóng tới Jufurê. Nói đoạn, ông vội vã đi tiếp sang làng bên.

Vào chiều thứ sáu của hội mùa, đột nhiên một giọng trống lạ xuyên qua Jufurê. Nghe thấy những lời trống xúc phạm, Kunta chạy vội ra và nhập bọn với dân làng khi họ giận dữ tập hợp bên cạnh cây bao-báp. Tiếng trống rõ ràng đã đến rất gần, báo cho biết là những đô vật rất mạnh đang đến, cho nên mọi kẻ gọi là đô vật ở Jufurê biết điều thì trốn đi. Trong vòng mấy phút, dân Jufurê hoan hô vang khi tiếng trống làng của mình gay gắt trả lời rằng những kẻ lạ dại dột nọ hẳn đang xin được bẻ què chân tay, nếu không phải là tệ hại hơn.

Lúc này dân làng đổ xô tới bãi vật. Trong khi các đô vật trong làng Jufurê xỏ vào những đala (1) (khố vật) ngắn, hai bên sườn và mông có những cuộn vải cho đối phương níu tay, và xoa mình bằng một thứ bột trơn làm bằng lá bao-báp giã nhỏ trộn với tro củi, họ nghe thấy những tiếng hò la, có nghĩa là những kẻ thách đấu đã tới. Những kẻ lạ mặt vạm vỡ ấy không buồn ngó tới đám đông đang giễu cợt. Tất cả đằng sau tay trống của mình, họ đi thẳng đến bãi vật, mình đã mặc đala sẵn, và bắt đầu xoa bột trơn cho nhau. Khi các đô vật Jufurê xuất hiện đằng sau những tay trống của làng, đám đông hò hét, xô đẩy nhau mất trật tự đến nỗi các tay trống của cả đôi bên đều phải khẩn cầu họ bình tĩnh.

Rồi trống của cả đôi bên đều nói: “Sẵn sàng!” Hai đội giao đấu phân thành từng đôi, mỗi cặp đô vật cúi rạp và trừng trừng nhìn nhau, mặt đối mặt. “Nắm lấy nhau! Nắm lấy nhau!” trống ra lệnh, và mỗi cặp đô vật bắt đầu lượn vòng như mèo vờn. Lúc này các tay trống của cả đôi bên lăng xăng đây đó giữa những đấu thủ đang hiên ngang dạo miếng; mỗi tay trống nện mạnh kể tên các đô vật vô địch tổ tiên của làng mình mà hương hồn đang theo dõi trận đấu.

Với những động tác giả nhanh như chớp, cuối cùng, hết cặp này đến cặp khác nắm được nhau và bắt đầu vật. Chẳng mấy chốc, cả hai đội quần thảo giữa những đám bụi mù do chân họ hất tung lên, gần như che khuất họ khỏi đám khán giả đang hò hét điên cuồng. Ngả nghiêng hoặc trượt chân đều không tính, chỉ khi nào một đô vật kéo được người kia mất thăng bằng, bốc cả người anh ta lên và quật xuống đất, mới là thắng cuộc. Mỗi lần có một người bị quật ngã như vậy - đầu tiên là một kiện tướng của làng Jufurê, rồi đến một trong những kẻ thách thức – đám đông lại nhảy chồm lên la hét và một tay trống gõ rành rọt tên người thắng trận đó. Ngay ở vòng ngoài đám đông phấn khích tất nhiên là Kunta và các bạn cũng đang đánh vật với nhau.

Cuối cùng cuộc đấu kết thúc và đội Jufurê đã thắng, hơn đối phương có một keo. Họ được thưởng đôi sừng và bốn vó của một con bò mộng vừa mới mổ. Những tảng thịt lớn được đem quay trên một đống lửa và những chàn thách đấu dũng cảm được nồng nhiệt mời tiệc liên hoan. Dân làng ca ngợi sức mạnh của các vị khách và các cô gái chưa chồng buộc những chuông nhỏ quanh cổ chân và cánh tay trên của tất cả các đô vật. Và trong bữa tiệc tiếp theo đó, bọn con trai thuộc lứa kafô thứ ba quét lớp bụi đo đỏ ở bãi vật, dọn cho phẳng phiu để chuẩn bị cho một điệu nhảy xêôruba.

Mặt trời nóng ấm vừa mới bắt đầu lặn, dân làng đã lại tụ tập quanh bãi vật, lúc này tất cả đều mặc quần áo đẹp nhất. Trên nền tiếng trống đánh khe khẽ, cả hai đội vật nhảy vào vòng, bắt đầu rạp mình và rập rình lượn quanh, bắp thịt nổi lên cuồn cuộn, những chiếc chuông nhỏ kêu lanh tanh, trong khi khán giả chiêm ngưỡng sức mạnh và vẻ đẹp mềm mại của họ. Trống đột nhiên nện thật mạnh, lúc này các cô gái chạy vào vòng, e ấp xen giữa các đô vật trong khi mọi người vỗ tay theo nhịp. Rồi các tay trống bắt đầu đánh theo tiết tấu mạnh nhất và nhanh nhất và chân các cô gái nhảy theo nhịp ấy.

Hết cô này đến cô khác, vã mồ hôi và mệt nhoài, lảo đảo bước ra khỏi vòng, ném xuống đám bụi chiếc khăn chùm đầu tikô nhuộm nhiều màu của mình. Mọi con mắt hau háu theo dõi xem có chàng trai đến tuổi lấy vợ nào nhặt tấm khăn tikô lên, tỏ rõ sự đánh giá đặc biệt của mình đối với bài nhẩy của cô gái đó – vì như vậy có nghĩa là anh ta có thể sắp hỏi cha cô về giá cả cưới xin, tính bằng dê và bò. Kunta và các bạn còn quá nhỏ chưa hiểu những điều đó, tưởng là cuộc vui sôi nổi đã kết thúc bèn chạy đi bắn ná. Nhưng nó mới chỉ bắt đầu, vì một lát sau, mọi người há hốc miệng khi một trong những đô vật tới thăm nhặt một chiếc khăn tikô lên. Đó là một sự kiện quan trọng – và hạnh phúc – nhưng cô gái may mắn nọ không phải là người đầu tiên đi lấy chồng ở một làng khác.

Chương 13

Sáng hôm cuối cùng của hội mùa, những tiếng thét đánh thức Kunta dậy. Mặc áo vào, nó chạy bổ ra và sợ thắt ruột lại. Trước mấy căn lều gần đấy, khoảng sáu, bảy người đàn ông đeo mặt nạ dữ tợn, khăn trùm đầu quấn cao, mặc quần áo bằng lá vả vỏ cây, đang nhảy lên nhảy xuống như choi choi, la thét man dại và vung giáo. Kunta kinh hãi nhìn một người vào từng căn lều, miệng gầm gào, và mỗi khi nhô ra đều kèm theo một đứa con trai thuộc lứa kafô thứ ba đang run bần bật nắm cánh tay nó, lôi xềnh xệch.

Cùng với một đám bạn thuộc lứa kafô thứ hai cũng khiếp đảm như nó, Kunta giương mắt nhìn vào góc một căn lều. Mỗi đứa con trai thuộc lứa kafô thứ ba bị chụp lên đầu một cái mũ nặng nề bằng vải bông trắng. Ngó thấy Kunta, Xitafa và nhóm lau nhau của chúng, một trong những người đeo mặt nạ xồ tới, hoa ngọn giáo và hét lên hung dữ. Tuy anh ta đã dừng phắt và quay lại với bọn bị chùm đầu dưới sự giám sát của mình, lũ trẻ vẫn chạy tán loạn, kinh hãi kêu the thé. Và khi tất cả bọn con trai lứa kafô thứ ba trong làng đã được tập hợp, chúng bèn được giao cho những người nô lệ, bọn này nắm tay chúng, dẫn từng đứa một ra ngoài cổng làng.

Trước đó, Kunta đã nghe nói là những đứa con trai lớn ấy sắp sửa được đưa đi khỏi Jufurê để đào tạo thành người lớn, nhưng nó không hề biết là điều đó xảy ra như thế này. Việc lên đường của bọn con trai lứa kafô thứ ba cùng với những người sẽ rèn luyện chúng thành nam nhi, chùm bóng u buồn lên cả làng. Trong những ngày tiếp theo, Kunta và các bạn không thể nói chuyện gì khác ngoài những điều kinh khủng chúng đã trông thấy cùng những điều còn kinh khủng hơn chúng nghe lỏm được về việc rèn luyện trưởng thành bí ẩn kia. Những buổi sáng, arafang củng đầu bọn chúng vì tội không chú ý nhớ những câu kinh Koran. Và sau giờ học, lũ lượt đi theo sau bầy dê ra bãi rậm, Kunta và các bạn, mỗi đứa đều cố không nghĩ đến cái điều chúng không thể nào quên đi được – là chúng sẽ ở trong cái nhóm con trai chùm đầu của làng Jufurê bị lôi xềnh xệch và đá thúc qua cổng làng.
Tất cả bọn nó đều đã nghe nói rằng phải qua trọn vẹn mười hai tuần trăng, toán con trai lứa kafô thứ ba nọ mới được trở về làng – nhưng bấy giờ là với tư cách đã trưởng thành. Kunta nói có người kể với nó rằng bọn con trai trong thời kỳ huấn luyện trưởng thành ngày nào cũng bị đánh. Một thằng tên là Kamarô bảo bọn ấy phải đi săn thú rừng lấy cái ăn, còn Xitafa thì nói là ban đêm, bọn chúng được phái vào tận rừng sâu một mình để tự tìm lấy đường về. Nhưng điều khủng khiếp nhất mà không đứa nào nhắc đến mặc dù nó làm cho Kunta nơm nớp mỗi lần đi giải, là trong thời gian huấn luyện trưởng thành, "chim" nó sẽ bị cắt bớt đi một đoạn. Sau một thời gian càng nói chuyện, ý nghĩ về việc rèn luyện trưởng thành càng trở nên ghê sợ đến nỗi bọn trẻ thôi không nói về cái đó nữa và mỗi đứa đều cố gắng giấu kín nỗi sợ trong lòng, không muốn lộ ra là mình không dũng cảm.
Kunta và các bạn đã tiến bộ nhiều trong công việc chăn dê kể từ những ngày khắc khoải đầu tiên ngoài bãi. Nhưng chúng vẫn còn phải học nhiều. Chúng bắt đầu phát hiện ra rằng công việc của bọn chúng gay nhất vào buổi sáng khi hàng đàn ruồi bu vào cắn làm cho lũ dê chạy lung tung, run cả làn da và quầy quậy cái đuôi ngắn tũn trong lúc tụi trẻ và mấy con chó bổ nháo bổ nhào cố lùa chúng trở lại bầy. Nhưng trước lúc trưa, khi mặt trời hun nóng đến nỗi ruồi phải kiếm chỗ mát , bầy dê mệt mỏi đâu đã vào đó yên trí gặm cỏ thật lực thì cuối cùng bọn trẻ có thể rảnh tay vui chơi.
Giờ đây, chúng đã là những tay thiện xạ sử dụng ná – và cả những bộ cung tên mới mà bố chúng cho trước khi chúng bước sang lứa kafô thứ hai – chúng thường bỏ ra khoảng một giờ để hạ thủ mọi thú vật nhỏ chúng có thể tìm thấy: thỏ rừng, sóc đất, chuột bụi, thằn lằn và có hôm cả một con gà gô có cựa ranh mãnh định nhử Kunta ra xa tổ nó bằng cách kéo rệt một bên cánh làm như bị thương vậy. Gần xế chiều bọn trẻ lột da, rửa sạch những thú săn được trong ngày, lấy muối (mà bao giờ chúng cũng mang theo) ướp những cỗ lòng, rồi nhóm lửa quay lên làm một bữa rôm rả.
Mỗi ngày ra bãi, dường như lại nóng nực hơn hôm trước. Càng ngày ruồi sớm càng ngừng cắn dê hơn để đi tìm bóng râm và bầy dê khom mình quỳ xuống để gặm lớp cỏ ngắn còn xanh bên dưới lớp cỏ cao đã khô nỏ. Nhưng Kunta và các bạn thì hầu như không để ý đến tiết trời nóng nực. Mình bóng nhẫy mồ hôi, chúng chơi đùa như thể mỗi ngày đều là ngày phấn khởi nhất trong đời. Bụng căng tròn sau bữa ăn trưa, chúng vật nhau, hoặc chạy thi, hoặc chỉ đơn thuần la hét và nhăn mặt chế diễu nhau, thay phiên nhau cẩn thận gác bầy dê đang gặm cỏ. Chơi đánh trận giả, bọn trẻ quật và xỉa nhau bằng những cây có rễ dày cho đến khi một đứa giơ một nắm cỏ lên, ra hiệu giảng hòa. Rồi chúng hạ bớt sát khí bằng cách xoa chân vào bộ lòng của một con thỏ vừa bị mổ, theo những truyện cổ tích chúng được các bà già kể cho nghe, các chiến binh thật sự thường dùng dạ dày cừu trong trường hợp đó.
Thỉnh thoảng, Kunta và các bạn đùa nghịch với lũ chó uôlô trung thành của mình, giống này người Manđinka đã nuôi hàng thế kỷ nay, vì chúng nổi tiếng là giống chó săn và bảo vệ tốt nhất trong toàn Châu Phi. Không ai có thể tính được số dê và gia súc đã được cứu khỏi nanh vuốt của bọn linh cẩu trong những đêm tối trời nhờ tiếng hú của chó uôlô. Nhưng linh cẩu không phải loại thú mà Kunta rình khi chúng chơi trò đi săn. Trong trí tưởng tượng của

chúng, khi bò trườn trong đám cỏ cao rám nắng của vùng xavan, mồi săn của chúng là tê giác, là voi, là báo và sư tử dũng mãnh kia.
Đôi khi, một đứa trẻ theo đàn dê của mình tìm cỏ và bóng mát, loanh quanh đâm tách rời khỏi các bạn. Trong một vài lần đầu tiên gặp tình trạng đó, Kunta cố hết sức lùa dê lại thật nhanh và quay trở lại gần chỗ Xitafa. Nhưng chẳng bao lâu, nó bắt đầu thích những lúc cô đơn ấy, vì như vậy nó có dịp mơ tưởng một mình đang rình săn một con thú lớn nào đó. Trong phút mộng mơ giữa ban ngày đó, không phải nó đang lùng loại linh dương bình thường, hay báo, hay thậm chí sư tử nữa; đó là loại được kinh sợ nhất và nguy hiểm nhất trong tất cả các thú vật - một con trâu điên.
Con trâu điên mà nó truy lùng đã gieo kinh hoàng trong khắp miền đến nỗi bao nhiêu nhà đi săn đã được phái đi giết con vật man rợ, nhưng chỉ làm nó bị thương, rồi hết người này đến người khác lần lượt bị nó húc thủng bụng bằng đôi sừng quái ác. Càng khát máu hơn trước vì vết thương đau đớn, con trâu điên đã húc chết nhiều nông dân Jufurê đang làm việc trên cánh đồng bên ngoài làng. Chàng Kunta Kintê lừng danh, bấy giờ ở tận trong rừng sâu, đang hút một tổ ong để lấy mật nuôi dưỡng nghị lực của mình, thì nghe thấy tiếng trống thoại cầu xin chàng cứu dân chúng ở làng quê nơi mình sinh trưởng. Chàng không thể từ chối.
Ngay đến một ngọn cỏ khô cũng không hề sột soạt dưới chân chàng vì chàng dò theo dấu vết của con trâu điên rất lặng lẽ, sử dụng cái giác quan thứ sáu nó mách cho những ximbôn (1) (thiện xạ) bậc thầy biết những con thú đi theo đường nào. Và chẳng mấy chốc chàng thấy những dấu chân chàng tìm; chúng lớn hơn mọi dấu chân chàng từng thấy xưa nay. Giờ đây, vừa lặng lẽ rảo bước, chàng vừa hít sâu vào hai lỗ mũi cái mùi hôi thối của nó dẫn chàng tới đống phân trâu mới to tướng. Và vận động với tất cả khôn ngoan, khéo léo của mình, cuối cùng Ximbôn Kintê phát hiện thấy cái thân hình đồ sộ của chính con vật ẩn trong đám cỏ cao, rậm mà mắt thường ắt không thấy được.
Kéo căng dây cung về phía sau, Kintê thận trọng ngắm – và bắn mũi tên tới trúng đích. Con trâu điên, giờ đây bị thương nặng càng nguy hiểm hơn bao giờ hết. Bất thần nhảy từ bên nọ sang bên kia, Kintê né tránh đường tấn công hung dữ, tuyệt vọng của con vật và ráng sức đối phó trong khi nó lại lao vào húc một lần nữa. Chàng chỉ bắn phát tên thứ hai khi phải nhảy sang bên vào phút cuối cùng – và con trâu khổng lồ đổ rầm xuống chết.
Tiếng huýt gió sắc lảnh kéo Kintê kéo ra khỏi chỗ nấp những nhà đi săn sợ hãi và run rẩy trước đó đã thất bại trong công việc mà giờ chàng đã thành công vẻ vang. Chàng hạ lệnh cho họ lột bộ da khổng lồ, bẻ sừng và gọi thêm người giúp sức kéo cái xác về tận Jufurê. Dân làng mừng rỡ reo hò, họ đã trải da thú suốt lôi đi bên trong cổng làng để bụi khói bám vào chân Kintê. “Ximbôn Kintê!” tiếng trống gióng lên như vậy. “Ximbôn Kintê” bọn trẻ con gào lên, vẫy những cành sum suê lá trên đầu. Mọi người xô đẩy nhau, cố sờ được vào nhà đi săn dũng mãnh, hy vọng lấy được phần nào đỏm lược của chàng. Những chú bé nhảy quanh cái xác khổng lồ, diễn lại cảnh hạ thủ nó bằng những cây gậy và những tiếng kêu thét man dại.
Và giờ đây từ giữa đám đông, tiến ra về phía chàng cô gái khỏe mạnh nhất, duyên dáng nhất và đen đẹp nhất trong tất cả các thiếu nữ Jufurê - thực tế là trong toàn Găмbia – và, quỳ trước mặt chàng, nàng dâng lên một bầu nước mát, nhưng Kintê không khát, chỉ rấp ướt đầu ngón tay để tỏ thiện cảm với nàng, liền đó nàng uống bầu nước ấy với những giọt nước mắt sung sướng, bằng cách đó chứng minh với mọi người tình yêu trọn vẹn của mình.
Đám đông hò reo dãn ra - nhường lối cho hai ông bà Ômôrô và Binta đầu bạc phơ, da nhăn nheo, lập cập chống gậy tới. Chàng Ximbôn để mẹ già hôn mình trong khi Ômôrô đứng nhìn, cặp mắt tràn đầy tự hào. Và dân làng Jufurê hô theo nhịp “Kintê! Kintê!” Cả lũ chó cũng sủa vang lên hoan hô.

Phải chăng chính con chó uôlô của chàng, nó đang sủa “Kintê! Kintê!” Hay là Xitafa đang điên cuồng la hét? Kunta vùng ra khỏi phút hoang tưởng kịp thời để trông thấy lũ dê bị bỏ quên của mình đang lồng về phía trại ấp của một người nào đó. Xitafa và các bạn khác cùng lũ chó giúp sức quây chúng lại trước khi xảy ra tai hại, nhưng Kunta xấu hổ quá đến nỗi phải cả một tuần trăng trôi qua nó mới lại dám thả mình vào những cơn mơ mộng hão như vậy.

Chương 14

Trời đã nắng rực thế mà năm tuần trăng dài của mùa khô mới chỉ bắt đầu. Ánh nhiệt ma quỷ lung linh, làm cho những vật ở đằng xa nom lớn hơn và những người ở trong lều cũng vã mồ hôi gần như ở ngoài đồng. Mỗi sáng, trước khi Kunta rời nhà đi chăn dê, Binta đều lo bảo vệ chân cho nó bằng cách thoa dầu dừa đỏ, nhưng chiều đến khi nó ở bãi trở về làng, môi nó xém đi, hai gan bàn chân khô nứt nẻ vì giẫm đất nóng như thiêu. Một số đứa về nhà với đôi bàn chân tướp máu, nhưng rồi mỗi sáng chúng lại ra đi không hề kêu ca phàn nàn, hệt như cha chúng – phơi mình trong cái nóng dữ dội của đồng cỏ khô, còn tệ hại hơn cái nóng trong làng.

Khi mặt trời lên tới chót đỉnh, bọn trẻ cùng lũ chó và bầy dê nằm ềnh tất cả, thở hổn hển dưới bóng những cây con, bọn trẻ mệt quá không buồn đi săn thú nhỏ về nướng, theo cái nếp thể thao hằng ngày của chúng. Phần lớn chúng chỉ ngồi tán gẫu, gượng làm vui, nhưng đến giờ, cái trò mạo hiểm chăn dê đã phần nào mất tính chất hào hứng.

Dường như chả cần gì đến những que củi chúng nhặt nhạnh hằng ngày, để sưởi ấm ban đêm, ấy thế nhưng hễ mặt trời vừa lặn là không khí liền thay đổi, trước nóng chừng nào giờ lạnh chừng ấy. Và sau bữa ăn tối, dân làng Jufurê lại xúm quanh những đống lửa cháy lép bép. Cánh đàn ông thuộc lứa tuổi Ômôrô ngồi nói chuyện quanh một đống lửa và cách đó một quãng ngắn là đống lửa của các bô lão. Quanh một đống khác nữa là cánh đàn bà và con gái chưa chồng, ngồi tách riêng khỏi các bà già đang kể những câu chuyện cổ tích ban đêm cho đám con nít lứa kafô đầu quanh một đống lửa thứ tư.

Kunta và bọn con trai lứa kafô thứ hai lên mặt không thèm ngồi với cái lứa kafô đầu của Lamin và các bạn nó, còn cởi truồng tồng ngồng, cho nên chúng ngồi xổm cách khá xa để khỏi lẫn vào cái nhóm ồn ào, cười như nắc nẻ ấy – nhưng cũng đủ gần để nghe thấy các bà già kể những chuyện vẫn khiến chúng hồi hộp như bao giờ. Thỉnh thoảng Kunta và các bạn thử hóng chuyện những người ở mấy đống lửa kia, nhưng họ phần lớn chỉ nói về cái nóng nực. Kunta nghe thấy các ông già ôn lại những đận mặt trời giết cả cây cối và đốt cháy mùa màng, làm cho giếng nước ôi hoặc khô kiệt, những thời kỳ mà cái nóng làm cho người ta khô xác như vỏ trầu. Mùa nóng này cũng thế, các cụ nói nhưng chưa đến nỗi như nhiều mùa mà các cụ còn nhớ. Kunta thấy hình như người già bao giờ cũng có thể nhớ ra một điều gì xấu hơn hiện tại.

Rồi bỗng nhiên có một hôm, thở hít không khí mà như nuốt lửa và đêm ấy, mọi người run rẩy dưới tấm mền vì cái rét luồn vào thấm tận xương. Đến sáng hôm sau, họ lại phải lau mồ hôi trên mặt và cố gắng hít cho đầy hơi thở. Chiều hôm ấy, gió hamáttan bắt đầu thổi. Đó không phải là thứ gió dữ hoặc thậm chí là gió đông, nếu là một trong hai loại này thì còn đỡ. Đằng này, nó cứ thổi nhẹ nhàng và đều đặn, khô và đầy bụi, suốt ngày đêm trong gần nửa tuần trăng. Như mỗi lần nổi lên, gió hamáttan thổi liên tục kiểu ấy cứ từ từ bào mòn thần kinh dân làng Jufurê. Và chẳng bao lâu, cha mẹ đâm ra hay quát tháo con cái hơn mọi khi và chẳng có lý do gì chính đáng cũng vớ roi đánh chúng. Và tuy cãi vã là điều bất thường giữa những người Manđinka, nhưng chả mấy giờ trong ngày qua đi mà không thấy những vụ to tiếng giữa một số người lớn, nhất là giữa những cặp vợ chồng trẻ như Ômôrô và Binta. Lúc đó, các cửa nhà lân cận đột nhiên đầy những người đứng nhìn các bà dâu gia hối hả chạy tới căn lều. Một lát sau, tiếng hét lác càng lúc càng to hơn và tiếp đó, một trận mưa, nào rổ khâu, nào nồi niêu, nào vỏ bầu, nào ghế và quần áo, rào rào quăng ra cửa. Rồi đích thân người vợ và bà nhạc bổ ra vơ lấy đồ đạc của cải và sầm sầm đi về lều mẹ.

Sau khoảng hai tuần trăng, gió hamáttan tắt cũng đột ngột như khi nó bắt đầu nổi lên. Trong không đầy một ngày, không khí trở nên yên tĩnh, trời lại quang. Trong vòng một đêm, lũ lượt các cô vợ lẻn về với chồng, rồi các bà thông gia gửi cho nhau những món quà nhỏ và dàn hòa các cuộc cãi vã trong khắp làng. Nhưng năm tuần trăng dài của mùa khô mới chỉ qua được một nửa. Mặc dầu thực phẩm còn nhiều trong kho, các bà mẹ chỉ nấu nướng với số lượng nhỏ vì không ai, kể cả những đứa trẻ thường thường là háu đói, cảm thấy muốn ăn nhiều. Ai nấy đều bị sức nóng mặt trời hút kiệt sức và dân làng ít trò chuyện hơn, chỉ quanh quẩn làm những điều cần phải làm mà thôi. Trâu bò của làng gầy rộc với những bộ da nứt toác, những mụn lở to tướng thành nơi cho ruồi trâu đẻ trứng. Những chú gà còm mọi khi chạy quang quác khắp làng, nay im thin thít và nằm nghiêng trên đám bụi, cánh xòa ra và mỏ há hốc. Cả đến lũ khỉ giờ cũng ít khi thấy ló mặt hoặc thấy tiếng, vì phần lớn đã chuồn vào rừng nhiều bóng râm hơn. Và Kunta nhận thấy bầy dê, trời nóng, ngày càng ít chịu ăn cỏ, đã trở nên bồn chồn và gầy đét.

Vì một lý do nào đó – có lẽ là vì nóng nực hay có lẽ chỉ vì chúng đã lớn hơn – Kunta và các bạn chăn dê, suốt gần sáu tuần trăng ngày nào cũng ở với nhau ngoài bãi, nay bắt đầu tản ra đơn lẻ mỗi đứa với đàn dê nhỏ của mình. Điều đó xảy ra được mấy ngày rồi Kunta mới nhận ra rằng trước đó nó chưa bao giờ hoàn toàn tách khỏi người khác trong bất cứ khoảng thời gian nào thực sự dài dài một chút. Nó nhìn sang chỗ những đứa khác và đàn dê của

chúng ở đằng xa, rải rác trong cái im lặng của bãi hoang chói chang nắng. Quá chỗ chúng nó là những cánh đồng, ở đó nông dân đang cắt những đám cỏ đã mọc từ mùa gặt trước. Những đụn cỏ cao họ vun lại để phơi khô dưới nắng, dường như lượn sóng và lung linh trong hơi nóng.

Lau khô mồ hôi trán, Kunta có cảm giác là dân làng mình bao giờ cũng đang phải chịu đựng một gian khổ này hay một gian khổ khác – một cái gì bất tiện hoặc khó khăn, hoặc ghê sợ, hoặc đe dọa đến bản thân đời sống. Nó nghĩ về những ngày nóng cháy và những đêm lạnh giá tiếp ngay sau đó. Và nó nghĩ về những trận mưa kế liền theo biến làng xóm thành một vùng lầy và cuối cùng tràn ngập các lối đi cho đến khi dân làng phải dùng xuồng để qua lại những quãng mà lúc bình thường họ vẫn đi bộ. Họ cần mưa như cần nắng, nhung hình như những cái đó bao giờ cũng quá nhiều hoặc quá ít. Ngay cả khi dê béo mập và cây cối nặng trĩu hoa trái, nó cũng biết đó là thời kỳ mà số hoa màu thu hoạch vào vụ mưa trước sắp cạn trong các kho dự trữ gia đình và điều đó sẽ dẫn tới mùa đói kém, dân làng sẽ thiếu ăn, thậm chí một số sẽ chết, như chính bà nội Yaixa mà nó hằng nhớ thương tha thiết.

Mùa gặt là một thời kỳ hạnh phúc – và sau đó là hội mùa nữa – nhưng nó kết thúc quá sớm và rồi mùa khô nóng nực và dài dặc lại đến, với cái gió hamattan gớm ghiếc, suốt thời kỳ ấy Binta luôn luôn quát tháo nó và đánh Lamin, đến nỗi nó cảm thấy gần như ái ngại cho thằng em nhỏ vòi quấy.

Trong khi lùa dê trở về làng, Kunta nhớ lại những câu chuyện nó đã nghe bao lần hồi còn nhỏ bằng Lamin, nói về nỗi cha ông xưa đã luôn luôn sống qua những hãi hùng và nguy hiểm như thế nào. Kunta đoán là từ xửa từ xưa đời người đã vất vả. Có lẽ rồi vẫn sẽ mãi mãi thế .

Giờ đây, mỗi buổi chiều trong làng, alimamô hướng dẫn cầu Chúa Ala mang mưa tới. Rồi một hôm, làng Jufurê tràn đầy phấn khởi khi vài cơn gió nhẹ tung bụi lên – vì những cơn gió đó có nghĩa là sắp mưa. Và sáng hôm sau, dân làng ra tụ tập ngoài đồng, tại đây nông dân châm lửa đốt những đống cỏ cao họ đã chất lên, và những làn khói dày cuồn cuộn bốc lên trên cánh đồng. Nóng đến độ gần như không chịu nổi, nhưng đám người ròng ròng mồ hôi vẫn nhảy múa và hoan hô, còn bọn trẻ lứa kafô đầu thì đua nhau chạy quanh, hò hét, mỗi đứa đều cố sao bắt được những mớ tro mang lại may mắn đang bay vật vờ như lông chim…

Hôm sau, những cơn gió nhẹ bắt đầu tãi lớp tro vụn ra khắp cánh đồng, làm đất thêm màu mỡ để trồng cấy một mùa khác. Giờ đây, nông dân bắt đầu bận rộn cuốc xới đánh những luống dài sẵn đón hạt giống – vào cái thời vụ gieo trồng thứ bảy mà Kunta đã sống qua trong sự tuần hoàn bất tận của các mùa.

Chương 15

Hai vụ mưa đã qua, và bụng Binta lại to một lần nữa, đồng thời tính khí càng bẳn hơn lúc thường. Động một tí là chị quất cả hai đứa con trai, đến nỗi, mỗi buổi sáng, Kunta đều thật sự hàm ơn việc chăn dê đã khiến nó thoát khỏi mẹ được mấy giờ và buổi chiều khi trở về nó không khỏi ái ngại cho Lamin, thằng bé mới chỉ đủ tuổi để giở trò tinh nghịch và bị đòn, chứ chưa đủ tuổi để ra khỏi nhà một mình. Cho nên một hôm, khi về nhà thấy thằng em nước mắt nước mũi ròng ròng, nó bèn hỏi Binta – mà không khỏi lo lắng đôi chút – xem có thể cho Lamin cùng chạy việc vặt với nó không, và Binta gắt lên : "Được!". Thằng cu con Lamin trần truồng hầu như không nén nổi vui sướng về hành động tốt bụng kỳ lạ này, nhưng Kunta thì lại đâm ghê tởm sự bốc đồng của chính mình đến nỗi vừa mới đi khỏi tầm tai nghe của Binta, nó liền cho thằng em một cái đá và một cái bạt tai, Lamin rống lên – rồi lũn cũn theo anh như một con chó con.

Sau đó, mỗi buổi chiều Kunta đều thấy Lamin hồi hộp đứng cửa chờ, hy vọng thằng anh lại đưa mình ra khỏi nhà. Gần như ngày nào Kunta cũng làm thế - nhưng không phải vì nó muốn thực lòng. Chả là Binta hễ có dịp nghỉ ngơi đôi chút, không phải bận bịu với cả hai đứa, là lại tỏ ra hết sức nhẹ mình, thành thử giờ đây, Kunta đâm sợ bị đánh nếu không đưa Lamin đi theo. Y như thể một cơn mê tệ hại đã gắn chặt thằng em nhỏ trần truồng vào lưng Kunta như một con đỉa khổng lồ nào đó ở con sông vậy. Nhưng chẳng bao lâu, Kunta bắt đầu nhận thấy một số bạn cùng lứa kafô cũng có những thằng em nhỏ nhằng nhẵng sau lưng. Tuy bọn này thường chơi riêng hoặc chạy nhổng quanh quanh gần đó, chúng vẫn luôn luôn để mắt chăm chú theo sát những thàng anh đang ra sức lờ chúng đi. Thỉnh thoảng những thằng lớn đột nhiên lại lao vút đi, ngoái lại giễu lũ em nhỏ nháo nhác cố đuổi kịp chúng. Khi Kunta và các bạn trèo cây, lũ em thử trèo theo, thường rớt xuống đất và những thằng lớn bèn lớn tiếng cười sự vụng về của chúng. Bọn lớn bắt đầu thấy là đem chúng đi theo, hóa ra lại vui.

Đôi khi có một mình với Lamin, Kunta cũng tỏ ra chú ý đến thằng em hơn một tí. Lấy ngón tay ngắt một cái hạt, nó cắt nghĩa cho em là cây gạo to tướng của làng Jufurê mọc lên từ một cái mầm bé như thế. Bắt một con ong mật, Kunta thận trọng cầm nó cho Lamin trông thấy cái vòi, rồi xoay mình con ong, nó giải thích loài ong hút chất ngọt ở hoa mang về tổ gây mật như thế nào trên những cây cao nhất. Và Lamin bắt đầu nêu ra với Kunta hàng lô câu hỏi mà phần lớn đều được Kunta kiên nhẫn giải đáp. Kể ra cũng thu thú khi thấy Lamin có cảm giác rằng Kunta cái gì cũng biết. Điều đó khiến Kunta tự cảm thấy lớn hơn so với cái tuổi tám vụ mưa của mình. Ngoài ý muốn của nó, Kunta bắt đầu coi thằng em như một cái gì khá hơn một thứ của nợ .

Cố nhiên, Kunta phải cố gắng chật vật để khỏi bộc lộ ra điều đó, nhưng quả thật là giờ đây, mỗi buổi chiều lùa dê trở về nhà, nó đều ngong ngóng sự đón tiếp vồ vập của Lamin. Một lần, Kunta cho là thậm chí nó đã trông thấy Binta mỉm cười khi nó và Lamin rời khỏi lều. Thực tế Binta thường quát thằng con trai nhỏ: "Hãy học cung cách của anh mày ấy!". Thế rồi lát sau, chị lại có thể nện Kunta vì chuyện gì đó, nhưng không đến nỗi thường xuyên như thông lệ nữa. Binta cũng thường bảo Lamin là nếu nó không tử tế hẳn hoi thì đừng hòng được đi với Kunta và suốt ngày hôm đó, Lamin sẽ rất ngoan.

Ngay lúc rời khỏi lều, bao giờ hai đứa cũng đi rất lễ phép, tay trong tay, nhưng vừa ra đến ngoài, Kunta bèn lao vút đi và nhảy tâng tâng – với Lamin rượt theo sau – để tới nhập bọn với những đứa thuộc lứa kafô thứ hai và thứ nhất. Trong một cuộc chơi nhổng ban chiều, khi một đứa bạn chăn dê với Kunta tình cờ đâm sầm phải Lamin làm nó ngã ngửa, Kunta lập tức chạy tới, xô mạnh thằng kia sang bên và nóng máu kêu lên : "Em tao đấy!". Thằng kia phản đối và chúng sắp sửa choảng nhau thì những đứa khác nắm lấy cánh tay chúng giữ lại. Kunta nắm tay thằng Lamin đang khóc, giằng ra và kéo nó xềnh xệch khỏi bọn bạn đang trố mặt nhìn. Kunta vừa bối rối sâu sắc, vừa tự lấy làm lạ cho bản thân về nỗi đã hành động như vậy đối với thằng bạn cùng lứa kafô – nhất là lại vì một thằng em trai ngủ nhè chè thiu. Nhưng sau hôm ấy, Lamin bắt đầu công khai bắt chước bất cứ cái gì nó thấy Kunta làm, đôi khi thậm chí ngay trước mắt Binta hoặc Ômôrô. Tuy làm ra vẻ không thích thế, Kunta vẫn không khỏi cảm thấy hãnh diện tí chút.

Một buổi chiều, khi Lamin đang cố leo một cây thấp nhưng tụt ngã. Kunta bèn hướng dẫn cho nó trèo cho đúng cách. Thỉnh thoảng, nó dạy thằng em đánh vật (nhờ vậy Lamin có thể bắt một thằng đã từng làm nhục nó trước mặt các bạn cùng lứa kafô, nay phải kiêng nể mình); dạy huýt còi bằng ngón tay (mặc dù tiếng huýt còi thành công nhất của Lamin cũng còn xa mới chói tai được đến mức như Kunta) và chỉ cho nó thấy thứ lá mà mẹ chúng thích lấy để pha trà. Và nó dặn dò Lamin phải bắt những con bọ hung to, óng ánh chúng vẫn thấy bò trong lều, đem ra ngoài đặt xuống đất cho nhẹ nhàng, vì làm hại những con vật đó sẽ gặp chuyện rất xúi. Kunta còn bảo em là sờ vào cựa gà trống lại càng xúi hơn nữa. Nhưng dù cố gắng đến đâu, Kunta cũng không thể nào làm cho Lamin biết xem giờ

bằng cách nhìn bóng nắng. “Mày còn bé, nhưng mày phải học chứ!”, thỉnh thoảng Kunta vẫn quát em khi Lamin tỏ ra chậm hiểu một điều gì đơn giản; hoặc vả cho nó một cái tát nếu nó quấy rầy quá. Song bao giờ Kunta cũng rất muốn rằng nó có thể cho thằng cu Lamin trần truồng mặc cái áo dài của nó một lúc.

Trong khi gần gũi hơn với thằng em, Kunta bắt đầu đỡ cảm thấy sâu sắc cái điều trước đó vẫn thường hay làm nó băn khoăn – cái hố ngăn cách giữa tám vụ mưa của nó với bọn con trai lớn hơn và cánh đàn ông ở Jufurê. Quả vậy, theo nó nhớ được, ít có ngày nào trong đời nó qua đi mà không có cái gì nhắc nhở rằng nó hãy còn ở lứa kafô thứ hai – một thằng cu vẫn còn ngủ ở lều của mẹ. Bọn con trai lớn – giờ đây đang qua đợt huấn luyện trưởng thành ở nơi xa – chẳng dành cho những đứa ở lứa tuổi Kunta cái gì khác ngoài những chế giễu khinh bỉ với bạt tai. Còn đám người lớn, như Ômôrô và những ông bố khác, thì làm như thể một thằng con trai thuộc lứa kafô thứ hai chỉ đơn thuần là một cái gì ta phải chịu đựng mà thôi. Về phần các bà mẹ, chà, thường những lúc ở ngoài bãi chăn dê, Kunta vẫn giận dữ nghĩ rằng khi nào nó trở thành một đấng tu mi nam tử, nhất định nó sẽ đặt Binta vào đúng vị trí nữ nhi, mặc dầu nó vẫn muốn tỏ ra tốt và khoan dung đối với chị, vì dù sao đi nữa, chị vẫn là mẹ nó.

Tuy nhiên, điều bực mình nhất đối với Kunta và các bạn, là việc bọn con gái thuộc lứa kafô thứ hai, lớn lên cùng với chúng, giờ đây sao mà vội vã chứng minh rằng mình đã nghĩ đến chuyện làm vợ. Kunta tức tối thấy tụi con gái mới mười bốn vụ mưa, hoặc thậm chí bé hơn thế, đã lấy chồng, trong khi con trai phải đợi đến lúc thành người lớn ba mươi vụ mưa hoặc hơn nữa mới lấy vợ. Nói chung, bị liệt vào lứa kafô thứ hai bao giờ cũng là một điều khó chịu đối với Kunta và các bạn nó, trừ những buổi chiều ở ngoài bãi chăn dê chỉ có bọn chúng với nhau và trong trường hợp Kunta, trừ mối quan hệ mới của nó với Lamin.
Mỗi lần, hai anh em dạo một mình ở một nơi nào đó, Kunta đều tưởng tượng là mình đang đưa Lamin đi du hành, như người lớn thỉnh thoảng vẫn đem con trai theo trong những chuyến đi. Giờ đây, cách nào đó, Kunta cảm thấy một trách nhiệm phải hành động già dặn hơn, khi mà Lamin ngưỡng vọng nó như một nguồn kiến thức. Đi bên cạnh anh, Lamin thường liên tục tuôn ra với Kunta hàng tràng câu hỏi.
“Thế giới là như thế nào?”
“À”, Kun ta nói, “ không có người nào, cũng như không có cái xuồng nào đi khắp thế giới được. Và không ai biết hết những gì cần biết về nó”
“Anh học arafang những gì?”
Kunta đọc những câu thơ đầu trong kinh Koran bằng tiếng Arập, rồi nói : “Bây giờ, mày thử đọc coi”. Nhưng khi Lamin thử đọc, nó liền lẫn lung tung – Kunta biết trước là thế nào cũng vậy – và Kunta nói, giọng kẻ cả: “Phải có thời gian”.
“Tại sao người ta không làm hại loài cú?”
“Vì linh hồn tất cả tổ tiên đã mất của chúng ta ở trong thân cú”. Rồi nó kể cho Lamin nghe đôi điều về bà nội Yaixa quá cố của chúng. “Dạo ấy mày còn bé tí tẹo, mày chả nhớ bà được”.
“Cái con chim trên cây kia là con gì?”
“Diều hâu”.
“Nó ăn gì?”
“Ăn chuột, ăn những loài chim khác và các thứ”.
“Eo ơi!”

Kunta trước đó chưa bao giờ nhận ra là mình biết điều thế - song thi thoảng, Lamin cũng hỏi những cái mà Kunta hoàn toàn mù tịt.
“Có phải mặt trời bốc cháy không?” hoặc “Tại sao bố không ngủ với chúng mình?”.

Những lần đó, Kunta thường ầm ừ, rồi ngắt đứt câu chuyên – như Ômôrô vẫn làm thế khi thấy mệt vì những câu hỏi quá nhiều của Kunta. Sau đó, Lamin không nói gì nữa, vì giáo dục gia đình của người Manđinka dạy rằng không bao giờ hỏi chuyện những người không muốn nói chuyện. Đôi khi, Kunta làm như chìm sâu vào suy nghĩ riêng tư. Trong trường hợp đó, Lamin thường lặng lẽ ngồi bên và khi nào Kunta đứng dậy, nó cũng đứng dậy. Và đôi lần, khi Kunta không biết giải đáp một câu hỏi ra sao, nó bèn vội vã làm một cái gì để chuyển sang chuyện khác.

Bao giờ cũng vậy, liền sau đó, Kunta đợi cho Lamin ra khỏi lều rồi mới hỏi Binta hoặc Ômôrô câu giải đáp cần thiết cho Lamin. Nó không bao giờ nói rõ cho bố mẹ tại sao nó hỏi cả hai người lắm thứ thế, nhưng hình như họ cũng biết. Trên thực tế, họ dường như bắt đầu coi Kunta như người lớn, vì nó đã gánh vác thêm trách nhiệm với thằng em. Chẳng bao lâu, ngay trước mặt Binta, Kunta cũng nói gay gắt với Lamin về những điều nó làm sai. “Mày phải ăn nói cho rõ ràng!” nó có thể nói thế, kèm một cái bật tách ngón tay. Hoặc giả nó có thể đét Lamin về tội không nhanh nhảu bật dậy làm bất cứ cái gì mẹ nó sai làm. Binta thì làm như không trông thấy hoặc nghe thấy gì.

Thành thử bây giờ, ít có cử chỉ, hành động nào của Lamin mà không bị cặp mắt sắc sảo của mẹ nó hoặc anh nó theo dõi. Và bây giờ, bất cứ câu hỏi nào của Lamin, Kunta chỉ việc đem hỏi lại Binta hoặc Ômôrô, là lập tức họ cho nó biết lời giải đáp.

" Tại sao cái chiếu da bò của bố lại đỏ như thế ? Bò có đỏ đâu ?"
"Tại mẹ nhuộm da bò bằng nước kiềm với hạt kê giã", Binta trả lời.
"Chúa Ala ở đâu?"
"Chúa Ala ở nơi sinh ra mặt trời", Ômôrô nói.

Chương 16

"Nô lệ là gì" một buổi chiều, Lamin hỏi Kunta như vậy, Kunta ầm ừ và im bặt. Vừa tiếp tục đi, coi bộ đăm chiêu suy nghĩ, nó vừa tự hỏi không biết Lamin nghe lỏm được chuyện gì mà lại đặt ra câu hỏi đó. Kunta biết rằng những người bị bọn tubốp bắt, đều trở thành nô lệ, và nó cũng đã nghe hóng thấy người lớn nói về những nô lệ dưới quyền sở hữu của một số người ở Jufurê nữa. Nhưng thực tế, nó không biết nô lệ là gì. Cũng như bao lần khác, câu hỏi của Lamin làm nó bối rối muốn tìm hiểu thêm.

Hôm sau, khi Ômôrô sắp sửa đi kiếm ít gỗ cọ để dựng cho Binta một kho chứa lương thực mới, Kunta bèn xin đi theo bố, nó thích theo bố đi bất cứ đâu. Nhưng hôm nay, cho đến khi gần tới khu rừng cọ râm mát, cả bố lẫn con đều không nói gì. Thế rồi Kunta hỏi độp một cái: "Bố, nô lệ là gì?"

Thoạt đầu, Ômôrô ậm ừ, không nói gì và trong mấy phút liền cứ đi quanh quẩn trong khu rừng, xem xét các thân cây cọ khác nhau.
"Chẳng dễ gì phân biệt được nô lệ với người khác đâu." Cuối cùng anh nói. Giữa những nhát rìu bổ vào cây cọ đã chọn, Ômôrô cho Kunta biết lều của người nô lệ lợp bằng lá ngantang jôngô, còn lều của người tự do lợp bằng lá ngantang fôrô mà Kunta biết là thứ cỏ gianh lợp nhà tốt nhất.

"Nhưng chớ bao giờ nên nói đến nô lệ trước mặt những người nô lệ", Ômôrô nói, vẻ rất nghiêm nghị, Kunta không rõ tại sao lại thế, nhưng nó cứ gật đầu làm như mình hiểu.

Khi cây cọ đổ xuống, Ômôrô bèn chặt những tàu lá dày cứng. Trong khi Kunta bứt riêng cho mình mấy quả cọ chín, nó mang máng cảm thấy hôm nay bố đang có hứng nói chuyện. Nó vui sướng nghĩ rằng giờ đây nó sẽ có thể giải thích cho Lamin rõ mọi điều về những người nô lệ.
"Tại sao một số người là nô lệ, còn những người khác lại không?" nó hỏi.

Ômôrô nói con người ta trở thành nô lệ theo nhiều cách khác nhau. Có người do mẹ vốn là nô lệ, và anh kể tên mấy người ở Jufurê mà Kunta biết rất rõ. Một số trong đó là bố mẹ của mấy đứa bạn cùng lứa kafô với nó. Có những người khác, Ômôrô nói, gặp mùa đói kém ở làng mình, bỏ đi và đến Jufurê, xin làm nô lệ cho người nào đồng ý nuôi ăn và cấp đỡ cho họ. Lại có một số người khác – và anh nêu tên mấy người già ở Jufurê – trước kia đã từng là kẻ thù và bị bắt làm tù binh. "Họ trở thành nô lệ vì đã không đủ can đảm để thà chết còn hơn bị bắt", Ômôrô nói.

Anh bắt đầu đẵn cây cọ thành từng khúc vào cỡ một người lực lưỡng có thể vác nổi. Mặc dầu những người anh vừa kể tên đều là nô lệ, tất cả bọn họ, anh nói, đều vẫn được kính trọng như chính Kunta cũng biết. "Các quyền của họ được luật lệ của tổ tiên ta bảo đảm", Ômôrô nói và giải thích rằng tất cả các chủ đều phải cung cấp cho nô lệ của mình cái ăn, cái mặc, nhà ở, một mảnh đất cấy rẽ đôi và cả một cô vợ hoặc một anh chồng nữa".

"Chỉ những kẻ nào tự bêu riếu mới bị khinh rẻ", anh bảo Kunta - những kẻ đã thành nô lệ vì bị kết án là sát nhân, trộm cắp hoặc phạm những tội ác khác. Duy chỉ đám nô lệ này họa chăng mới có thể bị chủ đánh đập hoặc trừng phạt đích đáng theo ý họ.

"Thế những người nô lệ có phải mãi mãi vẫn là nô lệ không?" Kunta hỏi.
"Không, nhiều người nô lệ mua lại tự do của mình bằng những gì họ dành dụm được qua việc cấy rẽ đôi với chủ", Ômôrô kể một số người ở Jufurê đã làm thế. Anh cũng nêu một số khác đã giành lại tự do bằng cách kết hôn với người trong gia đình nhà chủ.

Để mang những khúc cọ nặng cho gọn tiện, Ômôrô lấy những sợi dây leo xanh bện thành một quai đeo thật chắc và vừa làm, anh vừa kể là, trong thực tế có những nô lệ làm ăn phát đạt hơn cả chủ. Thậm chí một số còn có nô lệ riêng và một số khác đã trở thành những nhân vật rất trứ danh.

"Như Xunđiata chẳng hạn!" Kunta kêu lên. Nhiều lần nó đã được nghe các bà già và các ông già kể sử nói về vị danh tướng nô lệ ngày xưa với đạo quân do ông chỉ huy đã từng chiến thắng biết bao kẻ địch.
Ômôrô ầm ừ và gật đầu, rõ ràng hài lòng thấy Kunta cũng biết chuyện ấy, vì khi bằng tuổi Kunta, anh cũng đã biết nhiều điều về Xunđiata. Để thử con trai, Ômôrô hỏi: "Thế ai là mẹ Xunđiata?".
"Xôgôlôn, bà Nữ Ngưu!" Kunta hãnh diện đáp.

Ômôrô mỉm cười và, xốc lên đôi vai lực lưỡng hai khúc cọ nặng cột trong dây quai, anh bắt đầu bước đi. Vừa ăn quả cọ, Kunta vừa đi theo và gần như trên suốt chặng đường về làng, Ômôrô kể cho nó nghe Vương quốc Manđinka vĩ đại đã bị chinh phục như thế nào bởi vị tướng nô lệ tàn tật mà lỗi lạc ấy, đạo quân của ông mới đầu gồm toàn những nô lệ chạy trốn mà ông bắt gặp ở những đầm lầy và những nơi ẩn náu khác.
"Con sẽ học nhiều điều nữa về ông khi nào được đào tạo trưởng thành", Ômôrô nói – và chỉ nghĩ đến thời kỳ ấy, Kunta đã sợ toát người, song đồng thời lại thấy hồi hộp đợi chờ.
Ômôrô kể rằng Xunđiata đã trốn khỏi nhà lão chủ mà ông thù ghét như phần lớn những người nô lệ không ưa chủ vẫn làm thế. Anh cho biết trừ những kẻ tội phạm bị kết án, người ta không thể đem bán nô lệ cho người chủ nào mà anh ta không ưng.
"Bà Nyô Bôtô cũng là một nô lệ", Ômôrô nói, và Kunta suýt nữa nghẹn một miếng quả cọ vì sửng sốt. Nó không thể hiểu nổi điều đó. Trong đầu nó vụt loé lên hình ảnh bà già Nyô Bôtô yêu quý ngồi xổm trước cửa lều vừa coi sóc mươi mười lăm đứa hài nhi trần truồng vừa tết hàng rổ tóc giả và nanh nọc giễu mọi người lớn đi ngang qua – thậm chí cả những người già cả, nếu bà thích thế. "Bà ấy chẳng phải là nô lệ của ai hết", nó nghĩ bụng.

Chiều hôm sau, sau khi nhốt dê vào chuồng, Kunta đưa Lamin về nhà theo một con đường khác tránh bọn bạn chơi thường ngày và phút chốc, chúng lặng lẽ ngồi xổm trước lều bà Nyô Bôtô. Lát sau, cảm thấy mình có khách, bà già xuất hiện ở khung cửa. Và chỉ thoáng nhìn thấy Kunta, vốn bao giờ cũng là một trong số những đứa bé cưng của mình, bà biết ngay rằng tâm trí nó đang băn khoăn về một điều gì đặc biệt. Mời hai đứa bé vào trong lều, bà lăng xăng pha nước lá cho chúng uống.
"Bố mẹ các cháu thế nào?" bà hỏi.
"Khỏe lắm ạ. Cảm ơn bà hỏi thăm", Kunta lễ phép đáp. "Còn bà, bà có khỏe không ạ?"
"Bà rất khỏe", bà trả lời.

Mãi cho đến lúc nước lá được rót ra đặt ra trước mặt nó, Kunta vẫn chưa tìm được lời để nói tiếp. Rồi nó bỗng bật ra: "Bà ơi, tại sao bà lại là một nô lệ".

Bà Nyô Bôtô chằm chằm nhìn Kunta và Lamin. Bây giờ đến lượt bà nín lặng hồi lâu. "Ta sẽ kể cho các cháu nghe", cuối cùng bà nói.
"Chuyện xảy ra vào một đêm tại làng quê bà, ở cách đây xa lắm và đã từ bao vụ mưa rồi, và hồi bà hãy còn là một người vợ trẻ", bà Nyô Bôtô nói; bà đang ngủ bỗng kinh hoàng thức giấc giữa những tiếng kêu thét của hàng xóm; các mái lều bốc cháy đùng đùng, đổ xập xuống. Ôm vội lấy hai đứa con thơ, một trai một gái (mà bố vừa chết trong một cuộc chiến tranh bộ lạc), bà lao ra ngoài giữa đám những người khác – tại đây, bọn da trắng vũ trang đi bắt nô lệ đã đợi họ, với những tên phản bội da đen giúp sức. Trong một cuộc chiến đấu dữ dội, tất cả những ai không thoát được đều bị dồn vào tập trung một cách thô bạo, và những ai bị thương quá nặng hoặc già quá hay bé quá không đủ sức đi xa, đều bị giết ngay trước mắt những người khác. "Kể cả hai con nhỏ của ta và mẹ già của ta", bà Nyô Bôtô nức nở.

Trong khi Lamin và Kunta nắm chặt lấy tay nhau, bà kể tiếp cho chúng nghe những tù nhân khiếp đảm xâu thành chuỗi bởi dây chằng cổ người này với cổ người kia, đã bị đánh đập và lùa đi như thế nào qua vùng nội địa nóng cháy, khô cằn trong bao ngày. Và mỗi ngày, càng có thêm nhiều tù nhân gục xuống dưới làn roi quật vào lưng họ để thúc đi nhanh hơn. Sau một số ngày lại thêm nhiều người bắt đầu ngã gục vì đói và kiệt sức. Một số gắng đi tiếp, nhưng những người không gượng nổi bị bỏ lại làm mồi cho thú dữ. Dẫy dài tù nhân đi qua những làng khác cũng bị đốt phá, đầu lâu và xương người cùng thú vật ngổn ngang giữa những lớp rạ và vách bùn cháy thui trước kia là các lều gia đình. Không đầy một nửa số người bắt đầu cuộc hành trình này, tới được làng Jufurê, cách nơi bán nô lệ gần nhất trên sông Kamby bốn ngày đường.
"Chính tại đây một tù nhân trẻ đã được bán với giá một bao ngô", bà già nói. "Đó là ta. Và vì thế mà ta được gọi là Nyô Bôtô", Kunta hiểu chữ đó nghĩa là "bao ngô". Chẳng bao lâu, người đàn ông mua bà làm nô lệ chết, bà nói "và từ đó ta cứ ở luôn đây".

Lamin nghe chuyện, khích động quá cứ ngọ nguậy hoài, còn Kunta có phần lại càng cảm thấy yêu mến, trân trọng già Nyô Bôtô hơn trước, giờ đây bà ngồi mỉm cười âu yếm với hai thằng bé mà bố mẹ chúng, cũng như chúng đã từng một thời được bà bế ẵm trong lòng.
"Ômôrô, bố các cháu, còn thuộc lứa kafô đầu, hồi ta tới Jufurê" Bà Nyô Bôtô nói, nhìn thẳng vào Kunta "Yaixa, mẹ nó, tức bà nội các cháu, là bạn rất tốt của ta. Cháu còn nhớ bà ấy chứ?" Kunta trả lời có và hãnh diện nói thêm rằng nó đã kể cho thằng em nghe mọi chuyện về bà nội.
"Thế là tốt!" bà Nyô Bôtô nói: "Bây giờ ta phải quay về làm việc đây. Các cháu đi đi thôi".

Cám ơn bà đã cho uống nước lá, Kunta và Lamin đi khỏi và chậm rãi bước trở về lều, mỗi đứa đều trầm ngâm với những ý nghĩ riêng tư của mình.

Chiều hôm qua, khi chăn dê trở về, Kunta thấy Lamin rồn rập tuông ra bao nhiêu câu hỏi về bà Nyô Bôtô. Ở Jufurê, đã có bao giờ cháy như thế không? nó lục vấn. À nó chưa từng nghe thấy thế bao giờ, Kunta nói, và cũng chẳng thấy dấu vết gì về chuyện ấy ở trong làng cả. Kunta đã bao giờ trông thấy người nào trong bọn da trắng ấy không? "Tất nhiên là chưa!" nó kêu lên. Song nó bảo bố kể là có hồi bố với các anh trai của bố đã trông thấy bọn cướp tubốp cùng những chiếc tàu của chúng tại một điểm ở ven sông.

Kunta vội vàng chuyển sang chuyện khác vì nó biết rất ít về bọn tubốp và nó cần phải tự mình suy nghĩ về chúng – Nó ước ao có dịp trông thấy một tên trong bọn ấy – cố nhiên là ở một khoảng cách an toàn, bởi vì tất cả những điều nó được nghe nói về bọn chúng đều chứng tỏ rằng tốt nhất là chớ có lại quá gần bọn chúng.

Mới gần đây thôi, một cô gái đi hái dược thảo – và trước cô ta, hai gã đi săn – đã mất tích và ai nấy đều chắc chắn là bọn tubốp đã bắt họ mang đi. Dĩ nhiên, nó nhớ là những lúc trống ở các làng khác báo động cho biết bọn tubốp hoặc đã bắt ai đó, hoặc đang đến gần, thì cánh đàn ông bèn mang vũ khí canh gác vòng trong, vòng ngoài, trong khi cánh đàn bà hốt hoảng vội vội vàng vàng tập hợp tất cả trẻ con, trốn vào rừng cách xa làng – đôi khi mấy ngày liền – cho đến khi biết là bọn tubốp đã đi khỏi.

Kunta nhớ có lần nó chăn dê ngoài bãi vắng lặng. Ngồi dưới bóng cây ưa thích của mình, tình cờ nó ngước mắt nhìn lên và ngạc nhiên thấy hai, ba chục con khỉ nép vào nhau dọc những cành cây rậm lá, im phăng phắc như tượng, những cái đuôi dài thòng xuống. Trước đó, nghĩ đến khỉ bao giờ Kunta cũng hình dung chúng lăng xăng ầm ĩ và nó không thể quên được cái cảnh chúng ngồi lặng lẽ đến thế, theo dõi từng cử chỉ của mình. Nó ước gì chính nó cũng có thể ngồi trên cây quan sát một tên tubốp nào đó ở bên dưới .

Buổi chiều sau cái hôm Lamin hỏi nó về bọn tubốp, khi lùa dê về nhà, Kunta nêu vấn đề lên với các bạn mục đồng – và lập tức, bọn này bèn kể những điều chúng đã được nghe. Một đứa, thằng Đemba Contê, nói rằng nó có một ông chú rất dũng cảm, một bận, đã lại gần bọn tubốp đến độ ngửi thấy mùi chúng – và chúng hôi đặc biệt. Tất cả bọn đều đã nghe kể là tubốp bắt người đi là để ăn thịt. Nhưng một số cũng nghe nói là bọn tubốp bảo những người bị bắt không hề bị ăn thịt, mà là để làm việc trong những trang trại lớn. Xitafa Xila nghe vậy bèn xổ ra câu trả lời nó đã nghe từ miệng ông nó: "Cái thói lừa dối của người da trắng!"

Vừa có dịp là Kunta hỏi Ômôrô liền: "Bố ơi, bố kể con nghe bố và các bác trông thấy tubốp ở ngoài sông như thế nào đi", và nó vội vàng nói thêm : "Bởi vì chuyện này cần phải nói thật đúng cho Lamin hay". Kunta có cảm giác là bố gần như tủm tỉm cười, nhưng Ômôrô chỉ ậm ừ, hiển nhiên là không muốn trò chuyện lúc đó. Nhưng mấy hôm sau, Ômôrô thản nhiên rủ cả Kunta lẫn Lamin ra ngoài làng kiếm một số rễ cây anh đang cần. Đây là lần đầu tiên thằng cu Lamin còn ở truồng được đi chơi với bố nên nó mừng không để đâu cho hết. Biết rằng nhờ có Kunta nên mới được thế, nó cứ nắm chặt lấy đuôi áo dài của thằng anh.

Ômôrô kể cho các con rằng sau đợt đào tạo trưởng thành, hai người anh trai của anh là Jannê và Xalum đã rời bỏ Jufurê và, cùng với thời gian trôi qua, người ta được tin họ trở thành những lữ khách nổi tiếng ở nhiều nơi xa lạ. Lần trở về làng đầu tiên của họ là khi tiếng trống thoại từ Jufurê lan đi khắp, báo cho họ biết Ômôrô sinh con trai đầu lòng. Hai người theo đường mòn đi liên miên ngày đêm không ngủ để về dự lễ đặt tên. Và sau một thời gian đằng đẵng xa quê, hai anh em vui mừng ôm hôn một số bạn bè cùng lứa kafô hồi còn để chỏm. Nhưng số người ít ỏi còn lại này buồn bã kể với họ về những người khác đã vĩnh viễn ra đi – người chết trong những làng bị đốt cháy, kẻ bị giết bởi những cây gậy khạc lửa ghê sợ, người bị bắt cóc, kẻ mất tích trong khi làm đồng, săn bắn hoặc du hành – và tất cả đều do bọn tubốp mà ra.
Ômôrô kê rằng hai người anh bèn nổi giận, đề nghị anh cùng đi với họ một chuyến xem thử bọn tubốp đang làm trò gì và họ có thể làm gì để đối phó. Thế là ba anh em đi ròng rã ba ngày trời dọc theo bờ sông Kamby, thận trọng náu mình trong bụi cho đến khi thấy cái điều họ tìm kiếm. Khoảng hai mươi chiếc xuồng lớn của bọn tubốp thả neo trên sông, mỗi chiếc đủ chứa cả dân làng Jufurê, chiếc nào chiếc nấy đều có một tấm vải to tướng buộc bằng thừng vào một cái cột giống như thân cây, cao bằng mười người chồng lên nhau. Gần đó là một cái đảo nhỏ và trên đảo có một pháo đài .

Rất nhiều tên tubốp đang lăng xăng đi đi lại lại, có những gã da đen giúp việc, cả ở trên pháo đài lẫn dưới những xuồng nhỏ. Những chiếc xuồng nhỏ này đang chở những hàng như củ nâu khô, bông, sáp ong và da thú đến các xuồng lớn. Tuy nhiên Ômôrô nói, kinh khủng không sao tả siết là cảnh đánh đập cùng những hành động tàn bạo khác đối với những người bị bọn tubốp bắt mang đi.

Ômôrô lắng đi hồi lâu, và Kunta đang cảm thấy anh đang nghiền ngẫm một điều gì khác để kể cho nó. Cuối cùng, anh nói: "Bây giờ, người của ta bị bắt đi không nhiều bằng dạo ấy đâu". Anh kể rằng hồi Kunta còn ẵm ngửa, vua

miền Bara cai quản khu vực này của Găмbia đã ra lệnh chấm dứt các cuộc đốt làng kèm theo việc bắt bớ hoặc giết chóc dân chúng. Và chẳng bao lâu tình trạng đó kết thúc thật, sau khi quân lính của mấy vị quốc vương phẫn nộ đã đốt những chiếc xuồng lớn cháy sạch sành sanh, giết hết bọn tubốp trên đó.

"Bây giờ" Ômôrô nói tiếp :Mỗi chiếc xuồng da trắng khi vào sông Kamby đều phải bắn mười chín phát đại bác chào quốc vương Bara". Anh cho biết hiện nay chính những nhân viên của quốc vương cung cấp phần lớn bọn người cho bọn tubốp đem đi – thường thường là bọn tội phạm hoặc con nợ, hoặc những kẻ bị án tình nghi là âm mưu làm phản nhà vua, nhiều khi chỉ trên mức đồn đại một tí. Theo lời Ômôrô, hễ có tàu của bọn tubốp đi vào sông Kamby tìm mua nô lệ, là y như rằng số người bị kết án phạm tội tăng lên.

"Nhưng cả đến vua chúa cũng không thể chấm dứt được việc bắt lén một số người khỏi làng họ", Ômôrô nói tiếp. "Các con đã biết một số người mất tích khỏi làng ta, trong đó có ba người biến mất chỉ trong vòng mấy tuần trăng vừa qua, như các con biết đấy, hơn nữa các con cũng đã nghe thấy hiệu trống từ các làng khác báo tin có người bị bắt". Anh chòng chọc nhìn hai đứa con và chậm rãi nói: "Những điều cha sắp nói với các con đây, các con phải nghe không chỉ bằng hai tai, mà hơn thế nữa, phải khắc sâu vào dạ - bởi vì nếu không làm theo lời cha dặn, các con sẽ có thể bị bắt đi mãi mãi!" . Kunta và Lamin lắng nghe, nỗi sợ mỗi lúc một tăng trong lòng. "Nếu có thể thì đừng bao giờ tách ra một mình" Ômôrô nói. " Ban đêm, chớ bao giờ ra ngoài nếu giữ được thế. Và ngày cũng như đêm, lúc nào chỉ có một mình, nhớ tránh xa mọi lùm cỏ cao hoặc bụi rậm, nếu có thể".

Từ giờ đến trọn đời, chúng phải luôn luôn đề phòng bọn tubốp, "ngay cả khi các con đã trở thành người lớn" theo lời bố chúng dặn. "Bọn tubốp hay bắn những cây gậy lửa, ở xa cũng nghe thấy tiếng nổ. Và nếu các con trông thấy khói bốc cuồn cuộn từ bất cứ nơi nào cách xa mọi làng mạc, đó có thể là những bếp nấu ăn rất lớn của bọn nó. Các con cần phải xem xét thật kỹ dấu vết của bọn tubốp để biết được chúng đi theo ngả nào. Bước chân của chúng nặng nề hơn ta nên nhìn dấu vết chúng để lại, các con sẽ nhận ra, rằng không phải người của ta: chúng giẫm gãy nát cây cỏ và cành con. Và khi các con đến gần nơi nào chúng đã từng ở, các con sẽ thấy mùi chúng còn vương vấn lại. Nó giống như mùi gà con bị ướt vậy. Và nhiều người nói là bọn tubốp tỏa ra một không khí nơm nớp mà ta có thể cảm thấy được. Nếu các con cảm thấy điều đó thì hãy bình tĩnh và nhiều khi ta có thể phát hiện được chúng từ một khoảng cách nào đó".

Nhưng biết bọn tubốp chưa đủ, Ômôrô nói, "có ối người của ta làm việc cho chúng. Đó là bọn da đen phản bội. Và không có cách nào để nhận ra bọn này, nếu không biết chắc chắn. Do đó, khi ở trong rừng, chớ có tin bất cứ người nào các con không quen biết".

Kunta và Lamin ngồi ngây ra vì sợ. "Những điều này nói với các con đến thế nào cũng chưa đủ", bố chúng nói tiếp, "Các con phải biết những gì cha và các bác đã thấy xảy đến với những người bị bắt đi. Đó là chỗ khác nhau giữa những nô lệ trong nội bộ chúng ta với những người bị bọn tubốp bắt đi làm nô lệ cho chúng". Ômôrô kể lại rằng ba anh em đã trông thấy các nạn nhân đó bị xiềng trong những khoang quây kín bằng hàng rào tre chắc nịch, được canh gác rất ngặt, dọc theo bờ sông. Khi những xuồng con chở những tên tubốp bệ vệ từ những xuồng lớn đến, những tù nhân liền bị lôi khỏi khu rào ra tập hợp trên bãi cát .
"Đầu họ bị cạo trọc và mình bị xoa mỡ đến khi toàn thân bóng nhẫy. Mới đầu, chúng bắt họ ngồi xổm và cứ thế nhảy lên nhảy xuống", Ômôrô kể . " Rồi khi bọn tubốp thấy nhảy thế là đủ, chúng bèn ra lệnh banh miệng những người bị bắt ra để kiểm tra răng và họng".

Thoắt cái, Ômôrô đưa ngón tay chạm vào hạ bộ Kunta và khi Kunta giật bắn người lên, Ômôrô nói: "Rồi chúng vạch fôtô (1) (dương vật) của đàn ông ra xem xét. Thậm chí, những bộ phận kín của phụ nữ cũng bị khám". Và cuối cùng, bọn tubốp bắt mọi người ngồi bệt xuống đất một lần nữa và dí những thanh sắt nung đỏ vào lưng và vai họ. Rồi đám người la thét và vật lộn bị dồn ra bờ sông, nơi các xuồng nhỏ chờ để chở họ ra các xuồng lớn.
"Hai bác và cha nhìn thấy nhiều người ngã xấp bụng xuống, cào, cắn vào cát như thể muốn dùng răng, và móng níu lấy quê hương lần cuối". Ômôrô nói. " Nhưng họ bị đánh đập và lôi xềnh xệch đi". Ngay cả khi đã ở trong những chiếc xuồng nhỏ rời bến, anh kể tiếp với Kunta và Lamin, một số người vẫn tiếp tục chống lại roi vọt và dùi cui, rồi nhảy tõm xuống nước nước giữa đàn cá lớn hung dữ lưng xám, bụng trắng, mõm khoằm đầy những răng nhọn hoắt ngoạm vào họ, làm máu loang đỏ cả dòng sông.

Kunta và Lamin nép sát vào nhau, đứa nọ nắm chặt tay đứa kia "Thà nói cho các con biết những điều đó còn hơn là một ngày kia cha mẹ phải giết con gà trống trắng vì các con" . Ômôrô nhìn hai đứa con trai "Các con có hiểu thế nghĩa là gì không?"

Kunta gắng gượng gật đầu và thốt nên lời: "Khi có người mất tích, phải không bố?" Nó đã từng thấy nhiều gia đình ngồi cầu Chúa Ala như điên như cuồng quanh một con gà trống trắng bị cắt tiết, giãy cánh đành đạch.

“Phải” Ômôrô nói “Nếu con gà trống trắng chết nằm sấp thì còn hy vọng. Nhưng nếu nó lật cánh nằm ngửa ra mà chết thì không hy vọng gì nữa, và cả làng sẽ cùng với gia đình đó cất tiếng than khóc lên thấu Chúa Ala”.

“Bố…”, giọng Lamin run lên vì sợ, làm Kunta giật mình, “Những chiếc xuồng lớn đưa những người bị bắt đi đâu?”.

“Các cụ già nói là đến Joong Xang Đu”, Ômôrô đáp “ Một đất nước mà ở đó những người nô lệ bị bán cho những tên khổng lồ ăn thịt người gọi là tubalô kumi và chúng sẽ ăn thịt họ. Không có ai biết thêm được gì về chuyện đó”.

Chương 17

Câu chuyện của bố về việc bắt nô lệ và về bọn da trắng ăn thịt người, làm cho Lamin khiếp sợ đến nỗi đêm hôm ấy, những cơn ác mộng đã khiến nó phải đánh thức Kunta dậy mấy lần. Và hôm sau, khi chăn dê về, Kunta quyết định phải lái tâm tư thằng em – và tâm tư bản thân nó – khỏi những ý nghĩ ấy bằng cách kể cho Lamin nghe về các ông bác cừ khôi của chúng .

"Các anh trai của bố cũng là con của ông nội Kairaba Kunta Kintê mà tao được đặt tên", Kunta hãnh diện nói. "Nhưng các bác Jannê và Xalum của chúng ta là do bà Xireng đẻ ra". Lamin có vẻ ngơ ngác nhưng Kunta tiếp tục giải thích "Bà Xireng là vợ thứ nhất của ông nội, bà chết trước khi ông lấy bà nội Yaixa của chúng ta". Kunta lấy những nhánh cây bày trên mặt đất để minh họa cho Lamin rõ các cá nhân khác nhau trong gia đình Kintê. Song nó có thể thấy là Lamin vẫn không hiểu. Nó thở dài và chuyển sang nói về các cuộc phiêu lưu của hai ông bác mà chính nó cũng đã nhiều lần hồi hộp nín thở theo dõi mỗi khi nghe bố kể .

"Các bác chúng ta chưa hề lấy vợ bao giờ, vì quá say mê đi đây đi đó", Kunta nói, "Hàng bao tuần trăng liền, các bác ngày ngao du dưới ánh mặt trời, đêm ngủ dưới màn sao. Bố bảo là các bác đã từng đến một nơi mà mặt trời thiêu đốt những bãi cát chạy dài không bao giờ hết, một vùng đất đai không bao giờ có mưa". Ở một nơi khác mà các bác chúng đã tới thăm, Kunta nói, cây mọc dày đến nỗi trong rừng, ban ngày cũng tối mịt như đêm. Dân vùng này không cao gì hơn Lamin và bao giờ cũng ở truồng như Lamin – ngay cả sau khi đã trưởng thành. Và họ giết những con voi to đùng bằng những mũi tên tẩm thuốc độc nhỏ xíu. Ở một nơi khác nữa, xứ sở của những người khổng lồ, Jannê và Xalum đã thấy những chiến binh có thể phóng những mũi xiên săn thú xa gấp đôi người khỏe nhất trong bộ tộc Manđinka và những nghệ sĩ múa có thể nhảy cao hơn đầu mình, nghĩa là cao hơn người cao nhất ở làng Jufurê sáu bàn tay chồng thẳng lên nhau.

Trước giờ đi ngủ, trong khi Lamin giương mắt thao láo nhìn, Kunta làm điệu bộ diễn xuất câu chuyện ưa thích nhất của mình – đột nhiên tả xung hữu đột với một thanh gươm tưởng tượng chém lên chém xuống, cứ như thể Lamin là một trong những tên cướp mà các bác chúng cùng những người khác hằng ngày phải đánh đuổi trong một chuyến đi kéo dài hàng bao tuần trăng, chở nặng những ngà voi, đá quý và vàng tới thành phố lớn của người da đen là Zimbabuê.

Lamin năn nỉ anh kể chuyện thêm, nhưng Kunta bảo nó đi ngủ đi. Cứ mỗi lần Kunta bị bắt phải đi ngủ sau khi nghe bố kể những câu chuyện như vậy, nó thường nằm dài trên chiếc chiếu – cũng như thằng em nó lúc này – mường tượng câu chuyện về các ông bác ra thành hình ảnh. Và thậm chí đôi khi Kunta còn nằm mê thấy mình đi du lịch cùng với các ông bác đến tất cả mọi nơi kỳ lạ, nói chuyện với những con người mà bộ dạng, hành vi và cách sống khác hẳn người Manđinka. Chỉ cần nghe thấy nhắc đến tên các ông bác là tim nó đã đập rộn lên rồi .

Mấy ngày sau, bỗng nhiên tên của các ông bác này được truyền tới Jufurê một cách náo nức đến nỗi Kunta phải khó khăn lắm mới tự kềm chế nổi. Đó là một buổi chiều oi ả, bình lặng và hầu như tất cả mọi người trong làng đang ngồi ngoài cửa lều hoặc dưới bóng cây bao-báp thì đột nhiên từ làng bên vọng sang gọn sắc tiếng trống truyền tin. Cũng như người lớn, Kunta và Lamin dỏng tai chăm chú nghe xem trống nói gì. Lamin há hốc miệng kêu lên khi nghe thấy tên bố mình. Nó còn bé, chưa hiểu được phần còn lại, nên Kunta thì thầm giải thích cho nó cái tin được truyền đến, Jannê và Xalum Kintê đang xây dựng một làng mới ở cách đây năm ngày đường, về phía mặt trời mọc. Và họ chờ em trai Ômôrô tới dự lễ cầu phước cho làng đó vào đầu tuần trăng sau nữa.

Tiếng trống loan tin dừng lại, Lamin hỏi rối rít: "Đúng là các bác của chúng ta đấy chứ? Cái chỗ ấy ở đâu? Liệu rồi bố có đến đó không?" Kunta không trả lời. Thật vậy, khi Kunta chạy xuyên qua làng như tên bắn về phía lều jaliba, nó hầu như không nghe thấy thằng em nói gì. Nhiều người khác đã tụ tập ở đấy – rồi Ômôrô tới, đằng sau là Binta với cái bụng kềnh càng. Mọi người nhìn Ômôrô và gã jaliba nói với nhau mấy câu ngắn và Ômôrô biếu anh ta một món quà. Cái trống đàm thoại đặt ở gần một đống lửa nhỏ, mặt bằng da dê được hơ nóng, căng đến tột độ. Phút chốc đám đông thấy đôi tay jaliba nện trống truyền đi câu trả lời của Ômôrô rằng theo ý Chúa Ala, anh sẽ có mặt tại khu làng mới của hai ông anh trước tuần trăng sau nữa. Trong những ngày tiếp theo, Ômôrô đi đâu dân làng cũng tấp nập xúm quanh chúc mừng và cầu phước cho ngôi làng mới mà lịch sử sẽ ghi lại là do thị tộc Kintê sáng lập nên.

Chỉ còn mấy ngày nữa là Ômôrô lên đường thì một ý nghĩ táo tợn đến mức hầu như không tưởng tượng được chợt xâm chiếm Kunta. Liệu có chút mong manh hy vọng nào bố nó bằng lòng cho nó đi cùng không nhỉ? Kunta không

thể nghĩ đến điều gì khác. Nhận thấy sự trầm lặng khác thường của nó, các bạn chăn dê, kể cả Xitafa, đều để cho Kunta yên. Và đối với thằng em tôn sùng nó, Kunta trở nên cáu bẳn đến nỗi ngay cả Lamin cũng phải phật ý và bối rối tránh xa. Kunta biết là mình hành động không phải và cảm thấy ân hận, nhưng nó không thể làm khác được.

Nó biết là thỉnh thoảng có thằng may mắn được phép cùng đi một chuyến viễn du với bố, với chú, bác hoặc với anh trai lớn. Song nó cũng biết những thằng như thế đều không còn ở cái tuổi non nớt tám vụ mưa như nó, trừ trường hợp một số thằng bé không cha được những đặc quyền theo luật lệ của tổ tiên truyền lại. Một thằng bé như vậy có thể bám sát bất kỳ người đàn ông nào và người này sẽ không bao giờ phản đối việc chia sẻ với nó bất cứ cái gì mình có – dù anh ta đang làm một chuyến đi kéo dài hàng tuần trăng – chừng nào thằng bé còn theo sau, cách anh ta đúng hai bước, làm mọi điều anh ta sai bảo, không phàn nàn và không nói không rằng, trừ khi anh ta nói với nó.

Kunta biết là không nên để cho ai, nhất là mẹ nó ngờ ngợ đoán ra điều nó mơ tưởng. Nó cảm thấy chắc chắn rằng nếu lộ ra, Binta không những sẽ phản đối mà có lẽ sẽ còn cấm nó không bao giờ được nhắc đến chuyện ấy, điều đó có nghĩa là Ômôrô sẽ không bao giờ biết Kunta thiết tha mong muốn được đi đến mức nào. Cho nên Kunta biết hy vọng duy nhất của nó là hỏi chính bố - nếu như nó có cơ hội gặp bố một mình.

Chẳng bao lâu, chỉ còn ba ngày nữa là Ômôrô lên đường, Kunta gần như tuyệt vọng nhưng vẫn tỉnh táo chờ dịp, sau khi ăn sáng, đang lùa dê thì nó chợt thấy bố rời khỏi lều Binta. Lập tức, nó bèn điều khiển đàn dê quanh quẩn lại một chỗ cho đến khi Ômôrô đi khá xa theo một hướng khuất hẳn tầm mắt của Binta . Bấy giờ, Kunta đánh liều bỏ mặc đàn dê, chạy vụt đi như một con thỏ rừng, rồi dừng sững lại, thở không ra hơi, ngước mắt cầu khẩn nhìn vào bộ mặt kinh ngạc của bố. Miệng há hốc, Kunta quên biệt mọi điều định nói.

Ômôrô cúi nhìn con trai hồi lâu, rồi nói: " Bố vừa nói với mẹ con về chuyện ấy", và tiếp tục đi.

Kunta phải mất vài giây mới hiểu bố. "Aaa!". Kunta hét toáng lên mà thậm chí không biết là mình hét. Gieo mình xấp xuống đất, nó lại nhảy bật lên trên không như con cóc – và lao trở về với đàn dê, xua chúng chạy nhanh ra bãi.

Khi nó đủ bình tĩnh lại để kể cho lũ bạn mục đồng nghe câu chuyện vừa xảy ra, bọn này phát ghen lên đến nỗi mỗi đứa bỏ đi một phía. Nhưng dến trưa, chúng không dừng được nữa, không cưỡng nổi ý muốn chia sẻ niềm phấn khởi trước một dịp may kỳ diệu như vậy. Song lúc này, Kunta lại trở nên trầm lặng: nó chợt hiểu ra là từ lúc hiệu trống mang tin đến, bố nó đã suy nghĩ ngay đến nó.

Xế chiều hôm đó, khi Kunta sung sướng chạy về và bước vào căn lều của mẹ, Binta chẳng nói chẳng rằng, vớ lấy nó bạt tai túi bụi đến nỗi thằng bé phải vùng chạy mà không dám hỏi là mình đã làm gì nên tội. Và thái độ của Binta đối với Ômôrô đột nhiên thay đổi một cách kỳ lạ khiến Kunta cũng thấy chướng. Ngay cả Lamin cũng biết rằng một người đàn bà tuyệt đối không được phép tỏ ra bất kính đối với một người đàn ông, thế mà khi Ômôrô đứng gần kề, có thể nghe rành rọt lời chị nói, Binta vẫn cứ lớn tiếng ca cẩm, phản đối chuyến đi của hai bố con xuyên rừng xuyên bãi giữa lúc tiếng trống từ nhiều làng khác nhau thường xuyên loan tin có thêm những người bị mất tích. Những lúc chuẩn bị mạch kê làm bữa điểm tâm, chị nện chày vào lòng cối dữ dội đến nỗi nghe như đánh trống.

Hôm sau, khi Kunta hối hả ra khỏi lều – để tránh một trận đòn mới – Binta cấm Lamin không được theo, rồi hôn hít nó, vuốt ve nó, ghì lấy nó, những cử chỉ âu yếm mà kể từ sau thời kỳ nó còn ẵm ngửa, chị đã thôi không làm nữa. Lamin đưa mắt nhìn Kunta tỏ ý bối rối, nhưng cả hai đều không làm gì được.

Khi Kunta ở ngoài lều, cách xa mẹ nó, hầu hết mọi người lớn gặp nó đều chúc mừng, nêu rõ nó là đứa con trai nhỏ tuổi nhất ở Jufurê có vinh dự đi cùng với bậc cha anh trong một chuyến viễn du dài ngày. Kunta khiêm tốn nói "Cám ơn" chứng tỏ nền nếp giáo dục gia đình đâu vào đấy – nhưng một khi ra đến bãi, ngoài tầm mắt của người lớn, nó liền nhảy cỡn lên dưới cái bọc quần áo to tướng mà nó mang theo để trưng trỏ cho các bạn thấy mình có thể đội ngay ngắn như thế nào – và sáng hôm sau, nó sẽ đội cái bọc đó thật thăng bằng khi theo cha đĩnh đạc đi qua cây lữ khách cho mà xem. Nhưng đi được ba bước thì cái bọc đó rớt cả ba lần.

Trên đường trở về nhà, lòng ngổn ngang bao điều cần làm trước khi lên đường, Kunta cảm thấy một thôi thúc kỳ lạ phải đến thăm già Nyô Bôtô trước khi tiến hành bất cứ cái gì khác. Sau khi đưa dê về chuồng, nó lỉnh thật nhanh khỏi lều Binta và đến ngồi chồm chỗm trước lều bà Nyô Bôtô. Lát sau, bà hiện ra ở khung cửa "Ta đang đợi cháu", bà nói, mời nó vào trong lều. Như thường lệ mỗi khi Kunta đến thăm bà một mình, hai bà cháu cứ ngồi yên lặng một lúc. Xưa nay nó vẫn thích và chờ đợi cái cảm giác đó. Mặc dầu nó rất bé và bà thì rất già, hai bà cháu vẫn cảm thấy hết sức gần gũi nhau khi ngồi đó, trong căn lều mờ tối, mỗi người theo đuổi những ý nghĩ riêng của mình.

“Ta có một cái dành cho cháu”, cuối cùng già Nyô Bôtô nói. Bước tới chỗ cái túi xẫm đen bằng da bò treo trên tường cạnh giường nằm, bà lôi ra một lá bùa xaphi màu xẫm người ta thường quấn vào cánh tay. “Ông nội cháu đã ban phước cho lá bùa này khi cha cháu đi tập luyện trưởng thành”, bà Nyô Bôtô nói. “Nó được ban phước nhân kỳ huấn luyện trưởng thành của con trai đầu lòng Ômôrô – tức là cha cháu. Bà nội Yaixa giao nó lại cho ta giữ đến khi nào cháu bước vào tập luyện trưởng thành. Và chuyến đi này với bố cháu quả thật là bước mở đầu ấy”. Kunta âu yếm nhìn bà già thân yêu, nhưng nó không tìm ra lời lẽ thích đáng để nói rằng lá bùa sẽ khiến nó cảm thấy bà luôn luôn ở bên nó, dù nó đi xa đến đâu chăng nữa.

Sáng hôm sau, cầu nguyện ở nhà thờ trở về, Ômôrô sốt ruột đứng chờ Binta đủng đỉnh làm nốt động tác sửa lại ngay ngắn cái bọc đội đầu cho Kunta. Ban đêm nằm chong chong, quá rạo rực không ngủ được, Kunta đã nghe thấy chị khóc nức nở. Rồi bất thình lình chị ghì chặt lấy Kunta đến nỗi nó cảm thấy người chị run lên và hơn bao giờ kết, nó hiểu mẹ nó thực quả yêu nó biết nhường nào.

Trước đó, cùng với thằng bạn Xitafa, Kunta đã thực tập và tổng duyệt những điều mà giờ đây nó và bố nó đang làm. Trước hết, Ômôrô rồi sau đó là Kunta bước hai bước ra trước cửa lều. Rồi dừng sững, quay lại và cúi xuống, hai bố con vét nắm bụi trong những dấu chân đầu tiên của mình, bỏ vào túi săn, bằng cách đó đảm bảo bước chân mình sẽ quay trở về chỗ cũ.

Từ cửa lều mình, Binta nước mắt giàn giụa, ghì chặt Lamin vào cái bụng chửa, đứng trông theo Ômôrô và Kunta bước đi. Kunta đã định ngoái lại nhìn lần cuối – nhưng thấy bố không làm thế mà cứ tiếp bước, mắt nhìn thẳng phía trước, nó bèn nhớ ra rằng một người đàn ông không nên bộc lộ những xúc động của mình. Trong khi đi ngang qua làng, mọi người đang gặp trên đường đều nói và mỉm cười với hai bố con, và Kunta vẫy các bạn cùng lứa kafô đã hoãn chậm việc lùa dê để tiễn nó. Nó biết các bạn hiểu rõ sở dĩ nó không đáp lại những lời chào của chúng là vì đối với nó lúc này, mọi lời thưa thốt là cấm kỵ. Tới chỗ cây lữ khách, hai bố con dừng lại và Ômôrô buộc hai mảnh vải hẹp thêm vào hàng trăm dải khác đã tơi tả vì mưa nắng dãi dầu nhưng vẫn phất phơ ở những cành thấp, mỗi dải tượng trưng cho lời của một du khách nguyện cầu cho chuyến đi của mình được an toàn và đầy ân phước.

Kunta không thể tin rằng những diều này đang thực sự diễn ra. Lần đầu tiên trong đời nó sẽ qua một đêm cách xa lều mẹ, lần đầu tiên, nó sẽ đi qua cổng làng Jufurê xa hơn cả một con dê lạc bầy, lần đầu tiên… cho biết bao nhiêu thứ! Trong khi Kunta đang bận tâm với những ý nghĩ ấy, Ômôrô đã quay gót và không nói không rằng, cũng chẳng ngoái nhìn lại, bắt đầu đi rất nhanh trên con đường mòn dẫn vào rừng. Kunta chạy vội để theo cho kịp bố, tí nữa làm rớt cái bọc đội đầu.

Chương 18

Kunta thấy mình phải gần như chạy lon ton mới giữ được đúng khoảng cách hai bước chân đằng sau Ômôrô. Nó thấy hầu như mỗi lần bố nó nhẹ nhàng sải dài cẳng là nó phải bước nhanh hai bước ngắn mới kịp. Sau một giờ như vậy, niềm phấn khởi của Kunta đã ỉu sìu đi gần như nhịp chân của nó. Cái bọc trên đầu mỗi lúc một nặng hơn và một ý nghĩ kinh khủng vụt đến với nó: giả dụ nó đâm mệt quá đến nỗi không theo nổi nữa thì sao? Hung lên, nó tự bảo mình sẽ gục ngay tại chỗ, trước khi điều đó xảy ra.

Đây đó, khi hai bố con đi qua, những con lợn rừng khịt khịt lao vào bụi rậm, gà gô xào xạc bay lên và những chú thỏ nhảy vọt đi tìm chỗ nấp. Nhưng đang mải miết với quyết tâm theo cho kịp Ômôrô, nên dù có là một con voi, Kunta cũng không buồn để ý. Những bắp thịt phía dưới gối Kunta đang bắt đầu nhoi nhói. Mặt nó vã mồ hôi, cả đầu cũng thế, cứ xem cái bọc bắt đầu trượt đi, đảo một tí bên này, một tí bên kia thì đủ biết, và nó cứ phải đưa cả hai tay lên chỉnh lại cho ngay ngắn.

Sau một lúc, nhìn đằng trước, Kunta thấy hai bố con đang lại gần cây lữ khách của một làng nhỏ. Nó tự hỏi đó là làng gì, nó dám chắc mình có biết đến tên làng đó nếu bố nó nhắc, nhưng từ lúc rời Jufurê, Ômôrô chẳng nói cũng chẳng nhìn lại sau lưng. Mấy phút sau, Kunta thấy mấy đứa bé trần truồng thuộc lứa kafô đầu chạy bổ ra gặp hai bố con nó – như bản thân nó có hồi cũng đã từng làm thế. Chúng vẫy tay, hò la, và khi đến gần hơn Kunta có thể thấy mắt chúng trợn tròn vì thấy một thằng nhóc như vậy cùng du hành với bố .

“Các người đi đâu thế?” chúng lao xao hỏi, chen chúc hai bên Kunta. “Có phải bố mày đấy không?” “Bố con mày là người Manđinka phải không?” “Làng mày là làng gì?” Dù rất mệt, Kunta vẫn cảm thấy rất già dặn và quan trọng nó tỉnh bơ bọn kia, y hệt như bố nó vậy.

Đến gần mỗi cây lữ khách, con đường thường rẽ đôi, một ngả dẫn vào làng, ngả kia đi qua ngoài làng để cho người nào không có việc gì ở đó cứ tiếp tục đi mà không bị coi là khiếm nhã. Khi Ômôrô và Kunta rẽ vào ngả đi qua phía ngoài làng, bọn trẻ con thất vọng kêu lên, còn những người lớn ngồi dưới cây bao-báp của làng chỉ đưa mắt nhìn các lữ khách, vì tất cả còn tập trung chú ý vào một ông già kể sử mà Kunta nghe thấy đang lớn tiếng diễn thuyết về sự vĩ đại của người Manđinka. Kunta nghĩ bụng: chắc sẽ có khối ông già kể sử, người hát ngợi và nhạc công tại lễ cầu phước cho làng mới của hai bác nó.

Mồ hôi bắt đầu chảy vào mắt Kunta, khiến nó cứ phải hấp háy cho đỡ xót. Từ lúc hai cha con khởi hành, mặt trời mới đi qua một nửa bầu trời, thế mà chân nó đã đau tợn và cái bọc đội đầu đã trở nên nặng đến nỗi nó bắt đầu nghĩ là mình sắp sửa quỵ, không chịu nổi nữa. Một cảm giác kinh hoàng dâng lên trong nó khi Ômôrô đột nhiên dừng lại và lẳng cái bọc đội đầu của mình xuống đất, bên một con hố trong leo lẻo cạnh đường đi. Kunta đứng một lúc, cố kềm chế đôi chân run rẩy. Nó túm chặt lấy cái bọc đội đầu để hạ xuống, nhưng nó tuột khỏi tay, rơi đánh bịch một cái. Lòng rầu rĩ nó biết là cha đã nghe thấy – nhưng Ômôrô đã quỳ xuống uống nước ở lạch, thậm chí không tỏ dấu hiệu gì là có con trai mình ở đó nữa.

Trước đó, Kunta không nhận ra là mình khát đến mức độ nào. Bước thấp bước cao bên bờ nước, nó quỳ xuống để uống nhưng chân nó không chịu gập theo tư thế ấy. Sau khi cố thử lần nữa vẫn không được, cuối cùng nó đành nằm áp bụng xuống, chống hai khủy tay và xoay xở áp miệng xuống được làn nước.

“Một chút xíu thôi”. Đây là lần đầu tiên bố nó lên tiếng kể từ lúc rời Jufurê và điều đó khiến Kunta bất bình “Nuốt một tí chờ cho xuôi, rồi lại uống thêm tí nữa”. Vì một lý do nào đó, nó cảm thấy tức bố nó. “Vâng, thưa bố”, nó định nói thế, song không thốt ra được tiếng nào. Nó nhấm nháp chút nước mát và nuốt ực đi. Nó cố nén đợi mà như muốn gục xuống. Sau khi nhấp thêm một chút nữa, nó ngồi dậy và nghỉ bên bờ hồ. Nó thoáng nghĩ rằng việc rèn luyện trưởng thành hẳn cũng tựa tựa như vậy. Thế rồi, ngồi thẳng người, nó ngủ thiếp đi.

Khi nó giật mình thức dậy, nó ngủ được bao lâu rồi nhỉ? – thì chẳng thấy Ômôrô đâu cả. Chồm trở dậy, Kunta thấy cái bọc lớn dưới một gốc cây cạnh đó, vậy là bố nó chưa đi đâu xa. Khi bắt đầu ngó quanh quẩn, nó mới nhận ra là mình mẩy ê ẩm biết chừng nào. Nó lắc mạnh người và vươn chân vươn tay. Các bắp thịt đau rần, nhưng nó cảm thấy dễ chịu hơn trước. Quỳ xuống uống thêm vài hụm nước, Kunta thấy bóng mình trên mặt hồ lặng tờ - một bộ mặt đen nhẻm bé choắt với đôi mắt to và cái miệng rộng. Kunta mủm mỉm cười với bóng mình rồi nhoẻn miệng phô cả hàm răng. Nó không dừng được, phá lên cười rộ, và khi ngẩng nhìn lên… thì Ômôrô đã đang đứng cạnh nó. Kunta bật đứng phắt dậy, luống cuống, nhưng bố nó dường như đang chăm chú vào những điều gì khác.

Dưới bóng mấy cái cây, cả hai đều lặng thinh chẳng nói chẳng rằng, trong khi lũ khỉ chí chóe và bầy vẹt quang quác trên đầu, hai cha con lấy trong bọc ra ít bánh mì ăn với bốn con chim câu rừng béo mập mà Ômôrô đã dùng nỏ bắn chết và quay trong khi Kunta ngủ. Vừa ăn, Kunta vừa tự nhủ rằng, dễ gặp cơ hội một cái là nó sẽ tỏ cho cha biết mình cũng có thể giết thú và nấu nướng thức ăn cừ như thế nào, theo lối nó và các bạn cùng lứa kafô vẫn làm ngoài bãi hoang vậy.

Ăn xong, mặt trời đã qua được ba phần tư bầu trời cho nên khi buộc lại và đặt các bọc ngay ngắn lên đầu thì không đến nỗi nóng như trước nữa và hai cha con lại tiếp tục lên đường.

"Bọn tubốp cập thuyền ở cách đây một ngày đường" Ômôrô nói vậy khi đã đi một quãng dài. "Bây giờ là ban ngày ta còn nhìn rõ, nhưng ta vẫn phải tránh những chỗ bụi rậm và cỏ mọc cao có thể che dấu những điều bất ngờ" Ômôrô đưa ngón tay sờ vỏ dao và cung tên "Đêm nay ta phải ngủ trong một làng nào đó".

Cố nhiên, có bố bên cạnh, nó không việc gì mà sợ, nhưng Kunta vẫn cảm thấy một loáng hãi hùng sau cả một quãng đời luôn nghe thấy mọi người cùng trống phách kể về những vụ mất tích và bắt trộm người. Trong khi tiếp tục đi – lúc này bước rảo hơn một chút – Kunta nhận thấy những đống phân linh cẩu trên đường; phân linh cẩu màu trắng ngần vì chúng có bộ hàm khỏe nhai rau ráu và ăn rất nhiều xương. Và bên vệ đường, bước chân hai cha con tiến lại gần khiến một bầy linh dương ngừng ăn, đứng ngây như tượng, chăm chăm nhìn cho tới khi hai con người đi qua hẳn.

"Voi!". Lát sau Ômôrô nói và Kunta trông thấy những bụi rậm xung quanh bị giẫm nát, các cây con bị tróc vỏ, tước cành và một số cây lớn gần bật hẳn rễ do bị voi dựa vào để kéo những lá non trên ngọn xuống vừa tầm vòi chúng có thể vươn tới. Vì lẽ voi không bao giờ ăn ở gần làng, gần người, nên cả đời Kunta cho tới nay mới chỉ thấy vài con, mà lại từ rất xa. Mấy con này ở trong số hàng nghìn thú rừng ùa nhau chạy ầm ầm như sấm dậy trước những đám khói đen khủng khiếp khi một đám cháy lớn lan khắp vùng rừng hoang hồi Kunta còn bé tí, nhưng ơn Chúa Ala, mưa đã dập tắt đám cháy trước khi nó gây hại cho Jufurê hay bất kỳ làng nào gần đó.

Trong khi hai cha con hì hụi đi theo con đường mòn tưởng như bất tận, Kunta chợt nảy ra ý nghĩ rằng cũng như bước chân người vạch nên những con đường, loài nhện dệt lên những sợi dài mỏng mảnh để ngao du trên đó, Kunta tự hỏi liệu Chúa Ala có muốn mọi sự cho sâu bọ và thú vật như cho người không; nó ngạc nhiên nhận ra trước đây chưa bao giờ nó nghĩ tới điều đó. Nó ước ao giá có thể hỏi Ômôrô ngay tức thời về chuyện này. Nó lại càng ngạc nhiên hơn về nỗi Lamin đã không hỏi gì nó về vấn đề ấy, vì Lamin vẫn hay hỏi nó về cả những chuyện nhỏ nhoi hơn cả chuyện sâu bọ. Được, nó sẽ có ối chuyện để kể cho thằng em nghe khi nó trở về Jufurê – đủ để lấp đầy những ngày dài ngoài bãi cùng các bạn mục đồng của nó trong những tuần trăng tới .

Kunta cảm thấy nó và Ômôrô đang đi vào một loại xứ sở khác với vùng mình ở. Mặt trời tà rọi chiếu xuống những đám cỏ rậm rạp chưa từng thấy, và giữa những cây quen thuộc, lại có những khóm lớn toàn cọ và xương rồng. Ngoài ruồi trâu, những vật duy nhất biết bay nó thấy ở đây không phải là những chú vẹt xinh đẹp và những loài chim vẫn ríu rít hót quanh làng Jufurê, mà là những con diều hâu lượn vòng tìm mồi cùng lũ kền kền săn thức ăn đã chết.

Khi mặt trời như quả cầu màu da cam gần sát tới đất thì Ômôrô và Kunta nhìn thấy một vệt khói dày bốc lên từ một làng trước mặt. Tới chỗ cây lữ khách, ngay cả Kunta cũng có thể thấy rõ có điều gì không ổn ở đây. Cành cây treo rất ít dải băng cầu phước, chúng tỏ dân ở đây ít có người rời khỏi làng và phần lớn khách lữ hành từ các làng thường chọn đường qua mé ngoài làng. Ngán thay, không có đứa trẻ nào chạy ra gặp hai cha con.

Khi đi ngang qua cây bao-báp làng, Kunta thấy nó bị cháy xém mất một phần. Quá nửa số lều đất nó trông thấy, đều trống không, rác rưởi đầy sân, thỏ chạy rong và chim chóc vầy trong bụi rậm. Dân làng – đa số nằm quanh hoặc tựa cửa lều của mình – hầu hết là người già hoặc ốm đau và mấy đứa hài nhi oe oe khóc dường như là những trẻ con duy nhất ở trong làng. Kunta không thấy ai thuộc lứa tuổi nó – hoặc thậm chí trạc tuổi Ômôrô.

Mấy ông già nhăn nheo yếu đuối ra đón hai du khách. Ông lão cao tuổi nhất trong đám đập chiếc gậy chống, ra lệnh cho một bà già rụng hết răng mang nước và mạch kê đến cho khách, có lẽ bà ta là một nô lệ, Kunta ngồi nghĩ thầm . Rồi các ông già tranh nhau giải thích chuyện gì đã xảy đến với làng mình, cụ nọ cướp lời cụ kia. Bọn săn nô lệ một đêm đã lén bắt hoặc giết chết tất cả lớp người trẻ trong làng, "từ tuổi con đến tuổi nó". Một ông già chỉ Ômôrô, rồi lại chỉ Kunta "Bọn ta già rồi, chúng tha cho. Bọn ta chạy rạt vào rừng".

Ngôi làng bỏ không đã tan nát trước khi họ quyết định quay về. Họ chưa trồng cấy được gì hết, lương thực không có là bao, mà sức lực cũng chẳng được mấy nả. “Không có đám trẻ, chúng tôi sẽ chết dần chết mòn” một trong số những ông già nói vậy. Ômôrô đã nghe kỹ câu chuyện của họ và anh chậm rãi nói”Làng anh con, cách đây bốn ngày đường, sẽ hoan nghênh các cụ đến”.

Tất cả đều lắc đầu, trong khi cụ già nhất nói: ‘ Đây là làng của chúng tôi. Không giếng nào khác có nước ngọt như giếng làng chúng tôi. Không cây nào khác tỏa bóng mát dễ chịu như cây làng chúng tôi. Không bếp ăn nào khác thơm lừng như dưới bàn tay nấu nướng của phụ nữ làng chúng tôi”.

Các cụ xin lỗi vì không có nhà khách. Ômôrô cam đoan với các cụ rằng cha con anh thích ngủ dưới trời sao. Và đêm đó, sau bữa ăn đơn sơ với bánh mì lấy trong bọc hành trang, mà họ chia sẻ với dân làng, Kunta nằm trên tấm nệm rập rình bằng nhành cây xanh, và suy nghĩ về tất cả những điều nó đã nghe thấy. Ví thử như đây là Jufurê, mọi người nó biết đều chết hoặc bị bắt mang đi, Ômôrô, Binta, Lamin và bản thân nó nữa – cây bao-báp bị đốt cháy thui và các sân nhà đầy rác rưởi. Kunta cố nghĩ sang chuyện khác.

Rồi đột nhiên trong đêm tối, nó nghe thấy tiếng kêu rú của một con gì trong rừng bị một thú dữ bắt, và nó liên tưởng đến chuyện bắt người. Nó cũng nghe thấy đằng xa có tiếng linh cẩu gào – song le, trong đời nó dù mùa mưa hay mùa khô, dù giáp hạt đói kém hay vào mùa gặt, đêm nào mà nó chả nghe thấy tiếng linh cẩu gào đâu đó. Đêm nay, khi cuối cùng, nó chìm vào giấc ngủ, Kunta thấy tiếng kêu quen thuộc của chúng gần như là an ủi vỗ về .

Chương 19

Trong ánh sáng đầu tiên của rạng đông, Kunta thức giấc và đứng bật dậy. Đứng cạnh ổ nằm của nó là một bà già kỳ quái đang cất giọng vỡ ra the thé hỏi cái khoản thức ăn bà sai nó đi tìm cách đây hai tháng, giờ ra sao rồi. Đằng sau Kunta, Ômôrô dịu dàng nói: "Bà nội ạ, chúng con cũng muốn biết đường trả lời để bà rõ thôi".

Tắm rửa và ăn uống xong, trong khi hai cha con hối hả đi khỏi làng. Kunta nhớ đến một bà già ở Jufurê thường dò dẫm đi quanh, ngó vào tận mắt mọi người và hoan hỉ nói: "Mai, con gái ta về đấy!". Con gái bà đã mất tích từ bao vụ mưa trước, ai nấy đều biết và con gà trống trắng đã nằm ngửa mà chết, nhưng tất cả mọi người bị bà níu lại đều dịu dàng đồng ý: "Vâng, thưa bà – mai ạ".

Mặt trời chưa lên cao lắm. Hai cha con thấy đằng trước có một bóng người đơn độc tiến về phía mình trên con đường mòn. Hôm trước, hai cha con đã gặp hai ba người lữ hành – mỉm cười và chào nhau – nhưng ông già này lại gần, tỏ rõ là muốn nói chuyện. Chỉ về hướng mình vừa đi khỏi, ông nói "Chú có thể gặp một tên tubốp đấy". Sau lưng Ômôrô, Kunta gần như ngừng thở. "Có nhiều người đội cái bọc hành trang cho hắn". Ông già kể là tên tubốp trông thấy ông già và giữ lại, nhưng chỉ để hỏi xem con sông bắt đầu từ đâu. "Tôi bảo hắn đầu sông ở chỗ xa cuối sông nhất".
"Hắn không có ý làm hại cụ ư?" Ômôrô hỏi.
"Hắn làm ra rất thân thiện", ông già nói, "nhưng con mèo bao giờ cũng ăn thịt con chuột mà nó vờn".
"Đúng là như thế", Ômôrô nói.

Kunta muốn hỏi bố về cái tên tubốp kỳ dị tới đây để tìm sông chứ không tìm người, nhưng Ômôrô đã chào từ biệt ông già và đang rảo bước đi xuôi con đường mòn như thường lệ, không muốn nhìn xem Kunta có theo sau lưng mình không? Lần này, Kunta lấy thế làm mừng, vì nếu ngó lại, Ômôrô ắt thấy con trai mình đưa cả hai tay lên giữ cái bọc đội đầu trong khi chật vật chạy cho kịp bố. Chân Kunta bắt đầu tướp máu, nhưng nó biết rằng để ý đến điều đó là thiếu khí phách nam nhi, nói chi đến chuyện đi thưa với bố.

Cũng vì lý do đó, Kunta cố nuốt đi nỗi khiếp sợ khi mà, lát sau, cùng ngày hôm ấy, hai cha con rẽ theo một chỗ ngoặt và gặp một gia đình sư tử – một con đực to đùng, một con cái đẹp mã và hai con con đã khá lớn – đang nằm ườn ở một ruộng cỏ rất gần đường. Đối với Kunta, sư tử là những con vật dễ sợ, lén lút, sẵn sàng vồ chú dê nào được mục đồng thả lỏng cho rời bầy đi ăn khá xa.

Ômôrô bước chậm lại và, mắt không rời đám sư tử, điềm tĩnh nói, dường như cảm thấy nỗi sợ của con trai: "Giờ này, chúng nó không săn bắt hoặc ăn gì đâu, trừ phi chúng đói. Những con này béo tốt cả". Tuy vậy, anh vẫn đặt một tay lên nỏ và tay kia nắm bó tên khi họ đi qua. Kunta nín thở, nhưng vẫn bước đều, nó và sư tử nhìn nhau chằm chằm cho đến khi khuất dạng.

Đáng lý nó còn tiếp tục nghĩ về chúng và về tên tubốp cũng ở quanh quất trong vùng, nhưng đôi chân đau nhức không để cho nó yên. Đêm hôm đó, giá có tới hai mươi con sư tử kiếm ăn ở chỗ Ômôrô chọn để ngủ lại, thì nó cũng chả buồn đếm xỉa tới. Kunta vừa mới ngã mình xuống cái ổ lót cành cây mềm đã ngủ say tít – và khi bố nó lay dậy vào lúc rạng sáng, nó tưởng đâu như mới được ít phút thôi. Mặc dầu cảm thấy như chưa ngủ tí nào. Kunta vẫn không giấu nổi vẻ thán phục khi thấy Ômôrô đã làm xong bữa ăn sáng mau lẹ biết bao, nào lột da, nào làm lòng, nào quay hai chú thỏ rừng bẫy được hồi đêm. Trong khi Kunta ngồi bệt đánh chén món thịt thơm ngon, nó nghĩ lại hồi nó cùng các bạn chăn dê bỏ hàng giờ bắt thú vật để nấu ăn như thế nào và nó băn khoăn không hiểu bố nó và nhiều người đàn ông khác lấy đâu ra thì giờ mà học được nhiều thứ thế – dường như tất cả những gì cần biết.

Đôi bàn chân rộp phồng, cặp giò và lưng và cổ nó, tất cả lại bắt đầu đau rần vào cái ngày đi đường thứ ba này – thực tế, cả người nó dường như là một khối đau ê ẩm, nhưng nó coi như việc huấn luyện trưởng thành đã bắt đầu với mình và nhất quyết phải là đứa gan lì nhất trong lứa kafô của nó, không chịu lộ vẻ đau đớn ra. Khi giẫm phải một cái gai đúng vào trước lúc trưa, Kunta dũng cảm mắm môi không kêu, nhưng nó bắt đầu tập tễnh và tụt hậu xa đến nỗi Ômôrô đành quyết định để cho nghỉ ít phút bên đường trong khi ăn bữa chiều. Thứ sáp dịu đau bố nó xoa vào vết thương khiến nó cảm thấy dễ chịu hơn, nhưng lát sau, hai cha con tiếp tục khởi hành, và nó bắt đầu đau dữ, – và chảy máu nữa. Tuy nhiên, chẳng mấy chốc, vết thương đã đầy bụi bẩn, nên không chảy máu nữa và việc cuốc bộ liên tục làm tê cái đau đến mức vừa đủ để nó theo kịp được bố. Kunta không dám chắc, nhưng nó có cảm giác như Ômôrô đã đi chậm lại chút xíu. Tới lúc họ dừng lại nghỉ đêm ấy, vùng chung quanh vết thương nom gớm chết

và sưng đẫn, nhưng bố nó đắp một lượt thuốc khác và sáng ra, coi bộ cũng đỡ và tạm tạm để chịu sức nặng của nó mà không đến nỗi đau lắm.

Hôm sau, khi lên đường, Kunta khoan khoái nhận thấy họ đã vượt qua và bỏ lại sau lưng vùng đất đầy gai và xương rồng, và đang tiến vào miền bãi rậm giống vùng Jufurê hơn, nhiều cây to cùng thảo mộc chi chít hoa, nhiều khỉ chí cha chí chóe cùng chim chóc đủ màu sắc, nhiều hơn bất cứ nơi nào nó từng thấy. Việc hít làn không khí thơm lừng khiến Kunta nhớ lại những lần nó đưa thằng em đi bắt cua dọc theo bờ bôlông, ở đó nó và Lamin thường chờ để vẫy mẹ cùng các phụ nữ khác chèo xuồng về nhà sau buổi làm ở cánh đồng lúa.

Tới mỗi cây lữ khách, Ômôrô đều rẽ theo lối vòng qua phía ngoài làng, nhưng bọn trẻ con lứa kafô đầu của mỗi làng bao giờ cũng chạy ra gặp và kể cho hai người khách lạ những tin tức địa phương lý thú nhất. Ở mỗi làng như vậy, bọn tí nhau đưa tin bổ nhào ra kêu lớn: "Thầy mo! Thầy mo!" và, coi thế là hoàn thành nhiệm vụ, chúng chạy biến vào trong cổng làng. Con đường vòng chạy khá gần, đủ để cho Ômôrô và Kunta trông thấy đám thị dân đứng xem một bóng người đeo mặt nạ, vận tế phục đang vung roi trên tấm lưng trần của một phụ nữ kêu tru tréo bị mấy phụ nữ khác giữ chặt. Tất cả đám khán giả nữ đều thét lên mỗi lần một nhát roi quật xuống. Qua nhiều lần bàn cãi với lũ bạn chăn dê, Kunta được biết là một người chồng, nếu bị cô vợ lăng loàn, nhiễu sự làm rầy khá nhiều, có thể lặng lẽ đến một làng khác thuê một thầy mo về làng mình, nấp kín đâu đó, thỉnh thoảng quát lên rùng rợn, rồi xuất hiện và phạt đòn cô vợ đó trước công chúng, sau đó tất cả phụ nữ trong làng đều ăn ở tử tế hơn trong một thời gian.

Ở một cây lữ khách, không có đứa trẻ nào ra gặp bố con nhà Kintê. Thực tế, làng vắng lặng, không thấy một bóng người cũng chẳng nghe thấy tiếng gì, ngoài chim chóc và khỉ. Kunta tự hỏi hay là bọn bắt nô lệ cũng đến cả nơi này nữa chăng. Nó hoài công đợi Ômôrô giải thích điều bí ẩn đó, nhưng lại chính bọn trẻ mau miệng ở làng sau nói cho nó hay. Chỉ ngược trở lại con đường, chúng kể rằng xã trưởng ở đó cứ toàn làm những điều dân không ưa, cho đến một đêm cách đây không lâu, trong khi ông ta ngủ, mọi người đã lặng lẽ mang hết của cải bỏ đi đến nhà bạn bè và gia đình ở những nơi khác – để lại một ông "xã trưởng rỗng" – theo lời bọn trẻ – ông này bây giờ cứ đi quanh hứa hẹn sẽ hành động tốt hơn nếu dân làng trở về.

Vì đã sắp tối nên Ômôrô quyết định vào làng này và đám đông tụ tập dưới bóng cây bao-báp xôn xao bàn tán về tin đồn đầy khích động ấy. Đa số chắc chắn rằng những người làng giềng mới của họ sẽ trở về sau khi dạy cho xã trưởng bài học này thêm ít ngày nữa. Trong khi Kunta nhồi nhét cơm ninh lạc đầy dạ dày, Ômôrô tìm đến jaliba của làng này, thu xếp việc truyền một thông báo bằng hiệu trống cho các ông anh. Anh nhắn họ đón mình vào lúc mặt trời lặn ngày hôm sau và báo rằng cùng đi, còn có con trai đầu lòng của mình.

Trước đây, đôi khi Kunta đã mơ ước được nghe thấy tên mình loan đi bằng hiệu trống qua khắp miền và giờ đây điều đó đã xảy đến. Hiệu trống ấy ắt không rời khỏi tai nó nữa. Sau đó, nằm trên chiếc giường tre ở nhà khách, mặc dù mệt thấu xương, Kunta vẫn nghĩ tới những jaliba khác gò lưng trên mặt trống, nện rõ ràng tên nó trong từng làng dọc con đường dẫn tới làng của Jannê và Xalum.

Vì trống đã loan tin, nên giờ đây, tới mỗi cây lữ khách không phải chỉ có bọn trẻ con trần truồng như thường lệ, mà cả một số người lớn tuổi và nhạc công cũng ra đón. Và Ômôrô không thể chối từ yêu cầu của một ông già xin anh cho làng ông được hân hạnh tiếp đãi, chí ít cũng là một cuộc ghé thăm ngắn ngủi. Trong khi cha con nhà Kintê giải khát trong mỗi nhà khách, rồi ra ngồi cùng ăn uống dưới bóng cây bao-báp hoặc cây gạo, những người lớn săm sắn tập hợp quanh Ômôrô nghe anh trả lời các câu hỏi của họ, còn trẻ con các lứa kafô thứ nhất, thứ hai và thứ ba thì bu lấy Kunta.

Trong khi lứa kafô đầu chằm chằm nhìn nó với vẻ nể sợ lặng lẽ, bọn cùng tuổi hoặc lớn hơn Kunta vừa ghen tị một cách đau đớn, vừa kính cẩn hỏi về làng quê nó và về nơi nó định đến. Nó nghiêm trang trả lời bọn chúng với tư thế đĩnh đạc – là nó hy vọng thế – như bố nó trả lời bố bọn kia. Lúc hai cha con rời chân lên đường, nó chắc chắn rằng dân làng cảm thấy đã gặp một thiếu niên hầu như suốt đời theo cha đi du lịch trên những nẻo đường dài của đất nước Găm bia.

Chương 20

Hai cha con nán lại làng cuối cùng lâu quá nên phải đi nhanh hơn và vất vả hơn để tới nơi vào lúc mặt trời lặn như Ômôrô đã hẹn các ông anh. Tuy vã mồ hôi và đau đớn, Kunta lại thấy việc giữ cái bọc đội đầu cho cân là dễ dàng hơn trước và nó cảm thấy một sức mạnh mới trào lên mỗi khi lời trống thông báo tràn ngập không trung truyền tin là các ông già kể sử, các jaliba, các bô lão và nhiều nhân vật quan trọng khác đã tới thị trấn trước mặt đại diện cho những làng quê xa như Karantaba, Kutakunđa, Pixamya và Jonkakonđa, mà phần lớn Kunta chưa bao giờ nghe nhắc tới. Tiếng trống nói rằng một ông già kể sử từ vương quốc Uuli đã tới đó thậm chí có cả một hoàng tử cho vua cha miền Bara phái đến nữa. Trong khi sải nhanh đôi chân nứt nẻ trên con đường vừa nóng vừa bụi, Kunta ngây ngất thấy các bác nó thật trứ danh và được lòng dân biết mấy. Chẳng mấy chốc, nó gần như chạy, chẳng những để bám sát Ômôrô mỗi lúc một rảo bước nhanh hơn, mà còn vì những giờ cuối này dường như bất tận.

Cuối cùng, mặt trời vừa bắt đầu chuyển sang màu đỏ thắm trên đường chân trời phía tây, thì Kunta phát hiện thấy khói tỏa lên từ một làng không xa ở phía trước. Làn khói lan rộng theo hình tròn báo cho Kunta biết là người ta đang đốt vỏ cây bao-báp khô để xua muỗi. Có nghĩa là làng đang tiếp những khách quan trọng. Nó cảm thấy hoan hỉ. Cha nó đã tới đích! Chẳng mấy chốc, nó bắt đầu nghe thấy tiếng thì thùm như sấm của một cái trống tôbalô lớn của những cuộc lễ – nó đoán là trống được đánh lên khi mỗi nhân vật mới đi qua cổng làng. Quyện lẫn vào đó là tiếng bập bùng của những trống tantăng nhỏ hơn và tiếng la hét của những người nhảy múa. Rồi con đường đến một chỗ ngoặt và làng hiện ra với làn khói bốc cao. Và bên một bụi rậm, hai cha con trông thấy một người, người này cùng lúc ấy cũng nhìn thấy họ và bèn vừa chỉ vừa vẫy như thể anh ta được bố trí ở đó để chờ một người đàn ông sắp tới cùng một đứa con trai vậy. Ômôrô vẫy lại, người đó lập tức ngồi thụp xuống gióng trống loan báo: "Ômôrô Kintê và con trai đầu lòng".

Kunta cảm thấy như chân không chạm đất. Phút chốc cây lữ khách hiện ra, trang hoàng bằng những băng vải dài và con đường mòn thoạt kỳ thủy chỉ vừa một lối đi, giờ đã được mở rộng ra bởi bao bàn chân – chứng tỏ làng đã đông đảo dân và trở nên tấp nập. Tiếng trống tantăng mỗi lúc một to hơn và đột nhiên đám người nhảy múa xuất hiện trong trang phục lá cây và vỏ cây, hò la, chồm lên, quay tròn và giậm chân, dẫn đầu mọi người khác đi qua cổng làng chào đón các vị khách quý. Trống làng tôbalô giọng trầm bắt đầu rộn lên khi hai bóng người rẽ đám đông chạy tới. Đằng trước Kunta, cái bọc đội đầu của Ômôrô đột nhiên rơi bịch xuống đất và Ômôrô chạy về phía họ. Kunta chưa kịp hiểu ra thì cái bọc của chính nó đã rơi xuống và nó cũng chạy bổ tới.

Hai người đàn ông nọ và bố nó đang ôm ghì lấy nhau và đấm nhau thùm thụp. "Và đây là cháu trai của chúng ta đấy ư?" cả hai người bế thốc Kunta lên và ôm hôn nó giữa những tiếng reo vui. Cuốn băng hai cha con về phía làng, đoàn người đông đảo ra đón khách hô to những lời chào mừng khắp bốn phía, nhưng Kunta không trông thấy, nghe thấy ai ngoài hai bác nó. Đã đành là họ giống Ômôrô rồi, nhưng nó nhận thấy cả hai có phần thấp hơn, to ngang hơn và vạm vỡ hơn bố nó. Đôi mắt ông bác cả Jannê như hiêng hiếng nhìn ra xa và cả hai ông cử động thoăn thoắt gần như loài thú. Cách nói của họ cùng nhanh hơn bố nó, khi họ dồn dập hỏi thăm về làng Jufurê và về Binta.

Cuối cùng, Xalum đấm yêu lên đầu Kunta: "Từ dạo đặt tên cho nó, bọn ta chưa gặp nhau. Và bây giờ, nhìn nó mà xem! Cháu được mấy vụ mưa rồi, Kunta?"

"Thưa bác, tám ạ", nó lễ phép trả lời.

"Sắp sửa rèn cặp trưởng thành được rồi đấy!" bác nó kêu lên.

Khắp xung quanh lũy tre làng cao vút, có chất đống những bụi gai khô và giấu kín trong đó là những chông nhọn để đâm què mọi ác thú hoặc gian phi đến cướp phá. Nhưng Kunta không để ý đến những thứ đó mà đối với mấy đứa trẻ trạc tuổi nó đang ở quanh đấy, nó chỉ liếc mắt ngó qua. Nó hầu như không nghe thấy tiếng náo động của lũ vẹt và khỉ trên đầu cũng như tiếng sủa của bầy chó uôlô dưới chân, khi hai ông bác đưa cha con nó một vòng quanh ngôi làng mới đẹp đẽ. Mọi nhà đều có sân riêng, Xalum cho biết thế, và kho chứa lương khô của mọi phụ nữ đều được dựng ngay bên trên chỗ nấu ăn để khói bếp giữ cho gạo, mạch và kê khỏi bị sâu bọ.

Kunta hầu như phát chóng mặt vì nỗi cứ phải ngoắt đầu lia lịa theo dõi những điều lý thú, hết cảnh này đến mùi kia hoặc âm thanh nọ. Nghe lỏm thấy người ta nói bằng những thổ ngữ Manđinka mà thỉnh thoảng nó mới hiểu một chữ là một điều vừa mê say vừa bối rối. Giống như mọi người Manđinka khác – trừ những người có học vấn như arafang – Kunta hầu như không biết gì về ngôn ngữ của các bộ lạc khác, kể cả những bộ lạc lân cận. Nhưng nó đã bỏ khá nhiều thì giờ quanh quẩn bên gốc cây lữ khách nên có thể phân biệt được người nào thuộc bộ lạc nào. Người Fula có khuôn mặt trái xoan, tóc dài, môi mỏng và các nét sắc cạnh, với những sẹo dọc ở hai bên thái dương. Người Uôlôf cực đen và rất dè dặt, người Xêrahuli da sáng hơn và thân hình nhỏ nhắn. Còn người Jôla thì không trộn lẫn vào đâu được – toàn thân đầy sẹo và mặt lúc nào cũng như khoác một vẻ dữ tợn.

Kunta nhận ra người của tất cả các bộ lạc ấy trong ngôi làng mới, nhưng ngoài ra còn có những người nó không nhận ra. Một số lớn tiếng mà cả với những thương nhân mang hàng đi bán. Nhiều bà già rao những tấm da thuộc và

các phụ nữ trẻ mà cả những trâm cài đầu làm bằng gỗ xizau và bao-báp. Tiếng rao: "Côla! Côla vừa đẹp vừa thắm!" thu hút một đám người mà số rằng ít ỏi còn lại đã ố vàng vì nhai hạt côla.
Thân thiện chen vai thích cánh giữa mọi người, Ômôrô được giới thiệu với cả một dòng bất tận dân làng và những nhân vật quan trọng từ nhiều nơi kỳ thú. Kunta ngạc nhiên thấy hai ông bác nói thành thạo những thứ tiếng xa lạ của họ. Tự buông mình theo dòng thác người trôi chảy, biết chắc có thể tìm thấy bố và các bác bất cứ lúc nào nó muốn, phút chốc Kunta bỗng ở giữa đám nhạc công đang diễn tấu cho tất cả những ai muốn nhảy múa. Sau đó, nó nếm món thịt linh dương quay, bò nướng và lạc hầm do phụ nữ trong làng cung ứng hậu hĩ trên các bàn dưới bóng cây bao-báp cho bất cứ ai muốn thưởng thức. Thức ăn kể cũng tươm đấy, Kunta nghĩ bụng, nhưng chả ngon bằng những món bổ béo vào dịp hội mùa do các bà mẹ ở Jufurê nấu.
Thấy một số phụ nữ ở chỗ bờ giếng đang sôi nổi bàn tán chuyện gì, Kunta ghé đến, dỏng tai, giương mắt hóng chuyện: nghe đồn một vị giáo trưởng rất vĩ đại chỉ còn cách đây nửa ngày đường, cùng với tùy tòng làm cuộc hành trình tới mừng ngôi làng mới, vì nó được sáng lập bởi các con trai của vị thánh nhân quá cố Kairaba Kunta Kintê. Một lần nữa, Kunta lại sướng rơn khi nghe thấy tên ông nội mình được nhắc tới một cách thành kính đến thế. Không ai trong đám phụ nữ nhận ra nó, bởi vậy sau đó, nó nghe thấy họ nói về hai ông bác nó. Đã đến lúc các ông ấy nên bớt chu du thiên hạ và định cư để lấy vợ sinh con đẻ cái, một người phụ nữ nói. "Điều rắc rối là biết bao gái tơ muốn làm vợ các ông ấy" một người khác nói.
Cuối cùng, đến gần tối mịt, Kunta mới mon men đến chỗ mấy đứa con trai trạc tuổi nó, lòng cảm thấy rất áy náy. Song bọn này xem ra không để bụng gì về chuyện từ nãy đến giờ nó chỉ sán quanh những người lớn. Chừng như chủ yếu, chúng chỉ ước ao được kể cho Kunta biết làng mới của chúng đã ra đời như thế nào. "Tất cả các gia đình chúng tớ đã trở thành bạn của các bác cậu ở đâu đó trong các chuyến du lịch của hai ông", một thằng nói. Tất cả những gia đình này đều không vừa lòng với cuộc sống của họ ở nơi cũ, vì lý do này, khác. "Ông nội tớ không có đủ chỗ cho gia đình mình cùng gia đình các con sống chung bên nhau", một thằng nói. "Bôlông chúng tớ không phải là nơi trồng lúa tốt", một thằng khác nói.
Kunta được biết: Các bác nó bèn bảo bạn bè rằng họ biết có một nơi lý tưởng mà họ định xây dựng một ngôi làng tại đó. Và thế là các gia đình của bạn bè Jannê và Xalum liền thu xếp lên đường cùng với bầy đàn dê, gà, gia súc thân thuộc, các tấm thảm cầu nguyện và những của cải khác.
Chẳng mấy chốc trời đã tối và Kunta ngắm những đống lửa của khu làng mới được nhóm lên bằng những que củi và cành cây mà các bạn mới của nó đã lượm về lúc ban ngày. Vì đây là dịp lễ mừng, nên tất cả dân làng và qua khách sẽ cùng ngồi xung quanh nhiều đống lửa, chứ không theo tục lệ thông thường quy định rằng đàn ông đàn bà và trẻ con phải ngồi riêng rẽ ở từng đống lửa loại nào ra loại nấy. Người ta cho biết alimamô sẽ cầu phước cho cuộc tụ hội, rồi Jannê và Xalum sẽ bước vào giữa vòng người kể chuyện về những chuyến du lịch và phiêu lưu của họ. Cùng đứng giữa vòng tròn với họ, sẽ là vị khách lớn tuổi nhất đến mừng làng, một cụ già từ thượng nguồn xa xôi của sông Fulađu. Có tiếng xì xào rằng ông cụ đã sống trên một trăm vụ mưa và sẵn sàng chia sẻ sự thông thái của mình với bất cứ ai muốn lắng nghe.
Kunta chạy đến ngồi với bố cạnh đống lửa vừa đúng lúc nghe thấy alimamô cầu kinh. Sau đó, không ai nói gì, trong mấy phút. Dế kêu inh ỏi và những ngọn lửa nghi ngút khói chiếu những vệt bóng nhảy nhót trên các bộ mặt quây tròn xung quanh. Cuối cùng, cụ già da khô quắt lên tiếng: "Hàng trăm vụ mưa trước cả thời xa xưa nhất trong trí nhớ của ta, tiếng đồn về một trái núi vàng ở châu Phi lan truyền sang đến tận bờ bên kia biển lớn. Đó là điều đầu tiên khiến bọn tubốp mò sang châu Phi!" Chẳng có núi vàng nào cả, cụ nói, nhưng người ta đã tìm thấy vàng nhiều vô kể ở những dòng suối và những giếng sâu đào xuyên xuống mỏ, thoạt tiên tại miền bắc Ghinêa, rồi sau đó trong các khu rừng thuộc Gana. "Người ta không bao giờ nói cho bọn tubốp hay nguồn vàng ở đâu" – cụ già nói "bởi vì cái gì tubốp biết, chẳng mấy chốc tất cả đều sẽ biết".
Rồi Jannê nói. Theo lời ông, ở nhiều nơi có một thứ quý gần như vàng, là muối. Chính mắt ông và Xalum đã thấy muối và vàng đổi ngang cân lượng nhau. Muối kết thành từng phiến dày dưới một số bãi cát xa và ở một số nơi khác, nước biển đọng lại thành ruộng muối, hình thành những tảng khối sau khi khô dưới nắng.
"Ngày xưa, đã từng có một thành phố muối", cụ già nói. "Thành phố Tagaza, dân thành phố đó xây nhà và đền chùa bằng những khối muối".
"Xin cụ hãy kể về những con vật kỳ dị có bướu mà trước kia cụ đã nói tới", một bà già dáng dấp cỗ lỗ đánh bạo ngắt lời và yêu cầu như vậy. Bà khiến Kunta nhớ đến bà nội Yaixa.
Đâu đó, trong đêm, một con linh cẩu cất tiếng gào trong khi mọi người cúi về phía trước trong ánh lửa rung rinh. Đến lượt Xalum nói. "Những con vật gọi là lạc đà ấy sống ở một vùng cát trắng mênh mông vô tận. Chúng dựa vào mặt trời, trăng sao và gió mà lần đường đi qua vùng cát. Jannê và tôi đã cưỡi những con vật đó trong suốt bao tuần trăng, ít khi phải dừng lại để kiếm nước".
"Nhưng nhiều lần phải dừng lại để đánh cướp!" Jannê nói. "Có lần chúng tôi tham gia một đoàn gồm tới mười hai nghìn lạc đà", Xalum kể tiếp. "Thực ra, đó là nhiều đoàn nhỏ hơn hợp lại cùng đi để phòng chống cướp".
Kunta thấy trong khi Xalum nói thì Jannê dỡ rộng một tấm da thuộc lớn ra. Ông già khoát một cử chỉ sốt ruột ra hiệu cho hai thanh niên bật dậy ném thêm mấy cành củi khô vào đống lửa. Trong ánh lửa bùng lên, Kunta cùng những người khác có thể theo dõi ngón tay Jannê di chuyển trên một hình vẽ kỳ lạ. "Đây là Châu Phi", ông nói.

Ngón tay ông phác một khoảng mà ông bảo là "vùng biển lớn" phía tây, rồi "sa mạc lớn", một chỗ lớn gấp mấy lần toàn bộ Găm bia mà ông chỉ vào mé dưới bên trái của hình vẽ.
"Các tàu tubốp chở đồ sứ, gia vị, vải vóc, ngựa và vô số thứ do người làm ra, tới bờ biển phía bắc châu Phi", Xalum nói. "Rồi lạc đà và da lừa mang những hàng đó vào nội địa, tới những nơi như Xifilmaxa, Gađamê và Marakêta". Ngón tay di động của Jannê chỉ chỗ những thành phố ấy. "Trong khi đêm nay chúng ta ngồi đây", Xalum nói, "biết bao người đội những bọc nặng xuyên qua rừng sâu, tải những hàng của châu Phi chúng ta – ngà voi, da, ô-liu, chà là, hạt côla, bông, đồng đỏ, đá quý – về những con tàu của bọn tubốp".
Những điều Kunta nghe thấy làm đầu óc nó quay cuồng và nó nguyện thầm, một ngày nào đó nó cũng sẽ mạo hiểm tới những nơi kỳ thú đó.
"Giáo trưởng". Từ đằng xa, trên con đường mòn, người đánh trống cảnh giới nện rền vang tin đó. Một đoàn chào mừng chính thức nhanh chóng tập hợp thành hàng – Jannê và Xalum với tư cách là những người sáng lập làng, rồi đến hội đồng bô lão trưởng lễ arafang, rồi đến các đại diện danh dự của các làng khác, trong đó có Ômôrô, còn Kunta được xếp vào với những đứa cùng tầm cao với nó trong số thiếu niên của làng. Các nhạc công dẫn đầu tất cả tiến về cây lữ khách lựa bước sao cho ra đó vừa đúng lúc vị thánh nhân tới nơi. Kunta nhìn chòng chọc vào ông già râu bạc, da đen nhánh đi đầu đoàn người dài đặc, mệt mỏi. Đàn ông, đàn bà và trẻ con đều đội những bọc to, nặng, trừ một số người lùa đàn gia súc và, theo ước lượng của Kunta khoảng hơn một trăm con dê.

Bằng những động tác nhanh nhẹn, vị thánh nhân cầu phước cho đoàn người chào mừng lúc này đã quỳ phục xuống và bảo họ đứng dậy. Rồi Jannê và Xalum được đặt biệt ban phước và Jannê giới thiệu Ômôrô, và Xalum vẫy Kunta chạy lên theo họ. "Đây là con trai đầu lòng của con", Ômôrô nói, "nó mang tên ông nội chí thánh của nó".

Kunta nghe thấy vị giáo trưởng nói những câu bằng tiếng Arập trên đầu nó – mà nó chẳng hiểu chi cả, trừ tên ông nội nó – và nó cảm thấy ngón tay vị thánh nhân chạm vào đầu nó nhẹ nhàng như một cánh bướm rồi nó chạy về đám trẻ cùng lứa tuổi trong khi vị giáo trưởng tới gặp những người khác trong đoàn đón khách, nói chuyện với họ như một người bình thường vậy. Bọn trẻ trong nhóm Kunta bèn tản ra chằm chằm nhìn vào dãy dài người nào vợ, nào con, nào môn đồ, nào nô lệ đi cuối đoàn diễu hành.

Bầu đoàn thê tử của vị giáo trưởng nhanh chóng rút vào các nhà khách. Đám môn đồ ngồi xuống đất và mở bọc hành trang, lôi ra nào sách, nào bản thảo – tài sản của sư phụ họ, vị thánh nhân – và bắt đầu đọc to lên cho những người xúm lại quanh họ nghe. Kunta nhận thấy đám nô lệ không vào trong làng cùng với những người khác. Ở lại bên ngoài lũy tre, những người nô lệ ngồi xếp xuống cạnh chỗ họ đã căng dây quây đám gia súc và đàn dê. Họ là những nô lệ đầu tiên mà Kunta thấy tách rời khỏi mọi người khác.

Vị thánh nhân hầu như không nhích đi được vì có biết bao người phủ phục quỳ quanh mình. Dân làng cũng như các vị khách quý đều áp đầu xuống đất và kêu than nỗi niềm của mình với người, một số ở gần còn định sờ vào y phục của người nữa. Một số xin người tới thăm làng mình để cử hành những lễ đạo bị xao nhãng từ lâu. Một số yêu cầu những quyết định pháp lý, vì theo Hồi giáo, pháp luật và tôn giáo là bạn đồng hành. Nhiều người cha xin đặt cho những đứa con mới lọt lòng những cái tên có ý nghĩa. Nhân dân ở những làng không có arafang hỏi liệu có thể nhờ một trong các môn đồ của vị thánh nhân dạy dỗ con cái của họ chăng.

Nhưng môn đồ này giờ đây đang bận rộn bán những vuông nhỏ da dê phơi khô, rồi bao nhiêu bàn tay tới tấp giơ những mảnh đó về phía vị thánh nhân để xin dấu của người. Một mảnh da dê có dấu thánh đem khâu vào một cái bùa xaphi quý giá như của Kunta đeo ở cánh tay trên, sẽ đảm bảo cho người đeo nó luôn được gần dũi Chúa Ala. Với hai đồng tiền vỏ ốc mang theo từ Jufurê, Kunta mua một miếng da dê vuông và hòa vào đám người chen chúc xô lại hầu vị giáo trưởng.

Kunta thoáng nghĩ tằng ông nội nó hẳn cũng giống như vị Thánh nhân này, có quyền thay Chúa Ala mang mưa đến cứu một số làng đang sắp chết đói, như Kairaba Kumta Kintê đã từng cứu Jufurê thuở xưa. Các bà Yaixa và Nyô Bôtô thân yêu của nó đã kể cho nó nghe như vậy từ khi nó đủ khôn lớn để hiểu. Nhưng bây giờ mới là lần đầu tiên nó thực sự hiểu tầm vĩ đại của ông nó – và của đạo Hồi . Chỉ có bây giờ, Kunta nghĩ, một con người duy nhất sắp được phán bảo cho biết tại sao hắn đã quyết định tiêu hai đồng tiền vỏ ốc quý giá và hiện đang cầm mảnh da dê khô hình vuông của mình chờ đến lượt xin dấu thánh. Nó sẽ mang miếng da dê ân phước về nhà giao cho bà Nyô Bôtô và yêu cầu bà giữ hộ cho đến đúng thời đúng lúc khâu nó vào một lá bùa xaphi quý giá đeo vào cánh tay đứa con trai đầu lòng của chính nó.

Chương 21

Lứa kafô của Kunta, ghen uất người vì chuyến đi của nó và đoán chắc nó sẽ trở về Jufurê hết sức vênh vang, đã quyết định – tuy không đứa nào nói toạc ra như vậy – là sẽ không thèm tỏ ra quan tâm gì đến nó hoặc đến chuyến du lịch của nó, khi nó trở về. Và chúng đã làm thế, không mảy may nghĩ rằng điều đó làm Kunta khổ tâm biết nhường nào khi về tới làng, thấy các bạn cố tri chẳng những làm như nó không hề đi đâu xa, mà thực tế còn ngừng bặt chuyện trò mỗi lúc nó lại gần nữa, đặc biệt thằng bạn Xitafa thân nhất của nó lại càng lạnh lùng hơn những đứa khác, Kunta choáng váng đến nỗi thậm chí nó hầu như không nghĩ gì đến thằng em sơ sinh mới, Xuoađu, ra đời trong khi nó vắng nhà với Ômôrô.

Một buổi trưa, trong khi thả dê ăn cỏ, Kunta, cuối cùng, quyết định bỏ qua thái độ ác ý của các bạn và tìm cách làm lành. Đi lại chỗ những thằng khác đang ngồi ăn trưa tách biệt với nó, Kunta ngồi xuống giữa bọn chúng và đơn giản bắt chuyện luôn, "Giá mà chuyến vừa rồi các cậu cùng đi với tớ", nó thản nhiên nói, và không chờ bọn kia phản ứng ra sao, bắt đầu kể cho chúng nghe về chuyến đi.

Nó kể những ngày đi bộ vất vả như thế nào, các bắp thịt nó đau ra làm sao, kể về nỗi khiếp sợ của nó khi đi qua chỗ bầy sư tử. Và nó tả những làng đã đi qua, cùng những người sống ở đó. Trong khi nó nói, một thằng chồm đứng dậy để tập hợp đàn dê về và khi quay lại – làm như không để ý gì – ngồi xích gần Kunta hơn. Chẳng mấy chốc, bọn kia đứa ầm ừ, đứa "ô! a!" điểm theo lời Kunta và đến đoạn nó tới làng mới của hai ông bác, chúng mới sực nhớ ra là đã đến giờ phải lùa dê về nhà.

Sáng hôm sau, trong sân trường, tất cả bọn con trai phải ráng hết sức không để cho arafang ngờ là chúng đang sốt ruột muốn sớm tan học. Cuối cùng, khi cùng bầy dê ra bãi, chúng xúm quanh Kunta và nó bắt đầu kể về các bộ lạc khác nhau cùng những thứ tiếng nó quyện lẫn với nhau ở làng các bác nó. Nó đang nói đến giữa chừng một câu chuyện về những nơi xa xăm mà Jannê và Xalum đã kể lại bên đống lửa trại - những thằng kia say mê đón từng lời từng chữ - thì tiếng sủa dữ dội của một con chó uôlô và tiếng be be khiếp hãi, thất thanh của một con dê phá tan yên tĩnh của cánh đồng.

Đứng bật dậy, chúng trông thấy ở rìa bãi cỏ cao một con báo đốm lớn buông rơi một con dê khỏi hàm và đang bổ tới hai con chó uôlô của nó. Bọn trẻ hãy còn đứng đó, bàng hoàng và hốt hoảng quá chưa kịp động đậy, thì một trong hai con chó bị con báo tát văng sang một bên – trong khi con chó kia điên cuồng nhảy lui nhảy tới, con báo lại phục xuống để chuẩn bị vồ, những tiếng gầm gừ dữ tợn của chúng át hẳn tiếng sủa loạn của những con chó khác và tiếng kêu của những con dê khác đang bổ nhào tán loạn về mọi phía.

Rồi bọn trẻ tỏa ra, vừa kêu vừa chạy, phần lớn đều cố đưa dê của mình chạy đi. Nhưng Kunta nhắm mắt nhắm mũi lao như tên bắn về phía con dê bị gục ngã của cha nó "Đứng lại, Kunta! Đừng!" Xitafa thét lên, cố cản nó đừng chạy giữa bầy chó và con báo. Xitafa không đuổi kịp nó, nhưng khi con báo trông thấy hai thằng bé gào thét lao tới nó, nó bèn lùi lại mấy bước, rồi quay đầu và chạy trở về rừng, theo sát là bầy chó lồng lộn như hoá dại.

Mùi báo hôi nồng nặc và con dê cái bị ngoạm sứt sẹo làm cho Kunta thấy buồn nôn – máu chạy xuống cả cổ bị vặn ngoéo của nó đen sẫm lại, lưỡi nó thè lè ra, mắt nó trợn ngược lên trong đầu và kinh khủng nhất là bụng nó bị phanh ra toang hoác và Kunta có thể thấy trong đó con dê con chưa đẻ còn thoi thóp thở. Gần đó là con chó uôlô thứ nhất đang đau đớn rên với cái mạng sườn bị cào toạc và ráng sức bò về phía Kunta. Nôn ngay ra chỗ mình đứng, Kunta quay đi, xám ngoét, và nhìn vào bộ mặt xót xa của Xitafa.

Một cách mơ hồ, qua hàng nước mắt, Kunta cảm thấy một số thằng khác vây quanh nó đăm đăm nhìn con chó bị thương và con dê chết. Rồi tất cả bọn nó từ từ rút lui trừ thằng Xitafa đưa tay quàng lên vai Kunta. Không đứa nào nói gì, nhưng câu hỏi như vương vất trong không khí: nó biết ăn nói làm sao với cha nó đây? Loay hoay một lúc, rồi Kunta cũng thốt nên lời. "Mày có thể trông dê giúp tao được không?" nó hỏi Xitafa, Tao phải mang bộ da này về cho bố tao".

Xitafa đi lại đàng kia, nói với những đứa khác và hai thằng mau chóng vác con chó rên rẩm lên mang đi. Kunta bèn vẫy tay ra hiệu cho Xitafa đi khỏi cùng với những đứa khác. Quỳ xuống bên con dê cái chết, Kunta lấy dao cắt, cứa, rồi lại cắt như nó vẫn thấy cha nó làm, cứ như thế cho đến khi, rốt cuộc, nó đứng lên với bộ da ướt trong tay. Nó nhổ cỏ phủ lên bộ xương con dê cái và cái thai chưa đẻ, rồi cất bước trở về làng. Trước đây, đã có một lần, nó

bỏ lãng đàn dê trong khi chăn và nó đã nguyện không bao giờ để có chuyện đó lại xảy ra nữa. Thế nhưng chuyện đó đã lại xảy ra và lần này một con dê cái đã bị giết.

Một cách tuyệt vọng, nó mong sao đó chỉ là một cơn ác mộng và giờ đây nó đã thức giấc, song bộ da ướt nhèo vẫn còn đây, trên tay nó. Nó cầu ước được chết, nhưng nó biết mình sẽ làm nhục tổ tiên. Chắc đây là Chúa Ala trừng phạt nó về tội ba hoa, Kunta hổ thẹn nghĩ bụng. Nó dừng lại để quỳ xuống, hướng về phía mặt trời mọc và cầu nguyện tha tội.

Khi đứng dậy, nó thấy lứa kafô của nó đã lùa chung tất cả dê về một cụm và chuẩn bị rời bãi chăn, đứa nào đứa nấy nhấc bó củi của mình lên đầu. Một thằng mang con chó bị thương, và hai con khác trong bầy chó bị tập tễnh nặng. Trông thấy Kunta nhìn về phía bọn nó, Xitafa đặt bó củi xuống và cất bước về phía bạn, nhưng Kunta vội xua tay ra hiệu cho nó tiếp tục đi cùng bọn kia.

Mỗi bước chân trên con đường dê đi đã mòn nhẵn dường như đưa Kunta lại gần cái kết thúc – kết thúc của tất cả mọi sự trên đời. Ý thức phạm tội, nỗi kinh hoàng và cảm giác tê dại trào dâng khắp người nó thành từng đợt sóng. Nó sẽ bị đuổi đi. Nó sẽ nhớ Binta, nhớ Lamin và già Nyô Bôtô. Thậm chí nó sẽ nhớ cả lớp học của arafang. Nó nghĩ tới bà nội Yaixa quá cố của nó, tới ông nội nó mà nó mang tên, bậc thánh nhân giờ đây bị nhục nhã vì nó, tới các ông bác lữ khách trứ danh của nó đã xây dựng nên một ngôi làng. Nó chợt nhớ ra mình không có lấy một bó củi nào. Nó nghĩ đến con dê cái mà nó nhớ lúc nào cũng nháo nhác và hay nhổng khỏi đàn. Và nó nghĩ đến con dê chưa đẻ. Vậy mà trong khi nghĩ về tất cả những cái đó, nó lại không thể nghĩ về điều gì khác ngoài cái điều mà nó sợ nghĩ đến nhất: cha nó.

Tâm trí nó loạng choạng và nó đứng sững lại như mọc rễ, chằm chằm ngó xuôi con đường phía trước. Đó là Ômôrô đang chạy về phía nó. Chắc chắn không thằng nào dám nói với anh, vậy mà làm sao anh đã biết?
"Con có làm sao không?" bố nó hỏi.

Lưỡi Kunta như dính chặt vào vòm miệng. "Không sao ạ, thưa cha". Cuối cùng nó nói. Song lúc đó, bàn tay Ômôrô đã sờ soạng khắp bụng Kunta, nhận ra vết máu sũng ướt chiếc áo vạt dài không phải là máu Kunta.

Đứng thẳng người lên, Ômôrô cầm lấy bộ da đặt xuống bãi cỏ. "Ngồi xuống!" anh ra lệnh và Kunta run rẩy làm theo trong khi Ômôrô ngồi xuống trước mặt nó.
"Có một điều mà con cần biết", Ômôrô nói "Mọi người đều có thể lầm lỗi. Dạo bằng tuổi con, cha cũng để một con sư tử bắt mất một con dê".

Kéo chiếc áo dài lên, Ômôrô vạch mông trái của mình ra. Cả khoảng chằng chịt sẹo sâu tai tái ở trên đó khiến Kunta choáng người. "Cha đã học được và con cũng phải học Không bao giờ chạy về phía bất kỳ một con thú nguy hiểm nào!". Cặp mắt anh dõi vào mắt Kunta. "Con có nghe thấy cha nói không?"
"Thưa cha có ạ", Ômôrô đứng dậy, cầm lấy tấm da và quẳng vào bụi cây đằng xa "Thế đấy, đó là tất cả những gì cần nói".

Đầu Kunta quay cuồng trong khi nó đi về làng đằng sau Ômôrô. Lớn hơn cả ý thức phạm tội cùng niềm khoan khoái nhẹ nhõm vừa đến, là tình yêu mà lúc này nó cảm thấy đối với cha nó.

Chương 22

Kunta đã tới tuổi vụ mưa thứ mười và bọn con trai cùng lứa kafô với nó đang sắp sửa hoàn thành việc học hành mà chúng theo đuổi ngày hai lần từ hồi mới được năm vụ mưa. Đến ngày mãn khoá, cha mẹ Kunta và các bạn nó hơn hớn tự hào ngồi ở ngay những hàng đầu trong sân trường của arafang, trên cả các bô lão trong làng. Trong khi Kunta cùng các đứa khác ngồi xổm trước mặt arafang, thì alimamô của làng cầu nguyện. Rồi arafang đứng dậy bắt đầu nhìn quanh đám học trò trong khi bọn chúng vẫy tay để được thầy hỏi. Kunta là đứa đầu tiên được ông chọn.
"Tổ tiên con xưa làm nghề gì, Kunta Kintê?" ông hỏi.
"Hàng trăm vụ mưa trước đây, ở đất Mali", Kunta trả lời đầy tự tin, "đàn ông thuộc dòng họ Kintê là thợ rèn, còn phụ nữ thì làm nồi và dệt vải". Cứ mỗi lần đứa học trò trả lời đúng, tất cả cử toạ ồ à lên thích thú.

Khi arafang hỏi một câu về toán: "Nếu một con khỉ có bảy vợ, mỗi con cái đẻ bảy con và mỗi con con ăn bảy củ lạc trong bảy ngày, thì con khỉ bố ăn cắp bao nhiêu củ lạc ở trại của người?" Sau khi hí hoáy miết những chiếc bút cuộng cỏ trên những tấm bảng bằng gỗ bông, đứa đầu tiên hô to đáp số đúng là Xitafa Xila và tiếng hò la khen ngợi của đám đông át cả tiếng hậm hực của những đứa trẻ khác.

Sau đó bọn trẻ viết tên chúng bằng tiếng A rập như chúng đã được dạy. Và arafang giơ từng tấm bảng một lên cho tất cả các bậc cha mẹ và mọi khán giả khác thấy rõ thành quả của giáo dục. Giống như những đứa con trai khác, trước đây Kunta thấy những tín hiệu biểu đạt thường thường là đọc dễ hơn viết. Biết bao buổi sáng, buổi chiều, bị arafang nện thước vào đốt tay, tất cả bọn chúng đều ước sao việc viết tập cũng dễ như nghe hiệu trống báo, điều mà ngay cả những đứa ở lứa tuổi Lamin cũng có thể đọc ra được như thể có người nào đó đứng khuất mắt kêu rõ lời lên vậy.

Lúc này, arafang yêu cầu bọn học trò mãn khoá, từng đứa một đứng dậy. Cuối cùng, đến lượt Kunta. "Kunta Kintê!" mọi con mắt đổ dồn vào nó, Kunta cảm thấy niềm tự hào lớn của gia đình nó ngồi ở hàng đầu, thậm chí của cả tổ tiên nó ở nghĩa địa bên ngoài làng – đặc biệt là của bà nội Yaixa yêu dấu của nó. Nó đứng dậy, nó đọc to một câu thơ ở trang cuối kinh Koran; đọc xong nó áp quyển kinh vào trán và nói: "Amen!" Khi kết thúc môn đọc, thầy giáo bắt tay từng đứa và lớn tiếng tuyên bố rằng, vì việc học của chúng đã hoàn thành, lớp con trai này từ nay thuộc lứa kafô thứ ba và tất cả bật reo lên một tiếng hoan hô lớn. Binta và các bà mẹ khác nhanh nhẹn bỏ những nắp đậy các bát và trái bầu đầy món ăn ngon lành mà họ mang tới và lễ mãn khoá kết thúc bằng một bữa tiệc chẳng mấy chốc đã cạn sạch.

Sáng hôm sau, khi Kunta đến lùa dê của gia đình đi chăn thì Ômôrô đã đợi sẵn. Chỉ một con đực và một con cái đang tơ, Ômôrô nói: "Hai con này là quà mãn khoá học của con đó". Kunta ấp úng chưa kịp cảm ơn thì Ômôrô đã bỏ đi, không nói thêm lời nào – như thể ngày nào anh cũng cho đi một cặp dê vậy – Và Kunta cố hết sức mình để tỏ vẻ không lấy gì làm phấn khởi lắm. Nhưng lúc cha nó đã đi khuất, Kunta bèn hú to đến nỗi hai con vật nó mới được tặng chồm lên và bắt đầu chạy, khiến tất cả các con khác đuổi riết theo. Khi nó rượt kịp và lùa chúng ra đồng, những đứa bạn nó đều đã ở đó – đứa nào đứa nấy đang phô những con dê mới của riêng mình. Coi chúng như những con vật thiêng liêng, bọn trẻ dắt riêng chúng đến những vạt cỏ non nhất, ngay từ giờ đã hình dung ra những con dê con khoẻ mạnh mà chẳng bao lâu chúng sẽ sinh ra, rồi cả con của con chúng nữa, cho tới khi mỗi đứa có hẳn một đàn cũng to và giá trị như đàn của cha mình.

Trước khi bắt đầu tuần trăng mới, Ômôrô và Binta cùng nhiều bậc cha mẹ khác lại cho đi một con dê thứ ba con này đem biếu arafang để tỏ lòng biết ơn đối với công lao dạy dỗ con cái mình. Nếu giàu có hơn, họ ắt vui lòng cho hẳn một con bò, song họ biết thày giáo cũng hiểu điều đó vượt quá khả năng họ, cũng như vượt quá khả năng mọi người ở Jufurê vốn là một làng nghèo. Thật vậy một số cha mẹ học trò – vốn là những nô lệ mới, không dành dụm được gì – chẳng có gì để biếu ngoài việc nai lưng ra giúp công, và món quà để tỏ lòng biết ơn bằng một tuần trăng làm ruộng cho arafang đã được chấp nhận một cách vui vẻ.

Những tuần trăng trôi qua chẳng bao lâu dồn góp thành mùa, cho tới khi lại một vụ mưa nữa qua đi và lứa kafô của Kunta đã dạy lứa kafô của Lamin biết cách chăn dê như thế nào. Thời kỳ bao lâu chờ đợi nay mỗi lúc một đến gần. Không ngày nào qua đi mà Kunta cùng các bạn nó không cảm thấy vừa vui mừng vừa lo sợ khi thấy sắp tới hội mùa, mà sau đó, lứa kafô thứ ba – bọn con trai từ mười đến mười lăm vụ mưa – sẽ được đưa đến một nơi cách xa Jufurê để rồi bốn tuần trăng sau trở về trong tư thế nam nhi đã trưởng thành.

Kunta và những đứa kia cố làm như thể không đứa nào thực sự nghĩ ngợi hoặc quan tâm đặc biệt đến vấn đề đó. Song chúng ít nghĩ đến chuyện gì khác và chúng theo dõi nghe ngóng ở người lớn mọi lời hoặc dấu hiệu nhỏ nhất có tí chút liên quan đến việc rèn luyện trưởng thành. Và vào đầu mùa khô, sau khi một số cha chú lặng lẽ rời Jufurê đi hai, ba ngày và trở về cũng lặng lẽ như thế, bọn con trai bèn thì thầm to nhỏ với nhau một cách căng thẳng, nhất là sau hôm thằng Kalilu Contê nghe lỏm thấy chú nó nói rằng những sửa chữa rất cần thiết đã được tiến hành ở khu rèn luyện trưởng thành vốn bỏ không, mặc cho sương gió và thú vật hoành hành trong gần năm vụ mưa kể từ khi đợt rèn luyện trưởng thành lần trước được hoàn mãn tại đó. Những chuyện rầm rì lại càng trở nên sôi nổi sau khi thấy cha chú chúng bàn tán về việc bậc huynh trưởng nào có thể được Hội đồng bô lão chọn làm kintangô – người phụ trách việc rèn luyện trưởng thành. Kunta và tất cả các bạn nó đều đã nhiều lần nghe thấy cha, chú, bác và các anh lớn chúng kính cẩn nhắc đến các bậc kintangô đã từng giám sát việc rèn luyện trưởng thành của bản thân họ bao nhiêu vụ mưa trước đây.

Đúng vào lúc trước mùa gặt, tất cả tụi con trai lứa kafô thứ ba đều khích động cơ hồ phát sốt, kể cho nhau nghe mẹ chúng lặng lẽ lấy một cái thước may đo quanh đầu xuống tới vai mỗi đứa như thế nào. Kunta cố hết sức dấu kín hình ảnh sinh động trong trí nhớ về cái buổi sáng cách đây năm vụ mưa khi mà, với tư cách là những chú mục đồng mới toanh, nó và các bạn đã sợ đến gần như bạt vía trước cảnh bọn thiếu niên kêu rống dưới những mũ vải trắng trùm kín đầu, bị một đoàn người đeo mặt nạ gớm ghiếc, cầm giáo mác vừa la hét vừa nhảy điệu kangkurang, đá túi bụi lùa khỏi làng.

Chẳng bao lâu, trống tubalô thì thùm báo hiệu mở đầu mùa gặt mới. Kunta hoà vào với dân làng ở ngoài đồng. Nó hoan nghênh những ngày dài lao động cật lực vì điều đó khiến nó quá bận rộn và mệt nhọc không còn hơi sức đâu mà nghĩ nhiều về những gì đang chờ đợi trước mặt. Nhưng khi gặt xong và bắt đầu hội mùa, nó thấy mình không thể thích thú tận hưởng những thứ nhã nhạc, nhảy múa và chè chén linh đình như những người khác – như chính nó đã từng khoái chí tham dự trong bao lâu nay. Thực tế, cuộc vui càng tưng bừng rộn rã, nó càng trở nên khổ sở hơn, đến nỗi rốt cuộc, hầu như cả hai ngày cuối hội mùa, nó chỉ ngồi một mình trên bờ bôlông lấy đá ném thia lia trên mặt nước.

Vào cái đêm hôm trước ngày cuối cùng của hội mùa, Kunta đang lặng lẽ ăn nốt bữa cơm tối với lạc hầm trong lều của Binta, thì Ômôrô bước vào đăng sau nó. Liếc mắt nhìn, Kunta thoáng thấy bố giơ một cái gì trăng trắng lên và nó chưa kịp quay lại thì Ômôrô đã chụp một chiếc mũ dài thượt xuống, bịt kín đầu nó thật chắc. Nỗi kinh hoàng truyền khắp người Kunta khiến nó gần như tê dại đi. Nó cảm thấy bàn tay bố nắm chặt cánh tay trên nó, thúc nó đứng dậy và đi giật lùi đến lúc nó bị đẩy ngã ngồi xuống một chiếc ghế đẩu thấp. Kunta thấy sung sướng được ngồi, vì nó cảm thấy chân mình như tan thành nước và đầu nhẹ bỗng. Nó nghe thấy mình thở rốc từng hơi ngắn hụt, biết rằng nếu cố gắng cử động, nó sẽ bổ nhào khỏi ghế. Cho nên nó ngồi im phăng phắc, ráng làm quen với bóng tối. Đang cơn khiếp đảm, bóng tối dường như tăng gấp đôi. Trong khi môi trên nó cảm thấy hơi thở của chính mình vừa nóng vừa nhâm nhấp ướt bên trong cái mũ chùm, Kunta vụt nghĩ rằng chắc chắn trước kia một chiếc mũ như thế này đã từng chụp xuống đầu bố nó, cũng theo cách đó. Có thể nào Ômôrô lại cũng sợ hãi như vậy? Thậm chí Kunta không thể tưởng tượng được là bố nó lại hoảng hồn và nó cảm thấy xấu hổ đã làm nhục cho tộc họ Kintê đến thế.

Trong lều rất yên tĩnh. Vật lộn với cái sợ đang thắt ruột nó lại từng khúc, Kunta nhắm mắt và tập trung từng tế bào để nghe ngóng xem có gì xảy ra không. Nó tưởng chừng nghe thấy Binta đang đi loanh quanh, nhưng nó không dám chắc. Nó tự hỏi không biết Lamin đâu, và cả Xuoadu nữa, thằng cu này nếu có ở đây ắt phải đang vòi quấy ầm ĩ. Nó chỉ biết chắc một điều: cả Binta lẫn bất cứ ai khác sẽ không nói gì với nó, chứ kể chi đến chuyện nhấc cái mũ này khỏi đầu nó. Thế rồi Kunta nghĩ: nếu cái mũ được nhấc lên thật thì kinh khủng biết mấy, vì ai nấy sẽ thấy nó quả đang thực sự hoảng hốt đến nhường nào và, do đó, tỏ ra là một thiếu niên không xứng đáng nhập bọn với các bạn cùng lứa kafô đi rèn luyện trưởng thành.

Ngay cả những thằng bé vào cỡ Lamin cũng biết – vì Kunta đã nói cho nó hay - những gì đã xảy đến với bất kỳ đứa nào tỏ ra quá yếu đuối hoặc quá hèn nhát không dám chịu đựng cuộc rèn luyện biến các thiếu niên thành những nhà săn bắn, thành chiến binh, thành tu mi nam tử - tất cả trong vòng một thời gian mười hai tuần trăng. Giả sử như nó không đủ tư cách? Nó bèn nuốt ực nỗi sợ xuống, sực nhớ là đã được kể rằng đứa nào rớt lại không qua nổi đợt rèn luyện trưởng thành, sẽ bị coi là con nít suốt đời, dù rằng bề ngoài có thể y như người lớn. Mọi người sẽ lảng tránh nó và làng sẽ không bao giờ cho phép nó lấy vợ kẻo lại sinh ra những đứa trẻ giống như nó. Những trường hợp đáng buồn ấy – Kunta nghe nói – sớm muộn rồi thì cũng lỉnh đi khỏi làng để không bao giờ trở lại và ngay cả cha mẹ đẻ chúng, anh chị em chúng cũng sẽ không bao giờ nhắc đến chúng nữa. Kunta thử hình dung mình lẻn đi khỏi Jufurê như một con linh cẩu ghẻ, bị tất cả mọi người khinh rẻ, ý nghĩ đó thật quá khủng khiếp đối với tâm trí nó.

Sau một lát, Kunta nhận ra là mình đang lơ mơ nghe thấy tiếng trống và tiếng hò la của những người nhảy múa đằng xa. Thêm một quãng thời gian nữa trôi qua. Mấy giờ rồi nhỉ, nó tự hỏi. Nó đoán bây giờ phải đến giờ xutôba rồi, tức là giữa khoảng từ hoàng hôn đến bình minh, nhưng ít phút sau, nó nghe thấy tiếng alimamô the thé gọi dân làng cầu kinh xafo, có nghĩa là hai giờ trước nửa đêm. Tiếng nhạc dứt và Kunta biết rằng dân làng đã ngừng vui chơi và cánh đàn ông đang hối hả tới nhà thờ.

Kunta cứ ngồi thế cho đến lúc nó biết rằng việc cầu nguyện đã xong xuôi, nhưng nhạc không cử lại nữa. Nó lắng tai rất chăm chú, nhưng chỉ nghe thấy im lặng. Cuối cùng nó ngủ gật, hồi lâu sau mới giật mình thức giấc. Vẫn im ắng – và dưới cái mũ chụp, còn tối hơn cả một đêm không trăng. Sau cùng, nó dám chắc đã nghe loáng thoáng tiếng sủa sớm của linh cẩu. Nó biết cái giống linh cẩu bao giờ cũng sủa từng tiếng một trước khi bắt đầu gào rền liên tục cho đến lúc tinh mơ rạng đông, nghe xa vắng kỳ lạ.

Trong tuần hội mùa, Kunta biết trống tôbalô cất tiếng trầm vang ngay từ những tia sáng đầu tiên của rạng đông. Nó ngồi chờ điều đó xảy đến – chờ bất kỳ điều gì xảy đến. Nó cảm thấy cơn giận dữ nung nấu, lòng ngóng đợi tiếng trống tôbalô gióng lên vào bất cứ lúc nào, vậy mà chẳng thấy gì cả. Nó nghiến răng kèn kẹt và đợi thêm một lúc nữa. Thế rồi cuối cùng sau mấy lần lắc mình cho tỉnh, nó thiếp đi trong một một giấc ngủ chập chờn. Nó gần như bổ choàng khỏi thần xác khi, rốt cuộc, trống tôbalô vang lên thật. Dưới tấm vải chùm, hai má nó nóng bừng, bối rối vì nỗi đã ngủ thiếp đi.

Đã quen với bóng tối trong chiếc mũ chụp, Kunta gần như có thể trông thấy những hoạt động buổi sáng qua những âm thanh lọt vào tai nó – tiếng gà gáy, tiếng chó uôlô sủa, tiếng âm a của alimamô, tiếng chày của phụ nữ giã mạch kê làm bữa điểm tâm. Nó biết bài kinh buổi sáng này dâng lên Đức Ala, là để nguyện cầu cho thắng lợi của đợt rèn luyện trưởng thành sắp sửa bắt đầu. Nó nghe tiếng cử động trong lều và nó cảm thấy đó là Binta. Thật kỳ lạ, tuy không nhìn thấy được, nó vẫn biết đó là mẹ nó. Kunta tự hỏi, không biết Xitafa và những thằng bạn khác ra sao. Nó ngạc nhiên nhận ra rằng suốt đêm cho tới giờ, nó chưa một lần nào nghĩ đến bọn chúng. Nó tự nhủ chắc chắn chúng cũng qua một đêm dài đằng đẵng như bản thân nó.

Khi đàn kora và balafôn bắt đầu đánh rộn ràng bên ngoài lều, Kunta nghe tiếng người đi lại và trò chuyện, mỗi lúc một to. Rồi trống hoà vào cuộc huyên náo với tiết tấu đanh và sắc như dao cắt. Một lát sau, tim nó như ngừng đập khi cảm thấy có người nào đó bất thần lao vào trong lều. Chưa kịp định thần, nó đã bị nắm lấy cổ tay, kéo giật khỏi ghế một cách thô bạo và đẩy qua cửa lều ra ngoài, ngợp trong tiếng ồn ào đinh tai, nào trống nện gióng một, nào người la thét.

Những bàn tay, bàn chân đấm, đá nó. Một cách tuyệt vọng, Kunta nghĩ đến chuyện tìm kế chạy té đi, nhưng đúng lúc nó sắp sửa định làm thế, một bàn tay rắn chắc mà dịu dàng nắm lấy tay nó. Thở khò khè dưới chiếc mũ chụp, Kunta nhận ra rằng mình không bị đánh, đá nữa, rằng đột nhiên tiếng la thét của đám đông bặt đi. Không còn ở gần kề nữa. Nó đoán là người ta đã đi sang lều của một thằng khác và bàn tay dẫn dắt nó hẳn là tay của người nô lệ mà Ômôrô đã thuê như mọi người cha đều làm thế - để đưa đứa con trai bị chùm kín đầu của mình đến khu rèn luyện trưởng thành.

Tiếng hò la của đám đông rộ lên với một âm độ điên cuồng mỗi khi một thiếu niên khác bị lôi ra khỏi lều và Kunta mừng thầm là nó không phải nhìn thấy những người nhảy điệu kangkurang đang khoa giáo và phốc thật cao lên trên không với những động tác nhào lộn ghê sợ cơ hồ đến đông cả máu lại. Trống lớn, trống con – dường như là tất cả các trống trong làng – nện liên hồi trong khi người nô lệ dẫn Kunta mỗi lúc một nhanh qua những hàng người la hò hai bên nó, kêu lên những câu như "Bốn tuần trăng!" "Chúng sẽ trở thành những đấng tu mi nam tử!" Kunta muốn oà lên khóc. Nó cuồng nhiệt ước có thể với tay ra, chạm vào người Ômôrô, Binta, Lamin – thậm chí cả thằng cu Xuoađu khóc nhè nữa – bởi vì nó cảm thấy sắp sửa phải qua bốn tuần trăng đằng đẵng trước khi gặp lại những con người nó yêu thương tới mức mà cho tới nay, nó chưa bao giờ ý thức được đầy đủ, đó quả là điều quá sức chịu đựng. Tai Kunta mách cho nó biết rằng nó và người dẫn đường đã nhập vào một hàng người chuyển động, tất cả đều bước theo nhịp trống gấp gấp. Khi đi qua cổng làng – nó biết thế vì tiếng ồn ào của đám đông bắt đầu ắng dần – nó cảm thấy những giọt nước mắt nóng hổi dâng lên và chảy xuống hai gò má. Nó nhắm nghiền mắt lại như để chính bản thân nó khỏi trông thấy những giọt lệ ấy.

Cũng như lúc nãy nó đã từng cảm thấy sự có mặt của Binta trong lều, giờ đây nó cảm thấy nỗi sợ của các bạn đồng tuế với nó – gần như thể nỗi sợ ấy có mùi vậy đằng trước đằng sau nó trong hàng người và nó biết chúng cũng sợ không kém gì mình. Cách nào đó, điều này làm cho nó cảm thấy bớt xấu hổ. Trong khi hì hụi đi, trong cái mù loà mầu trắng của chiếc mũ chùm đầu, nó biết rằng nó đang để lại sau lưng hơn cả bố mẹ và các em nó và làng quê chôn nhau cắt rốn của nó, và điều đó khiến lòng nó tràn đầy u buồn cũng như khiếp hãi. Nhưng nó biết là cần phải

làm thế, như cha nó đã từng làm thế, trước nó và một ngày kia, con trai nó cũng sẽ làm thế. Nó sẽ trở về, nhưng chỉ khi nào thành một trang nam nhi thật sự.

Chương 23

Hẳn là bọn nó đang đến gần một khóm rừng tre vừa mới đốn – chỉ còn cách chừng một cữ ném đá thôi. Kunta có cảm giác thế. Qua chiếc mũ chùm đầu, nó có thể ngửi thấy mùi tre tươi mới đẵn, sực nức. Bọn chúng lại gần hơn; mùi tre mỗi lúc một thêm ngào ngạt; chúng tới chỗ cây ngáng, rồi đi qua đó, nhưng chúng vẫn còn ở bên ngoài. Tất nhiên – đó là một lũy tre. Đột nhiên, tiếng trống dứt hẳn và đoàn người dừng bước. Trong mấy phút liền, Kunta và những đứa trẻ khác đứng sững, im lặng. Nó lắng nghe xem có âm thanh nhỏ nào khả dĩ mách cho nó biết giờ khắc lúc bọn nó dừng bước hoặc đây là nơi nào, nhưng chỉ thấy tiếng chí choé của bầy vẹt và tiếng la lối của lũ khỉ trên đầu.

Rồi bỗng nhiên, chiếc mũ chụp của Kunta được nhấc lên. Nó đứng hấp háy mắt trong nắng chiều rực rỡ, cố gắng cho quen với ánh sáng. Nó sợ cả đến ngoảnh đầu nhìn các bạn đồng niên, bởi vì đứng ngay trước mặt bọn nó là bố già Xila Ba đipha mặt nhăn nheo, nghiêm nghị. Cũng như tất cả những đứa khác, Kunta biết rõ ông và gia đình ông. Song Xila Ba đipha làm như trước đây chưa hề gặp đứa nào trong bọn chúng – thật vậy, như thể giờ đây ông thà không nhìn chúng còn hơn, cặp mắt ông lướt trên mặt chúng như kiểu nhìn vào một đám giòi đang bò lổn nhổn vậy. Kunta biết đó chắc chắn là kintangô của chúng. Đứng ở hai bên ông là hai người trẻ hơn, Ali Xiz và Xora Tura, mà Kunta cũng biết rõ. Xora là bạn rất thân của Ômôrô. Kunta lấy làm mừng rằng không có ai là Ômôrô để phải thấy con trai mình khiếp đảm đến thế.

Như đã được dạy trước, toàn thể lứa kafô – tất thảy là hai mươi ba đứa con trai – úp hai bàn tay bắt chéo trên chỗ trái tim và chào các bậc huynh trưởng theo lối cổ truyền: "Bình an!" "Duy chỉ bình an mà thôi !", vị kintangô cao tuổi và các phụ tá trả lời. Mở rộng tầm nhìn của mình một lúc – thận trọng không ngọ nguậy đầu – Kunta thấy bọn chúng đang đứng trong một khoảng đất rào kín, điểm những túp nhà tranh vách đất, xung quanh là lũy tre cao, tươi mới. Nó có thể thấy những chỗ chữa trên các túp nhà, rõ ràng là công trình của những người cha đã mấy ngày liền mất tăm khỏi Jufurê. Tất cả những cái đó, nó trông thấy mà không đụng đậy một thớ thịt nào. Nhưng lát sau, nó giật bắn người.

"Rời khỏi làng Jufurê là lũ trẻ nít". .vị kintangô đột ngột lớn tiếng nói. "Nếu muốn trưởng thành trở về, các ngươi cần phải dẹp tan nỗi sợ, bởi vì một con người khiếp sợ là một người yếu đuối và một con người yếu đuối là một hiểm hoạ cho gia đình, cho làng bản, cho bộ lạc". Ông nhìn bọn nó trừng trừng như thể chưa bao giờ thấy một đám thảm hại đến thế, rồi quay đi. Trong khi ông làm thế, hai người phụ tá liền nhảy bổ ra, bắt đầu vun những thanh gỗ giữa đám thiếu niên, nện vào vai, vào mông chúng đau điếng và lùa chúng như lùa dê, từng tốp dăm đứa một, vào những túp lều đất nhỏ bé.

Nép vào nhau trong căn lều trống trơn, Kunta và bốn đứa bạn quá thất đảm đến nỗi không cảm thấy cái nhói buốt dai dẳng do những nhát roi chúng vừa hứng chịu và quá xấu hổ không dám ngẩng đầu lên, dù chỉ là vừa đủ để nhìn nhau. Sau mấy phút khi xem chừng có thể được tạm tha trong giây lát không bị hành hạ thêm. Kunta bèn lén nhìn các bạn cùng hội cùng thuyền với nó. Nó ước ao là nó và Xitafa được ở cùng lều. Cố nhiên, nó có quen biết tụi kia, song không đứa nào thân thiết bằng thằng bạn nối khố, và tim nó trĩu xuống. Nhưng chắc đây không phải là chuyện ngẫu nhiên, nó lý luận thế. Có lẽ thậm chí họ không muốn cho chúng mình có được niềm an ủi nhỏ bé ấy. Cơ chừng họ cũng sẽ không cho chúng mình ăn nữa cũng nên, nó bắt đầu nghĩ vậy khi dạ dày cất tiếng gào đói.

Ngay sau khi lặn mặt trời, các phụ tá của kintangô sục vào lều "Đi!". Một cái tay thước quất mạnh qua vai nó và theo tiếng xuýt ráo riết, bọn trẻ nhốn nháo bổ ra trong chiều chạng vạng, đâm xầm vào những đứa ở các lều khác và dưới những tay thước bay tới tấp, kèm những mệnh lệnh cộc cằn, chúng bị dồn thành một hàng dọc xiên xẹo, đứa sau nắm tay đứa trước. Khi cả bọn đã đứng vào chỗ, kintangô chằm chằm nhìn chúng với vẻ lầm lầm cau có và báo là chúng sẽ làm một cuộc hành quân đêm vào sâu trong khu rừng bao quanh đây.

Khi có lệnh xuất phát, đoàn thiếu niên sắp thành hàng dài bắt đầu đi theo con đường nhỏ, lộn xà lộn xộn, và các tay thước liên tục giáng xuống chúng. "Mày đi như trâu ấy!" Kunta nghe thấy thế bên tai mình. Một thằng bị đánh, kêu khóc và cả hai người phụ tá đều lớn tiếng quát trong bóng tối: "Đứa nào đấy?" và cơn mưa roi càng trút xuống dữ dội hơn. Sau đó, không thằng nào ho he lấy một tiếng.

Chẳng mấy chốc, chân Kunta bắt đầu đau – nhưng không đau sớm hoặc tệ hại như trong trường hợp mà giả sử nó không học được cách sải bước thoải mái do bố nó dạy trong chuyến du hành tới làng của Jannê và Xalum. Nó khoái chá nghĩ rằng chân những thằng kia chắc chắn phải đau hơn chân nó, vì bọn chúng chưa biết cách đi đường trường

như thế nào. Nhưng tất cả những điều Kunta đã học được đều không mảy may làm nó đỡ đói, đỡ khát. Nó cảm thấy dạ dày thắt lại từng nút và khi, cuối cùng, có lệnh dừng lại gần một dòng suối nhỏ, nó đã bắt đầu cảm thấy đầu nhẹ bỗng. Bóng trăng vằng vặc phản chiếu trên mặt suối phút chốc vỡ ra lăn tăn khi bọn trẻ quỳ xuống, bắt đầu khum tay vốc nước uống ừng ực. Một lúc sau, các phụ tá của kintangô ra lệnh cho chúng tách xa khỏi bờ suối, dặn không được uống quá nhiều ngay một lúc, rồi mở những gói đội đầu ra và phân phát một số tảng thịt sấy. Bọn trẻ giằng lấy những miếng thịt chẳng khác một bầy linh cẩu, Kunta nhai và nuốt nhanh đến nỗi nó hầu như không biết vị của bốn miếng nó dành được cho mình ra sao.

Chân đứa nào đứa nấy đều phồng giộp lên những bọng nước to tướng, Kunta cũng thế, nhưng có thức ăn và nước trong dạ dầy rồi, nó cảm thấy dễ chịu đến nỗi không nhận thấy điều ấy. Ngồi bên dòng suối, nó và các bạn đồng tuế bắt đầu đảo mắt nhìn nhau dưới ánh trăng, vẫn không nói không rằng, lần này thì vì quá mệt chứ không phải vì quá sợ hãi. Kunta và Xitafa nhìn nhau hồi lâu nhưng trong ánh sáng lờ mờ, không đứa nào đủ tinh tường để nhận rõ bạn mình trông có đến nỗi khốn khổ như bản thân mình cảm thấy không.

Kunta chỉ mới kịp nhúng đôi bàn chân bỏng rát vào làn nước suối mát lạnh thì các phụ tá của kintangô đã hô chúng trở lại đội hình để bắt đầu chặng đường dài về trại. Cả đầu lẫn chân nó đều tê dại khi bọn chúng rốt cuộc nhìn thấy cái cổng tre trước lúc rạng đông một ít. Với cảm giác là mình sẵn sàng lăn quay ra chết, nó lê bước vào lều, cụng phải một thằng khác đã ở trong đó, mất thăng bằng ngã rúi xuống sàn bẩn và ngủ mê mệt ngay chỗ nó nằm kềnh ra.

Trong sáu đêm tiếp theo, đêm nào cũng có một cuộc hành quân, càng về sau càng dài hơn. Đôi chân phồng dộp của nó đau khủng khiếp, nhưng đến đêm thứ tư, Kunta thấy rằng, cách nào đó, cái đau cũng chẳng đáng kể lắm và nó bắt đầu cảm thấy một niềm xúc động mới thú vị: tự hào. Đến cuộc hành quân thứ sáu, nó và những đứa khác phát hiện ra rằng, bất chấp đêm đen như mực, chúng không cần phải nắm tay nhau nữa mới giữ được hàng quân ngay ngắn.

Đêm thứ bảy, kintangô đích thân dạy bài học đầu tiên cho bọn trẻ: chỉ bảo cho chúng biết những người mắc kẹt trong rừng sâu dựa vào các vì sao như thế nào để định hướng, tìm đường sao cho không bao giờ bị lạc. Trong nửa tuần trăng đầu, tất cả bọn con trai lứa kafô này đã biết nhìn sao để dẫn đoàn người hành quân trở về trại. Một đêm làm nhiệm vụ dẫn đường, suýt nữa Kunta dẫm phải một con chuột rừng trước khi nó nhận ra có người mà chạy trốn. Tuy giật mình, Kunta cũng tự hào không kém, vì điều đó có nghĩa là đoàn quân đã đi lặng lẽ đến nỗi ngay cả một con vật cũng không nghe thấy.

Nhưng loài vật – như lời kintangô nói với bọn nó – là những thầy giáo cừ nhất về nghệ thuật săn bắn vốn là một trong những điều quan trọng nhất mà mọi người Manđinka đều phải học. Khi kintangô đã hài lòng về việc bọn nó đã làm chủ kỹ thuật hành quân, nửa tuần trăng tiếp theo, ông đưa cả lứa kafô vào sâu trong rừng cách xa trại, tại đó chúng dựng những lán nhỏ để ngủ trong thời gian giữa vô số các bài học về những bí quyết để trở thành một Ximbôn (1). Kunta có cảm giác như hễ động nhắm mắt là một trong hai phụ tá của kintangô đã hô dậy để dự một buổi tập nào đó.

Các phụ tá của kintangô chỉ ra những chỗ sư tử vừa mới nằm phục kích rồi nhảy bắt linh dương đi ngay qua; chỉ chỗ sư tử đến ngủ nốt đêm, sau khi ăn. Họ lần trở ngược lại dấu chân của bầy linh dương cho tới khi gần như hiện lên trước mắt bọn trẻ một hình ảnh về hoạt động của bầy linh dương suốt ngày hôm đó, trước khi gặp sư tử. Lớp kafô xem xét các kẽ nứt rộng trong những tảng núi đá, nơi ẩn náu của sói và linh cẩu. Và chúng bắt đầu học nhiều mánh lới săn bắn mà chúng chưa bao giờ mơ tưởng tới. Chẳng hạn, chưa bao giờ chúng ý thức được rằng bí quyết đầu tiên của người Ximbôn bậc thầy là không bao giờ di chuyển đột ngột. Chính vị kintangô cao tuổi đã kể cho bọn trẻ câu chuyện về một gã đi săn rồ dại ở giữa một vùng đầy muông thú mà cuối cùng suýt chết đói, vì quá vụng về chạy hết chỗ này sang chỗ nọ, làm huyên náo cả lên, đến nỗi quanh anh ta, thú vật các loại đều mau chóng và lặng lẽ chuồn đi hết mà anh ta thậm chí cũng không hề biết là chúng đã ở kề ngay bên mình.

Trong những bài học bắt chước tiếng các loài muông thú, bọn trẻ cảm thấy mình cũng giống như gã đi săn vụng về nọ. Không khí vang rộn những tiếng huýt, tiếng gầm gừ, mà chẳng thấy chim hoặc thú nào lại gần. Thế rồi, chúng được lệnh nằm thật yên trong những chỗ nấp trong khi kintangô cùng các phụ tá phát ra những tiếng tưởng chừng cũng giống như chúng đã kêu, và phút chốc, muông thú đã xuất hiện, nghênh nghênh đầu tìm xem những con nào khác đã gọi chúng tới.

Một buổi chiều, khi bọn trẻ đang tập tiếng chim gọi nhau, bỗng nhiên một con chim mình rộng mỏ to tướng đậu xuống bụi rậm gần đó, kêu quang quác. “Nhìn kìa!” một thằng kêu lên và cười hô hố tim những đứa khác giật thót lên đến tận cổ, chúng biết rằng một lần nữa thói to mồm của thằng kia lại sắp sửa khiến tất cả bọn phải phạt. Trước

đó, không ít lần, nó đã bộc lộ thói quen hành động không suy nghĩ – nhưng giờ đây, kintangô làm chúng ngạc nhiên. Ông bước lại chỗ thằng bé và nói với nó rất nghiêm nghị: "Bắt sống con chim ấy mang lại đây cho ta!" Kunta và các bạn nín thở theo dõi thằng nọ khom người xuống và rón rén về phía bụi rậm, nơi con chim nặng ục ịch đang đậu một cách ngu xuẩn, đầu quay hết bên này sang bên kia. Nhưng khi thằng cu nhảy vọt lên, con chim bứt ra được khỏi đôi tay nắm bắt của nó, điên cuồng vỗ đôi cánh cụt lủn, vừa đủ nâng cái thân hình ộ ệ lên trên lớp bụi rậm – và thằng bé chồm theo, đuổi riết, chẳng mấy chốc đã khuất khỏi tầm mắt.

Kunta và bọn kia đứng ngây ra như sét đánh. Rõ ràng, những điều kintangô có thể hạ lệnh bắt chúng làm, quả là vô cùng, không có giới hạn nào cả. Trong ba ngày và hai đêm sau khi đi tập, bọn trẻ cứ đưa mắt nhìn nhau hoài, rồi lại nhìn bụi rậm gần đấy, tất cả đều băn khoăn tự hỏi về những gì đã xảy đến với thằng bạn mất tích. Trước kia, nó đã làm khổ chúng bao nhiêu vì những hành vi khiến cho cả bọn bị đánh đòn, thì nay, khi nó đi rồi, nó càng thân thiết với chúng hơn bao giờ hết.

Sáng ngày thứ tư, bọn trẻ vừa mới dậy thì tốp gác của trại báo là có kẻ nào đó đang tiến lại gần làng. Một lát sau, trống truyền tin đến: chính là cu cậu. Bọn chúng lao ra đón, nhẩy cỡn lên như thể chính anh ruột chúng vừa từ một chuyến viễn du đến Marakét trở về vậy. Vừa gầy ngẵng, vừa bẩn thỉu và mình mẩy sứt sẹo, thâm tím, nó hơi lảo đảo khi tụi bạn chạy tới phát bồm bộp vào lưng nó. Nhưng nó cố mỉm một nụ cười yếu ớt và đúng là nó cần phải mỉm cười: dưới cánh tay, nó kẹp con chim, cánh, chân và mỏ buộc túm bằng một đoạn dây nho. Trông nó còn thảm hại hơn thằng bé, nhưng nó vẫn còn sống.

Kintangô bước ra và tuy nói riêng với thằng bé, ông ngụ ý rõ ràng là thực ra ông đang nói với cả bọn chúng: "Chuyện này dạy cho ngươi hai điều quan trọng - làm đúng như đã được dặn và ngậm miệng lại. Những cái đó cũng là bí quyết rèn đúc nên kẻ nam nhi". Rồi Kunta cùng lũ bạn trông thấy vị kintangô già nhìn thằng bé với vẻ tán thưởng ra mặt, ông đã biết trước, sớm hay muộn, nó cũng sẽ đủ sức bắt được một con chim nặng nề đến mức chỉ có thể lạch bạch bay được từng quãng ngắn chậm chạp qua bụi rậm, đó là lần đầu tiên chúng bắt gặp một cái nhìn như thế ở ông.

Con chim to mập, thoắt cái, được quay lên và tất cả cùng chén ngon lành, trừ người bắt được nó: cu cậu mệt đến nỗi không thể thức chờ nấu nướng cho xong. Nó được phép ngủ suốt cả ngày và cả đêm hôm đó, trong khi Kunta và tụi kia thức trắng học săn ngoài rừng. Ngày hôm sau, trong giờ nghỉ đầu tiên, nó kể lại cho tụi bạn im lặng nghe nó đã tiến hành một cuộc săn đuổi quanh co như thế nào, cuối cùng sau hai ngày và một đêm, nó đặt một cái bẫy nhử được con chim sa vào. Sau khi trói gô nó lại – buộc liền cả cái mỏ hay đớp – cu cậu ráng thức được một ngày một đêm nữa và bằng cách theo hướng sao như đã được dạy, tìm đường về được đến trại. Trong một lúc sau đó, bọn trẻ kia chẳng biết nói gì với nó. Kunta tự nhủ rằng mình thực tình không ghen tị gì với bạn; chỉ có điều là thằng cu ấy hình như nghĩ rằng thành tích nọ - cùng sự tán thưởng của kintangô – đã khiến cho nó trở nên quan trọng hơn các bạn cùng lứa kafô. Và bữa sau, các phụ tá của kintangô vừa ra lệnh dành một buổi chiều để tập đánh vật, Kunta nắm ngay cơ hội túm lấy thằng cu ấy và quật nó thật mạnh xuống đất.

Sang tuần trăng thứ hai của cuộc rèn luyện trưởng thành, lứa kafô của Kunta đã biết xoay xở sống giữa rừng sâu một cách thành thạo gần như ở ngay trong làng bản của chúng. Giờ đây, chúng có thể vừa phát hiện vừa theo dõi những dấu hiệu gần như vô hình của các thú vật và chúng hiện đang học những lễ thức bí ẩn cùng với những bài kinh của tổ tiên có thể làm cho một ximbôn cỡ lớn trở thành vô hình đối với các thú vật. Mỗi miếng thịt chúng ăn bây giờ đều do tự tay chúng bẫy hoặc bắn bằng cung, ná. Chúng có thể lột da một con thú nhanh gấp đôi trước đây và nấu nướng thịt trên những đống lửa gần như không có khói mà chúng đã biết nhóm bằng cách quẹt đá lửa vào lớp rêu khô dưới những que củi nỏ, nhẹ. Những bữa ăn thịt thú nướng – đôi khi là những con chuột rừng nhỏ - thường thường được bồi gia vị bằng món côn trùng nướng giòn dưới than.

Một số trong những bài học giá trị nhất của chúng lại không đề ra trong chương trình. Một hôm trong giờ nghỉ, khi một thằng thử cung vô ý phóng một mũi tên, trúng phải một tổ ong kuaburungô trên cây cao, một đám mây cuồng nộ à xuống – và một lần nữa cả bọn lại khốn khổ vì lỗi của một đứa. Kể cả thằng chạy nhanh nhất trong đám cũng không thoát khỏi những cú ong châm đau buốt.

"Người ximbôn không bao giờ bắn một mũi tên mà không biết nó sẽ trúng vào cái gì", sau đó, kintangô nói với chúng vậy. Ra lệnh cho bọn trẻ lấy dầu cây hạt mỡ xoa vào những chỗ đau sưng húp của nhau, ông nói: "Đêm nay, các ngươi sẽ xử trí với bày ong đó cho thích đáng". Khi trời sẩm tối, bọn trẻ đã chất rêu khô dưới gốc cây có tổ ong. Sau khi một trong hai phụ tá của kintangô châm lửa, người kia bèn ném vào một vốc lá của một loại cây bụi nào đó. Làn khói dày, ngột ngạt bốc lên những cành cây trên cao và phút chốc, hàng ngàn ong chết rụng xuống quanh bọn trẻ, vô hại như những hạt mưa. Sáng ra, Kunta và lứa kafô của nó được chỉ vẽ cách làm chảy các tầng ong – hớt đi những xác ong chết còn lại – để chén mật thoả thích. Kunta hầu như có thể cảm thấy trong người rần

rật cái khí lực mới mà người ta bảo mật ong đem lại cho các nhà săn bắn lớn khi họ cần những chất dinh dưỡng mau chóng giữa rừng sâu.

Nhưng bất kể chúng phải nếm trải những gì, bất kể chúng trau dồi được thêm bao nhiêu kiến thức và khả năng mới, vị kintangô già vẫn không bao giờ thoả mãn. Những đòi hỏi và kỷ luật ông đề ra vẫn chặt chẽ đến nỗi, phần lớn thời gian, bọn trẻ luôn bị giằng xé giữa sợ hãi và phẫn nộ, trừ những khi chúng quá mệt không còn cảm thấy gì nữa. Mọi mệnh lệnh giao cho đứa nào mà không thực hiện hoàn hảo ngay lập tức, đều khiến cả lứa kafô bị ăn đòn. Và, theo cảm giác của Kunta, cứ khi nào không bị đánh, thì giữa đêm, chúng lại bị dựng dậy một cách thô bạo để làm một cuộc hành quân dài – mà bao giờ cũng là với tính cách trừng phạt sự sai trái của một đứa nào đó. Điều duy nhất ngăn Kunta và bọn kia không tự tay nện cho thằng chết tiệt ấy một trận, là ý thức biết chắc rằng làm thế chỉ tổ bị đòn vì tội đánh lộn: một trong số những bài học đầu tiên chúng học được trong đời – từ lâu trước khi đến khu trại này – là người Manđinka không bao giờ được đánh lẫn nhau. Cuối cùng bọn trẻ bắt đầu hiểu rằng an lạc của nhóm tuỳ thuộc ở mỗi đứa chúng nó – cũng như hạnh phúc của bộ lạc sẽ tùy thuộc vào mỗi đứa chúng nó, một ngày kia. Vi phạm quy tắc giảm dần xuống tới mức chỉ còn là một thiếu sót năm thì mười hoạ và cùng với việc đánh đập bớt đi, nỗi sợ đối với kintangô dần dần được thay thế bằng một niềm kính trọng mà trước đây chúng chỉ cảm thấy đối với cha mình.

Nhưng ít có ngày qua đi mà không xảy ra điều mới lạ khiến Kunta cùng các bạn lại cảm thấy mình vụng về và dốt nát. Chẳng hạn, chúng lấy làm ngạc nhiên khi được biết một miếng vải gấp và treo theo kiểu nào đó gần lều một người đàn ông là tín hiệu thông báo ngày giờ anh ta dự định trở về, hoặc những chiếc dép xếp chéo nhau theo kiểu nào đó ngoài một túp lều có thể nói lên nhiều điều mà chỉ những người đàn ông khác mới hiểu. Nhưng điều bí mật mà Kunta thấy là đặc sắc hơn cả, là tiếng xirakangô, một kiểu hội thoại của đàn ông trong đó âm của các từ ngữ Manđinka được biến đổi đi sao cho đàn bà, trẻ con hoặc những người không thuộc bộ tộc Manđinka, không tài nào hiểu được. Kunta nhớ lại những lần nó nghe thấy cha nó nói rất nhanh với một người đàn ông khác những điều gì mà nó không hiểu và cũng chẳng dám yêu cầu giải thích. Bây giờ bản thân nó đã học được, chẳng bao lâu nó cùng các bạn sẽ nói được hầu hết những điều mà cha anh chúng nói bằng thứ thoại ngữ bí mật của đàn ông.
Ở tất cả các lều, cứ mỗi một tuần trăng qua đi, bọn trẻ lại bỏ thêm một hòn đá vào một cái bát để đánh dấu thời gian chúng đi xa khỏi Jufurê đã được bao lâu. Mấy ngày sau khi hòn đá thứ ba được bỏ vào bát, một buổi chiều, bọn trẻ đang đánh vật trong khu rào, đột nhiên chúng nhìn về phía cổng trại và thấy sừng sững đứng đó một toán từ hai mươi lăm đến ba mươi người đàn ông. Đám thiếu niên há hốc miệng thở hổn hển khi nhận ra đó là bố chúng, các chú các bác và các anh lớn chúng. Kunta nhẩy bật lên, không thể tin ở mắt mình, niềm vui như một mũi tên xuyên suốt người nó khi nhìn thấy Ômôrô lần đầu tiên sau ba tuần trăng. Song hình như có một bàn tay vô hình nào đó giữ nó lại và dập tắt một tiếng kêu mừng rỡ, ngay cả trước khi nó thấy mặt bố nó không lộ vẻ gì là nhận ra con trai của mình.
Chỉ có một thằng lao ra, kêu tên bố, và chẳng nói chẳng rằng, ông bố đó với lấy chiếc roi của người phụ tá kintangô đứng gần mình nhất, vừa quật thằng con vừa nghiêm khắc quát mắng nó về tội đã phơi bày nỗi xúc động của mình, tỏ ra vẫn còn là một thằng bé. Trong khi đánh những nhát roi cuối cùng, người đó cảnh cáo thêm thằng con trai một cách không cần thiết rằng nó đừng có hy vọng được bố ưu đãi. Rồi đích thân kintangô hô một mệnh lệnh cho toàn thể lứa kafô nằm sấp bụng xuống thành một hàng và tất cả những người khách đi dọc theo hàng đó, lấy gậy đi đường của mình quất xuống những cái mông chổng lên. Lòng Kunta xáo lộn cả lên, nó không phản đối chuyện đánh đòn vì biết đó chỉ là một kỷ luật nghiệt ngã khác của việc rèn luyện trưởng thành, song nó đau đớn không được ôm ghì lấy bố thậm chí nghe tiếng bố nói, đồng thời lại thấy hổ thẹn vì nó biết rằng ngay cả việc mong muốn những nuông chiều ấy cũng không phù hợp với khí phách nam nhi.
Xong mục đánh đòn, kintangô hạ lệnh cho bọn trẻ chạy, nhảy, múa, vật nhau, cầu nguyện như chúng đã được dạy, và đám phụ huynh lặng lẽ theo dõi tất cả, rồi nhiệt liệt ca ngợi kintangô cùng các phụ tá vừa ra về không buồn ngoái lại nhìn bọn trẻ đứng ngẩn ra, mặt ỉu xìu. Trong giờ ấy, chúng còn bị đánh một trận nữa vì dỗi không chịu chuẩn bị bữa ăn tối. Chúng càng bất bình hơn vì nỗi kintangô và các phụ tá làm như không hề có ai đến thăm cả. Nhưng quãng đầu đêm hôm ấy, trong khi bọn trẻ đánh vật trước giờ đi ngủ - lúc này chỉ miễn cưỡng thôi – một phụ tá của kintangô đi ngang qua chỗ Kunta và đột nhiên thì thào nói với nó: "Mày có một thằng em mới đẻ, tên là Mađi".
Bây giờ, chúng mình có bốn đứa, Kunta nghĩ bụng, đêm ấy nó thức khuya hơn. Bốn anh em – bốn con trai cho bố mẹ nó. Nó ngẫm nghĩ không biết trong tương lai hàng trăm vụ mưa sau, khi các graiốt kể lại lịch sử gia đình Kintê, chuyện đó sẽ gợi lên âm hưởng như thế nào. Sau Ômôrô – Kunta nghĩ – nó sẽ là người đàn ông đầu tiên trong gia đình khi nó trở lại Jufurê. Không những nó đang học để trở thành một người đàn ông, mà nó còn học rất nhiều điều mà nó có thể dạy lại cho Lamin, như nó đã từng dạy thằng em bao nhiêu điều về tuổi niên thiếu. Chí ít, nó cũng sẽ dạy Lamin những gì mà bọn thiếu niên được phép biết, rồi Lamin sẽ dạy cho Xuoađu và Xuoađu lại dạy lại thằng em mới tên Mađi này mà Kunta còn chưa biết mặt. Và một ngày kia Kunta vừa nghĩ vừa chìm dần vào giấc ngủ - khi đến tuổi Ômôrô, nó sẽ có những đứa con trai của chính mình, và mọi sự lại bắt đầu như thế.

Chương 24

"Các ngươi giờ đây không còn là trẻ con nữa. Các ngươi đang trải qua cuộc hồi sinh để trở thành người lớn", một buổi sáng, kintangô nói với lứa kafô được tập hợp lại. Đây là lần đầu tiên kintangô dùng chữ người lớn mà không phải để mắng chúng chưa đáng là người lớn. Sau những tuần trăng cùng học, cùng làm, cùng bị đánh đập – ông nói với bọn chúng – cuối cùng mỗi đứa đang bắt đầu phát hiện ra là mình có hai bản ngã: một ở trong nó và bản ngã kia lớn hơn, ở trong tất cả những ai cùng chung huyết thống, cùng chung cuộc đời với nó. Chưa học được bài học đó thì chưa thể tiến hành giao đoạn tiếp theo của việc rèn luyện trưởng thành: làm sao trở thành chiến binh. "Các con đã biết người Manđinka chỉ chiến đấu nếu những kẻ khác là hiếu chiến", kintangô nói. "Nhưng nếu bị dồn đến chỗ phải chiến đấu thì chúng ta sẽ là những chiến binh cừ nhất".

Trong nửa tuần trăng sau đó, Kunta và các bạn học cách chiến đấu như thế nào. Kintangô hoặc các phụ tá phác hoạ những binh lược trứ danh của dân tộc Manđinka rồi bảo bọn trẻ tái triển những binh lược ấy trong các cuộc tập trận giả. "Đừng bao giờ vây kín kẻ địch hoàn toàn", kintangô khuyên. "Hãy để cho chúng một lối thoát nào đó, vì nếu bị hãm cùng đường, chúng càng liều mạng chiến đấu". Bọn trẻ cũng học được rằng các cuộc chiến đấu nên mở màn vào lúc chiều tà để cho bất cứ kẻ địch nào, thấy thất bại, có thể gỡ thể diện bằng cách rút lui vào bóng tối. Và chúng được dạy rằng, trong mọi cuộc chiến tranh, đừng bên nào nên làm hại đến các giáo trưởng, các graiốt hoặc các thợ rèn trên đường lữ thứ vì một giáo trưởng phẫn nộ có thể khiến cho nỗi bất bình của Chúa Ala giáng xuống, một graiốt phẫn nộ có thể sử dụng cái lưỡi hùng biện của mình kích động địch quân trở nên man rợ hơn, và một thợ rèn phẫn nộ có thể chế tạo hoặc sửa chữa vũ khí cho kẻ địch.

Dưới sự chỉ đạo của các phụ tá kintangô, Kunta và những đứa khác đẽo những giáo mác có ngạnh và vót những mũi tên có ngạnh thuộc loại chỉ dùng trong chiến trận, và tập phóng chúng vào những mục tiêu càng ngày càng thu nhỏ. Đứa nào phóng trúng một thân tre cách xa hai mươi lăm bước là được hoan hô và ngợi khen. Xục vào rừng bọn trẻ tìm thấy một loại cây kuna, ngắt lá đem về trại nấu thành thứ nước đen đặc quánh. Một sợi chỉ bông đem nhúng vào đó rồi quấn vào ngạnh một mũi tên sẽ làm ngấm một chất độc chết người vào bất cứ vết thương nào do mũi tên gây ra.

Vào cuối thời kỳ huấn luyện chiến đấu, kintangô kể cho bọn chúng nghe nhiều điều chúng chưa từng biết – và kể một cách lý thú hơn mọi lần chúng đã từng được nghe về những cuộc chiến tranh lớn nhất và những chiến sĩ vĩ đại nhất trong toàn bộ lịch sử dân tộc Manđinka – vào cái thời mà đạo quân của thần tướng Xundiata, xưa là nô lệ, con trai bà Nữ Ngưu Xôlôgôn, đánh bại các lực lượng của vua Xumacrô nước Burê, một tên vua tàn bạo chuyên mặc áo bằng da người và trang hoàng những bức tường trong cung điện của y bằng những sọ trắng hếu của quân địch.

Kunta cùng các bạn nín thở nghe chuyện cả hai đạo quân đã bị thương vong hàng nghìn người như thế nào. Nhưng các tay nỏ người Manđinka đã áp sát vây chặt các lực lượng của Xumacrô như một cái bẫy khổng lồ, từ hai phía bắn tên vào như mưa và liên tục tiến vào cho đến khi đạo quân táng đởm kinh hồn của Xumacrô, cuối cùng phải bỏ chạy tán loạn. Trong nhiều ngày đêm, kintangô kể - và đây là lần đầu tiên bọn trẻ thấy ông mỉm cười – các cỗ trống biết nói của mọi làng bản theo dõi bước tiến của các lực lượng Manđinka chiến thắng, chở đầy chiến lợi phẩm và giải hàng nghìn tù binh đi trước họ. Đến mỗi làng, những đám đông vui sướng xô ra nhạo báng và đá bọn tù binh đầu cạo trọc và tay trói quặt ra sau lưng. Cuối cùng, tướng Xundiata triệu tập một cuộc họp lớn của nhân dân, đưa ra trước bà con những thủ lĩnh của tất cả các làng đã bị ngài đánh bại và trả lại những ngọn giáo cấp thủ lĩnh cho họ, thế rồi ngài bèn thiết lập giữa các thủ lĩnh đó những quan hệ hoà bình sẽ ràng buộc họ trong một trăm vụ mưa về sau. Kunta và các bạn trở về giường nằm, lòng đầy mộng mơ, tự hào hơn bao giờ hết được là người Manđinka.

Khi bắt đầu tuần trăng luyện tập sau, tiếng trống truyền tới trại, báo tin sẽ có khách mới trong vòng hai ngày tới. Niềm phấn khởi trước tin có khách – bất kể là khách nào, bao lâu sau lần đoàn phụ huynh tới – lại tăng lên gấp đôi khi bọn trẻ được biết người truyền tin đi chính là tay trống của đội kiện tướng vật làng Jufurê đến đây để hướng dẫn những bài học đặc biệt cho trại viên.

Cuối buổi chiều hôm sau, trống loan báo họ đến sớm hơn dự đoán. Nhưng nỗi vui thích của bọn trẻ được gặp lại những bộ mặt quen thuộc, biến mất khi các đô vật chẳng nói chẳng rằng túm lấy chúng và bắt đầu lẳng chúng xuống đất phũ phàng tới mức chúng chưa bao giờ bị quật như thế trong đời. Và đứa nào đứa nấy đều thâm tím ê ẩm khi các đô vật chia chúng thành từng nhóm nhỏ để quần thảo với nhau dưới sự giám sát của các kiện tướng. Kunta chưa bao giờ tưởng tượng là môn vật lại có nhiều miếng đến thế và những miếng ấy hiệu nghiệm biết bao nếu sử dụng đúng cách. Và các kiện tướng không ngừng gióng trống vào tai bọn trẻ, nhắc nhở chúng rằng: chính sự hiểu

biết và điêu luyện thuần thục, chứ không phải sức khoẻ, mới là điều phân biệt giữa một đô vật bình thường với một kiện tướng. Tuy nhiên, khi họ thị phạm các ngón vật cho lũ học trò thấy, bọn chúng không khỏi trầm trồ ngưỡng mộ những bắp thịt cuồn cuộn không kém gì tài nghệ của họ. Đêm ấy, quanh đống lửa, tay trống từ Jufurê tới rành rọt gõ tên tuổi và chiến tích của những đô vật kiện tướng lớn người Manđinka từ một trăm vụ mưa trước tới nay và khi bọn trẻ đến giờ đi ngủ, các đô vật bèn rời trại trở về Jufurê.

Hai hôm sau, lại có tin một vị khách nữa đến. Lần này, tin do một liên lạc từ Jufurê mang tới – một thanh niên thuộc lứa kafô thứ tư mà Kunta cùng các bạn nó biết rất rõ, mặc dù, lên mặt người lớn, anh ta làm như chưa bao giờ thấy cái bọn nhóc thuộc lúa kafô thứ ba này không thèm ngó ngàng gì đến chúng, anh ta chạy tới chỗ kintangô và vừa thở rốc vừa báo là Kujali Njai, một graiốt nổi tiếng khắp Gămbia, sắp sửa đến thăm trại tập hẳn một ngày.

Ba hôm sau, ông lão tới cùng với một số thanh niên thuộc gia đình ông. So với bất cứ vị graiốt nào Kunta đã thấy trước đây, thì ông cụ già hơn nhiều – già đến nỗi trên thực tế, bên cạnh cụ, kintangô hoá ra trẻ. Sau khi ra hiệu cho bọn trẻ ngồi xệp thành hình bán nguyệt quanh mình, ông già bắt đầu kể quá trình ông trở thành graiốt như thế nào. Cụ kể cho chúng nghe, trong những năm học hỏi thời trai trẻ, mỗi một graiốt đã chôn sâu thành tích của tổ tiên trong tâm trí như thế nào. "Bằng cách nào khác mà ta có thể biết được những việc làm lớn lao của các vua, các thánh nhân, các nhà săn bắn và các chiến binh thời xưa, sống trước ta hằng trăm vụ mưa? Ta có gặp các vị đó không?" ông cụ hỏi, "Không! Lịch sử dân tộc chúng ta được truyền tới cho tương lai từ đây này". Và cụ vỗ vào mái đầu bạc của mình.

Cái câu hỏi vẫn nằm trong trí mỗi đứa trẻ đã được vị graiốt già giải đáp: chỉ có các con trai các graiốt mới có thể trở thành graiốt. Thật vậy bổn phận trọng đại của họ là phải trở thành graiốt. Kết thúc kỳ rèn luyện trưởng thành là những thiếu niên ấy – như tốp cháu nội của chính cụ hôm nay đang ngồi bên cụ đây – liền bắt đầu học tập và đi du hành với những vị huynh trưởng chọn lọc, nghe đi nghe lại mãi những tên tuổi lịch sử và những câu chuyện được truyền lại và, đến kỳ đến lúc, mỗi thiếu niên sẽ thuộc cái phần đặc biệt trong lịch sử của cha ông đến tận chi tiết cặn kẽ nhất, đầy đủ nhất, đúng như đã được kể cho cha mình về cha của cha mình. Rồi tới một ngày nào đó, chàng trai trở thành người đàn ông trưởng thành, có con, và anh ta, sẽ kể cho chúng nghe những truyện ấy, sao cho các sự kiện của quá khứ xa xưa sẽ sống mãi.

Khi bọn trẻ thán phục nuốt vội nuốt vàng bữa ăn chiều và đổ xô trở lại xúm quanh cụ già graiốt, cụ khiến chúng hồi hộp xúc động cho đến tận đêm khuya với những câu chuyện do chính cha cụ truyền lại – về những đại vương quốc da đen đã thống trị châu Phi hàng mấy trăm năm trước.

"Rất lâu trước khi bọn tubốp đặt chân tới châu Phi", vị graiốt già nói, có vương quốc Bênin dưới sự trị vì của một ông vua nắm mọi quyền lực gọi là Ôba, muốn gì là phải có ngay. Nhưng thực tế việc cai quản Bênin lại nằm trong tay các cố vấn tin cẩn của Ôba, toàn bộ thời gian của nhà vua chỉ dành vào những cuộc tế lễ cần thiết để trấn an quỷ thần và vào việc chăm sóc thích đáng một hậu cung gồm hơn một trăm cung phi. Nhưng trước thời kỳ đó, Bênin là một vương quốc còn giàu hơn thế nữa gọi là Xonghai, vị graiốt nói vậy. Kinh đô của Xonghai là Gao, đầy những nhà cửa đẹp đẽ dành cho các ông hoàng da đen và các phú thương, bọn này thết đãi rất hào phóng những lái buôn lưu động đem vô số vàng đến mua hàng.

"Vậy mà đó chưa phải là vương quốc giàu nhất", cụ già nói. Và cụ kể cho bọn trẻ nghe về nước Gana của tổ tiên trong đó có một thành phố gồm toàn quần thần của triều đình nhà vua. Và vua Kanixal có tới một nghìn ngựa, mỗi con có ba người phục vụ và máng đái riêng bằng đồng đỏ. Kunta gần như không tin ở tai mình nữa. "Và mỗi buổi tối", vị graiốt kể. "Khi vua Kanixal từ trong cung điện bước ra, một ngàn ngọn lửa liền được thắp, soi sáng tất cả mọi thứ giữa trời và đất. Và gia nhân của bậc đại vương bưng đồ ăn thức uống ra, đủ để thết một vạn người tập hợp ở đó mỗi buổi chiều".

Đến đây cụ ngừng lại, và bọn trẻ không nén nổi những tiếng trầm trồ kinh ngạc (chúng biết rõ là không được gây một tiếng động nào trong khi một graiốt nói), nhưng cả cụ già lẫn bản thân kintangô dường như đều không nhận thấy sự thất thố của chúng. Bỏ một nửa hạt kôla vào miệng và đưa nửa kia mời kintangô – ông này vui vẻ nhận, - vị graiốt kéo vạt áo quấn chặt hơn vào chân để chống lại cái rét của đêm vừa bắt đầu và tiếp tục kể.

"Nhưng ngay cả Gana cũng chưa phải là vương quốc da đen giàu nhất!" cụ thốt lên. "Đích thực giàu hơn cả đích thực lâu đời hơn cả, chính là vương quốc Mali cổ xưa!". Như các vương quốc khác, Mali có những đô thị, những nông dân, thợ thủ công, thợ rèn, thợ thuộc da, thợ nhuộm và thợ dệt, cụ già graiốt nói. Nhưng của cải như núi của Mali là do những con đường thông thương dài rộng phục vụ việc buôn bán muối, vàng và đồng đỏ. "Đi khắp Mali, chiều dài mất bốn tuần trăng, chiều rộng mất bốn tuần trăng", vị graiốt nói, "thành phố lớn nhất là Timbutku thần kỳ!" Là trung tâm học vấn của toàn châu Phi, Timbutku có hàng ngàn học giả, hơn nữa lại không ngừng tiếp đón

các nhà thông thái nườm nượp tới thăm để nâng cao kiến thức – nhiều đến nỗi một số thương gia xụ nhất chẳng bán được gì ngoài dây da và sách. “Không có một giáo trưởng nào, không một thầy giáo nào dù ở làng nhỏ nhất, mà vốn kiến thức không bắt nguồn, chí ít là một phần, từ thành phố Timbutku”, vị graiốt nói.

Cuối cùng khi kintangô đứng lên cảm ơn vị graiốt đã hào hiệp chia sẻ những kho tàng trí tuệ của mình cho thầy trò ông. Kunta cùng những đứa khác lần đầu tiên từ khi chúng đến trại – dám thực sự nói lên nỗi bất mãn của mình vì đã đến giờ phải đi ngủ. Kintangô đành làm ngơ, bỏ qua sự láo xược ấy, ít nhất là trong lúc này, và nghiêm nghị ra lệnh cho chúng về lều, tuy nhiên, trước đó, chúng đã tranh thủ được cơ hội xin ông mời vị graiốt trở lại thăm chúng một lần nữa.

Sáu ngày sau, chúng vẫn còn đang suy nghĩ và bàn tán về những câu chuyện kỳ diệu mà vị graiốt đã kể cho chúng nghe, thì có tin một vị môrô trứ danh sắp đến thăm trại. Môrô là một cấp đại sư cao nhất ở Găмbia, thật vậy chỉ có một số ít đại sư và sau bao vụ mưa học tập nghiên cứu, họ trở nên uyên bác đến nỗi nhiệm vụ của họ không phải là chỉ dạy học trò mà cả các thày giáo như arafang của làng Jufurê.

Ngay cả kintangô cũng tỏ ra quan tâm khác thường đối với vị khách này, ông ra lệnh dọn thật sạch toàn thể khu trại, cào hết rác bẩn rồi lấy cành lá quét cho nhẵn nhụi phẳng phiu để xứng với vinh dự đón những vết chân tươi mới của vị môrô khi người tới đấy. Rồi kintangô tập hợp bọn trẻ trong khu rào và nói với chúng: “Không những dân chúng mà cả các xã trưởng và thậm chí các bậc quân vương cũng cầu mong được nghe lời bảo ban và cầu phước của người sắp đến với chúng ta”.

Sáng hôm sau, vị môrô tới, có năm môn đồ đi theo, mỗi người đội một cái bọc mà Kunta biết là trong đó có những sách Ả rập quí giá và những bản thảo viết trên giấy da như của thành phố Timbutku cổ xưa, lúc vị đại sư già đi qua cổng, Kunta và các bạn quì gối theo kintangô và các phụ tá, trán chạm xuống đất. Sau khi vị môrô cầu phước cho bọn họ và toàn trại, mọi người đứng dậy và kính cẩn ngồi quanh đại sư trong khi người giở sách và bắt đầu đọc – đầu tiên trích kinh Koran, rồi đến những đoạn trong các sách chưa từng nghe nói đến, như cuốn Tôrêta la Muxa, cuốn Zabora, Đauydi và cuốn Lingheli la Ixa mà người nói tín đồ “Cơ đốc” gọi là Ngũ quyển của Môixe trong Cựu ước, thi thiên của Đavid và sách Exai. Mỗi lần, vị môrô mở hay gấp lại một quyển sách, giở ra hay cuộn vào một bản thảo, người lại áp trán vào đó và thì thầm “Amen!”

Khi đọc xong, vị đại sư già đặt các sách sang bên cạnh và nói về những sự kiện lớn và những nhân vật trong kinh Koran của đạo Cơ đốc thường được gọi là Kinh Thánh, Người nói về Adam và Evơ, về thánh Jôzep và các giáo hữu, về Môixe, Đavid, và Xôlômôn, về cái chết của Abet. Người kể với bọn họ về những nhân vật vĩ đại trong lịch sử gần đây như Đjulu Kara Naini mà bọn tubốp gọi là Alecxandr Đại Đế, một ông vua hùng cường của một nước đầy vàng bạc, ở đó mặt trời chiếu toả nửa phần thế giới.

Trước khi vị môrô đứng dậy ra về trong đêm ấy, người duyệt lại xem bọn trẻ đã thuộc những gì trong năm bài kinh cầu Chúa Ala hằng ngày và dặn dò chúng phải đi đứng, cư xử ra sao trong ngôi nhà thờ thiêng liêng của làng, nơi mà chúng sẽ bước vào lần đầu tiên khi chúng trưởng thành trở về nhà. Rồi người cùng các môn đồ phải đi vội để tới địa điểm sau trong chương trình bận rộn của người, và bọn trẻ hát mừng người như kintangô đã căn dặn: “Một thế hệ qua đi… Một thế hệ khác tới và lại qua… Song Chúa Ala còn mãi mãi…”

Đêm ấy sau khi vị môrô đi khỏi, nằm thao thức trong lều, Kunta nghĩ thầm sao mà biết bao điều lại gắn bó với nhau đến thế - thực tế là hầu hết những điều chúng nó đã học được. Quá khứ dường như gắn liền với hiện tại và hiện tại với tương lai; người chết với người sống và những người còn chưa ra đời, bản thân nó với gia đình nó, bạn bè nó, làng nó, bộ lạc nó, Châu Phi của nó, thế giới của con người với thế giới của thú vật và cỏ cây – tất cả đều sống với Chúa Ala. Kunta cảm thấy mình rất nhỏ bé mà rất lớn lao. Có lẽ - nó nghĩ – đó là ý nghĩa của việc trở thành người lớn.

Chương 25

Đã tới lúc tiến hành cái công việc mà chỉ nghĩ đến cũng đủ khiến Kunta và mọi đứa khác rùng mình: phép Kaxaxbôlô (1:- Tục lệ cắt bao qui đầu của tín đồ Hồi giáo) nhằm tẩy rửa một thiếu niên và chuẩn bị cho nó trở thành một người cha có nhiều con. Bọn chúng biết sự kiện đó đang tới gần, nhưng khi nó tới thì chẳng có gì báo trước cả. Một hôm vào đúng ngọ khi mặt trời lên tới đỉnh đầu, một phụ tá của kintangô ra một mệnh lệnh, tưởng chừng như thông lệ, cho toàn lứa kafô xếp hàng trong khu rào, và bọn trẻ làm theo nhanh chóng như mọi khi. Nhưng Kunta cảm thấy nhói lên một nỗi sợ khi đích thân kintangô ra khỏi lều của mình như hoạ hoằn lắm ông mới làm thế vào giữa trưa và bước tới trước mặt bọn chúng.

"Vạch fôtô ra" ông hạ lệnh. Chúng ngần ngừ, không tin – hoặc không muốn tin – vào điều chúng nghe thấy. "Làm ngay!" Ông quát. Một cách chậm chạp và ngượng ngùng chúng tuân theo, đứa nào đứa nấy mắt dán xuống đất, trong khi lần tay vào trong khố.

Từ hai đầu hàng, các phụ tá của kintangô rẽ lối tiến lại từng đứa, bọc đầu fôtô của nó trong một đoạn vải ngắn phết một lớp bột xanh làm bằng một thứ lá giã nát ra. "Chẳng mấy chốc, fôtô của các ngươi sẽ mất hết cảm giác" kintangô nói và ra lệnh cho chúng trở về lều.

Nép vào nhau trong lều, xấu hổ và lo sợ những gì xảy ra tiếp theo, bọn trẻ im lặng chờ đợi cho đến khoảng giữa buổi chiều thì lại được lệnh ra ngoài, chúng đứng đó, giương mắt nhìn một số người từ Jufurê – các phụ huynh và chú bác đã đến lần trước cùng nhiều người khác nữa – đang nối nhau đi qua cổng vào. Ômôrô cũng ở trong đám, nhưng lần này Kunta làm như không thấy cha mình. Đám người xếp thành một hàng đối diện với bọn trẻ và đồng thanh: "Việc sắp làm đây…cũng đã được làm với chúng ta…như với tổ tiên trước chúng ta…sao cho các ngươi cũng sẽ trở thành ...cùng chung hàng ngũ nam tử với tất cả chúng ta". Rồi kintangô ra lệnh cho bọn trẻ trở về lều một lần nữa.

Khi màn đêm buông xuống, chúng nghe thấy rất nhiều trống bắt đầu nện ở ngay bên ngoài trại. Được lệnh ra khỏi lều, chúng trông thấy độ mươi mười hai người nhảy điệu kangkurang vừa băng qua cổng vừa gào thét. Trong trang phục bằng cành lá và đeo mặt nạ vỏ cây, họ nhảy nhót, vung giáo giữa bọn trẻ thất đảm và rồi biến mất cũng đột ngột như khi xuất hiện. Bấy giờ, bọn trẻ gần như tê dại đi vì sợ, nghe thấy kintangô hạ lệnh cho chúng ngồi sát vào nhau dựa lưng vào hàng rào tre của khu trại.

Đám cha, anh, chú bác đứng gần đó, lại đồng thanh: "Chẳng bao lâu, các ngươi sẽ trở về nhà…về trại ấp, ruộng đồng…và đến kỳ đến lúc các ngươi sẽ lấy vợ…và đời sống vĩnh hằng sẽ tuôn chảy từ thân các ngươi". Một phụ tá của kintangô gọi tên một đứa. Khi nó đứng dậy, người phụ tá vẫy nó đến đằng sau một tấm phên đan bằng tre. Kunta không trông thấy hoặc nghe thấy gì xảy ra tiếp theo, nhưng lát sau thằng bé trở ra với một mảnh vải vấy máu kẹp giữa háng. Hơi lảo đảo, nó được người phụ tá kia dìu về chỗ, dọc theo hàng rào tre. Người ta gọi tên một thằng khác. Rồi một thằng nữa, lại một thằng nữa, và cuối cùng:
"Kunta Kintê!"

Kunta như biến thành đá. Song nó tự bắt mình đứng dậy và bước lại sau tấm phên. Trong đó có bốn người, một người ra lệnh cho nó nằm ngửa lên. Nó làm theo: dù sao đi nữa, nó cũng không thể đứng vững được lâu hơn trên đôi chân run rẩy. Tốp người bèn cúi xuống, nắm chặt lấy nó và nhấc cao hai đùi nó lên. Đúng trước khi nhắm mắt lại, Kunta trông thấy kintangô cúi xuống nó, tay cầm một vật gì đó. Rồi nó cảm thấy nhát cắt đau buốt. Đau hơn là nó tưởng, tuy nhiên nếu như không đắp lá tê trước thì ắt còn tệ hơn nữa. Lát sau, nó được băng chặt chẽ và một phụ tá đỡ nó trở ra, nó ngồi xuống, yếu ớt và choáng váng, bên cạnh những đứa đã qua đằng sau tấm phên. Chúng không dám nhìn nhau. Nhưng điều mà chúng sợ hơn hết thảy, giờ đây đã xong xuôi.

Khi vết cắt bắt đầu lành, một không khí hoan hỉ bừng lên trong trại bởi lẽ cái nhục vì nỗi chỉ là những thằng bé con về cả thể xác lẫn trí tuệ đã vĩnh viễn qua rồi. Giờ đây, chúng gần như là người lớn – chúng vô cùng biết ơn và kính mến kintangô. Về phần mình, ông cũng bắt đầu nhìn lứa kafô của Kunta bằng con mắt khác…Vị huynh trưởng cao tuổi, da nhăn nheo, tóc bạc mà chúng dần dần đi tới chỗ yêu mến thật sự, bây giờ thỉnh thoảng còn mỉm cười nữa kia. Và khi nói với cả lứa kafô, ông hoặc các phụ tá thường thốt ra rất thản nhiên: "Bọn đàn ông các ngươi…" Và đối với Kunta cùng các bạn nó, điều chúng nghe thấy dường như không thể tin được, mà cũng thật là tuyệt diệu.

Ít lâu sau, tuần trăng thứ tư bắt đầu và theo lệnh riêng của kintangô, mỗi đêm hai hoặc ba thành viên thuộc lứa kafô của Kunta rời trại, phóng một mạch về làng Jufurê đang yên ngủ, lẻn như những cái bóng vào kho của mẹ đẻ mình, đánh cắp mạch kê và thịt sấy đến mức tối đa có thể mang được, rồi chạy ù về trại, hôm sau đem ra nấu nướng một cách vui vẻ - "để chứng tỏ các ngươi tinh ranh hơn tất cả phụ nữ, kể cả mẹ mình" như lời kintangô nói với chúng. Nhưng cái ngày hôm sau ấy, cố nhiên các bà mẹ của những thiếu niên ấy lại đi khoe với bạn bè rằng mình đã nghe thấy con trai quanh quất đâu đó và đã nằm lắng tai, thao thức, tự hào.

Bây giờ, những buổi tối ở trại có một tình cảm mới, gần như tối nào lứa kafô của Kunta cũng ngồi xổm thành nửa vòng tròn quanh kintangô. Phần lớn thời gian, cung cách ông vẫn nghiêm nghị như trước, nhưng giờ đây ông nói với chúng không phải như với những thằng bé chập chững mà như với những trai làng. Đôi khi, ông nói với chúng về những phẩm chất của nam nhi – trong đó, nét chủ yếu sau tính dũng cảm là hoàn toàn trung thực trong mọi sự. Và thỉnh thoảng ông lại nói cho chúng nghe về tổ tiên. Sùng kính phụng thờ là một bổn phận của kẻ còn sống đối với những người ở trên kia với Chúa Ala, ông bảo chúng vậy. Ông yêu cầu mỗi đứa nêu lên vị tổ tiên mà nó nhớ thương nhất, Kunta kể tên bà nội Yaixa của nó và kintangô bảo mỗi một vị tổ tiên mà bọn chúng đã nhắc tên đều đang khẩn cầu Chúa Ala phù hộ cho những kẻ đang sống.

Một buổi tối khác, kintangô nói với chúng là mọi người sống ở trong một làng đều quan trọng ngang nhau đối với làng đó, từ đứa trẻ sơ sinh mới nhất cho đến vị bô lão cao tuổi nhất. Với tư cách là những người mới trưởng thành, do đó, chúng phải đối xử với mọi người một cách kính trọng như nhau và nhiệm vụ hàng đầu của chúng khi trưởng thành là phải bảo vệ hạnh phúc của mỗi người đàn ông và đàn bà và trẻ con như hạnh phúc riêng của mình.

"Khi trở về nhà" kintangô nói, "các ngươi sẽ bắt đầu làm mắt, làm tai cho làng Jufurê. Các ngươi sẽ có bổn phận phải gác làng - ở bên ngoài cổng làng thì cảnh giới bọn tubốp cùng những rợ khác, còn trên cánh đồng thì canh phòng, giữ mùa màng vẹn toàn khỏi bị ác thú, sâu bọ ăn. Các ngươi cũng phải gánh lấy trách nhiệm thanh tra các nồi nấu ăn của phụ nữ - kể cả của mẹ đẻ các ngươi – để đảm bảo sao cho chúng được giữ sạch sẽ và phải khiển trách họ thật nghiêm khắc nếu thấy rác bẩn hoặc sâu bọ trong đó". Bọn trẻ rất nôn nóng muốn được bắt đầu những bổn phận của mình, tưởng như không đủ kiên nhẫn để chờ đợi.

Tuy hầu hết bọn chúng – trừ những đứa lớn nhất – đều còn quá ít tuổi chưa thể mơ tưởng đến những trách nhiệm sẽ gánh vác khi đến tuổi của lứa kafô thứ tư, chúng vẫn biết rằng một ngày kia, với tư cách những chàng trai từ mười lăm đến hai mươi vụ mưa, chúng sẽ có thể được chỉ định làm cái công việc quan trọng là đưa tin – như gã thanh niên đã đến báo cho chúng biết về cuộc đến thăm của vị môrô – giữa Jufurê và các làng bản khác. Có điều là lứa kafô của Kunta khó mà tưởng tượng được rằng những gã đủ tuổi làm giao liên thì lại không khát khao điều gì hơn là thôi không làm giao liên nữa. Khi tới mức hai mươi vụ mưa bước sang lứa kafô thứ năm, họ sẽ chuyển sang làm công việc thực sự quan trọng giúp việc các bô làng với tư cách là sứ giả và người thương thuyết trong mọi cuộc giao dịch với các làng khác. Những người đàn ông vào lứa tuổi Ômôrô – trên ba mươi – cứ mỗi vụ mưa qua đi lại dần dần lên cấp, với trách nhiệm cao hơn, cho đến khi bản thân họ đạt được cương vị danh dự của các bô làng. Kunta đã nhiều lần tự hào ngắm Ômôrô ngồi bên rìa Hội đồng Bô lão và mong mỏi cái ngày mà cha nó sẽ bước vào nội bộ những người thừa kế sứ mệnh của các thủ lĩnh tôn kính như vị kintangô khi họ về chầu Chúa Ala.

Giờ đây, Kunta và những đứa khác thấy chẳng còn dễ gì mà chú ý thích đáng đến tất cả những điều kintangô nói. Chúng cảm thấy dường như không lẽ nào lại xảy ra nhiều điều đến thế trong bốn tuần trăng vừa qua, không lẽ nào chúng lại thực sự sắp trở thành người lớn. Mấy ngày vừa qua dường như dài hơn cả những tuần trăng trước đó, nhưng cuối cùng, đến ngày rằm, trăng tròn vành vạnh cao tít trên bầu trời, các phụ tá của kintangô ra lệnh cho tất cả xếp hàng, sau bữa ăn tối một chút.

Phải chăng đây là lúc mà chúng chờ đợi? Kunta nhìn quanh tìm các bậc phụ huynh chắc chắn phải có mặt để dự buổi lễ bế mạc. Chẳng thấy họ đâu cả. và kintangô đâu rồi? Đôi mắt nó xục xạo khu rào và tìm thấy ông đứng ở cánh cổng trại đúng lúc ông mở toang nó, rồi quay lại bọn chúng và kêu to: "Các tráng sĩ Jufurê! Hãy trở về làng!".

Trong một lúc, chúng đứng như mọc rễ, rồi chúng đổ xô lại hú lên và nắm lấy, ghì lấy vị kintangô của chúng cùng các phụ tá, họ giả vờ như phật ý về sự hỗn hào ấy. Bốn tuần trăng trước đây, khi chiếc mũ chụp được nhấc khỏi đầu nó ở chính khu rào này, Kunta hẳn khó mà tin rằng nó sẽ buồn vì phải rời nơi này, hoặc sẽ đi đến chỗ yêu mến ông già nghiêm nghị đứng trước mặt chúng ngày hôm đó, nhưng giờ đây nó cảm thấy cả hai niềm xúc động ấy. Rồi ý nghĩ của nó bỗng hướng về nhà và nó vừa la hét vừa chạy cùng những đứa kia ra khỏi cổng, theo con đường mòn dẫn về Jufurê. Đi chưa được bao xa, chúng bỗng im tiếng và chậm bước lại, như vâng theo một hiệu lệnh ngầm, mỗi đứa theo cách riêng của mình, nhưng đều trầm ngâm suy nghĩ về những cái gì chúng bỏ lại sau lưng và những gì đang chờ trước mặt. Lần này, chúng không cần đến sao cũng tìm thấy đường về.

Chương 26

“A! A!” những tiếng reo sung sướng của đám phụ nữ vang lên và dân làng từ trong các lều đổ xô ra, cười, nhảy múa khi lứa kafô của Kunta – cùng những thiếu niên đã đến tuổi mười lăm và chuyển sang lứa kafô thứ tư trong thời gian chúng đi trại huấn luyện – bước qua cổng làng vào lúc rạng sáng. Những chàng trai mới trưởng thành bước khoan thai, với cái dáng mà chúng hy vọng là tư thế đường hoàng, và thoạt đầu, chúng không nói cũng chẳng mỉm cười. Khi thấy Binta chạy về phía mình, Kunta cảm thấy muốn lao tới gặp mẹ và không ngăn nổi vẻ mặt khởi sáng bừng lên, nhưng nó cố tiếp tục giữ nhịp đi từ tốn như cũ. Thế rồi Binta vồ lấy nó, ôm cổ, vuốt má, nước mắt rưng rưng, miệng thầm thì gọi tên nó. Kunta chỉ cho phép làm thế một thoáng, rồi vùng ra, vì giờ đây nó đã là người lớn, nhưng nó làm như thể nó gỡ ra – chỉ để nhìn kỹ hơn cái bọc kêu oa oa, địu gọn gàng êm ái trên lưng mẹ nó. Nó luồn cả hai tay vào trong bọc nhấc bổng thằng bé lên:
“Thế ra đây là em trai Mađi của anh!” nó vui sướng kêu lên, giơ em lên cao.

Binta tươi hơn hớn bên cạnh nó trong khi nó bế thằng bé bước tới lều mẹ, vừa nói nựng, bẹo đôi má phính bé tẹo, vừa làm đủ kiểu nhăn mặt, méo miệng đùa với em. Song Kunta cũng không quá mải mê với em đến nỗi không nhận thấy bày trẻ con trần truồng đang bám sát lưng họ, mắt thao láo và mồm há hốc. Hai ba đứa xoắn lấy chân nó, nhiều đứa khác nhào ra nhào vô giữa đám Binta cùng các phụ nữ khác đang trầm trồ khen Kunta trông lực lưỡng khỏe mạnh biết bao, ra dáng nam nhi biết bao. Nó làm ra vẻ như không nghe thấy, nhưng lời đó rót vào tai nó như tiếng nhạc vậy.

Kunta tự hỏi Ômôrô đang ở đâu và Lamin – nó sực nhớ là giờ này hẳn thằng em đang đi chăn dê. Vào bên trong lều Binta, ngồi xuống rồi, nó mới nhận thấy có một đứa thuộc loại lớn trong lứa kafô đầu cũng theo vào và lúc này đang đứng nhìn nó trừng trừng, tay níu chặt váy Binta. “Chào anh Kunta!” thằng cu nói. Đó là Xuoađu! Kunta không tin ở mắt mình nữa. Khi Kunta lên đường đi rèn luyện trưởng thành, Xuoađu mới chỉ là một cái gì tẹp nhẹp, quá bé nhỏ không đáng để ý trừ những lúc nó quấy rầy Kunta với thói khóc nhè luôn miệng. Giờ đây, trong vòng bốn tuần trăng, nó như đã cao lớn hơn và bắt đầu biết nói, nó đã trở nên một con người. Giao trả em bé cho Binta, Kunta bế lấy Xuoađu, chao mạnh nó lên tận nóc lều Binta cho đến khi thằng cu khoái chá hét inh ỏi.

Khi chuyện trò với Xuoađu xong và thằng bé chạy ra ngoài xem mấy chàng trai mới trưởng thành khác, căn lều ắng lặng đi. Lòng tràn niềm vui và tự hào, Binta thấy chẳng cần nói gì. Nhưng Kunta thì khác. Nó muốn nói với mẹ là nó nhớ mẹ biết bao và sung sướng biết bao được trở về nhà. Song nó không tìm ra lời. Và nó biết đó không phải là điều mà một người đàn ông nên nói với một người đàn bà dù người đó là mẹ mình.
“Bố con đâu?” cuối cùng nó hỏi.
“Bố đi cắt cỏ gianh lợp lều cho con”, Binta nói.

Trong khi phấn khởi, Kunta gần như quên bẵng rằng, với tư cách là một người đàn ông, giờ đây nó sẽ có lều riêng của mình. Nó bước ra ngoài và hối hả đi đến chỗ bố nó vẫn bảo là có loại gianh lợp nhà tốt nhất.

Ômôrô trông thấy nó tới và tim Kunta đập rất nhanh khi thấy bố bắt đầu bước lại gặp mình. Hai bố con bắt tay theo lối những người đàn ông với nhau, người nọ nhìn sâu vào mắt người kia, lần đầu tiên giao kiến theo đúng tư cách đàn ông với đàn ông. Kunta cảm thấy gần như xỉu đi vì xúc động và họ lặng thinh một lúc. Rồi thản nhiên như bàn chuyện thời tiết nắng mưa, Ômôrô bảo ông đã mua cho Kunta một căn lều mà chủ cũ đã lấy vợ và làm một ngôi nhà mới. Kunta có muốn xem lều ngay bây giờ không? Kunta khẽ nói là có và họ cùng đi, dọc đường phần lớn chỉ mình Ômôrô nói, vì Kunta vẫn thấy khó tìm ra lời.

Những vách đất của căn lều cũng cần được sửa chữa nhiều như phần mái. Song Kunta hầu như không để ý thấy hoặc cũng chẳng quan tâm lắm, vì đây là lều riêng của nó, và từ đây đến lều của mẹ nó phải đi xuyên qua làng, từ đầu nọ đến đầu kia. Cố nhiên, nó không cho phép mình để lộ vẻ thỏa mãn, kể chi đến chuyện nói ra mồm. Đằng này, nó chỉ bảo Ômôrô là nó sẽ tự mình sửa chữa lấy. Kunta có thể trát lại vách, Ômôrô nói, nhưng ông muốn hoàn thành nốt công việc chữa mái mà ông đã bắt đầu. Không nói thêm lời nào, ông quay lưng và trở về phía bãi gianh, để Kunta đứng đó, lòng đầy biết ơn bố đã khởi đầu mối quan hệ mới trên cương vị đàn ông với nhau một cách bình dị như vậy.

Kunta bỏ cả buổi chiều thăm thú mọi góc trong làng Jufurê, no mắt ngắm tất cả những bộ mặt từng tưởng nhớ tha thiết, những túp lều quen thuộc và những nơi hằng lui tới – giếng nước làng, sân trường, cây bao-báp và cây bông gạo. Mãi tới giờ, khi bắt đầu đắm ngợp trong những lời chào hỏi của mọi người nó gặp trên đường, nó mới hiểu ra

nỗi nhớ quê trong những ngày qua thật sâu sắc biết bao. Nó ước mong đến giờ Lamin lùa dê về và chợt thấy nhớ một con người khác rất đặc biệt dù đó là một phụ nữ. Cuối cùng – bất cần đó có phải là một việc làm thích đáng đối với một người đàn ông hay không – nó cứ hướng tới căn lều nhỏ dầu dãi nắng mưa của già Nyô Bôtô.
"Bà ơi!" nó gọi cửa.
"Ai đấy?" một giọng cáu kỉnh, the thé, vỡ ra, đáp lại.
"Bà thử đoán xem!" Kunta nói và bước vào trong lều.

Nó phải mất một lúc mới quen mắt để nhìn bà rõ hơn trong ánh sáng lờ mờ. Ngồi xổm cạnh một cái chậu và tước những sợi dài từ một mảnh vỏ cây bao-báp nhúng đẫm nước trong chậu, bà nhìn xói vào đó hồi lâu rồi mới nói: "Kunta!"
"Bà ơi, gặp lại bà thật tuyệt quá!" nó kêu lên.
Bà Nyô Bôtô lại tước sợi. "Mẹ cháu có khỏe không?" bà hỏi và Kunta trả lời cho bà yên tâm rằng Binta vẫn mạnh.
Nó hơi ngạc nhiên vì cung cách bà thản nhiên như thể nó chưa hề đi đâu xa bao giờ, như thể bà không nhận thấy nó đã trở thành người lớn vậy.
"Cháu luôn nghĩ tới bà trong khi vắng xa – mỗi lần sờ tay vào chiếc bùa xaphi mà bà buộc vào cánh tay cháu".

Nó xin lỗi vì đã ngắt quãng công việc của bà và vội vã bỏ đi, phật ý sâu sắc và bối rối ghê gớm. Mãi sau này nó mới hiểu rằng thái độ khủng khỉnh của bà Nyô Bôtô còn khiến bà đau đớn hơn nó là đằng khác, bà đã hành động như bà biết một phụ nữ cần phải hành động đối với một kẻ không còn ở tuổi tìm sự vỗ về quanh gấu váy bà.

Lòng vẫn băn khoăn, Kunta đang chậm rãi bước về phía lều mới của mình thì chợt nghe thấy một tiếng xộn rộn quen thuộc: dê kêu be be, chó sủa và bọn trẻ quát tháo. Đó là lứa kafô thứ hai trở về sau buổi chiều chăn dê ngoài bãi rậm. Lamin chắc ở trong số đó. Trong khi bọn trẻ lại gần, Kunta bắt đầu bồn chồn dõi vào từng khuôn mặt. Thế rồi Lamin trông thấy nó, gọi ầm lên và chạy bổ tới, cười toe toét. Nhưng còn cách mấy bước, nó dừng phắt lại khi trông thấy vẻ mặt lạnh lùng của anh và chúng đứng sững nhìn nhau. Cuối cùng, Kunta nói trước:
"Chào".
"Chào anh Kunta".

Rồi chúng lại nhìn nhau thêm lát nữa. Mắt Lamin ánh lên niềm tự hào, song Kunta cũng thấy cả cái vẻ xúc phạm mà chính nó vừa cảm thấy trong lều bà Nyô Bôtô, cùng với sự phân vân không biết nên làm gì với anh trai. Kunta nghĩ cái cách xử sự của cả hai lúc này không phải là điều nó muốn, song một chàng trai trưởng thành cần phải được mọi người, kể cả chính em trai mình, kính nể đôi chút.

Lamin là đứa lên tiếng trước, bắt chuyện trở lại: "Cả hai con dê của anh đều đang chửa to tướng". Kunta thích mê, thế có nghĩa là nó sắp sửa có bốn, thậm chí năm con dê cũng nên, nếu một con sinh đôi. Song nó không mỉm cười hoặc tỏ vẻ ngạc nhiên. "Đó là tin tốt lành", nó nói, thậm chí ít lộ vẻ phấn khởi hơn là nó muốn. Không biết nói gì khác nữa, Lamin lẳng lặng chạy đi, hò mấy con chó uôlô quây lại đàn dê đã bắt đầu tản ra.

Binta giữ vẻ mặt nghiêm trang, đăm đăm trong khi giúp Kunta dọn đến lều riêng. Quần áo cũ của nó chật hết cả rồi, bà nói, và, với giọng kính cẩn đúng mức, nhắc thêm rằng khi nào, xen vào giữa những công việc quan trọng cần làm, Kunta có thì giờ cho bà đo người, bà sẽ may cho nó ít quần áo mới. Vì ngoài cây nỏ bó tên và cái ná bắn đá, nó chẳng có gì mấy nữa, nên Binta cứ thầm thì hoài, nào "con cần phải có cái này!", nào "con cần phải có cái kia" cho đến khi bà cung cấp cho nó một số đồ gia dụng thiết yếu như một cái bàn xoa, một ghế đẩu và một thảm cầu nguyện bà đã dệt trong khi nó vắng nhà. Cứ mỗi lần mẹ đưa thêm vật gì mới, Kunta lại hầm hừ như nó vẫn thấy cha nó bao giờ cũng làm thế, tựa hồ chẳng nghĩ ra cách gì phản đối để khỏi nhận vật đó trong nhà mình vậy. Khi thấy nó gãi đầu, Binta bèn đề nghị cho bới xem có chấy không, nó nói độp một tiếng "không" thô bạo, không buồn để ý đến những tiếng lẩm bẩm của mẹ sau đó.

Cuối cùng, mãi đến gần nửa đêm, Kunta mới ngủ, vì có biết bao điều phải suy nghĩ. Và nó thấy hình như vừa nhắm mắt một tí, tiếng gà gáy đã đánh thức nó dậy, rồi vẳng đến tiếng ê a của alimamô gọi đến nhà thờ Hồi giáo dự cái cuộc sẽ là lễ nguyện ban mai đầu tiên mà nó và chúng bạn được phép tham gia cùng những người đàn ông khác ở Jufurê. Hối hả mặc quần áo, Kunta vớ lấy tấm thảm cầu nguyện mới của mình và hòa vào đám bạn cùng lứa kafô đang theo sau những người đàn ông khác trong làng, bước vào ngôi nhà thờ thiêng liêng, đầu cúi thấp và tay chấp thảm cầu nguyện cuộn tròn – y như thể chúng đã làm việc đó suốt đời vậy.Vào đến bên trong, Kunta và những đứa kia theo dõi và bắt chước mọi hành động cùng lời lẽ của những người lớn tuổi hơn, đặc biệt chú trọng sao cho khỏi quá nhỏ nhẻ hoặc quá cao giọng trong khi đọc kinh.
Sau lễ nguyện, Binta mang bữa điểm tâm đến lều chàng trai mới trưởng thành. Đặt bát mạch kê bốc hơi trước mặt Kunta – cu cậu lại chỉ hầm hừ, không lộ vẻ gì trên nét mặt – Binta vội vã đi khỏi, và Kunta ăn không thích thú gì, bực bội vì ngờ rằng dường như mẹ đã cố nén một cái gì từa tựa như là niềm vui.

Điểm tâm xong, nó cùng các bạn tiến hành bổn phận làm tai mắt cho làng một cách chuyên cần khiến các bậc cha anh cũng phải thấy ngộ nghĩnh. Các bà các chị quay trước quay sau đều thấy các chàng trai mới trưởng thành đòi khám nồi nấu xem có sâu bọ gì không. Và sục sạo bên ngoài lều của mọi người và quanh khắp lũy tre làng, chúng phát hiện hàng trăm chỗ mà tình trạng sửa chữa chưa đạt đến tiêu chuẩn khắt khe của chúng. Cả một tá trong bọn chúng kín hàng xô nước giếng lên, lấy gáo múc nếm náp thật cẩn thận, hy vọng khám phá ra một vị mặn, hoặc mùi bùn, hoặc một vị gì khác không lành mạnh. Chúng bị thất vọng, song dù sao chú rùa và đàn cá thả dưới giếng để ăn sâu bọ vẫn cứ bị vớt đi và thay bằng những con mới.

Tóm lại, các chàng trai mới trưởng thành có mặt ở khắp nơi. "Chúng nó nhan nhản như bọ chét!" già Nyô Bôtô khịt khịt nói khi Kunta lại gần một con suối, nơi bà đang lấy chày nện quần áo giặt trên một phiến đá, và suýt nữa thì nó cắm cổ chạy về một phía khác. Nó cũng đặc biệt thận trọng tránh xa mọi nơi nó biết có thể có mặt Binta, lòng tự bảo lòng rằng mặc dù bà là mẹ nó, nó cũng sẽ không tỏ ra chiếu cố đặc biệt gì, rằng, nếu cần, nó sẽ thẳng tay kiên quyết với bà, thực đấy, tựu chung, bà vẫn chỉ là một phụ nữ.

Chương 27

Jufurê nhỏ quá và lứa kafô mới trưởng thành ra chuyên cần lại quá đông – chẳng mấy chốc Kunta đã cảm thấy điều đó – thành thử hầu hết các mái, tường, nồi niêu, thức đựng trong làng đều đã được kiểm tra, cọ rửa sạch sẽ, sửa chữa hoặc thay thế một lát trước khi nó ngó tới. Song nó lấy thế làm hài lòng hơn là thất vọng, vì như vậy, nó có nhiều thì giờ hơn dành vào việc trồng cây khoảnh đất nhỏ do Hội đồng Bô lão phân cho nó sử dụng. Tất cả những chàng trai mới trưởng thành tự trồng cây lấy mạch kê hoặc lạc riêng cho mình – một phần để sinh sống và số còn lại đổi chác với những người trồng không đủ nuôi gia đình lấy những thứ họ cần hơn lương thực. Chàng trai nào chăm nom tốt hoa màu của mình, đổi chác thuận lợi và khéo quản lý bầy dê – có khi đem một tá dê đổi lấy một con bò cái tơ dần dần đẻ đái thêm nhiều bê con – sẽ có cơ khá giả trong cuộc đời và trở thành một người có của khi anh ta đến tuổi hai mươi lăm hoặc ba mươi vụ mưa, bắt đầu nghĩ đến chuyện lấy vợ, sinh con đẻ cái.

Trong vòng mấy tuần trăng sau khi trở về, Kunta đã trồng thừa nuôi bản thân mình và khôn khéo đổi chác lấy của này, của nọ để trang hoàng căn lều riêng, đến nỗi Binta bắt đầu ca cẩm về chuyện đó, để lọt tới tai nó. Binta cứ lầm bầm rằng lều nó có nhiều ghế, nhiều chiếu mây, nhiều bát đựng thức ăn, bầu đựng nước cùng các đồ linh tinh khác đến nỗi hầu như không còn chỗ cho bản thân nó trong đó nữa. Song nó nhân từ bỏ qua sự ngược ngạo đó của mẹ, vì hiện nay nó nằm ngủ trên một chiếc giường đẹp đan bằng sậy trải một chiếc chiếu tre êm như lò xo mà bà đã bỏ ra nửa tuần trăng để làm cho nó.

Trong lều, cùng với nhiều bùa xaphi đổi được bằng hoa màu ở mảnh ruộng riêng, nó còn giữ một số vật bảo hộ tâm linh khác: những chất xạ hương lấy từ một số loại thảo mộc và vỏ cây, mà mỗi đêm, trước khi đi ngủ, Kunta lấy ra xoa lên trán, cánh tay trên và đùi, như mọi người đàn ông Manđinka khác. Người ta tin rằng chất tinh dầu thần diệu này sẽ bảo vệ khỏi bị quỷ ám trong khi ngủ. Nó cũng làm cho người thơm tho – một điều mà Kunta đã bắt đầu nghĩ tới cùng với việc làm dáng.

Cùng với những đứa khác trong lứa kafô của nó, Kunta ngày càng trở nên tức tối về một vấn đề đã giày vò lòng tự hào nam giới của chúng từ nhiều tuần trăng. Khi lên đường đi rèn luyện trưởng thành, chúng bỏ lại sau lưng một đám con gái nhỏ gày gò, ngốc nghếch, hay cười ngặt nghẽo, nghịch ngợm gần như không kém gì con trai. Thế rồi chỉ sau bốn tuần trăng xa nhà, chúng trở về – với tư cách trai mới trưởng thành – để thấy vẫn những đứa con gái ấy, những đứa con gái đã cùng lớn lên với chúng, õng ẹo diễu quanh ở bất cứ nơi nào người ta ngó mắt tới, ưỡn đôi vú to như cặp xoài, ngúng ngẩy đầu và cánh tay, phô ra xủng xoẻng nào hoa tai, nào dây chuyền hạt, nào vòng tay. Điều làm Kunta cùng chúng bạn bực bội không phải ở chỗ bọn con gái cứ nhắng nhít một cách vô lối như thế, mà là ở chỗ bọn chúng làm vậy hoàn toàn chỉ vì lợi ích của những gã đàn ông khác hơn cánh Kunta ít nhất mười vụ mưa. Đối với cánh trai mới lớn lên như Kunta, những thiếu nữ đến tuổi lấy chồng ấy – khoảng mười bốn hay mười lăm – hầu như không buồn ghé mắt tới trừ phi để trêu chọc hoặc cười cợt. Kunta và bạn bè, cuối cùng đâm tởm những điệu bộ và cung cách mần tuồng ấy đến nỗi chúng kiên quyết thôi không thèm để ý đến cả những đứa con gái lẫn bọn thanh niên lớn tuổi hơn cũng đầy thèm muốn mà tụi kia tìm cách quyến rũ bằng cách làm duyên làm dáng nhặng xị đến thế.

Một đêm nằm mơ – vì từ khi còn bé tí, Kunta đã hay ngủ mê, thậm chí cả lúc tỉnh, Binta thường hay nói thế – nó thấy mình đang đứng xem một điệu nhảy xêôruba trong hội mùa, thì cô gái yêu kiều nhất, cổ cao nhất, đen giòn nhất trong đám chọn đúng nó để quẳng chiếc khăn bịt đầu xuống đất cho nó nhặt lên. Khi nó nhặt lên, nàng liền chạy bổ về nhà kêu lớn: "Kunta ưng tôi!" và sau khi thận trọng cân nhắc, cha mẹ nàng cho phép họ lấy nhau. Ômôrô và Binta cũng đồng ý và hai người cha thương lượng về khoản thách cưới. "Con bé đẹp đấy", Ômôrô nói "nhưng điều tôi quan tâm là giá trị thực sự của nó với tư cách là vợ của con trai tôi. Nó có làm khỏe và cần cù không? Nó có thích tổ ấm gia đình không? Nó có thể cơm ngon canh ngọt và nuôi nấng con cái không? Và nhất là có bảo đảm là nó còn trinh không?" Mọi câu hỏi đều được trả lời là có, thế là ngã giá và định ngày cưới.

Kunta làm một căn nhà mới, đẹp đẽ và cả hai bà mẹ cùng nấu vô số món ăn ngon lành để gây ấn tượng tốt nhất với khách khứa. Và đến hôm cưới, người lớn, trẻ con, dê, gà, chó, vẹt và khỉ làm nhộn nhạo cả lên, gần như át cả cánh nhạc công được thuê đến giúp vui. Khi đoàn phù dâu đến, người hát ngợi hô to chúc hai gia đình đề huề sum họp huệ lan. Tiếng hò reo càng lớn hơn khi các bạn gái thân thiết nhất của cô dâu xô mạnh nàng vào bên trong ngôi nhà mới của Kunta. Tươi cười vẫy mọi người, Kunta vào theo nàng kéo rèm cửa. Khi nàng ngồi xuống giường Kunta hát tặng nàng một bản tình ca nổi tiếng của tổ tiên: "Em thân yêu, cổ cao ba ngấn xinh đẹp tuyệt với…" Rồi hai người nằm xuống trên tấm da êm và nàng âu yếm hôn Kunta, và họ ghì thật chặt lấy nhau. Và thế rồi điều đó xảy ra

y như Kunta từng tưởng tượng theo cách đã được nghe mô tả. Nó còn mê ly hơn là Kunta đã được nghe kể và cảm giác ấy cứ tăng lên, tăng lên mãi cho đến khi, cuối cùng, nó bùng ra.

Choàng thức giấc, Kunta nằm im không động đậy hồi lâu, cố mường tượng ra điều gì đã xảy đến. Rồi, quờ tay xuôi xuống giữa cặp giò, nó cảm thấy cái chất ươn ướt âm ấm cả trên người nó lẫn trên giường. Hốt hoảng và cuống lên, nó nhảy chồm dậy, sờ soạng tìm một chiếc khăn và lau người, lau luôn cả giường nữa, rồi ngồi đó trong bóng tối, nỗi sợ dần dần nhường chỗ cho sự bối rối, hết bối rối đến xấu hổ, hết xấu hổ lại thích thú và cuối cùng niềm thích thú được thay thế bởi một thứ tự hào. Cái sự này đã bao giờ xảy đến với thằng nào trong lũ bạn nó chưa nhỉ, nó tự hỏi. Một mặt nó hy vọng là đã, mặt khác lại hy vọng là chưa, vì có lẽ đây là điều xảy đến khi người ta thực sự trở thành đàn ông, nó nghĩ vậy, và nó muốn mình là người đầu tiên trở thành đàn ông. Song Kunta biết rằng nó sẽ chẳng bao giờ biết đích xác nó có phải là người đầu tiên hay không, bởi lẽ cái kinh nghiệm này là thậm chí cả những ý nghĩ này đâu phải thuộc loại chuyện nó có thể bộc bạch tâm sự với ai. Cuối cùng, vừa mệt nhoài vừa phấn khởi, nó lại nằm xuống và phút chốc chìm vào một giấc ngủ an làng không mộng mị gì cả.

Chương 28

Kunta biết tất cả mọi người, đàn ông, đàn bà, trẻ con, mọi con chó, con dê ở Jufurê, một buổi chiều nó tự nhủ như vậy trong khi ngồi ăn cơm bên mảnh ruộng lạc của mình, và trong quá trình làm những nhiệm vụ mới, hầu như ngày nào nó cũng trông thấy hoặc nói chuyện với hầu hết mọi người. Vậy mà tại sao nó lại cảm thấy cô đơn thế? Phải chăng nó là một kẻ mồ côi? Nó chẳng có một người cha đối xử với nó đúng như một người đàn ông cần phải đối xử với một người đàn ông khác đó sao? Nó chẳng có một người mẹ chăm sóc chu đáo cho những nhu cầu của nó đó sao? Nó chẳng có những đứa em trai để ngưỡng mộ nó đó sao? Với tư cách là một chàng trai mới trưởng thành, nó chẳng phải là thần tượng của chúng đó sao? Nó chẳng có tình bạn của những đứa cùng với nó vầy bùn hồi bé tí, cùng chăn dê ở tuổi thiếu niên và cùng trở về Jufurê với tư cách thanh niên mới trưởng thành đó sao? Nó chẳng đã được các bậc huynh trưởng nể vì – và các bạn cùng lứa kafô thèm muốn do khéo chăm bón mảnh đất riêng để phát triển thành bảy con dê, ba con gà và một căn lều cần thiết đẹp đẽ trước cả khi tròn tuổi mười sáu đó sao? Nó không thể phủ nhận những điều đó.

Ấy thế mà nó vẫn cô đơn. Ômôrô quá bận bịu không có thì giờ tiêu phí cùng Kunta như hồi mới có một con và ít trách nhiệm hơn trong làng. Binta bận trông nom lũ em Kunta, song dù sao hai mẹ con cũng ít nói chuyện để trao đổi với nhau. Thậm chí nó với Lamin cũng không còn gần gũi nữa, trong khi nó đi trại tập, Xuoađu đã trở thành cái bóng đầy lòng tôn thờ của Lamin như Lamin đã từng là cái bóng của Kunta, và Kunta theo dõi với những tình cảm xáo trộn trong khi thái độ của Lamin đối với thằng em chuyển hóa dần từ bực bội đến khoan dung, rồi đến thương mến. Chẳng bao lâu, hai đứa thành gắn bó không rời nhau, không còn chỗ cho Kunta cũng như cho Mađi, thằng này còn bé quá không nhập bọn được với chúng, nhưng đã đủ lớn để khóc vòi vì chúng không cho theo. Những ngày hai thằng kia không kịp lẻn nhanh ra khỏi lều, dĩ nhiên là Binta sai chúng đưa Mađi đi theo để bà đỡ quần chân, và Kunta không khỏi mỉm cười khi thấy ba đứa em trai nối đuôi nhau theo thứ tự lớn bé đi quanh làng, hai đứa đi đầu thì cau có nhìn thẳng về phía trước, trong khi thằng bé mỉm cười sung sướng, làm hậu quân, gần như chạy để theo kịp các anh.

Không còn ai đi sau Kunta nữa và cũng không mấy khi có ai đi cạnh nó vì các bạn cùng lứa kafô thì hầu hết các giờ thức đều bận bịu với những nhiệm vụ mới và có lẽ cũng như nó – bận suy nghĩ về những gì, cho đến nay, xem ra là những phần thưởng đáng ngờ của cương vị trưởng thành. Đành rằng chúng đã được phát mảnh đất riêng và bắt đầu gom được dê cùng những của cải khác. Nhưng phần đất thì nhỏ, công việc thì vất vả và những thứ chúng có đem so với của cải của những người đàn ông lớn tuổi hơn thì ít ỏi đến phát ngượng. Chúng cũng đã làm tai, mắt cho làng, nhưng chẳng có chúng giám sát thì nồi niêu cũng vẫn được giữ sạch sẽ và không hề có ai xâm nhập cánh đồng, ngoài những gia đình khỉ đầu chó hoặc những bầy chim thỉnh thoảng lai vãng đến. Chẳng bao lâu đã rõ ra là các bậc huynh trưởng làm lấy hết mọi công việc thực sự quan trọng và chỉ cho cánh thanh niên mới trưởng thành cái mà chúng cảm thấy là vẻ tôn trọng bề ngoài, cũng như chúng chỉ được giao phó cái vỏ ngoài của trách nhiệm. Thật vậy, những lúc để ý tới cánh trai trẻ các bậc huynh trưởng cũng như các cô gái làng, khó mà nhịn cười được, kể cả trong trường hợp một đứa trong bọn hoàn thành mỹ mãn nhiệm vụ gay go nhất không chút sai sót. Được, một ngày kia, nó sẽ là một trong những bậc lớn tuổi ấy, Kunta tự nhủ và nó sẽ mang cương vị người lớn một cách không những xứng đáng hơn, mà còn với nhiều thương mến và thông cảm đối với bọn trai trẻ hơn so với sự đối đãi dành cho nó và chúng bạn hiện nay.

Cảm thấy bồn chồn và hơi ái ngại cho bản thân, chiều tối hôm ấy, Kunta rời khỏi lều, đi dạo một mình, mặc dầu không dứt khoát chủ định đi đâu, bước chân nó cứ thế hướng tới đám trẻ con say mê, mặt sáng bừng trong ánh lửa trại, quây vòng quanh các bà già đang kể những câu chuyện ban đêm cho lứa kafô của làng. Dừng lại gần vừa đủ để nghe – những không sát tới mức lộ ra là mình đang lắng nghe – Kunta ngồi xổm xuống, giả tảng như xem xét một phiến đá dưới chân mình, trong khi bà già nhăn nheo vẫy vẫy đôi cánh tay gày đét và nhảy chồm chồm quanh khoảng trống trước mặt bọn trẻ như thể đang diễn lại tích chuyện về bốn nghìn chiến sĩ dũng cảm của vua xứ Kaxun xung trận trong tiếng sấm rền của năm trăm trống trận lớn và tiếng rúc của năm trăm tù và bằng ngà voi. Đó là một câu chuyện nó đã nghe nhiều lần quanh những đống lửa hồi còn bé và nhìn những bộ mặt với cặp mắt thao láo của Mađi ngồi ở hàng đầu và Xuoađu ngồi hàng sau, không hiểu sao nó cảm thấy nao nao buồn khi nghe lại câu chuyện đó.

Với một tiếng thở dài, nó đứng dậy và chậm rãi bỏ đi – không ai để ý tới nó, cả lúc đi cũng như lúc đến. Ở đống lửa nơi Lamin ngồi cùng đám bạn xướng những câu kinh Koran và bên một đống lửa khác, nơi Binta cùng các bà mẹ khác đang chuyện gẫu về các ông chồng, về gia sự con cái, bếp núc, khâu vá, trang điểm, chải đầu vấn tóc, nó cũng cảm thấy lạc lõng như thế. Đi qua những đám ấy, cuối cùng nó thấy mình đứng dưới những cành xòe rộng của cây

bao-báp, nơi cánh đàn ông làng Jufurê ngồi quanh một đống lửa thứ tư bàn công việc làng và những vấn đề quan trọng khác. Cũng như nó đã cảm thấy quá lớn để được chấp nhận ở đống lửa thứ nhất, tới đây nó lại cảm thấy quá trẻ để được vời đến. Song không còn chỗ nào khác để đi, Kunta đành ngồi vào đám ở vòng ngoài – ở rìa lớp người thuộc lứa tuổi Ômôrô ngồi gần đống lửa hơn và lớp người trạc tuổi vị kintangô ngồi sát bên trong nhất, giữa Hội đồng Bô lão. Vừa ngồi xuống, nó liền nghe thấy một vị hỏi:
"Có ai biết bao nhiêu người của chúng ta hiện đã bị bắt lén không?"

Họ đang bàn chuyện bắt nô lệ vốn là đầu đề chính quanh đống lửa của đàn ông từ hơn một trăm vụ mưa nay, chuyện bọn tubốp bắt lén người, xiềng từng chuỗi đưa xuống tàu chở về vương quốc của bọn da trắng ăn thịt người ở bên kia đại dương.

Im lặng một hồi lâu, rồi alimamô nói: "Ta chỉ có thể cảm ơn Chúa Ala là bây giờ còn đỡ hơn dạo trước".
"Bởi vì bây giờ chúng ta còn ít người hơn, lấy đâu cho chúng bắt lén được nhiều", một vị bô lão giận dữ nói.
"Tôi nghe tiếng trống và đếm số bị mất", vị kintangô nói. "Tôi đoán chừng mỗi tuần trăng mới, có từ năm mươi đến sáu mươi người mất tích, chỉ kể riêng vùng dọc bờ sông của chúng ta thôi". Không ai bình luận gì và ông nói thêm. "Dĩ nhiên, không có cách nào để đếm số mất tích ở sâu trong nội địa và trên thượng nguồn".
"Tại sao ta chỉ tính số người bị bọn tubốp bắt đi thôi?", arafang hỏi. "Ta còn phải tính cả những cây bao-báp bị đốt trụi nơi đã từng có những làng. Chúng đã giết nhiều hơn là bắt đi".

Mọi người nhìn vào đống lửa hồi lâu rồi một bô lão khác phá tan im lặng: "Bọn tubốp ắt không thể làm được điều đó nếu không có sự giúp sức của chính người mình. Mandinka, Fula, Uôlôf, Jôla – không một bộ lạc nào của đất nước Găm bia không có những tên phản bội. Hồi còn nhỏ tôi đã từng thấy những tên phản bội ấy đánh những người giống như chúng để thúc họ đi nhanh hơn vì bọn tubốp".
"Vì tiền của bọn tubốp mà chúng quay lại chống nòi giống của chính mình", vị bô lão cao tuổi nhất làng Jufurê nói: "Tham lam và phản bội – đó là những điều bọn tubốp mang đến cho ta để đổi lấy những người chúng đã lén bắt đi".

Không ai góp lời thêm trong một lúc và ngọn lửa lách tách một cách bình thản. Rồi vị kintangô lại nói: "Tệ hại hơn cả tiền bạc của bọn tubốp là việc chúng nói dối vô cớ, gian manh lừa đảo có phương pháp, tự nhiên như chúng thở vậy. Chính cái đó khiến chúng lợi thế hơn ta".

Mấy phút trôi qua, rồi một thanh niện thuộc lứa kafô trước Kunta hỏi: "Liệu bọn tubốp có bao giờ thay đổi không ạ?".
"Điều đó sẽ xảy ra", một vị bô lão đáp, "khi nào sông chảy ngược dòng".

Chẳng mấy chốc, đống lửa chỉ còn là một đám than tro bốc khói và mọi người bắt đầu đứng dậy, vươn vai, chúc nhau ngủ ngon và đi về lều của mình. Nhưng năm gã trai trẻ thuộc lứa kafô thứ ba ở lại – một gã lấy đất lấp những đám tro nóng của tất cả các đống lửa và số còn lại trong đó có Kunta, làm nhiệm vụ gác khuya, cảnh giới bên ngoài mỗi góc lũy tre cao của làng Jufurê. Sau câu chuyện kinh dị được bàn quanh đống lửa như vậy, Kunta biết mình sẽ thức suốt đêm không khó khăn gì, nhưng nó không tính chuyện qua cái đêm đặc biệt này bên ngoài phạm vi an toàn của làng.

Sải bước xuyên qua Jufurê và ra khỏi cổng làng với cái dáng mà nó muốn làm ra uể oải, Kunta vẫy các bạn gác đi dọc bên ngoài lũy tre – qua những bụi rậm đầy gai sắc dựa san sát vào bờ tre cùng những cọc nhọn lấp ở bên dưới – tới một chỗ nấp um tùm là có thể nhìn ra đồng quê xung quanh lấp lánh bạc trong đêm trăng này. Chọn một tư thế thoải mái nhất, nó vắt cây giáo ngang lòng, co đầu gối lên rồi vòng hai cánh tay ôm lấy cho ấm và ổn định chỗ để ngồi cho đến hết đêm. Căng mắt ra nhìn bao quát khắp cánh đồng xem có động tĩnh gì không, nó lắng nghe tiếng dế ran ran, tiếng tu huýt kỳ lạ của loài chim đêm, tiếng gào xa xa của linh cẩu và tiếng ré lên của những con vật sơ ý bị chộp bắt và nó nghĩ về những điều cánh đàn ông đã nói quanh đống lửa. Khi rạng đông tới vô sự, nó ngạc nhiên thấy mình đã không bị bọn bắt lén nô lệ vồ, ngạc nhiên hầu như không kém khi nhận ra là, lần đầu tiên trong suốt một tuần trăng, nó đã dứt được nỗi ám ảnh, không một lúc nào băn khoăn vì những vấn đề cá nhân của mình.

Chương 29

Kunta cảm thấy hầu như ngày nào Binta cũng làm nó bực bội về một cái gì đó. Không phải do bà làm cái này hay nói cái kia, mà là bằng những cách khác – lối ngó nhìn, giọng nói – Kunta có thể đoán là bà không đồng ý một cái gì về nó. Tệ nhất là những khi Kunta có thêm những vật mới mà Binta không đích thân kiếm được cho nó. Một buổi sáng, mang bữa điểm tâm đến cho nó, Binta suýt đánh rơi bát mạch kê bốc hơi xuống người Kunta, khi bà thấy nó mặc chiếc áo dài đầu tiên không phải do chính tay bà khâu. Cảm thấy có lỗi vì đã đánh đổi một tấm da linh cẩu lấy chiếc áo đó, Kunta tức tối không giải thích gì cho mẹ rõ cả, mặc dầu nó có thể thấy bà phật ý sâu sắc.

Từ sáng hôm ấy, nó biết rằng Binta sẽ không khi nào mang bữa ăn đến cho nó mà không đưa mắt củ soát mọi thứ trong lều để xem có gì khác không liên quan với bà – một chiếc ghế đẩu, một cái chiếu, một cái chậu, một cái đĩa hoặc một cái nồi. Nếu có cái gì mới xuất hiện, đôi mắt sắc sảo của Binta ắt không bao giờ để lọt. Những lúc như vậy, Kunta thường ngồi đó, tức sôi lên trong khi bà làm ra bộ bất cần và không thèm để ý, như nó đã bao lần thấy bà xử sự thế đối với Ômôrô, và hai bố con Kunta đều biết là Binta rất nôn nóng muốn ra chỗ giếng làng gặp các bạn nữ để lớn tiếng than thở nỗi niềm – điều mà tất cả mọi phụ nữ Manđinka đều làm khi có chuyện bất hòa với chồng.

Một hôm, trước khi mẹ mang bữa sáng tới, Kunta nhấc một chiếc lẵng đan rất đẹp của Jinna M'Baki một quả phụ ở Jufurê, tặng nó, đem để ngay bên trong cửa lều, chắc mẩm mẹ nó sẽ vấp phải. Nó chợt nghĩ ra là người đàn bà góa ấy thực ra chỉ trẻ hơn Binta một chút. Hồi Kunta còn là một mục đồng thuộc lứa kafô thứ hai, chồng chị ta đi săn và không bao giờ trở về nữa. Chị ta ở gần lều bà Nyô Bôtô, Kunta đến thăm bà luôn và vì thế họ gặp nhau rồi đi tới chỗ trò chuyện với nhau khi Kunta lớn hơn. Kunta đã lấy làm phiền khi món quà tặng của người đàn bà góa khiến mấy thằng bạn trêu chọc nó về lý do chị ta cho nó cái lẵng tre quý như thế. Khi Binta tới lều và trông thấy chiếc lẵng – nhận ra kiểu đan của người đàn bà góa nọ – bà co rúm lại như thể đó là một con bọ cạp, trước khi cố gắng trấn tĩnh được.

Cố nhiên, bà không nói một lời nào về chuyện ấy, nhưng Kunta biết mình đã thành công. Nó không còn là một thằng bé và đến lúc Binta thôi đi đừng có đóng vai người mẹ nữa. Nó cảm thấy làm cho bà thay đổi về phương diện này là trách nhiệm của chính nó. Đó không phải là chuyện để đem ra nói với Ômôrô, vì Kunta biết không thể tự đặt mình vào cái thế lố bịch đi vấn kế Ômôrô xin ông khuyên nên làm thế nào để Binta tôn trọng con trai như đã tôn trọng chồng. Kunta cũng nghĩ đến chuyện bàn với già Nyô Bôtô về vấn đề này, song lại thay đổi ý kiến khi nhớ lại bà đã xử sự kỳ lạ thế nào đối với nó khi nó trở về sau đợt rèn luyện trưởng thành.

Cho nên Kunta không để lộ ý mình ra và chẳng bao lâu quyết định thôi không đến lều Binta, nơi nó đã sống hầu hết quãng đời trước đây. Và những khi Binta mang cơm đến, nó thường ngồi ngay ngắn im lặng trong khi bà đặt thức ăn trên chiếu trước mặt nó rồi bỏ đi, chẳng nói chẳng rằng hoặc thậm chí nhìn đến nó nữa. Cuối cùng, Kunta bắt đầu thực sự nghĩ đến chuyện tìm cách nào khác thu xếp việc ăn uống. Phần lớn bọn trai mới trưởng thành khác vẫn ăn nhờ bếp của mẹ, nhưng một số được chị ruột hoặc chị dâu nấu giúp. Nếu Binta quá quắt hơn chút nữa, Kunta tự nhủ, nó sẽ kiếm một người đàn bà khác nhờ nấu ăn hộ – có thể là chị góa đã cho nó cái lẵng. Không cần hỏi nó cũng biết là chị ta sẽ vui vẻ nhận lời – tuy vậy Kunta vẫn không muốn để cho chị ta biết nó đang cân nhắc chuyện này. Trong khi chờ đợi, hai mẹ con vẫn tiếp tục gặp nhau vào các bữa ăn – và tiếp tục làm như thậm chí không trông thấy nhau.

Một buổi sáng sớm, đi gác đêm ngoài ruộng lạc trở về, Kunta trông thấy ba thanh niên trạc tuổi nó, ắt là những lữ khách từ một nơi nào khác đến, đang hối hả đi trên đường cách nó một quãng về phía trước. Lớn tiếng gọi kỳ cho họ quay lại, nó chạy tới gặp và chào họ. Những gã này cho Kunta biết họ ở làng Bara, cách Jufurê một ngày một đêm đi bộ, và họ đang trên đường đi tìm vàng. Họ thuộc bộ lạc Filúp, một chi của tộc Manđinka, song hai bên đều phải lắng nghe thật kỹ mới hiểu nhau. Điều đó làm Kunta nhớ lại chuyến đi cùng với bố đến thăm làng mới của hai ông bác, tại đó nó không tài nào hiểu một số người nói gì, mặc dầu họ ở chỉ cách Jufurê hai ba ngày đường.

Kunta thắc mắc về cuộc đi mà mấy gã nọ đang tiến hành. Nó nghĩ có thể một số bạn mình cũng thích, nên nó đề nghị tốp thanh niên dừng lại để làng nó tiếp đãi một hôm rồi hãy đi tiếp. Nhưng họ nhã nhặn từ chối lời mời, nói rằng họ phải tới địa điểm có thể đãi vàng vào chiều hôm thứ ba của cuộc hành trình. "Nhưng tại sao bạn lại không cùng đi với chúng tôi?" một gã thanh niên hỏi Kunta.

Vì chưa từng mơ tưởng đến một điều như vậy bao giờ, Kunta ngớ người ra, sửng sốt đến nỗi chợt thấy mình thốt ra tiếng: không; Kunta bảo họ là nó rất quý trọng lời mời đó, song còn mắc công việc đồng áng cùng các công việc khác. Và ba thanh niên tỏ ý tiếc "Nếu bạn thay đổi ý kiến, thì xin cứ đến gặp chúng tôi", một gã nói. Và họ quỳ xuống, vẽ trên nền đất để chỉ cho Kunta thấy địa điểm tìm vàng ở chỗ nào – quá Jufurê hai ngày đêm hành trình. Cha của một gã trong bọn, một nhạc công lưu động, đã mách họ chỗ ấy.

Kunta vừa đi theo vừa nói chuyện với tốp bạn mới cho đến khi tới con đường rẽ đôi. Sau khi ba thanh niên theo ngã rẽ qua bên làng Jufurê – và ngoái lại vẫy chào – Kunta chậm rãi bước về nhà. Vào lều và nằm trên giường rồi, nó vẫn nghĩ rất lung và mặc dầu đã thức suốt đêm, nó vẫn không nhắm mắt được. Suy cho cùng, có lẽ nếu tìm được người bạn chăm nom giúp mảnh ruộng thì nó có cơ đi tìm vàng được đấy. Và nó biết nếu có yêu cầu thì một thằng nào đó trong số bạn bè ắt sẽ cáng đáng thay nhiệm vụ canh gác của nó – cũng như nó sẽ vui lòng nhận lời nếu các bạn nhờ nó.

Ý nghĩ tiếp theo tác động đến Kunta mạnh đến nỗi nó nhảy chồm dậy khỏi giường: giờ đây, với tư cách là một người trưởng thành, nó có thể đem Lamin đi theo, như cha nó đã từng đem nó đi theo. Cả một giờ sau, Kunta cứ đi đi lại lại trên sàn đất căn lều, tâm trí vật lộn với những vấn đề do ý nghĩ háo hức ấy khuấy lên. Trước hết liệu Ômôrô có cho phép Lamin làm một cuộc hành trình như vậy không, nó còn là một đứa con nít và, do đó, cần phải được sự đồng ý của cha. Với tư cách là một người trưởng thành, Kunta thấy khá phật ý khi phải xin phép về một điều gì: nhưng giả sử Ômôrô trả lời không thì sao? Và ba người bạn mới sẽ nghĩ sao nếu nó xuất hiện với thằng em trai nhỏ?

Nghĩ tới đó, Kunta tự hỏi tại sao mình lại phải băn khoăn dạo bước, chuốc lấy phiền nhiễu, chỉ để làm một điều ân huệ cho Lamin. Nói cho cùng, từ khi rèn luyện trưởng thành trở về, Lamin thậm chí không còn gần gũi nó nữa. Song Kunta biết đó không phải là điều mà cả hai bên cùng muốn. Hai anh em đã thực sự khoái nhau trước khi Kunta đi. Nhưng giờ đây, thì giờ của Lamin bị Xuoađu choán hết, nó cứ bám nhằng nhẵng lấy thằng anh như kiểu Lamin trước kia vẫn bám lấy Kunta, đầy tự hào và thán phục. Nhưng Kunta cảm thấy Lamin chưa bao giờ dứt những tình cảm đó đối với nó. Thậm chí, Lamin còn thán phục anh trai hơn trước kia nữa kia. Sở dĩ có một khoảng cách nào đó giữa hai bên, đó chỉ là vì Kunta đã trở thành một người lớn. Đơn giản là người lớn không dễ gì bỏ nhiều thì giờ chơi với trẻ con; và thậm chí, dù nó và Lamin không muốn thế, xem ra cả hai cũng không có cách nào đột phá nổi – cho đến khi Kunta nghĩ đến chuyện đem Lamin đi theo trong cuộc hành trình săn vàng.
"Lamin là một thằng bé ngoan. Nó tỏ rõ là con nhà gia giáo. Nó chăm nom đàn dê của con rất tốt", đó là lời bình luận khơi mào Kunta nói với Ômôrô, bởi vì Kunta biết người lớn hầu như không bao giờ mở đầu câu chuyện bằng cách trực tiếp đi vào vấn đề họ định bàn. Cố nhiên là Ômôrô cũng biết thế. Ông chậm rãi gật đầu và đáp: "Phải đúng thế". Cố hết sức bình tĩnh, Kunta liền kể cho bố việc gặp ba người bạn mới, việc họ mời cùng đi săn vàng. Cuối cùng, hít một hơi dài Kunta nói: "Con nghĩ là cho Lamin đi cùng, chắc nó thích lắm".

Mặt Ômôrô không lộ vẻ gì, dù chỉ là một thoáng. Hồi lâu, ông mới lên tiếng. "Đối với một thằng bé, đi du lịch là tốt", ông nói – Kunta biết là cha mình ít nhất cũng sẽ không hoàn toàn cự tuyệt. Cách nào đó, Kunta cảm thấy cha tin mình, đồng thời cũng thấy ông lo lắng, điều mà nó biết Ômôrô không muốn biểu lộ mạnh mẽ quá mức cần thiết. "Đã bao vụ mưa cha không đi lại ở vùng ấy. Cha không nhớ kỹ đường nẻo ở đó lắm", Ômôrô nói, thản nhiên như thể hai cha con chỉ bàn chuyện thời tiết vậy. Kunta biết rằng cha mình – vốn không bao giờ quên điều gì – đang định thử xem mình có biết đường đi tới địa điểm tìm vàng không đây.

Quỳ xuống đất, Kunta lấy một cái que vẽ đường như thể đã thuộc lòng hàng năm nay. Nó vẽ những vòng tròn chỉ những làng ở kề con đường mòn cũng như ở cách đó một quãng, suốt dọc lộ trình, Ômôrô cũng quỳ xuống và khi Kunta vẽ xong, ông nói: "Ở địa vị cha thì cha sẽ lựa chiều để đi sát cạnh hầu hết các làng. Như thế sẽ lâu hơn một chút, nhưng sẽ là an toàn nhất".

Kunta gật đầu, hy vọng tỏ ra tự tin hơn là nó đột nhiên cảm thấy. Ý nghĩ chợt đến với nó là: ba người bạn nó mới gặp cùng đi với nhau, nếu có mắc lầm lỡ gì, còn gỡ cho nhau được, còn nó đi cùng với một thằng em nhỏ mà nó phải chịu trách nhiệm, nếu có điều gì không hay xảy ra, nhờ cậy vào ai?

Rồi nó thấy Ômôrô lấy ngón tay khoanh tròn quanh cái phần ba sau cùng của con đường. "Ở vùng này, ít người nói tiếng Manđinka" Ômôrô nói. Kunta nhớ đến những bài học trong đợt rèn luyện trưởng thành và nhìn thẳng vào mắt bố. "Mặt trời và các vì sao sẽ mách đường cho con", nó nói.

Im lặng một hồi lâu, rồi Ômôrô lại nói. "Có lẽ cha sẽ ghé qua lều mẹ con". Tim Kunta như nhảy lên. Nó biết đó là cách của bố để nói rằng ông đã cho phép, và ông thấy tốt nhất là sẽ đích thân cho Binta biết quyết định của mình.

Ômôrô vào lều Binta không lâu. Ông vừa mới rời khỏi đó để về lều mình thì bà đã xô cửa ra, hai tay ép chặt lấy đầu đang lắc lư "Mađi! Xuoađu!" bà tru tréo và hai đứa từ trong đám trẻ con chạy ù về chỗ mẹ.

Lúc này, các bà mẹ khác cùng các cô gái chưa chồng từ lều của mình chạy tới, tất cả ùa theo sau Binta trong khi bà vừa kêu gào vừa lôi xềnh xệch hai thằng bé theo mình ra giếng. Tới đó rồi tất cả đám phụ nữ liền xúm quanh bà trong khi bà khóc lóc than thở rằng từ nay bà chỉ còn có hai thằng con, rằng chẳng bao lâu những thằng kia chắc chắn sẽ rơi vào tay bọn tubốp mất thôi.

Một đứa con gái thuộc lứa kafô thứ hai, không thể giữ trong bụng cái tin Kunta sắp đi xa với Lamin, chạy một mạch đến chỗ bọn con trai cùng lứa tuổi nó đang chăn dê. Chỉ một loáng sau, mọi người trong làng bỗng ngắc ngư đầu mỉm cười khi một thằng bé vui thích mê cuồng vừa chạy vào làng vừa hú rầm rĩ, tưởng chừng có thể đánh thức cả ông bà, tổ tiên dậy. Đuổi kịp mẹ ngay bên ngoài cửa lều, Lamin – tuy còn thấp hơn Binta đến một gang tay – ôm ghì lấy bà, hôn chùn chụt lên trán và nhấc bổng bà xoay tít đi khiến Binta phải hét nó đặt bà xuống. Khi đứng trở lại xuống đất, rồi bà chạy ra lấy một thanh gỗ đánh Lamin. Bà còn định đánh nữa, nhưng nó đã lao đi về phía lều Kunta, không cảm thấy đau chút nào. Nó xông thẳng vào lều, không cần gõ cửa nữa. Vào nhà một người đàn ông trưởng thành theo cách đó, là một sự xâm nhập không thể tưởng tượng được – song thoáng nhìn vẻ mặt thằng em, Kunta đành phải bỏ qua sự thất thố ấy. Lamin cứ đứng đó, ngước nhìn mặt anh trai. Thằng bé mấp máy miệng như định nói điều gì; quả vậy toàn thân nó run lên và Kunta phải tự kiềm chế mình để khỏi nắm lấy, ghì lấy Lamin trong niềm xúc động yêu thương dào dạt mà nó cảm thấy đang giao lưu giữa hai đứa trong lúc ấy.

Kunta nghe thấy mình nói, giọng hầu như cộc cằn. "Tao thấy là mày nghe tin rồi đấy. Ngày mai chúng ta sẽ lên đường sau buổi cầu nguyện đầu tiên".

Bất luận đã trưởng thành hay chưa, Kunta vẫn thận trọng tránh mọi chỗ có thể gần kề Binta trong khi đi thăm chớp nhoáng bạn bè để nhờ trông nom hộ mảnh ruộng và gánh vác thay nhiệm vụ canh phòng. Kunta có thể đoán biết Binta ở đâu bằng vào tiếng than van của bà trong khi bà dắt tay Mađi và Xuoađu đi khắp quanh làng. "Tôi chỉ còn hai đứa này nữa thôi!" bà kêu thật to như vậy. Song cũng như mọi người khác ở Jufurê, bà biết rằng dù bà có nói gì, làm gì hoặc cảm thấy thế nào đi nữa, một lời Ômôrô đã thốt ra là như đinh đóng cột.

Chương 30

Đến cây lữ khách, Kunta cầu nguyện cho cuộc hành trình của mình được an toàn. Đồng thời để xin cho chuyến đi phát tài, Kunta buộc một chân con gà đã mang theo vào một cành thấp để mặc nó vỗ cánh bành bạch và kêu quang quác ở đó, trong khi hai anh em bắt đầu lên đường. Tuy không ngoái lại nhìn, Kunta vẫn thừa biết Lamin đang cố hết sức rảo bước theo cho kịp và giữ cái bọc đội đầu cho cân – đồng thời giữ sao cho Kunta khỏi nhận thấy cả hai điều đó.

Sau một giờ, con đường mòn đưa hai anh em tới bên một cái cây thấp, cành xòe rộng treo đầy chuỗi hạt. Kunta muốn giảng giải cho Lamin hiểu một cái cây như vậy có nghĩa là gần đây có một số ít người Manđinka vô tín ngưỡng thường hay hít thuốc lá bột, hút thuốc lá sợi bằng ống điếu gỗ với bát sành và còn uống một loại bia làm bằng rượu mật ông nữa. Nhưng quan trong hơn cái kiến thức ấy, là việc dạy cho Lamin biết kỷ luật im lặng khi đi đường. Đến trưa, Kunta biết chân cẳng Lamin hẳn đang đau dữ, và cả cái cổ phải đội bọc hành lý nặng trĩu nữa. Song chỉ có bằng cách tiếp tục chịu đau, một chú bé mới có thể luyện cho mình cứng rắn về cả thể xác lẫn tâm hồn. Đồng thời Kunta cũng biết là cần phải để cho Lamin dừng lại để nghỉ trước khi nó quỵ xuống, một điều có thể làm tổn thương đến lòng tự hào của nó.

Theo con đường vòng để tránh làng đầu tiên đi qua, chúng mau chóng bứt khỏi đám con nít trần truồng chạy ra xem. Kunta vẫn không ngoái lại nhìn, song nó biết Lamin hẳn đã rảo bước nhanh hơn và rướm thẳng lưng để vây với bọn con nít. Nhưng khi đã bỏ lại bọn con nít và ngôi làng sau lưng, tâm trí Kunta chuyển từ Lamin sang những chuyện khác. Nó lại nghĩ đến cái trống mà nó sắp làm cho mình – trước hết là làm trong tưởng tượng như những người đẽo mặt nạ và con giống vẫn làm thế. Về mặt trống thì nó đã có một tấm da dê non đã cạo gột và đang sấy khô trong lều và nó biết đích chỗ có thể kiếm được thứ gỗ cứng cần thiết để làm một cái khung trống thật khỏe – chỉ quá đám ruộng lúa của phụ nữ một quãng ngắn thôi. Kunta gần như hình dung thấy được cái trống tương lai của mình kêu ra sao.

Khi con đường mòn đi vào một khóm rừng cây sát bên cạnh, Kunta riết chặt cây dao mang theo như đã được dạy. Nó tiếp tục đi một cách thận trọng – rồi dừng lại và rất lặng lẽ nghe ngóng. Lamin giương to mắt đứng đằng sau nó sợ hãi nín thở. Nhưng một lát sau, thằng anh bớt căng thẳng và lại cất bước tiến về phía mà nó nhẹ nhõm nhận ra là có tiếng nhiều người đàn ông đang hát một bài hò lao động. Phút chốc, nó và Lamin tới một quãng rừng thưa và trông thấy mười hai người đang căng thừng kéo một chiếc thuyền độc mộc. Họ đã hạ một cây, đốt và phát hết cành lá và giờ đây đang bắt đầu chuyển nó ra sông. Cứ kéo hết một cữ dây, họ lại hò sang câu sau, mỗi câu đều tận cùng bằng "Tất cả một lòng!" rồi lại ráng sức kéo chiếc thuyền đi khoảng một sải tay nữa. Đi qua đám người, Kunta giơ tay vẫy và họ cũng vẫy lại, nó định bụng lát sau sẽ nói cho Lamin biết những người đó là ai và tại sao họ lại làm thuyền bằng một cái cây mọc trong rừng sâu này mà không chọn chỗ ở gần bờ sông: họ là người làng Kêrêoan, nơi làm thuyền độc mộc cừ nhất trong dân tộc Manđinka và họ biết chỉ có gỗ cây rừng mới nổi.

Lòng trào lên nồng ấm, Kunta nghĩ về ba thanh niên làng Bara mà hai anh em nó đang rong ruổi đường trường để tới gặp. Thật kỳ lạ, tuy trước đó chưa gặp nhau bao giờ mà tưởng như là anh em vậy. Có lẽ vì họ cũng là người Manđinka. Cách họ nói năng có khác Kunta, nhưng trong lòng, họ không khác. Cũng như họ, Kunta đã quyết định rời làng đi tìm kiếm thần tài của mình – và chút ít hồi hộp – trước khi trở về nhà trước những đợt mưa lớn sắp tới.

Khi gần đến giờ cầu kinh alanxarô giữa chiều, Kunta bước tạt qua mé đường đến chỗ một dòng suối nhỏ chạy giữa đám cây cối. Không nhìn Lamin, nó trụt bọc hành trang khỏi đầu, vặn mình và cúi xuống vốc nước đầy hai bàn tay vã vào mặt. Nó uống tí một, rồi, đọc đến giữa bài kinh, nó nghe thấy chiếc bọc của Lamin rơi đánh bịch xuống đất; Cầu nguyện xong, đứng bật dậy, định mắng em, nó thấy thằng bé trườn về phía dòng nước, coi bộ mới đau khổ làm sao. Nhưng Kunta vẫn sẵng giọng: "Nhấp hớp một thôi!" Trong khi Lamin uống, Kunta quyết định là nghỉ một giờ ở đây cũng đủ chán. Nó nghĩ: sau khi ăn dăm ba miếng, Lamin hẳn có thể tiếp tục đi cho tới giờ cầu kinh fitirô vào lúc sẩm tối, bấy giờ cả hai anh em ắt sẽ hoan hỉ đón một bữa ăn đầy đủ hơn và một đêm nghỉ ngơi cho lại sức.

Song Lamin mệt quá, thậm chí không ăn được. Nó nằm lăn ngay chỗ nó vừa uống nước bên dòng suối, mặt úp xuống, hai cánh tay dang ra, bàn tay ngửa lên. Kunta lặng lẽ bước tới nhìn hai gan bàn chân em, chưa thấy chảy máu. Rồi chính Kunta cũng ngủ chợp đi và khi trở dậy, nó lấy trong bọc ra đủ hai suất thịt sấy. Lay Lamin dậy, nó đưa cho em một phần thịt và ăn phần của mình. Chẳng bao lâu, chúng lại tiếp bước trên con đường mòn qua đủ các chỗ ngoặt và các điểm mốc mà các trai làng Bara đã vẽ cho Kunta. Đến gần một làng, chúng thấy hai bà già và hai cô gái cùng mấy đứa con nít thuộc lứa kafô đầu đang tất bật bắt cua, thục tay xuống một dòng suối nhỏ tóm mồi ra.

Khoảng gần sẩm tối, khi Lamin bắt đầu mỗi lúc một níu chặt hơn lấy cái bọc đội đầu, Kunta trông thấy đằng trước có một đàn lâm cầm lớn đang bay vòng, sà xuống đất. Nó dừng phắt lại, nấp kín, trong khi Lamin cũng quỳ thụp xuống đằng sau một bụi cây. Kunta giấu môi bắt chước tiếng con đực gọi con cái và phút chốc mấy chị mái rừng mập mạp mỡ màng vỗ cánh lạch bà lạch bạch đến. Chúng đang nghênh nghênh đầu nhìn quanh thì mũi tên của Kunta xuyên thẳng qua mình một con. Kunta vặt đứt đầu nó cho máu chảy hết ra và trong khi nướng chim, nó dựng tạm một chỗ trú thô sơ rồi cầu kinh. Nó cũng nướng mấy bắp ngô rừng trẩy được ở dọc đường, trước khi đánh thức Lamin dậy, thằng cu này đã quay ra ngủ ngay lúc chúng đặt hai chiếc bọc đội đầu xuống. Lamin vừa ngấu nghiến chén xong bữa là lại lăn kềnh ra đám rêu êm mượt dưới cái mái lá siêu siêu, ngủ tiếp không hé môi thì thầm lấy một tiếng.

Kunta ngồi bó gối trong không khí tĩnh mịch của trời đêm. Cách đó không xa, linh cẩu bắt đầu hú. Nó tự giải trí một lúc bằng cách xác định các âm thanh khác của rừng. Rồi ba lần, nó loáng thoáng nghe thấy một điệu kèn thánh thót. Nó biết đó là tín hiệu cầu kinh cuối ngày của làng gần đây nhất, do vị alimamô ở đó thổi bằng một cái ngà voi rỗng. Nó muốn nhắc Lamin nghe tiếng gọi da diết gần như tiếng người đó, song nó chợt mỉm cười vì thằng em lúc này đâu có thiết gì đến bất kỳ âm thanh nào kêu ra sao. Rồi cầu kinh xong, Kunta cũng ngủ liền.

Mặt trời mọc được một lát, hai anh em đi qua làng ấy và nghe tiếng chày nhịp nhàng của phụ nữ thì thụp giã mạch kê nấu cháo điểm tâm. Kunta tưởng như thấy vị mạch kê ở lưỡi, nhưng chúng không dừng lại. Xuôi theo đường một quãng không xa, là một làng khác và khi chúng đi qua đấy, đàn ông đang ở nhà thờ ra, và đàn bà đang tất tưởi quanh bếp lửa nấu ăn. Xa hơn nữa, Kunta trông thấy trước mặt mình một ông già ngồi bên rệ đường. Ông cụ đang gần như gập đôi người trên một lô tiền vỏ ốc, vừa lẩm bẩm một mình vừa xáo đi xáo lại đồng tiền trên một chiếc chiếu tre đan. Để khỏi ngắt quãng ông lão, Kunta sắp sửa lướt qua thì ông ngước nhìn lên và gọi hai anh em lại chỗ mình ngồi.

“Lão quê ở làng Kôtacunđa thuộc nước Uôli, nơi mặt trời mọc trên khu rừng Ximbani”, ông nói, giọng the thé như vỡ ra. “Còn các cháu quê ở đâu?” Kunta trả lời là làng Jufurê và ông lão gật đầu. Lão đã nghe nói về làng ấy. Ông nói là mình đang bói tiền ốc xem nó báo trước ra sao về cuộc hành trình của ông đến thành phố Timbuctu “mà lão muốn được thấy trước khi chết”, và ông tự hỏi liệu các khách lữ hành có sẵn lòng giúp ông chút gì không. “Chúng cháu nghèo nhưng rất vui sướng được chia sẻ với ông những gì chúng cháu có, ông ạ”, Kunta vừa nói vừa cởi bọc, thò tay vào lấy một chút thịt sấy đưa cho ông lão. Ông cám ơn Kunta và đặt miếng thịt vào lòng.

Ông nhìn cả hai và hỏi: “Các cháu là hai anh em đi du hành ư?”
“Vâng, thưa ông”, Kunta đáp.
“Thế là tốt đấy!” ông già nói và nhặt lên hai đồng tiền vỏ ốc. “Hãy thêm đồng này vào số tiền vỏ ốc trong túi săn của cháu, rồi nó sẽ mang lời to cho cháu đấy”, ông vừa nói với Kunta vừa chìa cho nó một đồng. “Còn cháu, chàng trai nhỏ”, ông đưa cho Lamin đồng kia, “hãy giữ đồng này dành cho, khi nào cháu trưởng thành, có túi săn riêng”. Cả hai anh em cảm ơn và ông lão cầu Chúa Ala phù hộ cho chúng.

Đi tiếp được một lúc lâu thì Kunta quyết định là đã đến lúc phá vỡ sự im lặng giữa nó với Lamin. Không dừng bước cũng chẳng ngoái lại, nó bắt đầu nói: “Em ạ, có một truyền thuyết kể là chính những lữ khách Manđinka đã đặt tên cho cái nơi ông già ấy định đến. Họ tìm ra ở đó một loại côn trùng mới mà trước đó họ chưa từng thấy bao giờ và bèn đặt tên cho nơi này là Tumbô Kutu nghĩa là “côn trùng mới”. Thấy Lamin không trả lời gì cả, Kunta bèn quay đầu lại, Lamin ở mãi tít đằng sau lúi húi trên chiếc bọc hành lý – nó đã bung ra rơi xuống đất – và đang chật vật buộc nó lại. Khi Kunta rảo bước lộn lại, nó hiểu ra là do Lamin cứ níu lấy cái bọc, nên dây buộc bị lỏng ra và cu cậu xoay sở hạ nó xuống khỏi đầu không một tiếng động, vì không muốn phá cái quy tắc im lặng bằng cách yêu cầu Kunta dừng lại. Trong khi buộc lại cái bọc, Kunta thấy chân Lamin chảy máu, song điều đó đã được dự kiến từ trước, nên nó chẳng nói gì. Nước mắt long lanh trong mắt Lamin trong khi nó lại đội cái bọc lên đầu và hai anh em tiếp tục đi. Kunta tự trách mình đã không cảm thấy sự vắng mặt của Lamin và có thể đã bỏ nó lại sau lưng.

Chưa đi xa thêm được bao nhiêu lại thấy Lamin thốt lên một tiếng kêu tắc nghẹn. Tưởng nó giẫm phải một cái gai, Kunta quay lại – và thấy thằng em trừng trừng ngước mắt về phía một con báo nằm ép mình trên một cành cây mà hai đứa sắp sửa đi qua bên dưới. Con báo khẽ rít xì xì xì xì rồi dường như trôi lừ đừ vào đám cành cây và mất hút. Run rẩy, Kunta tiếp tục đi, vừa hoảng hốt vừa bối bối, giận mình. Tại sao nó lại không trông thấy con báo nhỉ? Có thể nó chỉ muốn ẩn kín để khỏi bị trông thấy và ắt chẳng định vồ hai anh em đâu, vì cái giống mèo lớn này, trừ phi đói hết sức, thường ít khi bắt mồi súc vật giữa ban ngày ban mặt, còn với người thì càng hiếm thấy chuyện đó, bất kể giờ giấc nào, trừ phi chúng bị dồn ép, khiêu khích hoặc bị thương. Tuy nhiên, trong trí nhớ Kunta, vụt lóe lên hình ảnh con dê cái bị báo ngoạm nát, hồi nó còn đi chăn dê. Nó tưởng như còn vẳng nghe lời cảnh báo nghiêm khắc của vị kintangô: “Các giác quan của người đi săn phải tinh. Anh ta phải nghe thấy những gì mọi người khác

không nghe thấy, ngửi thấy những gì người khác không ngửi thấy. Anh ta phải nhìn xuyên qua đêm tối". Thế mà trong khi nó vừa đi vừa nghĩ ngợi lan man thì chính Lamin đã trông thấy con báo. Phần lớn những chuyện phiền phức tệ hại của nó trước nay đều do cái thói quen ấy, nhất thiết phải sửa chữa mới được nó nghĩ bụng. Nhanh nhẹn cúi xuống và vẫn đều nhịp bước, Kunta nhặt một hòn đá, nhổ lên đó ba lần rồi quăng trở lại thật xa, như thế là hòn đá đã mang những tà khí súi quẩy về quá khứ sau lưng chúng.

Hai anh em tiếp tục đi dưới nắng chói chang, cháy lửa và quanh cảnh dần dần chuyển từ rừng xanh sang những dãy cọ với lạch ngầu bùn lừ đừ chảy, chúng đi qua những làng bụi rậm, nóng bức, tại đó – hệt như ở Jufurê – từng bày con nít lứa kafô đều chạy quanh la thét, đàn ông ngả ngốn dưới gốc cây bao-báp và đàn bà chuyện gẫu bên bờ giếng. Nhưng Kunta thắc mắc tại sao họ lại để dê lang thang quanh làng cùng với chó, gà mà không đem chăn ngoài bãi hoặc nhốt trong chuồng như ở Jufurê. Nó đoán chắc họ là một loại người kỳ dị.

Chúng dấn bước trên nền đất cát, không có cỏ mọc, rải rác những quả khô nứt toác của những cây bao-báp hình thù quái dị. Những khi đến giờ cầu nguyện, chúng nghỉ ngơi và ăn nhẹ, và Kunta thường soát lại bọc đội đầu cùng chân cẳng Lamin giờ đã đỡ tướp máu, và các ngã tư đường giao nhau vẫn trải ra như một bức tranh cho đến khi, cuối cùng, xuất hiện cái khung vỏ đồ sộ già cỗi của cây bao-báp mà các gã trai làng Bara đã mô tả. Hẳn nó phải già đến mấy trăm vụ mưa, rồi cuối cùng mới chết, Kunta nghĩ và nhắc lại với Lamin cái điều mà một gã thanh niên đã nói: "Một vị graiót yên nghỉ trong đó"; nó đem kiến thức riêng kể thêm rằng các graiót, khi chết, không chôn như người thường, mà được đặt trong hốc những cây bao-báp cổ, bởi chưng cả cây lẫn những chuyện lịch sử trong đầu các vị graiót đều bất kể thời gian. "Bây giờ chúng ta gần đến nơi rồi", Kunta nói, nó những muốn ngay lúc này đã có cái trống dự định làm để báo hiệu trước cho các bạn. Cuối cùng, khi mặt trời lặn, hai anh em tới chỗ những hố đất sét – và kìa, ba gã trai trẻ!.

"Chúng tôi đã linh cảm là bạn sẽ tới!" Họ kêu to sung sướng được thấy Kunta: Họ không đếm xỉa gì đến Lamin như thể nó chỉ là thằng em lứa kafô thứ hai của bản thân họ vậy. Giữa cuộc chuyện trò sôi nổi, ba gã thanh niên hãnh diện phô những hạt vàng nhỏ xíu họ đã thu lượm được. Sáng hôm sau, tia sáng đầu tiên vừa ló, Kunta và Lamin đã nhập bọn, xắn những tảng đất sét dính nhem nhép thả vào những bầu nước lớn. Sau khi khuấy lộn lên rồi đổ từ từ chỗ nước bùn đi, họ quơ ngón tay rờ rẫm thật kỹ xem có hạt vàng nào lắng xuống đáy bầu không. Thỉnh thoảng có một hạt nhỏ như hạt kê, hoặc to hơn một tí.

Họ làm việc ráo riết đến nỗi không còn thì giờ để trò chuyện. Trong cơn lùng sục vàng, thậm chí Lamin dường như quên cả những cơ bắp đau nhừ của mình. Và mỗi một hạt vàng quý giá đó được thận trọng bỏ vào thân rỗng những chiếc lông cánh bồ câu rừng lớn nhất, nút chặt bằng một chút bông. Khi ba gã thanh niên nói họ lượm như thế là đủ rồi thì Kunta và Lamin đã được đầy sáu chiếc lông. Bây giờ – họ nói – họ muốn đi ngược đường lên xa hơn, vào sâu hơn trong nội địa để kiếm ngà voi. Họ bảo là họ được nghe kể về những nơi thỉnh thoảng có những con voi già bị gẫy ngà trong khi định nhổ bật rễ cây rừng để kiếm ăn. Họ cũng nghe nói là nếu tìm ra những bãi tha ma bí mật chôn voi, sẽ có cả một kho tàng ngà voi. Kunta có muốn cùng đi không? Anh chàng bị cám dỗ mãnh liệt, cái đó nghe còn hào hứng hơn cả săn vàng nữa. Nhưng nó không thể đi được – vì vướng Lamin. Nó buồn bã cảm ơn lời mời mọc của họ và nói rằng nó phải đưa em về nhà. Họ nồng nhiệt chia tay nhau, sau khi Kunta ép bằng được các gã trai nọ phải nhận lời ghé thăm Jufurê trên đường trở về Bara.

Cuộc hành trình trở về dường như có vẻ ngắn hơn đối với Kunta. Chân Lamin chảy máu đau hơn, song khi Kunta đưa những chiếc lông đựng hạt vàng cho nó mang và bảo: – "Chắc mẹ sẽ khoái những thứ này", thì nó lại đi nhanh hơn là đằng khác. Nỗi vui sướng của Kunta không lớn hơn niềm hạnh phúc mà bản thân nó cảm thấy do việc đã mang em cùng đi, cũng như cha nó đã từng làm thế với nó – cũng như Lamin một ngày kia sẽ đưa Xuoađu đi và rồi đến lượt Xuoađu sẽ đưa Mađi. Gần đến cây lữ khách làng Jufurê, Kunta bỗng nghe thấy cái bọc đội đầu của Lamin lại rơi một lần nữa. Kunta giận dữ quay người lại, song lúc đó nó trông thấy vẻ mặt cầu khẩn của thằng em. "Thôi được lát nữa hẵng nhặt!" nó gắt. Không nói một lời, quên phắt những bắp thịt đau nhức và đôi chân chảy máu, Lamin lao qua mặt Kunta hướng về phía làng, bộ giò khẳng khiu chạy nhanh hơn bao giờ hết.

Khi Kunta vào qua cổng làng, đàn bà, trẻ con đang náo nức bu quanh Binta, bà này cài sáu chiếc lông chim đựng hạt vàng lên tóc, rõ ràng là thanh thản nhẹ hẳn người và sung sướng cơ hồ muốn vỡ tim. Một lát sau, bộ mặt Binta và Kunta trao đổi một cái nhìn âu yếm, nồng nàn hơn hẳn những lời chào hỏi thông thường giữa một người mẹ với con trai lớn đi xa trở về. Chẳng mấy chốc, miệng lưỡi bẻo lẻo của đám phụ nữ đã kể cho tất thảy mọi người ở làng Jufurê biết hai đứa con trai lớn nhà Kintê đã mang về những gì. "Trên đầu Binta có cả một con bò cái" một bà già kêu lên như vậy – số vàng trong những chiếc lông chim đủ mua một con bò cái – và tất cả các phụ nữ khác lặp lại câu đó.

“Con đã làm tốt”, Ômôrô nói gọn lỏn khi Kunta gặp ông. Nhưng cái tình cảm họ chia sẻ với nhau không cần dài lời thêm, còn lớn hơn là với Binta. Trong những ngày tiếp theo, các bậc huynh trưởng gặp Kunta trong làng và đã bắt đầu nói chuyện với nó và mỉm cười một cách đặc biệt, và nó trang trọng trả lời một cách tôn kính. Bọn nhóc lứa kafô thứ hai, bạn của Xuoađu, đều chào Kunta như một người lớn, miệng nói: “Bằng an!” hai tay chắp lên ngực đứng yên cho đến khi nó đi qua. Thậm chí, một hôm, Kunta còn nghe hóng thấy Binta cà kê nói chuyện về “hai người đàn ông mà tôi phải phục vụ cơm nước”, và lòng nó đầy tự hào khi thấy mẹ nó cuối cùng đã hiểu ra nó là người lớn.

Bây giờ, Kunta để cho Binta không những nấu ăn mà còn làm những việc bới đầu chấy – điều mà bà vẫn hậm hực vì không được làm. Và nó cảm thấy bây giờ có thỉnh thoảng đến thăm lại căn lều của mẹ thì cũng tốt thôi. Còn Binta thì cứ lăng xăng tất tả, tươi hơn hớn, thậm chí lúc nấu ăn cũng âm a hát một mình, một cách tự nhiên thoải mái, Kunta thường hỏi xem bà có cần nó làm gì không; nếu bà trả lời có, nó sốt sắng làm ngay thật sớm, bất kể là việc gì. Nếu Lamin hay Xuoađu nghịch ồn quá, nó chỉ cần lừ mắt là lập tức hai đứa im bặt. Và Kunta thích tung bổng Mađi lên rồi đỡ lấy khi nó rơi xuống, còn Mađi thì càng khoái trò này hơn. Về phần Lamin thì rõ ràng nó coi ông anh lớn chỉ kém có Chúa Ala. Nó chăm nom bảy con dê của Kunta (đang sinh sôi nảy nở) như thể đó là những con dê bằng vàng và sốt sắng giúp Kunta gây dựng mảnh ruộng lạc và mạch kê.

Bất cứ lúc nào Binta cần việc gì ở quanh lều, Kunta đều đem cả ba đứa trẻ đi cho khỏi vướng tay bà và bà đứng ở cửa mỉm cười, nhìn theo nó kiệu Mađi trên vai, theo sau là Lamin vây vo như con gà trống và Xuoađu ghen tức chạy đằng đuôi. Thật tốt đẹp, Kunta nghĩ – tốt đẹp đến nỗi nó bắt đầu chợt thấy mình ước ao một ngày nào đó sẽ có một gia đình riêng như thế này.

Chương 31

Như các gã trai mới trưởng thành được phép làm thế khi nào không cản trở gì đến nhiệm vụ, Kunta và bạn bè cùng lứa Kafô thường ngồi ở rìa ngoài cùng các phiên chính thức của Hội đồng Bô lão họp mỗi tuần trăng một lần dưới cây bao-báp làng Jufurê. Ngồi đó trên những tấm da thuộc rất sát nhau, sáu vị bô lão cao niên nhất cũng gần già như cái cây, Kunta nghĩ vậy, và cùng tạc nên từ một loại gỗ, trừ một điều là các vị đều đen như gỗ mun trên cái nền trắng của những chiếc áo dài và mũ trùm đầu tròn xoe. Ngồi đối diện với các vị là những người gặp khó khăn hoặc có chuyện tranh chấp cần giải quyết. Đằng sau những người kiến nghị là các bậc huynh trưởng trung niên như Ômôrô ngồi thành nhiều hàng tùy theo tuổi tác và đằng sau họ là cánh trai mới thuộc lứa tuổi Kunta. Và đằng sau bọn này, các phụ nữ trong làng có thể ngồi, mặc dầu họa hoằn họ mới dự, trong trường hợp có ai thân thích trong gia đình bị dính líu vào vấn đề sẽ được xét. Xuân thu nhị kỳ mới thấy tất cả phụ nữ có mặt – chỉ khi nào có một vụ hứa hẹn làm đầu đề chuyện phiếm rôm rả.

Chẳng thấy một phụ nữ nào đến dự khi Hội đồng họp bàn những việc thuần túy hành chính, như quan hệ của Jufurê với các làng khác. Tuy nhiên, vào ngày bàn các vấn đề của dân làng, thì cử tọa vừa đông vừa ồn ào – nhưng tất cả mau chóng im lặng khi vị cao niên nhất trong số các bô lão giơ chiếc dùi đính những hạt màu rực rỡ trên chiếc trống hội thoại đặt trước mặt, gõ tên người đầu tiên được xét. Điều đó được làm theo trình tự tuổi tác nhằm phục vụ những nhu cầu của người lớn tuổi nhất trước tiên. Bất kỳ ai đứng ra trình bày trường hợp của mình, tất cả các vị bô lão đều đăm đăm nhìn xuống đất, lắng nghe cho đến khi người đó nói xong và ngồi xuống. Đến đây, bất kỳ ai trong hàng huynh trưởng đều có thể đặt câu hỏi với anh ta.

Nếu vấn đề có liên quan đến một vụ tranh chấp, thì bây giờ đến lượt người thứ hai trình bày về phía mình, tiếp theo là những câu hỏi nữa, liền sau đó, các vị bô lão sẽ quay lưng lại, chụm đầu bàn bạc, có thể cũng mất khá lâu. Một vài vị có thể còn ngoảnh lại hỏi thêm mấy câu. Nhưng rồi cuối cùng, tất cả quay trở lại phía trước, một vị ra hiệu cho người hoặc những người được thẩm xét đứng lên và bấy giờ vị bô lão cao tuổi nhất tuyên bố quyết định của Hội đồng, sau đó trống gióng lên cái tên tiếp theo.

Ngay cả đối với những thanh niên mới trưởng thành như Kunta, phần lớn những cuộc điều trần này cũng là những vấn đề thông thường. Những người có con mới đẻ xin một mảnh ruộng lớn hơn cho chồng và thêm một vạch lúa cho vợ – Loại yêu cầu mà hầu như bao giờ cũng được chấp nhận nhanh chóng, cũng như những yêu cầu xin mảnh ruộng đầu tiên cho những trai chưa vợ như Kunta và các bạn anh. Trong thời gian rèn luyện trưởng thành, Kintangô đã dặn dò họ đừng bao giờ bỏ buổi họp nào của Hội đồng Bô lão trừ trường hợp bắt buộc, vì việc chứng kiến các quyết định của Hội đồng sẽ mở rộng kiến thức của một con người trong quá trình tuổi tác tăng lên cho đến khi chính anh ta cũng thành một bô lão. Khi dự phiên đầu tiên, Kunta nhìn Ômôrô ngồi đằng trước, tự hỏi không biết trong đầu cha mình đã chứa mấy trăm quyết định rồi mà vẫn chưa thành bô lão.

Tại phiên đầu, Kunta chứng kiến một vụ về đất đai có dính líu đến một chuyện tranh chấp. Cả hai người đàn ông đều nhận về phần mình số quả của mấy cái cây thoạt đầu do người thứ nhất trồng trên một mảnh đất mà hiện nay người thứ hai có quyền trồng cấy, vì gia đình người thứ nhất đã giảm nhân số. Hội đồng Bô lão cho người thứ nhất hưởng số quả và nói: "Nếu anh ta không trồng cây thì làm gì mà có quả".

Tại những phiên sau, Kunta thấy nhiều người bị kết tội đánh vỡ hoặc đánh mất cái gì đó mượn của một người nào đó, người này tức tối nói rằng các thứ đồ ấy vừa quý lại vừa mới tinh. Trừ phi người mượn đồ có nhân chứng đưa ra bằng cứ bác bỏ điều đó, còn thường thường anh ta đều được lệnh phải đền hoặc thay thế thứ đồ kia bằng một cái mới giá trị ngang như thế. Kunta còn thấy những người giận dữ buộc tội người khác dùng ma thuật reo rắc vận rủi cho mình. Một ông trình bày rằng có người đã lấy một cái cựa gà trống chạm vào ông ta, làm cho ông ta ốm rất nặng. Một người vợ trẻ khai rằng bà mẹ chồng mới đã giấu một thứ cây bụi nào đó vào trong bếp của mình, khiến cho nấu nướng bất cứ cái gì cũng đậm hỏng. Và một bà góa lu loa rằng một ông già giở giọng tán tỉnh bị bà cự tuyệt, đã lấy vỏ trứng tán thành bột rắc lên lối đi của bà, khiến cho bà mắc vào một chuỗi dài những chuyện phiền phức và bà liền mô tả những phiền phức đó. Nếu vấn đề được trình bày với bằng chứng hùng hồn, đầy đủ về động cơ và kết quả của trò ma thuật, Hội đồng sẽ lập tức ra lệnh đánh trống mời vị pháp sư lưu động gần nhất tới Jufurê để xua tà, phí tổn sẽ do kẻ làm điều xấu phải chịu.

Kunta thấy các con nợ được lệnh phải thanh toán sòng phẳng, dù có phải bán của cải đi, hoặc nếu không có gì bán thì phải làm trả nợ cho người cho vay. Anh thấy những nô lệ tố cáo chủ tàn ác, hoặc cho ăn ở chẳng ra sao, hoặc lấy quá nửa những gì do lao động của người nô lệ sản sinh ra. Đến lượt chủ lại buộc tội nô lệ ăn gian bằng cách giấu

giếm một phần sản phẩm của họ, hoặc làm việc không đủ mức, hoặc cố tình đánh gẫy nông cụ. Kunta thấy Hội đồng cân nhắc rất cẩn thận các bằng chứng trong những vụ này cùng với lai lịch thành tích mỗi người trong làng và không phải là hãn hữu mà thanh danh của một số nô lệ lại rất tốt đẹp hơn chủ họ!

Song đôi khi, giữa chủ và nô lệ không có tranh chấp gì. Thật vậy, Kunta đã từng thấy họ cùng đến xin phép cho nô lệ cưới người trong gia đình của chủ. Nhưng bất cứ cặp nào định lấy nhau, trước hết phải được phép của Hội đồng. Những đôi mà Hội đồng xét là có họ quá gần với nhau, bị từ chối phắt, nhưng đối với những cặp không bị coi là như thế, cũng phải có một giai đoạn chờ đợi một tuần trăng từ lúc yêu cầu đến khi trả lời, thời gian đó dân làng có nhiệm vị lặng lẽ đến thăm bất kỳ vị bô lão nào, nêu bất kỳ điều gì tốt hoặc xấu được biết riêng về cặp trai gái đang được xét. Từ thời niên thiếu mỗi người trong lứa đôi ấy có luôn luôn tỏ ra có gia giáo hay không? Một trong hai người có bao giờ gây phiền phức vô lối cho ai, kể cả cho chính gia đình mình? Một trong hai người có bao giờ biểu lộ bất cứ khuynh hướng xấu gì thuộc bất cứ loại nào, thí dụ như gian lận hoặc nói sai sự thật không? Cô gái có nổi tiếng là cáu kỉnh và hay cãi vã không? Chàng trai có nổi tiếng là hay đánh đập dê một cách tàn nhẫn không? Nếu vậy, cuộc hôn nhân sẽ bị từ chối, vì theo tín ngưỡng, một con người như thế sẽ truyền những nét cá tính đó cho con cái. Song, theo như Kunta được biết ngay từ trước khi anh bắt đầu dự các phiên họp của Hội đồng, phần lớn các cặp đều được đồng ý cho cưới, bởi vì đôi bên cha mẹ trong cuộc đều đã được biết những giải đáp cho các câu hỏi đó và thấy chúng là thỏa đáng trước khi chính họ thuận tình cho phép.

Tuy nhiên, tại các phiên họp của Hội đồng, Kunta được biết rằng đôi khi các bậc cha mẹ lại không được nghe kể về những điều mà người ta nói với các vị bô lão, Kunta đã thấy một trường hợp xin phép cưới bị từ chối thẳng thừng khi một nhân chứng đứng ra khai rằng chàng trai của dự định hôn nhân này, hồi còn nhỏ đi chăn dê, đã từng ăn cắp của anh ta một cái lẵng, tưởng không ai trông thấy. Hồi ấy anh ta không đem trình tội này là vì thương hại cu cậu hãy còn bé; nếu đã đem trình, thì chiếu theo luật, bày tay phải của cu cậu ắt đã bị chặt đứt. Kunta ngồi như bị đóng đinh khi gã ăn trộm, cuối cùng bị vạch mặt, òa lên khóc, phun hết tội trạng trước mặt cha mẹ thất kinh và cô gái mà gã đang xin cưới, cô này bắt đầu thét lên. Sau đó ít lâu, gã biến khỏi Jufurê và không ai gặp lại hoặc nghe nói về gã bao giờ nữa.

Sau mấy tháng dự các phiên họp của Hội đồng, Kunta đồ chừng phần lớn các vấn đề đối với các vị bô lão là do những người có gia thất – đặc biệt do những người đàn ông có hai, ba hoặc bốn vợ. Ngoại tình là cái tội những người này hay thưa kiện nhất và những điều không hay sẽ đến với kẻ thủ phạm nếu lời buộc tội của người chồng được ủng hộ bằng những lời chứng thuyết phục bên ngoài hoặc những chứng cớ vững vàng khác. Nếu người chồng bị xúc phạm thì nghèo mà kẻ phạm tội lại giàu có, Hội đồng có thể ra lệnh cho thủ phạm nộp của cải cho người chồng nọ, mỗi lần một thứ, cho đến khi nào anh ta nói: "Tôi đủ rồi", điều này thường xảy ra khi gã gian dâm chỉ còn cái lều rỗng tuếch. Nhưng nếu cả hai người đàn ông cùng nghèo, mà đó là trường hợp thông thường, Hội đồng có thể ra lệnh cho kẻ phạm tội làm nô lệ cho người chồng trong một thời gian được xem là đủ để chuộc lại việc sử dụng vợ anh ta một cách phi pháp như vậy. Và Kunta lo sợ thay cho một gã tái phạm nhiều lần, khi các bô lão định ngày, giờ đưa gã ra trước công chúng phạt ba mươi chín roi đòn trên lưng trần, do người chồng bị xúc phạm gần đây nhất thực thi, theo đúng quy tắc Hồi giáo cổ là "bốn mươi trừ một".

Những ý nghĩ của bản thân Kunta về việc lấy vợ có phần nào nguội khi anh quan sát và nghe những bà vợ và những ông chồng bị xúc phạm phẫn nộ kể tội nhau trước Hội đồng. Trong những vụ mưa kể từ khi Kunta rèn luyện trưởng thành trở về, không có vụ nào được Hội đồng xét xử lại khiến anh cùng bạn bè hồi hộp chờ đợi bằng cái vụ khởi đầu với những bàn tán xì xào về hai gã trong lứa Kafô của họ và hai quả phụ khả ái nhất ở Jufurê. Cuối cùng, đến hôm vấn đề được đưa ra trước Hội đồng, hầu hết dân làng tụ tập từ sớm để chiếm chỗ ngồi tốt nhất. Trước tiên, một số chuyện thông lệ của người già được giải quyết, rồi đến trường hợp của Đembô Đabô và Kiđi Tamba cách đây hơn một vụ mưa đã được ly dị, nhưng nay trở lại trước Hội đồng cười toe toét, nắm tay nhau, xin phép được tái hợp. Anh, ả bỗng thôi cười khi bô trưởng nghiêm khắc bảo: "Trước kia các ngươi đã khăng khăng xin ly dị, vì vậy các ngươi không thể cưới lại – cho đến khi giữa chừng mỗi bên đều có vợ mới và chồng mới".

Tiếng hào hển của những người ngồi đằng sau im bặt khi trống báo tên những kẻ được xét tiếp theo: "Tuđa Tamba và Kalilu Contê! Fanta Bêđeng và Xêfô Kêla!" Hai gã thuộc lứa Kafô của Kunta và hai chị góa đứng dậy. Quả phụ cao lớn hơn, Fanta Bêđeng nói thay cho tất cả, có vẻ như chị ta đã thực tập cẩn thận những gì cần thưa thốt, song chị ta vẫn nơm nớp lo sợ. "Tuđa Tamba xuân xanh đã hai mươi hai vụ mưa và tôi thì ba mươi ba, thật khó có cơ hội lấy chồng nữa", chị ta nói vậy và xin Hội đồng chấp thuận cho chị được làm bạn ngoại hôn thú, lo bếp núc và chiếu giường cho Xêfô Kêla, cũng như Tuđa Tamba với Kalilu Contê.

Các bô lão hỏi cả bốn người mấy câu – hai quả phụ trả lời một cách tự tin, còn hai gã bạn của Kunta thì ngập ngừng, trái hẳn với cung cách mạnh bạo thường lệ của họ. Rồi các bô lão quay lưng lại, thì thầm với nhau. Cuối cùng khi các bô lão quay trở ra, cử tọa nín lặng căng thẳng đến nỗi một củ lạc rơi cũng có thể nghe thấy. Bô trưởng

nói: “Chúa Ala chắc cũng chấp thuận! Các ngươi là quả phụ sẽ có đàn ông để mà dùng, còn các ngươi là trai mới trưởng thành sẽ thu được kinh nghiệm quý báu cho việc hôn nhân mai sau”.

Vị bô trưởng đập mạnh cây gậy hai lần vào cạnh trống và nhìn trừng trừng vào đám phụ nữ lao xao ở phía sau. Chỉ đến khi họ im lặng, cái tên tiếp theo mới được gọi: “Jankê Jalon!” Cô ả này mới mười lăm vụ mưa, nên được xét cuối cùng. Cả làng Jufurê đã nhảy múa và mở tiệc ăn mừng khi ả thoát khỏi tay một tên tubốp nào đó đã bắt cóc ả, và tìm đường về được đến nhà. Thế rồi, mấy tuần trăng sau, bụng ả chửa phễnh lên, mặc dù chưa chồng, gây ra bao điều bàn ra tán vào. Trẻ và khỏe mạnh, kể ra ả ta vẫn có thể tìm được một người đàn ông lớn tuổi thuận lấy làm vợ bé thứ ba hoặc thứ tư gì đó. Nhưng rồi đứa bé ra đời: da nó trắng bợt kỳ lạ và tóc rất khác thường – và sau đó, hễ Jankê Jalon xuất hiện ở đâu là mọi người đều nhìn xuống đất và vội vã lảng đi chỗ khác. Mắt long lanh lệ, giờ đây cô gái đứng lên và hỏi Hội đồng: cô ta biết làm thế nào đây? Các bô lão không quay lưng lại để bàn bạc; bô trưởng nói Hội đồng sẽ còn phải cân nhắc vấn đề cho đến phiên họp tuần trăng sau vì đây là một vụ thuộc loại nghiêm trọng nhất và khó khăn nhất. Nói rồi, cụ cùng năm bô lão kia đứng dậy ra về.

Bối rối và phần nào bất mãn với cái cách kết thúc phiên họp, Kunta ngồi lại một lúc sau khi phần lớn các bạn cung số cử tọa còn lại đã đứng dậy, vừa chuyện trò với nhau vừa trở về lều riêng của mình. Khi Binta mang bữa ăn chiều đến, đầu Kunta vẫn còn đầy những suy nghĩ và trong khi ăn, anh chẳng nói với mẹ lời nào, mà Binta cũng thế. Lát sau, khi cầm lấy giáo và cung tên chạy ra vị trí canh phòng cùng với con chó uôlô – vì đêm nay đến phiên anh gác ngoài làng – Kunta vẫn tiếp tục nghĩ: về đứa bé da bệnh bệch với bộ tóc kỳ quái, về cha nó hẳn còn quái dị hơn nữa và về việc liệu tên tubốp ấy có ăn thịt Jankê Jalon hay không nếu như cô ả không thoát khỏi hắn.

Chương 32

Trong thửa ruộng lạc chín vằng vặc ánh trăng, Kunta leo lên cây cột có khoét nấc và ngồi khoanh chân trên chòi canh dựng thành chạc vững chãi, cao vọt khỏi mặt đất. Đặt vũ khí bên ngoài cạnh mình – cùng với chiếc rìu mà anh dự định sáng hôm sau sẽ dùng để đẵn gỗ làm khum trống – Kunta theo dõi con chó Uôlô vừa khịt khịt vừa chạy lăng xăng đây đó trong cánh đồng bên dưới. Kunta nhớ lại cách đây mấy vụ mưa, trong những tuần trăng đầu tiên làm nhiệm vụ canh phòng chỉ một con chuột lạo xạo trong đám cỏ là anh đã vội nắm chặt cây giáo. Mỗi cái bóng lại tưởng một con khỉ; mỗi con khỉ tưởng là một con báo và mỗi con báo ngỡ là một tên tubốp, cứ thế cho đến khi tai mắt trở nên dày dạn với nhiệm vụ. Đến một độ nào anh thấy mình có thể phân biệt được tiếng su tử gầm với tiếng báo rống. Tuy nhiên, anh phải mất nhiều thời gian hơn mới học được cách luôn luôn tỉnh táo cảnh gác suốt những đêm dài đó. Khi những ý nghĩ của anh bắt đầu hướng vào nội tâm; như vẫn xảy ra luôn luôn, anh thường quên bẵng mình đang ở đâu và có nhiệm vụ phải làm gì. Song cuối cùng anh học được cách tiếp tục cảnh giác bằng một nửa đầu, còn nửa kia vẫn khơi sâu những ý nghĩ riêng tư.

Đêm nay anh đang nghĩ về mối tình ngoại hôn thú mà Hội đồng Bô lão đã chấp thuận cho hai thằng bạn. Trong nhiều tuần trăng, chúng đã bảo với Kunta và bạn bè rằng chúng sẽ đem vấn đề của mình ra trình trước Hội đồng, song không ai thực sự tin cả. Và giờ đây, việc đó đã xong xuôi. Có lẽ chính lúc này đây, anh nghĩ bụng, chúng đang làm cái hành động ngoại hôn thú trên giường với hai nàng góa của chúng cũng nên. Bỗng nhiên, Kunta ngồi thẳng người cố gắng hình dung cảnh đó ra sao.

Những điều ít ỏi Kunta được biết về chuyện bên dưới y phục đàn bà, chủ yếu là nghe qua các chuyện tán gẫu của các bạn cùng lứa Kafô. Anh biết trong việc thương thuyết cưới xin, các ông bố bên nhà gái phải bảo đảm con mình con trinh tiết để nâng giá cô dâu tới mức cao nhất. Và phụ nữ là dính dáng lôi thôi với một lô những thứ máu me, điều đó anh cũng biết. Mỗi một tuần trăng, họ lại ra máu, cả những lúc đẻ con, và cả cái đêm họ lấy chồng nữa. Mỗi người đều biết sáng hôm sau đó, hai bà mẹ của cặp vợ chồng mới cưới đến lều tân hôn, lấy tấm vải trắng lót dưới chỗ nằm, bỏ vào một cái làn ra sao, phô chỗ vấy máu cho Alimamô làm bằng chứng sự trinh tiết của cô gái như thế nào, và chỉ đến lúc đó vị trưởng lễ mới đi quanh làng gióng trống nói lên sự phù hộ của Chúa Ala đối với đám cưới đó. Nếu tấm vải không vấy máu – Kunta biết – người chồng mới sẽ giận dữ rời bỏ căn lều cùng với hai bà mẹ làm chứng và kêu to ba lần cho tất cả cùng nghe thấy: "Tôi ly dị cô!".

Song tình bạn ngoài hôn thú không dính dáng gì đến mọi thứ đó – chỉ là chuyện thanh niên mới trưởng thành ngủ với gái góa tự nguyện và ăn chung bếp. Trong một thoáng, Kunta nghĩ đến cái vẻ Jinna M' Baki đã nhìn mình không cần giấu giếm ý đồ của chị ta, giữa đám đông xô đẩy chen chúc ngày hôm trước vào lúc phiên họp của Hội đồng kết thúc.

Tâm trí Kunta nhớ về một số thiếu nữ mà anh và Lamin đã gặp tại một làng trên đường trở về sau một cuộc hành trình săn vàng. Có khoảng mươi cô, Kunta phỏng chừng thế, tất cả đều đen giòn, xiêm áo chật căng, đeo chuỗi hạt đầy màu sắc và vòng tay, ngực vồng cao và những bím tóc nhỏ dỏng lên. Bọn này khi Kunta đi ngang qua, đã hành động thật kỳ lạ, đến nỗi Kunta phải mất một lúc mới hiểu ra rằng việc các cô ả làm bộ nguẩy đi nhìn ra chỗ khác bất cứ lúc nào thấy Kunta nhìn mình, không có nghĩa là các cô ả không quan tâm đến anh chàng, mà là muốn anh chàng phải quan tâm đến mình.

Giống cái thật đến rắc rối, Kunta nghĩ. Những thiếu nữ vào lứa tuổi Kunta ở Jufurê không bao giờ chú ý tới anh, dù chỉ đến mức vừa đủ để ngoảnh đi nhìn chỗ khác. Phải chăng là vì chúng đã biết Kunta thật sự là như thế nào? Hoặc giả, phải chăng là vì chúng biết cu cậu còn trẻ hơn bề ngoài nhiều – quá trẻ chưa đáng để chúng quan tâm? Có lẽ các cô gái ở làng nọ tưởng rằng không một lữ khách nào dắt theo một thằng bé lai có thể dưới hai mươi, hai lăm vụ mưa, nói chi đến chuyện cu cậu mới mười bảy. Nếu biết vậy, hẳn họ đã giễu cợt rồi. Ấy thế mà một quả phụ thừa biết anh trẻ như thế nào, vẫn đang cần anh đấy. Có khi anh không lớn tuổi hơn lại là điều may mắn cũng nên. Nếu anh lớn tuổi hơn, đám con gái ở Jufurê hẳn sẽ ngấm nguýt với anh như kiểu các cô ở làng nọ và anh biết cả cái đám ấy chỉ có độc một điều trong đầu: lấy chồng. Ít ra thì Jinna M' Baki đã quá tuổi để tìm kiếm một cái gì vượt trên một tình bạn ngoại hôn thú. Tại sao một người đàn ông lại cần phải lấy vợ khi mà anh ta có thể được một người đàn bà nấu ăn cho mình, ngủ với mình mà không phải cưới xin gì cả? Chắc hẳn là phải có một lý do nào đó. Có lẽ bởi vì chỉ có thông qua hôn nhân, một người đàn ông mới có thể có con cái. Đó là một điều tốt đẹp. Song liệu anh ta có gì để dạy những đứa con đó, nếu anh ta chưa sống khá nhiều để học hỏi đôi chút về thế giới – không phải chỉ học ở cha đẻ mình, ở arafang, và ở kintangô, mà còn bằng cánh tự thám hiểm thế giới cho bản thân mình như các bác Kunta đã làm?

Các bác anh, thậm chí, vẫn chưa lấy vợ, mặc dầu lớn tuổi hơn cả cha anh và phần lớn đàn ông vào tuổi ấy đều đã lấy vợ hai. Chẳng biết Ômôrô có tính chuyện lấy vợ hai không? Ý nghĩ này làm cho Kunta giật mình đến nỗi cu cậu ngồi thẳng người lên. Và liệu rồi mẹ sẽ cảm thấy thế nào về chuyện ấy? Ờ, với tư cách là vợ cả, ít nhất Binta cũng có thể báo cho vợ hai biết bổn phận mình, bắt cô ta làm thật lực và quy định những lần cô ta được ngủ với Ômôrô. Liệu sẽ có chuyện rắc rối giữa hai người đàn bà không nhỉ? Không, anh chắc chắn Binta sẽ không như vợ cả của vị kintangô, bà này như mọi người đều biết, luôn quát tháo và chửi bới các vợ bé, làm cho họ đảo điên đến nỗi họa hoằn ông chồng mới được yên thân.

Kunta xoay thế ngồi, buông thõng chân một lúc qua mép cái sàn chòi nhỏ bé để cho bắp thịt khỏi bị chuột rút. Con chó Uôlô nằm cuộn tròn trên mặt đất bên dưới anh, bộ lông nâu mượt lấp lánh dưới ánh trăng, nhưng anh biết nó chỉ giả vờ ngủ, mũi và tai vẫn ngọ nguậy tỉnh táo rình từng mùi mơ hồ nhất hoặc từng tiếng động để chồm lên sủa và rượt theo những con khỉ đầu chó gần đây hầu như đêm nào cũng xuống phá ruộng lạc. Trong mỗi một phiên canh phòng dài dặc, ít có gì khiến Kunta thích thú hơn là những lúc – dễ thường một đêm có tới mươi mười hai lần như thế anh bị kéo bật ra khỏi dòng suy nghĩ bởi tiếng hầm hè đột ngột đằng xa của một con khỉ đầu chó nào đó bị báo vồ trong bụi rậm – nhất là nếu tiếng gầm gừ của con khỉ đầu chó chuyển thành tiếng rít lên rồi mau chóng câm bặt, có nghĩ là nó không chạy thoát.

Nhưng giờ đây, khi Kunta ngồi trên mép chòi, nhìn rộng ra khắp cánh đồng, tất cả đều ắng lặng. Dấu hiệu duy nhất của sự sống, trên thực tế, bên kia bãi cỏ cao, là ánh lửa vàng bập bùng của một mục đồng người Fulani ở phía xa, anh ta khoa bó đuốc cỏ khô để xua một con thú nào đó, có lẽ là một con linh cẩu, đang lảng vảng quá gần đàn bò của mình. Người Fulani chăn dắt gia súc khéo đến nỗi nhiều người cho rằng họ có thể nói chuyện thật sự với loài vật. Và Ômôrô đã từng kể cho Kunta là mỗi ngày, những người Fulani thường rút một ít máu ở cổ bò ra, trộn với sữa để uống, xem như một phần tiền công chăn dắt. Thật là một dân tộc kỳ lạ, Kunta nghĩ bụng: "Tuy không phải là nòi giống Manđinka, họ cũng gốc gác ở Găмbia như anh. Vậy những người – và phong tục – ở bên kia biên giới đất nước anh chắc hẳn còn kỳ lạ hơn biết bao nhiêu.

Trong vòng một tuần trăng sau khi cùng với Lamin đi săn vàng trở về, Kunta cứ háo hức muốn lên đường một lần nữa – mà lần này thì để làm một cuộc viễn du thật sự. Anh biết nhiều thanh niên khác cùng lứa kafô đang dự định du hành đến một nơi nào đó ngay sau khi thu hoạch lạc và mạch kê xong, nhưng không gã nào mạo hiểm đi xa. Còn Kunta thì muốn được nhìn thấy và đặt chân lên cái nơi xa xôi gọi là Mali, tại đó, trước đây khoảng ba, bốn trăm vụ mưa theo lời Ômôrô và các ông bác, thị tộc Kintê đã khởi lên. Theo anh nhớ, các ông tổ dòng họ Kintê đã nổi danh là những thợ rèn, những con người đã chinh phục lửa để làm ra những vũ khí bằng sắt từng giành thắng lợi trong nhiều cuộc chiến tranh và những công cụ sắt khiến cho công việc làm ruộng đỡ vất vả. Và từ cái gia đình Kintê ngọn nguồn đó, tất cả cháu con dòng dõi và tất cả những người làm việc cho họ đều lấy họ Kintê. Và một số người trong thị tộc ấy đã di truyền đến Moritanya, nơi chôn nhau cắt rốn của vị thánh nhân, ông nội Kunta.

Để cho không một người nào khác, kể cả Ômôrô, biết về dự định của mình trước khi công bố, Kunta đã hết sức bí mật thỉnh vấn Arafang, thăm dò con đường tốt nhất để đi đến Mali. Arafang vẽ một cái sơ đồ trên mặt đất, rồi, đưa ngón tay vạch theo đó, ông bảo Kunta rằng cứ đi theo bờ sông Kamby theo hướng cầu nguyện Chúa Ala độ sáu ngày thì sẽ tới đảo Xamô. Quá chỗ đó, dòng sông hẹp lại và quay ngoắt về bên phải, bắt đầu uốn khúc rồng rắn, với nhiều chi nhánh hỗn độn rẽ ngang, cũng rộng như sông chính, ven bờ lầy lội nhiều quãng không nhìn được vì những rặng đước dày đặc đôi chỗ mọc cao bằng đầu người. Chỗ nào nhìn thấy được bờ sông – thày giáo nói với anh – thường nhan nhản những khỉ, trâu nước, cá sấu to tương và hàng đàn khỉ đầu chó, mỗi đàn có tới dăm trăm con.

Nhưng hai hay ba ngày đi đường khó nhọc, như vậy sẽ đưa Kunta tới một hòn đảo lớn thứ hai, tại đó các bờ thấp, bùn lầy sẽ nhô lên thành những vách nhỏ rậm rì những bụi cây nhỏ. Con đường mòn ngoằn ngoèo theo dọc sông lúc này sẽ đưa anh qua các làng Banxang, Karantaba và Điabugu. Chẳng mấy chốc sau đó, anh sẽ qua biên giới phía đông của Găмbia và đi vào Vương quốc Fulađu, từ đó đi nửa ngày đường nữa sẽ tới làng Fatôtô. Kunta lấy trong túi săn ra một mảnh da thuộc mà Arafang đã đưa cho anh. Trên đó, có ghi tên một người bạn đồng nghiệp của Arafang; thầy bảo ông này sẽ chỉ dẫn cho Kunta về quãng đường từ mười hai đến mười bốn ngày tiếp theo, xuyên qua một vùng đất gọi là Xênêgal. Bên kia vùng này Arafang nói – là Mali và cái đích của Kunta, Kaba, địa điểm chính của đất này theo Arafang hình dung thì vừa đi vừa về phải mất khoảng một tuần trăng – chưa kể Kunta định ở lại Mali bao lâu.

Biết bao lần Kunta đã vẽ và nghiên cứu con đường ấy trên nền đất căn lều của mình – rồi lại xóa đi trước khi Binta mang cơm tới – đến nỗi anh hầu như có thể nhìn thấy nó hiện lên trước mặt trong khi ngồi trên chòi canh ở cánh đồng lạc lúc này. Nghĩ đến những phiêu lưu chờ đợi mình trên con đường ấy – và ở Mali – anh phải chật vật lắm

mới kìm nỗi lòng hăm hở muốn ra đi. Anh cũng không kém hăm hở muốn nói với Lamin về kế hoạch của mình, không những vì muốn san sẻ điều bí mật riêng, mà còn vì anh đã quyết định đem thằng em đi theo nữa. Anh biết Lamin đã huênh hoang biết mấy về chuyến đi trước với anh trai. Từ đó đến nay, Lamin cũng đã trải qua rèn luyện trưởng thành và hẳn sẽ là một bạn đồng hành đáng tin cậy và giàu kinh nghiệm. Song lý do sâu xa nhất khiến Kunta quyết định mang nó đi chỉ đơn giản là anh cần có bầu bạn, Kunta phải thừa nhận thế.

Trong một lúc, Kunta ngồi trong bóng tối mỉm cười một mình, nghĩ đến bộ mặt của Lamin khi xét thấy đã đến lúc báo cho nó biết. Cố nhiên Kunta dự định đưa tin ấy ra một cách ngẫu nhiên, y như thể vừa mới chợt nghĩ đến thôi. Song trước lúc đó, anh phải nói với Ômôrô đã. Trên thực tế, anh chắc chắn rằng Ômôrô sẽ rất hài lòng và thậm chí cả Binta cũng sẽ đỡ bàng hoàng hơn trước, mặc dầu bà sẽ lo lắng. Kunta tự hỏi không biết có thể mang cái gì ở Mali về cho Binta để bà còn nâng niu quý báu hơn cả những cái lông đầy hạt vàng dạo trước. Có thể là mấy cái lọ độc bình quý hay súc vải đẹp; Ômôrô và các ông bác Kunta đã kể là các phụ nữ dòng họ Kintê ngày xưa ở Mali vốn nổi tiếng về tài nặn lọ và dệt những loại vải có họa tiết rực rỡ, cho nên có thể là phụ nữ dòng họ Kintê ở đó hiện vẫn còn làm những thứ đó.

Kunta nảy ra ý nghĩ là khi ở Mali trở về, anh sẽ vạch kế hoạch cho một chuyến đi khác vào vụ mưa sau. Thậm chí anh có thể du hành tới cái miền xa xăm bên kia những sa mạc bất tận, nơi mà các ông bác anh đã nói về hàng đoàn dài những con vật kỳ lạ chứa nước ở hai cái bướu trên lưng, Kalilu Contê và Xêtô Kêla có thể có những mụ góa già, xấu xí của chúng, còn anh, Kunta đây, anh sẽ làm cuộc hành hương đến tận đất thánh La Mêc. Tình cờ lúc đó mắt lại đăm đăm nhìn về hướng thành phố thần thánh ấy, Kunta chợt thấy một đốm lửa vàng nhỏ xíu, cháy đều đặn ở tít đầu đằng kia cánh đồng. Anh hiểu ra là gã mục đồng người Fulani ở đằng ấy đang nấu bữa điểm tâm. Kunta thậm chí không nhận thấy cả những tia sáng yếu ớt đầu tiên của rạng đông.

Với tay xuống nhặt vũ khí để về nhà, anh thấy cái rìu và nhớ đến việc lấy gỗ làm khung trống. Song anh nghĩ mình mệt rồi, có lẽ mai hẵng đốn gỗ. Không, anh đã đi được nửa đường tới rừng, nếu không làm luôn bây giờ, anh biết là có thể sẽ gác lại đến phiên gác sau, tức là mười hai ngày nữa. Vả lại, nhượng bộ sự mệt mỏi như vậy là không đáng mặt nam nhi. Cử động đôi chân để thử xem có bị chuột rút không và chẳng thấy cảm giác tê dại gì, anh tụt theo cây cột khoét nấc xuống đất, nơi con chó Uôlô đang đợi, sung sướng sủa nho nhỏ và vẫy đuôi. Sau khi quỳ xuống đọc kinh xuba, Kunta đứng dậy vươn vai, hít một hơi dài không khí mát mẻ và cất bước chạy tâng tâng về phía bờ sông.

Chương 33

Mùi thơm quen thuộc của hoa rừng đầy ắp hai lỗ mũi Kunta khi anh chạy qua lớp cỏ long lanh sương sớm thấm ướt chân, trong những tia nắng đầu tiên. Diều hâu lượn vòng trên đầu tìm mồi và những con mương bên cánh đồng rộn lên tiếng ếch nhái ồm ộp. Anh rẽ lối né xa một cái cây để tránh làm kinh động một bầy chim hét đậu đầy cành như những chiếc là đen óng. Nhưng kể ra anh chả cần mất công làm thế, bởi vì anh vừa mới qua đó thì một tiếng quàng quạc khàn khàn giận dữ làm anh ngảnh đầu lại để vừa vặn nhìn thấy hàng trăm con quạ xấn xổ đuổi lũ chim hét khỏi chỗ đậu.

Vừa chạy vừa thở thật sâu, song không hổn hển, anh bắt đầu ngửi thấy mùi thơm xạ hương của những cây xú khi tới gần lớp cây bụi thấp và dầy từ bờ sông tỏa rộng mãi vào phía trong. Vừa mới trông thấy anh, một tiếng khịt khịt đột ngột lan đi trong đám lợn rừng, dắt dây theo một loạt tiếng gừ gào trong đám khỉ đầu chó, những con đực to lớn mau chóng đẩy vợ con ra sau lưng. Hồi nhỏ tuổi hơn, anh thường dừng lại bắt chước chúng, gầm ghè và nhảy lên nhảy xuống, điều đó bao giờ cũng làm cho bọn khỉ đầu chó tức tối, chúng vung nắm đấm dứ dứ và đôi khi còn ném đá nữa. Nhưng anh không còn là một chú bé nữa và anh đã biết đối đãi với mọi sinh vật của Chúa Ala như bản thân anh muốn được đối đãi: với lòng tôn trọng.

Như những đợt sóng trắng rập rờn, từng đàn cò bạch, sếu, vạc và bồ nông chấp chới bay lên từ chỗ ngủ khi anh rẽ lối đi qua đám xú răng rịt, xuống bờ sông. Con chó Uôlô của Kunta chạy lên trước đuổi những con rắn nước cùng những con rùa nâu to tướng đang trượt bùn trôi tuột xuống nước, không để lại lấy một gợn sóng lăn tăn.

Như anh vẫn thường làm thế mỗi khi cảm thấy cần tới đây sau một đêm gác, Kuntan đứng một lúc bên rìa sông ngắm một con diệc màu xám bay cách mặt nước xanh nhợt chừng một cây giáo dựng đứng, kéo rệt đôi chân dài mảnh, mỗi nhát đập cánh lại làm sóng gợn lăn tăn. Mặc dù giống diệc chỉ kiếm cá nhỏ, Kunta biết rằng trên dọc sông, đây là chỗ tốt nhất tập trung cá kujalô, một loại cá to, khỏe mà Kunta thích bắt về cho Binta nấu với hành; gạo và cà chua đắng. Vào lúc bụng đang sôi ùng ục đòi điểm tâm, chỉ nghĩ đến nó cũng đủ khiến cho Kunta thấy đói.

Đi xuôi theo dòng một quãng nữa, Kunta rẽ khỏi bờ nước, quặt vào một con đường mòn do chính anh vạch, tới một cây xú cổ rất quen thuộc sau biết bao lần tới thăm. Rún người lên cành thấp nhất, anh trèo suốt đến tận chỗ anh thích ngồi vắt vẻo ở gần ngọn. Từ đó, trong buổi ban mai ngời ngợi, với ánh mặt trời rọi ấm trên lưng, anh có thể nhìn suốt tới khúc ngoặt gần nhất của dòng sông còn la liệt từng bầy chim nước đang ngủ và quá nửa là những vạt ruộng lúa của phụ nữ rải rác điểm những chòi tre đặt trẻ sơ sinh. Dạo mình con bé, mẹ đặt mình vào cái chòi nào nhỉ, anh tự hỏi. Cái chỗ này trong buổi sớm mai bao giờ cũng khiến Kunta tràn ngập một cảm giác bình yên và kỳ diệu hơn bất cứ nơi nào khác mà anh biết. Thậm chí hơn cả trong ngôi nhà thờ Hồi giáo của làng, tại đây anh cảm thấy mọi người, mọi vật ở trong tay Chúa Ala một cách trọn vẹn biết bao, và mọi thứ anh có thể nhìn thấy, nghe thấy, ngửi thấy, từ ngọn cây này đã có ở đây từ những thuở xa xăm hơn trí nhớ của con người và sẽ còn ở đây lâu sau khi anh và con cái anh và con cái của con cái anh đã về chầu tổ tiên.

Tong tưởi đi khỏi bờ sông hướng về phía mặt trời được một lúc, cuối cùng, Kunta tới chỗ bãi cỏ cao ngang đầu người bao quanh khu rừng, nơi anh sắp sửa chọn và đẵn một khúc vừa vặn bằng thân cái trống anh định làm. Nếu gỗ tươi bắt đầu khô từ hôm nay, anh đồ chừng nó sẽ sẵn sàng đủ điều kiện cho ta khoét gọt đẽo đục trong vòng một tuần trăng rưỡi nữa, áng chừng vào lúc anh và Lamin từ cuộc viễn du Mali trở về. Khi bước vào lùm cây, một bên khóe mắt của Kunta bỗng thấy một sự di động đột ngột. Đó là chú thỏ rừng và loáng một cái, con chó Uôlô đã rượt theo khi nó chạy trốn vào đám cỏ cao. Rõ ràng chó ta đuổi theo là vì tinh thần thượng võ hơn là vì kiếm mồi để chén, vì nó đang sủa nhặng lên. Kunta biết là một con chó Uôlô săn mồi không bao giờ làm ầm ĩ, nếu nó đói thật sự. Chẳng mấy chốc, cả hai đã chạy quá tầm tai có thể nghe thấy, song Kunta biết con chó của mình sẽ quay về khi nào nó thấy chán cuộc đuổi bắt.

Kunta tiến về phía trung tâm khu rừng, nơi có nhiều cây hơn để có thể lựa chọn một casithaan đúng tầm cỡ, với độ nhẵn và tròn hợp ý mình. Mặt đất phủ rêu mềm mại dưới chân khiến anh cảm thấy dễ chịu khi dấn sâu hơn vào khu rừng, nhưng anh nhận thấy không khí ở đây ẩm ướt và lạnh vì mặt trời chưa đủ cao hoặc chưa đủ nóng để xuyên thấu vòm lá dày trên đầu. Để vũ khí và rìu dựa vào một cây cong vêu, anh lang thang đây đó, thỉnh thoảng cúi xuống sờ nắn, xem xét bằng mắt và bằng ngón tay, tìm cái thân cây thích hợp, to hơn cỡ trống anh muốn một tí để trừ hao lúc nó bị co lại.

Đang cúi xuống một thân cây có khả năng đạt yêu cầu, anh chợt nghe thấy tiếng cành cây gẫy đánh rắc, nhanh chóng tiếp theo là tiếng một con vẹt léo xéo ở trên đầu. Có lẽ là con chó trở về, anh nghĩ vậy trong nội tâm. Nhưng không có con chó khôn lớn nào lại dẫm gẫy một nhánh cây bao giờ, anh vụt nhớ ra, đồng thời xoay người lại. Anh trông thấy nhòe nhòe một cái mặt trắng lao tới anh, một cái gậy giơ lên, anh nghe thấy tiếng chân nện thình thịch đằng sau. Tubốp! Chân anh phóng ra, trúng vào bụng tên kia – nó mềm mềm và anh nghe thấy một tiếng hự – đúng vào lúc một cái gì cứng và nặng sượt qua đằng sau đầu Kunta và giáng xuống vai anh như một cái thân cây. Đau đến rụn người, Kunta quay lại – xây lưng về phía thằng cha nằm gập mình dưới đất – và tới tấp đâm vào mặt hai tên da đen đang xông tới anh với một cái bì lớn, và vào một tên tubốp khác đang vung một cái dùi cui ngắn trùng trục; nhát dùi cui lần này trượt vì anh nhảy sang bên né được.

Bụng cầu ước có bất cứ vũ khí gì đến độ muốn thét lên, Kunta nhảy xổ vào bọn chúng – cào cấu, huých khuỷu tay, đầu gối, húc đầu, móc mắt, - hầu như không cảm thấy cái dùi cui nện trên lưng. Trong khi ba tên đè dí anh xuống đất dưới trọng lượng kết hợp của chúng, một cái đầu gối thúc vào lưng dưới Kunta, làm anh đau đến chóng mặt, hộc lên. Miệng anh mở ra đụng vào da thịt, răng anh liền ngoạm lấy, cắn xé. Những ngón tay tê dại của Kunta quờ thấy một cái mặt, anh móc thật sâu vào một con mắt, nghe thấy chủ nhân con mắt ấy rú lên trong khi chiếc dùi cui nặng nề lại giáng xuống đầu anh.

Mắt hoa lên, anh nghe thấy một tiếng chó gầm gừ, một tên tubốp thét lên, rồi đột nhiên một tiếng ăng ẳng thiểu não. Lồm cồm đứng dậy, điên cuồng oằn oại mình, né tránh, bổ nhảo để khỏi hứng thêm những nhát dùi cui, máu chảy như suối từ chỗ đầu nứt toác, anh trông thấy một tên da đen lấy tay bưng mắt, một tên tubốp ôm cánh tay đẫm máu đứng bên xác con chó và hai tên còn lại giơ dùi cui quây lấy anh. Thét lớn nỗi cuồng nộ của mình, Kunta lào vào tên tubốp thứ hai, hai nắm tay va phải và phá vỡ sức mạnh của cái dùi cui đang giáng xuống. Gần như nghẹn thở vì mùi tubốp hôi gớm ghiếc, anh cố gắng một cách tuyệt vọng giằng lấy chiếc dùi cui. Tại sao trước đó anh lại không nghe thấy chúng, cảm thấy chúng ngửi thấy chúng nhỉ?

Đúng lúc ấy, chiếc dùi cui của tên da đen quật vào Kunta một lần nữa, khiến anh lảo đảo quỵ gối và tên tubốp vùng ra được. Đầu như sắp nổ tung, toàn thân quay cuồng, giận điên lên vì thế yếu của chính mình, Kunta lùi lại và gầm lên, choảng bừa vào không khí như một người mù, tất cả nhòe đi vì nước mắt và máu và mồ hôi. Giờ đây anh đang chiến đấu cho một cái gì còn hơn cả cuộc đời mình. Ômôrô! Binta! Lamin! Xuoađu! Mađi! Chiếc dùi cui nặng nề của tên tubốp nện vào thái dương anh. Và tất cả vụt đen ngòm.

Chương 34

Kunta tự hỏi không biết mình đã hóa điên chưa. Trần truồng, bị cùm và xiềng chặt, anh tỉnh dậy thấy mình nằm ngửa giữa hai người đàn ông khác trong bóng tối đen kịt đầy khí nóng bốc hơi, đầy mùi hôi thối đến lộn mửa và một cảnh hỗn loạn ác mộng: nào la hét, nào khóc lóc, cầu nguyện, nào nôn ọe. Anh có thể cảm thấy và ngửi thấy đống nôn ọe của chính mình trên ngực và trên bụng. Toàn thân anh là cả một sự co giật đau đớn do những trận đòn đã phải chịu trong bốn ngày từ khi bị bắt. Nhưng đau nhất là chỗ dùi sắt nung đỏ dí vào giữa hai vai.

Một con chuột cọ cái mình lông lá, mập mạp vào má anh, khịt khịt cái muxu tua tủa ria vào miệng anh. Rùng mình ghê gớm, Kunta cắn chặt răng lại một cách tuyệt vọng và con chuột chạy mất. Điên tiết, Kunta giãng giật và đá vào những cái còng khóa chặt cổ tay, cổ chân mình. Lập tức một người nào đó bị cùm chung với anh kêu lên giận dữ và giật lại. Vừa choáng vừa đau nên càng tức lộn ruột, Kunta chồm lên, đầu va mạnh vào gỗ – ngay giữa chỗ bị tên tubốp nện dùi cui lúc bị bắt trong rừng. Hổn hển và gầm gừ, anh và người đàn ông bên cạnh mà anh không nhìn thấy, choảng những còng sắt vào nhau cho đến lúc cả hai cùng kiệt sức rụi xuống. Kunta cảm thấy mình lại bắt đầu buồn nôn và anh cố gắng nén lại, nhưng không được. Cái bụng đã rỗng của anh vắt ra một thứ chất lỏng chua loãng từ một bên mép chảy xuống trong khi anh nằm thượt ra, thầm ước giá mình chết đi cho rồi.

Anh tự nhủ mình không thể mất tự chủ một lần nữa nếu muốn bảo toàn sức lực và trí khôn. Sau một lát, khi anh cảm thấy lại có thể cử động được, anh lấy tay trái rất từ từ và thận trọng sờ nắn cổ tay và cổ chân bên phải bị còng. Cả hai đều chảy máu. Anh khẽ kéo dây xiềng, vẻ như nó cột liền vào cổ chân và cổ tay bên phải người đàn ông đã đánh lộn với anh. Nằm bên trái Kunta, xiềng chung vào cổ chân với anh là một người đàn ông khác, miệng không ngừng rên rẩm và tất cả bọn họ nằm sát nhau đến nỗi hễ người nào đụng đậy một tí là vai, cánh tay, cẳng chân lại chạm vào nhau.

Nhớ lại vừa nãy mình đã va đầu vào gỗ, Kunta lại rướn người lên, vừa đủ để khẽ chạm đầu: thậm chí không có đủ chỗ để ngồi dậy nữa. Và đằng sau đầu anh là một bức vách gỗ. Mình như con báo bị sa vào bẫy, anh nghĩ thầm. Rồi anh nhớ lại lúc ngồi trong bóng tối căn lều rèn luyện trưởng thành sau khi bị bịt mắt đưa đến khu trại tập, hồi cách đây bao nhiêu vụ mưa, và một tiếng nấc dâng lên nơi họng, nhưng anh nén được. Kunta tự cưỡng mình nghĩ đến những tiếng kêu rên anh đang nghe thấy xung quanh mình. Đây chắc hẳn là có nhiều người trong bóng tối, người gần kề, kẻ cách xa, người ngay bên cạnh, kẻ khác lại đối diện, song tất cả đều cùng trong một phòng. Căng tai ra, anh có thể nghe thấy những tiếng kêu khác nữa, song những tiếng này bị bặt đi và vắng từ dưới lên, từ phía dưới tấm ván anh nằm.

Nghe kỹ hơn, anh bắt đầu nhận ra các thứ tiếng nói khác nhau của những người xung quanh. Một người Fulani cứ kêu hoài kêu hủy bằng tiếng A-rập "Lạy Chúa Ala ở trên trời hãy cứu giúp con!". Và một gã thuộc bộ lạc Xêrer đang khàn khàn cất giọng rền rĩ, chắc là gọi tên những người thân trong gia đình. Nhưng phần lớn là Kunta nghe thấy tiếng Manđinka, những tay cả giọng nhất đang điên cuồng xổ hàng tràng tiếng lóng của đàn ông nguyền rủa tất cả bọn tubốp chết thảm chết hại. Những người khác vừa khóc vừa kêu, đâm ríu cả giọng, thành thử Kunta không thể xác định được lời lẽ cũng như thổ ngữ của họ, mặc dầu anh biết một số loại tiếng kỳ lạ anh nghe thấy chắc hẳn gốc gác từ bên ngoài đất nước Găm bia.

Trong khi nằm nghe, Kunta bắt đầu từ từ ý thức ra rằng là mình đang cố gắng đẩy khỏi tâm trí sự thúc bách muốn làm nguôi nhẹ những yêu cầu của ruột già, điều mà anh đã kiềm chế mấy hôm nay. Nhưng bây giờ anh không thể giữ được nữa và cuối cùng, phân tòi ra giữa hai mông anh. Ghê tởm chính bản thân mình, ngửi thấy phần đóng góp bổ sung của mình vào mùi hôi thối chung, Kunta bắt đầu nức nở và bụng anh lại cộn lên, lần này chỉ ứa ra chút nước rãi nhưng anh vẫn tiếp tục nôn khan. Anh tội tình gì mà đến nỗi bị trừng phạt cơ cực như thế này? Anh van xin Chúa Ala giải đáp cho mình hay. Từ cái buổi sáng đi kiếm gỗ làm trống anh chưa cầu nguyện lấy một lần, thế cũng đủ là tội lỗi rồi còn gì. Mặc dù không thể quỳ lên được và thậm chí không biết đằng nào là hướng đông, anh vẫn cứ nhắm mắt lại, nằm nguyên chỗ và cầu kinh, xin Chúa Ala xá tội.

Sau đó Kunta nằm một hồi lâu, lịm trong đau đớn, và dần dà nhận ra một cơn đau trong dạ dày thắt lại chẳng phải là gì khác ngoài nỗi đói. Anh chợt nghĩ ra là mình chưa ăn gì từ cái đêm trước khi bị bắt. Đang cố nhớ lại xem suốt thời gian đó mình có ngủ nghê gì không thì đột nhiên anh thấy mình đang bước dọc theo con đường mòn trong rừng, đi đằng sau anh là hai tên da đen, đằng trước là hai tên tubốp, y phục quái dị, và tóc dài màu sắc quái dị. Kunta mở choàng mắt và lắc đầu; người anh đẫm mồ hôi và tim đập thình thịch. Anh vừa chợp ngủ mà không biết.

Đó là một cơn ác mộng, hay cơn ác mộng chính là cái bóng tối xú uế hôi thối này? Không, nó cũng thực như cái cảnh tại khu rừng trong giấc mộng của anh vậy. Ngược với ý muốn Kunta, tất cả vụt trở lại trong tâm trí anh.

Sau khi vật lộn tuyệt vọng với những tên phản bội da đen và bọn tubốp trong rừng, anh nhớ là mình tỉnh giấc dậy trong một đợt sóng đau nhức ê ẩm và thấy mình bị bịt miệng bịt mắt, hai cổ tay trói giật về đằng sau và hai cổ chân buộc chằng bằng thừng thắt nút. Vùng vẫy để tháo thân, anh bị chúng lấy gậy nhọn xọc vào người một cách dã man, cho đến khi máu chảy ròng ròng xuống chân. Bị lôi thốc dậy, và thúc đi bằng gậy, anh loạng choạng tiến trước bọn chúng, cố bước nhanh hết mức đôi chân buộc chằng của anh cho phép.

Tới một chỗ nào đó ven sông – Kunta có thể nhận ra điều đó bằng vào các âm thanh và cái cảm giác thấy đất mềm dưới chân – anh bị đẩy xuống một cái xuồng. Mắt vẫn bị bịt kín anh nghe thấy bọn hắc gian vừa lầm bầm vừa nhanh nhẹn chèo, còn bọn tubốp cứ thấy anh giãy giụa là đánh liền. Lên bờ rồi lại đi tiếp, cuối cùng, đêm ấy, họ tới một chỗ ở đó họ quẳng Kunta xuống đất, trói ghì anh vào một hàng rào tre và không hề báo trước, lột băng bịt mắt anh ra. Trời tối nhưng anh vẫn trông rõ bộ mặt trắng bợt của tên tubốp đứng cao vọt bên trên, anh và bóng những người khác trên mặt đất cạnh đấy, cùng số phận như anh. Tên tubốp chìa ra một khúc thịt cho anh cắn một miếng. Anh ngoặt đầu sang bên và mím chặt hàm lại. Rít lên giận dữ, tên tubốp nắm lấy cổ họng anh và cố bắt anh há miệng. Thấy Kunta vẫn ngậm chặt miệng, tên tubốp rụt nắm tay lại và thoi mạnh vào mặt anh.

Kunta được để yên cho đến hết đêm. Rạng sáng, anh bắt đầu nhìn rõ hình thù, những người bị bắt khác, trói ở những thân tre khác, tất cả có mười một người – sáu nam, ba nữ và hai trẻ con – do những tên hắc gian và tubốp vũ trang canh gác chặt chẽ. Các cô gái bị lột trần truồng; Kunta chỉ có thể đưa mắt về hướng khác; trước nay, anh chưa bao giờ trông thấy một phụ nữ khỏa thân. Tốp đàn ông, cũng trần truồng, ngồi im lặng hằm hằm, nỗi căm thù đầy sát khí hằn trên nét mặt, máu khô bết lại ở những vết roi cứa. Nhưng các cô gái thì kêu than, một cô hờ những người thân yêu chết trong một làng bị đốt phá, cô kêu khóc thảm thiết, vòng tay ôm một đứa bé tưởng tượng, chao qua chao lại, âu yếm nói nựng, và cô thứ ba chốc chốc lại thét lên là mình đang đi đến chầu chúa Ala.

Uất hận điên cuồng, Kunta nhào tới nhào lui, cố giựt đứt dây trói. Một nhát dùi cui nặng nề đánh anh bất tỉnh. Khi tỉnh dậy, anh thấy mình cũng bị lột truồng, thấy tất cả đều bị cạo trọc đầu và mình mẩy xoa đầy dầu cọ đỏ. Vào khoảng giữa trưa, hai tên tubốp khác tiến vào khu rừng cây. Bọn hắc gian lúc này nhăn nhở cười, nhanh chóng cởi trói cho các tù nhân khỏi những thân tre và quát họ đứng thành hàng. Các bắp thịt của Kunta cộn lên vì cuồng giận và sợ hãi. Một tên trong hai tên tubốp mới tới lùn tè, béo tròn và tóc bạc. Tên kia cao vọt lên bên hắn, lênh khênh, đồ sộ và quàu quạu, mặt chằng chịt những vết sẹo sâu do dao chém, song chính tên tóc bạc mới là kẻ khiến bọn hắc gian cùng những tên tubốp phải cười nịnh và gần như phủ phục trước hắn.

Nhìn suốt lượt, tên tóc bạc ra hiệu cho Kunta bước lên phía trước; và, khiếp đảm loạng choạng lùi về đằng sau, Kunta thét lên khi một ngọn roi xiết ngang lưng anh. Một tên hắc gian từ phía sau vật anh quỳ gối xuống, bẻ ngoặt đầu anh ra sau. Tên tubốp tóc bạc thản nhiên vạch đôi môi run rẩy của Kunta ra và xem xét răng anh. Kunta định vùng dậy, nhưng sau một nhát roi nữa, anh đứng lên theo lệnh chúng, người run lập cập trong khi tên tubốp đưa ngón tay khảo sát mắt, ngực và bụng anh. Khi những ngón tay nắm lấy fôtô Kunta, anh lạng người sang bên với một tiếng kêu tắc nghẹn. Lại phải hai tên hắc gian và thêm những nhát quật nữa để bắt Kunta cúi xuống gần như gập đôi người, và anh ghê sợ cảm thấy đôi mông mình bị banh rộng ra. Rồi tên tubốp tóc bạc gạt rúi Kunta sang bên một cách thô bạo và cũng tương tự như trên, hắn kiểm tra từng người một, kể cả các bộ phận kín của các cô gái đang rền rĩ. Sau đó, dưới làn roi và theo những tiếng thét lác ra lệnh, tất cả, đám tù nhân bị xua chạy vòng tròn trong khu rào, rồi nhảy lên nhảy xuống trong tư thế ngồi xổm.

Sau khi xem xét mọi người, tên tubốp tóc bạc và tên to lớn mặt đầy sẹo tách xa ra một quãng và thì thầm bàn nhanh với nhau. Bước trở lại, tên tóc bạc vẫy một tên tubốp khác, trỏ bốn người đàn ông, trong đó có Kunta và hai cô gái. Tên tubốp kia vẻ sửng sốt, hắn chỉ những người khác một cách cầu khẩn. Nhưng tên tóc bạc cương quyết lắc đầu. Kunta ngồi kéo căng dây trói, đầu như muốn nổ tung vì giận dữ trong khi bọn tubốp bàn cãi sôi nổi. Sau một lát, tên tóc bạc, vẻ kinh tởm, viết cái gì đó trên một mảnh giấy mà bọn tubốp kia đành phải nhận một cách bực bội.

Kunta tức giận giãy giụa, gào thét khi bọn hắc gian lại một lần nữa túm lấy anh, dằn anh ngồi trong tư thế khom lưng. Mắt giương to khiếp hãi, anh theo dõi một tên tubốp rút từ trong đống lửa ra một thanh sắt dài, mảnh, mà tên tóc bạc đã mang đến. Kunta vùng vẫy và thét rầm lên khi thanh sắt bục toang một vùng đau giữa hai vai anh. Khu rừng tre lần lượt vang lên tiếng la thét của những người khác. Rồi dầu cọ đỏ được xoa lên cái hình LL kỳ quái mà Kunta trông thấy trên lưng họ.

Trong giờ đó, họ tập tễnh đi thành một hàng, trong tiếng xiềng loảng xoảng, với những ngọn roi của bọn hắc gian sẵn sàng giáng xuống bất kỳ người nào thụt lại hay vấp ngã. Tận đêm khuya, khi tới chỗ hai chiếc xuồng giấu dưới

rặng xú dày, vươn ra mặt sông, thì lưng và vai Kunta đã chằng chịt những vết roi tướp máu. Đám người chia làm hai nhóm, bọn hắc gian chèo xuồng chở họ xuyên qua đêm tối, còn bọn tubốp hơi thấy dấu hiệu giãy giụa nào là quật tới tấp.

Khi Kunta trông thấy một khối đen to lù lù trước mặt trong đêm, anh cảm thấy đây là cơ hội cuối cùng của mình. Bật dậy và bổ nhào giữa những tiếng quát tháo la thét xung quanh, anh vùng vẫy định nhảy xuống nước, làm con xuồng suýt nữa úp xấp, song anh bị trói liền với những người khác nên không thể vượt qua nổi mép thuyền. Anh hầu như không cảm thấy những nhát roi và dùi cui quật vào mạng sườn, lưng, bụng, đầu mặt – trong khi xuồng va mạnh vào sườn cái vật đen xì đồ sộ nọ. Qua cơn đau, anh cảm thấy máu âm ấm chảy ràn xuống mặt và nghe thấy nhiều tên tubốp kêu xí xố ở mé trên. Rồi thừng quấn từng vòng quanh anh khiến anh bất lực không chống cự nổi. Sau khi bị dồn thúc nửa kéo nửa đẩy lên một thứ thang dây kỳ lạ, anh còn đủ sức vặn người vùng vẫy điên cuồng tìm cách tháo thân một lần nữa; roi lại giáng xuống, nhưng bàn tay lại túm lấy anh giữa một mùi tubốp nồng nặc, giữa tiếng phụ nữ tru tréo và tiếng chửi rủa om xòm của bọn tubốp.

Qua mí mắt sưng vù, Kunta trông thấy một rừng cẳng chân, bàn chân khắp bốn xung quanh và, vừa ngước lên nhìn, vừa ráng đưa cánh tay trên che bọ mặt đầm đìa máu, anh trông thấy tên tubốp béo lùn tóc bạc đang đứng thản nhiên cầm một mẩu bút chì đánh dấu vào một quyển sổ. Rồi anh cảm thấy mình bị kéo thốc đứng lên và đẩy rúi rụi qua một quãng thẳng. Anh thoáng thấy những cây cột cao với những tấm buồm bằng vải trắng thô dày. Thế rồi chúng dẫn anh loạng choạng, yếu ớt lần xuống những bậc cầu thang hẹp, tới một chỗ tối đen như mực; cùng một lúc, một mùi hôi thối không thể tưởng tượng được xộc vào mũi anh và những tiếng kêu não nùng đau đớn ập đến tai anh.

Kunta bắt đầu nôn mửa khi tên tubốp còng cổ tay, cổ chân anh, rồi đẩy anh về phía sau, ép giữa hai người đàn ông khác đang rên rẩm. Ngay cả trong cơn khủng khiếp, anh vẫn cảm thấy những ánh đèn lập lòe ở các hướng khác, có nghĩa là bọn tubốp đang dẫn những người cùng bị bắt với anh đem cùm ở chỗ khác. Rồi anh cảm thấy những ý nghĩ của mình truội đi, anh đồ rằng mình đang mơ. Và thế rồi, may sao, anh đâm mơ thật.

Chương 35

Chỉ bằng vào tiếng lạo xạo mở cửa hầm tàu, Kunta mới biết là ngày hay đêm. Nghe tiếng then cửa lách cách là anh ngóc đầu lên – động tác tự do duy nhất mà xiềng xích cùm trói anh cho phép – và bốn cái bóng tubốp đi xuống, hai tên cầm đèn lập lòe và roi bảo vệ hai tên kia đẩy một chậu thức ăn dọc theo lối đi hẹp. Chúng ấn những chiếc xoong thiếc đựng thức ăn lên trên đống nhớp bẩn giữa mỗi cặp bạn cùm. Cho đến nay, mỗi lúc thức ăn đến, Kunta đều cắn chặt hàm lại, thà nhịn đói đến chết còn hơn; cho tới khi nỗi cồn cào trong cái dạ dày lép kẹp của anh bắt đầu làm cho cơn đói trở nên ghê gớm hầu như không kém những đau đơn do bị đánh đập. Khi những người cùng dãy với anh đã được cho ăn, những ánh đèn cho thấy bọn tubốp tiếp tục đi xuống nữa với số thức ăn còn lại.

Thưa thớt hơn những lần cho ăn, và thường thường vào những lúc đêm đã xuống ở bên ngoài, bọn tubốp thỉnh thoảng lại đưa xuống hầm một số tù nhân mới, những người này khiếp sợ la thét và khóc thút thít khi bị roi quất, lùa tới bất kỳ chỗ nào có thể xiềng họ vào những khoảng trống dọc theo những dãy ván gỗ cứng.

Một hôm, sau giờ ăn một chút, Kunta nghe thấy một tiếng động kỳ lạ, âm âm, dường như rung chuyển cả trần trên đầu anh. Một số người khác cũng nghe thấy và ngừng bặt không rên rẩm nữa. Kunta nằm chăm chú lắng nghe; tựa hồ có bao nhiêu bàn chân đang chạy tới chạy lui trên đầu vậy. Thế rồi – nghe trong bóng tối, càng gần gấp bội – vẳng tới một tiếng động mới, như của một vật gì rất nặng đang được kẽo kẹt kéo lên rất từ từ.

Tấm lưng trần của Kunta cảm thấy một rung động kỳ lạ từ tấm ván cứng, gồ ghề anh nằm. Anh cảm thấy trong ngực mình có cái gì thắt lại, phình ra và anh nằm cứng sững, lạnh toát người. Anh nghe thấy những tiếng sầm sầm, biết đó là những người đang chồn lên kéo căng xích. Anh có cảm giác như tất cả máu mình dồn cả lên đầu đang đập thình thịch. Và thế rồi, nỗi kinh hoàng quấn chặt lấy lục phủ ngũ tạng khi anh mang máng cảm thấy như cái chỗ này đang di động, mang họ đi. Khắp bốn xung quanh, người ta bắt đầu rống lên, thét lên cầu cứu Chúa Ala và anh linh của Người, rập đầu vào ván sàn, điên chồng vung còng kêu loảng xoảng. "Lạy Chúa Ala, hằng ngày con sẽ cầu nguyện Người không kém năm lần!" Kunta gào thét trong cơn náo loạn, "Xin hãy nghe con, hãy cứu giúp con!"

Những tiếng kêu khóc, cầu nguyện não nề tiếp tục và chỉ dịu đi khi từng người một, kiệt sức, theo nhau lả đi và gục xuống hổn hển lấy hơi trong bóng tối hôi tanh nồng nặc. Kunta biết rằng thế là mình sẽ không bao giờ được thấy lại Châu Phi nữa. Giờ đây, qua cả thân mình áp xuống ván nằm, anh có thể cảm thấy rõ ràng một chuyển động chầm chậm, lắc lư, đôi khi đủ để khiến vai hoặc cánh tay hoặc hông anh thoáng chạm vào thân thể nóng ấm của một trong hai người bị xiềng chung bên cạnh. Anh đã gào đến mất cả giọng, cho nên lúc này chỉ còn tiếng thét của tâm trí: "Tiêu diệt bọn tubốp – và những tên da đen phản bội tay sai!"

Anh đang âm thầm nức nở thì cửa hầm mở và bốn tên tubốp lục cục khiêng thùng thức ăn xuống. Một lần nữa, anh lại mím chặt hàm chống lại những co thắt cồn cào của cơn đói, nhưng rồi anh nghĩ tới nghĩ tới một điều kingtangô đã từng nói – là các chiến binh và thợ săn phải ăn tốt để có sức mạnh hơn người. Tuyệt thực có nghĩa là để cho sự suy nhược ngăn trở mình không giết được bọn tubốp cho nên lần này, khi chiếc xoong được ấn lên ván gỗ giữa anh và người nằm cạnh, Kunta cũng xục ngón tay vào chất cháo đặc sệt nọ. Vị nó như ngô nấu với dầu cọ vậy. Mỗi miếng nuốt ực đều làm cổ họng anh đau nhói ở chỗ bị bóp nghẹn những lần trước vì tội không chịu ăn, song anh cứ nuốt cho đến khi cái xoong sạch trơn, Anh có thể cảm thấy thức ăn vón thành một cục trong bụng và phút chốc, nó dâng lên tận cổ họng. Anh không hãm nó lại được và lát sau, bao nhiêu cháo lại ộc ra ván nằm. Qua tiếng nôn ọe của chính mình, anh nghe thấy nhiều người khác cũng thế.

Khi ánh đèn tới gần cuối dãy ván dài ở tầng Kunta nằm, bỗng nhiên anh nghe tiếng xiềng loảng xoảng, tiếng một cái đầu cụng vào gỗ, rồi một người tru tréo điên cuồng bằng một thứ ngôn ngữ kỳ lạ pha trộn tiếng Manđinka vớ một số chữ nghe như tiếng tubốp vậy. Bọn tubốp khiêng thùng thức ăn phá lên cười ầm ĩ, rồi những chiếc roi của chúng vun vút giáng xuống cho đến khi những tiếng kêu của gã đàn ông nọ bặt dần thành tiếng lắp bắp và thút thít. Có thể nào lại như thế? Phải chăng anh đã nghe thấy một người châu Phi nói tiếng tubốp? Phải chăng ngay giữa bọn họ ở dưới này cũng có hắc gian? Kunta đã từng nghe nói là bọn tubốp thường hay lật lọng với lũ phản bội da đen giúp việc chúng và quẳng lũ này vào cảnh xiềng trói.

Sau khi bọn tubốp tiếp tục xuống tầng dưới, hầu như không nghe thấy tiếng động nào ở tầng Kunta cho đến khi chúng lại xuất hiện với chiếc thùng rỗng và leo ra ngoài hầm, đóng cửa lại. Lúc đó, một làn sóng phẫn nộ bắt đầu lao xao lên bằng nhiều thứ tiếng khác nhau, như ong kéo bầy. Rồi cuối dãy ván Kunta nằm, có một tiếng xích loảng

xoảng nặng nề quật xuống, một tiếng rống đau đớn và tiếng nguyền rủa cay độc vẫn bằng cái giọng Manđinka đầy kích động kia. Kunta nghe thấy gã nọ tru tréo lên: "Các người tưởng ta là tubốp chăng?". Lại có những cú đánh mạnh hơn, nhanh hơn và những tiếng la tuyệt vọng. Rồi đòn đánh dừng lại và trong bóng tối của hầm tàu vẳng lên một tiếng thất thanh – rồi một tiếng ằng ặc ghê sợ, như của một người bị bóp cổ. Một tiếng xích loảng xoảng tiếng gót chân giãy giụa đập xuống ván sàn, rồi im lặng.

Đầu Kunta thình thịch và tim anh đập như trống làng khi các giọng nói xung quanh bắt đầu gào lên: "Hắc gian! Bọn hắc gian phải chết? Rồi Kunta đang gào theo họ và hòa nhịp lắc xiềng loảng xoảng như điên – thì đột nhiên cửa hầm lạo xạo mở ra, tuôn xuống luồng ánh sáng ban ngày cùng với một nhóm tubốp cầm đèn và roi. Hiển nhiên là chúng đã nghe thấy sự náo động ở bên dưới và mặc dù lúc này căn hầm đã hầu như hoàn toàn im ắng, bọn tubốp vẫn đổ xô theo những lối đi hẹp, quát tháo và vung roi quật trái quật phải tới tấp. Khi chúng bỏ đi không phát hiện ra kẻ bị chết, căn hầm tiếp tục im lặng một hồi lâu. Rồi rất khẽ khàng, Kunta nghe thấy một tiếng cười rầu rĩ từ cuối dãy ván, cạnh chỗ tên phản bội nằm chết thẳng cẳng.

Bữa ăn sau là một đợt căng thẳng, như cảm thấy có gì không ổn, bọn tubốp quật roi luôn tay, ráo riết hơn thường lệ. Kunta giật thót và kêu lên khi một nhát roi vút ngang hai chân đau như cứa. Anh đã có kinh nghiệm là khi một người bị đánh mà không kêu, anh ta sẽ ăn đòn dữ hơn, kỳ đến lúc kêu lên mới thôi. Rồi Kunta bốc và nuốt ực thứ cháo vô vị trong khi đưa mắt nhìn theo ánh đèn tiếp tục di chuyển xuống cuối dãy.

Mọi người trong hầm đều lắng tai khi một tên tubốp kêu lên một cái gì với những tên kia. Người ta thấy ánh đèn chiếu lia lịa, rồi lại ô! a! và chửi rủa, rồi một tên trong bọn chạy bổ lên qua cửa hầm, phút chốc trở lại cùng với hai tên nữa. Kunta có thể nghe thấy tiếng mở khóa xiềng và còng sắt. Sau đó, hai tên tubốp nửa khiêng nửa kéo lết cái xác chết dọc theo lối đi và lên cửa hầm trong khi bọn kia tiếp tục khiêng lục cục thùng thức ăn theo các ngách hầm tàu.

Tốp mang thức ăn đang ở tầng dưới thì bốn tên tubốp nữa chui qua cửa hầm trèo xuống và đi thẳng đến chỗ tên hắc gian đã bị xiềng. Kunta ngoẹo đầu nhìn chúng giơ cao đèn. Hai tên trong bọn tay đánh, miệng chửi rủa tàn tệ, tiếng roi quất xuống da thịt kêu veo véo. Người bị đánh, mới đầu không chịu kêu la, chỉ nghe tiếng roi đòn như vũ bão cũng khiến Kunta gần như tê điếng, anh có thể nghe thấy người bị đánh quằn quại giật giẹo dây xiềng trong cơn đau đớn nhục hình – và trong quyết tâm một mực không chịu kêu.

Rồi bọn tubốp nguyền rủa càng dữ, gần như rít lên và người ta thấy đèn chuyển qua tay khác khi tên nọ thay phiên tên kia quật roi. Cuối cùng người bị đánh bắt đầu kêu – mới đầu là một câu chửi thề của người Fula, rồi đến những điều nghe không hiểu ra sao mặc dầu cũng bằng tiếng Fula. Kunta vụt nghĩ đến những con người trầm lặng, dịu dàng thuộc bộ lạc Fula vẫn thường chăn gia súc cho người Manđinka – trong khi những tiếng roi quất vẫn tiếp tục cho đến khi người bị đánh hầu như không còn sức mà rên nữa. Rồi bốn tên tubốp bỏ đi, vừa chửi bới vừa sặc sụa và nôn khan trong mùi hôi thối nồng nặc.

Tiếng rên của người Fula nọ run rẩy qua căn hầm tối đen. Rồi một lát sau, một giọng nói rành rọt cất lên bằng tiếng Manđinka: "Hãy chia sẻ nỗi đau của anh ta. Ở nơi đây, chúng ta phải coi nhau như người cùng một làng". Đó là tiếng của một bậc cao niên. Ông nói đúng. Nỗi đau của người Fula này cũng là nỗi đau của chính Kunta. Anh cảm thấy như mình sắp nổ tung vì uất giận. Một cách nào đó không xác định nổi, anh cũng cảm thấy một nỗi kinh hoàng chưa từng thấy, dường như phát ra từ xương tủy mình. Một phần con người anh muốn chết quách đi để thoát khỏi mọi nông nỗi này, nhưng không, anh phải sống để trả thù. Anh tự cưỡng bách mình nằm im, hoàn toàn bất động. Phải mất một hồi lâu mới làm được điều đó, song cuối cùng, anh cảm thấy sự căng thẳng và bối rối trong anh, thậm chí cả những đau đớn thể xác, dịu dần - trừ cái chỗ giữa hai vai bị thanh sắt nung đỏ dí vào. Anh thấy giờ đây trí mình có thể tập trung tốt hơn vào sự lựa chọn duy nhất đặt ra trước mắt anh và những người cùng cảnh ngộ: hoặc là tất cả đều chết ở cái chốn ác mộng này, hoặc là phải thắng và tiêu diệt bọn tubốp bằng cách nào đó.

Chương 36

Muỗi đốt nhoi nhói, rồi rận cắn ngứa ran người, mỗi lúc một thêm tệ hại. Trong nhơ nhớp, rận cũng như bọ chét nhân bội lên hàng nghìn cho tới khi nhung nhúc khắp hầm tàu. Ác nhất là ở những kẻ nào trên thân thể có chút lông, tóc. Hai bên nách Kunta và quanh fôtô cứ như là lửa đốt, và bàn tay còn tự do của anh gãi lia lịa khắp những chỗ bàn tay bị cùm không với tới được.

Anh vẫn nghĩ tới chuyện vùng dậy chạy trốn, nhưng rồi, một lát sau, mắt đầy những giọt lệ ấm ức thất vọng và uất hận trào dâng, anh lại phải cố dằn lòng cho đến khi cảm thấy bình tĩnh lại phần nào. Điều tệ hại nhất là anh không thể xê dịch đi đâu được, anh cảm thấy muốn cắn vào những xiềng xích trói buộc mình. Anh quyết định là phải tập trung vào một cái gì, vào bất cứ cái gì để làm bận óc hoặc bận tay, kẻo đến phát điên lên mất - như một số người khác trong hầm tàu đã bị thế, cứ bằng vào những điều họ gào lên thì đủ rõ.

Do cứ nằm yên không động đậy, lắng nghe tiếng thở của những người ở hai bên, từ lâu Kunta đã có thể đoán biết đích xác người nào trong bọn họ đã ngủ hay còn thức. Bây giờ anh tập trung vào nghe xa hơn nữa. Cứ tập mỗi lúc một quen, qua việc chăm chú lắng nghe những tiếng lặp đi lặp lại, anh thấy ra rằng, sau một thời gian, tai mình có thể phân định gần như chính xác vị trí của từng tiếng, đó là một cảm giác khác thường, hồ như dùng tai thay mắt vậy. Thi thoảng, giữa những tiếng rên rẩm và nguyền rủa tràn ngập đêm tối, anh nghe thấy một người nào nện đầu đánh thình xuống ván gỗ nơi anh ta nằm. Và lại có tiếng động khác kỳ lạ và đơn điệu. Âm thanh đó ngắt quãng từng đợt, rồi lát sau lại tiếp tục, nghe như hai miếng kim khí cọ thật mạnh vào nhau và sau khi nghe kỹ thêm, Kunta hình dung là một người nào đó đang cố mài những mắt xích cho rời ra. Kunta cũng thường nghe thấy những tiếng kêu cộc lốc và xích sắt xủng xoẻng va nhau mỗi khi có hai người vung cùm choảng vào cổ chân, cổ tay nhau.

Kunta đã mất mọi ý niệm về thời gian. Cứt đái, nôn mửa nồng nặc khắp bốn xung quanh, loang ra thành một lớp nhão nhoét trơn bóng phủ trên những tấm ván dài cứng lát chỗ nằm. Đúng vào lúc anh nghĩ mình không đủ sức chịu đựng thêm nữa thì tám tên tubốp từ trên cửa hầm tàu đi xuống, miệng chửi rủa nhặng xị. Thay vì cái thùng đựng đồ ăn thường lệ, chúng mang những thứ tựa như một loại xẻng cán dài và bốn cái chậu lớn. Và Kunta kinh ngạc nhận thấy chúng không mặc quần áo chi cả.

Những tên tubốp trần truồng này, hầu như ngay lập tức bắt đầu nôn ọe dữ hơn mọi tên khác đã xuống hầm tàu trước đây. Trong ánh đèn bấm, từng tốp hai tên một gần như nhảy chồm chồm dọc các lối đi, thọc xẻng lên những ván nằm và cào bớt một phần cái đám bầy nhầy vào những chiếc chậu. Cứ đầy chậu bọn tubốp lại kéo lết dọc lối đi ì ạch khiêng lên, va cả vào các bậc thang, đưa qua cửa hầm tàu mở rộng để đổ ra ngoài, rồi lại quay trở xuống. Lúc này bọn tubốp càng nôn khan tợn, mặt mày rúm ró nom đến tức cười; và thân hình lông lá, trắng hếu của chúng lấm tấm đầy những cục bẩn mà chúng đang cạo đi từ ván nằm. Song khi chúng hoàn thành công việc và bỏ đi, mùi hôi thối phát ngột, ngạt thở, kinh khủng vẫn chẳng hề thay đổi mảy may.
Lần sau, bọn tubốp xuống đông hơn con số bốn tên thường mang thức ăn. Kunta đổ chừng hẳn phải có tới hai mươi tên túm tụm trên các bậc thang. Anh nằm thượt ra, người lạnh toát. Ngảnh đầu sang hai bên, anh đều thấy những tốp nhỏ tubốp đứng trấn quanh hầm tàu, một số mang roi và súng bảo vệ những tên khác cầm đèn bấm huơ lên ở hai đầy mỗi dãy người bị xiềng. Một nỗi sợ thắt nút lại lớn dần trong bụng Kunta khi anh nghe thấy những tiếng lách cách lạ tai rồi những âm loảng xoảng nặng nề. Rồi cổ chân phải bị cùm của anh bắt đầu giật giật; với một lóe chớp kinh hoàng, anh nhận ra rằng bọn tubốp đang tháo xích cho mình. Tại sao? Có điều gì ghê gớm sắp xảy ra đây? Anh nằm yên, cổ chân phải không còn cảm thấy trọng lượng quen thuộc của dây xiềng, tai nghe thấy khắp hầm tàu tiếp tục vang lên những tiếng lách cách khác và tiếng xích sắt bị kéo lên loảng xoảng. Thế rồi bọn tubốp bắt đầu gầm thét và quất roi vun vút. Kunta biết như vậy có nghĩa là bọn anh phải xuống khỏi ván nằm. Tiếng kêu hoảng loạn của anh hòa vào một hỗn tấu cuồng loạn, bất thần của những la thét bằng nhiều thứ tiếng khác nhau khi đám tù nhân nhổm người giật lùi lại, đầu vào những xà gỗ trên trần.

Roi quất xuống giữa những la thét đau đớn trong khi từng cặp tù nhân nối nhau nhảy sầm sầm xuống lối đi giữa các dãy ván nằm. Kunta và anh bạn bị cùm chung người Uôlôf nép vào nhau, quằn quại dưới những roi đòn vụt lui vụt tới. Rồi những bàn tay thô bạo tóm lấy cổ chân họ kéo qua lớp cặn bẩn lầy nhầy trên ván nằm, xô xuống cái mớ bùng nhùng những tù nhân khác mắc vào nhau giữa lối đi, tất cả đều rống lên dưới làn roi của bọn tubốp. Vặn mình và oằn oại một cách vô hiệu để tránh đòn, Kunta thoáng thấy những bóng người chuyển động trên nền sáng của cửa hầm để ngỏ. Bọn tubốp đang kéo những tù nhân đứng dậy - hết cặp này đến cặp khác - rồi vừa đánh vừa đẩy họ loạng choạng trong bóng tối về phía cầu thang cửa hầm. Lảo đảo bên người bạn cùm Uôlôf, Kunta cảm thấy như

chân mình không còn dính vào cơ thể nữa; trần truồng, mình bê bết cặn bẩn, anh cầu trời khấn phật phù hộ cho mình khỏi bị ăn thịt.

Tia sáng đầu tiên giữa thanh thiên bạch nhật sau gần mười lăm ngày dưới hầm tối, như một nhát búa bổ mạnh vào khoảng giữa hai mắt Kunta. Anh chệnh choạng, đau nhói như nổ con ngươi và vung bàn tay không bị cùm lên che mắt. Đôi chân trần cho anh biết là mình đang bước trên một cái gì lắc lư nhè nhẹ từ bên này qua bên kia. Anh quờ quạng tiến lên như người mù, mắt tuy nhắm nghiền, lại lấy tay bịt chặt, vẫn lọt chút ánh sáng cay xè. Cố gắng một cách vô hiệu để thở qua hay lỗ mũi bị rỉ vít chặt, anh há hốc đôi môi nứt nẻ, hớp thật sâu một hụm không khí biển - hớp không khí biển đầu tiên trong đời anh. Hơi biển ngồn ngộn sinh khí, sạch trong làm phổi anh co giật và anh đổ rụi xuống boong tàu, nôn thốc tháo bên cạnh người bạn cùm. Khắp xung quanh, nghe thấy tiếng nôn mửa tiếp tục, tiếng xích lanh canh, tiếng roi quất vào da thịt, tiếng la thét đau đớn giữa hàng tràng quát tháo, chửi rủa của bọn tubốp cùng những tiếng phần phật kỳ lạ trên đầu.

Khi một ngọn roi nữa xé ngang lưng anh, Kunta quất người né sang bên, tai nghe thấy người bạn Uôlôf hộc lên sau nhát quất trúng mình. Làn roi tiếp tục rứt da rứt thịt cả hai cho đến lúc họ cố chệnh choạng đứng được dậy. Anh ti hí mắt nhìn xem liệu chừng có thể tránh đòn được phần nào chăng, nhưng đầu anh lại nhói buốt lên những lo sợ khi kẻ tra tấn đẩy rúi rụi bọn anh xô về một phía, ở đó Kunta lờ mờ thấy bóng những tên tubốp khác đang xâu một chuỗi dây xích dài qua những còng ngoạm quanh cổ chân mỗi người. Thì ra trong bóng tối dưới hầm tàu, bọn chúng đông hơn anh tưởng - đông hơn mọi lần trước nhiều, chưa bao giờ bọn tubốp xuống đó lắm đến thế. Dưới ánh nắng rực rỡ, nom chúng càng trắng trợt hơn, gớm ghiếc hơn, mắt hõm sâu những hốc của tật bệnh tóc dài lạ kỳ màu vàng hoặc đen hoặc đỏ, một số tên còn có lông ở quanh mồm và dưới cằm nữa. Tên thì xương xẩu, tên thì béo mập, lại có những tên mang những vết sẹo xấu xí, do dao chém, hoặc mất một tay, một chân hoặc một mắt nhiều tên lưng chằng chịt những vết sẹo sâu. Kunta thấy một số tên trong bọn này chỉ có lưa thưa mấy cái răng khiến anh vụt nhớ lại lúc răng mình bị xét, đếm kỹ lưỡng như thế nào.

Nhiều tên đứng cách quãng dọc theo lan can tàu, tay cầm roi, dao dài hoặc một loại gậy nặng bằng kim khí có một lỗ nhỏ ở đầu, và đằng sau chúng là một cảnh tượng kỳ diệu không thể tưởng tượng được đối với Kunta: nước xanh lăn tăn trải ra bất tận. Anh gật đầu nhìn lên phía những tiếng phần phật trên đầu và nhận thấy chúng phát ra từ những tấm vải trắng khổng lồ phất phới giữa những cây cột to tướng cùng với nhiều dây dợ, những tấm vải dường như đầy ắp gió. Ngảnh đầu nhìn quanh Kunta thấy một hàng rào tre cao hơn đầu người dăng suốt chiều ngang của con tàu lớn. Chính giữa hàng rào, lộ ra cái miệng há đen ngòm của một vật đồ sộ bằng kim khí nom gớm chết với một ống rỗng, dài, thành dầy và những đầu gậy kim khí giống như những gậy bọn tubốp cầm ở dọc lan can. Cả cái vật kếch sù kia lẫn những cây gậy đều chĩa về phía Kunta cùng các tù nhân khác bị tập trung.

Nhân lúc những còng cổ chân đang được nối vào sợi dây xích mới, Kunta có dịp nhìn kỹ người bạn cùm Uôlôf lần đầu. Cũng giống như Kunta, người bác ta bê bết cặn bẩn từ đầu đến chân. Xem chừng bác ta trạc tuổi Ômôrô, cha Kunta, mặt có những nét cổ truyền của bộ lạc Uôlôf và da rất đen. Lưng bác rỉ máu từ những vệt roi cứa và mủ ứa ra từ một dấu dùi nung hình chữ LL giữa hai bả vai. Vì cả hai cùng dõi mắt vào nhau, Kunta nhận ra rằng người Uôlôf đang trừng trừng nhìn mình cũng với vẻ kinh ngạc như thế. Giữa sự náo động, họ có thì giờ nhìn kỹ cả những tù nhân trần truồng khác, hầu hết đầu khiếp hãi lắp bắp không ra tiếng. Bằng vào những đặc điểm diện mạo khác nhau, những hình xăm riêng của từng bộ tộc và những dấu rạch trên da, Kunta có thể nhận ra một số là người Fula, người Jôla, người Xêrer và người Uôlôf như người bạn cùm của anh, nhưng đa số là người Manđinka - còn một số người khác, anh không biết chắc lắm. Kunta phấn khởi trông thấy người mà anh dám chắc là đã giết chết tên hắc gian. Đích thị anh ta là người Fula, khắp mình anh bê bết máu do trận đòn bữa trước.

Phút chốc, họ bị vụt túi bụi và dồn về chỗ có một dãy mười tù nhân khác đang bị tưới đẫm những xô nước biển múc từ mạn tàu lên. Rồi những tên tubốp khác cầm những chổi cán dài cọ người các tù nhân đang rống lên. Kunta cũng la khi luồng nước mặn xói vào người rát buốt như lửa đốt ở những vết roi cứa tướp máu và chỗ dùi nung trên lưng. Anh càng gào to hơn khi những rễ chổi cứng không những làm bong và cạo đi một phần cáu bẩn đóng bánh trên mình, mà còn làm toác những vết roi đã đóng vảy ra nữa. Anh trông thấy nước chảy ngầu bọt hồng hồng dưới chân bọn họ. Rồi họ bị lùa trở lại giữa boong tàu để rồi bị quẳng rúi rụi vào nhau. Kunta ngẩn tò te nhìn những tên tubốp đánh đu như khỉ trên những cây cột, kéo đám dây dợ chằng chịt giữa những tấm vải trắng lớn. Ngay cả giữa lúc bị chấn động như vậy, Kunta vẫn khoan khoái tận hưởng hơi nóng của mặt trời, lòng rộn lên một cảm giác nhẹ nhõm khôn xiết tả vì trút bỏ được một phần nhớp bẩn trên da thịt.

Một hợp xướng đột ngột những la hét khiến đám đàn ông bị xiềng ngẩng phắt lên. Khoảng hai mươi tù nữ, phần lớn ở tuổi vị thành niên, và bốn đứa bé, tất cả trần truồng không bị xiềng, từ sau hàng rào chạy ùa tới, theo sau là hai tên tubốp cầm roi nhăn nhở cười. Kunta lập tức nhận ra mấy cô gái bị đưa lên tàu cùng với mình - lòng tràn đầy phẫn nộ, anh theo dõi cả đám tubốp đang hấp háy liếc nhìn thân thể lõa lồ của họ, thậm chí một số còn xoa xoa fôtô

nữa. Ráng hết ý lực, anh kiềm được cơn bồng bột thôi thúc anh đâm bổ vào những tên tubốp gần nhất bất chấp vũ khí của chúng. Nắm chặt tay lại, anh cố hít không khí để tiếp tục thở bình thường, quay mắt khỏi đám tù nữ hồn siêu phách lạc.

Rồi một tên tubốp đứng cạnh lan can bắt đầu kéo ra kéo vô giữa đôi tay một vật kỳ lạ có xếp nếp, phát ra một âm thanh vi vút. Một tên khác đánh một chiếc trống châu Phi hòa theo, trong khi tụi kia sắp thành một hàng xộc xệch, đám tù nhân đàn ông, đàn bà, trẻ con trần truồng giương mắt nhìn chúng. Bọn tubốp sắp hàng có một đoạn thừng, mỗi tên quấn một cổ chân vào đó, tựa hồ sợi thừng này là một chuỗi xích giống như chuỗi dùng để xiềng đám tù nhân. Giờ đây, miệng mỉm cười, bọn chúng bắt đầu đồng loạt chồm chồm nhảy những bước ngắn theo nhịp trống và cái vật kêu vi vu như gió kia. Rồi chúng và những tên tubốp mang đầy khí giới ra hiệu cho đám tù nhân đàn ông cùng nhảy theo kiểu đó. Nhưng khi đám người bị xiềng vẫn tiếp tục đứng ngây như phỗng thì bọn tubốp đang cười bỗng trở nên cau có và bắt đầu quật roi lia lịa.

"Nhảy đi!" đột nhiên người phụ nữ lớn tuổi nhất kêu lên bằng tiếng Manđinka. Bà ta trạc tuổi Binta, mẹ Kunta. Vọt ra khỏi hàng, đích thân bà ta bắt đầu nhảy. "Nhảy đi!" bà lại kêu the thé một lần nữa trừng trừng nhìn toán phụ nữ và trẻ con, rồi đám này cũng bắt chước bà. "Nhảy để giết bọn tubốp!" bà rít lên, cặp mắt nhanh nhẹn lóe chớp nhìn đám đàn ông trần truồng, cánh tay và bàn tay xỉa mạnh theo động tác của điệu nhảy chiến binh. Thế rồi khi hiểu thấu ý đồ của bà từng cặp tù nhân nam bị cùm chung bèn nối tiếp nhau bắt đầu loạng quạng, yếu ớt nhảy lên nhảy xuống, dây xiềng va lanh canh vào sàn tàu. Đầu cúi gằm, Kunta nhìn thấy cái mớ chân cẳng hỗn độn nhảy loi choi, cảm thấy chân của chính mình nhũn ra, trong khi hơi thở hổn hển ngắt từng đợt. Rồi người đàn bà cất tiếng hát và đám con gái hòa theo. Âm điệu nghe rộn rã song lời họ hát kể lại chuyện bọn tubốp gớm ghiếc kia đêm đêm lôi mọi chị em tù vào những góc tối của con tàu như thế nào và dùng họ như những con chó. "Tubốp fa!" (tiêu diệt bọn tubốp), họ thét lên, người cười mỉm, kẻ cười lớn thành tiếng. Cánh đàn ông trần truồng đang nhảy cũng hòa theo: "Tubốp fa" cả đến bọn tubốp cũng nhăn răng ra cười, một số tên còn khoái chí vỗ tay bồm bộp.

Nhưng đầu gối Kunta bắt đầu rụn xuống và cổ họng thắt lại khi trông thấy hai tên tubốp tiến lại gần, chính cái tên béo lùn tóc bạc và tên to lớn, quàu quạu, mắt bị dao chém thành sẹo, đã có mặt ở nơi Kunta bị khám xét, đánh đập, bóp cổ và đánh dấu bằng dùi nung đỏ trước khi đưa lên tàu. Thoắt cái, một im lặng đột ngột sập xuống khi những người tù trần truồng khác trông thấy hai tên đó, và chỉ nghe thấy độc có tiếng những tấm vải lớn phần phật trên đầu vì ngay cả đám tubốp còn lại cũng sững người trước mặt chúng.

Cất giọng khàn khàn sủa ra một câu gì đó, tên to lớn gạt đám tubốp kia ra khỏi dãy người bị xiềng. Lủng lẳng ở thắt lưng hắn là một cái vòng lớn gồm những vật thon dài, lấp lánh mà Kunta đã thấy nhiều tên khác dùng để mở những dây xích. Thế rồi tên tóc bạc tiến vào giữa đám người trần truồng, ghé mắt nhìn sát thân thể họ. Chỗ nào thấy vết roi tấy lên tợn, hoặc thấy mủ rỉ ra từ những nốt chuột cắn hay chỗ dùi nung, hắn liền bôi lên một chút mỡ gì đó lấy từ một cái hộp mà tên to lớn chìa ra cho hắn. Hoặc giả chính tên to lớn rảy một thứ bột vàng vàng đựng trong một bình chứa lên các cổ tay, cổ chân đã chuyển sang một màu xám xì tật bệnh và ươn ướt dưới những còng sắt. Khi hai tên tubốp tiến đến gần Kunta, anh lùi lại vì sợ và tức giận, nhưng rồi tên tubốp tóc bạc cứ bôi mỡ lên những chỗ tấy mủ và tên to lớn cứ rảy bột lên cổ chân, cổ tay anh, thậm chí chẳng tên nào tỏ vẻ nhận ra Kunta là ai nữa.

Rồi đột nhiên, giữa những tiếng kêu nổi lên trong đám tubốp, một trong số những cô gái bị đưa lên tàu cùng đợt với Kunta chồm lên man dại giữa những tên khác. Trong khi mấy tên cố túm và lao người rượt bắt, cô gái thét lên băng mình qua lan can tàu và đâm đầu xuống. Trong cuộc đại náo rầm rĩ tiếng quát tháo, tên tubốp tóc bạc và tên to lớn giật lấy những chiếc roi và, vừa chửi rủa tàn tệ, vừa quất vào lưng những tên luýnh quýnh đằng sau để cô gái xổng mất khỏi tay.

Thế rồi những tên tubốp ở bên trên, giữa những tấm vải, bỗng la rầm lên, chỉ xuống biển. Ngảnh lại hướng ấy, đám người trần truồng nhìn thấy cô gái nhấp nhô trên sóng - và cách đó không xa một cặp vây đen xì đang lao vút về phía cô. Rồi vọng tới một tiếng thét nữa - một tiếng thét ớn lạnh cơ hồ làm đông cả máu - rồi một lớp bọt ngầu, một sự quẫy lộn và cô gái bị kéo tuột đi mất tăm, chỉ để lại trên làn nước một vật đỏ ở chỗ vừa nãy còn thấy cô. Lần đầu tiên, không có ngọn roi nào giáng xuống khi đám người bị xiềng, khiếp đảm đến lộn mửa được lùa trở xuống hầm tàu và xích lại nguyên chỗ cũ. Đầu Kunta quay cuồng. Sau khi hưởng không khí tươi mát của đại dương, mùi hôi thối lại càng không chịu nổi và sau ánh ngày, hầm tàu lại càng tối tăm mù mịt hơn. Chẳng mấy chốc, khi một cơn náo động mới dấy lên ở cách đó một quãng, đôi tai đã thành thạo của Kunta hiểu ngay là bọn tubốp đang xua những tù nhân thất kinh ở tầng dưới lên boong.

Một lát sau, anh nghe thấy một tiếng thì thầm nhỏ bên tai phải. "Jula!" Tim Kuta giật đánh thót. Anh biết rất ít tiếng Uôlôf, nhưng biết người Uôlôf và một số bộ tộc khác dùng chữ Jula để chỉ những lữ khách và thương khách thường thường là người Manđinka. Và xoay đầu lại gần người Uôlôf hơn một chút, Kunta thì thào: "Jula, Manđinka". Hồi

lâu, trong khi anh nằm im, tâm trí căng thẳng, người bạn Uôlôf không hé răng đáp lại. Trong đầu Kunta lóe lên ý nghĩ rằng giá anh có thể nói được nhiều thứ tiếng như hai ông bác... song anh lấy làm xấu hổ vì đã đưa các bác đến nơi này, dù chỉ trong ý nghĩ.

"Uôlôf, Jêbu Manga", cuối cùng, người kia thì thào. Và Kunta hiểu đó là tên bác ta.
"Kunta Kintê", anh thầm thì đáp lại.

Thỉnh thoảng trao đổi rì rầm trong nỗi khát khao tuyệt vọng muốn được giao lưu, họ lẩy trí óc nhau, người nọ học tiếng người kia, đây một chữ, kia một chữ. Y như thể học những chữ đầu tiên hồi ấu thơ vậy. Trong một quãng ngắt hai bên cùng im lặng, Kunta nhớ lại một đêm gác ngoài ruộng lạc phòng khỉ đầu chó, đống lửa đằng xa của một mục đồng người Fula đã đem lại cho anh một cảm giác ấm cúng như thế nào và anh đã ước ao có cách gì để trao đổi vài lời với người đó mà anh chưa hề gặp mặt. Dường như lời cầu ước đó giờ đây đang được thực hiện, chỉ khác cái đây là người Uôlôf suốt bao tuần cùng nằm đó, cùm chặt vào nhau, mà không thấy mặt.

Giờ đây Kunta moi từ trí nhớ ra tất cả những từ ngữ Uôlôf mà anh đã từng nghe thấy. Anh biết người bạn Uôlôf cũng đang làm như thế với những từ Manđinka mà bác ta biết nhiều hơn là anh biết tiếng Uôlôf. Trong một đợt im lặng khác nhau giữa hai người, Kunta cảm thấy là người nằm mé bên kia, vốn trước nay không hề thốt ra lấy một tiếng ngoài việc rên rẩm kêu đau, giờ đây đang dỏng tai chăm chú nghe họ trò chuyện. Qua tiếng rì rầm lan dần ra khắp tàu, Kunta nhận ra rằng, một khi đám tù nhân đã thực sự có dịp nhìn thấy nhau trên kia giữa thanh thiên bạch nhật, anh và người bạn cùm không phải là cặp duy nhất hiện đang cố tìm cách giao lưu với nhau. Tiếng rì rầm vẫn tiếp tục lan rộng. Giờ đây, hầm tàu chỉ im lặng khi bọn tubốp mang chậu thức ăn xuống hoặc mang chổi cọ nhớp bẩn trên ván nằm. Và ngay cả cái im lặng những lúc đó cũng mang một tính chất mới: kể từ khi họ bị bắt và bi xiềng, lần đầu tiên giữa những người đàn ông này dường như vừa nảy ra một ý thức cộng đồng.

Chương 37

Lần sau được đưa lên boong, Kunta chủ tâm nhìn kỹ người xếp hàng sau mình, tức là người nằm bên trái anh dưới hầm tàu. Đó là một người thuộc bộ lạc Xêrer, lớn tuổi hơn Kunta nhiều, và toàn thân bác ta, cả đằng trước lẫn đằng sau đều hằn vết roi cứa, nhiều vết sâu và mưng mủ đến nỗi Kunta đâm hối hận vì đôi khi đã ước gì có thể nện cho bác ta một trận trong bóng tối về cái nỗi cứ luôn miệng rền rĩ kêu đau. Chằm chằm nhìn trả lại Kunta, đôi mắt đen của người Xêrer đầy giận dữ và thách thức. Một ngọn roi vút xuống giữa lúc hai người đứng nhìn nhau - lần này nhằm vào Kunta, thúc anh tiến lên. Nhát quất mạnh khiến anh suýt khuỵu đầu gối và làm bùng nổ một cơn điên khùng. Thét đến xé họng như một con thú dữ, Kunta lao tới tên tubốp, chỉ để mất thăng bằng ngã lồm cồm kéo luôn theo cả người bạn cùm, trong khi tên tubốp nhẹ nhàng tránh được cả hai. Mọi người nhốn nháo xung quanh trong khi tên tubốp nheo mắt hằn học, vung roi như một lưỡi dao giáng liên hồi xuống cả Kunta lẫn người Uôlôf. Kunta cố lăn lộn né tránh và bị đá túi bụi vào mạng sườn. Tuy nhiên, anh và người Uôlôf thở hồng hộc vẫn xoay sở lảo đảo đứng được lên, nhập trở lại giữa đám người cùng dẫy ván nằm đang thất thểu bước tới đón những xô nước biển dội vào người.

Lát sau, chất muối mặn sót chà vào những vết thương của Kunta như lửa đốt và cùng với những người khác, anh la lên, trùm lấp tiếng trống và tiếng của cái khí cụ eo éo lại bắt đầu đánh nhịp cho đám người bị xiềng nhảy múa làm trò tiêu khiển cho bọn tubốp. Kiệt sức vì trận đòn mới, Kunta và người Uôlôf vấp ngã hai lần; nhưng những ngọn roi và những cú đá lại thúc họ lóc cóc nhảy lên nhảy xuống, líu ríu trong những dây xiềng. Kunta sôi máu đến nỗi hầu như không nhận ra là toán phụ nữ đang hát "Tubốp fa!" và cuối cùng, bị xích lại chỗ cũ dưới hầm tối, tim anh rộn lên cả một nỗi thèm khát muốn giết lũ tubốp.

Cứ cách mấy ngày, tám tên tubốp trần truồng lại xuống căn hầm tối xú uế một lần để hớt những chậu phân, bã tích lại trên những ván nằm của đám tù nhân bị xiềng. Những lúc ấy, Kunta thường nằm yên, hằn học đưa mắt chăm chăm theo dõi những ánh đèn lập lòe màu da cam, nghe bọn tubốp chửi rủa và đôi khi trượt chân ngã vào đám lày nhày dưới chân - giờ đây càng ngổn ngộn lên vì mọi người mỗi lúc một hay tháo dạ không kiềm chế nổi, đến nỗi cứt đái bắt đầu tong tong rớt từ mép ván nằm xuống lối đi.

Lần lên boong vừa rồi, Kunta nhận thấy một người tập tễnh trên một chân bị nhiễm trùng nặng. Tên trùm tubốp đã bôi thuốc mỡ vào chỗ đau, nhưng không ăn thua, và trong bóng tối của hầm tàu, người đó bắt đầu kêu gào dữ dội. Lần lên boong tiếp theo, anh ta phải có người dìu và Kunta thấy cái chân, trước đó mới chỉ xam xám, giờ đã bắt đầu thối rữa ra và ngay cả ngoài trời thoáng đãng cũng vẫn khắm lặm. Kỳ này, anh ta được giữ lại trên boong trong khi mọi người khác lại bị lùa trở xuống. Mấy ngày sau, đám phụ nữ, qua lời hát kể cho các tù nhân nam rằng chân người kia đã bị cắt cụt và một phụ nữ được đưa đến săn sóc, nhưng anh ta chết ngay trong đêm đó và bị quẳng xuống biển. Từ đó, mỗi lần xuống cọ ván nằm, bọn tubốp còn thả những miếng kim loại nung đỏ vào những xô dấm có độ chua mạnh. Những đám hơi bốc lên khen khét làm cho hầu tàu đỡ hôi thối hơn, song chẳng bao lâu, một không khí ngột ngạt lại bao trùm. Kunta có cảm giác cái mùi ấy sẽ không bao giờ rời khỏi phổi và da thịt mình.

Hễ bọn tubốp đi khỏi là căn hầm lại lao xao lên và tiếng rì rầm trì tục đó cứ loang rộng, tăng cường độ vì sự giao lưu giữa mọi người với nhau mỗi ngày một tiến bộ. Chữ nào không hiểu, họ lại thì thầm từ tai này sang tai nọ cho đến khi một người nào đó biết hơn một thứ tiếng truyền trở lại lời giải nghĩa. Trong quá trình đó, tất cả những người dọc theo mỗi dãy ván đều học được nhiều chữ mới trong những thứ tiếng mà trước kia họ không biết nói. Thi thoảng, có những gã, khoái chí gấp đôi vì chẳng những trò chuyện thông đạt được với nhau mà bọn tubốp lại không hay biết gì, nhún nhảy bật lên va cả đầu vào trần. Cứ thì thào với nhau hàng giờ liền, đám tù nhân phát triển dần một ý thức âm mưu và huynh đệ mỗi lúc một thêm sâu sắc. Mặc dầu khác làng, khác bộ lạc, càng ngày họ càng cảm thấy họ không phải thuộc những dân tộc khác nhau hoặc những địa phương khác nhau.

Bữa sau, khi bọn tubốp đến lùa họ lên boong, đám người bị xiềng bước đi như trong một cuộc diễu hành. Và khi trở xuống hầm, một số người biết nhiều thứ tiếng tìm cách đổi được vị trí trong hàng để được xiềng ở đầu các dãy ván, nhờ đó có thể phiên dịch chuyển tiếp được nhanh hơn. Bọn tubốp không nhận thấy gì cả, và hoặc là chúng không quan tâm, hoặc là chúng không thể phân biệt được ai với ai trong đám người bị xiềng.

Những câu hỏi và trả lời bắt đầu lan đi trong hầm tàu. "Chúng ta đang bị đưa đi đâu thế này?". Một tiếng lào xào chua chát đáp lại "Nào có ai may mắn trở về để nói cho chúng ta hay!" "Bởi vì họ đã bị ăn thịt tất!" Câu hỏi "Chúng ta đã ở đây bao lâu rồi?" dấy lên một loạt phỏng đoán lên dần đến một tuần trăng, cho tới khi nó được

phiên dịch cho một người bị xiềng cạnh một lỗ thông hơi nhỏ nên có thể đếm được những lần trời sáng, anh ta nói đã được mười tám ngày kể từ khi con xuồng lớn rời bến.

Vì bọn tubốp thỉnh thoảng lại đột nhập với những chậu thức ăn hoặc những đồ cạo hót, nên có khi chỉ truyền các lời đáp cho một câu hỏi hoặc một phát ngôn cũng mất cả một ngày. Nhiều người bồn chồn muốn điều tra xem có ai quen không. "Đây có ai ở làng Barakunda không?" một hôm có người hỏi vậy và một lúc sau, từ miệng này sang tai kia truyền lại câu trả lời mừng rỡ: "Có tôi là Jabôn Xala đây!" một hôm Kunta phấn khởi cơ hồ muốn vỡ tim khi người bạn Uôlôf hối hả thì thầm: "Đây có ai là người làng Jufurê không?" "Có, Kunta Kintê!" anh đáp lại hổn hển. Phải mất một giờ sau mới có hồi âm, trong khi đó anh nằm yên, hầu như không dám thở: "Phải, đúng là cái tên ấy. Tôi đã nghe thấy làng anh ta đánh trống báo tin dữ". Kunta òa lên nức nở, trong đầu tràn ngập những hình ảnh cuồn cuộn: nào gia đình anh xúm quanh con gà trống trắng giãy giụa đập cánh rồi ngã ngửa ra chết, nào mõ làng đi loan tin buồn cho mọi người, rồi dân làng đến với Ômôrô, Binta, Lamin, Xuoađu và thằng cu con Mađi, tất cả ngồi xổm quanh nhà, khóc lóc trong khi trống làng nện rõ từng lời từng chữ báo cho bất cứ ai có thể nghe thấy, biết rằng một người con của làng Jufurê tên là Kunta Kintê nay kể như đã vĩnh viễn ra đi.

Người ta bỏ hàng ngày trời bàn bạc tìm lời giải đáp cho câu hỏi: "Làm sao có thể tấn công và tiêu diệt bọn tubốp trên tàu này?" Có ai có vũ khí gì, hoặc biết có gì khả dĩ dùng làm vũ khí không? Không ai có cả. Trên boong tàu, có ai nhận thấy bọn tubốp để lộ sự sơ suất hoặc nhược điểm nào khả dĩ lợi dụng được để mở một cuộc tấn công bất ngờ không? Một lần nữa, câu trả lời lại là không. Tin tức lợi hại nhất được rút ra qua lời hát của tốp phụ nữ trong khi đám tù nam nhảy múa: cùng đi với họ trên chiếc thuyền lớn này, có khoảng ba mươi tên tubốp. Chúng có vẻ đông hơn thế, song các tù nữ có điều kiện để đếm chính xác hơn. Chị em còn cho biết là lúc khởi hành có nhiều hơn, song tám tên đã chết. Chúng được bó vào trong những tấm vải trắng khâu lại và vứt xuống biển trong khi tên trùm tubốp tóc bạc lầm rầm đọc trong một quyển sách gì đó. Chị em cũng hát rằng bọn tubốp hay đánh nhau dữ dội, thường thường là do cãi cọ tranh giành quyền "dùng" chị em trước.

Nhờ những lời hát của chị em, hầu hết những gì xảy ra trên boong tàu đều được nhanh chóng thuật lại cho đám tù nhảy xiềng và sau đó lại được đưa ra bàn bạc dưới hầm tàu. Thế rồi xảy đến một phát triển mới đầy phấn khởi: đã bắt được liên lạc với những người bị xiềng ở tầng dưới. Khoang hầm Kunta nằm đột nhiên im lặng, rồi từ chỗ gần cửa hầm, một câu hỏi vọng xuống: "Dưới ấy có bao nhiêu?" và một lát sau, câu trả lời lan đi ở tầng của Kunta: "Bọn chúng tôi có khoảng sáu mươi người".

Việc truyền tin tức từ bất kì nguồn nào dường như là chức năng duy nhất khiến họ có lý do để tiếp tục sống. Những lúc không có tin gì, họ nói chuyện về gia đình, làng mạc, nghề nghiệp, đồng ruộng, săn bắn. Và càng ngày càng hay xảy ra bất đồng về chuyện làm thế nào để diệt bọn tubốp và khi nào thì nên khởi sự. Một số người cho rằng cần phải tấn công vào dịp lên boong sắp tới bất luận hậu quả ra sao. Nhiều người khác cho rằng nên theo dõi và đợi thời cơ tốt nhất thì khôn ngoan hơn. Những bất đồng gay gắt bắt đầu nổ ra. Một lần đang tranh luận thì bỗng nhiên vang lên giọng nói của một vị cao niên cắt ngang ý kiến: "Hãy nghe lão đây! Tuy chúng ta thuộc những bộ lạc khác nhau, tiếng nói khác nhau, nhưng hãy nhớ rằng chúng ta cùng một dân tộc! Chúng ta phải coi nhau như người cùng một làng ở nơi này!".

Những tiếng rì rầm tán thành lan nhanh trong khoang hầm. Tiếng nói đó trước đây đã cất lên, răn bảo trong những lần đặc biệt căng thẳng. Đó là một tiếng nói từng trải và đầy uy tín, lại bác tuệ, hiền minh. Phút chốc, người ta rỉ tai nhau thông báo rằng người vừa nói đã từng là thủ chỉ của làng ông. Sau giây lát, ông lại nói rằng bây giờ cần tìm ra và nhất trí bầu lên một người lãnh đạo, rằng phải đề ra và thỏa thuận một kế hoạch tấn công mới hy vọng thắng nổi bọn tubốp, vì hiển nhiên là chúng vừa được tổ chức tốt, lại vừa có nhiều vũ khí. Một lần nữa, khoang hầm lại đầy những tiếng rì rầm tán thành.

Cái ý thức mới, hởi lòng về sự gắn bó chặt chẽ với mọi người, khiến Kunta đầu như bớt cảm thấy sự hôi thối, bẩn thỉu và thậm chí cả chuột bọ nữa. Thế rồi anh nghe thấy truyền đi một nỗi lo sợ mới: người ta cho rằng có một tên hắc gian lẩn đâu đó ở tầng dưới. Một phụ nữ đã hát rằng chính chị ở trong nhóm người bị xiềng và bịt mắt mà tên hắc gian đó đã góp sức đẩy xuống con tàu này. Chị hát rằng khi chị được cởi băng bịt mắt thì trời đã tối, song chị vẫn trông thấy bọn tubốp cho tên hắc gian đó uống rượu cho đến khi hắn say mềm chân nam đá chân siêu, rồi cả bọn tubốp cười hô hố, đánh hắn bất tỉnh và kéo xuống dưới hầm tàu. Theo lời hát của người phụ nữ, thì tuy chị không thể nhận mặt dứt khoát được tên hắc gian, song chắc chắn hắn đang bị xiềng dưới đó như những người khác và đang rất sợ bị phát hiện và giết chết, vì hắn đã biết chuyện thủ tiêu tên tay sai trước đó. Anh em trong hầm bàn luận là có khi tên hắc gian này cũng biết dăm ba tiếng tubốp và có thể tìm cách báo cho bọn tubốp biết kế hoạch tấn công mà hắn nghe lỏm được, hòng cứu vãn cái sinh mệnh khốn kiếp của hắn.

Vung còng đập một con chuột béo mập, Kunta chợt nghĩ: tại sao cho tới nay, mình lại hiểu biết ít thế về bọn phản bội? Hẳn là vì không một tên nào trong bọn chúng dám sống với mọi người trong làng, ở đó một sự nghi vấn mãnh liệt về chân tướng chúng cũng đủ khiến chúng đi đời nhà ma lập tức. Anh nhớ lại hồi ở Jufurê, anh luôn luôn cho rằng chính cha mình, Ômôrô, cùng những người khác lớn tuổi hơn nữa, những lúc ngồi quanh đống lửa ban đêm, cứ hay bận tâm một cách không cần thiết với những lo lắng và suy đoán u ám về những nguy cơ mà anh cùng các thanh niên khác vẫn thầm nghĩ rằng mình sẽ chẳng bao giờ mắc vào. Nhưng giờ đây, anh đã hiểu tại sao những người lớn tuổi lại lo lắng cho an ninh của làng xóm; họ biết rõ hơn anh rằng biết bao tên hắc gian đã lẻn vào đất Găмbia. Bọn con trai da lờn lợt đáng khinh bỉ có bố là tubốp thì cũng dễ nhận ra thôi, nhưng không phải tất cả. Kunta chợt nghĩ đến cô gái làng mình bị bọn tubốp bắt cóc rồi trốn thoát, sau đó được đem ra xét ở Hội đồng bô lão ngay trước khi anh bị bắt, anh muốn biết người ta xử trí với đứa con lai của cô ta ra sao và Hội đồng bô lão đã quyết định cô ta phải làm thế nào.

Qua trò chuyện trong hầm tàu, giờ đây anh được biết một số hắc gian chỉ cung cấp một số hàng hóa như chàm, vàng, ngà voi cho các tubốp. Nhưng có hàng trăm tên khác giúp bọn tubốp đốt làng và bắt người. Một số tù nhân kể chuyện chúng đem mía dụ dỗ trẻ con rồi chụp bao tải lên đầu như thế nào. Nhiều người khác cho biết bọn hắc gian đã đánh họ tàn nhẫn suốt chặng hành trình sau khi họ bị bắt. Vợ một người trong bọn họ, đang mang thai, đã chết trên dọc đường. Một người khác có con trai bị thương vì những roi đòn, chúng để mặc thằng bé chảy máu đến chết. Càng nghe, Kunta càng căm phẫn cho những người khác cũng như cho mình.

Anh nằm đó, trong bóng tối, văng vẳng bên tai lời cha nghiêm khắc dặn dò anh và Lamin không bao giờ được lang thang đi xa một mình; một cách tuyệt vọng, Kunta ước gì giá mình đã chú ý nghe theo lời cảnh cáo của cha. Tim anh trĩu xuống với ý nghĩ rằng anh sẽ không bao giờ được nghe cha răn bảo nữa, rằng từ nay đến hết đời - dù cuộc đời đó có xoay vần ra sao chăng nữa - anh sẽ phải tự suy nghĩ lo liệu lấy cho bản thân.

"Mọi sự đều là ý của Chúa Ala!" Lời phát ngôn đó - khởi đi từ chỗ vị thủ chỉ - truyền từ miệng người này sang tai người kia và khi nó được người nằm bên trái Kunta nhắc lại, anh bèn quay đầu thì thầm với người bạn cùm Uôlôf. Sau một lát, Kunta nhận ra là người Uôlôf không tiếp tục truyền câu đó cho người bên cạnh và sau khi băn khoăn tự hỏi lý do vì đâu anh cho rằng có lẽ tại mình nói không rõ, cho nên anh lại bắt đầu thì thầm câu sấm ngữ một lần nữa. Nhưng bất thình lình, người Uôlôf văng ra những tiếng khá to, đủ để cả căn hầm nghe thấy: "Nếu Chúa Ala của các ngươi muốn thế, thà tôi theo quỷ sứ còn hơn!" Từ các nơi khác trong bóng tối, vang lên những tiếng hô tán đồng với người Uôlôf và đây đó bùng ra những cuộc tranh cãi.

Kunta bị xáo động sâu sắc. Sự bất bình vì nhận ra là mình nằm cùng với một kẻ vô đạo xói vào óc anh như một vết bỏng, vì đối với anh lòng tin ở Chúa Ala cũng quý giá như bản thân cuộc sống vậy. Cho đến nay, anh vẫn tôn trọng tình hữu hảo và những ý kiến lịch lãm của người bạn cùm lớn tuổi. Song giờ đây, Kunta biết rằng giữa họ không thể tồn tại bất kỳ tình bằng hữu nào nữa.

Chương 38

Giờ đây, trên boong, tốp phụ nữ đang hát rằng họ đã xoay sở đánh cắp được và giấu kín mấy con dao cùng một số dụng cụ có thể dùng làm vũ khí. Trở xuống dưới hầm, ý kiến đám tù nhân nam lại chia thành hai phe, thậm chí còn đối lập mạnh hơn trước. Đứng dầu nhóm cho rằng cần phải đánh ngay không lần lữa, là một người Uôlôf xăm mình, nom dữ tướng. Trên boong, ai nấy đều đã thấy anh ta vừa nhảy cuồng dại trong dây xiềng vừa nhe hàm răng giữa nhọn với bọn tubốp, những tên này thấy thế lại vỗ tay vì chúng tưởng anh cười. Những người cho rằng cần phải khôn ngoan, cảnh giác chuẩn bị kỹ hơn, chịu sự lãnh đạo của người Fula đã bị đòn vì bóp cổ chết tên hắc gian.

Có một số người theo anh chàng Uôlôf chủ trương tấn công bọn tubốp khi nào chúng xuống đông ở dưới hầm tàu, nơi mà đám tù nhân có thể nhìn tinh tường hơn chúng và nắm yếu tố bất ngờ lớn nhất - nhưng kế hoạch này bị những người khác bác bỏ, coi là điên rồ, họ vạch rõ rằng đa số bọn tubốp vẫn còn ở trên boong và do đó có thể tiêu diệt những người bị xiềng bên dưới như một lũ chuột. Thỉnh thoảng, khi việc tranh cãi giữa người Uôlôf và người Fula đi đến chỗ to tiếng vị thủ chỉ lại can thiệp răn họ bình tĩnh hơn kẻo bọn tubốp có thể nghe thấy.

Bất luận ý kiến của thủ lĩnh phe nào cuối cùng sẽ thắng, Kunta vẫn sẵn sàng chiến đấu đến chết. Anh không thấy sợ chết nữa. Một khi đã xác định là mình sẽ chẳng bao giờ về nhà gặp lại gia đình được nữa, anh cảm thấy thế cũng coi như chết rồi. Nỗi lo sợ duy nhất của anh bây giờ là mình có thể chết mà không tự tay giết được ít nhất một tên tubốp. Nhưng người thủ lĩnh mà Kunta ngả theo ủng hộ - anh cảm thấy đa số anh em cũng vậy - là anh chàng Fula thận trọng, mình đầy vết roi đóng sẹo. Đến nay Kunta đã phát hiện ra phần lớn tù nhân ở trong hầm là người Manđinka và mọi người Manđinka đều biết rất rõ rằng dân Fula xưa nay vốn nổi tiếng là sẵn sàng bỏ hàng năm, thậm chí cả cuộc đời, nếu cần, để báo thù bằng cách giết bất cứ kẻ nào xúc phạm nặng nề đến họ. Nếu kẻ nào giết chết một người Fula và trốn thoát, các con trai người ấy sẽ không bao giờ chịu ngồi yên, kỳ cho đến một ngày nào họ tìm ra hung thủ và giết chết hắn.

"Chúng ta phải đoàn kết như một người đằng sau thủ lĩnh mà ta nhất trí lựa chọn", vị thủ chỉ khuyên như vậy. Những người theo anh chàng Uôlôf làu nhàu bực bội, song rõ ràng là đa số đã đứng về phe người Fula, nên bác ta mau chóng ra một mệnh lệnh đầu tiên. "Ta cần xem xét mọi hành động của bọn tubốp bằng đôi mắt của chim ưng. Và khi thời cơ tới, chúng ta phải là chiến sĩ". Bác dặn mọi người làm theo lời khuyên của người phụ nữ bảo họ nên làm bộ sung sướng khi nhảy xiềng trên boong. Điều đó sẽ làm cho bọn tubốp lơi lỏng việc canh phòng, dễ đánh úp hơn và người Fula còn bảo mọi người cần tỉnh mắt xác định vị trí mọi vật giống như vũ khí mà mình có thể nhanh chóng vớ lấy sử dụng. Kunta rất hài lòng với bản thân vì trong những lần lên boong, anh đã phát hiện thấy một cái cọc buộc lỏng lẻo dưới một quãng lan can mà anh định sẽ giựt ra dùng làm một ngọn giáo đâm vào bụng tên tubốp gần nhất. Mọi lần nghĩ đến, anh lại xiết chặt ngón tay quanh cái cán giáo tưởng tượng.

Những lúc bọn tubốp giật mạnh cửa hầm ra và đi xuống, vừa quát tháo vừa khoa roi, Kunta cứ nằm im phăng phắc như một con thú rừng. Anh nhớ tới lời kintangô hồi rèn luyện trưởng thành nhắc nhở rằng người đi săn phải học những gì chính Chúa Ala đã dạy cho thú vật: làm thế nào trốn và theo dõi những nhà đi săn đang lùng giết chúng. Kunta đã nằm hàng giờ ngẫm nghĩ về chuyện bọn tubốp có vẻ thích gây đau đớn cho người khác. Anh kinh tởm nhớ lại những lần thấy bọn tubốp cười ha hả khi vung roi quất tù nhân - đặc biệt những người mang đầy những vết lở loét đau đớn trên mình. Kunta cũng chua xót hình dung trong óc cảnh những tên tubốp cưỡng bức đẩy phụ nữ vào những góc tối của con tàu ban đêm, anh tưởng như nghe thấy tiếng chị em la thét. Phải chăng bọn tubốp không có đàn bà của riêng chúng? Phải chăng vì thế mà chúng săn đuổi vợ người khác như đàn chó? Giống tubốp dường như không tôn trọng cái gì cả, dường như bọn chúng không hề có Chúa, thậm chí không hề có thần linh nào để mà thờ.

Điều duy nhất có thể khiến tâm trí Kunta lãng khỏi chuyện tubốp - và làm thế nào để giết chúng - là lũ chuột ngày càng trở nên táo tợn hơn. Ria mũi chúng cù nôn giữa hai cẳng chân Kunta mỗi khi chúng sục vào cắn một nốt đau rỉ máu hoặc mưng mủ. Nhưng bọ chét thì lại thích cắn trên mặt anh hơn và hút chất lỏng ở khóe mắt Kunta hoặc nhớt rãi chảy ra từ hai lỗ mũi. Anh cứ phải vặn mình, thọc ngón tay bấu hoài, bắt được con nào là lấy móng tay giết đôm đốp. Song tệ hơn cả chuột bọ là những chỗ đau ở vai, khuỷu tay và mông Kunta giờ đây rát như lửa đốt do bao tuần lễ liên tục nằm cọ mình vào những tấm ván gỗ cứng, sần sùi. Anh đã thấy những mảng trầy da tướp máu trên mình những người tù khác khi họ lên boong, và mỗi lần con tàu lớn hơi đảo hoặc chòng chành hơn bình thường một chút là chính anh lại đau rú lên cùng với họ.

Và Kunta thấy là khi lên boong, một số tù nhân đã bắt đầu hành động như những cái xác bị quỷ nhập - mặt họ mang một vẻ nói lên rằng họ không sợ hãi gì nữa vì giờ đây, sống hay chết, họ cũng bất cần. Ngay cả lúc roi vọt giáng xuống họ cũng chỉ phản ứng một cách chậm chạp. Khi được kỳ cọ xong, một số thậm chí hoàn toàn không còn sức để nhảy xiềng nữa và tên trùm tubốp tóc bạc, vẻ lo ngại, ra lệnh cho những tên kia để họ ngồi xuống và họ làm theo, trán gục trên đầu gối, một thứ mủ loãng hồng hồng chảy xuôi trên những tấm lưng xầy da tróc thịt. Thế rồi tên trùm tubốp dằn đầu họ ật ra sau và đổ vào miệng họ một chất gì đó khiến họ sặc sụa. và một số người lả đi khuỵu xuống, không động cựa gì được và bọn tubốp bèn khiêng họ trở xuống hầm. Đa số những người này đều chết, và trước đó, Kunta đã biết họ dụng tâm tự hủy hoại mình bằng cách nào đó cho đến chết.

Nhưng tuân lệnh người Fula, Kunta và phần lớn anh em cố gắng làm bộ vui thích khi nhảy xiềng, mặc dù nỗ lực đó tựa hồ một mụn loét trong tâm hồn họ. Tuy nhiên, có thể thấy là khi thái độ đó làm cho bọn tubốp buông lỏng hơn, thì roi vọt có bớt đi và anh em được phép ở lại trên boong tàu đầy ánh nắng lâu hơn trước. Sau khi chịu đựng những xô nước biển và sự tra tấn của những bàn cọ trên mình, Kunta cùng những tù binh khác ngồi xổm nghỉ ngơi và theo dõi mọi cử động của bọn tubốp nào là chúng thường đứng cách quãng bao nhiêu dọc theo lan can, nào là chúng vẫn luôn giữ vũ khí kề sát bên mình, khó mà cướp được. Bất cứ lúc ngắn ngủi nào có tên tubốp dựa tạm súng vào hàng song sắt, đều không lọt khỏi mắt một ai. Trong khi ngồi trên boong, mường tượng trước tới ngày họ sẽ tiêu diệt bọn tubốp, Kunta cứ thắc mắc về cái vật đồ sộ bằng kim khí chõ vòi qua hàng rào. Anh hiểu rằng bằng bất cứ giá nào của bao nhiêu sinh mạng, cũng phải chế ngự và cướp lấy cái vũ khí này, vì mặc dầu không rõ đích xác nó là cái gì, anh vẫn biết nó có khả năng hủy diệt ghê gớm và tất nhiên bọn tubốp đặt nó ở đây chính vì lẽ đó.

Anh cũng thắc mắc về mấy tên tubốp nọ cứ luôn luôn quay cái bánh xe của con xuồng lớn, bên này một tí bên kia một tí, trong khi đăm đăm nhìn vào một mặt tròn nâu nâu bằng kim khí trước mặt chúng. Có lần ở dưới hầm, vị thủ chỉ đã nói lên ý nghĩ của bản thân anh. "Nếu những tên tubốp đó bị giết thì ai sẽ lái con xuồng này?". Và thủ lĩnh Uôlôf bèn trả lời là cần phải bắt sống những tên tubốp đó. "Kề giáo vào cổ chúng", bác ta nói, "chúng sẽ phải đưa chúng ta trở về đất nước, kẻo chúng sẽ chết". Chỉ nghĩ đến chuyện có thể thực sự thấy lại đất nước, nhà cửa, gia đình mình một lần nữa, Kunta đã thấy sướng rợn cả xương sống. Nhưng nếu việc đó xảy đến - anh nghĩ - thì tới lúc già lụ khụ, anh cũng khó quen được, dù chỉ là một chút xíu, những hành động của bọn tubốp đối với anh.

Trong Kunta còn náu một nỗi sợ nữa, là bọn tubốp có thể tinh ý nhận thấy cái mới mẻ trong cách nhảy xiềng của đám tù khi ở trên boong, vì giờ đây họ nhảy múa thật sự, họ không thể ngăn những động tác của mình biểu lộ những điều sâu kín trong tâm trí: những cử chỉ thoăn thoắt tung cùm xích, rồi bổ, rồi bóp cổ, xỉa, giết. Trong khi nhảy múa, Kunta và anh em khác thậm chí còn hú đến khản giọng, mường tượng trước cuộc tàn sát. Song khi điệu nhảy kết thúc và anh lại tự kiềm chế được, Kunta nhẹ hẳn người thấy bọn tubốp không nghi ngờ gì cả chỉ nhe răng cười khoái trá. Rồi một hôm trên boong, đám tù nhân đột nhiên đứng chôn chân ngỡ ngàng, và cùng bọn tubốp, trân trân nhìn một bày hàng trăm con cá bay trên mặt biển như những con chim hạc. Đang ngây người ngắm, chợt Kunta nghe thấy một tiếng thét. Quay ngoắt lại, Kunta trông thấy anh chàng Uôlôf xăm mình, dữ tợn, đang giựt một cái gậy kim khí khỏi tay một tên tubốp. Vung nó như một cái chùy, anh ta choảng tên tubốp phọt óc lênh láng sàn tàu: trong khi bọn tubốp còn lại bật khỏi tư thế ngây như phỗng vì choáng váng, anh quật một tên nữa ngã xuống sàn boong. Sự việc xảy ra mau lẹ đến nỗi anh chàng Uôlôf gầm rít điên cuồng đã chuyển sang nện tên tubốp thứ năm, bọn chúng mới kịp phản ứng: loáng cái một lưỡi dao dài lia rất ngọt, tiện đứt đầu anh, sát ngang vai. Cái đầu chạm vào sàn tàu trước khi thân anh rụng xuống và cả hai bộ phận cơ thể đều phọt máu từ chỗ bị chém cụt. Trên bộ mặt đôi mắt vẫn mở trừng trừng, coi bộ rất sửng sốt.

Giữa những tiếng rú hoảng hốt, bọn tubốp nhốn nháo đổ tới hiện trường mọi lúc một đông, đứa xô ra khỏi cửa, đứa từ trên cao giữa đám buồm trắng phất phới tụt xuống như khỉ. Trong khi toán phụ nữ kêu thất thanh, những tù nam bị còng xúm lại với nhau thành một vòng tròn. Những cây gậy kim khí sủa ra lửa và khói, rồi cái vòi đen đồ sộ nó phụt ra một tiếng gầm như sấm cùng với một đám hơi nóng và khói ngay trên đầu họ; thất đảm, họ la hét và rúi rụi vào nhau.

Từ sau hàng rào, tên tubốp đầu sỏ và tên sẹo mặt lao ra, cả hai đều gào thét điên cuồng. Tên to lớn đánh tên tubốp đứng gần nhất một cú hộc máu mồm, rồi tất cả bọn còn lại tập hợp lại thành một cụm, la hét, quát tháo, vung roi, dao, gậy phun lửa, ùa nhau dồn đám tù về phía cửa hầm tàu để ngỏ. Kunta cất bước, không cảm thấy những ngọn roi quất vào mình, vẫn chờ hiệu lệnh tấn công của người Fula. Nhưng hầu như trước cả lúc anh kịp ý thức ra thì tất cả đã ở dưới hầm và bị xiềng trở lại chỗ cũ tối mò, rồi cửa hầm xập xuống.

Song không phải chỉ có mình họ. Trong cơn náo loạn, một tên tubốp đã bị mắc kẹt vào giữa bọn họ và bị cuốn theo xuống. Hắn đâm nhào hết chỗ này sang chỗ kia trong bóng tối, vấp rúi rụi, va đầu vào các ván nằm, khiếp đảm la hét, lồm cồm bò dậy mỗi khi ngã, rồi lại chạy nháo nhác. Tiếng hắn rống nghe như tiếng một con thú thời nguyên thủy nào đó "Tubốp fa" một người hô và những giọng khác hòa theo: "Tubốp fa! Tubốp fa!". Họ hô, mỗi lúc một

lớn vì mỗi lúc lại có thêm người tham gia vào bản hợp xướng đó. Dường như tên tubốp cũng biết họ hô vậy là nhằm vào hắn, nên hắn thốt ra những tiếng như van xin. Trong khi đó, Kunta nằm im như bị đóng băng, không một cơ bắp nào cử động được. Đầu đập thình thịch, mình đầm đìa mồ hôi, anh đang hớp miệng để thở. Đột nhiên, cửa hầm xịch mở và khoảng một tá tubốp nện gót trên cầu thang xuống hầm. Mấy ngọn roi quất xuống người tên tubốp bị mắc kẹt trước khi hắn kịp báo cho bọn kia biết hắn là người của chúng.

Rồi dưới làn roi tàn bạo, đám người lại được tháo xích, và bị đẩm đá xô đẩy lên boong, tại đây, chúng bắt họ đứng xem bốn tên tubốp dùng những cây roi gộc đánh nát nhừ cái xác không đầu của người Uôlôf. Thân thể trần truồng của những người tù bóng nhẫy mồ hôi và máu từ những vết roi và mụn loét, nhưng hầu như không ai rỉ ra một tiếng kêu. Lúc này, mỗi tên tubốp đều vũ trang khắp người, mặt bừng bừng sát khí, trong khi chúng đứng thành một vòng tròn vây quanh họ, mắt ngó trân trân và miệng thở hổn hển. Rồi những người tù lại bị quất roi lùa xuống hầm và xích lại chỗ cũ.

Hồi lâu, không ai dám hé răng thì thào. Khi nỗi kinh hoàng đã dịu xuống để tâm trí có thể suy nghĩ, một dòng thác ý nghĩ và xúc động bỗng xâm chiếm Kunta, trong đó nổi lên cái cảm giác là không phải chỉ một mình anh khâm phục sự dũng cảm của người Uôlôf đã chết như một chiến sĩ. Anh nhớ lại cái dự cảm rầm rứt của chính mình, là thủ lĩnh người Fula sẽ ra hiệu tấn công - nhưng hiệu lệnh đó đã không đến. Kunta thấy chua xót, vì bất kể cơ sự có thể xoay vần ra thế nào, lẽ ra bây giờ mọi chuyện đã xong cả rồi; và tại sao lại không chết luôn đi? Liệu thời kỳ sắp tới có tốt đẹp hơn gì không? Có lý do gì để tiếp tục níu lấy cái cuộc sống ở đây trong bóng tối xú uế này? Anh hết lòng cầu ước giá mình có thể trao đổi với người bạn cùm như trước đây, song khốn nỗi bác ta lại là người vô đạo.

Những tiếng xầm xì tức giận vì nỗi người Fula đã bỏ qua không hành động, ngừng bặt khi một lệnh đột ngột được truyền đi từ chỗ bác ta: lần sau bác ta thông báo khi anh em ở tầng hầm này lên tắm và nhảy xiềng trên boong sẽ khởi sự tấn công vào lúc bọn tubốp tỏ ra lơi lỏng nhất. "Nhiều người trong chúng ta sẽ chết", người Fula nói "như người anh em vừa rồi đã chết vì chúng ta - song anh em ở tầng dưới sẽ báo thù cho chúng ta".

Những tiếng trầm trồ tán thưởng lan đi. Nằm trong bóng tối, Kunta lắng nghe tiếng một cái giũa đánh cắp được đang xèn xẹt cứa vào dây xiềng. Hàng tuần nay, anh vẫn biết rằng những vết giũa được trét cẩn thận bằng các thứ bẩn thỉu để bọn tubốp khỏi trông thấy. Anh khắc vào tâm trí bộ mặt của những tên quay bánh xe lớn của con tàu vì chúng sẽ là những tên duy nhất được tha mạng sống.

Nhưng trong cái đêm dài ấy dưới hầm tàu, Kunta cùng những người khác bắt đầu nghe thấy một âm thanh mới kỳ lạ trước đây chưa từng thấy. Hình như nó từ phía trên đầu họ, lọt qua sàn boong xuống. Im lặng xập xuống nhanh chóng trong khoang hầm và nghe thật kỹ, Kunta đoán là những cơn gió lớn đang làm cho những tấm vải trăng lớn kêu phần phật mạnh hơn lúc bình thường nhiều. Phút chốc lại có một tiếng khác, như thể đổ gạo xuống sàn tàu; lát sau anh đoán là mưa đang trút xuống. Rồi anh chắc chắn, không thể lầm lẫn, là đã nghe văng vẳng tiếng sấm nổ rền nặng nề.

Có tiếng chân rầm rập sàn boong trên đầu và con xuồng lớn bắt đầu dập dềnh, chao đảo. Tiếng la hét của Kunta hòa lẫn với tiếng những người khác mỗi khi tàu dềnh lên dềnh xuống hoặc lắc từ bên này sang bên kia, làm cho vai, khuỷu và mông vốn đã mưng mủ và tướp máu của những người tù trần truồng càng chà xát dữ hơn vào những tấm ván xần xùi, bóc trợt thêm lớp da mềm bị nhiễm trùng, khiến lớp cơ bắp bên dưới chòi ra, cọ vào ván nằm. Những cơn đau rát, day dứt, xuyên suốt từ đầu đến chân, cơ hồ làm anh bất tỉnh, thành thử khi bắt đầu lờ mờ nhận thấy tiếng nước tuôn xuống hầm tàu - và tiếng la thất thanh giữa một cơn náo động kinh hoàng - anh cứ tưởng đâu như từ xa vọng tới.

Nước tràn mỗi lúc một nhanh vào hầm cho đến khi Kunta nghe thấy tiếng một vật gì nặng, như thể một tấm vải thô lớn, được kéo lê trên sàn boong. Mấy phút sau, dòng lũ giảm đi, chỉ còn nhỏ giọt - song lúc này, Kunta bắt đầu toát mồ hôi và ngạt thở. Bọn tubốp đã bịt các lỗ trên đầu họ để chặn không cho nước tràn vào, nhưng làm thế chúng đã bịt hết không khí từ bên ngoài, giam toàn bộ hơi nóng và mùi hôi thối trong khoang hầm, không thể nào chịu nổi, mọi người bắt đầu sặc sụa, nôn mửa, điên cuồng lắc cùm loảng xoảng và hoảng hốt la hét. Mũi, cổ họng, rồi phổi Kunta như thể bị nhồi bằng những cục bông cháy bùng bùng. Anh cố gắng hớp thêm chút hơi để la. Bao vây giữa một cơn lồng lộn điên cuồng, người giựt xích, kẻ kêu tắc họng, Kunta mê man đến nỗi cứt, đái phọt ra lúc nào không biết.

Những cơn sóng búa bổ xô ầm ầm vào mạn tàu, làm những xà gỗ đằng sau đầu họ căng mạnh đè vào chốt, kêu răng rắc. Tiếng thét ngạt thở của những người dưới hầm càng dữ khi con tàu đâm đầu xuống, chòng chành với hàng tấn nước biển tràn qua nó. Rồi, như nhờ một phép màu, nó lại nổi lên được dưới cơn mưa bục trời nện xuống như ném đá. Khi khối nước tiếp theo to như trái núi rập vào mạn tàu dìm nó xuống rồi lại bốc lên lần nữa - chao nghiêng,

nhấp nhô, rùng rình - thì tiếng huyên náo trong hầm bắt đầu xẹp xuống vì mỗi lúc càng có thêm nhiều tù nhân ngất lịm đi.

Khi Kunta tỉnh lại, thì anh đã ở trên boong, ngạc nhiên thấy mình hãy còn sống. Những ánh đèn màu da cam lấp loáng quanh đó khiến anh thoạt đầu tưởng tất cả bọn họ vẫn ở dưới hầm. Rồi anh hít một hơi thật sâu và nhận ra đó là không khí thoáng mát. Anh nằm nghều ngào, ngửa mặt lên, lưng như muốn nổ toác vì những vết đau kinh khủng đến nỗi anh không sao ngừng kêu, ngay cả trước mặt bọn tubốp. Anh trông thấy một số ở tít trên cao, như những bóng ma trong ánh trăng, bò dọc theo những thanh ngang của các cây cột to cao, dường như chúng đang ráng sức mở căng những tấm vải trắng to tướng nọ. Rồi, quay cái đầu nhức như búa bổ về phía một tiếng ồn ào, Kunta thấy một số tên tubốp nữa loạng quạng nhô lên khỏi cửa hầm, chệnh choạng kéo những hình người trần truồng, mềm nhũn, bị cùm, lên trên boong tàu, ném họ xuống cạnh Kunta cùng những người khác đã bị chất đống như những khúc gỗ.

Người bạn cùm của Kunta đang run cầm cập và nôn khan giữa những tiếng rên rẩm. Chính Kunta cũng nôn oẹ không ngừng trong khi quan sát tên trùm tubốp tóc bạc và tên to lớn mặt sẹo quát tháo chửi rủa thủ hạ, bọn này tiếp tục kéo những thân người từ dưới hầm lên, thỉnh thoảng lại trượt ngã trên những đống nôn mửa mà một phần trong đó là do chính chúng thổ ra.

Con xuồng lớn vẫn chòng chành dữ dội và từng luồng nước thỉnh thoảng vẫn trào lên tưới đẫm sàn lái. Tên trùm tubốp lúc này đang hối hả bước, chật vật lắm mới giữ được thăng bằng, theo sau là một tên tubốp khác cầm đèn. Một trong hai tên chốc chốc lại lật ngửa mặt từng người trần truồng nằm lịm, ghé sát đèn vào, tên trùm tubốp ngó thật kỹ và đôi khi nắn mạch cổ tay người bị cùm. Thỉnh thoảng sau đó, hắn chửi thề tục tĩu, sủa ra một mệnh lệnh và bọn kia khiêng người tù lên ném xuống biển.

Kunta biết những người đó đã chết ở dưới hầm. Anh tự hỏi: người ta bảo Chúa Ala ở mọi nơi mọi lúc, sao Người lại không ở đây? Rồi anh lại nghĩ: thậm chí có hỏi vậy cũng chẳng khiến anh đỡ khổ gì hơn con người vô đạo đang run bần bật và rên rẩm bên cạnh mình. Và anh chuyển sang cầu nguyện cho linh hồn những người bị vứt xuống biển, giờ đây hẳn đã gặp tổ tiên. Anh thèm được như họ.

Chương 39

Vào lúc rạng đông, thời tiết đã dịu đi và quang dần, song con tàu vẫn chao đảo trong những lớp sóng dội lớn. Một số tù nhân vẫn nằm ngửa hoặc nằm nghiêng bất động, hầu như không tỏ dấu hiệu gì là còn sống, nhiều người khác đang co giật khủng khiếp. Cùng với đa số anh em khác, Kunta đã cố gắng ngồi dậy được, tư thế đó phần nào cũng làm nguôi bớt những đau đớn kinh khủng ở lưng và mông anh. Anh đờ đẫn nhìn vào lưng những người ở gần, tất cả lại chảy máu qua những chỗ đã đóng vảy và anh thấy cái gì như là xương lòi ra nơi vai và khuỷu tay họ. Lơ đãng đưa mắt về một hướng khác, anh thấy một phụ nữ nằm hai chân xoạc rộng, hạ bộ xoay về phía Kunta, bôi một thứ sáp kỳ lạ xam xám vàng vàng và mũi anh hít phải một mùi không sao tả nổi mà anh biết là phát ra từ người chị.

Thỉnh thoảng lại có người còn nằm bẹp, cố gương dậy, một số lại rụi xuống, nhưng trong số ngồi dậy được, Kunta nhận ra người thủ lĩnh Fula. Bác ta chảy máu rất dữ, vẻ mặt như thể là của một người tách biệt khỏi những gì đang diễn ra xung quanh. Kunta không nhận ra nhiều người mà anh trông thấy. Anh đoán họ ở tầng dưới. Họ là những người mà thủ lĩnh Fula bảo là sẽ báo thù cho những người ở tầng thứ nhất có thể phải hy sinh khi tấn công bọn tubốp. Cuộc tấn công! Thậm chí Kunta không còn đủ sức để nghĩ đến nó nữa.

Trên một số khuôn mặt quanh mình, kể cả mặt người bị cùm chung với anh, Kunta thấy cái chết đã in hằn rõ nét. Không hiểu tại sao, anh chắc chắn là họ sắp chết. Mặt người Uôlôf xám ngoẹt và mỗi khi bác ta hớp miệng để thở, lại có tiếng sủi bọt trong mũi. Cả đến xương vai và xương khuỷu tay bác ta, lòi ra qua da thịt trầy trợt, cũng xám xì. Hình như biết Kunta đang nhìn mình, người Uôlôf chấp chới mở mắt, nhìn lại Kunta nhưng không tỏ vẻ gì là nhận ra người quen cả. Bác ta là người vô đạo, nhưng... Kunta yếu ớt đưa một ngón tay chạm vào cánh tay người Uôlôf. Nhưng không có dấu hiệu gì tỏ ra bác ta nhận biết cái cử chỉ của Kunta hoặc hiểu ý nghĩa của nó.

Mặc dù không bớt đau, ánh nắng ấm bắt đầu làm cho Kunta cảm thấy dễ chịu hơn đôi chút. Anh cúi mặt xuống và thấy máu ở lưng mình chảy xuống thành một vũng quanh chỗ ngồi - và bất giác, một tiếng run rẩy dâng lên cổ họng anh. Những tên tubốp cũng ốm yếu, mang chổi và xô hốt mửa và cứt đái, còn những tên khác khênh những chậu phân rác dưới hầm lên, đổ xuống biển.

Một lúc sau, anh ngửi thấy hơi dấm và hắc ín đun sôi, qua hàng lưới sắt, và tên trùm tubốp bắt đầu lách giữa đám người bị cùm để bôi thứ thuốc mỡ của hắn. Hắn đắp một mảnh vải có rắc bột lên những chỗ xương lòi ra, nhưng máu ri rỉ chảy lại mau chóng làm băng vải trôi tuột đi và rơi xuống. Hắn cũng banh miệng một số người kể cả Kunta và đổ vào cổ họng họ một chất gì từ một cái chai đen đen.

Khi mặt trời lặn, những người đã kha khá được cho ăn - ngô nấu với dầu cọ đỏ, cho vào một chậu nhỏ, bốc bằng tay. Rồi mỗi người được một gáo nước do một tên tubốp múc từ một cái thùng đặt dưới chân cây cột lớn nhất trong boong tàu. Đến lúc sao bắt đầu mọc, họ lại bị đưa xuống hầm, xích lại. Thế vào chỗ trống của những người đã chết ở tầng Kunta, là những người ốm nhất ở tầng dưới, tiếng kêu đau của họ càng lớn hơn trước.

Trong ba ngày, Kunta nằm giữa bọn họ trong một trạng thái nửa tỉnh nửa mê pha trộn những đau đớn, nôn mửa, sốt và kêu rên. Anh cũng ở trong số những người rũ rượi với những cơn ho khan cào cấu phổi. Cổ anh nóng ran, sưng lên và toàn thân đầm đìa mồ hôi. Chỉ có một lần, anh ra khỏi cơn mê mệt là khi anh cảm thấy một con chuột cọ ria vào hông mình; gần như do phản xạ tự nhiên, bàn tay tự do của anh phóng ra túm được đầu và phần trên con chuột. Sự việc xảy ra, chính anh cũng không thể tin. Tất cả nỗi cuồng nộ chất chứa trong anh bao lâu nay đổ dồn xuống cánh tay và bàn tay anh. Anh xiết mỗi lúc một chặt - con chuột giãy giụa và kêu choe chóe - cho đến khi anh cảm thấy mắt nó lòi ra, sọ nó nát rụn dưới ngón tay cái của anh. Lúc bấy giờ, sức lực mới rút đi khỏi những cánh tay anh và Kunta mới buông cái xác đã nát nhũn ra.

Một hai hôm sau, tên trùm tubốp bắt đầu đích thân xuống hầm tàu, mỗi lần đều phát hiện thêm - và tháo xiềng luôn thể - ít nhất là một cái xác không hồn. Khạc nhổ trong không khí hôi thối, trong khi những tên khác cầm đèn giơ lên soi cho hắn nhìn, hắn bôi thuốc mỡ, rắc bột và ấn cái cổ chai đen vào miệng những người còn sống. Kunta cố nén để khỏi kêu đau khi những ngón tay xát mỡ vào lưng anh hoặc cái chai chạm vào môi anh. Anh cũng rụt lại khi những bàn tay trắng trợt nọ chạm vào da mình, thà anh bị roi quất còn hơn. Và trong ánh đèn màu da cam, những bộ mặt tubốp mang một vẻ bệnh bệch chẳng có nét gì, mà anh biết nó sẽ không bao giờ bỏ buông tha tâm trí anh cũng như cái uế khí đang bao bọc anh vậy.

Nằm đó trong nhơ nhớp và sốt mê man, Kunta không còn biết là bọn anh đã ở trong bụng con tàu này hai tuần trăng hay sáu tuần trăng, hay thậm chí một vụ mưa. Cái người nằm cạnh lỗ thông hơi, có thể qua đó mà tính ngày giờ, đã chết rồi. Và giữa những người còn sống sót, cũng chẳng còn có giao lưu gì nữa.

Một lần, đang ngủ lơ mơ, choàng thức dậy, với một nỗi kinh hoàng không thể xác định, Kunta cảm thấy cái chết đang ở cạnh mình. Rồi, lát sau, anh nhận ra rằng mình không còn nghe thấy cái tiếng khò khè quen thuộc của người bạn cùm nằm bên nữa. Mãi một hồi lâu, Kunta mới dám quyết định thò tay sờ vào cánh tay bác ta. Anh khiếp hãi rụt lại vì cánh tay đó lạnh ngắt và cứng đờ. Kunta nằm run lẩy bẩy. Dù vô đạo hay không, thì anh và người Uôlôf này cũng đã trò chuyện với nhau, đã cùng nằm với nhau và giờ đây còn lại có mình anh.

Khi bọn tubốp lại mang món cháo ngô xuống, Kunta rúm người lại nghe tiếng rì rầm và tiếng nôn khan của chúng mỗi lúc một đến gần. Rồi anh cảm thấy một tên lay xác người Uôlôf và chửi thề. Sau đó, Kunta nghe thấy tiếng quèn quẹt xúc thức ăn như mọi khi vào xoong của anh và bọn tubốp, sau khi ấn chiếc xoong vào giữa anh và người Uôlôf bất động, tiếp tục đi xuống cuối dãy ván. Dù bụng đói đến đâu, lúc này Kunta cũng không thể nghĩ đến chuyện ăn uống.

Lát sau, hai tên tubốp đến tháo cùm chân và tay người Uôlôf tách rời khỏi Kunta. Choáng váng đến tê dại, anh lắng nghe tiếng cái xác bị kéo lê, va lục cục dọc lối đi và trên các bậc cầu thang. Anh định dịch xa khỏi chỗ trống đó, nhưng vừa cử động thì những chỗ trầy thịt liền cọ mạnh vào ván gỗ, khiến anh la lên đau đớn. Trong khi nằm yên cho đỡ đau, anh tưởng tượng như nghe thấy tiếng hờ của phụ nữ tại làng quê người Uôlôf khóc than cái chết của bác ta. "Tubốp fa!" anh rít lên trong bóng tối hôi thối, bàn tay bị cùm giựt loảng xoảng sợi dây xích nối liền với chiếc còng trống không của người Uôlôf.

Đợt lên boong lần sau, luồng mắt Kunta gặp cái nhìn đăm đăm của một trong những tên tubốp đã đánh đập anh và người Uôlôf. Trong một lúc, hai bên nhìn sâu vào mắt nhau và mặc dù tên tubốp nhăn mặt và nheo mắt hằn học, lần này không có ngọn roi nào giáng xuống lưng Kunta cả. Trong khi định thần lại sau phút ngỡ ngàng, Kunta nhìn qua boong tàu và lần đầu tiên kể từ khi nổ ra cơn phong ba, anh trông thấy toán phụ nữ. Tim anh trĩu xuống: trong số hai mươi chị em lúc đầu, chỉ còn lại có mười hai. Tuy nhiên, anh cũng cảm thấy nguôi bớt khi nhận ra là tất cả bốn em nhỏ đều sống sót.

Lần này, họ không bị kỳ cọ - những vết thương trên lưng đám tù nam quá đau đớn - và cuộc nhảy xiềng yếu ớt chỉ có tiếng trống đệm theo mà thôi, tên tubốp kéo cái khí cụ e é đã đi đời rồi. Gắng hết sức mình trong cơn đau đớn, những phụ nữ còn lại hát rằng một loạt tubốp nữa đã bị khâu vào trong những tấm vải trắng và vứt qua lan can tàu.

Tên tubốp tóc bạc, vẻ mặt rất mệt mỏi, đang mang món thuốc mỡ và cái chai đi giữa đám tù trần truồng thì một người, cổ tay và cổ chân lủng lẳng đôi còng trống không của một người bạn cùm đã chết, lao vụt từ chỗ đang đứng ra lan can tàu. Gã đã vắt nửa người qua hàng lan can thì một trong những tên tubốp gần đấy đuổi kịp và nắm được chuỗi xích lòng thòng đằng sau đúng vào lúc gã nhảy xuống. Một lát sau, người gã chung chiêng vào mạn tàu và những tiếng rống tắc nghẹn của gã vang lên. Bỗng nhiên, Kunta nghe thấy rõ mồn một mấy từ tubốp giữa những tiếng kêu. Một tiếng rít se sẽ nổi lên trong đám người bị xiềng không còn nghi ngờ gì nữa, đúng là tên hắc gian thứ hai. Trong khi tên này vập mình vào vỏ tàu - miệng rít lên: "tubốp fa!" rồi lại van xin tha thứ - tên trùm tubốp đi tới chỗ lan can và nhìn xuống. Nghe ngóng một lúc, hắn bỗng giựt phắt đoạn xích khỏi tay tên tubốp kia và thả cho tên hắc gian rơi xuống biển trong tiếng la thét. Rồi, chẳng nói chẳng rằng, hắn quay lại tiếp tục công việc xoa thuốc mỡ và rắc bột vào các vết thương, như không có chuyện gì xảy ra.

Tuy roi vọt có thưa đi hơn, nhưng bây giờ bọn gác có vẻ gờm đám tù nhân. Mỗi lần những người tù được đưa lên boong, bọn tubốp vây chặt họ, gậy phun lửa lăm lăm và dao tuốt trần như thể bất cứ lúc nào họ cũng có thể tấn công được. Nhưng riêng về phần Kunta, tuy khinh ghét bọn tubốp hết sức mình, anh không thiết đến chuyện giết chúng nữa. Anh ốm yếu đến nỗi thậm chí bản thân mình sống hay chết anh cũng bất cần. Ở trên boong, anh chỉ nằm nghiêng và nhắm mắt lại. Anh cảm thấy bàn tay tên trùm tubốp bôi thuốc mỡ trên lưng mình. Rồi, trong một lúc anh không cảm thấy gì khác ngoài ánh nắng ấm áp, và chỉ ngửi thấy mùi gió biển mát rượi, và nỗi đau đớn tan thành một cảm giác mông lung an tĩnh - hầu như sung sướng - chờ chết để về chầu tổ tiên.

Thỉnh thoảng, ở dưới hầm, Kunta nghe thấy đâu đó có tiếng thì thầm và anh tự hỏi không biết họ có thể nghĩ ra chuyện gì để nói nhỉ? Và lợi ích gì kia chứ? Người bạn cùm Uôlôf của anh đã tịch rồi và cái chết đã cướp đi một số người có thể phiên dịch cho anh em khác. Vả chăng, chuyện trò bây giờ tốn quá nhiều sức lực. Mỗi ngày Kunta một thấy yếu hơn và nhìn thấy những điều xảy đến với một số người khác, quả là chẳng phấn khởi gì. Ruột họ bắt đầu tháo ra một hỗn hợp lẫn cả máu vón cục và đờm đặc xam xám vàng vàng hôi thối kinh khủng.

Bữa đầu ngửi thấy và trông thấy chất bài tiết độc hại ấy, bọn tubốp cuống lên. Một tên chạy bổ trở lên qua cửa hầm và mấy phút sau, tên trùm tubốp xuống. Vừa nôn khan, hắn vừa ra hiệu một cách gay gắt cho những tên kia tháo cùm cho những tù nhân đang la thét và mang họ ra khỏi hầm. Phút chốc thêm nhiều tên tubốp nữa quay trở lại, mang theo đèn, xẻng chổi và xô. Vừa nôn oẹ, thở hổn hển và chửi thề, chúng vừa hót và cọ đi cọ lại những dãy ván nằm của những người ốm vừa được mang đi. Rồi chúng tưới dấm đun sôi lên những chỗ đó và chuyển những người nằm cạnh đó sang những quãng trống ở xa hơn.

Song chẳng ăn thua gì, vì cái bệnh ỉa ra máu truyền nhiễm ấy - mà Kunta nghe thấy bọn tubốp gọi là "kiết lỵ" cứ lan hoài, lan mãi. Chẳng bao lâu, anh cũng quằn quại với những cơn đau đầu và đau lưng, rồi sốt nóng hầm hập và sốt rét run người, để rồi cuối cùng thấy ruột gan thắt lại, tháo ra cái chất lầy nhầy máu, mùi khắm lặm. Tưởng chừng ruột gan cũng xổ ra theo, Kunta gần như ngất đi vì đau. Giữa những tiếng la thét, anh gào lên những điều mà chính anh cũng khó tin rằng mình đang thốt ra: "Ômôrô - Ômar, Khalíp[1] Đệ nhị, hàng thứ ba sau đấng Tiên tri Mahamad! Kairaba - Kairaba nghĩa là bình an!" Cuối cùng gào mãi, giọng anh khản đặc lại và hầu như chìm đi không nghe thấy được giữa tiếng nức nở của những người khác. Trong vòng hai ngày hầu như tất cả mọi người trong hầm đều đã mắc kiết lỵ.

Giờ đây, những bọng máu cứ long tong giỏ từ ván nằm xuống lối đi và bọn tubốp không có cách nào tránh khỏi quệt phải hoặc giẫm lên nó khi chúng xuống hầm. Bây giờ, mỗi ngày tù nhân lại được đưa lên boong, trong khi bọn tubốp mang những xô dấm và hắc ín xuống đun sôi bốc hơi để tẩy uế hầm tàu. Kunta cùng các bạn tù chệnh choạng trèo lên qua cửa hầm, đi qua boong tới gieo mình xuống một chỗ và chỗ đó phút chốc đã bê bết máu từ lưng họ và phân lỏng bài tiết từ ruột họ. Mùi không khí thoáng mát như truyền khắp người Kunta, từ đầu đến chân và khi trở về hầm, mùi dấm và hắc ín cũng tác động như vậy, mặc dầu nó chẳng bao giờ có thể dập tắt được sự hôi thối của kiết lỵ.

Trong cơn mê sảng, Kunta thấy loé lên hình ảnh bà nội Yaixa nằm chống tay trên giường nói chuyện với anh lần cuối cùng, khi anh mới là một đứa con nít, và anh nghĩ tới bà Nyô Bôtô, tới những truyện cổ tích bà kể hồi còn ở lứa kafô đầu, như chuyện con cá sấu bị mắc bẫy trên sông và chú bé đến giải thoát cho nó. Miệng rên rẩm và lắp bắp, anh vùng vẫy cấu, đạp mỗi khi bọn tubốp đến gần.

Chẳng bao lâu, phần lớn tù nhân không đủ sức bước đi nữa và bọn tubốp phải dìu họ lên boong để tên tóc bạc có thể bôi cái thứ thuốc mỡ vô hiệu của hắn giữa ánh sáng ban ngày. Ngày nào cũng có người chết và bị vứt qua lan can tàu, trong đó có mấy phụ nữ nữa và hai trong bốn đứa nhỏ - kể cả một số tubốp. Nhiều tên tubốp sống sót phải khó nhọc lắm mới lê được cái thân xác đi quanh quẩn và một trong những tên điều khiển bánh xe của con xuồng lớn phải đứng sẵn trong một cái chậu hứng phân kiết lỵ của y.

Ngày và đêm cứ quyện lẫn vào nhau, cho đến một hôm, Kunta và một số ít tù nhân khác còn có thể lê lết lên khỏi cửa hầm, bỗng trố mắt ngạc nhiên nhìn một tấm thảm rong biển màu vàng óng đang dập dềnh trên mặt nước ở mãi cuối tầm nhìn của họ. Kunta biết rằng biển không thể cứ kéo dài đến vô tận và giờ đây xem chừng như con xuồng lớn sắp sửa đi quá bờ mép của thế giới - nhưng thực ra anh cũng bất cần. Trong thâm tâm anh cảm thấy mình đang tới gần cái kết thúc; anh chỉ không chắc có một điểm là mình sẽ chết bằng cách nào đây.

Anh lờ mờ nhận thấy những tấm vải trắng lớn đang rủ xuống không đầy căng gió như trước nữa. Trên những cây cột, bọn tubốp đang kéo mớ dây dợ nhằng nhịt để xoay những tấm vải sang bên này bên nọ, cố hứng lấy chút gió. Từ tay bọn đứng dưới boong, chúng kéo lên những xô nước, vã vào các tấm vải lớn. Song con xuồng lớn vẫn thiếu gió và chỉ dềnh tới dềnh lui nhè nhẹ trên sóng.

Tất cả bọn tubốp lúc này đều cáu bẳn, thậm chí tên tóc bạc quát cả tên bạn sẹo mặt của hắn, tên này chửi bới đánh đập thủ hạ dữ hơn mọi khi và đến lượt bọn này lại đánh nhau nhiều hơn trước. Nhưng những người tù không bị đánh nữa, trừ một vài trường hợp hiếm hoi, và họ bắt đầu được ở trên boong hầu như suốt cả ban ngày, và điều khiến Kunta ngạc nhiên là mỗi ngày họ được cả một "banh"[2] nước đầy.

Một buổi sáng, khi được đưa từ dưới hầm lên, đám tù trông thấy hàng trăm con cá chim chất đống trên boong. Toán phụ nữ hát rằng đêm qua tubốp đã bật đèn trên boong để nhử cá và chúng đã bẫy lên tàu, sau đó vùng vẫy mãi cũng không thoát nổi. Đêm ấy, cháo ngô được nấu với cá chim và vị cá tươi làm Kunta thích thú đến gai người. Anh ngấu nghiến chén sạch cả xương.

Lần sau, khi rắc cái thứ bột màu vàng xót cứng lên lưng Kunta, tên trùm tubốp đắp vào vai phải anh một tấm băng dày. Kunta hiểu thế nghĩa là xương anh bắt đầu lộ ra, như trường hợp của biết bao người khác, đặc biệt là những người gày chỉ có tí tẹo thịt bọc xương. Miếng băng lại làm cho vai Kunta đau hơn trước. Tuy nhiên, trở xuống hầm

chưa được bao lâu thì máu chảy ri rỉ đã thấm đẫm vải băng làm cho nó tuột mất. Điều đó chẳng hệ trọng gì. Đôi khi tâm trí anh miên man ngẫm nghĩ về những khủng khiếp đã trải qua hoặc về nỗi ghê tởm sâu xa của anh đối với tất cả giống tubốp, song phần lớn anh chỉ nằm trong bóng tối hôi thối, mắt dính nhoèn một chất rử vàng vàng, hầu như không ý thức được là mình hãy còn sống.

Anh nghe thấy những người khác kêu la hoặc cầu Chúa Ala cứu vớt, nhưng anh chẳng biết hoặc chẳng cần biết họ là ai. Anh thường vật vờ chìm trôi vào những giấc ngủ thảng thốt, chập chờn những mảnh mộng linh tình, nào là thấy mình đang làm đồng ở Jufurê, nào những trại ấp xanh rờn cây lá, nào cá nhảy tanh tách từ mặt sông phẳng như gương, nào đùi nai nướng trên đống than hồng, nào những bầu nước trà bốc hơi pha mật ong. Rồi trở lại thao thức, đôi khi anh nghe thấy mình đang lảm nhảm thốt ra những lời dọa nạt cay độc không ăn nhập vào đâu, rồi, ngược với ý muốn của mình, lại lớn tiếng cầu xin được nhìn thấy gia đình lần cuối cùng. Mỗi một người thân - Ômôrô, Binta, Lamin, Xuoađu, Mađi - là một hòn đá trong tim anh. Lòng anh quặn đau khi nghĩ rằng mình đã gây buồn khổ cho họ. Cuối cùng anh cố lái tâm trí hướng sang chuyện khác nhưng không ăn thua. Ý nghĩ của anh cứ luôn luôn quay về một cái gì đại loại như cái trống mà anh sắp sửa làm cho bản thân mình. Anh nghĩ đến chuyện đáng lẽ phải có thể tập xử trống trong những đêm gác ngoài ruộng lạc, ở đó không ai nghe thấy được những chỗ đánh lỗi... Nhưng đến đây, anh lại nhớ đến hôm đi đẵn cái thân cây để làm trống và tất cả mọi chuyện lại ùa trở về trong đầu.

Trong số những người còn sống, Kunta là một trong những kẻ cuối cùng còn đủ sức tụt khỏi ván nằm và leo các bậc thang lên boong, không cần có người dìu. Nhưng rồi đôi chân kiệt lực của anh cũng bắt đầu run và bủn nhủn, và cuối cùng, cả anh nữa cũng phải nửa khiêng nửa kéo lết lên boong. Anh ngồi rũ ra, rên khe khẽ, đầu gục giữa hai đầu gối, mắt toét nhoèn nhắm tịt, chờ đến lượt làm vệ sinh. Bọn tubốp giờ đây dùng một miếng bọt bể lớn có thấm xà phòng, vì sợ bàn chải cứng sẽ làm trầy thêm lưng những người tù vốn đã rách nát và ứa máu. Dù sao Kunta cũng vẫn còn khá hơn số đông chỉ còn nằm nghiêng được, coi bộ như đã ngừng thở.

Trong tất cả bọn họ, chỉ có số phụ nữ và trẻ con còn lại là tương đối khỏe mạnh, họ không bị cùm xích dưới hầm tối với mọi thứ bẩn thỉu, hôi thối, chuột bọ và truyền nhiễm. Người phụ nữ sống sót lớn tuổi nhất vào trạc Binta tên là Mbutô, một người Manđinka ở làng Kêrêoan; tư thế bà đường hoàng và trang nghiêm đến nỗi thậm chí trong sự khỏa thân, bà vẫn như đầy đủ xiêm y. Ngay cả bọn tubốp cũng không dám ngăn bà đi lại, an ủi những tù nam nằm liệt trên boong, xoa ngực và trán hầm hập sốt của họ. "Mẹ! Mẹ!" Kunta thì thào khi cảm thấy bàn tay êm ái của bà, và một người khác, yếu quá không nói được, chỉ hé miệng trong một cố gắng để mỉm cười.

Cuối cùng, thậm chí Kunta không thể ăn được nếu không có người bón. Các bắp thịt ở vai và khuỷu tay anh tướp ra đến nỗi anh không thể nhấc nổi tay để vục vào xoong thức ăn. Bây giờ, tù nhân thường được cho ăn ở trong boong và một hôm Kunta đang cào cào móng tay để với qua mép xoong thì tên tubốp mặt sẹo trông thấy. Hắn sủa ra một mệnh lệnh cho một tên cấp dưới ấn một cái ống rỗng vào miệng Kunta và đổ cháo vào đó. Sặc sụa với chiếc ống, Kunta vừa phì nhớt rãi vừa cố nuốt ực đi, rồi quều quào nằm xấp bụng xuống.

Trời càng ngày càng nóng và ngay cả trên boong, mọi người vẫn thấy ngột ngạt mệt nhoài trong không khí lặng tờ. Nhưng sau một ít ngày nữa, Kunta bắt đầu cảm thấy một hơi gió mát. Những tấm vải lớn trên các cột cao lại bắt đầu lật phật và chẳng bao lâu đã phất phới trong gió. Đám tubốp trên đó lại nhảy nhót như khỉ và phút chốc, con xuồng lớn rẽ nước băng băng, bọt cuộn lên trắng xóa ở đằng mũi.

Sáng hôm sau, nhiều tubốp hơn mọi khi xầm xầm đi xuống qua cửa hầm và sớm hơn bao giờ hết. Với một niềm phấn khởi lớn biểu lộ qua lời nói và cử chỉ, chúng hối hả chạy dọc theo những lối đi, tháo xiềng cho tù nhân và hấp tấp dìu họ lên boong. Lập cập bước qua cửa hầm sau một số người đi trước, Kunta hấp háy mắt trong ánh nắng ban mai, rồi nhìn thấy những tên tubốp khác và toán phụ nữ, trẻ em đứng ở lan can tàu. Cả bọn tubốp đều cười ha hả, hoan hô và hoa chân múa tay loạn xị. Ghé qua khoảng giữa những tấm lưng sứt sẹo của các tù nhân khác, Kunta hiêng hiếng mắt và rồi trông thấy...

Mặc dầu còn lờ mờ ở đằng xa, rành rành đó là một mảnh đất của Chúa Ala, không thể lầm được. Quả là những tên tubốp này có một chỗ để đặt chân thật, một vùng đất đai mà tổ tiên xa xưa bảo là trải suốt từ nơi mặt trời mọc đến nơi mặt trời lặn. Toàn thân Kunta run lên. Mồ hôi hột toát ra và lấp lánh trên trán anh. Cuộc hành trình đang kết thúc. Anh đã sống qua cả chặng đường đó. Nhưng rồi phút chốc, nước mắt anh giàn giụa, làm đường duyên hải nhòe đi thành một làn sương mù xám, chập chờn, vì Kunta biết rằng bất cứ cái gì sắp tới cũng sẽ càng tệ hại hơn.

Chú thích:

[1] Vua Hồi.
[2] Khoảng nửa lít

Chương 40

Trở xuống bóng tối cửa hầm tàu, đám tù nhân lo sợ không dám mở miệng. Trong im lặng, Kunta có thể nghe thấy những xà gồ của con tàu cọt kẹt, tiếng xào xạc của biển vỗ vào thân tàu và tiếng chân rậm rịch của bọn tubốp lăng xăng chạy quanh boong ở trên đầu.

Đột nhiên một người Mandinka bắt đầu ré lên hát mừng Chúa Ala và phút chốc tất cả hòa theo - cho đến khi dấy lên một cơn náo động trộn lẫn cả hát mừng, cầu nguyện và xích sắt vung loảng xoảng với tất cả sức lực có thể dồn lên được cánh tay. Giữa tiếng ồn ào, Kunta không nghe thấy tiếng cửa hầm kẹt mở, nhưng luồng ánh sáng ban ngày chói gắt làm anh im bặt và quay phắt đầu về hướng đó. Hấp háy mắt để gạt bớt rử, anh kèm nhèm ngó bọn tubốp xách đèn vào hầm và bắt đầu lùa họ trở lên boong, với một vẻ vội vã khác thường. Một lần nữa, bọn tubốp khua những chiếc chổi cán dài cọ lớp cáu bẩn đóng bánh trên thân mình mưng mủ của những người tù, không đếm xỉa gì đến tiếng kêu la của họ, trong khi tên tubốp đi xuôi hàng người làm cái công việc rảy bột vàng của hắn. Nhưng lần này, thấy chỗ nào thịt bị loét sâu, hắn ra hiệu cho tên phụ việc to lớn dùng một chiếc bàn chải bẹt, rộng, trát vào một chất đen đen. Khi cái chất đó chạm vào đôi mông trầy trợt của Kunta, anh đau xói lên, choáng váng ngã vật xuống sàn boong.

Đang nằm sóng soài, toàn thân cảm thấy như bị bỏ vào lửa, anh bỗng nghe thấy tiếng anh em lại gào lên kinh hãi, và ngóc đầu dậy, anh trông thấy mấy tên tubốp đang bắt tay vào cái việc chỉ có thể là chuẩn bị ăn thịt bọn họ. Từng cặp một, chúng đẩy anh em tù, thoạt tiên là một người rồi đến người tiếp theo, bắt quỳ xuống trong khi một tên thứ ba xát lên đầu họ một chất sủi bọt trắng rồi với một vật hèm hẹp, bóng loáng, cạo tóc khỏi da đầu, mặc cho máu ròng ròng trên mặt.

Khi chúng tới nắm lấy Kunta, anh hét lên và vật lộn với hết sức mình cho đến khi một cái đá như trời giáng vào mạng sườn khiến anh hộc lên, trong khi da đầu anh thấy tê tê ngầu bọt lên và bị gãi sồn sột. Sau đó, mình mẩy đám tù nhân được thoa dầu bóng nhẫy, rồi chúng bắt họ mặc một thứ khố kỳ lạ có hai lỗ để xỏ chân và che luôn cả hạ bộ. Cuối cùng, dưới sự giám sát chặt chẽ của tên trùm tubốp, họ bị xiềng trong tư thế nằm, dọc theo lan can, trong khi mặt trời lên tới đỉnh.

Kunta nằm đờ đẫn như mụ đi. Anh mường tượng rằng cuối cùng, khi chúng ăn thịt anh và mút xương anh thì hồn anh đã thoát ra hay về với Chúa Ala rồi. Anh đang lặng lẽ cầu nguyện thì những tiếng quát tháo của tên trùm tubốp và tên phụ tá to lớn của hắn làm anh mở mắt vừa đúng lúc để quan sát lũ bộ hạ leo lên những cây cột cao. Có điều lần này, trong khi kéo căng thừng, những tiếng ậm ạch của chúng lại pha lẫn tiếng reo hò phấn khởi và tiếng cười. Một lúc sau, phần lớn những tấm vải trắng lớn trùng lại và rụi xuống.

Lỗ mũi Kunta phát hiện ra một mùi mới trong không khí, thực ra nó là hỗn hợp của nhiều mùi, phần lớn là kỳ dị và xa lạ đối với anh. Rồi anh tưởng chừng nghe thấy những âm thanh mới ở đằng xa, nơi bờ biển. Nằm trên boong, đôi mắt toét nhoèn nửa nhắm nửa mở, anh không thể biết chắc chúng từ đâu lại. Nhưng chẳng mấy chốc, những tiếng đó gần lại, trong khi đó, anh sợ hãi rên lên, hòa vào tiếng rền rĩ của các bạn. Những âm thanh kia mỗi lúc một to, tiếng cầu nguyện lắp bắp của họ cũng vậy - cuối cùng, trong làn gió nhẹ thổi, Kunta có thể ngửi ra mùi thân thể của nhiều tên tubốp không quen. Đúng lúc ấy, con xuồng lớn va mạnh vào một vật gì vững chãi, trơ trơ và nó tròng trành mạnh, đảo tới đảo lui cho đến khi, lần đầu tiên kể từ lúc rời Châu Phi bốn tuần trăng rưỡi trước, nó được néo thừng buộc chặt, rồi nằm im trên bến.

Những con người bị xiềng ngồi sững ra, kinh hoàng. Hai cánh tay Kunta ôm lấy đầu gối và mắt anh nhắm nghiền như toàn thân bị tê liệt. Anh cố nín thở thật lâu chừng nào có thể được để khỏi phải chịu đựng cái đợt sóng những mùi lộn mửa kia, nhưng khi có cái gì đó lộp cộp nặng nề trên boong tàu, anh liền he hé mắt và trông thấy hai tên tubốp mới từ một tấm ván rộng bước xuống, tay cầm một miếng vải trắng ấp lên mũi. Đi lại cử động, nhanh nhẹn, chúng bắt tay tên trùm tubốp lúc này toe toét cười, rõ ràng là đang đon đả muốn làm vừa lòng chúng. Kunta lặng lẽ cầu xin Chúa Ala mở lượng từ bi và khoan dung, trong khi bọn tubốp bắt đầu chạy dọc lan can tháo xích cho những người da đen và hoa chân múa tay quát họ đứng dậy. Khi Kunta và các bạn anh níu chặt lấy dây xích - không muốn buông cái đã gần như trở thành một bộ phận của cơ thể mình - thì những ngọn roi bèn quật xuống đen đét, thoạt tiên là vào đầu, rồi vào lưng họ. Lập tức, giữa những tiếng la hét, họ buông dây xích ra và chệnh choạng đứng dậy.

Nhìn qua sườn tàu xuống bến, Kunta có thể thấy hàng tá tubốp náo nức giậm chân, cười ha hả, chỉ trỏ, trong khi hàng chục tên khác từ khắp ngả chạy tới nhập bọn với chúng. Dưới làn roi vọt, anh em tù bị dồn thành một hàng dọc, chệnh choạng bước qua sườn tàu đi xuống tấm ván dọc, hướng về phía đám đông đang đứng đợi. Đầu gối Kunta như rủ xuống khi chân anh chạm vào mảnh đất tubốp. Nhưng bọn tubốp cầm roi lăm lăm trong tay vẫn thúc họ đi sát vào đám đông đang cười cợt, cái mùi tập thể quánh lại của chúng như một nắm đấm khổng lồ thoi vào mặt Kunta. Mỗi khi một người da đen ngã, miệng gào Chúa Ala, dây xiềng lại kéo theo cả người đằng trước và đằng sau. Roi vọt lại thúc họ đứng dậy trong tiếng reo hò náo nức của đám đông.

Trong Kunta, nổi lên một thôi thúc mãnh liệt xui anh vùng ra chạy trốn, song những ngọn roi vẫn lùa hàng người bị xiềng tiến lên. Họ hì hụi đi qua trước những tubốp cưỡi những cỗ xe kỳ lạ hai bánh và bốn bánh kéo bởi những con vật to tướng trông hơi giống lừa, rồi qua một đám tubốp nhốn nháo quanh một thứ bãi chợ đầy những đống sặc sỡ màu sắc có vẻ như là rau, hoa quả. Một số tubốp ăn vận đẹp đẽ nhìn họ, vẻ ghê tởm, trong khi những tubốp quần áo xoàng xĩnh hơn thì chỉ trỏ và hú lên vui thích. Một trong số này - Kunta nhận thấy - là một tubốp cái, tóc lõa xõa màu rơm. Đã từng chứng kiến bọn tubốp trên tàu hau háu thèm khát phụ nữ da đen như thế nào, anh lấy làm ngạc nhiên thấy giống tubốp cũng có đàn bà của riêng chúng nhưng nhìn cái bản mẫu này, anh có thể hiểu tại sao chúng lại thích phụ nữ Châu Phi hơn.

Kunta liếc mắt nhìn sang bên khi đi ngang qua một nhóm tubốp hò hét như điên quanh hai con gà trống đánh nhau túi bụi. Và tiếng ồn ào đó vừa mới lắng đi đằng sau họ, thì lại gặp một đám khác vừa la vừa nhảy như choi choi để tránh khỏi bị ba thằng nhóc tubốp đâm sầm vào, mấy đứa này đang bổ nháo bổ nhào rượt theo một con ủn ỉn bẩn thỉu kêu eng éc mình bóng nhẫy những mỡ. Kunta không dám tin ở mắt mình nữa.

Thế rồi bất thần như sét đánh, Kunta chợt nhìn thấy hai người da đen không phải trong đám được giải từ con xuồng lớn xuống - một người Manđinka và một người Xêrer, không còn nghi ngờ gì nữa. Anh quay ngoắt đầu đăm đăm nhìn họ lặng lẽ bước sau một tên tubốp. Rút cục thì ra không phải chỉ có mình anh cùng các bạn tù trên mảnh đất khủng khiếp này! Và nếu như hai người này được phép sống thì có lẽ bọn anh cũng không đến nỗi bị bỏ vào chảo nấu. Kunta những muốn xô lại ôm chầm lấy họ: song anh nhìn thấy vẻ mặt không chút thần sắc và nỗi sợ trong cặp mắt cụp xuống của họ. Thế rồi mũi anh bắt được mùi họ: nó có một cái gì làm sao ấy, không ổn. Đầu óc anh quay cuồng: anh không thể hiểu nổi, làm sao những người da đen lại ngoan ngoãn đi theo một tên tubốp không cần ngó ngàng tới họ hoặc thậm chí cũng chả thèm mang vũ khí, mà không tìm cách chạy trốn - hoặc giết béng hắn đi.

Anh không có thì giờ nghĩ thêm về chuyện đó, vì bất thình lình họ thấy mình đứng trước cánh cửa mở của một ngôi nhà lớn vuông vắn xây bằng gạch hình chữ nhật, có những song sắt rào những ô trồng dọc sườn nhà. Bọn tubốp gác cổng quật roi lùa đoàn người bị xiềng vào trong sân, rồi vào một căn phòng lớn. Chân Kunta thấy man mát khi đặt lên sàn nhà rắn chắc. Trong ánh sáng lờ mờ lọt qua hai ô mở rào chấn song sắt, đôi mắt hấp háy của anh nhận ra năm bóng người da đen nép vào nhau dọc một bức tường. Thậm chí họ cũng không buồn ngẩng đầu lên khi bọn tubốp khóa cổ chân, cổ tay Kunta và đồng bạn vào những còng sắt dày kèm những đoạn xích ngắn gắn vào tường.

Cùng với anh em khác, Kunta co ro ngồi xuống, tỳ cằm vào hai đầu gối bó lại, tâm trí choáng váng, quay cuồng với tất cả những gì đã trông thấy, nghe thấy và ngửi thấy từ lúc bước chân khỏi con xuồng lớn. Một lát sau, một người da đen khác bước vào. Không nhìn ai cả, anh ta đặt trước mỗi người vài hộp sắt tây đựng nước và thức ăn, rồi vội vã bỏ đi. Kunta không đói, song cổ anh khô se lại, đến nỗi cuối cùng, anh không thể ngăn mình hớp một chút nước; mùi nó là lạ. Anh đờ đẫn ngắm ánh ngày tàn dần và chuyển thành bóng tối qua những khoang rào chấn song sắt.

Càng ngồi đó Kunta càng ngụp vào một nỗi kinh hoàng không thể xác định. Anh cảm thấy hầu như thích cái hầm tàu tối mít hơn, vì ở đó, ít ra anh đã đạt đến chỗ đoán biết được điều gì sắp đến. Anh rúm người lại mỗi khi có một tên tubốp vào buồng ban đêm; mùi chúng lạ lẫm và nồng nặc. Anh đã quen với những mùi khác nhau - mồ hôi, nước đái, những thân người bẩn thỉu, mùi thối hoắc khi một tù nhân nào đó quằn quại tháo dạ, trong khi những người khác vừa cầu kinh, vừa chửi thề, vừa rên rẩm, vừa giựt xiềng loảng xoảng.

Bỗng nhiên, mọi tiếng ồn ào ngừng bặt khi một tubốp bước vào, mang theo một cái đèn như loại được dùng ở trên con xuồng lớn và đằng sau hắn là một tubốp khác đang lấy roi đánh một người da đen mới, người này kêu những câu gì nghe như tiếng tubốp. Phút chốc, anh ta bị xiềng lại và hai tên tubốp đi khỏi. Kunta cùng các bạn vẫn ngồi yên, nghe những tiếng rền rĩ kêu đau của người mới tới.

Kunta cảm thấy là sắp rạng đông. Thốt nhiên không biết từ đâu vẳng tới tâm trí anh cái giọng kim sắc gọn của vị kintangô, rành rọt như giữa kỳ rèn luyện trưởng thành: "Kẻ nào biết quan sát kỹ và học giống vật mới là người khôn ngoan". Điều đó gây một chấn động mạnh đến nỗi Kunta ngồi thẳng người dậy. Phải chăng, rốt cuộc, đây là một lời phán truyền của Chúa Ala? Học giống vật - điều đó, ở nơi đây, vào lúc này có nghĩa là thế nào nhỉ? Bản

thân anh cũng giống như một con vật bị mắc bẫy. Anh hình dung trong đầu những con vật mắc bẫy mà anh đã thấy. Ờ, đôi khi có những con trốn thoát được trước khi bị giết. Chúng là những con vật như thế nào?

Cuối cùng câu trả lời đã đến với anh. Những con vật đã thoát ra khỏi bẫy, theo anh biết, là những con không lồng lộn trong bẫy để yếu dần đến độ kiệt sức, những con trốn thoát đã biết nén mình chờ đợi một cách lặng lẽ, giữ sức cho đến khi những người bẫy chúng tới và lợi dụng sự sơ ý của họ, trút hết năng lượng bùng lên một đợt công kích tuyệt vọng - hay, khôn ngoan hơn, chạy trốn trở lại tự do.

Kunta cảm thấy tỉnh táo nhanh nhẹn hơn gấp bội. Đây là hy vọng tích cực đầu tiên của anh kể từ sau vụ âm mưu tập thể định tiêu diệt bọn tubốp trên con xuồng lớn. Giờ đây, tâm trí anh níu chặt lấy hy vọng đó: trốn. Anh phải làm ra vẻ chịu thất bại trước mặt bọn tubốp. Anh không được lồng lộn hay đấu tranh gì hết, anh phải làm như thể đã từ bỏ mọi hy vọng.

Nhưng ngay cả nếu anh tìm cách thoát thân được, thử hỏi anh sẽ chạy đi đâu? Anh có thể trốn đâu được trên mảnh đất lạ này? Vùng quê xung quanh Jufurê thì anh thuộc lầu như trong lều riêng của mình, nhưng ở đây, anh chẳng biết đâu vào đâu cả. Thậm chí anh cũng không biết tubốp có rừng không, hoặc giả nếu có, liệu anh có tìm ra được trong đó những dấu hiệu mà một người đi săn có thể lợi dụng không? Kunta tự nhủ những vấn đề đó hẵng để vậy, bao giờ đến sẽ liệu.

Khi những tia sáng đầu tiên của rạng đông lọc qua song cửa sổ, Kunta lăn ra ngủ chập chờn. Nhưng vừa mới nhắm mắt được tí ti - anh cảm thấy thế - gã da đen lạ mặt mang nước và thức ăn đã đến làm anh thức giấc. Bụng Kunta đói quặn lại, nhưng mùi thức ăn làm anh buồn nôn, và anh quay mặt đi. Anh cảm thấy lưỡi mình lườm lượm và sưng vều. Anh cố gắng nuốt cái thứ cháo nhớt trong miệng, đau cả cổ họng.

Anh đờ đẫn nhìn các bạn cùng bị bắt trên con xuồng lớn; tất cả đều như không trông, không nghe thấy gì - thu mình vào vỏ ốc. Kunta quay đầu quan sát năm người có mặt trong buồng này khi họ tới. Hai gã có nước da nâu sáng mà các bậc huynh trưởng bảo là kết quả của việc một tubốp nào đó ngủ với một phụ nữ da đen. Rồi Kunta nhìn anh chàng mới được đưa đến hồi đêm, gã ngồi gục, chúi về đằng trước, máu khô kết lại trên tóc và bê bết bộ quần áo tubốp mặc trên người, một cánh tay lủng lẳng một cách ngượng nghịu, rõ ràng là bị gẫy.

Thời gian tiếp tục trôi và cuối cùng, Kunta lại ngủ thiếp đi - để rồi lại bị một bữa ăn khác đến đánh thức dậy, tuy nhiên lần này muộn hơn nhiều. Đó là thứ cháo nóng bốc hơi, ngửi mùi còn tệ hơn cái món được đem đặt trước mặt anh hồi nãy. Anh nhắm mắt lại để khỏi nhìn nó, song khi hầu hết các bạn tù đều vớ lấy bát và nuốt nghiến cái của nợ ấy, anh độ chừng là, xét cho cùng, nó cũng chẳng đến nỗi quá quắt lắm. Nếu muốn trốn khỏi nơi này, Kunta nghĩ, mình cần phải có sức. Anh cần tự ép mình ăn chút đỉnh - một tí tẹo thôi. Cầm lấy bát, anh đưa lên miệng và húp, và nuốt ừng ực cho đến hết nhẵn. Ghê tởm ngay chính mình, anh dằn mạnh bát xuống và bắt đầu oẹ, nhưng rồi lại cố nén xuống. Anh cần phải giữ thức ăn trong người nếu muốn sống.

Từ hôm ấy trở đi, mỗi ngày ba lần, Kunta tự buộc mình ăn cái món đáng ghét ấy. Gã da đen mang thức ăn, mỗi ngày một bận xách xô, xẻng cuốc đến dọn sạch sẽ. Và mỗi chiều một bận, hai tubốp tới bôi thêm cái chất lỏng đen đen xót giẫy nảy lên những vết loét nặng nhất của đám tù nhân và rảy bột vàng lên những nốt nhỏ hơn. Kunta tự khinh bỉ mình vì sự yếu đuối đã khiến anh giãy lên và kêu đau cùng với những người khác.

Qua cửa sổ chấn song, Kunta đếm được sáu ngày và năm đêm. Bốn đêm đầu, anh loáng thoáng nghe thấy từ đâu đó không xa lắm, tiếng la thét của phụ nữ mà anh nhận ra là các chị em cùng chuyến tàu. Anh và các bạn đã phải ngồi lặng đó, mặt nóng bừng với nỗi nhục bất lực không bảo vệ được nữ đồng loại của mình, chưa nói chi đến bản thân. Nhưng đêm nay còn tệ hơn nữa vì tịnh không có tiếng phụ nữ kêu. Điều khủng khiếp gì mới đã xập xuống đầu họ vậy?

Gần như ngày nào cũng có một hoặc nhiều gã da đen kỳ dị mặc quần áo tubốp, bị đẩy rúi vào phòng và xích lại. Phục xuống dựa mình vào tường hoặc nằm co quắp trên sàn, tất cả đều mang rành rành dấu hiệu vừa bị đánh, coi bộ không biết mình đang ở đâu hoặc bất cần những gì có thể sắp xảy đến với mình. Rồi, thường thường là không quá một ngày sau, một tubốp bộ dạng quan trọng bước vào phòng tay cầm một mảnh vải bịt mũi và lần nào cũng vậy, một trong số tù nhân mới liền sợ hãi kêu thất thanh - trong khi tên tubốp vừa quát vừa đánh anh ta, sau đó người da đen này bị đưa đi biệt.

Mỗi khi thấy thức ăn trong bụng đã lắng, Kunta cố ngừng suy nghĩ để ngủ. Dù chỉ mấy phút nghỉ ngơi cũng tạm xóa đi được trong chừng này thời gian cái nông nỗi kinh khủng này mà, không biết vì lý do gì, lại là ý thánh linh

của Chúa Ala. Những khi không ngủ được - mà đa phần thời gian là thế - Kunta thường cố gắng lái tâm trí về những chuyện khác ngoài gia đình và làng bản, vì cứ nghĩ đến cái đó, anh lại khóc nức nở.

Chương 41

Ngay sau bữa cháo sáng thứ bảy, hai tubốp ôm một ôm quần áo vào căn phòng có cửa sổ chấn song. Lần lượt từ người tù khiếp đảm được tháo xiềng và bày cách mặc quần áo, một cái che từ thắt lưng xuống chân và cái thứ hai che thân trên. Khi Kunta mặc vào, những vết loét – vốn đã bắt đầu có dấu hiệu lên da non – lập tức đâm ngứa.

Một lát, anh bắt đầu nghe thấy những tiếng nói bên ngoài, mỗi lần một to hơn. Nhiều tubốp đang tụ tập, cười nói, cách cửa sổ chấn song không xa. Kunta và các bạn ngồi trong những bộ quần áo tubốp, sợ thắt ruột, không biết những gì sắp xảy tới.

Khi hai tên tubốp trở lại, chúng hấp tấp tháo xiềng cho ba trong số năm người da đen có mặt ở đây đầu tiên và áp giải họ ra khỏi phòng. Cả ba người này xem vẻ đều thản nhiên như thể chuyện đó trước đây đã xảy đến với họ khá nhiều lần nên chẳng có gì quan trọng nữa. Rồi phút chốc, giọng của đám tubốp bên ngoài bỗng đổi khác; nó nhỏ bặt đi, thế rồi một tubốp bắt đầu hô. Kunta lắng nghe những tiếng hô kỳ lạ, cố gắng một cách vô hiệu để đoán xem bọn kia nói gì: "Khỏe như vâm! Thằng mọi này sáng dạ ra phết!". Và chốc chốc lại có những tubốp khác xen vào kêu lớn:"Ba trăm rưỡi!" "Bốn trăm!". Và tên tubốp đầu tiên lại rao to:"Hãy thử nói sáu trăm đi nào! Nhìn nó mà coi! Làm khỏe như trâu nhé!"

Kunta rùng mình sợ hãi, mặt ròng ròng mồ hôi, hơi thở tắt lại trong cổ họng. Khi bốn tubốp bước vào phòng – hai tên lúc đầu cộng thêm hai tên mới nữa – Kunta cảm thấy như mình bị liệt. Cặp tubốp mới đứng ngay bên trong cửa ra vào, một tay cầm gậy ngắn, tay kia cầm một vật gì nhỏ bằng kim khí. Hai tên kia đi dọc tường bên phía Kunta tháo các còng sắt. Người nào kêu hoặc vùng vẫy liền bị đánh bằng một sợi dây da ngắn và dày. Mặc dầu thế, khi thấy bị chạm vào người, Kunta vẫn gầm gừ, vừa vì giận dữ, vừa vì kinh hãi. Một nhát roi vào đầu lọng óc; anh chỉ lờ mờ cảm thấy sợi xích gắn vào còng giựt giựt. Khi đầu anh bắt đầu tinh tường trở lại, anh thấy mình được sắp trên cùng một hàng sáu người xiềng chặt với nhau loạng choạng bước qua khung cửa rộng ra ngoài trời quang.

"Vừa mới tuyển ở rừng ra!" Tên to mồm rao đang đứng trên một cái bọc gỗ thấp, với hàng trăm tubốp khác xúm xụm trước mặt. Trong khi bọn chúng há hốc mồm, khoa chân múa tay, Kunta nheo mũi lại vì mùi hôi đậm đặc của chúng. Anh thoáng thấy một số người da đen trong đám tubốp, song nét mặt họ coi bộ như chẳng nhìn thấy gì hết. Hai gã trong số đó đang giữ dây xích chằng hai người da đen vừa được đưa từ căn phòng có cửa rào chấn song. Lúc này, tên to mồm bắt đầu rảo bước dọc theo hàng Kunta và các bạn anh, đưa mắt đánh giá họ từ đầu đến chân. Rồi hắn đi ngược lên đầu hàng người, vừa thúc cán roi vào ngực, vào bụng họ, vừa thốt ra những lời rao kỳ quái: "Tài như khỉ! Có thể huấn luyện làm được bất cứ việc gì!" rồi quay lại cuối hàng, hắn thô bạo thúc Kunta đến chỗ cái bục. Nhưng Kunta chỉ còn biết run lên, không sao cử động được; y như thể mọi giác quan đã biến đâu mất. Cán roi thúc buốt nhói lớp da đóng vẩy trên đôi mông lở lói của anh; đau điếng hầu như muốn quỵ xuống Kunta trệu trạo bước lên và tên tubốp khóa đánh cách đầu xích rời vào một vật bằng sắt.

"Thượng hảo hạng – trẻ mềm mại!" tên tubốp rao. Kun ta đã tê cứng người vì khiếp sợ đến nỗi anh hầu như không để ý tới đám đông tubốp xáp lại gần hơn quanh anh. Rồi với gậy ngắn và cán roi, chúng banh đôi môi mím chặt của anh để xem xét hai hàm răng cắn vào nhau và dùng tay không sờ nắn mọi chỗ: dưới nách, trên lưng, ngực, bộ phận sinh dục. Rồi một số tên đã củ sóat người Kunta bèn bước giật lùi và hô lên những tiếng kỳ lạ.

"Ba trăm đô la! … ba trăm năm mươi!". Tên tubốp to mồm cười chế nhạo. "Năm trăm!...sáu!". Hắn có vẻ bực mình "Đây là một thằng nhọ trẻ hảo hạng! Hình như tôi nghe ai trả bảy trăm năm mươi thì phải?".

Hắn nhắc lại tiếng đó mấy lần, rồi gào lên: "Tám nào!" cho đến khi một ngươi nào đó trong đám đông lớn tiếng đáp lại gợi ý đó. Và hắn chưa kịp nhắc lại thì một người khác đã hét: "Tám trăm rưỡi!".

Không ai trả thêm nữa. Tên tubốp rao giá tháo xích cho Kunta và đẩy anh về phía một tên tubốp đang bước lên phía trước. Kunta cảm thấy một xung lực thúc anh hành động ngay lúc đó, song anh biết mình sẽ không thành công trót lọt – và dù sao đi nữa, chân anh vẫn dường như không cất lên nổi.

Anh nhìn thấy một gã da đen bước sau lão tubốp mà tên rao giá vừa giao cho sợi xích dắt anh. Đôi mắt Kunta cầu khẩn gã da đen nọ, mà diện mạo mang rành rành những nét đặc điểm của người Uôlôt, Người Anh Em, Bạn Cùng

Một Xứ Sở Với Tôi… Song gã da đen thậm chí như không nhìn thấy anh gã giựt mạnh dây xích làm cho Kunta loạng choạng đằng sau mình và họ bắt đầu tiến qua đám đông. Một số tubốp trẻ cười cợt chế nhạo và lấy gậy thọc vào người Kunta khi họ đi ngang, nhưng cuối cùng, họ bỏ đám đông lại sau lưng và gã da đen dừng lại trước một thứ hòm to tướng đặt lơ lửng tách khỏi mặt đất trên bốn bánh xe, đằng sau một trong những con vật từa tựa như lừa mà anh đã trông thấy trên đường từ con xuồng lớn tới đây.

Với một tiếng hầm hừ bực dọc, gã da đen túm lấy mông Kunta, đẩy lên qua mép và rúi vào sàn cái hòm; anh rụng xuống thành một đống, tai nghe thấy đầu xích rời lại khóa đánh cách vào một cái gì bên dưới một chiếc ghế cao phía trên cái hòm, đằng sau con vật.

Hai cái bao tải lớn đựng một thứ gì ngửi như là thóc được chất cạnh chỗ Kunta nằm. Hai mắt anh nhắm tịt, anh cảm thấy mình không muốn nhìn lại bất cứ cái gì – nhất là tên hắc gian khốn kiếp kia.

Sau một lát tưởng chừng như rất lâu, mũi Kunta mách anh rằng lão tubốp đã trở lại. Lão tubốp nói cái gì đó, rồi cùng gã da đen trèo lên ghế trước, gieo cả sức nặng xuống làm ghế kêu cót két. Gã đen kêu một tiếng ngắn và quất một chiếc roi da đánh đét trên lưng con vật; lập tức, nó bắt đầu kéo cái hòm di động chuyển bánh về phía trước.

Kunta bàng hoàng đến nỗi, hồi lâu không nghe thấy sợi xích bắt vào chiếc còng cổ chân anh va lách cách vào sàn hòm. Khi ý nghĩ trong đầu trở lại minh bạch, anh không biết là đã đi được bao xa rồi, và anh hé mắt vừa đủ để xem xét kỹ sợi dây xích ngay gần kề. Phải, nó nhỏ hơn cái chuỗi đã xiềng chặt anh trên con xuồng lớn, nếu anh thu hết sức lực vùng ra, liệu nó có bựt khỏi chiếc hòm không nhỉ?

Kunta thận trọng ngước mắt lên nhìn lưng hai tên ngồi đằng trước, lão tubốp ngồi ngay đuỗn ở một đầu chiếc ghế gỗ dài, còn gã đen thõng thượt đầu đằng kia. Cả hai đều trân trân nhìn về phía trước như thể không hề biết rằng mình đang ngồi cùng ghế với nhau. Dây xích hình như được vít chặt vào một chỗ nào đó trong bóng tối dưới gầm ghế; anh quyết định chưa phải lúc nhảy chạy trốn.

Mùi những bao thóc bên cạnh sực nức át tất cả, song anh vẫn ngửi thấy lão tubốp cũng gã lái xe da đen – và lát sau, lại ngửi thấy cả một số người da đen khác, ngay gần đấy. Khẽ khàng không một tiếng động , Kunta nhích cái than thể đau nhừ lên dựa vào thành hòm gồ ghề, nhưng vẫn sợ không dám ngóc đầu qua mép hòm nên không nhìn thấy họ đâu cả.

Vừa nằm trở xuống thì lão tubốp ngoái đầu lại, hai luồng mắt gặp nhau. Kunta cảm thấy sợ toát người, như muốn lả đi, nhưng lão tubốp chẳng tỏ vẻ gì và lát sau, lại quay lưng lại… Thái độ dửng dưng của lão tubốp làm anh dạn lên, anh lại ngồi nhổm dậy – lần này nhô cao hơn – và nghe thấy một tiếng hát xa xa, mỗi lúc một to dần lên. Phía trước, không bao xa anh thấy một tubốp cưỡi trên lưng một con vật khác cũng giống như con kéo chiếc hòm di động. Hắn cầm một chiếc roi xoắn, và một chuỗi dây xích nối liền con vật với những còng tay của khoảng chừng hai mươi người da đen – hoặc nói đúng, phần lớn là da đen, trừ một số da nâu – đang bước thành một hàng dọc trước mặt hắn.

Kunta hấp háy và hiếng mắt để nhìn cho rõ hơn. Trừ hai phụ nữ mặc quần áo đầy đủ, còn tất cả đều là đàn ông và đều ở trần từ thắt lưng trở lên, họ đang hát, giọng buồn tủi sâu xa. Anh lắng nghe kỹ lời hát, nhưng không hiểu gì cả. Khi chiếc hòm di động chầm chậm vượt qua họ, cả đám người đen lẫn tên tubốp không buồn liếc mắt về phía đó, mặc dù hai bên kề giáp tới mức chạm nhau. Kunta thấy lưng họ hầu hết đều chằng chịt vết roi, một số còn mới toanh; anh đoán thử một số bộ lạc của họ: Fula Yôruba, Moritanya, Uôlôt, Manđinka. Về những người này, anh dám chắc hơn số còn lại, trong đó phần lớn chịu cái bất hạnh có bố là tubốp.

Phía bên kia đám người đen, đến hết tầm xa mà đôi mắt toét nhoèn của Kunta có thể nhìn thấu, trải ra những cánh đồng mênh mông, hoa mầu mọc nhiều màu sắc khác nhau. Ven đường có một cánh đồng trồng một loại cây mà anh nhận ra là ngô. Cũng như ở Jufurê sau vụ gặt, các thân cây đều nâu và tỉa hết bắp.

Lát sau, lão tubốp cúi xuống lấy ra ít bánh mì và thịt ở một cái túi dưới gầm ghế, bẻ mỗi thứ một miếng đặt lên ghế giữa lão với gã da đen, gã này lấy mũ đỡ lấy và bắt đầu ăn. Mấy phút sau, gã đen quay lại ném một cái nhìn dài về phía Kunta đang ngó trân trân và đưa cho anh một mẩu bánh mì. Từ chỗ nằm, Kunta có thể ngửi thấy mùi bánh thơm phức làm anh nhỏ rãi, nhưng anh ngảnh đầu đi chỗ khác. Gã đen nhún vai và bỏ tọt miếng bánh vào mồm mình.

Cố gắng không nghĩ đến cơn đói, Kunta nhìn ra ngoài và trông thấy phía cuối một cánh đồng một nhóm người lom khom như đang làm việc. Có lẽ họ là người da đen, anh nghĩ vậy, nhưng họ ở xa quá, khó mà chắc được. Anh khịt khịt mũi, cố bắt lấy mùi họ trong không khí nhưng không được.

Vào lúc mặt trời lặn, chiếc hòm di động gặp một cái khác giống như nó đi ngược chiều, do một tubốp lái, với ba đứa trẻ da đen thuộc lứa kafô đầu ngồi đằng sau. Lê bước trong dây xiềng đằng sau cái hòm là bảy người da đen – bốn đàn ông ăn vận rách rưới và ba phụ nữ mặc áo dài thô. Kunta thắc mắc tại sao những ngươi này không hát; rồi khi họ vụt qua, anh trông thấy vẻ tuyệt vọng sâu sắc trên mặt họ. Không biết bọn tubốp đưa họ đi đâu, anh tự hỏi.

Hoàng hôn thẫm bóng dần, bày dơi đen nhỏ bé bắt đầu kêu choe chóe và chập choạng bay đây đó, y như ở bên Châu Phi. Kunta nghe thấy lão tubốp bão gã da đen cái gì và phút chốc cái hòm rẽ vào một con đường nhỏ. Kunta ngồi dậy và chẳng bao lâu trông thấy xa xa một ngôi nhà lớn màu trắng thấp thoáng qua những hàng cây. Bụng anh bỗng thắt lại: Lạy Chúa Ala, chuyện gì sẽ xảy ra đây? Phải chăng đây là nơi anh sắp sửa bị ăn thịt? Anh lại gieo mình xuống và nằm lịm như chết rồi.

Chương 42

Trong khi chiếc hòm lăn bánh mỗi lúc mỗi đến gần ngôi nhà, Kunta bắt đầu ngửi thấy – rồi nghe thấy – thêm nhiều người da đen khác. Chống khuỷu tay nhổm dậy, anh chỉ nhận ra ba bóng người đang tiến lại gần trong đêm bắt đầu buông. Người to lớn nhất trong bọn đang ve vẩy một ánh lửa nhỏ như kiểu đèn đã trở thành quen thuộc với Kunta những lần bọn tubốp xuống khoang hầm tối của con xuồng lớn, có điều đốm lửa này được đóng khung trong một cái gì sáng lấp lánh không phải là kim loại. Trước nay, anh chưa bao giờ trông thấy vật gì giống như thế cả nó chói gắt, nhưng ta có thể nhìn xuyên qua như thể không có nó ở đó. Tuy nhiên, anh không có dịp quan sát nó kỹ hơn vì ba người da đen vội vàng bước sang một bên nhường lối cho một tubốp khác đi qua và tiến tới chỗ cái hòm xịch đỗ bên cạnh hắn. Hai tubốp chào nhau, rồi một gã da đen giơ cao đốm lửa cho lão tubốp trong hòm nhìn rõ mà bước xuống gặp tên kia. Họ nồng nhiệt xiết chặt tay nhau và cùng đi về phía ngôi nhà.

Hy vọng trào lên trong lòng Kunta. Liệu bây giờ những người da đen có thả anh ra không? Song anh vừa mới nghĩ vậy thì ánh đèn bỗng soi tỏ mặt họ: họ đang đứng nhìn anh qua thành xe và đang cười anh. Những gã này là cái giống da đen gì mà lại miệt thị người đồng chủng và làm việc như dê chó cho bọn tubốp? Gốc gác chúng ở đâu vậy? Bề ngoài, nom chúng như người Phi, nhưng rõ ràng chúng không phải quê quán ở Châu Phi.

Rồi cái gã lái chiếc hòm di động chặc lưỡi thúc con vật, ra roi vun vút và chiếc hòm chuyển bánh về phía trước. Bọn da đen dưới kia bước theo bên cạnh vẫn cười cợt, cho đến khi nó lại dừng. Gã lái xe nhảy xuống đi lộn lại và trong ánh đèn, giật mạnh dây xích Kunta, vừa tháo nó khỏi gầm ghế vừa hầm hè như hăm dọa, rồi ra hiệu cho Kunta ra khỏi hòm.

Kunta dẹp ý muốn bổng bột thôi thúc anh nhảy xổ vào bóp cổ bốn tên da đen. Bọn chúng quá lợi thế, phải đợi thời cơ sau này thôi. Từng đường gân thớ thịt của anh như muốn kêu lên trong khi anh tự ép mình, quỳ lên và bắt đầu lồm ngồm giật lùi trong hòm xe. Thấy anh lâu quá, hai tên da đen sốt ruột túm lấy Kunta, phũ phàng kéo anh qua thành hòm và gần như quăng xuống đất. Một lát sau, gã lái khóa đánh cách đầu rời của dây xích Kunta quanh một cái cột lớn.

Kunta đang nằm, tràn ngập đau đớn, lo sợ và căm giận thì một gã da đen đặt trước mặt anh hai chiếc hộp sắt tây. Trong ánh lửa, Kunta thấy một hộp gần đầy nước, còn hộp kia đựng một thứ đồ ăn gì nom lạ và ngửi cũng lạ. Mặc dù thế, nước miếng vẫn trào trong miệng anh và chảy xuống cổ họng, song anh không cho phép thậm chí mắt mình đụng đậy. Bọn da đen theo dõi anh và cười.

Giơ cao đèn, gã lái đi lại chỗ cây cột lớn và giật hết sức chuỗi xích bị khóa vào đó, rõ ràng để Kunta thấy là đừng hòng phá tung nổi. Rồi gã lấy chân chỉ vào hai hộp nước và đồ ăn, miệng hầm hè đe dọa trong khi bọn bốn tên kia lại cười lớn và bỏ đi.

Kunta nằm đó trên mặt đất, trong bóng tối, chờ cho cái ngủ tóm lấy chúng, bất kể chúng đã rút vào đâu. Anh mường tượng trong đầu thấy mình đang bổ lui bổ tới hoài một cách tuyệt vọng, giằng dây xích với tất cả sức lực có thể vận dụng cho đến khi nó đứt và anh trốn thoát đến… Đúng lúc đó, anh ngửi thấy một con chó đang lại gần, và nghe thấy nó khịt khịt một các kỳ lạ. Không hiểu sao, anh cảm thấy nó không phải là kẻ thù của mình. Nhưng rồi khi con chó lại gần hơn, anh nghe thấy tiếng nhai và tiếng răng va lách cách vào hộp sắt tây. Mặc dầu anh không thiết ăn, Kunta vẫn giận dữ chồm lên gầm gừ như một con báo. Con chó bỏ chạy và được một quãng ngắn, bắt đầu sủa nhặng lên. Lát sau, một cánh cửa gần đấy kẹt mở và có người cầm đèn chạy về phía anh. Đó là gã lái xe, Kunta ngồi nhìn trân trân với một nộ khí lạnh lùng trong khi gã lái lo lắng xem xét dây xích quanh chân cột và ở chỗ gắn vào còng chân Kunta. Trong ánh sang vàng vọt lờ mờ, Kunta thấy gã lái tỏ vẻ thỏa mãn với cái hộp thức ăn đã sạch trơn. Cất giọng khàn hừ một tiếng, gã bước trở về lều để mặc Kunta trong bóng tối với nỗi hoài ước giá mình có thể bóp nghiến cổ con chó trong tay.

Sau một lát, Kunta mò mẫm xung quanh tìm hộp đựng nước và uống một chút, nhưng cũng chẳng cảm thấy dễ chịu hơn tí nào; thực tế, sức lực như đã rút khỏi cơ thể anh, tựa hồ anh chỉ còn là một cái vỏ. Từ bỏ ý định giựt đứt xích, chí ít là trong lúc này, anh cảm thấy như Chúa Ala đã quay lưng lại mình – nhưng tại sao nhỉ? Anh đã làm điều gì gớm ghiếc thế? Anh cố gắng điểm lại mọi việc có chút ý nghĩa nào đó, dù phải dù trái, mà anh đã làm cho tới cái buổi sáng đi đẵn gỗ làm cái trống cho riêng mình; rồi đến lúc anh nghe thấy, quá muộn, tiếng một nhành cây gẫy rắc. Anh thấy dường như tất cả những lần anh bị trừng phạt trong đời, đều do bất cẩn và sơ ý.

Kunta nằm nghe dế kêu, chim đêm rào rào vỗ cánh, chó sủa xa xa và một lần nghe thấy một con chuột đột nhiên chóe lên rồi tiếng rau ráu xương nó bị nhai trong miệng con vật đã giết nó. Thỉnh thoảng, ý muốn chạy trốn lại thôi thúc, làm anh căng thẳng, song anh biết dù có giựt đứt được xích thì tiếng loảng xoảng ắt mau chóng đánh thức một tên nào đó trong những lều gần đấy.

Cứ thế anh nằm, chẳng nghĩ đến chuyện ngủ nghê gì cả, mãi cho đến khi ló những tia sáng đầu tiên của rạng đông. Ráng hết sức vật lộn với tứ chi đau rần để quỳ dậy, anh bắt đầu đọc kinh xuba. Thế nhưng khi cúi mình áp trán xuống đất, anh mất thăng bằng, suýt ngã nghiêng, anh cáu kỉnh nhận ra mình đã yếu đi biết bao.

Khi vừng đông dần dần hừng sáng, Kunta lại với lấy hộp nước và uống nốt chỗ còn lại. Vừa uống cạn thì những tiếng chân xáp gần báo cho anh biết bốn gã da đen đang quay lại. Chúng hối hả nhấc Kunta trở lại chiếc hòm di động được đánh tới chỗ ngôi nhà lớn màu trắng, nơi lão tubốp đang chờ để leo lên ghế ngồi. Và Kunta chưa kịp hiểu ra thì họ đã ở trên đường cái, vẫn đi về hướng cũ như trước.

Hồi lâu, trong ánh ngày rạng dần, Kunta nằm lơ đãng nhìn sợi dây xích lách cách trên sàn hòm, gắn chặt vào dưới gầm ghế. Rồi đôi mắt đầy căm thù của anh xoáy một lúc vào lưng lão tubốp và gã da đen ngồi đằng trước. Anh ước gì có thể giết được chúng. Anh tự nhắc nhở mình rằng nếu muốn sống sót, như đã từng sống sót qua bao đận cho tới nay thì phải giữ sao cho các giác quan được tập trung, phải tự chủ, phải ép mình chờ đợi, không được tiêu phí sức lực, cho đến khi nào biết chắc là đúng thời cơ.

Vào khoảng giữa buổi sáng, Kunta nghe thấy một tiếng động mà anh biết ngay là một người thợ rèn đang quai búa trên kim khí, ngẩng đầu lên, Kunta căng mắt nhìn và cuối cùng xác định là tiếng động phát ra từ một chỗ nào đó bên kia một lùm cây rậm rạp họ đang đi ngang qua. Anh thấy nhiều cây rừng vừa mới hạ, gốc bị đánh bật lên và ở một số nơi, khi chiếc hòm di động lọc cọc lướt qua, Kunta trông thấy và ngửi thấy khói xám bốc lên từ những bụi cây khô bị đốt. Anh tự hỏi phải chăng đó cũng là cách bọn tubốp làm mầu đất để trồng vụ mùa tới, như vẫn thấy ở Jufurê.

Sau đó, xa xa trước mặt, anh thấy một lều nhỏ vuông vức ở bên đường. Hình như nó được làm bằng gỗ thỏi, và trên một mảnh đất phát quang trước lều, một tubốp đực đang hì hục đằng sau một con bò thiến. Hai tay gã ấn mạnh đôi càng cong cong của một vật gì to rộng do con bò thiến kéo, đang xé đất. Đến gần hơn, Kunta trông thấy hai tubốp nữa, gầy và xanh xao đang ngồi xổm dưới một gốc cây, xung quanh có ba con ủn ỉn cũng gầy trơ xương đang rũi đất và mấy con gà mổ bới kiếm mồi. Một tubốp cái tóc đỏ đứng ở cửa lều. Rồi ba tubốp con lao qua trước mặt ả này, vừa la vừa vẫy về phía chiếc hòm di động. Nom thấy Kunta chúng cười the thé và chỉ trỏ, anh trừng trừng nhìn lại như thể chúng là một đám linh cẩu con. Chúng chạy theo bên cạnh xe một quãng dài rồi mới quay lại và Kunta hiểu ra rằng anh đã chính mắt thấy một gia đình tubốp thật sự.

Hai lần nữa, Kunta lại trông thấy cách xa đường cái những ngôi nhà tubốp lớn màu trắng giống như ở nơi chiếc xe đã dừng lại đêm trước. Mỗi ngôi cao bằng hai nóc nhà như thể cái nọ chồng lên cái kia, phía trước có một dãy ba bốn cái cột đồ sộ, to như những thân cây và cao gần như thế, cạnh mỗi nhà có một cụm lều nhỏ, tối, mà Kunta đoán là để cho bọn da đen ở, và bao quanh là cánh đồng bông rộng mênh mông, tất cả đều mới gặt xong, đây đó điểm một vài khóm trắng.

Tới một chỗ, giữa hai ngôi nhà lớn đó, chiếc hòm di động vượt qua hai người khác thường đi bên vệ đường. Thoạt đầu, Kunta tưởng họ là da đen, nhưng khi xe lại gần hơn, anh thấy da họ đỏ nâu và tóc dài buộc lủng lẳng ngang lưng như sợi dây thừng; họ đi giày mặt khố tựa hồ làm bằng da, bước nhẹ thoăn thoắt và mang cung tên. Họ không phải tubốp, cũng chẳng là người Phi, cả đến mùi họ cũng khác. Họ là loại người gì nhỉ? Cả hai đều như không để ý thấy chiếc hòm di động đi qua, tung bụi bao quanh họ.

Khi mặt trời bắt đầu lặn, Kunta quay mặt về hướng Đông và lúc anh thầm lặng đọc kinh cầu nguyện Chúa Ala ban chiều thì mặt trời bắt đầu sẩm tối. Sau hai ngày không chịu ăn miếng nào trong những thứ được mang đến tận miệng, anh kiệt sức đến nỗi đành nằm lả nơi đáy chiếc hòm di động, hầu như chẳng thiết gì đến những điều xảy ra chung quanh.

Nhưng lát sau, Kunta vẫn cố nhổm dậy được lần nữa và nhìn qua thành cửa khi chiếc hòm dừng lại. Gã lái tụt xuống, treo một cái đèn sát cạnh hòm, trở lại ghế ngồi và lại tiếp tục cuộc hành trình. Sau một hồi lâu, lão tubốp nói một câu ngắn và gã da đen đáp lại; từ khi khởi hành ngày hôm ấy, đây là lần đầu tiên hai tên trao đổi với nhau một tiếng. Chiếc hòm lại dừng và gã lái chui ra, vứt một thứ mền chăn cho Kunta nhưng anh mặc kệ, không thèm để ý. Lão trở lên chỗ ngồi, gã lái và lão tubốp kéo mền chăn phủ lên người và lại bắt đầu đi.

Mặc dầu chẳng mấy chốc đã thấy rét run. Kunta vẫn không chịu với tay ra kéo chăn đắp, vì anh không muốn làm vừa lòng chúng. Chúng đưa chăn cho mình – anh nghĩ – thế nhưng chúng vẫn xiềng mình; mà người đồng loại với mình thì chẳng những giương mắt đứng nhìn, mặc cho mọi sự xảy ra mà thực tế còn làm thay công việc bẩn thỉu của bọn tubốp nữa. Kunta chỉ còn biết có một điều: Anh phải trốn thoát khỏi cái nơi ghê sợ này – hoặc là chết trong khi làm việc đó. Anh không dám mơ ước được thấy lại Jufurê, song nếu được như vậy, anh nguyện sẽ làm cho tất cả đất nước Găмbia biết xứ sở bọn tubốp này thật sự như thế nào.

Khi chiếc hòm di động đột ngột rẽ khỏi đường cái, đi vào một con đường nhỏ gồ ghề hơn, thì Kunta đã gần như rét cóng. Anh lại bắt cái thân thể đau nhừ của mình ngóc lên đủ để hiếng mắt nhìn vào bóng tối – và đằng xa kia, anh thấy chập chờn cái màu trắng ma quỷ của một ngôi nhà lớn khác. Cũng như đêm hôm trước, nỗi sợ về những gì sẽ xập xuống đầu mình, giờ đây lại lồng lên trong Kunta khi họ tới trước ngôi nhà – nhưng thậm chí anh cũng không ngửi thấy dấu hiệu gì về lũ tubốp hoặc da đen mà anh đinh ninh là sẽ ra đón xe.

Cuối cùng, khi chiếc hòm dừng lại hẳn, lão tubốp ngồi trên băng ghế đằng trước anh làu bàu nhảy xuống đất, cúi mình và rún lên rún xuống mấy lần cho khỏi tê cơ bắp, rồi nói vắn tắt với gã lái xe, đồng thời ngoắt tay về phía Kunta, và đi về phía tòa nhà lớn.

Vẫn không thấy có thêm người da đen nào khác xuất hiện và trong khi chiếc hòm di động kẽo kẹt tiến về phía những cái lều gần đó, Kunta nằm ườn ở đằng sau, giả vờ tỏ vẻ dửng dưng. Song anh đang căng thẳng từng thớ thần kinh đến độ quên cả đau. Lỗ mũi anh phát giác ra mùi những người da đen gần đấy. Tuy nhiên, chẳng thấy ai ló ra. Hy vọng trỗi dậy mạnh hơn. Dừng xe lại gần chỗ những túp lều, gã da đen tụt xuống đất, nặng nề và lóng ngóng, lê bước về phía căn lều gần nhất, chiếc đèn lập lòe trong tay. Trong khi gã đẩy cửa, Kunta theo dõi và chờ gã đi vào, sẵn sàng vùng chạy, nhưng gã chợt quay trở lại chỗ chiếc hòm. Thò tay xuống gầm ghế, gã tháo xích và cầm lấy đầu kia, đi vòng ra sau xe. Tuy nhiên, một cái gì đó khiến Kunta vẫn ném mình lại. Gã da đen giựt mạnh xích và sủa một tiếng cộc cằn với Kunta. Trong khi gã thận trọng theo dõi, Kunta khó nhọc lồm cồm chống cả hai chân hai tay dậy – cố làm ra vẻ yếu hơn thực tế - và bắt đầu bò giật lùi chậm chạp và vụng về hết sức mình. Đúng như anh mong đợi, gã da đen sốt ruột cúi gần lại và với một cánh tay lực lưỡng, xốc Kunta lên kéo qua thành xe, đồng thời hích đầu gối lên đẩy Kunta ngã nhào xuống đất.

Đúng lúc đó, Kunta bật lên – hai tay như đôi hàm chuyên nghiến xương của loài linh cẩu ngoạm lấy cái cổ họng to tướng của gã lái xe. Chiếc đèn rơi xuống đất khi tên da đen chúi về phía sau với một tiếng kêu khan, rồi hắn vùng đứng thẳng lại, đôi bàn tay to lớn đấm mạnh, cấu xé mặt và cằng tay Kunta. Song, cách nào đó, Kunta vẫn dồn được sức lực để bóp chặt cổ hắn hơn nữa, đồng thời với cái phẫn chí của kẻ cùng đường, vặn mình tránh những cú búa bổ của tên lái xe đánh trả bằng nắm tay, bằng chân, bằng đầu gối. Gọng kìm của Kunta không chịu nhả chút nào, kỳ tới lúc tên da đen, cuối cùng, loạng choạng ngật người về phía sau và rụn xuống với một tiếng ùng ục tận trong cuống họng và lả đi mềm nhũn.

Vùng dậy, sợ một tiếng chó sủa hơn mọi thứ khác trên đời, Kunta lảng như cái bóng ra khỏi tên lái xe ngã gục và cây đèn bị lật ngược. Anh chạy lom khom, xéo qua những thân cây bông giá băng. Cơ bắp anh bao lâu không vận động, giờ đây đau nhói, nhưng luồng không khí lạnh ào tới mát rượi làn da đem lại cảm giác khoan khoái và anh phải tự nén lòng để khỏi hú to lên niềm sung sướng được thấy mình tự do đến cuồng dại như thế!

Chương 43

Những cây leo và bụi gai nơi bìa rừng như với tay ra túm lấy và cào vào chân Kunta. Vung tay gạt chúng sang bên, vấp ngã rúi rụi rồi lại đứng lên, anh dấn bước tiếp mỗi lúc một sâu thêm vào rừng. Nhưng anh tưởng thế thôi, vì tới một quãng, cây bắt đầu thưa đi và anh bỗng đột nhập vào một đám cây bụi thấp. Trước mặt anh là một cánh đồng bông khác và quá nữa, lại một ngôi nhà trắng đồ sộ khác với những túp lều nhỏ tối tăm bên cạnh. Choáng váng và hốt hoảng, Kunta lao trở lại vào rừng, hiểu ra rằng tất cả những gì anh đã làm rút lại chỉ là xuyên qua một dải rừng hẹp ngăn cách hai trang trại tubốp lớn. Khom mình núp sau một cái cây anh lắng nghe tiếng đập trong tim, trong đầu mình và anh bắt đầu cảm thấy nhói buốt ở bàn tay, cánh tay và chân. Liếc nhìn xuống trong ánh trăng vằng vặc, anh thấy chân tay đều bị gai cào toạc máu. Nhưng điều làm anh hoảng hơn cả là trăng đã xuống trong bầu trời chẳng mấy chốc sẽ rạng đông, Anh biết mình còn rất ít thời giờ để quyết định, bất kể việc sắp phải làm là gì.

Lảo đảo bước tiếp, mãi một lát sau, Kunta mới hiểu ra rằng cơ bắp anh không thể tha mình đi xa hơn nữa. Anh phải rút lui vào tìm chỗ nào rậm rạp nhất trong rừng và trốn ở đó. Thế là anh trầy trật rẽ lối quay lại, đôi lúc bò bốn chân, vướng cẳng vướng tay vào những dây leo, mãi tới khi rút cuộc lọt vào một lùm cây um tùm. Mặc dầu hai lá phổi như muốn nổ tung, Kunta vẫn tính chuyện leo lên ẩn trên một cây, song tấm thảm lá dày, êm dưới chân mách anh rằng, các cây đã trụi nhiều lá, ở trên đó có thể dễ lộ, cho nên chỗ trốn tốt nhất là ở dưới đất.

Anh lại bò toài và cuối cùng, đúng vào lúc trời bắt đầu rạng, cố định lại một nơi dày đặc bụi rậm. Ngoại trừ tiếng thở khò khè của bản thân anh, mọi vật đều rất yên tĩnh và điều đó khiến anh nhớ lại những đêm dài một mình canh gác ruộng lạc với con chó uôlô trung thành. Chính giữa lúc đó, anh nghe thấy đằng xa có tiếng một con chó sủa ông ổng. Có lẽ anh chỉ nghe thấy trong tưởng tượng thôi – anh nghĩ vậy, đồng thời bật dậy, cảnh giác dỏng tai nghe ngóng. Nhưng tiếng sủa lại vọng đến – lần này những hai con. Anh không còn mấy thì giờ.

Quỳ xuống quay mặt về hướng đông, anh cầu Chúa Ala giải cứu, và đúng lúc cầu xong, tiếng sủa ông ổng lại vẳng tới, lần này gần hơn. Kunta quyết định cứ nấp ở nguyên chỗ là tốt nhất, nhưng chỉ vài phút sau, khi lại nghe thấy tiếng gầm gừ xáp gần hơn nữa, anh có cảm giác như chúng biết đích xác chỗ mình nấp và tứ chi anh không để cho anh nán lại đó thêm phút nào nữa. Anh lại trườn vào một bụi cây, sục sạo tìm một chỗ sâu hơn, kín đáo hơn nữa. Từng phân từng tấc lết đi trong bụi gai cào tướp tay chân là cả một cực hình, nhưng mỗi tiếng chó kêu lại càng thúc anh bò nhanh hơn. Vậy mà tiếng chó sủa vẫn cứ to thêm, gần thêm và Kunta dám chắc tai mình lúc này còn nghe thấy cả tiếng người quát đằng sau lũ chó.

Thấy mình di chuyển không đủ nhanh, anh bật dậy, bắt đầu chạy rúi rụi qua các bụi gai, ráng sao cho vừa lặng lẽ vừa nhanh hết mức mà tình trạng kiệt sức của anh cho phép. Gần như ngay tức khắc, anh nghe thấy một tiếng nổ, choáng đến rủn đầu gối và ngã nghều ngoào vào một bụi thạch nam rằng rịt.

Lúc này lũ chó đang gừ gào ngay ở rìa lùm cây rậm. Sợ run người, Kunta thậm chí có thể ngửi thấy chúng. Lát sau, chúng sục sạo qua đám cây bụi thấp nhằm thẳng tới chỗ anh. Kunta nhổm người quỳ lên hai đầu gối đúng lúc hai con chó xầm xầm bổ qua bụi rậm và chồm lên quật ngã anh, vừa gầm gừ nhớt rãi ròng ròng, vừa đớp, rồi nhảy lùi để phốc tới anh lần nữa. Bản thân Kunta cũng gầm gào, lồng lộn đánh trả, dùng tay cào cấu để đẩy chúng ra, đồng thời cố bò giật lùi tách khỏi chúng. Rồi anh nghe thấy tiếng người quát tháo từ chỗ rìa bụi rậm, và lại một tiếng nổ nữa lần này to hơn nhiều. Trong khi hai con chó có phần nào ngơi tấn công, Kunta nghe thấy đám người vừa chửi thề vừa lấy dao phát bụi rậm xông tới.

Đằng sau lũ chó gầm rít, trước hết anh thấy tên da đen đã bị anh bóp cổ. Một tay hắn cầm con dao to tướng, tay kia lăm lăm chiếc dùi cui và một cuộn dây thừng coi bộ sát khí đằng đằng. Kunta nằm ngửa máu me, hai hàm răng nghiến chặt để khỏi kêu thét, yên trí sẽ bị chặt ra từng mảnh. Rồi Kunta trông thấy lão tubốp đã đưa anh đến đây xuất hiện đằng sau gã da đen, mặt đỏ chọi đầm đìa mồ hôi. Kunta chờ đợi ánh chớp lóe và tiếng nổ mà anh biết, từ hồi trên con xuồng lớn, có thể phát ra từ cây gậy lửa đang chĩa vào anh, trên tay một tên tubốp thứ hai trước đây anh chưa từng thấy. Nhưng lúc này đây lại chính là tên da đen lồng lộn lao tới, hắn đang dơ dùi cui lên thì lão tubốp trùm sỏ quát lớn.

Gã da đen dừng lại và lão tubốp thét chó lùi lại sau. Rồi lão tubốp bảo tên da đen cái gì đó, tên này bèn bước lên, giở cuộn thừng. Một đòn nặng nề nện vào đầu Kunta và cũng may làm anh choáng váng tê dại. Anh chỉ lơ mơ biết rằng mình bị trói chặt đến nỗi thừng nghiến cả vào làn da đã chảy máu sẵn, rồi gần như được nâng dậy khỏi bụi cây

gai và bị thúc đi. Hễ anh mất thăng bằng ngã xuống là lại ăn một roi xé ngang lưng. Cuối cùng khi tới bìa rừng, Kunta trông thấy ba con gì từa tựa như lừa buộc ở gần mấy cái cây.

Khi đến gần mấy con vật, anh ráng vùng chạy một lần nữa, nhưng chỉ một cái giật ác hiểm đầu dây đằng kia là đủ khiến anh bổ chửng – và xơi mấy cái đá vào mạng sườn. Lúc này tên tubốp thứ hai cầm thừng đi trước Kunta, lôi anh xềnh xệch về phía một cái cây gần chỗ buộc mấy con vật nọ. Đầu thừng rời được vắt qua một cành thấp, và gã da đen nắm lấy kéo cho đến khi chân Kunta hầu như không chạm đất.

Chiếc roi của lão tubốp trùm sỏ bắt đầu vun vút quật vào lưng Kunta. Anh đau đớn quằn quại, không chịu kêu tiếng nào, tuy nhiên mỗi nhát như xé anh làm đôi và cuối cùng anh bật thét, song trận đòn roi vẫn tiếp tục.

Sau rốt, khi roi ngừng giáng xuống, Kunta hầu như đã bất tỉnh. Anh mơ hồ cảm thấy mình được hạ xuống và đổ rụi trên mặt đất, rồi lại được bốc lên, đặt nằm thõng thẹo trên lưng một con vật rồi anh nhận ra có sự di chuyển.

Điều tiếp theo mà Kunta nhận biết được – anh không rõ bao nhiêu thời gian đã trôi qua – là mình đang nằm ngửa dạng tay dạng chân trong một thứ lều nào đó. Anh để ý thấy mỗi cổ tay, cổ chân mình có một cái còng sắt gắn liền với một sợi xích và bốn sợi xích đó được cố định vào bốn chân cột ở các góc lều. Khẽ đụng đậy một tí là đau điếng, thành thử hồi lâu, anh cứ nằm bất động hoàn toàn, mặt đầm đìa mồ hôi, hơi thở rồn gấp, hổn hển.

Nằm yên không nhúc nhích, anh thấy phía trên mình có một ô vuông nhỏ mở ra đón ánh sáng ban ngày. Liếc mắt anh lại thấy một chỗ hõm vào tường, và trong đó có một khúc gỗ đã cháy phần lớn và một ít tro. Mé bên kia có một vật lù lù rộng và phẳng, bọc vải, đặt trên sàn với những cộng ngô thò ra ở các lỗ rách. Anh đoán có thể cái đó dùng làm giường nằm.

Khi chiều chạng vạng sẫm bóng qua ô trống phía trên anh, Kunta nghe thấy từ rất gần, có tiếng một cái tù và rúc lên, thật lạ tai. Và sau đó không lâu, lại thấy những giọng nói mà do anh ngửi mùi, anh biết là của nhiều người da đen đang đi qua gần chỗ mình. Rồi anh ngửi thấy mùi nấu nướng đồ ăn. Bụng đói quặn, nhịp đập thình thình trong đầu, lưng đau xói và chân tay bị gai cào nát, ngần ấy thứ quyện lẫn vào nhau, khiến anh tự rầy mình đã không bắt chước một con vật sa lưới biết chờ một cơ hội tốt hơn hẵng trốn. Đáng ra trước hết, anh phải quan sát để biết kỹ hơn về cái chốn xa lạ này và những kẻ vô đạo ở đây.

Kunta đã nhắm nghiền mắt thì cửa lều kẹt mở, anh ngửi thấy mùi gã da đen đã bị anh bóp cổ, và đã góp sức bắt anh. Anh nằm im giả vờ ngủ - cho đến lúc một cái đá hiểm ác vào mạng sườn làm anh bừng mở to mắt. Với một tiếng chửi thề, gã da đen đặt một cái gì xuống ngay trước mặt Kunta, ném một cái chăn lên mình anh và trở ra, đóng sầm cửa đằng sau.

Mùi thức ăn trước mặt làm dạ dày Kunta đau thắt lại, gần như chẳng kém cái đau nơi lưng. Cuối cùng anh mở mắt. Đó là một thứ cháo bột mì cùng một thứ gì như thịt đắp lên một cái hộp sắt tây tròn bẹt và một quả bầu tròn trùng trục đựng nước đặt bên cạnh. Hai cổ tay bị dang ra khiến anh không thể cầm lên được, nhưng cả hai thứ đều vừa sát tầm miệng. Vừa đúng lúc sắp làm một miếng thì Kunta ngửi ra mùi thịt của giống ủn ỉn bẩn thỉu và dạ dày anh cộn lên, thốc tháo nôn mật xanh mật vàng ra hộp sắt tây.

Suốt đêm anh nằm chập chờn lúc ngủ lúc thức và bàn khoăn tự hỏi về những người đen nọ trông thì hệt như người Phi mà lại ăn thịt ủn ỉn. Điều đó có nghĩa rằng tất cả bọn họ đều là những kẻ xa lạ - hoặc phản bội – với Chúa Ala. Lặng lẽ anh cầu xin Chúa Ala tha thứ trước nếu chẳng may môi anh có đụng phải chút thịt ủn ỉn nào mà không biết hoặc thậm chí ngộ nhỡ có ăn gì ở một cái đĩa đã từng đựng thịt ủn ỉn.

Một lát sau khi bình minh lại ló ra sau ô vuông trống, Kunta nghe thấy tiếng tù và kỳ lạ rúc lên một lần nữa; rồi bay tới mùi nấu nướng đồ ăn cùng tiếng những người da đen hối hả chạy lui chạy tới. Rồi cái thằng cha anh khinh ghét lại tới, mang theo thức ăn và nước. Nhưng khi thấy là Kunta đã mửa lên cái món bữa trước không đụng tới, gã xổ ra một tràng câu chửi tục, cúi xuống và trát tuột vào mặt Kunta. Rồi gã đặt thức ăn mới và nước trước mặt anh và bỏ đi.

Kunta tự nhủ là lát nữa hẵng cố nuốt, còn bây giờ anh quá nôn nao, thậm chí không buồn nghĩ đến chuyện ăn nữa. Lát sau anh nghe thấy cửa lại mở, lần này anh ngửi thấy mùi tubốp hôi nồng nặc. Kunta nhắm tịt mắt, nhưng khi tên tubốp làu bàu giận dữ, anh sợ phải ăn một cái đá nữa, đành mở mắt ra. Anh thấy mình đang ngước lên nhìn trừng trừng vào bộ mặt ghét cay ghét đắng của tên tubốp đã mang anh về đây; cái mặt ấy đỏ bừng cuồng nộ. Tên tubốp thốt ra những tiếng nguyền rủa và khoa chân khoa tay dậm dọa, ý muốn bảo rằng nếu anh không ăn thì sẽ bị đòn nữa. Rồi bỏ đi.

Kunta cố nhích được bàn tay trái đến chỗ tên tubốp vừa đặt chân, lấy ngón cào cào một rúm đất ở đó. Kéo rúm đất lại gần hơn, Kunta nhắm chặt mắt lại, kêu gọi ma quỉ hãy đời đời rủa nguyền cái bào thai đã sinh ra tên tubốp và gia đình hắn.

Chương 44

Kunta đã đếm được bốn ngày, ba đêm trong lều. Và mỗi đêm, anh đều nằm nghe tiếng hát từ những lều gần đó bay sang – và càng cảm thấy mình càng Phi hơn bao giờ hết, kể cả hồi còn ở ngay làng quê. Họ là cái loại người đen gì mà lại hát cho qua thì giờ tại đây, trên đất của bọn tubốp, anh nghĩ thầm. Anh băn khoăn không biết có bao nhiêu người đen kỳ lạ này trên toàn bộ đất tubốp, nhưng con người dường như không biết hoặc không cần biết mình là ai, hoặc là cái gì.

Kunta cảm thấy gần gũi đặc biệt với mặt trời, mỗi lần hừng đông. Anh nhớ lại lời ông già từng là thủ chỉ đã nói trong hầm tối con xuống lớn: "Mỗi ngày, vầng thái dương mới lại nhắc ta rằng mặt trời mọc ở Châu Phi chúng ta vốn là cái rốn của trái đất".

Mặc dầu chân tay bị bốn sợi xích căng ra, anh đã tập cho đến khi học được cách nhích lưng và mông từng tí một, tới tới, lui lui, để xem xét kỹ hơn những vành sắt nhỏ nhưng dày, giống như vòng đeo tay, bắt chặt các sợi xích vào bốn cột ở bốn góc lều. Những cột này to bằng bắp chân dưới anh, và anh biết chẳng có hy vọng gì làm gẫy được hoặc kéo bật được cái nào lên khỏi nền đất nện rất chắc, vì phần trên cột xuyên qua cả mái lều. Bằng mắt rồi bằng ngón tay, Kunta thận trọng xem xét những lỗ nhỏ ở những vòng sắt dày nọ, anh đã thấy bọn bắt anh tra một cái gì hèm hẹp bằng kim khí vào lỗ ấy và vặn đánh tách một cái. Hễ lắc một cái vòng là xích lại kêu loảng xoảng khá to khiến người ngoài có thể nghe thấy cho nên anh từ bỏ cách ấy. Anh thử cho một cái vòng vào mồm và ráng hết sức cắn thật mạnh, cuối cùng, một cái răng gãy, đau buốt đến tận óc.

Kiếm một chút đất kha khá hơn đất nền nhà để làm bái vật cầu ma quỷ, Kunta lấy ngón tay cạo ra một mẩu bùn khô cứng đờ đỏ trát giữa những thoi gỗ. Thấy trong cục bùn có những sợi lông đen ngắn, anh tò mò xem cho kỹ; khi nhận ra đó là lông của giống ủn ỉn bẩn thỉu, anh vứt tuột đi và chùi sạch bàn tay đã cầm nó.

Buổi sáng thứ năm, tí chút sau tiếng tù và báo thức rúc lên, gã da đen bước vào và Kunta căng người ra khi thấy cùng với chiếc dùi cui ngắn bẹt thường lệ, thằng cha còn mang theo hai chiếc còng sắt dày. Hắn cúi xuống khóa hai cổ chân Kunta vào còng nối liền với một dây xích nặng nề. Xong đâu đấy, hắn mới lần lượt tháo bốn sợi dây xích căng chân căng tay Kunta. Cuối cùng được tự do cử động, Kunta không đừng được bật dậy – chỉ để đón quả đấm chờ sẵn của tên da đen đánh quỵ xuống. Kunta đang rướn người đứng trở lại, thì một bàn chân đi ủng thúc rất ác vào mạng sườn. Vừa đau vừa tức điên người, anh loạng choạng đứng lên một lần nữa và lại bị đánh ngã mạnh hơn. Anh đã không hiểu ra rằng những ngày nằm ngửa sóng sượt đã phá hoại sức lực anh đến mức nào và giờ đây anh nằm thở không ra hơi trong khi gã da đen đứng sừng sững bên anh với một vẻ như nói với Kunta rằng y sẽ còn đánh gục anh cho đến khi nào anh hiểu ra ai là chủ.

Lúc này tên da đen ra hiệu thô bạo cho Kunta đứng dậy. Thấy anh thậm chí không chống nổi hai tay, hai đầu gối để nhấc người dậy, y văng tục, kéo thốc anh đứng lên và đẩy về phía trước, đôi còng chân buộc Kunta phải tập tễnh một cách vụng về.

Thoạt đầu, ánh ngày tột cùng rực rỡ làm anh quáng mắt, nhưng một lúc sau, anh bắt đầu nhận ra một dãy người da đen hối hả đi thành một hàng dọc, theo sát đằng sau là một tubốp cưỡi một con "ngựa" như anh đã nghe thấy người ta gọi con vật kỳ lạ ấy là thế. Ngửi mùi, Kunta biết đây là tên cầm thừng sau khi Kunta bị hai con chó vây hãm. Có khoảng mươi mười hai người đen – đàn bà thì chít những mảnh vải đỏ hoặc trắng trên đầu, đàn ông và trẻ con thì phần đông đội mũ rơm rách tươm; có mấy người để đầu trần và nhìn đến cuối tầm mắt, Kunta vẫn không thấy ai đeo lá bùa xaphi nào quanh cổ hoặc nơi cánh tay. Nhưng một số đàn ông mang cái gì từa tựa như những con dao dài, to bản và dãy người xem chừng đang hướng về phía cánh đồng lớn. Anh nghĩ chắc đây là những người anh nghe thấy hát hoài hồi đêm. Với họ anh không cảm thấy gì khác ngoài nỗi khinh bỉ. Đưa cặp mắt hấp háy ngoái lại nhìn, Kunta đếm số lều họ ở. Có mười cái kể cả của anh – tất cả đều rất nhỏ, cũng như lều anh, và chẳng có cái vẻ to tát như những lều đất ở làng anh, mái thơm mùi tranh. Những lều này được bố trí thành hàng, mỗi hàng năm cái – Kunta nhận thấy chúng được sắp đặt sao cho bất cứ sự gì diễn ra trong đám người đen ở đây đều có thể thấy được từ tòa nhà trắng lớn.

Đột nhiên, gã da đen lấy ngón tay chọc chọc vào ngực Kunta rồi thốt lên: "Mày – mày Tôby!" Kunta không hiểu, vẻ ngỡ ngàng hiện ra nét mặt, cho nên gã đen cứ tiếp tục chọc ngón tay vào và nói đi nói lại câu đó hoài. Kunta từ từ vỡ nhẽ ra rằng gã da đen này đang cố gắng làm cho anh hiểu điều gì đó mà hắn nói bằng thứ tiếng kỳ lạ.

Thấy Kunta vẫn ngẩn tò te nhìn trừng trừng vào hắn gã da đen bèn chọc chọc vào chính ngực mình: "Tao Xamxơn!" Hắn kêu "Xamxơn!" Hắn lại chuyển ngón tay xỉa vào Kunta "Mày! Tôby! Tôby! Me-xừ bảo mày tên Tôby!"

Khi bắt đầu thấu hiểu ý hắn, Kunta phải hết sức tự chủ, mới nén được cơn điên giận tràn ngập trong lòng, nét mặt vẫn không mảy may lộ dấu hiệu gì tỏ ra là hiểu. Anh những muốn thét lớn: "Tao là Kunta Kintê, con trai đầu của Ômôrô vốn là con trai của bậc thánh nhân Kairaba Kunta Kintê!"

Mất hết kiên nhẫn trước sự ngu xuẩn bề ngoài của Kunta, tên da đen chửi thề, nhún vai và dẫn anh tập tễnh bước vào một túp lều khác, tại đó hắn ra hiệu cho Kunta tắm rửa bằng một chậu sắt tây to rộng đựng nước. Hắn ném vào đó một mảnh vải và một miếng gì nâu nâu; mũi Kunta mách anh đó là một thứ tương tự như loại xà phòng mà phụ nữ Jufurê vẫn làm bằng nước mỡ nóng trộn với nước kiềm nhỏ giọt qua tro củi. Gã da đen quàu quạu nhìn Kunta lợi dụng cơ hội để tắm rửa. Xong xuôi, gã da đen ném cho anh vài cái quần áo tubốp để che ngực, che chân, rồi một cái mũ rơm vàng khè đã sờn, giống như của những người kia. Không biết dưới sức nóng của mặt trời Châu Phi thì các bọn vô đạo này sẽ xoay sở ra sao. Kunta tự hỏi.

Sau đó gã da đen lại dẫn anh đến một túp lều khác. Bên trong lều, một mụ già cáu kỉnh dằn mạnh một đĩa sắt tây thức ăn trước mặt Kunta. Anh nuốt ực đĩa cháo đặc và ăn một thứ giống như bánh munkô, chiêu bằng một thứ canh nóng màu nâu có vị thịt bò đựng trong một vỏ bầu tròn. Tiếp đó họ đến một túp lều hẹp, rúm ró, mới ngửi mùi đã biết trước nó dùng để làm gì. Làm bộ như tụt quần, gã đen khom lưng trên một cái lỗ to khoét vào một chỗ ngồi bằng ván gỗ và rặn ì ạch như chính hắn đang ỉa vậy. Một đống nhỏ lõi ngô chất ở trong góc, Kunta không biết ý nghĩa nó là thế nào. Nhưng anh đoán mục đích của gã đen là chỉ vẽ những cung cách lề thói của tubốp – mà anh muốn học được tất cả những gì có thể học, để dễ bề trốn thoát hơn.

Gã da đen dẫn anh đi qua mấy căn lều tiếp theo và họ đi ngang một ông già ngồi trong một cái ghế kỳ dị đu đưa tới, lui chầm chậm trong khi ông lấy rác ngô nỏ đan thành thứ gì đó mà Kunta đoán là một cái chổi. Không ngước lên, ông già liếc nhìn về phía anh, không có vẻ gì là ác cảm, nhưng Kunta tỉnh bơ lờ đi.

Chọn lấy một trong những con dao dài to bản mà Kunta đã thấy đám người lúc nãy mang theo, gã đen hất đầu về phía cánh đồng xa, làu bàu ra hiệu cho Kunta đi theo mình. Tập tễnh trong những còng sắt cọ xước cổ chân, Kunta trông thấy trên cánh đồng trước mặt toàn phụ nữ và trẻ con đen hết cúi xuống lại ngẩng lên, lượm và chất đống những thân ngô đằng sau đám đàn ông vung dao chặt những gốc ngô ngả xuống soàn soạt.

Phần lớn toàn đàn ông để lưng trần, bóng nhẫy mồ hôi. Kunta dõi mắt tìm một vết dùi sắt nung đỏ đánh dấu như ở trên lưng anh, nhưng chỉ thấy sẹo roi. Tên tubốp phóng con "ngựa" tới, trao đổi mấy câu cộc lốc với gã đen, rồi chằm chằm nhìn Kunta, vẻ hăm dọa, trong khi gã đen ra hiệu cho anh chú ý.

Phát được khoảng một tá thân ngô, gã đen quay lại khom khom, và làm hiệu cho Kunta nhặt lấy và chất thành từng đống như những người kia. Tên tubốp thúc ngựa lại gần bên cạnh Kunta, roi lăm lăm và vẻ quàu quạu trên mặt nói lên rành rành ý đồ của hắn nếu Kunta không chịu vâng lời. Giận điên lên vì nỗi bất lực của mình, Kunta cúi xuống nhặt lấy hai thân ngô. Phân vân anh nghe thấy tiếng dao của gã đen chém soàn soạt đằng trước. Anh lại cúi xuống nhặt hai cây ngô nữa, rồi lại cây nữa. Anh có thể cảm thấy những cái nhìn của đám người đen từ những luống kề đấy dán vào anh, và trông thấy chân con ngựa của tên tubốp. Anh cũng có thể cảm thấy sự nhẹ nhõm của những người đen kia khi, cuối cùng, những chân ngựa phóng vụt đi.

Không cần ngẩng đầu, Kunta vẫn trông thấy tên tubốp phi ngựa đây đó tới mọi chỗ hắn thấy có ai làm không đủ nhanh để vừa ý hắn; khi đó, cây roi trong tay hắn liền quật đánh đét trên một cái lưng trần, kèm theo một tiếng quát giận dữ.

Đằng xa Kunta trông thấy một con đường cái. Trên con đường đó, mấy lần trong buổi chiều nóng nực, qua những giọt mồ hôi chảy ròng ròng trên trán và rớt vào mắt cay xè, anh thoáng thấy một người cưỡi ngựa đơn độc và hai lần thấy một chiếc xe kéo. Ngảnh đầu sang phía kia, anh trông thấy bìa cánh rừng anh đã trốn vào, định tẩu thoát. Và từ chỗ anh đang chất đống những thân ngô lúc này, anh mới rõ cánh rừng quả là hẹp và sở dĩ anh bị tóm là vì không nhận ra điều đó từ trước. Sau một lát, Kunta phải thôi không nhìn về hướng đó nữa, vì nỗi thôi thúc lại nhói lên, giục anh vùng lên, bổ nhào về phía những hàng cây nọ, hầu như không sao cưỡng nổi. Dù sao mỗi lần nhấc chân đều nhắc nhở rằng anh sẽ không tài nào chạy nổi đến năm bước qua cánh đồng với những còng sắt này. Trong khi làm suốt buổi chiều, Kunta quyết định là lần sau, trước khi định trốn, phải kiếm cho ra một thứ khí giới nào đó để đánh nhau với lũ chó và người đuổi bắt. Không một bày tôi nào của Chúa Ala được phép không đánh trả khi bị

tấn công, anh tự nhắc nhở như vậy. Dù đó là chó hay người, trâu điên hay sư tử đói, đã là con trai của Ômôrô thì đừng có nghĩ đến chuyện từ bỏ chiến đấu.

Sau khi mặt trời lặn tiếng tù và lại vang lên – lần này ở đằng xa. Trong khi nhìn những người da đen nọ hối hả sắp hàng, Kunta ước gì mình có thể thôi không nghĩ rằng họ thuộc những bộ lạc bề ngoài giống hệt họ bởi vì họ chỉ là những kẻ vô đạo không xứng đáng hòa lẫn với những người cùng bị bắt với anh trên con xuồng lớn.

Song cái bọn tubốp thật ngu xuẩn biết bao: Những người mang dòng máu Fulani – dù chỉ là những mẫu tồi như thế này – đáng lẽ phải để họ chăn nuôi gia súc, thì chúng lại đem dùng vào việc hái ngô; ai cũng biết rằng người Fulani sinh ra để chăn gia súc, rằng quả thực, dân Fulani và gia súc cùng nói chung một thứ tiếng. Ý nghĩ này bị cắt ngang khi tên tubốp cưỡi "ngựa" hoa roi vun vút xua Kunta về cuối hàng. Anh đang làm theo thì người phụ nữ thân hình trùng trục nặng nề ở cuối hàng vội bước lên mấy bước, cố tránh thật xa Kunta. Anh cảm thấy muốn nhổ vào mặt mụ.

Khi họ bắt đầu cất bước – mỗi bước cà nhắc lại cào vào cổ chân anh lúc này đã trày da và bắt đầu rỉ máu – Kunta nghe thấy mấy con chó sủa ở đằng xa. Anh rùng mình nhớ đến những con đã săn đuổi và tấn công anh. Rồi hồi ức vụt lóe thắp trong anh hình ảnh con chó uôlô của chính mình đã chết như thế nào khi chọi nhau với bọn người bắt anh ở châu Phi.

Trở về lều, Kunta quỳ xuống, chạm trán vào nền đất rắn, hướng về phía mà anh biết mai tới mặt trời sẽ lại mọc lên. Anh cầu nguyện hồi lâu để bù lại hai lần phải bỏ qua ở ngoài đồng, vì lẽ tên tubốp cưỡi "ngựa" chắc chắn sẽ cắt ngang bài kinh bằng một ngọn roi quất trên lưng anh.

Cầu nguyện xong, Kunta ngồi thật ngay ngắn và khe khẽ nói bằng thứ ngôn ngữ xira kangô huyền bí, xin tổ tiên phù hộ anh đủ sức chịu đựng. Rồi lấy ngón tay bóp chặt hai chiếc lông gà anh đã xoay sở lén nhặt được sáng nay khi "Xamxơn" dẫn anh đi quanh, Kunta tự hỏi chẳng biết bao giờ mình có cơ hội đánh cắp một quả trứng còn tươi. Với những chiếc lông gà và một chút vỏ trứng tán nhỏ, anh sẽ có thể làm được một tế vật có hiệu lực mạnh mẽ để dâng các thần linh xin ban phước cho lớp bụi mà những bước chân cuối cùng của anh đã chạm phải nơi làng quê. Nếu lớp bụi đó được ban phước, nốt chân anh một ngày kia sẽ tái hiện ở Jufurê, tại đó xóm giềng làng nước đều nhận ra được nốt chân nhau và bà con thấy dấu hiệu đó sẽ hân hoan biết rằng Kunta còn sống và sẽ trở về làng bình yên. Một ngày nào đó.

Có lẽ đến lần thứ một nghìn, anh sống lại cơn ác mộng mình bị bắt. Giá như cái nhành cây gẫy báo động cho anh chỉ cần sớm hơn một bước thôi, ắt hẳn anh đã có thể chồm lên vớ lấy chiếc giáo rồi. Những giọt nước mắt tức tối trào lên. Anh có cảm giác là hàng bao tuần trăng triền miên bất tận, anh chỉ biết độc có một nông nỗi là bị săn đuổi, bị tấn công, bị bắt và bị xiềng.

Không! Anh không cho phép mình hành động như thế này. Dù sao đi nữa, giờ đây anh cũng là một người đàn ông trưởng thành tuổi đời mười bảy vụ mưa, non nớt chi nữa mà còn khóc lóc, thương thân trách phận. Gạt nước mắt, anh bò lên chiếc chiếu mỏng, cục mịch bằng rác ngô nỏ và cố gắng ngủ - song anh chỉ một mực nghĩ đến cái tên "Tôby" đã được đặt cho anh và cuồng giận lại trào lên trong anh một lần nữa. Uất ức, anh lồng lộn đá chân, song cử động đó chỉ làm những còng sắt cắn sâu thêm vào cổ chân khiến anh lại phải kêu lên.

Liệu có bao giờ anh lớn lên thành một người đàn ông như Ômôrô? Anh tự hỏi liệu cha còn nghĩ tới mình không và mẹ có dồn sang cho Lamin, Xuoađu và Mađi phần yêu thương đã bị cướp đi khi anh bị bắt lén? Anh nghĩ về tất cả mọi người ở Jufurê và chưa bao giờ hơn lúc này, anh nhận rõ mình yêu quí quê hương làng bản sâu sắc biết chừng nào. Như đã nhiều lần xảy ra trên con xuồng lớn, Kunta nằm suốt nửa phần đêm với những cảnh tượng làng Jufurê loang loáng hiện ra trong tâm trí cho đến khi anh cố tự bắt mình nhắm mắt và cuối cùng cái ngủ ập tới.

Chương 45

Càng ngày những chiếc còng trên cổ chân Kunta càng làm cho anh đi lại khó khăn và đau đớn hơn. Song anh vẫn tự nhủ rằng cơ hội thoát thân tùy thuộc vào việc tiếp tục ép mình làm bất cứ cái gì được giao, đằng sau một cái mặt nạ, ngây độn và ngớ ngẩn hoàn toàn. Trong khi làm thế, tai, mắt và mũi anh không để lọt một cái gì – mọi khí giới anh có thể lợi dụng, mọi nhược điểm của bọn tu bốp anh có thể khai thác - cho tới khi nào bọn bắt anh, cuối cùng, yên tâm tháo cùm ra. Lúc đó anh sẽ lại chạy trốn.

Mỗi buổi sáng, ngay sau khi tù và rúc, Kunta lại tập tễnh ra ngoài ngắm đám da đen kỳ cục nọ chui khỏi lều, mặt còn lộ rõ vẻ ngái ngủ, lấy nước ở những chiếc xô múc từ giếng cạnh đó vã vào người. Nhớ tiếng chày giã mạch kê của các bà các chị trong làng sửa soạn bữa sáng cho gia đình, anh lại vào lều của bà già nấu bếp và nuốt chửng bất cứ thức gì bà đưa cho – trừ cái món thịt ủn ỉn bẩn thỉu.

Sáng nào, trong khi ăn, anh cũng đưa mắt lục soát căn lều xem có gì – khả dĩ làm khí giới mà anh có thể lấy trộm được, không bị phát hiện. Nhưng trừ những nồi niêu xoong chảo đen thui treo ở móc trên bếp, chỉ có những vật tròn, dẹt bằng sắt tây trên đó bà bếp xẻ các thức cho anh ăn bốc. Anh thấy bà ta ăn bằng một cái vật dài, bằng kim khí có ba bốn mũi nhọn xít nhau dùng để xiên thức ăn. Anh thắc mắc không biết đó là cái gì và nghĩ mặc dầu bé, nó vẫn có thể hữu ích – nếu như có một lúc nào anh bất chợt thấy bà ta ngảnh nhìn đi chỗ khác trong khi cái vật lấp lánh đó nằm trong tay anh.

Một buổi sáng, đang lúc vừa ăn cháo vừa theo dõi bà bếp thái thịt bằng một con dao trước đây anh chưa từng thấy và mưu tính sẽ dùng con dao đó vào việc gì nếu nó ở trong tay anh. Kunta chợt nghe thấy một tiếng éc đau đớn ré lên bên ngoài lều. Điều đó gần gũi với những ý nghĩ của anh đến nỗi anh gần như bật dậy khỏi chỗ ngồi. Khập khiễng bước ra ngoài, anh thấy những người khác đã sắp hàng đi làm – nhiều người còn đang nhai những miếng cuối cùng của bữa "điểm tâm", sợ bị ăn roi vì ra chậm – trong khi cạnh họ trên mặt đất, một con ủn ỉn đang giãy giụa, máu phọt từ cổ họng bị mổ; hai gã đen khiêng nó lên bỏ vào một thùng nước sôi bốc hơi, rồi lôi ra, cạo lông. Da con ủn ỉn trắng hếu như da bọn tubốp, anh nhận thấy thế khi hai gã kia treo chân nó lên, rạch bụng và moi lòng ra. Mũi Kunta tắc nghẹn khi ngửi thấy mùi ruột nó phả ra và trong lúc cùng những người khác đi về phía cánh đồng, anh phải cố nén nỗi rùng mình kinh tởm khi nghĩ mình phải sống giữa đám vô đạo ăn thịt cả cái giống bẩn thỉu đến thế.

Bây giờ, sáng nào cũng có băng giá bám trên thân ngô và một ánh sương mờ là thấp trên cánh đồng cho tới khi sức nóng của mặt trời đang leo lên cao thiêu tan nó đi. Quyền phép của Chúa Ala quả không ngừng làm Kunta kinh ngạc – ngay cả ở nơi xa vời như cái đất tubốp này, ngăn cách một vùng bao la nước, mặt trời và mặt trăng của Chúa Ala vẫn lên và đi ngang qua bầu trời, tuy mặt trời không nóng bằng và mặt trăng không đẹp bằng ở Jufurê. Duy chỉ có người ở cái nơi đáng nguyền rủa này thì dường như không phải là công trình của Chúa Ala. Bọn tubốp chẳng có tính người, còn đám da đen thì đừng có tìm hiểu họ làm gì, chỉ tổ uổng công vô ích.

Khi vầng dương lên tới giữa bầu trời, tù và lại thổi, báo hiệu cho mọi người sắp hàng một lần nữa đón một chiếc xe trượt bằng gỗ kéo bởi một con vật tựa tựa như ngựa nhưng lại giống lừa hơn, mà Kunta nghe lỏm thấy họ gọi là con "la". Đi bên cạnh xe trượt là bà bếp già phân phát cho mỗi người trong hàng mấy miếng bánh dẹt và một bầu món ninh; người đứng kẻ ngồi, ăn nghiến ngấu rồi uống nước múc ở một cái thùng cũng đặt trên xe trượt. Ngày nào Kunta cũng thận trọng ngửi món ninh trước khi nếm để bảo đảm chắc chắn là mình không để lọt tí thịt ủn ỉn nào vào trong miệng, song món này thường thường chỉ có rau chứ chẳng chứa chút thịt nào mà anh có thể trông hoặc ngửi thấy. Còn về bánh thì anh yên trí hơn vì đã thấy một số phụ nữ da đen dùng chày đá giã ngô trong một cái cối để làm bánh, gần giống như cách làm ở Châu Phi mặc dầu chày của Binta bằng gỗ.

Có những hôm họ cho ăn những món quen thuộc với Kunta từ dạo ở quê nhà, như lạc và kanjô - ở đây gọi là "mướt tây" – với cái thứ gì gì gọi là "đỗ mắt đen". Anh thấy những người đen này rất thích cái thứ quả to to mà ở đây người ta gọi là "dưa hấu". Song anh thấy hình như Chúa Ala không cho dân ở đây được hưởng xoài, cùi dừa, quả bánh mì và biết bao trái cây ngon lành khác hầu như mọc ở bất cứ chỗ nào ta chịu khó nghé mắt tới trong các lùm cây, bụi rậm bên Châu Phi.

Thỉnh thoảng, lão tubốp đã đưa Kunta đến chốn này – họ gọi lão là "me-xừ" – cưỡi ngựa ra ngoài đồng trong lúc họ đang làm việc. Đầu đội chiếc mũ rơm trăng trắng, những khi nói với tên tubốp trông coi cánh đồng, lão khoa một

cái roi da bện dài và mảnh; Kunta nhận thấy tên tubốp "xú-ba-dăng" (1= Giám thị) cũng lăng xăng, xun xoe cười nịnh hầu như chẳng khác gì những người đen, khi nào có mặt lão ở quanh đấy.

Mỗi ngày đều xảy ra nhiều điều kỳ lạ như vậy, và trở về lều, Kunta thường ngồi ngẫm nghĩ về những điều đó trong khi chờ đợi cái ngủ đến. Những người da đen này dường như trong đời không có quan tâm nào vượt quá cái việc làm hài lòng tên tubốp lăm lăm ngọn roi. Cứ nghĩ đến cái cung cách những người đen này bổ nháo bổ nhào vào công việc bất cứ lúc nào trông thấy một tên tubốp và, nếu hắn bảo một tiếng, hối hả làm bất cứ cái gì hắn sai, là anh phát ớn đến buồn nôn. Kunta không thể dò xét điều gì xảy đến đã phá hoại đầu óc họ đến nỗi giờ đây họ hành động như loài dê, loài khỉ. Có lẽ bởi vì họ sinh ra ở nơi này chứ không phải ở Châu Phi, bởi vì mái nhà duy nhất họ biết là những túp lều gỗ thỏi của bọn tubốp, trát bằng bùn và lông con ủn ỉn. Những người đen này chưa bao giờ biết được ý nghĩa việc đổ mồ hôi dưới ánh mặt trời không phải vì bọn chủ tubốp, mà vì bản thân và đồng bào mình.

Nhưng dù có phải ở lẫn với họ lâu đến đâu chăng nữa, Kunta cũng nguyện sẽ không bao giờ trở nên giống họ và mỗi đêm, tâm trí anh lại thám hiểm tìm cách trốn khỏi vùng đất đáng khinh ghét này. Anh không khỏi tự riếc móc hầu như hàng đêm về thất bại trước đó. Duyệt lại trong đầu cái thế bị lũ chó rớt rãi ròng ròng dồn vào bụi gai, anh biết là phải có một kế hoạch chu đáo hơn cho lần sau. Trước hết cần phải tự làm một lá bùa xaphi để bảo đảm an toàn và thành công. Rồi phải tìm ra hoặc làm một thứ vũ khí gì đó. Thậm chí một cái gậy vót nhọn cũng đâm được thủng bụng những con chó – anh nghĩ bụng – và thế là lại có thể vọt xa trước khi gã da đen và lão tubốp rẽ được bụi rậm tới chỗ anh quần nhau với lũ chó. Cuối cùng, phải làm quen với thung thổ xung quanh để khi tẩu thoát lần nữa, có thể biết đường mà tìm những chỗ ẩn náu tốt hơn.

Mặc dù thường thường mất tới nửa phần đêm nằm thao thức, trăn trở với những ý nghĩ như vậy, bao giờ Kunta cũng dậy trước tiếng gà gáy đầu gọi đám gia cầm khác hòa theo. Anh nhận thấy chim chóc ở đây chỉ ríu rít, líu lo – khác hẳn tiếng quàng quạc ồm tồi đinh tai của những bầy vẹt xanh đông đảo mở đầu buổi sáng ở Jufurê. Dường như ở đây chẳng có vẹt mà cũng không có khỉ, cái giống này bên quê nhà bao giờ cũng khai ngày bằng chí chóe trên cây, bẻ que ném xuống những người đứng dưới đất. Kunta cũng không hề thấy có dê ở đây – một điều mà anh thấy khó tin chẳng kém gì việc dân vùng này nhốt giống ủn ỉn ở trong chuồng – họ gọi chúng là "lợn" hoặc "heo" – và thậm chí còn cho cái loài bẩn thỉu ấy ăn nữa.

Nhưng Kunta thấy tiếng kêu eng éc của con ủn ỉn cũng chẳng xấu gì hơn thứ tiếng nói của bọn tubốp, sao mà chúng giống hệt nhau. Anh sẵn sàng đổi bất cứ cái gì để được nghe, dù chỉ một câu, tiếng Manđinka hoặc bất kỳ tiếng Phi nào khác. Anh nhớ những người bạn xiềng trên con xuồng lớn – kể cả những người không theo đạo Hồi – và băn khoăn tự hỏi giờ họ ra sao. Họ bị đem đi đâu? Tới những trại tubốp khác tương tự như trại này chăng? Ở đâu thì ở, liệu họ có như anh, khao khát được nghe một lần nữa ngọt ngào tiếng mẹ đẻ - và như anh, cảm thấy tù hãm và cô đơn vì nỗi không biết tí gì về tiếng tubốp?

Kunta vỡ lẽ ra rằng cần phải học chút ít về cái thứ ngôn ngữ kỳ lạ này nếu anh muốn hiểu kha khá về bọn tubốp hoặc về cách trốn thoát khỏi tay chúng. Không để cho ai biết, anh đã thuộc được mấy chữ "lợn", "heo", "dưa hấu", "đỗ đen", "xú-ba-dăng", "me-xừ" và đặc biệt "uầy me-xừ" cái câu hầu như duy nhất anh nghe thấy đám người da đen nói với hắn. Anh cũng thấy đám người da đen gọi mụ tu bốp, cùng chung sống với "me-xừ" trong tòa nhà trắng lớn là "bà đầm". Một lần từ đằng xa, Kunta đã thoáng thấy mụ, người ngợm xương xẩu, màu da như bụng cóc, trong khi mụ đi dạo quanh, hái mấy bông hoa ở bụi cây mọc cạnh ngôi nhà lớn.

Phần lớn những chữ tubốp khác Kunta nghe lỏm được vẫn còn làm anh bối rối không hiểu. Nhưng đằng sau cái mặt nạ ngây độn, anh cố hết sức đoán cho ra nghĩa và dần dà anh bắt đầu gắn những âm khác nhau vào với một số đồ vật và hành động. Nhưng đặc biệt có một âm làm anh bối rối cực kỳ mặc dù ngày nào cũng nghe thấy cả bọn tubốp lẫn đám da đen nói đi nói lại hoài. Một gã "nhọ" là cái gì nhỉ ? anh tự hỏi.

Chương 46

Cuối cùng, khi công việc cắt và đánh đống thân cây ngô đã xong xuôi, "xú-ba-dăng" bèn cắt đặt một số người da đen làm một loạt nhiệm vụ sau hồi tù và mỗi buổi bình minh. Một buổi sáng, Kunta được giao cho công việc rứt khỏi đám dây leo dày một lô quả to nặng, màu như trái xoài chín mõm và na ná như loại bầu lớn mà phụ nữ ở Jufurê thường phơi khô, cắt đôi làm bát, và chất lên một chiếc "xe" (anh nghe thấy họ gọi những chiếc hòm di động như thế). Đám da đen ở đấy gọi những quả đó là "pí ngô".

Chở chỗ "pí ngô" đó trên xe tới đổ vào một căn nhà to gọi là "kho", Kunta thấy một số người da đen đang cưa một cây lớn thành những khúc dày dặn, rồi lấy rìu và nêm chẻ thành củi để trẻ con xếp thành những dãy dài cao bằng đầu chúng. Ở một chỗ khác, hai người đang phơi trên sào mảnh những chiếc lá to tướng mà mũi Kunta mách cho hay là cái thứ thuốc lá bẩn thỉu của kẻ vô đạo; trước đây anh đã ngửi thấy nó một lần trong một chuyến đi cùng với cha.

Trong khi đánh xe đến nhà "kho", đi đi về về mấy chuyến, anh thấy nhiều thứ được phơi khô để sau này dùng, y như ở làng mình. Một số phụ nữ đang lượm một thứ cỏ dày màu nâu – anh nghe thấy họ gọi là "lá xô thơm" – và buộc thành bó. Và một số loại rau quả trồng ở vườn được tãi ra phơi trên những tấm vải. Ngay cả rêu, do bọn trẻ con lượm về nhúng vào nước sôi, cũng được phơi khô, anh không hiểu tại sao họ lại làm thế.

Dạ dày anh quặn lên khi đi qua một cái chuồng, lại phải mắt thấy tai nghe mấy con ủn ỉn nữa bị giết. Anh nhận thấy lông chúng cũng được phơi khô để dành – có lẽ dùng làm vữa trát tường – song điều khiến anh thực sự buồn nôn là việc nhìn thấy bọng đái của chúng được moi ra, thổi phồng lên, buộc túm hai đầu và treo lên phơi khô dọc theo một hàng rào, chỉ có Chúa Ala mới biết cái đó nhằm mục đích vô đạo gì.

Khi hái và vào kho xong xuôi khoản "pí ngô", Kunta cùng một số khác được phái đến một lùm cây, họ được lệnh rung các cành thật mạnh cho các hạt mọc trên đó rụng xuống đất để bọn trẻ thuộc lứa kafô đầu nhặt vào rổ. Kunta nhặt một hạt giấu vào quần áo để lúc nào có một mình, ăn thử xem; cũng không đến nỗi nào.

Khi nhiệm vụ cuối cùng được hoàn thành, họ lại được cất cử vào những công việc sửa chữa cần thiết. Kunta giúp một người khác sửa lại một hàng rào. Và cánh phụ nữ thì bận bịu tổng vệ sinh ngôi nhà trắng lớn và các lều của chính họ. Anh trông thấy một số trong bọn họ giặt đồ, thoạt tiên đem đun sôi trong một cái chậu lớn màu đen rồi lấy một miếng sắt tây rúm ró xát trong nước xà phòng; anh ngạc nhiên không hiểu tại sao không ai trong đám họ biết giặt quần áo cho phải lối bằng cách đập vào các tảng đá.

Kunta nhận thấy ngọn roi của "xú-ba-dăng" xem chừng đã thưa đi nhiều, ít quật xuống lưng người hơn trước, anh cảm thấy trong không khí có một cái gì tương tự như vào thời kì toàn bộ thu hoạch đã nhập kho an toàn ở Jufurê. Thậm chí, trước cả lúc tù và thổi báo hiệu kết thúc ngày làm việc, một số người da đen đã bắt đầu tí tửng, đú đởn ca hát với nhau. "Xú-ba-dăng" thấy vậy thường quay ngựa và vung roi lên, nhưng Kunta dám chắc hắn chỉ dọa thế thôi chứ thật tình cũng không định đánh. Và chẳng mấy chốc các người khác cũng hòa theo, rồi cả cánh phụ nữ nữa – họ hát những câu Kunta không hiểu gì cả. Lòng anh đầy ghê tởm đối với cả bọn đến nỗi, cuối cùng khi hồi tù và báo cho mọi người ai về lều nấy, anh thấy dễ chịu hẳn.

Tối tối, Kunta thường ngồi một mé ngay bên trong cửa lều, gót chân dán xuống nền đất nện để đôi còng sắt đỡ chà vào cổ chân mưng mủ. Nếu thoáng chút gió nhẹ, anh thích cảm thấy nó thổi trên mặt mình và nghĩ đến tấm thảm lá óng vàng và đỏ ối mà sớm hôm sau anh sẽ thấy dưới những hàng cây. Những lúc như vậy, tâm trí anh lại phiêu diêu về với những buổi tối mùa gặt ở Jufurê, mọi người ngồi quanh những đống lửa đêm, mặc muỗi và các côn trùng khác quấy nhiễu, vẫn mải mê trò chuyện, những cuộc hàn huyên dài thỉnh thoảng điểm mấy tiếng báo và linh cẩu gầm rú xa xa.

Anh chợt nghĩ ra một điều: có một thứ anh không nghe thấy, và kể từ khi rời Châu Phi đến giờ, chưa từng nghe thấy, đó là tiếng trống. Có lẽ bọn tubốp không cho phép những người da đen này được có trống thì phải, lý do chắc là như vậy. Nhưng tại sao lại thế? Phải chăng vì bọn tubốp biết và sợ rằng tiếng trống sẽ làm bốc máu mọi người trong làng, kỳ cho tới lúc con nít và người già rụng răng cũng lao vào nhảy múa điên cuồng? Hoặc nhịp điệu trống sẽ thôi thúc các tay đô vật đạt những kì tích về thần lực? Hoặt giả tiếng đập trống có thể phát động các chiến sĩ nộ khí xung thiên lăn xả vào kẻ địch? Hay có lẽ đơn giản là bọn tubốp sợ không dám cho phép một hình thức giao lưu có thể vượt qua khoảng cách từ trại này sang trại khác mà chúng không hiểu được?

Song những người da đen vô đạo này hẳn cũng không hiểu lời trống hơn gì lũ tubốp. Tuy nhiên, rất miễn cưỡng, Kunta bắt buộc phải thừa nhận rằng có thể họ chưa đến nỗi hoàn toàn không cứu chuộc nổi. Mặc dầu đầu óc tối tăm, một số điều họ làm vẫn mang tính chất Phi thuần túy và anh dám chắc chính họ cũng hoàn toàn không tự giác về điểm này. Chẳng hạn, cả đời, bao giờ anh cũng thấy là những tiếng kêu biểu lộ tình cảm như nhau phải đi đôi với những bộ điệu tay và nét mặt như nhau. Và cái cách những người đen này cử động thân mình cũng giống hệt thế. Cái điệu cười của họ khi tụ họp riêng với nhau cũng chẳng khác gì – thoải mái, rung toàn thân y như mọi người ở Jufurê.

Và Kunta được gợi nhớ tới Châu Phi ở như cái cách phụ nữ da đen nơi đây lấy dây buộc tóc thành những bím rất chặt – mặc dầu phụ nữ Châu Phi thường hay trang điểm bím tóc của mình bằng những hạt nhiều màu. Và phụ nữ ở đây cũng thắt nút những tấm vải trên đầu, tuy buộc không được ngay ngắn cho lắm. Thậm chí một số đàn ông da đen cũng tết tóc thành những bím ngắn như một số người ở Châu Phi.
Kunta cũng nhìn thấy hình ảnh Châu Phi trong cái cung cách trẻ con da đen ở đây được luyện vào khuôn phép lễ độ và kính trọng người bề trên. Anh thấy hình ảnh Châu Phi trong cách các bà mẹ bế con, cho đôi chân nhỏ mũm mĩm của chúng quặp lấy bụng mình. Anh nhận thấy cả những tục lệ nho nhỏ như cách cụ già tối đến thường ngồi xỉa răng xỉa lợi bằng một cái que nhỏ đầu nghiền nát – ở Jufurê các cụ thường dùng rễ cỏ chanh. Và Kunta phải thừa nhận rằng niềm say mê hát múa cao độ của những người đen này thì đặc Phi, không thể lầm lẫn được, mặc dầu anh khó mà hiểu được làm sao họ có thể làm thế trên đất tubốp này.

Nhưng cái điều bắt đầu thực sự làm trái tim anh dịu đi đối với những con người kì lạ này là việc trong suốt tuần trăng vừa qua, chỉ khi nào có mặt "xú-ba-dăng" hoặc "me-xừ", họ mới tiếp tục tỏ ra ồn ào không ưa anh. Những lúc Kunta đến bất cứ chỗ nào chỉ có những người đen với nhau, phần đông đều vội vàng gật đầu với anh và anh nhận thấy vẻ quan tâm của họ đối với cổ chân trái anh mỗi ngày một trầy loét thêm. Mặc dù bao giờ cũng lạnh lùng lờ họ đi và tiếp tục lặc lè bước qua, đôi khi, sau đó, anh thường bất chợt thấy mình gần như tiếc rằng đã không gật đầu đáp lại họ.

Một đêm, Kunta đã ngủ rồi song lại thức giấc, như dạo này anh thường hay thế; anh nằm trừng trừng nhìn vào đêm tối và cảm thấy rằng Chúa Ala, vì một lý do nào đó, đã muốn anh phải ở nơi đây giữa cái bộ tộc lạc lõng của một đại gia đình da đen gốc gác tông môn bắt nguồn từ tổ tiên xa xôi; nhưng khác với anh, những người đen ở nơi này không mảy may biết mình là ai và quê hương bản quán mình ở đâu.

Cách nào đó thật kì dị, Kunta cảm thấy sự có mặt của vị thánh nhận ông nội anh ở đâu đây và anh với tay quờ vào đêm tối. Thực ra có gì đâu mà sờ soạng, mà tìm, thế nhưng anh vẫn cất cao giọng nói với bậc thánh nhân Kairaba Kunta Kintê, cầu khẩn Người cho biết mục đích sứ mệnh của anh ở đây là gì, nếu như anh có một sứ mệnh nào đó. Anh giật mình khi nghe thấy tiếng nói của chính mình. Cho tới lúc này trên đất tubốp anh chưa bao giờ thốt lên một tiếng nào với ai ngoài Chúa Ala, trừ những tiếng kêu bật ra khi bị roi quật vào người.

Sáng hôm sau, khi nhập vào những người khác xếp hàng đi làm, suýt nữa Kunta buột miệng nói "Monia" (1)(Good morning hay gọn hơn, morning: lời chào buổi sáng, người da đen đọc trệch đi) như anh vẫn nghe thấy họ chào nhau hàng ngày. Song tuy giờ đây, anh đã biết khá nhiều chữ tubốp không những đủ để hiểu phần lớn những điều người ta nói với anh, mà còn đủ để làm cho người khác hiểu ý mình phần nào, một cái gì đó vẫn khiến anh quyết định tiếp tục giữ kín kiến thức đó.

Kunta chợt nghĩ ra là những người da đen này che đậy những tình cảm thực sự của mình đối với bọn tubốp cũng cẩn thận y như anh giấu kín sự thay đổi thái độ của anh đối với họ vậy. Bây giờ, anh đã nhiều lần chứng kiến bộ mặt tươi cười của họ chuyển thành cay gắn ngay khi một tên tubốp ngảnh đầu đi. Anh đã thấy họ chủ tâm đánh gẫy dụng cụ làm việc, rồi làm ra vẻ hoàn toàn không biết việc đó xảy ra thế nào khi "xú-ba-dăng" chửi rủa thậm tệ khi biết sự vụng về của họ. Và anh đã thấy những người da đen ngoài cánh đồng, tuy tỏ ra lăng xăng hối hả mỗi khi có bọn tubốp bên cạnh, thực tế vẫn dây dưa kéo dài gấp đôi thời gian cần thiết trong bất cứ công việc gì họ phải làm.

Anh cũng bắt đầu hiểu ra rằng những người đen này có một kiểu giao lưu chỉ riêng họ biết với nhau thôi, cũng như thứ ngôn ngữ xira kangô bí mật của người Mandinka vậy. Đôi khi trong lúc làm việc ngoài đồng, Kunta thoáng thấy họ khẽ làm một cử chỉ nhanh bằng tay hoặc bằng đầu. Hoặc giả một người trong bọn thốt lên một tiếng ngắn gọn, nghe thật lạ lắm; từng lúc từng lúc với những quãng cách không lường trước được, một người khác rồi một người khác nữa lại lặp lại tiếng kêu đó, bao giờ cũng ngoài tầm nghe của "xú-ba-dăng" trong khi hắn cưỡi ngựa quanh quất đây đó. Và đôi khi, có mặt Kunta ở ngay giữa bọn họ, những người này cất tiếng hát một bài gì đó khiến cho anh, dù không hiểu lời vẫn biết rằng một thông điệp đang được truyền đi, như kiểu tốp phụ nữ đã làm thế trên con xuồng lớn để loan tin cho cánh đàn ông.

Khi bóng tối phủ lên các túp lều và ánh đèn thôi không lấp lánh ở các cửa sổ ngôi nhà lớn nữa, đôi tai rất thính của Kunta thường phát giác ra tiếng sột soạt lẹ làng của một, hai người đen luồn lách khỏi "xóm nô" – và mấy giờ sau lại lẻn trở về. Anh thắc mắc không biết họ đi đâu, và để làm gì và tại sao họ lại điên rồ quay trở về. Và sáng hôm sau, ngoài đồng, anh cố đoán xem ai đã hành động thế, dù đó là ai mặc lòng, anh nghĩ mình có thể tin cậy họ.

Tối tối, sau "bữa dạ chúc", đám người đen thường ngồi quanh đống lửa nhỏ của bà bếp già cách chỗ Kunta hai căn lều và cảnh đó khiến lòng Kunta tràn ngập nỗi sầu nhớ Jufurê, chỉ khác cái là ở đây phụ nữ ngồi lẫn với đàn ông và một số người, cả nam lẫn nữ, phì phèo hút những tẩu thuốc lá vô đạo, thỉnh thoảng lại lập lòe mờ mờ trong bóng tối đang gom lại. Ngồi ngay bên trong cửa ra vào, hết sức lắng tai, Kunta có thể nghe thấy tiếng họ trò chuyện trùm lên tiếng dế nỉ non và tiếng cú rúc trong rừng xa. Tuy không hiểu lời, anh vẫn cảm thấy nỗi cay đắng trong giọng họ.

Bây giờ, ngay cả trong đêm tối, Kunta vẫn hình dung ra được bộ mặt của bất cứ người da đen nào đang nói. Tâm trí anh đã sắp xếp giọng nói của từng người trong số hơn chục người lớn tuổi vào với tên của bộ lạc mà anh cảm thấy họ có nhiều nét giống nhất. Anh biết những ai trong bọn họ thường hành động khinh suất, những ai ít khi hé miệng mỉm cười thậm chí gần bọn tubốp cũng không.

Những cuộc họp mặt buổi tối ấy có một khuôn mẫu chung mà Kunta đã thuộc. Người nói đầu tiên thường thường là bà già nấu bếp trong ngôi nhà lớn. Bà diễn lại những điều "me-xừ" và "bà đầm" nói. Rồi đến gã da đen to lớn đã tóm được anh, bắt chước "xú-ba-dăng" và anh ngạc nhiên nghe những người khác hồ như chết nghẹn vì cố nén cười, sợ bọn ở trong ngôi nhà trắng lớn nghe thấy.

Nhưng rồi tiếng cười lắng dần và họ ngồi quanh chuyện trò với nhau. Kunta nghe thấy giọng một số người đầy vẻ thảng thốt bất lực, một số khác lại phẫn nộ, mặc dầu anh chỉ hiểu tí chút về những điều họ bàn luận. Anh có cảm giác là họ đang hồi tưởng lại những điều đã xảy ra trước đây trong đời họ. Đặc biệt một số phụ nữ đang nói bỗng òa lên khóc. Cuối cùng, cuộc trò chuyện lặng đi khi một trong số phụ nữ cất tiếng hát và mọi người hòa theo. Kunta không hiểu lời – "Không ai biết những nông nỗi tôi đã trải" – song anh cảm thấy rõ nỗi buồn trong tiếng hát.

Sau rốt, vẳng đến một giọng mà Kunta biết là của người cao tuổi nhất trong bọn họ, ông lão ngồi trong chiếc ghế đu, đan đồ bằng rác ngô và thường thổi tù và. Những người khác cúi đầu và ông lão bắt đầu chậm rãi đọc những câu gì mà Kunta đoán là một thứ kinh cầu nguyện, mặc dầu chắc chắn không phải là dâng lên Chúa Ala. Song Kunta nhớ lại lời vị thủ chỉ già đã nói trên con xuồng lớn: "Chúa Ala biết mọi thứ tiếng." Trong khi cuộc cầu nguyện tiếp tục, Kunta lại nghe thấy vẫn cái tiếng kỳ lạ nọ thốt lên giật giọng từ miệng ông lão và những người khác: "Ôi, lạy Chúa!". Anh băn khoăn tự hỏi "ôi, lạy Chúa!" đây có phải là Chúa Ala của họ không.

Mấy ngày sau, những cơn gió đêm bắt đầu thổi, lạnh hơn mọi cái lạnh mà Kunta từng cảm thấy, và buổi sáng trở dậy, anh bỗng thấy những chiếc lá cuối cùng đã rời cành. Trong khi run rẩy đứng xếp hàng ra đồng anh ngạc nhiên thấy "xú-ba-dăng" lại điều tất cả vào nhà kho. Cả "me-xừ" và "bà đầm" cũng ở trong đó cùng với bốn tubốp khác mặc quần áo đẹp đứng xem và hoan hô trong khi những người đen được chia thành hai nhóm, đua nhau rút ra và quẳng sang bên những vỏ khô trắng từ đống ngô đã thu hoạch.

Rồi cả tubốp và da đen – chia thành hai nhóm – ăn uống no say. Sau đó ông già cầu kinh lúc đêm cầm lấy một thứ đàn dây – nó gợi cho Kunta nhớ đến đàn kora cổ ở quê nhà – và dùng một thứ gậy nhỏ kéo đi kéo lại trên dây đàn tạo ra một thứ nhạc rất kỳ lạ. Những người đen khác đứng dậy và bắt đầu nhảy như điên trong khi đám tubốp ngồi xem, kể cả "xú-ba-dăng", vui vẻ vỗ tay đánh nhịp và hò la bên cạnh. Mặt đỏ lên vì phấn khích cả đám tubốp bỗng nhiên đứng dậy và trong khi những người đen rạt sang bên, chúng vừa vỗ tay vừa tiến ra giữa sàn và bắt đầu nhảy một cách vụng về trong khi ông già kéo đàn như điên và đám người da đen nhảy chồm chồm vỗ tay và la hét như được xem cuộc biểu diễn lớn nhất trong đời mình vậy.

Điều đó khiến Kunta nghĩ đến một câu chuyện được bà già Nyô Bôtô yêu dấu kể cho nghe từ hồi anh còn thuộc lứa kafô đầu. Bà kể chuyện ông vua một làng tập hợp tất cả các nhạc công và ra lệnh cho họ chơi những bản hay nhất để ông nhảy múa cho nhân dân, kể cả những người nô lệ xem. Toàn thể dân làng đều vui thích, ra về tất cả đều cất cao giọng hát vang trời và chẳng bao giờ có một ông vua khác như thế.

Hôm ấy, trở về lều, suy nghĩ về những điều đã trông thấy, Kunta chợt thấy là, theo một cách kỳ lạ, mãnh liệt và rất sâu sắc nào đó, người da đen và bọn tubốp cũng có mặt nào cần đến nhau. Không phải chỉ trong lúc nhảy múa ở nhà kho, mà cả trong nhiều dịp khác, anh đã cảm thấy rằng bọn tubốp sung sướng nhất khi chúng ở gần bên những người đen – kể cả khi chúng đánh họ.

Chương 47

Cổ chân trái Kunta đã trở nên lở loét đến nỗi mủ chảy ra từ vết đau phủ gần kín cái còng sắt một màu vàng bệch đến lộn mửa và cuối cùng tình trạng tập tễnh cà nhắc của anh khiến "xú-ba-dăng" phải để tâm xem xét kĩ tận mắt. Ngảnh đầu đi, hắn bảo Xamxơn tháo còng ra.
Nhấc chân lên vẫn còn nhức nhối, song được tháo còng, Kunta sướng rơn đến nỗi hầu như không cảm thấy đau nữa. Và đêm hôm ấy, sau khi những người khác đã đi ngủ và mọi vật trở nên yên tĩnh, Kunta lò cò ra ngoài và lẻn trốn một lần nữa. Tắt ngay một cánh đồng ngược chiều với hướng chạy trốn lần trước, anh tiến về một khu rừng mé bên kia mà anh biết là rộng hơn, sâu hơn. Anh tới một khe suối cạn và đang trườn bụng nhoai lên bờ bên kia thì chợt nghe thấy âm thanh đầu tiên của một sự rộn rịch chuyển động đằng xa. Anh nằm im, tim đập rộn, tai nghe thấy tiếng chân nặng nề tiến lại gần và cuối cùng là cái giọng khàn của Xamxơn nguyền rủa, hét lác: "Tôby! Tôby!" Nắm chặt một cây gậy to mà anh đã vót nhọn thành một ngọn giáo thô sơ, Kunta cảm thấy bình tĩnh lạ lùng, gần như tê cứng, trong khi đôi mắt lạnh lùng dõi theo cái bóng người vạm vỡ đang thoăn thoắt sục sạo các bụi rậm trên bờ khe. Một cái gì khiến anh cảm thấy rằng Xamxơn sợ cho bản thân gã nếu Kunta trốn thoát được. Mỗi lúc gã một bước tới gần – Kunta vặn mình co người lại, im sững như hòn đá - thế rồi giây phút quyết định đã tới. Dồn hết sức lực phóng mũi lao ra, anh khẽ hộc lên vì đau và Xamxơn nghe thấy thế, lập tức nhảy né sang một bên, mũi giáo chỉ trượt có một sợi tóc.

Kunta toan chạy, song hai cổ chân yếu quá, thậm chí khó lòng đứng thẳng được và khi anh xoay người lại để nghênh chiến thì Xamxơn đã lao bổ tới, trọng lượng áp đảo của gã trút vào mỗi cú đánh, cho đến khi Kunta bị quật ngã xuống đất. Lôi thốc anh trở dậy, Xamxơn tiếp tục giã, chỉ nhằm vào ngực và bụng còn Kunta thì ráng vặn mình, vừa cào cấu, vừa cắn xé. Rồi một đòn búa tạ lại quật anh ngã xuống, lần này thì nằm liệt hẳn. Thậm chí anh không còn cử động được để tự vệ thêm tí nào nữa.

Thở hồng hộc Xamxơn lấy thừng trói nghiến hai cổ tay Kunta lại, rồi cầm đầu thừng rời bắt đầu lôi xềnh xệch Kunta đi về trại, phũ phàng đá thúc mạnh mỗi khi anh vấp hay chần chừ và suốt dọc đường luôn miệng chửi rủa.

Kunta chỉ còn đủ sức để lảo đảo và chệnh choạng lê bước theo sau Xamxơn. Đầu váng mắt hoa vì đau và kiệt sức – vì tự ghê tởm mình nữa – anh hằm hằm dự kiến trước những trận đòn sẽ phải chịu khi tới lều. Nhưng cuối cùng, khi về đến nơi – trước lúc rạng đông một tí – Xamxơn chỉ đá thêm anh một, hai cái, rồi bỏ mặc anh nằm mẹp một mình phủ phục đó.

Kunta kiệt sức đến run lên. Nhưng anh vẫn dùng răng nhay nghiến, cố cắn đứt những thớ dây thừng trói hai cổ tay, cho đến khi răng đau xói lên như xòe lửa. Song cuối cùng, thừng đứt thì cũng đúng vào lúc tù và thổi. Kunta nằm lăn và khóc. Anh lại thất bại và anh cầu Chúa Ala.
Suốt những ngày tiếp theo, anh và Xamxơn cứ y như là đã bí mật kí kết một hiệp ước thù hận. Kunta biết rõ mình bị theo dõi sát như thế nào; anh biết Xamxơn đang chờ đợi bất cứ cớ gì để đánh anh cho bọn tubốp vừa lòng. Kunta đáp lại bằng cách làm đến nơi đến chốn bất cứ việc gì được giao, như không có chuyện gì xảy ra mà còn làm nhanh hơn, hiệu quả hơn trước kia nữa. Anh đã nhận xét thấy "xú-ba-dăng" ít chú mục đến những ai làm hăng nhất hoặc nhăn nhở cười nịnh nhiều nhất. Kunta không thể buộc mình nhăn nhở cười được, nhưng anh hành động với một niềm thỏa mãn hung dữ rằng anh càng đổ mồ hôi, roi đòn càng ít quật xuống lưng.

Một buổi tối, làm việc xong, Kunta đang đi qua gần chỗ chuồng ngựa thì chợt phát hiện ra một cái nêm dầy bằng sắt nằm lấp một nửa trong những khúc cây đã cưa, nơi "xú-ba-dăng" cắt hai người chẻ ra làm củi. Đưa mắt vội vã nhìn quanh khắp phía không thấy ai theo dõi, Kunta vớ lấy chiếc nêm và giấu vào trong áo, hối hả đi về lều. Dùng chiếc nêm đào một lỗ trong nền đất rắn, anh bỏ luôn nó vào đó, đổ đất vụn lên, rồi lấy một hòn đá nện cẩn thận cho đến khi nền nhà nom như chưa hề bị xới lộn.

Anh qua một đêm không ngủ, lo rằng nếu chúng biết mất cái nêm, có thể tất cả các lều sẽ bị khám xét. Hôm sau, thấy không có chuyện gì ầm ĩ, anh cảm thấy yên tâm hơn song vẫn chưa chắc mình có thể dùng cái nêm như thế nào để tự cứu khi cơ hội chạy trốn lại đến một lần nữa.

Cái mà anh thực sự muốn nắm trong tay là một trong những con dao dài mà mỗi sáng "xú-ba-dăng" thường phát cho một số người. Nhưng cứ tối đến, anh lại thấy "xú-ba-dăng" đòi dao lại và đếm rất cẩn thận. Với một con dao như vậy, anh có thể phát cây bụi để tiến nhanh hơn trong rừng, và nếu cần, có thể hạ một con chó – hoặc một người.

Gần một tuần trăng sau, vào một buổi chiều giá lạnh, bầu trời heo hút và xám xịt, Kunta đang đi ngang qua một cánh đồng để giúp một người chữa lại một hàng rào thì bỗng kinh ngạc thấy có cái gì như muối từ trên trời rơi xuống, mới đầu còn nhẹ nhàng, sau rồi nhanh hơn, dày hơn. Khi thứ muối ấy trở thành từng mảng trắng, anh nghe thấy những người da đen ở gần đấy kêu lên: "Tuyết" và đoán rằng họ gọi nó là thế. Khi cúi xuống nhặt lên một ít, anh thấy nó lạnh giá cả tay – và càng lạnh hơn khi anh thè lưỡi liếm thử. Nó buốt như kim châm và chẳng có vị gì cả. Anh thử ngửi xem, nhưng chẳng những nó không có mùi gì mà còn tan biến thành nước. Và nhìn xuống mặt đất, chỗ nào anh cũng thấy một màng mỏng trăng trắng.

Nhưng khi anh tới mé bên kia cánh đồng, "tuyết" đã ngừng rơi và thậm chí còn bắt đầu tan ra nữa. Cố giấu vẻ ngạc nhiên, Kunta làm bộ điềm tĩnh và lặng lẽ gật đầu với người cộng sự da đen đang chờ bên cạnh hàng rào bị gẫy. Họ bắt tay vào việc. Kunta giúp người kia căng một thứ dây bện bằng kim khí mà gã này gọi là "dây thép". Một lúc sau, họ tới một chỗ gần như lấp kín sau lớp cỏ cao và trong khi người kia phạt bớt một ít bằng con dao dài anh ta mang theo, Kunta đưa mắt ước lượng khoảng cách giữa chỗ mình đứng với khu rừng gần nhất. Anh biết hôm ấy Xamxơn không có mặt ở chỗ nào gần đấy và "xú-ba-dăng" thì đang trông coi ở một cánh đồng khác. Kunta tất bật làm việc để người kia khỏi nghi ngờ gì về những điều anh đang suy tính trong óc. Song anh thở hổn hển trong khi đứng cầm căng sợi dây thép và nhìn xuống đầu người kia đang cắm cúi làm việc. Con dao được để lại đằng sau họ vài bước, chỗ người kia dừng tay phạt cỏ.

Miệng khấn thầm Chúa Ala, Kunta nắm chặt hai bàn tay lại với nhau giơ lên cao và giáng xuống gáy người kia với tất cả sức mạnh mà thân hình còm cõi của anh có thể huy động. Người kia rụn xuống không kêu được tiếng nào, như bị hạ thủ bằng rìu. Trong một lúc, Kunta đã trói cổ chân, cổ tay anh ta lại bằng sợi dây thép. Vớ lấy con dao dài, , Kunta dẹp cơn bồng bột muốn đâm anh ta – đấy không phải là tên Xamxơn mà anh căm thù – và, gần như gập đôi người, chạy về phía rừng. Anh cảm thấy nhẹ lâng, tựa hồ anh đang chạy trong một giấc mơ, tựa hồ như chuyện này không xảy ra thực sự.

Tâm trạng này biến mất mấy phút sau – khi anh nghe thấy gã đàn ông anh đã để cho sống gào lên đến vỡ phổi. Đáng ra mình phải giết béng hắn đi, Kunta nghĩ vậy, giận dữ với mình, trong khi cố chạy nhanh hơn. Đáng lẽ rẽ lối lao sâu vào rừng rậm, lần này anh lại men theo rìa ngoài. Anh biết rằng trước hết cần tăng thêm khoảng cách đã, rồi sau hẵng ẩn trốn. Nếu anh mau chóng chạy được khá xa, anh sẽ có thì giờ tìm ra một chỗ tốt để nấp và nghỉ ngơi trước khi tiếp tục tiến thêm dưới sự che chở của màn đêm.

Kunta sẵn sàng sống trong rừng như loài thú. Đến nay, anh đã biết nhiều điều về cái đất tubốp này, cộng thêm với những gì anh đã học từ bên Châu Phi. Anh sẽ dùng bẫy bắt thỏ cùng những loài gặm nhấm khác và nấu nướng chúng trên một bếp lửa không tỏa khói. Anh lựa chiều chạy theo một rẻo có bụi cây che khuất nhưng không rậm đến mức làm anh phải giảm tốc độ.

Đến lúc sẩm tối, Kunta biết mình đã chạy được một quãng xa. Tuy nhiên, anh vẫn tiếp tục đi, vượt rãnh vượt khe và lội xuôi một quãng dài theo lòng một con suối nông. Mãi đến khi tối mịt, anh mới tự cho phép mình dừng lại, nấp ở một chỗ có bụi cây rậm nhưng khi cần có thể chui ra dễ dàng để chạy. Nằm đó trong bóng tối, anh thận trọng lắng nghe tiếng chó. Song chẳng có gì ngoài tịch lặng bao quanh: Liệu có thể như thế được chăng? Phải chăng lần này anh sẽ thành công thực sự?

Đúng lúc ấy, anh cảm thấy một cái gì lạnh giá vật vờ trên mặt và anh đưa tay lên rờ rẫm. "Tuyết" lại rơi! Chẳng mấy chốc màng trắng đã phủ kín anh và bao quanh đến tận cuối tầm mắt, nó lặng lẽ rơi, mỗi lúc một sâu, cho đến khi Kunta đâm sợ rằng mình sẽ bị vùi lấp trong đó mất; anh đã lạnh cóng. Cuối cùng, không thể đừng được nữa, anh chồm dậy, chạy đi tìm chỗ trú tốt hơn.

Chạy được một quãng dài thì anh vấp ngã; anh không đau, nhưng khi ngoái nhìn lại, anh kinh hoàng thấy chân mình đã hằn vết rất sâu trong tuyết đến nỗi ngay cả một người mù cũng có thể lần theo được. Anh biết không có cách nào xóa được dấu tích và anh biết giờ đây trời cũng đã sắp sang. Giải pháp duy nhất là tăng thêm khoảng cách. Anh cố gắng tăng tốc độ, song anh đã chạy gần hết đêm và hơi thở anh hổn hển đứt quãng. Con dao dài đã bắt đầu thấy nặng, nó có thể phát bụi rậm nhưng không làm cho "tuyết" tan được. Bầu trời đang bắt đầu sáng dần ra ở đằng đông thì anh nghe thấy xa xa trước mặt thoảng tiếng tù và. Anh liền chuyển hướng ngay bước sau. Song anh có cảm giác nặng trĩu rằng anh sẽ không tìm đâu ra chỗ trú an toàn giữa cái màu trắng bao trùm khắp này.

Khi nghe tiếng chó sủa xa xa, một cơn cuồng nộ chưa từng thấy trào lên trong anh. Anh chạy như một con báo bị săn đuổi, song tiếng sủa một lúc một to và cuối cùng, khi ngoái lại nhìn qua vai có dễ đến lần thứ mười, anh thấy lũ chó đã gần đuổi kịp. Chắc đám người cũng chẳng còn bao xa đằng sau. Thế rồi anh nghe thấy một phát súng nổ và,

cách nào đó, nó thúc anh chạy nhanh hơn trước. Song dù sao mặc lòng, lũ chó vẫn rượt kịp anh. Khi chúng chỉ còn cách mấy bước, Kunta quay người lại và phục xuống, gừ lại chúng. Trong khi chúng nhe nanh xồ tới, anh cũng xồ lại, lia chéo một nhát dao phanh bụng con chó thứ nhất ra; quai tay một nhát nữa, anh bổ lưỡi dao vào chỗ giữa hai con mắt của con thứ hai.

Nhảy vọt ra xa, Kunta lại bắt đầu chạy. Nhưng chẳng bao lâu, anh nghe thấy những người cưỡi ngựa băng qua bụi rậm đằng sau và anh gần như đâm đầu vào đám bụi cây rậm hơn mà ngựa không qua được. Rồi có một tiếng súng nữa, và một tiếng nữa – và anh cảm thấy đau nhói ở cẳng chân. Bị quật ngã phủ phục, anh lại lảo đảo đứng thẳng lên; vừa lúc đó bọn tubốp vừa quát tháo và nổ súng, anh nghe thấy đạn xuyên ngập vào thân cây ngay cạnh đầu. Cứ để cho chúng giết mình đi, Kunta nghĩ, mình sẽ chết như một người đàn ông. Rồi một phát đạn nữa lại trúng vẫn cẳng chân ấy, quật anh xuống như một quả đấm khổng lồ. Đang gầm gừ trên mặt đất, anh trông thấy tên "xú-ba-dăng" và một tubốp khác chĩa súng bước về phía anh và anh định chồm lên, buộc chúng phải băn anh nữa để kết liễu cuộc đời, song những vết thương ở cẳng chân khiến anh không vùng dậy nổi.

Tên tubốp kia chĩa súng vào đầu Kunta trong khi tên "xú-ba-dăng" giựt xé quần áo anh cho đến khi anh trần truồng trong tuyết, máu ở cẳng ròng ròng chảy xuống làm hoen thảm tuyết trắng dưới chân. Tên "xú-ba-dăng" luôn mồm chửi rủa, thụi Kunta gần chết ngất, rồi cả hai trói anh xấp mặt vào một gốc cây to, cổ tay buộc chằng sang mé bên kia.
Ngọn roi bắt đầu cứa thịt khắp vai và lưng Kunta, tên "xú-ba-dăng" hầm hè, còn Kunta thì run bần bật dưới sức mạnh dữ dội của mỗi nhát đòn. Sau một lúc Kunta không thể nén mình khỏi kêu thét vì đau đớn, nhưng trận đòn vẫn tiếp tục cho đến khi thân hình anh rũ xuống dán chặt vào thân cây. Hai vai và lưng anh đầy những vết toác dài rỉ máu, ở đôi chỗ lòi cả bắp thịt ra. Sau đó, Kunta có cảm giác mình đang ngã xuống, nhưng anh không dám chắc lắm. Rồi anh cảm thấy cái giá lạnh của tuyết áp vào người và tất cả tối sầm lại.

Anh hồi tỉnh trong căn lều của mình, và cùng với ý thức, cái đau cũng trở lại – buốt nhói và bao trùm khắp. Cử động nhỏ nhất cũng khiến anh kêu lên đau đớn. Và anh lại bị xiềng. Nhưng tệ hơn nữa, mũi anh cho biết là toàn thân anh từ chân đến cằm bị bao bọc trong một tấm vải rộng tẩm đẫm mỡ của con ủn ỉn. Khi bà già nấu bếp mang thức ăn đến, anh định nhổ vào bà, song chỉ mửa ra mà thôi. Anh như thấy vẻ thương hại trong mắt bà.
Hai ngày sau, những âm thanh tưng bừng hội hè đánh thức anh dậy từ sáng sớm. Anh nghe thấy đám người đen hò la bên ngoài ngoài ngôi nhà lớn. "Quà giáng sinh, me-xừ!" và anh ngạc nhiên không biết họ còn có thể có gì mà vui vẻ đình đám thế. Anh thì chỉ muốn chết để linh hồn có thể về chầu tổ tiên, anh muốn vĩnh viễn dứt khoát với nỗi thống khổ bất tận trên đất tubốp này, nó quá ngột ngạt và hôi thối đến nỗi anh không thể hít lấy một hơi thở trong lành nào. Anh giận sôi lên vì nỗi đáng lẽ đánh anh như một người đàn ông, thì bọn tubốp lại lột anh trần truồng. Khi nào khỏe lại, anh sẽ báo thù – và sẽ lại chạy trốn. Hoặc là chết.

Chương 48

Cuối cùng, khi Kunta được ra khỏi lều, cả hai cổ chân lại bị cùm, phần lớn những người đen khác đều né tránh anh mắt la mày lét sợ đến gần anh và vội vã lảng đi chỗ khác như thể anh là một loại ác thú nào đó. Chỉ có bà già nấu bếp và ông lão thổi tù và là dám nhìn thẳng vào anh.

Không thấy Xamxơn đâu cả, Kunta chẳng biết gã đi đâu, song anh lấy thế làm mừng. Rồi mấy hôm sau, anh thấy gã da đen đáng ghét mang trên mình những vết roi chưa lành; anh lại càng khoái. Nhưng động một tí là ngọn roi của tên tubốp "xú-ba-dăng" lại vẫn giáng xuống lưng Kunta như thường.

Anh biết mình bị theo dõi hàng ngày trong khi làm việc, anh cũng bắt chước những người khác lăng xăng lẹ làng hơn khi bọ tubốp lại gần và hãm chậm lại khi chúng đi khỏi. Chẳng nói chẳng rằng, Kunta làm bất cứ cái gì anh được lệnh làm. Và hết ngày, anh lại mang nỗi buồn – chôn sâu trong lòng – từ cánh đồng về túp lều nhỏ nhớp nháp, nơi anh ngủ.

Trong cô đơn, Kunta đâm ra hay nói chuyện một mình, nhất là trong những đối thoại tưởng tượng với gia đình. Thường thường anh thầm nói trong tâm trí, song đôi khi cũng cất thành tiếng. "Cha ạ", anh nói, "những người đen này không như chúng ta. Xương thịt họ, máu huyết họ, gân bắp và chân tay họ đều không phải của riêng họ. Họ sống và thở không phải cho bản thân mà cho bọn tubốp. Mà họ cũng chẳng làm chủ cái gì sất, kể cả con cái họ. Chúng được cho ăn cho uống, được chăm nom nuôi nấng vì kẻ khác".

"Mẹ ạ", anh nói, "những người đàn bà này bịt khăn trên đầu, nhưng họ không biết thắt thế nào cho gọn; đồ nấu của họ chẳng mấy thứ không có thịt hoặc mỡ của giống ủn ỉn nhơ bẩn, và ối người trong bọn họ đã ngủ với bọn tubốp, vì con thấy con cái họ phải mang màu da tật nguyền mai mái giở trắng giở đen".

Và anh nói chuyện với các em trai, thằng Lamin, thằng Xuoađu và thằng Mađi, bảo chúng rằng ngay cả bậc huynh trưởng thông thái nhất cũng không thể in sâu đầy đủ vào óc của chúng tầm quan trọng của nhận thức này: con thú rừng đôc ác nhất cũng không nguy hiểm bằng một nửa loài tubốp.

Và các tuần trăng cứ thế qua đi, và chẳng bao lâu "băng giá" đã tan thành nước. Và ít lâu sau, cỏ non xanh rờn lại nhú lên qua nền đất đỏ sậm, cây cối bắt đầu đâm chồi nảy lộc và chim chóc lại hót líu lo. Rồi đến mùa cày và gieo trồng những luống đất dài bất tận. Cuối cùng, ánh mặt trời rọi xuống làm đất nóng giãy đến nỗi Kunta phải bước thật nhanh và những lúc cần dừng lại, cứ phải giậm chân hoài để khỏi bỏng rộp lên.

Kunta đã chờ thời và lo liệu công việc riêng, rình ngóng cơ hội những kẻ canh giữ mình sơ ý rời mắt đi một lần nữa. Nhưng anh có cảm giác rằng ngay những người da đen nọ cũng vẫn để mắt tới anh, kể cả những lúc "xú-ba-dăng" và những tên tubốp khác không có mặt. Anh phải tìm cách nào để khỏi bị theo dõi xít xao đến thế. Có lẽ anh có thể lợi dụng việc bọn tubốp coi dân da đen không phải là người mà là đồ vật. Vì phản ứng của bọn tubốp đối với những đồ-vật-da-đen ấy chừng như phụ thuộc vào hành động của các đồ vật ấy như thế nào, nên anh quyết định xử sự hết sức kín đáo.

Tuy lấy thế làm điều tự khinh mình, Kunta vẫn buộc mình phải bắt chước cách cư xử của những người đa đen khác mỗi khi bọn tubốp lại gần. Dù cố gắng đến mấy, anh vẫn không thể nhăn nhở cười và xun xoe được, song anh ráng tỏ ra thuận tình hợp tác, nếu không phải là thân thiện; và anh hết sức làm ra vẻ bận rộn. Anh cũng đã học thêm được nhiều chữ tubốp bằng cách luôn luôn chăm chú lắng nghe mọi chuyện xung quanh, ở ngoài đồng cũng như quanh các lều ban đêm, và tuy vẫn chưa nói ra miệng, anh đã bắt đầu tỏ rõ là mình có thể hiểu được.

Bông – một trong những hoa màu chính của trại – lớn mau trên đất tubốp này. Chẳng mấy chốc, hoa đã biến thành quả nang xanh lục rắn chắc và nứt ra, đầy những bông xốp, cho đến khi cánh đồng trở thành một biển trắng xóa trải ra đến cuối tầm mắt Kunta, lớn gấp bội những cánh đồng bông anh từng thấy ở quanh Jufurê. Bây giờ là mùa gặt và Kunta thấy hình như sáng sáng, tù và báo thức thổi sớm hơn và ngọn roi của "xú-ba-dăng" vút gió cảnh cáo từ trước khi đám "nô lệ" – những người da đen được gọi là thế – kịp tuột xuống khỏi chỗ ngủ.

Do quan sát những người khác ở ngoài đồng, Kunta sớm học được cách dùng tư thế lom khom để kéo cái bao tải dài đằng sau mình cho đỡ nặng trong khi những nắm bông liên tiếp ném vào cứ đầy dần lên. Sau đó, anh kéo bao tải đến trút vào chiếc xe đợi ở cuối luống. Trung bình mỗi ngày Kunta chất đầy hai bao tải, tuy rằng có một số

người trảy bông rất nhanh, từ sáng đến tối ít ra cũng trút được ba bao tải vào xe để làm vừa lòng bọn tubốp; số này bị các người khác ghét đồng thời lại thèm muốn làm được như thế.

Mỗi xe bông, khi được chất đầy, được đưa đến một nhà kho của trại, nhưng Kunta nhận thấy các xe ngồn ngộn thuốc lá thu hoạch ở những cánh đồng lớn hơn bên cạnh lại được đánh về một nơi nào đó xuôi theo đường cái. Bốn ngày qua đi trước khi xe trở lại rỗng không – vừa đúng lúc để chở một chuyến khác ra. Kunta cũng bắt đầu thấy các xe thuốc lá khác, chắc hẳn từ các trại khác, lăn bánh trên đường cái lớn đằng xa, đôi khi có tới bốn con la kéo một cái. Kunta không rõ những xe đó đi đâu, song biết rằng rất xa, vì anh thấy Xamxơn và những người lái khác mệt phờ không còn chút hơi sức, sau mỗi chuyến đi.

Nơi họ đến có lẽ đủ xa để anh đến tìm thấy tự do cũng nên. Ý nghĩ dị thường đó làm Kunta phấn khởi đến nỗi mấy ngày sau anh cứ thấy bồn chồn không yên. Anh mau chóng loại trừ mọi mưu toan nhằm trốn vào một trong những chiếc xe đó của trại; anh hẳn không có cơ hội nào lẻn xuống dưới một đống thuốc lá, thoát khỏi mọi con mắt gần gũi. Phải là một chiếc xe của trại nào khác đang đi trên đường cái cơ. Đêm ấy, lấy cớ đi ngoài, Kunta sau khi chắc chắn xung quanh không có ai, lẻn đến một chỗ có thể trông thấy đường cái trong ánh trăng. Đích thị là các xe thuốc lá thường đi vào ban đêm. Anh có thể thấy đốm sáng lập lòe ở mỗi xe cho tới khi những vệt nhỏ lấp lánh ấy biến mất tận đằng xa.

Anh bày mưu tính kế từng phút một, không một chi tiết nào của các xe thuốc lá trong địa phương lọt khỏi con mắt nhận xét của anh. Khi hái bông ở ngoài đồng, hai bàn tay anh thoăn thoắt, thậm chí anh còn cố ép mình nhe răng cười mỗi khi "xú-ba-dăng" cưỡi ngựa tới gần. Và lúc nào anh cũng nghĩ đến chuyện tìm cách tót lên đằng sau một chiếc xe chất đầy lăn bánh trong đêm và rúc dưới đống thuốc lá, sao cho bọn lái ở đằng trước không nghe thấy do tiếng lọc cọc của xe và không trông thấy chẳng những do bóng tối mà còn do đống lá cao tú ụ chen giữa chúng với phần sau của xe. Chỉ nghĩ đến việc phải chạm vào và ngửi hít cái thứ lá cây vô đạo mà anh đã gìn giữ lánh xa suốt đời, cũng đủ khiến anh kinh tởm đến phát ớn, song nếu như đó là cách duy nhất để trốn thoát thì anh tin chắc Chúa Ala sẽ tha thứ cho anh.

Chương 49

Ít bữa sau, một buổi tối rình sau "cầu tiêu" – những người nô lệ gọi túp lều họ dùng làm nơi tháo ruột như thế – Kunta dùng một hòn đá tảng giết được một con thỏ, giống này có rất nhiều ở khu rừng gần đấy. Anh cẩn thận thái thịt thỏ thật mỏng, đem sấy khô theo cách anh đã học được trong thời kì rèn luyện trưởng thành, vì anh sẽ cần mang theo chút ít đồ ăn. Rồi, bằng một hòn đá nhẵn, anh mài lưỡi dao gỉ cong queo anh đã kiếm được và uốn thẳng ra, cắm nó vào một cái chuôi gỗ do anh đẽo lấy. Song, quan trọng hơn cả lương khô lẫn dao là lá bùa xaphi tự tạo gồm một cái lông gà để lôi kéo quỉ thần, một cái lông ngựa để đem lại sức mạnh, một chạc xương chim để đảm bảo thành công, tất cả gói ghém và khâu thật chặt trong một vuông vải đay nhỏ bằng một cái lòng bàn tay. Anh hiểu rằng có họa là điên mới mong lá bùa xaphi của mình được một bậc thánh nhân ban phước, song dù sao có bất kì lá bùa xaphi nào cũng còn hơn không.

Cả đêm anh không ngủ song chẳng hề mệt chút nào: suốt ngày hôm sau làm việc ngoài đồng, Kunta chỉ tập trung hết ý chí để khỏi bốc lên phấn khởi, cốt sao đừng lộ chút gì là xúc động cả. Trở về lều riêng sau bữa ăn tối, tay anh run lên khi nhét con dao cũng những lát thịt thỏ sấy vào túi, rồi buộc chặt bùa xaphi vào cánh tay trên. Anh hầu như không đủ kiên nhẫn đứng nghe cuộc sinh hoạt thường lệ hồi đầu đêm của những người đen khác bởi vì mỗi thời khắc, dường như dài vô tận, đều có thể mang lại một sự việc bất ngờ có thể làm tiêu tan kế hoạch của anh. Nhưng cuộc hát xướng sầu tủi và cầu nguyện của đám tá điền mệt thấu xương mau chóng kết thúc. Muốn đợi cho họ ngủ say, Kunta ráng đợi thật lâu kỳ cho đến lúc không đủ kiên nhẫn nán lại nữa.
Thế rồi, nắm lấy con dao tự chế, anh lách mình ra ngoài trời đêm. Cảm thấy không có ai ở quanh đấy, anh cúi rạp người và chạy nhanh hết sức mình, lát sau đã lẩn vào một khóm rừng nhỏ rậm rạp cây bụi ở ngay phía dưới chỗ quành của đường cái lớn. Anh phục xuống, thở dốc. Giả dụ đêm nay không còn xe nào đi qua nữa thì sao? Ý nghĩ đó như mũi dao xuyên qua anh. Và một mối lo sợ tệ hại hơn, gần như tê dại: giả dụ người phụ lái ngồi canh đằng sau xe? Song dù sao anh cũng phải nhắm mắt đưa chân.

Anh nghe thấy tiếng một chiếc xe đi tới mấy phút trước khi ánh đèn lập lòe hiện ra. Hai hàm răng nghiến chặt, các bắp thịt run lên, Kunta cảm thấy như sắp khuỵu xuống. Chiếc xe dường như bò từng tí một. Nhưng rồi cuối cùng, nó cũng đến, ngay trước mặt anh và chậm chạp ăn bánh qua. Lờ mờ hai bóng người ngồi trên ghế đằng trước. Từ trong bụi rậm, anh lao ra, cảm thấy như mình đang thét lên. Lom khom chạy theo sau chiếc xe kẽo kẹt, lắc lư, Kunta đợi cho đến quãng đường gồ ghề tiếp theo, rồi vươn tay ra bám vào tấm ván hậu, anh lăng mình qua, chui vào đống thuốc lá ngổn ngộn như trái núi. Anh đã ở trên xe!

Anh điên cuồng rúc mãi vào. Đám lá được nén chặt hơn anh chờ đợi nhiều, nhưng cuối cùng cũng che lấp được người. Ngay cả sau khi bới ra một lỗ thông hơi để thở cho thoải mái hơn – mùi hôi của thứ cỏ dơ dáy này khiến anh gần lộn mửa – anh vẫn phải ngọ nguậy vai và lưng, quay bên này một tí, bên kia một tí, cố làm sao cho dễ chịu dưới khối nặng đè xuống. Rốt cuộc, anh cũng tìm được tư thế thuận và nhịp chuyển động đu đưa của chiếc xe, được làm dịu thêm bởi nệm lá rất ấm bao quanh, chẳng mấy chốc đã khiến anh đâm gà gà buồn ngủ.
Một tiếng sóc đánh rầm làm anh giật mình thức giấc và anh bắt đầu nghĩ đến khả năng bị phát giác. Chiếc xe đang đi đâu và phải mất bao lâu mới tới chỗ đó? Và khi tới nơi, liệu anh có thể bí mật lẻn đi thoát được không? Hay lại bị lộ dấu tích và bị vây bắt lần nữa? Tại sao anh lại không nghĩ trước đến điều đó nhỉ? Vụt lóe lên trong đầu anh hình ảnh lũ chó và Xamxơn và bọn tubốp với những cây súng của chúng. Kunta rùng mình ngẫm lại những hình phạt lần vừa rồi, anh biết rằng lần này sinh mạng mình phụ thuộc vào việc không để cho chúng bắt lại.

Nhưng càng nghĩ về điều đó, nỗi thôi thúc rời khỏi chiếc xe ngay tức khắc càng tăng lên mạnh mẽ. Anh lấy tay rẽ đám lá vừa đủ để thò đầu ra. Bên ngoài dưới ánh trăng, là cảnh thôn dã và những cánh đồng mênh mông vô tận. Anh không thể nhảy ra lúc này được. Trăng đủ sáng soi đường cho những kẻ săn đuổi anh cũng như cho anh. Và anh càng ở trên xe lâu, lũ chó càng khó dò tìm vết tích anh. Anh lấp lại lỗ và cố tự trấn an; nhưng mỗi lần xe tròng trành, anh lại sợ nó sắp dừng lại và tim anh hồ như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực.

Hồi lâu sau đó, khi anh lại moi lỗ ra và thấy là sắp sửa rạng đông. Kunta bèn quyết định phải rời xe ngay lập tức, trước khi giáp mặt với kẻ thù ánh dương bạch nhật. Vừa nguyện cầu Chúa Ala, anh vừa nắm chặt chuôi dao và bắt đầu lách khỏi hốc ẩn. Khi đã chui cả người ra ngoài rồi, anh lại đợi đến lúc nào xe tròng trành. Thời gian tưởng như kéo dài vô tận, nhưng cuối cùng, phút đó cũng đến. Anh nhảy nhẹ một cái và thế là đã ở trên mặt đường. Lát sau, anh đã biến vào trong bụi rậm.

Kunta đi quành một vòng rộng để tránh hai trại ấp tubốp, nơi anh nhìn thấy tòa nhà lớn quen thuộc cùng những lều nhỏ, tối tăm kề bên. Tiếng tù và báo thức ở những trại đó bồng bềnh qua khoảng không tịch lặng vẳng đến tai anh và khi bình minh bừng lên, anh đang rẽ lối qua lớp cây bụi, mỗi lúc một đi sâu vào vùng mà anh biết là một khu rừng rộng. Rừng cây um tùm mát mẻ và sương sớm nhỏ giọt xuống người anh đem lại một cảm giác khoan khoái; anh vung tít con dao nhẹ bỗng như không, mỗi nhát lại khà một tiếng thích thú. Đầu buổi chiều, anh tới một dòng suối nhỏ nước trong veo chảy tràn qua những mỏm đá xanh rêu; ếch nhái hốt hoảng nhảy tứ tung khi anh dừng lại chụm hai tay vốc nước uống. Nhìn quanh và cảm thấy khá an toàn có thể nghỉ ngơi một lát, anh ngồi xuống bờ suối và thò tay vào túi. Anh lấy ra một miếng thịt thỏ sấy nhúng xuống suối và bỏ vào miệng nhai. Đất bên dưới anh êm và núng nính, những âm thanh duy nhất lọt vào tai anh là tiếng cóc nhái, tiếng côn trùng và tiếng chim. Anh vừa lắng nghe vừa ăn, và ngắm ánh mặt trời rắc những đốm vàng giữa màu xanh của vòm lá trên đầu và anh tự nhủ cũng may mà mình không phải chạy hết hơi hết sức và liền liền như lần trước, do đó dễ bị tóm gọn vì kiệt sức.

Anh chạy đến hết buổi chiều và sau khi tạm nghỉ để cầu kinh lúc mặt trời lặn, anh tiếp tục đi nữa cho đến khi bóng tối và mệt nhọc buộc anh phải dừng lại để nghỉ đêm. Nằm trên nệm lá và cỏ, anh quyết định lần sau sẽ dựng một cái lán bằng chạc cây, lợp mái cỏ như đã học được trong thời kì rèn luyện trưởng thành. Cái ngủ đến sớm, song trong đêm, mấy lần anh phải thức giấc vì muỗi và anh nghe thấy tiếng thú gầm gừ giết mồi ở đằng xa.

Dậy cùng lúc với những tia nắng đầu tiên, Kunta mài vội lưỡi dao, rồi lại lên đường. Lát sau, anh gặp một vệt đường mòn rõ ràng là đã có nhiều người đi qua; mặc dù nhận thấy con đường đã lâu không ai lai vãng, anh vẫn quay đầu ba chân bốn cẳng chạy thật nhanh về rừng.
Mỗi lúc một đi sâu vào rừng, anh vung dao phạt luôn tay. Mấy lần anh trông thấy rắn, nhưng hồi ở trại tubốp, anh đã được biết là rắn không cắn trước trừ phi chúng sợ hoặc bị dồn vào thế cùng, cho nên anh mặc kệ cho chúng trườn đi. Thỉnh thoảng, anh tưởng như nghe tiếng chó sủa đâu đây và rùng mình, vì anh sợ cái mũi đánh hơi của chó hơn cả người.

Mấy lần trong ngày Kunta đâm quàng phải những chỗ cây lá rậm rạp đến nỗi con dao của anh không đủ sức phát lấy một lối đi, và anh phải quay lui tìm đường khác. Hai lần anh phải dừng lại để mài dao vì nó hình như mỗi lúc một cùn đi mau hơn, nhưng sau đó, khi thấy không hơn gì, anh đâm ngờ rằng sức mình đã bắt đầu suy vì phải luôn tay phạt đủ mọi loại dây leo, tầm gửi và bụi rậm. Cho nên anh lại dừng chân ăn thêm ít thịt thỏ cùng mấy trái dâu dại và uống chút nước đọng ở những chiếc lá trũng giữa mọc sát gốc cây. Đêm ấy anh nghỉ bên một dòng suối khác, vừa đặt mình đã ngủ vùi, điếc đặc với mọi tiếng kêu của thú vật cùng chim đêm, kệ cho đám côn trùng vo ve bị hút đến thân thể đẫm mồ hôi của anh, tha hồ cắn vẫn trơ như gỗ chẳng cảm thấy gì.

Mãi đến sáng hôm sau, Kunta mới bắt đầu nghĩ đến chuyện mình đang đi đâu. Trước đó, anh không để cho mình nghĩ đến điều ấy. Do không thể biết được mình đang đi đâu bởi lẽ anh cũng không hề biết mình hiện ở đâu, nên anh quyết định rằng tiến trình duy nhất của mình là tránh đến gần bất cứ người nào, dù là da đen hay tubốp và tiếp tục chạy về phía mặt trời mọc. Các bản đồ Châu Phi anh đã được xem hồi bé chỉ rõ miền con nước lớn ở về phía Tây, nên anh biết nếu cứ tiến về hướng đông, cuối cùng sẽ tới đó. Nhưng khi nghĩ đến những gì có thể xảy ra lúc đó, cho dù anh không bị bắt; đến chuyện làm sao có thể vượt qua miền nước, cho dù anh có hẳn một con thuyền; đến chuyện làm sao tới được bờ bên kia an toàn, cho dù anh biết đường – anh bắt đầu khiếp hãi sâu sắc. Anh vừa chạy vừa đưa ngón tay sờ lần lá bùa xaphi trên cánh tay, chốc chốc lại cầu nguyện.

Đêm ấy, trong khi nằm ẩn dưới một bụi rậm, anh chợt thấy mình nghĩ về người anh hùng vĩ đại nhất của dân tộc Manđinka, người chiến sĩ Xunđiata xưa là một nô lệ tàn tật bị tên chủ người Phi ngược đãi quá đáng phải chạy trốn vào vùng đầm lầy, tại đó ông gặp những người bỏ trốn khác, tổ chức họ thành một đạo quân chinh phục cắt cứ một vùng ở vương quốc Manđinka rộng lớn. Có thể – Kunta nghĩ bụng khi lại cất bước lên đường vào ngày thứ tư ấy – cách nào đó mình sẽ gặp những người Phi khác cũng chạy trốn trên đất tubốp này và có thể họ cũng khao khát tột cùng như mình muốn được cảm thấy lớp bụi đất nơi chôn nhau cắt rốn dưới chân một lần nữa. Có thể họ đủ đông để đóng hoặc ăn trộm một cái xuồng lớn cũng nên. Thế rồi…

Cơn mơ mộng của Kunta bị ngắt quãng bởi một tiếng dễ sợ. Anh ngừng phắt. Không lẽ nào lại thế được! Song quả là không thể lầm được, đúng là tiếng chó săn sủa. Anh hùng hục phát bụi như điên, vẫn ngã rồi lại lồm cồm bò dậy. Chẳng mấy chốc, anh mệt đến nỗi khi ngã lần nữa, anh cứ ngồi thừ ra đấy, nắm chặt cán dao và lắng tai nghe. Nhưng lúc này anh chẳng nghe thấy gì ngoài tiếng chim và tiếng côn trùng.

Có phải anh đã thực sự nghe thấy tiếng chó không nhỉ? Ý nghĩ đó dằn vặt anh. Anh không biết đâu mới là kẻ thù tệ hại nhất của mình: bọn tubốp hay trí tưởng tượng của bản thân. Anh không thể cho rằng mình đã không nghe thấy tiếng chó thực, cho nên anh lại bắt đầu chạy; an toàn duy nhất là cứ di chuyển. Nhưng chẳng mấy chốc – mệt phờ

ra không những vì đã phải chạy xa, chạy nhanh thế, mà còn vì sợ nữa – anh lại phải dừng. Anh muốn nhắm mắt một lúc thôi rồi lại tiếp tục đi.

Anh thức giấc, mồ hôi toát ra, ngồi ngay đuỗn. Tối mịt rồi! Anh đã ngủ hết cả ngày! Anh lắc đầu, đang gắng hình dung ra xem cái gì đã đánh thức anh dậy thì bỗng nhiên lại nghe thấy nó: tiếng chó sủa lần này gần hơn trước nhiều. Anh vùng dậy lao đi, cuống cuồng đến nỗi mấy phút sau mới vụt nghĩ ra là mình đã bỏ quên con dao dài. Anh bổ về chỗ vừa nằm, nhưng đám dây leo lùng nhùng như mớ bòng bong và tuy biết mình chỉ cách con dao độ một với tay – biết thế để mà tức điên lên – tha hồ cho anh rờ rẫm, mò bới mà vẫn không tìm ra.

Tiếng sủa cứ to lên liên tục khiến ruột gan anh cộn cả lên. Anh biết nếu không tìm thấy dao, ắt lại bị bắt mất thôi – hoặc giả còn tệ hại hơn nữa. Quờ tay quanh quanh khắp chỗ dưới chân. Cuối cùng anh với được hòn đá bằng nắm tay. Với một tiếng kêu tuyệt vọng, anh giựt lấy hòn đá và lao vào rừng sâu.

Cả đêm ấy, như một người bị quỷ ốp, anh chạy mỗi lúc một sâu vào rừng – vấp, ngã, quấn chân vào dây leo, thỉnh thoảng chỉ dừng một chốc để lấy hơi. Nhưng lũ chó vẫn lấn tới mau hơn, mỗi lúc một gần thêm, và cuối cùng, sau lúc rạng đông một tí, anh ngoái cổ lại đã thấy chúng. Thật y như là một cơn ác mộng tái diễn. Anh không thể chạy xa hơn nữa. Quay lại và phục trong một khoảng rừng thưa, dựa lưng vào một thân cây, anh sẵn sàng nghênh tiếp chúng – tay phải lăm lăm một cành gộc anh đã bẻ ở một cây khác trong khi chạy hết tốc lực, tay trái nắm chặt hòn đá như trong móng vuốt thần chết.

Lũ chó bắt đầu xồ tới Kunta, với một tiếng thét ghê rợn, anh quật cành cây vào chúng hung dữ đến nỗi chúng phải lui lại, rúm vào nhau ngoài tầm gậy, vừa sủa vừa xổ rãi ròng ròng cho đến khi hai tubốp cưỡi ngựa xuất hiện.

Kunta chưa trông thấy bọn này bao giờ cả. Tên trẻ giương một khẩu súng, nhưng tên lớn tuổi vẫy tay ra hiệu cho gã lui lại trong khi hắn xuống ngựa và bước về phía Kunta. Hắn bình tĩnh giở ra một cây roi đen dài.

Kunta đứng ngay đó, mắt long sòng sọc, người run lên, óc vụt nhớ lại những bộ mặt tubốp trong cánh rừng xưa, trên con xuồng lớn, trong phòng giam, ở chỗ anh bị bán, trong khu trại vô đạo, trong những khu rừng anh bị tóm lại, bị đấm đá, bị đòn roi và bị bắn ba lần trước đây. Trong khi cánh tay cầm roi của tên tubốp ngoắt về đằng sau, cánh tay Kunta vung tới dữ dội đến nỗi anh mất đà chúi ngã sang một bên trong khi lẳng hòn đá đi.

Anh nghe thấy tên tubốp thét lên, rồi một viên đạn véo qua tai anh rồi lũ chó xông tới. Trong khi lăn lộn trên mặt đất quần nhau với lũ chó, Kunta thoáng thấy mặt một tên tubốp ròng ròng máu. Kunta gầm gừ như một con thú dữ khi chúng quát chó lui và chĩa súng tiến lại gần anh. Nhìn mặt chúng, anh biết mình chết đến nơi rồi, song anh bất cần. Một tên xô tới túm lấy anh trong khi tên kia lấy báng súng nện, song chúng vẫn phải lấy hết sức mới giữ được Kunta vì anh không ngừng giãy giụa chống cự, miệng rền rĩ, rít lên bằng hai thứ tiếng Ả-rập và Manđinka; chúng lại quại báng súng lên người anh. Vật vã kéo mạnh anh tới một gốc cây, chúng xé tan quần áo anh ra và trói giữa thân anh thật chặt vào cây. Anh thu hết nghị lực gồng mình chuẩn bị chịu đánh cho đến chết.

Nhưng rồi tên tubốp chảy máu bỗng dừng phắt lại, một vẻ kì lạ hiện trên khuôn mặt hắn, gần như một nét cười và hắn khàn khàn nói ngắn với tên trẻ. Tên trẻ nhe răng nhăn nhở cười và gật đầu, rồi quay lại chỗ con ngựa tháo một chiếc rìu săn ngắn cán buộc vào yên. Hắn chặt một cây mọt ruỗng đứt khỏi rễ và kéo lại bên cạnh Kunta.

Đứng trước mặt Kunta, tên chảy máu bắt đầu khoa tay làm hiệu. Hắn chỉ vào bộ phận sinh dục của Kunta, rồi vào con dao săn dắt ở thắt lưng hắn. Rồi lại chỉ vào chân Kunta và cái rìu trong tay hắn. Khi hiểu ra, Kunta gào lên và đá đạp lung tung – và lại bị ăn báng súng. Tận trong xương tủy anh, một giọng nói gào lên rằng một người đàn ông, muốn thực sự là đàn ông, thì phải có con. Và Kunta phóng hai tay xuống che fôtô. Hai tên tubốp cười gằn nham hiểm.

Một tên đẩy cái khúc cây xuống dưới chân phải Kunta cho tên kia trói ghì vào đó, tha hồ cho Kunta lồng lộn cũng không vùng nổi chân ra. Tên tubốp chảy máu nhấc rìu lên. Kunta rú lên, giãy giụa trong khi loáng một cái, lưỡi rìu vung lên rồi hạ xuống rất nhanh, tiện đứt cả da, gân, bắp thịt, xương; anh nghe thấy lưỡi rìu cắm phập vào khúc gỗ trong khi cái đau phóng đến tận óc. Cơn đau bùng nổ xuyên suốt người Kunta, cả thân trên anh giật thon thót rướn về phía trước, hai tay chới với vươn xuống như muốn cứu nửa trước bàn chân đang rơi, máu đỏ tươi phọt ra từ mỏm cụt trong khi anh rơi tõm vào đêm đen mịt mùng.

Chương 50

Gần suốt một ngày, Kunta hết tỉnh lại mê, hai mắt nhắm nghiền, cơ bắp ở mặt như tụt xuống, miệng há hốc, rớt rãi từ mép nhỏ xuống ròng ròng. Khi anh dần dần biết là mình còn sống, cái đau khủng khiếp dường như xé lẻ ra nhiều bộ phận – đập thình thình trong đầu, cắt cứa nhay nhứt toàn bộ thân và như lửa nung ở chân phải. Mở mắt ra là một cố gắng quá lớn anh bèn thử nhớ lại những gì đã xảy ra. Rồi mọi hình ảnh trở lại – bộ mặt rúm ró, đỏ ửng của tên tubốp đằng sau lưỡi rìu vung lên, tiếng xoẹt và mỏm cụt, phần trước bàn chân anh rơi xuống. Rồi nhịp đập trong đầu Kunta dội lên mạnh đến nỗi anh sung sướng lại được ngụp vào tối đen bất tỉnh.

Lần sau mở mắt ra, anh thấy mình đang trân trân nhìn một cái mạng nhện ở trên trần. Sau một lát, anh thử cựa quậy tí chút đủ để nhận ra là ngực, cổ tay và cổ chân mình đều bị trói gò xuống, nhưng bàn chân phải và gáy thì được kê lên một cái gì mềm mềm và anh đang mặc một thứ áo dài. Và lẫn với cái đau đớn là một mùi gì giống như hắc ín. Trước đây, anh tưởng đã nếm trải đủ mùi thống khổ, song tình trạng hiện giờ còn tệ hại hơn.

Anh đang lầm rầm cầu xin Chúa Ala thì cửa lều bật mở, anh ngừng bặt. Một tên tubốp cao lớn anh chưa từng gặp lần nào xách một chiếc túi đen nhỏ bước vào. Mặt y hằm hằm tức giận, mặc dù nỗi giận dữ đó hình như không phải nhằm vào Kunta. Vung tay xua đám ruồi vo ve, tên tubốp cúi xuống cạnh anh. Kunta chỉ nhìn thấy lưng y, rồi tên tubốp loay hoay làm gì với cái chân anh khiến Kunta choáng lên kêu thét như đàn bà, ưỡn người lên căng cả dây chằng ngực. Cuối cùng quay lại đối mặt với anh, tên tubốp đặt bàn tay lên trán Kunta rồi khẽ nắm cổ tay anh, cầm một lúc lâu. Rồi y đứng dậy và vừa theo dõi những nhăn nhó trên bộ mặt phờ phạc của Kunta vừa gắt gỏng gọi vọng ra ngoài: “Bel”.

Một phụ nữ da đen, thấp bé, chắc nịch, vẻ mặt nghiêm nghị nhưng không đến nỗi mất cảm tình, phút chốc mang một ca sắt tây nước vào. Một cách kỳ lạ, Kunta cảm thấy mình nhận ra chị ta, hình như trong một giấc mơ nào đó, chị ta đã đứng đây nhìn xuống anh và cúi mình bên anh mớm từng hớp nước. Tên tubốp vừa nhẹ nhàng nói với chị ta vừa lấy một cái gì trong túi đen và ngoáy nó trong một cốc nước. Tên tubốp lại nói và người đàn bà da đen bèn quì xuống, một tay nâng đầu Kunta lên, tay kia nghiêng cái cốc cho anh uống: quá ốm yếu không đủ sức cưỡng lại, anh đành làm theo.

Một thoáng liếc mắt nhìn xuống đủ cho anh thấy đầu cuộn băng to xụ quấn quanh chân phải mình, máu khô nhuộm thành màu gì. Anh rùng mình, những muốn vùng dậy, song cơ bắp giờ đây cũng vô dụng như cái chất lờm lợm anh đang để cho trôi qua cuống họng. Người đàn bà da đen bèn đặt nhẹ đầu anh xuống, tên tubốp lại nói gì với chị ta, và chị ta trả lời, rồi cả hai cùng đi ra.

Gần như trước cả lúc họ đi khỏi, Kunta đã trôi sâu vào giấc ngủ. Khi anh mở mắt ra, đêm đã khuya và anh không thể nhớ là mình đang ở đâu nữa. Chân phải anh như bốc cháy, anh hất chân lên, nhưng cử động đó khiến anh bật kêu đau. Tâm trí anh đắm vào một nhòa bóng những hình ảnh và ý nghĩ đến nhanh và trôi tuột đi cũng nhanh, không tài nào nắm bắt được. Thoáng thấy Binta, anh kể là anh đau nhưng mẹ đừng lo, vì anh sẽ trở về nhà ngay khi nào có thể. Rồi anh trông thấy một gia đình nhà chim bay cao tít trên bầu trời và một mũi lao xuyên qua mình một con. Anh cảm thấy mình đang rơi, đang kêu gào, tay với ra tuyệt vọng níu vào hư không.

Khi anh thức dậy lần nữa, Kunta cảm thấy chắc chắn là một điều gì ghê gớm đã xảy đến với chân anh, hay đây chỉ là một cơn ác mộng? Anh chỉ biết mình đang rất ốm. Cả mạn sườn bên phải anh tê dại, cổ họng khô, đôi môi se lại bắt đầu nứt nẻ vì sốt, người đẫm mồ hôi và phả ra một mùi bệnh tật. Có ai lại nỡ chặt chân người khác thật sự không nhỉ? Rồi anh nhớ lại tên tubốp chỉ vào chân và bộ phận sinh dục của anh cùng cái vẻ gớm guốc trên mặt hắn. Cơn cuồng nộ lại trào lên, Kunta uốn thử ngón chân và cố gắng đó làm anh đau đến mờ cả mắt. Anh nằm đó, chờ cho cơn đau dịu đi, song chẳng thấy đỡ chút nào. Đau không sao chịu nổi – thế mà, cách nào đó, anh vẫn đang phải chịu. Anh căm ghét chính bản thân mình vì cái tội muốn thấy tên tubốp trở lại, mang thêm cái thứ lăng nhăng gì đấy mà lúc nãy y hòa vào nước cho anh uống cũng thấy đơ đỡ.

Thỉnh thoảng anh lại thử rút tay ra khỏi sợi dây trói lỏng ở hai bên sườn, nhưng vô hiệu. Anh nằm đó, đang oằn oại rên rẩm vì đau thì cửa lại mở. Đó là người đàn bà đen, tay cầm một ngọn đèn hắt ánh vàng vọt chập chờn lên mặt. Miệng mỉm cười, chị ta bắt đầu ra hiệu bằng tiếng, bằng nét mặt, bằng cử chỉ; Kunta biết là chị ta đang cố làm cho anh hiểu một điều gì đó. Chỉ tay về phía cửa lều, chị làm bộ điệu bắt chước một người đàn ông cao lớn bước vào, rồi cho một người rên uống một cái gì đó và người này sau đó bèn toét miệng mỉm cười như thể đỡ hẳn đi. Kunta chẳng tỏ dấu hiệu gì mà mình đã hiểu điều chị ta muốn nói: tên tubốp cao lớn là một thầy thuốc.

Nhún vai, chị ta ngồi xệp xuống và bắt đầu áp một miếng vải ướt mát dịu lên trán Kunta. Không phải vì thế mà anh đỡ ghét chị. Rồi chị ra hiệu là sẽ đỡ đầu anh lên để nhấp nháp tí xúp do chị mang đến. Miệng nuốt mà lòng anh vụt lóe lửa giận khi nhìn thấy vẻ mặt hài lòng của chị. Rồi chị khoét một chỗ nhỏ trên nền đất, đặt vào đó một vật tròn dài bằng sáp và thắp lửa trên chỏm đó. Bằng cử chỉ và vẻ mặt, chị hỏi anh có cần gì khác nữa không. Anh chỉ gườm gườm nhìn chị và cuối cùng chị đi khỏi.

Kunta nhìn ngọn lửa, cố suy nghĩ cho đến khi miếng sáp chảy hết trên đất. Trong bóng tối, anh nhớ lại cái âm mưu "giết tubốp" trên con xuồng lớn; anh ước ao làm một chiến sĩ trong một đạo quân da đen lớn, chém tubốp như ngả rạ. Nhưng rồi Kunta rùng mình, sợ rằng chính bản thân mình đang sắp chết, mặc dầu thế có nghĩa là anh sẽ đời đời ở bên Chúa Ala. Nói cho cùng, nào đã có ai ở chỗ Chúa Ala trở về để kể cho mọi người hay ở bên Người là như thế nào; cũng như chưa có ai trốn được về làng mà kể cho bà con hay ở trong tay bọn tubốp là như thế nào.

Lần đến thăm tiếp theo, Bel tỏ ra rất lo ngại, cúi nhìn đôi mắt vằn máu và vàng đi của Kunta, đã hõm sâu thêm trên bộ mặt hầm hập sốt. Anh nằm run hoài, rên rẩm, gầy hơn cả khi được đem về đây tuần trước. Chị trở ra ngoài, nhưng trong vòng một giờ lại quay lại mang theo những miếng vải dày, hai cái bình bốc hơi và một đôi mền. Cử động nhanh thoăn thoắt và – vì một lý do nào đó – có phần lén lút, chị đắp lên ngực trần của Kunta một mớ dày lá luộc bốc hơi, nhào trộn với một thứ gì hăng hắc. Mớ thuốc đắp nóng rộp lên khiến Kunta phát rên và định hất đi, nhưng Bel kiên quyết dằn anh xuống. Nhúng những miếng vải vào cái bình bốc hơi thứ hai rồi vắt cho ráo nước, chị bó lên trên mớ thuốc đắp rồi phủ hai cái mền lên người Kunta.

Chị ngồi nhìn mồ hôi trên người anh chảy thành từng dòng nhỏ xuống nền đất. Bel lấy vạt tạp dề thấm những giọt mồ hôi chảy vào đôi mắt nhắm nghiền của anh và cuối cùng anh hoàn toàn lịm đi. Mãi đến khi rờ vào những miếng vải bó ngực thấy chỉ còn hơi âm ấm, chị mới tháo ra. Đoạn, lau ngực anh sạch mọi vết thuốc lá lầu, chị đắp mền cho anh và đi khỏi.

Thức giấc lần sau, Kunta yếu đến nỗi không cựa quậy được thân mình, anh cảm thấy gần như chết ngạt dưới đôi mền dày nặng. Nhưng – không hề mảy may biết ơn – anh hiểu là cơn sốt đã dứt.

Anh nằm dài tự hỏi không biết người đàn bà ấy học ở đâu ra cái cách chị ta đã làm. Nó giống như những thứ thuốc của Binta hồi anh còn nhỏ, những loại cỏ của đất Chúa Ala lưu truyền từ ông bà tổ tiên. Và nhớ lại cái cung cách lẩn lút của người đàn bà da đen, Kunta hiểu ra đó không phải là phương thuốc tubốp. Không những anh chắc chắn rằng bọn tubốp mù tịt về chuyện đó, mà anh còn biết là không được để cho chúng hay biết nữa. Và Kunta chợt thấy mình đang hình dung thật kĩ nét mặt người đàn bà da đen trong tâm trí. Tên tubốp gọi chị ta là gì nhỉ? Bel.

Sau một lát, Kunta miễn cưỡng xác định rằng người phụ nữ này giống bộ lạc của anh hơn bất kỳ bộ lạc nào khác. Anh thử hình dung chị ta ở Jufurê, giã mạch kê làm bữa sáng, chèo thuyền độc mộc trên bôlông, đội những lượm lúa mới gặt về làng. Nhưng rồi Kunta lại tự xỉ vả mình đã lố lăng đem gắn làng quê mình với những người da đen vô đạo này trên đất tubốp.

Giờ đây, những cơn đau của Kunta đã thưa hơn và đỡ dữ dội hơn, phần lớn là vào những lúc anh quẫy cựa găng mình vào dây trói. Nhưng ác nhất là lũ ruồi cứ vo ve quanh cái chân bị băng, hay đúng hơn là mẩu chân còn lại, và thỉnh thoảng anh lại phải lúc lắc cẳng tí chút để chúng bay lên một lúc, trước khi xà trở lại.

Kunta bắt đầu tự hỏi mình đang ở đâu. Chẳng những đây không phải lều cũ của anh, mà anh còn có thể đoán rằng mình đã bị đưa đến một cái trại nào khác, bằng vào những âm thanh bên ngoài và giọng nói của những người da đen đi ngang qua. Nằm đó, anh có thể ngửi thấy mùi nấu nướng của họ, nghe thấy tiếng họ chuyện trò, hát xướng và cầu kinh hồi đầu đêm và tiếng tù và thổi lúc ban mai.

Và mỗi ngày, tên tubốp cao lớn lại vào lều thay băng, lần nào cũng làm chân Kunta đau rát. Ngày ba bận, Bel đến mang theo thức ăn và nước, cùng với một nụ cười và một bàn tay ấm áp đặt lên trán anh. Anh cứ phải tự nhắc mình rằng những người da đen này chẳng tốt hơn gì bọn tubốp. Có thể người đàn bà đen này và tên tubốp không muốn làm hại anh – mặc dầu chưa thể nói chắc được vì hãy còn quá sớm – nhưng chính gã Xamxơn đã đánh gần chết và chính bọn tubốp đã dùng roi đánh anh và bắn anh và đã chặt chân anh. Càng hồi sức anh càng điên ruột vì phải nằm đấy bất lực, thậm chí không thể xê dịch đi đâu được, trong khi suốt cả mười bảy vụ mưa trước anh có thể chạy nhảy leo trèo bất cứ nơi nào mình muốn. Thật quái gở đến mức không hiểu nổi và ngoài sức chịu đựng.

Khi tên tubốp cao lớn cởi trói hai cổ tay Kunta khỏi hai cái cọc ngắn ở hai bên sườn, Kunta bỏ cả mấy giờ sau ra tập cánh tay lên mà không được: chúng quá nặng. Ráo riết, quyết liệt, không nao núng anh cố cưỡng hai cánh tay

trở lại hoạt động hữu ích bằng cách uốn ngón tay liên tục, hết co vào lại duỗi ra, rồi nắm lại thành quả đấm, cho đến khi, rốt cuộc, anh có thể nhấc được cánh tay. Sau đó anh bắt đầu đánh vật để chống hai khuỷu tay nhổm người dậy và khi đạt được, anh cứ lấy gân sức giữ tư thế đó hàng giờ liền, mắt trân trân nhìn xuống đám băng quấn quanh mỏm chân cụt. Khối bông băng to xụ như trái "pí ngô", tuy có đỡ máu me hơn những lần trước anh nhìn thấy khi tên tubốp tháo ra. Tuy nhiên, khi anh thử nhấc đầu gối bên ấy lên, anh vẫn thấy đau không sao chịu nổi.

Anh trút cơn giận dữ và tủi nhục lên Bel khi chị đến thăm vào lần sau, gầm ghè với chị bằng tiếng Manđinka và dằn mạnh cái cốc sắt tây xuống sau khi uống hết. Mãi sau anh mới nhận ra rằng đây là lần đầu tiên anh cất tiếng nói với một người khác, kể từ khi đặt chân tới đất tubốp. Anh càng điên tiết khi nhớ lại mắt chị dường như nồng ấm mặc dầu anh tỏ ra giận dữ.

Một hôm , sau khi Kunta đã ở đây gần ba tuần lễ, tên tubốp ra hiệu cho anh ngồi dậy khi y tháo băng. Khi gỡ đến gần sát da chân, Kunta trông thấy chỗ vải băng ố màu lầy nhầy một chất vàng khè dầy cộp. Rồi anh nghiến chặt quai hàm khi tên tubốp bóc một lượt vải cuối cùng – và giác quan Kunta quay cuồng khi anh nhìn thấy nửa bàn chân gót sưng đẫn, phủ một lớp vải dày gớm ghiếc màu nâu sạm. Kunta gần như thét lên. Rắc một thứ gì lên vết thương tên tubốp chỉ đắp hờ một lớp băng nhẹ lên đó, rồi xách cái túi đen vội vã đi khỏi.

Trong hai ngày tiếp theo, Bel lặp lại công việc tên tubốp đã làm, dịu dàng nói trong khi Kunta co rút người và quay mặt đi. Ngày thứ ba tên tubốp trở lại, tim Kunta giật thót khi thấy y mang hai cái gậy gộc thẳng trên đầu có chạc, Kunta đã từng thấy nhiều người bị thương đi bằng loại gậy này ở Jufurê. Kẹp đôi chạc vững chãi vào nách, tên tubốp bày cho anh tập lò cò đi quanh bằng cách đu đưa chân phải khỏi mặt đất.

Kunta không chịu động đậy cho đến khi cả hai đi khỏi. Đoạn, anh cố rướn thẳng người dậy, dựa vào vách lều cho đến khi đủ sức chịu đựng nhịp đập thon thót nơi cẳng chân mà không ngã nhào. Chưa điều khiển được đôi chàng nạng khớp vào dưới nách mà mồ hôi đã chảy ròng ròng trên mặt. Mắt hoa đầu váng, chệnh choạng, không lúc nào rời xa vách để có chỗ dựa, anh cố du mình về phía trước được vài bước vụng về, mỏm chân cụt băng bó luôn luôn đe dọa làm anh mất thăng bằng.

Sáng hôm sau khi Bel mang bữa điểm tâm đến cho anh, Kunta bắt gặp vẻ vui thích cao độ trên mặt chị lúc nhìn thấy những vết do đôi nạng để lại trên nền đất. Kunta cau mặt với chị, giận mình đã quên không xóa những vết đó đi. Anh không chịu đụng đến thức ăn trước khi người đàn bà đi khỏi, nhưng sau đó anh ăn thật nhanh, biết rằng bây giờ mình cần lại sức. Trong vòng mấy ngày, anh đã lò cò quanh lều một cách thoải mái.

Chương 51

Về nhiều mặt, trại tubốp này khác với các trại trước, điều này Kunta phát hiện ra ngay từ lần đầu tiên anh có thể chống nạng ra cửa, đứng nhìn quanh bên ngoài. Tất cả các căn lều thấp của đám da đen đều quét vôi trắng gọn gàng và xem chừng tốt hơn nhiều so với túp lều anh đang ở. Trong lều này có một cái bàn con trống trơn, một cái giá trên vách đựng một đĩa sắt tây, một vỏ bầu để uống, một "cùi dìa" cùng những đồ dùng bữa của tubốp mà cuối cùng Kunta đã biết tên: một cái "dĩa" và một "dao ăn"; anh nghĩ chúng thật ngu nên mới để những thứ đó trong tầm tay anh. Và cái chiếu anh nằm ngủ trên sàn, đan bằng vỏ ngô, cũng dày dặn hơn. Một số lều mà anh trông thấy gần đấy còn có những mảnh vườn nhỏ đằng sau và căn lều sát cạnh tòa nhà lớn của bọn tubốp có một khoảng tròn trồng hoa rực rỡ màu sắc ở ngay phía trước. Đứng ở cửa lều, Kunta có thể trông thấy bất cứ ai đi về bất cứ hướng nào và bất kỳ lúc nào cũng có thể nhanh chóng chống nạng thụt vào trong lều, ở lại đó ít lâu trước khi lại mạo hiểm trở ra cửa.

Mũi Kunta xác định được vị trí nhà tiêu. Mỗi ngày anh cố nhịn cho đến lúc biết hầu hết mọi người đã ra đồng làm việc rồi, thận trọng xem xét chắc chắn là không có ai ở gần đấy, anh mới chống nạng vượt nhanh qua khoảng cách tới chỗ đó tháo ruột, đoạn quay trở về yên ổn.

Khoảng hai tuần sau, Kunta mới bắt đầu làm những cuộc mạo hiểm ngắn vượt qua lều bên cạnh và đến bên lều người phụ nữ nấu ăn cho xóm nô, anh ngạc nhiên khám phá ra rằng người đó không phải là Bel. Ngay sau khi anh hồi phục, đủ sức để đi quanh quanh, Bel liền thôi không mang cơm, thậm chí cũng không đến thăm anh nữa. Anh thắc mắc không hiểu chị ra sao rồi – cho đến một hôm, đang đứng ở cửa, anh chợt trông thấy chị ở cửa sau tòa nhà lớn đi ra. Nhưng, hoặc là chị không nhìn thấy anh, hoặc là chị làm như không thấy, chị cứ đi thẳng qua mặt anh tới nhà tiêu. Vậy ra, xét cho cùng, chị cũng như những người khác thôi, anh biết thế từ lâu rồi. Thi thoảng, Kunta cũng thấy tên tubốp cao lớn, y thường chui vào một chiếc xe đen có hai ngựa kéo, do một gã đen ngồi ghế trước hối hả lái đi.

Sau mấy ngày nữa, Kunta bắt đầu đứng nán lại bên ngoài lều ngay cả khi những người đi làm đồng trở về buổi chiều, lê bước trong một đoàn mệt nhọc. Nhớ lại cái trại anh đã ở trước đây, anh lấy làm lạ tại sao không có tên tubốp nào cưỡi ngựa cầm roi đi sau những người đen này. Họ đi qua sát Kunta – dường như chẳng buồn để ý gì đến anh – và biến vào những túp lều của mình. Nhưng trong vòng mấy phút sau, phần lớn lại trở ra ngoài, làm các công việc vặt vãnh. Đàn ông thì bận bịu quanh chuồng ngựa, đàn bà thì vắt sữa bò và cho gà ăn. Còn trẻ con thì xách nước và chuyển củi với tất cả sức ôm của cánh tay chúng rõ ràng chúng không biết là nếu đem bó củi lại đội lên đầu – cả đối với những xô nước cũng vậy – thì sẽ mang được nhiều gấp đôi.

Ngày lại ngày, Kunta bắt đầu thấy rằng mặc dầu những người đen này sống khá hơn đám người ở trại tubốp trước, song hình như họ vẫn không nhận thức rõ hơn những người kia rằng họ là một bộ lạc mất gốc, rằng mọi thứ tự tôn tự trọng nơi họ đã bị vắt kiệt đến nỗi dường như họ cảm thấy cuộc đời mình đúng là phải như thế này. Tất cả mối quan tâm của họ chỉ là làm thế nào khỏi bị đánh đập, có đủ thức ăn và một chỗ nào đó để ngủ. Không có mấy đêm mà Kunta không nằm trằn trọc, giận sôi lên trước nỗi khổ cực của những người đồng loại, thao thức mãi mới ngủ được. Khốn nỗi họ dường như không hề biết là mình khổ. Vậy thì bận gì đến anh, nếu những người này chừng như vẫn thỏa mãn với số phận não nùng của họ? Anh nằm dài, cảm thấy mỗi ngày mình lại chết thêm một ít, trong khi mọi người đều bằng lòng sống phần còn lại của mình thì anh lại cần tìm cách trốn nữa, bất chấp khó khăn trở ngại hoặc hoàn cảnh. Dù sống hay chết, phỏng anh còn có ích gì nữa? Trong mười hai tuần trăng kể từ khi anh bị rứt khỏi Jufurê, anh đã trở nên già hơn tuổi thật của mình biết bao nhiêu.

Một điều vô bổ nữa là dường như chẳng ai tìm ra loại công việc gì ích lợi cho Kunta làm, mặc dầu anh đã chống nạng đi lại được khá vững vàng. Anh đã gây được ấn tượng là riêng việc nghĩ về bản thân cũng đủ làm bận trí anh rồi và anh không cần mà cũng không muốn liên kết với bất cứ ai. Nhưng Kunta cảm thấy những người da đen kia cũng chẳng tin gì anh hơn anh tin họ. Dù sao, một mình trong đêm, nhìn trân trân vào bóng tối hàng giờ liền, anh vẫn thấy cô đơn và chán nản đến nỗi cảm thấy như mình đang sụp xuống. Y như thể một con bệnh đang lan khắp người anh. Anh vừa ngạc nhiên vừa hổ thẹn nhận ra là mình đang cảm thấy sự cần thiết của yêu thương.

Một hôm, tình cờ Kunta đang ở bên ngoài lều thì cỗ xe tubốp lăn bánh vào sân, với một người đàn ông da nâu nhờ nhờ ngồi cùng ghế với gã xà ích da đen. Khi tên tubốp xuống xe và vào ngôi nhà lớn, chiếc xe tiến đến gần dãy lều và lại dừng bánh. Kunta thấy gã lái nắm lấy phía dưới nách người da nâu đỡ anh ta xuống vì một tay anh ta bị bó vào một cái gì nom như bùn trắng khô rắn lại. Kunta không biết đó là cái gì, nhưng xem vẻ như tay anh ta bị

thương cách nào đó thì phải. Với trở lại bên trong xe bằng bàn tay lành, người đàn ông dau nâu lấy ra một cái hộp đen hình thù kỳ dị, đoạn theo sau gã lái đi xuôi tới một căn lều mà Kunta biết là trống không ở cuối dãy.

Kunta rất tò mò muốn biết đầu đuôi, đến nỗi sáng hôm ấy anh quyết định lò cò tới căn lều nọ. Anh không ngờ thấy gã da nâu ngồi ngay ở khung cửa ra vào. Họ nhìn thẳng vào nhau. Bộ mặt và cặp mắt người lạ không lộ vẻ gì cả. Cả giọng nói cũng vậy, khi y hỏi "Mầy muốn gì?" Kunta không hiểu y nói gì. "Mầy một thằng nhọ Phi". Kunta nhận ra cái chữ "nhọ" mà anh luôn luôn nghe thấy, nhưng tiếng khác thì không biết. Anh đứng đực ra đó. "Thôi, đi đi!" Kunta nghe rõ giọng gay gắt, cảm thấy y đuổi mình. Anh quay mình, suýt nữa vấp, và vừa giận dữ vừa bối rối, tập tễnh chống nạng trở về lều mình.

Cứ mỗi lần nghĩ đến người đàn ông da nâu, cơn giận lại bùng lên đến nỗi anh ước ao giá mình biết đủ tiếng tubốp để hét vào mặt y: "Chẳng gì tao cũng đen chứ không nâu như mày!" Từ hôm ấy trở đi, mỗi khi ra ngoài, Kunta đều không nhìn về phía căn lều đó. Nhưng anh không nén nổi nỗi tò mò khi thấy sau mỗi bữa ăn tối, phần lớn những người da đen khác đều vội vã đến tụ tập ở căn lều nọ. Và từ cửa lều mình lắng tai nghe thật chăm chú, Kunta có thể thấy tiếng của người da nâu nói hầu như liên tục. Thỉnh thoảng, những người kia phá lên cười và từng lúc cách quãng, anh nghe thấy họ hỏi cha kia dồn dập. Cha này là người như thế nào, là cái thá gì nhỉ, Kunta muốn biết đến đau đầu.

Khoảng hai tuần sau, vào lúc giữa chiều, tình cờ người da nâu ở nhà tiêu nhô ra đúng vào lúc Kunta đang lại gần đó. Cái vỏ trắng to xụ bọc cánh tay cha da nâu đã tháo đi và hai tay y đang bện vỏ ngô thì Kunta giận dữ chống nạng đi qua thật nhanh. Ngồi trong cầu tiêu, đầu Kunta ong ong những lời nhục mạ mà anh ước sao có thể nói lên được. Khi anh trở ra cha da nâu vẫn bình tĩnh đứng đó, nét mặt thản nhiên như không có gì đã từng xảy ra giữa hai người. Ngón tay vẫn thoăn thoắt bện vỏ ngô, y gật đầu ra hiệu cho Kunta đi theo mình.

Thật là hoàn toàn bất ngờ và không sao giận nổi – đến nỗi Kunta thấy mình cứ thế cun cút theo cha da nâu về lều của y, không thốt một lời. Ngoan ngoãn, Kunta ngồi xuống chiếc ghế đẩu cha da nâu chỉ cho và nhìn chủ nhân ngồi xuống chiếc ghế kia, tay vẫn đan. Kunta tự hỏi liệu y có tự biết mình đang rất giống kiểu người Phi hay không.

Sau một lát nữa im lặng đầy suy tư, cha da nâu bắt đầu nói, "Tau đã nghe nói chú mầy thật điên khùng. May mà chúng nó không giết mầy đó. Chúng có thể giết mà vưỡn trong vòng pháp luật. Y như thể thằng cha da trắng í oánh ghì tay tau bỉ chưng tau chán không muốn kéo đờn nữa. Pháp luật biểu ai bắt được bọn ta trốn chạy đều có thể giết mà không phải phạt gì sất. Luật í cứ sáu tháng một lần lị được đọc ở các nhà thờ của dân da trắng. Cứ bắt đầu lập một khu dinh điền mới, thoạt tiên họ xây tòa án để ra thêm luật, sau đó xây nhà thờ để chứng tỏ mình là tín đồ đạo Cơ-đốc. Tau tin rằng cái Viện Dân biểu Voginia chỉ làm độc mỗi một việc là ra thêm luật chống cánh nhọ chúng mình. Có một luật cấm dân nhọ không được mang súng, không được mang cả gậy giống như dùi cui. Luật quy định phạt hai mươi roi nếu khám mầy không có giấy thông hành, mười roi nếu mầy nhìn thẳng vào mắt người da trắng, ba mươi roi nếu mầy giơ tay đánh một tín đồ Cơ-đốc da trắng. Luật cấm dân nhọ truyền đạo trừ phi có mặt người da trắng tại đó; luật cấm dân nhọ làm ma chay nếu bọn nó cho đó là hội họp. Luật bỉu cắt một tai mầy nếu người da trắng thề rằng mầy nói dối, cả hai tai nếu chúng rêu rao là mầy nói dối hai lần. Luật bỉu nếu mầy giết bất cứ ai da trắng, mầy bị treo cổ, còn giết một người nhọ, mầy chỉ bị đánh roi thôi. Luật quy định người Inđơn[1] nào bắt được một nhọ chạy trốn thì sức mang suể bao nhiêu thuốc lá sẽ được hưởng bí nhiêu. Luật cấm không dậy dân nhọ học đọc, học viết, hoặc cho dân nhọ sách. Bọn nó còn có Luật cấm dân nhọ đánh trống – cấm bất cứ thứ gì của Châu Phi".

Kunta mang máng thấy người da nâu biết anh không thể hiểu được, nhưng y vừa thích nói chuyện lại vừa cảm thấy rằng việc Kunta lắng nghe có thể bằng cách nào đó dẫn đến chỗ cảm thông hơn. Nhìn mặt người da nâu trong khi y nói và nghe giọng y, Kunta cảm thấy gần như có thể hiểu được. Và việc có người đang nói chuyện thật sự với anh như một con người nói với một con người, khiến anh vừa muốn cười lại vừa muốn khóc.

"Còn về cái chân mầy, thì nè, không phải chỉ có chân, tay mà cả củ lẳng mí sọ dừa cũng bị xẻo đấy. Tau đã thấy ối nhọ bị hại như thế mà vẫn phải làm việc. Đã thấy những nhọ bị oánh đến rứt thịt lòi xương. Nhiều gái nhọ chửa to tướng cũng bị đòn, nằm úp mặt xuống, lồng bụng vào một cái lỗ khoét sẵn. Dân nhọ bị cào cho trầy da rồi bôi dầu thông hoặc sát muối, đoạn lấy rơm cọ. Dân nhọ bị bắt quả tang nói chuyện làm loạn phải nhảy múa trên than hồng kỳ đến lúc ngã quỵ. Hồ như chả còn thiếu gì không chất lên đầu dân nhọ và nếu họ có chết vì thế, bọn chủ làm hoặc sai làm cái việc í cũng chẳng mắc tội gì. Luật pháp là thế đấy. Và nếu mầy cho thế là xấu, thì mầy phải nghe kể về những đối xử với đám nhọ bị mí cái tầu nô đem sang bên kia bờ biển bán cho các đồn điền Tây Indiz".

Kunta vẫn đang ngồi đó lắng nghe – và cố hiểu – thì một thằng bé vào cỡ lứa kafô đầu mang bữa chiều vào cho người da nâu. Khi thấy Kunta ở đấy, nó nhảo ra và phút chốc quay lại đem một đĩa có nắp đậy cho anh nữa. Kunta

và cha da nâu cùng lặng lẽ ăn, đoạn Kunta đột nhiên đứng dậy để ra về, biết rằng những người khác sắp đến, nhưng cha da nâu ra hiệu cho anh ở lại.

Mấy phút sau, khi những người khác bắt đầu tới, không ai giấu nổi vẻ ngạc nhiên khi thấy Kunta ở đó – đặc biệt là Bel, một trong những người xuất hiện sau cùng. Cũng như số đông, chị chỉ gật đầu chào – nhưng Kunta thấy hình như có phảng phất một nụ cười. Trong bóng tối xẫm dần, người da nâu bắt đầu thuyết đám người như đã thuyết Kunta. Kunta đoán y đang kể cho họ nghe mấy câu chuyện gì đó. Anh có thể biết một câu chuyện chấm dứt ở chỗ nào vì lúc ấy họ thường đột nhiên cười ồ - hoặc đặt câu hỏi. Thi thoảng, Kunta nhận ra một số chữ đã trở thành quen thuộc với tai anh.

Khi trở về lều mình, Kunta xốn xang xúc động về chuyện đã hòa mình với những người đen nọ. Đêm ấy, trằn trọc đến khuya, tâm trí còn lục đục những xung đột, anh nhớ lại một điều Ômôrô đã từng nói khi anh không chịu buông một quả soài rất ngon mà Lamin xin cắn một miếng: "Khi mày nắm chặt tay thì không ai cho được cái gì vào tay mày, mà mày cũng chẳng nhặt thêm được cái gì".

Nhưng anh biết cha anh hẳn cũng hoàn toàn đồng ý với anh rằng dù sao đi nữa, anh cũng không bao giờ nên giống những người da đen nọ. Tuy nhiên, mỗi đêm, anh đều cảm thấy bị thu hút một cách kỳ lạ đến túp lều của người da nâu cùng với họ. Anh cố cưỡng lại cám dỗ ấy song hầu như chiều nào anh cũng lò cò đến thăm người da nâu khi bác ta có một mình.

"Tau tập cho ngón tay thuần phục để trở lại kéo đờn", một hôm, bác ta vừa bện cỏ ngô vừa nói vậy. "Muốn sao thì sao, me-xừ này cũng mua tau và thuê tau. Tau đã kéo vĩ cầm khắp vùng Vơginia, kiếm tốt tiền cho cả lão ta lẫn cho tau. Chả còn thiếu mấy thứ mà tau chưa thấy, chưa làm dù mày không biết tau nói gì. Người da trắng bỉu dân Phi Châu chỉ biết ở lều cỏ, quanh quẩn lại giết nhau và ăn thịt lẫn nhau thôi".

Bác ta ngừng độc thoại như chờ đợi một thứ phản ứng nào đó, nhưng Kunta chỉ ngồi nguyên đó thản nhiên nhìn và nghe, ngón tay mân mê lá bùa xaphi.
"Mày có rõ tau muốn nói gì không? Mày phải bỏ ngay mọi cái của nợ này đi", bác da nâu chỉ vào cái bùa xaphi nói. "Bỏ nó đi. Mày sẽ chả đi đến đâu đâu, cho nên mày hãy nhìn thẳng vào sự thật mà bắt đầu nhập gia tùy tục đi, Tôby ạ, mày có nghe rõ không?"

Mặt Kunta bừng lên giận dữ. "Kunta Kintê!" anh bật ra, ngạc nhiên với chính mình.

Bác da nâu cũng sửng sốt, "Ơ nè, nó nói được đấy thôi! Dưng mà tau bỉu mày, chú nhỏ ạ, mầy phải quên mọi lời ăn tiếng nói Phi Châu í đi. Chỉ tổ khiến bọn da trắng tức điên lên và cánh nhọ ta sợ mất vía thôi. Tên mầy, Tôby. Còn tau, họ gọi là vĩ cầm". Bác tự trỏ vào mình. "Mày thử nói chữ í xem, Vĩ Cầm!" Kunta ngớ ra nhìn bác ta, mặc dầu anh hoàn toàn hiểu bác định nói gì. "Vĩ Cầm ! Tau là một người kéo vĩ cầm. Hiểu hông. Vĩ Cầm?". Bác làm một cử chỉ như kéo cưa qua cánh tay trái. Lần này, vẻ ngơ ngác của Kunta không phải là vờ vĩnh.

Bực bội, bác da nâu đứng dậy và lấy ra từ một góc lều cái hộp hình thù kỳ quái mà Kunta đã thấy bác ta cầm hôm tới đây. Mở hộp ra, bác nhấc lên một vật bằng gỗ hình dáng còn kỳ dị hơn, màu nâu sáng, có một cái cổ dài mảnh màu đen và bốn sợi dây nhỏ, rất căng, chạy gần suốt chiều dài của nó. Y như cái đàn anh đã nghe ông lão ở cái trại nọ chơi.
"Vĩ cầm!" bác da nâu kêu lớn.
Vì chỉ có hai người với nhau, Kunta quyết định cứ nói thử xem. Anh lặp lại hai âm đó: "Vĩ cầm".
Vẻ hài lòng, cha da nâu cất cây vĩ cầm và đóng hộp lại. Đoạn, nhìn quanh, bác chỉ: "Xô!" Kunta nhắc lại, ghi trong đầu vật ấy. "Bây giờ đến: nước!" Kunta nhắc lại.

Sau khi dạy thêm tới hơn hai chục chữ mới, cha da nâu lặng lẽ chỉ vào cây vĩ cầm, cái xô, nước, cái ghế tựa, vỏ ngô và nhiều đồ vật khác, với bộ mặt tra vấn, chờ Kunta nhắc lại đúng từng chữ dùng để gọi tất cả những thứ đó. Một số tên gọi, anh mau mắn nhắc lại được ngay; anh lúng túng với một số chữ khác và được uốn nắn, và có vài tiếng, anh hoàn toàn không nhớ nổi. Bác da nâu nhắc lại cho anh nhớ những tiếng này, rồi bắt ôn lại tất cả "Mầy không đến nỗi đần độn như nhìn bề ngoài", đến bữa chiều bác lẩm bẩm nói vậy.

Các bài học tiếp tục suốt những ngày sau và kéo dài thêm hàng tuần. Kunta ngạc nhiên khám phá ra rằng mình không những có thể hiểu mà còn làm cho bác da nâu hiểu mình qua một cách diễn đạt thô sơ. Và điều chủ yếu anh muốn bác ta hiểu, là lý do tại sao anh không chịu khước từ tên mình hoặc những gì tổ tiên để lại và tại sao anh thà chết tự do còn hơn sống trọn cuộc đời của kẻ nô lệ. Anh không đủ chữ để nói lên ý đó như mình mong muốn, song anh biết bác da nâu vẫn hiểu, vì thấy bác ta cau mày và lắc đầu. Sau đó không lâu, một buổi chiều khi tới lều bác da

nâu, Kunta thấy một người khác đã ngồi ở đó. Đó là ông già thỉnh thoảng anh vẫn trông thấy cuốc mảnh vườn hoa gần ngôi nhà lớn. Liếc nhìn thấy bác da nâu gật đầu tán thành, Kunta ngồi xuống.

Ông già bắt đầu nói "Chú Vĩ Cầm đây kể với não nà cháu trốn chạy bốn bận. Cháu đã thấy cháu được cái gì rồi đó; não chỉ mong cháu học được bài học dư não đây. Bởi vì việc cháu nàm chả có gì mới mẻ. Thời trẻ não chạy trốn nhiều đến nỗi bọn nó chỉ còn thiếu nước nột da não, rồi sau đó mới tỉnh cái đầu ra nà chẳng trốn đâu cho thoát được. Chạy xách xa đây tận hai bang, nó chỉ cần noan tin trên báo, thế nà sớm muộn anh cũng bị tóm cổ, thiếu nước bị giết chết và rốt cuộc đâu nại về thằng đấy. Chả có mấy ai không nghĩ đến chuyện trốn chạy. Cả dững nhọ hay xun xoe cười nhất cũng nghĩ đến chuyện í. Dưng mà não chưa từng biết có ai thoát. Đã đến núc cháu phải yên phận, sự thể ra sao ráng chịu vậy, chớ đừng như não phí hoài tuổi xuân mưu tính chuyện không nàm nổi. Bi giờ, não già nua, sức cùng nực kiệt rồi: Thử gẫm mà xem, từ khi cháu ra đời đến nay, não đã hành động dư cái thằng nhọ vô tích sự, nười nhác, vụng dại, chỉ biết gãi đầu gãi tai dư bọn da trắng biểu chúng ta như thế. Sở dĩ me-xừ giữ não ở đây chỉ vì y biết có mang não bán đấu giá cũng chẳng được bao nhiêu, mí nị cứ để não nàm vườn nửa vời thôi cũng nợi cho y hơn. Dưng mà não nghe Bel biểu nà me-xừ sắp cắt cử cháu nàm việc mí não ngày mai đấy mà".

Biết Kunta khó mà hiểu nổi những điều ông lão làm vườn đã nói, bác Vĩ Cầm bỏ cả nửa giờ sau để cắt nghĩa cho anh – từ từ và giản dị hơn, bằng những chữ quen thuộc với Kunta. Hầu hết những điều ông lão làm vườn nói đều gây cho anh những cảm giác xáo trộn. Anh hiểu ông già khuyên bảo anh với ý tốt - và anh đã bắt đầu tin rằng quả thật không thể nào trốn thoát được – song ngay cả nếu anh không bao giờ xổ lồng được, anh cũng không đời nào chịu trả giá bằng cách từ bỏ gốc gác sinh thành – mình là ai? là cái gì? – để sống hết những năm sống của mình khỏi bị đánh đập nữa. Và ý nghĩ phải làm một anh gác vườn què cụt cho qua ngày đoạn tháng, khiến lòng anh tràn đầy giận dữ và tủi nhục. Nhưng nếu chỉ làm thế một thời gian cho đến khi khỏe hẳn trở lại, thì có lẽ cũng được. Và nếu làm sao cho tâm trí được rảnh rang và lại dùng đôi bàn tay để chăm bón đất – dù nó không phải là đất của mình – kể ra cũng có thể là điều hay.

Ngày hôm sau, ông lão làm vườn chỉ bảo cho Kunta những việc phải làm. Khi ông rãy đám cỏ dường như ngày nào cũng chòi lên giữa những luống rau, Kunta bắt chước theo. Khi ông bắt sâu bọ ở các cây cà chua, khoai tây, dí xuống chân, anh cũng làm vậy. Hai người làm việc ăn ý, song ngoài việc sóng đôi bên nhau, họ chẳng nói với nhau gì mấy. Thường thường, ông già chỉ ầm à và lấy tay ra hiệu khi nào cần chỉ bảo cho Kunta làm một nhiệm vụ gì mới và Kunta chẳng đáp lời, chỉ làm theo như chỉ dẫn. Anh không phản đối sự im lặng; trên thực tế, tai anh mỗi ngày cũng cần mấy giờ nghỉ ngơi giữa những cuộc đàm thoại với bác Vĩ Cầm cứ liến láu miệng mỗi khi hai người gặp nhau.

Đêm ấy, sau bữa tối, Kunta đang ngồi ở cửa lều mình thì người đàn ông tên là Gilđơn – làm đai cổ ngựa, lá, và đóng giày cho cánh da đen – đi đến và chìa ra cho anh một đôi giày. Theo lệnh "me-xừ", anh ta đã đóng đặc biệt cho Kunta, anh ta nói vậy. Nhận đôi giày và gật đầu cảm ơn, Kunta cứ xoay đi xoay lại mãi trong tay trước khi quyết định đi thử. Anh cảm thấy lạ lẫm khi xỏ chân vào thứ đồ như thế, song nó vừa khít – mặc dầu nửa trước của chiếc giày bên phải được nhồi chặt bông. Anh thợ giày cúi xuống thắt dây giày, rồi gợi ý Kunta đứng dậy và đi quanh xem ra sao. Chiếc giầy bên trái thì ổn rồi, nhưng anh cảm thấy hơi nhoi nhói ở chân phải trong khi bước loanh quanh bên ngoài lều một cách vụng về và thận trọng, không dùng đến nạng. Thấy vẻ thiếu thoải mái của anh, người đóng giày nói đó là do mỏm cụt chân anh chứ không phải tại giày và rồi anh sẽ quen đi thôi.

Sau đó, Kunta thử đi xa hơn chút nữa, nhưng chân phải vẫn thấy thế nào ấy, nên anh bỏ bớt ít bông ra và lại xỏ giày vào. Anh cảm thấy dễ chịu hơn và cuối cùng, dám nhấn hết trọng lượng toàn thân lên chân đó mà không hề thấy đau. Thi thoảng, anh vẫn tiếp tục thí nghiệm cái đau tưởng tượng ở đầu ngón chân phải, như đã hầu thành thói quen hàng ngày từ khi anh bắt đầu tập đi quanh và bao giờ anh cũng ngạc nhiên vì không thấy đau gì cả. Anh vẫn tập đều, cảm thấy khoan khoái, song ít để lộ ra nét mặt. trước đó, anh đã sợ phải đi bằng nạng suốt đời.

Cũng trong tuần ấy, chiếc xe của ông chủ trở về sau một chuyến đi và Luthơ, người da đen lái xe vội vã đến lều Kunta, vẫy anh đến chỗ bác vĩ cầm, tại đó Kunta đứng ngây người nhìn anh ta nói một điều gì đó, miệng toe toét cười. Rồi, khoát tay về phía ngôi nhà lớn và chọn những chữ cơ bản, bác vĩ cầm giải thích cho Kunta gật gù hiểu rằng từ nay anh thuộc về "me-xừ" Uyliêm Uolơ, cha tubốp ở trong ngôi nhà lớn. "Luthơ biểu ông ta vừa lấy được tờ chứng về mầy từ tay người anh trai đã mua mầy đầu tiên, thế là bi giờ mầy của ông í". Như mọi khi, Kunta không để cho tình cảm lộ trên nét mặt. Anh vừa tức vừa xấu hổ về nỗi mình phải "thuộc về" một người nào đó: song anh cũng nhẹ hẳn người, vì trước đó anh vẫn nơm nớp sợ một ngày kia lại bị đưa về cái "đồn điền" nọ - bây giờ anh đã biết người ta gọi các trại tubốp như thế. Bác vĩ cầm đợi Luthơ đi khỏi rồi mới lại nói tiếp – phần với Kunta, phần với chính mình "Cánh nhọ ở đây bỉu me-xừ Uyliêm là một ông chủ tốt, mà tau thì đã từng gặp dững ông chủ tệ hơn. Dưng mà bọn họ chả có ai tốt đâu. Họ sống trên lưng cánh nhọ ta suốt. Dân nhọ là thứ của quý nhất của họ".

---

[1] Anhđiêng (người da đỏ)

Chương 52

Bây giờ, gần như ngày nào cũng vậy, làm việc xong, Kunta trở về lều và sau khi cầu kinh chiều, lại cào một ô vuông nhỏ trên nền đất, lấy một cái que viết những chữ Arập trên đó rồi ngồi nhìn những chữ vừa viết hồi lâu, nhiều khi đến tận bữa ăn tối. Đoạn anh xóa hết đi và thế là đến lúc tới ngồi lẫn vào đám người nghe bác vĩ cầm nói chuyện. Cách nào đó, những phút cầu nguyện và học ôn ấy khiến anh yên tâm trà trộn với họ. Anh có cảm giác là làm thế, anh có thể vẫn nguyên là mình mà không phải vẫn nguyên một mình. Dù sao, nếu ở bên Châu Phi, cũng phải có người nào đó như kiểu bác vĩ cầm làm chỗ lui tới, duy có điều, đó thường là một nhạc sĩ lang thang, hay một vị graiốt đi từ làng này sang làng kia, vừa hát vừa chơi đàn kora hay đàn balafô xen giữa những câu chuyện say mê rút ra từ những cuộc phiêu lưu của người ấy.

Theo đúng như cách làm hồi còn ở Châu Phi, Kunta đã bắt đầu tính ngày tháng trôi qua bằng cách cứ đến buổi sáng sau mỗi tuần trăng mới lại bỏ một hòn sỏi nhỏ vào một cái vỏ bầu. Trước hết anh bỏ vào vỏ bầu 12 hòn sỏi tròn nhiều màu, đánh dấu 12 tuần trăng mà anh ước đoán mình đã qua tại cái trại tubốp đầu tiên, rồi thêm sáu hòn nữa, tượng trưng thời gian ở đây, tại cái trại mới này; đoạn anh đếm thật kỹ 204 hòn đánh dấu 17 vụ mưa mà anh đã sống cho tới khi bị bắt đi khỏi Jufurê và bỏ cả vào vỏ bầu. Cộng tất cả lại, anh ước tính mình hiện đang giữa tuổi mười chín.

Vậy, tuy tự cảm thấy mình già, anh vẫn là một thanh niên. Liệu rồi anh có phải sống nốt cuộc đời còn lại như ông lão làm vườn, gương mặt nhìn niềm hy vọng và tự hào trôi tuột đi cùng với năm tháng, cho đến khi chẳng còn gì làm lẽ sống và rốt cuộc là hết đời? Ý nghĩ đó làm anh tràn đầy sợ hãi – và quyết tâm không chịu kết thúc theo cách của ông già, quanh quẩn với mảnh vườn, lập cà lập cập, phân vân không biết nên đặt chân nào trước, chân nào sau. Ông già tội nghiệp thường mệt phờ khá lâu trước bữa ăn trưa và suốt buổi chiều, ông chỉ có thể giả đò làm việc, thành thử Kunta phải ghé vai gánh vác gần hết.

Sáng sáng, trong khi Kunta lom khom cúi trên các luống đất trong vườn, Bel xách giỏ tới – Kunta đã biết chị làm công việc nấu bếp trong ngôi nhà lớn – hái những thứ rau chị định làm cho ông chủ ăn hôm ấy. Nhưng suốt thời gian ở đó, chị ta chẳng bao giờ buồn nhìn Kunta lấy một cái, kể cả lúc đi qua ngay trước mặt anh. Điều đó làm anh bối rối và bực dọc, anh nhớ chị đã săn sóc anh hằng ngày như thế nào, hồi anh nằm chống chọi để sống sót, hoặc đã gật đầu với anh như thế nào những buổi tối ở nhà bác vĩ cầm. Anh bèn nhất định ghét Bel, cả quyết rằng lý do duy nhất khiến chị chăm nom anh hồi ấy là vì ông chủ đã sai chị làm thế. Kunta ước gì mình có thể nghe ý kiến bác vĩ cầm về chuyện này, song anh biết vốn từ ngữ hạn chế của mình không cho phép diễn đạt chính xác – chưa kể ngay đến việc đặt câu hỏi cũng đã quá là rắc rối.

Sau đó không lâu, một buổi sáng, ông lão không đến vườn và Kunta đoán là ông bị ốm. Mấy ngày vừa qua, ông còn yếu hơn cả mọi khi. Đáng lẽ đi ngay đến lều ông cụ, xem thực hư ra sao, thì Kunta lại bắt tay thẳng vào việc tưới nước, rẫy cỏ, vì anh biết Bel có thể đến bất cứ lúc nào và anh cho rằng khi chị tới, chả có ai ở đây thì cũng không tiện.

Mấy phút sau, chị xuất hiện và vẫn không nhìn Kunta, bắt tay vào hái rau bỏ đầy rổ trong khi Kunta cầm cuốc đứng quan sát chị. Rồi khi ra về, Bel lưỡng lự, nhìn quanh, đặt rổ xuống đất và – với một cái nhìn nhanh, nghiêm nghị về phía Kunta – cất bước đi. Sự nhắn nhe của chị thật rõ ràng; anh phải mang rổ rau đến cửa sau ngôi nhà lớn, như ông già vẫn làm thế. Kunta gần như phát khùng, trong óc vụt lóe lên hình ảnh hàng chục phụ nữ Jufurê sắp hàng dọc, đầu đội những bọc nặng đi qua cây bantaba, nơi cánh đồng đàn ông Jufurê vẫn hay đến nghỉ ngơi. Dận mạnh chiếc cuốc xuống, anh đang định nện gót dằn dỗi bỏ đi thì bỗng nhớ ra là Bel rất thân cận với ông chủ. Anh cắn răng cúi xuống, vớ lấy chiếc rổ và lặng lẽ theo Bel. Đến cửa, chị quay lại cầm lấy rổ, như thể không hề trông thấy anh. Anh quay về vườn, giận sôi lên.

Từ hôm ấy trở đi, Kunta ít nhiều trở thành người làm vườn chính thúc. Ông già ốm nặng, họa hoằn lắm mới đến khi nào ông đủ sức để bước. Những lần ấy, ông làm chút việc vặt vãnh gì đó trong khoảng khắc ông cảm thấy có thể cầm chừng được, nghĩa là không lâu, rồi ông lại ngật ngưỡng về lều. Ông cụ làm Kunta nhớ đến những người già ở Jufurê xấu hổ vì sự yếu đuối của mình, vẫn tiếp tục trệu trạo đi quanh cất nhắc tay chân, mó máy việc này việc nọ cho đến lúc buộc phải rút lui về ổ nằm và cuối cùng, họa hoằn lắm mới thấy ló mặt ra ngoài.

Cái nhiệm vụ mới duy nhất mà Kunta ghét thật sự là phải mang cái rổ đó cho Bel hàng ngày. Miệng lẩm bẩm không thành tiếng, anh đi theo chị ta đến cửa, ấn nó vào tay chị tới mức thô bạo nhất mà anh dám, rồi quay gót đi

thật nhanh, trở về làm việc. Tuy nhiên, dù ghét chị đến mấy, anh vẫn nhỏ nước miếng khi những mùi khêu gợi của những thức do Bel nấu nướng, thỉnh thoảng theo gió tạt ra ngoài vườn.

Hòn sỏi thứ hai mươi hai đã được bỏ vào trong cái vỏ bầu lịch thì một buổi sáng, bề ngoài không lộ một dấu hiệu thay đổi nào, Bel vẫy anh vào trong nhà. Sau một lúc lưỡng lự, anh theo chị bước vào và đặt cái rổ lên một cái bàn ở đó. Cố gắng không tỏ vẻ ngỡ ngàng trước những vật kỳ lạ anh thấy ở khắp chỗ quanh mình trong căn phòng này mà họ gọi là "nhà bếp", anh đang quay người định đi thì chị khẽ chạm vào cánh tay anh và đưa một khúc bánh ở giữa có kẹp một miếng gì đó như là thịt bò nguội. Thấy anh tròn mắt nhìn bối rối, chị nói: "Trước nay anh chưa trông thấy một cái bánh xăngđuých bao giờ nhỉ ? Nó không cắn anh đâu. Mà anh phải cắn nó đấy. Thôi ra khỏi đây đi".

Thời gian tiếp tục qua, Bel bắt đầu cho anh nhiều đến mức một tay mang không xuể – thường thường là một đĩa sắt tây chất đầy cái thứ gọi là "bánh trứng ngô", một loại bánh trước đây anh chưa thưởng thức bao giờ, cùng với rau mù-tạc tươi nấu bằng nước hàng tuyệt diệu của chính thứ rau này. Chính anh đã gieo những hạt mù-tạc bé tí tẹo – trên đất vườn trộn với chất bùn đen màu mỡ đào ở bãi chăn bò – và những ngọn rau mơn mởn đã mau chóng nhú lên xanh um. Anh cũng thích không kém cái cách chị nấu những quả đậu dại thon dài mọc trên những dây leo quấn quanh những thân ngô ngọt ngào. Chị không bao giờ cho anh một miếng gì rành rành là thịt lợn, tuy anh không dám chắc làm sao chị lại biết điều đó. Nhưng bất kể chị cho anh món gì, bao giờ anh cũng lấy giẻ lau cái đĩa thật kỹ càng trước khi trả lại. Anh thường hay thấy chị đứng trước "lò" – một cái vật bằng sắt đựng lửa – nhưng đôi khi chị quỳ xệp hai đầu gối cọ sàn bếp bằng một cái bàn chải cứng và tro gỗ sồi. Mặc dầu đôi lúc muốn nói với chị một câu gì đó, anh không bao giờ tập hợp được đủ chữ để phát biểu sự đánh giá của mình đạt hơn là một tiếng ầm ừ – và giờ đây, chị cũng thường đáp lại như thế.

Một ngày chủ nhật, sau bữa tối, Kunta đã đứng dậy duỗi chân vươn vai và đang đi quanh lều bác vĩ cầm, uể oải vỗ vỗ vào bụng, thì bác da nâu này chợt ngắt quãng cuộc độc thoại kéo rền suốt bữa ăn mà kêu lên: "Nè, mầy bắt đầu đẫy ra rồi đấy!" Bác nói đúng. Từ khi rời Jufurê, chưa bao giờ Kunta nom – hoặc cảm thấy – khá hơn hồi này.

Sau nhiều tháng không ngừng tập đan để luyện ngón, bác vĩ cầm cũng cảm thấy khá hơn so với thời gian dài trước đây kể từ khi bác bị gẫy tay – và các buổi tối, bác đã bắt đầu chơi đàn lại. Cầm cái vật kỳ dị trong bàn tay khum khum và ép dưới cằm, bác vĩ cầm gại vào những sợi dây bằng chiếc que – hình như làm bằng những sợi tóc dài, nhỏ – và đám thính giả thường lệ ban đêm, cứ hết một bài, lại reo hò và vỗ tay ran. "Chả ra sao cả!" bác thường ngán ngẩm nói. "Ngón tay còn chưa dẻo".

Về sau, khi chỉ còn hai người với nhau, Kunta ngập ngừng hỏi: "Dẻo là gì?" Bác vĩ cầm gập ra gập vào và ngọ nguậy các ngón tay: "Dẻo! Dẻo. Hiểu chưa?" Kunta gật đầu.
"Mầy là một thằng nhỏ may mắn, mầy là thế đó", bác vĩ cầm nói tiếp. "Hàng ngày chỉ quanh quẩn làm vặt vãnh ở cái vườn í. Chả mí ai vớ được một công việc nhẹ nhàng như thế trừ ở những cái đồn điền lớn gấp bội cái này".
Kunta nghĩ rằng mình hiểu và anh không thích câu nói đó. "Làm việc nặng", anh nói. Và gật đầu với bác vĩ cầm đang ngồi trên chiếc ghế tựa, anh nói thêm: "nặng hơn thế này".
Bác vĩ cầm nhe răng cười: "Mầy nói đúng, thằng người Phi!".

Chương 53

Các "tháng" – ở đây người ta gọi tuần trăng là thế – bây giờ đang trôi qua mau hơn, chẳng bao lâu mùa nóng nực, gọi là "mùa hè", đã hết và vụ gặt đã bắt đầu cùng với rất nhiều nhiệm vụ mới cho Kunta và những người khác. Trong khi số người da đen còn lại – kể cả Bel – bận bịu làm việc nặng ngoài đồng, anh được giao chăm nom gà, lợn và gia súc thêm vào việc làm vườn. Và vào thời kỳ hái bông rộn rịp nhất, anh được gọi ra đánh xe đi dọc theo các luống. Trừ việc phải cho cái giống ủn ỉn nhơ bẩn ăn khiến anh tởm lợm cơ hồ phát ốm, Kunta không phản đối gì mọi lao dịch ngoại phụ, vì điều đó khiến anh đỡ cảm thấy mình là một kẻ tàn tật. Nhưng ít khi anh trở về lều mình trước lúc tối mịt – mệt nhoài đến nỗi đôi khi quên cả ăn tối. Để nguyên cả quần áo, chỉ bỏ chiếc mũ rơm xơ xác và cởi giày – cho bàn chân còn một nửa đỡ đau – anh gieo mình xuống ổ lá ngô, kéo cái mền chần bông đắp lên người và phút chốc đã ngủ tít, quần áo còn đẫm mồ hôi.

Chẳng bao lâu, các xe đã chất cao ngồn ngộn những bông, rồi những bắp ngô mây mẩy và các tàn thuốc lá vàng rộm được treo lên phơi khô. Người ta giết lợn, pha thành từng khúc, quay bằng củi hồ đào cháy chậm và không khí khói mù đã chuyển lạnh khi mọi người trong đồn điền bắt đầu chuẩn bị cuộc "khiêu vũ ngày mùa", một dịp quan trọng đến mức cả ông chủ cũng có mặt. Họ náo nức đến nỗi là khi thấy việc này xem chừng không đụng chạm gì tới Chúa Ala của người da đen, Kunta quyết định cũng tham dự – nhưng chỉ đứng xem thôi.

Đến lúc anh có đủ can đảm để tới tham gia liên hoan thì cuộc vui đang rôm rả. Bác vĩ cầm, cuối cùng ngón tay đã dẻo lại, đang cò cưa trên dây đàn và một người khác gõ hai khúc xương bò đánh nhịp trong khi ai đó hô lớn: "Nhảy thưởng bánh!" . Những người tham gia nhảy sắp thành từng cặp và vội vã ùa ra trước mặt bác vĩ cầm. Mỗi phụ nữ đặt chân lên đầu gối người bạn nam trong khi anh ta thắt dây giày cho nàng; đoạn bác vĩ cầm xướng to: "Đối lộn!" và khi các cặp đôi bạn nhảy lẫn nhau, bác liền kéo đàn như điên, và Kunta thấy bước chân và các động tác uốn mình của những người nhảy mô phỏng việc trồng cấy, đẵn gỗ, hái bông, vung liềm hái, bẻ ngô, dùng chĩa xúc cỏ khô vào xe. Tất cả những cái đó giống hội nhảy mùa ở Jufurê đến nỗi chẳng mấy chốc bàn chân lành lặn của Kunta bất giác giậm nhịp trên mặt đất – cho đến khi anh nhận ra mình đang làm gì và bối rối nhìn quanh xem có ai để ý thấy không.

Nhưng không ai để ý cả. Thực tế, giữa lúc đó, hầu như tất cả đều bắt đầu chú mục vào một cô gái thanh mảnh trạc lứa kafô thứ tư đang rạp mình, xoáy lộn nhẹ như chiếc lông chim, đầu lắc lư, mắt lúng liếng, hai cánh tay lượn những đường nét duyên dáng. Chẳng mấy chốc, các cặp nhảy khác mệt phờ, dẹp sang hai bên để lấy lại hơi và đứng xem; ngay cả người bạn nhảy nam của cô cũng khó mà theo nổi.

Khi anh chàng này hổn hển bỏ cuộc, một tiếng reo nổi lên và khi, cuối cùng, cả cô gái cũng chệnh choạng bước sang bên, cả loạt tiếng la, hú như nuốt lấy cô. Tiếng hoan hô càng to hơn khi me-xừ Uolơ thưởng cô gái một nửa đôla. Và cười toe toét với bác vĩ cầm, trong khi bác này cũng cười và cúi chào đáp lại, me-xừ tạm biệt họ giữa tiếng hò reo càng rộ hơn. Nhưng cuộc nhảy thưởng bánh còn lâu mới chấm dứt và các cặp khác, giờ đây đã nghỉ ngơi, lại ào ra, tiếp tục như trước, dường như sẵn sàng nhảy suốt đêm.

Kunta đang nằm trên ổ ngẫm ngợi về những điều đã trông và nghe thấy thì đột nhiên có tiếng gõ cửa.
"Ai đấy?" anh hỏi, ngạc nhiên vì suốt từ khi anh ở đây, chỉ có hai lần có người đến lều anh.
"Đạp cái cửa này vô, nhọ!".

Kunta mở cửa vì đó là tiếng bác vĩ cầm; ngay lập tức, anh ngửi thấy hơi thở bác sặc mùi rượu. Mặc dù khó chịu, Kunta vẫn không nói gì, vì bác vĩ cầm đang phát cuồng lên thèm nói chuyện và cự tuyệt bác chỉ vì bác say rượu thì e cũng bất nhã.

"Mầy thấy me-xừ đấy!" bác thầy đờn nói, "Y không ngờ bi giờ tau lị vưỡn có thể đờn cừ thế! Rồi mầy theo dõi mà xem y có xu xếp để tau đờn cho bọn da trắng nghe rồi đem tau cho thuê không nhá!". Mừng quýnh, bác vĩ cầm ngồi lên chiếc ghế đẩu ba chân của Kunta và tiếp tục con cà con kê.

"Nè, tau đã từng đờn bè hai mí tay cừ nhất nhá! Mầy đã nghe nói đến Xai Jilaiơt ở Richmơnd bao giờ chưa?" Bác ngập ngừng. "Không, cố nhiên là mầy chưa. Phải, đấy là gã nhọ kéo vĩ cầm hay nhất xế giới, mà tau đã đờn mí tay í rồi đó. Nè, hắn chỉ đờn cho các cuộc dạ hội và khiêu vũ lớn của người da trắng mà thôi, tau muốn nói là ví dư Vũ hội đua ngựa hằng năm và dững cuộc tờ tợ dư thế chẳng hạn. Mầy phải trông thấy hắn cầm cây đờn óng ánh vàng, mặc áo triều, đeo tóc giả nâu và lạy Chúa, kiểu cách mới tao nhã nàm sao! Một gã nhọ tên là Lăndơn Brig đứng

đằng sau bọn tau, thổi sáo và kèn kla. Nào mơnuyê, nào cuồng vũ, nào côngô, nào múa thủy thủ, nào khoái hoạt vũ, thậm chí chỉ nhảy cẫng thôi – muốn là gì cũng bất cần, bọn tau cứ đờn là cánh da trắng nhảy cuồng lên như vũ bão".

Bác vĩ cầm cứ thế tiếp tục cả giờ sau – cho đến khi hả hơi men – kể cho Kunta nghe về những ca sĩ nô lệ trứ danh làm việc ở các nhà máy thuốc lá tại Richmơnd, về những nhạc sĩ nô lệ khác tiếng tăm lừng lẫy, chơi các loại đàn "clavơxanh", "pianô", "viôlông", bất kể thứ gì, chỉ học bằng cách nghe các nhạc sĩ tubốp ở một nơi nào đó gọi là "Châu Âu" và vẫn thường được thuê đến các đồn điền để dạy con cái các ông chủ.

Buổi rét dài sáng hôm sau chứng kiến sự khởi đầu những nhiệm vụ mới. Kunta quan sát những phụ nữ trộn mỡ nóng chảy với dung dịch kiềm tro củi và nước, đun lên, ngoáy đảo, rồi đổ chất hỗn hợp đặc quánh màu nâu ấy vào những khay gỗ cho nguội đi, để nó rắn lại trong ba ngày, bốn đêm trước khi cắt thành những bánh xà phòng nâu nâu hình chữ nhật. Anh hết sức ghê tởm khi thấy đám đàn ông làm nên men táo, đào và hồng vàng thành một thứ khăm khẳm đóng vào chai, vào thùng mà họ gọi là "rượu mạnh". Nhiều người trộn đất sét đỏ dính nháp với nước và lông lợn khô để ép thành phiến làm vách lều. Phụ nữ lấy vỏ ngô nhồi ổ nằm, như ổ của Kunta, có khi còn nhồi bằng thứ rêu mà anh đã thấy phơi khô; và một cái ổ mới cho ông chủ được tọng đầy lông ngỗng.

Người nô lệ đóng đồ gỗ đang làm những chậu giặt mới; quần áo sẽ nhúng vào đấy ngâm nước xà phòng, trước khi đem nấu rồi chất đống trên một phiến gỗ, lấy gậy đập. Người làm đồ da – vòng cổ ngựa, yên cương thắng đai và giày dép – thì đang bận bịu thuộc da bò. Và phụ nữ nhuộm thành các màu khác nhau số vải bông trắng do ông chủ mua để may quần áo. Và y như ở Jufurê, tất cả các bụi rậm, cây leo và hàng rào gần đấy đều phơi những tấm vải đỏ, xanh, vàng.

Mỗi ngày qua đi, không khí càng lạnh thêm, bầu trời càng xám hơn, và chẳng bao lâu, mặt đất lại phủ đầy băng tuyết, khiến Kunta vừa thấy kỳ dị vừa khó chịu. Và ít lâu sau, những người đen khác bắt đầu náo nức bàn đến "Lễ Giáng Sinh" mà trước đây anh đã nghe nói tới. Chuyện này xem ra bao gồm nhiều mục: múa, hát, ăn uống và cho quà, nghe thì hay ho đấy – nhưng hình như nó cũng có liên quan đến Chúa Ala của họ, cho nên dù Kunta giờ đây thực sự thích thú những cuộc tụ họp ở lều bác vĩ cầm, anh vẫn quyết định tốt nhất là cứ ở lì một mình cho đến khi những trò hội hè vô đạo ấy kết thúc yên ổn đã. Thậm chí anh cũng chẳng đến thăm bác vĩ cầm nữa, bác này, lần sau gặp, nhìn Kunta như của lạ nhưng không nói gì.

Thế rồi, một mùa xuân nữa vụt đến, và quỳ gối trồng trọt trên luống đất, Kunta nhớ lại những cánh đồng xung quanh Jufurê vào đận này mọi năm mới tươi tốt làm sao. Và anh hồi tưởng lúc còn là một chú bé thuộc lứa kafô thứ hai, anh tung tăng ra ngoài bãi đằng sau đàn dê đói cỏ, biết mấy hạnh phúc trong cái mùa tươi xanh này. Ở cái nơi này, bọn "tí nhau" da đen giúp vào việc đuổi bắt lũ baaaing xồng – Họ gọi chúng là "cừu" – rồi tranh nhau ngồi lên đầu một con cừu giãy giụa tuyệt vọng trong khi một người đàn ông lấy kéo xén lớp lông dày xoăn, nhớp bẩn của nó. Bác vĩ cầm cắt nghĩa cho Kunta hay rằng lông cừu sẽ được đưa đến một nơi nào đó để rửa sạch và "chải thành mớ" rồi đem về cho phụ nữ quay thành sợi len để đan quần áo rét.

Đối với Kunta, công việc cày cấy vun trồng mảnh vườn ngày ngày trôi đi trong một nhập nhoạng mướt mồ hôi từ sáng đến tối. Đầu tháng giữa hè mà họ gọi là "tháng bảy", những người làm việc ngoài đồng đêm đêm trở về lều mệt nhoài vì phải gấp rút hoàn thành việc cuốc rẫy cỏ đợt cuối quanh đám bông và ngô đã cao đến ngang thắt lưng và nặng trĩu những cum tua. Công việc nặng nhọc, nhưng chí ít cũng có nhiều cái ăn trong những nhà kho vốn đã đầy ứ từ mùa thu trước. Vào thời gian này, ở Jufurê, Kunta nghĩ, dân làng chắc vẫn đau bụng vì cái thứ cháo nấu bằng rễ cây, sâu bọ, cỏ và bất kỳ cái gì khác kiếm được, bởi lẽ hoa màu và trái cây, tuy xanh rờn tươi tốt thế, vẫn chưa chín.

Công việc "dự trữ" phải xong trước ngày "chủ nhật" thứ hai trong tháng bảy – Kunta được biết thế – khi những người đen thuộc phần lớn các đồn điền trong vùng này (gọi là "Hạt Xpotxylvanya") được phép đi đến một nơi nào đó tham gia một kiểu "họp trại". Bởi lẽ cuộc này dù thế nào mặc lòng vẫn dính dáng đến Chúa Ala của họ, nên thậm chí không ai nghĩ đến chuyện gợi ý Kunta cùng đi, bọn họ gồm hơn hai chục người lên đường rất sớm vào buổi sáng chủ nhật ấy, lèn chặt trong một chiếc xe mà me-xừ Uolơ đã đồng ý cho dùng.

Hầu hết mọi người đã đi trong mấy ngày sau – đến nỗi chẳng còn mấy ai có mặt ở đây để xem xem Kunta có định chạy trốn nữa không – song anh biết mặc dù đã quen thuộc và đắc dụng, anh cũng không thể nào chạy được thật xa trước khi bị tóm lại. Tuy xấu hổ với lương tâm, anh vẫn phải thừa nhận rằng anh đã bắt đầu ưng cuộc sống như anh được phép sống nó ở cái đồn điền nay hơn là cái khả năng chắc chắn sẽ bị bắt và có lẽ bị giết nữa cũng nên, nếu anh cố chạy trốn một lần nữa. Tận trong thâm tâm, anh biết mình sẽ không bao giờ còn gặp lại gia đình và cảm thấy

một cái gì quý giá không thể lấy lại được, đang chết trong anh mãi mãi. Song hy vọng vẫn còn. Tuy không mong gì gặp lại gia đình, nhưng biết đâu một ngày kia, anh lại chẳng có thể có một gia đình riêng của mình.

Chương 54

Một năm nữa trôi qua, nhanh đến nỗi Kunta khó mà tin được là những hòn sỏi trong quả bầu nói với Kunta rằng anh đã tới vụ mưa thứ hai mươi của đời mình. Lại rét và lại sắp sửa đến "Lễ Giáng Sinh". Mặc dầu cảm nghĩ của anh đối với Chúa Ala của những người đen này trước sau vẫn thế, nhưng họ vui chơi thoải mái đến nỗi anh bắt đầu cảm thấy có lẽ Chúa Ala của anh hẳn cũng không cấm anh chỉ đơn thuần quan sát những hoạt động diễn ra trong mùa hội hè này.

Hai người nam nhận được giấy phép đi xa cả tuần do Me-xừ Uolơ cấp, đang gói ghém hành lý để đến thăm bạn bè ở các đồn điền khác. Trừ lều của họ – và của Kunta – tất cả đều bận rộn chuẩn bị thứ này thứ khác, chủ yếu là sắp quần áo liên hoan với những giải thêu, chuỗi hạt và lấy hạt dẻ, táo ở những chỗ dự trữ của họ.

Và ở trên ngôi nhà lớn, tất cả nồi niêu, xoong chảo của Bel đều sủi ùng ục những khoai mỡ, thịt thỏ và thịt lợn quay – cùng nhiều món ăn làm bằng thịt những con thú mà trước khi đến cái xứ sở này, Kunta chưa bao giờ gặp hoặc nghe thấy nói đến: gà tây, gấu trúc Mỹ, con opốt có túi và các loại tương tự. Tuy mới đầu còn ngần ngại, song những mùi thơm lưng từ bếp của chị chẳng bao lâu đã thuyết phục Kunta thử nếm tất cả – tất nhiên chỉ trừ thịt lợn. Anh cũng không thích nếm món rượu mà me-xừ Uolơ đã hứa cho những người da đen: hai thùng rượu táo mạnh, một thùng rượu vang, và một thùng nhỏ uýtxki ông ta chở trong xe từ một nơi nào khác tới.

Kunta dám chắc rằng một số rượu đã được bí mật tiêu thụ từ trước, trong đó bác vĩ cầm ngốn không ít. Và cùng với sự múa may quay cuồng của các tay ma men, bọn con nít da đen tung tăng chạy dùng que dí những chiếc bong bóng lợn khô mỗi lúc một sát vào lửa cho đến khi từng cái nổ bùm bụp giữa những tiếng cười reo của tất cả. Anh cho rằng mọi cái đó đều ngớ ngẩn và chán không tưởng tượng được.

Cuối cùng, khi ngày vui đến, cuộc chè chén ăn uống bắt đầu thật sự. Từ cửa lều mình, Kunta theo dõi các khách khứa của me-xừ Uolơ đến dự buổi tiệc trưa và sau đó khi đám nô lệ tập hợp gần ngôi nhà lớn và bắt đầu hát theo giọng lĩnh xướng của Bel, anh trông thấy Me-xừ nâng cửa sổ lên mỉm cười; rồi y cùng những người da trắng khác ra ngoài đứng nghe, xem vẻ như say mê lắm. Sau đó me-xừ sai Bel đi bảo bác vĩ cầm đến đờn cho họ nghe và bác ta làm theo.

Kunta có thể hiểu được là họ phải làm những gì chủ sai bảo, nhưng tại sao họ lại có vẻ thích thú với điều đó đến thế nhỉ? Và nếu bọn da trắng ưa thích những nô lệ của mình đến mức cho họ quà thì tại sai không làm cho họ thật sự sung sướng và thả cho họ tự do đi? Song anh lại tự hỏi: liệu một số người đen nọ, tựa những con cưng, có thể sống sót nổi như anh, nếu không được săn sóc tới?

Nhưng thử hỏi anh có hơn gì họ? Có thật anh khác xa họ đến thế không? Một cách từ từ, nhưng chắc chắn, anh không thể chối cãi rằng mình đang tự buông lơi đến chỗ chấp nhận những lối thói của họ. Anh khó nghĩ nhất về mối tình bạn ngày một sâu của mình với bác vĩ cầm. Việc bác uống rượu làm anh hết sức bất bình, tuy nhiên chẳng lẽ một người vô đạo lại không có quyền là một người vô đạo hay sao? Tính khoe khoang của bác vĩ cầm cũng làm Kunta ớn, song anh tin rằng tất cả những điều bác ta khoe khoang đều có thật. Nhưng cái thói hài hước sống sượng và bất kính của bác vĩ cầm khiến anh khó chịu, và Kunta rất ghét nghe thấy bác vĩ cầm gọi mình là "nhọ" vì anh đã biết đó là cái tên do người da trắng đặt cho người da đen. Song, chẳng phải chính bác vĩ cầm đã tự đảm nhiệm việc dạy anh học nói đó sao? Chẳng phải chính tình bạn của bác đã tạo dễ dàng hơn cho anh đỡ cảm thấy xa lạ với những người đen khác đó sao? Kunta xác định là mình cần tìm hiểu bác vĩ cầm hơn nữa.

Bất cứ lúc nào thích hợp, anh lại kiếm cách quanh co hỏi bác vĩ cầm về một số vấn đề làm anh bận tâm. Nhưng hai hòn sỏi nữa đã được bỏ vào trong chiếc vỏ bầu, rồi một buổi chiều chủ nhật yên tĩnh, mọi người đều nghỉ việc, anh đi xuôi xóm nô tới căn lều quen thuộc và thấy bác vĩ cầm trong một tâm thế trầm lặng hiếm thấy.

Sau khi chào hỏi nhau, cả hai đều im lặng một lát. Rồi để khơi chuyện Kunta nói là anh nghe lỏm thấy tay lái xe của ông chủ, Luthơ, kể rằng gã đánh xe cho me-xừ đến đâu cũng thấy người da trắng bàn chuyện "thuế". Anh muốn biết thuế là cái gì.

"Thuế là tiền phải nộp xêm vào hầu hết mọi thứ người da trắng mua", bác vĩ cầm trả lời. "Cái lão vua bên kia bờ biển biểu đặt ra thuế để giữ cho mình giàu có".

Cách nói năng ngắn gọn này thật khác xa thói thường của bác vĩ cầm đến nỗi Kunta đoán là bác hẳn đang bực mình. Chán nản, anh ngồi im lặng một lúc, song cuối cùng quyết định nói toẹt ra điều mình đang bận tâm. "Bác ở đâu chước khi đây?"

Bác vĩ cầm chằm chằm nhìn anh một lúc lâu, căng thẳng. Đoạn, bác nói giọng sắt như dao chém: "Tao biết ở đây đứa nhọ nào cũng xắc mắc về tau! Tau chẳng kể gì sốt mí ai khác đâu! Dưng mà mầy thì khác".

Bác nhìn thẳng vào Kunta. "Mầy có biết sao mầy lại khác không? Bỉ vì mầy chả biết cái gì! Mầy bị bắt lôi tới đây và bị chặt chân, mầy ngỡ đã trải đủ mùi! Nè, không phải chỉ có mình mầy xấu số thế đâu!" Giọng bác giận dữ. "Mầy không bao giờ được kể dững cái tau sắp nói mí mầy đây, kẻo tau vặt đầu mầy!".
"Tôi không!" Kunta tuyên bố.

Bác vĩ cầm ngả người về phía trước và nói khẽ để khỏi bị nghe trộm. "Me-xừ chủ tau ở bắc Calina[1] bị chết đuối. Chuyện í chẳng dính dáng đến ai cả. Dù sao, đêm í tau cũng cứ lẻn đi, mí lị y chả có vợ con gì để mà đòi tau lại. Tau chốn lẫn với người Inđơn[2] cho đến khi tau gẫm là đã yên yên, thế là tau đến vùng Vơginia này và tiếp tục kéo đờn".
"Vơginia?" Kunta hỏi.
"Thằng nầy, có thật mầy chẳng biết cái mẹ gì không? Vơginia là cái thục địa mầy đang sống đây, nếu mầy mốn gọi thế này là sống"
"Thục địa là cái gì?"

Mầy còn đần độn hơn cái vẻ bề ngoài. Có mười ba thục địa hợp thành cái xứ này. Từ đây đổ xuống phía Nam có hai bang Calina và trên mạn Bắc là Merơlơn, Penxylvania, Niu Yooc và một lô khác nữa. Tau chưa lên đó bao giờ và phần lớn dân nhọ cũng vậy. Tau nghe nói ối người da trắng trên đó không giữ nô lệ và thả người mình tự do. Chính tau đây, tau cũng là một thứ nhọ nửa tự do. Tau phải bám quanh một me-xừ nào đó phòng khi bọn tuần cha tuần bố vớ được tau". Kunta không hiểu nhưng cứ làm như có, vì anh không thích bị mắng là ngu một lần nữa.
"Mầy đã thấy người Inđơn bao giờ chưa?" bác vĩ cầm hỏi.
Kunta ngập ngừng: "Tui đã thấy một vài".
"Họ có ở đây trước cả dân da trắng. Dân da trắng bỉu là một người của mình tên Côlông khám phá ra nơi nầy. Dưng mà nếu người í thấy dân Inđơn đã ở đây, thì đâu phải nó khám phá ra, phải hông". Bác vĩ cầm đang hứng lên với câu chuyện của mình.
"Người da trắng cứ tưởng bất cứ ai ở nơi nào trước nó đều không đáng kể. Nó gọi họ là mọi rợ".

Bác vĩ cầm dừng lại để tự thưởng thức trí tuệ mình rồi nói tiếp. "Mầy đã thấy lều Inđơn bao giờ chưa? Kunta lắc đầu. Bác vĩ cầm choãi ba ngón tay, quấn một mảnh vải nhỏ xung quanh. "Ngón tay là cọc, miếng giẻ là da thú. Họ ở bên trong cái nầy".

Bác mỉm cười. Mầy ở bên Phi sang, có nhẽ mầy tưởng mầy thông thạo mọi nhẽ về đường săn bắn và đại khái thế, dưng mà không ai săn bắn hoặc đi xa tài dư người Inđơn đâu. Khi một người Inđơn đi đâu, thì cứ dư là nó mang sẵn một cái bản đồ trong đầu í. Dưng mà đàn bà Inđơn – họ gọi là mẹ đó – thì địu con trên lưng, y nhu tau nghe nói tất cả đàn bà bên Phi mầy cũng đều làm thế".

Kunta ngạc nhiên thấy bác vĩ cầm biết điều đó và không khỏi lộ vẻ sửng sốt. Bác vĩ cầm lại mỉm cười và tiếp tục lên lớp. "Một số người Inđơn ghét dân nhọ và một số lại thích chúng ta. Dân nhọ và đất đai là dững mắc mớ lớn của người Inđơn với người da trắng. Dân da trắng mốn tất cả đất đai người Inđơn và ghét dững người Inđơn che giấu cho bọn nhọ!" Bác vĩ cầm dõi mắt vào từng nét mặt Kunta "Tất cả dân Phi chúng mầy và dân Inđơn cùng mắc một sai lầm: để cho bọn da trắng lọt vào nơi mình sống. Mình cho nó ăn, nó ngủ, thế rồi điều đầu tiên mình vỡ nhẽ là nó đá mình ra ngoài hoặc nhốt chặt mình lại!".

Bác vĩ cầm lại ngừng. Rồi đột nhiên, bác gắt toáng lên: "Cái làm tau điên tiết mí bọn nhọ Phi chúng mầy, đây nè! Tau đã biết năm, sáu đứa cư xử như mầy! Chả biết làm sao tau lại đi làm thân với mầy trước! Mầy đến đây gẫm rằng bọn nhọ ở đây cũng phải giống y dư mầy. Làm sao mà mầy lị hy vọng bọn tau hiểu hết về châu Phi cho được? Bọn tau chưa bao giờ ở đấy, mà cũng không đi đến đấy!" Nhìn thẳng vào Kunta, bác chìm vào im lặng.

Và sợ lại gây một cơn thịnh nộ nữa, Kunta vội rút lui không nói thêm lời nào, phân vân về những điều bác vĩ cầm đã nói với mình. Nhưng về đến lều, càng nghĩ, anh càng cảm thấy khoan khoái hơn. Bác vĩ cầm đã cất bỏ mặt nạ, như thế có nghĩa là bác đã bắt đầu tin Kunta. Lần đầu tiên trong sự giao du trong ba vụ mưa kể từ khi bị bắt lén khỏi quê hương, Kunta thực sự bắt đầu biết một người.

Chú thích:

[1] Bắc Carôlina, bác vĩ cầm nuốt vần.
[2] Người Anhđiêng, da đỏ, bác vĩ cầm phát âm chệch đi.

Chương 55

Suốt mấy ngày sau, trong khi làm việc ở vườn, Kunta nghĩ rất nhiều về việc anh đã phải mất bao nhiêu lâu mới nhận ra rằng mình hiểu biết quá ít về bác vĩ cầm và còn có bao nhiêu điều cần phải biết thêm về bác ta. Qua suy nghĩ, anh hầu như chắc chắn rằng ông lão làm vườn, mà thi thoảng anh vẫn đến thăm, cũng còn mang một cái mặt nạ không kém kín đáo, che giấu nhiều điều đối với anh. Và anh cũng chẳng biết gì nhiều hơn về Bel tuy anh và chị ta ngày ngày vẫn chuyện trò trao đổi tí chút – hay, nói cho đúng hơn, Kunta nghe là chính trong khi ăn những thức chị cho anh; song bao giờ cũng là những vấn đề nhỏ nhặt, không có gì là riêng tư. Anh chợt nghĩ ra là đôi khi cả Bel và ông già làm vườn đã khơi mào một chuyện gì, hoặc nói bóng gió đến một cái gì, nhưng rồi cứ lấp lửng không bao giờ nói cho hết. Nói chung, cả hai đều là người thận trọng, nhưng hình như đối với anh họ lại càng thận trọng đặc biệt. Anh quyết định phải tìm hiểu cả hai kỹ hơn. Lần sau đến thăm ông lão làm vườn, Kunta mào đầu theo kiểu gián tiếp của người Mandinka bằng cách hỏi về một điều bác vĩ cầm đã nói với anh. Kunta bảo đã nghe nói về bọn "tuần cha tuần bố" song anh không biết rõ bọn này là ai hoặc là cái gì.

"Đấy là đám cùng đinh da tắng nghèo hèn, thuốt đời không có nấy một nhọ nào nàm của riêng cả!" ông cụ làm vườn sôi nổi nói. "Có một nuật cũ của bang Vơginia định rằng phải tuần tra đường sá hoặc bất cứ nơi nào có bọn nhọ, và đánh roi và bỏ tù bất cứ nhọ nào không có giấy phép viết do các me-xừ cấp. Và phải thuê ai nàm việc ấy? thôi thì thuê tụi da tắng nghèo chỉ thích bắt bớ, đánh đập bọn nhọ của người khác bỉ chưng tụi này chả có nhọ nào cả. Đằng sau cái đó, cháu hiểu không, tất cả bọn da tắng đều sợ chết khiếp nà nhỡ có nhọ nào xổng ra định nàm noạn thực ra không có gì để bọn tuần tra tuần bổ thích hơn nà hô hoán tình nghi một tên nhọ nào đó và xông vào nột tần tuồng nó ngay trước mặt vợ con nó và đánh nó vãi máu ra".

Thấy Kunta chăm chú nghe và hài lòng về việc anh đến thăm, ông lão làm vườn nói tiếp: Me-xừ của ta không phải người dư thế. Thành thử y không có "xú-ba-dăng" nào cả. Y bỉu y không muốn có ai đánh bọn nhọ của y. Y bỉu bọn nhọ của y tự mình giám xị nấy mình, chỉ cần nàm việc, biết sao nàm vậy và đừng bao giờ phá nệ của y".

Kunta thắc mắc không hiểu những lệ đó là như thế nào, song ông lão làm vườn vẫn tiếp tục nói: Duyên do me-xừ dư vậy nà bỉ gia đình y vốn dĩ đã giàu từ tước khi rời cái nước Anh bên kia bờ nước sang đây. Gia đình nhà Uolơ thưa nay bao giờ cũng nà thế, mà phần nớn các me-xừ khác chỉ cố bắt chước được dư họ thôi. Bỉ chưng phần nớn các me-xừ này chả nà cái quái gì, dặt dững tay săn gấu trúc Mỹ dớ được một mảnh đất và một vài nhọ, bắt chúng nàm chí chết, và từ đó phất nên mà thôi.

"Chả mấy đồn điền có được hàng nô hàng nốc nô nệ đâu. Phần lớn chỉ có từ một đến năm hay sáu nhọ thôi, bất kỳ nơi nào dễ thường cũng vậy. Ở đây, bọn ta dững hai chục mống nà thành một đồn điền to ra dáng rồi. Cứ ba người da tắng thì có hai không có tên nô nệ nào cả, nà não nghe nói thế. Dững đồn điền thực nà to, với năm mươi hay một trăm nô nệ, phần nớn nà ở dững vùng đất đen, dững nơi đầu nguồn cuối sông dư Luizana, Mitxippi và Alabama cũng có một số; và dững vùng bờ biển dư Jóoojơ và Nam Calina nữa, ở đấy người ta trồng núa mà".
"Cù mấy nhiêu già?" Kunta bỗng hỏi độp một cái.

Ông lão làm vườn nhìn anh. "Già hơn nà cháu hoặc bất cứ ai tưởng". Ông cụ ngồi như trầm ngâm suy tưởng một lúc, "Hồi nhỏ, não đã từng nghe tiếng hú xung trận của người da đỏ".

Sau một lát im lặng cúi đầu, cụ ngước nhìn Kunta và cất giọng hát: "Ah, yah, tair, umban, booiwah…" Kunta ngồi ngây ra, sửng sốt. "Kee la zee day nic olay, man lun đee nic olay ah wah nee…" Ông lão dừng lại nói: "Xưa kia, mẹ não thường hát bài ấy. Kể nà mẹ học qua bà quê ở bên Phi, cũng dư cháu í. Cháu nghe dững tiếng í có biết được gốc gác bà cụ ở đâu không?"

"Nghe dư bộ lạc Xêrer", Kunta nói. "Dưng mà cháu không hiểu lời. Cháu đã nghe người Xêrer nói trên cái tàu đưa cháu tới đây"

Ông lão làm vườn lấm lét nhìn quanh. "Cháu phải ngậm miệng giữ kín chuyện hát hỏng này. Nhỡ nhọ nào nghe thấy và đi mách me-xừ. Người da tắng không muốn dân nhọ nói tí tiếng Phi nào".

Kunta đã sắp sửa nói rằng ông lão rành rành là một người đồng hương Gămbia mang dòng máu Jôlôf, tộc này có mũi cao, môi bẹt và da còn đen nhánh hơn hầu hết các bộ lạc khác ở Gămbia. Nhưng khi ông lão làm vườn nói những lời vừa rồi, anh quyết định không nên nói những điều như vậy. Cho nên anh chuyển đầu đề câu chuyện và

hỏi ông lão từ đâu tới và làm sao cuối cùng lại cắm ở nơi này. Ông già làm vườn không trả lời ngay. Nhưng rồi cuối cùng, ông nói: "Một nhọ đã khổ cực nhiều dư não, học được ói thứ", và ông cụ thận trọng nhìn vào Kunta, vẻ như đang cân nhắc xem có nên nói tiếp hay không "Não đã có một thời tai tể. Dạo í, não có thể uốn cong một thanh xà beng trên cẳng chân. Não có thể vác một bao tải bột nặng đến nàm gục ngã một con nai. Hoặc giả não có thể giơ thẳng tay nắm chặt thắt nưng một gã nền ông mà nhấc bổng nên. Dưng não phải nàm nụng và bị đánh đập gần chết tước khi chủ cũ của não ký giấy gán não cho me-xừ này để trả nợ", ông cụ ngừng một lát. "Bi giờ não đã yếu, còn sống thêm được chừng nào, não chỉ muốn nghỉ ngơi".

Đôi mắt ông lão lục soát Kunta. "Quả thật không biết nàm sao não nại đi nói chuyện này với cháu. Thực tình não không đến nỗi ốm yếu dư não làm ra vẻ thế đâu. Dưng mà me-xừ sẽ không bán não đi chừng nào y còn ngỡ nà não ốm yếu. Não thấy cháu đã biết cách nàm vườn đôi chút". Ông cụ ngập ngừng. "Não có thể tở ra ngoài í giúp cháu, nếu cháu muốn – dưng mà chẳng được nhiều nhặn nắm đâu. Não chẳng mấy được việc nữa rồi", ông cụ buồn rầu nói.

Kunta cảm ơn ông lão đã ngỏ ý muốn giúp mình nhưng nói để ông yên tâm rằng anh có thể làm được chu tất. Mấy phút sau, anh cáo lui và trên đường về lều riêng, thấy tự giận mình đã không biết thương cảm ông già hơn nữa. Anh ái ngại cho ông cụ đã trải biết bao cơ cực, song không khỏi lạnh lùng thờ ơ với bất kỳ ai đành phận buông xuôi và đầu hàng.

Ngay hôm sau, Kunta quyết định thử xem có thể gợi chuyện cả Bel nữa không. Vì biết me-xừ Uolơ là đầu đề ưa thích của chị nên anh bắt đầu bằng cách hỏi tại sao ông ta không lấy vợ. "Nhất định là me-xừ đã lấy vợ rồi chứ. Me-xừ lấy cô Pritxilơ, đúng cái năm tui đến đây. Cô í xinh xắn như con chim sâu[1] và cũng nhỏ nhắn như thế, không hơn mấy tí. Thế cho nên đẻ đứa con đầu lòng là cô ấy chết. Nó bé xíu, và cũng chết luôn. Tui cho rằng đó là thời kỳ dễ sợ nhất ở đây. Từ đấy me-xừ đổi khác hẳn, không bao giờ trở lại như cũ nữa. Chỉ lao đầu vào làm việc, làm việc và làm việc, đôi khi tợ như định tự hủy mình. Cứ nghĩ đến ai ốm hay bị thương mà không giúp được là me-xừ không chịu nổi. Một con mèo ốm me-xừ cũng chăm nom sốt sắng y hệt một người nhọ bị đau mà me-xừ nghe nói đến, ví như cái bác vĩ cầm hay trò chuyện mấy anh đó, hay ví như khi anh được mang tới đây chả hạn. Me-xừ tức điên lên vì chuyện họ làm chân anh thế, đến nỗi ông í mua đứt anh khỏi tay chính anh trai mình là Jon. Cố nhiên ông í chả muốn, chính bọn làm thuê đuổi bắt dân nhọ bảo là anh định giết họ".

Kunta lắng nghe, nhận ra rằng anh mới chỉ bắt đầu biết đánh giá chiều sâu và các khía cạnh cá nhân của những người đen thôi, chứ chưa bao giờ nghĩ là ngay cả người da trắng cũng có những nỗi đau khổ của con người, mặc dù cung cách của họ nói chung là không thể tha thứ được. Anh thấy mình chợt ao ước đủ thông thạo tiếng người da trắng để nói hết những điều đó với Bel – và kể cho chị nghe câu chuyện mà bà già Nyô Bôtô đã kể cho anh về chú bé định giúp con cá sấu sa bẫy, câu chuyện mà bà già Nyô Bôtô bao giờ cũng kết thúc bằng: "Ở đời, làm ơn thường bị trả oán".

Nghĩ về quê nhà, Kunta nhớ đến một điều mà đã từ lâu, anh muốn nói với Bel, và cái đó dường như là một giây phút tốt đẹp. Ngoại trừ nước da nâu của chị, anh hãnh diện nói với Bel, nom chị gần giống một phụ nữ Mandinka xinh đẹp.

Phản ứng của chị với lời khen nhiệt liệt đó, anh không phải đợi lâu la gì. "Anh nói cái chuyện điên dại gì thế đấy?" chị tức giận nói. "Không biết làm sao mà đám da trắng cứ đi chở hàng tầu cái giống nhọ Phi các anh trút lên bờ!".

Chú thích:

[1] Nguyên văn: Con chim ruồi.

Chương 56

Cả tháng sau, Bel không buồn nói với Kunta – và thậm chí còn tự mình mang lấy rổ về ngôi nhà lớn sau mỗi lần đến vườn lấy rau. Thế rồi, một sáng sớm Thứ hai, chị bỗng chạy bổ ra vườn, mắt trợn tròn vì kích động, và nói buột ra: "Quận trưởng cảnh sát vừa phóng ngựa đi! Bảo me-xừ là có đánh nhau to trên mạn ngược, ở chỗ nào đó gọi là Bôxtơn! Là vì đám da trắng uất quá về các thứ thuế má của nhà vua ở bên kia bờ nước lớn. Me-xừ đã sai Luthơ đóng xe để lên tỉnh. Rõ là ông í cuống lên!".

Đến bữa ăn tối, mọi người xúm quanh lều bác vĩ cầm để nghe ý kiến của bác ta và của ông lão làm vườn, vì ông lão làm vườn là người cao tuổi nhất trong xóm nô, còn bác vĩ cầm là người chu du thiên hạ nhiều nhất và thạo đời.
"Chuyện í xảy ra từ bao giờ?" một người nào đó hỏi vậy và cụ làm vườn nói: "Dào, bất cứ cái gì ở tên mạn ngược mà đến tai ta thì cũng phải xảy ra đã khá lâu rồi".

Bác vĩ cầm chêm vào: "Tui nghe nói cái vùng mạn trên, quanh quanh cái vùng Bôxtơn í, có ngựa chạy hộc tốc truyền tin về đến Vơginia này, cũng phải mất mươi ngày là nhanh nhất".

Xe ông chủ trở về lúc trời sẩm tối, Luthơ hối hả đến xóm nô, thêm những chi tiết anh đã lượm được: "Họ kể nà một đêm, một số người Bôxtơn uất ức quá với sưu thuế của nhà vua, đâm niều mạng xông vào bọn nính triều đình. Bọn nính bèn nổ súng, và người đầu tiên bị giết nà một nhọ tên là Crixpơx. Họ gọi nà cuộc xảm xát Bôxtơn!".

Mấy ngày sau, ít thấy có chuyện gì khác được bàn tán, Kunta nghe ngóng, không biết sự tình đó là thế nào và tại sao dân da trắng và cả da đen nữa, lại nhốn nháo đến thế về những chuyện gỉ chuyện gì xảy ra mãi tít tận đâu đâu. Chả mấy ngày không có vài ba người nô lệ đi ngang, hô hoán từ đường cái lớn một tin đồn mới. Và Luthơ vẫn tiếp tục mang về đều đặn những tin tức từ miệng đám gia nô, tá điền và các lái xe khác đã cùng anh trò chuyện trong mọi chuyến đi của ông chủ để chăm nom người ốm hoặc để bàn luận về tình hình diễn biến ở Niu Inglơn với các ông chủ khác trong các tòa nhà lớn của họ, hoặc ở tỉnh hay các thị xã gần đấy.

"Người da trắng chả giữ kín được chuyện gì đâu", bác vĩ cầm nói với Kunta. "Chúng nó ngập chìm giữa dân nhọ. Chúng nó làm gì đi đâu cũng vậy, chả mí khi là không có dân nhọ nghe ngóng. Hễ chúng nó vừa ăn vừa nói chuyện là nhọ gái hầu bàn giả ngây giả điếc, dưng mà nhớ hết từng lời nghe lỏm được. Ngay cả khi bọn da trắng sợ lộ xoay ra đánh vần cũng thế thôi, nếu có nhọ ở quanh quất đấy, thì, chậc, một lũ gia nô nhọ tìm đến một nhọ biết đánh vần ở gần đấy nhất mà nhắc lại từng chữ từng vần cho nhọ này chắp lại thành câu chuyện đã được nói, phỗng có lâu la gì. Là tau muốn nói: cánh nhọ ta không có chịu ngủ trước khi biết bọn da trắng bàn tán chuyện gì."

Những gì đang xảy ra "trên mạn ngược" vẫn tiếp tục truyền tới từng mẩu một suốt cả mùa hè sang tới mùa thu. Thế rồi, ngày này qua ngày khác, Luthơ bắt đầu thuật lại rằng mặc dầu dân da trắng đang khốn đốn là thế về chuyện sưu thuế, song đó không phải là mối lo duy nhất của họ. "Họ bầu một số hạt, dân nhọ nhìu gấp đôi dân da trắng. Họ đang no nhà vua bên kia bờ nước có thể cho cánh nhọ ta được tự do để đánh nại bọn da trắng". Luthơ chờ cho những tiếng "ồ" của cử tọa lắng xuống. "Thật đấy", anh ta nói "tui nghe bầu một số người da trắng hốt nắm, đêm đến nà khóa chặt cửa, thậm chí thôi hẳn không chuyện trò gì nữa khi có mặt bọn gia nhân nhọ".

Hàng tuần lễ sau, đêm đêm, Kunta nằm dài trên ổ ngẫm nghĩ về hai tiếng "tự do". Trong phạm vi hiểu biết của anh điều đó có nghĩa là không còn có ông chủ nào nữa, muốn làm gì thì làm, thích đi đâu thì đi. Song, cuối cùng anh xác định, thực nực cười nếu nghĩ rằng bọn da trắng mang những người đen qua suốt miền con nước lớn đến đây làm nô lệ để rồi lại thả họ tự do. Điều đó ắt chẳng bao giờ xảy ra.

Trước dịp lễ Giáng Sinh một ít, có mấy người bà con me-xừ Uolơ đến thăm. Gã da đen lái xe cho họ đánh chén căng bụng trong nhà bếp của Bel, vừa ăn vừa kể làm quà cho chị nghe những tin tức mới nhất. "Nghe nói ở Jóocjơ", gã nói, "có người da đen tên gọi Joócj Lêil, dân da trắng dòng Baptít cấp cho ông ta giấy phép được giảng đạo cho dân nhọ suốt dọc sông Xavanna. Nghe nói ông sắp mở một nhà thờ Baptít cho người Phi ở Xavanna. Lần đầu tiên tui nghe nói đến một nhà thờ cho dân nhọ…".

Bel nói: "Trước đây, tui có nghe nói đến một nhà thờ như vậy ở Pitơbơg, ngay trong vùng Vơginia này. Nhưng này, anh có nghe gì về những vụ rối loạn của người da trắng ở mạn ngược không?"
"À, tui nghe nói đận trước, cả lô cả lĩ những người da trắng tai to mặt lớn có cuộc họp lớn ở Philađelphia. Họ gọi nó là Đại hội Lục địa lần thứ nhất".

Bel nói là mình đã nghe tin đó. Thật vậy, chị đã cất công đọc tin này trong tờ Nhật báo Vơginia của me-xừ Uolơ rồi kể lại cho ông lão làm vườn và bác vĩ cầm nghe. Đó là những người duy nhất biết chị võ vẽ đọc được chút ít. Gần đây, khi bàn với nhau, cụ làm vườn và bác vĩ cầm đã nhất trí là không nên cho Kunta biết cái khả năng đó của Bel. Đã đành anh biết giữ mồm giữ miệng và đã đạt đến trình độ hiểu tiếng và diễn đạt lưu loát tới mức không thể ngờ đối với bất kỳ ai từ Châu Phi tới, song họ cảm thấy anh vẫn chưa thể đánh giá đầy đủ là hậu quả sẽ nghiêm trọng biết chừng nào nếu như me-xừ nghe mong manh là Bel biết đọc: me-xừ sẽ bán phắt chị ngay ngày hôm đó.

Sang đầu năm sau – 1775 – hầu như mọi tin tức từ bất cứ nguồn nào cũng đều nói đến những phát triển mới của tình hình ở Philađelphia. Thậm chí, qua những điều Kunta nghe thấy và hiểu được, cũng thấy rõ là dân da trắng đang tiến tới xung đột với nhà vua bên kia bờ biển ở cái nơi gọi là nước Anh. Và người ta xôn xao rất nhiều về chuyện một ông chủ Patrich Henri nào đó đã kêu to: "Hãy cho tôi tự do hay bắt tôi chết!" Kunta thích câu chuyện đó, song anh không thể hiểu làm sao lại có một người da trắng nói thế; đối với anh người da trắng xem ra tự do quá rồi còn gì.

Trong vòng một tháng, có tin là hai người da trắng tên là Uyliêm Đoz và Pôl Rivir đã phóng ngựa đi báo cho một người nào đó biết là hàng trăm lính của nhà vua đang tiến về một nơi nào đó gọi là "Comcod" để phá hủy số súng đạn tàng trữ tại đấy. Và chẳng bao lâu sau, người ta nghe nói, trong một trận ác chiến ở "Lếchxinhtơn", "dân quân" chỉ mất có một dúm người mà giết được hơn hai trăm lính triều đình. Chỉ hai ngày sau, lại có tin là một nghìn lính nữa bị hạ trong một trận chiến đẫm máu ở một nơi gọi là "Đồi Băngkơ", "Dân da trắng trên tỉnh cười hả hê, nói nà bọn nính nhà vua mặc áo đỏ để máu chảy ra đỡ nộ", Luthơ kể "Nghe nói một phần máu í chảy nà công của dân nhọ chiến đấu bên cạnh dân da trắng". Anh nói bây giờ đi đến đâu cũng nghe thấy là các ông chủ ở Vơginia tỏ ra nghi ngại đám nô lệ hơn bao giờ hết – "kể cả các gia nhân nhọ nâu năm nhất".

Vào tháng 6, trở về sau một chuyến đi, khoái chá thấy mình oai hẳn lên, Luthơ đi dọc xóm nô tới gặp một cử tọa nôn nóng chờ những tin mới nhất của anh. "Có một me-xừ Joocj Uosinhtơn nào đó được chọn để đìu khỉn một đạo quân. Một cha nhọ bẩu tôi nà nghe đâu ông í có một cái đồn điền to tướng mấy bao nhiu nô lệ". Anh nói là còn nghe đồn có một số nô lệ ở Niu Inglơn được thả tự do để góp sức đánh bọn lính áo đỏ của nhà vua[1].

"Tui biết tỏng đi rồi!" bác vĩ cầm kêu lên. "Cánh nhọ bị kéo vào vòng để chết uổng mạng, y như cái cuộc chiến tranh Pháp - Ấn nọ. Rồi chẳng bao lâu xong xuôi, da trắng lại quay phắt về vung roi đánh nhọ dư cũ!".
"Có thể không", Luthơ nói. "Nghe đâu có một số da trắng tự xưng nà Quêicơ đã nập một Hội chống Chế độ nô lệ ở Phinađelphia. Tui đồ rằng họ nà một số người da trắng không tin số kiếp dân nhọ nà phải nàm nô nệ".
"Tui cũng thế", bác vĩ cầm chêm vào.

Những mẩu tin thường xuyên do Bel đóng góp, nghe như chị đã bàn bạc trao đổi với chính ông chủ, nhưng cuối cùng, chị thừa nhận là đã nghe trộm qua lỗ khóa phòng ăn vào bất cứ khi nào me-xừ tiếp khách, vì cách đây không lâu, me-xừ đã cộc lốc bảo chị bày bàn ăn đâu đấy rồi ra ngoài ngay, và đóng cửa lại sau lưng chị; sau đó chị nghe thấy me-xừ vặn khóa cửa. "Mà tui thì biết con người này rõ hơn cả mẹ đẻ!" chị làu bàu, vẻ phẫn nộ.
"Y nói những gì trong í sau khi khóa cửa?" bác vĩ cầm sốt ruột hỏi.
"À, tối nay me-xừ biểu xem chừng không có cách nào tránh khỏi đánh nhau với người Anh. Ông í đoán bọn chúng sắp cho những tàu lớn chở lính sang đây. Ông í biểu riêng ở Vơginia đã có hơn hai trăm nghìn nô lệ và mối lo lớn nhất là ngộ nhỡ người Anh khích được cánh nhọ chúng ta chống lại dân da trắng. Me-xừ biểu mình trung thành mới nhà vua dư bất kỳ người nào, dưng không ai có thể chịu được sưu cao thuế nặng".
"Tướng Uosinhtơn đã đình không nấy thêm người da đen nào vào quân đội nữa", Luthơ nói, "dưng một số dân nhọ tự do ở mạn ngược ní sự rằng họ cũng nà một bộ phận của nước này và muốn chiến đấu".
"Rõ là liều, cú để cho bọn da trắng chết kha khá có được không", bác vĩ cầm nói. "Cái đám nhọ tự do quả là điên".

Nhưng những tin tiếp theo vào khoảng hai tuần sau lại còn rung động hơn. Huân tước Đănmo, thống đốc hoàng gia ở Vơginia, đã tuyên bố trả tự do cho những nô lệ nào rời bỏ đồn điền để phục vụ trong hạm đội Anh của ông ta gồm những chiến thuyền và tàu đánh cá.
"Me-xừ lồng lộn lên", Bel thuật lại. "Có người tới dự tiệc biểu là thuần thấy bàn chuyện đem xiềng hoặc bắt giam những nô lệ "tình nguy" là định gia nhập quân đội hoặc thậm chí chỉ mới có ý nghĩ đó – dễ thường tính cả đến nước bắt cóc và treo cổ cái ông Huân tước Đănmo ấy nữa".

Kunta được giao nhiệm vụ lo ăn uống cho lũ ngựa của các me-xừ đỏ mặt tía tai, nhớn nhơ nhớn nhác đến thăm me-xừ Uolơ nghiến răng nghiến lợi đằng đằng sát khí. Và Kunta kể lại, những là lũ ngựa đầm đìa mồ hôi như thế nào ở mạng sườn vì phải phóng trên chặng đường dài, vất vả, những là làm sao một số me-xừ phải đích thân lái lấy xe của mình. Một trong số đó – anh kể với mọi người – là Jon Uolơ, anh trai ông chủ, người đã mua Kunta khi anh

được giải xuống tàu tám năm trước đây. Sau cả quãng thời gian ấy, mà mới thoạt nhìn cái bộ mặt đáng ghét nọ, anh đã biết ngay, nhưng lão ta thì thản nhiên vứt dây cương cho Kunta, chẳng tỏ vẻ gì là nhận ra anh cả.
"Mầy đừng có nây xế nàm nạ", bác vĩ cầm nói: "Kiểu ông chủ dư y ta có khi nào xèm chào hỏi bọn nhọ. Đấy nà khi y nhớ ra mầy là ai".

Trong mấy tuần sau đó, qua lỗ khóa, Bel được biết ông chủ và các khách khứa vừa hốt hoảng vừa giận dữ khi nghe tin hàng nghìn nô lệ ở Joocjơ, Nam Carôlina và Vơginia cả gan trốn khỏi các đồn điền đi theo Huân tước Đănmo. Một số nói là họ nghe đâu như phần lớn những nô lệ bỏ trốn chỉ tìm đường lên mạn ngược thôi. Song tất cả những người da trắng đều nhất trí là cần phải nuôi thêm chó săn.

Rồi một hôm, me-xừ Uolơ gọi Bel vào trong phòng khách và chậm rãi đọc to lên hai lần một bài có đánh dấu trong tờ Nhật báo Vơginia. Ông ta sai Bel đem chỉ cho cánh nô lệ thấy bài đó và đưa tờ báo cho chị. Chị làm theo lời dặn và phản ứng của mọi người cũng y như của chị - phẫn nộ hơn là sợ hãi. "Hỡi dân da đen, các người chớ có bị cám dỗ mà đi vào con đường tự hủy diệt… dù chúng ta có phải chịu đau khổ hay không, nếu các người bỏ chúng ta mà trốn chạy, nhất định các người sẽ chết".

Trước khi trả lại tờ Nhật báo, Bel vào buồng riêng đóng kín cửa, đánh vần từng chữ, đọc các tin khác trong số đó có những tường thuật về các vụ dấy loạn của nô lệ đã xảy ra thực sự hoặc còn trong dự đoán. Sau đó me-xừ quát mắng chị về tội không mang trả báo trước bữa ăn tối và Bel khóc lóc xin lỗi. Nhưng chẳng bao lâu, chị lại được sai ra truyền đạt một tin mới – lần này là việc Viện dân biểu Vơginia đã ra sắc lệnh xử "tử hình không được nhà thờ rửa tội đối với mọi nô lệ da đen hoặc nô lệ khác âm mưu dấy loạn hoặc nổi dậy khởi nghĩa".
"Thế nghĩa làm sao?" một lực điền hỏi và bác vĩ cầm trả lời "Là nếu anh nủi dậy, người da trắng sẽ giết anh mà không gọi cha cố đến!".

Luthơ nghe nói một số người da trắng gọi là "Đảng viên bảo thủ" và một loại khác gọi là "người Ecốt" đang hợp tác với người Anh. "Mới nị tên nhọ nhà cảnh sát quận trưởng bẩu tôi nà Ngài Đănmo phá các đùn đìn ven sông, đốt cháy các đại sảnh và bẩu sẽ cho dân nhọ được tự do nếu đi theo ông í", Luthơ kể là ở Yoóctao và nhiều tình khác, bất cứ người da đen nào bị bắt ở ngoài đường ban đêm đều bị phạt roi và bắt giam.

Năm ấy, Lễ Giáng Sinh chỉ là một chữ suông. Có tin là Huân tước Đănmo suýt bị một đám đông hành hung, nhưng nhanh chân chạy thoát về kỳ hạm. Và một tuần sau, lại thấy truyền tới các tin ngã ngửa là Đănmo, với các hạm đội của ông ta ở ngoài khơi Nofóc, đã ra lệnh cho thành phố này phải tản cư hết trong vòng một tiếng đồng hồ. Rồi súng lớn của ông ta bắt đầu bắn phá, gây ra những đám cháy dữ dội và phần lớn thành phố Nofóc đã biến thành tro tàn. Ở những chỗ còn sót lại, theo lời Bel, lương thực và cả nước đều khan hiếm, dịch sốt nổ ra, người chết nhiều đến nỗi nước kênh đào Hamtơn Rôd ngổn ngang những xác trương phềnh bị sóng đánh dạt vào bờ. "Nghe nói người ta chôn những xác í vào cát và bùn", Luthơ nói. "Mới nị trên các tàu Anh, bao nhiêu nà nhọ đang sắp chít đói và sợ mất vía".

Ngẫm nghĩ về tất cả những sự kiện ghê gớm đó, Kunta cảm thấy rằng, theo một cách sâu xa huyền bí nào đó, mọi đau khổ này chắc hẳn phải có một ý nghĩa nào đó, một lý do nào đó, rằng chuyện này hẳn là do ý Chúa Ala. Sắp tới đây, bất cứ sự gì xảy tới, với cả dân da đen lẫn dân da trắng cũng là do Người định đoạt.

Đầu năm 1776, Kunta và mọi người nghe tin một viên tướng tên là Conoulix chỉ huy nhiều tàu đầy thủy thủ và từ nước Anh tới, định vượt qua "sông Yoóc", nhưng một cơn phong ba lớn đã đánh bạt các tàu đi tứ phía, mỗi chiếc một nơi. Sau đó, lại thấy nói về một cuộc Đại hội lục địa nữa, trong đó một nhóm điền chủ ở Vơginia kiến nghị đòi tách rời hoàn toàn khỏi người Anh. Hai tháng trôi qua, thuần những tin vặt vãnh, rồi một hôm Luthơ từ tỉnh trở về và loan báo rằng sau một cuộc mít-tinh khác vào ngày mồng 4 tháng 7[2], "Tất cả những người da trắng tui gặp đìu quýnh cả nên! Có cái gì nói về Xuyên Ngôn Độc Nập í! Nghe họ bẩu me-xừ Jon Haucoc viết tên mình to tướng tường tương đến nỗi nhà vua chả cần giương mắt cũng nhìn thấy".

Những chuyến sau đi lên tỉnh, Luthơ trở về, mang theo những chuyện nghe lỏm được là ở Baltimo, một hình nộm "vua" to bằng người thật được chở lên xe bò diễu qua các phố rồi quẳng vào một đống lửa liên hoan, xung quanh là một đám người da trắng la hét. "Bạo chúa! Bạo chúa!" Và ở Richmơnd, súng bắn mừng hàng tràng trong khi những người da trắng reo hò, vung đuốc và nâng cốc chúc tụng lẫn nhau. Đi dọc theo xóm nô lặng lẽ, ông già làm vườn nói: "Chả có cái gì đáng cho dân nhọ reo mừng sất. Nước Anh hay nước này, đều nà da trắng tuốt".

Cuối mùa hè ấy, một hôm Bel hớt hơ hớt hải đến xóm nô báo tin một khách dự tiệc cho biết Viện Dân biểu vừa thông qua một nghị định, nói rằng "sắp lấy dân nhọ vào quân đội làm lính đánh trống, thổi kèn hoặc làm quân tiên phong".

“Quân tiên phong là gì?” một lực điền hỏi.
“Nghĩa là bị đẩy lên trước và chết độn đường” bác vĩ cầm nói.
Ít bữa sau, Luthơ mang về một mẩu chuyện hào hứng kể về một trận chiến đấu lớn ở ngay Vơginia, trong đó có nô lệ tham gia ở cả hai bên. Giữa một loạt đạn súng hỏa mai, hàng trăm lính áo đỏ và Bảo thủ cùng một đội phạm nhân và lính da đen đã dồn một lực lượng nhỏ hơn gồm lính cô-lô-nhân” da trắng cùng nhiều tên nô lệ da đen qua một chiếc cầu nhưng một người lính nô lệ tên là Bily Flora ở hậu phương đã nhổ bật nhiều ván cầu vứt đi, khiến quân Anh phải dừng lại và rút lui, cứu thoát đội quân thuộc địa.
“Bổ bựt một cái cầu! ắt hẳn nà một gã nhọ khỏe ghê gớm!” ông cụ làm vườn kêu lên.

Năm 1778, khi quân Pháp tham gia cuộc chiến về phe thuộc địa, Bel truyền đạt lại những tin tức nói rằng hết bang này đến bang khác theo nhau cho phép nô lệ nhập ngũ, hứa sẽ giải phóng cho họ khi chiến thắng. “Bi giờ chỉ còn có hai bang nói không bao giờ để cho dân nhọ chiến đấu, đó là Nam Calina và Jóocjơ”.
“Đây là điều hay ho duy nhất tui nghe thấy nói về một trong hai bang í!” bác vĩ cầm nói.

Tuy rất căm ghét chế độ nô lệ, Kunta vẫn cảm thấy việc người da trắng giao súng cho người da đen không thể dẫn tới cái gì tốt đẹp. Trước hết người da trắng bao giờ cũng có nhiều súng hơn người da đen, cho nên mọi cố gắng nổi loạn, rốt cuộc, ắt sẽ thất bại. Và anh liên hệ tới chuyện ở chính quê hương anh, bọn tubốp đã trao súng đạn cho những vua chúa, thủ lĩnh gian ác, để rồi người da đen lại đánh người da đen, làng này chống làng kia và xiềng những người bị thua – chính đồng bào mình – đem bán làm nô lệ.

Có lần Bel nghe thấy ông chủ nói có tới năm nghìn người da đen, cả tự do lẫn nô lệ, tham gia cuộc chiến đang tiếp diễn, và Luthơ thường xuyên mang đến những câu chuyện về người da đen chiến đấu bên cạnh các ông chủ của họ, Luthơ còn kể về những đại đội toàn da đen ở “trên mạn ngược”, thậm chí có cả một tiểu đoàn toàn da đen gọi là “Đoàn hán tử nước Mỹ” “Cả đến cũng đại tá cũng nà nhọ” Luthơ nói, “Tên nà Mitđơntơn”. Anh hóm hỉnh nhìn bác vĩ cầm. “Bác chả đoán được ông ta nàm gì đâu!”.
“Mầy định nói cái gì?” Bác vĩ cầm nói.
“Ông í cũng kéo vĩ cầm! Mà cũng đến núc kéo đờn tí chút rồi đấy!”.

Đoạn, Luthơ âm a và hát một bài hát anh ta đã được nghe ở trên huyện. Bài hát dễ thuộc và chẳng mấy chốc những người khác cũng hát theo, còn lấy que gõ nhịp nữa. “Chàng Mỹ ta cưỡi chú ngựa lùn ra tỉnh…”[3]. Và khi bác vĩ cầm bắt đầu kéo đàn, đám thiếu niên ở xóm nô bèn nhảy múa và vỗ tay theo nhịp.

Tháng 5 năm 1781 mang đến câu chuyện choáng người về việc bọn kỵ binh áo đỏ phá đồn điền Môntixelô của me-xừ Tômat Jefoxơn. Mùa màng bị hủy hoại, khoa lúa bị đốt cháy, gia súc chạy thất tán, tất cả ngựa và ba mươi nô lệ bị bắt. “Người da trắng bẩu nà cần phải kíu Vơginia”, Luthơ thuật lại và ít bữa sau anh kể là dân da trắng rất mừng vì đạo quân của tướng Uosinhtơn đang tiến về đó. “Và trong đó có vô khối nhọ”. Tháng 10 mang đến những tin về các lực lượng phối hợp của Uosinhtơn và Lafayét trút đạn vào Yoóctao, tấn công tướng Anh Conoulix. Và chẳng bao lâu, họ được biết nhiều trận chiến đấu khác đang diễn ra dữ dội ở Vơginia, Niu Yooc, Bắc Carôlina, Merơlơn và nhiều bang khác. Rồi đến tuần thứ ba của tháng đó, tin truyền đến khiến cho xóm nô cũng phải reo lên: “Conoulix đầu hàng rồi! Chín tranh kít thúc! Tự do đã giành được!”.

Luthơ giờ đây hầu như không có thì giờ để ngủ giữa những chuyến xe đi đi về về và cả đến me-xừ cũng lại mỉm cười – lần đầu tiên trong bao năm theo lời Bel.
“Tui đến đâu cũng thấy dân nhọ gào to y như người da trắng vậy”, Luthơ nói.

Nhưng theo lời anh, những người nô lệ ở khắp nơi hoan hỉ nhất là về người anh hùng đặc biệt của mình. “Ông bủ Bily Flora”, vừa mới giải ngũ và mang cây súng hỏa mai trung thành của mình trở về Nôfóc.
“Tất cả đến đây!” không bao lâu sau, Bel hô lớn, gọi mọi người ở xóm nô, “me-xừ vừa mới biểu tui người ta chỉ định Philađelphia là thủ đô của Hợp Xủng Cuốc!”[4]. Nhưng sau đó, chính Luthơ mới là người báo tin quan trọng: Me-xừ Jefơxơn đã nêu nên một thứ Đạo nuật giải phóng gì đó. Nó nói rằng các ông chủ có quyền cho dân nhọ tự do, nhưng tui nghe thấy nói đám Quêicơ và những người chống chế độ nô nệ mới nị các nhọ tự do trên mạn ngược vẫn tiếp tục kêu gào bởi vì đạo nuật nói nà các ông chủ không bắt buộc phải nàm thé, trừ phi các ông í muốn thế”.

Khi tướng Uosinhtơn giải tán quân đội vào đầu tháng 11 năm 1783, chính thức chấm dứt cái mà đa số dân chúng đã bắt đầu gọi là “Cuộc chiến tranh bảy năm”, Bel bảo mọi người trong xóm nô: “Me-xừ biểu bi giờ sắp hòa bình rồi”.
“Sẽ chẳng bao giờ có hòa bình, chừng nào còn người da trắng”, bác vĩ cầm chua chát nói, “bỉ chưng họ chẳng thích cái gì hơn là chém giết”. Bác đảo nhanh mắt nhìn các bộ mặt xung quanh. “Rồi các người xem tui nói có đúng không – đối với cánh nhọ chúng ta, sắp tới sẽ còn tệ hơn trước nữa”.

Lát sau, Kunta và ông lão làm vườn ngồi bình thản nói chuyện "Cháu đã thấy bao nhiu chuện từ khi cháu đến đây. Thế nà đã bao nâu rồi nhỉ?" Kunta không biết trả lời ra sao và điều đó làm anh bối rối.

Đêm ấy, khi còn có một mình, Kunta bỏ hàng giờ liền, cẩn thận xếp thành từng đống mười hai hòn một tất cả mớ sỏi nhiều màu và mỗi tuần trăng anh vẫn nhất nhất bỏ vào chiếc vỏ bầu, không đơn sai. Kết quả cuối cùng mớ sỏi cho anh biết khiến anh bàng hoàng đến nỗi ông lão làm vuòn không bao giờ được biết đáp số cho câu hỏi của mình. Xung quanh anh, trên nền đất của căn lều là mười bảy đống sỏi. Anh đã trải ba mươi tư vụ mưa! Lạy Chúa Ala, điều gì đã xảy đến với đời anh? Anh đã ở đất người da trắng lâu bằng thời gian anh sống ở Jufurê. Anh có còn là một người Phi nữa không, hay đã trở thành một gã "nhọ", như những người kia tự gọi mình? Thậm chí anh có còn là một người đàn ông nữa không? Anh đã bằng tuổi cha anh, khi hai cha con thấy nhau lần cuối, vậy mà anh chẳng có thằng con nào, không vợ, không gia đình, không làng bản, không nhân dân, không tổ quốc; hồ như không chút quá khứ nào tồn tại thực sự đối với anh nữa – và cũng chẳng hề thấy tương lai. Y như thể Đất nước Găмbia là một giấc mơ anh đã từng thấy lâu lắm rồi. Hay là anh vẫn còn đang ngủ? Và nếu thế, thì liệu có bao giờ anh thức giấc không?

Chú thích:

[1] Những sự kiện nhắc đến ở đây xảy ra trong cuộc chiến tranh giành độc lập của Mỹ (1776 – 1783).
[2] Ngày độc lập của Hoa Kỳ.
[3] Một bài dân ca rất phổ biến hồi cách mạng Mỹ.
[4] Hợp chủng Quốc Hoa Kỳ.

Chương 57

Kunta không có thì giờ ngẫm nghĩ nhiều về tương lai, bởi vì ít ngày sau, một tin đến như cơn lốc làm náo động cả đồn điền. Sau khi quận trưởng cảnh sát tới gặp ông chủ, đóng chặt cửa bàn kín với nhau, Bel hổn hển kể lại rằng, một đầy tớ gái chạy trốn bị bắt về đã thú nhận, dưới làn roi quất, rằng người vẽ đường tẩu thoát cho thị không phải ai khác ngoài gã lái xe cho ông chủ, Luthơ.

Lồng lộn chạy ra xóm nô trước khi Luthơ kịp tẩu thoát, me-xừ Uolơ đưa anh đến giáp mặt với quận trưởng cảnh sát và giận dữ hỏi anh có đúng thế không. Khiếp đảm Luthơ thú nhận là có. Mặt đỏ bừng vì điên khùng, me-xừ giơ tay toan đánh, nhưng khi Luthơ xin tha tội, me-xừ lại hạ tay xuống và đứng ngây đó lặng lẽ nhìn Luthơ hồi lâu, những giọt lệ tức tối trào lên khóe mắt.

Sau cùng, ông nói, rất bình tĩnh: "Quận trưởng, ông hãy bắt tên này cho vào trại giam. Đến kỳ tới, sẽ đem hắn ra bán đấu giá". Và không nói thêm nửa lời, me-xừ quay lưng đi về đại sảnh, bỏ ngoài ta những tiếng nức nở đau đớn của Luthơ.

Những lời bàn tán phỏng đoán xem ai sẽ được chỉ định thay Luthơ lái xe cho me-xừ, vừa khởi lên chưa được bao lâu thì một đêm, Bel ra bảo Kunta là me-xừ cần gặp anh ngay lập tức. Mọi người nhìn theo – nhưng không ai ngạc nhiên – trong khi anh tập tễnh bước vào ngôi nhà theo sau Bel. Tuy đã ngờ ngợ đoán ra tại sao mình được gọi đến, Kunta vẫn thấy hơi rợn vì anh chưa bao giờ nói với ông chủ hoặc đi quá căn bếp của Bel trong ngôi đại sảnh suốt trong mười sáu năm ròng anh ở đồn điền.

Trong khi Bel dẫn anh qua bếp vào một hành lanh, Kunta tròn xoe mắt nhìn sàn nhà bóng lộn và những bức tường cao có phủ giấy. Chị gõ vào cánh cửa lớn có chạm trổ. Anh nghe thấy ông chủ nói: "Cứ vào!" và Bel bước vào trong phòng quay lại vẫy Kunta, mặt thản nhiên như không. Kích thước của căn phòng to như cái kho lúa khiến anh không thể tin được. Sàn nhà bằng gỗ sồi đánh bóng phủ đầy thảm, tường treo tranh và thảm dệt. Đồ đạc, bàn ghế mầu sẫm sang trọng, cân xứng, tất cả đều đánh véc-ni và hàng dãy sách sắp trên những giá đóng thụt vào tường. Me-xừ Uolơ ngồi đọc ở một cái bàn giấy dưới ngọn đèn dầu có chụp tròn bằng thủy tinh xanh và ông ta quay lại đối diện với Kunta, kẹp một ngón tay vào giữa cuốn sách để đánh dấu.

"Tôby, tôi cần một lái xe. Anh đã trưởng thành ở nơi này và tôi tin anh là người trung thực". Đôi mắt to màu xanh của ông ta như xuyên qua Kunta. "Bel nói với tôi là anh không uống rượu bao giờ. Tôi thích thế và tôi cũng đã để ý thấy anh cư xử như thế nào" Me-xừ Uolơ dừng lại. Bel lừ mắt nhìn Kunta. "Nhè, me-xừ", anh vội vàng nói.

"Anh biết chuyện gì xảy đến với Luthơ rồi chứ?" me-xừ hỏi. "Nhè", Kunta nói. Cặp mắt me-xừ nheo lại và giọng ông trở nên lạnh lùng, cứng rắn. "Cẩn thận, kẻo tôi sẽ bán anh đi trong vòng một phút", ông ta nói, "tôi sẽ bán cả Bel nếu hai người không biết điều hơn thế".
Trong khi họ lặng lẽ đứng đó, me-xừ lại mở sách ra. "Thôi được, mai bắt đầu đánh xe cho tôi. Tôi đi Niupo. Tôi sẽ chỉ đường cho đến khi nào anh thuộc". Me-xừ đưa mắt nhìn Bel. "Lấy quần áo tử tế cho nó. Và bảo bác vĩ cầm thay chân Tôby làm vườn nhé".
"Dạ thưa ông chủ", Bel nói và cùng Kunta đi ra.

Bel mang áo quần đến cho anh, nhưng chính bác vĩ cầm và ông lão làm vườn sáng sớm hôm sau đã đích thân giám sát, sửa sang cho Kunta đóng bộ xúng xính trong chiếc quần vải bạt hồ bột, là phẳng phiu và chiếc sơ-mi vải bông gai. Trông không đến nỗi nào, nhưng anh cảm thấy cái cà-vạt đen hẹp bản, mà sau đó họ thắt giúp anh, làm anh có vẻ lô lố thế nào ấy.
"Đánh xe đến Niupo thì đâu phải nà nơi xa nạ gì cứ đi thẳng gần ngay tòa thị chính Xpotxivanya", ông lão làm vườn nói. "Đó nà một trong dững tư thất nớn của dòng họ Uolơ lâu đời".

Bác vĩ cầm – lúc này đã được báo cho biết nhiệm vụ mới của mình cũng như của Kunta – đi quanh anh kiểm tra lần nữa với một vẻ bộc lộ rõ ràng cả hai nét tâm trạng của bác: vừa vui thích vừa ghen tị. "Mầy bi giờ rõ rành là một nhọ khá đặc biệt, không cách chi nói khác được. Chớ có bốc đồng say sưa quá đấy".

Đó là lời khuyên không cần thiết đối với một kẻ – thậm chí sau tất cả những năm tháng đó – vẫn không hề thấy chút phẩm giá nào trong bất cứ việc gì phải làm cho người da trắng. Nhưng ngay cả nếu Kunta có cảm thấy chút phấn khởi nhỏ nào trước cái triển vọng có thể từ bỏ khu vườn lại sau lưng để mở rộng chân trời của mình – như các

ông bác Jannê và Xalum của anh đã làm – thì điều đó chẳng mấy chốc cũng bị quên lút đi trong những nhiệm vụ mới tất bật khẩn trương của anh.

Được các bệnh nhân viện đến bất cứ giờ nào, ngày cũng như đêm, me-xừ Uolơ thường gọi Kunta bố nháo bổ nhào ra khỏi lều, đóng ngựa vào xe để phóng miết, cơ hồ đến gẫy cổ, đến những ngôi nhà đôi khi cách đồn điền hàng bao nhiêu dặm, xuôi theo những con đường hẹp, ngoằn ngoèo không nhẫn nhụi hơn vùng nông nông bao quanh là mấy. Tròng trành, nghiêng ngả trên những vết lún và ổ gà, vung roi lia lịa cho đến khi ngựa thở hồng hộc trong khi me-xừ Uolơ níu chặt vào cái ghế sau có mái che, Kunta tỏ ra có biệt tài cầm cương, khiến cho hai thày trò trong mọi trường hợp đều đến đích an toàn, kể cả trong dịp băng tan đầu mùa xuân khi những con đường đất đỏ biến thành như dòng sông bùn phản trắc.

Một buổi sáng sớm, lão Jon, anh trai ông chủ phi ngựa tới, cuống cuồng báo là vợ lão bắt đầu đau đẻ, mặc dầu tính ra, phải hai tháng nữa mới đến ngày ở cữ. Ngựa của me-xừ Jon mệt quá, không thể trở về nếu không được nghỉ và Kunta đã đánh xe chở cả hai anh em về trại của me-xừ Jon vừa đúng lúc. Đôi ngựa của Kunta nóng hừng hực vì chạy quá căng chưa kịp dịu đi tạm đủ để có thể cho uống nước thì đã nghe tiếng trẻ sơ sinh khóc ré lên. Trên đường về, ông chủ cho anh biết đó là một đứa con gái nặng năm "pao"27, đặt tên là An.

Và công việc cứ như thế tiếp diễn. Cũng trong cái mùa hè – thu chạy ngược chạy xuôi túi bụi ấy, xảy ra một nạn dịch sốt nôn đờm đen, khắp hạt đều có người mắc, nhiều đến nỗi me-xừ Uolơ và Kunta chạy chữa không xuể và chẳng bao lâu chính họ cũng bị sốt. Nuốt ực những liều ký ninh thật mạnh để giữ sức tiếp tục đi, họ đã cứu được nhiều sinh mạng hơn là chịu để bệnh nhân chết. Nhưng đời sống của bản thân Kunta thì trở thành một chuỗi nhóa nhòa quyện vào nhau khôn xiết kể những căn bếp trong tư thất các đồn điền, những giấc ngủ chợp trong những túp lều lạ hoặc trong những góc chứa cỏ khô và những giờ đằng đẵng ngồi trên xe bên ngoài những túp nhà lụp xụp hay những đại sảnh, nghe vọng ra vẫn những tiếng kêu đau ấy trong khi đợi ông chủ ra để trở về nhà – hay như thường xảy ra hơn, để tiếp tục đánh xe đến người bệnh sau.

Nhưng me-xừ Uolơ không phải bao giờ cũng đi vào giữa kỳ nguy kịch. Đôi khi, hàng tuần liền không có gì khẩn cấp hơn là những đợt thăm bệnh thường lệ tại nhà hoặc những chuyến đi thăm một trong hàng loạt tưởng như vô cùng tận những bà con, bạn bè có đồn điền ở quanh quanh trong tầm đi lại của xe ngựa. Vào những dịp đó – đặc biệt vào mùa xuân và mùa hè, khi các ruộng cỏ chi chít những hoa, những dâu dại và những đám cây mâm xôi, và các hàng rào vấn vít những cây leo um tùm – cỗ xe thường ung dung lăn bánh đằng sau cặp ngựa hồng đẹp đôi, me-xừ Uolơ đôi khi ngủ gà ngủ gật dưới cái mui đen che nắng. Khắp chỗ chim cun cút bay lên vù vù, chim giáo chủ lông đỏ óng nhảy nhót, chiền chiện và chim đớp muỗi ríu rít. Thi thoảng một con rắn nằm phơi nắng trên đường bị cỗ xe đang đi tới phá đám, trườn mình lủi đi cho yên thân, hoặc một con chim ó vỗ cánh nặng nề rời khỏi chú thỏ chết, bữa ăn dở dang của nó. Nhưng hình ảnh ưa thích nhất của Kunta là một cây sồi hoặc một cây tuyết tùng cô đơn ở giữa cánh đồng; nó đưa tâm tưởng anh trở về với những cây bao-báp của Châu Phi, với câu nói của các bô lão là: ở đâu có một cây bao-báp đứng trơ trọi, ở đó trước đây đã từng có một làng. Những lần đó, anh thường nghĩ đến Jufurê.

Trong những chuyến đi xã giao, ông chủ thường hay đến thăm bố mẹ ở đồn điền Enfin. Tới gần đó – cũng như tất cả những tư thất của dòng họ Uolơ – cỗ xe lăn bánh giữa hai hàng cây to, lâu năm và dừng lại dưới bóng một cây óc chó trên bãi cỏ rộng trước nhà. Tòa dinh thự, to hơn và trông sang hơn nhà ông chủ nhiều, chễm chệ trên một khu đất hơi nhô lên, chon von bên một con sông hẹp nước chảy lờ đờ.

Trong mấy tháng đầu làm công việc lái xe, đám đầu bếp ở các đồn điền khác nhau đã dọn cho Kunta ăn – đặc biệt là Hattie Mac, chị bếp kênh kiệu, phốp pháp, da đen nhánh ở Enfin – đều gườm gườm nhìn anh bằng con mắt xoi mói, thái độ khư khư như ông từ giữ oản giống hệt Bel ở đồn điền me-xừ Uolơ. Tuy nhiên trước tư thế đĩnh đạc, cứng rắn và dè dặt của Kunta, không ai dám ra mặt thách thức anh một cách trực tiếp và anh cứ lặng lẽ ăn kỳ nhẫn đĩa bất cứ món gì họ dọn cho anh, trừ thịt lợn. Cuối cùng họ cũng bắt đầu quen với cung cách trầm lặng của anh và tới lần thứ sáu hay thứ bảy gì đó, ngay cả chị bếp ở Enfin cũng có vẻ đã xác định rằng anh đủ tư cách để trò chuyện và hạ cố nói với anh.
"Anh có biết anh đang ở đâu không?" một hôm, giữa lúc anh đang ăn, chị ta đột ngột hỏi. Anh không trả lời và chị cũng không chờ anh trả lời.
"Cái này đây là nhà đầu tiên của dòng họ Uolơ ở Hạp Xẻng Quốc. Ngoài họ Uolơ, không có ai ở đây tới một trăm năm mươi năm!" Chị nói khi đồn điền Enfin được xây dựng thì chỉ bằng nửa bây giờ, nhưng về sau, một cái nhà khác ở cạnh sông được rỡ đến, ghép thêm vào. "Lò sưởi của chúng tôi là gạch chở bằng tàu từ bên Anh sang", chị ta hãnh diện nói. Trong khi chị tiếp tục kể con cà con kê, Kunta gật gù xã giao nhưng anh chả lấy gì làm thán phục.

Thi thoảng me-xừ Uolơ đến thăm Niupo, nơi đầu tiên Kunta nhận nhiệm vụ đánh xe tới; thật khó mà tin rằng từ đó đến nay, cả một năm trời đã trôi qua. Một ông chú bà cô của me-xừ sống tại đó trong một ngôi nhà mà Kunta thấy rất giống Enfin. Trong khi cánh da trắng đánh chén trong phòng ăn thì chị bếp ở Niupo cho Kunta ăn dưới bếp, diễu qua diễu lại với một xâu chìa khóa ở chiếc thắt lưng da mỏng quấn quanh mé trên tạp dề. Giờ đây, anh đã để ý là mọi nữ quản gia đều mang một chùm chìa khóa như vậy. Anh được biết là trong đó, ngoài những chìa khoá phòng để thức ăn, nhà sấy, hầm ướp lạnh và những chỗ trữ thực phẩm khác, còn có các chìa mở tất cả các phòng lớn phòng nhỏ trong đại sảnh. Tất cả những chị bếp anh gặp đều đi đứng cách nào cho những chìa khóa đó kêu xủng xẻng, ra cái điều mình oai vệ và được tin cẩn biết chừng nào, nhưng không có ai lắc kêu to dữ như cái nhà chị này.

Vào một bữa gần đây, giống như chị bếp ở Enfin, sau khi xác định rằng anh chàng kể ra cũng đường được, chị áp một ngón tay lên môi ra hiệu im lặng và dẫn Kunta rón rén đến một căn buồng nhỏ trong ngôi đại sảnh. Với vẻ phô phang chị ta mở cửa bằng một cái chìa khóa ở thắt lưng, đưa anh vào trong buồng và chỉ vào một bức tường. Trên đó bày ra một loạt những thứ mà chị ta giải thích là gia huy và con dấu bạc của dòng họ Uolơ, một bộ áo giáp, những khẩu súng ngắn bằng bạc, một thanh gươm bạc và quyển sách kinh của đại tá Uolơ.

Hài lòng thấy vẻ kinh ngạc không giấu nổi trên nét mặt Kunta, chị thốt lên: "Cụ cố đại tá lập đồn điền Enfin kia, dưng mà chết chôn ở đây". Và ra ngoài nhà, chị chỉ cho anh thấy ngôi mộ và tấm bia. Sau một phút đang khi Kunta trân trân nhìn vào bia, chị ta hỏi với một vẻ thản nhiên đã luyện đi luyện lại thành thục: "Anh muốn biết nó nói gì không?" Kunta gật đầu và chị ta liếng thoắng "đọc" hàng chữ đã thuộc lòng từ lâu: "Tưởng niệm hồn thiêng Ngài đại tá Jon Uolơ, con trai thứ ba cụ cố ông Jon Uolơ và cụ cố bà Meri Ki, định cư ở Vơginia năm 1635, từ Niupo Paganel, Băckinhgamsiơ".

Ít lâu sau, Kunta được biết nhiều anh chị em họ của ông chủ hiện sống tại Đồi Viễn vọng, cũng thuộc hạt Xpotxylvanya. Giống như Enfin, tòa đại sảnh ở đây có một tầng lầu rưỡi như hầu hết các tư thất rất cổ vì, theo chị bếp ở Đồi Viễn vọng nói với anh, nhà vua đánh thuế phụ vào những nhà có hai tầng lầu. Khác với Enfin, Đồi Viễn vọng có phần nhỏ bé – nhỏ hơn các tư thất khác của dòng họ Uolơ – song bất kể Kunta có nghe hay không, chị bếp cho biết là không nhà nào có hành lang ở cửa vào rộng bằng hoặc có cầu thang tròn dốc như ở đây.
"Anh không lên gác được, dưng anh cũng nên biết trên ấy chúng tôi có dững cái giường bốn cột có trướng, cao đến nỗi phải bắc thang và bên dưới là giường trẻ con có bánh xe lăn. Mà tôi nói cho anh nghe điều này nữa: tất cả giường, gạch lò sưởi, xà nhà, bản lề cửa, mọi thứ chúng tôi có ở đây đều do bọn nô nhọ làm hết".

Ở sân sau, chị ta chỉ cho Kunta nhà dệt vải đầu tiên mà anh thấy và gần đấy là khu nô lệ – gần giống như ở chỗ anh – mé dưới là một cái ao và xa hơn nữa là một nghĩa địa nô lệ. "Tôi biết anh không muốn thấy cái này", chị ta nói, đọc được ý nghĩ của anh. Anh tự hỏi: Liệu chị ta có biết luôn cả rằng mình lấy làm lạ và buồn biết bao khi nghe thấy chị – cũng như biết bao người da đen khác – luôn mồm nói "chúng tôi", làm như chị là chủ cái đồn điền đang dựa vào mà sống, chứ không phải ngược lại.

Chương 58

“Làm sao mà mấy tháng qua, me-xừ lại năng đến gặp cái lão anh trai vô tích sự ấy thế nhỉ?” Bel hỏi vậy, sau chuyến đi đến đồn điền me-xừ Jon trở về “Tôi cứ ngỡ hai người í, họ chả thương yêu gì nhau”.
“Tui xem dư me-xừ đâm mê mẩn cái con gái con của họ”, Kunta mệt mỏi nói.
“Con bé quả có kháu thật”, Bel nói. Sau khi tư lự dừng lại một lát, chị nói thêm: “Tôi độ rằng me-xừ thấy măмzes An giống đứa con gái đã mất của me-xừ”.
Ý nghĩ đó không hề đến với Kunta, anh vẫn thấy khó mà cho rằng tubốp cũng là những con người thật sự.
“Đến tháng 11 này, nó vừa đầy tuổi tôi phải không?” Bel hỏi. Kunta nhún vai. Anh chỉ biết rằng cái việc chạy đi chạy lại giữa hai đồn điền chỉ tổ cày những vết lún trên đường và làm chai mông anh ra thôi. Mặc dù anh chẳng ưa gì gã lái xe Ruxby mặt quàu quạu của me-xừ Jon, anh nói với Bel rằng anh vẫn hài lòng khi ông chủ mời anh trai đến chơi tuần trước để thay đổi đi một chút.

Hôm ấy, khi tạm biệt, Bel nhớ là nom me-xừ cũng sung sướng chẳng kém đứa cháu gái nhỏ, me-xừ tung nó lên trên không rồi lại đỡ lấy, la hét reo cười, trước khi trao trả nó cho mẹ nó ở trên xe. Lúc ấy Kunta không để ý nhận xét, mà anh cũng bất cần – và anh không hiểu nổi tại sao Bel lại chú ý thế.

Mấy ngày sau, một buổi chiều, trên đường về sau cuộc đến thăm tại nhà một bệnh nhân của me-xừ Uolơ ở một đồn điền cách Niupo không bao xa, ông chủ sằng giọng nhắc Kunta là anh vừa đi quá một chỗ đáng lẽ phải rẽ. Kunta đã đánh xe mà không nhìn thấy gì, bởi lẽ anh quá bàng hoàng vì những điều vừa thấy ở tư thất người bệnh. Trong khi lẩm bẩm xin lỗi và vội vã quay xe trở lại anh vẫn không sao gạt ra khỏi tâm trí cái hình ảnh người phụ nữ nặng nề, da rất đen có vẻ như người Uôlôf mà anh đã trông thấy ở sân sau. Chị ta ngồi trên một gốc cây cụt, cả hai bầu vú to thõn thẹn trật ra, điềm nhiên cho một đứa bé da trắng bú một bên và một đứa bé da đen bú bên kia. Đối với Kunta, đó là một cảnh vừa ghê tởm vừa kỳ lạ, nhưng sau đó, khi anh kể lại cho ông lão làm vườn nghe, ông cụ bèn nói: “Chả có mấy me-xừ ở Vơginia mà không bú một người vú da đen, hoặc ít nhất cũng được một người vú da đen nuôi”.

Một điều Kunta thấy quá thường xuyên cũng khiến anh ghê tởm gần như thế – cái kiểu trò “chơi” sỉ nhục diễn ra ở các đồn điền anh tới thăm giữa bọn “nhóc” da trắng và da đen cùng lứa tuổi. Bọn trẻ con da trắng dường như không thích gì hơn là sắm vai “me-xừ” giả vờ đánh bọn trẻ da đen hoặc chơi “cưỡi ngựa” bằng cách trèo lên lưng tụi kia, bắt chúng lồm ngồm bò quanh. Chơi trò “trường học” thì bọn trẻ da trắng “dạy” bọn da đen đọc và viết, tha hồ bạt tai và thét mắng chúng là “ngu đần”. Tuy nhiên, sau bữa ăn trưa – lúc đó bọn trẻ da đen phải cầm những cành lá xua ruồi cho me-xừ và cả gia đình – đám con nít da trắng và da đen lại cùng nằm lăn ra chiếu ngủ trưa với nhau.

Sau khi thấy những điều đó, bao giờ Kunta cũng nói với Bel, với bác vĩ cầm và ông lão làm vườn rằng ví dụ anh có sống tới một trăm vụ mưa anh cũng không sao hiểu nổi dân tubốp. Và họ đều cười ồ bảo anh rằng các thứ đó – và còn hơn thế nữa – họ đã thấy suốt đời rồi.

Đôi khi – họ nói với anh – bọn “nhóc” trắng và đen lớn lên bên nhau, trở nên rất gắn bó keo sơn. Bel nhớ lại có hai lần ông chủ được mới đến chữa cho những đứa con gái da trắng đâm ốm khi mấy đứa bạn da đen chơi với chúng suốt từ bé bị bán đi vì một lý do nào đó. Me-xừ Uolơ cho các me-xừ và bà đầm kia biết là nỗi sầu bệnh của con gái họ trầm trọng đến mức chúng có thể càng ngày càng yếu đi mà chết, nếu không mau chóng tìm và mua lại những đứa bạn gái nhỏ kia cho chúng.

Bác vĩ cầm nói có hàng lô hàng lĩ nhóc đen đã học chơi vĩ cầm, clavơxanh hoặc nhiều nhạc cụ khác bằng cách nghe và quan sát trong khi bọn bạn chơi da trắng của chúng được sự dạy bảo của các thầy đờn do các me-xừ giàu có thuê từ bên kia bờ biển sang. Ông lão làm vườn kể rằng ở cái đồn điền thứ hai mua cụ, có một thằng bé da trắng và một thằng bé da đen cùng lớn lên với nhau, về sau cậu chủ đã kéo luôn cả đứa bạn đen của mình vào trường Trung học Uyliêm và Meri. “Me-xừ xì chả xích xế tí nào, dưng bà đầm bỉu: “Đó nà thằng nhọ của nó, nó muốn xế xì mặc nó!” Và về sau, khi thằng nhọ í về, nó kể với bọn ta ở xóm nô nà có ối cậu ấm khác mang theo nhọ nàm đầy tớ, ngủ nuôn cùng một phòng. Nó bỉu có ói nần các cậu ấm mang nhọ tới nớp, rồi sau đó cuộc nhau xem nhọ của ai học được nhiều nhất. Cái thằng nhọ ở đồn điền não không phải chỉ biết đọc biết viết, mà còn có xể nghĩ ra được những bài thơ nữa, nó đọc thơ mí nị dững cái của nợ gì bọn nó học ở tường tung học í. Não bị bán đi vào cái đận í. Chả biết bi giờ nó ra sao?”.

“Nó hông chết là may”, bác vĩ cầm nói. “Bỉ chưng dân da trắng động một tí là “tình nguy” ngay một thằng nhọ dư thế dễ bề ủ ấp mưu toan nủi dậy, hoặc khởi nghĩa ở một nơi nào đó. Biết nhiều quá có lợi lộc gì đâu, đúng dư tui đã bỉu cái thằng người Phi này khi nó bắt đầu lái xe cho me-xừ. Cứ đóng miệng, mở tai là cách học hỏi tốt nhất…”.

Chẳng mấy lâu sau, Kunta thấy ra những lời đó quả chí lý biết bao, khi me-xừ Uolơ mời một người bạn cùng đi xe từ đồn điền này sang đồn điền khác. Trò chuyện với nhau như thể không có Kunta ở đó – và nói những điều mà ngay cả nếu họ không biết có một người da đen ngồi ngay trước mặt, anh cũng đã cho là kỳ lạ – họ phàn nàn là đám nô lệ gỡ sợi bông ra khỏi hạt bằng tay chậm đến phát nản, trong khi nhu cầu về vải bông ngày càng tăng lên nhanh chóng. Họ bàn về cái tình hình càng ngày càng tệ là chỉ có những chủ đồn điền lớn nhất mới đủ tiền mua nô lệ với giá cắt cổ mà bọn buôn nô lệ và nhân viên các tàu mãi nô đòi.
“Nhưng ví như có đủ tiền mua, thì càng đông càng lắm vấn đề chứ chẳng giải quyết được gì”, ông chủ nói. “Càng có nhiều nô lệ, càng dễ có cớ cho chúng gây phiến loạn bằng cách nào đó”.
“Lẽ ra ta không nên để chúng mang vũ khí đánh nhau với người da trắng trong chiến tranh”, bạn ông ta nói. “Bây giờ, ta mới thấy hậu quả!” Ông nay nói tiếp kể chuyện ở một đồn điền lớn gần Friđirichbơg, một số cựu binh nô lệ đã bị bắt ngay trước khi mưu đồ một cuộc nổi loạn, chỉ do một hầu gái nghe phong thanh và nước mắt ngắn nước mắt dài, lên tâu với bà chủ. “Bọn chúng có súng hỏa mai, lưỡi hái, đinh ba, chúng làm cả giáo mác nữa”, bạn ông chủ nói. “Nghe nói âm mưu của chúng là: ban đêm giết và đốt phá, ban ngày lẩn trốn, và không ngừng di chuyển. Một trong những tên đầu đảng nói chúng cũng dự kiến đến chuyện hy sinh, nhưng không chịu chết trước khi làm được những điều mà chiến tranh đã chứng minh rằng chúng có thể làm cho người da trắng biết tay”.
“Chúng có thể làm phí nhiều sinh mạng vô tội”, anh nghe thấy ông chủ nghiêm nghị đáp vậy. Me-xừ Uolơ tiếp tục nói là đã đọc ở đâu đó rằng hơn hai trăm vụ nô lệ dấy loạn đã nổ ra kể từ khi những chuyến tàu mãi nô đầu tiên tới đây. “Hàng bao năm, tôi đã bảo nguy cơ lớn nhất của chúng ta là số nô lệ đang đi đến chỗ đông hơn người da trắng”.
“Anh nói đúng!” người bạn thốt lên. “Chẳng còn biết ai ngay, ai gian nữa, nó xun xoe, cười nịnh đấy, rồi lại rắp tâm cắt cổ mình ngay đấy. Thậm chí đến cái đám ở ngay trong nhà mình. Dứt khoát không thể tin được đứa nào trong bọn ấy. Cái đó ở ngay trong bản chất của chúng”.

Ngồi ngay ngắn, lưng thẳng đuỗn như tấm ván, Kunta nghe thấy tiếng ông chủ nói: “Là một bác sĩ, tôi đã từng hơn một lần thấy những cái chết của người da trắng mà… thôi, tôi chả đi vào chi tiết làm gì, có điều là tôi thấy một số trường hợp đáng ngờ lắm, chỉ xin nói thế thôi”.

Hầu như không cảm thấy dây cương trong tay, Kunta không thể hiểu được làm sao họ lại vô ý một cách kỳ lạ đến thế, dường như không hề biết có anh ở đấy. Tâm trí anh xáo lộn lên những điều mà chính anh cũng đã nghe thấy trong gần hai năm trời lái xe cho me-xừ. Anh đã nhiều lần nghe thấy những chuyện xì xào về các đầu bếp và hầu gái xơn xớt cười và cúi gập người trong khi dọn cho chủ những món ăn có chứa những chất thải của chính cơ thể họ. Và anh đã được kể về các bữa ăn của người da trắng có lẫn những mảnh thủy tinh nghiền nát hoặc thạch tín, hoặc những thứ thuốc độc khác. Anh cũng được nghe chuyện về những hài nhi da trắng tự dưng bị hôn mê một cách bí hiểm rồi chết, mà không sao thấy dấu vết chiếc kim mạng do các hầu gái cắm vào da đầu mềm mại của chúng ở chỗ dày tóc nhất. Và một chị bếp đã chỉ cho anh thấy căn lều cũ của một người vú đã làm bị thương nặng một cậu ấm dở thói đánh chị ta, sau đó chị đã ăn đòn nên thân và bị bán đi.

Kunta cảm thấy phụ nữa da đen ở đây còn bướng bỉnh và quật khởi hơn nam giới. Song có lẽ đó chỉ là bề mặt, vì về vấn đề này, phụ nữ thường trực tiếp và cá nhân hơn, họ thường báo thù những người da trắng làm hại bản thân họ. Đàn ông thì có xu hướng kín đáo hơn và ít nhằm báo thù cá nhân hơn. Bác vĩ cầm đã kể cho Kunta nghe về một tên giám thị da trắng bị cha một cô gái da đen treo cổ lên cành cây, sau khi bắt quả tang hắn hiếp con gái mình, song nguyên nhân thường xuyên nhất tạo thành mồi lửa thúc đẩy người da đen bạo động chống người da trắng, là những tin tức về tội ác tàn khốc của người da trắng hay về các cuộc nổi loạn của nô lệ và những điều tương tự như thế.

Ở chỗ của Uolơ, chưa bao giờ có nổi dậy hoặc thậm chí bất cứ sự biến gì, song ngay tại hạt Xpotxylvanya này, Kunta đã từng nghe nói về một số người da đen giấu súng hỏa mai cùng những vũ khí khác và thề sẽ giết me-xừ hoặc bà đầm, hoặc cả hai, và châm lửa đốt đồn điền. Và có một số người trong đám cùng làm việc với anh thường họp kín bàn về mọi điều xấu, tốt xảy đến với dân nô lệ ở những nơi khác và cân nhắc xem có thể hành động như thế nào để giúp họ, nhưng cho đến nay, mới chỉ là bàn suông.

Kunta chưa bao giờ được họ mời tham gia – anh nghĩ có lẽ họ cảm thấy, với cái chân cụt, anh sẽ chẳng giúp ích gì được cho họ nếu có một cuộc dấy loạn thực sự . Dù họ gạt anh ra ngoài vì lý do gì, anh cũng cảm thấy như thế là đúng. Tuy mong cho họ may mắn trong bất cứ công cuộc gì họ quyết định tiến hành, Kunta vẫn không tin rằng một cuộc khởi loạn có thể thành công trước những lực lượng đối địch áp đảo như vậy. Có thể, như me-xừ Uolơ đã nói, ít lâu nữa người da đen sẽ đông hơn người da trắng, song không bao giờ đè bẹp được họ – với chàng nạng, dao bếp

và súng hỏa mai lấy trộm được đem chống với những đạo quân tập trung của nước da trắng và những cỗ đại bác của nó.

Nhưng Kunta cảm thấy kẻ địch tệ hại nhất chính là bản thân họ. Ngoài một số thanh niên quật cường, đại đa số nô lệ thuộc loại người làm đích thị những gì bọn chủ mong đợi ở họ, thậm chí không cần phải bảo; cái loại người mà bọn da trắng có thể và thực sự phó thác sinh mạng của con cái chúng; cái loại người cam chịu nhìn đi ngả khác khi tên đàn ông da trắng lôi vợ họ vào nhà chứa cỏ khô. Dào, ngay tại cái đồn điền nay, cũng có một số mà anh dám chắc nếu me-xừ bỏ đấy không cần canh giữ, một năm sau trở lại vẫn sẽ thấy họ vẫn ở nguyên đó làm việc như thường. Chắc chắn không phải vì họ thỏa mãn; trong nội bộ, họ vẫn phàn nàn luôn miệng. Song chẳng bao giờ có quá một dúm người dám phản kháng, nói chi đến chống lại.

Có khi anh đang trở nên giống họ cũng nên, Kunta nghĩ. Hay có lẽ đơn giản là anh đang lớn lên? Hay anh đang già đi? Anh chẳng biết nữa; có điều anh biết chắc là anh đã mất cái hào hứng đấu tranh, bay nhảy và anh muốn được yên thân; anh muốn lo lấy thân mình. Những kẻ không biết lo lấy thân mình, rút cục sẽ đi đến chỗ chết.

Chương 59

Ngủ gà ngủ gật dưới bóng một cây sồi trong sân sau của một đồn điền nơi me-xừ tới chữa bệnh cho cả một gia đình bị sốt, Kunta giật mình thức giấc khi tiếng tù và buổi chiều tà gọi những người nô lệ ngoài đồng trở về. Anh còn đang dụi mắt cho tỉnh ngủ thì họ đã tới sân. Ngước mắt lên trong khi họ tạt qua, trên đường đi rửa ráy để ăn bữa chiều, anh nhận thấy có khoảng từ hai mươi đến ba mươi người. Anh nhìn lại lần nữa. Có lẽ anh còn ngái ngủ hay sao ấy, nhưng quả thật có bốn người trong bọn họ – một đàn ông, một phụ nữ và hai đứa con trai ở tuổi thiếu niên – là dân da trắng.
"Ta gọi họ là dân da trắng làm việc theo giao kèo", chị bạn nấu bếp giải thích vậy, khi anh bày tỏ nỗi kinh ngạc của mình với chị, mấy phút sau. "Họ ở lây lến bi giờ là lược khoảng hai tháng. Ló là một gia đình ở lâu tận bên kia bờ lước lớn. Mông-xừ chi tiền cho tầu họ sang lây, cho lên họ phải làm lô lệ cho mông-xừ bảy lăm để trả lợ. Sau đó, họ tự do dư mọi người da trắng khác".
"Họ sống ở xóm nô à?" Kunta hỏi.
"Họ có lều riêng cách chỗ chúng tôi một quãng, dưng lem nhem dư bọn tôi. Và ra làm lồng, cũng chả được sũng siêu vẹo dột lát dư các lều khác thôi. Và họ cũng ăn lối xử khác gì".
"Họ ra sao?" Kunta hỏi.
"Họ cứ bo bo thân mình dưng mà cũng ổn thôi. Không giống dư ta, dưng mà làm phận sự mình lến lơi lến chốn và không gây sự với ai cả".

Kunta có cảm giác những bạch nô này còn khấm khá hơn phần lớn những người da trắng tự do anh đã thấy trong những chuyến đi tua thăm bệnh của me-xừ. Thường thường, cả tá vừa người lớn vừa trẻ con chui rúc chồng đống lên nhau trong những túp nhà một gian trên những vạt đất đỏ hoặc đất vùng đầm lầy nhỏ bằng bàn tay, họ lậm lụi sống một cuộc sống bần hàn đến nỗi những người da đen đã đùa rỡn đặt một bài hát về họ để cười vui với nhau: "Ôi, lạy Chúa, đừng cho con làm kiếp da trắng nghèo hèn, thà cứ làm dân nhọ còn hơn". Tuy chưa bao giờ thấy tận mắt, song Kunta đã nghe nói một số trong bọn da trắng ấy nghèo đến nỗi phải ăn cả đất. Có điều chắc chắn là họ quả gầy thật, chỉ có da bọc xương, và không mấy ai – kể cả bọn "tí nhau" – còn răng cả. Và người họ hôi hám như thể họ ngủ lẫn với bầy chó mình đầy bọ chét mà nhiều người trong số đó làm thế thật. Cố gắng thở bằng miệng trong khi ngồi trong chiếc xe đậu bên ngoài dẫy lán của họ, đợi me-xừ chữa chạy cho một bệnh nhân nào đó mắc chứng hoại huyết hoặc chứng phung điên, nhìn đám phụ nữ và trẻ con cày bừa, dẫn gỗ, trong khi cánh đàn ông nằm dài dưới một gốc cây với một chiếc vò nâu nâu đựng rượu cùng lũ chó, gãi lấy gãi để, Kunta thấy khá dễ hiểu là tại sao các me-xừ chủ đồn điền và thậm chí cả những nô lệ của họ lại chế giễu và miệt thị họ, gọi họ là "đồ cặn bã da trắng lười nhác, vô tích sự, không đáng kể".

Thực ra, về phần anh, đó là một miêu tả độ lượng về những kẻ vô đạo trơ tráo đến mức có thể phạm mọi tội lỗi chống lại những tiêu chuẩn phép tắc mà cả đến người Hồi giáo có đầu óc báng bổ nhất cũng vẫn tuân thủ. Trong những chuyến đi với me-xừ đến các thị xã lân cận, lần nào anh cũng thấy hàng bầy những người như vậy đi rông xunh quanh tòa thị chính hoặc tiệm rượu ngay cả vào buổi sáng – mặc những bộ quần áo thải xác xơ, nhem nhuốc dầu mỡ và mồ hôi, nồng nặc mùi thuốc lá hôi xì mà họ hút luôn miệng, tu ừng ực cái món "chớp trắng" trong những cái chai bỏ trong túi, cười ha hả và cục cằn thét lác lẫn nhau trong khi quỳ bệt xuống đất trong những ngõ hèm chơi bài tây và xúc xắc ăn tiền.

Đến giữa chiều thì họ hoàn toàn hóa dại: say khướt, hát ông ổng, nhảy cẫng như điên từ đầu phố đến cuối phố, huýt sáo và chớt nhả gọi những phụ nữ đi ngang qua, cãi nhau và văng tục om sòm, và cuối cùng xoay ra gây sự đánh nhau, mới đầu chỉ đẩy hoặc thụi – trong khi những đám đông gồm những kẻ cũng như họ xúm lại xung quanh để cổ vũ – rồi kết thúc bằng các miếng cắn tai, móc mắt, đá vào hạ bộ, bằng những vết thương đẫm máu hầu như bao giờ cũng phải cậy đến sự cấp cứu của me-xừ. Kunta cảm thấy ngay cả những thú dữ ở quê hương anh cũng còn có phẩm giá hơn đám sinh vật này.

Bel luôn luôn kể chuyện về những người da trắng bị phạt roi vì tội đánh vợ và bị xử tù một năm vì hiếp dâm. Chị cũng hay kể chuyện người nọ đâm hoặc bắn chết người kia, tội này bị xử sáu tháng làm nô lệ. Song dù họ có sính dùng bạo lực với nhau bao nhiêu đi nữa, thì kinh nghiệm cá nhân vẫn cho Kunta biết rằng họ còn thích dùng bạo lực đối với người da đen hơn thế. Chính một đám đông những người da trắng nghèo – cả nam lẫn nữ – đã la ó, giễu cợt và thọc que vào người anh cùng các bạn cùm bị giải từ con xuồng lớn xuống. Chính một giám thị da trắng nghèo đã quất roi thỏa sức lên lưng anh ở đồn điền me-xừ Jon. Chính bọn truy bắt nô lệ thuộc loại "cặn bã da trắng nghèo hèn" đã lấy việc chặt chân anh làm vui thích đến thế. Và anh đã từng nghe nói về những người chạy trốn bị bọn "tuần cha tuần bổ" tóm được, chúng không cho họ lựa chọn mà tống cổ họ về đồn điền cũ sau khi hành hạ thân

tàn ma dại không còn nhận ra được nữa – và thiến dương vật. Anh chưa bao giờ có thể hình dung ra nổi tại sao những người da trắng nghèo lại ghét người da đen đến như vậy. Có lẽ, như bác vĩ cầm đã nói với anh, đó là tại bọn da trắng giàu; bọn này có tất cả những gì mà họ không có: của cải, quyền lực và tài sản, kể cả những nô lệ được cho ăn, cho mặc, cho nhà ở, trong khi họ phải vật lộn để sống còn. Nhưng anh không thể cảm thấy thương hại họ chút nào, mà chỉ ghê tởm sâu sắc, một nỗi ghê tởm đã trở thành giá băng cùng với năm tháng trôi qua, bởi lẽ một cái rìu do một kẻ trong bọn họ vung lên đã vĩnh viễn kết liễu một cái gì mà đối với Kunta còn quý giá hơn cả chính cuộc đời anh: niềm hy vong được tự do.

Vào cuối mùa hè năm 1786 ấy, Kunta từ trên tỉnh trở về đồn điền với những tin tức làm anh tràn ngập những cảm giác xáo trộn. Dân da trắng đã tụ tập ở mọi góc phố, vung những số Nhật báo và sôi nổi bàn tán xung quanh một câu chuyện đăng trong đó, về việc một số ngày càng đông người Quêicơ không những khuyến khích bọn nô lệ chạy trốn như họ đã từng làm trong nhiều năm, mà giờ đây còn giúp đỡ, che giấu và hướng dẫn bọn chúng đi lên miền Bắc an toàn nữa. Cả dân da trắng nghèo lẫn các me-xừ đều lồng lộn kêu gào trừng phạt bằng cách bôi hắc ín rồi trét lông và thậm chí treo cổ bất kỳ tên Quêicơ nào dù chỉ bị tình nghi là có những hành động phản nghịch như thế. Kunta không tìn là những người Quêicơ hoặc bất kỳ ai khác có thể giúp đỡ được đông đảo nô lệ trốn thoát, và sớm hay muộn, rồi những người này cũng đến bị bắt thôi. Song, có những người đồng minh da trắng – cũng phải cần đến họ chứ – đâu phải là điều thương tổn và cái gì khiến cho bọn chủ nô hoảng hốt đến thế, ắt không thể là điều xấu.

Đêm hôm ấy, sau khi Kunta kể cho mọi người trong xóm nô hay những điều anh đã trông thấy và nghe thấy, bác vĩ cầm bèn nói rằng tuần trước, đàn cho một cuộc khiêu vũ ở tỉnh, bác đã thấy "dững cái mồm há hốc" khi bác dỏng tai nghe lỏm một tay thầy cò nhỏ to thổ lộ với một nhóm điền chủ bự về bản chúc thư của một phú hộ Quêicơ tên là Jon Pliđơn ban bố tự do cho hơn hai trăm nô lệ của mình. Bel đến chậm cũng góp chuyện là chị vừa nghe lỏm thấy me-xừ và một số khách dự tiệc chua chát bàn về việc chế độ nô lệ mới bị thủ tiêu ở một bang phía bắc gọi là "Maxơtauxơt" và có tin đồn rằng những bang khác gần đó cùng làm như vậy.
"Thủ tiêu nghĩa là thế nào?" Kunta hỏi.

Ông cụ gác vườn trả lời: "Nghĩa nà một ngày kia, tất cả cánh nhọ chúng ta sẽ được tự do!".

Chương 60

Ngay cả những lúc không chứng kiến hoặc nghe thấy chuyện gì ở tỉnh để kể cho mọi người, Kunta cũng thấy khoái ngồi với họ quanh đống lửa trước lều bác vĩ cầm. Nhưng gần đây, anh bỗng nhận ra là mình bỏ ít thời giờ để chuyện trò với bác vĩ cầm – mà đã có thời bác là lý do duy nhất khiến anh có mặt ở đó – hơn là với Bel và ông già gác vườn. Đúng ra, không phải hai người đã lạnh nhạt với nhau, nhưng chỉ vì tình hình không như trước nữa và điều đó làm anh buồn buồn. Việc sắp đặt bác vĩ cầm cáng đáng nhiệm vụ làm vườn của Kunta không làm cho họ gần nhau hơn, mặc dầu cuối cùng, bác cũng xoay sở đâu vào đấy. Song điều mà xem chừng bác không thể làm quen được là chẳng bao lâu Kunta đã bắt đầu thế chân bác với tư cách là nguồn thạo tin nhất của đồn điền về những chuyện bên ngoài.

Không ai có thể phán là bác vĩ cầm trở nên ngậm miệng, nhưng càng ngày, những độc thoại trứ danh của bác càng ngắn bớt và càng thưa đi; và bác hầu như không kéo đàn cho họ nghe nữa. Một buổi tối, sau khi thấy bác trầm lặng khác thường, Kunta nêu lên nhận xét ấy với Bel, băn khoăn không hiểu mình có làm hoặc nói điều gì làm bác mếch lòng chăng.
"Anh đừng có tưởng hão!" chị nói với anh. "Hàng tháng nay, bác vĩ cầm chạy ngược chạy xuôi khắp tỉnh kéo đàn cho người da trắng. Bác í mệt rũ ra còn hơi sức đâu liến thoắng cái mồm dư mọi khi, dư thế tui thấy lại tốt đấy. Và bi giờ cứ lần nào đến kéo đàn cho các cuộc liên hoan hội hè đú đớn của người da trắng, mỗi đêm bác í kiếm được một đô-la rưỡi. Dù me-xừ có lấy của bác í một nửa, bác vĩ cầm cũng giữ lại cho mình được bảy mươi lăm xu, cho nên tội gì bác í phải chơi đàn cho cánh nhọ nữa – trừ phi anh muốn làm cuộc quyên góp, xem thử bác í có chơi để kiếm dăm xu chăng".

Chị ngước mắt lên khỏi bếp lò xem Kunta có mỉm cười không. Anh không hé môi. Song giả dụ anh mỉm cười thì hẳn chị sẽ lúng túng. Chị mới chỉ thấy anh mỉm cười có độc một lần – khi anh nghe nói một người nô lệ mà anh quen ở một đồn điền gần đấy trốn thoát an toàn lên mạn Bắc.
"Tui nghe biểu bác vĩ cầm định dành dụm những gì bác í kiếm được để mua lại tự do từ tay me-xừ", chị nói tiếp.
"Đến lúc bác í kiếm được đủ tiền để làm thế", Kunta nghiêm trang nói, "thì đã già quá rồi, chả còn sức mà rời khỏi lều nữa". Bel cười rũ rượi đến nỗi tí nữa ngã vào nồi xúp.

Nếu như bác vĩ cầm không bao giờ kiếm đủ tiền để chuộc lại tự do, thì đó không phải là do thiếu cố gắng, Kunta xác định như vậy sau khi nghe bác chơi đàn tại một cuộc liên hoan vào một đêm sau đó không lâu. Anh đã để me-xừ xuống xe và đang nói chuyện với các lái xe khác dưới một gốc cây ngoài bãi cỏ tối, thì ban nhạc – do bác vĩ cầm đứng đầu, đêm ấy rõ ràng bác ở một trạng thái hào hứng hiếm thấy – bắt đầu chơi một điệu vũ quay tròn Vơginia sôi nổi đến mức cả những người da trắng cũng không giữ yên chân được.

Từ chỗ mình ngồi, Kunta có thể trông thấy bóng những cặp trẻ trung quay cuồng từ phòng lớn ra ngoài hiên qua một cửa, rồi lại vào qua một cửa khác. Kết thúc khiêu vũ, mọi người đứng thành hàng bên một cái bàn dài rực rỡ ánh nến và đầy tú ụ thức ăn đến mức cả một năm ròng, xóm nô cũng không được chừng nấy. Và khi bọn họ đã ăn đầy tễ – cô con gái béo ị của nhà chủ trở lại tới ba lần để lấy thêm – chị bếp bèn cho mang ra một khay thức ăn thừa và một vò nước chanh cho cánh lái xe. Tưởng me-xừ sắp sửa ra về, Kunta ngấu nghiến một cái cẳng gà và một thứ bánh ngọt dính dính thơm ngậy rất ngon mà một tay lái xe gọi là "bánh kem dài". Nhưng các ông chủ mặc com-lê trắng vẫn đứng quanh quẩn, bình thản chuyện trò hàng tiếng đồng hồ, tay cầm xì-gà dài khoa khoa làm điệu bộ, thỉnh thoảng lại nhấm nháp những cốc rượu vang, lấp lánh trong ánh sáng của cây đèn chùm treo trên đầu, trong khi các bà vợ, lộng lẫy trong những chiếc áo dài đẹp, ve vẩy mù xoa và che quạt cười điệu.

Lần đầu tiên đưa me-xừ đến một trong những "cuộc hoa hòe hoa sói nhí nhố" ấy – như Bel thường gọi – Kunta ngợp lên với những cảm xúc trái ngược, kính sợ, bất bình, thèm muốn, khinh bỉ, say mê, ghê tởm – nhưng trên hết là một nỗi cô đơn, u buồn sâu sắc mà anh phải mất gần một tuần mới hồi hồi lại được. Anh không thể tin rằng một sự giàu sang kỳ lạ đến thế lại có thật, rằng người ta thật sự sống như vậy. Phải mất một thời gian dài và qua rất nhiều cuộc liên hoan nữa, anh mới vỡ lẽ ra rằng họ không sống như vậy, rằng mọi cái đó là hư ảo một cách lạ lùng, một thứ mơ mộng huyền diễm của người da trắng, một sự dối trá họ đang nói với nhau: là cái tốt lành có thể từ cái xấu mà ra, là họ có thể văn minh với nhau mà không cần đối xử như con người đối với những kẻ đã đem máu, mồ hôi và sữa mẹ tạo nên cuộc sống đặc quyền đặc lợi họ đang sống.

Kunta đã tính chia sẻ những ý nghĩ đó với Bel hoặc ông lão làm vườn, song anh biết mình không thể tìm ra lời lẽ thích đáng bằng tiếng tubốp để diễn đạt. Dù sao cả hai cũng đã sống ở đây cả đời và không thể trông mong là họ

nhìn những cái đó như anh nhìn, với con mắt của một kẻ ngoại cuộc – của một người bẩm sinh tự do. Cho nên, như mọi lần nghĩ về những chuyện như vậy, anh giữ kín trong lòng – và chợt thấy mình ước ao đừng bị cô đơn đến thế, ngay cả sau ngần ấy năm.

Khoảng ba tháng sau, me-xừ Uolơ – "cùng ví hầu hết dững ai là ông nọ bà kia ở bang Vơginia", theo lời bác vĩ cầm – được mời đến dự cuộc Vũ hội ngày Lễ Tạ Ơn mà hằng năm cha mẹ ông ta vẫn tổ chức ở Enfin. Tới muộn vì, như thường lệ, me-xừ vẫn dừng lại thăm bệnh nhân trên đường đi, Kunta nghe thấy cuộc liên hoan đã đang diễn ra rôm rả trong khi cỗ xe lọc cọc trên con đường giữa hai hàng cây dẫn đến ngôi nhà lớn đèn đóm sáng chưng suốt từ trên xuống dưới. Đánh xe đến cửa tiền, anh nhảy xuống đứng nghiêm trong khi người gác cửa đỡ me-xừ xuống xe. Chính lúc bấy giờ anh nghe thấy cái đó. Đâu đây, rất gần, một người nào đang dùng cạnh và gót tay nện trên một trái bầu giống như trống cơm gọi là qua-qua, với một phong thái sắc nét và mãnh liệt khiến Kunta biết ngay nhạc công đó là người Phi.

Anh chỉ còn biết đứng ngây như tượng cho đến khi cánh cửa đóng lại sau lưng me-xừ. Rồi Kunta quẳng dây cương cho chú bé bồi ngựa đang chờ và chạy với hết tốc độ mà bàn chân còn một nửa cho phép anh, quành theo sườn nhà và qua sân sau. Tiếng nhạc mỗi lúc một to lên, dường như vọng đến từ giữa một đám đông người da đen đang vỗ tay, nhảy múa dưới một dãy đèn lồng mà gia đình Uolơ cho phép đám nô lệ thắp để làm Lễ Tạ Ơn của riêng họ. Không đếm xỉa đến những tiếng kêu phẫn nộ của họ trong khi anh chen lấn lấy một lối đi, Kunta nhảy vào giữa vòng trống và đây rồi: một người đàn ông gầy gò, tóc hoa râm, da rất đen ngồi xệp trên mặt đất đánh qua-qua giữa một người chơi măngđôlin và hai người gõ phách bằng xương bò. Thấy náo động đột ngột, họ ngước lên nhìn và cặp mắt Kunta bắt gặp cặp mắt ông già – và một lát sau, hai người gần như nhảy bổ lại với nhau, những người da đen khác ngớ ra rồi cười rúc rích khi thấy họ ôm chầm lấy nhau.
"A-xalakium-xalam!".
"Malakium-xalam!"[1]

Lời chào bật ra như thể cả hai chưa từng rời Châu Phi bao giờ. Kunta ru ông già ra cách mình một tầm tay. "Trước nay, tui chưa thấy bác ở đây bao giờ", anh thốt lên.
"Tui vừa được bán đến đây từ một đồn điền khác", người kia nói.
"Me-xừ của tui là con me-xừ của bác", Kunta nói "Tui lái xe cho ông í".
Những người xung quanh bắt đầu lầm bầm, sốt ruột muốn nhạc cử tiếp và rõ ràng là họ không thấy thoải mái trước việc công khai phô bày tính cách Phi như vậy. Cả Kunta lẫn người chơi qua-qua đều biết là không nên gây tâm lý nặng nề thêm cho họ nữa, kẻo một người nào đó trong bọn có thể đi mách với người da trắng.
"Tui sẽ trở lại!" Kunta nói.
"Xalakium – Xalam!" người chơi qua-qua nói và ngồi trở lại.
Kunta đứng đó một lúc trong khi nhạc lại bắt đầu cất lên, đoạn quay phắt đi, lách qua đám đông, đầu cúi gằm – thất vọng và bối rối – trở về xe đợi me-xừ Uolơ.

Suốt những tuần sau, tâm trí Kunta loay hoay với những câu hỏi về người chơi qua-qua. Bác ta thuộc bộ lạc nào? Rõ ràng bác ta không phải là người Manđinka, cũng chẳng thuộc bất cứ bộ lạc nào mà Kunta đã từng thấy hoặc nghe nói tới cả ở Gămbia lẫn trên con xuồng lớn. Mái tóc hoa râm chứng tỏ bác ta đã già; Kunta tự hỏi không biết bác có bằng tuổi Ômôrô bây giờ không. Và làm sao mỗi bên đều cảm thấy bên kia là tôi tớ của Chúa Ala nhỉ? Việc người chơi qua-qua thạo tiếng tubốp như tiếng đạo Hồi chứng tỏ bác ở đất người da trắng đã lâu, có lẽ qua nhiều vụ mưa tại đây hơn Kunta nữa kia. Người chơi qua-qua nói bác vừa được bán cho cha của me-xừ Uolơ, vậy trong ngần nấy vụ mưa trên đất tubốp, bác ta ở đâu?

Kunta duyệt lại trong tâm trí những người Phi khác anh đã tình cờ thấy – không may thay, phần lớn đều vào những lúc cùng đi với me-xừ và thậm chí anh không có cách nào gật đầu chào họ lấy một cái, chưa nói gì đến gặp gỡ – trong ba vụ mưa làm lái xe cho me-xừ. Trong số này, có cả một đôi người rành rành là dân tộc Manđinka nữa kia. Phần lớn những người Phi, anh chỉ thoáng thấy khi đánh xe ngang qua các cuộc bán đấu giá nô lệ sáng thứ bảy. Nhưng sau sự việc xảy ra vào một buổi sáng cách đây sáu tháng, anh đã quyết định không lái xe qua bất cứ nơi nào gần các cuộc đấu giá, chừng nào có thể tránh được mà không để cho me-xừ ngờ ngợ thấy nguyên do. Hôm ấy, trong khi xe đi qua, một phụ nữ trẻ người Jôla bị xiềng thét lên thảm thiết. Ngảnh lại xem có chuyện gì, anh trông thấy cặp mắt mở to của người phụ nữ Jôla dán chặt vào anh ngồi trên chiếc ghế cao của cỗ xe, miệng há hốc gào lên, cầu cứu anh. Lòng tràn ngập một nỗi hổ thẹn xót xa, Kunta quật mạnh roi lên mông cả hai con ngựa khiến chúng gần như chồm hai chân trước lên, làm me-xừ bị xóc ngật về đằng sau, còn Kunta thì hoảng lên vì hành động của mình, nhưng me-xừ không nói gì cả.

Có lần, Kunta gặp một nô lệ Phi trên tỉnh trong khi chờ me-xừ một buổi chiều, nhưng cả hai cùng không hiểu tiếng bộ lạc của nhau và người kia thì lại chưa nói được tiếng tubốp. Kunta thấy dường như không thể tin được là mãi sau hai mươi vụ mưa trên đất người da trắng, anh mới gặp được một người Phi khác có thể chuyện trò với anh.

Nhưng trong hai tháng sau, cho đến sang mùa xuân năm 1788, Kunta thấy hình như me-xừ thăm hết tất cả bệnh nhân, họ hàng bà con và bạn bè trong năm hạt – chỉ trừ có cha mẹ của chính ông ta ở Enfin. Có lần, anh đã tính xin đi phép, điều mà trước nay anh chưa làm bao giờ, song anh biết me-xừ sẽ hỏi đi đâu và để làm gì. Anh có thể nói là đi thăm Liza, chị bếp ở Enfin, song như thế, me-xừ có thể nghĩ là hai người có tình ý gì với nhau, và ông ta có thể nói với cha mẹ và từ đó lại đến tai Liza, rồi anh sẽ bị dây dưa lằng nhằng không bao giờ dứt ra nổi, vì anh biết chị chàng vẫn nhăm nhe anh mà anh thì dứt khoát không đáp lại tình cảm đó, cho nên anh từ bỏ ý định ấy.

Trong sự nôn nóng muốn trở lại Enfin, anh đã bắt đầu đâm bực với Bel – càng bực hơn vì nỗi anh không thể nói chuyện ấy với chị – thừa biết chị vốn ác cảm với mọi cái dính dáng đến Phi châu. Anh nghĩ đến chuyện thổ lộ với bác vĩ cầm và ông lão làm vườn, song cuối cùng lại quyết định rằng, mặc dù họ ắt sẽ không nói với ai khác, nhưng chắc họ không thể đánh giá được tầm quan trọng của việc gặp gỡ chuyện trò với một người cùng quê cha đất tổ sau hai mươi vụ mưa đằng đẵng.

Thế rồi, một ngày chủ nhật sau bữa ăn trưa, không hề báo trước gì cả, me-xừ cho người đến bảo anh đóng ngựa vào xe đi Enfin. Kunta gần như chồm lên khỏi ghế và lao ra khỏi cửa, khiến Bel kinh ngạc nhìn theo đăm đăm.

Liza đang bận bịu giữa đám nồi niêu xoong chảo thì Kunta bước vào bếp. Anh hỏi thăm sức khỏe chị, rồi vội vã nói thêm là anh không đói. Chị nồng nàn nhìn. "Lâu không thấy anh", chị nói, giọng êm ái. Rồi mặt chị bỗng sa sầm. "Tui nghe nói về anh mí cái người Phi mới về đây. Me-xừ cũng nghe thấy. Có mấy nhọ nói mí me-xừ, dưng me-xừ không biểu gì sất, cho nên tui không lo". Chị nắm lấy và bóp mạnh tay Kunta. "Anh đợi một phút thôi".

Kunta cảm thấy mình sắp sửa nổ tung vì sốt ruột, nhưng Liza đã thoăn thoắt làm hai cái bánh mì kẹp thịt bò dày dặn, gói lại và đưa cho anh, một lần nữa bóp mạnh tay Kunta trong tay mình. Đoạn chị dẫn Kunta ra cửa bếp, đến đây, chị ngập ngừng. "Có một điều anh không hỏi tui, nên tui chưa nói với anh – mẹ tui là một nhọ Phi. Có lẽ vì vậy mà tui thích anh đến thế".

Thấy Kunta bồn chồn muốn bỏ đi, chị quay ngoắt và chỉ tay: "Cái lều có úng khói ghĩ là lều lão í. Hầu hết nhọ, me-xừ cho đi chơi hôm nay, đến túi mí về. Chỉ cần anh phải bảo đảm có ở xe trước khi ông chủ anh ra thui!".
Tập tễnh đi thật nhanh về xóm nô, Kunta gõ vào cửa căn lều xiêu vẹo.
"Ai đấy?" vọng ra cái giọng nói mà anh vẫn còn nhớ.
"A-xalakium-xalam!" Kunta nói. Anh nghe thấy tiếng lẹt xẹt của một cử động vội vã và cửa mở toang ra.

Chú thích:

[1] Lối chào nhau của những người Arập theo đạo Hồi.

Chương 61

Vì cùng là người Phi, nên cả hai đều không tỏ ra mình là người chờ đợi giây phút này biết chừng nào. Người lớn tuổi hơn đẩy chiếc ghế duy nhất của mình mời Kunta, nhưng khi thấy khách ưng ngồi xệp dưới nền đất như thể đang ở một làng bản nào đó nơi quê nhà, thì bác chơi đàn qua-qua e hèm ra chiều hài lòng, thắp cây nến trên cái bàn siêu siêu và cũng ngồi xệp xuống.
"Tui quê ở Gana, thuộc dân tộc Akan. Người da trắng đặt tên cho tui là Pompi, dưng tên thật tôi là Bôteng Bêdiakô. Tui ở đây đã lâu lắm rồi. Qua sáu đồn điền da trắng và hy vọng đây là cái cuối cùng, còn chú thế nào?"

Cố bắt chước cách nói ngắn gọn của người Gana này, Kunta kể cho bác ta về đất nước Găмbia, về việc anh là người Manđinka, về gia đình anh, về việc anh bị bắt và chạy trốn nhiều lần, bị chặt chân, được cắt đặt công việc làm vườn và bây giờ là lái xe.

Bác người Gana chăm chú nghe và khi Kunta nói xong, bác ngồi ngẫm nghĩ một lúc rồi mới lại lên tiếng, "Chúng ta đều đau khổ cả. Người khôn ngoan thì cố mà rút ra bài học từ đó". Bác dừng lại và nhìn Kunta, như đánh giá."Chú bao nhiêu tuổi?" Kunta trả lời ba mươi bảy vụ mưa.
"Trông chú không đến thế, tôi sáu mươi sáu đấy".
"Trông bác cũng không đến thế", Kunta nói.
"Ờ, tui ở đây từ trước khi chú đẻ. Giá dạo í tui biết đôi điều tui học được bi giờ. Dưng mà chú hãy còn trẻ, cho nên tui nói cho chú nghe. Các bà già ở nước chú có kể chuyện cho con cháu nghe không?" Kunta nói có. "Thế thì tui kể cho chú nghe một chuyện. Về cách trưởng thành ở quê tui".
"Tui còn nhớ thủ lĩnh của dân tộc Akan bây tui thường ngồi dư thế nào trong chiếc ghế to tướng làm bằng răng voi và bao giờ cũng có một người cầm lọng che trên đầu ông. Rồi bên cạnh là người kiểu dư thông ngôn cho thủ lĩnh. Ông muốn nói gì hay ai muốn nói với ông, chỉ độc một cách là thông qua người í. Lại có một chú bé ngồi dưới chân thủ lĩnh nữa. Chú bé này tượng trưng cho linh hồn của thủ lĩnh, và chạy tin truyền dững sứ điệp của thủ lĩnh cho dân chúng. Chú bé này mang một thanh gươm dày bản, cho nên ai thấy chú ta đến là biết đích xác chú là người thế nào. Nhớn lên, tui thành chú bé í chạy tin trong nhân dân. Chính là dư thế người da trắng đã bắt tôi cách í"

Kunta toan nói thì ông già Gana đã giơ tay lên ngăn lại.
"Đấy chưa phải là kết thúc câu chuyện. Điều tui muốn nói tới là: trên chóp cái lọng của thủ lĩnh, có khắc một bàn tay cầm một quả trứng. Cái này nhằm biểu người thủ lĩnh phải dùng quyền lực thận trọng dư nâng trứng. Và cái người làm thông ngôn cho thủ lĩnh bao giờ cũng cầm một cây trượng. Trên cây trượng có khắc một con rùa. Rùa nhằm biểu chìa khoá cho cuộc sống là nhẫn nại". Người Gana ngưng một lát. "Và có một con ong được khắc trên mu con rùa í. Nhằm biểu rằng không vòi nào châm qua nổi mu rùa cứng rắn".

Trong ánh nến chập chờn của căn lều, người Gana tạm ngừng, "Đó là điều tui muốn truyền đạt cho chú, điều tui đã học được trên đất người da trắng. Cái chú cần biết nhất để sống ở đây là sự kiên nhẫn – với một cái mu cứng". Nếu ở Châu Phi, Kunta dám chắc con người này phải là một kintangô hay một alcala, nếu không phải đích thị một thủ lĩnh. Song anh không biết phát biểu những cảm nghĩ của mình như thế nào và anh chỉ ngồi yên đó, không nói gì.
"Xem chừng chú có cả hai thứ đó", cuối cùng, người Gana mỉm cười nói. Kunta lúng túng định biện bạch, nhưng lưỡi anh như bị buộc chặt. Người Gana lại mỉm cười, chính bác cũng im lặng một lúc rồi nói tiếp.
"Ở nước tui, họ bảo những người Manđinka là những nhà du lịch và thương gia cừ khôi". Bác tuyên bố lửng lơ như thế, rõ ràng là chờ Kunta nói một điều gì.

Cuối cùng, Kunta mới cất giọng. "Bác nghe nói đúng đấy. Các ông bác tui là những nhà du lịch. Nghe dững chuyện các bác tui thường kể, cứ ngỡ dư họ đã ở khắp mọi nơi. Tui mí cha tui đã có lần đến một làng do hai bác tui mới lập, cách Jufurê xa lắm. Tui đã tính đi La Mếch, đi Timbuktu và đi Mali và mọi nơi hai bác tui đã tới, dưng chưa có dịp thì đã bị bắt lén".
"Tui biết đôi điều về châu Phi" bác người Gana nói.
"Thủ lĩnh biểu các bậc thông thái dậy tui. Tui chưa quên dững lời các bậc í nói. Và tui đã cố gắn dững lời í với những điều tôi nghe được và nhìn thấy từ khi tui ở đây, và tui biết phần đông người bên ta được mang tới đây đều bị bắt lén từ Tây Phi – suốt từ nước Găмbia của chú đổ xuống theo bờ biển tới Ghinêa".

Kunta bắt đầu lo là me-xừ sắp sửa ra về và dễ thường anh để ông ta phải đợi và một phút im lặng trôi qua giữa hai người. Anh đang loay hoay tìm cớ thích hợp để cáo từ thì ông già người Gana nói: "Quả thật ở đây không có ai để

ngồi nói chuyện dư tui với chú. Ối lần tôi phải mượn cây đàn qua-qua mà nói những điều trong tâm mình. Dễ thường tôi đã chuyện trò với chú mà không biết có chú ở đấy".

Xúc động sâu sắc, Kunta nhìn thẳng vào mắt người Gana hồi lâu, đoạn cả hai cùng đứng dậy, trong ánh nến, Kunta nhận thấy mình để quên trên bàn hai ổ bánh xăngđuých Liza đã cho anh. Anh chỉ vào đó và mỉm cười. "Chúng ta ăn lúc nào mà chả được. Bi giờ tui biết chú phải đi". Ông già người Gana nói: "Giá ở nước tui, thì trong khi ta trò chuyện với nhau, tui đã đẽo một cái gai thành một vật gì đó để biếu chú rồi."

Kunta nói giá ở Găмbia thì anh đã đẽo một hột soài to phơi khô thành vật gì đó rồi. "Hàng bao nhiu lần, tui đã ao ước có một hột soài giống đem trồng cho nhớn lên để nhắc nhở đến quê nhà", anh nói.

Người Gana trang trọng nhìn Kunta. Rồi bác mỉm cười "Chú còn trẻ chú có ói hạt giống, chú chỉ cần có cô vợ để gieo giống vào thôi".

Kunta luống cuống không biết trả lời ra sao, bác nhạc công người Gana đưa mạnh cánh tay trái ra và hai người bắt tay trái theo kiểu Phi, ý nói sẽ sớm gặp lại nhau.
"A-xalakium - xalam!"
"Malaika – xalam!"

Và Kunta vội vã bước ra, tập tễnh đi trong hoàng hôn sẫm dần qua các túp lều nhỏ khác và hướng về ngôi nhà lớn, băn khoăn không biết me-xừ đã ra tìm mình chưa. Nhưng nửa giờ sau me-xừ mới xuất hiện và trong khi Kunta đánh xe về nhà – hầu như không cảm thấy dây cương trong tay hoặc nghe thấy tiếng vó ngựa trên đường – anh có cảm giác như mình vừa nói chuyện với ông bố Ômôrô thân yêu vậy. Chưa một buổi chiều nào trong đời có ý nghĩa với anh hơn thế.

Chương 62

“Hôm qua tui thấy Tôby đi ngang, tui hò nó: “Nì nhọ, ghé vô ngồi chơi một nhát!” Cụ phải thấy nó nhìn tui dư thế nào, mà thậm chí nó cũng chả nói gì nữa cơ! Cụ đoán là thế nào hỉ?” Bác vĩ cầm hỏi cụ làm vườn. Cụ làm vườn chịu không biết, và cả hai bèn đến hỏi Bel. “Cháu chả rõ nữa, Nếu anh í ốm hay làm sao thì phải hiểu chứ lị. Thôi cháu mặc kệ anh í, anh í làm đến là kỳ!” chị tuyên bố.

Cả đến me-xừ Uolơ cũng nhận thấy gã lái xe đáng tin cậy và dè dặt một cách đáng khen của mình dường như không giống mọi ngày. Ông ta hy vọng đó không phải là giai đoạn ủ bệnh của một dịch truyền nhiễm đang xảy ra ở địa phương mà cả hai thầy trò đều lăn vào chạy chữa, cho nên một hôm ông ta hỏi Kunta có thấy khó chịu trong người không. “Thưa không, me-xừ”, Kunta vội trả lời, cho nên me-xừ Uolơ không quan tâm thêm nữa, chừng nào gã lái xe vẫn đưa mình đến nơi đến chốn.

Kunta xao xuyến đến tận tâm can vì cuộc gặp gỡ với người Gana nọ và chính sự việc ấy khiến anh thấy rõ mình đã sa sút biết bao. Ngày lại ngày, năm này qua năm khác, anh đã trở nên kém kiên cường, cam phận hơn cho tới khi, rốt cuộc, anh đã quên mất mình là ai – mà thậm chí cũng không nhận ra điều đó nữa. Đành rằng anh đã đi đến chỗ hiểu hơn và hòa hợp hơn với bác vĩ cầm, cụ làm vườn, Bel và những người da đen khác, song giờ đây, anh biết rằng anh sẽ không bao giờ thực sự là một người thuộc bọn họ được, cũng như họ không thể giống anh. Thực vậy bên cạnh người Gana kia, cả bác vĩ cầm, cả ông lão làm vườn, và cả Bel giờ đây đều làm Kunta bực bội. Anh vui mừng thấy họ lánh xa anh. Ban đêm, nằm trên ổ, lòng anh quằn quại, vò xé bởi cảm giác phạm tội và xấu hổ về những điều anh đã để xảy đến với bản thân. Cái hồi anh thường hay thức giấc đột ngột trong căn lều này, bật lên ngồi thẳng dậy, bàng hoàng phát hiện ra là mình không ở Jufurê, thời ấy anh vẫn còn là một người Phi, nhưng lần cuối cùng xảy ra như vậy cách đây bao năm rồi. Cái hồi mà những hồi ức về đất nước và nhân dân Găm bia là điều duy nhất nâng đỡ anh, thời ấy anh vẫn còn là một người Phi, nhưng bây giờ có khi hàng mấy tháng, anh không hề nghĩ đến Jufurê lấy một lần. Vào những năm đầu, khi mà mỗi tổn thương mới đến khiến anh quỳ gối cầu xin Chúa Ala ban cho sức mạnh và sáng suốt để hiểu ngọn ngành, cái thời ấy anh vẫn còn là một người Phi; đã bao lâu rồi kể từ khi anh cầu Chúa Ala cho đúng phép tắc?

Việc anh học nói tiếng tubốp – anh hiểu ra là thế - đã đóng một vai trò lớn trong chuyển biến đó. Hàng ngày chuyện trò bằng thứ tiếng ấy, thậm chí họa hoằn anh mới nghĩ đến những từ ngữ Manđinka, trừ những tiếng vẫn còn bám chắc vào đầu anh vì một lý do nào đó. Thực vậy, đến nay – Kunta giận giữ nhìn thẳng vào sự thật đó – anh thậm chí nghĩ bằng tiếng tubốp nữa. Trong vô số điều anh làm cũng như nói và nghĩ, kiểu cách Manđinka của anh đã dần dần nhường chỗ cho kiểu cách của những người da đen cùng sống với anh. Điều duy nhất anh cảm thấy còn có thể tự hào tí chút là trong hai mươi vụ mưa, anh chưa bao giờ đụng đến thịt con “ủn ỉn”.

Kunta lục soát tâm trí, chắc hẳn cũng còn một phần nào khác của cái bản ngã ban đầu sót lại đâu đấy mà anh có thể tìm ra được. Và nó đây: anh vẫn giữ được phẩm cách. Qua tất cả mọi sự, anh đã mang phẩm cách của mình như đã từng mang những lá bùa xaphi để xua đuổi tà ma, một thời ở Jufurê. Anh nguyện với mình, giờ đây hơn bao giờ hết, phẩm cách phải trở thành tấm lá chắn giữa anh và tất thảy những người tự gọi là “nhọ”. Họ chẳng tự biết mình chút nào; họ chả biết gì về tổ tiên như anh đã từng được dạy dỗ từ hồi niên thiếu. Kunta điểm lại trong tâm trí tên tuổi các bậc tiền thân thuộc dòng họ Kintê từ thời thị tộc xưa ở nước Mali cổ qua các thế hệ ở Moritanya, rồi ở Găm bia, cho chí các bậc đàn anh, rồi đến bản thân anh, và anh nghĩ đến mọi thành viên cùng lứa kafô với anh, ai nấy đều hiểu biết kỹ lưỡng về tổ tiên mình như vậy.

Điều đó khiến Kunta nhớ tới các bạn thời thiếu niên. Thoạt đầu anh chỉ ngạc nhiên, nhưng rồi anh đâm choáng váng khi thấy mình không sao nhớ ra tên của họ. Diện mạo họ trở lại trong trí anh – cùng với hồi ức về họ, nào những khi chạy ào ra ngoài cổng làng như bày chim hát, líu lô hộ tống mọi du khách đi ngang qua Jufurê; nào khi lấy que ném những con khỉ chí cha chí chóe cho chúng thoăn thoắt ném trở lại, nào khi thi nhau xem đứa nào ăn được sáu quả soài nhanh nhất. Nhưng tha hồ cố gắng, Kunta vẫn không tài nào nhớ ra tên của họ thậm chí không nhớ được lấy một tên. Anh như thấy cả lứa kafô của mình tập hợp lại, cau mày nhìn anh.

Ở trong lều mình cũng như khi lái xe cho me-xừ, Kunta bóp óc nghĩ. Và cuối cùng từng tên một bắt đầu lần lượt hiện về: phải, Xitafa Xila – cu cậu này với Kunta xưa kia là bạn thân nhất! Rồi đến Kalilu Contê – anh chàng đã rình mò, đuổi bắt con vẹt theo lệnh của kintangô. Xêfô Kêla – anh chàng đã xin Hội đồng Bô lão cho phép làm bạn ngoài hôn thú với chị góa nọ.

Giờ đây, nét mặt của một số huynh trưởng bắt đầu hiện về và đồng thời, cả những cái tên mà anh tưởng đã quên từ lâu. Vị kintangô là Xila Ba Bípba! Vị trưởng tế là Kujali Đemba! Kunta nhớ lại lễ tốt nghiệp cho lứa kafô thứ ba, hôm đó anh đã đọc kinh Koran làu làu, cừ đến nỗi Ômôrô và Binta phấn khởi đem một con dê béo đến tạ arafang tên là Brima Xêxay. Việc nhớ lại được tất cả những con người đó khiến Kunta tràn đầy vui sướng – cho tới khi anh chợt nhớ rằng các bậc huynh trưởng đó giờ đây hẳn đã chết và các bạn cùng lứa kafô với anh ở Jufurê mà anh nhớ lại như là những chú bé, nay cũng đã bằng tuổi anh – và anh sẽ chẳng bao giờ gặp lại họ nữa. Lần đầu tiên trong bao năm, anh khóc ròng mãi đến khi ngủ lịm đi.

Mấy ngày sau trên tỉnh lỵ, một lái xe khác kể với Kunta rằng một số người da đen tự do trên mạn Bắc tự xưng là "Liên hiệp da đen" đã kiến nghị để tất cả người da đen - cả tự do lẫn nô lệ - hồi hương hàng loạt về Châu Phi. Chỉ nghĩ thế, Kunta đã phấn khởi, tuy anh vẫn dè bỉu rằng điều đó có thể không bao giờ xảy ra vì các me-xừ chẳng những đua nhau mua người da đen mà còn trả những giá cao hơn bao giờ hết. Tuy anh biết bác vĩ cầm hồ như thà ở lại Vơginia làm nô lệ còn hơn đi Châu Phi làm người tự do. Kunta vẫn muốn có thể bàn chuyện đó với bác, vì bác vĩ cầm dường như bao giờ cũng thông thạo mọi điều cần biết về những gì đang diễn ra ở bất cứ nơi nào, nếu như sự việc ấy có liên quan đến tự do.

Nhưng đã gần hai tháng, Kunta độc chỉ quàu quạu với bác vĩ cầm cũng như với Bel và ông lão làm vườn. Cố nhiên, không phải anh cần họ hoặc thậm chí ưa thích họ đến thế - nhưng cái cảm giác bị mắc cạn cứ tăng mãi lên trong anh. Đến lúc tuần trăng tiếp theo vừa khởi và anh ảo não bỏ một hòn sỏi nữa vào chiếc vỏ bầu, Kunta cảm thấy cô đơn khôn xiết tả, tựa hồ anh đã tách rời mình ra khỏi thế giới.

Lần sau trông thấy bác vĩ cầm đi qua, Kunta lấp lửng, gật đầu với bác, nhưng bác vĩ cầm vẫn bước tiếp như không trông thấy ai. Kunta vừa giận vừa bối rối. Ngày hôm sau anh và ông lão làm vườn trông thấy nhau cùng một lúc và vẫn đi như thường không lỡ bước nào, ông già rẽ sang hướng khác. Vừa phật ý vừa chua xót – và với một cảm giác phạm lỗi mỗi lúc một tăng – đêm ấy, Kunta đi đi lại lại trong lều hàng giờ liền. Sáng hôm sau, ráng hết sức tự chủ, anh tập tễnh ra ngoài và đi xuôi xóm nô đến cửa căn lều cuối từng đã thân thuộc một thời. Anh gõ cửa.

Cửa mở. "Muốn gì?" bác vĩ cầm lạnh lùng hỏi.

Bối rối nuốt khan đánh ực, Kunta nói: "Nhân tiện tui đi qua ghé vào".

Bác vĩ cầm nhổ toẹt xuống đất "Nè nhọ, bi giờ nghe tau nói nhá, Tau mí Bel, mí ông già đã bàn về mầy. Và tất cả bọn tau nhất trí rằng nếu có cái gì bọn tau không chịu nổi, thì đó là một thằng nhọ tính khí thất thường". Bác nhìn Kunta chằm chằm "Tất cả cái không ổn mí mầy là dư thế! Mầy không ốm mà cũng chẳng làm sao cả"

Kunta đứng nhìn xuống mũi giày. Một lúc sau, cái nhìn của bác vĩ cầm dịu đi và bác ta bước né sang bên. "Mầy đã đến đây, thì vào đi. Dưng tau nói để mầy biết mầy còn giở rắm giở thối ra lần nữa thì chẳng ai thèm nói mí mầy cho đến khi mầy già bằng ông Bành tổ!"

Nuốt giận và tủi nhục, Kunta bước vào lều và ngồi xuống; và sau một hồi im lặng tưởng như bất tận giữa hai người – mà hiển nhiên là bác vĩ cầm không hề có ý định chấm dứt – Kunta cố cưỡng mình nói đến chuyện kiến nghị hồi hương về Châu Phi. Bác vĩ cầm hờ hững nói là bác đã biết từ lâu và không có li leo ông cụ khả năng nào để chuyện đó thành sự thật được.

Thấy vẻ phật ý của Kunta, bác vĩ cầm dường như dịu đi một chút. "Để tau nói cái này tau cuộc là mầy chưa được nghe. Trên mạn Bắc ở Niu Yóoc, có cái gọi là Hội giải phóng nô lệ, nó mở một trường cho các nhọ tự do muốn học đọc học viết và mọi thứ nghề".

Kunta thấy bác vĩ cầm lại trò chuyện với mình như cũ thì sung sướng nhẹ cả người đến nỗi hầu như không nghe thấy ông bạn già nói gì. Mấy phút sau, bác vĩ cầm ngừng nói một lát và ngồi nhìn Kunta, vẻ dò hỏi.
"Mầy có nghe tao nói không?" cuối cùng bác hỏi.
"Hả?" Kunta nói, từ nãy đến giờ anh vẫn triền miên suy nghĩ.
"Tau hỏi mầy một câu từ năm phút rồi".
"Xin lỗi tui đang mải nghĩ"
"Thôi được, vì mầy không biết đường mà lắng tai nghe, để tau bày cách cho mầy". Bác ngồi trở lại và khoanh tay.
"Bác có tiếp tục điều bác đang nói không?" Kunta hỏi.
"Bi giờ tau quên mất tau vừa nói gì rồi. Mầy có quên cái mầy vừa nghĩ không?"
"Cái í không quan trọng đâu. Chỉ là một chuyện làm tui bận óc thôi mà."

“Tốt hơn là gạt phăng nó đi cho khỏi nhức đầu – hay là, nói tau hay”.
“Tui không nói được.”
“Hừ!” bác vĩ cầm nói làm ra vẻ xúc phạm. “Nếu mầy nghĩ cách í…”
“Không can hệ đến bác đâu. Chuyện riêng thôi mà”

Một tia sáng bắt đầu nhoe nhoe lên trong mắt bác vĩ cầm. Khoan hẵng nói! Chuyện về một con lền bà phải không?”
“Không có gì dư thế mà!” Kunta nói, mặt đỏ bừng luống cuống. Anh ngồi đực ra nín thinh một lúc, rồi đứng dậy và nói “Thôi, tui muộn giờ làm rồi, để tui gặp bác sau nhá. Cám ơn bác đã nói chuyện với tui”.
“Đương nhiên phải thế. Khi nào mầy cần chuyện trò dăm ba câu thì cứ bỉu tau”.

Làm sao mà bác ấy lại biết nhỉ? Kunta tự hỏi mình trên đường đến chuồng ngựa. Và tại sao bác ta cứ gặng hỏi, ép anh nói về cái đó? Thậm chí Kunta có để cho mình nghĩ đến cái đó cũng chỉ là hết sức miễn cưỡng. Song gần đây, xem chừng anh hầu như không thể nghĩ đến chuyện gì khác. Cái đó có liên quan đến lời khuyên nhủ của ông già Gana về việc trồng hạt giống của anh.

Chương 63

Từ lâu trước khi gặp bác nhạc công người Gana, Kunta đã nhiều lần có một cảm giác trống tuênh trống toang bất kỳ lúc nào anh nghĩ về cái điều là nếu còn ở Jufurê thì giờ đây, anh hẳn đã có ba, bốn thằng con trai – cùng với người vợ đã đẻ chúng ra. Cái nguyên nhân thông thường khuấy lên những suy nghĩ đó là, vào khoảng mỗi tuần trăng một lần, Kunta lại thấy một giấc mơ mà bao giờ anh cũng choàng thức giấc đột ngột trong đêm tối, hết sức bối rối về cái chất dính nháp nong nóng vừa phọt ra từ fôtô anh vẫn còn cứng đơ. Sau đó nằm thao thức, anh ngẫm ngợi hoài, nghĩ về một người vợ thì ít mà chủ yếu về một điều anh biết là hiếm thấy một xóm nô nào mà ở đó một đôi nam nữ thương nhau không bắt đầu đơn giản bằng cách chung sống luôn với nhau trong căn lều nào tốt hơn.

Có nhiều lý do khiến Kunta không muốn nghĩ đến cái mục đôi vợ chồng phải nhảy qua cán chổi 28 một tục lệ mê tín trong các đám cưới), trước chuyện lấy vợ. Một là, chuyện đó hình như lại bao gồm mặt các người làm chứng ở xóm nô, điều mà Kunta thấy lố bịch đối với một dịp long trọng như vậy. Trong một số trường hợp được nghe kể lại, có những gia nhân sủng ái được đưa đến trước một nhà truyền giáo da trắng nào đó, nhắc đi nhắc lại những lời thề nguyền, với sự chứng kiến của me-xừ và bà đầm, nhưng đấy là một nghi thức vô đạo. Nếu muốn cưới ai theo bất cứ cách nào gọi là nghe tạm được, đối với một người Manđinka thì tuổi thích đáng của cô dâu phải là từ mười bốn đến mười sáu vụ mưa, còn chú rể thì khoảng ba mươi. Và trong những năm anh ở trên đất người da trắng, Kunta chưa hề thấy một nữ da đen nào từ mười bốn đến mười sáu tuổi – hoặc thậm chí từ hai mươi đến hai lăm – mà anh không coi là vừa đần độn ngu si vừa hay cười đú đớn vô lối; đặc biệt vào những ngày chủ nhật hay trong những dịp hội hè, các cô ả lại đánh phấn bôi môi khiến anh thấy càng giống đám người nhảy tang ma ở Jufurê thường trát tro đầy người.

Còn như đám phụ nữ từ hai mươi đổ lên mà Kunta đã đi đến chỗ quen biết, phần đông đều là đầu bếp ở các đại sảnh đường, nơi anh thường đánh xe cho me-xừ Uolơ tới, chẳng hạn như Liza ở Enfin. Thực tế, trong tất cả bọn họ, Liza là người duy nhất mà anh muốn gặp. Chị ta không có bạn và với Kunta, chị đã để lộ những dấu hiệu tỏ rõ nỗi mong muốn – nếu không phải là khao khát bồi hồi – được gắn bó chặt chẽ hơn nhiều, nhưng anh chưa bao giờ đáp lại, mặc dầu vẫn thầm nghĩ tới điều đó. Hẳn anh sẽ xấu hổ đến chết nếu như, cách nào đó, chị có thể ngờ ngợ đoán, dù chỉ hơi mang máng, rằng chính vì mơ thấy chị mà hơn một lần, anh tỉnhdậy với cái chất dinh dính kia.

Giả dụ - ấy là nói giả dụ thôi – anh lấy Liza làm vợ, Kunta nghĩ. Thế có nghĩa là, giống như bao cặp vợ chồng khác, họ sẽ phải sống riêng rẽ, mỗi người ở đồn điền của ông chủ mình. Thường thường, chiều thứ bảy, người đàn ông được cấp giấy thông hành để đi thăm vợ, chừng nào anh ta nhất nhất trung thành trở về trước buổi tối chủ nhật để nghỉ ngơi sau cuộc hành trình thường thường là xa, trước khi trở lại làm việc vào sáng sớm thứ hai. Kunta tự bảo là anh không muốn có vợ không sống cùng một chỗ với mình. Và anh tự nhủ vấn đề thế là giải quyết xong.

Song tâm trí anh, tựa hồ như tự động, vẫn tiếp tục nghĩ về chuyện đó. Do tính tình Liza bẻo lẻo nói luôn miệng, át hết tất cả, mà anh thì lại thích có nhiều thì giờ được yên tĩnh một mình, cho nên việc họ chỉ được gặp nhau vào cuối tuần có lẽ lại là một điều hay. Và nếu anh lấy Liza thì không lẽ nào họ lại phải sống như bao cặp vợ chồng da đen khác luôn luôn sợ một trong hai người, hoặc cả hai, có thể bị đem bán, vì xem ra me-xừ rất hài lòng về anh, còn Liza thuộc sở hữu của cha mẹ me-xừ, rõ ràng họ cũng quý chị. Với quan hệ gia đình như thế, chắc không thể nào xảy ra cái kiểu va chạm đôi khi kéo giằng hai ông chủ vào cuộc, thậm chí đôi khi khiến một hoặc cả hai me-xừ đi đến chỗ cấm cuộc hôn nhân nữa.

Mặt khác, Kunta nghĩ…anh cứ lật đi lật lại hoài trong đầu vấn đề này. Nhưng dù anh có nghĩ ra bao nhiêu lý do hoàn toàn vững để lấy Liza, vẫn có một cái gì ngăn lại. Rồi một đêm, trong khi nằm trên giường cố ngủ đi, điều đó bật ra trong trí anh như một tiếng sét! – có một người đàn bà khác mà anh có thể cân nhắc.

Bel.

Anh nghĩ có dễ mình điên chăng. Chị ta gần gấp ba cái tuổi thông thường – có lẽ đến ngoài bốn mươi vụ mưa. Nghĩ gì mà khó nghe vậy.

Bel.

Anh cố hất chị ra khỏi tâm trí. Chị đã lọt vào đó chỉ vì anh đã biết chị quá lâu, anh tự nhủ vậy. Thậm chí, anh chẳng bao giờ nằm mơ thấy chị. Anh hằm hằm nhớ lại cả loạt những sỉ nhục và bực bội chị ta đã gây ra cho anh. Anh nhớ

lại chị ta vẫn có cái thói gần như là xập cửa vào mặt anh như thế nào mỗi khi anh mang rổ rau đến bếp cho chị. Rõ nét hơn nữa, anh nhớ lại cái thái độ phẫn nộ của chị khi anh bảo nom chị giống người Manđinka; chị ta là một kẻ vô đạo. Hơn nữa, nói chung, chị ta hay lý sự và lên mặt bà chủ. Và chị ta lắm mồm quá.

Nhưng anh không thể không nhớ lại hồi anh nằm liệt chỉ muốn chết, hằng ngày chị đã đến thăm anh năm, sáu bận như thế nào, chị đã chăm sóc nuôi nấng anh như thế nào, thậm chí lau sạch cứt đái anh bậy lên chính người anh, và mớ thuốc lá của chị đã chữa cho anh dứt cơn sốt như thế nào. Chị lại có sức vóc và khoẻ mạnh. Và chị biết nấu vô số thứ ngon lành trong những nồi niêu xoong chảo đen xì.

Càng thấy chị khá hơn, anh lại càng cục cằn với chị bất cứ khi nào anh phải đến nhà bếp và càng muốn bỏ đi cho mau, khi đã nói để chị rõ mình đến để làm gì. Chị đăm đăm nhìn anh rút lui, thậm chí còn lạnh lùng hơn trước.

Một hôm, sau một lát trò chuyện với ông lão làm vườn và bác vĩ cầm và rất từ từ lái câu chuyện xoay xung quanh Bel, Kunta cảm thấy mình đã lấy đúng cái sắc điệu thản nhiên vừa phải khi anh nói: "Chị ta ở đâu trước khi đến đây nhỉ?" Nhưng tim anh thót lại khi hai người kia lập tức ngồi thẳng lên và nhìn vào anh, cảm thấy có cái gì thoảng trong không.

"À", sau một phút, ông lão làm vườn nói, "não nhớ nà nó đến đây tước cháu độ hai năm. Dưng nó chả bao giờ nói gì nhìu về mình. Thành thử não cũng chả biết gì nhìu hơn cháu".

Bác vĩ cầm nói Bel cũng chẳng kể với bác về quá khứ của chị bao giờ.

Kunta không sao xác định thật đúng ở vẻ mặt của họ có cái gì khiến anh bực mình. À phải, anh thấy ra rồi: đó là cái lối dương dương tự đắc.

Bác vĩ cầm gãi gãi tai phải. "Thật cũng ngộ là mầy hỏi về Bel vào lúc nầy", bác vừa nói vừa hất đầu về phía cụ làm vườn, "bỉ chưng tau mí cụ í cũng vừa bàn về cả hai đứa mầy cách đây không lâu". Bác thận trọng nhìn Kunta.

"Bọn não vừa nói xem ra hai cháu đứa nọ cần có đứa kia đấy", cụ làm vườn nói.

Phật ý, Kunta ngồi há hốc mồm, nhưng không thốt ra được tiếng nào.

Vẫn gãi tai, bác vĩ cầm coi bộ đến là ma mãnh. "Àu, cái mồng nó to tướng, phần đông các anh lền ông không đủ sức xài"

Kunta cáu tiết mở miệng nói, nhưng ông lão làm vườn cắt ngang, và hỏi độp một cái: "Này chứ, đã bao nhiêu nâu cháu chưa đụng đến nền bà?"

Kunta nhìn gườm gườm. "Chí ít cũng hai mươi năm!" bác vĩ cầm kêu lên.

"Trời, lạy Chúa!" ông lão gác vườn nói. "Tốt hơn nà cháu hãy kiếm nấy một món kẻo rồi héo khô mất đấy!"

"Nó đỏ rừ mặt lên kìa", bác vĩ cầm châm vào. Không đủ sức nói nên lời nhưng vẫn đủ sức tự kiềm chế một lúc nữa, Kunta bật dậy và giậm chân sầm sầm đi ra. "Mầy đừng có lo!" bác vĩ cầm với theo. "Rồi mầy sẽ không héo mãi được với cái con í đâu!".

Chương 64

Trong mấy ngày tiếp theo, hôm nào không phải đánh xe đưa me-xừ đi đâu, Kunta dành cả sáng lẫn chiều để tra dầu mỡ và lau chùi xe. Vì anh ở ngay ngoài chuồng ngựa trước mắt mọi người, nên không ai có thể bảo là anh lại tự biệt lập, nhưng đồng thời công việc này khiến anh luôn bận rộn, không còn thì giờ đâu mà chuyện trò với bác vĩ cầm và ông già làm vườn – mà anh vẫn còn bực vì những điều họ nói về anh và Bel.

Việc tách riêng một mình còn cho anh nhiều thời gian hơn để phân loại những tình cảm của anh đối với chị. Những lúc nghĩ đến điều gì anh không ưa ở chị, chiếc giẻ lau trong tay anh lại loang loáng cọ như điên vào lớp da bọc, và lúc nào cảm nghĩ về chị ưu ái hơn, thì nó khoan thai và sảng khoái chuyển động trên mặt ghế, thi thoảng gần như dừng lại khi tâm trí anh vấn vương với một ưu điểm nào đó khiến không ai giận được chị. Bất kể chị có những khuyết điểm gì đi nữa, anh vẫn phải thừa nhận rằng trong những năm vừa qua, chị đã làm rất nhiều vì những lợi ích tốt đẹp nhất của anh. Anh cảm thấy chắc chắn rằng thậm chí Bel đóng một vai trò kín đáo trong việc gợi cho me-xừ chọn anh làm lái xe. Rõ ràng là theo lối tinh tế của mình, Bel có ảnh hưởng đối với me-xừ hơn bất kỳ ai khác ở đồn điền, hoặc có lẽ hơn cả tất thảy mọi người cộng lại. Và một loạt những điều vụn vặt hơn diễu qua trong óc Kunta. Anh nhớ lại một lần, khi anh còn làm vườn, Bel để ý thấy anh luôn luôn rụi mắt trong cơn ngứa đến phát điên. Chẳng nói chẳng rằng, một buổi sáng, chị ra vườn mang theo mấy cái lá rộng còn ướt sương và rũ cho những hạt sương đó giỏ vào mắt anh, chẳng bao lâu liền hết ngứa.

Chẳng phải anh bớt gay gắt đi chút nào đối với những điều anh không đồng tình ở Bel, nghĩ vậy, chiếc khăn lau lại tăng tốc độ - đặc biệt anh nhớ đến thói quen đáng tởm của chị là hút thuốc lá bằng ống điếu. Càng chướng tai gai mắt hơn nữa, là cái cách nhảy múa của chị mỗi khi có dịp hội hè đình đám trong đám người da đen. Anh không nghĩ rằng phụ nữ không nên nhảy múa, song có nhảy thì cũng nên một vừa hai phải thôi, đừng có cuồng nhiệt quá. Điều làm anh khó chịu là Bel dường như vượt ra ngoài khuôn khổ với cái lối ngoáy mông mà anh chắc đó là lý do khiến bác vĩ cầm và ông lão làm vườn đã nói những điều về chị trong bữa trước. Cố nhiên bộ mông của Bel chả dính dáng gì đến anh; anh chỉ muốn chị tỏ ra tự trọng hơn chút nữa – và luôn thể, tôn trọng anh cùng những người đàn ông khác hơn chút nữa. Cái miệng lưỡi của chị, anh cảm thấy thế, còn nanh nọc hơn cả bà già Nyô Bôtô nữa kia. Anh không phản đối cái tính hay chỉ trích vạch vòi của chị nếu chị giữ những ý kiến chỉ trích cho riêng mình, hoặc trong đám phụ nữ tụ họp với nhau như kiểu ở Jufurê.

Khi Kunta lau xong xe, anh bắt đầu tra dầu mỡ, đánh bong các đồ thắng đai bằng da, và trong khi làm việc này, vì một lý do nào đấy, anh bỗng nhớ đến những ông già ở Jufurê thường hay đẽo các đồ vật bằng những khúc gỗ như cái phiến gỗ hồ đào cao bằng đầu gối anh đang ngồi đây. Anh hình dung lại các cụ thoạt tiên chọn lựa rất cẩn thận, rồi xem xét kỹ lưỡng một khúc gỗ nào đó thật khô trước khi đụng rìu, đụng dao vào.

Kunta đứng dậy và lật khúc gỗ hồ đào nằm ngang ra làm lũ dán ở dưới chạy tán loạn. Sau khi xem xét thật kỹ cả hai đầu khúc gỗ, anh lăn đi lăn lại, lấy một thanh sắt gõ vào nhiều chỗ khác nhau, đều nghe thấy cùng một tiếng khô giòn chắc nịch. Anh thấy cái phiến gỗ hảo hạng này để nằm trơ đây thì chẳng có ích lợi gì. Rõ ràng nó có mặt ở chỗ này chỉ vì một người nào đó đã đặt nó ở đó từ lâu và không ai buồn di chuyển nó đi. Nhìn quanh cho chắc chắn là không có ai theo dõi, Kunta lăn nhanh khúc gỗ về lều mình, dựng đứng nó trong một góc, đóng cửa lại và quay về làm việc.

Đêm ấy, sau khi đưa me-xừ trở về từ một chuyến đi lên tỉnh tưởng như bất tận, Kunta thấy không thể ngồi ăn cho hết bữa tối trước khi ngắm nghía khúc gỗ hồ đào thêm một lần nữa, cho nên anh mang luôn thức ăn về lều. Thậm chí không buồn để ý xem mình đang ăn gì, Kunta ngồi bệt xuống sàn trước khúc gỗ và xem xét nó trong ánh nến chập chờn ở trên bàn. Anh thấy hiện lên trong trí cái cối và cái chày do Ômôrô đẽo cho Binta, đã mòn nhẵn đi qua bao nhiêu lần nghiền giã ngô.

Những khi me-xừ Uolơ không cần đi đâu, Kunta bắt đầu lấy một cái rìu sắc chặt chặt đẽo đẽo khúc gỗ, rập rạp thành hình vành ngoài của một cái cối giã ngô – gọi là để tiêu thì giờ rỗi rãi mà thôi, theo như anh tự nhủ mình. Đến ngày thứ ba, với một cái búa và một cái đục, anh khoét lòng trong cối, cũng mới tàm tạm qua loa, rồi bắt đầu lấy dao đẽo gọt.

Sau một tuần, Kunta ngạc nhiên thấy các ngón tay mình thoăn thoắt cử động xiết bao khéo léo, bởi lẽ phải xét thấy rằng đã hơn hai chục vụ mưa rồi, anh không được xem các già làng chạm khắc đồ dùng.

Khi đẽo xong cả trong lẫn ngoài cối, anh kiếm một cành hồ đào khô già thẳng băng, to bằng cánh tay anh, chẳng mấy chốc đã biến thành cái chày. Đoạn anh bắt tay vào làm nhẵn phần trên của cái cán, mới đầu bào bằng dũa, rồi bằng dao và cuối cùng bằng một mảnh kính.

Xong xuôi đâu đấy, cả cối lẫn chày được đặt trong một góc lều của Kunta khoảng hai tuần nữa. Thỉnh thoảng anh lại ngắm nghía, bụng nghĩ là giá có đặt nó trong bếp của mẹ mình ắt cũng xứng đáng, chẳng hề lạc lõng tí nào. Nhưng giờ đây, hoàn thành rồi, anh phân vân không biết làm gì với nó, chí ít đó cũng là điều anh tự nhủ với mình. Thế rồi, một buổi sáng, thực bụng không hề nghĩ tại sao mình lại làm thế, Kunta cầm lấy bộ cối, chày, mang theo mình khi anh đến hỏi lại Bel xem me-xừ sáng nay có định đi đâu không. Kunta đợi cho chị sây lưng lại và chợt thấy mình đặt cối, chày lên bậc cửa, rồi quay phắt bỏ đi thật nhanh. Khi tai Bel thoáng thấy tiếng bịch nhè nhẹ khiến chị quay người lại, mới đầu chị trông thấy Kunta tập tễnh lảng đi, còn hối hả hơn cả mọi khi, rồi chị nhìn thấy cái cối và cái chày trên bậc cửa.

Đi ra cửa, chị ngó theo Kunta cho đến khi anh khuất bóng, đoạn mở rộng cánh cửa và nhìn xuống bộ cối giã, chị sững cả người. Nhấc bộ cối lên mang vào trong bếp, chị kinh ngạc ngắm nghía những đường chạm khắc công phu, rồi chị bắt đầu khóc.

Đây là lần đầu tiên trong hai mươi năm chị ở đồn điền Uolơ, có một người đàn ông tự tay làm một cái gì cho chị. Chị thấy trào lên trong lòng cái cảm giác phạm lỗi về cách chị đối xử với Kunta và chị nhớ lại gần đây bác vĩ cầm và ông lão làm vườn đã có thái độ đến kỳ cục khi chị phàn nàn với họ về anh. Hẳn họ đã biết chuyện này – song chị không dám chắc vì chị biết Kunta vốn kín miệng và dè dặt như thế nào theo cái tác phong Phi châu của anh.

Bel bối rối không biết nên nghĩ như thế nào – hoặc nên cư xử như thế nào vào lần tới, khi anh đến hỏi lại về chuyện đi đứng của me-xừ sau bữa trưa. Chị lấy làm mừng ít ra cũng còn nốt buổi sáng để quyết định thái độ về chuyện này. Trong khi đó, Kunta ngồi trong lều riêng, cảm thấy như mình là hai người, một lấy làm nhục nhã hết sức vì cái điều rồ dại và lố bịch mà người kia vừa làm – đã thế lại còn phấn khởi và sung sướng hồ như mê cuồng lên về điều đó. Cái gì đã khiến anh làm thế? Chị ta sẽ nghĩ thế nào? Anh thấy sợ phải trở lại bếp sau bữa trưa.

Cuối cùng, tới giờ đó, Kunta lụi hụi lê bước dọc lối đi như thể đang ra pháp trường. Khi thấy bộ cối, chày đã biến khỏi bậc cửa sau bếp, tim anh cùng một lúc vừa nhảy lên vừa thót xuống. Tới chỗ cửa chắn gió, anh thấy là chị đã để nó ngay bên trong, như cách chưa rõ tại sao Kunta lại bỏ nó ở đó. Quay lưng lại khi anh gõ cửa – làm như không nghe thấy anh đi tới – chị cố tỏ ra bình tĩnh khi rút then và mở cửa cho anh vào. Đó là một dấu hiệu xấu; đã mấy tháng rồi, chị không hề mở cửa cho anh. Nhưng anh thì lại muốn vào; tuy nhiên, anh không thể ra mặt đi bước trước này để làm lành. Chôn chân ở chỗ mình đứng, anh thản nhiên hỏi về me-xừ, và Bel, giấu nỗi tổn thương tình cảm và bối rối của mình, cố trả lời cũng với vẻ thản nhiên như thế, rằng me-xừ nói chiều nay không định đi đâu bằng xe cả. Khi Kunta quay lưng định đi, chị nói thêm, lòng khấp khởi hy vọng. "Me-xừ viết thư suốt ngày". Tất cả những gì Bel đã nghĩ sẵn định nói bay biến khỏi đầu và khi anh lại quay lưng định đi, chị nghe thấy miệng mình buột ra "Cái gì đây?", đồng thời khoát tay về phía cái cối và cái chày.

Kunta ước gì mình ở bất cứ nơi nào khác trên trái đất. Nhưng cuối cùng, anh trả lời gần như giận dữ: "Để cho đằng í giã ngô mà". Bel nhìn anh với những niềm xúc động xáo trộn giờ đây lộ rõ trên nét mặt. Nắm lấy sự im lặng giữa đôi bên làm cớ để tháo lui, Kunta quay gót và hấp tấp đi, không nói thêm lời nào. Bel đứng sững đó, cảm thấy mình như kẻ ngây dại.

Trong hai tuần sau, ngoài việc chào hỏi nhau, không ai nói với ai điều gì. Rồi một hôm, ở ngay cửa bếp, Bel đưa cho Kunta một ổ bánh ngô tròn. Lầm rầm cảm ơn, anh mang về lều và ăn ngay chiếc bánh đẫm những bơ và còn nóng nguyên vừa lấy ra khỏi chảo. Anh xúc động sâu sắc. Chắc chắn là chị đã làm bánh bằng bột giã trong chiếc cối anh cho chị. Nhưng ngay cả trước đó, anh đã quyết định phải nói chuyện với Bel. Khi đến hỏi công việc sau bữa trưa, anh gắng gượng nói cái câu anh đã ôn đi ôn lại cẩn thận và thuộc lòng: "Đây muốn nói mới đấy một câu sau khi ăn tối". Bel không trì hoãn câu trả lời quá lâu. "Đây thì thế nào cũng được", chị nói quá vội, đâm tiếc.

Đến giờ ăn tối, Kunta đã đi đến chỗ tự khiến mình lo ngại bồn chồn. Tại sao chị lại nói thế? Có thật chị dửng dưng như vẻ bề ngoài không? Và nếu đúng vậy, tại sao chị lại làm bánh ngô cho anh? Anh cần phải hỏi chị cho ra nhẽ. Nhưng cả anh lẫn Bel đều quên không hẹn đích xác gặp nhau vào lúc nào hoặc ở đâu. Hẳn chị muốn anh gặp chị ở lều của mình, cuối cùng anh khẳng định vậy. Song anh lại hết sức mong muốn có một ca bệnh đột xuất vời đến me-xừ Uolơ. Khi không có gì và biết không thể trì hoãn thêm được nữa, anh thở một hơi thật sâu, mở cửa lều và làm ra bộ thản nhiên, đi nhẩn nha đến chỗ chuồng ngựa. Trở ra ngoài, tay vung vẩy một bộ thắng đái mà anh cho là có thể thoả mãn sự tò mò của bất kỳ người nào tình cờ trông thấy anh và thắc mắc tại sao anh lại quanh quẩn ngoài ấy, Kunta sải bước xuôi xóm nô tới lều Bel và nhìn quanh cho chắc chắn là không có ai – rất sẽ sàng gõ cửa.

Cửa mở ra gần như trước khi khớp đốt ngón tay anh kịp chạm vào mặt gỗ và Bel lập tức bước ra ngoài. Liếc nhìn bộ thắng đái, rồi nhìn Kunta, chị không nói gì – và khi thấy anh cũng lặng thinh, chị bắt đầu chậm rãi đi về phía hàng rào đằng sau; anh sánh bước bên cạnh chị. Vầng trăng nửa vành bắt đầu lên và trong ánh trăng mờ nhạt, họ đi bên nhau không nói một lời. Khi một cây leo bò sát mặt đất vướng vào chiếc giày bên chân trái anh, Kunta vấp rúi – vai anh chạm sượt vào người Bel – và anh gần như vùng ra. Vắt óc tìm một điều gì – bất kỳ điều gì – để nói, anh bỗng cuồng nhiệt ước gì mình đang đi với ông già làm vườn hay bác vĩ cầm, hay thực tế là bất kỳ ai trừ Bel.

Cuối cùng, chính chị đã phá vỡ im lặng. Chị đột ngột nói: "Người da trắng đã đưa tướng Uosinhtơn ra tuyên thệ làm Tổng thống đấy". Kunta những muốn hỏi chị thế là thế nào nhưng lại thôi, hy vọng là chị tiếp tục nói. "Và một me-xừ khác tên là Jon Ađơmz là Phó tổng thống", chị nói tiếp.

Phân vân , anh cảm thấy mình cần nói điều gì để duy trì câu chuyện. Cuối cùng, anh nói: "Hôm qua đây đánh xe cho me-xừ đến thăm con bé của anh trai me-xừ", và lập tức cảm thấy mình ngố vì anh thừa biết là Bel đã biết chuyện đó rồi.

"Lạy Chúa, me-xừ quý con bé í thật!" Bel nói cảm thấy dơ, vì lần nào nhắc đến Mămzen An, chị cũng chỉ nói độc có thế. Im lặng lại sâu thêm chút nữa, rồi chị nói tiếp. "Đây chẳng biết đấy hiểu ngần nào về anh trai me-xừ. Ông í là thư ký toà Thị chính Xpotxylvanya, dưng mà chẳng có đầu óc dư me-xừ của ta đâu", Bel lặng lẽ đi mấy bước nữa. "Đây cứ luôn dỏng tai chộp dững chuyện vặt hở ra. Đây biết vô khối chuyện, biết nhiều hơn người ta tưởng cơ".

Chị đưa mắt nhìn Kunta "Đây chả bao giờ thiết cái me-xừ Jon đâu – và đây chắc đấy cũng thế - dưng có một điều đấy cần biết về ông í, mà đây chưa kể cho đấy nghe bao giờ. Không phải ông í sai chặt chân đấy đâu. Thực ra, ông í đã nổi cáu với bọn cặn bã da trắng mạt hạng làm việc í. Ông í thuê bọn nó đem chó lùng bắt đấy, và bọn nó biểu duyên do bọn nó làm thế là vì đấy định giết một đứa trong bọn bằng một hòn đá". Bel ngừng một lát. "Đây còn nhớ như mới ngày hôm qua quận trưởng cảnh sát Brúc hộc tốc mang đấy tới cho me-xừ của ta". Dưới ánh trăng, Bel nhìn Kunta. "Đấy gần như sắp chết, me-xừ biểu vậy. Me-xừ điên tiết lên khi me-xừ Jon biểu không cần đến đấy nữa vì đấy mất chân rồi, me-xừ thề là sẽ mua đấy của me-xừ kia và me-xừ làm thế thật. Đấy đã xem đích bản chứng thư me-xừ mua đấy. Me-xừ lấy một cái trại lớn cùng với đấy, trừ tiền ông anh trai nợ me-xừ. Đó là cái trại to có cái đầm ở ngay chỗ đường cái lượn quanh, đấy vẫn đi qua luôn í mà".

Kunta nhớ ra ngay cái trại. Anh có thể hình dung ra cái đầm và những cánh đồng bao quanh. "Dưng mà dững vụ giao dịch í chả can hệ gì, vì tất cả dững người trong gia đình Uolơ rất là khăng khít", Bel nói tiếp. "Họ nằm trong số những gia đình lâu đời nhất ở Vơginia. Thực đấy, ngay cả trước khi vượt biển sang đây, họ đã là một gia đình lâu đời ở cái nước Anh. Có đủ các thứ "Ngài" và vân vân, tất cả đều thuộc Giáo hội Anh quốc. Có một người làm thơ, tên là me-xừ Etmơn Uolơ. Em trai ông í, me-xừ Jon Uolơ, là người đến đây trước nhất. Ông mới mười tám tuổi, đây nghe me-xừ kể lại thế, khi vua Tsáclơ Đệ nhị nào đó cho ông một miếng đất lớn ở chỗ bi giờ là hạt Kent".

Trong khi Bel nói, họ chậm bước lại nhiều và Kunta rất bằng lòng thấy chị chuyện trò luôn miệng, tuy anh đã nghe một số đầu bếp khác của gia đình Uolơ kể ít nhất là một đôi điều chị đang nói, cho dù anh sẽ chẳng bao giờ để chị biết thế.
"Quanh quẩn thế nào rồi cái me-xừ Jon Uolơ í lại lấy một mămzen Ki, rồi họ xây cái tư thất Enfin mà đấy vẫn đưa me-xừ đến thăm bố mẹ í. Và họ có ba con giai, đặc biệt Jon-thứ-hai là con út thì vô số chức vị - làm quận trưởng cảnh sát đọc luật vanh vách, rồi vào viện Dân biểu, lại góp công lập nên Fvidirichbơg và tập hợp thành hạt Xpotxylvanya. Chính me-xừ í và bà đầm Đôrôthy đã xây cái tư thất Niupo và hai vợ chồng được sáu người con. Và cố nhiên, họ sinh sôi nảy nở tất cả, con cái nhà Uolơ bắt đầu lan tràn khắp nơi, rồi lớn lên và lại sinh con đẻ cái. Me-xừ nhà ta và các người khác trong họ Uolơ ở quanh đây chỉ là một dúm trong số bọn họ. Cả bọn họ cũng rặt là dững người rất được kính nể, quận trưởng cảnh sát, cha cố, chánh văn phòng, dân biểu hoặc đốc tờ dư me-xừ nhà ta, ói người đã chiến đấu trong cách mạng, đây cũng chả biết hết được.

Kunta bị thu hút vào câu chuyện của Bel đến nỗi anh giật bắn người khi chị dừng bước lại. "Ta về đi thì hơn", chị nói. "Cứ đi vơ vẩn ngoài các đám cây cỏ này hàng giờ thì sáng mai đến ngủ quá giấc mất". Họ lộn lại và khi Bel im lặng một phút còn Kunta cũng chẳng nói gì, chị bèn hiểu rằng anh sẽ chưa thổ lộ với mình cái điều anh mang trong tâm tình, cho nên chị tiếp tục chuyện gẫu về bất cứ cái gì chợt đến trong đầu cho tới lúc họ về đến lều chị; tới đây, chị quay lại đối diện với anh và im lặng. Anh đứng đó nhìn chị một lúc lâu khắc khoải, rồi cuối cùng, anh nói "Ồ đấy nói phải, muộn rồi. Vậy mai gặp lại nhá" Trong khi anh đi khỏi, tay vẫn mang bộ thắng đái. Bel nhận ra là anh chưa hề nói với chị cái điều anh muốn nói. Thôi được, chị tự nhủ - sợ phải nghĩ rằng đó có thể đúng là điều chị dự đoán - trước sau rồi anh ta cũng sẽ phải mon men đến chuyện đó vào đúng lúc của anh ta.

Chị không vội gì cũng phải thôi, vì tuy Kunta bắt đầu bỏ rất nhiều thời gian tới ngồi lì trong bếp của Bel trong khi chị làm việc, song cũng như mọi khi, phần lớn vẫn toàn là chị nói. Nhưng chị thích có anh ngồi đấy nghe. "Đây vừa khám phá ra", một hôm chị bảo anh, "là me-xừ đã viết một tờ di chúc nói rằng nếu me-xừ chết mà không có vợ, các nô lệ của me-xừ sẽ thuộc về măмzen bé An. Dưng di chúc còn nói nếu me-xừ lấy vợ, thì người vợ sẽ được cánh nô lệ chúng ta khi me-xừ chết". Ngay cả như thế Bel hình như cũng chẳng lo lắng vô ích. "Chắc chắn quanh đây, ói nàng thích vớ được me-xừ. dưng me-xừ chẳng bao giờ lấy ai nữa đâu". Chị ngừng một lát, "Cũng dư đây chả lấy ai nữa".

Kunta suýt đánh rơi cái đĩa khỏi tay. Anh dám chắc mình đã nghe đúng ý Bel và choáng người khi biết trước đây Bel đã từng có chồng, bởi vì anh không thể nghĩ rằng một người vợ như ý mình lại không còn là gái trinh. Kunta vội vàng ra khỏi bếp và về lều mình. Anh biết là mình phải suy nghĩ thật kỹ về vấn đề này.

Hai tuần lễ im lặng trôi qua, rồi một hôm Bel thản nhiên mời Kunta đến lều mình ăn tối. Anh sửng sốt đến nỗi không biết nói sao. Anh chưa bao giờ ở một mình trong một căn lều với người đàn bà nào khác ngoài mẹ hoặc bà mình. Điều này ắt là không ổn. Nhưng khi anh không tìm ra lời mà nói, chị bèn dặn anh tới vào lúc nào, và thế là xong.

Anh ngồi trong một cái bồn sắt tây, lấy một cái khăn thô và một bánh xà phòng nâu kỳ cọ từ đầu đến chân. Rồi anh lại kỳ cọ một lần nữa, và thêm lần thứ ba nữa. Đoạn anh lau khô người và trong khi mặc áo quần, anh chợt thấy mình khe khẽ hát một bài hát của làng quê xưa" "Manumbê, cổ em cao, xinh đẹp tuyệt vời…" Cổ Bel không cao, chị cũng chả đẹp song anh phải thừa nhận với chính mình là khi ở gần bên chị, anh có một cảm giác khoan khoái. Và anh biết chị cũng đang cảm thấy thế.

Lều của Bel là căn lều lớn nhất ở đồn điền và ở gần đại sảnh nhất, đằng trước có một vạt đất trồng hoa. Vốn biết căn bếp của chị như thế nào, sự gọn gàng sạch sẽ tinh tươm trong lều không hề làm cho Kunta ngạc nhiên. Căn buồng anh bước vào khi chị mở cửa, có một vẻ tiện nghi ấm cúng, với bức vách gỗ thỏi trát bùn và một ống khói bằng gạch làm lấy từ trên mái loe rộng xuống đến cái lò sưởi lớn, cạnh đó lủng lẳng những dụng cụ nấu nướng bóng lộn. và Kunta nhận thấy là không như lệ thường và như anh, chỉ có một buồng với một cửa sổ, lều của Bel có những hai buồng và hai cửa sổ, cả hai đều lắp cánh trượt có thể kéo xuống khi trời mưa hoặc trở rét. Phòng đằng sau có che rèm, hiển nhiên là chỗ ngủ của chị và Kunta luôn luôn giữ gìn không nghé mắt về phía cửa ấy. Trên cái bàn chữ nhật ở giữa phòng anh đang đứng, có dao dĩa, cùi-dìa đựng trong một cái bình, mấy bông hoa ngắt ở vườn của chị cắm trong một bình khác, và hai cây nến đã thắp trong những giá vững chãi bằng đất sét, và mỗi đầu bàn là một chiếc ghế có thành cao dựa lưng.

Bel mời anh ngồi vào một chiếc ghế đu gần lò sưởi. Anh làm theo, ngồi xuống rất thận trọng, vì anh chưa bao giờ dây vào những thứ máy móc kỳ cục như thế này, nhưng vẫn cố làm ra vẻ tự nhiên như Bel.

"Đây bận quá chưa kịp cả nhóm lửa", chị nói, và Kunta gần như nhảy vọt khỏi chiếc ghế, sung sướng tìm ra một công việc để mó tay vào làm. Đập mạnh hòn đá lửa vào thanh sắt, anh châm vào nắm bông sơ mà Bel đã đặt dưới những nhánh thông nỏ làm nòm cho những thoi gỗ sồi và lửa nhanh chóng bùng lên.
"Chả hiểu sao mà đây lại biểu đấy đến đây, nhà cửa tanh bành ra, mà đây thì chưa kịp soạn sửa gì cả", Bel vừa nói vừa lăng xăng với đống nồi niêu xoong chảo.
"Đây mí đấy việc gì mà vội", Kunta gượng đáp. Nhưng món gà luộc sẵn với bánh hấp mà chị biết Kunta rất thích, chẳng mấy chốc đã sủi ùng ục. Và khi dọn cho anh ăn, chị rầy anh sao mà ngốn ngấu thế. Nhưng anh không vì thế mà bỏ cuộc cho đến đợt thứ ba; Bel ép anh ăn thêm, nói rằng trong nồi vẫn còn chút ít nữa.
"Thôi đây sắp vỡ bụng ra rồi" Kunta thành thật nói. Và sau khi chuyện gẫu thêm mấy phút nữa, anh đứng dậy và bảo mình về. Dừng lại ở cửa ra vào, anh nhìn Bel và Bel nhìn anh, không ai nói gì, đoạn Bel quay mắt đi và Kunta tập tễnh dọc xóm nô về lều mình.

Anh ngủ dậy, lòng phơi phới lâng lâng chưa từng thấy kể từ khi rời châu Phi – nhưng anh không nói cho ai rõ lý do tại sao anh vui vẻ và cởi mở như thế. Song chả nói người ta cũng biết. Họ bắt đầu đồn là có người đã thực mắt thấy Kunta cười tủm tỉm và thậm chí cười to ở trong bếp của Bel. Và thoạt đầu là khoảng mỗi tuần một lần, sau rồi mỗi tuần hai lần, Bel lại mời Kunta đến lều mình ăn tối. Mặc dầu nghĩ bụng rằng thỉnh thoảng cũng phải kiếm cớ thoái thác, song anh không bao giờ đủ sức từ chối. Và Bel luôn luôn nấu những thứ mà Kunta đã cho chị biết ở Găмbia cũng có trồng, chẳng hạn như đỗ đen, mướp tây, lạc ninh hay củ từ rán bơ.

Chuyện trò thì phần lớn nặng về một phía, nhưng xem ra cả hai cùng thấy là chả sao. Đầu đề ưa thích của chị cố nhiên là me-xừ Uolơ và Kunta không bao giờ hết ngạc nhiên thấy Bel hiểu rõ hơn anh biết bao về con người mà anh có biết bao thời gian hơn chị để gần gũi.
"Me-xừ có nhiều cái kỳ lắm", Bel nói "Dư là tin ở nhà băng, thế cũng được thôi, dưng me-xừ còn giấu tiền nữa cơ; trừ đây ra không ai biết chỗ nào đâu…Với các nhọ của mình, me-xừ cũng rất kỳ. Me-xừ làm bất kỳ cái gì cho đám ấy, dưng hễ ai lung tung là me-xừ bán liền, chả hạn dư Luthơ í".
"Còn một cái khác, me-xừ cũng thật kỳ". Bel nói tiếp. "me-xừ không muốn có một nhọ lai nào ở chỗ mình cả. Đấy có bao giờ để ý là, trừ bác vĩ cầm ra, ở đây rặt những nhọ đen cả không? Me-xừ cũng nói rõ ý kiến mình về cái đó nữa cơ. Đây đã nghe thấy me-xừ nói với một trong dững người tai to mặt lớn nhất hạt này – đây muốn nói dững người có nhiều nhọ lai í – là quá nhiều người da trắng có con nô lệ, thành thử họ độc buôn bán máu mủ của chính mình và cái đó cần phải chấm dứt nó đi".

Tuy không bao giờ để lộ ra và chỉ "ừ - ừ" suốt trong khi Bel nói, Kunta đôi khi chỉ nghe bằng một tai, đồng thời nghĩ sang chuyện khác. Một bận, chị hấp cho anh một cái bánh ngô làm bằng bột giã trong bộ cối anh đẽo cho chị, Kunta hình dung chị giã mạch kê làm bữa điểm tâm ở một làng nào đó bên Châu Phi, trong khi chị đứng bên cạnh lò kể cho anh là loại bánh này còn gọi là bánh bàn cuốc vì những người nô lệ, khi làm ngoài đồng, thường đặt nó lên bàn cuốc mà nướng.

Thi thoảng Bel còn đưa cho Kunta một vài món đặc biệt mang cho bác vĩ cầm và ông cụ làm vườn. Dạo này anh ít đến thăm họ hơn trước, nhưng xem ra họ cũng thông cảm và thậm chí thời gian vắng nhau lại làm câu chuyện đậm đà thú vị hơn, mỗi lúc họ gặp nhau. Tuy anh không bao giờ bàn với họ về Bel – và họ cũng không nhắc đến chị - nhưng cứ nhìn nét mặt họ cũng đủ rõ họ thừa biết anh ả đang ve vãn nhau, tựa hồ như các cuộc hẹn hò gặp gỡ của anh ả diễn ra ngay ở bãi cỏ trước mặt vậy. Kunta thấy hơi bối rối, nhưng xem ra anh chẳng thể làm thế nào được – vả lại anh cũng không quan tâm lắm.

Điều anh quan tâm hơn là còn có một số vấn đề nghiêm túc anh cần nêu lên với Bel, nhưng anh không làm sao đề cập tới được. Trong số đó, có vấn đề là Bel vẫn giữ trên bức vách phòng đằng trước một tấm hình lớn, đóng khung, của một ông "Jêxu" tóc vàng hoe, hình như là bà con gì với "Đức Chúa Lời" vô đạo của họ. Nhưng cuối cùng, khi anh đủ can đảm nhắc đến chuyện ấy, thì Bel lập túc nói: "Chỉ có hai nơi để mọi người hướng về, thiên đàng và địa ngục, vậy đấy muốn đi đâu là việc của đấy!" Và chị không nói thêm gì về chuyện ấy nữa. Câu trả lời của chị làm anh thất vọng mỗi lần anh nghĩ tới nó, song cuối cùng anh xác định là chị có quyền theo tín ngưỡng của chị, mặc dầu lầm lạc, cũng như anh đã sinh ra với Chúa Ala và anh sẽ chết với Chúa Ala – mặc dầu anh lại không cầu nguyện Người đều đặn nữa từ khi anh bắt đầu năng lui tới Bel. Anh quyết tâm sửa lỗi đó và hy vọng Chúa Ala sẽ tha thứ cho mình.

Dù sao anh cũng không thể quá nghiệt ngã với một người, dù là công giáo, đã tử tế đến thế với một kẻ khác tín ngưỡng, dù kẻ đó xứng đáng như anh. Thực vậy, chị tốt với anh đến nỗi Kunta muốn làm một cái gì đặc biệt cho chị - một cái gì chí ít cũng đặc biệt như bộ cối giã. Cho nên một hôm, trên đường đi đến me-xừ Jon để đón Măzen An về chơi cuối tuần với me-xừ Uolơ, Kunta dừng lại bên một lùm cói anh vẫn thường để ý và ngắt mấy cây đẹp nhất anh có thể tìm thấy. Trong mấy ngày sau, với số cói tước nhỏ ra và một ít lá ngô trắng, mềm chọn lựa kỹ càng, anh đan một chiếc chiếu rất cầu kỳ, ở giữa có một hoa văn Manđinka táo bạo. Cái chiếu lúc hoàn thành còn đẹp hơn là anh chờ đợi và anh đem tặng cho Bel vào dịp sau chị mời anh đến ăn bữa tối. Từ chiếc chiếu, chị ngước lên nhìn Kunta. "Sẽ không ai được đặt chân lên đây!" Chị kêu lên, quay lại và biến vào trong buồng ngủ. Một lúc sau trở lại, một tay giấu sau lưng, chị nói: "Cái này định làm quà Tết Giáng sinh cho đấy, dưng đây sẽ làm cho đấy một cái gì khác".

Chị chìa tay ra. Đó là một đôi tất len đan rất đẹp – một chiếc chỉ đến nửa chân, phía dưới lót dầy len mềm. Cả anh lẫn Bel đều chẳng biết nói sao.

Anh ngửi thấy mùi thơm thức ăn chị đang hâm, sắp dọn ra, nhưng một cảm giác kỳ lạ xâm chiếm khắp người anh trong khi họ vẫn đứng nhìn nhau. Đột nhiên Bel nắm lấy tay anh và thổi một cái tắt cả hai ngọn nến; Kunta có cảm tưởng như mình là một chiếc lá bị dòng suối cuốn băng trong khi họ kéo nhau ào qua cái cửa che rèm vào phòng trong và nằm xuống quay mặt vào nhau trên giường. Nhìn sâu vào mắt anh, chị với tay ra, họ sát lại với nhau, và lần đầu tiên trong ba mươi chín vụ mưa đời anh, Kunta ôm một người đàn bà trong tay.

Hết tập 1

“Mexừ không có muốn tin lời tui khi tui thưa chuyện với ông”, Bel nói với Kunta. “Nhưng cuối cùng, ông ta biểu là ông thấy chúng mình cần phải nghĩ một thôi về chuyện này đã, ví con người ta lấy vợ lấy chồng là điều thiêng liêng dưới mắt chúa Jêxu”. Tuy nhiên, riêng với Kunta thì mexừ Uolơ không hề nói một lời nào về chuyện ấy suốt trong mấy tuần sau. Thế rồi, một đêm, Bel chạy ra lều Kunta và báo tin, hổn hển như đứt hơi: “tui đã thưa với mexừ là chúng mình vẫn còn muốn lấy nhau, và ông ta biểu được, thế thì ông ta cho là cũng ổn thôi!”.

Tin đó nhanh chóng truyền khắp xóm nô. Người nọ người kia chúc mừng, làm Kunta bối rối. Anh giận đến mức có thể bóp cổ Bel về cái tội đã đi kể với “măzen”[1] An khi con bé đến thăm chú lần sau đó, vì sau khi biết chuyện, việc đầu tiên là nó chạy vòng quanh hét inh lên: “Bel sắp lấy chồng! Bel sắp lấy chồng!”. Song đồng thời, trong thâm tâm, Kunta cảm thấy chả nên bực mình với một sự thông báo như vậy, bởi vì dân Manđinka vốn coi cưới xin là chuyện quan trọng nhất sau chuyện sinh nở.

Chẳng hiểu Bel xoay sở cách nào mà khiến được mexừ hứa sẽ không dùng đến xe ngựa - hoặc Kunta - trong cả ngày chủ nhật trước lễ Giáng Sinh, thời gian mà mọi người đều được nghỉ việc và, do đó, có thể dự lễ cưới. “Tui biết mình không muốn cưới trong ngôi nhà to”, chị nói với Kunta, “nhưng ta có thể làm thế được, ví bằng tui hỏi ông chủ. Và tui biết mexừ thực bụng cũng không muốn thế, cho nên, chí ít cũng phải có đông đủ mọi người dự”. Chị thu xếp để tổ chức ở sân trước, dọc theo vườn hoa hình bầu dục.

Tất cả mọi người trong xóm nô lệ đều có mặt, với những bộ đồ ngày lễ diện nhất, và đứng cụm lại với nhau trước mặt họ, là mexừ Uolơ, “măzen” An cùng cha mẹ nó. Nhưng, riêng đối với Kunta thì vị khách danh dự - và, theo một nghĩa rất thực, người chịu trách nhiệm về toàn bộ sự việc này – lại là ông bạn người Gana của anh, bác ta đã đi nhờ xe ngựa suốt từ Enfin để tới đây dự cưới. Khi Kunta cùng Bel bước ra chính giữa sân, anh quay đầu về phía ông bạn chơi đàn qua-qua và họ nhìn nhau hồi lâu trước khi người hát nguyện chính cho Bel, thím Xuki lo việc giặt giũ ở đồn điền, tiến lên để điều khiển cuộc lễ. Sau khi mời tất cả mọi người có mặt đứng sát lại gần nhau hơn, thím nói: “Bi giờ, tui xin mọi người ở đây cầu cho sự kết hợp này do Chúa sắp tác thành. Tui muốn tất cả các người hãy cầu cho lứa đôi này sẽ sum họp bên nhau...” thím ngập ngừng...”và không xảy ra điều gì khiến cho chúng bị bán đi xé lẻ đôi đường và hãy cầu cho chúng sinh con đẻ cái ngoan ngoãn, khỏe mạnh”. Thế rồi, rất trịnh trọng, thím Xuki đặt một chiếc cán chổi lên lớp cỏ xén bằng bặn ngay trước mặt Kunta và Bel, ra hiệu cho hai người khoác tay nhau.

Kunta cảm thấy như mình ngạt thở. Trong đầu anh, vụt hiện lên hình ảnh những cuộc hôn lễ nơi làng quê Jufurê. Anh có thể nhìn thấy những người nhảy múa, nghe thấy tiếng những người hát ngợi và cầu kinh, cùng tiếng trống nối lời nhau chuyển tiếp tin vui đến các làng khác. Anh hy vọng rằng anh sẽ được xá tội về điều đang làm, rằng cho dù họ có nói gì với ông Chúa ngoại lai của họ đi nữa. Chúa Ala vẫn cứ hiểu rằng Kunta vẫn một mực tin ở Người và chỉ tin ở Người thôi. Thế rồi, như từ một nơi xa nào, tiếng thím Xuki vọng đến tai anh: “Nào, cả hai con đều quả quyết là có muốn thành vợ thành chồng chớ?”. Nhỏ nhẹ, bên cạnh anh, tiếng Bel nói: “Thưa có”. Và thím Xuki quay lại đăm đăm nhìn Kunta, anh cảm thấy đôi mắt bà khoan sâu vào người mình. Rồi Bel bóp cánh tay anh rất mạnh. Anh gắng sức lôi từng chữ bật ra khỏi miệng: “Thưa có”. Thế rồi thím Xuki nói: “Vậy, trước mắt Chúa Giêsu, các con hãy nhảy vào vòng hôn nhân đi”.

Kunta và Bel cùng nhảy thật cao qua chiếc cán chổi, như Bel đã bắt anh tập đi tập lại ngày hôm trước. Anh cảm thấy làm như vậy thật kỳ cục, song chị đã đo trước là một cuộc hôn nhân sẽ gặp rủi ro tệ hại nhất nếu có người nào chạm chân phải cán chổi và ai bị thế sẽ chết trước. Khi họ cùng chạm chân xuống đất an toàn phía bên kia cán chổi, mọi người đứng quan sát đều vỗ tay hoan hô và khi im lặng trở lại, thím Xuki lại nói: “Cái gì Chúa đã se kết, không người nào được tách rời. Giờ đây, các con đều phải trung thành với nhau”. Bà nhìn thẳng vào Kunta. “Và phải là người Cơđốc tốt”. Sau đó thím Xuki quay sang nhìn mexừ Uolơ: “mexừ có cần nói gì nhân dịp này không ạ?”.

Mexừ rõ ràng có vẻ không muốn, nhưng rồi ông cũng bước lên và nhẹ nhàng nói: “Nó lấy Bel là được một người phụ nữ tốt. Và Bel được một chàng trai tốt. Và gia đình tôi đây, cùng với bản thân tôi chúc chúng may mắn đến trọn đời”. Tiếp theo đó là tiếng hoan hô vang rộn của toàn thể dân xóm nô, điểm thêm những tiếng hò hét vui sướng của “măzen” An, con bé cứ nhảy lên nhảy xuống mãi cho tới khi mẹ nó phải lôi đi và tất cả gia đình nhà Uolơ trở vào đại sảnh để cho những người da đen tiếp tục cử hành hôn lễ theo cách riêng của họ.

Thím Xuki cùng các bạn bè khác của Bel đã giúp chị nấu nướng khá nhiều nồi thức ăn, đến mức gần như che lấp cả bề mặt một chiếc bàn dài. Và giữa cuộc liên hoan tiệc tùng rôm rả, tất cả mọi người, trừ Kunta và bác Gana đều

chia sẻ phần rượu mạch và rượu vang do ông chủ cho người mang tới từ đại sảnh làm quà mừng. Bác vĩ cầm, suốt từ lúc cuộc liên hoan bắt đầu, cứ liên tục kéo đàn vang vang, Kunta không biết bác làm thế nào để uống được, nhưng cứ xem kiểu bác ta la đà khi đàn cũng đủ rõ là bác đã xoay sở nốc cạn hơn một chầu rồi. Quá quen với việc chè chén của bác vĩ cầm bao lần rồi, nên anh đành chịu vậy, nhưng khi thấy Bel bận rộn tự rót rượu vang đầy cốc, hết tuần này đến tuần khác, thì anh bắt đầu thấy mỗi lúc một lo lắng và bối rối. Anh phẫn nộ khi nghe hớt thấy chị toang toang với một người bạn gái khác là chị Mandy: "Tớ đã nhăm nhe anh í từ mười năm nay!" và sau đó không bao lâu, chị chệnh choạng đi tới, quàng tay ôm chầm lấy anh và hôn vào chính giữa miệng, ngay tại đó, trước mặt tất cả mọi người, giữa những câu đùa sống sượng, những cái huých khuỷu tay vào sườn nhau và những tiếng cười hô hố. Đến lúc số khách còn lại sau cùng bắt đầu cáo lui, thì Kunta đã căng thẳng như sợi dây cung. Cuối cùng chỉ còn có hai người với nhau ở trong sân, và Bel lảo đảo bước tới anh, khẽ nói, giọng líu lại: "Bi giờ, bò cái này mình đã mua, mình muốn vắt bao nhiêu sữa thì cứ vắt đi!". Nghe chị nói thế, anh phát kinh.

Song, chẳng bao lâu anh đã dẹp được cái nỗi ấy! Thật vậy, chỉ ít tuần sau, anh đã vỡ nhẽ thêm biết bao điều, hiểu rõ một người đàn bà to lớn, cường tráng thật sự là như thế nào. Đôi bàn tay anh đã thám hiểm trong bóng tối cho đến nay anh đã biết chắc chắn rằng cặp mông đồ sộ của Bel quả là hoàn toàn của chị, chứ tuyệt nhiên không có độn thêm tí gì, như anh thường nghe nói nhiều phụ nữ vẫn làm thế để khiến cho mông mình nom có vẻ to. Tuy chưa được thấy chị khỏa thân – bao giờ chị cũng tắt nến trước khi anh kịp chú ý – nhưng anh đã được phép ngắm đôi vú của chị anh hài lòng nhận thấy đó thuộc loại vú to khả dĩ cung cấp ê hề sữa cho một tí nhau sau này và thế là rất tốt. Nhưng Kunta phát khiếp khi nhìn thấy những vết roi hằn sâu trên lưng Bel lần đầu tiên. "Tui còn mang những sẹo này xuống mồ như mẹ tui", Bel nói, "nhưng chắc chắn là lưng tui chưa đến nỗi tệ như lưng mình đâu". Kunta lấy làm ngạc nhiên, vì anh không nhìn thấy lưng mình được. Anh hầu như đã quên tất cả những vết đòn roi cách đây đã hơn hai mươi năm.

Luôn luôn có hơi ấm của chị bên cạnh mình, Kunta rất khoái nằm ngủ trong chiếc giường cao của Bel, trên tấm nệm êm nhồi bông chứ không phải lót rơm hay vỏ ngô. Cả những chiếc gối khâu tay của chị cũng tiện lợi và ấm áp và việc nằm ngủ cuộn tròn giữa một đôi mền, đối với anh, quả là một thể nghiệm mới mẻ và sang trọng. Hầu như thú vị không kém, là những chiếc sơ mi vừa khít do chị may cho anh, rồi ngày nào cũng giặt, hồ và là phẳng phiu tinh tươm. Bel còn lấy sáp mỡ đánh đôi giày cứng, cao cổ của anh để làm mềm da, và đan thêm cho anh những đôi tất đệm lót thật dày dặn để vừa khớp với bàn chân còn có một nửa của anh.

Sau bao năm Kunta hằng ngày phải đánh xe cho ông chủ đi miết, đêm về ăn bữa tối lạnh tanh trước khi bò vào nằm sóng soài trên chiếc ổ rơm quạnh hiu, giờ đây Bel cố lo liệu sao cho mỗi khi anh về đến nhà thì bữa ăn tối, với cũng những món chị nấu cho ông chủ - tất nhiên là trừ thịt lợn vừa đến độ sôi trên bếp lửa trong lều của họ. Và anh thích ăn bằng những bát đĩa men trắng tinh cùng với dao, thìa dĩa mà hiển nhiên là chị đã lấy từ ngôi nhà lớn tự trang bị cho mình. Thậm chí, Bel còn quét vôi trắng căn lều của chị - anh cứ phải luôn luôn tự nhắc mình rằng giờ đây, nó là căn lều chung của họ - cả bên ngoài lẫn bên trong. Nói chung anh ngạc nhiên thấy mình thích hầu hết những gì liên quan đến chị và anh cảm thấy rất dễ chịu nên không để nhiều thì giờ nghĩ về những năm bỏ phí hoài, nếu không thì hẳn anh đã tự trách mình không tỉnh ra sớm hơn. Anh không tin nổi là mọi sự lại khác đi biết bao, cuộc đời lại tốt đẹp hơn biết chừng nào so với chỉ vài tháng trước, ở chỗ cách đây có mấy thước.

Chú thích:

[1] Tiếng Pháp: tiểu thư

Chương 66

Mặc dầu đã trở nên gắn bó khăng khít từ khi cùng nhau "nhảy qua cán chổi", có những lúc Kunta vẫn cảm thấy như Bel còn chưa tin mình hoàn toàn. Đôi khi, đang nói chuyện với anh ở trong bếp hoặc trong căn lều, sắp sửa định thốt ra điều gì, đột nhiên chị lại chuyển phắt sang một đầu đề khác, làm dâng lên trong Kunta một cơn giận dữ mà chỉ do tự tôn, anh mới che dấu nổi. Và hơn một lần, có những điều chỉ có thể lượm được qua lỗ khóa cửa buồng ông chủ, mà anh phải nghe lại từ miệng bác vĩ cầm hoặc ông lão làm vườn. Chỉ kể lại những chuyện gì với họ, cái đó đối với anh không quan trọng; song điều làm anh tổn thương là chị không kể với anh, là chị giữ bí mật với chính chồng mình. Điều xúc phạm anh hơn nữa, là anh bao giờ cũng cởi mở chia sẻ với chị, với bọn họ những tin tức mà nếu anh không nói, có thể họ sẽ chẳng bao giờ hoặc chí ít cũng còn lâu mới biết được. Kunta bắt đầu lờ đi hàng tuần lễ không thèm nói cả với Bel về bất cứ chuyện gì anh đã nghe lỏm được ở trên tỉnh. Cuối cùng, khi chị nói gì đó với anh xung quanh chuyện ấy, anh bèn bảo là tình hình gần đây, theo anh đoán có vẻ yên tĩnh và có lẽ cũng chỉ vậy thôi vì tin tức xem chừng chẳng có gì hay ho. Nhưng lần sau ở tỉnh về, anh đồ chừng chị đã rút ra bài học, và anh kể với chị rằng anh nghe lỏm thấy mexừ nói với một người bạn là ông ta vừa đọc thấy một bác sĩ da trắng tên là Benjamin gần đây có viết rằng khi người da đen giúp việc lâu năm của ông, một nô lệ tên gọi Jêm Đơhơm, học ông nghề thuốc đến trình độ mà ông cảm thấy ngang tầm hiểu biết của chính mình, ông đã cho anh ta được tự do.
"Có phải cái anh chàng đã trở thành đốc-tờ và đâm ra nổi tiếng hơn cả người dạy mình không?" Bel hỏi.
"Làm sao mà mình biết chuyện í? Mexừ bỉu chính ổng cũng vừa mới đọc thôi và chưa có ai ở đây được nghe ổng nói chuyện í cả". Kunta nói, vừa bực mình vừa băn khoăn không hiểu.
"À, tui có cách của tui", Bel trả lời, vẻ bí hiểm và chuyển sang chuyện khác.

Về phần Kunta, anh quyết định đây là lần cuối cùng chị được anh thông tin và trong khoảng một tuần sau, anh không nói thêm một lời nào về chuyện ấy, hoặc hầu như chẳng nói chuyện gì nữa. Cuối cùng, Bel hiểu ý, và sau một bữa ăn ngon lành dưới ánh nến, trong căn lều, một tối chủ nhật, chị đặt tay lên vai anh và bình thản nói: "Tui có điều mang nặng trong lòng, muốn nói với mình". Đi vào buồng ngủ, lát sau chị quay ra với một số trong tập báo Vơjinia mà Kunta biết chị lưu thành chồng dưới gầm giường. Anh vẫn đồ rằng chị chỉ thích lật giở trang này qua trang khác, như anh biết nhiều người da đen vẫn làm thế, cũng như cái đám người da trắng nghèo những ngày thứ bảy thường đi dạo quanh tỉnh lỵ, giả bộ mở những tờ báo trước mặt, mặc dù Kunta cùng mọi người khác đều biết rất rõ rằng họ chẳng đọc lấy được một chữ. Nhưng giờ đây, cách nào đó, trong khi nhìn thấy vẻ bí hiểm trên mặt Bel, anh ngạc nhiên linh cảm thấy chị sắp nói gì.
"Tui có đọc được tí chút". Bel ngập ngừng nói. "Nếu mexừ biết thế, ổng sẽ bán tui đi trước khi mặt trời kịp mọc sáng mai".
Kunta không đáp lại gì cả, vì anh biết là Bel sẽ nói về bản thân mình nhiều hơn là nếu anh lục vấn chị. "Tui đã biết dăm ba chữ từ khi còn nhỏ", chị nói tiếp. "Chả là bọn con ông chủ cũ dạo trước nó dạy tui mà. Bọn nó thích chơi trò thầy giáo, bởi vì chúng nó đang đi học, còn ông chủ bà chủ thì chả buồn để ý đến chuyện í làm gì, bởi cái nhẽ người da trắng vẫn tự nhủ rằng bọn nhọ đần độn không thể học được gì hết".

Kunta nghĩ đến ông lão da đen anh thường xuyên gặp ở tòa án tỉnh Xpotxylvanya: ông cụ quét tước ở đấy đã hàng bao năm trời, mà không một ai trong đám da trắng mảy may ngờ rằng ông đã bắt chước các mẫu chữ viết trên những giấy tờ họ vứt bừa bãi quanh đó, cho đến khi đủ khéo để làm những giấy thông hành với chữ ký giả mạo đem bán cho cánh da đen.

Dõi mắt chăm chú nhìn theo đầu ngón tay trỏ đưa đi đưa lại trên trang đầu số báo, cuối cùng Bel nói: "Đây là tin Viện Dân biểu lại họp". Chị nghiên cứu những hàng chữ in thật kỹ càng. "Đã thông qua một luật mới về thuế". Kunta cứ là ngớ người ra, Bel chuyền xuống một chỗ ở mé dưới trang báo. "Ngay đoạn này, cũng có nói thêm về việc nước Anh đã gởi một số nhọ bên ấy về Châu Phi". Bel ngước mắt nhìn Kunta. "Mình có muốn tui nhặt thêm những điều họ nói về chuyện í không?" Kunta gật đầu. Bel phải mất mấy phút khoa khoa ngón tay, trong khi đôi môi lặng lẽ chắp chữ, chắp lời. Rồi chị lại nói: "Ờ, tui chưa dám chắc hoàn toàn, nhưng mà bốn trăm nhọ đã được gửi tới nơi nào đó, hình như gọi là Xiera Lêon, trên vùng đất đai mà nước Anh đã mua của một ông vua ở đấy, và mỗi nhọ được cấp ít đất riêng cùng với chút tiền trợ cấp".

Khi việc ráng sức đọc chừng như đã làm cho chị mệt, Bel bèn giở các trang bên trong, lần lượt chỉ cho Kunta thấy những hình nho nhỏ giống hệt nhau: người ta có thể nhận ra đó là những người mang những bọc ở đầu gậy vác trên vai; đặt ngón tay lên cụm chữ in dưới một trong những hình vẽ đó, chị nói: "cái mục này chuyên tả những nhọ chạy trốn – như là cái hồi mình bỏ trốn, cũng có một tin về mình đấy. Nói rành mạch, những là kẻ chạy trốn da màu gì, mặt, mũi, chân, tay hoặc lưng có những dấu vết gì do bị đánh hay bị dí sắt nung vào, những là họ mặc quần áo như

thế nào khi bỏ trốn và đại loại như thế. Và lại còn nói họ thuộc về ai, và ai bắt được họ giải về sẽ được thưởng những gì. Tui đã thấy có tin treo thưởng những năm trăm, lại cũng thấy có nơi cánh nhọ chạy nhiều quá đến nỗi chủ nhà tức điên lên, rao thưởng mười đôla cho ai bắt sống tên nhọ đưa về và mười lăm đôla chỉ cần lấy đầu thôi".

Sau cùng, chị đặt tờ báo xuống với một tiếng thở dài, vẻ như mệt nhoài vì phải cố gắng đọc. "Giờ thì mình biết tui làm thế nào moi ra chuyện ông đốc-tờ nhọ rồi nhá. Cũng bằng cách như ông chủ thôi".

Kunta hỏi chị có nghĩ rằng đọc báo của ông chủ như vậy là có thể nguy hiểm không.

"Tui phải hết sức cẩn thận đấy", chị nói: "Thế nhưng nói để mình biết, có bận tui sợ hết hồn với mexừ". Bel kể thêm: "Một hôm, mexừ bước vào nhà, bắt gặp tui ở trong phòng khách, đúng lúc tui đáng ra phải quét bụi bặm ở đấy thế nhưng tui lại đang nhòm ngó vào một quyển sách trong đám sách của ông ấy. Lạy Chúa, tôi muốn như biến thành phỗng đá. Mexừ chỉ đứng đó, nhìn tui đến một phút đồng hồ. Thế nhưng ông không nói gì hết. Ông chỉ đi ra và từ hôm sau giở đi, tủ sách của ông có một cái khóa".

Khi Bel đặt tờ báo trở lại dưới gầm giường, chị ngồi yên một hồi lâu và Kunta, nay đã hiểu chị khá rõ, biết là chị còn có điều gì trong lòng chưa nói ra. Hai người sắp sửa vào giường ngủ thì chị đột nhiên ngồi vào bàn, như kiểu vừa quyết định một điều gì, và, với một vẻ vừa lén lút lại vừa hãnh diện trên nét mặt, rút từ trong túi tạp dề ra một mẩu bút chì và một tờ giấy gấp nhỏ. Giở tờ giấy ra vuốt cho phẳng phiu, chị bắt đầu vạch mấy chữ in, hết sức nắn nót thận trọng.

"Mình biết cái này là gì không?" chị hỏi và Kunta chưa kịp nói không, chị đã tự trả lời: "Phải, đây là tên tui. B-E-L". Kunta nhìn chằm chằm vào những chữ viết bằng bút chì, nhớ lại mình đã bao năm tránh né mọi tiếp xúc gần gũi với thứ chữ viết tubốp, bụng bảo dạ rằng nó chứa đựng một thứ bùa phép tubốp nào đó có thể làm hại mình – song anh vẫn chưa dám chắc như thế có phải là quá gượng ép không. Lúc này, Bel lại viết thêm mấy chữ nữa. "Đây là tên mình. K-U-N-T-A". Chị ngước nhìn anh, tươi roi rói. Ngược với ý mình, Kunta không thể không cúi xuống gần hơn để xem xét tường tận những ký hiệu lạ lùng ấy. Nhưng bấy giờ, Bel liền đứng dậy vò nhàu mảnh giấy vứt vào đám than đang tàn của bếp lửa. "Không khi nào để bị bắt quả tang mang chữ viết trong người".

Mấy tuần qua đi, và cuối cùng, Kunta quyết định phải làm một cái gì đó để thanh toán cái nỗi ấm ức nó gặm nhấm anh từ buổi Bel hãnh diện phô với anh là chị biết đọc, biết viết. Giống như bọn ông chủ da trắng của họ, lớp người da đen sinh trưởng ở đồn điền dường như coi đương nhiên là những kẻ từ Châu Phi tới chẳng qua chỉ tụt từ trên cây xuống, nói chi tới chuyện học với hành.

Cho nên, một buổi tối sau khi ăn xong, rất thản nhiên, anh quỳ xuống trước lò sưởi trong lều và cời một đống tro ra khoảng nền lát phía trước lò, rồi lấy tay san cho bằng bặn, phẳng phiu. Đoạn, trước đôi mắt tò mò theo dõi của Bel, anh lấy một cái que vót mảnh ở trong túi ra và bắt đầu vạch tên mình bằng chữ Ả-rập trên lớp tro.

Bel không để cho anh viết xong đã hỏi: "Cái gì đấy". Kunta nói cho chị hay. Rồi, sau khi làm rõ ngọn ngành, anh gạt đám tro trở vào trong lò sưởi, ngồi vào ghế đu và chờ chị hỏi xem anh đã học viết như thế nào. Anh không phải đợi lâu la gì, và suốt cả phần còn lại của buổi tối, là một sự đổi vai trò: Kunta nói, Bel nghe. Bằng cách diễn đạt ngắc ngứ, vấp váp, Kunta kể cho chị nghe tất cả trẻ con trong làng anh đã được học viết như thế nào, với những chiếc bút bằng cọng cỏ khô rỗng ruột và mực bằng nước hòa với nhọ nồi, anh kể cho chị nghe về arafang, và các buổi học cả sáng lẫn tối. Hứng lên với các đề tài của mình và khoái trí với cái điều mới mẻ là được thấy Bel ngậm miệng hồi lâu, Kunta kể cho Bel nghe là học trò ở Jufurê, trước khi tốt nghiệp phải đọc thông thạo kinh Koran, thậm chí anh còn xướng cho chị nghe một số câu thơ trong kinh đó nữa. Anh dám chắc là chị thắc mắc, song điều kỳ thú đối với anh là: trong tất cả những năm tháng anh quen biết chị, đây đích thị là lần đầu tiên chị tỏ ra chút nào quan tâm đến một cái gì dính dáng đến Châu Phi.

Bel vỗ vỗ lên mặt chiếc bàn kê giữa hai người. "Thế dân Châu Phi của mình gọi "bàn" là gì?" chị hỏi.

Mặc dầu từ khi rời Châu Phi, anh không bao giờ có dịp nói tiếng Manđinka, chữ "mê-xô" vẫn bật ra khỏi miệng Kunta trước khi anh kịp ý thức, và anh thấy trào lên một niềm tự hào.

"Còn cái này?" Bel chỉ tay vào chiếc ghế mình ngồi hỏi "Xirangô". Kunta đáp. Anh cảm thấy tự bằng lòng mình đến nỗi đứng bật dậy, bắt đầu đi quanh căn lều, tay chỉ vào các đồ vật.

Gõ gõ vào chiếc nồi sắt đen kịt của Bel bên trên bếp lò, anh nói "kalêrô". Rồi một cây nến trên bàn: "kanđiô". Ngỡ ngàng, Bel cũng đứng lên khỏi ghế và theo anh đi một cái giỏ do ông lão làm vườn đan: "xinxingô". Anh dẫn

quanh, Kunta thúc mũi giày vào một cái túi vải thô và nói "bôtô", chạm vào một trái bầu khô và nói "mirangô", rồi Bel đi tiếp vào buồng ngủ. "Larangô", anh nói, chỉ vào cái giường và chuyển sang cái gối: "kunglarang". Rồi lại chỉ cửa sổ: "janêrangô", chỉ lên mái: "kankarangô".
"Xin Chúa thương xót cho con!" Bel kêu lên. Điều đó còn vượt xa niềm tôn kính đối với quê hương xứ sở của anh mà Kunta hy vọng khơi lên được ở Bel.

"Bi giờ đã đến lúc ta ngã đầu lên kunglarang rồi đấy" Kunta nói, anh ngồi xuống mép giường và bắt đầu cởi quần áo. Bel nhíu mày, rồi cười vang và quàng tay ôm lấy anh. Đã lâu lắm, anh chưa hề cảm thấy khoan khoái đến thế.

Chương 67

Tuy Kunta vẫn thích đến thăm và trao đổi chuyện trò với bác vĩ cầm và ông già làm vườn, song kém thường xuyên hơn nhiều so với hồi chưa vợ. Điều đó chẳng có gì là lạ, vì bây giờ, phần lớn thời gian rảnh rỗi, anh đều ở bên Bel. Nhưng thậm chí, những bận họ tụ họp với nhau gần đây, hai người kia xem ý đối với anh có khang khác – cố nhiên không phải là không thân mật, nhưng kém tâm đắc hơn. Chính họ trên thực tế đã đẩy Kunta vào vòng tay của Bel, thế mà giờ đây khi anh đã cưới, họ lại làm như sợ nó có thể truyền nhiễm – hoặc giả như điều ấy chưa bao giờ tồn tại vậy; việc anh hiển nhiên bằng lòng với mái nhà, bếp lửa gia đình không làm cho họ cảm thấy ấm thêm chút nào những đêm đông lạnh giá. Nhưng nếu như anh cảm thấy không gần gũi họ bằng trước – trong cái tình đồng chí mà họ đã chia sẻ với nhau với tư cách là những người đàn ông sống độc thân, mặc dù gốc gác khác nhau – thì giờ đây không hiểu sao anh lại cảm thấy mình được chấp nhận rõ ràng hơn, như thể do lấy Bel, anh đã trở nên một thành viên trong bọn họ vậy. Tuy những cuộc nói chuyện với người bạn mới lấy vợ không trần tục như đôi khi trước đây – chẳng phải là Kunta khoái gì những cung cách sống sượng của bác vĩ cầm, thậm chí với riêng với bản thân anh cũng không hề thừa nhận thế - song, với lòng tin cần tăng thêm qua nhiều năm tháng bên nhau, những điều trao đổi đã trở nên sâu sắc hơn và nghiêm túc hơn.
“Hoảng rồi!” một đêm, bác vĩ cầm tuyên bố vậy. “Ấy đấy, người da trắng đâm hoảng nên cuống quít đếm đầu tất cả mọi người trong cái cuộc đều cha dân số này. Họ sợ trong đám họ, dân nhọ đã đông hơn dân da trắng”, bác vĩ cầm nói.

Kunta nói Bel kể là đã đọc trong báo thấy tin ở bang Vơjinia, theo điều tra dân số, người da trắng chỉ nhiều hơn người da đen có mấy nghìn thôi.
“Người da tắng sợ cánh nhọ tự do hơn sợ bọn ta”, ông già làm vườn chêm vào.
“Tui nghe nói, riêng ở Vơjinia đã có gần gần sáu vạn nhọ tự do”, bác vĩ cầm nói: “còn bao nhiêu nhọ nô lệ thì không thấy nói. Dưng mà bang này chưa phải là nhều nhất đâu nhá. Phải là dững bang ở mạn dưới, đất đai màu mỡ nhất, mùa màng tốt tươi nhất, có tàu xuống chở hoa màu trên sông lạch đi các chợ, với lại...”.
“Phải, dững nơi í, cứ hai nhọ mới có một da tắng!” ông lão làm vườn ngắt lời. “Ở tuốt dưới đồng bằng ban Nuizana rồi ở vùng Yazu bang Mitxixipi, nơi chuyên tồng mía í, và ở tuốt dưới cái vành đai đen ở bang Anabama, Nam Canina và Jojiơ, nơi chuyên tồng lúa và chàm í, nói cho mà biết nhá, ở dững cái đồn điền to tướng nằm khuất nẻo dưới í, có đủ các loại nhọ mà chẳng có bị đếm bao giờ hết!”.
“Một số đồn điền to đến nỗi phải chia làm nhiều đồn điền nhỏ hơn giao cho xúbadăng trông coi”, bác vĩ cầm nói. “Mà các mexừ chủ các đồn điền lớn í phần đông là dững chạng sư, dững nhà chính chị và doanh nghiệp to phe sống ở thành phố, và dững người giàu sang quyền quí í chẳng cần lấy phần gì ở đồn điền, có dễ chỉ trừ dững khi họ rầm rập kéo ra hàng đoàn xe ngựa xênh xang đầy dững bạn hữu về chơi nhân dịp lễ Tạ ơn hay lễ Giáng sinh, hoặc nữa là để cắm trại hè, ăn uống ngoài trời”.
“Dưng mà chú biết không”, ông lão làm vườn kêu lên “dững người da tắng giàu có ở thành phố í nại chính nà cái tầng nớp có nhiều người nên tiếng chống chế độ nông nô”.

Bác vĩ cầm ngắt lời. “Dào! Cái í chả có nghĩa gì sất! Bao giờ cũng có một số ông lớn, da trắng mốn xóa bỏ chế độ nô lệ. Xì, chế độ nô lệ đã bị đặt ra ngoài vòng pháp luật ở bang Vơjinia này mười năm rồi, nhưng mà luật ví chả lệ, các người thấy đấy, chúng ta vẫn là nô lệ còn họ thì cứ đưa sang thêm hàng tàu đầy nhọ”.

“Thế dững nhọ ấy bị đem đi đâu cả?” Kunta hỏi. “Một số lái xe tui quen bỉu là chủ họ đi nhiều chuyến rõ lâu mà hàng mấy ngày liền chả thấy một cái mặt da đen nào khác". «Có ối vùng cả quận không có nấy một đồn điền nhớn và cơ hồ chẳng thấy một bóng nhọ nào cả», ông già làm vườn nói. « Chỉ dặt những trại nhỏ đầy sỏi đá, bán mười năm xu một mẫu cho đám da trắng nghèo kiết nỡ đít đến độ phải ăn đất, ăn cát. Và chẳng khá khẩm hơn họ bao nhiêu, nà dững người có chút ruộng không tốt hơn mấy tí và một dúm nô lệ».

«Tui nghe nói có một nơi không phải chỉ có từng dúm nhọ thôi đâu, đó là miền Tây Ấn», bác vĩ cầm nói và quay sang Kunta. «Chú mày biết ở đâu không? Ở bên kia biển, giống như quê chú mày í». Kunta lắc đầu.

« Mốn sao thì sao », bác vĩ cầm nói tiếp, « tui nghe nói ở đấy một ông chủ có tới cả nghìn nhọ để trồng và chặt cái giống cây làm đường, làm rượu rum. Người ta kể mấy tui hàng đoàn tàu, giống như cái tàu chở chú mày tới đây í, thường dừng ở Tây Ấn cho bọn nhọ Châu Phi ở lại đấy một thời gian, vỗ béo chúng sau cái chặng đường dài đã làm chúng ốm o đói khát gần chết. Vỗ béo chúng, rồi mang chúng tới đây để bán với giá hời hơn dững nhọ có sức làm việc. Chí ít cũng là dững cái tui nghe nói».

Không bao giờ Kunta khỏi kinh ngạc về việc bác vĩ cầm và ông già làm vườn tỏ tường đến thế về những điều họ chưa từng thấy và những nơi họ chưa từng đến, vì anh nhớ rõ ràng là đã từng nghe cả hai nói rằng họ chẳng bao giờ ra khỏi Vơjinia và Bắc Carolina. Anh đã từng đi chu du nhiều hơn họ biết mấy – không những suốt chặng đường dài từ Châu Phi tới đây, mà cả bao lần đánh xe cho ông chủ đi tới đi lui khắp bang này – thế mà họ vẫn thông tỏ hơn anh nhiều, đến nỗi sau chừng ấy năm chuyện trò với họ, anh vẫn thấy ra nhiều điều mà trước đây anh chưa từng hay biết.

Thực tình, Kunta không băn khoăn lắm khi phát hiện thấy mình kém hiểu biết đến thế, vì đã có bác vĩ cầm và ông lão làm vườn giúp cho anh đỡ u mê đi; song anh vẫn cảm thấy bối rối sâu sắc khi vỡ lẽ ra, qua bao năm, rằng anh vẫn còn thông tỏ mọi chuyện hơn mức người nô lệ trung bình. Qua những điều anh có thể quan sát được, phần lớn người da đen thậm chí hoàn toàn không biết mình ở đâu, chưa nói gì đến mình là ai.

«Tui cược với mình là một nửa số nhọ ở Vơjinia chưa bao giờ ra khỏi đồn điền của chủ». Bel nói vậy, khi anh nêu vấn đề ấy với chị. «Và họ cũng chưa nghe nhắc đến vấn đề nào khác ngoài Richmơnd, Friđirichbơg và miền Bắc, có lẽ thế, mà cũng chả biết những vùng í ở đâu nữa. Người da trắng cốt giữ cho dân nhọ ngu tối không biết nơi mình ở là đâu, bởi vì họ rất lo dân nhọ nổi dậy hoặc chạy trốn».

Kunta chưa kịp định thần lại khỏi nỗi ngạc nhiên khi nghe thấy một điều sâu sắc như vậy thốt ra từ miệng Bel chứ không phải từ bác vĩ cầm hay ông lão làm vườn, thì chị đã nói tiếp: «Mình có tính chuyện trốn chạy lần nữa nếu gặp dịp không?».

Câu hỏi đó làm cho Kunta ngớ ra và hồi lâu, anh không trả lời gì. Rồi, cuối cùng, anh nói: «À, bao lâu nay, tui không có nghĩ gì đến chuyện í».

«Biết bao nhiêu lần, tui ngẫm đến cơ man là chuyện mà chắc chẳng ai ngờ tui màng tới», Bel nói: «Ví như đôi khi tui tưởng tượng mình được tự do, như tui nghe nói nhiều người ở miền Bắc đã được thế». Chị ướm nhìn Kunta. «Bất kể mexừ tốt đến đâu, tui cảm thấy nếu như mình với tui trẻ hơn thế này, thì dám chắc tui sẵn sàng rời bỏ đây đi ngay đêm nay». Trong khi Kunta ngồi ngây ra đó, sửng sốt, chị bình thản nói: «Xem chừng tui đâm quá lớn tuổi rồi và bi giờ sinh nhát sợ».

Như thể Bel đã đọc được ý nghĩ của anh lúc đó về bản thân mình, và điều đó giáng vào đầu anh như một trái đấm. Anh đã quá lớn tuổi, không còn sức để chạy trốn nữa và quá rã rời rồi. Và khiếp nhược nữa. Tất cả những đau đớn và hãi hùng của những ngày, đêm chạy dài khủng khiếp, bỗng trở lại đôi bàn chân phồng rộp, phổi như vỡ tung ra, đôi bàn tay rướm máu, gai góc xé toạc mình mẩy, tiếng sủa của bày chó truy đuổi, nhe nanh gầm gừ, tiếng súng nổ, nhát roi quất nhói buốt, lưỡi rìu bổ xuống. Bất giác Kunta ngụp vào một nỗi ngao ngán mù mịt. Biết rằng chính mình đã vô tình gây nên nỗi đó, đồng thời cũng biết rằng có nói thêm, thậm chí có phân trần này nọ, lại càng tổ nặng nề hơn, Bel chỉ lẳng lặng đứng dậy, về giường ngủ.

Cuối cùng, khi anh nhận ra chị đã đi khỏi, Kunta day dứt cảm thấy rằng trước đây anh đã hiểu lầm chị theo ý nghĩ chủ quan của mình. Và anh xót xa nghĩ mình đã đánh giá thấp Bel cùng những người da đen khác một cách tàn tệ biết bao.

Tuy không bao giờ để lộ ra, chỉ trừ đối với những người thân yêu – mà đôi khi, cả với những người này cũng không – nhưng, chẳng khác gì Kunta, họ vẫn cảm thấy rõ và căm ghét sự áp bức đè nặng lên cuộc đời họ. Cuối cùng, anh đã nhận ra điều đó. Anh ước gì mình có thể tìm ra cách nào để nói cho chị rõ anh ân hận biết bao, anh thông cảm biết bao nỗi đau của chị, anh xiết mấy biết ơn tình yêu của chị, anh cảm thấy mãnh liệt biết chừng nào mối ràng buộc giữa hai người đang ngày một sâu sắc thêm trong anh. Lặng lẽ, anh đứng dậy, vào buồng ngủ, cởi quần áo, lên giường ôm lấy chị và đôi bên cùng nhau ân ái một cách cuồng nhiệt đến tuyệt vọng.

Chương 68

Mấy tuần nay, Kunta cảm thấy hành vi của Bel đến lạ kỳ. Chẳng hạn, chị hầu như chẳng nói năng gì, song cũng không phải chị có điều gì phiền muộn. Và anh cảm thấy chị nhìn anh một cách quái dị, rồi thở dài sườn sượt khi anh đăm đăm nhìn lại. Mà chị sinh ra cái thói mủm mỉm cười một mình, đến là bí ẩn, trong khi lắc lư trên ghế đu, thậm chí đôi lúc còn âm a hát trong cổ nữa. Rồi một đêm, hai người vừa tắt nến và leo lên giường, chị liền nắm lấy tay Kunta, khẽ khàng đặt lên bụng mình. Một cái gì bên trong chị đụng đậy dưới bàn tay anh. Kunta bật dậy, tưởng đến vỡ tung ra vì sung sướng.

Trong những ngày sau, anh hầu như không nhận ra mình đánh xe đi những đâu. Giá như có sự thay vị đổi ngôi, ông chủ xuống kéo xe và lũ ngựa lên ngồi ghế đằng sau anh, anh cũng bất cần biết, bởi lẽ tâm trí anh đầy tràn những hình ảnh Bel chèo thuyền xuôi dòng bôlông đến ruộng lúa, với con trai anh địu gọn gàng trên lưng. Anh hầu như không nghĩ đến chuyện gì khác ngoài những ý nghĩa vô vàn của đứa con đầu lòng sắp ra đời này, cũng như đối với Binta và Ômôrô, anh đã từng là con đầu lòng. Anh nguyện rằng cũng như bố mẹ cùng những người khác đã làm với anh ở Jufurê, anh sẽ dạy đứa con trai này thành một bậc tu mi nam tử chân chính, bất kể có thể gặp những thử thách và bất trắc như thế nào đi nữa trên mảnh đất này của bọn tubốp. Bởi vì nhiệm vụ của một người cha là phải làm sao như một cái cây khổng lồ cho con trai mình nương tựa. Bởi vì, trong khi con gái chỉ cần được nuôi ăn đến khi đủ lớn để lấy chồng và đi sang nhà khác – mà con gái là do mẹ chúng lo liệu – thì con trai chính là người nối tiếp tên tuổi và thanh danh của gia đình, rồi tới khi cha mẹ già nua, đi không vững, lại chính con trai, từng được nuôi dạy tốt, phải đặt việc phụng dưỡng hai thân lên trên hết.

Việc Bel có mang đưa tâm tưởng của Kunta trở về xa thẳm Châu Phi, thậm chí còn xa hơn cả cuộc gặp gỡ với bác nhạc công người Gana. Thực vậy, một đêm, anh hoàn toàn quên bẵng là Bel đang ở trong lều trong khi anh kiên nhẫn đếm tất cả những hòn sỏi trong chiếc vỏ bầu để ngỡ ngàng phát hiện ra là đã đúng hăm hai vụ mưa rưỡi, anh không được thấy quê hương. Nhưng phần lớn các buổi tối, chị cứ nói hầu như liên tục trong khi anh ngồi đó, nghe lơ đãng hơn mọi khi, mắt trân trân nhìn vào khoảng không. «Anh í chỉ miên man vào những cái trò vè Phi Châu nhà anh í thôi». Bel thường nói với thím Xuki như vậy. Và sau một lát, Bel thường đứng dậy khỏi ghế, không để Kunta thấy, lặng lẽ rời căn phòng, miệng lẩm bẩm một mình và lủi thủi đi ngủ.

Vào một đêm như thế, khoảng một giờ sau khi chị đi nằm, những tiếng rên từ trong buồng ngủ làm Kunta giật bắn người, trở lại thực tại của căn lều. Đã đến lúc rồi sao? Anh bổ nhào vào, thấy chị vẫn ngái ngủ, nhưng đang lăn lộn, cơ hồ sắp la thét. Khi anh cúi xuống sờ má Bel, chị ngồi thẳng dậy trong đêm tối, mình đẫm mồ hôi, hơi thở nặng nhọc.

«Lạy Chúa, tui sợ chết khiếp cho đứa bé trong bụng!» chị vừa nói vừa quàng tay ôm lấy anh. Kunta không hiểu. Mãi một lúc sau chị mới đủ trấn tĩnh lại để kể rằng chị vừa nằm mơ thấy tại một cuộc chơi liên hoan của người da trắng, họ đã thông báo giải nhất sẽ là đứa bé da đen sắp ra đời ở đồn điền của mexừ. Bel đâm hoang mang đến nỗi Kunta phải sắm cái vai trò bất thường là trấn an chị bằng cách cả quyết rằng mexừ Uolơ, như chị biết đấy, ắt chẳng bao giờ nỡ làm như vậy. Anh thuyết phục chị phải đồng ý thế, rồi trèo vào giường nằm bên chị và cuối cùng, chị lại thiếp đi.

Nhưng Kunta thì không ngủ được; anh nằm nghĩ ngợi hồi lâu, nhớ là đã nghe nói có những điều như thế từng xảy ra – những đứa bé da đen chưa đẻ đã bị nhắm đem cho làm quà, bị đưa ra đặt cược ở những canh bạc, những cuộc chọi gà. Bác vĩ cầm đã kể cho anh nghe câu chuyện lão chủ hấp hối của một cô gái da đen mười lăm tuổi có chửa tên là Meri, đã di chúc lại cho năm con gái mỗi nường được một trong năm đứa con đầu tiên của Meri để làm nô lệ. Anh đã nghe kể về những đứa bé da đen được dùng làm bảo chứng để vay mượn, về những chủ nợ nhận trước chúng từ khi còn ở trong bụng mẹ, về những con nợ bán trước chúng để lấy tiền mặt. Hồi đó, ở các cuộc bán đấu giá nô lệ tại tỉnh lỵ Xpotxylvania, theo anh biết, giá trung bình được đặt và trả cho một đứa bé da đen khỏe mạnh ngoài sáu tháng – khi người ta biết chắc là nó sẽ sống – là vào khoảng hai trăm đôla.

Tất cả những chuyện đó vẫn lởn vởn trong trí anh khi mà, vào một buổi tối sau đó khoảng ba tháng, trong căn lều Bel vừa cười vừa kể cho anh nghe là lúc ban ngày, « măm zen » An thóc mách đã hỏi tại sao bụng Bel lại to đến thế. Tui biểu « măm zen » An: Tui đang ủ một ổ bánh con con trong lò đấy, cô bé thân yêu ạ. Kunta khó khăn lắm mới giấu được Bel khỏi thấy nỗi công phẫn của anh trước sự chăm chút, yêu thương chị dành cho con nhỏ giống như búp bê được chiều chuộng rất mực ấy, mà đối với anh, nó chỉ là một đứa khác trong cái đoàn lũ tưởng như bất tận những “tiểu thư”, “công tử” anh thấy ở biết bao ngôi nhà lớn. Giờ đây, khi Bel sắp sửa có một đứa bé cho riêng

chị - và của riêng anh – anh nổi điên lên khi hình dung đứa con trai đầu lòng của Kunta và Bel Kintê chạy nhảy "chơi" với lũ trẻ nít tubốp mà sau này lớn lên sẽ thành các ông chủ - thực tế, nom chúng như sinh đôi vậy – vì cả hai đều cùng một bố da trắng. Kunta nguyền rằng nếu có chuyện gì như thế xảy ra với Bel, thì anh giết quách ông chủ đi còn hơn là trở thành một trong những gã đàn ông mà anh đã thấy cam phận ôm đứa hài nhi "tai tái" của vợ mình và sống với nỗi canh cánh biết rằng hễ công khai thở ra một tiếng phàn nàn thì chắc chắn sẽ bị đánh đập, nếu không phải là tệ hại hơn nữa. Kunta nghĩ đến những đứa con gái nô lệ da "tai tái" được trả giá cao ngần nào tại các cuộc bán đấu giá nô lệ ở trên tỉnh. Anh đã thấy chúng bị đem bán và đã nhiều lần nghe nói về mục đích họ mua chúng để làm gì. Và anh nghĩ đến biết bao chuyện từng được nghe về những đứa con trai da "tai tái" – mới lọt lòng đã có nguy cơ bị bí mật đem đi mất tăm không bao giờ thấy lại, bởi vì người da trắng sợ nếu không thế, lớn lên chúng có thể giống dân mình và trốn đi đến những nơi không ai biết chúng, rồi đem hòa lẫn cái chất đen trong máu chúng vào dòng máu những phụ nữ da trắng. Mỗi lần nghĩ đến bất cứ khía cạnh nào của sự pha trộn máu, Kunta lại cảm ơn Chúa Ala về việc anh và Bel có thể chia sẻ niềm an ủi là dù sao chăng nữa, con trai họ cũng sẽ có nước da đen nhánh.

Bel bắt đầu trở dạ đau vào khoảng đầu một đêm tháng 9 năm 1790. Nhưng chị không muốn để Kunta đi tìm mexừ, ông ta đã hứa đích thân đỡ cho chị và nếu cần thì chị Manđy phải sẵn sàng phụ việc ông. Mỗi lần cơn đau nổi lên, Bel nằm trên giường nghiến răng để khỏi kêu thành tiếng và càng riết chặt tay Kunta mạnh mẽ như đàn ông.

Chính trong một khoảng cách ngắn ngủi giữa hai cơn đau Bel quay bộ mặt đẫm mồ hôi về phía Kunta và nói: "Có một điều đáng ra tui phải kể với mình từ trước. Tui đã hai lần có con, lâu lắm rồi, trước khi tui đến đây, trước cả khi tui tròn mười sáu tuổi" Kunta sửng sốt đứng nhìn xuống Bel đang quằn quại. Giá anh biết chuyện này..., không, dù thế nào đi nữa, anh cũng vẫn lấy chị thôi... Song anh cảm thấy như bị phụ bạc vì nỗi chị không nói cho anh biết từ trước. Gắng thở dốc, thều thào giữa những đợt quặn đau, Bel kể cho anh nghe về hai đứa con gái mà chị đã phải xa lìa khi người ta đem bán chị đi. "Dạo ấy, chúng còn bé tí". Chị bắt đầu khóc. "Một đứa mới lẫm chẫm tập đi, còn đứa kia chưa đầy năm". Chị định kể tiếp, nhưng một cơn đau co thót khiến chị phải bặm miệng lại và bóp chặt lấy tay anh. Khi đã dìu dịu, chị vẫn không buông lỏng tay, ngước lên nhìn anh qua hàng nước mắt và như đọc được suy nghĩ xao động trong đầu anh, chị nói: "Nếu mình muốn biết, bố chúng nó chẳng phải là ông chủ cũng chẳng phải là xubadăng. Chỉ là một nhọ lực điền trạc tuổi tui thôi. Bọn tui chả biết ai hơn".

Cơn đau lại đến, sớm hơn lần trước nhiều, và móng tay chị bấm sâu vào lòng bàn tay anh trong khi miệng há hốc kêu không ra tiếng. Kunta bổ nhào từ lều mình đến lều chị Manđy, đấm cửa thình thình, cất giọng khản đặc gọi, rồi lại mở hết tốc lực chạy đến ngôi nhà lớn. Vừa gõ cửa vừa gọi, cuối cùng anh kéo được mexừ Uolơ ra, ông này chỉ liếc nhìn Kunta một cái là hiểu ngay. "Ta sẽ đến đó ngay", ông nói.

Những tiếng rên đau đớn của Bel, rít lên xé tan yên tĩnh của xóm nô, đuổi khỏi tâm trí Kunta mọi suy nghĩ về những điều Bel vừa thổ lộ cho anh biết. Mặc dầu rất muốn ở bên cạnh Bel, anh vẫn thấy mừng khi chị Manđy ra lệnh cho anh phải ở ngoài; anh ngồi bệt ngay trước cửa, cố hình dung những gì đang diễn ra bên trong lều. Hồi ở Châu Phi anh chưa từng biết gì về chuyện sinh nở, vì cái đó được coi là công việc của phụ nữ, nhưng anh đã nghe nói là người đàn bà, lúc đẻ, quỳ trên những tấm vải trải trên nền nhà, rồi ngồi vào một chảo nước để rửa sạch máu và anh băn khoăn không biết điều đang xảy ra bây giờ có đúng như thế không.

Kunta chợt nghĩ rằng ở tận Jufurê xa vời, Binta và Ômôrô giờ đây đã trở thành ông bà nội và anh buồn bã hiểu rằng chẳng những ông bà và cháu sẽ không bao giờ được trông thấy nhau, mà thậm chí hai người chắc cũng chẳng bao giờ biết là anh đã có con trai nữa kìa.

Nghe thấy những tiếng kêu choe chóe đầu tiên của một giọng khác, Kunta vùng đứng thẳng dậy. Mấy phút sau ông chủ nhô ra, coi bộ phờ phạc. "Chị ấy đẻ khó. Chị ấy bốn mươi ba tuổi rồi còn gì", ông nói với Kunta. "Nhưng trong vòng hai hôm, sẽ tốt đẹp cả thôi". Ông chủ ra hiệu về phía cửa căn lều. "Để Manđy dọn dẹp một lúc cho sạch sẽ gọn gàng, rồi hãy vào mà xem mặt con gái".

Một đứa con gái! Kunta còn đang đấu tranh để định thần lại thì chị Manđy hiện ra ở khung cửa, tươi cười vẫy anh vào. Tập tễnh đi qua gian buồng đằng trước, anh kéo tấm rèm cửa buồng ngủ sang bên và nhìn thấy hai mẹ con nằm đó. Trong khi anh rảo bước tiến đến bên chị, một tấm ván sàn kêu cót két và Bel mở mắt ra, cố gượng mỉm một nụ cười yếu ớt. Lơ đãng, anh quờ thấy bàn tay chị bóp chặt lấy mà hồ như không cảm thấy nó, vì anh đang mải nhìn chằm chặp vào bộ mặt đứa bé nằm cạnh chị, không sao rứt ra nổi. Nó đen gần như mặt anh và các nét rõ là Manđinka không lẫn được. Dù là gái – đó hẳn là ý Chúa Ala – nó vẫn là một đứa bé và anh cảm thấy một niềm tin thanh thản và tự hào sâu sắc khi biết rằng dòng máu bộ tộc Kintê từng xuôi chảy qua bao nhiêu thế kỷ như một con sông mãnh liệt, sẽ còn tiếp tục chảy thêm một thế hệ nữa.

Những ý nghĩ tiếp theo của Kunta, trong khi anh đứng đó bên cạnh giường, xoay quanh việc chọn một cái tên thích hợp cho con. Tuy hiểu rằng không thể xin ông chủ cho nghỉ việc tám ngày để suy xét quyết định chuyện này như một ông bố mới vẫn làm thế ở Châu Phi, song mặc khác, anh cũng biết rằng vấn đề đòi hỏi một sự suy nghĩ khá lâu và nghiêm túc vì anh hiểu rằng tên gọi của một đứa bé sẽ ảnh hưởng thực sự đến việc nó sẽ trở thành người như thế nào, dù nó là trai hay gái. Thế rồi một ý nghĩ vụt lóe lên trong đầu anh: bất kể anh đặt tên cho nó là gì, con bé cũng sẽ được gọi theo họ của ông chủ nữa; ý nghĩ ấy khiến Kunta giận dữ và anh nguyền trước Chúa Ala rằng con bé này lớn lên sẽ biết tên thật của nó là gì.

Đột nhiên chẳng nói chẳng rằng, anh quay ngoắt và bỏ đi. Trời vừa bắt đầu tang tảng rạng đông, anh đi ra ngoài và bước dọc theo hàng rào trên cái lối anh và Bel trước đây đã tình tự với nhau. Anh cần phải suy nghĩ. Nhớ lại những điều chị kể cho anh về nỗi khổ lớn nhất trong đời chị - bị bán rứt đi khỏi hai đứa con gái nhỏ - anh moi óc tìm một cái tên, một tiếng Mandinka nào đó có ý nghĩa nói lên ước muốn sâu sắc nhất của Bel là không bao giờ phải chịu một mất mát như thế nữa, một cái tên sẽ che chở cho kẻ mang nó không bao giờ phải mất mẹ. Đột một cái, anh bỗng tìm ra nó! Lật đi lật lại tiếng ấy trong đầu, cố cưỡng lại nỗi thèm muốn nói to nó lên, dù chỉ cho riêng mình nghe thôi, anh đành nén lòng vì làm như thế là trái lệ. Đúng rồi, tất phải là thế! Mừng rơn về sự may mắn đến với mình trong một khoảnh khắc ngắn như vậy, Kunta hối hả đi dọc theo hàng rào trở về căn lều.

Nhưng khi anh bảo Bel là mình đã chuẩn bị đặt tên cho con, chị liền phản đối mạnh mẽ tới mức không sao tưởng tượng nổi chị lại có thể hăng đến thế trong thể trạng lúc đó. “Vội gì mà đặt tên con sớm thế? Mà đặt tên nó là gì cơ chứ? Chúng ta chưa việc gì phải nói đến chuyện tên mới tuổi muốn sao thì sao!” Kunta thừa biết Bel có thể bướng bỉnh đến mức nào một khi chị đã nổi đóa, cho nên giọng anh có đau xót lẫn giận dữ trong khi anh tìm những lời lẽ đúng đắn để giải thích rằng có một số truyền thống cần phải được tôn trọng, một số thủ tục cần phải theo trong việc đặt tên cho một đứa trẻ, trong đó điều chủ yếu là cái tên đó phải do một mình người bố chọn, anh ta được phép giữ kín không cho ai biết kỳ đến khi bộc lộ trước nhất với đứa bé và chỉ có làm thế mới đúng. Anh tiếp tục nói rằng nhanh vội là thiết yếu, kẻo nhỡ con gái họ lại nghe thấy trước một cái tên nào đó mà mexừ có thể quyết định đặt cho nó.
“Giờ thì tui hiểu rồi!” Bel nói. “Những thói tục Phi Châu đầy rẫy trong đầu anh, nó chẳng được việc gì mà chỉ thêm nhiễu sự thôi. Và những cách thức, tên tuổi vô đạo í, tất tật cả đều không hợp với đứa bé này!”
Trong cơn giận dữ, Kunta nhào ra khỏi căn lều – và suýt đâm xầm vào thím Xuki cùng chị Mandy đang đi vào, mang hàng ôm khăn lau và những nồi nước bốc hơi.

“Chúc mừng anh Tôby bọn tui đến thăm nom Bel đây”.
Nhưng Kunta chỉ hơi ậm à với họ khi đi ngang qua nhau. Một lực điền tên là Catô đi ra rung loạt chuông đầu tiên buổi sáng, báo cho mọi người ra khỏi lều lấy xô múc nước ở giếng để rửa ráy trước bữa điểm tâm. Kunta nhanh chóng quành khỏi xóm nô, rẽ vào lối đi đằng sau dẫn tới chuồng ngựa, muốn lánh thật xa cái đám người da đen vô đạo kia mà bọn tubốp đã huấn luyện đến độ đâm chùn lại sợ bất kỳ cái gì có hơi hướng Phi Châu vốn là nguồn cội của chính họ.

Trong chốn thánh đường chuồng ngựa, Kunta cáu kỉnh cho ngựa ăn, dội nước và kỳ cọ cho chúng. Khi biết rằng đã đến giờ điểm tâm của ông chủ, anh lại đi vòng quãng đường dài, tới cửa bếp ngôi nhà lớn; tại đây, anh hỏi thím Xuki, hiện tạm thay Bel, xem mexừ có cần dùng xe hay không. Chẳng buồn nói hoặc thậm chí ngoảnh lại, thím lắc đầu và rời khỏi căn bếp, không mời anh ăn chút gì. Tập tễnh trở về chuồng ngựa, Kunta tự hỏi không biết Bel đã kể với thím Xuki và chị Mandy những gì cho họ đi ngồi lê đôi mách khắp xóm nô, rồi anh tự nhủ: mặc kệ!.

Anh phải làm một cái gì với bản thân mình; anh không thể nhởn nhơ thêm hàng giờ quanh chuồng ngựa. Mang bộ đồ thắng đai cỗ xe ra ngoài, anh bắt tay vào cái công việc quen thuộc là giết thì giờ bằng cách tra dầu mỡ vào những thứ đó tuy không cần thiết, vì anh mới làm việc này cách đây có hai tuần lễ. Anh muốn quay trở về lều để nhìn mặt đứa bé – và cả Bel nữa – song cơn giận lại trào lên mỗi khi anh nghĩ đến nông nổi hiện tại: Thật nhục nhã biết bao, ai đời vợ một người trong dòng họ Kintê mà lại muốn cho con mình mang một cái tên tubốp nào đó! Đấy chỉ là bước đầu đi tới chỗ phải tự khinh bỉ mình suốt đời thôi!

Vào quãng trưa, Kunta trông thấy thím Xuki đem vào cho Bel một nồi thức ăn gì đó – có lẽ là một thứ xúp. Nghĩ đến chuyện ấy, anh bỗng thấy đói; mấy phút sau, anh ra sau chuồng ngựa, nơi khoai lang vừa rỡ được chất đống ủ dưới rơm; anh chọn lấy bốn củ nhỏ và – tự cảm thấy thương tâm vô hạn – ăn sống tất cả để làm nguôi dạ dày.

Hoàng hôn xuống rồi anh mới quyết định về nhà. Khi anh mở cửa trước và bước vào, buồng ngủ vẫn lặng tờ, không có tiếng Bel đáp lại. Có thể chị đang ngủ, anh nghĩ thầm và cúi xuống thắp một ngọn nến trên bàn.
“Mình đấy à?”.

Anh không hề thấy gì đặc biệt cộc cằn trong giọng nói của Bel. Ậm ừ một cách chung chung, anh nhấc cây nến lên, kéo tấm rèm sang bên và đi vào buồng ngủ. Trong ánh sáng đỏ mờ, anh có thể thấy vẻ mặt chị cũng cương quyết chẳng kém gì anh.
"Này nhé, Kunta", chị nói, đi thẳng vào vấn đề, không phí thời gian vô ích, "có một vài điều tui hiểu ông chủ hơn mình đấy. Mình cứ giở những cái thói Phi Châu í ra, ngộ ông í nổi điên lên bán quách cả ba ta vào phiên đấu giá ngoài tỉnh sắp tới cho biết tay thì sao!"
Cố hết sức nén cơn giận trong lòng, Kunta ấp úng tìm lời lẽ để nói cho Bel hiểu rằng anh đã quyết tâm tuyệt đối, bất chấp mọi nguy cơ, không để con gái anh mang tên tubốp và hơn thế nữa, nó phải được đặt tên theo đúng phép tắc.

Mặc dầu bất đồng tình sâu sắc, Bel còn lo ngại hơn nữa về điều mà Kunta có thể sẽ làm nếu như chị từ chối không nghe anh. Cho nên, cuối cùng chị chấp thuận mà trong lòng rất áy náy, thắc thỏm. "Mình phải làm cái thứ pháp thuật gì nào?" chị hỏi, vẻ hoài nghi. Khi anh nói chỉ cần mang đứa bé ra ngoài một lát thôi, chị một mực yêu cầu anh chờ nó dậy để chị cho bú, cho nó khỏi đói, khỏi khóc, và Kunta đồng ý ngay lập tức, Bel ước tính là ít ra phải hai tiếng nữa đứa bé mới dậy, bấy giờ trong xóm nô chắc hẳn khó mà có ai còn thức để thấy bất kể trò lễ bái nhố nhăng gì mà Kunta định tiến hành. Tuy không bộc lộ ra, Bel vẫn còn tức tối về nỗi Kunta không cho chị tham gia chọn tên cho đứa con gái mà chị vừa cho ra đời, giữa những đau đớn như thế; và chị nơm nớp lo Kunta triềng ra một cái tên có âm Phi gớm ghiếc, nhưng chị tin chắc sau này có thể định liệu với tên đứa bé theo cách riêng của mình.

Đã gần nửa đêm khi Kunta nhô ra khỏi căn lều, bồng đứa con đầu lòng quấn gọn ghẽ trong một tấm mền. Anh cứ đi miết đến lúc cảm thấy xóm nô đã khá xa, không còn có thể phủ một tấm khăn liệm lên cái điều sắp sửa diễn ra.

Rồi, dưới trăng sao, Kunta nâng bổng đứa bé lên, xoay cái bọc phủ mền trong tay cho tai phải đứa bé chạm vào môi mình. Và chậm rãi và rành rọt anh thì thầm bằng tiếng Manđinka ba lần vào lỗ tai nhỏ xíu: "Tên con là Kitzi. Tên con là Kitzi. Tên con là Kitzi". Điều đó được tiến hành như xưa kia đã từng tiến hành với tất cả các tổ tiên dòng họ Kintê, như đã từng tiến hành với bản thân anh, như ắt hẳn cũng sẽ tiến hành với đứa bé này nếu nó sinh ra ở quê cha đất tổ. Nó đã trở thành người đầu tiên được nghe tên đó để biết mình là ai.

Kunta cảm thấy châu Phi rộn rã trong mạch máu mình – và chảy truyền từ anh sang đứa bé, cái phần tươi mát của anh và Bel – trong khi anh tiếp tục đi xa hơn chút nữa. Rồi anh lại dừng bước và nhấc một góc nhỏ của tấm mền để lộ khuôn mặt đen nhỏ xíu của đứa bé ngửa lên trời, và lần này anh nói với nó thật to bằng tiếng Manđinka: "Hãy nhìn xem cái duy nhất lớn hơn bản thân con!".

Khi Kunta bế đứa bé trở về lại căn lều, Bel gần như giằng nó ra, mặt rúm lại vì sợ và bực bội trong khi chị mở tấm mền xem xét nó từ đầu đến chân, không biết là mình tìm cái gì, đồng thời hy vọng sẽ không tìm thấy. Hài lòng thấy anh không làm điều gì quá quắt – ít ra cũng không có gì lộ liễu – chị đặt đứa bé vào giường, trở ra căn phòng đằng trước, ngồi xuống ghế đối diện với anh, cẩn thận khoanh tay trong lòng và hỏi:
"Thôi được, giờ thì cho tui biết đi".
"Biết cái gì?"
"Tên, cái tên tiếng Phi í, mình gọi nó là gì?".
"Kitzi".
"Kitzi! Có ai từng nghe cái tên nào như vậy chưa?".
Kunta giải thích rằng tiếng Manđinka, "Kitzi" nghĩa là "ngồi xuống" hoặc "ở nguyên đó", ý nói rằng không giống như hai đứa trước của Bel, con bé này sẽ không bao giờ bị bán đi.
Chị vẫn không chịu yên. "Chỉ khới chuyện!" chị nhấn thêm. Nhưng khi cảm thấy cơn giận dữ của Kunta bắt đầu dâng lên, chị nghĩ biết điều thì im đi. Chị nói là có nhớ đâu như mẹ chị từng nhắc đến một người bà tên là "Kipbi" nghe rất giống cái tên kia; chí ít, họ cũng có thể nói vậy với ông chủ nếu ông ta sinh nghi.

Sáng hôm sau, Bel cố hết sức giấu nỗi lo sợ của mình khi ông chủ đến thăm chị - thậm chí còn gượng cười to ra điều vui vẻ khi nói cho ông ta biết tên đứa bé. Ông ta chỉ bình luận rằng đó là cái tên kỳ cục, nhưng không tỏ ý phản đối gì cả, và Bel thở phào một tiếng như trút gánh nặng khi ông bước ra khỏi cửa. Trở về ngôi nhà lớn, trước khi sai Kunta đánh xe lên đường, bắt đầu một ngày thăm các bệnh nhân, mexừ Uolơ mở quyển kinh thánh đen to tướng cất trong một cái hòm khóa chặt trong phòng khách, giở đến một trang dành để ghi các sự kiện ở đồn điền và viết một hàng chữ đen rõ đẹp: "Kitzi Uolơ, sinh ngày 12-9-1790"

“Nó giống hệt một con búp bê nhọ xinh xinh” “măмzen” An reo lên, thích mê, nhảy cẫng, khoái chá vỗ tay khi nhìn thấy Kitzi lần đầu trong bếp của Bel, ba ngày sau. “Nó có thể là của em được không?”.
Bel toét miệng cười, vui thích. “À, nó là của tui và của bố nó, cưng ạ, nhưng hễ nó đủ nhớn một cái là cưng có thể tha hồ chơi với nó, chắc chắn thế!”.

Và chị giữ lời hứa như thế. Thường thường, cứ khi nào đến nhà bếp để hỏi xem ông chủ có cần xe hay không, hoặc chỉ là để thăm Bel, là Kunta lại thấy con bé cháu gái tóc hoe của mexừ, giờ đã lên bốn, cúi xuống nựng Kitzi nằm trong một cái giỏ. “Xinh xình xình xinh. Em bé nhớn tí nữa chúng mình chơi tha hồ là vui, em có nghe chị nói hông? Em nhanh nhanh mà nhớn lên nào!” Kunta chẳng bao giờ nói về chuyện ấy, song anh cứ thấy xót xa khi nghĩ là con bé tubốp ấy làm như thể Kitzi ra đời để làm đồ chơi cho nó, như một con búp bê kỳ lạ vậy. Thậm chí Bel không đủ ý thức tôn trọng cương vị của anh là người đàn ông trong nhà và là người bố, để hỏi xem anh cảm nghĩ thế nào về chuyện để con gái anh chơi với con gái của kẻ đã mua anh như một món hàng, Kunta cay đắng nghĩ thầm. Đôi khi anh có cảm giác như Bel không quan tâm đến tình cảm của anh bằng tình cảm của ông chủ. Anh không còn nhớ là chị đã bỏ bao nhiêu tối chỉ nói độc một chuyện “măмzen” An đến thế chỗ con gái đích thực của mexừ Uolơ chết cùng với mẹ nó ngay lúc mới đẻ, thật là đại phúc.
“Ôi, lạy Chúa, chỉ nghĩ lại chuyện í, tui cũng không muốn”, một đêm, chị sụt sịt nói với anh: “Tội nghiệp bà chủ Prixilơ bé nhỏ xinh xắn, bà í chả to hơn con chim là mấy. Ngày nào cũng đi quanh quéo ở đây, khẽ hát một mình, mủm mỉm cười với tui rồi lại vỗ vỗ vào bụng, chỉ ngong ngóng chờ đến ngày sinh nở. Thế rồi cái buổi sáng hôm í, chỉ những la thét và cuối cùng là chết, cả mẹ lẫn con! Tội nghiệp mexừ, từ bấy, xem ra chả mấy khi tui thấy ông mỉm cười – chả gì cũng là suốt cho đến lúc có “măмzen” An này”.

Kunta không hề thương hại cho sự cô đơn của ông chủ, nhưng anh cảm thấy có lẽ nếu lại lấy vợ, ông ta sẽ bận bịu không còn nhiều thì giờ chăm bẵm cháu gái và cách đó hầu như chắc chắn sẽ cắt bớt những cuộc đến thăm đồn điền của “măмzen” An – và do đó, khiến nó ít có cơ hội chơi với Kitzi.
“Từ bấy, tui cứ ngắm ông chủ ẵm cô bé í lên lòng, ghì sát vào người như thế nào, nói chuyện với nó, ru nó ngủ ra sao, rồi cứ ngồi nguyên thế chứ không chịu đặt nó vào giường. Cứ như thể ông không muốn rời mắt khỏi nó suốt thời gian nó ở đây í. Và tui biết đó là vì lòng ông thương cha nó”.

Bel thường bảo anh: nếu “măмzen” An có bạn, năng đến nhà ông chủ hơn trước, thì chỉ càng khiến ông chủ âu yếm hơn đối với cả hai đứa, chưa kể là đối với riêng Kitzi. Còn Me-zừ Jon và bà vợ ốm yếu, thì chắc cũng chẳng lấy gì làm phật ý về việc con gái họ ngày càng đặc biệt gần gũi chú nó “bởi vì, chị lý luận một cách ranh mãnh, như vậy họ sẽ cho là họ càng nhích lại gần đồng tiền của ông chủ hơn”. Chị nói dù mexừ anh ông chủ có ra điều ta đây như thế nào đi nữa, chị cũng biết tỏng là thỉnh thoảng lão vẫn vay tiền của ông và Kunta đủ sáng suốt để hiểu là nên tin lời chị - không phải là anh thực sự quan tâm đến chuyện tubốp nào giàu hơn tubốp nào, bởi vì đối với anh, bọn họ ai nấy đều như nhau cả thôi.

Giờ đây, từ khi Kitzi ra đời, những lần đánh xe đưa ông chủ đi thăm bệnh nhân và bạn bè, Kunta luôn luôn chợt thấy mình chia sẻ nỗi mong ước mà Bel thường hay thổ lộ, là ông chủ lấy vợ kế - mặc dù lý do của anh hoàn toàn khác với của chị. “Tui thấy ông í thật tội nghiệp, cứ sống thui thủi một mình trong ngôi nhà lớn í! Thật tình, tui cho rằng bởi thế cho nên ông í cứ biểu mình đánh xe hai thầy trò rong ruổi trên đường, ông chỉ muốn di động không ngừng còn hơn là ngồi quanh quẩn đấy một mình. Lạy Chúa, cả đến “măмzen” An cũng thấy thế! Lần đến chơi vừa rồi, tui đang dọn bữa trưa cho hai chú cháu ăn, bỗng dưng nó hỏi độp một cái: “chú Uyliơm, sao chú không có vợ như mọi người khác?” Và tội nghiệp, ông í chả biết nói sao cả.

Tuy anh không bao giờ kể lại cho Bel nghe vì anh biết tính chị rất thích dòm ngó vào chuyện riêng của đám tubốp. Kunta biết có ối phụ nữ hễ thấy Kunta ngoặt vào lối nhà mình là chạy ra đón xe ông chủ, gần như rón rén trên đầu ngón chân. Chị bếp da đen to béo ở nhà một bệnh nhân chữa mãi không khỏi của ông chủ, đã nói với Kunta, giọng khinh bỉ: “Cái mụ mặt trơ trán bóng đáng ghét này chẳng có bệnh gì ghê gớm mà ông chủ anh không mau chóng chữa lành được. Mụ đã đẩy một người đàn ông xuống mồ vì những thói ngang ngược, độc ác và bi giờ mụ kêu bệnh chỉ cốt kéo ông chủ anh tiếp tục trở lại đây. Tui ước gì ông í thấy mụ quát tháo, rầy la đám nhọ bầy tui ngay sau khi thầy trò anh đi khỏi, cứ như thể bọn tui là những con la hay là cái quái gì đó, và mụ chả bao giờ đụng đến các thứ thuốc men mà ông í cho mụ đâu?”. Có một nữ bệnh nhân khác bao giờ cũng tiễn ông chủ ra tận cổng khi ông ra về, níu lấy một cánh tay ông như sợ ngã, mắt ngước nhìn thẳng vào mặt ông trong khi tay phe phẩy quạt một

cách yếu ớt. Nhưng đối với cả hai người đàn bà này, bao giờ ông chủ cũng tỏ thái độ rất trịnh trọng và cứng nhắc, và các cuộc thăm bệnh xem ra bao giờ cũng ngắn hơn ở chỗ các bệnh nhân khác.

Cứ thế, ngày tháng cứ tiếp tục trôi qua "măm zen" An vẫn mỗi tuần độ hai lần được đưa đến thăm ông chú Uolơ và mỗi lần, đều bỏ hàng giờ chơi đùa với Kitzi. Mặc dù không thể làm gì để ngăn cản, Kunta vẫn cố tìm cách để chí ít cũng tránh khỏi để nhìn chúng cặp kè với nhau, nhưng dường như chúng ở bất kỳ chỗ nào anh hướng mắt tới và anh không tài nào trốn thoát cái cảnh đứa cháu gái ông chủ vỗ nựng, hôn hít hoặc nâng niu chầm bặp con gái nhỏ của anh. Điều đó làm anh tràn đầy kinh tởm – và nhắc anh nhớ đến một câu tục ngữ Phi từ thời tổ tiên xa xưa: "Rốt cuộc, bao giờ con mèo cũng ăn thịt con chuột cùng chơi đùa với nó".

Điều duy nhất khiến Kunta chịu đựng được là những ngày đêm giữa các cuộc đến thăm của con bé. Khi Kitzi bắt đầu biết bò thì đã vào hè, tối tối, Bel và Kunta ở trong lều riêng sung sướng ngắm nó thoăn thoắt bò quanh sàn nhà, cái đít xinh xinh quấn tã nhổm lên. Nhưng rồi "măm zen" An lại xuất hiện và hai đứa tót đi, đứa lớn nhảy cỡn vòng quanh đứa bé, hò la: "Tiến lên, Kitzi, tiến lên!" và Kitzi cố hết sức bò thật nhanh để đuổi theo, cổ họng phát ra những tiếng ừng ực đầy thích thú vì trò chơi và vì được chú ý. Những lúc ấy, Bel khoái chá, mặt tươi hơn hớn, song chị biết rằng dù Kunta đang lái xe cho ông chủ, chỉ cần anh phát hiện ra "măm zen" An đã có mặt ở đấy, là y như rằng đêm đó anh trở về với bộ mặt lì lì, đôi môi mím chặt và cho đến sáng, cứ như người mất hồn, làm cho Bel hết sức bực mình. Nhưng khi suy xét đến những điều có thể xảy ra nếu Kunta bộc lộ tình cảm bằng cách nào đó, dù chỉ là mập mờ, khiến ông chủ biết được, thì chị cũng thấy hơi sợ khi anh có thái độ như vậy.

Cho nên, Bel cố thuyết phục Kunta rằng quan hệ đó không thể gây hại gì miễn là anh có thể dằn lòng chấp nhận nó. Có nhiều trường hợp – chị nói với anh – những đứa con gái da trắng lớn lên và suốt đời một lòng một dạ chân thành và thậm chí trung thành sâu sắc với các bạn da đen cùng chơi đùa thuở ấu thơ. "Trước khi mình bắt đầu làm công việc lái xe", chị nói, "có một bà chủ da trắng ở cữ bị chết – y như bà vợ ông chủ ta – khác cái là đứa con gái lại sống sót và nó bú sữa một phụ nữ da đen cũng có một đứa con gái riêng. Hai gái con lớn lên, gần như hai chị em, thế rồi mexừ í lấy vợ kế. Nhưng bà chủ mới này rất không muốn hai con bé gần nhau, cuối cùng bà ta xúi được mexừ í bán cả hai mẹ con con bé da đen đi". Nhưng từ lúc ấy trở đi, chị kể tiếp, con bé da trắng cứ lên cơn động kinh liên tục, đến nỗi phải mời đi mời lại mexừ Uolơ luôn; mãi về sau, cuối cùng mexừ bảo người cha rằng nếu không kiếm con bé da đen mang về, con gái ông sẽ buồn phiền, ngày càng yếu đi mà chết thôi. Mexừ í suýt nữa thì lấy roi quất cho bà vợ mới một trận. Ông ta phóng ngựa đi và tiêu không biết bao nhiêu tiền để tìm lại được lão buôn người da đen đã đem hai mẹ con con bé đi và chuộc lại của ông chủ mới đã mua hai mẹ con từ tay lão buôn nô lệ. Nhưng rồi ông ta mang con bé da đen về và kiếm một tay luật sư, làm chứng thư chuyển nhượng nó thành sở hữu của con gái ông ta", và Bel nói là, đến tận bây giờ, sau bao nhiêu năm, cô gái da trắng mặc dầu đã là phụ nữ trưởng thành vẫn không bao giờ bình phục hẳn. "Cô gái da đen vẫn sống ngay bên cạnh, săn sóc cô bạn và không cô nào lấy chồng cả!".

Theo quan niệm của Kunta, ví thử Bel định đưa câu chuyện đó để bài bác tình bạn giữa người da đen và người da trắng, chứ không phải là để ủng hộ khuynh hướng ấy, thì quả chị khó có thể biện bác hùng hồn hơn.

Chương 70

Vào khoảng thời gian sinh Kitzi, cả Kunta và bác vĩ cầm thỉnh thoảng lại trở về đồn điền với những tin tức về một hòn đảo nào đó bên kia bờ nước lớn, gọi là "Haiti"; nghe đồn ở đó, có khoảng ba mươi sáu nghìn người, phần lớn là Pháp da trắng, quá ít so với độ nửa triệu người da đen bị đưa lên tàu, chở từ Châu Phi tới để làm nô lệ ở những đồn điền lớn trồng mía, cà phê, chàm và dừa. Một đêm, Bel nói là chị nghe thấy mexừ Uolơ thuật lại với các khách ăn tiệc rằng lớp người da trắng giàu có ở Haiti sống như những ông hoàng trong khi làm nhục bao nhiêu người da trắng nghèo không đủ khả năng mua được nô lệ riêng.
"Thử tưởng tượng xem! Có ai nghe thấy chuyện như thế bao giờ chưa?" bác vĩ cầm nói, giọng mỉa mai.

"Suỵt!" Bel vừa nói vừa cười và tiếp tục câu chuyện: sau đó, ông chủ kể cho các vị khách thất đảm là qua nhiều thế hệ ở Haiti, đàn ông da trắng và phụ nữ nô lệ "đi lại" với nhau nhiều đến nỗi hiện nay đã có gần hai mươi tám nghìn người lai và da ngà ngà, thường gọi là "dân da màu" mà hầu hết đã được cha đẻ và chủ người Pháp ban cho tự do. Theo một vị khách khác, Bel kể, cái đám "dân da màu" ấy đều nhất nhất tìm kiếm những bạn đời da sáng hơn, nhằm mục đích sinh con đẻ cái mang hình thức bề ngoài hoàn toàn như người da trắng, còn những người vẫn rõ rệt là lai thì đút lót các quan lại để xin những giấy tờ chứng nhận tổ tiên họ là người Anhđiên hoặc Tây Ban Nha hoặc bất cứ gì cũng được, miễn không phải là gốc Phi. Mexừ Uolơ cho biết – mặc dù ông thấy điều đó thật kỳ lạ, khó tin và rất đáng phàn nàn – rằng qua những hành động ban phát hoặc chúc thư của nhiều người da trắng, một số lớn trong đám "da màu" nọ đã đi đến chỗ sở hữu ít nhất là một phần năm toàn bộ đất đai ở Haiti – và những nô lệ kèm theo – bọn này thường đi nghỉ ở Pháp, cho con cái sang học ở bên đó y như những phú hộ da trắng và thậm chí còn sỉ nhục những người da trắng nghèo nữa. Đám khách của ông chủ bất bình bao nhiêu thì đám cử tọa của Bel khoái chá bấy nhiêu khi nghe chuyện đó. "Các người sẽ cười lệch mép bên kia cho đến méo miệng", bác vĩ cầm ngắt lời, "khi nghe thấy, dư tui, mấy mexừ nhà giàu nói chuyện gì tại một vũ hội mà hồi mới đây tui được thuê đến kéo đờn". Các mexừ, bác thuật lại, gật gù bàn luận về chuyện những người da trắng nghèo ở Haiti ghét đám lai và da ngà đến nỗi họ đã kiến nghị liên tiếp, kỳ cho đến khi nước Pháp phải ra luật cấm dân "da màu" không được đi dạo ban đêm, không được ngồi cạnh người da trắng trong nhà thờ, hoặc thậm chí không được mặc quần áo cùng một thứ với họ. Trong khi chờ đợi, bác vĩ cầm nói, cả da trắng và "da màu" cùng trút mỗi hiềm ghét lẫn nhau lên đầu nửa triệu nô lệ da đen ở Haiti. Kunta nói là theo câu chuyện anh nghe lỏm được trên tỉnh giữa đám người da trắng cười ha hả thì xem ra các nô lệ ở Haiti còn khốn khó hơn ở đây. Anh nghe nói trường hợp những người da đen bị phạt đánh đến chết hoặc chôn sống là chuyện cơm bữa và phụ nữ da đen có chửa thường bị xua đi làm việc cho đến khi sẩy thai. Vì cảm thấy có nói ra cũng chẳng đạt được mục đích gì khác ngoài việc làm cho mọi người ghê sợ, nên anh không kể lại những hành động thú vật, vô nhân đạo hơn thế nữa, tỷ như lấy đinh đóng hai bàn tay một người da đen vào tường cho đến khi anh ta buộc phải ăn đôi tai bị cắt của chính mình; một mụ tubốp sai cắt lưỡi tất cả mọi nô lệ của mình, một mụ khác nhét giẻ vào miệng một em bé da đen cho đến khi nó chết đói.

Sau những chuyện khủng khiếp như vậy trong suốt chín, mười tháng qua, trong một chuyến lên tỉnh vào mùa hè năm 1791, Kunta không lấy gì làm ngạc nhiên khi nghe tin những người nô lệ da đen ở Haiti đã vùng lên trong một cuộc nổi loạn điên cuồng, đẫm máu. Hàng nghìn nô lệ đã ào ào tràn ra khắp, tàn sát, đập phá, chặt đầu đàn ông da trắng, mổ bụng trẻ con, hãm hiếp phụ nữ và đốt mọi nhà cửa ở các đồn điền cho đến khi miền Bắc Haiti ngổn ngang đổ nát, mịt mù lửa khói và đám dân da trắng kinh hoàng trốn chạy, cố gắng phấn đấu để sống còn và trả đòn lại – tra tấn, giết, thậm chí lột da mọi người da đen mà họ bắt được. Nhưng họ chỉ là một dúm người sống sót mỗi lúc một teo nhỏ lại trước cuộc dấy loạn đang lan rộng một cách điên cuồng của người da đen, cho đến cuối tháng tám thì chỉ còn mấy nghìn người da trắng tìm nơi ẩn náu hoặc tìm cách trốn khỏi đảo.

Theo lời Kunta, anh chưa bao giờ thấy đám tubốp ở tỉnh lỵ Xpotxylvaniơ phẫn nộ và hoảng hốt đến thế. "Xem chừng họ hốt hơn cả lần nổi dậy vừa rồi ở ngay bang Vơjiniơ này", bác vĩ cầm nói. "Có dễ chỉ độ hai, ba năm sau khi chú mày đến đây, nhưng mà hồi í, chú mày còn lì lì, chả nói chả rằng mí ai, hóa nên chắc chú mày cũng chả biết vụ í. Ở ngay nẻo bang Niu Uêilz, tỉnh lỵ Hanâuvơ, trong một dịp lễ Giáng Sinh, một xúbadăng đánh một tên thanh niên nhọ ngã xuống đất và gã nhọ này vùng dậy vớ một cái rìu xông vào hắn! Cơ mà gã bổ trượt, và thế là dững nhọ khác nhảy bổ vào đánh hắn dữ dội đến nỗi gã nhọ thứ nhất phải lao tới cứu. Tên xúbadăng máu me đầy người, chạy đi cầu cứu, trong khi đó anh em nhọ ta điên đầu lên bắt thêm hai người da trắng nữa, trói lại và đang đánh thì một đám rất đông da trắng mang súng ống rùng rùng kéo đến. Cánh nhọ ta náu vào một nhà kho và bọn da trắng tìm cách dùng lời ngon ngọt dụ họ ra, dưng mà cánh nhọ ào ra vung gậy gộc, ván thùng, kết quả là hai nhọ bị bắn chết và một lô một lốc cả da trắng lẫn nhọ bị thương. Người ta cắt cử dân vệ đi tuần, ra thêm một số luật lệ nữa và cứ thế cho đến khi yên ắng dần. Cái vụ Haiti này làm bọn da trắng tỉnh trí ra, là vì, cũng dư tui đây, họ thừa biết

cả một đống nhọ ngay trước mũi họ chỉ cần một tia lửa đúng thì đúng độ là bùng lên ngay tức khắc, và một khi đã loang ra thì, phải, thưa các ngài, sẽ y hệt dư Haiti tại Vơjiniơ này". Rõ ràng bác vĩ cầm rất khoái cái ý nghĩ này.

Kunta nhanh chóng thấy tận mắt nỗi kinh hoàng của người da trắng ở bất cứ nơi nào anh đánh xe tới, trong các đô thị, hoặc gần các cửa hàng ở những ngã tư, các tiệm ăn uống, tụ đường trong nhà thờ, hoặc bất kỳ nơi nào khác mà họ tới túm năm tụm ba, nháo nhác, mặt mày đỏ gay hoặc cau có mỗi khi anh hoặc bất kỳ người da đen nào khác đi qua gần đó. Cả đến ông chủ vốn họa hoằn mới nói với Kunta ngoài việc bảo đánh xe đến những nơi ông cần đến, cũng đổi giọng khiến cho những lời đó rõ ràng là lạnh lùng hơn, cộc lốc hơn. Trong một tuần lễ, dân vệ tỉnh lỵ Xpotxylvaniơ tuần tra các đường cái quan, hoạnh họe hỏi nơi đến và giấy phép đi đường của bất kỳ người da đen nào qua lại, đánh đập và bắt giam bất kỳ ai mà họ cho là có hành động, hoặc thậm chí là có vẻ khả nghi. Tại một cuộc họp của các ông chủ trong vùng, người ta quyết định bãi bỏ cuộc hội mùa lớn hàng năm sắp tới của những nô lệ cùng với mọi cuộc tụ họp dân da đen ở ngoài đồn điền mình; và thậm chí mọi cuộc tụ tập của xóm nô trong đồn điền để nhảy múa hoặc cầu nguyện cũng phải có xúbadăng hoặc một người da trắng nào khác giám sát. "Khi ông chủ biểu tui thế, tui nói với ông chủ là tui với thím Xuki và chị Manđi chủ nhật nào và bất kỳ có dịp nào cũng quỳ xuống cùng nhau cầu Chúa Jêxu, cơ mà ông chủ chả nói gì về chuyện giám sát bọn tui, cho nên bọn tui cứ việc tiếp tục cầu nguyện!" Bel nói vậy với những người khác trong xóm nô.

Trong mấy đêm sau, ở nhà một mình với Kunta và Kitzi, Bel hì hụi đánh vần tìm những tin tức mới nhất trên nhiều tờ báo loại bỏ của ông chủ. Phải mất đến gần một giờ đồng hồ dò dẫm trên một bài quan trọng, chị mới có thể kể được với anh là "một thứ Dự luật Nhân quyền đã được…" Bel ngập ngừng và hít một hơi thật sâu: "Ờ, được phê chuẩn hay gì gì nữa". Nhưng còn có nhiều tin tức hơn nữa về những sự kiện gần đây ở Haiti – mà phần lớn, họ đã được nghe qua những lời đồn đại trong xóm nô. Điều cốt lõi của đa số những tin tức ấy, chị nói, là cuộc nổi loạn của nô lệ ở Haiti có thể dễ dàng làm tràn lan những ý niệm liều lĩnh trong những người da trắng bất mãn trên đất nước này, là cần phải đặt ra những hạn chế cực kỳ ngặt nghèo và những hình phạt khắc nghiệt. Gấp những tờ báo lại và cất đi, Bel nói: "Tui thấy tuồng như họ không cách nào làm dữ tợn hơn đối với chúng ta, trừ phi là xiềng tất cả chúng ta lại, tui đồ là thế".

Tuy nhiên, trong một vài tháng sau đó tin tức về những phát triển mới ở Haiti dần dà xẹp đi và cùng với sự việc đó, tình hình bớt căng thẳng dần – và những hạn chế được nới ra – trong toàn miền Nam. Mùa gặt bắt đầu và cánh da trắng lại chúc mừng nhau về vụ thu hoạch bông dồi dào – và những giá cả kỷ lục đạt được trong việc bán bông. Bác vĩ cầm được vời đến để đàn ở nhiều cuộc vũ hội và liên hoan trong các đại sảnh đến nỗi ban ngày, khi trở về nhà, bác chỉ lăn ra ngủ, chẳng làm gì thêm mấy tí. "Tuồng dư các ông chủ bán bông được lắm tiền đến nỗi phởn lên dảy múa chí chết", bác bảo Kunta như vậy.

Song chẳng bao lâu, đám da trắng lại có điều gì bất hạnh nữa. Trong những lần đưa ông chủ lên tỉnh, Kunta bắt đầu nghe thấy người ta phẫn nộ bàn tán về con số những "hội chống nô dịch" do những "tên phản bội nòi giống da trắng" tổ chức ra, không những ở miền Bắc mà ở cả miền Nam. Nghi hoặc cao độ, anh đem những điều nghe được kể với Bel và chị nói là đã đọc thấy chuyện đó trong những tờ báo của ông chủ. Báo chí, khi nhắc đến sự tăng lên nhanh chóng của những tổ chức nọ, đổ tại cuộc dấy loạn của người da đen ở Haiti.

"Tui vẫn biểu mình là có một số người da trắng tốt mà!" chị reo lên. "Thật thế, tui đã nghe nói vô khối người trong đám í chống lại những con tàu đầu tiên chở cánh nhọ Phi nhà mình tới đây!" Kunta tự hỏi không biết Bel nghĩ ông bà tổ tiên của bản thân chị gốc gác ở đâu ra, song chị đang phấn khích quá nên anh bỏ qua. "Là vì mỗi khi có chuyện như thế đăng trên báo", chị nói tiếp, "các ông chủ bèn nổi tam bành, gầm thét chửi rủa bọn thù địch của đất nước và đại loại như vậy, cơ mà cái quan trọng là những người da trắng chống chế độ nô lệ càng nói lên những điều mình nghĩ, thì càng có thêm các ông chủ băn khoăn tự hỏi trong thâm tâm là mình đúng hay sai". Chị nhìn chằm chằm vào Kunta. "Nhất là những người tự xưng là tín đồ Cơ đốc".

Chị lại nhìn anh, một ánh ranh mãnh trong mắt. "Mình nghĩ tui với thím Xuki và chị Manđi nói chi về những hôm chủ nhật mà ông chủ tưởng bọn tui chỉ có ca hát và cầu nguyện. Tui theo dõi sát người da trắng. Chả hạn như đám Quêicơ. Họ chống nô dịch, thậm chí còn ủng hộ cách mạng tui muốn nói là ở ngay Vơjiniơ này í", chị nói tiếp. "Và ối người trong bọn họ là những ông chủ có hàng lô hàng xốc nhọ. Cơ mà các giáo sĩ bèn biểu rằng dân nhọ cũng là người, có quyền được tự do như bất kỳ ai khác và một số ông chủ hội viên Quêicơ bắt đầu thả dân nhọ, thậm chí còn giúp họ đi lên miền Bắc nữa. Bi giờ, đã tới mức là những người Quêicơ còn giữ nô lệ nhọ được những người khác giảng giải và tui nghe nói nếu họ vẫn không chịu thả nô lệ, họ sẽ bị nhà thờ rút phép thông công. Ngay bây giờ vẫn tiếp tục, chắc chắn như vậy", Bel nói như reo lên.

"Và tốt vào hạng nhì, là những người theo Hội Giám Lý, tui nhớ mươi mười một năm trước có đọc thấy những người Hội Giám Lý triệu tập một cuộc họp lớn ở Baltimo, cuối cùng họ nhất trí rằng nô dịch là trái với lệ luật của

Chúa và bất cứ ai xưng là tín đồ cơ đốc đều không nên làm thế. Cho nên phần đông là những người hội Giám Lý và Quêicơ làm khuấy động giáo hội để đòi có luật lệ giải phóng nô lệ da đen. Còn những người dòng Báptít và giáo hội trưởng lão – ông chủ ta và cả họ nhà Uolơ là thuộc vào đám này – ờ, tui xem ý họ còn hững hờ không nhiệt tâm. Họ phần lớn chỉ lo cho bản thân họ được tự do thờ phụng theo ý thích của mình, với lại làm sao vừa có cả nô lệ nhọ vừa yên ổn lương tâm".

Bất luận mọi điều Bel nói về những người da trắng chống nô dịch – mặc dù chị đã đọc một số chuyện như thế ngay trong báo của ông chủ – Kunta vẫn chưa lần nào nghe thấy một ý kiến tubốp phát biểu ra miệng mà không hoàn toàn ngược lại thế! Và trong mùa xuân, và mùa hè năm 1792, ông chủ thường mời một số điền chủ chính khách, luật sư và thương gia vào loại lớn nhất trong bang đi cùng xe. Trừ phi có chuyện gì khác khẩn cấp hơn, còn thì đầu đề nói chuyện muôn thuở của họ là những vấn đề mà dân da đen gây ra cho họ.

Bao giờ cũng có một người nào đó nói như thế này: bất cứ ai muốn cai quản thành công đám nô lệ, trước hết cần biết rằng cái quá khứ sống trong rừng với thú vật ở Châu Phi của chúng đã khiến chúng thừa kế một cách tự nhiên sự ngu xuẩn, lười nhác và những thói quen bẩn thỉu, và bổn phận có tính chất cơ đốc của những người được phú cho địa vị ưu đẳng hơn là dạy cho những sinh vật ấy về một ý thức nào đó về kỷ luật, đạo lý và tôn trọng sự làm việc – tất nhiên là bằng cách nêu gương, song cũng còn bằng những luật lệ và những hình phạt cần thiết, mặc dù nhất thiết là nên động viên, khen thưởng những đứa tỏ ra xứng đáng.

Mọi lơ lỏng về phía người da trắng – cuộc trò chuyện tiếp tục, sẽ chỉ khuyến khích cái thói bất lương, các mánh khóe thủ đoạn, và tính giảo quyệt tự nhiên của một giống thấp hơn, và những tiếng be be của các hội chống nô dịch cùng những gì tương tự như vậy chỉ là của những kẻ, nhất là ở miền Bắc, chưa từng sở hữu một tên da đen nào hoặc cai quản một đồn điền có nhiều nô lệ nhọ bao giờ; những kẻ như vậy, ta đừng mong gì chúng ý thức được là những thử thách và gánh nặng của việc sở hữu nô lệ làm người ta căng thẳng sức kiên nhẫn, trái tim, tinh thần và ngay cả linh hồn đến mức muốn vỡ bung ra như thế nào.
Kunta đã nghe vẫn một thứ chuyện chửi bới vô nghĩa đó suốt một quãng thời gian dài đến nỗi nó trở thành một thứ kinh kệ ê a và anh hầu như không buồn chú ý đến nó nữa. Nhưng đôi khi, trong khi đánh xe, anh không khỏi tự hỏi tại sao các đồng bào của mình không giết béng tất cả những tên tubốp đặt chân lên đất Phi. Không bao giờ anh tự tìm thấy một câu trả lời mà anh có thể chấp nhận được.

Chương 71

Vào quãng trưa một ngày oi ả cuối tháng Tám, thím Xuki lạch bạch cố hết sức đi thật nhanh đến chỗ bác vĩ cầm đang đứng giữa đám cà chua và vừa thở hồng hộc vừa nói là thím lo về ông già làm vườn quá. Khi đầu không thấy ông cụ đến lều mình vào giờ điểm tâm, thím chả nghĩ ngợi gì - thím hổn hển nói - nhưng đến trưa cũng không thấy ông xuất hiện khiến thím đâm lo, thím đến cửa lều ông, gõ và gọi rõ to mà không thấy trả lời, thím đâm hoảng và nghĩ rằng tốt hơn hết cứ ra hỏi xem bác vĩ cầm có thấy ông cụ đâu không. Bác cũng không thấy.
"Tau biết vầy, cách này hay cách khác, ngay từ trước khi bước vào đó", đêm ấy bác vĩ cầm nói với Kunta. Và Kunta bảo là anh không tài nào cắt nghĩa nổi cảm giác kỳ lạ đến với anh trong khi đánh xe đưa ông chủ về nhà chiều hôm ấy. "Ông cụ nằm đó ngay trên giường, rất chi là bình thản", bác vĩ cầm nói "bộ mặt hơi cười cười một tí. Coi bộ dư đang ngủ, dưng mà thím Xuki thì bỉu cụ í đã thức giấc trên thiên đàng". Bác nói bác ta mang tin buồn đó ra báo cho những người làm đồng và tay lực điền chính Catô đã cùng bác trở về, giúp một tay tắm rửa cho thi hài và đặt lên một tấm ván lạnh. Rồi họ treo chiếc mũ rơm, đã nâu sạm vì mồ hôi, của ông lão làm vườn ra ngoài cửa lều để báo tang theo tục lệ cổ truyền, trước khi cánh lực điền trở về và tập hợp trước lều nghiêng mình thi lễ lần cuối, rồi Catô và một lực điền khác đi đào huyệt.
Kunta trở về lều, lòng buồn gấp đôi - không những chỉ vì ông lão làm vườn đã chết mà còn là vì từ khi sinh Kitzi, anh đã không năng tới thăm ông cụ như anh có thể làm, trước đấy thì tưởng chừng hầu như không đủ thì giờ và bây giờ thì đã quá muộn. Về tới nhà, anh thấy Bel giàn giụa nước mắt; điều đó anh đã đoán trước, nhưng lý do khiến chị khóc làm cho anh ngạc nhiên "Xưa nay tui vẫn cảm thấy ông cụ là người cha mà tui chưa bao giờ biết mặt", chị nức nở, "Không biết vì sao mà tui không thổ lộ với ông cụ điều í, nhưng từ nay về sau, ông cụ không còn đây nữa, chắc sẽ không bao giờ lại như xưa". Chị và Kunta lặng lẽ ăn bữa tối trước khi ủ Kitzi cẩn thận đề phòng đêm mùa thu lạnh, bồng theo đến cùng với những người khác "ngồi bên kẻ quá cố" cho tới khuya.
Kunta ngồi hơi tách khỏi ra những người khác, với con bé Kitzi không ngừng giãy giụa trong lòng suốt đầu giờ cầu nguyện, và hát khe khẽ, rồi chị Manđi bắt đầu rì rầm nói chuyện, hỏi có ai nhớ là có bao giờ ông cụ nhắc đến bà con họ hàng nào còn sống không. Bác vĩ cầm nói: "Một bận đã lâu, tui nhớ là cụ có nói rằng cụ không biết mặt mẹ. Tui chỉ nghe cụ kể về gia đình có vậy thôi". Vì trong bọn họ, bác vĩ cầm là người gần gũi ông cụ nhất, và nếu có ai biết gì thì đó ắt chỉ là bác, cho nên mọi người quyết định rằng có lẽ không cần phải báo tin cho ai cả.
Một đoạn kinh nguyện nữa, một bài hát nữa, rồi thím Xuki nói "Tuồng như từ bao lâu nay, ông cụ vẫn là người làm của ai đó trong họ nhà Uolơ. Tôi có nghe cụ kể là hồi còn bé, mexừ vẫn cưỡi trên vai cụ, hóa nên tui đồ rằng vì thế, sau này khi có đại sảnh riêng, mexừ mới đưa ông cụ về đây".
"Mexừ cũng rất buồn", Bel nói. "Mexừ biểu tui nói với tất cả các bác, các anh, các chị mai nghỉ làm việc nửa ngày".
"Tốt, ít ra ông cụ cũng sẽ được chôn cất tử tế", người vừa nói là Ađa, một nữ lao công làm đồng, mẹ thằng bé Nâuơ đang thản nhiên ngồi bên cạnh "Có nhiều ông chủ chỉ cho phép ngừng làm việc vừa đủ để đến ngó mặt người nhọ chết đúng một cái trước khi cái xác còn ấm bị rúi xuống ba tấc đất".
"Ờ, tất cả những người trong gia đình Uolơ đều là những người da trắng tốt bụng, cho nên chúng ta ở đây, không ai phải lo lắng vì chuyện í", Bel nói.
Thế rồi một số người khác bèn nhắc tới chuyện các điền chủ giàu có đôi khi cũng bày ra những đám tang rất tươm tất, thường là cho những đầu bếp lâu năm ở nội thất hoặc những nhũ mẫu già đã bế ẵm, cho bú và góp phần nuôi nấng hai hoặc thậm chí ba lứa trẻ trong gia đình. "Có khi họ được chôn trong khu mộ của người da trắng, có những phiến đá phẳng đánh dấu chỗ họ nằm".
Thật là một phần thưởng ấm lòng, tuy có phần muộn mằn, đối với cả một đời lam lũ vất vả, Kunta chua chát nghĩ thầm. Anh nhớ lại cụ già làm vườn có kể với anh là hồi cụ mới đến làm ở nội thất của ông chủ, cụ còn là một gã coi ngựa trẻ tráng, lực lưỡng; cụ làm công việc này trong nhiều năm cho đến khi bị một con ngựa đá rất đau. Cụ vẫn được dùng, nhưng càng ngày càng trở nên tàn phế và cuối cùng, mexừ Uolơ bảo cụ tiêu nốt những năm tháng còn lại bằng cách làm bất cứ cái gì cụ cảm thấy có thể làm. Với Kunta làm trợ thủ, cụ đã trông nom vườn rau cho đến khi quá yếu, cả đến việc đó cũng không kham nổi, và từ đó trở đi, cụ dành phần lớn thời gian lấy rác ngô đan mũ, lấy rơm đan quạt và làm đệm ghế cho tới lúc chứng viêm khớp tiến triển làm tất cả các ngón tay của cụ cũng đâm liệt. Kunta nhớ đến một ông già khác mà thi thoảng anh có gặp ở một đại sảnh giàu có ở đầu tỉnh đằng kia. Tuy đã được phép nghỉ hưu từ lâu, sáng nào ông lão cũng đòi vài người da đen trẻ hơn khiêng ra ngoài vườn, ở đó ông có thể nằm nghiêng nhổ cỏ bằng đôi bàn tay sứt sẹo lam nham, giữa những vạt hoa của bà chủ trọn đời quý mến cũng già và tàn phế như ông. Và đó là những người may mắn, Kunta biết thế. Nhiều người già, khi không còn đủ sức thực hiện công việc trước kia của mình, bắt đầu bị đánh đập và cuối cùng bị bán đi với giá khoảng hai mươi hoặc ba mươi đôla cho một nông dân "rác rưởi da trắng" nào đó có ước vọng ngoi lên hàng điền chủ, và do đó bắt họ làm chí chết.

Kunta bị rứt ra khỏi những ý nghĩ đó khi tất cả mọi người đứng dậy khỏi chỗ ngồi chung quanh anh, họ đọc một lời nguyện cuối cùng và uể oải hướng về nhà làm một giấc độ vài tiếng để lại trở dậy trước khi trời rạng sáng.
Ngay sau khi điểm tâm, bác vĩ cầm mặc cho ông cụ bộ com-lê đen rách mà cha đẻ mexừ Uolơ đã cho cụ bao nhiêu năm về trước. Số quần áo ít ỏi khác của cụ đã bị đốt, vì, Bel nói với Kunta, ai mặc quần áo người chết thì chẳng bao lâu cũng chết theo luôn. Rồi Catô buộc thi hài lên một tấm ván rộng mà anh đã dùng rìu vót nhọn ở cả hai đầu.
Một thoáng sau, mexừ Uolơ ra khỏi ngôi nhà lớn, mang theo quyển kinh thánh màu đen to đùng và đi vào hàng, nối theo những người ở xóm nô, trong khi họ bước lật đật một cách kỳ cục, chốc chốc lại dừng, đằng sau thi hài được chở trên một chiếc xe la. Họ khe khẽ hát một bài trước đây Kunta chưa từng nghe thấy bao giờ "Sớm mơi, đến đó, tôi sẽ nói với chúa Jêxu của tôi: a, vui thay/ vui thay … Sớm mơi thức dậy, tôi sẽ thưa với Chúa Jêxu của tôi: a, vui thay/ vui thay/…" Họ cứ tiếp tục hát suốt dọc đường đến nghĩa địa nô, nơi mà Kunta nhận thấy ai nấy đều tránh do nỗi sợ hãi sâu sắc đối với cái họ gọi là "êu ma" và "vong hồn", mà anh cảm thấy có phần nào giống với những quỷ thần ở châu Phi của anh. Đồng bào anh cũng tránh nghĩa trang, nhưng đó là do trân trọng, không muốn quấy rầy người quá cố chứ đâu có phải vì sợ.

Khi mexừ Uolơ dừng lại ở một mé huyệt, và các nô lệ của ông ta ở mé bên kia, bà già thường được gọi là thím Xuki bắt đầu cầu nguyện. Rồi một nữ tá điền trẻ tên là Pơl hát một bài hát buồn: "Mau về thôi, linh hồn mệt mỏi của ta… Hôm nay tôi nghe thấy tiếng từ trên trời… Mau lên, linh hồn mệt mỏi của ta… Tội lỗi của tôi được dung tha và linh hồn của tôi được giải thoát…". Rồi mexừ Uolơ cúi đầu nói: "Jôzêphox, lão đã là một nghĩa bộc tốt và trung thành. Cầu Thượng đế ban phước lành cho linh hồn lão an tĩnh. Amen". Qua nỗi buồn thương của mình, Kunta ngạc nhiên nghe thấy ông lão làm vườn được gọi là "Jôzêphox". Anh băn khoăn không biết tên thật của ông cụ là gì - cái tên truyền lại từ các tổ tiên dòng giống Phi - và tông tộc ông cụ trước kia thuộc bộ lạc nào. Anh tự hỏi không hiểu chính ông lão có biết rõ điều đó hay không. Dễ thường ông đã chết như ông đã sống - không hề biết mình thực sự là ai. Qua những con mắt nhòa lệ, Kunta cùng những người khác theo dõi Catô và người giúp việc hạ ông già xuống lòng đất mà ông đã bỏ bao nhiêu năm vun xới cho của cải mọc lên. Khi những xẻng đất bắt đầu thình thịch xuống mặt, xuống ngực thi hài, Kunta chớp chớp và nuốt nước mắt trong khi đám phụ nữ chung quanh anh bắt đầu cất tiếng khóc to và cánh đàn ông thì hắng giọng, hỉ mũi xụt xịt.

Trong khi mọi người rời nghĩa địa, lặng lẽ trở về, Kunta thầm nghĩ: ở Jufurê, khi một người chết thì gia đình và các bạn thân than hờ và lăn lộn vào đám tro than và bụi trong lều, trong khi đó, dân làng nhảy múa bên ngoài, bởi vì đa số người Phi tin rằng không thể có đau buồn mà không kèm hạnh phúc, không thể có cái chết không kèm theo sự sống trong cái vòng tuần hoàn mà chính cha anh đã giảng cho anh nghe khi bà nội Yaixa yêu dấu của anh qua đời. Anh nhớ Ômôrô đã bảo anh: "Nín ngay, Kunta", và giải thích rằng bà nội chẳng qua chỉ nhập vào một trong ba loại người thường có trong tất cả mọi làng - những người đã đi chầu Chúa Ala, những người đang sống và những người sẽ sinh ra. Trong một lúc, Kunta nghĩ bụng là phải cắt nghĩa điều đó cho Bel, song anh biết là chị sẽ không hiểu. Tim anh trĩu xuống - cho đến một lúc sau đó, anh quyết định đó sẽ là một trong nhiều điều mà một ngày kia anh sẽ kể cho Kitzi về mảnh đất quê hương mà hẳn nó sẽ không bao giờ được thấy.

Chương 72

Cái chết của ông cụ làm vườn vẫn tiếp tục đè nặng lên tâm trí của Kunta đến nỗi, cuối cùng một buổi sau khi Kitzi đã đi ngủ, Bel phải góp ý kiến đôi lời về chuyện ấy.

"Kunta này, tôi biết là mình thương cụ làm vườn í như thế nào rồi, cơ mà chả phải đã đến lúc mình nên rút ra khỏi đó mà hòa với người sống hay sao?". Anh chỉ trừng trừng nhìn chị. "Thôi tùy mình, cơ mà chủ nhật tới, đầy hai năm Kitzi mà mình cứ mang bộ mặt ỉu xìu í thì còn sinh nhật, sinh nhiếc gì nữa?"
"Tui sẽ tươi tỉnh", Kunta sững sờ nói, hy vọng Bel sẽ không đoán ra là anh đã quên tịt chuyện đó.

Anh có năm ngày để làm một món quà cho Kitzi. Đến chiều thứ năm, anh đã đẽo xong một con búp bê Manđinka rõ đẹp bằng gỗ thông, lấy dầu lanh pha muội đen xát lên, rồi đánh bóng cho đến khi nó óng ánh như những đồ chạm gỗ mun ở quê anh. Và Bel, từ lâu đã khâu xong cho con bé một cái áo váy, đang lúi húi ở trong bếp làm hai cây nến hồng bé tí xíu để cắm lên chiếc bánh kem sô-cô-la định đến tối chủ nhật sẽ mời thím Xuki và chị Manđi tới cùng ăn - thì Ruxbi, xà ích của mexừ Jon đánh xe đến.

Bel phải cắn lưỡi lại khi ông chủ hớn hở gọi chị vào báo cho biết là "măмzen" An đã gạ được bố mẹ cho ở với chú cả đợt nghỉ cuối tuần và tối mai sẽ đến. "Nhớ dọn sẵn một buồng khách nhé", ông chủ nói, "Mà sao chị không làm một chiếc bánh ngọt hoặc cái gì đó cho ngày Chủ nhật? Cháu gái tôi bảo là con bé nhà chị sắp mừng sinh nhật và nó muốn liên hoan - riêng hai đứa với nhau thôi - trên buồng của nó. An cũng hỏi là để con bé ngủ đêm với nó ở trên nhà này có được không và tôi bảo được, cho nên hãy sửa soạn một ổ nằm trên sàn ở chân giường nhé".

Khi Bel báo tin này cho Kunta - đồng thời nói thêm rằng chiếc bánh mình sắp làm sẽ phải dọn lên ở ngôi nhà lớn chứ không phải ở lều của họ, rằng Kitzi sẽ bận liên hoan với "măмzen" An nên không tổ chức liên hoan gia đình được - Kunta giận đến nỗi không nói được, thậm chí không nhìn chị nữa. Tập tễnh ra ngoài, anh đi thẳng đến nhà kho, nơi anh giấu con búp bê dưới một đống rơm và lôi nó ra.

Anh đã nguyện với Chúa Ala rằng loại chuyện như thế này sẽ không bao giờ xảy đến với Kitzi của anh - nhưng anh làm gì nổi? Anh thấy nao lên một cảm giác bị ức đoạn đến lộn mửa, tới mức anh bắt đầu hiểu ra tại sao những người da đen nọ cuối cùng đã đi đến chỗ tin rằng chống lại bọn tubốp cũng vô ích như một bông hoa cố ngóc đầu lên khỏi lớp tuyết đang rơi vậy. Nhưng rồi nhìn trân trân vào con búp bê, anh nghĩ đến câu chuyện anh đã nghe về người mẹ da đen đã đập đầu đứa con nhỏ của mình vào bục bán đấu giá đến phòi óc và thét lớn: "Ta không chịu để con gái ta chịu cái phận mà các ngươi đã gây cho ta đâu!". Và anh giơ con búp bê lên quá đầu, định ném nó vào tường, rồi lại hạ nó xuống. Không, anh không thể làm thế với Kitzi được. Nhưng còn chuyện trốn chạy thì sao? Chính bản thân Bel cũng đã từng nhắc đến chuyện ấy. Liệu chị có thực sự muốn đi khỏi không? Và nếu có, liệu họ có thể thành công được không - với tuổi của họ hiện nay, với một đứa bé mới chập chững biết đi? Trong nhiều năm, anh đã tạm gác đi ý đó, không suy tính gì nữa, nhưng giờ đây anh đã thuộc cả vùng như chính cái đồn điền này. Biết đâu…

Buông con búp bê xuống, anh đứng dậy và đi về lều. Nhưng anh chưa kịp mở miệng thì Bel đã nói: "Kunta, tôi cũng đau xót như mình, nhưng hãy nghe tui nói! Tui thà chết còn hơn để con gái mình lớn lên thành một đứa cày thuê cuốc mướn như cái thằng bé Nâuơ. Nó mới hơn Kitzi có hai tuổi mà họ đã bắt đầu đem nó ra ngoài đồng nhổ cỏ, xách nước. Bất kể mình có những cảm nghĩ khác như thế nào, nhưng xem ra mình cũng phải đồng ý như thế". Cũng như thường lệ, Kunta chẳng nói chẳng rằng, nhưng trải qua một phần tư thế kỷ làm công việc của kẻ nô lệ, anh đã thấy khá đủ để hiểu rằng cuộc đời của một cố nông là kiếp trâu ngựa, và anh thà chết còn hơn phải chịu trách nhiệm về việc khép con gái mình vào một số phận như vậy.

Rồi mấy tuần sau, vào một buổi tối, anh về tới nhà thì thấy Bel đã đợi sẵn ở cửa, tay cầm cốc sữa lạnh mà bao giờ anh cũng thèm sau một cuốc xe dài. Khi anh ngồi xuống chiếc ghế đu chờ bữa ăn tối, chị đến sau lưng anh, và không đợi anh yêu cầu, xoa bóp lưng cho anh vào đúng cái chỗ mà chị biết thể nào cũng đau rần sau một ngày cầm cương. Khi chị đặt trước mặt anh chiếc đĩa đựng món ăn ưa thích nấu theo lối Phi của anh, Kunta biết là hẳn chị đang tìm cách xoa dịu anh vì một chuyện gì đó, nhưng anh đã đủ kinh nghiệm để hiểu rằng chưa cần phải hỏi rõ đầu đuôi ra sao vội. Suốt buổi ăn tối, chị nói chuyện ríu rít hơn mọi khi về những điều vặt vãnh và anh đã bắt đầu thắc mắc không biết bao giờ chị mới đi vào vấn đề thì, khoảng một giờ sau bữa tối, khi hai người chuẩn bị đi nằm, chị bỗng ngừng nói một hồi lâu, hít một hơi thật sâu rồi đặt tay lên cánh tay anh. Anh biết đã đến lúc.

"Kunta, tôi không biết đưa đẩy chuyện này với mình ra sao, cho nên tôi đành nói toẹt ra thôi. Mexừ bảo với tôi là ông đã hứa với “măмzen” An sẽ thả Kitzi ở nhà mexừ Jon chơi với nó một ngày, khi ông đi ngang qua đó trong chuyến thăm bệnh ngày mai".

Thế này thì quá lắm. Phải ngồi yên mà nhìn Kitzi bị từ từ biến thành một con chó cưng lễ độ cũng đã đủ nhục nhã, nhưng bây giờ, khi nó đã thuần nhà, họ lại muốn anh mang con vật đến giao cho kẻ canh giữ mới. Kunta nhắm mắt lại, tự vật lộn để nén cơn cuồng nộ, rồi nhảy chồm khỏi ghế - phũ phàng giật tay khỏi Bel - rồi lao ra cửa. Trong khi chị nằm trên giường thao thức suốt đêm ấy, thì anh ngồi thức trắng trong chuồng ngựa, dưới bộ đồ trắng. Cả hai cùng khóc.

Sáng hôm sau, khi đỗ xe trước cửa nhà mexừ Jon, Kunta chưa kịp bế Kitzi đặt xuống đất thì "măмzen" An đã chạy ra đón. Thậm chí nó cũng không chào tạm biệt, Kunta cay đắng nghĩ thầm, tai nghe rộn tiếng cười khanh khách của hai bé gái đằng sau lưng trong khi anh lái ngoặt đôi ngựa vòng lại để ra đường cái.

Chiều đã muộn và anh đã đợi ông chủ mấy giờ liền bên ngoài một đại sảnh ở vào quãng hai mươi dặm mé dưới, theo đường cái, khi một người nô lệ ra bảo anh rằng mexừ Uolơ có thể phải ở lại suốt đêm trông nom bà chủ ốm của họ và nhắn Kunta ngày mai trở lại đón ông. Cau có, Kunta làm theo; đến nhà "măмzen" An, thấy nói là cô bé xin với mẹ để cho Kitzi ở lại qua đêm. Nhẹ hẳn người khi bà mẹ ốm yếu nọ trả lời là hai đứa ồn ào quá làm bà nhức đầu, Kunta vội vã rong xe lăn bánh trở về, với Kitzi nhấp nhổm nảy lên nảy xuống bên cạnh, trên chiếc ghế ngồi lái chật chội.

Trong khi rong ruổi trên đường, Kunta vụt nghĩ rằng đây là lần đầu tiên hai cha con hoàn toàn một mình với nhau, kể từ cái đêm anh nói cho con biết tên nó là gì. Anh cảm thấy một nỗi hồ hởi kỳ lạ mỗi lúc một tăng lên trong khi xe lăn bánh trong hoàng hôn sẫm dần. Song anh cũng cảm thấy mình có phần dại khờ. Tuy đã suy nghĩ rất nhiều về những dự định và trách nhiệm của mình với đứa con đầu lòng này, anh vẫn thấy phân vân không biết nên hành động ra sao. Đột nhiên, anh bế phắt Kitzi lên lòng. Một cách vụng về, anh sờ nắn chân, tay, đầu nó trong khi nó giẫy giụa và giương mắt nhìn anh, ngỡ ngàng. Anh lại nhấc bổng nó lên, thử xem nó nặng chừng nào. Rồi, rất trịnh trọng, anh đặt dây cương vào lòng bàn tay nhỏ xíu, âm ấm của nó - phút chốc, tiếng cười vui sướng của Kitzi vang lên như âm thanh tuyệt diệu nhất trước, nay anh từng nghe thấy.
"Con gái bé xinh xẻo", cuối cùng anh nói với nó. Con bé chỉ nhìn anh. "Con giống hệt em trai Mađi của bố".

Nó vẫn chỉ nhìn anh, không nói. "Fa!", anh chỉ vào mình. Con bé nhìn ngón tay anh. Đập khẽ vào ngực mình, anh nhắc lại: "Fa!" song nó lại hướng sự chú ý trở về với đôi ngựa. Tay giật cương lách tách, miệng nó hét: "Hấp!" bắt chước một tiếng hô nào đó nó đã nghe thấy anh thốt ra. Nó ngước lên, hãnh diện mỉm cười với anh, nhưng mặt anh tỏ vẻ phật ý đến nỗi nụ cười nhanh chóng tắt đi và xe chạy nốt đoạn đường còn lại trong im lặng.

Mấy tuần sau, trên đường trở về sau một cuộc viếng thăm "măмzen" An lần thứ hai, xe đang chạy, bỗng nhiên Kitzi ngả người về phía Kunta, dí ngón tay nhỏ bụ bẫm vào ngực anh và nháy mắt nói: "Fa!".
Anh sướng run cả người. "Ec tu mo Kitzi leh!". Anh vừa nói vừa cầm lấy ngón tay con bé chỉ vào nó: "Con tên Kitzi". Anh ngừng một lát: "Kitzi". Nó bắt đầu mỉm cười, ra điều công nhận tên mình. Anh chỉ vào mình: "Kunta Kintê".

Nhưng Kitzi chừng như bối rối. Nó chỉ vào bố nói: "Fa!". Lần này cả hai cha con cùng cười toét miệng.

Đến độ giữa mùa hè, Kunta rất khoái vì thấy Kitzi rất mau thuộc những chữ anh dạy nó - và xem vẻ nó rất thích những chuyến đi xe ngựa với bố. Anh bắt đầu nghĩ rằng có thể còn hy vọng ở nó. Rồi một hôm, tình cờ nó nhắc đến một đôi chữ Manđinka trong khi chỉ có một mình nó với Bel. Bel liền gửi Kitzi đến lều thím Xuki ăn tối và chờ sẵn Kunta khi anh trở về đêm hôm ấy.

"Ông mất trí rồi sao hở người đời?", chị rít lên, "ông phải biết chú ý hơn cho tui chứ - ai lại giở giói nhiễu sự ra như thế để đẩy con bé và cả bọn ta đến chỗ mang tai mang vạ! Tốt hơn, ông hãy cố nhồi vào cái đầu rắn cắc của ông rằng nó không phải người Phi!". Chưa bao giờ Kunta giận Bel đến thế, chỉ thiếu chút xíu nữa là anh đánh chị. Chẳng những chị đã phạm cái tội không thể tưởng tượng được là to tiếng với chồng mà quá quắn hơn nữa, chị còn bác bỏ cả huyết thống và hạt giống của anh. Lẽ nào người ta lại chẳng có thể thốt lên một chữ của tiếng nói thừa kế đích thực từ tổ tiên mình mà không sợ một tên tubốp nào đó trừng phạt? Tuy nhiên, một cái gì đó báo động cho anh là đừng có trút nỗi giận dữ anh cảm thấy, vì mọi cuộc va chạm trực diện với Bel có thể bằng cách nào đó chấm dứt những chuyến đi chơi xe ngựa với Kitzi. Nhưng rồi anh lại nghĩ chị không thể làm thế mà không cho ông chủ biết vì sao, và hẳn chị không đời nào dám nói ra lý do ấy. Ngay cả như thế, anh vẫn không hiểu nổi ma quỷ nào ám anh đến nỗi hóa u mê đâm đầu đi lấy một ả đàn bà sinh trưởng trên đất của tubốp.

Ngày hôm sau, trong khi chờ ông chủ hoàn thành một cuộc thăm bệnh tại gia ở một đồn điền gần đó, một tay lái xe khác kể cho Kunta câu chuyện mới nhất anh ta nghe được về Tuxên, một nô lệ cũ đã tổ chức nên một đạo nghĩa quân da đen lớn ở Haiti và đang lãnh đạo họ chiến đấu thắng lợi, không những chống người Pháp mà cả bọn Tây Ban Nha và bọn Anh nữa. Tuxên - gã lái xe kia nói - đã học hỏi về chiến tranh qua việc đọc những cuốn sách về các chiến sĩ trứ danh ngày xưa tên là "Alêcxan Đại đế" và "Juliuyt Xêza", những sách này do chủ cũ của anh ta cho, và về sau, anh đã giúp người này trốn từ Haiti sang "Hợp Xẻng Cuốc". Trong mấy tháng qua, đối với Kunta, Tuxên đã trở nên một vị anh hùng, tầm cỡ chỉ đứng sau người chiến sĩ thần thoại Xunđiata của dân tộc Manđinka, và Kunta hầu như không đủ kiên nhẫn chờ đến lúc trở về truyền đạt câu chuyện mê ly này cho những người khác.

Anh quên khuấy không kể cho họ nghe. Bel đến gặp anh ở chuồng ngựa báo tin là Kitzi bị sốt và nổi hạch. Ông chủ gọi đó là "quai bị", và Kunta đâm lo hoài, mãi đến khi Bel bảo anh bệnh ấy là bình thường ở trẻ con. Sau đó, khi được biết "măzen" An được lệnh phải cách ly cho đến khi Kitzi khỏi - ít nhất là hai tuần - thậm chí anh còn hơi thinh thích là đằng khác. Nhưng Kitzi mới ốm được mấy ngày, gã xà ích Ruxbi của mexừ Jon đã mang đến một con búp bê tubốp quần áo đầy đủ, quà của "măzen" An. Kitzi đâm mê nó. Cô bé ngồi trong giường, ghì chặt con búp bê, chao qua chao lại, lim dim mắt trầm trồ "Xinh quá là xinh". Kunta chẳng nói chẳng rằng bỏ đi, và lao sầm sầm qua sân đến nhà kho. Con búp bê vẫn trên tầng gác, ở chỗ anh bỏ bẵng nó mấy tháng trước đây. Lấy tay áo lau thật sạch, anh mang nó về lều và gần như dúi nó vào người Kitzi. Con bé cười vang, thích thú khi trông thấy nó, Bel cũng phải khen. Nhưng sau mấy phút, Kunta có thể thấy là Kitzi thích con búp bê tubốp hơn, và lần đầu tiên trong đời, anh nổi giận với con gái.

Anh chẳng thấy sung sướng gì hơn khi nhận thấy hai cô bé hăm hở biết bao để bù lại những tuần lễ vắng nhau. Mặc dù đôi khi Kunta được sai đưa Kitzi đến chơi đằng nhà "măzen" An, nhưng chẳng ai lạ gì là "măzen" An vẫn ưng đến nhà chú hơn, bởi vì mẹ nó thường chưa chi đã kêu nhức đầu vì hai đứa làm ồn, và, theo lời chị bếp Ômêga, thậm chí còn giở đến ngón võ cuối cùng là giả vờ ngất nữa. Song, chị bếp nói, bà chủ đã gặp địch thủ là cô con gái miệng lưỡi leo lẻo. Một hôm, Ruxbi kể với Bel là có lần bà chủ gã quát con gái: "Mày ăn nói, đi đứng hệt như bọn nhọ!" và "măzen" An liền vặc lại: "Phải, bọn nhọ vui hơn chúng ta vì họ chẳng có gì để mà lo cả!". Song, ở nhà mexừ Uolơ, hai con bé muốn làm ồn thế nào cũng được. Những lần lái xe trên lối đi dọc theo những vạt trồng hoa, dù đi ra hay đi vô, chả mấy khi Kunta không nghe thấy hai đứa hò hét đâu đó trong khi chúng chạy nhảy lung tung trong nhà, ngoài sân, ngoài vườn và - mặc dầu Bel cố hết sức ngăn chặn - thậm chí cả ở chuồng gà, chuồng lợn, kho thóc cũng như các lều bỏ ngỏ ở xóm nó.

Một buổi chiều, trong khi Kunta đi vắng với ông chủ, Kitzi dẫn "măzen" An về lều chỉ cho xem quả bầu đựng những hòn sỏi của Kunta mà kỳ lên quai bị phải nằm nhà, nó đã khám phá ra và rất mê. Tình cờ, vừa đúng lúc Kitzi thò tay vào bên trong miệng bầu, Bel bước vào lều, nghé mắt nhìn và hét lên: "Tránh xa những viên đá của bố mày ra! Cái í là để bố biết mình bao nhiêu tuổi đấy!". Hôm sau Ruxbi mang đến cho ông chủ một bức thư của ông anh trai và năm phút sau, mexừ Uolơ gọi Bel vào phòng khách, giọng gay gắt của ông ta khiến chị lo sợ ngay cả trước khi rời khỏi bếp, "măzen" An đã kể cho bố mẹ về một cái gì đó nó thấy ở trong lều chị. Câu chuyện bỏ đá vào quả bầu mỗi lần đầy tháng là cái thuật chiêu hồn gì của dân Phi châu vậy? ông ta hỏi.

Đầu óc loáng thoáng các ý nghĩ rất nhanh, Bel bật ra: "Đá? Đá gì, mexừ?" "Chị thừa biết ta muốn nói gì", ông chủ nói.

Bel cười gượng, thắc thỏm: "Ồ, cháu biết ông chủ nói chuyện gì rồi. Không đâu, mexừ, chả làm gì có chuyện chiêu hồn. Chả là cái lão nhọ Phi nhà cháu không biết đếm, có thế thôi mexừ ạ. Thành thử cứ sang tuần trăng mới là nó bỏ một hòn đá con vào quả bầu để xem tất cả bao nhiêu hòn mà luận ra tuổi của nó."

Mexừ Uolơ mặt vẫn cau có, ra lệnh cho Bel trở về bếp. Mười phút sau, chị sầm sầm bước vào lều, giựt phắt Kitzi ra khỏi lòng Kunta, và xòe tay phát vào mông nó - gần như thét lên: "Từ rày mà còn đưa cái con bé đó vào đây nữa là tao vặn cổ mày, nghe chưa?"

Sau khi tống cổ bé Kitzi khóc khóc mếu mếu vào giường ngủ, Bel cố trấn tĩnh lại, đủ để giải thích cho Kunta rõ chuyện. "Tui biết là sỏi với bầu thì chả có hại gì", chị nói, "cơ mà thế cũng đủ tỏ cho mình thấy như tui đã biểu là những cái trò Phi phiếc í chỉ mang tai mang họa thôi! Mà mexừ là chả bao giờ có thể quên chuyện gì đâu nhé!"

Kunta cảm thấy một nỗi phẫn uất bất lực đến nỗi anh không ăn được cơm tối. Sau hơn hai mươi vụ mưa đánh xe cho ông chủ, hầu như hằng ngày, Kunta lấy làm kinh ngạc và giận điên người về nỗi anh chỉ bỏ những hòn sỏi vào một quả bầu để ghi nhớ tuổi mà cũng thành vấn đề nghi vấn.

Phải thêm hai tuần nữa, sự căng thẳng mới dịu xuống đến mức "măm zen" An có thể tiếp tục đến chơi, nhưng một khi đã trở lại như cũ thì cứ y như là sự biến kia không hề xảy ra vậy; Kunta đâm gần như phiền não. Đang kỳ quả chín rộ, hai cô bé sục tới, sục lui những dãy hàng rào đầy dây nho, tìm ra những mảng dâu dại màu xanh thẫm và trở về nhà với những xô đầy, tay và miệng đỏ nhoe đỏ nhoét. Có những ngày khác, chúng mang về những kho báu gồm vỏ ốc sên, tổ chim hồng tước hoặc cái đầu mũi tên cáu bẩn bám đầy, vui sướng trưng tất cả ra khoe với Bel trước khi giấu vào một nơi nào đó rất bí mật, sau đó chúng xoay ra chơi nắm bùn. Đến giữa chiều, sau khi rùng rùng kéo vào nhà bếp, bùn bê bết đến tận khuỷu tay và bị xua trở ra để rửa ráy ở ngoài giếng, đôi bạn mệt phờ nhưng hớn hở ấy xà vào ăn bữa ăn qua quít mà Bel đã sắp sẵn cho chúng rồi cùng nhau nằm xuống một tấm nệm làm một giấc. Nếu "măm zen" An ở lại đêm thì sau bữa tối với ông chủ, nó rốn lại cùng chú đến giờ đi ngủ, bấy giờ ông ta bèn bảo nó ra nói với Bel là đến giờ kể chuyện. Và Bel liền đưa con bé Kitzi cũng mệt phờ như vậy, và kể tiếp cho cả hai những chuyện phiêu lưu của chú thỏ bị cáo lừa, nhưng cuối cùng lại cho cáo vào tròng.

Kunta, trước tình thân ngày càng sâu đậm giữa hai con bé, càng hậm hực hơn cả khi anh thấy nó chớm nở trong nôi Kitzi. Một phần trong tâm tưởng - anh phải công nhận như vậy - anh hài lòng thấy Kitzi được tận hưởng thời thơ ấu một cách tốt đẹp đến thế và anh đã đi đến chỗ đồng ý với Bel rằng dù là một vật cưng của đám tubốp vẫn còn hơn suốt đời làm lụng ngoài đồng. Song anh dám chắc thỉnh thoảng anh có thể cảm thấy ngay cả Bel cũng hơi khó chịu thế nào ấy khi chị nhìn thấy hai con bé nô đùa với nhau thân thiết đến thế. Anh dám nghĩ rằng, ít ra cũng có vài lần, Bel cảm thấy và lo sợ những điều giống anh. Có những đêm trong lều mình, ngắm chị vuốt ve Kitzi trong lòng và ê a một bài hát "Jêxu" của chị, anh có cảm giác rằng, trong khi nhìn xuống khuôn mặt thiêm thiếp ngủ của con bé, chị sợ cho nó, chị muốn cảnh cáo nó về việc quan tâm quá đáng đến bất cứ một tubốp nào, cho dù đôi bên có vẻ quý mến nhau đến đâu mặc lòng. Kitzi còn nhỏ quá, chưa hiểu nổi những điều đó, nhưng Bel thừa biết việc tin tưởng ở đám tubốp có thể dẫn đến những đau đớn xé gan xé ruột như thế nào; bọn chúng đã chẳng bán đi hai đứa bé sơ sinh đầu tiên của chị đấy sao? Thật không có cách nào đoán được điều gì đang chờ đợi Kitzi trong tương lai, chẳng những đối với riêng nó, mà còn đối với cả anh và Bel nữa. Song có một điều anh biết chắc: Chúa Ala sẽ báo oán khủng khiếp lên đầu bất kỳ tubốp nào làm hại Kitzi của vợ chồng anh.

Chương 73

Mỗi tháng hai chủ nhật, Kunta đánh xe chở ông chủ đến nhà thờ ở Tụ đường của gia đình Uolơ, cách đồn điền khoảng năm dặm. Bác vĩ cầm bảo với anh rằng không chỉ có dòng họ Uolơ mà còn có nhiều gia đình da trắng quan trọng khác cũng xây Tụ đường riêng ở trong tỉnh. Kunta ngạc nhiên phát hiện ra rằng đến chầu lễ, còn có một vài gia đình da trắng kém vai vế hơn ở các vùng lân cận, và thậm chí có cả một số "cùng đinh" trong vùng, mà xe của anh thường vượt qua trong khi họ đi bộ tới, mang lủng lẳng đôi giầy buộc liền vào nhau bằng một sợi dây vắt qua vai. Cả ông chủ lẫn bất kỳ ai trong đám "người thượng hảo hạng" khác - theo cách gọi của Bel - đều chẳng bao giờ dừng lại cho đám "cùng đinh" đi nhờ xe; và Kunta thấy thế là may.

Bao giờ cũng là một bài thuyết giáo dài, ê a, xen giữa một lô những lời hát và cầu nguyện cũng ẽo ợt như vậy và khi xong xuôi tất cả, ai nấy bèn nối đuôi nhau từng người một đi ra, bắt tay cha giảng đạo, và Kunta thích thú nhận thấy cả đám "cùng đinh" lẫn những kẻ thuộc giai cấp ông chủ đều mỉm cười ngả mũ chào nhau, cứ như việc họ cùng là dân da trắng khiến cho họ giống hệt nhau vậy. Nhưng rồi khi rải bữa ăn trưa ngoài trời dưới bóng cây thì bao giờ cũng phân ra làm hai hạng ở hai mé đối diện của sân nhà thờ - y như thể họ mới vừa chỉ tình cờ ngồi tách riêng ra thôi.

Một hôm chủ nhật, trong khi cùng với các lái xe khác ngồi đợi và theo dõi thể thức quan trọng ấy. Ruxbi thì thầm vừa đủ cho những người kia nghe thấy: "Tuồng như dân da trắng chẳng thấy khoái gì trong việc ăn uống cũng như lễ bái". Kunta nghĩ thầm là trong suốt những năm anh biết Bel, cứ đến giờ tụ họp cầu Chúa "Jêxu nhà chị" là bao giờ anh cũng viện cớ có việc khẩn cấp chuồn mất, nhưng suốt dọc đường từ nhà kho đổ đi, anh đã nghe thấy họ làm rộn lên như mèo gào, đến mức khiến anh thấy một trong những điều hiếm hoi đáng phục ở đám tubốp là việc họ thích lễ bái một cách lặng lẽ hơn.

Độ một tuần lễ sau, Bel mới nhắc Kunta về một cuộc "họp trại lớn" mà chị định đi dự vào cuối tháng bảy. Đó là sự kiện lớn mùa hè hàng năm của dân da đen kể từ khi anh đến đồn điền, và vì mọi năm trước anh đều kiếm cớ từ chối không đi, nên anh ngạc nhiên thấy chị vẫn kiên trì hỏi anh. Anh chẳng biết gì mấy về các điều diễn ra tại các cuộc tụ tập lớn ấy, ngoài việc là nó có dính dáng đến cái tôn giáo trần tục của Bel, và anh chẳng muốn dự phần vào đấy. Nhưng Bel lại năn nỉ một lần nữa: "Tui biết mình bao giờ cũng rất muốn đi mà", chị nói giọng đầy giễu cợt, "tui cho là nói sớm với mình để mình còn đưa vào chương trình riêng mà".

Kunta không thể nghĩ ra một câu đối đáp cho sắc sảo và dù sao cũng không muốn gây sự cãi nhau, nên anh chỉ nói: "Để tui nghĩ", trong khi anh không hề có ý định cùng đi.

Đến ngày hôm trước cuộc họp trại, khi anh dừng xe ở trước tòa đại sảnh sau một chuyến đi lên tỉnh, ông chủ bảo:
"Ngày mai ta không cần đến xe, Tôbi ạ. Nhưng ta đã cho phép Bel và các phụ nữ khác đi dự buổi họp trại ngày mai và ta có bảo anh có thể đánh xe chở họ đến đó được".

Giận sôi lên, tin chắc đây là mưu mô của Bel sắp đặt ra như vậy, Kunta buộc ngựa sau chuồng ngựa, chưa vội tháo chúng ra khỏi gióng, và đi thẳng về lều, Bel đưa mắt nhìn anh đứng ở khung cửa một cái rồi nói: "Không nghĩ ra cách nào khác để đến đây vào lúc Kitzi được rửa tội à?"
"Được gì?"
"Được rửa tội, có nghĩa là nó đã vào nhà thờ"
"Nhà thờ nào? Cái đạo "Lạy chúa" nhà các người í à?"

Thôi đừng có giở cái trò ý ra nữa. Chuyện này không dính dáng gì đến tui. "Măm zen" An đã xin với người nhà nó các chủ nhật cho mang Kitzi đến tụ đường của họ ngồi đằng sau trong khi họ cầu nguyện ở đằng trước. Cơ mà nếu nó không rửa tội thì không thể đến nhà thờ của người da trắng được".
"Thế thì nó không cần đến nhà thờ nào hết!"
"Ông vẫn chẳng hiểu gì cả, ông nội người Phi ạ. Được vời đến nhà thờ của họ là một đặt quyền đấy. Ông nói không, là liền đó, ông với tui, mời cả hai xéo ngay ra đồng hái bông".

Sáng hôm sau, khi khởi hành, Kunta ngồi ngay đuỗn trên chiếc ghế cao của xà ích, nhìn thẳng trước mặt, thậm chí không buồn ngoái lại nhìn đứa con gái phấn khởi cười khanh khách trong lòng mẹ, giữa những người phụ nữ khác với những chiếc giỏ đựng bữa ăn ngoài trời. Hồi lâu, họ chỉ líu lo nói chuyện với nhau, rồi họ bắt đầu hát: "Chu-úng ta trèo lên chiếc thang của Jacốp…[1] Chu-úng ta trèo lên chiếc thang của Jacốp…Chu-úng Chu-úng ta trèo

lên chiếc thang của Jacốp…chúng ta, những người lính thập tự.. Kunta ớn đến nỗi phải ra tay quật mạnh dây cương vào mông những con la, làm cho cỗ xe chúi về đằng trước và những hành khách của anh xóc nảy người lên - song dường như vẫn chưa đủ mạnh để khiến họ im mồm. Thậm chí, anh còn có thể nghe thấy cái giọng e é của Kitzi giữa tiếng những người khác nữa. Bọn tubốp không cần phải bắt lén con anh, Kunta cay đắng nghĩ, nếu như vợ anh sẵn lòng đem cho nó đi.

Những chiếc xe cũng chật ních người như thế từ các con đường nhánh của các đồn điền đi ra và cứ thấy họ mừng rỡ, vẫy tay chào hỏi nhau, Kunta lại càng trở nên bất bình. Lúc họ đến bãi cắm trại, trong một cánh đồng cỏ rập rờn, nở hoa, thì anh đã tự khích động mình lên tới mức hầu như không buồn để ý thấy khoảng cách hơn một tá xe kéo đã đậu ở đó cùng những chiếc khác đang đến cùng khắp ngả. Cứ mỗi xe dừng lại, những người ngồi trong lại ồn ã túa ra, la hú, phút chốc đã nhập bọn với Bel và những người khác đang hôn nhau, ghì lấy nhau trong đám đông nhộn nhạo. Một ý nghĩ từ từ chớm nở trong đầu Kunta là anh chưa bao giờ thấy đông đảo người da đen đến thế tập hợp ở một điểm trên đất tubốp và anh bèn bắt đầu chú ý.

Trong khi phụ nữ tập trung các giỏ thức ăn trong một lùm cây, cánh đàn ông bắt đầu dồn về phía một mô đất ở giữa đồng cỏ. Kunta buộc la vào một cái cọc đóng xuống đất, rồi ngồi xuống đằng sau cỗ xe - nhưng làm sao vẫn trông thấy được mọi điều diễn ra. Một lát sau, tất cả bọn đàn ông đã ngồi sát nhau trên mặt đất, gần chòm gò - trừ bốn người có vẻ lớn tuổi nhất; những người này vẫn đứng. Rồi như theo một hiệu lệnh đã quy định trước, người già nhất trong số bốn vị cao niên - ông cụ rất đen, lưng còng, gầy gò, râu bạc trắng - đột nhiên ngật đầu ra đằng sau và hô to về phía đám phụ nữ: "Ta truyền hỡi con cái của JÊXU!".

Không thể tin ở mắt mình, ở tai mình, Kunta theo dõi trân trân trong khi đám phụ nữ nhanh nhẹn quay lại, đồng thanh hô: "Dạ, lạy Chúa!" rồi vội vã chen chúc đến ngồi đằng sau người đàn ông đã tập hợp trước. Kunta ngạc nhiên thấy cảnh đó sao mà giống cái cách dân làng Jufurê ngồi dự các cuộc họp của Hội đồng Bô lão mỗi tuần trăng triệu tập một lần.
Ông già lại hô: "Ta truyền - tất cả các người có phải là con cháu JÊXU không?"
"Dạ, lạy Chúa!"

Lúc này, ba ông già kia ra đứng trước mặt cụ già nhất và lần lượt kêu lên:
"Đến một thời chúng con chỉ là tôi tớ của CHÚA"
"Dạ, lạy Chúa!", những người dưới đất hô.
"Các người hãy sẵn sàng, Jêxu BAO GIỜ CŨNG VẪN sẵn sàng!"
"Dạ, lạy Chúa!"
"Các con có biết Đức chúa Cha vừa bảo gì ta không?" Người nói: "Có ai là kẻ lạ ở đây không?"

Một tiếng hô nhập cục lại nổi lên, gần như dìm hẳn những lời cụ già nhất trong số bốn vị cao niên bắt đầu nói. Kỳ lạ thay, ngay cả Kunta cũng thấy xúc động phần nào. Cuối cùng, đám đông im lặng dần, đủ để cho anh nghe được những điều ông lão râu bạc đang nói.
"Hỡi con cái của Chúa, có một miền đất CHÚA! Đó là nơi mà mọi người tin ở Chúa thảy đều sẽ tới! Kẻ có đức tin sẽ tới đó SỐNG đ-ờ-i đ-ờ-i chẳng cùng!…"

Chẳng mấy chốc cụ già đã mồ hôi đầm đìa hai cánh tay quều quào trong không, người run lẩy bẩy vì phải dùng sức để hô truyền quá mạnh, giọng khàn đi vì xúc động: "Kinh thánh dạy chúng ta rằng chiên non và sư tử sẽ CÙNG nằm bên nhau!" Ông lão ngật đầu ra sau, vung hai tay lên trời, "Sẽ không có ông chủ và nô lệ NỮA! Tất cả sẽ chỉ là CON CÁI CỦA CHÚA mà thôi!"

Rồi đột nhiên một người đàn bà nhảy lên, bắt đầu hát: "Ôi Jêxu! Ôi Jêxu! Ôi Jêxu! Ôi Jêxu!" Hành động đó phát động những người khác xung quanh chị ta và trong vòng mấy phút, khoảng hăm bốn, hăm nhăm phụ nữ đã xoay vòng, vừa lắc lư người vừa la hét, Kunta vụt nhớ là bác vĩ cầm đã có lần kể với anh rằng ở một số đồn điền mà ông chủ cấm nô không được lễ bái, họ thường giấu một cái thùng sắt trong khu rừng gần đấy, ai cảm thấy bị ma ám thì rúc đầu vào đó mà hô hét, cái thùng đủ sức bịt tiếng ồn để ông chủ hoặc xú-ba-dăng khỏi nghe thấy.

Chính giữa lúc đang nghĩ vậy, thì Kunta phẫn nộ và bối rối sâu sắc khi thấy Bel cũng ở trong đám phụ nữ loạng quạng la hét đó. Đúng lúc ấy, một người trong bọn hô: "Tôi là con của CHÚA!", lăn ra đất như bị một đòn quật ngã và nằm sõng sượt đó, run bần bật. Một số khác theo chị và bắt đầu quằn quại, rên rỉ trên mặt cỏ. Một phụ nữ khác, trước đó lồng lộn vòng quanh, lúc này đứng sững như một cây cột, thét lớn: "Lạy Chúa, Jêxu, chỉ có riêng người!".

Kunta có thể nói là không ai trong bọn họ định trước bất cứ điều gì họ đang làm. Nó cứ bộc phát theo cảm nghĩ của họ - theo cái cách chính dân tộc anh vẫn nhảy múa cúng bái vong hồn ở bên quê nhà, dùng hành động thể hiện ra

những gì họ cảm thấy trong lòng. Trong khi cơn la hét và quằn quại bắt đầu dịu đi, Kunta chợt nghĩ rằng các cuộc nhảy múa ở Jufurê cũng chấm dứt cách ấy - dường như trong trạng thái kiệt lực. Và anh có thể cảm thấy là, cách nào đó, những người này xem vẻ cũng vừa mệt lử vừa yên ổn với chính mình.

Rồi người nọ tiếp người kia, họ bắt đầu đứng dậy khỏi mặt đất và kêu to với những người khác:
"Lưng tui đau quá là đau, mãi đến khi được nói mấy Chúa tui. Người bỉu tui: "con đứng thẳng người lên!" từ bấy tui hết đau".
"Mãi đến khi Chúa Jêxu cứu rỗi linh hồn, tui mới gặp Người, bi giờ tui kính yêu Người trên hết tất cả!"

Còn có những lời khác nữa. Rồi cuối cùng, một cụ già khởi xướng một bài cầu và khi đọc xong, tất cả mọi người kêu A-MEN! Rồi bắt đầu hát kinh to, đầy hào hứng: "Tôi có giày, bạn có giày, con cái của Chúa thảy đều có giày! Khi lên thiên đàng, tui đi giày vào, dạo khắp thiên đàng của Chúa! Thiên đàng! Không phải ai nói thiên đàng cũng sẽ được đến đó! Thiên đàng! Thiên đàng! Tôi sẽ dạo khắp Thiên đàng của Chúa."

Trong khi hát, họ đứng dậy khỏi mặt đất, từng người một và bắt đầu bước rất chậm, theo sau vị tóc bạc giảng đạo, xuống khỏi gò đất và đi ngang cánh đồng cỏ. Khi hết bài hát, họ tới bờ một con đầm mé bên kia, tại đó người giảng kinh quay lại đối diện với họ, giữa ba vị bô lão kia và giơ tay lên:
"Và bây giờ hỡi anh chị em, đã đến lúc những ai chưa sạch tội gột rửa tội lỗi trong dòng sông Jođan!"
"Ôi, xin vâng!", một người đàn bà trên bờ hô.
"Đã đến lúc dập tắt lửa địa ngục vào trong dòng nước thánh của miền ĐẤT HỨA!"
"Đúng thế!", một tiếng hô nữa vọng tới.
"Tất cả những kẻ sẵn sàng lặn xuống vì linh hồn mình và sống đời đời với CHÚA, hãy đứng nguyên. Còn lại ai đã rửa tội hoặc sẵn sàng vì Chúa Jêxu, thì ngồi xuống!"

Kunta ngỡ ngàng theo dõi; tất cả, trừ mười hai hoặc mười lăm người, đều ngồi xuống. Trong khi những người kia sắp hàng bên bờ nước, vị truyền giáo và người khỏe nhất trong số bốn bô lão bước thẳng xuống đầm, đến lúc nước ngập đến hông mới dừng và quay lại.

Nói với thiếu nữ đứng đầu hàng, vị giảng kinh hỏi: "Con đã sẵn sàng chưa?". Cô bé gật đầu. "Vậy, hãy tiến lên!"

Nắm lấy cả hai cánh tay cô, hai vị bô lão còn lại dắt thiếu nữ xuống đầm để gặp những người kia ở giữa. Đặt bàn tay phải lên trán cô gái, trong khi vị bô lão to lớn nhất, từ đằng sau, dùng cả hai tay nắm vai và hai người kia càng riết chặt hai cánh tay cô, vị truyền giáo nói: "Lạy Chúa, xin cho đứa bé này được rửa sạch", rồi đẩy cô lùi lại trong khi ông già đằng sau kéo vai xuống cho đến khi cô chìm hẳn xuống nước.

Trong khi tăm sủi lên mặt nước và cô bé bắt đầu giãy giụa chân tay, các vị ngước mắt lên trời và vẫn giữ thật chặt. Chẳng mấy chốc, cô bé đạp loạn xạ và quằn người lên dữ dội; các vị chỉ có thể giữ cô dưới nước đến thế thôi. Họ kéo cô lên khỏi mặt nước; cô bé thở hồng hộc, ọc nước và vùng vẫy điên cuồng, trong khi họ gần như khiêng vào bờ - và giao vào trong tay bà mẹ đang đứng chờ.

Rồi họ quay sang người tiếp theo trong hàng - một gã thanh niên mới ngoài hai mươi tuổi đang đứng nhìn trân trân, hãi quá không dám động đậy. Thực tế là phải kéo anh ta xuống. Miệng há hốc, Kunta theo dõi từng người - tiếp theo là người đàn ông trung niên, rồi một em gái trạc mười hai tuổi và một bà già gần như không bước nổi, lần lượt bị dẫn xuống đầm, chịu sự thử thách kỳ quái ấy. Tại sao họ lại làm thế? Cái thứ "Đức Chúa" độc ác nào lại đòi hỏi những người muốn tin ở ông ta lại chịu đau đớn như thế? Dìm một người đến gần chết đuối, thì làm sao mà rửa sạch được cái xấu ở anh ta? Đầu óc Kunta xộn rộn những câu hỏi - anh không thể trả lời được câu nào - cho đến khi người cuối cùng được kéo lên, sặc sụa khỏi mặt nước.

Chắc là xong rồi, anh thầm nghĩ. Nhưng nhà truyền giáo vẫn đứng trong đầm, lấy tay áo ròng ròng nước lau mặt và lại nói: "Và bây giờ, trong tất cả các con đây, có ai muốn hiến con mình cho đức chúa JEXU nhân ngày thánh này không?" Bốn phụ nữ đứng dậy, người đầu tiên trong số đó là Bel đang nắm tay Kitzi.

Kunta nhảy chồm dậy bên cạnh cỗ xe. Nhất định họ không thể làm thế! Nhưng rồi anh trông thấy Bel dẫn đầu đi tới bờ đầm và bắt đầu bước - thoạt tiên còn chậm chạp, ngập ngừng, rồi mỗi lúc một nhanh về phía đám đông ở rìa nước. Khi vị truyền giáo vẫy Bel, chị cúi xuống bế Kitzi lên tay và mạnh mẽ sải bước xuống nước. Lần đầu tiên trong hai mươi lăm năm, kể từ cái ngày bàn chân anh bị chặt, Kunta lao đầu chạy - nhưng khi anh tới bên đầm, chân giật thon thót, thì Bel đã ra giữa, đứng cạnh vị truyền giáo. Hổn hển lấy hơi. Kunta mở miệng định gọi thì vừa lúc đó, vị truyền giáo bắt đầu nói:
"Các con thân yêu, chúng ta họp mặt ở đây để đón mừng một con chiên nữa vào lòng! Tên đứa bé là gì?"

"Kitzi, trình cha".
"Lạy Chúa,…", ông cụ bắt đầu nguyện, bàn tay trái đặt dưới đầu Kitzi và nhắm mắt lại.
"Không!", Kunta hét lên, khản cả giọng.

Bel quay phắt đầu lại, mắt nhìn thẳng vào mắt anh, bốc lửa. Vị truyền giáo đứng sững, hết nhìn anh lại nhìn chị, Kitzi bắt đầu sụt sịt khóc, "Im, con", Bel thì thầm. Kunta cảm thấy những cái nhìn hằn học bao quanh anh. Mọi sự chững lại.

Bel phá vỡ im lặng. "Không sao, thưa cha. Đấy chỉ là cái anh chồng người Phi của con thôi. Nó không hiểu. Con sẽ giảng cho nó sau. Cha làm tới đi."

Kunta ngớ ra không nói lên lời, anh thấy vị truyền giáo nhún vai, quay trở lại phía Kitzi, nhắm mắt và bắt đầu.
"Lạy Chúa, xin hãy giỏ nước thánh ban phước lành cho đứa trẻ này… tên nó là gì nhỉ?"
"Kitzi"
"Xin ban phước cho đứa trẻ Kitzi này và mang nó an lành cùng Người đến miền đất HỨA!". Vừa nói, nhà truyền giáo vừa nhúng tay phải xuống nước, vẩy mấy giọt vào mặt Kitzi và hô: "AMEN!".

Bel quay lại, bế Kitzi vào bờ, bì bõm lội ra khỏi đầm và đứng trước mặt Kunta, ướt lướt thướt. Cảm thấy ngớ ngẩn và xấu hổ, anh nhìn xuống đôi chân lấm bùn của chị, rồi ngước mắt lên bắt gặp đôi mắt chị long lanh ướt - vì nước mắt chăng? Chị đặt Kitzi vào trong tay anh.
"Được rồi, nó chỉ ướt thôi", anh nói, bàn tay xần xùi vuốt ve mặt Kitzi.
"Chạy thế, chắc mình đói bụng rồi. Tui thì đã hẳn rồi. Ta đi ăn đi. Tui mang đi cả thịt gà rán, cả trứng nướng tiêu ớt và cả cái món trứng trộn sữa ngọt lừ mình ăn mãi không chán í".
"Nghe có vẻ ngon lành đấy", Kunta nói.

Bel khoác tay anh và họ chậm rãi quay trở lại, đi ngang cánh đồng cỏ đến chỗ giỏ thức ăn đặt trên cỏ trong bóng râm của một cây óc chó.

Chú thích
[1] Ông tổ của 12 bộ lạc Ixrael, một đêm nằm mơ thấy một cái thang nối liền đất với trời.

Chương 74

Một đêm ở trong lều, Bel nói với Kitzi: "Con đã lên bảy rồi đó! Bọn trẻ làm đồng hàng ngày đã ra ngoài kia cày cuốc - như cái thằng Nâuơ í - cho nên con cũng phải bắt đầu giúp mẹ tí ti trên đại sảnh thì vừa!". Giờ đây Kitzi đã biết bố nghĩ thế nào về những chuyện như vậy, nên nó nhìn Kunta vẻ ngập ngừng. "Con nghe thấy mẹ nói gì đấy chứ", anh nói, không lấy gì làm rắn rỏi lắm. Bel đã bàn chuyện đó với anh và anh bất đắt dĩ phải đồng ý rằng nên để Kitzi bắt đầu làm một việc gì đó cho mexừ Uolơ trông thấy, thì hơn là chỉ tiếp tục làm bạn chơi đùa với "măмzen" An. Trong thâm tâm, anh còn khoái cái ý để cho nó tự rèn luyện thành hữu ích, bởi lẽ ở Jufurê, vào tuổi nó, các bà mẹ bắt đầu dậy con gái mình các ngón nữ công khéo léo để sau này cho chúng có thể thách cưới các chàng ngấp nghé làm rể một món tươm tươm. Nhưng anh biết Bel chẳng trông mong gì anh hào hứng với bất kỳ điều gì khiến Kitzi xích lại gần bọn tubốp hơn nữa - và tách nó ra xa hơn nữa khỏi anh, khỏi cái ý thức về phẩm cách và thừa kế mà anh vẫn quyết tâm truyền vào huyết mạch nó. Một buổi sáng sau đó ít hôm, khi Bel thuật lại là Kitzi đã biết đánh bóng các đồ bằng bạc, cọ sàn, đánh suy các đồ gỗ, thậm chí còn dọn giường cho ông chủ nữa, Kunta thấy khó mà chia sẻ niềm tự hào của chị về những thành tích đó. Nhưng đến khi trông thấy con gái đi đổ và rửa cái bô tráng men trắng mà ông chủ dùng vào việc đại, tiểu tiện ban đêm thì Kunta giận đến rúm người lại, tin chắc những mối lo sợ kinh khủng nhất của mình thế là đã thành sự thật.

Anh cũng bất bình khi nghe thấy Bel bảo ban Kitzi cách thức để trở thành một cô hầu riêng của chủ. "Nào con gái, hãy lắng nghe mẹ cho kỹ! không phải tất cả dân nhọ đều may mắn được làm với những người da trắng thượng hảo hạng như ông chủ đâu. Chỉ riêng thế, tức khắc là con đứng trên những bọn trẻ khác rồi. Vậy cái cốt yếu là học cách làm sao biết được ông chủ cần cái gì mà không để ông í phải sai bảo bao giờ. Con sẽ bắt đầu tập dậy sớm đi ra ngoài í với mẹ, từ lâu trước khi ông chủ dậy. Chính thế mà mẹ mới đón đầu được ông í - bao giờ mẹ cũng tin thế. Trước hết, mẹ sẽ bày cách cho con rũ bụi ở quần áo ông í như thế nào khi đem ra phơi lên dây. Cốt nhất là làm sao chắc chắn không đứt, không xước một cái khuy nào hết,…" vân vân và vân vân, đôi khi kéo dài hàng giờ liền.

Kunta thấy hình như không tối nào là Bel không dặn dò thêm, đến tận những chi tiết kỳ cục nhất. "Khi nào đánh giày đen cho ông í," một đêm chị bảo Kitzi, "mẹ trộn nước quả hồng vàng mấy muội đèn, mấy ít dầu ngọt và đường bánh vào một cái bình, đem lắc mạnh lên. Để qua đêm, rồi lại lắc kỹ một lần nữa, đem đánh giày ông í cứ gọi là sáng như gương". Trước khi anh ớn không chịu được thêm nữa, phải rút sang lều bác vĩ cầm cho đỡ bực, Kunta còn được nghe những bí quyết nội trợ vô giá như: "nếu con cho một thìa nhỏ hạt tiêu đen và đường nâu trộn thành bột quánh với một ít kem sữa bò vào một cái đĩa tách đặt trong buồng, thì không ruồi nào dám vào!". Và cọ giấy phủ tường bị lấm bẩn thì không gì tốt bằng lớp ruột bở bục của bánh bích quy để hai ngày.

Mặc dầu Kunta tỏ ra dửng dưng nhưng xem ra Kitzi rất chú ý đến những bài học ấy vì mấy tuần sau, một hôm Bel kể lại rằng ông chủ tỏ ý hài lòng thấy các vỉ ở lò sưởi được Kitzi đánh bóng lộn.

Nhưng hễ "măмzen" An đến chơi thì đương nhiên ông chủ chả cần phải bảo Kitzi được miễn làm việc trong thời gian cô cháu ở lại đó. Rồi như mọi khi, hai bé gái lại chạy quanh, nô rỡn, nhảy dây, chơi đi trốn tìm và một số trò chơi chúng tự đặt ra. Một buổi chiều, "chơi làm nhọ", chúng bửa một trái dưa chín, vục mặt vào lớp ruột xốp và ướt nhèo, bẩn hết cả ngực áo khiến Bel điên tiết tát trái Kitzi một cái làm nó kêu rống lên và thậm chí còn quát cả "măмzen" An nữa: "Em phải biết mình là con nhà có dạy dỗ chứ! Mười tuổi đầu, đi học rồi và chẳng mấy chốc sắp thành một tiểu thư thượng lưu!"

Tuy Kunta không buồn phàn nàn về chuyện này nữa, Bel vẫn thấy hết sức khó đối xử với anh trong những lần "măмzen" An đến chơi và ít nhất là một ngày sau nữa. Nhưng hễ Kunta được sai đánh xe đưa Kitzi đến nhà mexừ Jon, là anh phải cố hết sức mới khỏi để lộ sự hăm hở muốn được một mình với con gái trong cỗ xe. Thời kỳ này, Kitzi đã hiểu rằng bất kỳ điều gì được nói trong những chuyến xe đó đều là chuyện riêng giữa hai cha con, cho nên bây giờ anh coi việc dạy cho nó biết thêm về quê cha đất tổ là an toàn hơn, không sợ Bel khám phá ra nữa.

Vừa cho xe lăn bánh theo những con đường tỉnh lỵ Xpotxylvaniơ, anh vừa nói cho con gái biết tên gọi của các vật gặp dọc đường bằng tiếng Manđinka. Chỉ vào cái cây, anh nói: "yirô", rồi chỉ xuống mặt đường: "xilô". Đi qua một con bò cái đang gặm cỏ, anh nói: "ninxêmuxô" và vượt qua một cái cầu nhỏ: "xalô". Có lần, bất chợt bị mưa rào, Kunta vừa kêu: "xanjiô" , vừa vẫy tay về phía màn mưa và khi mặt trời lại hiện ra, anh chỉ tay nói: "tilô". Trong khi anh nói mỗi chữ, Kitzi theo dõi miệng anh thật chăm chú, rồi mấp máy môi bắt chước, lặp đi lặp lại kỳ đến lúc đọc thật đúng. Chẳng bao lâu, nó bắt đầu tự mình chỉ vào các vật để hỏi anh tiếng Manđinka gọi bằng gì. Một hôm, vừa mới ra khỏi bóng râm của ngôi đại sảnh, Kitzi đã thúc vào mạng sườn anh, lấy ngón tay đập đập lên phía trên tai và

thì thào: "Cái đầu con gọi bằng gì?". "Kungô", Kunta đáp khẽ. Nó giật giật tóc, anh nói: "Kantingô". Nó bóp mũi, anh bảo: "nungô"; nó beo tai, anh nói: "tulô". Cười khúc khích, Kitzi hất bàn chân lên và đập đập vào ngón cái: "Xinkumba". Kunta thốt lên. Túm lấy, và lắc lắc ngón tay trỏ tọc mạch của nó, anh nói: "bulôkônđinh". Sờ vào miệng nó, anh nói: "đa". Rồi Kitzi nắm lấy ngón tay trỏ của Kunta, chĩa vào anh: "Fa" nó kêu lên. Anh cảm thấy tràn ngập tình yêu đối với nó.

Lát sau, qua một con sông nhỏ chảy lờ đờ. Kunta chỉ tay: "Cái kia là một bôlôngô". Anh kể cho nó nghe hồi ở quê nhà, anh sống bên một dòng sông gọi là " bôlôngô Kămbi!". Tối hôm ấy, trên đường về, khi đi qua đó một lần nữa, Kitzi chỉ tay kêu lớn "Bôlôngô Kămbi!" Cố nhiên, nó không hiểu khi anh cố giảng đó là sông Matiapôni chứ không phải là sông Găm bia, nhưng việc nó nhớ được cái tên kia khiến anh khoái đến nỗi mọi chuyện đó dường như chẳng quan trọng gì. Bôlôngô Kămbi, anh nói lớn hơn, nhanh hơn và mạnh hơn cái mẫu sài đẹn này nhiều. Anh muốn nói cho nó biết con sông đem lại sự sống kia được dân tộc anh tôn kính như một biểu trưng của sự phì nhiêu, song anh không tìm ra lời lẽ thích hợp, nên anh đành kể về các thứ cá đầy rẫy trong đó - kể cả giống cá kujalô rất khỏe, ngon thịt, thỉnh thoảng vẫn nhảy tọt vào xuồng - về những bầy chim đậu đầy mặt sông như tấm thảm sống, mênh mông, trôi bập bềnh cho đến lúc một chú bé nào đó, như chính anh chẳng hạn, từ bụi cây trên bờ nhảy tùm xuống, gào rầm rĩ để xem chúng cất cánh bay lên đầy trời như một cơn bão tuyết bằng lông vũ. Điều đó khiến Kunta nhớ lại có hồi bà nội Yaxai kể cho anh nghe là có một lần Chúa Ala cho một đàn giặc châu chấu khủng khiếp xuống Găm bia, chúng làm tối đen cả mặt trời, ngốn ngấu tất cả những gì xanh tươi cho đến khi gió chuyển hướng, cuốn chúng ra biển, ở đó, cuối cùng chúng rụng xuống và bị cá ăn thịt.
"Con có bà không?", Kitzi hỏi.
"Con có hai bà - mẹ của bố mí mẹ của mẹ"
"Sao các bà không ở với chúng ta?"
"Các bà không biết chúng mình ở đâu", Kunta nói.
"Con có biết chúng mình ở đâu không?", lát sau anh hỏi nó.
"Chúng mình đang ở trong xe", Kitzi nói.
"Bố muốn nói chúng mình sống ở đâu cơ?"
"Ở nhà mexừ Uolơ"
"Thế nhà í ở đâu?"
"Lối này", nó nói, tay chỉ xuôi theo đường cái. Rất hứng thú với cái đề tài đó, nó bảo: "Bố kể nữa cho con nghe về dững thứ ở quê bố đi".
"Ờ, có giống kén đỏ to tướng bết lấy lá làm thuền qua sông, bết đi thành đội ngũ và đánh nhau dư một đạo quân, bết xây tổ để ở cao hơn đầu người nhớn".
"Kinh nhỉ. Bố có giẫm lên nó không?"
"Không, trừ phi bắt buộc. Mọi vật đều có quền ở thế gian này dư ta. Ngay cả ngọn cỏ cũng sống và có linh hồn dư người".
"Vậy thì ta không bước lên cỏ nữa. Con cứ ở nguyên trong xe".
Kunta mỉm cười, "ở quê bố chả có cái xe đâu. Đi đâu cũng đi bộ thôi. Một lần, bố đi bộ mí bố của bố suốt từ Jufurê đến làng mới của bác của bố".
"Ju-fa-rê nào?"
"Bố đã bỉu con không bết bao nhêu lần đấy là quê bố mà".
"Con tưởng bố ở châu Phi. Cái Găm bia bố vẫn nói là ở châu Phi à?"
"Găm bia là một nước ở châu Phi, còn Jufurê là một làng ở Găm bia"
"Thế nó ở đâu, bố?"
"Bên kia bờ con nước nhớn"
"Cái con nước nhớn í nhớn chừng nào?"
"Nhớn đến nỗi phải mất bốn tuần trăng mới vượt qua nổi"
"Bốn gì?"
"Tuần trăng. Dư người ta nói tháng í mà"
"Sao bố không nói tháng?"
"Vì tiếng của bố gọi là tuần trăng"
"Bố gọi một "năm" là gì?"
"Một vụ mưa"
Kitzi trầm ngâm một thoáng
"Bố làm thế nào đi qua cái con nước nhớn í được?"
"Trong một cái xuồng to tướng"
"To hơn cả cái xuồng chèo mà người ta thường dùng để đánh cá í à?"
"To đủ chứa cả trăm người"
"Thế làm sao mà nó không đắm?"
"Dạo í, bố cứ ước là giá nó đắm cho xong"

"Sao thế?"
"Là vì tất cả bọn bố đều ốm tưởng dư sắp chết đến nơi"
"Làm sao bố với các người lại ốm?"
"Ốm là vì nằm ngay trên cứt đái của mình, người nọ chồng lên người kia"
"Sao bố mí các người không đi toa-lét?"
"Bọn tubốp đã xiềng bọn bố lại"
"Tubốp là ai?"
"Người da trắng"
"Sao bố lại bị xiềng? Bố làm cái gì không phải à?"
"Bố chỉ ra rừng gần làng bố ở - Jufurê í - kiếm miếng gỗ làm trống, thế là bọn nó túm lấy bố và bắt bố đi"
"Dạo í bố mấy tuổi?"
"Mười bảy"
"Thế họ có hỏi bố mẹ bố, xin phép mang bố đi không?"
Kunta nhìn nó, vẻ không tin là nó có thể đặt câu hỏi như vậy
"Nếu có thể bọn nó còn bắt luôn cả bố mẹ bố í chứ lị. Cho đến bi giờ, gia đình bố vẫn không biết hiện nay bố ở đâu"
"Bố có anh chị em gì không?"
"Có ba em trai. Bi giờ có thể còn nhều hơn thế nữa. Dù sao, tất cả các chú í đều nhớn rồi, có lẽ đã có con dư con í".
"Hôm nào bố con mình đến thăm các chú í đi?"
"Chúng mình không thể đi đâu được"
"Chúng mình chả đang đi đây đi đó là gì đấy?"
"Chỉ được đến nhà mexừ Jon thôi. Chúng mình không được thò mặt ra, lặn mặt trời là họ thả chó canh chừng chúng ta".
"Vì họ lo cho chúng ta à?"
"Vì chúng ta thuộc về họ. Cũng dư dững con ngựa đang kéo chúng ta í".
"Cũng dư con thuộc về bố mẹ í à?"
"Con là con của bố mẹ. Cái í khác"
"Măмzen" An bỉu nó muốn con là của riêng nó".
"Con không phải là con búp bê cho nó chơi"
"Con cũng chơi nó chứ. Nó bỉu nó là bạn tốt nhất của con"
"Con không thể vừa là bạn, vừa là nô lệ của ai sất"
"Làm sao, bố?"
"Là vì bạn thì không thể là vật sở hữu của nhau".
"Mẹ mí bố chả thuộc về nhau là gì? Cả hai bố mẹ chả phải là bạn sao?"
"Cái í khác. Bố mẹ thuộc về nhau vì bố mẹ mún thế, vì bố mẹ yêu nhau".
"Ờ, thế con yêu "măмzen" An nên con muốn thuộc về nó".
"Không thành cái gì đâu".
"Bố nói thế nghĩa là thế nào?"
"Khi cả hai nhớn lên, con mí nó chả sung sướng được".
"Con cuộc là bố cũng chả sung sướng được"
"Con nói rất đúng"
"Bố, con chả bao giờ bỏ được bố mẹ đâu"
"Con ạ, bố mẹ cũng chả bao giờ để con bỏ đi đâu!"

Chương 75

Một buổi chiều tà, người đánh xe cho cha mẹ mexừ Uolơ ở Enfin mang giấy mời ông tới dự một bữa tiệc tối chiêu đãi một nhà doanh nghiệp quan trọng ở Richmond dừng lại nghỉ đêm tại đó, trên đường tới Friđirichxbơg. Khi Kunta đưa ông chủ tới sau lúc trời sẩm tối một chút, thì đã có khoảng một tá xe ngựa đậu ở bên ngoài ngôi đại sảnh Enfin.

Tuy anh đã tới đây nhiều lần trong vòng tám năm kể từ khi anh lấy Bel, nhưng mãi đến mấy tháng gần đây, chị bếp da đen béo mập Hatti, trước mê Kunta lăn lóc, mới quyết định nói chuyện trở lại với anh - kể từ hôm anh đưa Kitzi theo "mămzen" An đến thăm ông bà nó. Đêm nay, khi anh đến cửa bếp để chào - và kiếm chút gì ăn - chị mời anh vào chơi trong khi chị, người giúp việc và bốn chị phục vụ khác làm nốt công việc chuẩn bị cho bữa tiệc; Kunta nghĩ mình chưa bao giờ nhìn thấy nhiều thức ăn được đun nấu sùng sục trong nhiều nồi niêu xoong chảo đến thế.
"Cái con bé kháu như miếng dồi nhà anh có ngoan không?", Hatti vừa xì xụp nếm vừa hỏi.
"Nó khỏe", Kunta đáp, "Bây giờ Bel đã bắt nó học nấu nướng rồi. Đêm hôm nọ, nó làm tui ngạc nhên với cái bánh táo nó tự làm lấy".
"Ma quỷ, cái con nhỏ í! Chả mấy chốc, rồi tui ăn bánh của nó chứ không phải nó ăn bánh của tui nữa. Lần trước nó chén có dễ đến nửa hũ bánh quy gừng của tui đấy!"

Ngó một lần cuối vào ba, bốn loại bánh mì ngon lành đến mức làm chảy nước miếng đang ủ trong lò, Hatti quay sang người lớn tuổi nhất trong số các đầy tớ gái mặc "blu" vàng hồ cứng và bảo: "Xong rồi. Chị đi báo bà chủ đi". Trong khi người đó đi khuất sau cánh cửa xoay, chị bảo ba người kia: "Nếu các người đánh xớt một giọt xúp ra cái khăn bàn đẹp nhất của tui trong khi bưng bát đặt lên đó, tui sẽ lấy môi đập vào đầu các người đấy. Pơl, bắt tay vào việc đi", chị nói với cô giúp việc đang tuổi thiếu nữ. "Cho lá củ cải, rượu ngô và mướp tây vào dững cái liễn sứ đẹp í, trong khi tau đánh vật với cái cục thịt cừu này trên thớt".

Mấy phút sau, một chị phục vụ quay trở vào, sôi nổi thì thầm với Hatti hồi lâu rồi lại hối hả đi ra. Hatti quay sang Kunta.
"Anh có nhớ mấy tháng trước có một chiếc tàu buôn bị cái nước Pháp đánh ở một nơi nào đó trên con nước lớn không?"
Kunta gật đầu, "Bác vĩ cầm bỉu là có nghe nói Tổng thống Eđomz tức điên lên, phái tuốt cả hải quân Hạp xẻng cuốc đi đánh bọn nó".
"Phải, rõ ràng là thế. Luvina vừa nói mí tôi là cái người ở Richmond ngồi trong kia bỉu họ đã cướp được tám mươi tàu của cái nước Pháp í. Chị ta bỉu đám da trắng ngồi trong kia làm dư thể họ sắp quớ lên múa ca, chào mừng việc cho cái nước Pháp í một bài học".

Trong khi chị nói, Kunta bắt đầu trò khoét vào cái đĩa thức ăn đầy tú ụ chị đã đặt trước mặt anh; chỉ nhìn những món thịt bò quay, giăm bông bỏ lò, gà tây, gà ri và vịt chị đang tất bật xếp trên những chiếc đĩa to tướng chờ bưng lên, anh cũng đủ ngẩn tò te. Anh vừa nuốt một miếng khoai lang phết bơ thì bốn chị hầu bàn xộn rộn trở vào bếp, lặc lè với những chồng bát, thìa không. "Món xúp ăn xong rồi!" Hatti cho Kunta biết. Một lát sau, các chị hầu bàn lại kéo ra với những chiếc khay đầy ắp và Hatti vừa lau mặt vừa nói: "Phải vào khoảng bốn mươi phút nữa, họ mới ăn tráng miệng. Lúc nãy, anh định nói gì?"
"Chỉ mún nói là đối mấy tui, tám mươi cái tàu cũng thế thôi", Kunta nói, "chừng nào đó chỉ là chuyện rắc rối giữa người da trắng mấy nhau chứ không phải mấy chúng ta. Tuồng dư họ không gây sự mấy ai thì họ không sướng được thì phải".
"Tôi thấy cũng còn tùy xem họ gây sự mấy ai", Hatti nói. "Năm ngoái có một mulattô[1] cầm đầu một cuộc nổi loạn chống cái ông Tuxên í, xít nữa thì thắng nếu Tổng thống không cho tàu đến giúp Tuxên".
"Thấy mexừ Uolơ bỉu Tuxên không đủ tài trí làm tướng, chứ chưa nói gì đến tự mình cai quản một nước", Kunta nói: "Ông í bỉu, cứ chờ xem, tất cả đám nô lệ đã giành tự do ở Haiti cuối cùng rồi sẽ khốn khổ cả lũ, còn tệ hơn hồi làm cho các ông chủ cũ nữa cơ. Là vì người da trắng đang mong thế mà. Cơ mà tui chắc họ đã khá khấm hơn rồi, vì họ tự tay làm lụng, quán xuyến lấy đồn điền cho mình".

Một trong mấy chị hầu bàn đã trở lại nhà bếp, và đang hóng chuyện, bèn lên tiếng: "Chính bi giờ ở trong kia - họ đang nói chuyện í đấy - chuyện giải phóng nhọ. Bỉu là đám này nhiều quá đi thôi, chỉ ở Vơjiniơ đây đã tới mười ba nghìn. Ông Chánh án bỉu mình rất tán thành giải phóng dững nhọ đã làm được việc gì phi thường, dư dững người đã sát cánh mấy chủ trong cuộc cách mạng nọ, hay dững người đã mách người da trắng về bất kỳ dự định nổi dậy nào của cánh nhọ, hay dư cái người nhọ đã kiếm được cái lá thuốc mà cả đến dân da trắng cũng phê là gần như trị

"bách bệnh". Ông Chánh án bỉu mình cảm thấy các ông chủ có quyền giải phóng dững lão bộc nhọ trung thành. Cơ mà ông í mấy tất cả mọi người trong kia đều bỉu họ dứt quết chống đám Quêicơ mấy một số da trắng cứ vô cớ giải phóng nhọ bừa bãi". Chị hầu bàn vừa đi ra cửa vừa nói thêm: "Chánh án bỉu hãy nhớ lời ông nói: sắp sửa có dững luật mới để ngăn chặn chuện í, chả bao lâu nữa đâu".

Hatti hỏi Kunta: "Anh nghĩ sao về việc cái mexừ Eliczanđơ Hamiltơn ở trên mạn Bắc bỉu phải tống tất cả đám nhọ tự do sang châu Phi, bởi vì nhọ với da trắng quá khác nhau, chả bao giờ hòa hợp được".
"Ông í nói phải, tui cũng nghĩ thế", Kunta nói, "Dưng mà người da trắng nói mồm thế thôi, chứ vẫn lấy thêm nhọ từ châu Phi sang!"
"Anh hiểu vì sao tôi phải làm tốt", Hatti nói, "Ở Jơjiơ và hai bang Carôlinơ, họ bắt nhọ làm mùa bông từ khi nhận cái máy cán bông í vào mấy năm trước đây. Cũng vì lý do í, khối ông chủ ở quanh vùng này đem nhọ xuống miền Nam bán đắt gấp hai, gấp ba giá mua hồi trước".
"Bác vĩ cầm bỉu các ông chủ nhớn dưới miền Nam sai bọn xú-ba-dăng vừa đê tiện, vừa hung dữ thúc bách cánh nhọ dư con la, con lừa để vỡ đất thành dững cánh đồng bông mới".
"Ừ, thảo hèn báo chí gần đây đầy dững thông báo về bọn trốn chạy", Hatti nói.

Đúng lúc ấy, các chị hầu bàn bắt đầu mang bát đĩa bẩn về nhà bếp, Hatti tươi rói kiêu hãnh: "Xem chừng họ đã ăn đầy tễ. Khoảng này ông chủ đang rót riệu sâm-banh trong khi bàn được dọn sạch để bày đồ tráng miệng", chị nói với Kunta. "Tui thấy anh rất thích bánh nhân mận thì phải". Chị đặt một chiếc bánh nhân mận lên một chiếc đĩa con trước mặt anh. "Ngoài ra, ở đây họ còn có đào ngâm riệu, dưng mà tui chợt nhớ là anh không có đụng đến riệu".

Trong khi thưởng thức chiếc bánh ngon lành, Kunta chợt nhớ đến một thông báo về nô lệ chạy trốn mà mới đây Bel đã đọc ở báo Gazét cho anh nghe. "Nữ lai trắng lai đen, cao lớn", thông báo nói, "Vú rất to, vú bên phải có một sẹo sâu. Nói dối và ăn cắp một cách quỷ quyệt, có thể trình ra một giấy thông hành giả vì chủ cũ đã để cho thị học hành, biết viết chút ít, hoặc giả thị có thể tự nhận mình là nhọ tự do".

Hatti ngồi phịch xuống, ngón tay vân vê một quả đào ngâm rượu lấy ra từ một cái hũ và bỏ tọt vào mồm. Đưa mắt qua căn bếp, nhìn vào hai chiếc chậu cao chất đầy những cốc tách, bát đĩa và đồ dùng còn phải rửa sạch và cất đi, chị thở dài đánh thượt và mệt mỏi nói: "Chỉ biết có một điều chắc chắn là đêm nay, trông thấy cái giường thì thật sướng, bởi vì lạy Chúa, tui hết hơi rồi".

Chú thích:

[1] Người da trắng lai da đen

Chương 76

Đã nhiều năm nay, sáng nào Kunta cũng dậy trước rạng đông, sớm hơn bất kỳ ai khác trong xóm nô - sớm đến nỗi một số người đâm tin rằng các "gã châu Phi í" có thể nhìn xuyên bóng tối như mèo. Họ muốn nghĩ thế nào cũng được, miễn là họ để yên cho anh lẻn ra chỗ chuồng ngựa, ở đó anh quay mặt về phía những tia đầu tiên yếu ớt của ngày mới, phủ phục giữa hai đụn lớn cỏ khô, dâng bài kinh Xuba thường nhật lên chúa Ala. Sau đó, khi anh đã hất chút cỏ khô lên máng cho ngựa ăn, anh biết lúc này Bel và Kitzi hẳn đã rửa ráy, mặc quần áo và sẵn sàng bắt tay vào công việc trong đại sảnh, còn tay trùm lực điền Catô ắt đã dậy và ra khỏi nhà cùng với Nâuơ, con trai Ađa, thằng nhỏ này sắp rung chuông đánh thức những nô lệ khác dậy.
Hầu như sáng nào, Nâuơ cũng gật đầu nói: "Chào buổi sáng!" với một vẻ dè dặt, long trọng khiến Kunta nhớ đến người Ualôf ở Châu Phi. Tuy ít nói chuyện với nhau, song anh vẫn ưa Nâuơ vì nó khiến Kunta nhớ đến bản thân mình hồi trạc tuổi ấy - cái bộ điệu nghiêm túc, cái cách bắt tay vào việc và lo toan công chuyện của chính mình, cái kiểu nói ít nhưng nhìn ngóng theo dõi mọi sự. Anh thường hay thấy Nâuơ làm một điều giống như anh - đứng ở một chỗ nào đó, đưa mắt lặng lẽ nhìn theo Kitzi và "măмzen" An đùa nghịch quanh đồn điền. Một lần, khi Kunta từ cửa chuồng ngựa theo dõi hai đứa đánh vòng qua sân sau, vừa rúc rích cười vừa la hét, anh đã sắp đi vào thì chợt thấy Nâuơ đứng cạnh lều Catô đằng kia, cũng đang quan sát. Luồng mắt hai người giao nhau và họ nhìn nhau hồi lâu trước khi cả hai cùng quay đi. Kunta tự hỏi không biết Nâuơ nghĩ gì - và có cảm giác Nâuơ cũng đang tự hỏi là anh nghĩ gì. Cách nào đó, Kunta biết rằng cả hai đều nghĩ những điều như nhau.
Lên mười, Nâuơ hơn Kitzi hai tuổi, song sự chênh lệch đó không đủ để cắt nghĩa tại sao hai đứa thậm chí không thân nhau, chưa nói đến chuyện đánh bạn cùng chơi đùa, vì chúng là những đứa bé nô lệ duy nhất ở đồn điền. Kunta đã để ý thấy cứ mỗi lần đi qua gần nhau, đứa nọ làm như không trông thấy đứa kia, và anh không thể hình dung ra tại sao lại thế - trừ phi là vì ngay ở cái tuổi ấy, chúng đã bắt đầu cảm thấy cái tục lệ ngăn không cho gia nô hầu hạ trong nhà và nô lệ làm ngoài đồng hòa hợp với nhau.
Bất kể lý do là thế nào, thì Nâuơ ngày ngày vẫn ở ngoài đồng với các lực điền khác trong khi Kitzi quét dọn, chải bụi và đánh bóng các đồ đồng trong buồng ngủ của ông chủ đế lát sau Bel kiểm tra, với một cành hồ đào lăm lăm trong tay. Vào những ngày thứ bảy là dịp "măмzen" An thường đến chơi, không biết bằng phép màu nào, Kitzi bao giờ cũng xoay sở làm xong phần việc vặt của nó trong nửa số thời gian thường lệ và hai đứa chơi với nhau suốt phần còn lại trong ngày - trừ lúc trưa, nếu ông chủ có nhà để ăn trưa. Khi đó, ông chủ và "măмzen" An ngồi dùng bữa trong phòng ăn, còn Kitzi đứng đằng sau, phe phẩy một nhành lá để xua ruồi, trong khi Bel ra ra vào vào, bưng thức ăn, đôi mắt sắc sảo giám sát cả hai đứa bé gái mà chị đã đe trước: "Tui mà bắt được hai cô định cười trước mặt mexừ tại đây, thì tui sẽ lột da cả hai đấy!"
Bây giờ, Kunta đã khá nhẫn nhịn, cam chịu chia sẻ Kitzi của anh với mexừ Uolơ, Bel và "măмzen" An. Anh cố không nghĩ đến chuyện họ sai bảo nó làm những gì ở trong đại sảnh và tiêu đến mức tối đa thời gian ở chuồng ngựa mỗi lần có "măмzen" An đến chơi. Nhưng đó là tất cả những gì anh có thể làm để chờ đợi đến chiều chủ nhật, khi xong lễ ở nhà thờ, "măмzen" An sẽ cùng với cha mẹ trở về nhà. Những buổi chiều ấy, muộn hơn chút nữa, mexừ Uolơ thường đang nghỉ ngơi hoặc tiêu thì giờ với bạn bầu trong phòng khách, Bel thì cùng thím Xuki và chị Manđi đến cuộc "họp Jêxu" hàng tuần của họ - và thế là Kunta được tự do một mình với con gái trong khoảng hai tiếng đồng hồ quý giá nữa.
Những lúc đẹp trời, hai bố con đi dạo - thường thường là dọc theo hàng rào phủ đầy nho, nơi cách đây gần chín năm, anh đã ra tha thẩn và lần đầu tiên nghĩ đến cái tên "Kitzi" để đặt cho đứa con gái mới đẻ. Ra đến chỗ khuất mắt mọi người, Kunta thường nắm chặt bàn tay bé nhỏ, mềm mại của Kitzi trong tay mình, trong khi hai bố con lững thững đi xuống tới một con suối nhỏ, cảm thấy không cần phải nói năng gì, và ngồi sát bên nhau dưới một cây có bóng mát, họ ăn những thức Kitzi mang theo từ nhà bếp - thường thường là bánh bơ tròn nguội, nhồi đầy món mứt quả mâm xôi ưa thích của anh. Rồi hai bố con bắt đầu trò chuyện.
Phần lớn là anh nói, và nó luôn luôn ngắt lời anh bằng những câu hỏi mà đa số đều mở đầu: "Làm sao mà…". Nhưng một hôm, Kunta chưa kịp mở miệng, nó đã hăm hở nói: "Bố muốn nghe hôm qua "măмzen" An học [1] con gì hông?"
Anh chẳng thiết nghe bất cứ cái gì dính dáng đến con nhỏ hay cười như nắc nẻ ấy, song vì không muốn xúc phạm tình cảm của Kitzi, anh nói: "Bố nghe đây!"
"Pitơ, Pitơ", nó đọc. "Có vợ không biết giữ - Đem bỏ vào vỏ sò - Rất là đảm bảo…"
"Thế đấy à?", anh hỏi.
Nó gật đầu, "Bố thích hông?"
Anh nghĩ đó quả là điều anh chờ đợi ở "măмzen" An chí ngu.
"Con đọc giỏi thật!", anh trả lời thoái thác.
"Đố bố đọc hay bằng con đấy", nó nháy mắt nói.
"Bố không đọc!"

"Nào, bố đọc thử con nghe một lần thôi mà"
"Quẳng xa khỏi tui cái trò rắc rối này đi!", giọng anh có vẻ cáu hơn trong thực tế. Nhưng con bé cứ nài và rốt cuộc cảm thấy hơi ngồ ngộ là Kitzi của anh có thể vầy vò cưỡi đầu, cưỡi cổ anh dễ dàng đến thế, Kunta cố gắng ngắc ngứ nhắc lại mấy câu vè lố bịch nọ, cốt sao nó để cho mình yên thân, anh tự nhủ vậy.
Trước khi nó kịp thúc anh thử lại lần nữa, Kunta vụt nghĩ là mình có thể đọc cho nó nghe một cái gì khác - có thể là vài câu thơ trong kinh Kôran cho nó biết bộ kinh nghe hay như thế nào - thế rồi anh nhận ra rằng những câu thơ ấy đối với nó cũng chẳng có nghĩa gì hơn câu "Pitơ, Pitơ" đối với anh. Cho nên anh quyết định kể chuyện cổ tích cho nó nghe. Truyện con cá sấu và chú bé, nó nghe rồi, nên anh kể chuyện con rùa lười dỗ con báo ngu cho cưỡi lên lưng, viện cớ ốm quá không đi được. "Tất cả những truyện bố kể, bố nghe ở đâu hứ?", khi anh kể xong, Kitzi bèn hỏi vậy.
"Khi bố bằng tuổi con - từ miệng một bà già bết mọi thứ tên là Nyô Bôtô". Đột nhiên Kunta cười to khoái chá khi nhớ lại: "Đầu bà trọc lóc dư quả trứng! Răng cũng chả có, dưng mà được cái lưỡi dọn kéo lại! Vậy mà bà yêu bọn lau dau chúng tui dư con đẻ!"
"Thế bà hông có con à?"
"Hồi trẻ, bà có hai con, bao lâu trước khi đến Jufurê cơ. Dưng mà họ bị bắt đi trong một cuộc giao tranh giữa làng bà mấy một bộ lạc khác. Bố chắc là bà chả bao giờ nguôi quên chuện í".
Kunta im bặt, choáng ngợp bởi một ý nghĩ trước đó chưa từng đến trong đầu anh; điều đó cũng đã xảy đến với Bel hồi chị còn trẻ. Anh ước sao có thể kể cho Kitzi nghe về hai người chị gái cùng mẹ khác cha của nó, song anh biết làm thế chỉ khiến nó bàng hoàng - chưa nói chi đến Bel, từ cái đêm đẻ Kitzi, chị kể cho anh nghe về hai đứa con gái bị mất, chị không hề nhắc lại chuyện ấy. Nhưng chính anh - chính những người bị xiềng bên cạnh anh trên con tàu mãi nô, tất cả đã chẳng bị cướp đi khỏi mẹ mình đó sao? Tất cả muôn ngàn người khác, không sao tính xuể, đến đây trước anh và sau anh, đã chẳng bị như thế sao?
"Chúng nó mang bọn tui tới đây trần dư dộng!", anh nghe thấy mình bật ra nói. Kitzi hất đầu, nhìn chằm chằm; nhưng anh không thể ngừng lại được. "Còn xóa cả tên họ chúng ta đi nữa. Chúng nó muốn mọi người đẻ ở đây thậm chí không biết mình là ai! Tổ tiên chúng ta là dũng thương khách, du khách, dũng bậc thánh nhân - cả hàng mấy trăm vụ mưa trước ở cái vùng đất gọi là cổ Mali í! Con có hiểu bố đang nói gì không, hả bé?"
"Có, bố ạ", nó ngoan ngoãn nói, song anh biết nó chả hiểu nổi. Anh nảy ra một ý. Nhặt một cái que, gạt nhẵn một khoảng đất giữa hai bố con, anh vạch mấy chữ Arập lên đó.
"Đây là tên bố - Kunta Kintê", anh vừa nói vừa lấy ngón tay chậm rãi viết.
Nó nhìn trân trân, mê mẩn. "Bi giờ, bố làm tên con đi". Anh làm theo. Nó cười. "Cái này là Kitzi". Anh gật đầu.
"Bố có học con viết như bố không?" Kitzi hỏi.
"Làm thế không hợp", Kunta nghiêm nghị nói.
"Sao lại không?", giọng nó có vẻ phật ý.
"Ở châu Phi, chỉ con trai mới học đọc, học vết. Con gái không cần cái í - ở đây cũng vậy".
"Vậy làm sao mẹ lại biết đọc, biết viết?"
Vẻ nghiêm khắc, anh nói: "Đừng có nói chuện í? Nghe không? Không việc gì đến ai sất! Người da trắng không thích bất cứ ai trong chúng ta bết đọc hay vết".
"Làm sao thế?"
"Là vì họ nghĩ chúng ta càng bết ít, càng đỡ gây rối"
"Con ứ gây rối gì cả", nó dẩu mỏ nói.
"Nếu chúng mình không nhanh nhanh đi về lều, thì mẹ sẽ gây rối cho cả hai bố con đấy"
Kunta đứng dậy và bắt đầu đi, rồi bỗng dừng bước quay lại vì nhận ra là Kitzi không theo sau mình. Nó vẫn ở bên bờ suối, đăm đăm nhìn vào hòn sỏi nó vừa thấy.
"Lại đây nào, đến giờ về rồi". Nó ngước mắt lên nhìn anh, anh bước lại và chìa tay ra. "Nói cho con nghe cái này nhé", anh nói "Con nhặt hòn sỏi í, mang về và giấu nó vào một chỗ nào chắc chắn, rồi nếu con giữ miệng không để lộ thì sáng hôm đầu tuần trăng sau, bố sẽ cho con bỏ nó vào quả bầu của bố".
"Ôi, bố!", nó cười tươi như hoa.

Chú thích:

[1] Đáng lẽ là "dạy" nhưng Kitzi nói ngược

Chương 77

Khoảng một năm sau, mùa hè năm 1800, sắp đến kỳ Kitzi bỏ thêm một hòn sỏi nữa vào quả bầu của Kunta, thì ông chủ bảo Bel là ông có việc phải đi Friđiricxbơg khoảng một tuần lễ và đã thu xếp để ông anh trai đến "trông nom công việc" trong khi ông vắng nhà. Tin ấy khiến Kunta bối rối hơn cả mọi người khác trong xóm nô, vì anh ghét phải để Bel và Kitzi dưới quyền định đoạt của lão chủ cũ trước đây đã mua anh, thậm chí điều ấy còn làm anh khó chịu hơn cả cái nỗi phải xa vợ con lâu đến thế. Cố nhiên, anh không nói gì về những lo lắng đó, nhưng sáng hôm lên đường, khi rời căn lều để thắng ngựa vào xe, anh sửng sốt thấy là hình như Bel đã đọc được trong óc anh. Chị nói: "Mexừ Jon đã hẳn là không giống ông em trai, dưng mà tui biết cách đối phó với loại í. Mới lị chỉ một tuần thôi mà, cho nên mình đừng có lo gì cả. Mẹ con tui ổn thôi."
"Tui chẳng việc gì mà lo", anh nói, hy vọng chị không đoán được là mình xạo.

Quỳ xuống hôn Kitzi, anh thì thầm vào tai nó: "Chớ có quên cái hòn cuội tuần trăng mới hỉ", và nó nháy mắt, vẻ thậm thụt, trong khi Bel làm như không nghe thấy gì tuy chị thừa hiểu hai bố con làm gì trong gần chín tháng nay.

Trong hai ngày sau khi ông chủ đi, mọi sự vẫn tiếp tục bình thường, mặc dù hầu như mọi điều mexừ Jon nói hoặc làm đều khiến Bel hơi khó chịu. Chị đặc biệt ghét cái thói của ông ta đêm nào cũng ngồi thật khuya trong thư phòng, uống rượu uýtki thượng hảo hạng của em trai bằng cách tu luôn ở chai, hút những điếu xì gà gộc, hơi đen và hôi của chính mình và vảy tàn xuống thảm. Tuy nhiên, mexừ Jon không can thiệp nhiều lắm vào lề thói thông thường của Bel và chủ yếu là tách riêng một mình.

Nhưng đến giữa buổi sáng hôm thứ ba, Bel đang quét cổng trước, thì một người da trắng cưỡi một con ngựa bóng nhẫy mồ hôi phóng nước đại tới, và nhảy xuống đòi gặp mexừ.

Mười phút sau, người đó bỏ đi cũng vội vã như lúc đến. Mexừ Jon sủa ầm dọc hành lang gọi Bel đến thư phòng. Trông lão có vẻ dao động sâu sắc, và trong óc Bel lóe lên ý nghĩ là một cái gì ghê gớm đã xảy đến với Kunta và ông chủ. Chị càng tin chắc thế khi lão sai chị tập hợp tất cả nô lệ ở sân sau. Tất cả tập hợp, đứng thành một hàng, căng thẳng vì sợ hãi khi lão mở toang cánh cửa sau nhà và oai nghiêm bước về phía họ; ở thắt lưng lão, lồ lộ một khẩu súng lục.

Đưa mắt lạnh lùng soát các khuôn mặt của họ, lão nói: "Ta vừa nhận được tin một số nhọ ở Richmơnđ âm mưu bắt cóc ông thống đốc bang, tàn sát người da trắng ở Richmơnđ và đốt thành phố". Toán nô lệ sợ sệt nhìn nhau, vẻ ngỡ ngàng, trong khi lão nói tiếp: "Nhờ Chúa - và một số nhọ thông minh đã phát hiện ra và mách chủ kịp thời - âm mưu đó đã bị đè bẹp và phần lớn nhọ khởi xướng nó đã bị bắt. Các đội tuần tra vũ trang đang truy lùng một số còn lại trên các lộ, và ta phải làm sao bảo đảm để không một tên nào dừng nghỉ đêm tại đây. Trường hợp kẻ nào trong các người có ý nổi dậy, ta sẽ tuần tra suốt ngày đêm. Không ai trong các người được đặt chân ra ngoài trang trại này! Ta không muốn có sự tụ tập bất cứ loại nào; và sau khi trời tối, không ai được ra khỏi lều mình!" Vỗ vỗ vào khẩu súng lục, lão nói: Ta không kiên nhẫn và dịu dàng với nhọ như em trai ta đâu! Kẻ nào trong bọn ngươi thậm chí chỉ cần có vẻ nghĩ đến chuyện bước ra khỏi hàng thì tài cứu chữa của em ta cũng không vá víu lại được một viên đạn vào khoảng giữa hai mắt hắn đâu. Hiểu chứ?"

Mexừ Jon xử sự đúng như lời lão nói. Trong hai ngày sau, lão khiến Bel tức điên lên bằng cách nằng nặc đòi theo dõi Kitzi nếm thức ăn của lão trước khi lão ăn thực sự. Ban ngày, lão cưỡi ngựa lảng vảng khắp các cánh đồng và ban đêm, ngồi ở cổng ôm một cây súng ngắn trong lòng - sự cảnh giác của lão tuyệt đối đến mức mọi người trong xóm nô thậm chí không dám bàn đến cuộc nổi dậy nọ, nói chi đến chuyện toan tính kế hoạch dấy loạn của chính mình. Sau khi nhận được và đọc báo Gazet số tiếp đó, mexừ Jon bỏ vào lò sưởi đốt liền, và khi một ông chủ ở vùng kế cận tới thăm vào một buổi chiều, lão ta ra lệnh cho Bel ra khỏi nhà và hai lão chụm đầu nói chuyện với nhau trong thư phòng, cửa sổ đóng kín mít. Thành thử không ai mò ra được thêm chi tiết về vụ âm mưu, nhất là về hậu quả của nó, mà đó là điều khiến Bel và các người khác lo phát ốm - không phải lo cho Kunta, vì anh đi cùng ông chủ tất là phải an toàn rồi, mà cho bác vĩ cầm ra đi vào hôm trước buổi hòa nhạc tại một vũ hội lớn ở Richmơnđ. Những người ở xóm nô chỉ còn nước tưởng tượng ra điều gì có thể xảy đến với những kẻ xa lạ da đen bị rơi vào tay đám da trắng hốt hoảng, điên khùng.

Bác vĩ cầm vẫn chẳng thấy tăm hơi khi Kunta và ông chủ trở về - sớm hơn ba ngày - chuyến đi bị rút ngắn vì cuộc nổi dậy. Lát sau cùng ngày hôm đó, mexừ Jon đi khỏi, những kiềm chế do lão áp đặt được nới đôi chút, tuy nhiên không phải là hoàn toàn, và ông chủ rất lạnh lùng với tất cả mọi người. Mãi đến khi Kunta và Bel chỉ còn một

mình trong lều, anh mới có thể kể cho chị nghe những điều anh nghe lỏm được ở Friđiricxbơg: những người da đen nổi loạn, sau khi bị bắt, liền bị tra tấn lấy cung để giúp các nhà chức trách quây bắt những người khác có liên can và một số đã thú nhận rằng cuộc nổi loạn được mưu tính bởi một gã thợ rèn tự do tên là Ghêbriơl Proxơ; anh ta đã chiêu mộ vào khoảng hai trăm người da đen lựa chọn kỹ càng - đầu bếp, làm vườn, gác cổng, hầu bàn, thợ sắt, bện dây thừng, thợ mỏ, chèo thuyền, thậm chí cả mục sư truyền giáo nữa - và huấn luyện họ trong hơn một năm. Proxơ vẫn ở ngoài vòng và dân cảnh vẫn đang chà đi xát lại vùng nông thôn lùng bọn khả nghi, Kunta kể vậy; bọn "tuần cha" da trắng khố rách áo ôm đang ruồng bố các lộ; và nghe đồn một số ông chủ, vô cớ hoặc vì chuyện rất nhỏ, đã đánh nô lệ đến chết.
"Xem ra hy vọng duy nhất của ta là ở chỗ họ không còn ai ngoài chúng ta", Bel nói, "Nếu họ giết mình, họ sẽ không còn nô lệ nào nữa cả".
"Bác vĩ cầm về chưa?" Kunta hỏi, anh xấu hổ vì mình quá mải mê kể những chuyện xảy ra, đến giờ mới nghĩ đến ông bạn.
Bel lắc đầu: "Bọn tôi lo hung. Dưng mà bác vĩ cầm í tinh khôn chán. Bác í sẽ về yên ổn".

Kunta không đồng ý hoàn toàn, "Bác í chưa về mà".

Ngày hôm sau, vẫn không thấy bác vĩ cầm về, ông chủ bèn viết giấy báo quận trưởng cảnh sát và bảo Kunta mang lên quận lỵ. Kunta thi hành lệnh - mắt thấy viên quận trưởng cảnh sát đọc thư và lặng lẽ lắc đầu. Rồi trên đường về, Kunta cho xe đi chậm độ ba, bốn dặm, rầu rĩ nhìn đăm đăm con đường trước mặt, đang băn khoăn không biết liệu còn được gặp lại bác vĩ cầm nữa hay không, cảm thấy hối hận về nỗi chưa bao giờ thực sự nói lên rằng mình coi bác ta là bạn tốt - mặc dù bác hay rượu chè, chửi tục và có nhiều khuyết điểm khác - thì chợt nghe thấy có tiếng bắt chước giọng lè nhè của dân "cách cơ"[1] "Ê, nhọ!".

Kunta ngỡ mình tưởng tượng: "Mi tưởng mi đến cái lỗ mô?" tiếng nói lại vọng đến, và ghìm cương ngựa. Kunta nhìn quanh quất, dọc hai bên đường, nhưng không thấy ai. Rồi bất thình lình: "Mi không có giấy thông hành, mi gặp rắc rối to đấy", - rồi kìa, leo lên khỏi một cái hố, quần áo rách tả rách tơi, mình mẩy xây xát, tím bầm, lem luốc bùn đất, tay ôm chiếc hộp đàn cũ nát và miệng cười ngoác tận mang tai, hiện ra bác vĩ cầm.

Kunta buộc kêu lên một tiếng, nhảy từ trên ghế xe xuống, và trong tích tắc, anh và bác vĩ cầm ôm ghì lấy nhau, quay tít, và cười ha hả.
"Mầy hệt dư một thằng Phi tau quen", bác vĩ cầm thốt lên, "dưng mà không phải nó - nó chẳng bao giờ lộ cho ai biết là nó mừng được gặp họ".
"Chả biết sao tui lại thế", Kunta nói, bối rối vì thái độ của chính mình.
"Hoan hỉ đón một người bạn bò lê cả tay cả đầu gối suốt từ Richmơnđ về chỉ cốt để dòm lại cái mặt xấu xí của mày".
Vẻ nghiêm nghị của Kunta biểu hiện mức độ lo lắng của anh. "Sự thể lúc í có xấu không, bác vĩ cầm?"
"Nói là xấu thì chưa thấm vào đâu. Tau đã tưởng phen này chắc sẽ song tấu với thiên thần, trước khi thoát!" Trong khi Kunta xách hộp đàn lấm bùn và cả hai leo lên xe, bác vĩ cầm tiếp tục nói liến láu không ngừng: "Cánh da trắng ở Richmơnđ sợ gần phát điên. Khắp nơi, dân cảnh ách nhọ lại, và ai không có thông hành thì sau đó tống giam rất lôi thôi. Mà thế là còn may đấy. Hàng bầy "cách cơ" lảng vảng các đường phố dư chó rừng, vồ lấy nhọ, đánh một số nhọ dừ tử đến nỗi cơ hồ không nhận ra được ai vào ai".

"Cái cuộc vũ hội tau đến đánh đờn, đang giữa chừng thì tan, khi nghe tin đầu tiên về cuộc nổi dậy, các bà các cô kêu choe chóe và chạy vòng quanh, các ông thì rút súng chĩa vào bọn nhọ chúng tau trên dàn nhạc. Giữa lúc nhốn nháo, tau lẻn vào bếp và trốn trong một thùng rác cho đến khi mọi người về hết. Rồi tau trèo qua một cái cửa sổ, chuồn ra phía sau, tránh xa đèn sáng. Tau vừa đến ven đô thì bỗng nhiên tau nghe thấy tiếng la hét đằng sau, rồi hàng loạt chân rầm rập chạy theo cùng hướng mấy tau. Có cái gì bỉu cho tau biết đó không phải là dân da đen, dưng mà tau chẳng chờ xem cho đích xác làm gì. Tau chạy tắt, rẽ luôn góc phố kế đó, rạp thấp người, dưng tau nghe thấy tiếng chúng lấn thêm một lúc một gần tau, và tau sắp sửa cầu kinh thì chợt trông thấy một cái cống thật thấp, tau bèn lăn thẳng vào dưới đó.

"Nằm dưới đó thật là kẹt và tau đang nhích lùi ra thì đúng lúc đó, bọn "cách cơ" mang đuốc chạy tới và la hét: "Bắt cái thằng nhọ í!". Tau đụng phải cái gì vừa to vừa mềm, và một bàn tay ập vào mồm tau, và một giọng nói: "Bận sau hẵng nói!". Hóa ra là một người gác đêm ở kho đã thấy một đám đông xé đôi bạn mình và anh ta chẳng hề có ý định ra khỏi cái cống í trước mùa xuân sang năm, nếu phải mất lâu thế mới yên mọi bề.

"Thế, một lát sau, tau chúc anh ta may mắn và lại ló đầu ra và mò được tới rừng. Ấy là cách đây năm ngày. Đáng ra, tau đến đây từ trước cơ, dưng mà trên đường lắm bọn tuần cha quá, tau phải lần theo rừng, ăn trái cây, ngủ trong

rừng rậm mấy thỏ. Mọi sự ổn thỏa, cho đến hôm qua, cách đây mấy dặm về phía Đông, một toán "cách-cơ" vớ được tau giữa chỗ trống.

"Đúng lúc bọn nó đang mót đánh một tên nhọ, có khi còn treo cổ là đằng khác - chúng mang theo một sợi dây thừng ngay bên mình! Chúng xô giật tau tới tới lui lui, hỏi tau là nhọ của ai và định đi đâu, dưng mà tau nói gì bọn chúng cũng chẳng thèm để ý - cho đến khi tau bỉu tau chơi vĩ cầm. Bọn nó bám lấy, bọn nó tưởng tau nói phách, và hò la: "Được, vậy thì mày hãy đờn cho bọn tau nghe nào!"

"Chàng trai Phi châu này, để tau nói mày nghe một cái. Tau mở cái hộp đàn ra và bọn mày chưa bao giờ được nghe cuộc hòa nhạc nào dư tau chơi ngay giữa đường chỗ í đâu. Chơi bản gà tây trong ổ rơm - mầy biết bọn "cách-cơ" rất thích bản í - và tau chưa thật bốc mà cả bọn nó đã hô huýt, vỗ tay, giậm chân và bọn nó nghe đã đời rồi mới tha cho tau, bỉu tau đi thẳng, chớ có chần chừ, mau mau cắp đuôi mà về nhà. Mà tau cũng chả láng cháng làm gì! Hễ thấy ngựa hoặc xe ngựa đi đến là tau nhảy đại xuống hố, cho đến khi gặp cái nầy là xe mày! Thế là tau đã ở đây!"

Vừa lăn bánh vào con đường hẹp dẫn tới đại sảnh một lát, đã nghe thấy tiếng reo hò, rồi dân xóm nô chạy ra đón xe.
"Tưởng như quanh đây đã thiếu mất một thân thể", mặc dầu bác vĩ cầm đang cười, Kunta có thể cảm thấy bác cảm động nhường nào, và anh cũng nhoẻn cười: "Xem chừng bác lại phải kể đầu đuôi câu chuện, một lần nữa đấy".
"Mầy đã bao giờ biết có cái gì hãm tau chưa?", bác vĩ cầm hỏi, "Ít ra cũng có tau đây để mà kể".

Chú thích:
[1] "Cách cơ" (cracker): Người da trắng nghèo ở miền Nam nước Mỹ.

Chương 78

Trong những tháng tiếp theo, với việc bắt bớ, xử án rồi hành quyết hết người này đến người khác trong vụ âm mưu, và cuối cùng là chính Ghêbriơl Proxơ, tin tức về cuộc nổi dậy ở Richmơnđ - và về những căng thẳng do nó gây ra - dần dần xẹp đi, và một lần nữa, chính trị lại trở thành đầu đề bàn cãi chính giữa đám ông chủ và bạn bè, do đó ở cả trong xóm nô nữa. Giỏi lắm, Kunta, Bel và bác vĩ cầm cũng chỉ khớp lại những gì họ nghe ngóng bằng nhiều cách khác nhau về việc bầu Tổng thống sắp tới, về một mexừ Aoron Bơr đã ngang phiếu với mexừ Thômax Jefơxơn trứ danh cuối cùng ông này đã giành được chức đó, rõ ràng vì ông được sự ủng hộ của mexừ Eliczanđe Hamilton đầy thế lực, còn mexừ Bơr, kình địch với mexừ Hamilton, thì được bầu làm Phó Tổng thống.

Xem ra không ai biết gì mấy về mexừ Bơr, nhưng về mexừ Jefơxơn thì Kunta được một lái xe sinh ở bang Vơjinia cách đồn điền Môntixelô của ông không bao xa cho biết rằng các nô lệ của ông tuyên bố là không thể có ông chủ nào tốt hơn thế.

"Lái xe í biểu tui là mexừ Jefơxơn không bao giờ cho phép xú-ba-dăng được đánh ai", Kunta thuật lại cho dân xóm nô cùng nghe. "Và tất cả bọn họ được ăn tốt, và ông í để cho lền bà quay sợi và may quần áo tốt cho tất cả, và ông í tin tưởng để cho họ học nhều nghề khác nhau". Sau một chuyến mexừ Jefơxơn đi xa trở về, Kunta nghe kể vậy, các nô lệ của ông ra cách đồn điền hai dặm để đón, họ tháo ngựa và vui vẻ kéo xe suốt quãng đường dài ấy về tới đại sảnh Môntixelô, tại đó họ công kênh ông lên vai đưa tới tận ngưỡng cửa.

Bác vĩ cầm cười hô hố: "Hồ dư mọi người đều bết có ói nhọ là con của mexừ Jefơxơn mấy mụ lai duôm duôm của ông tên là Xali Hêminh". Bác sắp sửa nói thêm thì Bel góp vào cái điều thú vị nhất mà chị biết: "Cứ dư lời một cô phụ bếp ở đấy", chị nói, "thì mexừ Jefơxơn không thích ăn gì hơn một con thỏ ngâm dầu, cỏ xạ hương, hương thảo mấy lại tỏi suốt đêm, rồi hôm sau ninh trong riệu vang kỳ đến lúc thịt róc khỏi xương".

"Nói dư thật", bác vĩ cầm thốt lên, giọng giễu cợt.
"Để xem chả mấy nỗi bác lại xin tui miếng bánh nhân đại hoàng!", Bel cáu kỉnh nói.
"Để xem bao giờ tau xin mày!", bác vặc lại.

Không chịu để mắc kẹt ở giữa như trước đây anh vẫn hay bị - do cố giảng hòa mỗi khi vợ anh và bác vĩ cầm cãi lộn rồi quay sang yêu cầu anh can thiệp - Kunta làm như không nghe thấy gì, mà chỉ tiếp tục câu chuyện từ chỗ anh bị họ ngắt quãng.

"Tui nghe là mexừ Jefơxơn bỉu chế độ nô lệ cũng tệ hại cho người da trắng y dư cho cánh ta đây và ông í đồng í với mexừ Hamilton rằng người da trắng với người da đen có quá nhiều dị bệt dân tộc, không thể sống hòa bình mấy nhau được. Họ bỉu mexừ Jefơxơn mún thấy chúng ta được trả tự do, dưng chớ có cố kết bám lấy đất nước này mà hứng lấy dững công việc của người da trắng nghèo - ông í ủng hộ đưa chúng ta lên tàu chở về châu Phi dần dần, không ầm ĩ, không rối loạn".

"Tốt hơn là mexừ Jefơxơn nói chuện mấy bọn buôn bán nô lệ í", bác vĩ cầm nói, "bỉ chưng xem vẻ bọn nó có dững ý kiến khác về hướng đi của các con tàu".

"Vừa rồi khi ông chủ đi các đồn điền khác, tui nghe nói có hàng lũ lỉ người bị bán", Kunta nói, "Hàng gia đình đã sống ở đây suốt đời bị chủ bán xuống miền Nam. Mới hôm qua, có một lái buôn nô lệ đi qua trên đường. Hắn ta vẫy vẫy, nhe răng cười và ngả mũ, dưng ông chủ làm dư không trông thấy".

"Hừm! Bọn lối buôn nô lệ đông như ruồi ở tỉnh", bác vĩ cầm nói, "Lần rồi, tau đến Friđiricxbơg, bọn nó vo ve bâu theo sau một lão già khọm, khô đét dư tau, cho đến khi tau rút thông hành chìa ra. Tau thấy một nhọ già khốn khổ, râu bạc bị bán lấy sáu trăm đôla. Thường thường trai trẻ khỏe mạnh được giá í. Dưng mà cái lão nhọ già í chắc chắn không yên thân đâu. Bọn họ vừa giằng lão khỏi bục đấu giá, lão liền gào lên: "Cả bọn da trắng các người đã biến trái đất của Chúa thành một ĐỊA NGỤC sống đối với đồng bào của ta! Cơ mà nhất định khi BUỔI SÁNG PHÁT XÉT sẽ đến, cái địa ngụ sẽ dội LẠI trên đầu tất cả các người đã mang nó đến! Không có sự VAN XIN nào sẽ ngăn nổi nó TIÊU DIỆT các người! Không có thứ THUỐC nào các người làm ra... không có sự TRỐN CHẠY nào... không SÚNG ỐNG nào của tất cả các người... không lời CẦU NGUYỆN nào. KHÔNG CÓ GÌ cứu giúp nổi cả lũ các người!". Bấy giờ bọn họ bèn kéo lão đi. Lão nhọ già í, xem cái cung cách lão, coi bộ dư là mục sư truyền giáo hay gì gì đó".

Kunta thấy Bel đột nhiên xúc động. “Cái ông già í...” chị hỏi, có phải ông í đen thật là đen và da bọc xương, kiểu dư còng gập xuống, râu bạc trắng có một cái sẹo to dưới cổ?”.

Bác vĩ cầm có vẻ giật mình: “Phải! Chắc chắn là thế! Hẳn thế! Tất cả dững cái đó đều đúng – mầy biết lão í là ai à?”.
Bel nhìn Kunta như sắp khóc. “Đấy là mục sư rửa tội cho Kitzi”, chị rầu rầu nói.
Cuối ngày hôm sau, Kunta đang ở trong lều bác vĩ cầm thì Catô gõ vào cánh cửa ngỏ. “Mầy làm gì ngoài í? Vào đây!” bác vĩ cầm nói lớn.

Catô vào. Cả Kunta lẫn bác vĩ cầm đều vui mừng thấy anh ta đến. Mới gần đây, họ đã nói lên ý nghĩ chung mong muốn tay lực điền chủ chốt Catô trầm lặng và chắc chắn ấy sẽ gần gũi họ hơn, cũng như ông lão gác vườn dạo trước.

Catô có vẻ không thoải mái. “Tui chỉ muốn nói tui cho là các bác đừng nên kể dững điều đáng sợ các bác nghe được về chuyện bao nhiêu người bị bán xuống miền Nam...”. Catô lưỡng lự. “Duyên do tại sao tui nói mới các bác sự thật là ngoài đồng, mọi người sợ bị đem bán đến nỗi không còn đầu óc đâu mà làm việc nữa”. Anh lại ngừng một quãng ngắn. “Chí ít cũng chả ai nhận tui mới cái thằng bé Nâuơ. Tui gẫm nếu mình bị bán, ừ thì tui bị bán thôi, tui chả biết làm thế nào được. Còn cái thằng Nâuơ – ngó bộ nó chẳng sợ gì cả”.

Sau mấy phút trò chuyện tay ba – trong đó Kunta cảm thấy thái độ nồng nhiệt của Catô, đáp lại sự hoan nghênh nồng nhiệt của hai người – họ nhất trí rằng có lẽ tốt nhất là chỉ nên nói riêng với nhau, thậm chí không cho cả Bel biết, những tin tức ghê gớm nhất chỉ tổ làm những người khác hoảng hốt một cách không cần thiết.

Nhưng độ một tuần sau, một đêm ở trong lều, Bel đang ngồi đan bỗng ngước nhìn lên và nói: “Xem dư mấy người ở đây quẳng ráo lưỡi đi rồi – hoặc thế, hoặc người da trắng thôi không bán nhọ đi nữa, mà tui đây còn tinh hơn các người tưởng đấy!”.

Ầm ừ vì bối rối, Kunta ngạc nhiên thấy chị – và có lẽ tất cả những người khác trong xóm nô – đã đoán bằng trực giác là anh và bác vĩ cầm không kể hết cho bà con nghe những điều mình biết nữa. Cho nên anh lại bắt đầu thuật lại những chuyện bán nô lệ, chỉ bỏ những chi tiết não lòng nhất. Nhưng anh nhấn mạnh vào những tin đào tẩu trót lọt, mô tả những nô lệ tinh khôn, nhanh mồm nhanh miệng đã đánh lừa bọn cách-cơ “tuần cha” ngu dốt để trốn thoát. Một đêm, anh kể cho bà con nghe chuyện một đầu bếp người lai và một gã da đen coi ngựa đánh cắp nào xe, nào ngựa, lại kèm cả quần áo đẹp và mũ mà anh chàng lai trắng mặc luôn vào, giả làm một mexừ giàu có luôn miệng chửi rủa tên xà-ích da đen bất cứ lúc nào đến tầm tai nghe của một toán tuần tra da trắng nào họ gặp trên chuyến xe cấp tốc lên miền Bắc và đi đến tự do. Một lần khác, Kunta kể chuyện một nô lệ khác không kém táo bạo bao giờ cũng phóng la gần như lao thẳng vào mặt bọn “tuần cha” trước khi dừng lại và khoa tay giở cuộn tài liệu in chữ nhỏ mà anh ta nói trong đó có giải thích công vụ khẩn cấp anh đang chạy cho chủ – bao giờ cũng cao tay, đúng bài bản, khiến bọn cách-cơ mù chữ thà vẫy tay ra hiệu cho anh đi tiếp, còn hơn thừa nhận là mình không biết đọc. Dạo này, Kunta hay làm cho dân xóm nô cười bằng những câu chuyện thí dụ như một số người da đen chạy trốn khác đã giả mắc bệnh lắp kinh niên khéo đến nỗi bọn “tuần cha” phát ớn thà bảo họ xéo đi đằng họ còn hơn mất đứt hằng giờ hỏi han vô ích. Anh kể về những người chạy trốn cứ giả đò ngập ngừng sợ sệt mãi rồi cuối cùng mới phân trần thổ lộ rằng các ông chủ giàu có, thế lực của họ khinh rẻ cánh da trắng nghèo đến thế nào và xử sự khắc nghiệt như thế nào với mọi hành động can thiệp đến gia nhân của mình. Một đêm, Kunta khiến cả xóm nô cười rống lên vì câu chuyện một gã gia nô anh đã được nghe kể, gã này đã đến miền Bắc an toàn, chỉ một bước nhảy sớm hơn lão chủ đang truy nã ráo riết. Lão vội vàng gọi một viên cảnh sát. “Chính mày cũng biết mày là tên nhọ của tao!” Lão chủ điên cuồng tru tréo vào mặt gã nô lệ trong khi gã này cứ ngây đuỗn mặt mà kêu: “Lạy Chúa cứu giúp con, con chưa bao giờ trông thấy người da trắng này!” – thuyết phục được cả một đám đông xúm lại xem và viên cảnh sát ra lệnh cho lão da trắng dẹp cơn cuồng nộ và tếch đi, kẻo hắn buộc phải bắt lão vì tội phá rối yên tĩnh.

Đã nhiều năm nay, Kunta cố tránh không đi qua bất cứ nơi nào gần chỗ bán đấu giá nô lệ từ khi chứng kiến cảnh cô gái gào lên cầu cứu anh một cách vô hiệu. Nhưng mấy tháng sau cuộc nói chuyện với Catô và bác vĩ cầm, một bữa vào lúc sắp ngả chiều, Kunta đánh xe đưa ông chủ vào quảng trường ở tỉnh lỵ vào đúng lúc bắt đầu một cuộc bán đấu giá nô lệ.

“Chú ý, chú ý quý ngài ở Xpotxilvanya, tôi xin trình một mớ nhọ hảo hạng chưa từng thấy trong đời các vị!”. Trong khi người bán đấu giá rao to với đám đông, gã phụ việc trẻ, lực lưỡng kéo giật một nữ nô lệ già lên bục. “Một mụ bếp cừ khôi”, hắn mào đầu, nhưng bà già bèn la lên, vung chân vung tay lồng lộn về phía một người đàn ông da trắng trong đám đông: “Mexừ Philíp! Philíp! Ông làm dư quên rằng tui đã làm cho cụ đẻ ra ông và anh em

ông từ thuở các ông còn bé tí! Tui biết tui nay đã già và chả nghĩa lý gì mấy, dưng mà lạy Chúa, xin ông hãy giữ lấy tui! Tui đã làm lụng vất vả cho ông, mexừ Philíp! Xin ông đừng để họ đánh tui đến chết ở một nơi nào đó dưới miền Nam!".
"Dừng xe lại, Tôbi!" ông chủ ra lệnh.

Máu Kunta lạnh toát đi khi anh ghìm cương ngựa cho xe dừng lại. Tại sao sau bao năm không hề tỏ ra quan tâm gì đến các cuộc bán đấu giá nô lệ, từ đây mexừ Uolo lại muốn theo dõi cuộc này? Phải chăng ông nghĩ đến chuyện mua một người nào đó, hay vì cớ gì? Vì cơn nổ bùng đau đớn đến nát lòng của người đàn bà đáng thương? Người mà bà ta kêu gọi đã hú lên đáp lại bằng một lời chế giễu và đám đông vẫn còn cười rộ lên khi một lái buôn mua bà già với giá bảy trăm đôla.
"Hãy cứu giúp con, Thượng đế, Jêxu, Chúa Trời, hãy cứu giúp con!" bà kêu lên khi gã giúp việc da đen của tay lái buôn đẩy bà rúi rụi về phía chuồng nhốt nô lệ. "Cất hai bàn tay đen của mầy khỏi người tao, đồ nhọ!" bà tru tréo và đám đông cười rung cả người. Kunta cắn môi chớp mắt ngăn dòng lệ khỏi trào ra.

"Con đực cực kỳ trong cả mớ, thưa quí vị!" Tiếp theo trên bục là một gã thanh niên da đen, rừng rực căm hờn dữ dội, bộ ngực vạm vỡ và thân hình cuồn cuộn bắp thịt hằn lên những vệt roi đỏ chằng chịt của một trận đòn phũ phàng rất gần đây. "Tên này vốn cần phải nhắc nhở tí chút thôi! Nó sẽ mau lành! Nó có thể cày lút một con la vào lòng đất! Mỗi ngày hái được hai tạ bông! Hãy nhìn nó mà xem! Một con ngựa giống tự nhiên – nếu đám tỳ nữ của các vị hàng năm không sinh sản đúng bổn phận! Món này trả giá nào cũng vẫn là hời!" Gã trai trẻ bị xiềng đó bán được ngàn tư.

Mắt Kunta lại nhòe đi khi một phụ nữ lai bụng chửa tướng, khóc sướt mướt, được dẫn lên bục. "Mua một được hai, hay là biếu không một, tùy theo cách nhìn của các vị!". Người bán đấu giá rao lớn. "Ngày nay, tí nhau da đen cứ biết thở là đáng giá trăm đôla rồi!" Chị ta được giá một nghìn.

Sự thể đến mức không thể chịu nổi khi người tiếp theo bị lôi xềnh xệch lên bằng một dây xiềng – và Kunta gần như ngã nhào khỏi ghế ngồi. Em thiếu nữ da đen khiếp đảm la thét, vóc dáng, màu da, thậm chí nét mặt nó khiến anh nghĩ đó có thể là một Kitzi nhỉnh hơn! Kunta thấy mình như bị rìu chặt vào người khi nghe tay bán đấu giá bắt đầu quảng cáo: "Một con sen được luyện thuần thục – hoặc, nếu các vị muốn, một con nái tốt giống nhất hạng!" hắn nói thêm, vừa liếc vừa nháy mắt một cách đểu cáng. Để mời khách xem xét kỹ hơn, bất thình lình hắn tháo lỏng vành cổ cái áo váy bao tải của con bé cho tụt xuống chân trong khi nó rú lên, khóc lóc, phóng tay xuống để che sự lõa lồ của mình khỏi đám đông dòm ngó, trong đó nhiều kẻ chen lên trước, với tay ra để sờ soạng nó.

"Đủ rồi! Ta ra khỏi đây thôi!" ông chủ ra lệnh – một khoảnh khắc trước khi Kunta cảm thấy dù sao anh cũng cứ phải làm thế.

Kunta chỉ hơi lơ mơ thấy con đường trước mặt trong khi đánh xe về phía đồn điền; đầu óc anh quay cuồng. Nếu như con bé thực sự là Kitzi của anh thì sao? Nếu như bà nấu bếp lại là Bel của anh thì sao? Nếu như cả hai mẹ con đều bị bán lìa khỏi anh thì sao? Hoặc nếu như anh bị bán lìa khỏi họ? Nghĩ về những cái đó, thật quá kinh khủng – song anh không thể nghĩ đến điều gì khác.

Ngay cả trước khi cỗ xe tới đại sảnh, Kunta đã linh cảm thấy có gì không ổn, có lẽ vì đó là một chiều hè nóng nực, tuy nhiên anh chẳng thấy người nào ở xóm nô đi dạo hoặc ngồi hóng mát quanh lều. Để ông chủ xuống xe, Kunta vội vã tháo ngựa dắt về chuồng, rồi hướng thẳng về nhà bếp, ở đó anh biết là Bel hẳn đang chuẩn bị bữa tối cho ông chủ. Chị không thấy anh tới, trước khi anh lên tiếng hỏi qua cửa che: "Mình yên ổn chứ?".

"Ô, Kunta". Quay phắt lại mắt mở to bàng hoàng, chị bật nói lớn: "Lái buôn nô lệ đã đến đây!" Rồi hạ giọng: "Tui nghe thấy tiếng còi tu huýt của Catô ở ngoài đồng và chạy ra cửa sổ đằng trước. Ngay khi trông thấy cái tay da trắng nom có vẻ người thành phố xuống ngựa, tui đã ngửi ra hắn là cái gì! Lạy chúa lòng lành! Tui mở cửa khi hắn bước lên bậc thềm. Hắn hỏi gặp ông chủ hoặc bà chủ. Tui biểu bà chủ ở dưới mồ, còn ông chủ là bác sĩ đi thăm nom người ốm, không nói mấy giờ đêm thì về. Thế rồi hắn gượng cười nhìn tui, đưa tui một tấm thiếp nhỏ có in chữ ở trên và biểu giao cho ông chủ, nói là hắn sẽ quay lại. Thế, tui sợ, chẳng dám không đưa ông chủ tấm thiếp – cuối cùng, rúi béng nó lên bàn giấy của ông".
"Bel!" có tiếng gọi từ phòng khách.

Suýt nữa, chị đánh rơi chiếc thìa. Chị thì thào: "Đợi nhá! Tui quay lại!" Kunta đợi – hầu như không dám thở, đón chờ điều xấu nhất – cho đến khi anh thấy Bel trở lại với vẻ nhẹ nhõm như trút được một gánh nặng lớn.

“Ông í biểu cần xong sớm bữa tối. Tấm thiếp không còn ở chỗ tui đặt nó trên bàn, dưng mà ông í chả nói gì về cái đó mà tui cũng không, dứt khoát thế!”.

Sau bữa tối, Bel kể cho các lực điền nghe những diễn biến sau tiếng huýt còi báo động của Catô và thím Xuki bắt đầu khóc: “Lạy Chúa, các người có nghĩ là ông chủ sắp bán một số trong chúng ta đi không?”.

Im lặng nặng nề hồi lâu. Kunta không nghĩ được ra điều gì để nói, song biết chắc là mình sẽ không đem câu chuyện bán đấu giá ra kể.

“À”, cuối cùng bác vĩ cầm nói, “ông chủ không phải loại có thừa hàng loạt nhọ, mà lại là người nhiều tiền nên không phải bán nhọ để trả nợ dư một số đông đang làm”.

Kunta hy vọng những người khác thấy, hơn anh, cố gắng an ủi của bác vĩ cầm là thuyết phục. Nom Bel có vẻ hy vọng một chút. “Tui hiểu ông chủ, hay dù sao tui cũng cho là mình hiểu ông í. Chừng nào cả bọn ta ở đây, ông í không bán ai đi đâu – ít nhất là thế, trừ cái anh chàng lái xe Luthơ mà đó là vì Luthơ đã vẽ bản đồ giúp cho một người tìm cách trốn”. Bel ngập ngừng trước khi nói tiếp “Không!”. Chị nói: “Ông chủ chắc không loại bỏ ai trong chúng ta mà không có lý do thích đáng – ai biểu là có nào?” Nhưng không ai trả lời.

Chương 79

Tai Kunta gắn chặt vào cuộc đối thoại giữa ông chủ với một người em họ ưa thích được ông đón về nhà ăn bữa chiều, trong khi họ ngồi đằng sau cỗ xe đang lăn bánh.
"Hôm nọ, tại một cuộc bán đấu giá trên quận ly" ông chủ nói, "tôi lấy làm lạ thấy đám lực điền thường nhật bán được giá gấp hai, gấp ba mấy năm trước đây. Và theo những quảng cáo tôi đọc trong tờ Gazét, thì thợ mộc, thợ nề, thợ rèn – thực tế là những nô lệ có kinh nghiệm thực sự về bất cứ ngành nào, - thợ da, thợ làm buồm, nhạc công, vân vân, lên tới hai nghìn rưỡi đôla một người".

"Đâu đâu cũng vậy kể từ khi có cái máy cán bông mới ấy!" người em họ ông chủ kêu lên. "Tôi nghe nói trong cả nước đã có tới hơn một triệu nô lệ, vậy mà các tàu hình như vẫn không đủ chở thêm nô lệ mới để cung cấp cho các vùng sâu tít tận cực Nam đang cố gắng đáp ứng yêu cầu của các nhà máy miền Bắc".

"Điều đang làm tôi lo lắng là quá nhiều điền chủ háo hức muốn kiếm lời nhanh chóng đâm không còn biết phải trái, có thể thuận tình để cho bang Vơjinia của chúng ta cuối cùng mất những nô lệ tinh túy nhất của mình, thậm chí là loại giống tốt nhất nữa", mexừ Uolơ nói, "và đó rõ ràng là điên rồ".

"Điên rồ? Chả phải Vơjinia có nhiều nô lệ quá mức cần thiết đó sao? Nuôi chúng tốn kém, mà phần đông chẳng đáng giá gì mấy trong công việc".

"Có thể hiện nay là thế", ông chủ nói, "nhưng làm sao ta có thể biết được nhu cầu của ta trong năm, mười năm sau? Cách đây mười năm, ai tiên đoán được là ngành bông lại phát triển rộ như thế này. Và tôi chả bao giờ đồng ý với cái luận điệu rất phổ biến của chú là việc nuôi nô lệ quá tốn kém. Tôi thấy ở bất cứ nơi nào tổ chức tốt, chỉ cần tới mức nửa vời thôi, họ đều trồng trọt, chăn nuôi và gặt hái đủ để tự nuôi miệng đấy thôi? Và họ thường sinh đẻ nhiều – mỗi đứa trẻ da đen ra đời cũng đáng tiền cho chủ chứ, nhiều người hoàn toàn có khả năng học những kỹ thuật khiến cho mình tăng thêm phần giá trị. Tôi tin rằng nô lệ và đất – theo thứ tự đó – là những đầu tư tốt nhất hiện nay. Cũng vì lý do ấy mà tôi sẽ không bao giờ bán nô lệ và đất của tôi – đó là cột sống hệ thống của chúng ta".

"Cái hệ thống đó có thể đang bắt đầu thay đổi mà không mấy ai nhận thấy", người em họ của ông chủ nói. "Hãy nhìn cái đám nhà quê mới phất đang vênh vang như thể chúng đã bước vào giai cấp điền chủ chỉ vì chúng đã mua được một, hai tên nô lệ hết hơi để bắt làm chí chết xây dựng cho chúng những vụ bông và thuốc lá nhỏ nhoi đến thảm hại. Chúng thật không đáng kể, song cái giống nhà quê dường như lại sinh sôi nảy nở nhanh hơn giống nhọ. Chỉ tính số lượng đơn thuần, chẳng bao lâu chúng có thể bắt đầu lấn trên đất đai cũng như lao động của chúng ta".

"Ấy tôi thì lại cho rằng chúng ta chả có gì phải lo ngại lắm" – ông chủ cười khúc khích, chừng như thích thú với ý nghĩ của mình – "chừng nào những người da trắng nghèo ganh đua với những người da đen tự do để mua nô lệ bị thải".

Người em họ cười theo. "Phải, đó chẳng phải là điều khó tin hay sao? Tôi nghe nói có đến nửa số nhọ tự do ở các thành phố làm ngày làm đêm để dành đủ tiền mua người đồng chủng và sau đó cho bọn này được tự do".
"Vì thế, ở miền Nam có nhiều người da đen tự do đến thế", ông chủ nói.
"Tôi cho rằng ở Vơjinia, chúng ta quá rộng rãi đối với chúng", người em họ nói. "Không phải chỉ là chuyện chúng phá hoại nguồn lao động của chúng ta bằng cách mua đồng loại của chúng và tạo thêm nhiều người da đen tự do nữa. Chúng còn là nguyên nhân của phần lớn các cuộc nổi dậy. Chúng ta không nên quên cái tên thợ rèn ở Richmơnđ.
"Đúng" mexừ Uolơ nói. "Nhưng tôi vẫn nghĩ rằng với đầy đủ luật lệ tốt và triệt để nhằm giữ họ ở đúng vị trí của mình và với việc trừng trị đích đáng bọn gây rối để làm gương, phần lớn trong bọn họ sẽ có thể phục vụ cho những mục đích hữu ích – ở các thành phố. Tôi nghe nói hiện tại, họ gần như thống ngự trong hầu khắp các nghề".
"Trong khi đi chu du các nơi, tôi đã chính mắt thấy điều đó phổ biến biết mấy", người em họ nói. "Chúng làm gác kho hàng, phu bến cảng, lái buôn, thầu khoán, làm vườn. Chúng là những đầu bếp cừ nhất và cố nhiên là nhạc công nữa! Và tôi nghe nói ở khắp cả thành phố Lintsbơg, thậm chí không có lấy một người thợ cạo da trắng. Nếu thế thì tôi đến phải để râu mất thôi! Tôi sẽ không để một đứa nào trong bọn chúng kề dao cạo vào cổ họng tôi!".

Cả hai cùng cười. Nhưng rồi ông chủ trở nên nghiêm túc. "Tôi nghĩ là các thành phố có thể đang đẻ ra cho chúng ta một vấn đề xã hội lớn hơn vấn đề người da đen tự do. Tôi muốn nói đến những lái buôn nô lệ miệng lưỡi thơn thớt chuyên lường gạt ấy. Tôi nghe nói phần lớn bọn ấy trước kia là chủ quán rượu, đầu cơ, giáo học hoặc trạng sư hạng

bét, mục sư vét đĩa và đại loại như thế. Ba, bốn gã đã mon men đến tôi ở quận lỵ gạ mua nô lệ của tôi với những giá chưa từng thấy và một cha còn cả gan để lại danh thiếp tại nhà ở đây nữa! Đối với tôi, chúng hoàn toàn là những kẻ tham tàn bất chấp luân thường đạo lý".

Họ đã tới nhà mexừ Uolơ và Kunta, như không hề nghe thấy họ nói chuyện gì, nhảy xuống đỡ họ ra khỏi xe. Đến lúc họ đã vào nhà, rửa ráy bụi bặm đường trường, rồi yên vị trong phòng khách và gọi Bel mang đồ uống đến, thì chị cùng mọi người khác trong đồn điền đã được Kunta cho biết sự việc cốt tử là ông chủ không hề có ý định bán họ. Và không lâu sau bữa tối, Kunta nhắc lại với đám cử tọa ngây ngất của xóm nô toàn bộ cuộc đối thoại với tất cả khả năng truyền đạt tối ưu của anh. Im lặng một lát. Rồi chị Manđi nói: "Ông chủ mấy người em họ có nói chuyện nhọ tự do dành tiền để mua tự do cho người thân thích. Tui muốn biết đám nhọ tự do làm sao để chính mình được tự do!".

"À", bác vĩ cầm nói, "vô khối chủ nô ở thành phố để cho họ học các nghề, rồi đem cho thuê lấy tiền và cho họ tí chút, dư cách ông chủ vẫn làm mới tui í. Cứ dư thế mươi mười lăm năm dành dụm, nếu thực sự may mắn, một nhọ được thuê làm ngoài có thể nộp chủ số tiền để mua tự do cho chính mình".
"Bởi thế nên bác cứ kéo đàn túi bụi dư vậy phải không?" Catô hỏi.
"Tau làm vậy đâu phải vì thích xem dân da trắng khiêu vũ", bác vĩ cầm nói.
"Bác đã kiếm đủ để mua lại mình chưa?".
"Nếu đủ thì tau đã chẳng còn đây để cho mầy hỏi câu í". Tất cả mọi người đều cười.
"Dù sao đi nữa, đã gần đủ chưa?" Catô gặng thêm.
"Mầy có thôi đi không?" bác vĩ cầm phát cáu. "Bi giờ tau gần đủ hơn tuần trước, dưng lại không gần đủ bằng tuần sau nữa".
"Thôi được, dưng mà khi được rồi, bác sẽ làm gì?".
"Cao chạy xa bay, người anh em ạ! Hướng về phía Bắc! Nghe nói một số nhọ tự do ở miền Bắc sống khá hơn với người da trắng và tau thấy cái í hay đấy. Giả sử tau dọn đến ở cạnh một người lai kênh kiệu rồi bắt đầu ăn nói kênh kiệu và mặc lụa là dư bọn họ, và bắt đầu chơi đàn hác-pờ, đi họp hành bàn luận về sách báo, trồng hoa và dững cái đại loại dư thế".

Khi tiếng cười ngớt đi, thím Xuki bèn hỏi: "Các người nghĩ sao về việc người da trắng bao giờ cũng bỉu sở dĩ dân lai làm ăn tốt là vì hàng lô máu huyết da trắng mang trong người khiến họ thông minh hơn ta?".
"Ờ, quả là người da trắng pha trộn huyết thống mình cũng khá nhiều ra khắp ba bề bốn bên!" Bel nói một cách vô thưởng vô phạt.
"Liệu giữ mồm khi nói về xúbadăng, vú em của tui nhé!" bác vĩ cầm kêu lên, cố tỏ vẻ xúc phạm. Catô cười ngặt nghẽo suýt té nhào khỏi ghế, mãi đến khi Bơla lấy mu bàn tay củng vào đầu mới thôi.
"Chỗ này phải nghiêm túc nhé!" bác vĩ cầm nói tiếp. "Thím Xuki hỏi một câu tui định trả lời! Nếu cứ bằng vào dững kẻ dư tui mà xét thì các người sẽ hiểu là dân nhọ có màu da sáng ắt phải thông minh chớ! Hoặc giả cứ xem cái tay Benjamin Bannocơ mà người da trắng gọi là một thiên tài toán số, lại còn nghiên cứu cả trăng, sao nữa – dưng mà còn hàng lô hàng lĩ dững nhọ đen kịt dư các người cũng thông minh thì sao?".

Bel nói: "Tui nghe ông chủ nói chuyện về một bác sĩ nhọ tên là Jêmx Đơhơm ở Niu Oliânz. Ông bác sĩ da trắng dạy anh ta biểu là anh ta còn biết nhiều hơn ông í, mà anh ta cũng đen dư ta thôi".
"Tui xin kể bà con nghe về một người khác", bác vĩ cầm nói. "Cái ông Prinxơ Hol đã khai trương dòng Tam điểm da đen í! Tui đã thấy ảnh dững ông mục sư lớn khai trương dững giáo hội da đen, phần đông đều đen đến đỗi nếu họ không mở mắt thì khó lòng nhìn thấy họ. Lại còn cái tay Philix Huytli làm những bài thơ mà người da trắng bỉu là rất hay và cái tay Gơxtavơx Vaxa viết sách thì sao?" Bác vĩ cầm liếc về phía Kunta. "Cả hai đều là nhọ gốc châu Phi chính hiệu, không có lấy giọt máu da trắng nào và tui thấy họ dất khoát chả ngu bệt chút nào!" Rồi vừa cười, bác vĩ cầm vừa tiếp. "Bởi vì khốn nỗi bao giờ cũng có dững nhọ đen bệt – cứ xem dư Catô đấy...". Bác vùng lên chạy, Catô đuổi theo sau cách chừng hai bước. "Tui mà bắt được, tui sẽ bệt lên đầu bác", Catô hét.

Khi những người khác thôi cười, Kunta nói: "Các người mún cười bao nhiêu cứ cười cho thỏa đi. Đã là nhọ thì tất cả đều thế đối với người da trắng. Một giọt máu nhọ thì cũng vuỡn là nhọ, dù anh có trắng hơn cả họ đi nữa – mà tui đã thấy ói người dư vậy".

Khoảng một tháng sau, bác vĩ cầm từ một chuyến đi trở về, mang theo những tin làm cả xóm nô chìm trong buồn nản. Đến đâu, bác cũng thấy bọn người da trắng hồ hởi với tin ấy: Thủ lĩnh Pháp tên là Napôlêông đã phái qua vùng nước lớn một đạo quân khổng lồ, đạo quân này sau bao cuộc chiến đấu và đổ máu đã lấy lại Haiti từ tay người da đen và người giải phóng họ, tướng Tuxên. Được viên tướng của đạo quân Pháp chiến thắng mời đến dự tiệc, Tuxên đã sai lầm nhận lời: giữa bữa ăn, bọn hầu bàn túm lấy ông, trói giật cánh khuỷu và tống lên một con tàu về Pháp, ở đó ông bị xiềng đưa đến trước mặt Napôlêông người đã bày đặt toàn bộ âm mưu tráo trở đó.

Là người hâm mộ vị tướng da đen Tuxên nhất trong đồn điền, Kunta xúc động với tin ấy hơn bất kỳ ai khác. Anh vẫn còn ngồi buồn xỉu trong lều bác vĩ cầm khi người cuối cùng trong đám đã lặng lẽ bỏ ra.
"Tau biết mầy buồn chừng nào về ông Tuxên í" bác vĩ cầm nói, "Và muốn mày đừng nghĩ tau coi nhẹ chuyện í, dưng mà tau có một mẩu tin tau không thể giữ kín thêm phút nào nữa!"

Kunta gườm gườm nhìn bác vĩ cầm, càng phật ý hơn khi thấy bác có vẻ như sắp bùng ra vì sung sướng. Tin gì mà có thể đại cát đến mức át cả sự tôn trọng cần có đối với sự hạ nhục vị thủ lĩnh da đen lớn nhất của mọi thời đại?
"Tau đạt rồi!" Bác vĩ cầm lúc này quả là một điển hình mẫu mực về sự phấn khởi. "Một tháng trước, khi Catô hỏi tau để dành được bao nhiêu rồi, tau không nói gì, dưng mà lúc í tau chỉ còn thiếu mấy đôla nữa thôi – và bi giờ tau vừa vặn đạt nhờ chuyến đi vừa rồi! Tau phải mất hơn chín trăm lần đờn cho bọn da trắng khiêu vũ và quả tình tau không biết liệu có bao giờ đạt đến mục đích không, cho nên tau chả nói chuyện í mới ai sất – kể cả mầy nữa – trước khi tau đạt. Bạn người Phi nầy, tau đã có cái món bảy trăm đôla và ông chủ đã bỉu tau từ lâu là tau phải kiếm để mua lại tự do cho mình!".

Kunta bàng hoàng không nói nên lời.
"Nhìn nầy!" bác vĩ cầm vừa nói vừa xé toang tấm nệm và ném những thứ trong đó lên sàn; hàng trăm tờ giấy bạc đôla xoáy lộn quanh chân hai người. "Và nhìn đây nữa!" bác kéo một túi vải gai từ dưới gầm giường và đổ hết ra leng keng trên mớ giấy bạc – hàng trăm đồng tiền đủ mọi loại.
"Nào, thằng Phi, mầy nói gì đi chứ hay chỉ đứng há hốc mồm ra đấy?"
"Tui chả biết nói gì sất," Kunta nói.
"Không chúc mừng sao?"
"Tui thấy dư quá tốt đẹp nên khó lòng là thật được"
"Đúng là thật đấy. Tau đã đếm nó hàng nghìn lần. Thậm chí còn dư một món đủ để tau mua một cái vali bằng các tông nữa cơ!".
Kunta quả không sao tin nổi. Bác vĩ cầm sắp sửa được tự do thật! Không phải chỉ là một giấc mơ. Kunta cảm thấy muốn cười và khóc cùng một lúc – cho bản thân cũng như cho bạn.

Bác vĩ cầm quỳ xuống và bắt đầu vốc tiền lên. "Nầy, mầy cứ giả câm giả điếc đừng nói gì về chuyện này, cho đến sáng mai nhá, được không? Tức là đến khi tau đi gặp ông chủ và bỉu ông í giàu thêm bảy trăm đôla nữa! Mầy cũng sẽ mừng dư ông í thấy tau qua cầu chớ?".
"Mừng cho bác. Không mừng cho tui", Kunta nói.

"Nếu mày ráng làm tau ái ngại cho mầy đến nỗi phải lo mua nốt tự do cho cả mầy, thì mầy sẽ phải đợi một thôi nữa. Tau đã mất băm ba năm kéo đàn mới tới tự do đấy!".

Đến lúc trở về lều mình, anh đã bắt đầu thấy nhớ bác vĩ cầm và Bel lầm tưởng vẻ buồn của anh là do thương xót Tuxên nên anh không cần phải che giấu – hoặc giải thích – điều mình đang cảm thấy.
Sáng hôm sau, đi ngang qua lều bác vĩ cầm sau khi cho ngựa ăn, anh thấy vắng tanh, nên anh đến hỏi Bel xem bác ta có ở trong nhà với ông chủ không.
"Bác í đi khỏi được một tiếng rồi. Coi bộ dư bác í vừa gặp ma. Bác í có chuyện gì vậy và bác í muốn gì với ông chủ?"
"Bác í có nói gì khi ra khỏi nhà không?" Kunta hỏi.
"Chả nói gì sất. Đã biểu là bác í đi qua tui dư thể không có tui ở đấy mà".

Không nói thêm một lời, Kunta bước ra khỏi cửa che gió và quay trở về phía xóm nô – trong khi Bel hò theo sau lưng: "Mình đi đâu bi giờ?" và khi thấy anh không trả lời: "Được rồi! Đừng có nói gì với tui nữa nhá! Tui chỉ là vợ anh thôi mà!". Kunta đã biến mất.

Sau khi hỏi quanh, gõ cửa tất cả các lều, thậm chí ngó cả vào nhà tiêu và gào to vào chuồng ngựa: "Bác vĩ cầm!". Kunta đi xuôi xuống, dọc theo hàng rào. Đi được một quãng, anh nghe thấy tiếng nhạc – những đoạn sầu não, lê thê của một ca khúc anh đã từng nghe những người da đen hát tại một cuộc họp trại "ôi lạy Chúa"... – có điều lần này nó được chơi trên một cây đàn vĩ cầm. Tiếng đàn của bác vĩ cầm bao giờ cũng nhí nhảnh, vui tươi, tiếng nhạc này nghe như cây đàn đang nức nở, nó vật vờ bay dọc theo hàng rào.

Rảo bước, Kunta tới chỗ có thể nhìn thấy một cây sồi xòe nửa vòm lá trên một con suối chảy gần rìa khu vực sở hữu của mexừ Uolơ. Lại gần hơn nữa, anh trông thấy đôi giày của bác vĩ cầm thò ra đằng sau thân cây. Đúng lúc ấy, tiếng nhạc ngừng lại – và Kunta cũng dừng bước, đột nhiên cảm thấy như mình là một kẻ đột nhập trái phép. Anh đứng im, chờ bác vĩ cầm tiếp tục đàn, song tiếng ong vo ve và tiếng suối róc rách là những âm thanh duy nhất

khuấy động im lặng. Cuối cùng, gần như rụt rè, Kunta đi vòng cây sồi đến đối mặt với bác vĩ cầm. Chỉ cần thoáng nhìn một cái, anh đã hiểu chuyện gì vừa xảy ra – mặt người bạn già của anh tối sầm: tia sáng lấp lánh trong mắt bác đã tắt ngấm.

"Mầy cần chút gì nhồi đệm nằm hả?" giọng bác vĩ cầm vỡ ra. Kunta không nói gì. Nước mắt bắt đầu chảy ròng ròng trên má bác vĩ cầm; bác giận dữ gạt đi tựa hồ đó là những giọt axít và nói dồn dập một thôi: "Tau bỉu ông í là cuối cùng tau đã có tiền để mua tự do – không thiếu lấy một xu. Ông í ầm à ầm ừ một phút và dòm lên trần nhà. Rồi ông í chúc mừng tau đã dành dụm được nhiều thế. Dưng mà sau đấy, ông í bỉu nếu tau mốn thì bảy trăm í có thể coi là trả tiền mặt thôi, bởi vì trong việc kinh doanh, ông í phải tính xem giá nô lệ đã lên ngần nào từ khi có cái máy cán bông í nhập vào. Ông í bỉu bi giờ ông í không thể nhận dưới nghìn rưỡi để bán một tay vĩ cầm làm tốt tiền dư tau, thế là ít nhất, bỉu là ông í có thể được hai nghìn rưỡi nếu ông í phải bán tau cho người nào khác. Ông í bỉu ông í thật tình lấy làm tiếc, dưng ông ấy hy vọng tau hiểu công việc là công việc, và ông í phải kiếm lời chính đáng trên vốn đầu tư của mình". Lúc này, bác vĩ cầm bắt đầu khóc nức nở. "Ông í bỉu là được tự do không hoàn toàn đúng dư người ta vưỡn đề cao và ông í chúc tau may mắn kiếm được nốt số còn lại nếu tau khăng khăng mốn... vì ông í biểu tau cứ tiếp tục làm việc tốt..., và khi tau đi ra, nhớ bỉu Bel mang vào cho ông í ít cà phê!"
Bác im bặt, Kunta chỉ còn biết đứng ngây ra đó.

"Đồ chó đẻ í!" đột nhiên bác vĩ cầm thét lên và vung tay ra đằng sau, bác vớ lấy cây đàn ném xuống suối.

Kunta lội ra định nhặt, nhưng chưa với tới – anh đã có thể thấy rõ là nó đã gãy nát.

Chương 80

Mấy tháng sau, một đêm, khi Kunta cùng với ông chủ trở về nhà khá muộn, Bel lo lắng hơn là bực khi thấy họ quá mệt không thiết ăn bữa tối ngon lành do chị nấu. Bởi vì một thứ bệnh sốt đã bắt đầu hoành hành khắp quận và mỗi sáng hai người ra đi một sớm hơn để mỗi đêm trở về một muộn hơn, trong cố gắng của ông chủ với cương vị là bác sĩ của quận nhằm đương đầu với dịch truyền nhiễm đang lan rộng.

Kunta ngồi phịch xuống ghế đu, lơ đãng nhìn trừng trừng vào bếp lửa như người mất hồn, lử lả đến nỗi không nhận thấy Bel đang sờ trán mình và cởi giày cho mình nữa. Và mãi nửa giờ sau anh mới đột nhiên nhận ra là Kitzi không ngồi lên lòng anh như thường lệ để khoe một thứ đồ chơi mới nào đó hoặc bi bô kể những điều nó đã làm trong ngày.
“Con bé đâu?” Cuối cùng anh hỏi.
“Đặt nó ngủ cách đây một tiếng rồi”, Bel nói.
“Nó không bịnh đấy chứ?” anh ngồi thẳng dậy, hỏi.
“Không, chơi nhiều đâm mệt đấy thôi. Hôm nay, “măzen” An đến, Kunta kiệt sức đến nỗi không cảm thấy bực bội như mọi khi, nhưng dù sao Bel cũng chuyển sang chuyện khác. “Trong khi chờ để đưa măzen về, Ruxbi kể mấy tui là đêm nọ hắn đã nghe thấy bác vĩ cầm đàn ở một vũ hội hắn đưa mexừ Jon tới dự ở Friđiricxbơg. Hắn biểu là cơ hồ không nhận ra tiếng đàn, nghe nó không còn dư xưa nữa. Tui không nói cho hắn biết bản thân bác vĩ cầm cũng không còn dư xưa nữa từ khi bác í vỡ nhẽ ra là mình không tự do”.
“Bộ dư bác í chẳng thiết gì nữa,” Kunta nói.
“Xem vẻ đúng là dư thế. Bác í cứ lầm lầm lì lì, thậm chí gần dư không buồn gật đầu chào ai nữa, chỉ bằng lòng nhận Kitzi mang cơm đến và ngồi mới bác í trong khi bác í ăn. Độc chọi có mình nó là bác í còn muốn quan hệ tí chút. Thậm chí không chơi bời chuyện trò cả mấy mình nữa”
“Phần vì cái bịnh sốt tràn lan gần đây”, Kunta mệt mỏi nói, “tui chả có mấy thì giờ hoặc hơi sức đâu mà thăm thú ai”.
“Phải tui đã để ý thấy thế, mình đừng có ngồi đây suốt nửa đêm, mình vào giường ngủ luôn đi”.
“Mặc tui, tui vuỗn khỏe mà”.
“Không, mình không khỏe đâu!” Bel nói, giọng dứt khoát, cầm lấy tay anh, đỡ anh đứng dậy dẫn đến buồng ngủ và anh không kháng cự thêm nữa. Kunta ngồi ở mép giường trong khi chị cởi quần áo ngoài cho anh, rồi anh nằm xuống, thở dài.
“Xoay người đi tui xoa lưng cho”.
Anh làm theo và chị bắt đầu nắn bóp lưng anh bằng những ngón tay cứng lại.
Anh nhăn mặt.
"Sao thế? Tui nắn có mạnh tay lắm đâu!".
"Không sao cả".
"Chỗ này cũng đau à?" Chị vừa hỏi vừa ấn xuống phía dưới gần thắt lưng.
"Úi".
"Cách rày, tui ngài ngại đấy", chị vừa nói vừa nương nhẹ tay như vuốt ve mơn trớn.
"Tui chỉ mệt thôi mà. Tui chỉ cần ngủ một đêm là khỏi".
"Để xem", chị tắt nến và trèo lên nằm cạnh anh.
Nhưng khi dọn bữa điểm tâm cho ông chủ sáng hôm sau. Bel phải thưa với ông là Kunta không sao nhấc mình dậy khỏi giường.
"Có thể là sốt", ông chủ nói, cố che giấu nỗi bực tức. "Chị biết phải làm gì rồi đấy. Trong khi đó có một nạn dịch đang tiếp diễn và ta cần phải có một lái xe".
"Dạ thưa ông chủ". Chị nghĩ một lát. "Thằng bé làm đồng Nâuơ ấy, ông thấy có được không? Nó nhớn mau đến nỗi giờ gần bằng người nhớn rồi. Chăn la tốt, chắc nó cũng có thể lái ngựa được".
"Hiện nó bao nhiêu tuổi?".
"À, thưa ông, Nâuơ hơn con Kitzi nhà tui độ hai tuổi, vậy là..." Chị dừng lại để đếm trên đầu ngón tay... "là nó mười ba hay mười bốn, tui chắc thế, thưa ông".
"Bé quá", ông chủ nói. "Chị đến bảo cái lão vĩ cầm thế chân vậy. Gần đây, lão chả có mấy việc phải làm trong vườn cũng như với cây đàn của lão. Bảo lão thắng ngựa và đánh xe vòng ra đằng trước ngay".

Trên đường đến lều bác vĩ cầm, Bel đoán là bác sẽ hoặc rất dửng dưng hoặc rất bàng hoàng với tin này. Bác vừa dửng dưng vừa bàng hoàng. Xem chừng bác chẳng bận tâm gì đến chuyện phải lái xe cho ông chủ, nhưng khi được biết Kunta ốm, bác vĩ cầm lo sợ đến nỗi chị phải nói mãi mới thuyết phục được bác đừng đỗ lại ngang lều họ trước khi đón ông chủ lên xe.

Từ hôm đó trở đi, bác vĩ cầm trở thành một người khác hẳn - chắc chắn không sung sướng hơn là bác làm ra vẻ thế trong mấy tháng qua, nhưng săn đón ân cần, không biết mệt, lái xe cho ông chủ ngày, đêm đi khắp quận, rồi lại về giúp Bel chăm sóc Kunta cùng những người khác trong xóm nô cũng bị sốt liệt giường.

Chẳng bao lâu, số người ốm - cả ở đồn điền lẫn nơi khác - nhiều đến nỗi ông chủ phải ép Bel làm phụ tá cho mình. Trong khi ông điều trị cho đám da trắng, thì thằng bé Nâuơ đánh chiếc xe la chở chị đi thăm nom những người da đen. "Mexừ có thuốc của mexừ, tui có thuốc của tui", chị nói riêng với bác vĩ cầm. Sau khi phát thuốc của ông chủ, chị cho bệnh nhân uống món biệt dược bí mật của mình gồm cỏ phơi khô tán thành bột trộn với nước vỏ cây hồng vàng đun sôi mà chị thề rằng hiệu nghiệm hơn, nhanh chóng hơn bất kỳ phương thuốc nào của người da trắng. Nhưng - chị tâm sự với chị Manđi và thím Xuki - điều đích thực làm họ khỏi bệnh là bao giờ chị cũng quỳ xuống bên giường người bệnh và cầu nguyện. "Bất kể nạn gì Người giáng xuống chúng sinh, Người đều cất bỏ được, nếu Người muốn", chị nói. Nhưng một số bệnh nhân của chị, cũng như của mexừ Uolơ, dù được chạy chữa mọi cách, vẫn chết.

Khi bệnh tình Kunta tiếp tục trầm trọng thêm, mặc dù Bel và ông chủ xoay đủ mọi cách có thể, những lời cầu nguyện của chị ngày càng trở nên thống thiết hơn. Chị hoàn toàn quên những cung cách kỳ quặc, lầm lì, bướng bỉnh của Kunta. Mỗi đêm chị ngồi bên giường anh, không ngủ được vì quá mệt trong khi anh nằm thượt, mồ hôi đầm đìa, trằn trọc giở mình rên rẩm hoặc đôi khi mê sảng nói lảm nhảm một hồi dưới lớp mền chị đắp chồng chất lên anh. Chị thường nắm bàn tay khô, nóng hầm hập của anh trong tay mình, nơm nớp sợ đến mức tuyệt vọng, e không đủ sức nói với anh là phải trải qua cảnh ngộ này, sau tất cả ngần ấy năm, chị mới nhận thức đầy đủ rằng: anh là một con người đầy sức mạnh, đầy cá tính tới tầm cỡ mà chị chưa từng thấy ai sánh kịp và chị yêu anh rất sâu sắc.

Anh bị hôn mê đến ngày thứ ba thì "măm zen" An đến thăm ông chủ và thấy Kitzi ở trong lều cùng với Bel, chị Manđi, thím Xuki, tất cả đều đang khóc và cầu nguyện.

Nước mắt ròng ròng, "măm zen" An quay về đại sảnh và nói với mexừ Uolơ mệt mỏi rằng nó muốn đọc một đoạn trong kinh Thánh cho bố Kitzi. Nhưng nó không biết chỗ nào tốt để đọc cho hợp, cho nên nó mong ông vui lòng chỉ giúp. Ông chủ đăm đăm nhìn vẻ sốt sắng trong đôi mắt ướt lệ của đứa cháu gái yêu dấu và đứng dậy khỏi chỗ nằm, ông mở tủ sách, lấy ra quyển Kinh Thánh to tướng. Sau một lúc trầm ngâm suy nghĩ, ông giở đến một trang và đặt ngón tay trỏ vào đúng chỗ cần bắt đầu.

Khi tin truyền đi trong xóm nô là "măm zen" An sắp đọc một cái gì đó, mọi người vội vàng tụ tập bên ngoài lều của Bel và Kunta, và nó bắt đầu đọc.

"Đức Jêhôva là đấng chăn dắt tôi; tôi sẽ chẳng thiếu thốn gì. Người khiến tôi an nghỉ nơi đồng cỏ xanh. Người dẫn tôi bên dòng nước lặng. Người bổ lại linh hồn tôi. Dẫn tôi vào các lối công bình vì cớ danh người". "Măm zen" An dừng lại, cau mày với trang sách rồi đọc tiếp: "Dẫu khi tôi đi trong trũng bóng chết, tôi sẽ chẳng sợ tai họa nào: Vì Chúa ở cùng tôi. Cây trượng và cây gậy của Chúa an ủi tôi". Nó lại ngừng, lần này để thở một hơi thật sâu, và phân vân ngước nhìn những bộ mặt đang theo dõi nó.

Xúc động sâu sắc, chị Manđi không kìm nổi, buộc kêu lên: "Lạy Chúa, hãy nghe cô bé này! Đã nhớn thế, đã biết đọc giỏi thế!".

Giữa tiếng lao xao khen ngợi của những người khác, Ađa, mẹ Nâuơ trầm trồ: "Mới đâu dư hôm qua, nó còn quấn tã mà! Bi giờ nó mấy tuổi rồi?".
"Chả mấy nữa là mười bốn đấy!" Bel nói, kiêu hãnh như đó là con đẻ mình. "Đọc bọn tui nghe thêm chút xíu nữa, cưng nào!".
Đỏ rừ mặt với những lời ca tụng đó, "Măm zen" An đọc nốt câu cuối của Thi thiên thứ 23.

Vừa chạy chữa vừa cầu nguyện, mấy ngày sau, có những dấu hiệu là Kunta bắt đầu bình phục. Bel biết là anh sắp sửa lành bệnh khi thấy anh trừng trừng nhìn chị và giựt khỏi cổ cái chân thỏ khô cùng chiếc túi đựng lá a-ngùy chị đã buộc vào đó để trừ rủi ro và bệnh tật. Và Kitzi cũng biết thế khi nó thì thầm vào tai anh rằng buổi sáng đầu tuần trăng vừa rồi, nó đã bỏ thêm một hòn sỏi xinh xinh vào quả bầu và bộ mặt dài đuỗn của anh toác ra một nụ cười. Còn Kunta thì biết rằng bác vĩ cầm sắp bình ổn trở lại, khi giật mình tỉnh dậy một buổi sáng, anh nghe thấy tiếng vĩ cầm bên giường mình.
"Chắc tui mê ngủ", Kunta mở mắt, nói.

"Không, mầy không mê nữa đâu", bác vĩ cầm nói. "Tau mệt phát ốm phải đánh xe cho ông chủ mầy khắp nơi khắp chốn. Mắt ông í cứ nhìn xoáy vào lưng tau đến cháy thủng cả áo. Đã đến lúc mày phải dậy hay di chuyển đi, nhọ ạ!"

Chương 81

Hôm sau, Kunta đang ngồi trên giường thì nghe thấy Kitzi bước vào lều, vừa cười vừa líu lô trò chuyện với "măzen" An hiện đang được nghỉ học và anh nghe thấy chúng kéo lui ghế để ngồi vào bàn ở phòng bên.
"Kitzi, em có học bài không?" "măzen" An đóng cô giáo, lấy giọng nghiêm nghị hỏi.
"Thưa cô, có", Kitzi cười khúc khích.
"Rất tốt, vậy thì... cái này là gì?".
Sau một quãng ngắn im lặng, Kunta chăm chú lắng tai và nghe thấy Kitzi ấp úng trả lời là không nhớ.
"Đó là chữ D" "măzen" An nói. "Bây giờ đến cái này là gì?"
Hầu như ngay lập tức, Kitzi kêu lên đắc thắng: "Đây là cái vòng tròn í, chữ O!".

Cả hai con bé cùng cười sung sướng.
"Tốt. Em đã không quên. Bây giờ, chữ kia là gì?".
"À... ừ... ầm..." Rồi Kitzi mừng rỡ: "Đấy là chữ G!".
"Phải".
Lại một thoáng im lặng, rồi "măzen" An nói: "Bây giờ, trông thấy cái này chứ? D_O_G. Là cái gì?
Thấy Kitzi nín thinh, anh chắc là nó không biết - như anh cũng không biết.
"Dog![1]" "măzen" An thốt lên "Em nghe thấy tôi nói không? Đừng quên nhé, D-O-G! Em phải học tốt tất cả các chữ cái, rồi ta sẽ học chắp nó thành từ như thế nào".

Sau khi hai đứa đi khỏi lều, Kunta nằm nghĩ rất lung. Anh không thể không cảm thấy đôi chút tự hào về năng lực học tập của Kitzi. Mặt khác, anh ấm ức không thể chịu nổi việc người ta đem nhồi nhét những thứ tubốp lằng nhằng vào đầu nó. Có lẽ vì thế mà gần đây nó hình như tỏ ra kém thích thú trong những cuộc trò chuyện của hai cha con về châu Phi. Có thể đã quá muộn, nhưng anh vẫn tự hỏi xem có nên xét lại cái quyết định không dạy cho nó đọc chữ A-rập. Nhưng rồi anh nghĩ làm thế cũng dại dột như khuyến khích nó tiếp tục các bài học với "măzen" An. Giả dụ như mexừ Uolơ rồi đây tất phải phát hiện ra là Kitzi biết đọc - bất cứ tiếng gì! Đó sẽ là một cách rất tốt để chấm dứt trò "dạy học" của con bé da trắng và, tốt hơn nữa, thậm chí có thể chấm dứt cả quan hệ giữa hai đứa. Nhưng điều rắc rối là Kunta không dám chắc rằng ông chủ sẽ để cho vấn đề dừng lại ở đó. Thành thử "trường học" của Kitzi vẫn tiếp tục mỗi tuần ít nhất là hai, ba lần cho đến khi "măzen" An phải trở về với việc học tập hàng ngày - vào khoảng thời gian mà Kunta, giờ đây đã bình phục hẳn, quay trở lại lái xe cho ông chủ thay thế bác vĩ cầm sung sướng vì thoát nợ.

Nhưng cả sau khi "măzen" An đi rồi, đêm đêm, trong khi Bel khâu vá, đan lát, và Kunta đu đưa trên ghế trước bếp lửa, Kitzi vẫn cắm cúi trên bàn, cây bút chì gần chạm vào má, nắn nót chép những từ trong một quyển sách của "măzen" An cho nó hoặc từ một mảnh báo rách vứt đi của ông chủ. Ngồi quay lưng lại hai mẹ con, đôi khi Kunta nghe thấy Kitzi lôi kéo Bel vào cuộc, mặc dầu Kitzi biết mẹ nó cũng võ vẽ biết đoc, biết viết.

"Này mẹ, đây là chữ A", Kitzi giảng, "và đây là chữ O. Nó chỉ vào một cái vòng tròn bé tí thôi, không có gì khác".

Đến lúc thích hợp, nó bắt đầu chuyển sang các từ, như "măzen" An đã làm với nó. "Đây là "dog" (con chó) và đây là "cat" (con mèo)... và đây là "Kitzi"... và đây là tên mẹ B-E-L. Mẹ thấy nó ra sao? Bi giờ, mẹ vít đi". Và Bel bèn giả vờ đánh vật với cây bút chì nghệch ngoạc mấy chữ đó, cố tình để một vài lỗi cho Kitzi có dịp uốn nắn. "Mẹ phải làm như con bày cho mẹ thì mẹ có thể viết tốt như con", Kitzi nói, kiêu hãnh có được một cái gì để dạy mẹ cho nó khác thói thường đi một chút.

Mấy tuần sau, một đêm, sau khi Kitzi buồn ngủ rũ tại bàn sau hàng giờ liền ngồi chép bài tập viết mới nhất do "măzen" An cho, Bel bảo con gái đi ngủ và lát sau, chị nằm xuống cạnh Kunta và bình thản nói: "Bi giờ không phải trò chơi nữa. Con bé này đã biết nhiều hơn tui rồi: Chúa thương tui chỉ mong mọi việc chu toàn".

Trong những tháng sau, Kitzi và "măzen" An tiếp tục đến chơi với nhau, phần lớn vào cuối tuần, song không phải tất cả những ngày cuối tuần và sau một thời gian, Kunta bắt đầu phát hiện ra - hoặc khắp khởi cảm thấy là mình đã phát hiện ra - nếu không đích xác là một sự nguội lạnh giữa hai đứa thì chí ít cũng là một giảm sút từ từ, tinh tế trong tình thân của chúng, một sự tách rời dần dần khi mà "măzen" An bắt đầu chín mảy tới độ thanh xuân trước Kitzi những bốn năm.

Cuối cùng, cái mốc đánh dấu sinh nhật lần thứ mười sáu bao lâu mong đợi của nó đã gần tới, nhưng ba ngày trước cuộc liên hoan dự định, cô "măмzen" An bướng bỉnh và nóng nảy cưỡi đại trên lưng con ngựa kéo xe giận dữ phi tới nhà mexừ Uolơ và nước mắt giàn giụa, kể với ông là bà mẹ ốm yếu của nó đang lấy cớ bị một cơn đau đầu kéo dài hàng tuần để hoãn cuộc vui lại. Và liên hồi dẩu môi dẩu mỏ, chơm chớp hàng mi và giựt giựt hoài ống tay áo ông chú, nó van xin ông cho tổ chức liên hoan tại đây. Không thể từ chối bất cứ điều gì nó yêu cầu, ông nói ừ, tất nhiên, và trong khi Ruxby hộc tốc phóng xe đi khắp quận báo cho hàng tá khách thiếu niên về việc thay đổi địa điểm thì Bel và Kitzi giúp "măмzen" An làm những công việc chuẩn bị cuống quít vào phút cuối. Những việc này hoàn thành vừa kịp để Kitzi giúp "măмzen" An mặc chiếc áo dài liên hoan và xuống nhà dưới chào khách.

Nhưng rồi - theo như Bel kể lại với Kunta sau này - từ lúc chiếc xe đầu tiên đến, "măмzen" An bỗng nhiên làm như không biết con bé Kitzi mặc đồng phục và tạp-dề hồ bột lăng xăng đi lại giữa đám khách, bưng những khay đồ uống, "cho đến khi con bé tội nghiệp nhào vô nhà bếp khóc sưng cả mắt". Đêm ấy, về lều, Kitzi vẫn còn khóc trong khi Bel cố lựa lời an ủi. "Chỉ là vì cô í đã nhớn lên thành một bà chủ trẻ đấy thôi, cưng ạ, mấy lị cô í còn mải để tâm đến nhiều việc. Chả phải cô í coi rẻ con hay thực sự có bụng ác đâu. Bất kể ai trong đám chúng ta đã nhớn lên thật gần gũi với trẻ con da trắng, thể nào cũng đến lúc mình phải đi đằng mình và họ đi đằng họ thôi".

Kunta ngồi, lòng sôi sục vẫn những xúc động mà anh đã cảm thấy khi anh lần đầu trông thấy "măмzen" An chơi với bé Kitzi nằm trong giỏ. Suốt mười hai vụ mưa kể từ buổi đó, anh đã nhiều lần xin Chúa Ala chấm dứt sự gần gũi giữa đứa con gái tubốp với Kitzi của anh - và mặc dầu cuối cùng, lời nguyện cầu của anh được đáp lại, anh vẫn thấy vừa đau đớn vừa tức giận khi thấy Kitzi bị thương tổn sâu sắc đến thế. Song cái đó là cần thiết và chắc chắn kinh nghiệm này sẽ cho nó bài học nhớ đời. Hơn nữa, bằng vào vẻ cau lại mà Kunta nhìn thấy trên mặt Bel khi chị nói với Kitzi, anh cảm thấy chút hy vọng là cả Bel cũng có thể chừa bớt chí ít là một phần lòng quý mến lớn lao đến lợm giọng mà chị dành cho "cô tiểu thư" rõ ràng là gian trá và đồng lõa kia.

"Măмzen" An vẫn tiếp tục đến chơi nhà mexừ Uolơ, tuy thưa thớt hơn trước nhiều vì - khi Ruxby nói riêng với Bel - các cậu công tử đã bắt đầu chiếm nhiều thời gian của cô ta. Những lần đến thăм, bao giờ cô cũng gặp Kitzi; và thường thường, cô hay mang theo một chiếc áo dài cũ để Bel "nới ra" cho Kitzi vốn có vóc người to hơn, mặc dầu kém mấy tuổi. Nhưng giờ đây, như theo một thỏa thuận không nói ra miệng, hai cô chỉ chơi với nhau khoảng nửa giờ, đi dạo và chuyện trò nhẹ nhàng trong sân sau, gần xóm nô rồi "măмzen" An đi khỏi.

Bao giờ Kitzi cũng đứng nhìn theo, rồi rảo bước rất nhanh về lều và vùi đầu vào học, thường khi là đọc đọc, viết viết mài miệt đến tận giờ ăn tối. Kunta vẫn chưa thích thú gì với năng lực tăng tiến của nó trong việc đọc và viết tiếng tubốp, song anh chấp nhận rằng nó cần có cái gì đó để bận bịu khi mà giờ đây nó đã mất cô bạn đời. Bản thân Kitzi của anh giờ cũng đang gần đến tuổi thanh niên - anh nghĩ điều đó sắp sửa đem lại cho cả hai cha con một loạt lo lắng phiền toái mới.

Ngay sau lễ Giáng sinh năm sau - 1803 - gió vun tuyết thành những đống dày, mượt như lông chim cho đến khi đường sá bị lấp nhiều chỗ, chỉ những xe lớn nhất mới qua được. Mỗi khi ra khỏi nhà - chỉ trong những trường hợp có người bệnh thập tử nhất sinh yêu cầu đến - ông chủ phải cưỡi ngựa đi một mình và Kunta ở lại nhà, bận rộn giúp Catô, Nâuơ và bác vĩ cầm dọn quang đường xe chạy trong đồn điền và bổ củi cung cấp cho tất cả các lò sưởi cháy liên tục.

Tuy bị cách biệt - thậm chí cả báo Gazét của mexừ Uolơ cũng ngừng bặt không thấy đến, từ khoảng một tháng trước đợt mưa tuyết lớn đầu tiên - dân xóm nô vẫn bàn tán về những mẩn tin cuối cùng lọt đến tai họ: các ông chủ da trắng rất hài lòng về cách Tổng thống Jefơxơn "điều khiển chiếng phủ", mặc dù mới đầu họ còn dè dặt với những quan điểm của Tổng thống về nô lệ. Từ khi cầm quyền, Tổng thống Jefơxơn đã giảm bớt quy mô của Lục quân và Hải quân, hạ mức công trái, thậm chí xóa bỏ thuế tài sản tư nhân, hành động này sau cùng này, theo bác vĩ cầm, đã gây ấn tượng đặc biệt về sự vĩ đại của Tổng thống đối với những người thuộc giai cấp ông chủ.

Nhưng Kunta nói rằng trong chuyến đi cuối lên quận lỵ trước khi tuyết gây nghẽn đường sá, anh thấy cánh da trắng thậm chí còn náo nức hơn nữa về chuyện Tổng thống Jefơxơn mua cái "lãnh thổ Luyzuana" to tướng với giá có ba xu một âycơ[2]. "Theo chỗ tui được nghe", anh nói, "cái tui thích ở đây là mexừ Napôlêông í phải bán nó rẻ thế là vì ông í đang trong cơn nước sôi lửa bỏng ở Pháp về chuyện tốn cơ man nào là tiền, lại thêm năm chục nghìn người Pháp bị giết trong khi đánh nhau với Tuxên ở Haiti".

Một buổi chiều, họ đang tự sưởi ấm lòng bằng ánh lửa của ý nghĩ ấy thì một người da đen cưỡi ngựa tới giữa một cơn bão tuyết để mời ông chủ đến cấp cứu một bệnh nhân và mang theo một tin buồn cho xóm nô: Tướng Tuxên của Haiti, bị Napôlêông tống giam trong một hầm ngầm trên một trái núi heo hút ở Pháp, đã chết vì lạnh và đói.

Ba ngày sau, Kunta vẫn còn cảm thấy bàng hoàng và buồn bã khi chiều đến, anh lê bước về lều để kiếm bát xúp nóng; giậm chân rũ tuyết khỏi giày, rồi bước vào, tháo găng tay, anh thấy Kitzi nằm sóng sượt trên nệm rơm ở phòng ngoài, mặt chảy thượt và sợ hãi. "Con nó khó chịu" đó là lời giải thích của Bel trong khi chị lọc một cốc nước dược thảo và bảo Kitzi ngồi dậy uống. Kunta mang máng cảm thấy còn có điều gì nữa chị giấu không cho anh biết; rồi sau mấy phút nữa, ngồi đó, trong căn lều ấm sực lên, cửa đóng kín mít, vách trát bùn nứt nẻ, lỗ mũi mách anh đoán ra rằng Kitzi đang trải qua kỳ thấy tháng đầu tiên.

Anh đã theo dõi Kitzi của anh khôn lớn lên hầu như hằng ngày trong gần mười ba năm nay và gần đây anh đã đi đến chỗ chấp nhận thầm trong bụng rằng việc nó mọng chín lên thành thiếu nữ chỉ là vấn đề thời gian; tuy nhiên, cách nào đó, anh vẫn cảm thấy hoàn toàn bất ngờ với cái bằng chứng gay gắt này. Tuy nhiên, sau một ngày nữa nằm bẹp trên giường, cô bé Kitzi táo tợn lại trở dậy, đi quanh quẩn trong lều, rồi trở lại làm việc trong đại sảnh - và như thế chỉ qua một đêm, Kunta chợt lần đầu tiên thực sự nhận thấy thân hình con gái bé của mình vốn trước đây bao giờ cũng quắt queo, giờ đã nảy chồi mơn mởn. Với một thứ cảm giác kính nể bối rối, anh thấy, cách nào đó, ngực Kitzi đã bằng hai trái xoài và đôi môi đã bắt đầu nở căng, tròn trĩnh. Thậm chí dáng đi của nó cũng bớt vẻ trẻ con. Giờ đây, mỗi khi qua tấm rèm ngăn, bước vào căn phòng đằng trước, nơi Kitzi ngủ, anh liền quay mắt đi và nhỡ khi Kitzi ăn vận không kín đáo anh cảm thấy nó cũng ngượng nghịu như vậy.

Nếu ở châu Phi, anh nghĩ thầm - đôi khi châu Phi dường như xa lắc trong quá khứ - vào thời kỳ này, Bel ắt đã dạy Kitzi dùng dầu cây mỡ xoa cho bóng da và cạo nhọ nồi tán thành bột để thoa đen miệng, lòng bàn tay và gan bàn chân cho thật đẹp, thật hợp thời trang. Và ở tuổi này, Kitzi ắt đã bắt đầu thu hút những chàng đang kiếm một cô vợ trẻ trinh bạch, có gia giáo. Nếu ở quê hương anh, vào đận này, với tư cách là fa (bố) Kitzi, anh ắt đang gánh trách nhiệm đánh giá thật kỹ càng những đức tính cá nhân cũng như gia cảnh của bất cứ chàng nào ngấp nghé Kitzi - để chọn lấy phò mã lý tưởng nhất trong số đó cho cô; và ngay từ giờ, hẳn anh cũng đã quyết định phải thách cưới thế nào cho xứng hợp với cô.

Nhưng sau một hồi lâu, trong khi tiếp tục xúc tuyết cùng với bác vĩ cầm, Nâuơ và Catô, Kunta dần dần cảm thấy mỗi lúc một rõ rằng bây giờ mà vẫn còn nghĩ đến những phong tục và truyền thống Phi ấy thì thật là lố bịch; bởi vì những cái đó sẽ không bao giờ được thực hiện hoặc tôn trọng ở đây - thật vậy, chỉ cần anh nhắc tới chúng thôi, kể cả với những người da đen, cũng đủ bị la ó rồi. Và dù sao đi nữa, anh cũng không thể nhắm thấy kẻ cầu hôn nào ở tuổi thích hợp - từ ba mươi đến ba mươi lăm vụ mưa - đủ tư cách lấy Kitzi... nhưng kìa anh lại nghĩ vớ vẩn rồi! Tới đây, anh sẽ phải buộc mình suy nghĩ theo những tập tục cưới xin ở đây, trên đất nước tubốp này - nơi mà con gái thường lấy người trạc tuổi mình, lễ cưới thì gọi là "nhảy chổi".

Lập tức, Kunta bèn nghĩ đến Nâuơ. Xưa nay anh vẫn ưa thằng bé. Mười lăm tuổi, hơn Kitzi hai năm, Nâuơ xem ra chín chắn, nghiêm túc và có trách nhiệm, tương xứng với thân hình to lớn và khỏe mạnh của nó. Nghĩ đi nghĩ lại, Kunta thấy Nâuơ chỉ thiếu có điều duy nhất là, trên thực tế, nó chưa bao giờ tỏ ra mảy may quan tâm riêng tây đến Kitzi - chưa kể là bản thân Kitzi cũng làm như Nâuơ không hề tồn tại. Kunta ngẫm ngợi: Tại sao chúng nó không thích nhau hơn chút nữa, chí ít cũng đánh bạn với nhau? Nói cho cùng, Nâuơ rất giống anh hồi còn thanh niên là do đó, nó rất xứng đáng được Kitzi chú ý, nếu chưa phải là ngưỡng mộ. Anh tự hỏi: anh có thể làm gì để đẩy hai đứa lại gần nhau? Nhưng rồi Kunta cảm thấy có lẽ đó lại chính là cách chắc chắn nhất để ngăn hai đứa không bao giờ gặp nhau. Như thường lệ, anh quyết định cứ lo việc của chính mình là khôn ngoan nhất - và, như anh đã nghe thấy Bel nói, với chất "dựa đã bắt đầu dâng" trong đôi trẻ cùng sống ngay trong một xóm nô, anh sẽ bí mật nguyện cầu trong bụng xem Chúa Ala có giúp cho sự vật xuôi chảy theo dòng tự nhiên của nó chăng.

Chú thích:

[1] Tiếng Anh: con chó.

[2] Mẫu Anh (khoảng 0,4 hecta)

Chương 82

"Nghe đây con kia, đừng có để tau phải nghe thấy lần nữa về chuyện mầy xòe đuôi công lượn quanh cái thằng Nâuơ í! Kẻo tau lấy gậy hồ đào quất cho mầy ngay giờ!". Đang hướng về nhà, Kunta sững lại cách cửa lều chừng hai, ba bước và đứng nghe Bel nói tiếp: "Mà mầy đã tròn mười sáu đâu! Bố mầy biết mầy dở trò dư thế, thì nghĩ sao?".

Ông lặng lẽ quay lưng và đi lộn lại theo con đường dẫn đến cái yên ắng riêng tư của chuồng ngựa để suy nghĩ về những hàm ý của điều ông vừa nghe thấy. "Xòe đuôi công" quanh Nâuơ! Bel không đích thân mục kích đó là chuyện gì, nhưng ai đó đã mách bà. Chắc hẳn đó là thím Xuki hay bà chị Manđi! biết tỏng hai bà già này, ông sẽ chẳng lấy gì làm lạ nếu một trong hai hoặc cả hai đã chứng kiến một điều gì hoàn toàn hồn nhiên vô tội và chế biến đi cho có vẻ khêu gợi, chỉ cốt có đầu đề để kháo chuyện. Nhưng đó là cái gì? Suy từ những điều ông nghe lỏm được có lẽ Bel sẽ chẳng mách với ông làm gì, trừ phi cái đó được lập lại và bà cần ông ra tay ngăn chặn. Cái đó thuộc loại sự việc mà ông chẳng bao giờ muốn hỏi Bel vì nó hệt như chuyện ngồi lê đôi mách của đàn bà.

Nhưng nếu như nó không hồn nhiên như thế thì sao? Kitzi có làm duyên làm dáng trước Nâuơ không? Và nếu có thì Nâuơ đã làm gì để khuyến khích? Anh ta có vẻ là một thanh niên tốt nết, có danh dự - nhưng ai biết đâu đấy.

Kunta không biết nên cảm hay nên nghĩ thế nào. Dù sao đi nữa, như Bel nói, con gái họ mới mười lăm, tuổi ấy theo phong tục của đất tubốp, hãy còn quá nhỏ để nghĩ đến chuyện lấy chồng. Ông nhận ra rằng những cảm nghĩ của mình không còn mang sắc thái Phi mấy nữa, song cách nào đó, ông cảm thấy mình chưa sẵn sàng hình dung Kitzi với cái bụng to tướng như ông đã thấy ở biết bao thiếu nữ trạc tuổi cô, thậm chí còn trẻ hơn nữa.

Nhưng nếu nó lấy Nâuơ thật, ông nghĩ, ít nhất con chúng sẽ đen chứ không phải là một trong những đứa bé nhờ nhờ tai tái nọ; sản phẩm của những bà mẹ bị bọn chủ hoặc xúbadăng dâm dục hãm hiếp. Kunta cảm tạ Chúa Ala là Kitzi của ông cũng như mọi phụ nữ khác trong xóm nô chưa bao giờ phải đứng trước cái kinh nghiệm khủng khiếp ấy, hoặc chí ít cũng là từ khi ông ở đây, vì không biết bao nhiêu lần ông đã nghe thấy mexừ Uolơ phát biểu giữa đám bạn bè, kịch liệt chống sự pha trộn hai dòng máu da trắng và da đen.

Trong mấy tuần sau, hễ có dịp, Kunta lại bí mật theo dõi xem Kitzi có dấu hiệu ngoáy mông ngoáy đít gì không. Ông chưa bao giờ bắt được cô làm thế, nhưng một đôi lần, cả ông và Kitzi đều giật mình khi ông bắt gặp cô đang xoay tít người trong lều hết vòng này đến vòng khác, ngắc ngư đầu và mơ màng hát âm a một mình, Kunta cũng giám sát kỹ Nâuơ; ông nhận thấy là giờ đây - khác với trước kia - Nâuơ và Kitzi thường gật đầu và mỉm cười mỗi khi gặp nhau trong tầm nhìn của bất cứ người nào khác. Càng ngẫm về điều đó, ông càng suy đoán mạnh mẽ rằng hai cô cậu đang khéo léo che giấu tình cảm nồng cháy của mình. Sau một thời gian, Kunta quyết định là chẳng có gì hại trong việc Nâuơ và Kitzi dạo chơi trò chuyện công khai với nhau; trong việc anh ta theo cô đến nơi họp trại hay các cuộc nhảy múa nhộn nhạo tổ chức mỗi năm một lần vào mùa hè, ở đó kết đôi với Nâuơ chắc chắn phải hơn là với một gã lạ mặt sỗ sàng nào đó. Thật vậy, có khả năng là sau khoảng một vụ mưa nữa, Nâuơ thậm chí có thể biến Kitzi thành một cô dâu tốt cũng nên.

Trong Kunta, hé lên một nhận thức là Nâuơ đã bắt đầu quan sát ông cũng chặt chẽ như bên phía ông và giờ đây Kunta bồn chồn dự tiên rằng cu cậu đang cố thu hết sức lực thần kinh để xin cưới Kitzi. Vào một buổi chiều chủ nhật đầu tháng tư - mexừ Uolơ đã mời một gia đình khách về nhà sau buổi lễ chầu ở nhà thờ và Kunta đang đánh bóng chiếc xe của khách bên ngoài chuồng ngựa thì một thứ linh tính bảo ông ngước nhìn lên và ông thấy gã Nâuơ đen bóng và thon thả đang xuôi theo con đường từ xóm nô, quả quyết đi tới.

Đến chỗ Kunta, Nâuơ nói không chút ngập ngừng, như thể lời lẽ đã được ôn tập nhiều lần: "Bác già, chỉ có mỗn một mình bác là cháu cảm thấy tin được thôi. Cháu phải nói mới một người nào đó. Cháu không thể sống dư thế này nữa. Cháu phải chạy trốn thôi".

Kunta sửng sốt đến nỗi mới đầu ông không thể nghĩ ra điều gì để nói - ông chỉ biết đứng ngây ra đó nhìn Nâuơ trừng trừng.

Cuối cùng, Kunta thốt ra được mấy tiếng: "Mầy không được chạy đâu với Kitzi!" Đó không phải là một câu hỏi, mà là một tuyên bố!
"Không bác ạ, cháu đâu có muốn đưa cô í vào vòng rắc rối".

Kunta cảm thấy bối rối. Sau một lát, ông nói một cách lửng lơ: "Tau cho rằng ai cũng có lúc cảm thấy muốn chạy".

Nâuơ rõi nhìn vào mắt ông: "Kitzi bỉu cháu là cô Bel kể bác đã chạy trốn bốn lần".

Kunta gật đầu, mặt vẫn không lộ vẻ gì là đang nhớ lại về bản thân mình ở tuổi này, chân ướt chân ráo tới đây với nỗi ám ảnh tột cùng: chạy trốn, chạy trốn, chạy trốn, đến nỗi mỗi ngày chờ đợi, rình ngóng cơ hội sắp tới, dù chỉ được nửa phần thuận lợi, đều là một cực hình không chịu nổi. Vụt cái, một nhận thức ập đến trong đầu ông: Nếu Kitzi không biết ý đồ của Nâuơ - như câu nói vừa nãy của gã có thể diễn giải vậy - thì khi người yêu đột nhiên biến mất, chắc chắn cô sẽ sụp hoàn toàn - không mấy lâu sau nỗi buồn tan nát lòng liên quan đến đứa con gái tubốp. Ông nghĩ quả là vô phương. Ông nghĩ là, vì nhiều lý do, bất kể điều gì ông sắp nói với Nâuơ đều phải được cân nhắc cẩn thận.

Ông nghiêm nghị nói: "Tau không bỉu mầy chạy hay không chạy. Cơ mà nếu mầy chưa sẵn sàng chết, ngộ dư mầy bị bắt, là mầy còn chưa sẵn sàng".

"Cháu không có định bị bắt", Nâuơ nói. "Cháu nghe nói cái chính là mình cứ theo sao Bắc đẩu, rồi có người da trắng Quêicơ khác mấy các nhọ tự do giúp mình trốn ban ngày. Thế rồi một khi đến cái bang Ôhaiô í là mình tự do thôi".

Nó chả biết gì cả, Kunta nghĩ thầm. Làm sao việc tẩu thoát lại có thể đơn giản đến thế được? Nhưng rồi ông hiểu ra là Nâuơ còn trẻ - như ông dạo xưa, rằng cũng như phần đông nô lệ, Nâuơ ít khi đặt chân ra ngoài địa phận đồn điền. Chính vì thế mà phần lớn những kẻ chạy trốn, đặc biệt là cánh lực điền, thường bị túm sớm đến thế, sau khi bị gai góc cào tướp máu, đói gần chết và thất thểu trong rừng cùng những đầm lầy nhung nhúc rắn hổ mang và rắn chuông. Vụt cái, Kunta nhớ lại cảnh chạy trốn, bầy chó, những cây súng, những ngọn roi - cái rìu.

"Mầy chẳng biết mầy đang nói gì đâu, thằng nhỏ ạ!" ông rít lên, nói rồi lại hối luôn, gần như cùng một lúc. "Tau muốn nói là... cái đó không dễ dư thế đâu! Mầy có biết gì về dững con chó săn họ dùng để bắt mầy không?".

Bàn tay phải của Nâuơ luồn vào túi và rút ra một con dao. Gã mở ra đánh tách, lưỡi dao được mài sắc đến độ ánh lên lờ mờ. "Cháu hình dong là chó đã chết thì chả ăn thịt được ai". Catô đã nói là Nâuơ không biết sợ gì cả. "Cháu không thể để cái gì ngăn mình lại, thế thôi". Nâuơ nói, gập dao lại và bỏ vào túi.

“Ờ, nếu mầy chạy thì mầy sẽ chạy”, Kunta nói.

“Cháu không biết đích xác bao giờ”, Nâuơ nói. “Chỉ biết là cháu phải đi thôi”.

Kunta lại nhấn mạnh lần nữa một cách vụng về: “Mầy bảo đảm sao cho Kitzi đừng có dính gì vào đấy”.

Nâuơ không có vẻ gì là bất bình. Anh đàng hoàng nhìn thẳng vào mắt Kunta. “Không, bác ạ”. Anh ngập ngừng: “Dưng khi đến miền Bắc cháu định làm việc và mua cho cô í tự do”. Anh dừng một lát. “Bác chớ nói gì mấy cô í về chuyện này nhá!”.

Bây giờ đến lượt Kunta ngập ngừng. Rồi ông nói: “Cái í là chuyện mầy mấy nó”.

“Cháu sẽ nói mấy cô í vào đúng thì đúng lúc”, Nâuơ nói.

Bằng một cử chỉ bồng bột, Kunta đưa cả hai tay nắm lấy tay gã trai trẻ. “Tau hy vọng mầy đạt được”.

“Thôi, tạm biệt bác!” Nâuơ nói và quay mặt đi trở về xóm nô.

Đêm ấy, ngồi trong phòng ngoài căn lều, đăm đăm nhìn ngọn lửa thấp của khúc gỗ hồ đào cháy trong lò sưởi. Kunta mang một sắc diện xa vắng khiến cả Bel và Kitzi; dựa vào kinh nghiệm trước đây, đều biết là đừng có nhọc công vô ích tìm cách gợi chuyện ông. Bel lặng lẽ đan. Kitzi, như thường lệ, gò lưng trên bàn tập viết. Rạng đông, Kunta quyết định xin Chúa Ala phù hộ cho Nâuơ may mắn. Ông lại một lần nữa nghĩ rằng nếu Nâuơ bỏ đi thật, điều đó hẳn sẽ làm tan nát lòng tin của Kitzi vốn đã bị “măzen” An làm tổn thương nặng nề. Ông ngước lên và ngắm khuôn mặt cô con gái quý Kitzi đang lặng lẽ mấp máy môi theo ngón tay lần suốt chiều ngang trang giấy. Cuộc sống của những người da đen trên đất tubốp xem ra đầy khổ đau, nhưng ông ước sao mình có thể tránh cho con gái phần nào.

Chương 83

Một tuần sau dịp sinh nhật lần thứ mười sáu của Kitzi, sáng sớm ngày thứ hai đầu tiên của tháng mười, các lực điền ở xóm nô đang tập hợp theo lệ thường để đi làm thì chợt có người tò mò hỏi: "Nâuơ đâu nhỉ? "Tình cờ lúc ấy Kunta đang đứng nói chuyện với Catô ở gần đấy, ông biết ngay là Nâuơ chuồn rồi. Ông thấy những cái đầu nghiêng nghé nhìn quanh trong đó có cả Kitzi gắng làm ra bộ kinh ngạc một cách tự nhiên. Luồng mắt hai cha con gặp nhau – cô phải nhìn đi chỗ khác.
"Tui tưởng nó ra đấy mấy anh từ sớm", Ađa, mẹ Nâuơ, nói với Catô.
"Không, tui đã định cho nó một trận vì tội ngủ trưa mà", Catô nói. Catô đến nắm tay đập thình thình vào cánh cửa đóng kín của căn lều trước đây là chỗ ở của ông lão làm vườn, mà Nâuơ mới thừa kế vào dịp sinh nhật lần thứ mười tám. Giựt toang cửa, Catô lao vào, giận dữ quát: "Nâuơ!" Anh trở ra, vẻ lo lắng. "Cái thằng lạ thật!" anh bình tĩnh nói. Rồi ra lệnh cho mọi người nhanh chóng đi lục soát các lều, nhà tắm, nhà kho, cánh đồng.
Tất cả những người khác chạy tản đi khắp phía; Kunta tình nguyện sục tìm ở chuồng ngựa. "NÂUƠ! NÂUƠ!" ông gọi to nhằm báo hiệu cho kẻ nào có thể nghe thấy, mặc dù ông biết không cần phải làm thế, trong khi những con vật trong khoang ngừng nhai mẻ cỏ khô buổi sáng, giương mắt ngỡ ngàng nhìn ông. Rồi nghé mắt qua cửa chuồng, không thấy ai tới, Kunta vội vã quay trở vào, leo nhanh lên vựa cỏ khô, ở đây ông phủ phục xuống cầu nguyện lần thứ hai xin Chúa Ala phù hộ cho Nâuơ trốn thoát.
Catô lo lắng phái số lực điền còn lại đi làm, bảo họ là chút xíu nữa anh và bác vĩ cầm sẽ ra ngay; bác vĩ cầm đã khôn ngoan tình nguyện giúp việc làm đồng từ khi mất khoản thu nhập bằng việc kéo đàn ở các cuộc khiêu vũ.
"Chắc nó chạy rồi", bác vĩ cầm thì thào với Kunta khi họ đứng ở sân sau.
Thấy Kunta hầm hừ, Bel nói: "Nó chưa bao giờ vắng mặt và nó không lủi đêm đâu".
Thế rồi Catô nói ra cái điều thiết yếu nhất trong trí tất cả mọi người. "Đến phải trình mấy ông chủ thôi, lạy Chúa lòng lành!" Sau một cuộc tham khảo ý kiến vội vàng, Bel khuyên là để mexừ Uolơ điểm tâm xong hẵng thưa, "ngộ nhỡ thằng nhỏ chỉ xả hơi ở đâu đó, rồi đâm hoảng không dám lẻn về trước khi trời tối, sợ bọn tuần cha đường bắt".
Bel bưng cho ông chủ những món điểm tâm ưa thích – đào hộp trộn kem đặc, giăm bông sấy bằng gỗ hồ đào, trứng bác, yến mạch lứt, hương táo hâm nóng và bánh bơ tròn dúng nước sữa – và chờ cho ông gọi tách cà phê thứ hai rồi mới nói.
"Thưa ông..." bà nuốt đánh ực "... thưa ông, Catô nhờ tui thưa mấy ông hình dư thằng nhỏ Nâuơ sáng nay không có đây ạ!"

Ông chủ đặt tách cà phê xuống, cau mày. "Vậy thì nó đâu? Nhà chị định nói với tôi là nó đi đâu uống rượu say mềm hoặc mò gái và chị cho rằng hôm nay nó sẽ lén về, hay là chị nghĩ nó tìm cách chạy trốn?"

"Thưa ông chủ, bọn tui chỉ nói", Bel run rẩy, "là xem dư nó không có đây và bọn tui đã lùng sục khắp nơi".
Mexừ Uolơ ngắm nghía tách cà phê. "Tôi sẽ hạn cho nó đến đêm nay – không, đến sáng mai – trước khi tôi ra tay hành động".

"Thưa ông chủ, nó là một thằng nhỏ tốt, sinh ra và được nuôi nấng ngay tại đây, trên đất của ông, cả đời nó làm việc tốt, không bao giờ gây một phút rối ren cho ông hay bất kỳ ai...".
Ông nhìn thẳng vào Bel: "Nếu nó định trốn thì nó sẽ phải hối".
"Vâng, thưa ông chủ". Bel chạy ù ra sân, kể cho những người khác những điều ông chủ vừa nói. Nhưng Catô và bác vĩ cầm vừa hối hả đi về phía cánh đồng, mexừ Uolơ đã gọi Bel trở lại và bảo cho chuẩn bị xe.

Cả ngày, trong khi đánh xe cho ông ta từ nhà bệnh nhân này sang nhà bệnh nhân khác, Kunta cứ bay bổng từ hoan hỉ - khi nghĩ đến Nâuơ chạy trốn – đến quằn quại khi nhớ lại những gai góc, bụi rậm và bày chó. Và ông cảm thấy là Kitzi đang trải qua những nỗi hy vọng và đau đớn như thế nào.

Đêm ấy, khi xúm xít lại với nhau, ai nấy đều nói rất khẽ, gần như thì thầm.

"Thằng nhỏ í đã bỏ đây đi rồi. Trước đây, tui đã nhìn thấy cơ sự này trong mắt nó", thím Xuki nói.
"Ờ, tui biết nó chả phải đồ trẻ dại chỉ tính chuyện lén đi uống rượu cho say", bà chị Manđi nói.

Ađa, mẹ Nâuơ, khóc cả ngày đã khan tiếng. "Thằng bé nhà tui rành là chả bao giờ nói mấy tui về chuyện chạy trốn cả! Lạy Chúa, các ông các bà xem liệu rồi ông chủ có bán nó đi không?" Không ai dám trả lời.

Khi trở về lều, vừa vào đến bên trong, Kitzi đã òa khóc; Kunta cảm thấy bất lực, lưỡi líu lại như bị cột chặt. Nhưng chẳng nói một câu, Bel đến gần bàn, quàng tay ôm cô con gái đang nức nở và kéo đầu cô áp vào bụng mình.
Sáng thứ ba, vẫn không thấy tăm hơi Nâuơ, và mexừ Uolơ sai Kunta đánh xe cho mình lên quận lỵ, tại đó ông đến thẳng nhà giam quận Xpotxylvania. Sau khoảng nửa tiếng, ông trở ra cùng với quận trưởng cảnh sát, đột ngột ra lệnh cho Kunta buộc ngựa của quận trưởng cảnh sát vào sau xe, rồi đưa họ về. "Ta sẽ thả ông quận trưởng cảnh sát xuống lộ thung lũng", ông chủ nói.

"Dạo này bọn nhọ chạy trốn nhiều đến nỗi khó mà đếm xuể - chúng nó thà liều náu cầu may trong rừng còn hơn là bị bán xuống miền Nam..." quận trưởng cảnh sát nói khi xe bắt đầu lăn bánh.

"Từ khi tôi có đồn điền đến nay" mexừ Uolơ nói, "Tôi chưa bao giờ bán một tên người làm nào trừ phi có kẻ phá lệ luật của tôi và chúng biết rõ điều đó".
"Nhưng thưa bác sĩ, họa hoằn lắm mới có tên nhọ biết đánh giá các ông chủ tốt, ngài biết đấy", quận trưởng cảnh sát nói: "Ngài bảo thằng ấy khoảng mười tám tuổi phải không ạ? Phải, tôi đoán nó cũng giống như phần lớn bọn lực điền cỡ tuổi nó, nhiều phần là nó định lên miền Bắc". Kunta cứng người lại. "Nếu nó là một tên nhọ hầu hạ trong nhà, thì bọn này thường thường bẻm mép, nhanh mồm nhanh miệng, chúng thích giả bộ là dân nhọ tự do hoặc giả nói dối bọn tuần tra đường là chúng đi công cán cho chủ, đánh mất giấy thông hành, tìm cách tới được Richmơnđ hoặc một thành phố nào khác, ở đó chúng có thể lẩn vào đám đông nhọ dễ dàng hơn và có khi tìm được việc làm nữa". Quận trưởng cảnh sát dừng một lát. "Ngoài mẹ nó ở chỗ ngài, cái thằng nhỏ ấy có ai thân thích khác ở đâu đó mà nó có thể tìm đến không?".
"Không có ai, theo chỗ tôi biết".

"À, thế ngài có biết liệu nó có vớ được con bé nào ở đâu đó, bởi vì cái đám hoẵng đực mới lớn ấy đang căng nhựa, dậm dà dậm dựt, thấy hơi gái là chúng bỏ mặc la lừa của ngài giữa đồng mà phới liền.
"Theo tôi biết thì không", ông chủ nói. "Nhưng ở chỗ tôi, có một con bé, con mụ nấu bếp của tôi, còn trẻ măng, khoảng mười lăm, mười sáu gì đó, nếu tôi đoán không lầm. Tôi không biết hai đứa có vụng trộm đưa nhau vào đụn rơm đụn rạ gì hay không?

Kunta gần như nghẹn thở.
"Tôi biết có những đứa mười hai tuổi đã bĩnh ra tí nhau đen", quận trưởng cảnh sát cười hềnh hệch. Bọn gái nhọ ấy, khối đứa hấp dẫn cả đàn ông da trắng, và bọn con trai nhọ sẵn sàng làm mọi sự!"

Phẫn uất sôi sục, Kunta nghe thấy giọng mexừ Uolơ đột nhiên lạnh băng. "Tôi hết sức hạn chế tiếp xúc cá nhân với các nô lệ của tôi đến mức tối thiểu và không biết cũng như không quan tâm đến chuyện riêng tư của họ!"
"Dạ, dạ, tất nhiên", quận trưởng cảnh sát vội vàng nói.
Nhưng rồi giọng ông chủ dịu đi: "Tuy nhiên, theo cách nghĩ của ông thì thằng nhỏ này có thể lẻn đi gặp một đứa con gái ở đồn điền nào khác. Tôi không biết và tất nhiên đám kia dù có biết cũng chẳng nói ra. Trên thực tế, mọi sự đều có thể xảy ra – có khi là một cuộc ẩu đả nào đó; nó có thể sống dở chết dở ở đâu đấy. Thậm chí cũng có thể là một tên nào trong số da trắng nghèo chuyên đánh cắp nô lệ đã vớ được nó cũng nên. Điều đó đang tiếp diễn ở quanh đây, như ông biết đấy; thậm chí một số lái buôn võ sĩ cũng tham gia vào chuyện này. Cả về điểm này, tôi cũng không biết chắc. Nhưng người ta nói với tôi đây là lần đầu tiên thằng nhỏ này vắng mặt".

Tác phong lúc này đã thận trọng hơn, quận trưởng cảnh sát nói: "Ngài vừa nói với tôi là nó sinh ra ở chỗ ngài và chưa hề đi đâu xa?".
"Tôi đồ rằng thậm chí nó không biết đi đường nào để đến Richmơnđ, chứ chưa nói chi đến miền Bắc", ông chủ nói.
"Tuy nhiên, bọn nhọ trao đổi với nhau vô khối thông tin", quận trưởng cảnh sát nói. "Chúng tôi đã bắt được một số và đánh đến phải khai ra rằng coi như chúng mang trong đầu những bản đồ chỉ rõ nên chạy đâu và trốn ở đâu, theo lời chúng được mách bảo. Hàng loạt chỉ dẫn như thế có thể truy nguồn gốc xuất phát từ đám da trắng yêu dân nhọ như các hội Quâycơ và Giám lý. Nhưng vì thằng này chưa bao giờ tìm cách chạy trốn và cho đến nay chưa hề gây cho ngài chuyện rắc rối nào khác, nên tôi thấy có thể cuộc là chỉ hai đêm nữa trong rừng sẽ khiến nó phải mò về, gần chết vì sợ và đói. Với một thằng nhọ, động lực mạnh mẽ là một cái bụng đói. Và như vậy, ngài sẽ đỡ phải bỏ tiền đăng bố cáo ở Gazét hoặc thuê mấy tên chuyên nghề bắt nhọ mang chó đi truy tầm nó. Theo kinh nghiệm của tôi, xem ra nó không giống cái bọn nhọ sừng sỏ ngoài vòng pháp luật hiện vẫn thậm thụt ra vào các vùng đầm lầy, rừng rú, giết gia súc và lợn của dân chúng như giết thỏ".

"Tôi hy vọng là ông nói đúng", mexừ Uolơ nói, "nhưng dù sao đi nữa, tiên chưng là nó đã phá luật lệ của tôi bằng cách bỏ đi mà không được phép, nên tôi sẽ bán nó xuống miền Nam ngay lập tức", Kunta bóp chặt dây cương đến nỗi móng tay bấm sâu vào lòng bàn tay. "Vậy là ngài đang lỏng tay để cho một khoản từ nghìn hai đến nghìn rưỡi đôla chạy rông đâu đó" quận trưởng cảnh sát nói. "Ngài đã viết mô tả hình dáng, đặc điểm của nó tôi sẽ bảo đảm

chuyển tới bọn tuần tra đường của quận và nếu chúng tôi bắt được nó – hoặc nghe tin gì – tôi sẽ báo cho ngài biết ngay".
Sáng thứ bảy, sau bữa điểm tâm, Kunta đang chải cho một con ngựa bên ngoài chuồng thì chợt nghe như có tiếng tu huýt của Catô. Ông nghênh nghênh đầu và lại nghe thấy hồi nữa. Ông vội vàng buộc ngựa vào một cái cọc gần đấy và tập tễnh bước rảo trên con đường về lều. Từ cửa sổ đằng trước, ông có thể nhìn thấy hầu như bao quát từ chỗ đường cái cắt ngang lối xe chạy về đại sảnh. Ông biết hiệu còi của Catô cũng đã báo động cho Bel và Kitzi trong đại sảnh.
Thế rồi ông trông thấy chiếc xe lăn bánh trên lối vào – và thất kinh nhận ra viên quận trưởng cảnh sát nắm dây cương. Lạy Chúa Ala từ bi, phải chăng Nâuơ đã bị bắt? Trong khi theo dõi quận trưởng cảnh sát xuống xe, bản năng được rèn luyện bao lâu của Kunta thúc ông mau chạy ra cho con ngựa mệt đứt hơi của khách uống nước và xoa bóp cho nó, nhưng tựa hồ ông đã bị tê liệt ở nơi ông đứng ngó trân trân qua cửa sổ lều, trong khi viên quận trưởng cảnh sát hối hả bước hai bậc một lên thềm đại sảnh.

Chỉ mấy phút sau, Kunta trông thấy Bel gần như loạng choạng lao ra cửa sau. Bà bắt đầu chạy – và một dự cảm khủng khiếp bóp lấy tim Kunta ngay trước lúc bà gần như giựt phăng cánh cửa lều khỏi bản lề.

Mặt bà rúm ró, vẫn vèo vệt nước mắt. "Quận trưởng cảnh sát mấy ông chủ tra hỏi Kitzi" bà tru lên.

Câu nói làm ông tê điếng. Trong một lúc ông chỉ trừng trừng nhìn bà, vẻ không tin, nhưng rồi, túm lấy bà lắc thật mạnh, ông hỏi: "Hắn í mún gì?".

Giọng thé lên, nghẹn lại, vỡ ra, bà cố kể cho ông nghe rằng quận trưởng cảnh sát vừa vào nhà một tí, ông chủ đã hét lớn gọi Kitzi đang dọn buồng ông trên gác, xuống ngay. "Khi tui nghe thấy ông í la lối mấy nó từ nhà bếp, tôi ù té vào hành lang phòng khách, chỗ tui vẫn đứng nghe trộm, dưng tui không thể hiểu ra cái gì rõ ràng, trừ một điều là ông í đang tức điên"... Bel hào hển và nuốt khan. "Rồi lại nghe thấy ông chủ rung chuông gọi tui và tui chạy về để làm như thể từ nhà bếp tới. Dưng ông chủ lại đang đợi ở cửa ra vào, tay nắm quả đấm cửa đằng sau mình. Chưa bao giờ thấy ông í có cái vẻ giống dư ông í nhìn tui lúc bấy giờ. Ông í lạnh dư băng biểu tôi ra khỏi nhà và cứ ở ngoài đến khi nào có người gọi!" Bel đi đến khung cửa sổ nhỏ, đăm đăm nhìn ngôi đại sảnh, không thể tin rằng điều mình vừa nói đã xảy ra thật sự "Lạy Chúa, quận trưởng cảnh sát muốn gì con tui?" bà hỏi, nghi nghi hoặc hoặc.

Tâm trí Kunta đang quờ quạng tuyệt vọng, cố tìm cái gì để làm. Liệu ông có thể chạy ra đồng, ít nhất cũng là để báo động cho những người đang làm việc ở đó? Nhưng linh tính của ông bảo rằng mọi chuyện đều có thể xảy đến trong lúc ông đi khỏi.

Trong khi Bel đi qua rèm vào buồng ngủ, gào đến vỡ phổi cầu xin đức Chúa Jêxu, ông phải ráng hết sức mới kiềm chế nổi mình khỏi lồng lộn lao theo vào mà hét rằng giờ đây hắn bà đã thấy rõ những gì ông đã ra công nói với bà trong gần bốn mươi vụ mưa về cái nỗi quá khờ khạo đi tin tưởng hão vào lòng tốt của ông chủ - hoặc bất cứ tubốp nào khác – để rồi bị lừa trắng mắt ra.
"Phải quay lại đấy!" đột nhiên Bel kêu lên. Bà lao qua rèm và ra khỏi cửa.

Kunta nhìn theo bà khuất vào trong nhà bếp. Bà định làm gì đây? Ông chạy ra đuổi theo bà và nghé nhìn qua tấm cửa che. Nhà bếp vắng tanh và cửa trong sập đóng lại. Ông vào, rón rén đi ngang qua bếp. Đứng đó, một tay đặt lên cửa, tay kia nắm chặt, ông căng tai ra ngóng từng tiếng động nhỏ nhất – nhưng chỉ nghe thấy có tiếng thở hổn hển của chính mình. Thế rồi ông nghe thấy: "Ông chủ?" Bel gọi khẽ. Không có ai trả lời. "Mexừ?", bà lại gọi, lần này to hơn, gay gắt. Ông nghe thấy cửa phòng khách mở ra.
"Kitzi của tui đâu, mexừ?"
Ông ta nói, vẻ chai đá. "Chúng ta không thể để một đứa nữa chạy trốn".
"Tui quả không hiểu nổi ông, thưa ông chủ", Bel nói nhỏ đến nỗi Kunta phải cố hết sức mới nghe rõ. "Con bé hồ dư không ra khỏi sân của ông".

Ông chủ bắt đầu nói cái gì, rồi lại ngưng bặt. "Có thể là chị thực sự không biết nó đã làm gì", ông ta nói. "Thằng nhỏ Nâuơ đã bị bắt, nhưng trước đó, nó đã đâm trọng thương hai người tuần tra đường bắt bẻ nghi vấn chiếc giấy thông hành giả nó mang theo. Sau khi bị đánh gục bằng vũ lực, cuối cùng nó đã thú nhận rằng giấy thông hành không phải do tôi mà do con gái chị viết. Kitzi đã thừa nhận như vậy với ông quận trưởng cảnh sát".

Im lặng một hồi lâu tê tái, rồi Kunta nghe thấy một tiếng thét và những tiếng chân chạy. Khi ông mở phanh cửa, Bel lao như tên bắn qua mặt ông – gạt ông sang bên với sức mạnh của một người đàn ông – và vụt ra cửa sau. Hành lang vắng tanh, cửa phòng khách đóng. Ông chạy ra theo sau bà, đến cửa lều thì đuổi kịp.

“Ông chủ sắp bán Kitzi, tui biết!” Bel bắt đầu la thét và một cái gì đứt phựt trong ông. “Phải đi giành lấy nó!” ông nghẹn ngào nói và tập tễnh lao về phía đại sảnh, vào nhà bếp, cố chạy nhanh hết sức mình, theo sau không xa là Bel. Tức điên người, ông giựt toang cửa trong và xăm xăm chạy dọc hành lang vắng ngắt.

Ông chủ và viên quận trưởng cảnh sát xoay hẳn người lại, mặt lộ vẻ nghi hoặc, khi cửa phòng khách bật mở tung. Kunta dừng phắt lại đó, đôi mắt cháy rực, đằng đằng sát khí. Bel thét lên đằng sau ông: “Con bé của bọn tui đâu? Vợ chồng tui đến đòi nó!”

Kunta thấy tay phải viên quận trưởng cảnh sát luồn tới bao súng trong khi ông chủ sôi lên: “Cút ra!”
“Đồ nhọ các ngươi điếc lòi hử?” Bàn tay viên quận trưởng cảnh sát đang rút khẩu súng lục và Kunta căng người định chồm tới giằng lấy – đúng lúc giọng Bel run lên đằng sau ông: “Dạ, thưa ông...” – và ông cảm thấy bà kéo tay ông một cách tuyệt vọng. Thế rồi chân ông chuyển động giật lùi qua cửa – và đột nhiên cánh cửa đóng sầm đằng sau họ, tiếng khóa lách cách trong ổ.

Trong khi ngồi thu lu với vợ ngoài hành lang, chìm ngợp trong nỗi nhục, họ nghe thấy ông chủ và viên quận trưởng cảnh sát rì rầm nói chuyện căng thẳng... rồi tiếng chân chuyển động, xô đẩy nhẹ... rồi tiếng Kitzi khóc và tiếng cửa trước đóng đánh sầm.

“Kitzi! Kitzi con! Lạy Đức Chúa Lời, xin đừng để họ bán Kitzi của con!” Bel đâm bổ ra lối cửa sau với Kunta theo sau lưng, những tiếng la thét của bà vọng ra đến chỗ đám lực điền khiến họ chạy tới. Catô tới vừa kịp nhìn thấy Bel điên cuồng tru tréo, chồm lên vật xuống trong khi Kunta cố ghì bà xuống đất. Mexừ Uolơ bước xuống các bậc thềm, trước viên quận trưởng cảnh sát đang kéo theo ở đầu chuỗi dây xích một Kitzi khóc sướt mướt, kéo co mình về đằng sau.
“Mẹ! Mẹẹẹẹẹ!” Kitzi gào lên.

Bel và Kunta từ dưới đất chồm dậy và lồng lên chạy vòng sườn nhà, lao tới như hai con sư tử. Viên quận trưởng cảnh sát rút súng, chĩa thẳng vào Bel: bà dừng phắt lại. Bà nhìn Kitzi trừng trừng. Bel rứt câu hỏi ra khỏi họng: “Con có làm cái việc họ nói không?” Họ nhìn vẻ đau đớn của Kitzi trong khi đôi mắt khóc đỏ hoe của cô trả lời một cách câm lặng – phóng tia nhìn từ Bel và Kunta sang quận trưởng cảnh sát và ông chủ - nhưng không nói gì.
“Ôi, lạy Chúa tôi!” Bel rú lên. “Ông chủ, xin hãy rủ lòng thương! Nó không chủ làm thế! Nó không có biết mình làm gì! “măzen” An là người dạy nó viết!”.

Mexừ Uolơ nói lạnh như băng: “Pháp luật là pháp luật. Nó đã phá luật lệ của tôi. Nó đã phạm một tội ác. Có thể nó đã góp phần vào một vụ giết người. Tôi nghe nói một trong những người da trắng ấy có thể chết”.
“Nào con bé nó có đâm người í đâu, ông chủ, nó đã làm việc cho ông từ khi nó đủ nhớn để mang bô cho ông. Còn tui đã nấu nướng, hầu hạ tay chân cho ông hơn bốn mươi năm nay, và anh í...” khoa tay chỉ vào Kunta, bà lắp bắp, “anh í đánh xe chở ông đi khắp nơi khắp chốn, cũng gần lâu dư thế, ông chủ, tất cả những cái í chả nhẽ lại không đáng kể vào đâu hay sao?”

Mexừ Uolơ không muốn nhìn thẳng vào bà. “Các người làm công việc của mình. Còn nó sẽ bị đem bán – có thế thôi”.
“Chỉ có dững người da trắng hạng rẻ mạt lớp dưới mới chia sẻ gia đình người ta!” Bel thốt lên. “Ông không phải loại í”.
Giận dữ, mexừ Uolơ ra hiệu cho quận trưởng cảnh sát bắt đầu lôi xềnh xệch Kitzi một cách thô bạo về phía chiếc xe chở.

Bel chặn ngang đường họ. “Vậy thì bán cả tui và bố nó cùng với nó luôn thể! Đừng có chia cắt chúng tui!”
“Xê ra!” Quận trưởng cảnh sát miệng sủa, tay đẩy rúi bà sang bên. Gầm lên, Kunta chồm tới như một con báo, vung hai trái đấm nện viên quận trưởng cảnh sát ngã xuống đất.
“Cứu con với, Fa!” Kitzi thét lên. Ông ghì chặt quanh thân cô và bắt đầu điên cuồng giựt dây xích.
Khi báng khẩu súng lục của viên quận trưởng cảnh sát nện vào phía trên tai Kunta, đầu ông như nổ tung trong khi ông quỵ hai đầu gối xuống. Bel lao tới viên quận trưởng cảnh sát, nhưng hắn vung tay gạt bà mất thăng bằng ngã phịch xuống trong khi hắn đẩy Kitzi vào sau xe và đóng khóa đánh tách vào dây xích. Nhanh nhẹn nhảy tót lên ghế ngồi, quận trưởng cảnh sát ra roi quất ngựa và chiếc xe lắc lư chuyển bánh về phía trước trong khi Kunta lồm cồm bò dậy. Mắt hoa, đầu đập thình thình, bất chấp súng, ông loạng choạng đuổi theo chiếc xe chở đang tăng tốc độ.

“Măzen An!... Măzen Annnnnnnnnn! Kitzi kêu thất thanh. “Măzen Annnnnnnn!” Những tiếng gào vọng lại hoài không dứt, như lơ lửng trên không trung đằng sau chiếc xe đang lăn bánh nhanh về phía đường cái.

Khi Kunta bắt đầu vấp rúi rụi, hồng hộc thở không ra hơi, chiếc xe đã đi cách nửa dặm; ông dừng lại, đứng nhìn theo một lúc lâu cho đến khi bụi đã lắng xuống và con đường trải ra vắng tanh đến cuối tầm mắt ông.

Ông chủ quay lưng và đầu cúi gằm, bước rất nhanh trở vào nhà, qua trước mặt Bel đang rúm người nức nở trên bậc thềm cuối cùng. Như người mộng du, Kunta chậm chạp bước tập tễnh lộn về trên đường xe chạy – chợt trong óc ông lóe lên một hồi ức và đến gần đại sảnh, ông cúi xuống bắt đầu nghiêng ngó quanh. Xác định những vết rõ nhất do đôi chân trần của Kitzi để lại trên lớp bụi, rồi vốc lấy những nốt chân đó đầy hai lòng bàn tay, ông chạy ù về lều: tổ tiên xưa bảo rằng nắm bụi quý đó cất giữ ở một nơi chắc chắn sẽ bảo đảm cho Kitzi trở về nơi cô đã in dấu chân. Ông lao qua cửa lều mở sẵn, đôi mắt lướt nhanh khắp phòng và dừng lại trên quả bầu đựng những hòn sỏi đặt trên một cái giá. Nhẩy bổ tới đó, trong cái khoảnh khắc trước khi buông rời hai bàn tay chụm lại cho bụi rơi vào trong quả bầu, ông bỗng hiểu ra sự thật: Kitzi của ông đi rồi, nó sẽ không trở lại. Ông sẽ chẳng bao giờ gặp lại Kitzi của ông nữa.

Mặt rúm lại, Kunta tung mớ bụi lên phía nóc lều. Nước mắt tóe ra, tay vớ lấy quả bầu nặng giơ lên trên đầu, miệng há rộng trong một tiếng thét câm lặng, ông dồn hết sức ném quả bầu xuống và nó vỡ tan tành trên nền đất nện, 662 hòn sỏi tượng trưng cho ngần nấy tháng của 55 vụ mưa đời ông bay tung tóe, thia lia khắp nơi.

Chương 84

Lở lả và choáng váng, Kitzi nằm trong bóng tối trên mấy chiếc bao tải trong căn lều cô đã bị đẩy vào khi chiếc xe la tới, sau lúc trời sầm tối một chút. Cô mơ hồ tự hỏi lúc này là mấy giờ; dường như đêm kéo dài bất tận. Cô bắt đầu trằn trọc và vặn mình, cố tự ép mình nghĩ đến một cái gì – bất cứ cái gì không làm cô khiếp sợ. Cuối cùng, có dễ đến lần thứ một trăm, cô gắng tập trung tư tưởng để hình dung ra cách thức làm sao lên được miền Bắc, nơi mà người da đen có thể tìm thấy tự do nếu trốn thoát, như cô đã được nghe kể bao lần. Nếu đi lạc đường, cuối cùng khéo lại dấn sâu xuống phía Nam, ở đó, theo người ta nói, các ông chủ và xúbadăng lại còn tệ hơn cả mexừ Uolơ nữa kia. Đường nào "lên Bắc"? Cô không biết. Dù sao, mình cũng sẽ trốn, cô xót xa thề một cách quyết liệt.

Tựa hồ có một cái kim đâm vào sống lưng Kitzi, cô nghe thấy tiếng cọt kẹt đầu tiên của cửa lều. Vùng đứng thẳng dậy và giật lùi trong đêm tối, cô trông thấy bóng người lén lút vào tay khum khum che ngọn lửa của một cây nến. Bên trên đó, cô nhận ra bộ mặt của gã da trắng đã mua cô, và cô nhìn thấy tay kia của hắn lăm lăm một chiếc roi cán ngắn sẵn sàng quật xuống. Nhưng chính cái liếc mắt dâm đãng trên mặt gã da trắng mới khiến cô ớn lạnh đứng sững tại chỗ.
"Tau muốn không phải làm mày đau đớn gì," hắn nói, hơi thở nồng nặc mùi rượu làm cô gần như bị ngạt. Cô cảm thấy ý định của hắn.
"Tau không thì giờ đâu mà rỡn với mày bây giờ". Gã da trắng nói líu cả lưỡi. Mắt Kitzi đang tính xem nên vụt qua hắn như thế nào để trốn vào đêm tối – song hắn dường như đọc thấy niềm thôi thúc ấy trong cô, hắn dịch sang bên một chút, mắt không rời khỏi cô trong khi cúi người và nghiêng cây nến cho rỏ giọt xuống mặt chiếc ghế gãy trong lều; rồi ngọn lửa bùng lên thẳng đứng. Chậm chạp lùi từng tí một, Kitzi cảm thấy vai mình cọ vào vách lều. "Mày có đủ trí khôn để hiểu rằng tao là ông chủ mới của mày không?" Hắn quan sát cô, nhăn nhở hệch miệng tựa hồ như mỉm cười. "Mày là một đứa con gái nom dễ coi đấy. Thậm chí tao có thể giải phóng mày, nếu tao ưa mày kha khá...".

Khi hắn chồm tới, nắm lấy Kitzi, cô vùng ra, la hét; hắn cáu tiết chửi thề, quất ngọn roi đánh đét vào gáy cô. "Tau sẽ lột da mày!". Húc tới như hóa dại, Kitzi cào vào bộ mặt rúm ró của hắn, nhưng rồi hắn từ từ dằn mạnh cô xuống sàn. Cô đẩy lên, nhưng lại bị đè xuống. Rồi gã đàn ông quỳ xuống cạnh cô, một tay bóp nghẹt những tiếng kêu thét – "Xin đừng ông chủ, xin ông!" – tay kia tọng bao tải bẩn vào miệng cô kỳ tắc họng. Khi cô chới với hai cánh tay quằn quại đau đớn và uốn cong lưng để hất hắn khỏi mình, hắn bèn dập đầu cô xuống sàn, một lần, lần nữa, lần nữa, lần nữa...

Rạng sáng. Kitzi mở mắt chớp chớp. Cô ngượng chín người khi thấy một phụ nữ trẻ da đen cúi trên mình cô và nhẹ nhàng rấp nước xà phòng ấm lên bộ phận kín của cô bằng một miếng vải. Khi Kitzi lại hé mắt ra lần nữa, cô thấy mặt người đàn bà chẳng lộ vẻ gì hết, như thể chị ta đang giặt quần áo, như thể đó chỉ là một trong nhiều nhiệm vụ chị phải làm trong đời mình. Cuối cùng phủ một chiếc khăn sạch lên hạ bộ Kitzi, chị ta ngước nhìn lên mặt cô. "Chắc bi giờ, mi chả muốn nói chuyện gì", người đàn bà nói nhanh, thu thập những miếng vải bẩn và xô nước, chuẩn bị đi khỏi. Kẹp chặt những thứ đó trong khoeo tay, chị ta cúi xuống lần nữa và tay kia kéo một cái bao tải che gần kín mình Kitzi. "Tí nữa, ta mang cho cái gì mà ăn..." chị ta nói và ra khỏi cửa lều. Kitzi nằm đó mà cảm thấy như mình lơ lửng giữa không trung. Cô cố thuyết phục bản thân rằng cái điều không thể nói ra, không thể tưởng tượng ấy đã không xảy ra thực sự. Cô cảm thấy ô uế sâu sắc, một nỗi nhục không bao giờ xóa sạch. Cô thử thay đổi tư thế, nhưng cái đau như lan ra. Nằm yên không cựa mình, cô quắp chặt chiếc bao tải quanh người như thể chui vào một thứ tổ kén để tránh mọi xúc phạm khác nữa, nhưng lại càng đau già.

Tâm trí Kitzi lướt nhanh trở lại bốn ngày, đêm vừa qua. Cô vẫn hình dung thấy bộ mặt kinh hoàng của bố mẹ, nghe thấy tiếng kêu bất lực của hai người khi cô bị chở vội đi. Cô vẫn cảm thấy như mình đang vật lộn để thoát khỏi gã lái buôn da trắng đã nhận cô từ tay viên quận trưởng cảnh sát quận Xpotxilvania; cô đã suýt lẩn được thoát sau khi xin phép đi đại tiện. Cuối cùng, họ tới một thị xã nhỏ, ở đó, sau hồi lâu mà cả gay go, cò kè bớt một thêm hai, tên lái buôn rốt cuộc đã bán cô cho tay chủ mới này và hắn đợi đêm xuống để hiếp cô. Ơi mẹ! Ơi bố! Giá chỉ việc kêu lên là tới được – nhưng thậm chí bố mẹ giờ cũng không biết cô ở đâu. Và nào ai biết những gì có thể xảy đến với bố mẹ? Cô biết mexừ Uolơ không bao giờ bán người nào thuộc quyền sở hữu của ông "trừ phi họ phá luật lệ của ông". Nhưng bằng cách ngăn ông chủ bán cô, bố mẹ hắn đã phá hàng loạt những luật lệ đó.

Và còn Nâuơ nữa, Nâuơ giờ ra sao? Bị đánh sống dở chết dở ở một nơi nào đó? Một lần nữa, những hình ảnh sống động lại trong trí Kitzi; Nâuơ giận dữ đòi hỏi rằng, để chứng minh tình yêu của mình, cô phải sử dụng cái tài biết viết để làm giả một cái giấy thông hành cho anh trình ra trong trường hợp bị bọn tuần tra hoặc những tên da trắng

đa nghi nào khác trông thấy, ách lại và xét hỏi. Cô nhớ lại vẻ quyết tâm dữ dội hằn rõ trên mặt anh khi anh thề với cô rằng một khi tới miền Bắc, với một ít tiền dành dụm từ một việc làm mà chắc anh sẽ mau chóng kiếm được, "anh sẽ lẻn về đây và lén đưa cả em lên Bắc nữa để chúng mình bên nhau đến trọn đời". Cô lại khóc nức nở. Cô biết mình chẳng bao giờ gặp lại anh nữa. Cũng như bố mẹ. Trừ phi…

Ý nghĩ của cô giật thót lên một hy vọng đột ngột! Từ bé, "măzen" An đã thề là khi nào cô ta lấy một ông chủ trẻ đẹp, giàu có, nhất định cô ta sẽ chỉ chọn mình Kitzi làm hầu gái riêng, rồi sau đó trông nom cả bầy trẻ trong nhà. Liệu có thể là khi biết Kitzi đã đi khỏi, cô sẽ kỳ kèo xin mexừ Uolơ không? "măzen" An có thể lay chuyển ông ta hơn bất kỳ ai khác trên đời! Liệu có khả năng là ông chủ đã cử người đi tìm gã lái buôn nô lệ hỏi xem hắn đã bán cô đi đâu để chuộc lại hay không?

Nhưng chẳng bao lâu, một nguồn lũ buồn tủi mới lại dâng ngập Kitzi. Cô nhận ra rằng quận trưởng cảnh sát biết đích xác gã buôn nô lệ là ai, nếu họ muốn thì bây giờ họ ắt đã tìm ra cô rồi! Cô lại càng cảm thấy đời mình bỏ đi không cách gỡ, càng thấy hoàn toàn bơ vơ. Lát sau, khi đã khóc khô nước mắt, cô nằm cầu xin Chúa tiêu diệt cô đi, nếu Người thấy cô đáng tội ấy vì yêu Nâuơ. Cảm thấy chút gì trơn ướt chảy ri rỉ giữa hai bắp đùi, Kitzi biết mình vẫn tiếp tục ra máu. Nhưng cơn đau đã dịu đi chỉ còn giần giật.

Khi cửa lều lại kẽo kẹt mở, Kitzi vùng dậy và giật lùi vào sát tường rồi mới nhận ra đó là người đàn bà nọ. Chị ta mang một cái nồi nhỏ nghi ngút hơi với một cái bát và thìa. Kitzi lại phục xuống sàn đất bẩn trong khi người đàn bà đặt cái nồi lên bàn rồi múc thức ăn vào bát đặt xuống cạnh Kitzi, Kitzi làm như không trông thấy cả thức ăn lẫn người đàn bà ngồi xổm cạnh cô; người này bắt đầu thản nhiên nói chuyện như thể đã quen nhau hàng năm rồi.
"Ta là người nấu bếp ở nhà nhớn. Tên ta là Malizi. Tên mầy là gì?" Cuối cùng, Kitzi cảm thấy ngớ ngẩn nếu không trả lời: "Là Kitzi, thưa cô Malizi".

Người đàn bà ầm ừ ra ý tán thưởng: "Mầy có vẻ có giáo dục đấy". Chị ta liếc nhìn món ninh không đụng đến trong bát. "Ta chắc mầy biết thức ăn để nguội lạnh là không tốt". Cô Malizi này nói năng cũng gần giống như cô Manđi hay bà Xuki vậy.
Ngập ngừng cầm thìa lên, Kitzi nếm món ninh, rồi bắt đầu chậm rãi ăn một chút.
"Mầy mấy tuổi, em?"
"Thưa cô, em mười sáu".
"Tội ông chủ phải xuống địa ngục, chắc chắn dư ông í đã sinh ra vậy", chị Malizi thốt lên gần như thì thầm. Nhìn Kitzi, chị ta nói: "Cần phải nói cho em biết ông chủ này thuộc loại thích phụ nữ nhọ, đặc biệt là dững cô trẻ dư em í. Ông í vẫn thường lôi thôi mấy ta, ta chỉ hơn em độ chín tuổi thôi, cơ mà ông í thôi rồi từ sau khi ông í lấy bà chủ về đây và biến ta thành người nấu bếp, làm việc ngay tại ngôi nhà bà í ở, đội ơn Chúa!". Malizi nhăn mặt. "Chắc rồi mầy sẽ còn phải thấy ông í vào đây thường xuyên đều đặn".

Thấy Kitzi vội đưa tay lên miệng, Malizi nói: "Cưng ạ, em cần hiểu ra rằng em là một nhọ cái. Cái loại người da trắng dư ông chủ, hoặc là em phải chiều theo, hoặc là ông í sẽ làm em phải hối tiếc là đã không chiều theo, thế này hoặc thế kia. Và để ta nói cho em biết, cái ông chủ này là đồ bần tiện nếu trái ý ông. Thật thế, ta chưa từng thấy ai lên cơn tam bành như cách ông í. Mọi sự đang trôi chảy tốt đẹp, thế rồi có cái gì xảy đến làm ông í bực", Malizi bật tách ngón tay, "thoắt một cái dư thế này, ông í có thể đùng đùng bốc lửa làm như hóa dại!".

Kitzi nghĩ rất nhanh. Một khi bóng tối buông xuống, trước lúc hắn lại mò đến, cô phải trốn thôi. Nhưng dường như Malizi đọc được trong óc cô: "Đừng có bắt đầu nghĩ đến chuyện chạy đi đâu, cưng ạ! Ông í chỉ việc cho lũ chó săn đi lùng bắt mầy, là mầy càng đâm gay go thêm". Bình tĩnh lại thôi em ạ. Bốn, năm ngày nữa là ông í thôi không đến đây nữa đâu. Đến lúc í thì ông í mấy ông già nhọ luyện gà đã đi một cuộc thi chọi gà lớn tận nửa đường suốt đầu bang đến cuối bang rồi". Malizi ngừng một lát. "Ông chủ chả thiết gì hơn lũ gà chọi của mình".

Chị tiếp tục nói liên hồi không ngừng – kể chuyện ông chủ đến tuổi trưởng thành vẫn là một cách-cơ nghèo, do mua một vé xổ số trúng một con gà chọi hay mà bắt đầu đi vào con đường trở thành một trong những chủ gà chọi thành công nhất trong vùng như thế nào.

Cuối cùng, Kitzi ngắt lời: "Thế ông í không ngủ với vợ à?"
"Nhất định là có chứ!" Malizi nói. "Có điều là ông í thích gái. Mầy sẽ chả thấy bà í mấy đâu, bởi vì bà í sợ ông í chết khiếp và bà í cứ phải lặng ngắt, ở đâu yên đấy. Bà í trẻ hơn ông í hàng bao nhiêu tuổi; khi ông í cưới và mang bà í về đây, bà í mới mười bốn, cũng là loại cách-cơ dư ông í. Cơ mà bà í đã thấy ra là ông í không thiết mình bằng dững con gà của ông í…" Trong khi Malizi tiếp tục nói về ông chủ, vợ và gà của y, một lần nữa ý nghĩ của Kitzi lại xoay về chuyện chạy trốn.
"Gái em! Mầy có chú ý nghe ta không?"

“Thưa cô, có”. Cô vội trả lời. Nếp cau mày của Malizi dãn ra: “tốt, ta mong mầy khá hơn bởi vì ta đang nói cho mầy biết mầy ở đâu!”.

Chị nhìn kỹ Kitzi một lát ngắn ngủi. “Cơ mà mầy ở đâu tới nhỉ?” Kitzi nói là ở quận Xpotxilvaniơ, bang Vơjiniơ. “Ta chưa nghe nói đến nơi í bao giờ! Còn đây là quận Caxuel ở Bắc Calini”. Vẻ mặt Kitzi chứng tỏ cô không có ý niệm gì về vùng này, tuy cô vẫn nghe nhắc đến bang Bắc Carôlina luôn và cô có cảm giác như nó ở đâu đó gần Vơjiniơ.
“Này, thậm chí mầy không biết cả tên của ông chủ nữa hỉ?” Malizi hỏi. Kitzi nghệt mặt ra. “Tên ông í là Tôm Liơ”… Chị suy nghĩ một lúc, “thành thử bi giờ mầy là Kitzi Liơ, chắc vậy”.
“Tên tui là Kitzi Uolơ!” Kitzi kêu lên phản đối. Rồi vụt cái, cô nhớ ra rằng mọi thứ đó xảy ra với cô là do bàn tay mexừ Uolơ sắp đặt kể cả họ tên cô phải mang, và cô bắt đầu khóc “Đừng có dở thói thế nữa cưng!” Malizi thốt lên. “Em chắc biết dân nhọ phải lấy họ của các ông chủ chứ, bất kỳ họ í là gì. Tên họ dân nhọ chả nghĩa lý quái gì, có cũng dư không, cố để gọi thôi…”.

Kitzi nói: “Tên thật bố tôi là Kunta Kintê. Bố là người Phi”.
“Thật ư!” Malizi có vẻ sửng sốt. “Ta nghe nói cụ ta cũng là người Phi! Mẹ ta bỉu bà ngoại ta kể là ông cụ đen hơn cả hắc ín, hai bên má đều nhằng nhịt sẹo. Cơ mà mẹ không bao giờ nhắc đến tên cụ…” Malizi ngừng một lát. “Thế mầy biết cả tên mẹ nữa chứ?”
“Cố nhiên là có. Mẹ tui tên Bel. Cũng là người nấu bếp ở đại sảnh dư cô. Còn bố tui lái xe cho ông chủ - chí ít cũng đã từng làm việc í”.
“Vậy là mới đây em còn ở mấy cả bố lẫn mẹ?” Malizi không thể tin là thế. “Lạy Chúa, bọn ta chả có mấy ai được biết cả bố mẹ trước khi bị bán đi!”.

Cảm thấy Malizi chuẩn bị đi khỏi, đột nhiên sợ bị bỏ lại một mình lần nữa, Kitzi cố tìm cách kéo dài câu chuyện, “Cô nói chuyện hệt như mẹ em”, cô tán. Malizi như giật mình, rồi lại tỏ ra rất hài lòng: “Ta chắc bà í là một phụ nữ Cơ đốc ngoan đạo dư ta!” Ngập ngừng, Kitzi hỏi một điều vừa thoáng qua trong đầu. “Họ sẽ bắt em làm thứ công việc gì ở đây, cô Malizi?”.

Malizi có vẻ ngạc nhiên với câu hỏi đó. “Mầy sắp làm gì ư?” chị hỏi lại. “Ông chủ không nói cho mầy biết ở đây có mấy nhọ à?” Kitzi lắc đầu. “Nhỏ cưng này thêm mầy nữa là đúng năm! Là tính cả Mingô, ông già nhọ sống giữa lũ gà. Thế, ta làm bếp, giặt giũ, trông nom nhà cửa, còn chị Xerơ mấy bác Pompi làm việc ngoài đồng, chắc mầy cũng ra ngoài í nốt – đấy phận sự mày là thế!”.

Malizi nhướn mày lên khi thấy vẻ bàng hoàng trên mặt Kitzi “Ở chỗ trước, mày làm việc gì?”.
“Quét dọn, lau chùi đại sảnh và giúp mẹ em trong bếp” Kitzi trả lời, giọng ấp úng.
“Ta cũng đoán phỏng cái gì tờ tợ dư thế khi thấy hai bàn tay mềm mại của mầy. Chà, tốt hơn là mày hãy sẵn sàng cho nó chai sần lên đôi chút, khi ông chủ trở về!” Rồi Malizi dường như cảm thấy nên xoa dịu đi tí ti. “Tội nghiệp! Nghe này, em đã quen với một nơi giàu sang. Dưng đây là một cách-cơ trước đây vun vén, cào cấu đến khi nắm được một tí đất, dựng được một tí nhà, chỉ có cái mẽ ngoài để làm ra vẻ khấm khá hơn là thực. Quanh đây có ối cách-cơ dư thế. Họ có câu: “Có bốn nhọ là đủ cầy trăm mẫu”. Ấy, tay này quá ke thậm chí ngần nấy cũng không chịu mua đủ. Cố nhiên, ông í chỉ có chừng tám mươi mẫu Anh gì đó và chỉ cầy cấy đủ số để xưng mình là ông chủ thôi. Cái đại sự của ông í là trên dưới trăm con gà chọi được ông già nhọ Mingô nuôi nấng tập luyện để đem đi đấu giải. Độc có một cái ông chủ bỏ tiền tiêu pha, là gà. Cứ luôn luôn thề với bà chủ là một ngày kia gà sẽ làm cho họ giàu có. Uống say mềm rồi bỉu bà í là một ngày kia, sẽ xây cho bà í một cái nhà thật to, đăng trước có sáu cái cột, cao hai tầng và còn đẹp hơn cả dững nhà của mấy ông chủ đích thực giàu quanh đây thường khinh rẻ họ cơ hồ họ vẫn là cách-cơ dư hồi xuất thân! Thực vậy, ông chủ bỉu đang dành tiền cho cái ngày xây ngôi nhà đẹp í. Hừm! Có thể thế, theo ta biết. Ta biết ông í ke đến nỗi không dám có một gã coi chuồng ngựa, chưa nói gì đến một nhọ để đánh xe chở đi nơi này nơi khác dư hầu hết các ông chủ đều có. Ông í tự tay thắng lấy cả xe chở người lẫn xe chở đồ, chuẩn bị yên cương lấy và lái lấy. Cưng ạ, lý do duy nhất khiến ta không phải làm đồng là bà chủ thậm chí nấu nước cũng không biết mà ông í thì lại thích ăn ngon. Bên cạnh đó, ông í còn thích sĩ diện có một hầu nhọ trong nhà khi khách khứa đến chơi. Đi nhậu ở đâu, ông í thích mời khách về tiệc tùng, cố mặc cho thật diện và đánh cá vào các gà của mình trong các cuộc chọi thi, đặc biệt khi nào ông í thắng hung. Cơ mà dù sao, cuối cùng, ông í cũng phải thấy chỉ mình bác Pompi mấy chị Xerơ thì không cách nào cầy cấy nhiều dư ông í muốn và ông í phải kiếm thêm người nào khác. Thế nên ông í mua mầy…” Malizi ngừng một lát. “Mầy biết mầy giá báo nhiêu không?”

Kitzi yếu ớt nói: “Không, thưa cô”.
“Ờ, ta đoán là sáu, bảy trăm đôla, dựa vào giá mua bán nhọ hiện nay mà ta nghe ông í nói, mà mầy lại khỏe và trẻ, coi bộ lại tốt nái nữa, sau này sẽ mang lại cho không ông í một lũ nhọ con”.

Thấy Kitzi lại ngẩn tò te, chẳng nói chẳng rằng, Malizi tiến lại gần cửa và dừng lại: “Tình thật, nếu ông chủ có nhét mầy vào với một nhọ thuộc loại ngựa giống mà một số ông chủ giàu thường nuôi để cho thuê, thì ta cũng chả lấy gì làm lạ. Cơ mà xem ra ông í tính chuyện là tự gây giống lấy với mầy đó”.

Chương 85

Cuộc đối thoại thật ngắn gọn.
“Ông chủ, tui sắp có một tí nhau”.
“À, mày trông chờ tao làm gì về chuyện ấy? Tao biết tỏng mày, tốt hơn là đừng có bắt đầu giả ốm, tìm cách nghỉ việc!”

Nhưng quả là y có bắt đầu hãm lại thật, ít lui tới lều Kitzi hơn khi bụng cô bắt đầu to lên. Làm việc quần quật dưới mặt trời nóng bức, Kitzi trải qua những cơn chóng mặt cũng như buồn nôn vào buổi sáng trong cả quá trình cực nhọc làm quen với công việc đồng áng. Những vết phồng rộp đau rát trên cả hai lòng bàn tay vỡ ra, lại đầy nước, rồi lại vỡ ra nữa do liên tục cọ sát với cán cuốc nặng và sần sùi. Trong khi chặt xới, cố gắng khỏi tụt lại quá xa đằng sau bác Pompi đen nhánh, ngắn ngủn, chắc mập, giàu kinh nghiệm và chị Xerơ dẻo dai, da nâu sáng, cô ráng nhớ lại tất cả những gì đã được nghe mẹ nói về việc có con. Cô cảm thấy mình sẵn sàng đổi bất cứ cái gì để bà Bel có thể ở bên cô lúc này. Bất kể nỗi nhục phải giáp mặt mẹ vào lúc chửa to tướng – bà đã nhay đi nhay lại cảnh cáo về nỗi điếm nhục có thể trút xuống đầu “Nếu mầy cứ quấn lấy cái thằng Nâuơ í” – Kitzi biết rằng bà sẽ hiểu đó không phải lỗi tại cô và sẽ bảo cho cô biết những điều cần biết.

Cô tưởng như nghe thấy giọng bà rầu rầu, như bà vẫn hay kể với cô về cái mà bà cho là nguyên nhân dẫn đến cái chết của cả vợ lẫn con mexừ Uolơ: “Tội nghiệp, chỉ tại bà í nhỏ người quá mà đứa bé lại to quá?” Liệu bản thân mình đây, khổ người có đủ to không, Kitzi phát cuồng lên tự hỏi. Liệu có cách nào biết chắc được không nhỉ? Cô nhớ lại có lần cô và mămzen An đứng trố mắt xem một con bò cái đẻ ra một con bê, rồi thì thầm với nhau rằng, mặc dầu người lớn cứ bảo trẻ sơ sinh là do cò mang đến, chắc các bà mẹ cũng phải rặn chúng ra qua bộ phận kín theo cùng một cách gớm ghiếc như thế.

Những người phụ nữ lớn tuổi hơn, Malizi và Zerơ, dường như không mấy để ý đến cái bụng – và đôi vú – không ngừng to ra của cô, thành thử Kitzi bực bội quyết định rằng có thổ lộ những nỗi lo sợ của mình với họ cũng chỉ mất thì giờ vô ích như nói với mexừ Liơ vậy thôi. Chắc chắn y chẳng mảy may bận tâm khi y phóng ngựa quanh đồn điền, hét lác dọa dẫm bất cứ ai y cho là làm việc chưa đủ nhanh.

Khi đứa bé ra đời – vào mùa đông năm 1806 – chị Xerơ sắm vai bà đỡ. Sau hồi lâu rên rẩm, la thét, tưởng như kéo dài cả một thiên thu, cảm thấy mình bị xé đôi, Kitzi nằm dài, mồ hôi ra như tắm, ngỡ ngàng nhìn chằm chằm vào đứa bé giãy giụa mà chị Xerơ tươi cười đang nhấc bổng lên. Đó là một đứa con trai – nhưng da nó gần như màu nghệ thẫm.

Thấy vẻ hoảng hốt của Kitzi, Xerơ trấn an cô: “Trẻ mới sinh ít ra phải mất một tháng mới đen lại cho thật mầu của nó, cưng ạ?”. Nhưng nỗi lo của Kitzi càng sâu thêm khi cô ngày nào cũng xem xét đứa con nhỏ nhiều lần; được một tháng tròn, cô biết rằng giỏi lắm da đứa bé cũng mãi mãi chỉ là một mầu nâu gỗ bồ đào.

Cô nhớ lại lời khoe khoang hãnh diện của mẹ: “Ở chỗ ông chủ đây, thuần là nhọ đen cả”. Cố gắng không nghĩ đến chữ “duôm duôm”, cái tên mà người cha đen như gỗ mun của cô thường dùng để chỉ những người lai da trắng - mỗi lần gọi thế, ông lại cong miệng lên đầy vẻ khinh bỉ. Cô cảm ơn Chúa là bố mẹ không phải ở đây để thấy- và chia sẻ - nỗi nhục của mình. Song cô biết mình sẽ không bao giờ có thể cất cao đầu lên nữa, ngay cả nếu bố mẹ cô không bao giờ thấy đứa bé, bởi vì bất cứ ai, chỉ việc so sánh màu da của cô với của đứa bé, cũng đủ biết là điều gì đã xảy ra - và với ai. Cô nghĩ đến Nâuơ và càng cảm thấy xấu hổ. “Đây là dịp cuối cùng của chúng mình trước khi anh đi, em bé, làm sao mà em lại không thể?” cô lại nghe thấy anh nói vậy. Một cách tuyệt vọng, cô thầm ước: giá mà cô đã chiều anh, giá mà đây là con của Nâuơ; nếu được thế, ít ra nó cũng đen.

“Gái em, có chuyện gì mà mầy không vui, con to bự, đẹp đẽ dư thế!” một buổi sáng, Malizi nói vậy khi nhận thấy Kitzi buồn rười rượi và biết mấy vụng về xoay trở với đứa bé, gần như bế bên cạnh sườn, kiểu như, cả đến nhìn nó, cô cũng thấy khó khăn. Dạt dào thông cảm, Malizi tuôn ra một thôi: “Cưng ạ, cái chuyện mầy để nó dày vò mầy í, cần gì mầy phải băn khoăn. Đằng nào cũng thế thôi, can hệ gì, bởi vì thời buổi này, chả ai thiết, mấy lại cũng chả buồn để ý nữa cơ. Bọn mulattô nay cũng nhiều gần bằng số nhọ đen dư chúng ta. Sự thể là dư vậy, có thế thôi…” Mắt Malizi như cầu khẩn Kitzi. “Mấy lị, mầy có thể chắc chắn là ông chủ chả bao giờ đòi con đâu, dứt khoát thế. Ông í chỉ thấy một đứa bé ông í không phải bỏ tiền ra mua là khoái rồi, mà ông í lại đẩy ra làm đồng dư mầy thôi: Thế cho nên mầy chỉ cần mỗn một tình cảm, tức thị đứa bé xinh đẹp, bụ bẫm này là của mầy, cưng ạ… có thế thôi”.

Cách nhìn nhận sự việc ấy giúp cho Kitzi bình tâm lại, chí ít là một phần nào. “Cơ mà liệu có chuyện gì không”, cô hỏi, “nhỡ có lúc này lúc kia, bà chủ thế nào cũng nhìn thấy thằng bé, hả cô Malizi?”.
“Bà í biết ông í vô tích sự! Giá cứ mỗi người đàn bà da trắng biết chồng mình có con với dân nhọ, ta lại được một xu thì ối của. Cái chính ta đoán bà chủ ghen là vì bà í hình như không thể có con được”.

Đêm hôm sau, mexừ Liơ đến lều – khoảng một tháng sau khi đứa bé ra đời – y cúi mình trên giường, tay cầm cây nến ghé gần vào mặt đứa bé đang ngủ. “Hừm! không đến nỗi xấu. Lại to nữa”. Y lấy ngón tay trỏ day day nắm tay nhỏ xíu và quay lại Kitzi nói: “Thôi được. Mầy nghỉ đến cuối tuần này là đủ rồi: Thứ hai, lại ra đồng làm việc”.

“Cơ mà tui phải ở nhà cho nó bú, ông chủ!” cô dại dột nói. Cơn điên khùng của y nổ ra bên tai cô: “Câm mồm và làm như tao đã bảo! Mày đã hết cái thời được một quý tộc đồng bóng ở Vơjiniơ chiều chuộng rồi! Mang cái thằng lỏi đen theo mày ra đồng, kẻo tao giữ nó lại và bán mày đi ngay tắp lự cho mày choáng đầu lên!”.

Sợ đến ngây độn, mới nghĩ đến chuyện bị bán đi xa con, Kitzi đã òa lên khóc. “Vâng, thưa mexừ”, cô kêu khóc, lạy lục. Thấy vẻ khuất phục ê chề của cô, y mau chóng dẹp cơn thịnh nộ, nhưng rồi Kitzi bắt đầu cảm thấy – với cảm giác nghi nghi hoặc hoặc – là y đến có mục đích thực sự: “dùng” cô lần nữa, ngay lúc này đây, với đứa bé nằm ngay bên cạnh.

“Ông chủ, ông chủ, bi giờ còn quá sớm”, cô van vỉ, nước mắt giàn giụa: “Tui chưa lành đâu, mexừ!” Nhưng khi y hoàn toàn bỏ ngoài tai, cô chỉ chống cự lại đủ lâu để tắt nến, sau đó cô lặng lẽ chịu đựng khổ hình, chỉ hãi đứa bé có thể thức dậy. Trong bóng tối, vừa ngoắc dây đeo quần lên vai, y vừa nói: “Ờ, phải gọi nó là gì chứ…” Kitzi nằm, hít mạnh vào, nín thở. Sau một lát, y nói: “Gọi nó là Jooc – lấy tên của thằng nhọ cần cù nhất tao từng thấy”.

Chương 86

Vì bác Pompi trước nay chưa bao giờ nói với Kitzi quá hai chữ "khỏe chứ?" mỗi khi gặp cô buổi sáng, nên cô ngạc nhiên và cảm động sau sắc khi cô bế con ra tới đồng, hôm đầu tiên trở lại làm việc, bác Pompi rụt rè lại gần cô và chạm tay vào vành chiếc mũ rơm loang lổ vệt mồ hôi, chỉ về phía rặng cây ở rìa cánh đồng: "Ta nghĩ cháu có thể đặt thằng bé dưới đó", bác nói. Chưa thật rõ bác định nói gì, cô liếc mắt và trông thấy cái gì dưới một gốc cây. Thoáng sau, mắt cô long lanh lệ vì khi bước tới, cô nhận ra đó là một cái lán nhỏ một mái, lợp bằng tranh mới cắt, lẫn với lá xanh và cỏ dại dày dặn.

Đầy lòng biết ơn, Kitzi rải tấm bao tải sạch màu vàng nghệ trên nệm lá trong lán và đặt đứa bé lên. Nó khóc một tí, nhưng thấy mẹ nựng và vỗ về, nó bèn kêu ùng ục trong họng và giơ ngón tay lên ngắm. Trở lại với hai người bạn hì hụi trong ruộng thuốc lá, cô nói: "Thật quý hóa quá, bác Pompi". Bác hầm hừ, phát nhanh hơn, cố giấu nỗi bối rối. Chốc chốc, Kitzi lại vội chạy đến xem xét con, và cứ khoảng ba tiếng một, khi nó bắt đầu khóc, cô lại ngồi xuống, chìa vú căng sữa cho nó bú.

"Thằng bé nhà mầy làm tất cả bọn chúng mình vui hẳn lên, bởi vì rành là quanh đây chả có ai khác mà chăm nom", mấy hôm sau chị Xerơ nói với Kitzi nhưng lại ranh mãnh liếc bác Pompi khiến bác nhìn lại như nhìn một con muỗi dai dẳng. Bây giờ, cứ lặn mặt trời, hết ngày làm việc, chị Xerơ lại đòi bế đứa bé, còn Kitzi mang hai cái cuốc mệt nhọc đi về xóm nô toen hoẻn có bốn túp lều nhỏ như cái hộp với một cửa sổ, ở gần một cây hạt dẻ lớn. Thường thường, lúc Kitzi nhóm vội mấy que củi trong cái bếp nhỏ để nấu nướng chút gì còn lại trong khẩu phần do mexừ Liơ cấp mỗi sáng thứ bảy, thì trời cũng vừa sẩm tối. Ăn qua quít xong, cô nằm xuống chiếc nệm vỏ ngô chơi với Joóc. Nhưng đợi đến khi nó đói bắt đầu vòi mới cho bú. Rồi dỗ nó uống đầy bụng, cô bế vác nó lên vai, xoa lưng cho nó ợ ra, sau đó lại chơi với nó. Cô giữ cho nó thức thật lâu với cô, vì muốn nó ngủ dài hết mức có thể, trước khi dậy đòi ăn đêm. Chính vào cái quãng này – mỗi tuần hai ba bận – gã chủ thường tới cưỡng bức cô. Bao giờ y cũng sặc sụa hơi rượu, song, vì đứa bé cũng như vì bản thân mình, cô đã quyết định không kháng cự lại nữa. Lòng đầy ghê tởm, cô nằm yên như khúc gỗ, lạnh lùng, dạng chân ra, trong khi y ậm ạch phì phò hưởng lạc nơi cô, khi kết thúc và y đứng dậy, cô vẫn nằm thượt đấy, hai mắt nhắm nghiền – nghe tiếng đồng hào hoặc đôi khi, đồng hai mươi lăm xu mà bao giờ y cũng ném xuống bàn cô – cho đến khi y đi khỏi: Kitzi thường tự hỏi: cả bà chủ nữa, không biết mụ ta có nằm thao thức hay không trong đại sảnh, cũng đủ gần để ở trong tầm tai nghe, mụ ta nghĩ gì, cảm thấy thế nào, khi ông chủ trở về giường còn nồng mùi một người đàn bà khác?

Cuối cùng, sau khi cho Joóc bú hai lần nữa trước khi rạng sáng, cô rơi vào một giấc ngủ sâu – kịp vào lúc bác Pompi gõ cửa đánh thức cô dậy. Kitzi ăn điểm tâm và cho con bú lần nữa trước khi chị Xerơ đến bế nó ra một trong mấy cánh đồng. Có từng cánh đồng riêng trồng ngô, trồng thuốc lá và trồng bông, và hiện ở mỗi ven đồng, bác Pompi đều đã dựng một cái túp nhỏ có bóng cây che.

Chủ nhật, ăn trưa xong một lát, bao giờ ông chủ bà chủ cũng làm chuyến đi dạo hàng tuần bằng xe ngựa, và trong khi họ đi vắng, dúm người ở xóm nô họp mặt khoảng một tiếng đồng hồ quanh cây hạt dẻ, thăm hỏi nhau. Khi hai mẹ con Kitzi đến nhập bọn, Malizi và Xerơ nhanh chóng mở đầu cuộc kéo co giành nhau bế thằng bé Joóc hiếu động. Bác Pompi ngồi phì phò tẩu thuốc, xem ra thích trò chuyện với Kitzi, có lẽ vì cô chịu lắng nghe bác một cách kính trọng hơn và ít ngắt lời bác hơn hai người phụ nữ lớn tuổi kia.

"Cái hồi ông chủ kiếm được ba mươi mẫu đầu tiên mí gã nhọ đầu tiên tên Joóc, dư thằng bé của cháu í, thì nơi nầy đặt là rừng, mỗi mẫu chỉ đáng giá năm xu", một buổi chiều, bác Pompi nói. "Ông í rành là bắt gã nhọ làm việc đến chết". Thấy Kitzi há hốc miệng, bác Pompi dừng lại: "Sao thế?" bác hỏi. "Không bác ạ, không sao cả", Kitzi mau chóng trấn tĩnh lại và bác Pompi kể tiếp.

"Khi ta đến đây, ông chủ đã có gã nhọ tội nghiệp í được một năm, nào chặt cây, đào bật gốc lên, nào phát bụi đủ để cày và gieo trồng vụ thứ nhất của ông í. Rồi một hôm, ta mấy gã nhọ í đang xẻ gỗ làm ván, chính dững cái ván để dựng ngôi đại sảnh kia kìa". Bác Pompi chỉ. "Lạy Chúa, ta nghe thấy một tiếng gì lạ hoắc, và ngước mắt lên khỏi đấu cưa đằng ta. Hai mắt gã nhọ Joóc í long lên sòng sọc, anh ta níu lấy ngực mình và gục xuống chết – gọn ghẽ có thế thôi".

Kitzi chuyển sang chuyện khác. "Từ khi đến đây, cháu cứ nghe thấy mọi người nói chuyện gà chọi. Trước đây, chả mấy khi cháu nghe…"

“Ô, rành là ta nghe ông chủ nói họ chơi gà chọi với cái bang Vơjinia í”, Malizi nói. “Ta đồ chừng dững cuộc í không ở gần chỗ nầy”.
“Bọn ta cũng chả có ai biết gì nhiều về cái nầy”, bác Pompi nói, “ngoại trừ đó là một giống gà trống đặc biệt sinh ra và được nuôi để giết lẫn nhau, và người ta đánh cá hàng đống tiền vào chúng nó”.

Chị Xerơ phụ họa: “Độc có mỗi một người có thể nói cho mi biết thêm về gà chọi là cái ông già nhọ Mingô sống luôn ở đó với bọn nó”.

Thấy Kitzi ngạc nhiên há hốc mồm, Malizi thốt lên: “Thì ta đã bỉu mầy từ hôm đầu mầy đến đây mà. Có điều là mầy chưa trông thấy ông í”. Chị cười. “Mới lị, có thể mầy chẳng bao giờ nhìn thấy ông í cơ!”.
“Ta ở đây đã mười tư năm”, chị Xerơ nói, “thế mà ta chưa trông thấy cái ông nhọ í đến quá tám, mười bận! Rành ông í ưng ở mấy gà hơn mấy người!” Hứt! Chị cười to. “Tình thật, ta chắc bà mẹ ông í đã ấp trứng nở ra ông í!”.

Trong khi Kitzi cười theo, Xerơ ngả người về phía Malizi, hai cánh tay dang rộng: “Này, để ta bế một lúc”. Miễn cưỡng, Malizi rời thằng bé.
“Ờ”, chị nói, “dù sao đi nữa, rành là dững con gà í đã đưa ông chủ bà chủ từ chỗ rách rưới đến chỗ bi giờ lên xe xuống ngựa vênh vang dư vầy”. Chị làm bộ điệu khoa trương. “Đấy là ông chủ giơ tay lên khi xe họ đi ngang dững cỗ xa mã của mấy ông chủ giàu!” Ngón tay chị như một con bướm chấp chới. “Còn đây là bà chủ vẫy mùi-xoa đến độ suýt té nhào khỏi xe!”

Giữa tiếng cười rộ, Malizi phải mất một lúc mới tĩnh lại. Rồi khi chị với tay đòi lại đứa bé, Xerơ gắt: “Chờ đấy! Tui mới bế nó được có một phút!”.

Kitzi sung sướng thấy hai người tranh nhau bồng con mình và quan sát bác Pompi lặng lẽ nhìn ngóng, rồi bỗng tươi rói lên nếu thằng bé tình cờ nhìn về phía mình, lúc đó bác liền nhăn mặt làm trò hoặc ngọ nguậy ngón tay để níu giữ sự chú ý của nó.

Mấy tháng sau, một hôm chủ nhật, Jooc đang bò quanh thì lên cơn khóc đòi bú. Kitzi sắp bế nó lên thì Malizi nói: “Cứ để nó chờ một tí thôi, cưng ạ. Thằng bé này bi giờ đủ nhớn để bắt đầu ăn được cái gì đấy”. Chạy vội về lều mình, lát sau Malizi trở lại và tất cả chăm chăm nhìn chị dùng mặt đáy thìa nghiền chừng nửa chén bánh ngô với nước thịt thành một thứ cháo ngô. Rồi, bế Jooc đặt lên lòng, chị xúc một chút xíu bón vào miệng nó. Tất cả mọi người hớn hở khi thấy nó nuốt ực và hăm hở chép chép môi đòi ăn nữa.

Khi Jooc bắt đầu bò bốn chân xục xạo, mỗi lần ra đồng, Kitzi buộc một đoạn dây nhỏ quanh mình nó để hạn chế trong phạm vi nhất định, nhưng chẳng bao lâu, cô phát hiện ra rằng ngay cả trong tầm ấy, nó vẫn cứ bốc và ăn đất, cát cùng đám sâu bọ bò quanh đó. Mọi người nhất trí là phải làm một cái gì. “Giờ nó không phải bú nữa”, Malizi gợi ý, “xem chừng nếu cứ để nó mấy tui, chắc tui có thể trông nó trong khi các người ở ngoài đồng đây”. Ngay cả Xerơ cũng thấy thế là hợp lý, và mặc dù Kitzi rất không muốn, cô cũng đành phải bắt đầu đưa Jooc đến nhà bếp đại sảnh trước khi đi làm buổi sáng, để chiều về đón. Cô gần như dao động đối với quyết định của mình khi tiếng đầu tiên Jooc phát âm gẫy gọn là “Miliz”, nhưng sau đó chẳng mấy tí, nó nói: “Mẹ” rất sõi, làm Kitzi sung sướng đến rợn cả tủy sống. Rồi tiếng tiếp theo của nó là “bá-pom” khiến ông già ngây ngất như nuốt cả ánh mặt trời. Và chẳng bao lâu, lại đến “Xira”.

Đầy một tuổi, Jooc đã đi được, không cần đỡ. Mười lăm tháng, nó nô nghịch quanh quẩn, rõ ràng là rất khoái vì rốt cuộc đã được độc lập làm theo ý mình. Giờ đây, họa hoằn nó mới để cho ai bế, trừ những lúc nó buồn ngủ hoặc đang ốm, điều ít khi xẩy ra vì nó khỏe mạnh phây phây và lớn như thổi, một phần không nhỏ nhờ Malizi hàng ngày nhồi cho nó những món ăn ngon lành nhất mà nhà bếp có thể cung cấp. Những chiều chủ nhật, trong khi Kitzi chuyện trò với ba người lớn kia (họ đều yêu nó mê mẩn) tất cả vẫn say sưa ngắm thằng bé lẫm chẫm đi loanh quanh, sung sướng chơi tha thẩn một mình, yếm dãi chẳng mấy chốc đã ướt đẫm, lấm lem mầu đất. Nhấm nháp một nhành cây nhỏ, hay bắt được một con gián, hay đuổi theo một con chuồn chuồn, chú mèo ngoài sân hoặc lũ gà hoảng hốt vừa cục tác vừa chạy đi kiếm chỗ bới khác – tất cả đều làm Jooc thích thú như nhau. Một hôm chủ nhật, ba người đàn bà được một mẻ cười vỡ bụng khi thấy bác Pompi bình thường vốn ủ rũ, nhảy lóc cóc một cách vụng về từng quãng ngắn, cố kiếm một cơn gió nhẹ để lao chiếc diều mà bác đã làm cho thằng bé. “Ta nói cho mà biết, gái em ạ, mi không hiểu được thực sự cái gì mi đang thấy kia đâu”, Xerơ nhận xét với Kitzi. “Trước chưa có thằng bé này, một khi Pompi đã chui vào lều là ở tịt trong đó, đến sáng mới thấy mặt”.

“Thật đấy!” Malizi nói “Tui thậm chí không ngờ bác í cũng biết vui đùa nữa!”.
“Ờ, tui rành là cảm thấy vui sướng khi bác í dựng dững cái lán nho nhỏ cho Jooc hồi đầu tui mang nó ra đồng”, Kitzi nói.

“Mi cảm thấy vui sướng! Thằng bé í làm tất cả bọn ta vui sướng thì có!” Xerơ nói.

Bác Pompi càng hấp dẫn Joóc với những chuyện cổ tích bác bắt đầu kể khi nó lên hai. Ngày chủ nhật, hễ lặn mặt trời và chiều bắt đầu hơi lành lạnh là Pompi lấy củi tươi đốt lên một đống lửa nhỏ khói um để xua muỗi trong khi ba người đàn bà xếp ghế chung quanh. Rồi Joóc chiếm lĩnh vị trí thoải mái nhất để theo dõi nét mặt linh động cùng đôi bàn tay làm bộ điệu của bác Pompi trong khi bác kể chuyện “Anh Thỏ” và “Anh Gấu”, khai thác cả một kho tàng cổ tích tưởng như bất tận, đến nỗi một lần chị Xerơ xúc động kêu lên: “Thật tui chưa bao giờ tưởng bác biết tất tật dững truyện í!” Bác Pompi đưa mắt nhìn chị đầy vẻ bí ẩn và nói: “Còn ói thứ về ta mà nhà chị chẳng biết đâu!” Chị Xerơ nguẩy đầu, làm ra bộ chán ngấy: “Hừm! chắc chả ai buồn tìm biết đâu!” Bác Pompi trịnh trọng rít tẩu thuốc, đôi mắt răn reo như cười.
“Cô Malizi, em nói mấy cô cái này nhé”, một hôm Kitzi tuyên bố. “Chị Xerơ mấy bác Pompi lúc nào cũng làm dư người nọ chọc tức người kia. Cơ mà đôi khi em có cảm giác dư đó là cách họ tán tỉnh nhau í…”
“Em ạ, ta chả biết. Ta biết là nếu có thế cũng chả ai nói ra. Cơ mà ta đồ rằng chỉ rỡn cho qua thì giờ, thế thôi. Cái cảnh nhớn tuổi dư bọn ta mà chả kiếm được ai, thì rồi đâm quen dần, vì xem chừng có làm cách chi cũng chả ăn thua”, Malizi nhìn xoáy vào Kitzi trước khi nói tiếp, “Bọn ta nhớn tuổi đã đành phận thế, dựng mà trẻ dư em mà chả có ai thì lại khác! Ta chỉ ước sao ông chủ mua một người nào đó để bọn mầy có thể sum vầy mấy nhau!”
“Vâng, cô Malizi ạ, em cũng chả cần gì phải làm bộ dư không nghĩ đến cái í, bởi vì rành là em có nghĩ đến thật”. Kitzi ngừng một lát. Rồi cô nói cái điều mà cô chắc cả hai đều biết. “Cơ mà ông chủ chả làm thế đâu”. Cô vụt cảm thấy đáng quý là không ai nhắc đến hoặc thậm chí nói bóng gió đến cái điều mà hẳn tất cả đều biết vẫn tiếp diễn giữa cô và ông chủ; chí ít họ cũng không bao giờ nhắc đến điều đó trước mặt cô. “Tiện thể chúng mình đang tâm sự”, cô nói tiếp “anh í mấy em biết nhau ở chỗ cũ của em. Hiện em vẫn nhớ anh í rất nhiều. Chúng em đã sắp sửa lấy nhau, dựng rồi mọi sự đâm rối bét. Thực tế, chính vì thế mà em bị đến đây”.

Cố gượng lấy một giọng trong sáng hơn, cảm thấy sự quan tâm đầy tình quý mến chân thành của Malizi, Kitzi kể cho chị nghe chuyện mình với Nâuơ và cuối cùng, kết luận: “Em tự nhủ anh í vẫn tiếp tục đi tìm em và một ngày kia, chúng em giáp mặt nhau chốn nào đó”. Vẻ mặt Kitzi nom như đang cầu nguyện. “Nếu điều đó xảy ra, cô Malizi ạ, em nói thật mấy cô, em tin chắc chúng em chả ai nói nửa lời. Em chắc chúng em chỉ cầm lấy tay nhau và em lẻn vào đây chào từ biệt tất cả các cô bác và ẵm Joóc, rồi chúng em ra đi. Thậm chí em sẽ chả hỏi là đi đâu mà cũng bất cần nữa. Em chả bao giờ quên cái điều cuối cùng anh í nói mấy em. Anh í biểu “Chúng mình sống bên nhau đến trọn đời, bé ạ!” Giọng Kitzi vỡ ra rồi cả cô và Malizi cùng khóc, và một lát sau, Kitzi trở về lều mình.

Mấy tuần sau, một sáng chủ nhật, trong khi Joóc ở trong đại sảnh “giúp” cô Malizi sửa soạn bữa trưa, thì Xerơ mời Kitzi vào lều mình, lần đầu tiên từ khi cô đến đồn điền Liơ.

Kitzi trân trân nhìn những bức vách nứt nẻ, đầy những chùm rễ cây và cỏ khô treo ở những móc và đinh, chứng thực lời Xerơ tuyên bố là chị có thể cung cấp phương thuốc tự nhiên cho hầu hết các bệnh. Chỉ chiếc ghế độc nhất của mình, chị bảo: “Ngồi xuống, gái em”. Kitzi ngồi và Xerơ nói tiếp: “Ta sẽ nói mấy em một điều không ai biết. Mẹ ta là một phụ nữ bang Luyziana đã dạy ta đoán số giỏi”. Chị nhìn dõi vào bộ mặt sửng sốt của Kitzi. “Mi muốn ta bói cho mi không?”.

Kitzi tức thì nhớ lại nhiều lần cả bác Pompi lẫn cô Malizi đều nói là Xerơ có tài bói toán. Kitzi nghe thấy tiếng mình nói: “Có, chị Xerơ ạ”.

Ngồi xổm trên sàn nhà, Xerơ kéo từ gầm giường ra một cái tráp lớn. Lấy từ trong đó ra một chiếc hộp nhỏ hơn, chị bóc đầy hai tay những vật gì khô cứng, nom thật bí ẩn và từ từ quay về phía Kitzi. Cẩn thận sắp xếp những vật nọ thành một hình đối xứng, chị rút từ trong ngực áo ra một chiếc que mảnh giống như cái roi và bắt đầu khuấy thật mạnh những thứ ấy lên khắp xung quanh. Cúi về phía trước cho đến khi chạm hẳn trán vào các vật trên sàn, chị dường như ráng hết sức dướn thẳng người trở dậy trong khi nói bằng một giọng the thé mất tự nhiên: “Ta ghét phải nói với mi cái điều hồn phán. Mi chẳng bao giờ gặp lại bố mẹ nữa, chí ít là ở trên dương gian nầy”…

Kitzi òa lên nức nở. Hoàn toàn không đếm xỉa đến cô, Xerơ thận trọng xếp lại các đồ vật, rồi lại khuấy, lại khuấy nữa, lâu hơn lần trước nhiều, cho đến khi Kitzi hơi trấn tĩnh lại và nguôi khóc dần. Qua cặp mắt mờ lệ, cô nhìn trừng trừng sợ hãi, trong khi chiếc roi vung lên lật bật. Rồi Xerơ bắt đầu lẩm nhẩm phải chú ý lắm mới nghe rõ: “Vẻ dư không phải thời may mắn của con bé… độc có một người đàn ông nó yêu… anh ta có đường đi khó khăn dữ… dựng hồn bỉu anh ta tốt nhất là nên biết sự thật… và thôi đừng hy vọng nữa…”.

Kitzi vùng thẳng người dậy, thét lên, lần này khiến Xerơ xáo động cao độ: “Ssuỵt! Ssuỵt! Ssuỵt! Đừng làm hồn kinh động em gái! SSSSSSUỴT! SSSSSSUỴT! SSSSSSUỴT!” Nhưng Kitzi tiếp tục la hét, chạy bổ ra ngoài, lao về lều mình, đóng sầm cửa, trong khi cửa lều bác Pompi bật mở và ông chủ bà chủ Liơ, Malizi và Joóc ló mặt ra

đột ngột ở các cửa sổ đại sảnh và nhà bếp. Kitzi đang vật mình vật mẩy và kêu khóc trên chiếc nệm vỏ ngô thì Joóc sầm sầm chạy vào "Mẹ! Mẹ! Sao thế"? Mặt rúm ró và vằn vèo những ngấn nước mắt, cô điên cuồng thét vào mặt nó: "CÂM MỒM!"

Chương 87

Năm lên ba tuổi, Joóc đã bắt đầu chứng tỏ quyết tâm "giúp đỡ' những người lớn ở xóm nô, "Lạy Chúa chưa nhấc nổi xô mà cứ đòi mang nước cho tui!" Malizi cười nói. Và một lần khác: "Nếu nó không tha từng thanh củi kỳ đến đầy hòm, thì lại cào gio ra khỏi bếp!" Tuy Kitzi lấy thế làm tự hào, cô vẫn nén không nhắc lại những lời khen của cô Malizi với Joóc, cô cảm thấy riêng nó bây giờ đã đủ làm cô đau đầu rồi.

"Làm sao con lại không đen dư mẹ?" một đêm chỉ có hai mẹ con trong lều, nó hỏi vậy và Kitzi nghẹn ngào nói: "Người ta sinh ra ai có màu da người nấy, có thế thôi". Nhưng chỉ ít đêm sau, nó lại nêu vấn đề: "Mẹ ơi, bố là ai? Sao con ứ bao giờ thấy bố? Bố ở đâu?" Kitzi lên giọng nạt nộ: "Mầy có câm cái mồm đi không?" Nhưng mấy giờ sau, cô nằm thao thức bên cạnh con, vẫn còn thấy vẻ mặt bối rối, phật ý của nó; và sáng hôm sau, khi giao con cho Malizi, cô lúng túng thanh minh: "Chỉ tại mẹ mệt, con hỏi mẹ lắm quá".

Song cô biết cần phải nghĩ ra cái gì nghe được hơn để nói với đứa con trai thích tìm hiểu và rất linh lợi của mình, một cái gì nó vừa có thể hiểu được và sẵn sàng chấp nhận. "Người í cao, và đen dư đêm, và chả mấy khi mỉm cười", cuối cùng, cô đề xuất. "Người í là của con cũng dư của mẹ, chỉ có cái là con gọi người bằng ông thôi!" Joóc có vẻ thích thú và tò mò muốn nghe thêm nữa. Cô kể cho nó rằng một con tàu đã chở ông từ châu Phi "đến một nơi gọi là "Nơplix", là mẹ của mẹ biểu thế", rằng một người anh trai ông chủ Uolơ của cô đã mang ông đến một đồn điền ở quận Xpotxilvaniơ, nhưng ông đã tìm cách trốn. Không biết nói thế nào cho đoạn tiếp theo của câu chuyện đỡ khủng khiếp, cô quyết định rút gọn lại… "Và khi ông tiếp tục chạy trốn, họ chặt đứt nửa bàn chân của ông".

Bộ mặt nhỏ xíu của Joóc nhăn lại: "Sao họ làm thế, mẹ?"
"Tại ông suýt giết chết mấy tên đi bắt nhọ".
"Bắt nhọ làm gì?"
"Ờ, dững nhọ đã chạy trốn mà".
"Nhọ trốn ai?".
"Trốn các ông chủ da trắng".
"Các ông chủ da trắng làm gì nhọ?".

Sốt ruột, cô rít lên: "Câm cái mồm mầy đi! Tránh xa tao ra, mầy ngầy ngà tau đến chết!".

Nhưng Joóc không bao giờ chịu im lâu, chừng nào nỗi thèm khát muốn biết thêm về người ông Phi châu của nó chưa được thỏa mãn. "Cái châu Phi í ở đâu mẹ?" "Bên cái châu Phi í, có trẻ con trai không?... "Tên ông của con là gì?".

Vượt qua cả điều cô hy vọng, Joóc như đang tự hình dung ra người ông của mình, và – đến cực hạn sức chịu đựng của mình – Kitzi cố giúp cho hình ảnh đó hoàn chỉnh bằng những chuyện kể rút từ kho ký ức phong phú của cô. "Con trai ạ, mẹ ước sao con có thể nghe ông hát đôi ba bài hát Phi dư vẫn hát cho mẹ nghe khi cưỡi xe ngựa của ông chủ, hồi mẹ còn bé bằng con bi giờ í". Kitzi chợt thấy mình mỉm cười khi nhớ lại những giờ phút sung sướng cô ngồi cạnh bố trên chiếc ghế cao, hẹp của cỗ xe lăn bánh trên những con đường nóng thiêu, bụi bặm ở quận Xpotzylvaniơ; những lần khác cô cùng ông Kunta tay trong tay, bước dọc theo hàng rào dẫn đến con suối, nơi sau đó, cô lại cùng Nâuơ, tay trong tay, dạo gót. Cô nói với Joóc: "Ông con thích nói cho mẹ biết tên các thứ bằng tiếng Phi. Dư cái vĩ cầm, ông gọi là kô, hay con sông là Kămby Bôlôngô, hàng lô dững chữ khác hẳn, nghe ngồ ngộ dư thế". Cô nghĩ cha cô, dù ở đâu, ắt cũng sẽ vui lòng nếu cháu trai của ông cũng biết những từ Phi.

"Kô" Kitzi nói rành rẽ. "Con nói được thế không?"

"Kô" Joóc nói.
"Được, con thông minh lắm: Kămby Bôlôngô!" Joóc lặp lại hoàn toàn đúng, ngay từ lần đầu. Cảm thấy mẹ không muốn tiếp tục, nó đòi hỏi: "Nói thêm con nghe tí nữa, mẹ!" Tràn ngập yêu thương đối với con, Kitzi hứa sẽ kể thêm sau, rồi, mặc cho thằng bé phản đối, cứ đặt nó vào giường.

Chương 88

Khi Joóc lên sáu – có nghĩa là nó phải bắt đầu đi làm đồng – Malizi rầu lòng vì thiếu nó để bạn bầu trong nhà bếp, song Kitzi và Xerơ lại sung sướng vì cuối cùng đã giành lại được nó. Qua ngày làm đồng đầu tiên của Joóc, nó có vẻ thưởng thức cái đó như là một cõi phiêu lưu mới, và họ đưa mắt trìu mến nhìn theo nó chạy lăng xăng, nhặt những hòn đá có thể làm mẻ lưỡi cày của bác Pompi. Nó thoăn thoắt mang cho mỗi người một xô nước uống mát lạnh mà nó hì hụi lấy từ con suối ở đầu đằng kia cánh đồng. Nó còn "giúp" họ trồng ngô nữa. Khi ba người lớn cười vui trước những cố gắng vụng về nhưng cương quyết của nó nhằm sử dụng chiếc cuốc, cán dài hơn cả người nó, Joóc cũng toét miệng ra cười, thể hiện đặc tính hồ hởi của nó. Họ càng cười già khi Joóc nằng nặc bảo bác Pompi là nó cày được, rồi phát hiện ra mình chưa đủ cao để cầm cán cày; nhưng nó liền hét con la: "Đứng dậy!".

Cuối cùng, khi trở về lều vào lúc tối mịt, Kitzi lập tức bắt tay vào nấu ăn vì cô biết Joóc đã đói ngấu. Nhưng một tối, Joóc đề nghị thay đổi cái thông lệ ấy. "Mẹ ạ, mẹ làm vất vả suốt cả ngày rồi. Sao mẹ không nằm nghỉ một tí rồi hẵng nấu nướng". Có lúc, Kitzi thấy như con trai mình đang cố gắng sắm vai người đàn ông mà cô chắc nó cảm thấy trống thiếu trong cuộc sống của cả hai mẹ con. Đôi khi, trong lúc hai mẹ con nằm sắp ngủ, nó thường khiến Kitzi mủm mỉm cười một mình với những hoang tưởng nó tâm sự với cô trong bóng tối. "Con đang đi xuôi con đường cái to í", một đêm, nó thì thầm, "rồi con nhìn lên và con thấy cái con gấu già to tướng tường tương đang chạy… tợ dư nó cao hơn con ngựa… con mới hét ầm lên: "Ông gấu! Này, ông gấu! ông cứ liệu sẵn để tui lộn ông trong ra ngoài, bởi vì rành là ông không có làm đau mẹ tui được đâu".

Thỉnh thoảng, khi không có gì khác hấp dẫn Joóc trong lều, thằng bé sáu tuổi hiếu động ấy bèn nằm dài ra trước lò sưởi. Lấy một cái que bằng ngón tay, vót nhọn một đầu, rồi hơ vào lửa cho cháy đen thành một thứ bút chì, nó vẽ những hình người hoặc thú vật trên một tấm gỗ thông trắng. Mỗi lần nó làm thế, Kitzi gần như nín thở, sợ là sau đó Joóc lại muốn học viết hay học đọc. Nhưng xem ra ý nghĩ đó không hề đến với nó, và Kitzi rất thận trọng không bao giờ nhắc đến chuyện viết hay đọc, điều mà cô cảm thấy đã vĩnh viễn đóng sẹo trên đời mình. Trên thực tế, trong tất cả những năm Kitzi ở đồn điền Liơ, cô chưa lần nào cầm một cái bút mực hay bút chì, một quyển sách hay một tờ báo, cũng như chưa hề nói với ai rằng cô đã từng biết đọc biết viết. Mỗi lần nghĩ đến điều đó, cô lại tự hỏi liệu mình còn đọc, viết được nữa không, nếu vì lý do nào đó, cô cần đến khả năng ấy. Rồi cô lại nhẩm đánh vần trong đầu một số từ mà cô cảm thấy mình còn nhớ chính xác, và, cố gắng tập trung cao độ, cô thử hình dung những từ ấy khi viết ra sẽ như thế nào. Đôi khi cô thèm viết thử nhưng cô vẫn giữ lời nguyện ước với chính mình là sẽ không bao giờ viết nữa.

Còn da diết hơn nhiều so với nỗi nhớ thèm được viết hoặc đọc, Kitzi cảm thấy vắng thiếu tin tức về những điều xảy ra trên thế giới bên ngoài đồn điền. Cô nhớ lại bố mình thường kể những điều tai nghe mắt thấy mỗi lần trở về từ một chuyến đi cùng với mexừ Uolơ. Nhưng bất cứ tin gì bên ngoài đều hầu như là của hiếm ở cái đồn điền nhỏ và cách biệt này, ở đó ông chủ tự mình đánh xe lấy. Xóm nô chỉ phát hiện ra những gì đang diễn biến bên ngoài khi ông chủ, bà chủ Liơ mời khách đến ăn tiệc – đôi khi hàng mấy tháng mới có một lần. Trong một bữa tiệc như vậy vào một chiều chủ nhật năm 1812, Malizi từ trên đại sảnh chạy xuống: "Bi giờ họ đang ăn và tui phải mau chóng trở lại ngay, cơ mà trong í họ đang nói chuyện có cuộc chiến tranh mới đã bắt đầu mấy cái nước Anh nọ! Hình dư là nước Anh đang chở hàng tầu lính sang đây đánh ta!"

"Lính chở sang đây không để đánh tui!" Xerơ nói: "Đấy là người da trắng đánh nhau".

"Họ đánh cuộc chiến này ở đâu?" bác Pompi hỏi và Malizi đáp là chị không nghe nói "Chậc", bác tiếp lời "chừng nào là ở đâu trên miền Bắc, không ở quanh đâu đây, thì chả vấn đề gì đến tui".

Đêm ấy ở trong lều, thằng bé Joóc thính tai hỏi Kitzi "Một cuộc chín tranh là gì hả mẹ?".

Cô nghĩ một lúc trước khi trả lời: "À, chắc là hàng đống người đánh nhau".
"Đánh nhau về cái gì?"
"Đánh nhau về bất cứ cái gì họ thích"
"Thế người da trắng mấy nước Anh kia không thích nhau cái gì?"
"Nhóc con, cắt nghĩa cho mầy thì bao giờ cho cùng?"

Sau một thời gian rất dài không có tin tức gì thêm, trong một buổi tiệc khác ở đại sảnh, Malizi thuật lại: "Họ biểu bọn Anh đã lấy thành phố nào đó trên Bắc gọi là Đitroi. Rồi nữa, mấy tháng sau, chị lại nói ông chủ, bà chủ và

khách khứa đang hoan hỉ bàn tán về "một cái tầu Hạp Sẻng Cuốc gọi là Thiết hạm. Họ biểu nó có bốn bốn khẩu súng đại bác bắn chìm ối tầu Anh!"

"Úi!" Bác Pomi kêu lên. "Thế thì đủ đánh chìm cả tầu của Nôê trong nạn Hồng Thủy!".

Rồi một ngày chủ nhật năm 1814, Joóc "giúp" Malizi trong nhà bếp; nửa chừng nó chạy bay về xóm nô, thở không ra hơi, để truyền đạt một tin mới: "Cô Malizi bỉu nói mấy tất cả cô bác là quân Anh đã đánh tan năm nghìn lính Hạp Sẻng Cuốc, mấy lị đã đốt cả điện Capitôl lẫn tòa Bạch Ốc nữa"
"Lạy Chúa, dững thứ í ở đâu?" Kitzi nói.
"Ở cái thủ đô Oasinhtơn í", bác Pompi nói, "Cách đây cũng xa đấy".

"Chừng nào họ tiếp tục giết lẫn nhau, đốt lẫn nhau thay vì đốt, giết chúng ta!" Xerơ thốt lên.

Thế rồi, cũng năm ấy, vào một bữa tiệc sau nữa, Malizi hối hả đến kể: "Tất cả bọn họ ở trong kia đang hát cái gì nói về dững cái tầu Anh bắn vào một cái pháo đài nhớn gần quanh Baltimo, nói sai, tui là con chó". Và Malizi nửa nói nửa hát lại những gì chị vừa nghe được. Tối muộn hôm ấy, có tiếng động là lạ ở bên ngoài, đám người lớn vội vàng mở cửa lều và đứng ngây ra, kinh ngạc: Joóc cắm một chiếc lông gà tây dài vào mái tóc, đang cao chân bước, vừa đi vừa gõ que vào một quả bầu khô, lớn tiếng hát theo biến cách riêng của mình những điều nó nghe lỏm được từ miệng Malizi: "Ồ, hay! Bạn thấy không trong ánh ban mai… đỏ lừ những vệt trái phá… ôi, cờ lấp lánh sao phất phới… ôi, đất nước của những người tự do, quê hương của những người dũng cảm…"

Một năm nữa, năng khiếu bắt chước của thằng bé trở thành trò tiêu khiển ưa thích của xóm nô và một trong những tiết mục của Joóc được cử tọa yêu cầu nhiều nhất là nhại lại mexừ Liơ. Thoạt tiên, kiểm tra thật chắc chắn là ông chủ không có ở gần đâu đây, rồi lim dim mắt và nhăn mặt, Joóc lè nhè giận dữ: "Bọn nhọ chúng bây không hái cho sạch cánh đồng bông này trước lúc mặt trời lặn thì tất tật cả, không đứa nào được phát khẩu phần mà ăn đâu!" Cười ngặt nghẽo, đám người lớn kháo với nhau: "Các người đã thấy cái gì dư thằng bé này chưa?..." "Tui thì rành là chưa!"… "Nó đúng là một của lạ!" Joóc chỉ cần quan sát bất kỳ ai một loáng là có thể nhại họ một cách hài hước cao độ - kể cả một thực khách ở đại sảnh, một mục sư da trắng mà sau đó ông chủ đã mời đến giảng đạo một buổi ngắn cho các nô lệ bên cây hạt dẻ. Và khi Joóc lần đầu tiên nhìn rõ ông già Mingô bí ẩn luyện gà chọi cho ông chủ, chẳng mấy chốc nó đã bắt chước giống hệt dáng đi cà nhắc của ông cụ. Bắt hai con gà trong sân, nắm thật chặt chân chúng, Joóc đẩy tới đẩy lui thật nhanh như thể con nọ dọa dẫm con kia, đồng thời ứng tác luôn lời đối thoại: "Đồ khốn nạn xấu xa, nom mầy dư loài ó, tau sẽ cào lòi mắt mày ra!" và con kia khinh mạn đáp lại: "Mầy chỉ là một túm lông, không đủ tau ngoạm nửa miếng!".

Sáng thứ bảy sau, theo lệ thường, mexừ Liơ phân phát xuất ăn hàng tuần cho xóm nô, Kitzi, Xerơ, Malizi và bác Pompi đang nghiêm chỉnh đứng trước cửa lều mình để nhận phần, thì xoẹt một cái, Joóc quành góc nhà rượt theo một con chuột, rồi hãm phắt lại, suýt nữa đâm sầm vào ông chủ. Mexừ Liơ buồn cười, giả giọng cọc cằn: "Mầy làm gì ở đây để đáng được chia khẩu phần, nhóc con?" Bốn người lớn thiếu nước bổ chửng khi thằng bé Joóc chín tuổi đầu, bành vai ra ngay ngắn một cách tự tin và nhìn thẳng vào mắt ông chủ, tuyên bố: "Cháu làm việc trên đồng của mexừ, mấy lị cháu giảng đạo, mexừ!" Sửng sốt, mexừ Liơ nói: "Ờ, vậy thì mầy giảng đạo nghe nào!" Với năm cặp mắt dán vào nó, Joóc lùi lại đằng sau một bước và giáo đầu: "Đây là cái ông cha cố da trắng mexừ đưa đến đây hôm nọ…" rồi bất thình lình nó đập cánh tay và dằn tiếng, dữ dội: "Nếu ngờ là bác Pompi đã lấy lợn của ông chủ, thì phải thưa ông chủ! Nếu trông thấy cô Malizi lấy bột của bà chủ thì phải thưa bà chủ! Bởi vì các con đều là loại nhọ tốt cả và làm tốt với ông chủ, bà chủ tốt của các con, nên khi chết, có thể tất cả các con sẽ được vào bếp nhà trời!"

Mexừ Liơ cười gập đôi người ngay cả trước khi Joóc nói hết – thế là, miệng lấp lánh hai hàm răng trắng khỏe, thằng bé cất giọng hát một trong những ca khúc ưa thích của cô Malizi: "Chính con, chính con, ôi lạy Chúa, chính con đây đang cần cầu nguyện! Không phải mẹ con, không phải cha con, mà là con, ôi lạy Chúa, đang cần cầu nguyện! Không phải cha truyền giáo, không phải thầy trợ tế, mà con đây, ôi lạy Chúa đang cần cầu nguyện!"

Không ai trong đám người lớn từng thấy mexừ Liơ cười tợn thế. Mê mẩn, y vỗ vai Joóc: "Lỏi con, mày muốn giảng đạo ở quanh đây lúc nào cũng được!" Bỏ cái rổ đựng khẩu phần lại cho họ chia nhau, ông chủ quay trở về đại sảnh, vai rung rung, chốc chốc ngoái lại liếc nhìn Joóc đang đứng đó nhe răng cười sung sướng.

Mấy tuần sau, mùa hè ấy, sau một chuyến đi, mexừ Liơ trở về mang theo hai cái lông công dài. Sai Malizi ra đồng gọi Joóc về, y dặn dò thằng bé thật cẩn thận, làm sao để hai chiếc lông phe phẩy qua lại đằng sau các vị khách y sẽ mời tới dự tiệc vào chiều chủ nhật sau.

“Rõ làm bộ làm tịch, cố ra vẻ ta đây là phú hộ da trắng!” Malizi mỉa mai vậy sau khi kể lại cho Kitzi nghe những lời bà chủ Lio dặn dò thằng bé phải tắm rửa kỳ cọ thật sạch sẽ, mặc quần áo mới giặt, hồ bột và là tươm tất để lên đại sảnh. Joóc rất hồi hộp phấn khởi về vai trò mới của mình và về tất cả sự chú ý – kể cả của ông chủ bà chủ - đổ dồn vào nó, đến nỗi nó phải chật vật lắm mới tự chủ nổi.

Khách khứa còn đang ở trong đại sảnh, Malizi đã lẻn khỏi nhà bếp, chạy đến xóm nô, không nén nổi lâu hơn nữa nỗi nôn nóng muốn thuật chuyện lại cho đám cử tọa đang hồi hộp chờ. “Tui nói để tất cả các người nghe, cái thằng nhãi í thật quá lắm!” Rồi chị tả Joóc vẫy hai cái lông công, “vặn vạo cổ tay, mình cúi tới cúi lui, lại điệu bộ hơn cả ông chủ bà chủ nữa cơ! Và sau khi đế-xe, mexừ đang rót rượu vang thì tợ dư vụt nghĩ ra, bèn nói: “Ê, lỏi con, giảng đạo chúng ta nghe tí nào!” Tui xin tuyên bố tui tin là thằng bé có hành nghề thật! Là vì vụt một cái nó yêu cầu ông chủ đưa cho nó quyển sách nào đó làm Kinh Thánh và ông chủ lấy cho nó. Lạy Chúa! Thằng nhãi nhảy tót lên chiếc ghế để chân có hình thêu đẹp nhất của bà chủ! Chao, nó thuyết giáo mà sáng bừng cả phòng ăn! Rồi chẳng chờ ai yêu cầu, nó bắt đầu hát váng lên. Đúng lúc í, tôi chạy ra đây”. Chị lại ù té về đại sảnh, để mặc Kitzi, Xerơ và bác Pompi vừa lắc đầu, vừa tủm tỉm cười, tự hào mà vẫn còn ngờ ngợ.

Joóc thành công đến mức mỗi chiều chủ nhật đi chơi xe ngựa với mexừ Lio về, bà chủ lại nói với Malizi là các khách dự tiệc hôm trước, hễ gặp họ, bao giờ cũng hỏi về Joóc. Sau một thời gian cả cái bà chủ Lio bình thường vốn trầm lặng, cũng nói lên sự mê thích của mình đối với nó, “Và Chúa biết là bà í chả bao giờ ưa nhọ!” – Malizi thốt lên. Dần dà, bà chủ Lio kiếm những việc vặt cho Joóc làm ở trong hoặc quanh đại sảnh, cho đến khi nó mười một tuổi thì Kitzi cảm thấy có đến quá nửa thời gian, nó không ở ngoài đồng với bọn họ nữa.

Và do bữa tiệc nào cũng phải ở trong phòng ăn, phe phẩy đuôi công, nghe đám người da trắng trò chuyện, nó bắt đầu lượm được nhiều tin hơn Malizi mọi khi, vì chị cứ phải chạy đi chạy lại giữa phòng ăn và nhà bếp. Lát sau khi các thực khách ra về, Joóc hãnh diện kể lại tất cả những gì nó nghe được cho những cái tai ngong ngóng ở xóm nô. Họ ngạc nhiên khi biết một vị khách nói rằng “cơ chừng ba nghìn nhọ tự do từ vô khối chỗ khác nhau đã họp mít tinh lớn ở Philađelphiơ. Ông da trắng í bỉu các nhọ đã gửi một nghị quết gì đó đến tổng thống Mađixơn nói rằng cả nhọ nô lệ lẫn nhọ tự do đều góp phần xây dựng đất nước này, cũng dư góp sức đánh mọi cuộc chiến tranh của nó, mới lị Hạp Sẻng Cuốc không phải dư nó vỗ ngực tự xưng nếu không có phần phước lành của dân nhọ”. Và Joóc nói thêm: “Ông chủ bỉu bất kỳ thằng ngu nào cũng thấy là cần phải tống cổ bọn nhọ tự do ra khỏi nước!”

Joóc thuật lại trong một bữa tiệc sau, “các người da trắng tức điên lên đến nỗi hóa đỏ”, trong khi bàn tán những tin tức gần đây về những cuộc nổi loạn lớn ở miền tây Inđi. “Lạy Chúa, các cô bác phải nghe họ ngồi trong í kể chuyện các thủy thủ nói là dân nhọ nô lệ ở Tây Inđi đốt mùa màng, nhà cửa, lại cả đánh đập, chặt đầu, treo cổ dững người da trắng trước là các ông chủ của họ nữa cơ!”

Một ngày chủ nhật năm 1818, Joóc thuật lại là “có cái gì mà khách khứa gọi là “Hội thục địa Mĩ” nó đang tìm cách chở nhiều tàu nhọ tự do đến một cái vùng “Libêria” ở châu Phi í. Các người da trắng cười giễu bọn nhọ tự do bị phỉnh là cái đất Libêria í có dững cây thịt lợn sấy rủ xuống từng lát từng lát dư lá, mới lị những cây rượu chỉ việc cắt là chảy ra tha hồ uống!” Joóc nói: “Ông chủ, riêng về phần mình, cam đoan rằng họ có thể đưa nhọ tự do xuống tầu khá nhanh!”.

“Hùm!” Xerơ khịt một cái: “Tau dất khoát không có đi đến cái châu Phi đầy dững nhọ trên cây dư khỉ cả một lũ…”
“Chị nghe đâu ra chuyện í?” Kitzi gay gắt hỏi. “Bố tui gốc ở châu Phi mà dất khoát bố chả bao giờ ở trên cây nào cả!”
Bất bình nhưng sững sờ, Xerơ ấp úng: “Ờ, tất thảy mọi người nhớn lên đều nghe nói thế!”.
“Đừng có chữa”, bác Pompi nói, lừ mắt nhìn chị. “Chả có tầu nào thèm đưa nhà chị đi đâu, nhà chị nào phải nhọ tự do”.

“Này, tui có là thế, tui cũng chả đi!” Xerơ sẵng giọng, lắt lư đầu và nhổ một tia bã thuốc màu hổ phách xuống lớp bụi, lúc này chị bực cả với bác Pompi lẫn Kitzi và cố tình không thèm chúc hai người ngủ ngon khi cuộc tụ họp nhỏ giải tán, ai về lều người nấy. Về phần mình, Kitzi cũng sôi máu không kém trước thái độ dè bỉu của Xerơ dính đến cả người cha thông tuệ, đầy phẩm cách cứng rắn của cô cùng quê hương châu Phi yêu dấu của ông.

Cô vừa ngạc nhiên vừa hài lòng phát hiện thấy cả đến Joóc cũng bực về cái điều nó cảm thấy như nhạo báng người ông gốc Phi của mình. Tuy xem vẻ như ngại ngùng không dám nói, nó vẫn không nhịn được. Nhưng cuối cùng khi nó phát biểu, cô thấy cái chính là nó e tỏ ra bất kính: “Mẹ à, tợ dư bác Xerơ nói cái gì í không phải thế, phải không mẹ!”
“Đúng đấy”, Kitzi nhiệt liệt tán thành.

Joóc ngồi im một lúc rồi lại nói: "Mẹ" nó ngập ngừng, "hay là mẹ có thể kể thêm chút xíu về ông cho con nghe được không?"

Kitzi cảm thấy trào lên một niềm hối tiếc là trong mùa đông trước, cô đã cáu tiết vì những câu lục vấn bất tận của Joóc trong một đêm, đến nỗi cô đã cấm nó không được hỏi thêm gì về ông ngoại nữa. Giờ đây, cô dịu dàng nói: "Hàng bao nhiêu lần mẹ đã cố moi óc xem còn có gì về ông mà mẹ chưa kể cho con và xem chừng chả còn gì nữa…" Cô dừng một lát. "Mẹ biết con chả quên cái gì dưng mà nếu con biểu thế, thì mẹ sẽ kể lại bất kỳ đoạn nào".
Joóc lại im lặng một lúc, "Mẹ à", nó nói, "có một lần mẹ bảu con là mẹ cảm thấy điều ông lưu tâm nhất là kể cho mẹ nghe các cái thứ của châu Phi…"
"Phải, hình dư đúng thế, khối lần", Kitzi đăm chiêu nói.

Sau một lát im lặng nữa, Joóc nói: "Mẹ à, con đang nghĩ. Giống dư mẹ đã làm mấy con, về sau con cũng kể cho các con con về ông". Kitzi mỉm cười, thật điển hình là thằng con trai khác thường của cô: mới mười hai tuổi đầu đã bàn đến chuyện con cái mai sau.

Do sự sủng ái không ngừng tăng lên của ông chủ, bà chủ đối với Joóc, nó ngày càng được tự do thoải mái mà không cần sự cho phép chính thức của họ. Thi thoảng đặc biệt vào những chiều chủ nhật khi họ đi chơi bằng xe ngựa, nó tự ý lang thang đây đó, đôi khi hàng tiếng đồng hồ, để mặc những người lớn trong xóm nô nói chuyện với nhau, trong khi nó tò mò thám hiểm mọi xó xỉnh của đồn điền Liơ. Một ngày chủ nhật như thế, nó trở về vào lúc sắp sẩm tối và nói với Kitzi rằng nó đã bỏ cả buổi chiều đến thăm ông lão trông nom đàn gà chọi của ông chủ.

"Con giúp ông í bắt một con trống to tướng bị xổng, rồi sau đó con mấy ông cụ í nói chuyện. Mẹ à, con thấy ông í không kỳ cục dư mọi người nói đâu. Mới lị con chưa bao giờ thấy dững con gà dư thế! Dững con thế mà ông í bảu vuỗn chưa nhớn, nó cứ quang quác và nhảy chồm chồm trong chuồng, tìm cách xông vào nhau để chọi! Ông già để cho con nhặt ít cỏ cho bọn nó ăn, và con làm thế. Ông í bảu ông í nuôi gà còn vất vả hơn phần đông các bà mẹ nuôi con!" Kitzi nghe vậy cũng hơi tự ái một chút song cô không phản ứng gì, cô cũng vui vui thấy con trai hào hứng thế về mấy con gà. "Ông í bày cho con cách xoa bóp lưng, cổ và chân gà cho nó chọi hay nhất!"

"Tốt hơn là con tránh xa chỗ í ra, bé ạ!" cô dè chừng. "Con biết ông chủ không cho phép ai ngoài ông già í dính dáng với lũ gà đấy!"

"Bác Mingô bảu bác í sẽ xin ông chủ cho con đến đấy giúp bác í cho gà ăn!"

Sáng hôm sau, trên đường ra đồng, Kitzi kể cho Xerơ nghe chuyện phiêu lưu mới của Joóc. Xerơ bước tiếp, trầm ngâm rồi chị nói: "Ta biết cô chả muốn ta đoán số thêm cho cô nữa, nhưng dù sao ta cũng cứ nói chút xíu về Joóc". Chị ngừng một lát. "Nó chẳng bao giờ thành dư mọi người gọi là nhọ bình thường! Nó bao giờ cũng đi vào cái gì mới và khác thường chừng nào nó còn thở hít".

Chương 89

"Thưa ông chủ, cung cách nó tợ dư là con nhà gia giáo và xem ra nó khéo tay đấy", bác Mingô nói vậy, kết luận sự mô tả của bác về thằng bé sống ở xóm nô mà bác quên không hỏi tên.

Khi mexừ Liơ lập tức đồng ý cho thử thằng bé, bác Mingô rất hài lòng – vì từ nhiều năm, bác đã cần một người giúp việc – nhưng thực ra, không lấy gì làm ngạc nhiên. Bác biết rất rõ là ông chủ đang lo về nỗi người luyện gà của mình đã cao tuổi, sức khỏe không bảo đảm nữa; năm, sáu tháng qua bác đã bị những cơn ho tệ hại, càng ngày càng hay xảy ra. Bác cũng biết ông chủ đã hoài công tìm một nô lệ trẻ có triển vọng thành "huấn luyện viên" tập sự ở chỗ các chủ gà khác quanh vùng, tất nhiên là đám này chả có bụng nào muốn giúp y. "Nếu tôi có thằng trai trẻ nào tỏ ra có chút khả năng", ông chủ kể với bác là có người đã bảo y vậy, "ông nên biết là chả dại gì bán nó đi. Với lão già Mingô nhà ông luyện nghề cho nó, tôi thấy trước là năm, mười năm nữa, nó lại giúp ông thắng tôi!" Nhưng có lẽ lý do chính khiến mexừ Liơ nhanh chóng đồng ý – bác Mingô biết thế - là mùa chọi gà hàng năm của quận Caxuel chẳng bao lâu nữa sẽ mở màn với cuộc đấu "chủ chốt" và nếu có thằng bé cho gà non ăn, chỉ cần chừng ấy thôi, bác Mingô sẽ có thể dành nhiều thì giờ hơn vào việc rèn cặp những con hai năm vừa mới trưởng thành.

Vào buổi sáng ngày đầu tiên học nghề của Joóc, bác Mingô dạy nó cách cho đám gà con ăn, gồm mấy chục con nhốt trong nhiều chuồng, mỗi chuồng chứa những con sàn sàn lứa tuổi và tầm vóc như nhau. Thấy thằng bé thực hiện nhiệm vụ thử thách ấy một cách khả quan, ông lão bèn để nó cho "gà tơ" ăn, lứa này già dặn hơn, tuy chưa đầy một năm nhưng đã tìm cách chọi nhau từ các chuồng ba góc của chúng, trong những đường dích-dắc của một hàng rào song sắt ngăn chia. Qua những ngày tiếp theo, bác Mingô thực tế ốp Joóc chạy ngược chạy xuôi, cho gà ăn ngô tấm, yến mạch lứt, vỏ sò, than, và mỗi ngày ba lần thay nước suối trong những hộp thiếc.

Joóc không bao giờ tưởng tượng mình có thể cảm thấy sợ gà - đặc biệt là những con trống nòi đang bắt đầu mọc cựa và phát triển màu lông, chúng vênh vênh đi đi lại lại, không biết sợ là gì, mắt long lanh thách thức. Những lúc không bị bác Mingô trực tiếp giám sát, Joóc thỉnh thoảng lại cười to khi thấy mấy con trống tơ đột nhiên ngật đầu ra đằng sau, cất giọng cổ ọ ẹ kêu như đang cố đua với tiếng kêu khàn khàn của những con lão tướng sáu, bảy năm; mỗi con đều mang những vết sẹo của nhiều trận giao tranh đã qua – mà bác Mingô gọi là "gà mồi" và bao giờ cũng tự tay cho ăn. Joóc hình dung mình là một con trống tơ và bác Mingô là một con thuộc loại lão tướng.

Ít nhất mỗi ngày một lần, khi mexừ Liơ phi ngựa xuôi theo con đường cát vào khu luyện gà, Joóc cố hết sức lấn né, vì nó đã mau chóng cảm thấy ông chủ đối với nó lạnh nhạt đi biết mấy. Joóc đã nghe thấy cô Malizi bảo là ông chủ thậm chí không cho phép cả bà chủ đến chỗ nuôi gà của mình, nhưng bà ta cam đoan rằng đó là việc bà kỵ nhất. Ông chủ và bác Mingô thường đi quanh kiểm tra các chuồng gà, bao giờ bác Mingô cũng giữ đúng cự ly tụt lại sau một bước đủ gần để nghe thấy và trả lời mọi điều ông chủ nói giữa những tiếng quang quác của bầy gà mồi hoảng sợ. Joóc nhận thấy ông chủ nói năng gần như thân ái với bác Mingô, trái ngược hẳn với cung cách cộc cằn và lạnh lùng của ông ta đối với bác Pompi, cô Xerơ và mẹ nó, vốn chỉ là đám lao công làm đồng. Thi thoảng, khi cuộc đi tua kiểm tra đưa họ tới khá gần chỗ Joóc đang làm, nó thường nghe hóng được những điều họ nói: "Mingô này, tôi định mùa này đưa ba mươi con ra chọi, cho nên ta phải mang từ bãi thả về nhập chuồng khoảng sáu mươi con hay hơn nữa", một hôm ông chủ nói vậy.

"Vâng, mexừ. Đến lúc ta chọn lọc thì phải có hẳn bốn chục con được luyện tốt".

Mỗi ngày, đầu Joóc lại ních thêm những câu hỏi, nhưng nó cảm thấy tốt nhất là đừng nên hỏi bác Mingô cái gì nó không có phận sự phải biết. Bác Mingô đạt được một điểm trong cảm tình của thằng bé do chỗ bác có thể giữ mồm giữ miệng không ba hoa, vì những người chơi gà chọi khôn ngoan thường giữ kín nhiều bí quyết. Đồng thời, đôi mắt nhỏ, nhanh nhẹn, lác xệch lác xẹo của bác không bỏ sót một chi tiết nào trong cách Joóc thực hiện công việc của mình. Bác dụng ý ra lệnh rất ngắn gọn, rồi mau lẹ đi khỏi để thử xem thằng bé có thể nắm và nhớ những lời căn dặn nhanh và tốt đến mức nào; bác Mingô hài lòng thấy phần lớn các công việc chỉ cần phải bảo Joóc có một lần.

Sau một thời gian, bác Mingô nói với mexừ Liơ là bác đồng tình với sự chăm nom và chú ý của Joóc đối với bầy gà – nhưng bác thận trọng dè dặt: "Chí ít trong chừng mực tui có thể "bắt biểu" trong quãng thời gian ngắn này, thưa ông chủ".

Bác Mingô hoàn toàn không ngờ đến câu trả lời của mexừ Liơ: "Tôi đã nghĩ là lão cần thằng bé ở đây suốt. Lều của lão không đủ to, nên lão hãy cùng nó dựng một cái lán đâu đó để nó luôn gần kề lão". Bác Mingô thất kinh trước

cái triển vọng có một kẻ nào đó đột nhiên xâm nhập hoàn toàn nỗi riêng tư mà chỉ có bác và bầy gà chia sẻ với nhau trong hơn hai mươi năm trời, song bác không công khai nói lên ý kiến bất đồng nào.

Sau khi ông chủ đi khỏi, bác nói với Joóc bằng một giọng cáu bẳn: "Ông chủ biểu tau cần mầy ở đây suốt. Tau chắc ông í biết cái gì tau không biết".
"Dạ", Joóc nói, cố giữ vẻ mặt tỉnh bơ. "Dưng mà cháu sẽ ở đâu, bác Mingô?".
"Ta sẽ dựng cho mầy một cái lán".

Dù rất khoái bầy gà chọi và bác Mingô, Joóc biết như vậy có nghĩa là chấm dứt thời kỳ thú vị của nó ở đại sảnh phe phẩy lông công và giảng đạo mua vui cho ông chủ, bà chủ cùng khách khứa. Ngay cả bà chủ Lio cũng mới bắt đầu tỏ ra ưa nó. Và nó nghĩ đến những thức ngon lành mà nó sẽ không còn được cô Malizi cho ăn ở trong bếp nữa. Nhưng cái phần gay go nhất trong chuyện rời bỏ xóm nô, là việc báo tin này cho mẹ nó.

Kitzi đang ngâm đôi bàn chân mệt rã rời trong một chậu nước nóng thì Joóc bước vào, mặt u ám khác thường: "Mẹ, có cái con phải nói mấy mẹ".
"Chà, tau chặt phát cả ngày, mệt rũ ra thế này, chả muốn nghe gì thêm về gà qué đâu, nói để mầy biết thế!"
"À, không hẳn đúng là thế". Nó hít một hơi thật sâu. "Mẹ, ông chủ bầu con mấy bác Mingô dựng một cái lán và chuyển con xuống đấy".
Kitzi chồm dậy, làm bắn ít nước ra khỏi chậu, tưởng chừng như sắp nhảy bổ vào Joóc: "Chuyển mầy làm gì? Mầy cứ ở đây, chỗ trước nay vẫn ở, thì có việc gì?".

"Không phải việc của con, mẹ ạ! Ấy là ông chủ!" Nó bước lùi, né khỏi cơn thịnh nộ trên mặt mẹ, giọng ré lên: "Con không muốn rời mẹ đâu!"
"Mầy chưa đủ nhớn để chuyển đi đâu! Tau cuộc là tại cái lão nhọ già Mingô í xui ông chủ thế!".
"Không phải, bác í không xui đâu, mẹ! Là vì con dám chắc bác í cũng không thích thế! Bác í không thích có ai quanh bác í suốt. Bác í bầu con bác thà ở một mình". Joóc ước sao có thể nghĩ ra điều gì để nói cho mẹ yên tâm. "Vả dư ông chủ đang tốt mấy con, mẹ ạ. Ông í đối xử bác Mingô mấy con tử tế, không dư mấy dững người làm đồng…" Quá muộn, nó nuốt ực một cái, chợt nhớ ra mẹ mình cũng là người làm đồng. Cô túm lấy Joóc lắc lấy lắc để như mớ giẻ, mặt rúm ró vì ghen tức và cay đắng, miệng rít lên: "Ông chủ thiết gì mầy. Ông í có thể là cha mầy, dưng mà ông í chả thiết gì ngoài lũ gà".

Cô cũng sửng sốt gần bằng nó vì những gì cô vừa nói.
"Đúng thế! Và mầy biết thế cũng tốt thôi vì mầy đang tưởng ông í cho mầy ân huệ dư vầy! Ông chủ chỉ muốn mỗi điều là mầy giúp cái lão nhọ điên rồ í chăm nom lũ gà mà ông í tưởng sắp làm giàu cho ông í!"
Joóc đứng lặng người.

Cô vung cả hai nắm đấm nện Joóc thùm thụp: "Thế mầy còn lảng vảng quanh đây làm gì?". Quay người lại, cô vớ lấy mấy thứ quần áo ít ỏi của nó, ném về phía nó. "Cút! xéo ra khỏi cái lều nầy!"

Joóc đứng đó như bị rìu bổ. Cảm thấy nước mắt dâng lên và sắp trào ra, Kitzi chạy khỏi lều và lao về phía lều Malizi.

Nước mắt Joóc chảy từng giọt trên mặt. Sau một lúc, không biết nên làm gì khác nó nhét mớ quần áo ít ỏi của mình vào một cái túi và thất thểu quay lại con đường đi xuôi về khu gà chọi. Nó ngủ cạnh một chuồng gà tơ lấy cái túi kê làm gối.

Trước lúc rạng đông, bác Mingô quen dậy sớm thấy nó ngủ ở đó và đoán được chuyện gì đã xảy ra. Suốt ngày hôm đó, bác đi trệch khỏi lệ thường, tỏ ra dịu dàng với thằng bé trong khi nó lặng lẽ thui thủi làm nhiệm vụ.

Trong hai ngày dựng cái lán nhỏ, bác Mingô bắt đầu nói với nó như thể bây giờ bác mới thực sự nhận ra sự có mặt của Joóc vậy. "Nhỏ ạ, cuộc đời này rồi phải là dững con gà nầy cho đến khi nó dư gia đình mầy vậy", một buổi sáng, bác nói độp một cái – đó là điều trước nhất bác muốn in sâu vào tâm trí nó.

Nhưng Joóc không trả lời. Nó không thể nghĩ đến cái gì khác ngoài điều mẹ nó đã nói với nó. Ông chủ nó lại là bố nó. Bố nó là ông chủ nó. Nó không thể chọn lối nào trong hai ứng xử ấy.

Khi thấy thằng bé vẫn không nói gì, Mingô lại lên tiếng. "Tau biết dững nhọ đằng kia nghĩ rằng tau kỳ cục"… Bác ngập ngừng, "Tau đồ là tau có thể"… Rồi bác im.

Joóc hiểu ra là bác Mingô chờ đợi nó trả lời. Nhưng nó không thể thừa nhận rằng đó đích xác là những điều nó đã nghe được về ông lão. Cho nên nó hỏi cái câu đã nằm trong óc nó từ hôm đầu tiên đến thăm: "Bác Mingô, sao dững con gà nầy lại không dư mọi con khác!".
"Mầy nói về dững con gà thuần, chỉ biết ăn", bác Mingô nói, vẻ khinh bỉ. "Dững con ở đây gần tợ dư trở về rừng rú mà ông chủ biểu là ngày xưa bọn nó ở đấy. Thật thế, tau tin nếu quăng một con gà này vào rừng, nó sẽ chỉ đánh nhau đoạt lấy dững con mái và giết bất kỳ con trống nào khác, y dư thể nó chưa bao giờ ra khỏi rừng vậy".

Joóc có những câu hỏi khác nó đã tích lũy sẵn để nêu ra, song nó khó có dịp mở miệng một khi bác Mingo đang đà câu chuyện. Bất cứ con gà chọi nhép nào chưa đến giai đoạn trai tơ mà đã gáy đều phải bẻ ngoéo cổ ngay, bác nói, bởi vì gáy sớm quá là một dấu hiệu chắc chắn về sự hèn nhát sau này. "Dũng con gà nòi thật ra khỏi trứng đã mang trong máu chất chọi của cha ông. Ông chủ biểu ngày xưa một người mấy bầy gà chọi của mình cũng dư một người mấy lũ chó của mình bi giờ. Dưng mà dững con gà nầy mang trong mình nhều chất ẩu đả hơn là chó, hay bò tót, hay gấu, hay ói người lền ông ta! Ông chủ biểu đến cả vua và tổng thống cũng chơi gà chọi, vì đấy là thể thao lớn nhất!"

Bác Mingô để ý thấy Joóc đăm đăm nhìn những sẹo nhỏ, tái nhợt nhằng nhịt trên làn da đen của bàn tay, cổ tay, cánh tay bác. Đi về lều, lát sau bác trở lại với một đôi cựa thép cong cong, đầu nhọn như mũi kim. "Khi nào mầy bắt đầu xử gà, tay mầy rồi cũng dư tay tau thôi, trừ phi mày hết sức cẩn thận", bác Mingô nói và Joóc hồi hộp nghĩ rằng hình như ông lão suy tính đến chuyện một ngày kia có thể để nó lắp cựa cho gà chọi của ông chủ.

Tuy nhiên, suốt những tuần sau, có những khoảng thời gian dài bác Mingô chẳng chuyện trò gì mấy, vì đã hàng bao năm, bác không nói với ai ngoài ông chủ và lũ gà chọi. Nhưng rồi càng quen với sự có mặt của Joóc ở bên mình – và nghĩ về thằng bé như người giúp việc của mình – bác càng hay phá vỡ yên lặng của mình để bảo ban nó – hầu như bao giờ cũng đột ngột – về một điều gì mà bác cảm thấy có thể giúp Joóc hiểu được rằng chỉ có những con gà chọi được nuôi dạy vào nề nếp và huấn luyện tuyệt vời nhất mới có thể trăm trận trăm thắng và kiếm tiền về cho mexừ Lio được.
"Ông chủ chả sợ ai trong sân chọi", một đêm, bác Mingô bảo nó. "Thật tế, ông í thích đấu mấy các ông chủ giầu sụ có thể nuôi dững bầy hàng nghìn con gà để có thể chọn ra hàng trăm con hay nhất đem chọi mỗi năm. Mầy thấy chúng ta chả có bầy to, dưng ông chủ vuốn thắng dững tay giàu ói lần. Dững tay này không thích là vì ông í xuất thân là cánh-cơ nghèo rồi ngoi lên giới thượng lưu. Cơ mà, có kha khá gà thật hay, mấy lị kha khá may mắn, ông chủ có thể phất lên giầu xụ dư họ"… bác Mingô liết mắt nhìn Joóc. "Mầy nghe thấy tau không, nhỏ? Ói người không hiểu là có thể kiếm được bao dêu tền trong chọi gà. Tau biết chắc một điều là nếu ai cho tau chọn một cánh đồng bông hoặc thuốc lá trăm sào hay một con gà chọi thật hay, thì bao giờ tau cũng lấy con gà. Cả ông chủ cũng thế. Bởi vậy nên ông í mới không bỏ tiền mua hàng lô đất lớn hoặc làm chủ bầy lớn nhọ".

Đến năm Joóc mười bốn tuổi, nó mở đầu những ngày nghỉ chủ nhật bằng việc thăm viếng gia đình xóm nô của mình mà nó cảm thấy bao gồm cả các cô bác Malizi, Xerơ và Pompi tới mức độ không kém mẹ đẻ nó. Ngay cả sau ngần nấy thời gian, nó vẫn phải nói cho mẹ yên tâm rằng nó không hề giận về cái cách mẹ nói cho nó biết ai là bố nó. Nhưng nó vẫn nghĩ nhiều về bố nó, tuy không bao giờ bàn chuyện đó với ai, nhất là ông chủ. Mọi người ở xóm nô, giờ đây, rõ ràng là đều nể vì cương vị mới của nó, mặc dầu vẫn cố làm như không phải thế.
"Trước tau quấn tã cứt cho cái đít dơ của mầy, bi giờ tau mà bắt được mầy làm bộ làm tịch, tau vuỗn xéo mầy ngay được trong giây phút!". Một sáng chủ nhật, Xerơ thốt lên, giả bộ dữ tợn một cách đầy thương mến.

Joóc nhe răng cười: "Không đâu cô Xerơ ạ, cháu chả làm bộ làm tịch gì sất".

Nhưng tất cả bọn họ đều mỏi mòn vì tò mò muốn biết những điều bí mật xảy ra dưới khu cấm, nơi nó ở với bày gà chọi. Joóc chỉ kể cho họ nghe những điều có tính chất thông lệ. Nó bảo là nó đã thấy gà chọi giết chết một con chuột lớn, đuổi một con mèo chạy mất, thậm chí tấn công cả một con cáo. Nhưng, theo nó kể, gà mái chọi có khi còn hung hơn trống và thi thoảng cũng gáy như trống. Nó nói ông chủ rất cảnh giác với bọn xâm nhập vì ngay đến trứng của giống gà quán quân, nếu đánh cắp được, cũng cao giá ra trò, chưa nói gì đến bản thân những con gà mà bọn kẻ trộm có thể dễ dàng mang sang bang khác để bán, hoặc thậm chí đem chọi kiếm lợi cho bản thân chúng. Khi Joóc nói bác Mingô kể là mexừ Juét, một tay đại phú chơi gà chọi, đã trả tới ba nghìn đôla một con gà, cô Malizi kêu trời lên: "Lạy Chúa, mua ba, bốn nhọ không đắt bằng một con gà í!"

Sau khi nói chuyện thả cửa với họ, cứ khoảng đầu giờ chiều chủ nhật, Joóc lại bắt đầu bồn chồn, rạo rực. Và thoáng chốc, nó lại hối hả trở xuôi con đường cát về với lũ gà của nó. Chậm bước lại khi đi qua những chuồng nằm dọc theo đường, nó bứt đám cỏ xanh non mơn mởn, ném vào mỗi chuồng một nắm và đôi khi đứng lại một lát, thích thú nghe những tiếng "cục, cục" thỏa mãn của những con trống tơ đang nghiến ngấu nuốt. Bọn này giờ được khoảng một năm, đang tới độ lông, cánh đầy đủ, óng ả, mắt rực lửa và bước vào giai đoạn đột ngột gáy oang lên và

cay cú hục hặc tìm cách đá nhau. “Ta làm sao rèn bọn nó để đưa ra bãi thả, bắt đầu đạp mái, càng mau càng tốt”, cách đây không lâu bác Mingô đã bảo thế.

Joóc biết điều đó sẽ xảy ra vào lúc bọn trống đã thả bãi đủ mức trưởng thành được đưa vào bồi dưỡng và huấn luyện chuẩn bị cho mùa chọi tới.

Sau khi thăm thú bọn gà tơ, Joóc thường dùng còn phần còn lại của buổi chiều để tha thẩn xuống quá phía cuối đường, vào đám rừng thông, nơi có những bãi thả. Thi thoảng nó nhìn thấy một con trống trưởng thành cai quản một bầy mái một cách hoàn toàn tự do phóng túng. Nó biết ở đấy có vô khối cỏ, hạt, châu chấu, cào cào và các côn trùng khác cùng với những sỏi nhỏ, tốt cho bộ diều của chúng và nước ngọt, trong mát dồi dào, muốn bao nhiêu cũng có, từ nhiều nguồn suối tự nhiên trong rừng.

Một buổi sáng rét run người đầu tháng mười một, khi mexừ Lio đi xe la tới, bác Mingô và Joóc đang đợi cùng với những con gà tơ gáy ỏm tỏi, chí chóe mổ, đã được tập trung vào những rọ mây đậy kín. Sau khi chất lên xe, Joóc giúp bác Mingô bắt con gà mồi già mình đầy sẹo, miệng quang quác mà bác cưng nhất.

“Nó y hệt như lão, Mingô ạ”, mexừ Lio cười nói. “Nó làm hết phận sự chiến đấu và nuôi dậy trong thời trai trẻ rồi. Giờ chẳng còn thích hợp với việc gì khác ngoài ăn và gáy!”.
Nhăn răng cười, bác Mingô nói: “Tui bi giờ hồ dư cũng chả gáy gì nữa, ông chủ ạ”.

Bởi lẽ Joóc kính nể bác Mingô cũng ngang mức nó sợ ông chủ, nên nó vui sướng thấy cả hai ở một tâm thế hồ hởi hiếm có như vậy. Rồi bộ ba trèo trên xe la, bác Mingô ôm con gà mồi ngồi cạnh ông chủ, còn Joóc lắc lư cuối xe, đằng sau những rọ gà.

Cuối cùng mexừ Lio dừng xe ở một quãng sâu trong rừng thông. Ông ta và bác Mingô nghiêng nghé đầu, thận trọng lắng nghe. Rồi bác Mingô nói khẽ: “Tui nghe thấy bọn nó ở đằng sau kia!” Bỗng bác đột ngột phùng má, thổi mạnh vào đầu con gà mồi già và nó vội gáy thật lực.
Mấy giây sau, từ lùm cây, vọng lên một loạt tiếng gáy to, và con mồi già lại gáy tiếp, lông cổ dựng lên. Rồi Joóc sởn da gà khắp người khi thấy con chọi tuyệt đẹp từ ven rừng nhảy bổ ra. Những mớ lông óng ánh nhiều màu giương cao trên thân hình chắc nịch của nó; lông đuôi bóng mượt cong lên. Một bầy chừng chín con mái hối hả chạy tới sợ hãi, vừa bới vừa cục tác, trong khi con trống thả bãi đập cánh hùng dũng và gáy một tiếng tiếng sấm sét, đầu ngọ nguậy nhìn quanh tìm kẻ đột nhập.

Mexừ Lio nói nhỏ: “Mingô, cho nó thấy con lão tướng đi!” Bác Mingô giơ cao con lão tướng và con gà thả bãi hồ như bật tung lên không lao thẳng vào con mồi già. mexừ Lio chuyển động mau lẹ, túm lấy con gà thả bãi giữa đường bay, khéo léo tránh những cái cựa tự nhiên, dài dữ dội mà Joóc thoáng thấy khi ông chủ ấn nó vào một chiếc giỏ và đậy nắp lại.

“Giương mắt lên làm gì đấy, nhỏ? Thả một con tơ ra!” bác Mingô quát, như thể trước đây, Joóc đã từng làm việc đó. Nó lóng ngóng mở cái rọ gần nhất và con gà tơ được thả bành bạch bay khỏi chiếc xe la, nhảy xuống đất. Ngập ngừng một thoáng, nó đập cánh, gáy thật to, buông một cánh xuống và lấy điệu bộ cứng quèo diễu quanh một con mái. Rồi con trống mới của bãi bắt đầu lùa tất cả con mái khác trở vào rừng thông.

Hai mươi tám con hai tuổi đến độ trưởng thành đã được thay thế bằng những con tơ một năm, khi chiếc xe la trở về đúng trước khi xẩm tối. Sau khi lập lại mọi động tác, bắt thêm ba mươi hai con nữa ngày hôm sau, Joóc có cảm tưởng như đã làm công việc rút gà ở bãi thả về suốt đời. Giờ đây, nó bận bịu cho sáu mươi con ăn, uống. Nó thấy là khi không ăn thì chúng gáy và tức tối mổ vào cạnh chuồng – những chuồng này được quây sao cho chúng khỏi nhìn thấy nhau, điều có thể gây thương tích cho một số con trong cơn hăng tiết muốn giao tranh. Joóc ngây ngất ngắm những con chim cuồng dại và uy nghiêm, hung dữ mà tuyệt đẹp đó. Chúng là hiện thân của tất cả những gì bác Mingô đã nói với nó về huyết thống dũng cảm lâu đời, với cả đường nét ngoại hình lẫn bản năng, khiến chúng sẵn sàng tử chiến với bất cứ con gà chọi nào khác vào bất cứ lúc nào, ở bất cứ đâu.

Ông chủ tin rằng cần phải luyện gấp đôi số gà ông dự định mang ra thi đấu trong mùa chọi. “Một số con dất khoát không hồng hào lên, không ăn, không làm dư dững con khác”, bác Mingô cắt nghĩa cho Joóc, “dững con í ta sẽ loại ra”. mexừ Lio bắt đầu đến sớm hơn dạo trước để làm việc với bác Mingô, mỗi ngày bỏ nhiều giờ ra nghiên cứu từng con một trong số sáu mươi gà đó. Nghe lỏm được những mẩu đối thoại giữa hai ngươi, Joóc suy nghĩ ra rằng họ sẽ loại những con có tật trên đầu hoặc trên mình, hoặc giả mỏ, cổ, cánh, chân hay hình dạng chung xét thấy chưa được hoàn hảo. Nhưng cái lỗi tệ hại nhất trong tất cả là tỏ ra chưa đủ hiếu chiến.

Một hôm, ông chủ từ đại sảnh tới với một cái hộp bằng các-tông. Joóc quan sát bác Mingô đong ra hàng bơ bột mì và bột yến mạch, trộn lẫn với bơ, một chai bia, lòng trắng của mười hai quả trứng gà mái chọi, một ít me chua, dây thường xuân và tí ti cam thảo thành một thứ bột bánh. Bột này được nặn thành những bánh tròn mỏng, đem nướng giòn trong một cái lò nhỏ bằng đất. "Bánh này đem lại sức khỏe cho bọn nó", bác Mingô nói, chỉ bảo cho Joóc bẻ bánh thành những miếng nhỏ, hàng ngày cho mỗi con ăn ba nắm và cho ít cát vào các cóng nước mỗi khi đổ đầy lại.

"Ta muốn lão rèn cho chúng chỉ còn thuần bắp thịt và xương, Mingô ạ! Ta muốn trong cả cái sân gà này không có lấy một li leo mỡ nào!" Joóc nghe thấy ông chủ ra lệnh. "Bọn nó sắp sửa phải chạy đến rụng đuôi, ông chủ ạ!" Bắt đầu từ hôm sau, Joóc phải chạy tới chạy lui, kẹp chặt vào nách một trong những con mồi già của bác Mingô khi nó bị những con đang luyện thay nhau đuổi riết. Theo lời chỉ bảo của bác Mingô thỉnh thoảng Joóc lại để cho con đuổi rượt tiếp cận khá sát để chồm tới quai mỏ và song phi vào con mồi đang giận dữ kêu quàng quạc.

Lúc ấy, bác Mingô liền bắt lấy con tấn công còn đang thở rốc, lẹ làng cho nó nghiến ngấu mồ một cục bơ không muối to bằng quả óc chó, trộn với cỏ vò nát. Rồi bác đặt con gà đã thấm mệt lên chút rơm mềm dưới đáy một cái giỏ sâu, chất thêm rơm lên mình nó cho tới miệng giỏ và đậy nắp lại. "Bi giờ, nó sắp sửa ra mồ hôi tốt dưới í", bác giải thích. Sau khi cho con cuối cùng tập xong. Joóc bắt đầu bỏ những con đổ mồ hôi ra khỏi giỏ. Trước khi Joóc trả chúng về chuồng, bác Mingô lấy lưỡi liếm đầu và mắt từng con, đồng thời cắt nghĩa cho nó: "Làm thế để cho bọn nó quen đi, ngộ dư về sau tau phải hút dững cục máu khỏi mỏ bọn nó để giúp bọn nó vuỗn thở được khi bị thương nặng trong cuộc chọi".

Đến cuối một tuần lễ, bàn tay và cánh tay trên của Joóc bị xước nhiều vết cựa sắc, đến nỗi bác Mingô phải càu nhàu: "Người ta sắp nhằm mầy là một tay chọi gà mất, mầy không đề phòng gì cả!" Trừ buổi sáng Nôen, về thăm xóm nô qua loa, Joóc gần như không nhận thấy mùa nghỉ trôi qua. Giờ đây, gần đến lúc mở màn mùa chọi gà, những bản năng xung sát của bày gà dâng tới độ sốt cuồng đến nỗi chúng gáy và lồng lộn mổ vào bất kỳ cái gì, vỗ cánh phành phạch. Joóc nghĩ sao mà nó hay nghe thấy mẹ, các cô Malizi, Xerơ và bác Pompi than vãn về số phận của họ, mà không ngờ một cuộc sống biết mấy hào hứng đang tồn tại chỉ cách một quãng đi dạo ngắn, ở ngay cuối đường.

Hai ngày sau Tết dương lịch, Joóc lần lượt tóm từng con gà chọi, trong khi mexừ Liơ và bác Mingô xén tịt lông đầu, cắt ngắn lông cổ, cánh và mông của từng con, rồi sửa lông đuôi thành hình những chiếc quạt ngắn, cong cong. Joóc thấy khó mà tin được là việc xén tỉa lại tôn lên biết bao những thân hình thon, chắc nịch, những cái cổ như mình rắn và những cái đầu to với mỏ khỏe và mắt long lanh của bày gà. Một số con mỏ thấp cũng được sửa sang. Cuối cùng các cựa tự nhiên được cạo mượt và sạch.

Sáng tinh mơ, bác Mingô và Joóc đã đang dồn mười hai con gà được tuyển vòng cuối cùng vào những lồng lưu động hình vuông đan bằng nan gỗ hồ đào. Bác Mingô cho mỗi con ăn một thỏi bơ trộn với đường bánh nâu nghiền thành bột, cỡ bằng quả óc chó, rồi mexừ Liơ đánh xe chở đến, mang theo một thùng táo đỏ. Sau khi Joóc và bác Mingô chất mười hai lồng gà lên xe, bác Mingô trèo lên ngồi cạnh ông chủ và xe bắt đầu chuyển bánh.

Liếc nhìn lại đằng sau, bác Mingô lạu bạu: "Mầy đi hay không?" Nhảy thoăn thoắt theo sau họ, Joóc với tới cửa sau xe, tót lên và chui vào. Trước đó, không ai bảo nó đi! Sau khi lấy lại hơi, nó thu mình trong một tư thế ngồi xổm. Tiếng xe cót két hòa lẫn trong tai nó với tiếng gáy, tiếng cục cục và tiếng mổ của lũ gà. Nó cảm thấy sâu sắc biết ơn và kính trọng bác Mingô cùng mexừ Liơ. Và nó lại nghĩ – bao giờ cũng với niềm bối rối và ngạc nhiên – đến cái điều mẹ nó đã nói: ông chủ là bố nó, hoặc bố nó là ông chủ, đằng nào cũng vậy.

Dọc đường, Joóc bắt đầu thấy ở phía trước, hoặc nhô ra từ những đường nhánh, nhiều xe chở, xe bò, xe thuê nhà khác, cũng như những người cưỡi ngựa, những cách-cơ nghèo đi bộ mang những tay nải phùng to mà Joóc biết là ở trong, có những chú gà chọi được lót rơm làm ổ nằm. Nó tự hỏi: không biết trước kia mexừ Liơ có bước vào võ trường đấu gà như thế này chăng, với con gà đầu tiên mà người ta nói là ông đã trúng giải với một vé xổ số. Joóc thấy phần lớn các xe đều chở một hoặc nhiều người da trắng cùng với nô lệ, và xe nào cũng chở một vài chuồng gà. Nó nhớ lại lời bác Mingô: "Dân chơi gà chọi bất kể thời gian hay đường sá xa xôi, khi sắp diễn ra một cuộc thi đấu lớn", Joóc tự hỏi liệu một số trong đám cách-cơ chân đất kia, một ngày nào đó, có thể thành chủ nhân một trang trại và một đại sảnh như ông chủ không.

Sau khoảng hai giờ, Joóc bắt đầu nghe thấy loáng thoáng đằng xa một cái gì vốn chỉ có thể là tiếng gáy văng vẳng của nhiều con gà chọi. Cái hợp xướng kỳ lạ ấy cứ to dần lên khi chiếc xe đến gần một khu rừng thông rậm rạp toàn cây cao. Nó ngửi thấy mùi thơm của thịt nướng cả con; rồi xe của họ lẫn vào giữa đám những xe khác đang xoay sở

tìm chỗ đậu. Khắp xung quanh, ngựa, la buộc ở cọc khịt mũi, giậm chân, ngoắt đuôi và nhiều người đang trò chuyện.
"Tom Lio!"

Ông chủ vừa mới đứng dậy trong xe, nhún nhún đầu gối cho khỏi tê chân. Joóc thấy là tiếng gọi phát ra từ đám cách-cơ đứng ở gần đó đang truyền nhau một chai rượu, và mừng rơn thấy ông chủ mình nhận ra ngay. Tay vẫy những người kia, mexừ Lio nhảy xuống đất và loáng cái đã nhập vào đám đông. Hàng trăm người da trắng – từ những thằng bé túm chặt ống quần bố đến những ông già nhăn nheo – đang xoay quanh họp thành từng tốp trò chuyện. Đưa mắt nhìn quanh, Joóc thấy hầu hết cánh nô lệ đều ở lại trong xe, chừng như đang chăm sóc lũ gà bị nhốt trong lồng, còn hàng trăm con gà thì tựa hồ đang phô diễn một cuộc thi gáy vậy. Joóc thấy cả những giường xếp ở dưới nhiều cỗ xe gần đó và đoán là các chủ xe ở rất xa nên phải ngủ lại đêm tại đây. Nó ngửi thấy mùi thơm hắc của rượu ngô.

"Đừng có ngồi há hốc mồm ra đấy nữa, nhỏ! Ta còn phải xoa bóp cho gà chứ!" bác Mingô nói, lúc này mới lách được chỗ đậu xe. Cố hết sức dẹp nỗi kích động khó tưởng tượng nổi, Joóc bắt đầu mở những chiếc lồng lưu động và lần lượt trao lũ gà lồng lộn mổ túi bụi, hết con này đến con khác, vào đôi bàn tay đen sứt sẹo của bác Mingô và đôi tay đó liền xoa bóp chân, cánh cho từng con một. Đón lấy con cuối cùng, bác Mingô nói: "Mầy bổ nửa tá quả táo cho ngon lành. Ấy là thức ăn cuối cùng tốt nhất cho bọn gà nầy bước vào giao đấu". Rồi luồng mắt của ông lão bắt gặp cái nhìn trân trân, đờ đẫn của thằng bé dán vào đám đông và bác Mingô nhớ lại tâm trạng mình trong lần dự hội chọi gà đầu tiên, cách đây quá lâu, đến nỗi bác không buồn nghĩ tới nữa. "Xéo!" bác quát, "ra khỏi đây mà chạy quanh một tẹo nếu mầy muốn thế, dưng mà phải về trước khi bắt đầu, nghe chưa?"

Khi tiếng "Vâng!" của nó đến tai bác Mingô thì Joóc đã vượt qua thành xe và biến mất rồi. Luồn lách giữa đám đông chen vai thích cánh, chén chú, chén anh, nó xông bên này sục bên kia, thảm quả thông núng nính dưới đôi chân trần. Nó đi qua hàng tá lồng chứa những con gà kêu nhặng xị bày ra một loạt kỳ diệu đủ các màu lông từ trắng như tuyết đến đen như than với những hòa sắc trung gian không xiết tả.

Joóc đứng sững lại khi trông thấy cái ấy. Đó là một khoảng rộng hình tròn, lún sâu xuống độ hơn sáu mươi phân, thành có lót đệm và nền đất sét nện rải cát có in dấu một vòng tròn nhỏ chính giữa trung tâm và hai đường thẳng tắp cách đều hai cạnh. Bãi chọi gà! Ngước nhìn lên, nó thấy những người hăm hở tìm chỗ ngồi trên một mô đất dốc tự nhiên đằng sau bãi, một số đông trong đó chuyền tay nhau những chai rượu. Thế rồi nó giật nảy mình thấy một viên chức mặt đỏ hô oang oang ngay bên tai: "Quý ngài, ta bắt đầu cuộc đấu gà!"

Joóc lao thật nhanh trở về như một con thỏ rừng, tới chỗ xe đậu trước mexừ Lio có một khoảnh khắc. Rồi ông nhỏ vừa liếc nhìn những con gà trong lồng. Đứng trên ghế ngồi phía trước xe, Joóc có thể nhìn vượt qua đầu mọi người tới bãi chọi. Ở đó, bốn người đang xúm xít chuyện trò, trong khi hai người khác đi về phía họ, mỗi gã ẵm một con gà chọi. Bất thình lình, những tiếng xôn xao vang lên giữa đám khán giả: "Mười bạc, con màu đỏ!"… "Chơi!" "Hai mươi "đôn", con xanh"… "Năm nữa!"… "Cân!"… Những tiếng cá mỗi lúc một to và một nhiều trong khi Joóc trông thấy hai con gà được cân, rồi sau đó, được chủ chúng lắp những cái mà Joóc biết chắc là những mẩu thép nhọn như mũi kim. Nó vụt nhớ là bác Mingô đã có lần bảo nó rằng người ta hiếm khi chịu cho gà đấu nếu một con nặng hoặc nhẹ hơn con kia dù chỉ nửa lạng.

"Cho hai con chụm mỏ vào nhau!" một người ở ven bãi đấu hô. Rồi anh ta cùng hai người khác mau lẹ ngồi ra ngoài vành, trong khi các chủ gà ngồi xổm trong vòng tròn, ghé hai con vào nhau với khoảng cách đủ để chúng trao đổi vài nhát mổ ngắn.
"Chuẩn bị!" Lùi lại hai vạch xuất phát đối diện nhau, hai chủ gà cho gà đặt chân xuống đất, con nọ rướn mình nhằm tới con kia.
"Thả gà!'

Nhanh như chớp nhoáng, đôi gà chọi đâm bổ vào nhau mạnh đến nỗi mỗi con đều bật lại đằng sau, nhưng chỉ trong một giây, chúng hồi lại ngay, nhảy lên không, vung vẩy những cặp giò lắp móng sắt. Buông mình xuống sân đấu, chúng lại bay lên ngay lập tức, quyện vào nhau thành một xoáy lốc lông vũ.

"Con đỏ bị thương rồi!" có người gào lên và Joóc nín thở theo dõi mỗi tay chủ chộp lấy gà của mình khi nó đậu xuống, xem xét rất nhanh rồi lại đặt nó vào vạch xuất phát. Con gà đỏ bị thương loay hoay thế nào mà lại nhảy cao hơn địch thủ và bất thình lình một trong hai chân đá song phi của nó cắm một móng thép vào óc con gà xanh. Con này rơi xuống, đôi cánh chấp chới co giật, giãy chết. Giữa loạn xị những tiếng hò phấn khởi và những tiếng chửi thề cộc cằn, Joóc nghe thấy người trọng tài lớn giọng thông báo: "Gà của ông Grêxơn thắng – một phút mười giây trong đợt thả thứ hai".

Joóc thở hổn hển. Nó thấy trận đấu tiếp theo kết thúc còn nhanh hơn, một tay chủ gà cáu kỉnh quăng cái xác đẫm máu của con vật thua trận của mình sang bên cạnh như một tấm giẻ. "Gà chết thì chỉ là một mớ lông rối", bác Mingô đứng ngay sau lưng Joóc nói vậy. Trận thứ sáu thứ bảy gì đó vừa kết thúc thì một viên chức hô: "Ông Lio!..."
Ông chủ hối hả đi khỏi xe, tay ẵm một con gà, Joóc nhớ là mình từng cho con này ăn, luyện cho nó, ôm nó trong tay: nó cảm thấy ngây ngất vì tự hào. Rồi ông chủ và đối phương đến bên bãi chọi, cân gà và lắp cựa thép giữa những tiếng đánh cá ồn ào.

Sau lệnh "thả gà!", hai con đâm sầm vào nhau; chúng nhảy lên không rồi hạ xuống sàn đấu, mổ điên cuồng đánh dứ, động tác giả, uốn những cái cổ mình rắn, cố tìm bất kỳ một sơ hở nào của nhau. Một lần nữa bật lên cao, chúng đánh nhau bằng cánh – rồi rơi xuống cả hai, con của mexừ Lio quay lông lốc, rõ ràng bị trúng cựa thép! Nhưng chỉ mấy giây sau, trong đợt quần thảo trên không tiếp theo, gà của ông chủ đánh tử thương địch thủ bằng cựa thép của mình.

Mexừ Lio vồ lấy gà của mình bế thốc lên – nó vẫn đang cất tiếng gáy đắc thắng – và chạy về xe. Joóc chỉ nghe loáng thoáng: "Gà của ông Lio thắng!..." trong khi bác Mingô nắm lấy con gà đang chảy máu, hươ ngón tay khắp mình nó, tìm ra vết rạch sâu ở lồng ngực. Bặm môi vào chỗ đó, bác Mingô hóp má lại, hút mạnh lớp máu đóng cục. Bất thình lình dúi nó xuống trước đầu gối Joóc, bác Mingô quát: "Đái vào nó! Đái thẳng vào đấy!" Như bị sét đánh, Joóc ngây người, ha hốc miệng: "Đái! Giữ cho nó khỏi dễm trùng!" Lóng ngóng, Joóc làm theo, tia nước tiểu phun mạnh vào con gà bị thương, bắn vào cả tay bác Mingô. Rồi bác Mingô nhẹ nhàng ủ nó giữa lớp rơm trong một chiếc giỏ sâu. "Tin chắc là ta cứu được nó rồi, ông chủ ạ! Ông cho con nào chọi tiếp?" Mexừ Lio chỉ vào một chiếc lồng. "Bắt con gà này ra, nhỏ!". Joóc vội vã chấp hành, suýt té nhào, và mexừ Lio hối hả trở lại phía đám đông đang hò reo trong khi kẻ chiến thắng một trận khác được thông báo. Loáng thoáng chìm dưới tiếng gáy khàn khàn của hàng trăm con gà, tiếng người xướng những khoản đánh cá mới, Joóc nghe thấy con gà bị thương cục cục yếu ớt trong giỏ. Nó vừa buồn, vừa hoan hỉ, vừa sợ hãi, chưa bao giờ nó trải một nỗi khích động như thế. Và buổi sáng mát lành ấy, một tay chọi gà mới đã ra đời.

Chương 90

“Thử nhìn nó cố lấy dáng đi cho oai vệ hơn bọn gà trống kìa!” Kitzi thốt lên với Malizi, Xerơ và bác Pompi, Joóc sải bước trên con đường để tới cùng họ tiêu dao buổi sáng chủ nhật.
“Hừm!” Xerơ lườm Kitzi. “Thôi im đi cô, bọn tui cũng vinh quang vì nó dư cô đấy!”

Trong khi Joóc tiếp tục đi tới, vẫn còn ngoài tầm tai nghe, Malizi kể cho những người kia nghe là mới chiều hôm trước thôi, chị đã nghe hóng thấy mexừ Liơ ngà ngà say tuyên bố với một số tay chơi gà được mời đến ăn tiệc rằng ông ta có một thằng nhỏ mới bốn năm tập sự đã tỏ ra có “thiên bẩm” để đến thời sẽ trở thành “ngang hàng với bất kỳ tay luyện gà nào, da trắng hay da đen, ở trong quận Caxuel”

“Ông chủ biểu lão già nhọ Mingô nói thằng nhỏ này quả là sống và thở hít chất gà! Theo lời ông chủ, lão Mingô thề không có bịa, một buổi tối muộn, lão đang đi quanh mạn dưới í thì trông thấy Joóc ngồi lom khom trên một gốc cây, nom đến ngộ. Mingô kể là lão rón rén đến đằng sau thật từ từ, hóa ra Joóc đang ngồi nói chuyện với mấy con gà mái đang ấp trứng, nói sai, lão chỉ là con chó. Lão thề là thằng nhỏ đang nói với bọn gà mái về các trận thắng sau này của lũ gà con sắp nở”.

“Lạy Chúa!” Kitzi nói, đôi mắt đắm trong hình ảnh đứa con trai đang tiến lại gần. Sau khi ôm hôn đám phụ nữ và bắt tay bác Pompi như lệ thường, Joóc cùng với tất cả ngồi xuống những chiếc ghế đẩu được mau chóng mang ra từ các lều. Trước hết, họ kể cho Joóc nghe những tin mới nhất về dân da trắng mà Malizi đã nghe lỏm được trong tuần. Lần này, số tin tức ít ỏi lượm được là: nghe đồn ngày càng có nhiều người da trắng nói năng lạ hoắc từ bên kia bờ nước lớn được tàu chở tới miền Bắc tăng cường thêm cho số người đang chiến đấu giành lấy những công việc trước đây do những người da đen tự do nắm giữ và lời bàn tán về chuyện đưa người da đen xuống tàu chở về châu Phi cũng ngày một tăng thêm. Họ nói đùa Joóc là cứ sống biệt lập như nó với cái lão già kỳ cục ấy, thì đừng hòng biết gì về những chuyện đó hoặc về những sự việc khác đang diễn ra ở phần còn lại của thế giới “trừ phi có đôi ba con gà nào đó kể cho mày nghe” – và Joóc cả cười đồng ý.

Những cuộc viếng thăm hàng tuần đó không những mang lại cho Joóc niềm vui thích được gặp mẹ và những người kia mà còn khiến nó thoát được vài bữa các món nấu nướng của bác Mingô vốn hợp với gà hơn với người. Malizi và Kitzi thế nào cũng làm ít nhất hai, ba đĩa thức ăn ưa thích của Joóc.

Khi câu chuyện bắt đầu uể oải – thông thường là vào khoảng trưa – họ biết là cu cậu đã bồn chồn muốn về, và sau khi họ bắt nó hứa sẽ cầu nguyện thường xuyên, sau một tua ôm hôn, bắt tay nữa, Joóc hối hả đi xuôi con đường, xách giỏ thức ăn về để cùng đánh chén với bác Mingô.

Mùa hè, Joóc thường hay qua nốt phần còn lại của chiều chủ nhật ở một bãi cỏ chăn gia súc, tại đó bác Mingô có thể trông thấy nó nhảy tung tăng bắt cào cào làm món cao lương mỹ vị cho đám gà con và gà tơ nhốt trong chuồng. Nhưng bây giờ là đầu đông, đám gà hai tuổi vừa mới được rút về từ bãi thả để tập luyện, và Joóc đang cố tìm cách vớt vát một trong số mấy con gà mà bác Mingô và ông chủ cảm thấy có lẽ quá hoang dại và sợ người, khó bề tiếp thu tốt việc rèn cặp và có triển vọng bị loại coi như đồ bỏ. Bác Mingô cảm mến và thích thú theo dõi Joóc cưỡng bách kiềm chế con gà tơ giãy giụa, kêu quang quác và mổ lung tung, đồng thời ngọt ngào dỗ nó, thổi nhẹ vào đầu, vào cổ nó, cọ mặt mình vào mớ lông bóng bẩy, xoa bóp mình mẩy, chân, cánh nó – cho đến khi nó thực sự ổn định.

Bác Mingô cầu cho Joóc may mắn, song bác hy vọng nó nhớ những điều bác bảo ban nó về việc dựa một cách cầu may vào một con gà không đáng tin cậy. Việc nuôi dạy và phát triển một con gà chọi hay có thể là một sự đầu tư cả đời và có thể mất sạch sành sanh trong một nước cờ theo cảm tính. Dứt khoát, anh không thể đánh liều cho một con gà xuất trận nếu chưa sửa được vĩnh viễn mọi nhược điểm có thể phát hiện được. Và đến nay, Joóc đã đạt được đến chỗ hoàn toàn bình tĩnh vặn ngoẹo cổ một con gà chọi, nếu thấy hỏng kiểu. Nó đã đi đến chỗ hoàn toàn đồng quan điểm với ông chủ và bác Mingô rằng những con gà chọi duy nhất đáng giá là những con mà do rèn luyện triệt để cộng với bản năng hiếu chiến và dũng cảm, thà chết gục trên bãi chọi, chứ không chịu bỏ cuộc đấu.

Joóc rất thích khi gà của ông chủ giết được đối phương nhanh chóng mà không bị thương, đôi khi chỉ trong vòng ba, bốn mươi giây, nhưng trong thâm tâm – tuy nó ắt chẳng bao giờ hé ra điều này với bác Mingô hoặc mexừ Liơ – không gì có thể sánh với nỗi xúc động rộn ràng khi xem một con gà mình đã góp phần nuôi dạy từ lúc bé tí, chọi chí chết với một con khác cũng cỡ kiện tướng, cả hai cùng loạng choạng, tơi tả, máu me, mỏ há hốc, lưỡi thè lè, cánh kéo lết trên sàn bãi chọi, mình và chân đều run, cho đến lúc rốt cuộc, đều gục xuống hẳn: rồi trong khi trọng

tài đang đếm đến mười, con gà của ông chủ, bằng cách nào đó, thu được chút hơi sức tàn, vùng đứng dậy và phóng ra nhát cựa quyết định.

Joóc rất hiểu sự gắn bó sâu sắc của bác Mingô với năm sáu con gà mồi già mình đầy sẹo mà bác coi gần như là con cưng – đặc biệt là con mà bác bảo là đã đem lại phần thắng cho ông chủ trong cuộc cá lớn nhất sự nghiệp chơi chọi gà của ông ta. "Cuộc chọi ghê gớm nhất tau từng thấy", bác Mingô vừa nói vừa gật gật đầu về phía con lão tướng một mắt ấy.

"Ấy là hồi nó còn thanh xuân, áng chừng ba, bốn năm trước khi mày đến đây. Chả biết làm sao ông chủ lọt được vào cuộc đấu giải lớn Tết năm í, được hỗ trợ của mexừ nào đó thiệt giàu ở tận quận Xori, bang Vơjiniơ. Họ bảo là không kém hai trăm gà tham gia chọi, tranh giải chính thức mười ngàn đôla, cùng với dững món cá ngoài lề không dưới trăm đôla. Thế, ông chủ mấy tau mang hai mươi gà đi. Tau nói cho mày nghe, hai mươi con gà đều sẵn sàng! Bọn tau đánh xe chở đi mấy ngày tới đó, dọc đường cho gà ăn, uống trong lồng mới lị xoa bóp cho bọn nó. Thế, đến gần hết cuộc thi đấu, bọn tau thắng mấy trận, dưng lại thua quá nhiều trận khác, khó lòng mới tới món giải chính í được, thành thử ông chủ như phát điên phát cuồng. Thề rồi ông í được biết là bọn ta phải chọi mấy cái con người ta biểu là đệ nhất mãnh kê ở bang Vơjiniơ. Mày phải nghe người ta hò hét, cá nhau cái con gà í mới biết là thế nào.

"Ờ, thế đấy! ông chủ vớ lấy chai rượu, tợp vài tợp rồi mặt đỏ rừ cả lên cật lực! Và trong cái đám gà còn sót lại ông ấy mới chọn cái con ó già mày đang nhìn kia kìa. Ông chủ cặp con gà í vào nách và bắt đầu đi quanh bãi chọi, thề tướng lên rằng thì là ông ấy không có nhận ai cá hết! Ông í nói là ông í bắt đầu tay trắng, nếu có kết thúc trắng tay thì cũng chả có gì là lạ! Nhỏ này, để tau nói cho mày nghe! Cái con thịt già lông cộc kia bước vào bãi chọi í ít nữa không ra khỏi, nhưng mà con kia thì chết! Các trọng tài báo rằng hai con đã cố sức giết nhau trong gần mười tư phút!" Bác Mingô nhìn con trống già với vẻ hoài cổ nồng hậu. "Nó bị thương nát mình mẩy, máu chảy nhiều đến nỗi muốn chết, cơ mà tau không chợp mắt tí nào kì đến khi cứu được nó!"

Bác Mingô quay về phía Joóc. "Nói thật, nhỏ ạ, có cái này đáng ra tau phải dồi vào đầu mày cẩn thận hơn mới đúng – phải làm mọi cái có thể làm để cứu dững gà bị thương. Ngay cả dững con khá may để giết địch thủ nhanh chóng, rồi đứng đấy gáy tướng lên, làm dư sẵn sàng chọi tiếp, dều, mình cũng có thể mắc lừa! Hễ mang nó trở về xe là phải khám khắp mình nó ngay lập tức, thật kỹ! Có khi chỉ mấy nhát cựa làm xây xát nhỏ cũng có thể dễm trùng. Bất cứ vết xước nào, mày cứ đái đại vào cho tau. Nếu có chảy máu, mày đắp lên một cái mạng dện hay một dúm lông bụng mềm của thỏ. Nếu mầy không làm thế, hai ba ngày sau, gà mầy bắt đầu nom dư teo lại, dư cái dẻ mềm dũn, rồi chả mấy chốc, gà mày chết. Gà chọi, tau nghe nói, cũng dư ngựa đua. Bọn nó cứng rắn đấy, cơ mà đồng thời cũng lại là dững sinh linh hết sức mong manh."

Joóc có cảm giác như bác Mingô đã dạy nó một nghìn điều, vậy mà hàng nghìn điều khác vẫn còn trong đầu bác. Joóc đã cố gắng tìm hiểu mà vẫn không sao nắm được làm thế nào bác Mingô và ông chủ có thể cảm thấy những con gà nào sẽ tỏ ra nhanh mạnh nhất, táo tợn nhất và kiêu dũng nhất trong bãi đấu. Đó không phải đơn giản là những ưu điểm mắt thấy được mà giờ đây, ngay cả Joóc cũng đã biết nhận ra: lý tưởng là lưng rộng, thẳng đẹp và một cái bụng nhỏ chắc nịch. Nó biết rằng những cánh tốt, vững chãi, tròn xương phải có lông ống cứng, rộng, bóng bẩy, thiên về giao nhau dưới một cái đuôi tránh góc giữa; rằng những chiếc dò lực lưỡng, mập, ngắn, phải xoạc rộng, với những cựa khỏe cách đều nhau trên đôi chân vững chắc có ngón sau đen dài xòe hẳn về phía sau và áp xuống mặt đất.

Bác Mingô thường mắng Joóc về tội trở nên mê thích một số con đến nỗi dường như quên cả những bản năng rừng rú của chúng. Thi thoảng, một con gà chọi được cưng đang ngoan ngoãn nằm trong lòng Joóc, chợt nhìn thấy một trong những con mồi già của bác Mingô, bèn quác một tiếng rầm trời, vùng khỏi tay Joóc, hùng hổ đuổi con gà già khiến Joóc phải rượt theo ách chúng lại trước khi con nọ giết chết con kia. Bác Mingô cũng dặn đi dặn lại Joóc phải kiềm chế xúc động của mình tốt hơn mỗi khi một con gà của nó bị giết trên bãi chọi; nhiều lần, anh cu Joóc cao to vạm vỡ đã òa lên khóc. "Không ai có thể mong trận nào cũng thắng, tau đã biểu mày thế không biết bao dêu lần rồi!" bác Mingô nói.

Bác Mingô cũng quyết định nói cho Joóc hay rằng mấy tháng nay bác vẫn biết cứ sau khi trời tối mịt không bao lâu, cu cậu lại lẩn mất biến, mãi rất khuya mới trở về, gần đây kéo đến gần tận sáng. Bác Mingô chắc cái đó có liên quan với việc Joóc đã có lần làm ra vẻ thản nhiên kể rằng một hôm cùng với mexừ Lio đến cối xay bột, nó có gặp một cô hầu đại sảnh khá xinh và da gần như nâu vàng tên là Tseriti ở đồn điền kề bên. "Bao dêu năm ở đây, con mắt già, cái tai già của tau giống dư tai mắt mèo í. Ngay đêm đầu mày lẻn đi, tau đã bết", bác Mingô nói với anh chàng học việc ngỡ ngàng. "Dào, tao chả phải hạng đi chõ mũi vào việc người khác, cơ mà tau nói mầy nghe cái nầy. Mầy phải bảo đảm thật chắc chắn, chớ để ba cái thằng tuần cha tuần bố da trắng bắt được, là vì nếu chính

chúng không đánh mày sống dở chết dở, thì chúng cũng mang mầy về đây, mà mầy đừng có tưởng ông chủ không quất roi vào đít mầy nhớ!" Bác Mingô đăm đăm nhìn qua bãi cỏ thả gia súc hồi lâu, rồi mới nói tiếp: "Mầy nhận thấy tau không biểu thôi đừng lỉnh đi nữa chứ?"
"Thưa bác, vâng", Joóc cung kính nói.

Trong một lát im lặng nữa, bác Mingô ngồi xuống một gốc cây cục thích, hơi ngả người về phía trước và bắt chân chữ ngũ, hai tay ôm đầu gối. "Nhỏ! Tau nhớ hồi trước tau cũng có lần đầu bết ra con gái là thế nào…" và một ánh sáng mới len vào trong mắt bác Mingô, trong khi những nét già nua dịu hẳn lại. "Là cái cô gái cao, dài í, cô ta còn lạ nước lạ cái, khi ông chủ cô í mua một chỗ ngay cạnh đồn điền ông chủ tau". Bác Mingô dừng lại, mỉm cười. "Tau tả cô í thế nào cho khéo nhất nhỉ, ờ, cánh nhọ hơn tuổi tao bắt đầu gọi cô í là "Con Rắn Đen…", bác Mingô tiếp tục kể, nụ cười mỗi lúc một mở rộng chừng nào bác hồi tưởng lại – và bác hồi tưởng lại khá nhiều điều. Nhưng Joóc đang quá buồn bực vì nỗi bị bắt quả tang, nên chẳng bận tâm đến bất cứ điều gì bác Mingô đang kể với nó. Dù sao cũng thật rõ ràng là nó đã đánh giá thấp ông lão về hơn một phương diện.

Chương 91

Một sáng chủ nhật, đi ngược con đường về phía xóm nô, Joóc cảm thấy có cái gì không ổn, khi nó không thấy mẹ nó hoặc bất kỳ ai khác đứng quanh lều Kitzi để đón nó như trước đây họ vẫn nhất nhất làm thế trong suốt bốn năm nó ở với bác Mingô. Rảo bước, nó tới lều mẹ và sắp giơ tay gõ thì cửa bật mở và Kitzi kéo giật nó vào, đóng nhanh cửa lại sau lưng, mặt căng thẳng vì sợ hãi.
"Bà chủ có trông thấy con không?"
"Con không thấy bà ấy, mẹ ạ! Có chuyện gì thế?"

"Lạy Chúa! Ông chủ nghe tin có một nhọ tự do nào đó ở Saletơn, miền Nam Calini, tên là Đemnác Vêxi, cầm đầu hàng trăm nhọ sẵn sàng giết vô kể người da trắng ngay đêm nay, nếu không đã bắt được cả bọn. Ông chủ vừa đi khỏi đây chưa lâu, làm dư hóa dại, huơ khẩu súng ngắn, dọa giết bất cứ ai bà chủ trông thấy ra ngoài lều trước khi ông í ở một cuộc họp tổ chức lớn gì gì đấy trở về!".

Kitzi men theo vách lều đến khi có thể nhìn qua khung cửa sổ duy nhất về phía đại sảnh. "Bà í không còn ở chỗ lúc nẫy bà í đứng ngó ra! Có dễ bà í đã trông thấy mầy đến, và bà í đi trốn đấy!" Việc bà chủ Lơ trốn nó, nghe thật vô lý, khiến nỗi kinh hoàng của Kitzi lây sang Joóc phần nào. "Chạy trở về mấy lũ gà đi con. Ông chủ mà bắt được mầy ở đây, không biết ông í sẽ giở trò gì!"

"Con sẽ ở lại đây nói chuyện mấy ông chủ, mẹ à!" Nó thầm nghĩ rằng trong một cực hạn như thế này, nó có thể bằng cách nào đó, gián tiếp nhắc ông chủ nên nhớ ông ta là bố ai, và điều đó hẳn sẽ kìm bớt cơn giận của ông ta, chí ít là một phần nào.

"Mầy điên rồi hay sao? Ra khỏi đây!". Kitzi đẩy Joóc về phía cửa lều. "Cút! Hiểu chưa!". Đang cơn tam bành lục tặc, ông í mà bắt được mày ở đây, lại khổ bọn tau. Mày cứ luồn qua dững bụi cây đằng sau chuồng xí cho đến khi khuất tầm nhìn bà chủ!"

Kitzi dường như sắp lên cơn cuồng loạn. Hẳn ông chủ phải hung dữ hơn bao giờ hết thì mới khiến chị khiếp hãi đến thế. "Thôi được, mẹ à", cuối cùng, nó nói. "Cơ mà con không có phải luồn qua bụi cây nào hết, con chả làm gì ai sất. Con cứ đàng hoàng trở xuôi giữa đường y dư con đã đi ngược lên đây".
"Thôi được, thôi được, chỉ cần mày đi đi!"

Quay trở về khu gà chọi, Joóc vừa mới kể xong cho bác Mingô những điều nó đã nghe thấy, đang cho câu chuyện của mình có vẻ ngớ ngẩn, thì có tiếng ngựa phóng nước đại tới. Hồi lâu, mexừ Lơ ngồi trên yên ngựa, mắt long lanh nhìn hai ông con, một tay cầm cương, tay kia cầm khẩu súng ngắn, và lão dồn cơn thịnh nộ lạnh lùng vào những lời ném vào mặt Joóc: "Vợ tao đã trông thấy mày, vậy là tất cả bọn mày đã biết việc gì đã xảy ra!"
"Vâng, thưa ông…" Joóc thấy nghẹn ở cổ, nó trừng trừng nhìn khẩu súng ngắn.

Rồi đã định xuống ngựa, mexừ Lơ lại thay đổi ý kiến, và ngồi nguyên, mặt vằn lên những nét giận dữ, lão bảo hai ông con: "Vô số người da trắng tốt lẽ ra đã chết đêm nay, nếu không có một tên nhọ kịp thời báo cho ông chủ nó biết. Chứng tỏ không bao giờ có thể tin bọn nhọ chúng mày được!" mexừ Lơ vung tay làm bộ điệu với khẩu súng ngắn. "Không thể biết được có những gì trong đầu chúng mày, khi chúng mày ở riêng biệt một mình nơi đây. Nhưng chỉ cần chúng mày để hé cho tao ngờ ngợ bất cứ điều chi kỳ cục, tao sẽ cho đầu bọn bây nổ tung nhanh như chớp!" Nhìn thẳng vào bác Mingô và Joóc với vẻ hung ác, mexừ Lơ quay ngựa và phóng ngược đường cái trở về.

Phải mấy phút sau, bác Mingô mới động đậy. Rồi bác nhổ toẹt một cách dữ tợn và đá tung những nan gỗ hồ đào mà bác đang đan thành một cái giỏ mang gà chọi. "Mình có làm cho một người da trắng đến nghìn năm cũng vẫn là thằng nhọ!" bác cay đắng thốt lên. Joóc không biết nên nói gì. Mở miệng ra toan nói nữa rồi lại ngậm lại, bác Mingô đi về phía lều mình, nhưng tới cửa, bác quay lại nhìn Joóc. "Nghe tau đây nhỏ! Mầy cứ tưởng mầy là cái gì đặc biệt đối với ông chủ, dư mà chả có gì là quan trọng đối với dững người da trắng giận dữ, hốt hoảng! Mầy đừng có dại mà lỉnh đi đâu cho tới khi chuyện này êm đi, mầy nghe thấy tau nói chứ? Tau nói thật tình: đừng có dại!"
"Thưa bác, vâng!"

Joóc nhặt cái giỏ bác Mingô đang đan dở và ngồi xuống một gốc cây cụt gần đó. Ngón tay nó bắt đầu đan những nan gỗ hồ đào lại với nhau, trong khi nó cố tập hợp ý nghĩ lại. Một lần nữa, bác Mingô lại đoán đúng những gì đang diễn ra trong đầu nó.

Joóc cáu tiết vì đã tự cho phép mình tin rằng mexừ Liơ sẽ không đối xử với mình như một ông chủ. Lẽ ra đến bây giờ nó phải hiểu rõ hơn rằng thậm chí chỉ nghĩ về ông chủ như là cha nó cũng đã đau đớn – và vô ích – biết bao. Nhưng nó hết sức mong muốn được biết một người nào đó mà nó cảm thấy có thể tâm sự được về điều đó. Người đó không phải là bác Mingô – bởi vì như thế có nghĩa là thừa nhận với bác Mingô rằng nó biết ông chủ là cha nó. Cũng vì lý do đó nó không thể nói được với Malizi, Xerơ hoặc bác Pompi. Nó không dám chắc là họ có biết chuyện ông chủ với mẹ nó hay không, nhưng nếu một người biết thì tất cả đều sẽ biết bởi vì bất cứ ai biết được điều gì về nhau đều đem kể lại sau lưng người trong cuộc, và nó với Kitzi đâu phải ngoại lệ.

Thậm chí nó cũng không thể nêu cái vấn đề đau đớn này với mẹ nó được – sau khi mẹ đã tỏ ra hết sức hối hận vì đã chủ động nói với nó về điều đó.

Sau bao nhiêu năm ấy, Joóc tự hỏi mẹ thực sự cảm thấy như thế nào về toàn bộ cái điều đau đớn ấy, và bây giờ, theo như nó thấy, mẹ và ông chủ đều làm như không hề biết đến sự tồn tại của nhau nữa, chí ít là về phương diện đó. Thậm chí chỉ nghĩ đến mẹ đã từng với ông chủ như kiểu Tseriti – và gần đây nữa – Bulơ – với mình những đêm nó lẻn đi khỏi đồn điền cũng đủ khiến nó xấu hổ.

Nhưng rồi, rỉ ra từ những ngóc ngách trí nhớ, chợt đến với nó cái hồi ức về một đêm đã lâu khi nó mới ba, bốn tuổi: Đêm ấy, thức giấc, nó cảm thấy giường chuyển động, rồi nằm im, khiếp hãi, mắt mở to nhìn trừng trừng vào đêm tối, lắng nghe tiếng ồ rơm sột soạt và tiếng của người đàn ông nằm cạnh nó. Nó đã nằm đó, kinh hoàng, cho đến khi người đàn ông đứng dậy; nghe thấy tiếng "cạch" của một đồng tiền ném trên mặt bàn, tiếng bước chân, tiếng cửa lều đóng sầm lại. Trong một quãng tưởng như bất tận, Joóc đã cố kiềm những giọt nước mắt nóng bỏng, nhắm tịt mắt thật chặt như để xua đi những gì nó đã nghe và trông thấy. Song, những điều đó cứ luôn luôn trở lại như một đợt sóng gây lộn mửa, mỗi khi nó tình cờ nhận thấy trên một cái giá trong lều mẹ một bình thủy tinh đựng những đồng tiền chồng chất lên ước chừng hai phân rưỡi. Thời gian qua, độ dày của lớp tiền đồng tăng lên, cho đến khi, rốt cuộc, nó không dám nhìn thẳng vào cái bình nữa. Rồi dạo nó độ lên mười, một hôm nó nhận thấy cái bình không ở chỗ ấy nữa. Mẹ chẳng bao giờ ngờ là nó có biết chút gì về chuyện đó và nó nguyện sẽ không bao giờ để mẹ hay.

Tuy rất tự ái không muốn nhắc đến chuyện đó, Joóc cũng đã có lần suy tính, toan nói với Tseriti về người cha da trắng của mình. Nó nghĩ là Tseriti có thể hiểu. Trái ngược với Bulơ đen nhánh như than, Tseriti là một mulatô có nước da sáng hơn Joóc nhiều, thuộc loại mà người ta thường gọi là "nhuôm nhuôm". Chẳng những Tseriti chừng như không hề buồn phiền mảy may về màu da của mình, cô còn cười vui vẻ tự thú với Joóc rằng cha cô là người giám thị da trắng ở một đồn điền lớn trồng lúa và chàm ở Nam Carôlina có tới hơn trăm nô lệ; cô đã sinh ra và được nuôi lớn lên tại đó, đến mười tám tuổi thì bị đem bán đấu giá và được mexừ Tig mua về làm hầu gái ở đại sảnh. Về chuyện màu da, Tseriti chỉ phát biểu là cô đã để lại Nam Carôlina một người mẹ và một đứa em trai hầu như là da trắng thực sự. Cô kể là bọn trẻ con da đen đã trêu chọc nó không thương tiếc, cho đến khi bà mẹ bảo nó quát lại những đứa hành tội nó: "Kền kền đẻ tau trong trứng! Mặt trời nóng ấp ra tau! Chúa cho tau màu da này, việc gì đến bọn nhọ đen chúng bay!" Từ bấy giờ trở đi – Tseriti nói - em trai cô được yên thân.

Nhưng vấn đề màu da của Joóc – và duyên do như thế nào – giờ đây bị che lấp bởi nỗi thất vọng khi nhận ra rằng cuộc mưu toan nổi dậy ở vùng Sacletơn xa xôi nhất định sẽ trì hoãn việc hoàn mãn một ý mà nó đã phát triển rất kỹ trong đầu bao lâu nay. Trên thực tế, sau gần hai năm, cuối cùng nó đã đi đến quyết định là thử nêu ý đó với bác Mingô. Nhưng bây giờ mà nói với bác ấy cũng chẳng nghĩa lý gì, vì toàn bộ vấn đề tùy thuộc ở chỗ mexừ Liơ có tán thành ý kiến đó hay không, nó biết mexừ Liơ vẫn còn giận dữ, khó bề tiếp cận để hỏi han điều gì, trong một thời gian nữa. Tuy sau độ một tuần, ông chủ thôi không mang theo khẩu súng ngắn nữa, nhưng mỗi ngày ông ta chỉ thanh tra xem xét bầy gà một thoáng ngắn ngủi và, sau khi nghiêm nghị dặn dò bác Mingô, lại phóng ngựa đi, mặt vẫn hầm hầm như lúc đến.

Mãi về sau Joóc mới thực sự nhận thức đầy đủ tầm nghiêm trọng của cái điều suýt xảy ra ở Sacletơn, khi mà, sau hai tuần nữa – bất chấp lời cảnh cáo của bác Mingô – cu cậu thấy mình không còn đủ sức cưỡng lại sự cám dỗ, lẻn đi thăm một trong hai cô bồ. Một cách xốc nổi, nó quyết định dành ưu tiên cho Tseriti lần này, do nhớ lại cô nàng bao giờ cũng cuồng nhiệt với mình như con hổ cái. Chờ cho bác Mingô ngáy, nó rảo cẳng chạy gần một tiếng đồng hồ qua các cánh đồng đến lúc tới chỗ ẩn ở lùm cây hồ đào, từ đó nó vẫn chúm miệng tu huýt gọi người tình. Khi đã huýt còi bốn lần mà vẫn không thấy cái tín hiệu "thẳng tiến" quen thuộc – một ngọn nến lập lòe vẫy thoáng chốc ở cửa sổ Tseriti – nó bắt đầu lo lo. Đúng lúc sắp sửa rời chỗ nấp, định cứ lẻn bừa vào thì nó thấy có cái gì chuyển động trong lùm cây, hướng về phía nó. Đó là Tseriti. Joóc lao tới ôm chầm lấy, nhưng Tseriti chỉ để cho nó ôm hôn rất ngắn rồi đẩy ra ngay.

“Có chuyện gì thế, em bé?” nó hỏi, mùi thân thể thơm như xạ của cô gái khiến nó bừng bừng đến nỗi hầu như không thấy thoáng run rẩy trong giọng nói của cô.
“Anh là anh dại dột nhất, bi giờ mà dám lẩn quất, bọn tuần cha bắn bỏ vô khối nhọ đấy!”
“Ờ, thế thì ta vào lều em vậy!” Joóc nói, lại đưa tay quàng lấy thân Tseriti. Nhưng một lần nữa, cô lại giãy ra.
“Anh làm dư anh không nghe thấy gì về chuyện nổi loạn í!”
“Anh biết là có một vụ dư thế, có vậy thôi”…
“Thế thì em nói cho anh nghe” và Tseriti kể là cô nghe lỏm thấy ông bà chủ nói rằng người cầm đầu, một thợ mộc da đen tự do, đọc thông Kinh Thánh, tên là Đenmac Vêxi đã bỏ bốn năm bày mưu tính kế trước khi tâm sự với bốn người bạn thân cận; mấy gã này giúp anh ta chiêu mộ và tổ chức hàng trăm người da đen tự do và nô lệ ở thành phố. Bốn tốp vũ trang khá mạnh chỉ chờ hiệu lệnh là chiếm các kho vũ khí cùng các tòa nhà chủ chốt khác trong khi những nhóm khác sẽ đốt tất cả những gì có thể đốt ở trong thành phố và giết mọi người da trắng họ bắt gặp. Lại có cả một đoàn xà ích da đen sẽ lái những xe bò, xe ngựa, xe chở không lá chắn, xe mui, phóng bạt tử khắp nơi để làm rối loạn và ngăn không cho người da trắng tập hợp lại. “Dưng mà sáng chủ nhật í, một nhọ khiếp đảm đã báo cho ông chủ hắn biết dững chuyện bố chí để xảy ra vào lúc nửa đêm hôm í, thế rồi người da trắng túa ra khắp nơi, bắt bớ, đánh đập và tra tấn dân nhọ bắt khai ra dững tên nổi loạn. Đến bi giờ, họ đã treo cổ hơn ba mươi nhọ và đâu đâu họ cũng ruồng bố dân nhọ, i dự ở vùng này bi giờ, cơ mà dữ nhất là ở Nam Calini. Đuổi các nhọ tự do ở Sacletơn, đốt nhà họ, cả dững cha cố nhọ nữa, đóng cửa nhà thờ của họ, viện cớ rằng thay vì giảng đạo, họ lại đi dạy cho nhọ biết đọc biết viết”…

Joóc lại cố gắng lôi Tseriti về phía lều. “Anh có nghe em nói không nào?” cô nói, hoang mang cao độ “Anh về đi kẻo có tên tuần cha nào trông thấy anh, nó bắn đấy!”

Joóc cãi rằng bên trong lều cô là an toàn, chẳng sợ tuần cha tuần bố gì cả, đồng thời cũng làm nguôi dịu được nỗi cuồng si của nó đối với cô, nguyên nhân thúc đẩy nó bất chấp nguy cơ bị bắn bỏ, liều mạng tới đây.
“Em đã biểu anh mà, KHÔNG!”

Cáu tiết, cuối cùng Joóc đẩy rúi cô về phía sau, “Được, vậy thì xéo!”. Nó cay đắng chạy trở lui con đường lúc nãy, phẫn uất nghĩ giá mình đến Bulơ ngay từ đầu, vì bây giờ đã quá muộn không kịp nữa rồi.

Sáng ra, Joóc nói với bác Mingô: “Đêm qua, cháu lén thăm mẹ cháu, cô Malizi kể cho cháu nghe dững chuyện cô í nghe ông chủ nói mấy bà chủ về vụ nổi loạn nọ”… Tuy không chắc bác Mingô có tin câu chuyện đó hay không, nó cứ kể tiếp những điều Tseriti đã nói, và ông lão nghe rất chăm chú. Để kết thúc, Joóc hỏi: “Làm sao mà dân nhọ ở quanh đây lại bị bắn vì chuyện gì gì đó ở mãi tận Nam Calini, bác Mingô?”

Bác Mingô nghĩ một lúc rồi mới nói: “Tất tật người da trắng sợ dân nhọ ta lúc nào đó tổ chức lại mấy nhau cùng nổi dậy”…Bác khịt mũi giễu cợt. “Cơ mà dân nhọ thì chả bao giờ làm gì cùng mấy nhau”. Bác ngẫm nghĩ một lát nữa, “Cơ mà cái chuyện bắn, giết mầy nói rồi sắp êm đi, dư bao giờ cũng vẫn vậy, khi nào họ giết và ruồng bố nhọ tạm đủ, khi nào họ làm một lô một lốc dững luật lệ mới, khi nào họ chán ngấy phải trả công không cho hàng sâu hàng sốc dững cùng đinh da trắng làm tuần cha”.
“Tất cả dững cái đó mất bao lâu?” Joóc hỏi, vừa nói xong đã thấy đó là một câu hỏi ngu xuẩn biết mấy và cái lườm nhanh của bác Mingô chứng tỏ điều đó”.

“Phải, rành là cháu hỏi thế thì ai trả lời được nhỉ!” Joóc im bặt, quyết định chờ đến khi nào mọi sự trở lại bình thường với mexừ Liơ, mới nêu ý kiến của mình với bác Mingô.

Trong hai tháng sau, mexừ Liơ bắt đầu dần dần trở lại cư xử ít nhiều giống như con người cũ – gắt gỏng hầu hết thời gian, nhưng không nguy hiểm. Và ít lâu sau, một hôm Joóc quyết định là đã đúng lúc.

“Bác Mingô ạ, từ lâu, cháu đã nghên cíu cái này”… nó mào đầu. “Cháu tin rằng cháu có một ý có thể giúp cho gà của ông chủ thắng nhiều trận hơn bi giờ”. Bác Mingô nhìn, tựa hồ một dạng điên loạn đặc biệt nào vừa nhiễm vào gã giúp việc mười bảy tuổi vạm vỡ của mình. Joóc nói tiếp: “Cháu đã năm năm đi các cuộc chọi gà lớn với bác và ông chủ. Áng chừng hai mùa trở lại đây, cháu bắt đầu nhận thấy một điều mà từ đấy cháu đã theo dõi thật sát. Xem ra dững loạt gà của mỗi ông chủ đều có cách đánh riêng”. Cọ cọ mũi đôi giày thô vào nhau, Joóc tránh không nhìn vào con người đã luyện gà chọi từ bao lâu trước khi nó đẻ. “Chúng ta luyện cho gà của ông chủ thật khỏe, thật bền hơi để thắng nhiều trận chỉ nhờ dai sức hơn dững con kia. Dưng cháu đã đếm kỹ - phần lớn dững lần ta thua là khi có con nào đó bay cao hơn gà của ông chủ và đánh cựa từ bên trên trúng đầu nó. Bác Mingô ạ, cháu chắc nếu gà ông chủ cánh khỏe hơn, dư ta có thể làm được thế bằng một loạt bài đặc biệt luyện cánh thì cháu tin là nó sẽ nhảy cao hơn dững gà khác và giết được nhiều hơn cả bi giờ”.

Dưới vầng trán nhăn nheo, cặp mắt sâu của bác Mingô nhìn soi mói lớp cỏ giữa hai đôi giày của Joóc và của bác. Hồi lâu bác mới nói: "Tau thấy mầy định nói gì rồi. Tau cho là mầy phải nói mấy ông chủ".
"Nếu bác cảm thấy thế, thì bác có thể nói với ông í được không?"
"Không. Mầy đã nghĩ ra. Ông chủ nghe mầy nói cái í cũng bằng dư nghe tau".

Joóc cảm thấy nhẹ hẳn người vì ít nhất bác Mingô cũng không cười chê ý kiến đó, nhưng đêm đó, nằm thao thức trên chiếc ổ rơm hẹp, Joóc cảm thấy ngần ngại và sợ nói với mexừ Liơ.

Sáng thứ hai, khi ông chủ xuất hiện, cố gắng tự chủ, Joóc lấy hơi thật sâu và gần như bình tĩnh nhắc lại những điều đã nói với bác Mingô và nói thêm chi tiết về các cách đánh đặc biệt của mỗi lò gà… "Và nếu ông để ý, thưa ông chủ, đám gà của mexừ Greham đánh nhanh, hùng hục. Nhưng gà mexừ Mêc Grigo thì lại đánh rất thận trọng, tợ dư coi chừng. Hoặc là gà của đại úy Pibâuđi ra miếng thì chụm chân, chụm cựa lại, còn gà mexừ Haoóc lại đá song phi, hai chân xoạc rộng. Gà của mexừ Juét giàu xụ í đánh miếng thấp ở trên không, mổ dữ khi ở dưới đất"… Tránh nhìn vào mặt ông chủ, Joóc không thấy vẻ chú ý cao độ của ông ta. "Thưa ông chủ, điều cháu muốn nói ang áng là dư thế, nếu ông đồng ý để cháu với bác Mingô cho gà ông tập cả loạt bài luyện cánh khỏe mà bọn cháu có thể nghĩ ra được, thì dám chắc nó sẽ nhảy cao hơn lũ kia để đánh cựa từ bên trên và đừng hòng ai mau chóng bắt được miếng".

Mexừ Liơ nhìn Joóc trừng trừng như chưa từng thấy nó bao giờ. Trong những tháng còn lại trước mùa chọi tới, mexừ Liơ bỏ nhiều thời gian hơn bao giờ hết ở khu luyện gà, quan sát và đôi khi tự tay tham gia cùng với bác Mingô và Joóc tung gà lên trên không mỗi lúc một cao. Mỗi lần rơi xuống, chúng đập cánh điên cuồng, cố đỡ cho khối trọng lượng từ năm đến sáu "pao", nhờ đó cánh ngày càng khỏe.

Như Joóc đã tiên đoán, mùa chọi gà năm 1823 mở màn và diễn tiến qua các cuộc thi đấu "chính" liên tiếp, hết đợt này đến đợt khác, mà xem ra không ai phát hiện ra tại sao hoặc làm thế nào mà gà ông Liơ đạt được một tỷ lệ trận thắng cao hơn cả năm ngoái nữa. Kết thúc mùa chọi, cựa thép của chúng đã đánh tử thương ba mươi chín trong số năm mươi hai đối thủ.

Khoảng một tuần sau, một buổi sáng, mexừ Liơ tới – rất hân hoan – kiểm tra quá trình bình phục của nửa tá gà hạng ưu của ông ta đã bị thương nặng trong mùa đấu.

"Con này không chắc có qua khỏi, ông chủ ạ", bác Mingô chỉ vào một con rũ rượi và tơi tả đến nỗi mexừ Liơ phải vội vàng gật đầu đồng ý. "Cơ mà tui hy vọng những con ở trong hai cái chuồng bên này sẽ khỏi tốt đến nỗi ông lại có thể cho nó ra chọi trong mùa tới cho mà xem". Tiếp đó, bác Mingô khoa tay chỉ ba con cuối cùng đang dưỡng bệnh. "Những con này sẽ chả bao giờ đủ hoàn hảo để dự các cuộc đấu lớn, chủ lực nữa, cơ mà ta có thể dùng làm gà mồi, nếu ông chủ muốn, hoặc dù sao đem thịt cũng tốt". Mexừ Liơ tỏ ra hài lòng với sự tiên đoán bệnh tình ấy và đã bắt đầu đi về phía con ngựa thì bỗng quay lại, thản nhiên bảo Joóc: "Những đêm mày lẻn khỏi đây đi mò gái, tốt hơn là mày nên thật cẩn thận đề phòng cái thằng nhọ hung dữ cũng mê cùng một con ấy"…

Joóc đực người ra, sửng sốt đến nỗi phải mất cả một giây sau, nỗi giận dữ mới kịp bùng lên trong nó đối với sự phản thùng hiển nhiên của bác Mingô. Nhưng rồi nó thấy mặt bác Mingô cũng không kém ngạc nhiên, trong khi ông chủ nói tiếp: "Bà Tig nói với vợ tao tại cuộc họp câu lạc bộ khâu may của họ rằng bà ta không thể hình dung ra cái gì đã xảy đến với con hầu gái da nâu vàng của mình; mãi gần đây một đứa trong đám nhọ mới mách bà ta là con nhỏ rạc người vì bắt nhân tình hai tay với mày và một thằng nhọ xấu, nhiều tuổi hơn mày…". Mexừ Liơ cười khúc khích: "Tao chắc hai đứa mày phải cày nát con bé ấy!".

Tseriti! Bắt nhân tình hai tay! Giận dữ nhớ lại đêm hôm ấy, cô ả đã khăng khăng chặn lối không cho nó vào lều mình như thế nào, Joóc cố gượng tủm tỉm và cất tiếng cười bứt rứt; bác Mingô hòa theo, cũng gượng gạo như vậy. Joóc cảm thấy choáng người. Giờ đây ông chủ đã khám phá ra chuyện nó lẻn đi ban đêm, liệu rồi ông ta sẽ làm gì nó?

Sau khi dừng lại để cho Joóc chờ đợi cơn thịnh nộ của mình, mexừ Liơ ứng xử ngược hẳn lại, kỳ lạ đến mức khó tin – ông ta nói với một giọng gần như là giữa cánh-đàn-ông-chúng-ta-với-nhau: "Mẹ kiếp, chừng nào mày làm việc đâu vào đấy, mày cứ tiếp tục săn lùng lấy một cái hĩm nào đó. Có điều là đừng để thằng nào băm mày ra từng mảnh – và đừng có để người ta tóm cổ trên đường cái, nơi bọn tuần tra thường nổ súng bắn nhọ".
"Không, thưa ông. Dất khoát không"… Joóc bối rối quá không biết nói gì. "Rành là quý hóa, thưa ông chủ"…

Mexừ Liơ trèo lên mình ngựa, đôi vai rung rung khiến hai người luyện gà đoán là ông ta đang cười một mình trong khi phóng ngựa trên đường.

Cuối cùng, còn một mình trong lán đêm ấy, sau khi chịu đựng thái độ lạnh lùng của bác Mingô suốt phần còn lại trong ngày, rốt cuộc được tự do trút nỗi lòng bị xúc phạm lên đầu Tseriti, Joóc nguyền rủa cô ả và nguyền sẽ chuyển sự quan tâm (mà rõ ràng là cô ả không xứng đáng được hưởng) sang Bulơ tuy kém cuồng nhiệt nhưng chắc chắn là trung thành hơn. Nó cũng nhớ đến cô gái cao cao, nước da màu vỏ quế đã liếc nó tại một cuộc đú đởn bí mật nó bắt gặp trong rừng, một đêm nó đang vội vã đi về nhà. Lý do duy nhất khiến nó không thử cô ta ngay tại trận, là vì nó quá say thứ rượu uýtxki trắng hạng xoàng cô ta mời nó, đến nỗi chật vật lắm nó mới loạng choạng về được đến nhà vào lúc rạng đông. Nhưng nó nhớ cô ta có xưng tên là Ôphêliơ, thuộc quyền sở hữu của mexừ Juét giàu nứt đố đổ vách, nghe nói có tới trên nghìn gà chọi và gia đình còn cai quản nhiều đồn điền kếch xù ở các bang Jojiơ và Nam Carôlina, ngoài cái đồn điền ở quận Caxuel này. Kể đi bộ thì cũng xa đấy, nhưng hễ gặp cơ hội đầu tiên, Joóc quyết định sẽ phải làm quen kỹ hơn với cái cô gái làm đồng nom ngon mắt ấy mà mexừ Juét thậm chí có lẽ cũng không biết là thuộc quyền sở hữu của ông ta.

Chương 92

Một sáng chủ nhật, khi mexừ Liơ xuất hiện để làm công việc thường ngày thanh tra đàn gà thì Joóc đã đi về thăm xóm nô như mọi tuần. Đó là lúc tốt nhất. Sau khi dạo quanh nói chuyện chọi gà một lúc, bác Mingô nói như thể vừa mới nảy ra ý nghĩ đó: "Ông chủ ạ, ông cũng biết mùa nào ta cũng loại mười lăm, hai mươi gà còn tốt hơn ối con các người khác vuốn mang ra chọi. Tui tin là ông có thể làm được tốt tền ngoại phụ nếu ông để thằng nhỏ í đem dững con bị loại của ông dự các cuộc đấu bình thường".

Bác Mingô biết rất rõ rằng cái tên Tom Liơ, trong khắp cả chiều dài chiều rộng quận Caxuel, tượng trưng cho sự phất lên địa vị cao sang của một người da trắng nghèo, một chủ gà cự phách xuất thân là một tay chơi hạ cấp với một con gà hay. Hơn một lần, y đã nói với bác Mingô là y xiết bao trìu mến nhìn lại những ngày đầu đói rét ấy: y tuyên bố rằng những rạo rực buổi ấy chí ít cũng ngang với tâm trạng xúc động thú vị của y trong mọi cuộc thi đấu "chủ lực" lớn y đã tham gia kể từ đó trở đi. Những khác biệt đáng kể duy nhất – mexừ Liơ nói – là các cuộc thi đấu "chủ lực" lớn bao gồm một lớp người cũng như gà ưu đẳng hơn và các khoản tiền đánh cá cao hơn gấp bội; người ta có thể thấy những tay chơi gà chọi giàu thật là giàu được hoặc mất cả gia tài cơ nghiệp trong vòng một trận đấu. Các cuộc thi đấu hạ cấp là dành cho những người chỉ có thể đưa ra chọi một hoặc hai hoặc ba gà, thường thường là loại hai, loại ba những người da trắng nghèo, da đen tự do hoặc nô lệ.

"Cái gì khiến lão nghĩ rằng nó có thể điều khiển gà trong một bãi chọi?" mexừ Liơ hỏi.

Bác Mingô nhẹ hẳn người khi không thấy ý kiến nào phản đối đề nghị của bác: "À, ông biết đấy, thằng nhỏ í theo dõi sát các cuộc đấu ở các bãi chọi trong năm, sáu năm nay, ông chủ ạ và cái í đem cộng với cái khiếu gà bẩm sinh của nó, tui tin chắc nó chỉ cần được dạy bảo thêm chút ít thôi. Mà cho dù có thua, thì cũng chỉ mất những gà bị loại trong số ta có ở đây thôi, cách nào thì ông cũng chả mấy dùng đến bọn nó nữa, ông chủ à".

"Ư hự" ông chủ lẩm bẩm, xoa cằm vẻ tư lự. "Thôi được, ta thấy cái đó không có gì hại. Ừ, sao lại không lấy da bọc cựa cho mấy con bị loại và giúp nó tập chọi suốt mùa hè nhỉ? Nếu đến mùa sau, nó ra dáng khơ khớ, phải, ta sẽ đặt cược vào nó chút ít để đánh cá vài trận".

"Nhất định rồi, thưa ông chủ!" bác Mingô mừng rơn, vì hàng tháng nay, trong sự biệt lập như giữa rừng sâu của khu gà chọi, bác và Joóc đã cho đám gà loại chọi thử, tất cả đều được bọc cựa bằng một thứ bao da nhẹ do bác Mingô sáng chế để tránh gây tử thương. Vốn là người cẩn thận, ông lão không mạo hiểm gợi ý với ông chủ trước khi tự mình xác định chắc chắn rằng gã học việc tài ba tỏ ra có tiềm năng chân chính để phát triển thành một tay luyện đấu thực sự là cừ. Trong thâm tâm, bác nghĩ, với kha khá kinh nghiệm đấu "hạ cấp", một ngày kia, Joóc có thể trở nên thành thạo như mexừ Liơ trong việc xử lý gà tại bãi chọi. Như bác Mingô đã nói, ngay cả những con bị loại khỏi một đàn tốt như đàn của ông chủ, cũng vẫn hơn những con thường được đem xung trận trong những cuộc đấu hạ cấp mùa nào cũng được tổ chức trong những hoàn cảnh khác nhau, đột xuất và không chính thức, ở khắp quận. Chung quy, bác Mingô thấy hầu như không có cách nào khiến Joóc trượt cả.

"Thế nào nhỏ, mày chỉ bết đứng há hốc mồm ra đấy thôi ư?" bác Mingô hỏi vậy khi bác báo tin cho Joóc, chiều hôm đó.
"Cháu chả còn biết nói gì".

"Tau chưa bao nghĩ mình còn sống tới ngày thấy mày không có gì để nói".
"Cháu… quả không biết cảm ơn bác dư thế nào cho phải".
"Có bao dêu răng mày phô ra hết dư vầy, thôi khỏi cần cám ơn. Ta bắt tay vào việc thôi".

Mùa hè ấy, hàng ngày, Joóc và bác Mingô bỏ ra ít nhất một giờ vào lúc chiều muộn, ngồi xổm đối diện nhau hai bên một bãi chọi tạm thời, đường kính và chiều sâu nhỏ hơn kích thước chính quy nhưng cũng đủ để luyện tập. Sau mấy tuần ông chủ xuống quan sát một buổi tập. Kinh ngạc trước sự mau lẹ và phản ứng sắc nhạy bên bãi chọi mà Joóc tỏ ra trong khi điều khiển gà, ông ta bèn mách nước cho gã một số ngón riêng của mình.

"Mày muốn gà mày nhảy trước chứ gì? nom tao đây". Cầm lấy con gà của bác Mingô, ông ta nói: "Được, trọng tài đã hô "chuẩn bị!" rồi. Mày đang ở dưới bãi giữ gà mày – nhưng đừng có nhìn nó! Hãy dán mắt vào môi trọng tài! Muốn biết đích xác đến một phần tích tắc khi nào hắn sắp nói: 'Buông gà!' chứ gì? Đó là khi môi hắn bặm chặt vào

nhau"… Mexừ Liơ mím môi. "Đúng lúc ấy mày buông tay ra – mày sẽ nghe thấy 'Buông gà!' đúng lúc gà mày lao ra đầu tiên!"

Một số buổi chiều, sau khi luyện xong và nhốt những con gà loại về chuồng, bác Mingô ngồi nói cho Joóc biết là trong thi đấu "hạ cấp" cũng có thể đạt được vinh quang và tiền tài. "Hệt dư đám da trắng nghèo hò la cổ vũ cho ông chủ thắng cuộc, tau đã thấy ối nhọ được cổ vũ ở các cuộc đấu hạ cấp. Và trong một trận thắng, có thể được tới mười mười hai đôla, có khi hơn nữa nhỏ ạ!"

"Cháu chả bao giờ có lấy một đôla, bác Mingô ạ! Cũng chả biết mặt mũi một đôla nó ra làm sao nữa!"

"Tau cũng chả bao giờ có dều đôla. Thực tế, tau cũng chả cần đến nó nữa. Cơ mà ông chủ bểu sẽ đặt cược mầy một số tiền cá, mà nếu mầy thắng trận nào, ông í có thể để cho mày hưởng một ít…".
"Bác đoán ông í làm thế à?"

"Tau hy vọng thế là vì tau bết ông í ắt phải khoái cái sáng kến làm khỏe cánh của mày, nó bỏ dều tền vào túi ông í mà. Có đều là nếu ông í làm thế, lệu mầy có bết đàng mà dành dụm dững gì mày kếm được không?"
"Nhất định chứ! Chắc chắn cháu sẽ để dành!".
"Tau thậm chí nghe nói có dững nhọ được cuộc trong thi đấu hạ cấp và dành đủ tền mua lại tự do cho mình, thoát khỏi tay chủ".
"Mua cả cho cháu lẫn mẹ cháu!".

Lập tức, bác Mingô đứng dậy khỏi gốc cây cụt bác đang ngồi; nỗi ghen tị buốt nhói bác vừa cảm thấy, chẳng những đã đến hoàn toàn bất ngờ mà còn xáo đảo sâu sắc tận trong lòng đến nỗi bác khó tìm ra lời đối đáp. Thế rồi bác chợt nghe thấy mình sẵng giọng: "Ờ, chắc chả có gì là bất khả!" Đột nhiên muốn thoát ra khỏi cái cảm giác rằng ý thức của bác chia sẻ một mối tình thương mến thực sự gần gũi, không được đáp lại ngang xứng, bác rảo bước đi về lều mình để mặc Joóc bối rối nhìn theo.

Tại một cuộc đấu "chủ lực" lớn đầu mùa năm 1824, cùng đi với mexừ Liơ, bác Mingô được một ông già luyện gà bác quen từ nhiều năm nay cho biết một cuộc đấu "hạ cấp" sẽ được tổ chức vào chiều thứ bảy tới, ở phía sau cái chuồng ngựa lớn của một đồn điền địa phương. "Tui cho rằng nó sẵn sàng hơn bao giờ hết", sau đó bác Mingô nói với ông chủ như vậy. Sáng thứ bảy, như đã hứa, mexừ Liơ tới và đếm hai mươi đôla bằng giấy bạc lẻ và tiền đồng đưa cho bác Mingô. "Các ngươi biết chính sách của ta đấy", ông ta nói với cả hai. "Nếu sợ không dám cá vào gà mình thì đừng có đưa nó ra chọi làm gì! Nếu không cá gì thì chẳng bao giờ được gì hết! Ta vui lòng mất bất kỳ cái gì các người mất, nhưng ta bỏ tiền ra và các ngươi chọi gà của ta, nên ta phải được một nửa bất kỳ khoản thắng cuộc nào, hiểu không? Và nếu có gì khuất tất trong chuyện tiền nong của ta - thậm chí ta chỉ ngờ vậy thôi, - ta sẽ đánh tróc bộ da đen của các ngươi để lấy lại!" Nhưng hai ông con có thể thấy rõ ràng ông ta chỉ làm bộ dữ tợn khi thực sự vui vẻ, nên đồng thanh: "Vâng, thưa ông chủ!"

Đi quành góc chuồng ngựa quét vôi xám, cố không để lộ nỗi hồi hộp của mình, Joóc trông thấy khoảng hai chục tay đấu gà "hạ cấp" người da đen đang đi quanh quanh, cười cười nói nói ở mé một bãi chọi rộng và nông. Nhận ra khoảng một nửa trong số đó đã từng dự các cuộc đấu lớn cùng với chủ, cũng như nó, Joóc mỉm cười vẫy chào và gật đầu với những người khác mà quần áo nhiều màu sắc và vẻ nghênh ngang độc lập của họ khiến nó đoán chắc đó là những người da đen tự do. Đưa mắt nhìn một số tương đương người da trắng nghèo ở đối diện bên kia bãi chọi, nó ngạc nhiên thấy mình cũng biết mấy tay trong bọn họ và lòng đầy tự hào, nó thoáng nghe thấy gã nọ bảo gã kia: "Hai tên nhọ của Tom Liơ đấy". Lát sau, các tay đấu gà "hạ cấp", cả da đen và da trắng, bắt đầu cởi những bọc lót cỏ khô, lôi ra những con gà kêu nhặng xị và bắt đầu xoa bóp cho chúng mềm chân dẻo cánh trong khi bác Mingô bước quanh bãi chọi và nói một điều gì đó với người trọng tài to mập mặt đỏ, người này gật đầu, đưa mắt nhìn Joóc.

Gã trai trẻ đang khẩn trương xoa bóp cho con gà tơ của mình thì bác Mingô trở lại và bắt đầu săn sóc con kia cũng được mang theo cùng chuyến. Joóc mơ hồ cảm thấy không thoải mái vì sự gần gũi hơn bao giờ hết về thể xác với đám người da trắng nghèo vốn chỉ gây sự với người da đen, nhưng nó nhớ lại trên đường đến đây, bác Mingô đã nói với nó rằng đấu gà "hạ cấp" là điều duy nhất, theo bác biết, mà những người da trắng nghèo và người da đen cùng làm chung với nhau. Luật lệ qui định là chỉ hai người da trắng hoặc da đen xuất gà ra chọi nhau nhưng bất kỳ ai cũng có thể tự do cá thắng hoặc cá thua trên bất kỳ con nào trong trận.

Xoa bóp xong cho gà dẻo chân mềm cánh, sau khi đặt nó trở lại trong bao tải, Joóc lại say sưa nghe, ngắm thêm sự náo động xung quanh và thấy mấy tay đấu gà "hạ cấp" nữa vác những bao tải đầy hối hả đi về phía chuồng ngựa trong khi trọng tài bắt đầu vẫy tay.

“Được rồi, ổn định nào! Ta bắt đầu cho gà ra đấu! Jim Catơ! BenKpenx! Lại đây và lắp cựa thép cho gà!”.

Hai người da trắng gày gò, ăn vận tồi tàn, tiến tới cân gà, rồi lắp cựa thép cho chúng giữa những tiếng hò lác đác, đặt cá hai mươi lăm đồng rưỡi. Riêng về phần Joóc, nó thấy cả hai không con nào trên mức nhàng nhàng so với hai con loại khỏi đàn của ông chủ đang nằm trong bao tải của nó và bác Mingô.

Cùng lúc với tiếng hô : “Buông gà!” hai con vật lao ra, nhảy bật lên không rồi lại hạ xuống, quay cuồng và đánh dứ - theo cảm giác của Joóc, đây chỉ là chọi thông thường, không có chút kịch tính ly kỳ nào như nó bao giờ cũng cảm thấy cùng với bác Mingô và ông chủ ở các cuộc đấu lớn. Cuối cùng khi một con đánh một cựa làm con kia bị thương nặng ở cổ, cũng vẫn phải mất hàng phút nữa mới kết liễu, mà với một con gà thượng hạng thì chỉ cần vài giây, Joóc biết thế. Nó nhìn người thua cuộc rời bãi, cay đắng nguyền rủa vận đen đủi của mình, nắm chặt chân con gà chết. Trong trận thứ hai, rồi trận thứ ba, cả những con thắng lẫn con thua đều không tỏ ra có ngọn lửa chiến đấu và cái phong cách thượng võ mà Joóc thường thấy, nỗi bồn chồn của nó giảm tới mức là trong khi trận thứ tư xẹp dần, cu cậu gần như vênh váo đợi lượt mình vào bãi chọi. Nhưng khi đến lượt, tim nó lại lập tức bắt đầu đập nhanh hơn.

“Tốt, tốt! Bây giờ đến lượt nhọ của ông Romz với một con xám đốm và nhọ của ông Liơ với một con đỏ! Lắp cựa đi!” Joóc đã nhận ra gã da đen chắc nịch, đối thủ của mình, từ lúc tới đây: trên thực tế, trong mấy năm qua, họ đã từng nói chuyện ngắn ngủi với nhau tại các cuộc đấu “chủ lực” lớn. Giờ đây, cảm thấy đôi mắt bác Mingô dán chặt vào mình, Joóc hoàn tất thủ tục cân gà, rồi quỳ xuống, mở cúc túi yếm của chiếc quần lao động và rút ra bộ cựa bọc kín. Trong khi buộc cựa vào chân gà, nó nhớ lại lời dặn của bác Mingô “đừng hờ quá kẻo có thể bị lỏng ra và tuột xuống, đừng chặt quá kẻo nó làm gà tê chân và bị chuột rút”. Hy vọng là mình thực hiện vừa độ chặt, Joóc nghe thấy quanh mình những tiếng cá: “Năm mươi xu con đỏ!”… “chơi!”… “Một đôla con xám!”… “Cân!”… “Bốn đôla con đỏ”. Đó là bác Mingô dõng dạc hô tiếng cá lớn nhất vượt xa mọi tay khác, dấy lên nhanh chóng một loạt tiếng xôn xao hưởng ứng. Joóc có thể thấy sự náo nức của đám đông dâng lên cùng với nỗi hồi hộp của chính bản thân. “Chuẩn bị!”

Joóc quỳ xuống, giữ chắc con gà của mình trên mặt đất, cảm thấy mình nó rung lên trong niềm háo hức lao ra tấn công.
“Buông gà!”

Nó đã quên mất không theo dõi môi người trọng tài! Lúc tay nó bật lên thì con gà kia đã vun vút xông tới. Luống cuống lùi lại, Joóc kinh hãi nhìn con gà của mình bị đánh vào mạng sườn, loạng choạng mất thăng bằng, rồi lại tiếp thêm một cựa vào sườn bên phải, nhanh và mạnh đến nỗi nó quay lông lốc. Nhưng nhanh chóng hồi sức, nó quay lại tấn công trong khi một mảng lông thấm máu đen sẫm lại. Hai con gà nhảy lên xoắn vào nhau, gà của Joóc bay cao hơn, nhưng khi nhào xuống, không hiểu sao lại đá trượt, chúng làm động tác giả, rồi lại nhảy lên, lần này thì xấp xỉ cao bằng nhau, cả hai vung cựa nhanh đến nỗi không mắt nào theo dõi kịp. Trong vài phút tưởng như bất tận, tim Joóc ngừng đập trong khi hai con gà xông vào mổ, đánh dứ, bất thình lình lao lên và nhảy chồm chồm khắp bãi chọi. Nó biết gà mình hẳn đang yếu sức vì mất máu liên tục, mặc dầu vẫn chống trả những đợt tấn công của con xám đốm. Rồi bất thình lình, một nhát cựa vung đánh nhoáng, thế là xong và con gà của Joóc lăn ra run cầm cập, giãy chết. Joóc hầu như không nghe thấy những tiếng hò reo và nguyền rủa của những người đánh cá, trong khi đó nhấc con gà hấp hối ra khỏi bãi chọi. Nước mắt trào ra, Joóc đang chen lấn qua đám đông những người kinh ngạc trố mắt nhìn thì bác Mingô nắm lấy khuỷu tay nó, thô bạo đẩy dúi ra tới một chỗ không ai có thể nghe thấy.
“Mày dư thằng ngu!” bác rít lên. “Đi bắt con gà kia để đánh trận sau thôi!”.
“Cháu chẳng được tích sự gì cả, bác Mingô ạ. Làm cho con gà của ông chủ bị giết rồi!”

Mingô có vẻ không tin. “Đã chọi gà thì bao giờ cũng có một bên thua. Mày không bao giờ thấy ông chủ thua sao? Thôi, bây giờ quay lại bãi đi!” Nhưng cả dọa dẫm lẫn động viên dỗ dành đều không đủ để lay chuyển gã trai trẻ và cuối cùng bác thôi không gặng nữa. “Thôi được! Tau về biểu ông chủ là chúng ta sợ mất vía không dám gỡ lại tền của ông í!”.

Giận dữ, bác Mingô quay trở về phía đám đông quanh bãi chọi. Tuy xấu hổ, Joóc vừa ngạc nhiên vừa lấy làm may là những tay đấu “hạ cấp” kia hầu như không để mắt tới nó, mà dồn cả chú ý vào trận đấu sau. Hai trận nữa qua trước khi trọng tài lại gọi: “Nhọ của Tom Liơ!”. Ngượng chín người, nó nghe thấy Mingô cá mười đôla và có người nhận theo cuộc, trước khi ông lão thả con gà thứ hai của ông chủ. Nó đánh hay, giết địch thủ trong vòng không đầy hai phút.

Những cố gắng của bác Mingô để an ủi Joóc trong khi hai ông con cuốc bộ về phía đồn điền, không ăn thua mấy. "Chúng ta được hai đôla, sao mà mày lại cứ đi đưa đám làm vậy?"
"Thua xấu hổ quá thôi – mấy lị chắc ông chủ chả mấy muốn cháu đánh thua gà ông í nữa"…

Thấy chú tập sự dường như đinh ninh là mình trở thành kẻ chiến bại ngay từ trước khi khởi đầu, bác Mingô hoang mang đến nỗi, sau ba ngày Joóc quanh quẩn buồn rũ như muốn đất nứt ra, nuốt gọn với mình, bác quyết định phải nói với mexừ Lio về chuyện đó. "Ông chủ, xin ông nói với thằng nhỏ í một tiếng. Xem vẻ nó nghĩ thua một trận là điều nhục nhã!". Lần sau đến thăm khu gà chọi, ông chủ lại gần Joóc "Tao nghe nói mày không đành tâm cam chịu một trận thua là nghĩa thế nào?"

"Thưa ông chủ, để cho gà của ông bị giết, cháu cảm thấy thật ghê gớm!"
"Ấy thế mà tao còn muốn mày đem chọi hai mươi con nữa cơ!"
"Dạ, thưa ông". Ngay cả với lời trấn an của ông chủ, Joóc vẫn lừng chừng chưa thật vững tâm.

Nhưng khi Joóc thắng cả hai gà trong khi thi đấu "hạ cấp" tiếp theo thì cu cậu bắt đầu ra dáng và huênh hoang như chú gà đắc thắng của mình. Sau khi hãnh diện vơ những món tiền cá, bác Mingô kéo Joóc sang bên và thì thầm: "Mày cứ vênh váo cái đầu rồi lại thua cho mà xem!".

"Bác Mingô để cháu cầm tất cả số tiền kia tí thôi!" anh chàng thốt lên, hai tay khum vào nhau chìa ra.
Trong khi Joóc dán mắt vào xấp giấy bạc một đôla nhàu nát và một lô tiền đồng nữa, bác Mingô cười nói: "Mày mang tiền về cho ông chủ, cả hai cùng thích!".
Trên đường về, Joóc cố gắng – có dễ đến lần thứ một trăm – thuyết phục bác Mingô đến thăm xóm nô để gặp mẹ mình, các cô bác Malizi, Xerơ và Pompi. "Ông chủ chỉ có sáu chúng ta là nhọ công, bác Mingô ạ, vậy ít nhất chúng ta cũng phải quen biết nhau chớ! Nhất định là họ thích gặp bác. Mỗi lần đến đấy, cháu đều nói chuyện về bác suốt, dưng mà các người í cảm thấy dư là bác không thích họ hay là thế nào í!"
"Cả mầy lẫn họ đều phải bết rằng tau làm sao ghét ai được nếu tau thậm chí không quen người í!" Bác Mingô nói.
"Thôi cứ giữ nguyên như cũ, như vậy họ đỡ phải phiền hà vì tau mà tau cũng không phải bận tâm đến họ!"
Và một lần nữa, khi tới đồn điền, bác Mingô lại đi con đường vòng tách xa xóm nô.

Mắt Kitzi tròn xoe khi trông thấy mớ giấy bạc và tiền đồng trong tay Joóc. "Lạy Chúa, mày lấy đâu ra lắm thế, con trai?" chị hỏi và gọi Xerơ tới coi thử.
"Vậy chứ bao nhiêu đấy?" Xerơ hỏi.
"Cháu chả biết, cô ạ, dưng mà ở chỗ í còn nhiều hơn nữa".
Xerơ nắm lấy bàn tay rảnh của Joóc đến khoe món bở với bác Pompi.

"Giá tau cũng kiếm cho mình một con gà chọi có phải hơn không", ông già nói "Dưng mà, nhỏ này, đây là tiền của ông chủ!"
"Ông í cho cháu một nửa!" Joóc hãnh diện giải thích. "Thật vậy, cháu phải đến giao phần cho ông í ngay bây giờ".

Đến nhà bếp, Joóc phô tiền cho Malizi thấy, rồi xin gặp ông chủ.

Khi mexừ Lio bỏ chín đôla được cá vào túi, ông ta cười ha hả: "Mẹ kiếp, tao ngờ là Mingô tuồn cho mày những con gà hay nhất, còn những con loại thì để cho tao!".

Joóc ngây ngất cả người.

Trong cuộc đấu hạ cấp lần sau, Joóc lại thắng bằng hai con gà bữa trước, và chuỗi thắng lợi liên tiếp của Joóc kích thích trí tò mò của mexừ Lio đến nỗi cuối cùng, ông ta đành vi phạm những quy định tự đề ra cho mình không được dự các cuộc đấu hạ cấp.

Việc ông chủ tới bất ngờ gây ra những tiếng xì xào và những cái huých nhau vội vã trong đám đấu thủ hạ cấp. Thấy ngay cả bác Mingô và Joóc cũng sờ sợ và không tự tin, mexừ Lio bắt đầu cảm thấy áy náy vì việc mình đã đến. Rồi, nhận ra rằng mình cần phải chủ động, ông bèn cười nhăn nhở và vẫy chào một trong những người da trắng nghèo lớn tuổi. "Chào Jim!" Rồi một người khác "Ê, Pitờ!" Họ cười đáp lại, ngạc nhiên thấy ông ta còn nhớ tên mình. "Ê, Đevờ!" ông ta tiếp tục. "Tôi thấy hình như bao nhiêu răng còn sót lại của anh đã bị mẹ đĩ đá văng đi nốt rồi thì phải – hay là tại rượu uytxki hạng bét?".

Giữa tiếng cười rộ, người ta hầu như quên bẵng cuộc đấu hạ cấp và xúm lại quanh con người đã xuất thân nghèo hèn như bất kỳ ai trong bọn họ rồi bỗng trở thành một huyền thoại đối với họ.

Tràn đầy kiêu hãnh, Joóc ẵm gà dưới cánh tay và bỗng nhiên khụng khiệng diễu quanh ra bãi chọi, làm cả bác Mingô lẫn mexừ Lơ đều sững sờ. "Được! Được!" nó nói to tướng, "bất cứ người nào có tiền hãy sắp ra! Cứ cá đi, đừng lo, bao nhiêu cũng được, nếu tui không theo nổi, đã có ông chủ tui nhất định cân hết, ông ấy giàu thế cơ mà!" Trông thấy ông chủ tủm tỉm cười, Joóc càng cao giọng hơn: "Đây tui chỉ đánh gà loại của ông ấy mà cũng được bất cứ con nào ở đây! Nào, lại đây!"

Một giờ sau, sau khi quảng bá rùm beng trận thắng thứ hai, Joóc được hai mươi hai đôla và mexừ Lơ gần bốn mươi do nhận những khoản cá ngoại phụ mà một số người nài ép thêm. Ông ta thật lòng không thích lấy tiền của những người mà ông biết là nghèo rớt mồng tơi như ông thuở xưa, nhưng ông biết là từ đấy cho đến hết năm, họ sẽ đi khoe rằng họ đã mất gấp mười lần thế vì đánh cá với Tom Lơ.

Người ta thấy nhơ nhớ gã Joóc tự kiêu, vỗ ngực đề cao mình, khi gã không xuất hiện ở bốn cuộc đấu hạ cấp sau đó trong quận Caxuel vì bác Mingô lại bị một trận ho dữ dội và Joóc không nỡ để ông thầy già thui thủi ở nhà với đàn gà mà đi một mình. Nhưng ngay cả khi bác Mingô đã đơ đỡ, bác vẫn chưa đủ sức đi bộ suốt chặng đường để đến dự cuộc đấu sắp tới – nhưng bác đề nghị Joóc cứ đi.
"Mầy đâu phải con nít! Giá có gái ở đây lại chả nhanh dư chớp!".

Thành thử Joóc đi một mình, mỗi tay xách một bị phồng to, đựng một con gà loại. Khi nó xuất hiện trong tầm mắt những tay chọi gà vốn đã cảm thấy thiêu thiếu sự có mặt rôm rả của nó trong thời gian gần đây, một người trong bọn kêu to: "Nhìn coi! Cái thằng 'Joóc gà' đến kìa!" Tất cả phá lên cười và nó cũng cười theo.

Trên đường về - trong túi, tiền được cá còn rủng rẻng hơn cả những lần trước – càng nghĩ, nó càng thích âm điệu của cái tên ấy. Nó có một vẻ thính nhạy nhất định.
"Con cuộc là tất cả ở đây không ai đoán được họ đặt tên con là gì tại cuộc đấu hạ cấp!" vừa tới xóm nô, nó nói luôn.
"Chịu, tên gì?"
"Joóc-Gà".
"Lạy Chúa tôi!" Xerơ kêu lên.
Mặt Kitzi long lanh đầy yêu thương và tự hào, "Được" chị nói, "Rành là cũng gần gần đúng dư ai nấy đều tả cảnh mầy bi giờ!"

Thậm chí cái biệt hiệu ấy cũng làm cho mexừ Lơ thú vị khi bác Mingô kể cho ông ta nghe; bác nhăn nhó nói thêm: "Tui lấy làm lạ sao họ không gọi nó là 'Joóc Nhè' vì cái thói nó vuỗn khóc òa lên mỗi lần gà nó bị giết. Bi giờ nó được dều thế mà vuỗn chả khác gì hết! Hễ gà nó bị một cựa đánh chết là nó tóe nước mắt, khóc tu tu và ôm ghì lấy gà như thể là con đẻ nó. Ông đã nghe thấy hay trông thấy thế bao giờ chưa, ông chủ?"

Mexừ Lơ cười: "Ờ, chính ta nhiều lần cũng muốn khóc khi ta cá quá mức phải chăng và gà ta bị một cựa chí tử! Nhưng mà không, ta đồ chừng nó là đứa duy nhất xúc động mạnh như lão nói đấy, ta cho là nó quá gắn bó với gà".

Sau đó không lâu, tại cuộc đấu "chủ lực" lớn nhất trong năm, ông chủ đang trở về xe, tay ẵm con gà vừa thắng trận chung kết, thì nghe có tiếng người gọi: "Ơ, ông Lơ!". Quay lại, ông ngạc nhiên thấy nhà chơi gà quý tộc Joóc Juét miệng mỉm cười, chân sải bước về phía mình.

Mexừ Lơ cố lấy giọng thản nhiên: "Ồ, ông Juét đấy à".

Rồi họ bắt tay nhau. "Ông Lơ, tôi sẽ rất thẳng thắn như trong giới thượng lưu và giới chọi gà chúng ta với nhau. Tôi vừa mới mất tên luyện gà. Bọn tuần tra đường bắt hắn đêm hôm nọ vì không có giấy thông hành. Chẳng may, hắn toan chạy trốn và bị bắn bị thương nặng không chắc có qua khỏi."

"Tôi lấy làm buồn khi nghe tin đó… tôi muốn nói, buồn cho ông chứ không phải cho tên nhọ". mexừ Lơ nguyền rủa cho sự lúng túng của mình và đoán thử điều gì sắp tiếp theo. Hắn nhà quí tộc cần tới Mingô.

"Tất nhiên là thế." Juét nói. Thành thử tôi đâm cần ít ra là một tay luyện gà tạm thời, một tên chí ít cũng biết đôi điều về gà chọi…" Ông ta ngừng một lát. "Trong những cuộc chọi gà của chúng ta, tôi để ý thấy ông có hai tên luyện gà. Tôi không dám nghĩ đến lão già dày dạn kinh nghiệm của ông, nhưng tôi tự hỏi liệu ông có vui lòng nhượng lại tên kia với một giá kha khá, cái thằng trai trẻ hiện đang chim chuột một con hầu gái ở chỗ tôi, theo như bọn nhọ của tôi mách…"

Sự ngạc nhiên của mexừ Liơ pha lẫn với phẫn nộ trước cái bằng chứng đó về sự gian trá của Joóc-Gà. Giọng ông ta như nghẹn lại: "À, tôi hiểu."

Mexừ Juét lại mỉm cười, biết rằng mình đã làm ông kia rớm máu. "Xin để tôi chứng minh rằng tôi không muốn cò kè bớt một thêm hai". Ông ta ngừng một lát. "Ba nghìn đôla có được không?"

Mexừ Liơ lảo đảo, không dám chắc là mình đã nghe đúng. "Rất tiếc, thưa ông Juét", ông ta nghe thấy mình nói cộc lốc. Ông cảm thấy sướng rơn người vì có dịp cự tuyệt một nhà quý tộc giàu có.

"Thôi được". Giọng Juét đanh lại. "Đề nghị cuối cùng của tôi: bốn nghìn!"

"Có điều là tôi không bán người luyện gà của mình, ông Juét ạ".
Mặt nhà phú hộ chơi gà xìu xuống, mặt ông ta trở nên lạnh lùng.
"Tôi hiểu. Tất nhiên! Thôi chào ông!"

"Chào ông", mexừ Liơ nói và họ đi về hai ngả đối lập.
Ông chủ trở về xe thật nhanh, nhưng không chạy, nỗi giận dữ dâng lên. Bác Mingô và Joóc-Gà thấy vẻ mặt ông ta bèn thận trọng ngồi yên, ngây đuỗn. Tới xe, ông ta vung nắm đấm dọa Joóc, giọng run lên vì tức giận. "Tao thì đánh rập óc mày! Mẹ kiếp, mày làm cái gì ở chỗ Juét – kể với lão ấy là ta luyện gà như thế nào hử?"
Joóc-Gà xám mặt lại: "Cháu chả kể với mexừ Juét gì hết, ông chủ ạ"… Gã chật vật lắm mới nói được. "Cháu chả bao giờ nói một câu nào mấy ông í, thưa ông chủ!" Vẻ kinh ngạc hoàn toàn và sợ hãi của gã khiến mexừ Liơ tin một nửa. "Mày định nói với tao là mày đi suốt đến đó chỉ để giăng gió với con ở nhà Juét hay sao, mẹ kiếp?" Cho dù đó là điều vô tội, ông ta biết mỗi lần đi như thế đều đem lại nguy cơ cho gã luyện gà tập sự của ông trước mưu lược của Juét và điều đó có thể dẫn đến mọi sự.
"Thưa ông chủ, lạy Chúa lòng lành"…

Một chiếc xe khác đang tiến sát lại, nhiều người trong đó gọi và vẫy chào ông chủ. Vừa vẫy tay đáp lại, mexừ Liơ vừa he hé miệng gượng mỉm cười và nhích ra tận đầu chiếc ghế băng, khẽ gắt bác Mingô khiếp đảm: "Quỷ tha ma bắt, đánh xe đi!" Suốt chặng đường về đồn điền tưởng chừng không bao giờ hết, không khí căng thẳng cơ hồ lấy dao cắt được. Sự căng thẳng giữa bác Mingô và Joóc-Gà trong phần còn lại của ngày hôm đó cũng không kém mấy tí. Đêm ấy, Joóc thao thức nằm, toát mồ hôi đoán trước hình phạt sắp tới.

Nhưng không có gì đến cả. Và mấy ngày sau, ông chủ nói với bác Mingô như không có chuyện gì xảy ra. "Tuần sau, ta phải đi đấu gà ở tận Vơjiniơ. Ta biết đi xe ngựa đường dài như thế không tốt gì cho bệnh ho của lão, cho nên ta chỉ mang theo thằng nhỏ thôi"

"Dạ, thưa ông chủ"

Bác Mingô đã biết từ lâu là ngày đó phải đến; chính vì thế mà ông chủ đã luyện thằng nhỏ để thay bác. Nhưng bác không ngờ là nó đến sớm thế.

Chương 93

“Mày nghĩ gì hung thế nhỏ?”
Sau hơn một giờ ngồi chung ghế và ngắm những đám mây lớp xớp của buổi sáng ấm áp tháng hai, con đường bụi bặm trải dài trước mặt hoặc sự co duỗi đều đều những bắp thịt mông của đôi la, câu hỏi đột ngột của mexừ Liơ làm Joóc-Gà giật mình.

“Chả có gì”, gã trả lời. “Cháu chả nghĩ gì cả, ông chủ ạ”.
“Bọn nhọ chúng mày có cái gì đó tau không bao giờ hiểu nổi!” giọng mexừ Liơ hơi sẵng. “Người ta định nói chuyện tử tế với bọn mày, ấy thế là bọn mày bắt đầu giở thói ngu xuẩn. Làm tao phát điên lên, mẹ kiếp, nhất là với một thằng nhọ mồm mép như mày, lúc nào muốn thì thao thao bất tuyệt. Mày có nghĩ là người da trắng sẽ tôn trọng bọn mày hơn nếu bọn mày tỏ ra khôn ngoan không?”

Tâm trí Joóc-Gà đang lơ tơ mơ chợt bừng dậy linh lợi, sắc sảo.
“Có thể, mà lại cũng có thể có người không”, gã thận trọng nói. “Mọi sự còn tùy.”
“Đấy, mày lại giở lối nói quanh dây cà ra dây muống. Tùy cái gì?”

Tiếp tục né tránh kỳ đến lúc nào nắm rõ hơn ý đồ của ông chủ, Joóc-Gà lại lựa lời rào đón: “À, thưa ông, cháu muốn nói là còn tùy chỗ mình nói với người da trắng nào, ít nhất cháu cũng cảm thấy thế.”
Mexừ Liơ ngán ngẩm nhổ toẹt sau thành xe. “Nuôi một thằng nhọ, cho nó ăn, mặc, một cái mái che trên đầu và mọi thứ khác nó cần trên đời, ấy thế rồi cái thằng nhọ ấy chẳng bao giờ trả lời mình một câu nào thẳng thắn rành rọt!”
Joóc-Gà đoán liều rằng ông chủ chỉ ngẫu hứng quyết định khơi chuyện phiếm với mình thôi, với hy vọng làm vui cuộc đi xe la đường trường đã trở nên chán ngắt và dường như bất tận này.
Để chấm dứt không làm ông chủ bực mình nữa, gã thăm dò: “Ông muốn biết sự thật chẻ hoe, thẳng băng thì, thưa ông chủ, cháu cho rằng phần đông dân nhọ cứ tưởng làm ra ngây ngô hơn thật, là khôn ngoan, bởi vì họ sợ người da trắng”.
“Sợ!” mexừ Liơ thốt lên. “Bọn nhọ trơn tuột như lươn ấy, có thế thôi! Tao chắc cái bọn nhọ sợ sệt nhút nhát ấy mưu mô nổi loạn mỗi lần chúng tao quay lưng! Bỏ thuốc độc vào thức ăn của người da trắng, thậm chí giết cả con nít! Mày muốn kể tội người da trắng bất cứ cái gì, bọn nhọ cũng làm cái ấy suốt, thế mà hễ người da trắng hành động để tự vệ thì nhọ lại la ầm ĩ lên là nhọ sợ!”
Joóc-Gà nghĩ là nếu khôn ngoan thì thôi đừng có chọc tức ông chủ nữa. “Ông đừng tin là có ai ở chỗ ông làm dư thế, thưa ông chủ”, gã bình tĩnh nói.
“Bọn nhọ chúng bay phải biết là nếu bọn bay làm thế thì tao giết sạch!” Một con gà gáy to tướng trong lồng đằng sau họ và mấy con khác cục cục đáp lại.
Joóc không nói gì cả. Họ đang đi qua một đồn điền lớn và gã nhìn một toán nô lệ ngả những thân cây khô chết, chuẩn bị cày vỡ cho mùa sau.
Mexừ Liơ lại nói: “Tao nghĩ mà phát ớn là cái bọn nhọ có thể làm gay go biết mấy cho những người làm lụng vất vả suốt đời để xây dựng một cái gì”.
Chiếc xe la lăn bánh yên lặng được một lát, song Joóc-Gà có thể cảm thấy cơn giận của ông chủ đang dâng lên. Cuối cùng ông chủ thốt lên: “Nhỏ, tao nói cho mày nghe cái này! Suốt đời mày ở chỗ tao, ăn no phễnh bụng. Mày không biết thế nào là lớn lên lúc nhúc, chết đói dở cùng với mười anh, chị, em và cả bố lẫn mẹ chui rúc trong hai căn buồng dột nát, nóng thiêu!”
Joóc-Gà ngạc nhiên trước lời thú nhận ấy từ miệng ông chủ đang sôi nổi nói tiếp như thể cần phải trút bỏ những hồi ức đau đớn ra khỏi hệ ý nghĩ. “Nhỏ, tao không nhớ có lúc nào mà mẹ tao không có mang. Còn bố tao thì chóp chép thuốc lá, suốt đời nửa say nửa tỉnh, quát tháo, chửi rủa bọn tao không đứa nào cần cù cho vừa ý ông để làm mươi âycơ đất cằn sỏi đá – mà bây giờ có bán năm xu một âycơ, tao cũng không thèm mua - ở chỗ mà ông ấy tự xưng là chủ trại”.
Nhìn trừng trừng vào Joóc-Gà, ông cáu kỉnh nói: “Mày muốn biết cái gì đã thay đổi đời tao không?”
“Thưa ông, có”, Joóc đáp.
“Cái ông danh sư chữa bệnh bằng lòng tin ấy đến. Ai nấy phấn khởi chạy quanh cái lều lớn của ông ấy đang được dựng lên. Đêm mở màn, tất cả những ai đi được, thậm chí cả những người phải cáng, phải mang, đều ùa vào lều đó. Sau này, người ta nói ở quận Caxuel chưa bao giờ có một bài thuyết pháp về hỏa ngục như thế và những vụ chữa bệnh thần kỳ như thế. Tao không bao giờ quên cái cảnh hàng trăm người da trắng nhảy cẫng hò hét. Người nọ ôm chầm lấy người kia, rầu rĩ và oằn oại và co giật. Tệ hơn cả bất kỳ cuộc họp trại nào của dân nhọ. Nhưng giữa tất cả những hò la, ồn ào loạn xị ấy, có một điều làm tao chú ý, cách này hay cách khác.” Mexừ Liơ nhìn Joóc-Gà. “Mày có biết gì về Kinh thánh không?”

“Không… phải, thưa ông, không biết gì mà bàn.”
“Tao cuộc là mày nghĩ tao cũng mù tịt Kinh thánh! Cái ấy trong sách Thi Thiên. Tao đã đánh dấu chỗ ấy ở trong quyển Kinh Thánh của tao. Đoạn ấy nói rằng: “Xưa tôi trẻ và nay đã già; vậy mà tôi chưa từng thấy những người chính trực bị Chúa từ bỏ và dòng giống của Chúa phải đi xin ăn”.
“Sau khi vị giáo sĩ ấy đã đi khỏi lâu rồi, câu đó vẫn bám chặt trong đầu tao. Tao lật đi lật lại, xoay các chiều, cố hình dung xem nó có ý nghĩa gì đối với mình. Mọi cái tao thấy trong gia đình tao, quy lại, chỉ là xin ăn. Bọn tao chẳng có gì và rồi cũng sẽ chẳng có gì hết. Rút cục, dường như câu đó có nghĩa là nếu tao quyết tâm thành người chính trực – nói cách khác là nếu tao làm lụng cần cù và sống thiện nhất như cách tao biết – tao sẽ không bao giờ phải xin ăn, khi về già”. Ông chủ nhìn Joóc-Gà, vẻ thách thức.
“Dạ, thưa ông”, Joóc-Gà không biết nói gì khác.
“Chính lúc đó tao bỏ nhà ra đi”, mexừ Liơ kể tiếp. “Bấy giờ tao mười một tuổi. Tao tới đường cái, gặp ai cũng xin việc, làm bất cứ cái gì, kể cả công việc của nhọ. Tao rách rưới, tao ăn đồ bỏ. Tao dành dụm từng xu kiếm được – bao năm ròng, tao nói thật đấy – cho đến khi, cuối cùng tao mua được mảnh đất rừng đầu tiên trong đời tao rộng hai mươi lăm âycơ cùng với tên nhọ đầu tiên của tao tên là Joóc. Thật vậy chính là tao lấy tên hắn đặt cho mày…”
Ông chủ có vẻ như chờ đợi một phản ứng nào đó. “Bác Pompi đã kể cho cháu nghe về người í”, Joóc-Gà nói.
“Ờ, Pompi còn đến sau, tên nhọ thứ hai của tao. Nhỏ, mày nghe tao kể đây, tao đã làm việc vai kề vai với gã Joóc nhọ ấy, quần quật làm từ cái có thể đến cái không thể, đào gốc trốc rễ, phát bờ phát bụi, nậy đá để trồng mùa đầu tiên. Quả là chỉ có Chúa mới run rủi cho tao mua cái vé xổ số hai mươi lăm xu ấy và nhờ cái vé ấy, tao được con gà chọi đầu tiên trong đời tao. Nhỏ ạ, đó là con gà hay nhất tao từng có! Ngay cả những lần nó bị thương nặng, tao chữa chạy cho nó và nó tiếp tục thắng nhiều trận đấu hạ cấp đến mức chưa ai từng nghe thấy có con gà nào làm được như thế.”
Ông ta ngừng một lát. Không biết tại sao tao lại ngồi đây tâm sự thế này với một thằng nhọ. “Nhưng mà tao, đồ chừng con người ta đôi lúc cũng cần hàn huyên với ai đó”.
Ông lại ngừng. “Người ta chả thể trò chuyện gì nhiều với vợ được. Dường như người đàn bà một khi vớ được anh chồng để săn sóc mình là suốt đời chỉ những ốm đau, nghỉ ngơi hay phàn nàn cái này cái khác, trong khi nhất cử nhất động đều có bọn nhọ hầu hạ tíu tít. Hoặc giả suốt ngày đánh phấn đánh sáp kỳ đến khi trông như ma”…
Joóc-Gà không dám tin ở tai mình nữa. Song ông chủ dường như không kìm nổi mình. “Hoặc giả lại bị cách khác, như gia đình nhà tao ấy. Nhiều lần tao cứ tự hỏi tại sao chín anh chị em tao không ai vật lộn để thoát ra như tao. Giờ đây, họ vẫn còn chen chúc, đói ăn hệt như ngày tao bỏ đi – chỉ khác cái bây giờ là tất cả đều có gia đình riêng”.
Joóc-Gà quyết định rằng tốt nhất là đừng có tán thưởng – dù chỉ bằng một tiếng “dạ” – bất cứ điều gì ông chủ nói về gia đình mình, mà Joóc đã trông thấy mấy thành viên nói chuyện qua quít với ông ta khi họ gặp nhau ở các cuộc chọi gà hoặc trên tỉnh. Anh em trai của mexừ Liơ đều là những cách-cơ nghèo xác nghèo xơ, thuộc loại mà không những các điền chủ giàu, mà cả đến nô lệ của họ cũng xem khinh. Nhiều lần, Joóc đã thấy ông chủ lúng túng biết mấy, khi gặp bất kỳ ai trong bọn họ. Gã đã nghe hóng thấy họ luôn luôn ca cẩm về thời buổi khó khăn và xin tiền ông ta, gã đã trông thấy vẻ hằn học trên mặt họ khi ông chủ cho họ năm mươi xu hay một đôla mà gã biết họ sẽ tiêu vào rượu uytxki trắng loại tồi. Joóc-Gà nhớ tới cô Malizi đã kể biết bao lần là mỗi khi ông chủ mời anh chị em trong gia đình đến ăn cỗ, họ thường ăn uống, nhồi nhét bằng ba suất thường và hễ ông chủ đi khỏi tầm tai nghe là lại đua nhau thóa mạ ông ta như chó.
“Bất kỳ ai trong bọn họ đều có thể làm như tao!” mexừ Liơ thốt lên bên cạnh gã trên chiếc ghế băng xe tải. “Nhưng họ không có chí thì mặc xác họ!” Ông ta lại im, nhưng không lâu.
“Cách này hay cách khác, giờ đây tao đã khá giả - có nhà ở khang trang, trên dưới một trăm gà chọi, tám mươi lăm âycơ đất trong đó quá nửa được trồng cây cùng với nhiều ngựa, la, bò, lợn. Tao lại có đám nhọ lười chúng bay nữa.”
“Dạ”, Joóc-Gà nói, gã nghĩ có thể nhẹ nhàng phát biểu một quan điểm khác cũng không can chi. “Dưng mà cánh nhọ chúng cháu cũng cần mẫn làm việc cho ông đấy chứ, thưa ông chủ. Theo chỗ cháu biết thì mẹ cháu mấy các cô, bác Malizi, Xerơ và Pompi và Mingô – họ đã chẳng làm cật lực vì ông đó sao?”. Và không để cho ông chủ kịp trả lời, gã chuyển sang một đầu đề mà Xerơ đã nhắc tới trong buổi nó về thăm xóm nô chủ nhật trước. “Thực tế, thưa ông chủ, trừ mẹ cháu, không có ai trong số đó còn dưới năm mươi tuổi ...” Gã hãm lại không nói thêm cái kết luận của Xerơ rằng chỉ tại ông chủ quá keo, không chịu mua người nô lệ trẻ nào, rõ ràng là định bắt dúm gia nhân có sẵn trong tay làm việc đến lúc họ gục xuống.
“Hắn mày không chú ý nghe kỹ tất cả những gì tao nói, nhỏ ạ ! Có tên nhọ nào thuộc quyền sở hữu của tao, đã làm vất vả như tao không? Cho nên đừng có nói với tao là dân nhọ làm vất vả thế nào !”
“Vâng”
“Vâng cái gì?”
“Vâng thôi ạ. Nhất định ông cũng làm vất vả, thưa ông chủ”.
“Đúng quá đi chứ! Mày tưởng chịu trách nhiệm về tất cả mọi sự và mọi người ở chỗ tao, là chuyện dễ à? Mày tưởng duy trì một đàn gà đông thế này là chuyện dễ à?”.
“Không ạ, cháu biết chắc chắn cái đó thật là gay cho ông, thưa ông chủ”. Joóc nghĩ đến bác Mingô đã phải chăm nom đàn gà hằng ngày trong hơn ba mươi năm nay – không kể bảy năm của bản thân gã. Rồi, dùng chút mẹo để

nhấn mạnh mấy thập niên phục vụ của bác Mingô, gã hồn nhiên nói: "Ông chủ, ông có biết bác Mingô bao nhiêu tuổi rồi không?".
Mexừ Lio xoa xoa cằm. "Mẹ kiếp, tao quả không biết. Để xem, có lần tao đồ chừng lão ấy hơn tao độ mười lăm tuổi – tức là lão vào khoảng ngoài sáu mươi gì đó. Và mỗi ngày một già thêm. Vẻ như lão mỗi năm một ốm yếu hơn thì phải. Mày thấy thế nào? Mày ở dưới đó quanh quẩn bên lão mà".
Joóc-Gà vụt nghĩ đến trận ho gần đây của bác Mingô, cơn bệnh nặng nhất của bác từ trước đến nay, theo như gã biết. Nhớ lại Malizi và Xerơ thường bảo rằng ông chủ coi mọi sự kêu ca bệnh tật của người làm chỉ đơn thuần là lười nhác, cuối cùng gã nói: "À thưa ông chủ, thường thường thì xem bác í cũng khỏe, dưng mà cháu cho rằng quả thật ông cũng cần phải biết là đôi khi bác í bị dững cơn ho rành là dữ dội – đến nỗi cháu phát sợ, bởi vì bác í đối mấy cháu đúng dư là một người cha vậy".
Kìm lại quá muộn, gã lập tức cảm thấy một phản ứng hằn học. Một chỗ gồ ghề trên đường làm cho những con gà trong lồng lại kêu cục cục, rồi chiếc xe lại lăn bánh trong im lặng hồi lâu trước khi mexừ Lio cất tiếng hỏi: "Mingô làm gì cho mầy nhiều vậy? Phải chăng lão đã rút mày khỏi công việc đồng áng, đưa mày xuống đây, cho mày một cái lán riêng?"
"Không ạ, mọi cái đó là do ông làm cả, thưa ông chủ".
Họ tiếp tục im lặng một lúc cho tới khi ông chủ lại quyết định nói nữa. "Trước tao không nghĩ mấy về cái điều mày nói ban nãy, cách đây một quãng, nhưng giờ mày nhắc tới, quả là tao đã vơ lấy một lũ nhọ già. Giờ đây, một số thế tất ngày một ngày hai sẽ bắt đầu gục để tội để nợ cho tao, mẹ kiếp ! Dù nhọ hiện nay có đắt mấy, tao cũng sẽ phải mua một, hai đứa lực điền trẻ!" Ông quay lại như định sáp đến gần Joóc-Gà. "Mày hiểu những điều tao nói chứ, mọi thứ việc tao phải lo toan suốt năm suốt tháng?"
"Vâng, thưa ông chủ"
"Vâng thưa ông chủ ! Cái dân nhọ hỏi gì cũng trả lời thế !"
"Chắc chắn ông chả muốn nhọ nào không đồng ý mấy ông, phải không ạ?"
"Ờ, thế mày có thể tìm được cái gì để nói ngoài câu vâng, thưa ông chủ không?"
"Không ạ... cháu muốn nói..., phải, thưa ông, chí ít ông cũng có chút tiền để mua nhọ, thưa ông chủ. Mùa này, ông thắng hay thế trong các cuộc chọi gà mà". Joóc-Gà hy vọng lái câu chuyện sang một đầu đề an toàn hơn. "Ông chủ ạ", gã thật thà hỏi, "có tay chơi gà nào không có trại không nhỉ? Cháu muốn nói là không trồng cấy gì, mà chỉ nuôi gà thôi?"
"Hừm-m-m. Theo tao biết thì không, trừ một số dân thành phố, nhưng tao không bao giờ nghe nói bất kỳ cha nào trong bọn ấy có đủ gà để đáng gọi là tay chơi thực thụ". Ông nghĩ một lúc. "Trên thực tế, thì thường thường là càng nhiều gà chọi, trang trại càng lớn – như cái chỗ ông Juét mà mày vẫn đến mò gái ấy".
Joóc-Gà rất giận mình đã khơi mào cho ông chủ nói chuyện ấy, và gã vội tìm cách chấm dứt đi cho rồi. "Cháu đâu có đến đó nữa, ông chủ".
Sau một lúc ngừng, mexừ Lio nói : "Mày kiếm được một con khác ở đâu đấy rồi hử?"
Joóc-Gà do dự trước khi trả lời: "Bi giờ, cháu ở nhà suốt". Như vậy, đỡ phải nói dối trực tiếp.
Mexừ Lio giễu: "Một con ngựa đực to lớn, vạm vỡ hai mươi tuổi như mày lại chịu thế ư? Nhỏ này, đừng có nói với tao là đêm đêm mày không chuồn đi đá bẫm cái món hĩm nóng giòn ấy! Mẹ kiếp, tao có thể đem mày cho thuê gây giống: tao cuộc là mày thích thế!" Mặt ông chủ nheo nheo gần như liếc tình, đầy vẻ dâm đãng. "Có người bạn thân của tao bảo là bọn gái da đen nóng máy ngon xơi lắm, bây giờ mày nói thật tao nghe, có đúng thế không nhỏ?"
Joóc-Gà nghĩ đến ông chủ với mẹ mình. Trong lòng sôi lên, nhưng gã vẫn chậm rãi nói, gần như lạnh lùng: "Có thể thế, thưa ông chủ"... Rồi dứt khoát: "Cháu không biết nhiều lắm"...
"Thôi được, mày không muốn nói, nhưng tao biết đêm đến mày mò đi đâu và đi thường xuyên đến mức nào. Tao không muốn bọn tuần đường bắn vào mày như tên nhọ luyện gà cho ông Juét, cho nên tao nói cho mày biết tao sẽ làm gì. Khi nào về, tao sẽ viết cho mày một giấy thông hành để đêm nào mày cũng đi săn hĩm, nếu mày muốn! Tao chưa bao giờ nghĩ là mình sẽ làm thế cho tên nhọ nào!"
Mexừ Lio có vẻ gần như bối rối, rồi che giấu bằng một cái cau mày. "Thế nhưng tao bảo cho mày biết một điều. Hễ mày làm thối chuyện, sáng ra không trở về, hoặc quá mệt mà bỏ việc, hoặc giả tao khám phá ra mày lại đến chỗ Juét nữa, hoặc giở bất kỳ trò gì khác mà mày biết mày không được phép làm, tao sẽ xé tan giấy thông hành ngay lập tức - và xé xác mày luôn thể. Hiểu chưa?"
Joóc-Gà vẫn không tin. "Thưa ông chủ, thế thì quý hóa quá! Rành là cháu rất lấy làm cảm kích, thưa ông chủ!"
Một cách cởi mở, Mexừ Lio xua tay gạt đi những lời cảm ơn "Thôi được rồi, mày thấy tao đâu có xấu bằng nửa mức bọn nhọ chúng mày tưởng tượng ra. Mày có thể nói cho bọn chúng là tao biết ưu đãi một tên nhọ như thế nào nếu tao muốn"
Cái cười dâm dật lại xuất hiện: "Tốt, thế bọn gái da đen nóng máy ấy thế nào, nhỏ? một đêm mày có thể nhảy mấy đứa?"
Joóc-Gà vặn vẹo người trên ghế như con sâu: "Thưa ông, như cháu đã nói, cháu có biết nhiều nhặn gì đâu"…
Nhưng mexừ Lio như không nghe thấy gã, cứ tiếp tục: "Tao nghe nói khối người da trắng cứ đi tìm phụ nữ nhọ để hú hí. Mày biết chuyện đó vẫn xảy ra chứ, nhỏ?".

“Cháu có nghe nói thế, thưa ông chủ”, gã nói, cố gắng không nghĩ đến cái thực tế là gã đang nói chuyện với chính cha mình. Nhưng ngoài những gì diễn ra trong các túp lều ở các đồn điền, Joóc-Gà biết rằng ở Bơớclinhtơn, ở Grinxborâu và Đơhâm, có những “nhà đặc biệt” vẫn được rầm rì nhắc đến, thường thường do một phụ nữ da đen tự do nào đó cai quản, ở đó gã nghe nói người da trắng tuỳ thích lựa chọn gái các màu da từ đen như bồ hóng đến nhuôm nhuôm với giá từ năm mươi xu đến một đôla.
“Mẹ kiếp”, ông chủ vẫn dai dẳng, “tao với mày ngồi nói chuyện ở đây chỉ có hai ta trong cái xe này. Theo tao nghe nói, bọn nó là gái nhọ, ừ thì đành rằng thế, nhưng lạy chúa, chúng nó là đàn bà. Tao nghe nói, bọn nó giòn như pháo ấy”. ông chủ nhìn Joóc-Gà, soi mói. “Có người quen bảo tao là bọn trai trẻ nhọ chúng bay không bao giờ chán cái hĩm đen nóng giòn ấy, kinh nghiệm mày có thế không?”
“Không ạ, thưa ông chủ - cháu muốn nói, chí ít là cho đến nay thì chắc cháu chưa phải thế!”
“Đấy! Mày lại nói quanh quéo rồi!”
“Cháu không quanh co gì đâu. Ông chủ ạ”. Joóc-Gà cố hết sức mình tỏ ra nghiêm túc. “Cháu đang định nói mấy ông một điều cháu chưa hề nói mấy ai, ông chủ ạ! Ông biết cái mexừ Mêc Grigo có đám gà vàng đốm chứ?”.
“Dĩ nhiên. Tao với ông ta nói chuyện luôn. Dính gì đến ông ấy?”.
“À, ông đã hứa cho cháu một cái giấy thông hành, nên cháu chả cần nói dối làm gì. Ấy, thưa ông, gần đây cháu có chuồn ra, dư ông nói, đi thăm cô gái ở chỗ mexừ Mêc Grigo í”…Mặt gã đầy vẻ tha thiết “Tên cô í là Matilđa, cô í làm đồng và khi cần thì giúp việc ở đại sảnh. Ông chủ ạ, cô í là cô gái đầu tiên không thiết đến dững gì cháu nói hay toan tính, không để cháu sờ đến người, ông ạ! Giỏi lắm cháu cũng chỉ khiến được cô í nói là cô í thích cháu, dưng mà cô í không chịu được cung cách cháu. Cháu mới biểu cô í cháu muốn quơ bao nhiêu đàn bà, được chừng nấy, cô ấy chỉ nói là đi mà quơ, để cho cô í yên”.
Mexừ Liơ lắng nghe Joóc-Gà với cái vẻ không tin y như gã nghe ông ban nãy.
“Còn một điều nữa”, gã nói tiếp. “Mỗi lần cháu trở lại, cô ý đều dẫn Kinh Thánh về cháu! Do đâu mà cô í đọc Kinh Thánh, là vì cô í được một ông chủ cố đạo nuôi cho đến khi đạo của ông í khiến ông í phải bán nô lệ của mình đi. Thật thế, cháu xin nói mấy ông là cô í ngoan đạo biết mấy…Thưa ông chủ”…Joóc-Gà ngập ngừng. “Trước khi cháu gặp cô í, cháu vẫn săn hĩm luôn dư ông nói – dưng mà cô í làm cho cháu cảm thấy chuyện này to tát hơn chứ không phải chỉ hĩm hiếc thôi, nói sai cháu là con chó. Người đàn ông phải nghĩ đến chuyện làm lễ nhảy chổi mấy một người đàn bà tốt!”…
Joóc-Gà ngạc nhiên với chính mình. “Tức là nếu cô í bằng lòng cháu”, gã nói khẽ. Rồi thậm chí còn khẽ hơn nữa. “Và nếu ông không phản đối”…
Họ đi tiếp giữa tiếng xe cót két và tiếng gà cục cục một quãng dài nữa trước khi mexừ Liơ hỏi: “Ông Mêc Grigo có biết mày đang tán con hầu gái ấy của ông ta không?”.
“À, cô í là chân làm đồng, không bao giờ có chuyện gì phải nói thẳng với ông chủ. Dưng mà dững nhọ làm trong đại sảnh có biết chuyện, cháu đoán là một số đã mách lẻo”.
Sau một lát im lặng nữa, ông chủ nói: “Từ khi đẻ, mày chưa bao giờ gây chuyện gì thực sự rắc rối cho tao – trên thực tế, mày đã giúp tao khối việc và tao sẽ làm một cái gì cho mày. Ban nãy, mày mới nghe tao nói là tao cần một số nhọ trẻ để làm đồng. Vậy tao sẽ đánh xe đến nói chuyện với ông Mêc Grigo. Nếu ông ta có nhiều nhọ như mày nói, chắc bớt đi một đứa con gái làm đồng, ông ấy cũng chả thiếu gì lắm - nếu có thể thoả thuận một giá phải chăng. Rồi mày có thể di chuyển con bé ấy…tên nó là gì nhỉ?”.
“Tilđa…Matilđa, thưa ông chủ”, Joóc-Gà thều thào, không dám chắc là mình nghe đúng.
“Rồi mày có thể chuyển nó về chỗ tao, hai đứa dựng một cái lều”…
Miệng Joóc mấy máy nhưng không thốt ra tiếng nào. Cuối cùng gã bật ra: “Chỉ có dững ông chủ thượng thặng mới làm thế!”.
Mexừ Liơ ầm ừ. Ông khoát tay. “Mày phải hiểu chỗ chính của mày vẫn là ở dưới ấy với Mingô!”
“Dĩ nhiên, thưa ông chủ!”
Cố làm ra vẻ cau có, mexừ Liơ xỉa một ngón tay vào gã lái xe cho mình: “Sau khi mày có nơi có chốn, tao sẽ lấy lại cái giấy thông hành. Để giúp cho cái con gì nhỉ, à Matilđa, giữ cái đít đen của mày ở nhà nó!”
Joóc-Gà ngớ ra không nói được gì.

Chương 94

Sáng ngày cưới Joóc-Gà vào tháng tám năm 1827, khi mặt trời lên, chú rể đang hăm hở bắt bản lề sắt vào cái rầm cửa gỗ sến của căn nhà gỗ hai buồng còn dở dang. Làm xong, anh chạy bổ ra chuồng ngựa, hối hả đội về cánh cửa mới mà bác Pompi đã chạm khắc và quét bằng nước vỏ quả óc chó đen nghiền nát, lắp nó vào chỗ. Rồi, lo lắng đưa mắt nhìn mặt trời đang lên cao, anh ngừng lại đủ để ngốn chiếc bánh xăngđuých kẹp xúc xích mà mẹ anh đã gần như ném cho anh tối hôm trước trong cơn giận giữ vì cái chuỗi dài những lần lữa, lý do, ngứt đoạn và đi đây đi đó của anh. Anh đã đợi quá lâu và tiến hành quá chậm đến nỗi cuối cùng, mẹ đã bảo mọi người khác chẳng những đừng giúp anh gì nữa, mà còn chấm dứt mọi lời động viên đối với anh.

Tiếp đó, Joóc-Gà đổ đầy vôi tôi và nước vào một chiếc thùng lớn, khuấy mạnh và nhúng thật nhanh cái chổi vào vũng lầy nhầy đó, rồi bắt đầu quét trắng mặt ngoài của lớp ván xẻ còn xù xì. Cuối cùng, vào quãng mười giờ, anh lùi lại, người cũng dính vôi trắng lốp như vách nhà, để ngắm nghía công việc đã hoàn thành. Hãy còn khối thời giờ, anh tự nhủ. Anh chỉ còn có việc tắm rửa, mặc quần áo và lên xe đi hai tiếng đồng hồ đến đồn điền Mêc Grigo, ở đó lễ cưới sẽ bắt đầu từ một giờ.

Chạy đi chạy về từ nhà đến giếng, anh đổ ba xô nước đầy vào cái chậu mạ mới ở phòng ngoài. Vừa nghêu ngao hát vừa kì cọ, anh mau lẹ lau khô người, rồi choàng chiếc khăn tắm bằng vải bao bì tẩy trắng, chạy vào phòng ngủ. Sau khi xỏ chân vào chiếc quần đùi vải bông, anh mặc chiếc sơmi xanh ngực hồ cứng, quần vàng, tất đỏ và áo vettông vàng có đai lưng và cuối cùng đi đôi giày màu da nhạt mới toanh; tất cả những cái đó, anh đã mua dần từng thứ bằng tiền được cá tại các cuộc đấu hạ cấp trong mấy tháng qua, khi anh cùng mexừ Liơ rong ruổi qua các thành phố khác nhau ở Bắc Carôlina. Đi đôi giày mới cứng kêu cót két đến chỗ bàn buồng ngủ, ngồi trên chiếc ghế đẩu chạm trổ, mặt đen bằng sợi hồ đào, quà mừng của bác Mingô, Joóc-Gà toét miệng cười với bóng mình trong chiếc gương cán dài, một trong những món quà bất ngờ anh sẽ tặng Matilđa. Ngắm nghía trong gương, anh cẩn thận quàng quanh cổ chiếc khăn len xanh Matilđa đã đan cho anh. Trông tươm đấy, anh thừa nhận. Chỉ còn điểm thêm nét hoàn chỉnh cuối cùng nữa thôi. Kéo một chiếc hộp cáctông tròn từ gầm giường ra, anh bỏ nắp và nhẹ nhàng, gần như kính cẩn nữa, nhấc ra chiếc mũ quả dưa màu đen, quà cưới do mexừ Liơ tặng. Xoay xoay chiếc mũ từ từ trên hai đầu ngón tay trỏ, anh thưởng thức cái hình dáng thanh nhã của nó với một khoái cảm gần như nhục dục trước khi trở lại trước gương và đội nó vừa đúng độ lệch ngang tàng, nghiêng nghiêng xuống một bên mặt.

“Ra đi nào! Bọn tau ngồi trong xe một tiếng đồng hồ rồi!” Tiếng hò gọi của Kitzi, mẹ anh, ngay bên ngoài cửa sổ, chứng tỏ rành rành là cơn tam bành của bà vẫn chưa nguôi.

“Con ra đây, mẹ ạ!” anh la to đáp lại. Sau khi xem xét lại lần cuối, đánh giá toàn bộ trang phục mình trong gương, anh đút một chai nhỏ, dẹt đựng uytxki trắng hạng xoàng vào trong túi áo vettông và nhô ra khỏi căn nhà gỗ mới như thể chờ đợi mọi người hoan hô. Anh sắp sửa cười toét miệng và lật nghiêng chiếc mũ thì chợt thấy luồng mắt dữ tợn của mẹ, của cô bác Malizi, Xerơ và Pompi, tất cả ngồi đuỗn đuỗn trong xe, với những bộ đồ đẹp nhất. Ngảnh nhìn sang hướng khác và cố hết sức làm ra hồ hởi huýt sáo, anh leo lên ghế ngồi lái – thận trọng không để nhàu một nếp áo quần nào – quật dây cương vào lưng đôi la và thế là họ lên đường – có điều là muộn mất một tiếng.

Dọc đường, Joóc-Gà tợp lén mấy hụm rượu bổ ở cái chai của mình và xe tới đồn điền Mêc Grigo vào lúc hơn hai giờ một chút. Kitzi, Xerơ và Malizi bước xuống, rối rít xin lỗi cô nàng Matilđa lo lắng và cuống ra mặt, trong chiếc áo dài trắng. Bác Pompi rỡ xuống những giỏ thức ăn mang theo và, sau khi hôn vội vào má Matilđa, Joóc-Gà chuyếnh choáng đi quanh vừa tự giới thiệu vừa vỗ vỗ vào lưng và thở hơi rượu vào mặt các vị khách. Trừ những người ở xóm nô của Matilđa mà anh quen từ trước, hầu hết khách khứa là thành viên các cuộc họp cầu nguyện mà Matilđa đã chiêu mộ trong số những nô lệ ở hai đồn điền lân cận và được phép mời đến dự. Cô muốn họ gặp ý trung nhân của mình và họ làm theo ý cô. Tuy phần đông đã nghe nói nhiều về anh từ những nguồn khác ngoài bản thân cô, nhưng lần đầu tiên chính mắt trông thấy Joóc-Gà gây cho họ một loạt những phản ứng từ xì xào đến há hốc miệng sững sờ. Trong khi huyênh hoang để gây ấn tượng trong đám những người dự cưới, anh vẫn tránh xa mẹ mình, Xerơ và Malizi mà những tia nhìn sắc như dao càng được mài nhọn thêm bởi những nhận xét họ nghe lỏm được, tỏ ý nghi ngại “Con cá cắn câu” của Matilđa. Bác Pompi thì chọn cái ứng xử đơn giản là hòa lẫn với các tân khách khác, làm như không biết chú rể là người thế nào.

Cuối cùng, vị giáo sĩ người da trắng được thuê đến làm lễ, ra khỏi đại sảnh, theo sau là hai cặp vợ chồng ông chủ Mêc Grigo và Liơ. Họ dừng lại trong sân sau, ông cố đạo níu chặt quyển Kinh thánh như chiếc mộc, và đám người

da đen đột nhiên im lặng tụ lại đứng sững cách một quãng xa. Theo như bà chủ của Matilđa dự định, đám cưới sẽ kết hợp một phần nghi thức hôn phối Cơ đốc của người da trắng với lễ nhảy chổi tiếp sau đó. Kéo một tay áo vàng của chú rể nhanh chóng tỉnh rượu, dẫn đi, Matilđa cùng anh đến đứng trước mặt ông cố đạo: ông này hắng giọng và bắt đầu đọc mấy đoạn long trọng trong quyển Kinh Thánh của mình. Rồi ông hỏi: "Matilđa và Joóc, hai con có long trọng thề, dù hay dù dở, vẫn ăn ở với nhau đến trọn đời không?"
"Con xin thề", Matilđa khẽ nói.
"Dạ vâng!" Joóc-Gà nói, hơi to quá.
Hoang mang, ông cố đạo ngừng một lát rồi mới nói: "Ta tuyên bố, hai con là vợ chồng!".
Trong đám khách da đen, có người thổn thức.
"Bây giờ con hôn cô dâu đi!"

Nắm lấy Matilđa, Joóc-Gà ghì chặt cô trong tay và hôn đánh chút một cái. Giữa những tiếng "hức" kinh ngạc và, chậc lưỡi, anh chợt nghĩ là có thể mình đã không gây ấn tượng tốt nhất và sau đó, trong khi hai người ngoắc tay nhảy chổi, anh moi óc cố tìm ra điều gì để nói, khả dĩ đem lại chút trịnh trọng cho dịp này, một điều gì khả dĩ làm nguôi dịu cái gia-đình-xóm-nô của mình và tranh thủ đám người sính kinh thánh. Anh nghĩ ra rồi!

"Đức Jêhôva là đấng chăn dắt tôi!" Anh dõng dạc tuyên bố. "Người ban cho tôi những thứ tôi cần!".

Khi thấy những con mắt nhìn anh tròng trọc đón lời công bố ấy, anh bèn quyết định thôi không đếm xỉa đến họ và vớ được cơ hội đầu tiên là lén rút cái chai trong túi ra, nốc cạn khô. Phần liên hoan còn lại – một bữa tiệc cưới và tiếp tân – qua đi trong một lớp sương nhòa và chính bác Pompi phải lái cỗ xe la của đồn điền Liơ trở về qua hoàng hôn. Hằm hằm tức giận vì mất thể diện, mẹ Kitzi và các cô Xerơ, Malizi ném những cái nhìn dữ tợn vào cảnh tượng đằng sau họ: chú rể ngáy khò khò gối đầu vào lòng cô dâu nước mắt đầm đìa, cái khăn quàng xanh lệch lẹo và chiếc mũ quả dưa đen che gần hết mặt.

Joóc-Gà khụt khịt thức giấc khi chiếc xe đỗ xịch lại bên nhà gỗ mới của đôi tân lang tân giai nhân. Lơ mơ cảm thấy rằng mình phải xin lỗi mọi người, anh toan làm thế, nhưng cánh cửa ba căn nhà gỗ đóng sầm lại như tiếng súng nổ. Tuy nhiên, chắc anh sẽ không bị từ chối cử chỉ ưu nhã cuối cùng. Nhấc cô vợ mới cưới dậy, anh dùng một chân đẩy cánh cửa ra và, cách nào đó, xoay sở dìu nhau vào được cả đôi không sây sát gì – duy chỉ kéo Matilđa cùng vấp vào chậu nước tắm còn sừng sững giữa phòng. Đó là nỗi sỉ nhục phút chót – song mọi sự đều được quyền tha thứ khi Matilđa, với một tiếng reo vui, nhìn thấy món quà cưới đặc biệt của mình: chiếc đồng hồ lớn để đứng, vỏ gỗ sơn mài bóng loáng, tám ngày lên dây một lần, cao bằng cô, mà Joóc-Gà đã mua bằng tất cả tiền dành dụm từ các cuộc chọi hạ cấp và chở đằng sau xe suốt từ Grinxborâu về.

Còn đang mờ mắt ngồi xệt trên sàn, nơi anh vừa ngã bịch xuống, nước tắm bẩn ướt sũng đôi giày da cam mới toanh, thì Matilđa bước lại chìa tay để đỡ anh dậy.

"Nào, bi giờ lại đây mấy em, Joóc. Để em đặt anh vào giường".

Chương 95

Tảng sáng, Joóc-Gà đã đi xuôi con đường dẫn đến bày gà của mình. Rồi độ một tiếng đồng hồ sau khi điểm tâm, Malizi nghe thấy có người gọi tên mình và, ra cửa bếp, bà giật mình thấy cô dâu mới; bà chào và mời Matilđa vào.

"Không, cảm ơn cô", Matilđa nói. "Cháu chỉ muốn hỏi hôm nay họ làm cánh đồng nào, mấy lại cháu có thể kiếm đâu được cái cuốc".

Mấy phút sau, Matilđa xuất hiện và nhập bọn với Kitzi, Xerơ và bác Pompi, tham gia làm đồng. Tối hôm ấy, tất cả tụ tập xung quanh cô ở xóm nô, ngồi chơi với cô đến lúc chồng cô về. Trong khi trò chuyện, Matilđa hỏi ở đây có thường xuyên họp mặt để cầu nguyện không và khi được trả lời là không, cô bèn đề nghị mỗi chiều chủ nhật nên có một buổi như vậy.

"Nói thật mấy con, mẹ lấy làm xấu hổ mà nói rằng mẹ bỏ nhãng bổn phận cầu kinh tận đầu tận đâu rồi". Kitzi nói.
"Cô cũng rứa", Xerơ thú nhận.
"Ta xem chừng có cầu nguyện mấy cũng chả bao giờ thay đổi được người da trắng", bác Pompi nói.
"Kinh thánh nói ông thánh Juxe bị bán làm nô lệ cho người Ai Cập, dưng mà Chúa ở bên thánh Juxe và Chúa ban phước lành cho nhà người Ai Cập vì thánh Juxe", Matilđa nói một cách thực tế.

Ba cặp mắt liếc nhanh nhìn nhau nói lên sự cảm phục mỗi lúc một tăng của họ đối với cô gái.
"Cái thằng Joóc bảo mấy bọn ta ông chủ đầu tiên của con là một cụ đạo", Xerơ nói. "Chính mầy cũng có vẻ dư một cụ đạo, con ạ".
"Cháu là một tôi tớ của Chúa, vậy thôi!" Matilđa trả lời.
Hội cầu kinh của cô bắt đầu ngày chủ nhật kế đó, hai ngày sau khi Joóc-Gà và mexừ Liơ lên đường với mười hai chú chọi trong xe.
"Ông chủ biểu cuối cùng, ông đã có những con gà đích đáng để đem đi chọi ở nơi to tiền", anh giải thích rằng lần này gà lò Liơ sẽ đua tài trong một cuộc đấu "chủ lực" quan trọng ở một nơi nào đó gần Gôldxborâu.

Một buổi sáng ở ngoài đồng, Xerơ thận trọng dùng một giọng dịu dàng biểu lộ sự thông cảm của một người phụ nữ bốn mươi bảy tuổi với một cô dâu mới mười tám tuổi: "Lạy Chúa, cưng ạ, cô ngờ ngợ rằng duyên số con rồi phải chia sẻ với ba con gà mất".

Matilđa nhìn thẳng vào mặt bà: "Xưa nay cháu vẫn nghe nói và tin rằng cuộc nhân duyên của ai cũng vậy, họ làm nó thế nào thì nên thế ấy. Và cháu chắc anh í biết rõ anh í muốn cuộc vợ chồng của chúng cháu phải như thế nào".

Nhưng sau khi xác định lập trường của mình về hôn nhân, Matilđa sẵn sàng tham gia bất cứ cuộc mạn đàm nào về anh chồng đặc sắc của mình, dù tính chất câu chuyện là vui đùa hay nghiêm chỉnh.
"Nó ngứa chân từ thuở mới bò toài", Kitzi nói với con dâu, một đêm đến thăm cô ở căn nhà mới.

"Vâng, mẹ ạ", Matilđa nói, "con cũng nghĩ thế khi anh í đến tìm hiểu. Anh í hồ dư không nói gì khác ngoài chuyện chọi gà và đi đây đi đó với ông chủ". Cô ngập ngừng rồi nói thêm theo cái cách chân thực của mình: "Dưng khi anh í hiểu ra rằng không người đàn ông nào được tòm tem với con trước khi nhảy chổi thì, lạy Chúa, anh í nổi cơn tam bành lên chứ! Thực tế, có lần con thôi không gặp lại anh í nữa. Chả biết cái gì ốp anh í, dưng mà con muốn cười chết ngất cái đêm anh í hớt hải chạy đến biểu: "Nầy, chúng mình lấy nhau đi!"
"Ờ, rành là mẹ mừng là nó còn biết làm thế!" Kitzi nói. "Cơ mà bi giờ, các con nên vợ nên chồng rồi, gái ạ, mẹ muốn nói thẳng điều mẹ tâm niệm. Mẹ muốn có mấy đứa cháu!".
"Cái í thì chả có gì là dở, mẹ Kitzi ạ. Là vì con cũng muốn có mấy đứa con, dư mọi phụ nữ khác."

Hai tháng sau, khi Matilđa báo tin mình có mang, Kitzi mừng quýnh. Việc con trai mình sắp sửa thành bố khiến bà nghĩ đến cha mình - nhiều hơn bao giờ hết trong những năm qua – và một tối, khi Joóc-Gà lại đi xa, Kitzi hỏi: "Nó có bao giờ nói gì mấy con về ông ngoại không?"
"Không ạ", Matilđa có vẻ bối rối.
"Nó không nói?" Thấy vẻ thất vọng của bà, Matilđa vội nói thêm: "Con chắc anh í thấy chưa đến lúc đấy thôi, mẹ Kitzi ạ".

Quyết định rằng tốt hơn hết là tự mình làm việc đó vì dù sao bà cũng nhớ nhiều hơn Joóc, Kitzi bèn kể cho Matilđa nghe về quãng đời mười sáu năm của mình ở đồn điền mexừ Uolơ cho đến khi bị đem bán cho mexừ Liơ và phần lớn những điều bà nói là về ông bố người Phi của mình cùng biết bao thứ ông cụ đã bảo ban bà. "Tilđa, sở dĩ mẹ nói cho con nghe tất cả dững cái í, là vì mẹ muốn con hiểu rằng, mẹ muốn đứa bé trong bụng con cả dững đứa khác sau này cũng đều phải biết về ông, bởi vì ông là cụ ngoại của bọn nó".
"Rành là con hiểu, mẹ Kitzi ạ", Matilđa nói, thế là bà mẹ chồng lại kể thêm những hồi ức của mình, và cả hai đều cảm thấy mỗi lúc một gần gũi nhau hơn suốt thời gian còn lại của buổi tối.

Con trai đầu lòng của Joóc-Gà và Matilđa ra đời mùa xuân năm 1828, do bà Xerơ đỡ với sự giúp việc của một bà Kitzi nhớn nha nhớn nhác. Niềm vui được đứa cháu đích tôn làm nguôi cơn giận của bà về nỗi cha nó lại đi tận đâu với mexừ Liơ một tuần. Tối hôm sau, khi người mẹ mới cảm thấy có thể tiếp khách được, tất cả mọi người trong xóm nô tụ tập trong căn nhà gỗ để mừng sự ra đời của đứa hài nhi thứ hai sinh ra tại đồn điền Liơ.
"Cuối cùng, bi giờ mẹ thành "bà nội Kitzi" rồi đó!" Matilđa nói, dựa mình vào mấy cái gối trên giường, tay ẵm đứa bé và yếu ớt mỉm cười với các khách đến thăm.
"Lạy chúa, đúng thế đấy! Nghe mà sướng cái lỗ tai!" Kitzi thốt lên, cả bộ mặt bà là một nụ cười lớn.
"Ta nghe nó tuồng dư Kitzi đang già đi, thế đấy!" Bác Pompi nói, một ánh long lanh trong mắt.
"Hừm! Phụ nữ ở đây chả có ai già bằng cái người nào đó mà chúng ta đều biết!" Xerơ cười rộ nói.

Cuối cùng, Malizi ra lệnh: "Thôi, đến giờ bọn ta rút để cho mẹ con nhà nó nghỉ!" Tất cả ra về, trừ Kitzi .

Sau một hồi im lặng trầm ngâm, Matilđa nói: "Mẹ ạ, con đang nghĩ về dững gì mẹ kể về người cha của mẹ. Vì con không bao giờ thấy được mặt cha của con, nên con tin Joóc sẽ không phản đối lấy tên cha con đặt cho cháu bé. Tức là Vơjơl, mẹ con biểu thế".

Tên đó lập tức được Joóc-Gà nhiệt liệt tán thành khi anh trở về, lòng tràn đầy vui sướng trước sự ra đời của đứa con trai đến nỗi gần như không tự kiềm chế nổi. Chiếc mũ quả dưa đen đội lệch trên đầu, đôi bàn tay hộ pháp nhấc bổng đứa bé lên trên không, anh kêu lên: "Mẹ ạ, mẹ có nhớ con đã nói gì mấy mẹ không, con sẽ nói cho các con con biết dững gì mẹ đã nói mấy con!" Mặt ngời sáng, anh trịnh trọng ngồi xuống trước lò sưởi, bế thằng Vơjơl trong lòng, nói với nó bằng giọng nghiêm trang như thể đang làm một nghi thức nhỏ: "Nghe đây, con trai! Cha sẽ nói con nghe về cụ ngoại con! Cụ là một người Phi, cụ biểu tên cụ là "Kunta Kintê". Cụ gọi cái đàn bằng Kô, con sông bằng Kămby Bôlônggô và một lô các thứ khác nữa bằng dững tiếng Phi. Cụ kể là cụ đang chặt cây để làm cho em trai một cái trống thì có bốn người lẻn đến đằng sau bắt lấy cụ. Rồi một cái tầu to đưa cụ qua miền nước nhớn đến một chỗ gọi bằng Nơplix. Rồi cụ chạy trốn bốn lần, khi cụ định giết dững kẻ bắt cụ thì họ chặt phăng nửa bàn chân của cụ!"

Giơ cao đứa nhỏ, anh quay mặt về phía Kitzi: "Và cụ nhảy chổi mấy một người bếp nữ ở đại sảnh tên là Bel, rồi hai người đẻ một con gái – và đây là người con gái í, bà nội con đang cười mấy con đấy!" Matilđa tán thưởng, nét mặt cũng nở nang, tươi rói như Kitzi; mắt Kitzi ướt đẫm những giọt lệ yêu thương và tụ hào.

Vì chồng đi xa luôn, nên Matilđa bắt đầu tiêu nhiều thì giờ buổi tối với bà nội Kitzi và sau một thời gian, hai mẹ con góp khẩu phần lại, ăn bữa tối với nhau. Bao giờ Matilđa cũng đọc kinh trong khi Kitzi lặng lẽ ngồi chắp tay và cúi đầu. Sau đó Matilđa cho con bú, rồi Kitzi hãnh diện ngồi ôm bé Vơjơl trong lòng, đu đưa và âm a hoặc hát khe khẽ trong khi chiếc đồng hồ đứng kêu tích ta tích tắc và Matilđa ngồi đọc quyển Kinh Thánh cũ nát. Mặc dù điều đó không trái với luật lệ của ông chủ, Kitzi vẫn phản đối đọc sách báo – nhưng đây là Kinh Thánh nên bà dỗ rằng không có hại gì. Thường thường không lâu sau khi đứa bé ngủ, Kitzi bắt đầu gà gật và nhiều khi lẩm bẩm một mình trong khi nửa tỉnh nửa mơ. Khi cúi xuống đỡ Vơjơl đã ngủ say khỏi tay Kitzi, Matilđa đôi khi nghe loáng thoáng thấy từng mẩu bao giờ cũng như vậy: "Mẹ…bố…đừng để họ bắt con đi!...Gia đình tui tan tác rồi…Chả bao giờ còn được thấy bố thấy mẹ trên đời này…" Xúc động sâu sắc, Matilđa thường thì thầm: "Bi giờ, chúng con là gia đình bà, bà nội Kitzi ạ". Và sau khi đặt Vơjơl vào giường, cô nhẹ nhàng đánh thức Kitzi – mà cô dần yêu như mẹ đẻ mình - rồi sau khi tiễn bà đến tận nhà, trên đường về, Matilđa thường lau nước mắt.

Những chiều chủ nhật, mới đầu chỉ có ba người đàn bà dự buổi nguyện cầu do Matilđa đề xướng – cho đến khi miệng lưỡi nanh nọc của Xerơ cuối cùng khiến bác Pompi đâm xấu hổ mà phải tham gia. Không ai thậm chí nghĩ đến chuyện mời Joóc-Gà, vì ngay cả những khi anh có nhà, cứ đến trưa chủ nhật là anh quay về khu gà rồi. Với cái nhóm nhỏ năm người trịnh trọng ngồi trên những ghế tựa mang từ lều mình đến, xếp thành hình bán nguyệt quanh cây hạt dẻ, Matilđa đọc một vài đoạn Kinh Thánh cô đã chọn trước, rồi, với đôi mắt nâu nghiêm nghị nhìn dõi vào từng khuôn mặt; cô hỏi xem có ai muốn xướng kinh cho mọi người theo và thấy không ai nhận, bao giờ cô cũng nói: "Thôi được, vậy xin tất cả quỳ xuống cùng tui". Khi mọi người quỳ xuống đối diện với cô, Matilđa liền đọc

một bài nguyện giản dị, xúc động. Sau đó, cô lĩnh xướng cho họ hát một bài ca tôn giáo. Rồi cuộc họp chuyển sang bàn luận về đề tài chung: lòng tín ngưỡng.

"Hôm nay là ngày của Chúa. Tất cả chúng ta có một linh hồn để cứu rỗi và một thiên đàng để gìn giữ". Matilđa có thể mào đầu như vậy theo cái cách bình thường của cô. "Chúng ta cần ghi nhớ ai làm ra chúng ta, ấy là Đức Chúa Lời. Rồi ai cứu chuộc chúng ta, ấy là Chúa Kirixitô Jêxu. Chúa Kirixitô dạy chúng ta khiêm nhường và lo tâm để chúng ta có thể tái sinh trong tinh thần".

Mặc dầu chả mấy người gặp trong những chuyến đi có thể đoán, qua cung cách của Joóc-Gà, là anh đã có vợ, cánh phụ nữ ở xóm nô lấy làm ngạc nhiên thấy anh nhiệt tâm với chuyện hôn nhân và đối xử với vợ, với gia đình rất tốt. Không bao giờ anh ở một cuộc chọi gà trở về - với chiếc khăn quàng và chiếc mũ quả dưa đã trở thành trang phục thường xuyên của anh, nắng cũng như mưa, hè cũng như đông – mà không có tiền được cá để để dành. Phần lớn, sau khi mua các món quà mà tất nhiên bao giờ anh cũng mang về không những cho Matilđa và mẹ mình, và cho cả các cô bác Malizi, Xerơ, Pompi cũng như bé Vơjơl, và cho Matilđa mấy đôla nữa, anh chả còn được bao nhiêu. Mỗi lần trở về, anh còn mang theo hàng loạt tin tức, ít nhất cũng đủ kể một tiếng đồng hồ về những điều tai nghe mắt thấy trong chuyến đi. Hễ cái gia đình xóm nô tụ tập quanh anh, Kitzi hầu như bao giờ cũng nghĩ đến ông bố người Phi của mình đã từng là nguồn thông tin chủ yếu cho một xóm nô khác như thế nào và bây giờ lại đến lượt con trai bà.

Một lần, từ một chuyến đi dài đến tận Saletơn trở về, Joóc-Gà tả "cơ man là thuyền buồm to tướng, cột chi chít dư rừng và nhọ đông dư kiến khuân kìn kìn dững thùng thuốc lá to đùng mấy lại đủ các thứ khác chở qua miền nước nhớn sang bên Anh mấy lại nhiều nơi khác nữa. Tuồng dư bi giờ, tui mấy ông chủ đi đến đâu cũng thấy nhọ đào kênh, làm đường đá, xây đường xe lửa! Rành là dân nhọ đang dựng xây đất nước nầy bằng bắp thịt mình!"

Một lần khác, anh nghe nói là "người da trắng dọa dân da đỏ về việc nhận quá nhiều nhọ vào các khu dành riêng của mình. Ối người da đỏ tộc Crích và Xêminôl cưới nhọ làm chồng làm vợ! Có cả một số thủ lĩnh da đỏ là nhọ! Cơ mà tui nghe nói các người da đỏ tộc Tsócto, Tsiccơxo và Tsirôki còn ghét nhọ hơn cả người da trắng ghét nhọ".

Những câu hỏi đặt ra với anh ít hơn nhiều so với những điều mọi người thực sự muốn biết, và thoáng sau, Kitzi, Malizi, Xerơ và bác Pompi tế nhị viện cớ rút về lều riêng để anh và Matilđa một mình với nhau.

"Em đã tự nhủ mình là anh sẽ không bao giờ phải nghe em phàn nàn hàng lô hàng lốc, Joóc ạ", cô nói với anh một đêm như vậy khi hai người đã nằm vào giường. "Cơ mà rành là em chả mấy khi có chồng ở bên".

"Anh hiểu em muốn nói gì, cưng ạ, dất khoát là anh hiểu", anh nói thoải mái, "dững lúc đi mấy ông chủ ngoài xe, hoặc đôi khi anh mấy bác Mingô thức suốt đêm chăm cho ba con gà ốm, thực tình anh chỉ nghĩ đến em và con".

Matilđa cắn lưỡi ghìm chặt lại, không muốn nói lên những ngờ vực của mình, kể cả những điểm cô bán tín bán nghi trong một số điều anh nói. Trái lại, cô chỉ hỏi: "Joóc, anh xem liệu chừng có bao giờ khá hơn tí nào không?"

"Bao giờ làm cho ông chủ khá giàu, thế thì tự ông í sẽ muốn ở nhà! Nhưng nầy, cái í chả hại gì chúng mình đâu, em bé ạ! Em xem mình để dành được bao nhiêu nếu anh cứ mang tiền được cá về nhà dư vậy?"

"Tiền không phải là anh!" Matilđa nói thẳng thừng, rồi cô dịu giọng "Mấy lị nếu anh thôi đừng mua quà cáp cho tất cả mọi người thì chúng mình còn dành được thêm ói tiền! Các quà í, bọn em ai cũng quý, anh biết đấy! Cơ mà Joóc ạ, dư cái áo dài lụa đẹp em chắc các bà chủ cũng chả bằng, em biết mặc nó để đi đâu?"

"Em bé ạ, em có thể mặc cái áo dài í ngay ở đây rồi cởi nó ra cho anh xem!"
"Anh là gớm lắm cơ!"

Anh là người đàn ông nhộn nhất – hơn bất kì ai mà cô từng mơ tưởng được biết, chí ít cũng theo cách ấy. Và hẳn nhiên anh là một tay cung ứng tuyệt vời. Song cô vẫn không tin anh thật sự là không thể không tự hỏi hiện anh có yêu vợ con bằng các chuyến đi với ông chủ không. Chẳng biết trong Kinh Thánh có nói gì về gà không nhỉ? Cô mang máng nhớ có một chỗ - trong Sách Phúc Âm của thánh Matiơ thì phải, nếu cô không nhầm – nói về "một con gà mái xoè cánh che cả đàn con"…Mình phải tìm xem lại đoạn í mới được, cô tự nhủ.

Tuy nhiên, khi có chồng ở nhà, Matilđa dẹp hết mọi nghi ngờ, thất vọng và cố gắng làm người vợ hiền thảo nhất theo sự hiểu biết của cô. Nếu cô biết anh sắp về nhà, một bữa ăn thịnh soạn liền chờ sẵn. Nếu anh về bất ngờ, cô tức tốc làm ngay một bữa, dù là ngày hay đêm. Sau một thời gian, cô thôi không bắt anh cầu kinh trước khi ăn nữa,

mà chỉ đọc một lời cầu nguyện ngắn rồi sung sướng ngắm anh vừa ăn vừa bế thằng bé Vơjơl bi ba bi bô trong lòng. Rồi sau đó, khi đứa bé đã được đặt vào giường, cô xem xét, nặn trứng cá trên mặt Joóc; hoặc nấu nước đổ lưng chiếc chậu thiếc, gội đầu và lau rửa lưng cho anh; và nếu khi về đến nhà, anh kêu đau chân, cô liền nướng bánh hòa với xà phòng nhà làm, thành một thứ bột âm ấm để xoa bóp cho anh. Vào cái đận Vơjơl bắt đầu tập đi, Matilđa lại có mang, cô lấy làm lạ là chuyện đó đã không xảy ra sớm hơn.

Với triển vọng sắp có thêm một đứa bé, bà nội Kitzi quyết định đã đến lúc phải gọi riêng con trai ra nói một đôi điều bà đã tâm niệm từ lâu. Một sáng chủ nhật, Joóc-Gà từ một chuyến đi trở về nhà, thấy bà đang trông Vơjơl trong khi Matilđa đang ở trên đại sảnh giúp Malizi làm tiệc đãi các khách khứa sẽ tới trong chốc lát.

“Anh ngồi luôn xuống đây đi!” bà nói, không bỏ phí giây phút nào. Anh làm theo, lông mày nhướn lên. “Tui bất kể là bi giờ anh đã nhớn, tui vẫn là người đẻ ra anh, vậy nên anh hãy nghe đây! Trời đã cho anh một người lền bà tốt thật là tốt mà anh không ăn ở cho phải tí nào! Tui không có rỡn mấy anh đâu, nghe không! Tui vẫn có thể lấy gậy quật vào đít anh trong phút chốc! Anh phải dành nhiều thì giờ hơn cho vợ con anh, mà nó cũng đã chửa mấy anh lần nữa!”

“Mẹ ngờ cái gì vậy mẹ?” anh nói, bực bội vừa tới mức dám tự cho phép. “Khi ông chủ nói: “Đi” thì biểu ông í tui không à?”
Mắt Kitzi như rực lửa. “Tui không nói cái í, anh biết thừa đi rồi. Anh biểu con bé tội nghiệp là đêm đêm anh phải thức trông nom gà mấy lại dững chuyện tương tợ dư thế! anh kiếm đâu ra các cái sự dối trá í, trong khi vừa rượu chè, vừa cờ bạc lại vừa chơi rông? Anh biết là tui không có nuôi dạy anh dư thế! Mà đừng có tưởng chỉ có mình tui nói thế! Matilđa nó chả ngu gì đâu, nó chỉ không để anh biết là nó cũng đi guốc trong bụng anh rồi!” Không nói thêm lời nào, bà nội Kitzi giận dữ, biến ngay ra khỏi gian nhà gỗ.

Vì mexừ Liơ ở trong số những người dự cuộc chọi gà lớn năm 1830 tại Saletơn, nên không ai có thể phê phán Joóc-Gà về tội vắng mặt khi đứa bé ra đời. Anh chàng trở về, vừa sung sướng ngất ngây được biết về đứa con trai thú hai – mà Matilđa đã lấy tên em trai mình là Asfođ đặt cho - vừa hớn hở với vận may của mình. “Ông chủ được hơn nghìn đôla, còn tui được năm chục trong các cuộc đấu hạ cấp! Bà con ta phải nghe thấy cả cánh da trắng lẫn nhọ hò la: “Tui cá vào cửa Joóc-Gà!” như thế nào”. Anh kể với Matilđa là ở Sacletơn, mexừ Liơ đã được biết tổng thống Anđru Jêchxơn là một người theo kiểu họ. “Không có ai thích chọi gà hơn tổng thống đâu! Ông gọi cả thượng mấy hạ nghị sĩ vào, rồi bày trò một thời gian cho họ xem lũ gà Tennetxi của ông chọi nhau ngay trong Nhà Trắng! Ông chủ biểu cái ông Jêchxơn í đánh cờ mấy uống rượu mới bất kì người lền ông nào. Họ biểu khi thắng dững con ngựa màu hạt dẻ chở ông đi trong cỗ xe Tổng thống đẹp đẽ, thì ông ngồi trên í mới cái vali lót nhung đựng đầy rượu ngay bên cạnh! Ông chủ biểu về phần dững người da trắng ở miền nam, ông có thể giữ Tổng thống lại đến khi nào Tổng thống mệt!”. Matilđa dửng dưng.

Nhưng Joóc-Gà đã thấy ở Saletơn một điều khiến cô – và mọi người khác ở xóm nô - bị kích động sâu sắc không kém gì anh. “Tui thấy một xâu nhọ dài đến một dặm, bị xiềng vào nhau lùa đi!”
“Lạy Chúa! Nhọ từ đâu đến?” Malizi hỏi

“Một số bị bán ở miền bắc và miền nam Calini, dưng mà phần chính ở Vơjiniơ, là cháu nghe thấy thế!” anh nói. “Nhiều nhọ ở Saletơn biểu cháu có hàng nghìn nhọ, mỗi tháng bị đem đến dững đồn điền bông lớn đang được khai khẩn đều đều từ các khu rừng ở Alabama, Mitxixipi, Luyziana, Ackanxax và Têchxơx. Họ biểu lái buôn nhọ kiểu cổ cưỡi ngựa đã hết thời rồi, bi giờ thành công ty lớn có trụ sở ở các khách sạn to tướng! Họ biểu còn có cả dững tàu có bánh lái to tướng chở toàn nhọ ở Vơjiniơ bị xiềng vào nhau, đưa xuống Niu Oliân! Họ còn biểu…”
“Thôi im đi!” Kitzi chồm đứng dậy. “IM ĐI!” Bà lao về lều mình, nước mắt ròng ròng.
“Mẹ làm sao thế?” Joóc hỏi Matilđa sau khi những người khác bối rối bỏ đi,
“Anh không biết ư?” chị sẵng giọng “Ông bà đẻ ra mẹ ở Vơjiniơ, điều cuối cùng mẹ biết về các cụ là thế và anh đã làm mẹ gần chết khiếp!”

Joóc-Gà nom như phát ốm. Vẻ mặt anh nói với Matilđa là anh không hiểu ra nhưng cô không chịu buông tha anh dễ dàng đến thế. Cô đã trở nên tin chắc rằng với cái thói trần tục của Joóc, anh có tật thiếu nhạy cảm với quá nhiều sự việc. “Anh cũng biết rõ dư tui là mẹ Kitzi đã bị bán! Cũng dư chính tui đây!” cô nói với anh. “Bất kì ai đã bị bán đều chả bao giờ quên được điều í! Và cũng không bao giờ còn nguyên dư cũ nữa!” Cô nhìn anh với vẻ đầy ý nghĩa. “Anh chưa bao giờ bị bán. Vì thế cho nên anh không hiểu rằng chả có ông chủ nào tin được - kể cả ông chủ của anh!”

“Em cáu mấy anh để làm gì?” anh hỏi với ý thăm dò.

“Anh hỏi tui cái gì khiến mẹ Kitzi hoảng hốt thì tui nói cho anh biết. Chả còn gì mà nói về chuyện í nữa!”. Matilđa tự kiềm chế lại. Cô không muốn gay go với chồng. Sau một lát im lặng, cô cố hé một nụ cười.

“Joóc à, em biết cách làm cho mẹ Kitzi khuây khỏa! Anh đi mời mẹ sang đây nghe anh kể cho thằng nhỏ này về người ông nội người Phi, dư anh đã kể với Vơjơl dạo trước í!”. Và anh đã làm thế.

Chương 96

Trời sắp rạng đông và Joóc-Gà đang đứng ở cửa ra vào, khẽ lắc lư người và nhe răng cười với Matilđa đã ngồi dậy chờ anh. Cái mũ quả dưa đen của anh đội lệch. "Cáo lọt vào đàn gà", anh lè nhè. "Anh mấy bác Mingô phải bắt gà suốt đêm"…

Bàn tay của Matilđa giơ lên làm anh im bặt và giọng cô lạnh lùng: "Chắc là con cáo cho anh uống rượu và rẩy vào anh nước hoa hồng mà tui cũng ngửi thấy"…Joóc-Gà há hốc mồm, "Này Joóc, anh nghe đây! Này nhé, chừng nào tui còn là vợ anh, còn là mẹ dững đứa con của chúng ta, thì tui vẫn nguyên đây khi anh đi khỏi nhà, tui vẫn nguyên đây khi anh trở về, bởi vì anh đang làm hại cho chính anh hơn là cho chúng ta. Cái í ở ngay trong Kinh Thánh, "Gieo gì gặt nấy" – anh gieo đơn thì anh gặt kép! Và sách Phúc âm của thánh Matiơ, chương bẩy, cũng nói: "Bất kể ngươi đối xử với người khác dư thế nào, ngươi cũng sẽ bị đối xử lại y hệt".

Anh cố làm ra vẻ bị xúc phạm, không thèm nói, nhưng kỳ thực, anh không nghĩ ra được điều gì để nói. Anh quay lưng, chệnh choạng ra ngoài cửa và chân nam đá chân xiêu, đi xuôi con đường về ngủ với lũ gà.

Nhưng hôm sau anh lại về, chiếc mũ quả dưa cầm trong tay và giữ đúng bổn phận ở với gia đình suốt mùa thu và mùa đông năm ấy, chỉ trừ một số đêm vắng nhà vì phải theo ông chủ trong một chuyến đi ngắn nào đó. Và một buổi sáng sớm tháng giêng năm 1831, khi cơn đau đẻ lần sau của Matilđa dồn dập, thì mặc dầu bấy giờ là lúc cao trào của mùa chọi gà, anh vẫn xin được ông chủ cho ở lại nhà – và đem bác Mingô ốm yếu đi theo tới cuộc đấu ngày hôm đó.

Bồn chồn, anh đi đi lại lại bên ngoài căn nhà gỗ, nhăn nhăn nhó nhó lắng nghe những tiếng kêu rên đau đớn của Matilđa. Rồi, nghe thấy những tiếng khác, anh rón rén lại gần và thấy tiếng Kitzi giục" "Cứ níu lấy tay mẹ nữa đi - mạnh vào, cưng!...Lấy một hơi nữa… sâu vào!... đúng thế…thế! giữ nào! giữ chắc nhé!". Rồi tiếng Xerơ ra lệnh: "Ấn xuống, nghe cô nào!...Bi giờ RẶN đi!... RẶN nào!"
Rồi, chẳng mấy chốc, "Đây rồi…phải…lạy Chúa…"

Khi nghe thấy những tiếng phát đen đét, rồi tiếng trẻ khóc oe oe, Joóc-Gà lùi lại mấy bước, bàng hoàng vì những gì anh vừa nghe thấy. Chẳng bao lâu, bà nội Kitzi ló ra, mặt rúm ró một nụ cười. "Ở, tuồng dư trong ruột bọn bay thuần là con giai hết".

Anh bắt đầu nhảy cẫng và tung tăng, hò la nhộn nhạo đến nỗi Malizi bổ ra cửa sau đại sảnh. Anh chạy lại gặp bà, nhấc bổng bà lên khỏi mặt đất, quay tít đi mấy vòng và hét: "Đứa này phải đặt tên cháu!"

Tối hôm sau, lần thứ ba, anh tụ tập mọi người xung quanh để nghe anh kể cho thành viên mới nhất của gia đình về người cụ gốc Phi tên là Kunta Kintê.

Trở về từ một cuộc họp thường lệ của điền chủ quận Caxuel vào cuối tháng 8, mexừ Liơ đang lái xe – Joóc-Gà còn bận moi ruột và đánh vẩy xâu cá măng, mỗi con to bằng bàn tay, mà ông chủ vừa mua được – thì xe xịch đỗ lại đột ngột. Cặp mắt Joóc giương to khi anh nhổm dậy vừa kịp trông thấy mexừ Liơ đã nhảy xuống đất, hối hả cùng nhiều ông chủ khác chạy về phía một người da trắng vừa tụt xuống khỏi mình một con ngựa hổn hển, đầm đìa mồ hôi. Người này đang điên cuồng gào lên với đám đông mau chóng phát triển. Từng đoạn lời của y vọng tới Joóc-Gà cùng những người da đen khác đang há hốc mồm nghe. "Không biết bao nhiêu gia đình chết cả nhà"… "đàn bà, trẻ thơ"… "đang ngủ trong giường bọn nhọ sát nhân ập vào".. "rìu, gươm, gậy gộc".. "giáo sĩ nhọ tên là Nat Tơnơ"…

Bộ mặt những người da đen khác là tấm gương phản chiếu lại nỗi dự cảm kinh hoàng của chính anh, trong khi đám người da trắng nguyền rủa và hoa chân múa tay với những bộ mặt đỏ bừng, giận dữ. Anh vụt nhớ lại những tháng đầu khủng khiếp sau khi cuộc nổi loạn ở Saletơn bị bại lộ mà không ai bị tổn thương gì cả. Bây giờ liệu những gì sẽ xảy tới đây. Mắt him him, ông chủ trở về xe, bộ mặt đờ đẫn vì tức tối. Không thèm ngoái lại lấy một lần, ông ta phóng như điên về nhà, khiến Joóc-Gà đằng sau phải bíu cả hai tay vào thành xe.

Tới đại sảnh, mexừ Liơ vọt ra khỏi xe, để mặc Joóc ngồi nhìn đống cá đã làm sạch. Mấy phút sau, Malizi chạy ra khỏi cửa nhà bếp và lao qua sân sau về phía xóm nô, hai tay chới với trên cái đầu quấn khăn rằn. Rồi ông chủ lại xuất hiện, lăm lăm khẩu súng ngắn, gằn giọng bảo Joóc: "Về lều mày đi!".

Hạ lệnh cho tất cả mọi người trong xóm nô ra khỏi chỗ ở, mexừ Liơ lạnh lùng nói với họ những điều Joóc-Gà đã nghe được. Biết rằng chỉ còn mình mình khả dĩ có thể làm dịu cơn thịnh nộ của ông chủ, Joóc-Gà cất được nên lời: "Xin ông, thưa ông chủ"… anh run run nói. Khẩu súng ngắn ngoắt một cái, chĩa thẳng về phía anh.

"Dọn ra! Mang hết các thứ ra khỏi lều! Tất cả bọn nhọ chúng bay! DỌN RA!". Trong một giờ tiếp theo, mọi người mang vác, kéo lết, chất đống những đồ đạc tư trang còm cõi của mình ra ngoài nhà dưới con mắt lục soát soi mói của ông chủ luôn mồm chửi rủa, doạ sẽ ra tay với bất kì ai bị khám phá ra là giấu vũ khí hoặc đồ vật gì khả nghi, họ phải rũ tung từng miếng vải, mở mọi thứ đựng, cắt rạch và xé toang từng tấm nệm rơm – mà cơn thịnh nộ của ông ta dường như vẫn vượt mọi giới hạn.

Ông ta lấy ủng giẫm nát chiếc hộp đựng các phương thuốc thiên nhiên của Xerơ, vừa quát mắng bà vừa đá tung các thứ rễ cây khô và thảo dược: "Vứt cái trò bùa yêu chết tiệt này đi!". Trước các căn lều khác, ông ta ném vung các bảo vật và dùng nắm tay hoặc chân đạp nát nhiều thứ khác. Bốn người đàn bà bù lu bù loa khóc lóc, bác Pompi dường như tê liệt, mấy đứa bé khiếp đảm, nước mắt ròng ròng, níu lấy váy Matilđa. Joóc-Gà giận sôi máu thấy Matilđa gần như đau đớn khi báng khẩu súng đập nát khung gỗ phía trước chiếc đồng hồ đứng quý giá của cô. "Tao mà tìm được một cái đinh nhọn trong này thì có thằng nhọ phải chết!"

Để lại xóm nô ngổn ngang, ông chủ ngồi vào xe, tay cầm khẩu súng ngắn, cho Joóc lái xuống khu luyện gà.

Đứng trước khẩu súng và tiếng quát tháo ra lệnh trút hết đồ đạc ra, bác già Mingô khiếp đảm lắp bắp: "Tui có làm gì đâu, thưa ông chủ"…

"Cứ tin bọn nhọ thành thử bây giờ, bao gia đình chết sạch đấy!" mexừ Liơ thét. Tịch thu cả búa, rìu, chiếc nêm mỏng manh, một cái khung bằng kim khí và dao bỏ túi của hai bác cháu, ông chủ chất những thứ đó vào trong xe khi Joóc-Gà và bác Mingô đứng trơ mắt nhìn. "Trong trường hợp bọn nhọ chúng bay định ập vào, hãy nhớ là tao ngủ với khẩu súng ngắn này!" Y quát vào mặt họ, quất ngựa phóng nước đại và khuất trong một đám mây bụi trên đường.

Chương 97

“Nghe nói bây giờ mày có bốn đứa con trai liền tù tì!”. Ông chủ xuống ngựa trong khu luyện gà. Phải mất cả một năm ròng, nỗi sợ hãi pha với giận dữ của dân da trắng miền Nam – trong đó có mexừ Liơ - mới xẹp hẳn. Tuy một hai tháng sau cuộc nổi loạn, ông chủ đã lại đem Joóc-Gà đi theo đến các cuộc chọi gà, thái độ lạnh lùng rõ rệt của ông ta mãi đến hết năm mới tan hết. Nhưng vì những lý do mà cả hai đều không biết, từ đó quan hệ của họ dường như lại gần gũi hơn bao giờ hết. Không ai nhắc đến chuyện cũ lần nào, song cả hai đều tha thiết hy vọng sẽ không còn có những cuộc nổi dậy của người da đen nữa.

“Vâng! Con trai to bự đẻ trước lúc rạng sáng, thưa ông chủ !” Joóc-Gà nói, anh đang trộn khoảng một tá lòng trắng trứng và một cốc vại bia với bột yến mạch, lúa mì giã cùng một loạt nhiều thứ cỏ nghiền nát để nướng thành một thứ bánh đặc biệt làm nguồn thức ăn dự trữ mới cho đám gà chọi. Anh mới học được “bí quyết” ấy ngay sáng nay thôi, do bác Mingô già ốm yếu truyền lại một cách miễn cưỡng; mexừ Liơ đã ra lệnh cho bác phải nghỉ trong lều cho đến khi những cơn ho không dự đoán trước được và ngày càng nặng của bác dứt đi.Trong thời gian đó, một mình Joóc-Gà phải ráo riết luyện hơn hai mươi con gà chọi thượng thặng sau những đợt lọc loại hết sức nghiệt ngã trong số bảy mươi sáu con mới trưởng thành vừa mang về từ bãi thả.

Chỉ còn chín tuần lễ nữa là đến ngày anh và mexừ Liơ phải đi Niu Oliânz. Những năm chiến thắng ở địa phương, cộng với không ít thành công ở các cuộc đấu toàn bang, cuối cùng đã khiến ông chủ mạnh dạn đem mười hai con gà thượng thặng của mình xuất trận trong cuộc đấu “chủ lực” nổi tiếng vào ngày đầu năm, mở màn mùa chọi ở thành phố đó. Nếu gà của Liơ có thể thắng trong nửa số trận đấu với các cỡ gà tranh giải vô địch được tập hợp tại đấy, ông chủ không những chỉ vơ được một tài sản, mà còn có thể một sớm một chiều tót lên địa vị được công nhận trong toàn bộ giới chơi gà trùm sỏ. Chỉ riêng cái khả năng ấy cũng đã gây háo hức đến nỗi Joóc-Gà hầu như không thể nghĩ đến điều gì khác.

Mexừ Liơ đã dắt con ngựa qua và buộc một đoạn ngắn dây cương vào hàng rào song mây. Sải bước trở lại gần Joóc, ông chủ dụi mũi giầy vào một túm cỏ và nói: “Kỳ cục dữ, bốn thằng nhỏ mà mày không lấy tên tao đặt cho thằng nào”.

Joóc-Gà vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ - và bối rối: “Ông rành là có lý, thưa ông chủ !” anh ấp úng thốt lên. “Đúng là có cái đích đáng để đặt tên cho thằng nhỏ này – Tôm! Vâng, thưa ông, Tôm!”.

Ông chủ coi bộ mãn ý. Rồi ông đưa mắt nhìn về phía căn lều nhỏ dưới gốc cây, vẻ mặt trở nên nghiêm trang: “Lão già thế nào?”.

“Thưa ông chủ, con nói thật với ông, khoảng giữa đêm qua, bác í bị một cơn ho xấu tệ. Đấy là vào trước lúc bác Pompi được phái xuống đây gọi cháu lên kia khi Tilđa đẻ. Đúng sáng nay, cháu nấu nướng một chút cho bác í ăn thì bác í ngồi dậy và ăn hết sạch, lại thề rằng mình thấy trong người dễ chịu. Bác í khùng lên khi cháu bảo bác í phải nằm trong giường cho đến khi nào ông biểu bác í có thể ra ngoài”.

“Thôi được, dù sao cũng cứ để cái con ó già ấy nằm yên trong đó một hôm nữa đã”, ông chủ nói: “Có lẽ tao phải kiếm một ông đốc-tờ xuống đây xem cho lão. Cái bệnh ho tệ hại này cứ trở đi trở lại, chừng nào còn thì chẳng hay gì!”.
“Đúng thế, thưa ông. Nhưng rành là bác í chả tin gì đốc-tờ, thưa ông chủ”…
“Tao bất cần lão ấy tin cái gì! Nhưng ta hãy xem đến hết tuần, lão ấy ra sao…”

Trong khoảng một giờ sau, mexừ Liơ kiểm tra đám gà con và gà tơ trong chuồng rào, và cuối cùng, đến những con gà tuyệt vời đang được Joóc-Gà chăm nom và rèn luyện. Rồi ông ta nói chuyện về chuyến đi sắp tới một lúc. Sẽ phải mất gần sáu tuần mới tới Oliânz được, ông nói, nếu đi bằng cỗ xe tải nặng nề ông đang thuê đóng ở Grinxborâu. Xe này sẽ có thêm một moóc phụ với mười hai chuồng gà lắp vào tháo ra được, một bàn đệm đặc biệt cho gà tập luyện hằng ngày trong khi đi đường, cùng các giá, máng, thùng đặc biệt mà mexừ Liơ đã chỉ định rõ để đựng mọi thứ vật dụng và dự trữ cần thiết cho chuyến đi dài mang theo gà chọi. Chiếc xe sẽ xong trong vòng mười ngày nữa.

Khi mexừ Liơ về rồi, Joóc-Gà đắm mình vào những nhiệm vụ còn lại trong ngày. Anh đang đẩy đàn gà đến mức cực hạn. Ông chủ đã giao quyền cho anh vận dụng nhận định cá nhân của mình để loại thêm bất cứ con nào anh

phát hiện thấy có một tật nhỏ bất luận thuộc loại gì, bởi lẽ chỉ những gà hay toàn diện nhất mới có thể hứa hẹn một triển vọng ở trình độ thi đấu đang chờ chúng ở Niu Oliânz. Làm việc với đàn gà, anh vẫn nghĩ về loại âm nhạc mà họ bảo anh sắp được nghe ở Niu Oliânz, bao gồm những dàn kèn đồng lớn diễn qua các phố. Người thủy thủ da đen anh gặp ở Saletơn còn nói rằng cứ đầu giờ chiều mỗi ngày chủ nhật, hàng nghìn người lại tụ tập ở một quảng trường lớn gọi là "Quảng trường Côngô" để xem hàng trăm nô lệ biểu diễn các điệu nhảy của các vùng và các dân tộc Phi châu, nơi quê cha đất tổ của họ. Và gã thủy thủ thề rằng bến cảng Niu Oliânz vượt bất cứ bến cảng nào gã từng thấy. Còn cái khoản phụ nữ í chứ! Cả một nguồn vô tận, gã thuỷ thủ nói, muốn chuộng lạ bao nhiêu cũng có, đủ mọi loại và mọi màu da, nào "loại một nửa", nào "loại một phần tư máu đen", "một phần tám máu đen". Anh nôn nóng chỉ muốn đến ngày đó.

Chiều muộn hôm đó, sau nhiều lần định làm thế nhưng lại mắc một việc vặt vãnh gì đó, cuối cùng Joóc gõ cửa bước vào căn nhà gỗ bừa bộn và sực mùi ẩm mốc của bác Mingô.
"Bác thấy trong người thế nào?" Joóc-Gà hỏi. "Có cái gì cháu làm được cho bác không?" Nhưng anh không cần đợi trả lời mới biết.
Ông lão nhợt nhạt và yếu đến mức anh sửng sốt – nhưng cáu bẳn hơn bao giờ hết vì nỗi bắt buộc phải nằm ì.

"Mầy ra khỏi đây! Đi mà hỏi ông chủ xem tau thấy trong người thế nào! Ông í biết hơn tau đấy!" Rõ ràng bác Mingô muốn được yên thân, nên Joóc đành bỏ đi, bụng nghĩ bác ta sắp sửa giống lũ gà mồi dai thịt, nhọn lông của mình - những con lão tướng xương đồng da sắt của bao phen chiến trận, nhưng bị tuổi già đuổi kịp và tàn phá, chủ yếu chỉ còn lại bản năng.

Mặt trời lặn được một tí thì những con cuối cùng tập xong bài luyện cánh và trở về chuồng, và cuối cùng, Joóc cảm thấy rảnh rang về thăm nhà, ít nhất một lát. Về tới lều, mừng rỡ thấy Kitzi đang ở thăm Matilđa. Anh vừa nắc nỏm cười vừa kể cho hai người nghe câu chuyện trao đổi ban sáng với ông chủ về việc đặt tên đứa bé mới đẻ là Tôm. Kể xong, anh rất ngạc nhiên nhận thấy hai người dường như không chia sẻ sự vui thích của mình. Matilđa là người lên tiếng trước, lời lẽ của cô thẳng thừng và vô thưởng vô phạt: "Ờ, chắc là có hàng nút Tôm trên đời này".

Nom mẹ anh như vừa phải nhai một bánh xà phòng: "Tui đồ chừng tui mấy Tilđa cùng cảm thấy dư nhau, cơ mà nó không muốn chạm đến tình cảm anh mới ông chủ quý hóa của anh. Chả có gì không ổn về đằng ông chủ đâu. Tui rành là chỉ muốn đứa nhỏ tội nghiệp nầy mang tên một ông Tôm nào khác kia"…Bà ngập ngừng, rồi vội vã nói thêm: "Là vì đấy chỉ là ý kiến của tui thôi – đây không phải là con tui, không phải việc của tui!"

"Phải, đấy là việc của Chúa!" Matilđa cáu kỉnh nói, bước tới lấy quyển Kinh thánh. "Trước khi đẻ, tui đã lục tìm trong Kinh thánh xem có nói gì về các tên". Cô giở vội qua các trang, thấy đoạn, trang và câu định tìm đọc to lên: "Kỷ niệm về người chính trực được ban phước. Còn tên của kẻ ác sẽ thối rữa!".
"Xin Chúa thương xót!" Bà nội Kitzi thốt lên.

Joóc-Gà phát khùng đứng dậy: "Vậy thì được! Rồi các người biểu mấy ông chủ thế nào đây?" Anh đứng nhìn chằm chằm. Anh đang phát ớn vì sự ngầy ngà khó chịu khi anh về nhà của chính mình! Và anh đã ngấy quá xá cái thói của Matilđa cứ dẫn Kinh Thánh hoài hoài để chê bai chỉ trích. Anh moi óc tìm một điều gì anh đã có lần nghe thấy; đây rồi: "Các người gọi nó là Tôm Baptix [1] vậy!". Anh quát to đến nỗi ba đứa con trai thò mặt ra ở cửa phòng ngủ, và đứa sơ sinh mới được một ngày khóc oà lên khi Joóc-Gà sầm sầm ra khỏi nhà.

Đúng vào lúc đó, tại bàn giấy phòng khách trong đại sảnh, mexừ Liơ chấm bút vào mực, rồi nắn nót viết vào mặt trong tấm bìa trước quyển Kinh Thánh của ông ta một dòng ghi ngày sinh tháng đẻ thứ năm nằm dưới bốn cái tên đã ghi ở đó – Joóc-Gà và ba đứa con trai đầu của anh: "Ngày 20 tháng 9 năm 1833…Matilđa đẻ con trai…tên Tôm Liơ".

Giận dữ trở xuôi con đường cái lớn, Joóc sôi máu vì nỗi không phải là anh không yêu thương Matilđa. Cô là người phụ nữ tốt nhất, trung thực nhất anh từng gặp. Tuy nhiên một người vợ tốt không nhất thiết phải là một người đàn bà ngoan đạo, luôn luôn chỉnh đốn chồng mỗi khi anh ta giở giói, mà hành động ấy chỉ là đầy tính người thôi. Một người đàn ông có quyền thi thoảng hưởng sự gần gũi với loại phụ nữ chỉ muốn tìm vui thú trong cười đùa, dí dỏm, rượu chè và những thôi thúc của thể xác. Và qua những chuyến đi chung trong năm qua, anh biết mexừ Liơ cũng vậy. Mỗi lần sau khi dự chọi gà ở gần một đô thị lớn nào đó, bao giờ họ cũng ở lại thêm một ngày, gửi la vào chuồng và thuê người trông nom gà, trong khi đó anh và mexừ Liơ mỗi người đi một ngả. Sáng sớm hôm sau gặp nhau ở chuồng ngựa, họ thu thập gà lại và đánh xe về nhà, mỗi người đều nương giữ cái dư vị sau đêm hành lạc và cả hai đều không nói một lời nào tỏ ra mình biết người kia đã đi mò gái.

Năm ngày sau, cơn lôi đình của Joóc-Gà mới nguôi đủ mức để khiến anh nghĩ đến việc quay về nhà. Sẵn sàng tha thứ cho mẹ và vợ, anh sải bước trên đường về xóm nô và mở cửa lều.

"Lạy Chúa! Anh đấy ư, Joóc?" Matilđa nói: "Lũ trẻ sung sướng biết mấy được thấy lại bố! Nhất là thằng bé này. Lần rồi, anh ở đây nó đã mở mắt đâu!"

Tức thì nổi cáu, anh sắp quay ngoắt ra ngoài thì chợt thấy ba đứa con trai đầu – lên năm, lên ba và lên hai – lóng ngóng nép vào nhau, giương mắt nhìn anh với vẻ gần như sợ hãi. Anh cảm thấy một nỗi thôi thúc muốn vơ lấy chúng và ghì chặt vào lòng. Sắp tới anh không được thấy chúng trong ba tháng khi anh đi Niu Oliânz; anh phải mang về cho chúng một số quà thật thú vị mới được.

Anh miễn cưỡng ngồi xuống cạnh bàn, trên đó Matilđa bày bữa ăn cho anh; chị cũng ngồi xuống đọc kinh, rồi đứng lùi lại nói: 'Vơjơl, đi mời bà nội sang đây!"

Joóc-Gà ngừng nhai, chỉ nuốt chỗ thức ăn trong miệng. Hai mẹ con họ mưu tính trò gì để hành mình lần này đây?

Kitzi gõ cửa và bước vào, ôm ghì Matilđa, hôn hít, vồ vập, chậc lưỡi với ba thằng nhỏ, trước khi đưa mắt nhìn con trai. "Thế nào, khoẻ không? Bao lâu không gặp anh!"
"Mẹ có khoẻ không ạ?" Mặc dầu đang sôi máu, anh vẫn cố gượng đùa.

Ngồi xuống ghế và đỡ lấy đứa bé từ tay Matilđa, mẹ anh nói với giọng gần như có tính chất đàm thoại. "Joóc à, các con anh muốn hỏi anh cái gì đấy"… Bà quay lại, phải không Vơjơl?"

Joóc-Gà trông thấy thằng con lớn nhất lẵng nhẵng đằng sau. Không biết họ đã mớm lời cho nó những gì?
"Bố" cuối cùng nó nói, giọng lanh lảnh, "bố kể cho chúng con nghe về cụ tổ chứ?"

Luồng mắt của Matilđa lia tới anh.
"Con là người tốt, Joóc ạ", Kitzi nhẹ nhàng nói. Chớ có bao giờ để ai bỉu con thế khác! Mà cũng chớ có bao giờ cảm thấy mẹ và vợ con không yêu thương con. Mẹ cho rằng có lẽ con lẫn lộn không thấy rõ mình là ai và đôi khi không rõ chúng ta là ai. Chúng ta cùng một dòng máu, cũng dư cụ của dững đứa trẻ này".
"Điều í ở ngay trong Kinh Thánh", Matilđa nói. Thấy cái liếc mắt ngài ngại của Joóc, cô nói thêm: "Không phải mọi cái gì trong kinh thánh đều nghiêm khắc, Kinh Thánh nói bao nhiêu về tình yêu".

Tràn ngập xúc động, Joóc-Gà kéo ghế lại gần lò sưởi. Ba thằng bé ngồi bệt xuống trước mặt anh, mắt long lanh dự cảm, và Kitzi trao đứa bé cho anh. Lấy nét mặt trang nghiêm, anh hắng giọng và bắt đầu kể cho bốn con trai nghe câu chuyện của bà nội về cụ tổ chúng.
"Bố, con cũng biết chuyện!" Vơjơl xen vào. Làm điệu mặt với bọn em, nó tự động kể tiếp - cả những tiếng Phi nữa.
"Nó đã nghe anh ba lần, còn bà thì chưa kể lại cho xong thì chưa bước qua ngưỡng cửa để về!" Matilđa vừa nói vừa cười, Joóc nghĩ thầm: đã bao lâu anh chưa nghe thấy vợ mình cười?

Cố gắng giành lại trung tâm chú ý, Vơjơl nhảy lên nhảy xuống chồm chồm. "Bà nội bỉu người Phi làm cho chúng ta biết chúng ta là ai!"
"Đúng thế!" bà nội Kitzi nói, mặt tươi rói.

Lần đầu tiên trong một thời gian dài, Joóc-Gà cảm thấy căn nhà gỗ lại là tổ ấm của mình.

Chú thích:

[1] Joóc lẫn với thánh Jăng Baptixtờ người báo truyền sự ra đời của đạo Thiên chúa và làm lễ rửa tội cho Chúa Jêxu

Chương 98

Bốn tuần sau, chiếc xe tải mới đã sẵn sàng giao cho người nhận ở Grinxborâu. Ông chủ đặt đóng nó thật hợp lý biết bao, Joóc-Gà ngẫm nghĩ trong khi hai thầy trò đi xe đến đó, vì họ cần đến Niu Oliânz, không phải trong cái mớ tùm hum xộc xệch cũ kỹ này, mà là trong cỗ xe tải đẹp nhất có thể bỏ tiền ra mua được - xứng hợp với một người chơi gà cự phách và tay luyện gà của ông ta. Cũng vì lý do ấy, trước khi rời Grinxborâu, anh phải vay ông chủ một đôla rưỡi để mua một chiếc mũ quả dưa đen mới cho hợp với chiếc khăn quàng xanh lục mới mà Matilđa đan đã gần xong. Anh cũng sẽ làm sao đảm bảo chắc chắn để Matilđa gói ghém cả hai bộ complê xanh và vàng, bộ dây đeo quần đỏ đẹp nhất, nhiều sơ mi, quần bít tất và mùi xoa, vì sau cuộc đấu, anh biết mình cần phải tốt mã khi mò ra tỉnh.

Trong mấy phút sau khi đến cửa hàng đóng xe, đứng ngoài chờ, Joóc bập bõm nghe thấy tiếng đôi co từ sau cánh cửa đóng kín. Anh biết ông chủ đã khá lâu để có thể đoán trước như thế, nên anh chả buồn nghe làm gì; anh đang quá bận bịu trong đầu, lựa lọc các nhiệm vụ anh phải lo liệu ở nhà, trước khi lên đường. Công việc gay nhất anh biết – là loại thêm bảy con gà trong số mười chín con mẫu mực tuyệt vời mà anh đã luyện cho những ngón sắc sảo để giết tươi đối thủ. Trong xe chỉ có chỗ cho mười hai con và chọn chúng là một thử thách không những với óc xét đoán của anh và của ông chủ, mà đối với cả sự phán định của bác Mingô nay đã lại đỡ, đi ra đi vô, dạo quanh được, vẫn chua chát và ác khẩu như bao giờ.

Bên trong cửa hàng, giọng mexừ Lio đã cất cao thành tiếng la lối: sự chậm trễ không thể tha thứ được trong việc hoàn thành chiếc xe đã làm ông tốn tiền, cái đó phải khấu trừ vào giá. Người chủ hiệu quát lại rằng y đã thúc công việc nhanh hết mức và đáng lý giá phải cao hơn vì phí tổn về vật liệu đã tăng lên cùng những đòi hỏi quá quắt về lương lậu của bọn thợ da đen tự do. Nghe đoạn này Joóc-gà đoán rằng thực ra ông chủ không đến nỗi cáu như vẻ bề ngoài, mà chỉ thăm dò người chủ hiệu xe xem có thể cò kè bớt đi được ít ra là mấy đôla hay không.

Sau một lát, xem chừng trong nhà đã đi đến một kết quả gì đó và dường như đã kết thúc và chẳng mấy chốc mexừ Lio cùng người chủ hiệu xe đi ra, mặt còn đỏ gay, nhưng giờ đây đã cư xử và trò chuyện một cách hữu hảo. Người thương gia gọi to về phía sau cửa hiệu và mấy phút sau, bốn người da đen ì ạch xuất hiện, gần như gập đôi người, kéo theo sau lưng chiếc xe tải mới nặng nề đóng theo kích thước đã đặt. Joóc tròn xoe mắt trước tay nghề tinh xảo và vẻ đẹp của chiếc xe. Anh có thể cảm thấy sức mạnh trong thân và khung gỗ sồi của nó. Ở khúc giữa thùng xe dài một cách bề thế, nhô lên những chóp của mười hai cái chuồng tháo lắp được. Các trụ xe bằng sắt và trục bánh xe rõ ràng là rất cân và được tra dầu mỡ trơn tru vì mặc dầu xe vừa to vừa nặng, anh không hề nghe tiếng cót két hoặc thậm chí tiếng cọ sát nào cả. Anh cũng chưa từng thấy mặt mexừ Lio nở một nụ cười như thế này bao giờ.

"Đây là một trong những xe oách nhất mà chúng tôi từng sản xuất!" người chủ hiệu xe thốt lên. "Đẹp đến nỗi gần như tiếc không muốn đi!" Một cách cởi mở, mexừ Lio nói: "Ờ, nó sắp sửa phải lăn bánh trên một chặng đường dài đấy!". Người chủ hiệu xe lắc đầu: "Niu Ôliânz! Một chuyến đi dài sáu tuần lễ đấy. Ai sẽ cùng đi với ông?"

Mexừ Lio quay lại, khoát tay về phía Joóc-Gà đang ngồi trên ghế xà ích của chiếc xe cũ. "Tên nhọ kia của tôi và mười hai con gà."

Đón trước mệnh lệnh của ông chủ, Joóc-Gà nhảy xuống và quay lại tháo dây buộc đôi la thuê mà họ rong theo, rồi dẫn chúng đến chỗ chiếc xe tải mới. Một trong bốn người thợ da đen giúp anh thắng la vào xe, và quay lại nhập bọn với những người kia, họ không chú ý gì đến Joóc-Gà nữa, cũng như anh chẳng buồn quan tâm đến họ; nói cho cùng, họ là những người da đen tự do mà mexừ Lio thường nói là ông thấy gai mắt không chịu nổi. Sau khi đi vòng quanh chiếc xe mấy lần với cặp mắt long lanh và bộ mặt nở rộng một nụ cười, ông chủ bắt tay người chủ hiệu xe, cảm ơn lão và hãnh diện leo len ghế ngồi. Miệng chúc ông may mắn, người chủ hiệu xe đứng đó lắc lư đầu thán phục công trình của chính mình, trong khi mexừ Lio dẫn đầu ra khỏi khu đất, với Joóc-Gà theo sau trong chiếc xe cũ.

Trên quãng đường dài đánh xe về nhà - chiếc mũ quả dưa mới đặt trên ghế bên cạnh mình, cùng với đôi ghệt dạ sang trọng màu xám đã làm anh hụt đi một đôla – Joóc nhẩm nốt trong đầu danh sách những việc anh phải lo liệu trước khi đi Niu Oliânz và bắt đầu nghĩ đến những thứ cần làm để đảm bảo cho mọi sự vẫn trôi chảy trong khi họ đi xa. Tuy biết rằng vắng anh, việc nhà sẽ khó khăn, anh vẫn tin rằng Matilđa và Kitzi sẽ đủ sức đảm đương nhiệm vụ; và mặc dù bác Mingô không còn tháo vát lanh lợi như trước nữa, mỗi năm một thêm lẫn cẫn, Joóc vẫn chắc

chắn rằng ông lão có thể chăm nom đàn gà chu toàn cho đến khi anh trở về. Nhưng anh biết, anh sẽ cần một sự trợ lực lớn hơn khả năng đang suy của bác Mingô.

Dù thế nào di nữa, anh cũng phải tìm cách vượt được sự mù lòa của vợ và mẹ mình trước cái cơ hội hiếm có mà anh cảm thấy có thể mở ra cho cu Vơjơl, nhất là vì thằng bé đã gần sáu tuổi, chẳng bao lâu sẽ phải bắt đầu ra làm đồng. Trong lúc vắng nhà, anh đã nảy ra ý nghĩ là có thể giao cho Vơjơl giúp bác Mingô trông nom đàn gà - rồi cứ tiếp tục công việc sau khi họ trở về, đơn giản thế thôi – song anh vừa nêu ý kiến đó ra, Matilđa đã đùng đùng phản đối: "Vậy thì để ông chủ mua đứa nào mà giúp bác í!" và Kitzi gay gắt xen vào: "Dững con gà í đã đánh cắp đi của gia đình này khá đủ rồi!" Không muốn để xảy ra một cuộc xung đột mới với họ, anh không cố ép, nhưng nhất định không muốn thấy ông chủ có thể mua một người nào đó hoàn toàn xa lạ để đột nhập vào địa phận riêng của anh và bác Mingô.

Tuy nhiên, ngay cả nếu ông chủ không dại gì mà đưa một người ngoài vào, Joóc cũng chưa dám chắc là bác Mingô có chấp nhận để Vơjơl giúp việc hay không, ông lão dường như ngày càng buồn bực từ khi gã phụ tá phát triển một quan hệ gần gũi với ông chủ hơn chính bản thân bác. Mới gần đây thôi, cay đắng vì nỗi không được phép cùng đi Niu Oliânz với họ, bác Mingô đã nói rằng: "Mầy mấy ông chủ ngỡ có thể giao cho tau nuôi gà trong khi thầy trò mầy đi hả?" Joóc ước sao bác Mingô hiểu cho rằng anh không dính gì vào những quyết định của ông chủ cả. Đồng thời, anh tự hỏi tại sao ông già lại không đơn giản nhìn thẳng vào cái thực tế là vào cái tuổi ngoài bảy mươi, ông chả còn hơi sức đâu mà đi ròng rã sáu tuần lễ, bất kể về hướng nào, gần như chắc chắn là bác sẽ ốm gục ở một quãng nào đó, đẻ thêm bao nhiêu vấn đề rắc rối cho anh và ông chủ. Joóc hết lòng ước ao sao biết được cách làm cho bác Mingô đỡ khổ sở hơn về chuyện này hoặc ít ra cũng thôi đừng đổ tội cho anh về mọi sự nữa.

Cuối cùng, hai cái xe rẽ khỏi đường cái lớn và lăn bánh xuôi theo lối vào đồn điền. Gần tới đại sảnh, anh ngạc nhiên thấy bà Lio ra cửa trước và bước xuống bậc thềm. Lát sau, từ cửa sau, Malizi ló ra. Rồi anh trông thấy Matilđa cùng các con, mẹ Kitzi, cô Xerơ và bác Pompi hối hả từ các lều chạy tới. Cả bọn họ làm gì ở đây, vào chiều thứ năm – Joóc tự hỏi – trong khi đáng lẽ phải ở ngoài đồng? Phải chăng họ háo hức muốn xem cỗ xe mới, đẹp đẽ, đến nỗi sẵn sàng liều mạng chịu cơn nổi giận của ông chủ. Rồi anh trông thấy vẻ mặt họ và biết không một ai quan tâm gì đến bất cứ một cái xe mới nào.

Khi thấy bà Lio tiếp tục bước tới chiếc xe của ông chủ, Joóc ghìm cương dừng xe mình lại và, từ chiếc ghế xà ích cao, vươn người ra đằng trước để nghe cho rõ hơn những điều bà nói với ông chủ. Joóc thấy người ông chủ giật nhổm lên thăng đứng, trong khi bà chủ chạy trở lại phía nhà. Sững sờ, Joóc nhìn mexừ Lio từ chiếc xe mới trèo xuống và chậm rãi, nặng nề bước lộn lại phía anh. Anh thấy bộ mặt tái nhợt đi vì xúc động đột ngột – và anh chợt hiểu ra! Câu nói của ông chủ vẳng tới anh như từ một chốn xa: "Mingô chết".

Sụp xuống tựa mạng sườn vào chiếc ghế xe, Joóc khóc tu tu lên như chưa từng khóc thế bao giờ. Anh chỉ mơ hồ cảm thấy ông chủ và bác Pompi gần như đánh vật để đỡ anh xuống đất. Rồi bác Pompi một bên, và Matilđa bên kia dìu anh về xóm nô, những người khác xung quanh thấy anh đau buồn thế lại khóc. Matilđa xốc anh loạng choạng vào trong lều, theo sau là Kitzi bế đứa bé.

Khi anh đã trấn tĩnh lại, mọi người bèn kể cho anh nghe điều đã xảy ra. "Anh với ông chủ đi sáng thứ hai." Matilđa nói, "và đêm í ở đây không ai ngủ yên. Tuồng dư sáng thứ ba, tất cả thức giấc cảm thấy dư nghe rõ hàng tràng cú rúc chó sủa. Thế rồi nghe thấy tiếng kêu thét…"
"Đấy là Malizi!" Kitzi thốt lên. "Lạy Chúa, bà í gào thiệt dữ! Bọn tui ào ra chỗ bà í đi cho lợn ăn. Và bác ta nằm đây, tội nghiệp cái linh hồn già sõng sượt trên đường cái, nom dư một đống giẻ!"

Lúc ấy, bác vẫn còn sống – Matilđa nói – nhưng "chỉ một bên miệng bác í động đậy. Em quỳ sụp ngay xuống ghé sát vào, chỉ hơi đoán ra lời bác í thì thào. "Chắc tui bị đột quỵ" bác biểu thế, "Giúp tui trông đàn gà… Tui không thể…".

"Lạy Chúa thương xót, không ai biết làm như thế nào cả!" Kitzi nói, nhưng rồi bác Pompi cố bế cái hình hài mềm oặt mà nặng nề lên. Bác không đủ sức và mọi người xúm lại, cuối cùng kéo được bác Mingô về xóm nô, đặt lên giường bác Pompi:
"Joóc ạ, bác í đã thúi dữ, sực mùi ốm trên người!" Matilđa nói. "Bọn tui bắt đầu quạt mặt bác í và bác í tiếp tục thì thào… dững con gà… tui phải quay về…"

"Bây giờ Malizi mới chạy đi thưa mấy bà chủ." Kitzi nói, "bà í đến, vặn vẹo tay, kêu khóc, làm bù lu bù loa lên! Dưng đâu phải là vì ông anh Mingô của tôi! Không! Tiên chưng bà í với hò rằng phải cắt ai xuống chỗ lũ gà kẻo ông chủ lên cơn mất! Thế là Matilđa gọi Vơjơl…"

“Rành là em chả xuống thế đâu!” Matilđa nói, “Anh biết ý em thế nào về chuyện í rồi đấy. Một người trong nhà ở dưới í với lũ gà là đủ rồi. Mấy lị, em đã nghe nói nào chó lạc, nào cáo, thậm chí là cả mèo rừng, lảng vảng tìm cách ăn thịt gà! Dưng mà Chúa phù hộ lái tim thằng bé! Nó sợ xanh mắt, dưng mà nó nói: “Mẹ ạ, con đi, con chỉ không biết làm thế nào thôi!” Bác Pompi bèn lấy một túi ngô mà rằng: Trông thấy con nào, cháu cứ ném một nắm này cho nó, rồi hễ lúc nào có thể, ông xuống đấy ngay…”

Vì không có cách nào nhắn được tới anh và ông chủ, trong khi Xerơ thì e rằng bệnh tình bác Mingô đã vượt quá giới hạn các thứ rễ cây của bà có thể chữa khỏi và thậm chí bà chủ cũng không biết xoay sở ra sao để tìm được bất kì một ông bác sĩ nào, nên bọn tui không thể làm gì khác, ngoại trừ chờ thầy trò anh về”, họ nói với anh. Matilđa bỗng khóc và Joóc với tay ra nắm lấy tay cô.

“Nó khóc là vì lúc bọn tui quay về lều bác Pompi sau khi thưa chuyện bà chủ, thì bác Mingô đi rồi.” Kitzi nói. “Lạy Chúa! Chỉ nhìn bác một cái là biết!” Lúc này chính bà cũng nức nở. “Tội nghiệp cái linh hồn già, chết thui thủi một mình!”

Khi bà Liơ được báo, Matilđa nói. “bà í bắt đầu la rầm lên rằng bà í thật chả biết làm thế nào mấy những người chết cả, chỉ nghe ông chủ nói là nếu giữ hơn một ngày là bắt đầu thối rữa. Bà í biểu khi thầy trò anh về thì đã quá hạn í lâu rồi, cho nên bà biểu bọn tui phải đào một cái hố…”

“Lạy Chúa!” Kitzi thốt lên. “Bên dưới rừng liễu đất khá mềm. Bọn tui lấy xẻng, bác Pompi mấy cả bọn lền bà chúng tui đào đào bới bới, luân phiên nhau mỗi người một lần, cho đến khi được một cái hố vừa để đặt bác í vào. Bọn tui quay về, rồi bác Pompi mới tắm rửa cho bác í.”
“Bác Pompi bôi lên người bác í một ít sáp lixêrin cô Malizi xin của bà chủ”, Matilđa nói “ rồi rẩy lên ít nước hoa, thứ anh mang về cho em năm ngoái í mà”.

“Chả có quần áo lành lặn tử tế mà mặc cho bác í”, Kitzi kể tiếp, “cái bộ bác í đang mặc thì hôi quá, còn bác Pompi có lèo tèo mấy cái thì cái nào cũng quá chật, thành thử đành chỉ quấn bác í trong hai tấm khăn trải giường”. Sau đó, bà nói, bác Pompi đã chặt hai cành cây xanh thẳng, trong khi đám phụ nữ tìm được số ván cũ và họ làm một cái cáng. “Về bà chủ, phải nói rằng khi bà í trông thấy bọn tui tất cả xúm lại khiêng bác í đến huyệt”, Matilđa nói “thì bà í đã chạy đến với quyển Kinh Thánh nhà họ. Khi bọn tui đưa bác í đến đấy, bà í đọc mấy đoạn trong Thi Thiên, rồi em cầu nguyện, xin Thượng đế cứu rỗi cho linh hồn cụ Mingô an nghỉ… Thế rồi mọi người đặt thi thể xuống huyệt và lấp đất lên”.
“Bọn tui đã lo cho bác í tốt đẹp nhất với sức mình có thể làm! Anh muốn bực thì mặc anh”. Matilđa lớn tiếng, hiểu lầm vẻ đau đớn trên mặt chồng.

Níu lấy và ghì chặt vợ, anh cất giọng khàn khàn; “Chẳng ai bực giận cả…” Xúc động làm anh nghẹn lại không diễn đạt nên lời nỗi giận dữ với bản thân mình và ông chủ đã không có mặt ở đây sáng nay. Biết đâu họ chẳng có thể làm được chút gì khả dĩ cứu được bác.

Lát sau, anh rời khỏi căn lều, ngẫm nghĩ về chuyện chính những người vẫn nói ra miệng là không ưa Mingô, đã tỏ ra xiết bao quan tâm, lo lắng và thậm chí yêu thương đối với bác. Nom thấy bác Pompi, anh bước tới, riết chặt tay bác và hai người nói chuyện một lát. Bác Pompi cũng gần bằng tuổi bác Mingô; bác nói là bác vừa ở khu gà chọi về, để cu Vơjơl ở lại đó trông gà. “Cháu có thằng con trai ngoan lắm, rành là thế!” Rồi bác bảo “Khi nào cháu xuống đấy, vì rằng giời không mưa, cháu vẫn có thể thấy cái vệt ngoằn ngoèo trên bụi đường là dấu của ông anh Mingô lết mình trong đêm tối suốt từ đấy đến đây”.

Joóc không muốn nhìn thấy cái đó. Chia tay với bác Pompi, anh chậm rãi bước tới rặng liễu. Phải mất một lúc, anh mới nhìn thẳng vào nắm đất mới đắp lên. Đi quanh quẩn như trong một cơn choáng, nhặt mấy hòn đá, anh xếp thành một hình trang trí quanh mộ. Anh cảm thấy mình không xứng đáng.

Để tránh cái vệt do bác Mingô để lại trên lớp bụi đường, anh đi tắt qua một cánh đồng đầy thân ngô gẫy đến khu gà chọi.

“Con đã làm một việc tốt, con trai ạ. Bi giờ, con đi về mấy mẹ thì hơn”. Anh nói, bàn tay thô kệch vỗ vỗ đầu Vơjơl, làm thằng bé sướng rơn với lời khen đầu tiên của bố. Sau khi nó đi rồi Joóc ngồi xuống và mắt trừng trừng nhìn vào khoảng không, đầu óc lộn xộn những cảnh từ mười lăm năm nay, lắng nghe những vang vọng của con người vừa là thầy vừa là bạn, gần gũi anh nhất từ xưa đến nay, tựa hồ một người cha. Anh gần như nghe thấy cái giọng rạn vỡ ấy quát tháo ra lệnh, dịu xuống khi nói chuyện chọi gà, chua chát phàn nàn về nỗi bị gạt ra rìa. “Mầy mấy

ông chủ ngỡ có thể giao cho tau nuôi gà trong khi thầy trò mầy đi hả?" Joóc cảm thấy mình ngợp chìm trong hối hận.

Những câu hỏi đến với anh: Bác Mingô ở đâu trước khi mexừ Lio mua bác? Gia đình bác có những ai? Bác chẳng bao giờ nhắc đến người thân nào. Liệu bác có vợ con ở một nơi nào không? Joóc là người gần gũi bác nhất trên đời này, vậy mà anh biết quá ít về con người đã dạy anh mọi điều anh biết.

Joóc-Gà dạo bước: Lạy Chúa, đâu rồi, ông bạn già dáng đi lóng ngóng đã bao lần cùng anh giẫm gót lên từng tấc đất của nơi quen thuộc này?

Anh ở lại đó một mình suốt ngày và đêm hôm sau. Sáng thứ bảy, mexừ Lio mới xuất hiện. Mặt ngơ ngác và u ám, ông đi thẳng vào vấn đề: "Tao nghĩ hết nước hết cái rồi. Trước hết, cứ đốt phăng cái lều của Mingô đi. Đó là cách tốt nhất để thanh toán chuyện này".

Mấy phút sau, họ đứng nhìn những ngọn lửa thiêu trụi căn nhà gỗ nhỏ đã từng là mái ấm che cho bác Mingô trong hơn bốn mươi năm trời. Joóc-Gà cảm thấy là ông chủ còn nghĩ một điều gì khác trong đầu, song khi ông nói ra, anh có phần bị bất ngờ.

"Tao đã nghĩ về chuyện đi Niu Oliânz", ông chủ nói, "Có quá nhiều bất trắc, trừ phi mọi cái được thu xếp ổn thỏa…" Ông nói chậm rãi, gần như là chuyện trò với bản thân. "Ta không thể đi mà không có ai trông nom gà ở nhà. Tìm người thì mất thì giờ quá, có khi lại phải dạy nghề nó nữa. Tao đi một mình thì không được rồi, phải lái xe ngần nấy đường đất, rồi lại còn chăm sóc mười hai con gà nữa. Đi dự chọi gà mà không nhằm mục đích thắng cuộc thì còn nghĩa lý quái gì. Bây giờ mà cứ đi thì chỉ là điên rồ…"

Joóc-Gà nuốt khan đánh ực. Ngần ấy tháng trời chuẩn bị…ngần ấy tiền ông chủ phải chi tiêu…bao nhiêu hy vọng của ông chủ nhằm lọt được vào giới chọi gà ưu tú nhất của miền Nam… những con gà luyện tuyệt vời đến thế để đánh bại bất kỳ đối thủ có cánh nào. Nuốt đánh ực lần thứ hai, anh nói: "Vâng, thưa ông chủ".

Chương 99

Làm việc một mình ở dưới này với đàn gà quả là xa lạ và cô quạnh đến nỗi Joóc-Gà đâm tự hỏi làm sao mà bác Mingô có thể chịu được hơn hai mươi lăm năm trời, trước khi anh đến với bác. "Khi ông chủ mua tau", ông lão đã kể với anh, "và đàn gà bắt đầu đông thêm, ông í cứ bỉu là sẽ mua thêm cho tau một đứa giúp việc, cơ mà ông í chả bao giờ giữ lời, và tau mới vỡ nhẽ ra là bạn bầu mấy gà có khi còn tốt hơn chung đụng mấy người". Mặc dầu Joóc cảm thấy mình cũng yêu gà gần như chẳng kém ai, đối với anh, chúng không bao giờ có thể thay thế người được. Song anh cần một người nào đó để giúp mình chứ không phải để bầu bạn, anh tự nhủ vậy.

Riêng phần mình, anh vẫn thấy nên chọn Vơjơl là hợp lý nhất. Như thế mọi sự sẽ vẫn là bó tròn trong phạm vi gia đình và anh có thể đào tạo thằng bé y như bác Mingô đã đào tạo anh. Nhưng vì anh ngại phải thương lượng với Matilđa và Kitzi nên Joóc cố nghĩ xem có tay luyện gà nào quen mà anh có thể thuyết phục ông chủ mua lại của người hiện đang sở hữu y. Song anh biết bất cứ ai đã là chủ gà chính hiệu thì phải ở bước dường cùng, thực sự cần tiền đến mức tuyệt vọng, mới nghĩ đến chuyện bán người luyện gà của mình, nhất là lại bán cho một đối thủ như mexừ Lio nữa. Cho nên anh bèn nghĩ đến những người da đen dự các cuộc đấu hạ cấp, song có tới nửa số này cũng là dân luyện gà như anh, đem những gà loại của ông chủ họ đi chọi, và phần lớn trong đám còn lại thì cũng thuộc loại ba như gà của họ hoặc giả là những nhân vật khả nghi mang đến đấu trường những con gà rất hay, kiếm được bằng những cách đáng ngờ. Có một số đấu thủ hạ cấp người da đen tự do anh đã gặp là những tay cừ thực sự và có thể thuê công nhật, thuê hàng tuần, hàng tháng hoặc thậm chí cả năm, nhưng anh biết không đời nào mexừ Lio cho phép một người da đen tự do lọt vào đất đai của ông, dù anh ta có là tay luyện gà cự phách nhất miền Bắc Carôlina chăng nữa. Thành thử Joóc không có cách nào khác. Và cuối cùng một buổi tối, anh thu hết nghị lực, nêu vấn đề ra trong gia đình.
"Trước khi em lại biểu là em không chịu, thì hẵng nghe anh đã. Lần sau mà ông chủ muốn đem theo anh đi đâu chắc chắn lúc í ông í sẽ biểu anh: "Đi kiếm thằng con nhớn của mầy đưa xuống đây!" Một khi đã xảy ra dư vậy là Vơjơl phải ở hẳn vĩnh viễn mấy bọn gà, trừ phi ông chủ nói khác đi, mà có lẽ chả bao giờ có chuyện í và cả anh lẫn em đều không thể hé ra một tiếng xì xầm…" Anh khoát tay ngăn không cho Matilđa ngắt lời. "Khoan! Anh không muốn em cãi lại. Anh đang cố để em thấy là thằng bé cần phải xuống đó ngay bi giờ. Nếu anh đưa nó xuống ngay thì có thể đủ thì giờ để anh dạy nó cho gà ăn khi anh phải đi xa và giúp anh tập cho gà trong mùa luyện. Rồi còn thì giờ bao nhiêu trong cả năm, nó có thể ra đồng với mấy người cơ mà". Thấy vẻ mặt căng thẳng của Matilđa, anh nhún vai một cách tinh vi và vờ nhẫn nhịn, nói: "Thôi được, vậy thì anh chỉ việc để em giải quyết mấy ông chủ!"
"Em chỉ tức cái là anh nói cứ dư Vơjơl đã nhớn í". Matilđa nói: "Anh không biết thằng bé mới sáu tuổi hay sao? Vừa bằng nửa tuổi của anh khi anh bị kéo xuống đấy". Cô ngừng một lát. "Dưng mà em biết là bi giờ lên sáu, là nó phải làm việc. Cho nên xem chừng không còn cách nào khác là làm theo lời anh, mặc dù quả tình em cứ tức điên lên mỗi khi nghĩ là ba cái con gà í đánh cắp anh đi mất bao nhiêu!"
"Cứ nghe em mấy mẹ thì có mà! Làm dư gà nó bắt chộp anh đi, mang qua đại dương đến tận đâu đâu í!"
"Thì cũng dư thế phần lớn thời gian, vì anh đi suốt".
"Đi suốt! Thế ai ngồi đây nói chuyện mấy em? Ai ngày nào cũng ở đây cả tháng nầy?"
"Tháng nầy thì có thể thế, dưng mà ít nữa thì anh lại ở đâu?"
"Nếu nói về mùa chọi thì ông chủ biểu đi đâu là anh ở đấy. Nếu nói về bi giờ đây thì ăn xong, chắc chắn anh cũng không ngồi đây cho đến lúc có con cáo nào bò vào khu dưới í, chén một vài chú gà, kẻo anh đi tong thực sự mất!"
"Ờ! Dốt cuộc anh cũng phải đồng ý là ông chủ chả từ bán cả anh nữa nhá!"
"Anh tin rằng nếu bà chủ để cho gà của ông bị ăn thịt thì ông ấy cũng bán luôn cả bà í".
"Nầy", Matilđa nói, "Chúng mình đã thỏa thuận về chuyện Vơjơl là không phải to tiếng, vậy thời đừng có gây sự cãi cọ về chuyện gì khác nữa".
"Anh có khơi chuyện trước đâu, chính là em đấy".
"Thôi được, Joóc à, em hết cơn đôi co rồi". Matilđa nói, đặt những bát thức ăn bốc hơi nghi ngút lên bàn. "Anh ăn đi rồi mà về thôi, sáng mai em cho Vơjơl xuống đấy. Trừ phi anh muốn đưa nó đi ngay bi giờ thì em đi sang bà tìm nó về".
"Thôi, mai cũng được".

Nhưng trong vòng một tuần, Joóc-Gà thấy rõ là đứa con trai lớn của mình hoàn toàn không có cái đã từng là niềm say mê thuở thiếu thời của anh. Dù nó sáu tuổi hay bao nhiêu đi nữa, Joóc cũng không thể quan niệm được rằng sau khi hoàn thành một công việc được giao, Vơjơl lại có thể tha thẩn chơi một mình, hoặc chỉ ngồi thừ ra không làm gì ở một chỗ nào đó. Để rồi giật mình bật dậy khi bố nó cáu tiết kêu lên: "Đứng dậy! Mầy tưởng cái nầy là cái gì? Đây không phải lợn, đây là gà chọi!" Sau đó, Vơjơl sẽ làm khá tốt bất cứ nhiệm vụ mới nào đó được cắt đặt vào, song một lần nữa liếc mắt ngó sang, Joóc lại thấy cậu con trai ngồi thừ hoặc bỏ đi chơi. Sôi máu, anh nhớ lại hồi

bé, có bao nhiêu thì giờ rảnh anh chỉ lăng xăng ngắm nghía đàn gà con và gà tơ, bứt cỏ và bắt cào cào cho chúng ăn, lấy thế làm hào hứng khôn xiết.

Tuy trước kia, cách đào tạo của bác Mingô rất thiết thực và điềm tĩnh – ra một mệnh lệnh, lặng lẽ giám sát, rồi một mệnh lệnh nữa - giờ đây Joóc quyết định thử một phương pháp khác với Vơjơl, hy vọng làm nó chừa cái thói kia. Anh sẽ nói chuyện với nó.
"Ở trên kia, lúc một mình, con làm gì?"
"Chả làm gì, bố ạ".
"Ờ, thế có hòa thuận mấy các em, có nghe lời mẹ mấy bà không?"
"Có ạ".
"Chắc mẹ mấy bà cho con ăn ngon lắm hả?"
"Vâng ạ".
"Thế con thích ăn gì nhất?"
"Bất kỳ thứ gì mẹ nấu cho chúng con ạ".
Thằng bé thậm chí không có lấy một mảy may tưởng tượng. Anh sẽ thử phương sách khác.
"Con kể bố nghe chuyện cụ, dư con đã làm một lần, xem nào?"
Vơjơl ngoan ngoãn làm theo, có phần cứng ngắc, thiếu tình cảm. Tim Joóc trĩu xuống. Nhưng sau khi đăm chiêu đứng đó một lúc, thằng bé hỏi: "Bố à, bố có trông thấy cụ không?"
"Không", anh trả lời, khấp khởi hy vọng. "Bố biết về cụ cũng dư con thôi, do bà kể".
"Trước bà thường đi xe ngựa mấy cụ!"
"Nhất định rồi! Đấy là bố bà mà. Cũng dư về sau, một hôm nào đó, con kể cho các con con là con thường hay ngồi đây mấy bố giữa đàn gà".

Điều đó hình như làm Vơjơl ngượng, nó im bặt.

Sau một số lần cố gắng khập khiễng như vậy nữa, cực chẳng đã, Joóc đành bỏ cuộc, song lại hy vọng có thể may mắn hơn với Asfođ, với Joóc-con và Tôm. Không thổ lộ với ai nỗi thất vọng của mình về Vơjơl, anh tiếc rẻ quyết định dùng thằng bé vào những việc chốc lát, từng lúc, như đã bàn với Matilđa chứ không hoài công cố gắng luyện nó thành người phụ tá vĩnh viễn suốt ngày suốt buổi như anh đã thực tâm dự định.

Cho nên, khi Joóc-Gà cảm thấy Vơjơl đã nắm vững nhiệm vụ cho lũ gà nhỏ và gà tơ trong chuồng ăn và uống mỗi ngày ba lần, anh gửi trả nó về cho Matilđa để bắt đầu làm việc ngoài đồng với mọi người – và điều đó xem ra rất hợp với thằng bé. Tuy không bao giờ lộ ra ý nghĩ đó với Matilđa, Kitzi hay những người khác, song Joóc-Gà bao giờ cũng cảm thấy khinh thường sâu sắc công việc đồng áng mà anh coi không có gì khác hơn là một dịch vụ cực nhọc không ngừng, nào cuốc xới dưới ánh mặt trời nóng nực, nào kéo lê những bì ngô, nào bắt sâu thuốc lá không bao giờ dứt và ngả những thân ngô làm thức ăn cho gia súc, mùa nối mùa bất tận. Với một tiếng cười khúc khích anh nhớ lại lời bác Mingô: "Cứ cho tau chọn giữa một cánh đồng ngô hay bông thật tốt mấy một con gà chọi hay, thế nào tau cũng lấy con gà!" Chỉ nghĩ đến cái điều là một cuộc chọi gà được thông báo ở đâu đó, đã đủ phấn khởi vui vẻ rồi – dù là ở trong một cánh rừng, một bãi cỏ trống để thả bò hay đằng sau chuồng ngựa của một ông chủ nào đó - lập tức không khí náo nhiệt như thể các tay chọi gà đang bắt đầu dồn về đó với những chú gà quàng quạc cất tiếng gáy khàn trong nỗi cuồng vọng muốn thắng hay là chết.

Vào cái vụ nghỉ ngơi mùa hè, khi gà đang thay lông, chỉ có công việc thường nhật và Joóc-Gà dần dần trở nên quen với tình trạng không có ai bên cạnh để trò chuyện, ngoại trừ lũ gà - đặc biệt là con mồi lão tướng lông nhọn hoắt vốn trước đây là con cưng của bác Mingô.

"Đáng lý ra mầy có thể biểu chúng tau bác í ốm đến chừng nào chứ, cái con quỷ già mắt vách đất này!" một buổi chiều, anh bảo con gà già như vậy, nó nghênh nghênh đầu một giây như thể biết là anh đang nói với nó, rồi lại tiếp tục mổ bới theo cái cách thường xuyên đói ăn của nó. "Mầy nghe tau nói mấy mầy đây!" Joóc nói, kiểu gắt yêu. "Mầy phải biết là bác í thật là nguy kịch chứ lị!" Trong một lúc, anh đưa mắt uể oải nhìn theo con gà đang sục sạo. "Ờ, tau chắc mầy biết bác í bây giờ mất rồi. Tau không biết mầy có nhớ ông lão dư tau không." Nhưng con gà mồi già vẫn lảng ra mổ mổ, bới bới, coi bộ chẳng nhớ ai sất và cuối cùng Joóc-Gà ném một hòn sỏi khiến nó vừa chạy biến vừa kêu quang quác. Trong khoảng một năm nữa – Joóc ngẫm ngợi – có lẽ con gà già sẽ đi gặp bác Mingô ở chốn nào mà giới chọi gà và lũ gà của họ tìm đến sau khi chết. Anh tự hỏi điều gì đã xảy đến với con gà đầu tiên của ông chủ - cái con do một vé xổ số hai mươi lăm xu mang lại, đã khởi đầu sự nghiệp của ông ta cách đây hơn bốn chục năm. Cuối cùng nó đã ăn một đòn tử thương chăng? Hay nó đã chết cái chết già của một con gà mồi danh dự? Tại sao dạo trước anh không hỏi bác Mingô về chuyện đó nhỉ? Anh phải nhớ hỏi ông chủ mới được. Hơn bốn mươi năm về trước! Ông chủ đã kể với anh là khi được con gà ấy, ông mới có mười bảy tuổi. Tức thị là bây giờ ông khoảng năm mươi sáu, năm mươi bảy gì đó – hơn Joóc-Gà độ ba chục tuổi. Nghĩ về ông chủ, về việc ông ta có

trong tay cả người lẫn gà cho đến trọn đời, anh bỗng lan man tự hỏi: cái cảm giác là mình không thuộc về một người nào cả, nó như thế nào nhỉ? Cái cảm giác được "tự do" nó ra sao? Chắc cũng chẳng hay ho gì lắm, nếu không thì mexừ Liơ, cũng như phần lớn những người da trắng đã không ghét dân da đen tự do thậm tệ đến thế. Nhưng rồi anh nhớ đến những lời mà một phụ nữ da đen tự do bán rượu cho anh ở Grinxborâu, đã từng nói với anh: "Mỗi một người tự do chúng tôi là một bằng chứng sống cho dân nhọ đồn điền các anh thấy rằng: là một người da đen không có nghĩa phải là nô lệ. Ông chủ anh không bao giờ muốn anh nghĩ gì về cái đó". Trong những buổi cô đơn đằng đẵng ở khu gà chọi, Joóc-Gà bắt đầu suy nghĩ triền miên về điều ấy. Anh quyết định sắp tới đây, anh sẽ lân la trò chuyện với một số người da đen tự do anh vẫn gặp nhưng bao giờ cũng lờ đi, những lần đi cùng với ông chủ đến các thành phố.

Bước dọc theo hàng rào song mây, cho lũ gà nhép và gà tơ ăn, uống, Joóc-Gà như mọi lần, vẫn khoái thấy đám gà tơ cất giọng còn non, giận dữ kêu cục cục với anh, như thể đang ôn tập cái khí thế man rợ sắp tới ở bãi đấu. Anh bắt đầu chợt thấy mình nghĩ rất nhiều về chuyện bị sở hữu.

Một buổi chiều, trong khi đi kiểm tra thường kỳ số gà đang độ trưởng thành ở bãi thả, anh quyết định tiêu khiển bằng cách thử bắt chước tiếng gáy thách thức của một con trống, một ngón mà anh gần đạt đến độ hoàn hảo. Trước đây, gần như bao giờ cũng vậy, điều đó lập tức khiến một con gà cảnh vệ giận dữ xông ra, lồng lộn gáy đáp lại và ngúc ngắc đầu bên này, bên kia tìm kẻ địch đột nhập mà nó chắc chắn là vừa nghe thấy tiếng. Hôm nay cũng thế. Nhưng con gà lẫm liệt từ bụi rậm nhảy ra đáp lại tiếng nhứ gọi của anh còn đứng đập cánh phành phạch vào mình đến gần nửa phút rồi mới cất tiếng gáy như xé toang buổi chiều thu. Ánh nắng huy hoàng lấp lánh trên bộ lông ngũ sắc của nó. Dáng dấp nó hùng mạnh và dữ tợn, từ đôi mắt long lanh đến cặp giò to khỏe màu vàng, với những chiếc cựa sát thương lợi hại. Từng phân, từng lạng của thân hình nó biểu trưng sự dũng cảm, nghị lực và tinh thần tự do một cách hùng hồn đến nỗi khi quay về, Joóc-gà nguyện sẽ không bao giờ bắt con gà này để luyện và tỉa lông xén cánh. Nó phải được để lại ở đó, giữa lùm thông với những con mái của nó – không bị đụng chạm đến và tự do!

Chương 100

Mùa chọi gà mới đang nhanh chóng tới gần, song mexừ Liơ không hề nhắc đến Niu Oliânz. Joóc-Gà thực ra, cũng không chờ đợi ông nhắc đến, cách nào đó, anh đã biết là cuộc hành trình đó sẽ không bao giờ xảy ra. Nhưng tại những cuộc đấu "chủ lực" ở địa phương, anh và ông chủ đã gây ấn tượng mạnh mẽ khi hai thầy trò xuất hiện trong cỗ xe thửa bóng lộn có lắp mười hai chuồng gà. Và họ liên tục gặp vận. Đổ đồng, mexừ Liơ cứ năm trận thì thắng xuýt xoát bốn, và Joóc với những con hay nhất trong số gà loại, cũng thành công gần như vậy trong các cuộc đấu hạ cấp ở quận Caxuel. Đó là một mùa bận rộn đồng thời cũng nhiều lợi lộc, nhưng Joóc đã kịp về nhà khi đứa con trai thứ năm ra đời vào cuối năm ấy. Matilđa tỏ ý muốn đặt tên thằng bé này là Jêimz. Cô nói: "Trước nay, cách này hay cách khác, Jêimz vẫn là cái tên em ưa chuộng nhất trong tất cả các thánh tông đồ". Joóc đồng ý với một cái nhăn mặt kín đáo.

Giờ đây, anh và mexừ Liơ đi đâu bất kể xa, gần, cũng nghe thấy chuyện chống đối người da trắng mỗi ngày một thêm gay gắt. Trong chuyến đi gần đây nhất, một người da đen tự do đã kể với Joóc về Ôxkêôla, thủ lĩnh của bộ tộc da đỏ Xêminôn ở một bang gọi là Florida. Khi người da trắng bắt lại được người vợ da đen của Ôxkêôla một nữ nô lệ chạy trốn, anh đã tổ chức một chiến đoàn gồm hai nghìn người Xêminôn và nô lệ da đen chạy trốn, để truy lùng và phục kích một chi đội của quân đội Mỹ. Theo lời kể, trên một trăm lính đã bị giết và một lực lượng quân đội lớn hơn nhiều hiện ráo riết truy kích quân của Ôxkêôla đang chạy trốn, vừa ẩn náu vừa bắn tỉa từ những đường mòn và ngóc ngách trong vùng đầm lầy của bang Florida.

Và mùa chọi gà năm 1836 kết thúc chưa được bao lâu thì Joóc-Gà nghe nói là ở một nơi nào đó gọi là "Alamô", một toán người Mêhicô đã tàn sát một trại lính da trắng Tếchxơx, kể cả một nhân viên lâm nghiệp tên là Đêvi Crôckét vốn nổi tiếng là một người bạn và bảo vệ của dân da đỏ. Sau đó, cũng trong năm ấy, anh nghe nói người da trắng lại bị những tổn thất lớn hơn trước sự tấn công của quân Mêhicô dưới quyền chỉ huy của tướng Xanta Anna; người ta nói rằng ông này tự xưng là tay gà cự phách nhất thế giới; nếu đúng thế, Joóc tự hỏi tại sao cho đến nay, anh chưa hề nghe nhắc đến ông ta.

Mùa xuân năm sau, từ một chuyến đi trở về, Joóc kể cho xóm nô một tin kỳ lạ nữa. "Tui nghe tay nhọ gác cổng tòa án ở quận lị biểu rằng cái ông tổng thống mới Van Bureni đã hạ lệnh cho quân đội dồn hết quân da đỏ về phía Tây sông Mitxixipi!"

"Đấy là cái gì dân da đỏ thu được trước tiên vì đã để cho người da trắng vào đất nước này", bác Pompi nói. "Hàng đống người, kể cả tôi trước khi lớn, không biết rằng thoạt kỳ thủy, ở đất nước nầy, không có ai khác ngoài dân da đỏ, họ đánh cá, săn bắn và choảng nhau, lo liệu lấy công việc của mình. Thế rồi có cái tầu cũ kỹ đầy người da trắng đến vẫy vẫy và nhăn nhở cười: "Ê, bọn đỏ các người! Có bằng lòng để chúng tớ đến chén một miếng và chợp một giấc và chúng ta đánh bạn mấy nhau đi!" Hừ! Tôi cuộc là bi giờ người da đỏ đang ước là giá biết thế, họ cứ bắn tên chi chít vào cái thuyền í, biến nó thành con dím có hơn không!"

Sau khi chở ông chủ dự cuộc họp điền chủ quận Caxuel Joóc-Gà trở về với những tin thêm về người da đỏ. "Nghe nói có một ông tướng Uynfild Xcốt kiểng cáo rằng người da trắng là tín đồ cơ đốc, không muốn làm đổ máu người da đỏ thêm nữa, cho nên kẻ nào biết điều thì hãy mau mau di chuyển đi! Nghe nói hễ người da đỏ nào chỉ cần có vẻ muốn chống lại là bọn lính bắn bỏ liền! Rồi thì quân đội bắt đầu dồn hàng nghìn người da đỏ về nơi nào đó gọi là Ôklahôma. Thấy biểu không biết bao nhiêu người đã bị giết hoặc đâm ốm mà chết dọc đường".
"Thật độc ác, độc ác!" Matilđa kêu lên.

Nhưng cũng có tin tốt lành – có điều là lần này tin mừng chờ anh tại nhà khi anh trở về sau một chuyến đi vào năm 1837: đứa con trai thứ sáu, tiếp liền một mạch, ra đời. Matilđa đặt tên cho nó là Luyx nhưng sau khi phát hiện ra xuất xứ cái tên Jêimz lần trước, Joóc-Gà quyết định không cần tìm hiểu lý do tại sao nữa. Bớt hồ hởi náo nức hơn những lần sinh các đứa cháu nội trước, Kitzi nói: "Tui xem dư anh chị chả bao giờ có gì khác hơn là con giai!"

"Mẹ Kitzi, tệ hại thay, trong khi con nằm đây đau lịm thì mẹ lại ra cách chán ngán" từ trong giường, Matilđa tấm tức khóc.

"Tui cũng chả chán! Tui yêu các cháu giai tui như thế nào, anh chị biết đấy. Dưng mà tôi tưởng nhẽ ra anh chị có thể có một đứa con gái chớ!"
Joóc-Gà cười to: "Chúng con sẽ bắt tay vào đúc ngay một đứa con gái nhỏ cho mẹ, mẹ ạ!"

“Anh ra khỏi đây đi!” Matilđa kêu lên.
Nhưng chỉ vài tháng sau, thoáng nhìn Matilđa một cái cũng đủ thấy rõ là Joóc định bụng giữ lời hứa.
“Hừm! Rành khi nào cha nầy nó ở nhà đều đều là biết ngay!” Xerơ bình luận. “Tuồng dư nó hơn cả bọn gà sống!” Malizi tán thưởng.

Khi vợ đau đẻ một lần nữa, anh chàng Joóc, sau hồi lâu đi bách bộ, chờ đợi bên ngoài, bỗng nghe thấy - giữa những tiếng kêu rên đau đớn của Matilđa - tiếng mẹ mình reo lên: “Lạy Chúa Jêxu, tạ ơn người! Lạy Chúa Jêxu, tạ ơn người!” và không cần được thông báo gì thêm, anh cũng biết rằng mình đã là cha của một đứa con gái.

Ngay trước khi đứa bé được tắm rửa xong, Matilđa đã nói với mẹ chồng rằng chị và Joóc đã nhất trí từ mấy năm trước sẽ đặt tên cho đứa con gái đầu là Kitzi.
“Tôi đã không sống vô ích!” suốt ngày hôm ấy, chốc chốc người bà nội lại kêu lên như vậy. Bà cứ rối rít tít mù mãi đến chiều hôm sau, khi Joóc-Gà ở khu nuôi gà trở về, kể lại lần nữa câu chuyện về cụ tổ người Phi Kunta Kintê, với sáu đứa con trai và con bé Kitzi ẵm trong lòng.

Độ hai tháng sau, một đêm, khi lũ trẻ đã ngủ cả, Joóc hỏi: “Tilda nầy, chúng mình để dành được bao nhêu tiền rồi?”
Chị nhìn anh, ngạc nhiên: “Độ hơn trăm đôla một ít”.
“Thế thôi à?”
“Có thế thôi! Được ngần ấy cũng đã lạ rồi đấy! Suốt từng í năm tui đã chả biểu anh cứ tiêu pha dư vậy thì nói chuyện để dành làm gì cho nó mệt!”
“Thôi được, thôi được” anh nói, vẻ biết lỗi.

Nhưng Matilđa tiếp tục dồn: “Không kể dững món anh được cá, đem phung phí mà tui không bao giờ được nhìn thấy, đấy là việc riêng của anh, anh thử đoán xem từ khi chúng mình lấy nhau, anh đã đưa tôi bao nhêu tiền biểu để dành, sau đó lại vay lại?”
“Thôi đươc, bao nhêu?”

Matilđa ngừng lại để tạo hiệu quả: “Khoảng từ ba đến bốn nghìn đôla!”
“Huýt!” anh kinh ngạc huýt gió, “thật ư!”

Ngắm vẻ mặt anh thay đổi, chị cảm thấy mình chưa bao giờ quan sát thấy anh trở nên nghiêm túc hơn lúc này, trong suốt mười hai năm chung sống. “Bao lâu thui thủi một mình ở dưới kia”, cuối cùng anh nói: “anh đã gẫm về ối chuyện”… Anh ngừng lại một chút. Xem chừng điều anh sắp nói làm cho anh gần như bối rối, chị nghĩ thầm. “Anh gẫm một điều là anh dững năm tới đây, nếu chúng mình dành được đủ tền, có thể là chúng mình mua được tự do đấy”.

Matilđa sửng sốt không nói nên lời.

Anh sốt ruột khoát tay: “Anh muốn em lấy cái bút chì tính thử một tí xem, chứ đừng có giương mắt nhìn anh dư mất hồn í!”

Vẫn còn sững sờ, Matilđa lấy bút chì và một mẩu giấy, ngồi vào bàn.

“Nhưng mà rầy một nỗi là”, anh nói, “ta chỉ có thể phỏng đoán là ông chủ sẽ đòi bao nhêu cả nhà mình. Anh mấy em, mấy bọn trẻ. Bắt đầu tính từ em trước nhá. Quanh quẩn trên quận, anh được biết lực điền lền ông khoảng nghìn đôla một móng. Lền bà thì rẻ hơn, vậy nên cứ cho là em vào khoảng tám trăm đi…” Anh đứng dậy, cúi người kiểm tra cây bút chì trong tay Matilđa chuyển động trên mặt giấy, rồi lại ngồi xuống. “Thế rồi ví thử ông chủ để cho chúng mình được chuộc lại các con, cả tám đứa, mỗi đứa độ ba trăm…”
“Có bảy đứa thôi chứ?” Matilđa nói.
“Cả cái đứa mới mà em biểu lại bắt đầu đạp trong bụng em, là tám!”
“Ồ!” chị mỉm cười. Chị tính cụ thể: “Vậy là hai mươi bốn trăm…”
“Chỉ riêng bọn trẻ đã thế!” Giọng anh pha trộn ngờ vực với phẫn uất. Chị tính lại: “Tám ba hăm bốn. Cộng tám trăm phần em là đúng ba mươi trăm – hay ba nghìn cũng thế”.
“Huýt!”
“Đừng nóng vội, ông tướng ạ!” Chị nhìn anh. “Thế anh tính anh bao nhêu?”

Mặc dầu chuyện đang nghiêm túc, anh vẫn không thể không hỏi: “Em cho là anh đáng giá bao nhêu?”

“Nếu em biết thì chính em đã tìm cách mua anh ra khỏi tay ông chủ”. Cả hai cùng cười. “Joóc ạ, em không hiểu làm sao mà chúng mình lại trò chuyện dư thế này. Anh thừa biết là ông chủ chả đời nào bán anh”.
“Anh không trả lời ngay. Nhưng sau đó, anh nói: “Tilda ạ, anh chưa bao giờ nhắc đến chuyện này vì rằng anh biết là mới nói đến tên ông chủ, em đã không thích nghe rồi. Dưng mà anh cam đoan là có dễ đến hăm nhăm bận khác nhau, ông í đã biểu anh là khi nào ông í góp nhặt đủ tền để xây cái tòa đại sảnh đẹp dư ý ông, có sáu cây cột chạy ngang mặt trước, thì vợ chồng ông í có thể sống bằng hoa lợi cây trồng, và ông í sẽ giải nghệ chọi gà, ông í biểu là ông í ngày một già không thể cứ lo toan hoài mọi sự mãi được”.
“Chuyện í, em phải trông thấy mới tin được, anh Joóc ạ. Cả ông í lẫn anh đều không dứt được duyên nợ mấy gà đâu!”
“Anh chỉ kể mấy em dững đều ông í nói thôi! Nghe hay không tùy em! Nầy bác Pompi biểu ông chủ bi giờ đã gần sáu mươi ba. Để đến khi ông í thêm năm, sáu tuổi nữa - dễ gì một ông cụ già cứ chạy ngược chạy xuôi đem gà đi chọi mãi được! Trước, anh cũng chả để ý mấy đến lời bác í, mãi sau anh mới nghĩ, ờ phải, rất có thể ông í để chúng mình tự chuộc lại thật, nhất là nếu chúng mình giả ông í đủ để thêm thắt cho ông í xây cái tòa đại sảnh dư ông í muốn”.
“Hừm”, Matilđa ậm ừ không tin. “Thôi được, ta cứ bàn xem. Anh ước ông í đòi giá anh bao nhêu nào?”
“À…” Vẻ mặt anh dường như pha trộn cả đau đớn lẫn tự hào với điều anh sắp nói ra. “À… gã nhọ lái xe của cái mexừ Juét giầu xụ, có một lần, đã thề sống thề chết mấy anh là đã nghe lỏm thấy ông chủ hắn kể mấy người nào đó rằng ông ta đã từng giả mexừ Liơ bốn nghìn đôla để mua anh…”
“Uuúíí!” Matilđa lặng người đi vì sửng sốt.
“Thấy không, em chưa bao giờ biết giá trị của anh chàng nhọ vẫn ngủ mấy em!” Song anh mau chóng trở lại nghiêm trang. “Anh không tin hẳn gã nhọ í, anh ngờ là hắn chỉ bịa thế để thử xem anh có ngốc đến mức dắm mắt tin bừa đi không. Dù sao, anh cũng cứ vào thời giá bi giờ với dân nhọ có tay nghề nhất, chả hạn thợ mộc và thợ rèn mấy lị tơng tợ dư thế. Đám í đáng giá từ hai đến ba nghìn, anh biết chắc thế… “ Anh ngừng một lát, nhìn cây bút chì đang chờ đợi của chị. “Cứ ghi là ba nghìn…” Anh ngừng lại. “Thế là bao nhêu?”
Matilđa tính. Rồi nói ước tính tổng số tiền để chuộc lại cả gia đình là sáu mươi hai trăm đôla. “Dưng còn mẹ Kitzi thì sao?”
“Anh đang sắp nói đến mẹ mà!” anh nói, vẻ sốt ruột. Anh ngẫm nghĩ.
“Mẹ bí giờ khá già rồi, có thể xuống giá…”
“Năm nay, mẹ năm mươi”, Matilđa nói.
“Cứ ghi là sáu trăm đôla”. Anh theo dõi cây bút chì chuyển động. Nào, bi giờ là bao nhêu?”

Mặt Matilđa căng thẳng vì tập trung. “Bi giờ là sáu mươi tám trăm đôla”.
“Úi! Thế mấy biết nhọ là tền là bạc cho người da trắng”. Joóc nói rất chậm rãi. “Dưng mà anh tuyên bố anh tin mình có thể chọi gà hạ cấp kiếm đủ số đó. Cố nhiên, có nghĩa là phải chờ đợi và dành dụm một thời gian dài…” Anh nhận thấy Matilđa có vẻ ỉu xìu. “Anh biết em đang nghĩ gì”, anh nói, “các cô bác Malizi, Xerơ và Pompi”.

Coi bộ Matilđa khoan khoái hẳn vì thấy chồng biết thế. Anh nói: “Các cô bác là người cùng gia đình mấy anh còn trước cả mấy em…”
“Lạy Chúa, Joóc!” chị thốt lên, “làm sao độc một người phải ráng sức chuộc lại tất cả mọi người, cái í không được, em biết thế, dưng mà rành là em không thể từ giã các cô bác mà bỏ đi!”
“Chúng mình có bao nhêu thời gian, Tilda ạ. Khi nào đến đó, ta hãy qua cầu”.
“Thật thế, anh có lý”. Chị nhìn xuống những con số mình vừa viết. “Joóc ạ, em quả khó tin rằng chúng mình đang nói chuyện về…” Chị cảm thấy mình bắt đầu dám tin điều đó, rằng lần đầu tiên, hai vợ chồng cùng nhau thực sự đi vào bàn bạc một vấn đề trọng đại của gia đình. Chị cảm thấy một thôi thúc mãnh liệt muốn bật dậy chạy quanh bàn tới ôm ghì lấy anh với hết sức mình. Nhưng chị xúc động quá không cử động được - thậm chí không nói được mất một lúc. Rồi chị hỏi: “Joóc, làm sao mà anh lại nghĩ đến chuyện í?”

Anh im lặng một lúc. “Tự anh nghĩ và xem ra anh còn phải gẫm lên thêm nữa, dư anh đã nói mấy em…”
“Phải”, chị dịu dàng nói, “rành là tốt đẹp”.
“Chúng mình chưa đạt tới đâu cả!” anh thốt lên. “Trước nay chúng mình chỉ độc làm cho ông chủ thành đạt thôi!” Matilđa cảm thấy muốn reo lên: “Sung sướng thay!” nhưng nén lại được. “Anh đã nói chuyện mấy các nhọ tự do khi đi mấy ông chủ đến các thành phố”. Joóc nói tiếp. “Họ biểu các nhọ tự do ở trên miền Bắc là khá giả nhất. Biểu là họ sống mấy nhau ở nhà riêng và kiếm được việc làm tốt. Phải, anh có thể kiếm được cho mình một việc làm, anh biết thế! Trên miền Bắc, người ta chọi gà nhều lắm! Anh còn nghe nói dững nhọ chơi gà nổi tiếng ở ngay thành phố Niu Yóc, một bác Bili Râugiơ, một bác Pitơ có cả một đàn gà lớn và một sòng bạc lớn, mấy lị một người nữa gọi là “Jêchxơn nhọ” mà họ biểu là không ai thắng được gà của y!” Anh càng làm cho Matilđa sững sờ thêm. “Một điều nữa: anh muốn thấy con cái mình được học hành, biết đọc biết viết dư em”.
“Lạy Chúa, hơn em chứ lị, em hy vọng thế!” Matilđa thốt lên, mắt sáng ngời.

“Và anh muốn chúng nó được học nghề”. Đột nhiên anh nhe răng cười, dừng lại để tạo hiệu quả. “Em thử tưởng tượng em ngồi trong nhà riêng của mình, giữa những bàn ghế đệm, đồ đạc của mình, với tất cả các thứ trang sức lặt vặt, lúc í trông em ra thế nào nhỉ? Thế này nữa: bà Tilda mời các phụ nữ nhọ tự do sang uống trà buổi sáng và tất cả các bà ngồi quanh bàn nói chuyện cắm hoa, mấy lị dững chuyện tơng tợ như vậy”.

Matilđa phá lên cười, gần như thét: “Lạy Chúa, ông tướng ạ, anh thật điên!” Dứt nhịp cười, chị càng cảm thấy yêu anh hơn bao giờ hết. “Em nghĩ đêm nay Thượng đế cho em cái gì em cần”. Nước mắt rưng rưng, chị đặt tay lên tay anh: “Anh thật sự nghĩ rằng chúng mình có thể làm thế được ư, Joóc?”.
“Vậy chớ em nghĩ anh ngồi đây nói chuyện tào lao chăng?”.
“Anh có nhớ cái đêm chúng mình đồng ý lấy nhau, em đã nói gì với anh không?” Vẻ mặt anh nói lên rằng anh không nhớ. “Em đã nói với anh một đều rút từ chương đầu sách Ruth. Em đã nói với anh: Người đi đâu, tui đi đấy, và người ở đâu, tui ở đấy, dân của người là dân của tui…” Anh không nhớ là em đã nói thế sao?”
“Ừ, có thế”.
“Này nhé, chưa bao giờ em thấm thía đều í hơn bi giờ”.

Chương 101

Một tay nhấc chiếc mũ quả dưa đội đầu, tay kia Joóc-Gà chìa ra cho mexừ Liơ một cái bình rót nước nhỏ nom như bằng những tao dây thép dầy bện chặt vào nhau. "Thằng Tôm, con giai cháu, cái thằng chúng cháu lấy tên ông đặt cho í, ông chủ ạ, nó làm cái nầy cho bà nó, dưng mà cháu muốn đưa cho ông xem thử".

Vẻ ngờ vực, mexừ Liơ đỡ lấy chiếc bình bằng cái quai sừng bò chạm chổ của nó và đưa mắt xem qua loa. "Ừ hự" ông ậm è một cách vô thưởng vô phạt.

Joóc hiểu ra rằng anh cần phải cố gắng thuyết phục mạnh mẽ hơn. "Vậy thưa ông chủ, cái này làm bằng toàn dây thép gai gỉ vứt đi. Nó gây một lò than nóng thật là nóng uốn cong và hơ nóng chảy cho sợi này bện vào sợi nọ đến khi thành hình, rồi làm dư cách hàn đồng thau cả một lượt. Cái thằng Tôm nầy bao giờ cũng rành là khéo tay, thưa ông chủ…"

Anh lại ngừng, chờ một phản ứng mà không thấy gì.

Thấy cần phải bộc lộ ý đồ thực sự của mình để tranh thủ một phản ứng tích cực đối với ngón kỹ xảo của Tôm, Joóc đánh liều nói trắng ra: "Vâng, cái thằng bé này rất hãnh dện được mang tên ông suốt đời, thưa ông chủ, chúng cháu thục sự tin là chỉ cần có dịp, nó sẽ thành một tay thợ rèn cừ hầu hạ ông…"

Một vẻ không tán thành lập tức hiện trên mặt mexừ Liơ, tựa như do phản xạ và điều đó làm cháy rực thêm trong Joóc quyết tâm không chịu thất ước với Matilđa và Kitzi trong việc giúp đỡ Tôm. Anh thấy cần phải làm cái mà anh biết có sức hấp dẫn mạnh nhất đối với mexừ Liơ – phác họa lên những lợi lộc tài chính.

"Thưa ông chủ, hằng năm, ông có thể đỡ được tền công thợ rèn! Bọn cháu chưa ai kể mấy ông là Tôm đã tết kệm cho ông được đôi chút dư thế nào, nó mài lỡi cuốc lỡi liềm mấy lị dững đồ dùng khác – cũng dư chữa hàng lô dững thứ bị gẫy ở quanh đây. Duyên do cháu nêu chuyện nầy lên, là khi ông sai cháu đến cái tên thợ rèn nhọ Aizêiơ để lắp vành bánh xe tải, anh ta biểu cháu là mexừ Oxkiu bao năm nay vẫn hứa cho anh ta một đứa giúp việc mà anh ta rất cần, bởi vì anh ta phải làm bao nhêu việc để kiếm tền cho ông chủ mình. Anh ta biểu cháu là ví thử vớ được thằng bé nào ngoan ngoãn để luyện thành một thợ rèn thì anh ta rành là mừng, cho nên cháu nghĩ ngay đến Tôm. Thưa ông chủ, nếu nó được học thì không dững nó có thể làm mọi thứ ta cần ở trong đồn điền mà còn có thể nhận thêm việc ở ngoài hái ra tền cho ông dư cái gã nhọ Aizêiơ làm cho ông Oxkiu í".

Joóc cảm thấy có lẽ anh đã đánh trúng mạch nào đó, nhưng anh không dám chắc vì ông chủ thận trọng không tỏ dấu hiệu gì. "Tao thấy hình như thằng bé nhà mày tốn nhiều thì giờ với cái thứ của nợ này hơn là làm việc". Mexừ Liơ nói, dúi trả cái bình kim khí vào tay Joóc.

"Thưa ông chủ, Tôm chưa vắng mặt ngày nào từ khi nó bắt đầu đi làm đồng! Nó làm dững thứ dư thế này vào dững ngày chủ nhật nó được nghỉ! Từ khi mới choai choai, tuồng dư nó đã sẵn trong máu cái tính thích sửa chữa, chế tạo đồ vật! Chủ nhật nào, nó cũng ra cái lán một mái nó dựng lấy ở đằng sau chuồng ngựa, nung nung gõ gõ cái nầy cái nọ. Thật tình, chúng cháu cứ sợ nó làm rầy ông chủ bà chủ".

"Được, tao sẽ suy nghĩ về chuyện này". Mexừ Liơ nói rồi quay phắt bỏ đi, để Joóc-Gà đứng đó bối rối và chưng hửng – anh cảm thấy chắc là ông ta cố tình - với chiếc bình kim khí trong tay.

Malizi đang ngồi trong nhà bếp gọt củ cải thì mexừ Liơ bước vào. Bà xoay người lại nửa vòng, không đứng bật dậy như những năm trước nữa, nhưng bà cho rằng ông chủ chả chấp nê, vì bà đã đến cái độ tuổi và độ thâm niên phục vụ có thể tự cho phép một số vi phạm nhỏ.

Mexừ Liơ đi thẳng vào vấn đề. "Cái thằng bé tên là Tôm ấy nó thế nào?"
"Tôm? Ông muốn nói thằng Tôm con Tilda ấy ư, thưa ông chủ?"
"Dào, ngoài ấy có mấy Tôm? Nhà chị còn lạ gì tôi muốn nói đến đứa nào, nó thế nào nhỉ?"

Malizi biết đích xác tại sao ông ta hỏi. Mới cách đây mấy phút, Kitzi vừa nói với bà rằng Joóc-Gà còn chưa dám chắc mexừ Liơ sẽ phản ứng ra sao với đề nghị của anh. Nhưng bà đánh giá cu Tôm rất cao – không phải chỉ vì nó

đã làm cho bà những móc treo nồi mới, cong hình chữ S – thành thử bà quyết định phải đắn đo mấy giây trước khi trả lời để ra vẻ vô tư.
"Phải" cuối cùng bà nói, "lẫn giữa một đám đông thì chả ai chọn nó dể chuyện trò, ông chủ ạ, vì thằng bé chả bao giờ lắm mồm lắm miệng. Cơ mà tui có thể đoán chắc mấy ông rằng thực ra nó là đứa trẻ sáng trí nhất ngoài í, hơn nữa nó còn là đứa ngoan nhất trong bọn con trai nhớn". Bà Malizi ngừng lại một cách đầy ý nghĩa. "Và tui chắc nhớn lên nó còn trượng phu hơn bố nó về nhều cung cách."

"Nhà chị nói gì vậy? Về cung cách nào?"
"Về cung cách trượng phu thôi, thưa ông chủ, vững vàng hơn, đáng tin cậy hơn, không có ngu dại một cách nào hết, đại khái dư thế. Nó sẽ là cái loại lền ông mà cô nào lấy được làm chồng là đại phúc".
"Ờ, ta hy vọng nó đừng có bị dâm thần ám" mexừ Liơ nói với ý thăm dò, "vì ta chỉ cho phép cái đó với thằng lớn nhất thôi… tên nó là gì nhỉ?"
"Vơjơl, thưa ông chủ".
"Phải. Cứ cuối tuần là nó tút đi ngủ với vợ ở đồn điền Cơri trong khi nó phải ở đây làm việc!"

"Không đâu, Tôm nó không có thế. Nó còn nhỏ chưa nghĩ đến chuyện í, mà tôi cho là ngay cả khi nó nhớn, nó cũng không sớm giở giói đâu, chí ít cũng phải đến khi nó kiếm được đúng đứa con gái nó ưng".

"Nhà chị già rồi, đâu có hiểu bọn ngựa đực đang tơ ngày nay", mexừ Liơ nói. "Nếu có một thằng nó bỏ cả cày lẫn la của ta giữa đồng mà đuổi theo gái, thì ta cũng chẳng lấy gì làm lạ".

"Tôi đồng ý với ông chủ, nếu ông nói về thằng Asfođ, vì nó thích săn gái dư bố nó. Dưng mà Tôm thì không phải loại í, dất khoát thế".

"Ờ, thôi được. Nếu ta căn cứ vào lời nhà chị nói thì xem chừng thằng này có thể được việc đấy".
"Thưa ông chủ, ông cứ bằng vào lời bất cứ ai trong bọn tôi nói về nó". Malizi cố giấu vẻ rạng rỡ. "Tôi không hểu ông chủ hỏi về Tôm làm gì, nhưng rành là nó nhất trong tụi con trai nhớn".
Năm hôm sau, mexừ Liơ báo tin cho Joóc-Gà.
"Tao đã thu xếp gửi thằng Tôm nhà mày sang đồn điền Ơxkiu", ông long trọng thông báo, "để học nghề tên nhọ thợ rèn Aizêiơ trong ba năm".

Joóc phấn khởi đến nỗi phải cố hết sức mới kìm được mình khỏi bế bổng ông chủ lên quay tít đi. Thay vì làm thế, anh chỉ ngoác miệng cười toét đến mang tai và lúng túng cảm ơn.

"Tốt hơn là mày phải nhận định đúng về thằng bé. Căn cứ vào những đảm bảo của bọn mày, tao giới thiệu rất đề cao nó với mexừ Ơxkiu. Nếu nó khôn ngoan như mầy nói tao sẽ rút nó về đây nhanh đến nỗi mầy phải chóng mặt và nếu nó ra ngoài vòng khuôn phép, nó phản bội lòng tin của tao bằng bất kỳ cách nào, tao sẽ đánh tróc da cả mày lẫn nó. Hiểu chưa?"

"Nó sẽ không phụ lòng ông đâu, thưa ông chủ. Cháu hứa mấy ông thế. Thằng bé này, cha nào con í mà".
"Ấy chính tao lại sợ thế đấy. Bảo nó gói ghém hành lý, sẵn sàng mai sớm đi".
"Vâng ạ. Cảm ơn ông. Ông sẽ không bao giờ phải hối tiếc".
Ông chủ vừa đi khỏi, Joóc-Gà bèn chạy vù về xóm nô, kể lại tin mừng cho gia đình nghe, anh gần như nổ tung lồng ngực vì tự hào với thành tích của mình đến nỗi không thấy những nụ cười méo mó trao đổi giữa Matilđa và Kitzi, những người đầu tiên thúc anh đặt vấn đề với ông chủ. Thoáng sau, anh đứng ở cửa la to: "Tôm! Tôm! Tôm con!"
"Dạạạ thưa bố!" Tôm đáp lại từ đằng sau chuồng ngựa.
"Con trai, về đây!"
Lát sau, Tôm há hốc miệng, tròn xoe mắt. Cái tin không thể tin được ấy đến với nó hoàn toàn bất ngờ - họ đã giữ kín vì không muốn nó thất vọng nếu cố gắng không đi đến đâu. Vui mừng khôn xiết, Tôm lúng túng trước những lời chúc mừng tới tấp đến nỗi nó phải rút thật nhanh trở ra ngoài - một phần cũng là để có dịp định thần nhận chân ra rằng ước mơ của mình đã thực sự trở thành sự thật. Khi ở trong lều, nó không để ý thấy hai đứa em gái, Kitzi và Meri đã chạy vụt ra ngoài và hổn hển loan tin cho bọn anh trai chúng.

Gã Vơjơl cao dong dỏng đang tong tả đi lên, vừa mới xong các công việc đặt ở chuồng ngựa trước khi đến đồn điền cô vợ mới cưới, gã chỉ khe khẽ ầm ừ một câu gì vô thưởng vô phạt và hối hả đi qua chỗ Tôm; thằng cu này tủm tỉm cười vì từ khi làm lễ nhảy chổi, Vơjơl lúc nào cũng như mụ mẫm.

Nhưng Tôm căng thẳng hẳn lên khi thấy thằng Asfođ mười tám tuổi vạm vỡ, khỏe mạnh tiến lại, gần theo sau là hai thằng em Jêimz và Luyx. Gần như cả đời, giữa nó và Asfođ có một mối kình địch không sao cắt nghĩa nổi, nên Tôm không lạ gì thái độ gầm ghè cay cú của thằng anh.

"Mầy bao giờ cũng là cưng của họ! Bợ đỡ mọi người để xin ân huệ. Bi giờ mầy sắp đi khỏi, mầy cười mũi bọn tau còn phải quần quật ngoài đồng!" Nó vung tay dứ nhanh một cái như thể đánh Tôm, làm Jêimz và Luyx há hốc mồm. "Tau vẫn với tới mầy được, liệu hồn đấy!" và Asfođ nghênh ngang đi khỏi, Tôm nhìn trừng trừng theo, tin chắc một ngày kia nó và Asfođ sẽ phải có một cuộc đọ sức cuối cùng.

Điều Tôm phải nghe từ miệng "Joóc-con" lại là một lối cay cú khác. "Rành là tui ước được là chú để đi khỏi đây, vì ở dưới kia bố bắt tui làm việc muốn chết! Chỉ vì tui mang tên ông í, cho nên ông cứ ngỡ tui cũng mê gà dư ông í. Tui căm thù cái đồ hôi thúi í!"

Còn hai con bé Kitzi mười tuổi và Meri tám tuổi thì sau khi đã loan tin rộng rãi, chúng cứ lẽo đẽo theo Tôm đi quanh suốt buổi chiều, vẻ rụt rè của chúng nói lên rõ ràng Tôm là đứa anh trai mà chúng tôn thờ và yêu thích nhất.

Sáng hôm sau, khi tiễn Tôm lên xe la với Vơjơl, Kitzi, Xerơ và Matilđa bắt đầu ngày làm việc ngoài đồng, đang chặt đốn thì Kitzi nhận xét: "Ai trông thấy bọn chúng mình cứ khóc lóc, xụt xịt hoài thế nầy, chắc tưởng mình chả bao giờ gặp lại thằng bé nữa!"

"Hừm! Chả còn là thằng bé nữa đâu, cưng ạ!" Xerơ thốt lên. "Cái thằng Tôm là người lền ông kế tiếp ở chốn này đó!"

Chương 102

Với một giấy thông hành đặc biệt do mexừ Liơ cấp, Vơjơl treo cái đèn xách ở xe la và phóng suốt đêm hôm trước lễ Tạ Ơn để đưa Tôm từ đồn điền Ơxkiu về nhà kịp bữa tiệc lớn, sau sáu tháng vắng nhà. Khi xe lăn bánh vào đường xe riêng của đồn điền Liơ trong buổi chiều tháng mười một lạnh giá và Vơjơl thúc la chạy nước kiệu gấp, Tôm phải cố kìm nước mắt khi xóm nô quen thuộc hiện ra và nó trông thấy tất cả những người nó xiết bao thương nhớ đang đứng đó đợi nó. Rồi họ bắt đầu vẫy, gọi và lát sau, nắm chặt chiếc túi đựng những món quà nó đã tự tay làm cho từng người, nó nhảy xuống đất giữa những cánh tay ôm ghì và những cái hôn của tốp phụ nữ.
"Cầu Chúa phù hộ trái tim nó!"… "Nom nó ra dáng làm sao!" "Chứ lị! Xem nầy, vai mấy cánh tay nó đẫy ra làm sao!"… "Bà nội, để cho cháu hôn anh Tôm mấy!"… "Đừng có riết chặt lấy nó suốt ngày thế, để tau cũng được ôm nó tí chứ, nhỏ!"

Qua bờ vai họ, Tôm nhìn thấy hai đứa em trai Jêimz và Luyx với vẻ kính sợ; nó biết Joóc-con đang ở dưới khu gà chọi với bố và Vơjơl đã nói với nó là Asfođ được ông chủ cho phép đi thăm một cô gái ở đồn điền khác.

Rồi nó trông thấy bác Pompi, mọi khi vẫn liệt giường, giờ quấn xù xụ một tấm mền ngồi bên ngoài lều trong một chiếc ghế mây. Vừa gỡ ra được là Tôm chạy vội lại nắm lấy bàn tay run rẩy, sưng phù của ông già và cúi sát xuống để nghe cho rõ cái giọng rạn vỡ, gần như thều thào của bác.
"Tau chỉ muốn biết chắc là mầy đã về thực để thăm bọn tau, cháu giai ạ…"
"Vâng, ông Pompi, cháu rất mừng được trở về!"
"Thôi được, sẽ gặp mầy sau", ông già run lập cập.

Tôm lúc này đang bối rối vì xúc động. Cho đến nay mới mười sáu tuổi, chẳng những nó chưa bao giờ được đối xử trân trọng đến thế, như với người lớn, mà còn chưa từng cảm thấy ở cái gia đình xóm nô của mình một biểu hiện yêu thương và kính trọng dạt dào như vậy.

Hai đứa con gái còn đang kéo nó, reo hò í ới thì bỗng một giọng quen thuộc vang lên ồm ồm ở đằng xa.

"Lạy Chúa, ông Gà Sống đang đến kìa!" Matilđa kêu lên bàn và toán phụ nữ tíu tít bày bữa cỗ mừng Lễ Tạ ơn lên bàn.
Khi Joóc-Gà sải bước vào khu xóm nô, trông thấy Tôm, mặt anh tươi rói lên: "Chà, hãy nhìn coi cái gì đã xổng chuồng về nhà này!" Anh vỗ vai Tôm bồm bộp. "Làm được tí tền nào chưa?"
"Dạ chưa, bố ạ".
"Mầy là cái thứ thợ rèn gì mà không kiếm được tền hử?" Joóc vờ ngạc nhiên, hỏi.

Tôm nhớ là lại là bao giờ nó cũng cảm thấy như bị cuốn trong cơn lốc mỗi khi lâm vào thế tiếp cận với lối diễn đạt khoa trương ồn ã của bố. "Còn lâu mới là thợ rèn, bố ạ, con mới đang cố học thôi", nó nói.
"Chà, mầy biểu cái gã nhọ Aizêiơ í là tau biểu mau lên mà học mầy một cái gì chớ.
"Vâng" Tôm nói như cái máy, vụt nghĩ rằng có lẽ chẳng bao giờ nó nắm vững được đến nửa phần những gì ông Aizêiơ đang kiên trì dốc mọi cố gắng để giúp nó học. Nó hỏi: "Anh Joóc-con có lên ăn cỗ không?
"Cũng có thể nó đến kịp, cũng có thể không." Joóc-Gà đáp. "Nó lười lĩnh quá không làm cho xong việc thứ nhất tau giao cho nó sáng nay, cho nên tau biểu chừng nào chưa xong thì tau không muốn thấy cái mặt nó ở trên nầy!"
Joóc-Gà tiến lại chỗ bác Pompi. "Cháu rất mừng thấy bác ra khỏi lều, bác Pompi. Bác thấy người thế nào?"
"Kém con ạ, kém lắm, cái thân già thì còn gì là tốt nữa, có thế thôi".
"Miễn cho tui cái chuyện vớ vỉn í đi, miễn hết không nghe một tí tẹo nào!" Joóc-Gà oang oang và anh quay sang Tôm, cười ha hả: "Ông Pompi của mầy là một người nhọ loại thằn lằn rắn ráo, còn sống đến trăm tuổi. Từ khi mầy đi có dễ ông í đã hai ba lần ốm rõ nặng cơ mà, mỗi lần cánh lền bà thút thít khóc cả lũ, sắp sửa làm ma thì ông lão lại nhỏm dậy!"

Cả ba đang cười thì Bà Nội Kitzi thét: 'Chúng mầy mang bác Pompi lại đây ngồi vào bàn ngay đi!" Mặc dầu trời se se lạnh, các bà đã kê một cái bàn dưới cây hạt dẻ để mọi người có thể cùng dự bữa tiệc mừng Lễ Tạ ơn.

Jêimz và Luyx nắm chắc lấy chiếc ghế của bác Pompi, bà Xerơ đon đả chạy theo sau.
"Đừng có đánh rơi ông đấy, ông chưa quá già đến độ không đét đít được chúng mầy đâu!" Joóc-Gà kêu to.

Khi tất cả đã yên vị, mặc dầu Joóc-Gà ngồi chủ tọa, Matilđa vẫn chỉ đích vào Tôm để nói: "Con trai, cầu Chúa xuống phước cho bàn ăn đi". Giật mình, Tôm bỗng ước giá mình dự tiên được điều này để nghĩ sẵn trước một lời cầu nguyện nào khả dĩ diễn đạt được những nỗi xúc động nó cảm thấy đối với sự ấm cúng và sức mạnh của tình gia đình. Nhưng thấy mọi người đều đã cúi đầu, nó chỉ nghĩ được như sau: "Lạy Chúa, xin Người xuống phước cho dĩng thức chúng con sắp ăn đây, chúng con cầu xin vậy, nhân danh Cha và Con và Thánh Thần. Amen".

"Amen!... Amen!" những người khác hòa theo, từ đầu đến cuối bàn. Rồi Matilđa, các bà Kitzi và Xerơ bắt đầu chạy qua chạy lại như con thoi, chốc chốc lại bầy thêm những bát, đĩa đầy tú ụ, nghi ngút hơi suốt dọc bàn và giục mọi người ăn, mãi cuối cùng mới trở lại ngồi về chỗ. Trong nhiều phút, không ai nói gì, tất cả đều ăn như sắp chết đói, với những tiếng ậm ự thưởng thức và những tiếng tặc lưỡi trầm trồ. Rồi sau một lát, trong khi Matilđa hay Kitzi luôn tay rót sữa bơ mới vào đầy cốc của Tôm, hoặc tiếp thêm thịt nóng, rau và bánh mì vào đĩa nó, họ bắt đầu hỏi nó dồn dập.
"Tội nghiệp thằng bé, ở đằng í họ cho con ăn có tốt không? Ai nấu nướng cho con ăn?" Matilđa hỏi.
Tôm phải nhai bớt cho đỡ đầy mồm để trả lời: "Vợ ông Aizêiơ, bà Emma".
"Da bà í màu gì, nom bà í ra sao?" Kitzi hỏi.
"Bà í da đen, beo béo".
"Cái í thì có dính gì đến việc bếp núc của nhà chị ta!" Joóc-gà cười hô hố. "Chị ta nấu nướng có tốt không, nhỏ?"
"Khá ngon, bố ạ, vâng" Tôm gật đầu khẳng định.
"Dào, dù sao cũng chẳng bằng mẹ mầy!" bà Xerơ toang toác. Tôm khoan khoái thì thào. "Vâng, không bằng", đồng thời nghĩ bụng là bà Emma ắt bất bình biết bao nếu nghe thấy họ nói vậy và ngược lại, họ hẳn sẽ bất bình biết mấy nếu biết bà ta là tay nấu bếp cừ hơn.
"Bà í mấy người chồng thợ rèn có phải là người Cơ đốc ngoan đạo không?"
"Có ạ." Nó nói. "Nhất là bà Emma, bà í đọc Kinh Thánh một lô một lốc".
Tôm vừa ăn hết đĩa thứ ba thì mẹ và bà nó lại trút thêm vào, mặc dầu nó lắc đầu quày quạy. Nó ấp úng phản đối được một câu: "Phải dành chút gì cho Joóc-con khi anh í đến chứ!"
"Còn vô khối cho nó, mà con cũng biết đấy!" Matilđa nói. "Con ăn thêm một miếng thịt thỏ rán nầy… thêm ít rau nữa nầy… và cái món bí đông ninh nầy nữa. Bà Malizi lấy ở bữa tiệc trên đại sảnh một liễn sữa trứng tướng gửi xuống đây. Ngon đáo để".

Tôm đã bắt đầu xúc sữa trứng thì bác Pompi hắng giọng định nói gì và tất cả im lặng để nghe bác. "Nhỏ, cháu đã đóng móng cho la, cho ngựa chưa?"
"Họ để cho cháu tháo móng cũ, cơ mà cháu chưa đóng cái móng mới nào!" Tôm nói, nhớ lại vừa mới hôm trước thôi có một con la dữ đến nỗi phải buộc chằng chân mới đóng móng được. Joóc-Gà cười to. "Chắc nó chưa bị la đá đủ đau để thuần thục tay nghề đây! Nếu không biết rành thì rất dễ lẫn chân ngựa, chân nọ sọ chân kia!" Nghe nói có một tay thợ rèn nhọ đóng móng đằng trước lộn ra đằng sau, thành thử con ngựa chỉ độc đi giật lùi!" Khi thôi cười về câu nói đùa của chính mình, Joóc-Gà hỏi: "Đóng móng ngựa và la thì được bao nhêu?"
"Hình như người ta giả mexừ Ơxkiu mười bốn xu một móng." Tôm nói.
"Rành là không nhiều tền bằng chọi gà!" Joóc-Gà thốt ra.
"Dào, nghề rèn rành là có ích hơn chọi gà nhều!" Bà nội Kitzi nói sẵng, giọng sắc như dao, đến nỗi Tôm muốn nhẩy lên ôm ghì lấy bà. Rồi bà nói tiếp, giọng đột nhiên trở nên dịu dàng: "Nầy con, cái người í lúc "học" con nghề rèn thì bắt con làm gì?"

Tôm rất mừng thấy bà hỏi, vì nó đang muốn cho gia đình biết sơ qua công việc của nó. "À, thưa bà, mỗi sáng sớm, cháu dóm lò, lúc ông Aizêiơ đến là phải cháy tốt. Rồi cháu bầy dĩng đồ dùng mà cháu biết ông í cần cho dĩng việc sắp làm. Là vì khi gò sắt nung đỏ thì không thể để nó nguội đi trong khi tìm bới đúng loại búa để nện nó…"
"Lạy Chúa, thằng bé đã rèn rồi!" bà Xerơ thốt lên.
"Không ạ." Tôm nói. "cháu chỉ là cái họ gọi là thợ quai búa. Nếu ông Aizêiơ làm vật gì nặng, dư trục xe hay lĩi cầy, chỗ nào ông nện búa con thì cháu quai búa tạ. Và thi thoảng, còn dĩng việc vặt đơn giản, ông í để cháu làm nốt trong khi ông í bắt đầu một cái gì khác".
"Bao giờ lão í để cho mầy bắt đầu đóng móng ngựa?" Joóc-Gà hỏi, vẫn tiếp tục dồn, xem vẻ gần như là muốn thằng con đang học nghề thợ rèn phải lâm vào thế bối rối, nhưng Tôm nhe răng cười: "Con không biết, bố ạ, dưng con cho rằng chả bao lâu, ông í sẽ cảm thấy con có thể làm được việc í mà không cần ông í giúp đỡ. Đúng dư bố nói, rành là con đã bị đá nhều lần. Thực tế, có một số con dữ cứ chồm chồm, chả dĩng đá mà còn cắn nữa, nếu mình không cẩn thận".
"Người da trắng có đến cửa hàng thợ rèn í không con?" bà Xerơ hỏi.
"Có ạ, hàng lô hàng lốc. Chả mấy ngày không thấy ít nhất là một tá hay hơn nửa đứng quanh quanh trò chuyện trong khi chờ đợi ông Aizêiơ hoàn thành công việc họ mang tới đặt làm".
"Ờ, thế con nghe thấy họ nói dĩng loại tin gì mà bọn ta không biết vì cứ ru rú ở đây?"

Tôm nghĩ một lúc, cố nhớ lại xem ông Aizêiơ và bà Emma coi những gì là quan trọng nhất mà họ mới nghe cánh da trắng nhắc đến. "À, có một cái tin họ gọi là "điện tín". Một mexừ Moxờ nào đó ở Washington nói chuyện thẳng mấy ai đó ở tận Baltimo. Họ biểu ông ta nói "Thượng đế đã rèn tạo cái gì?" Cơ mà con chả hiểu rõ đích xác cái đó nghĩa là gì".

Mọi cái đầu quanh bàn ăn quay cả về phía Matilđa, chuyên gia về Kinh Thánh của họ, xong xem vẻ chị cũng bối rối. "Tui… à, tui không dám chắc", chị phân vân nói, "dưng mà có lẽ tui chưa đọc thấy gì về cái đó trong Kinh Thánh".
"Mẹ à, cách nầy hay cách khác" Tôm nói, "xem ra cái í chả có dính dáng gì đến Kinh thánh cả. Đấy chỉ là chuyện gì đó nói mấy nhau tít xa qua không khí".

Nó hỏi có ai ở đây biết là mấy tháng trước đây, Tổng thống Polk đã chết vì ỉa tháo tỏng ở Nasvil, bang Tennexi và Tổng thống Zatseri Têilơ đã lên kế tục.
"Cái í ai nấy đều biết rồi!" Joóc-Gà thốt ra.
"À, ra nhà anh biết nhều thế mà chả bao giờ nói cho tui nghe" Bà Xerơ gay gắt nói.

Tôm nói: "Người da trắng, nhất là đám trẻ con, hát dững bài bắt chước chúng ta, cơ mà lại do một mexừ Xtiphân Fôxtơ đặt". Tôm hát chút ít câu nó nhớ được trong các bài "Ông già Jô da đen", "Ngôi nhà cũ kỹ của tôi ở Kentắcki" và "Ông chủ nằm trong lòng đất lạnh, giá lạnh".
"Rành là nghe có cái gì giống dư nhọ thật!" Bà nội Kitzi kêu lên.
"Ông Aizêiơ biểu là mexừ Fôxtơ, khi đang nhớn bỏ bao nhiêu thì giờ nghe nhọ hát ở nhà thờ mấy lị ở quanh các tàu thủy và các bến tầu" Tôm nói.
"Hèn nào!" Matilđa nói, "Dưng mà con có nghe thấy có ai trong dân nhọ ta làm gì không?"

"À, có ạ", Tôm nói và nó kể là những người da đen tự do đem việc đến đặt ông Aizêiơ đã nói chuyện nhiều về những người da đen trứ danh ở miền Bắc đấu tranh chống chế độ nô lệ, đi các nơi nói chuyện với những đám cử tọa rất đông, hỗn hợp da trắng lẫn da đen làm cho họ rơi nước mắt và hoan hô, bằng cách kể lại cuộc đời nô lệ của mình cho đến khi thoát ách, trở thành tự do. "Chả hạn có một người tên là Fridirich Đơgơx", Tôm nói, "họ biểu ông ta hồi bé là một nô lệ ở Merơlơn, ông ta tự học biết đọc, biết viết và cuối cùng làm việc, dành được đủ tền mua tự do cho mình khỏi tay ông chủ", Matilđa ném một cái nhìn đầy ý nghĩa về phía Joóc-Gà trong khi Tôm kể tiếp. "Họ biểu dân chúng tụ họp hàng trăm người ở bất kỳ chỗ nào ông í nói chuyện và ông í đã viết một quyển sách, thậm chí còn ra một tờ báo nữa".

"Có cả lền bà phụ nữ nổi tiếng nữa cơ, mẹ ạ". Tôm nhìn Matilđa, Bà Nội Kitzi, và bà Xerơ, và kể chuyện một người nô lệ cũ tên là Xojơnơ T'ruth: nghe nói bà ta cao hơn một mét tám, bà ta cũng nói chuyện trước những đám đông nghìn nghịt những người da trắng và da đen, mặc dầu bà ta không biết đọc cũng chẳng biết viết.

Bật dậy từ chỗ ngồi của mình, Bà Nội Kitzi bắt đầu hoa chân múa tay như điên. "Ngay bi giờ mới thấy mình cần phải lên miền Bắc, tự mình nói chuyện ít buổi". Bà làm bộ điệu như đang đứng trước một đám cử tọa lớn. "Dân da trắng các người hãy nghe Kitzi đây! Tui không muốn cái sự bí bét nầy nữa! Dân nhọ chúng tui ớn và chán ngấy kiếp nô lệ rồi".
"Mẹ ơi, thằng nhỏ biểu người phụ nữ í dững mét tám cơ! Mẹ chưa đủ cao!" Joóc-Gà vừa nói vừa cười rống lên, trong khi những người khác quanh bàn nhìn anh trừng trừng, giả vờ phẫn nộ. Buồn thỉu, Bà Nội Kitzi lại ngồi xuống.

Tôm lại kể cho họ nghe về một phụ nữ nô lệ thoát ách trứ danh khác. "Bà ta tên là Hariét Tớpman. Không kể xiết bao nhiêu lần bà í xuống Nam đưa hàng xốc người dư chúng ta đến tự do trên Bắc, đi bằng cái lối họ gọi là "Đường Sắt Bí Mật". Thực tế, bà í làm thế nhều đến nỗi họ nói bi giờ người da trắng treo giải đáng giá bốn mươi nghìn đôla cho ai bắt được bà í, sống hay chết cũng được".

"Lạy Chúa lòng thành, không thể tưởng tượng được là người da trắng lại trả nhều tền đến thế để bắt một người nhọ nào trên đời" bà Xerơ nói.

Nó kể là ở một bang xa tít gọi là Califoniơ, nghe đồn hai người da trắng đang xây một nhà máy cưa thì phát hiện ra một kho vàng nhiều quá sức tưởng tượng ở dưới đất và hàng nghìn người bèn đổ xô - bằng xe tải, cưỡi la hoặc thậm chí cuốc bộ đến cái chỗ mà người ta đồn rằng có thể lấy xẻng mà xúc vàng.

Cuối cùng nó nói những cuộc tranh luận lớn về chế độ nô lệ đang diễn ra giữa hai người da trắng tên là Xitphân Đơglơx và Abraham Lincôn.

“Hai người í, ai về phe nhọ?” Bà Nội Kitzi hỏi.

“Đâu dư là mexừ Lincôn, con chỉ biết có đến thế” Tôm nói.
“Thế thì cầu Chúa ban cho ông í sức mạnh!” Kitzi nói.
Chép chép răng, Joóc-Gà đứng dậy vỗ vỗ cái bụng căng và quay sang Tôm: “Nầy nhỏ, mầy mấy tau đi dạo cho dãn cẳng, tiêu bớt cái bữa ăn nầy đi tí chăng?”
“Thưa bố, vâng” Tôm nói gần như lắp bắp, cố lắm mới giấu được vẻ kinh ngạc và làm ra bộ thản nhiên.

Cánh phụ nữ, cũng sửng sốt không kém, đưa mắt nhìn nhau, vẻ giễu cợt, đầy ý nghĩa, khi Joóc-Gà và Tôm cùng đi xuôi con đường. Xerơ khẽ kêu: “Lạy Chúa, thằng bé đã gần to bằng bố rồi!” Jêimz và Luyx đăm đăm nhìn theo bố và anh trai, thèm đến gần phát ốm, song chẳng dại gì mà đi theo. Nhưng hai đứa con gái bé nhất, Kitzi con và Meri, thì không thể không nhẩy cẫng lên và bắt đầu lò cò theo sau, cách độ tám hoặc mười bước.

Không cần ngoái lại nhìn chúng, Joóc-Gà ra lệnh: “Quay về đằng kia giúp mẹ rửa bát đĩa!”
“Eo bố!” hai đứa đồng thanh léo nhéo.
“Cút, tau đã bảu mà!”
Quay nửa người lại, âu yếm, nhìn hai đứa con gái, Tôm mắng yêu chúng: “Các em không nghe thấy bố nói à. Tí nữa ta sẽ gặp nhau”.
Với những tiếng phàn nàn của hai đứa con gái đằng sau lưng, họ lặng lẽ bước tiếp một quãng ngắn, rồi Joóc-Gà nói, gần như càu nhàu: “Nầy, chắc mầy hiểu bố chỉ trêu mầy tí trong bữa ăn, chứ chả có ác ý gì chứ?”
“À, vâng”, Tôm nói, trong thâm tâm lấy làm ngạc nhiên trước thái độ gần như xin lỗi của bố. “Con biết bố đùa thôi”.

Joóc-Gà làu bàu nói: “Ta đi tiếp xuống ngó qua lũ gà cái chăng? Để xem cái thằng Joóc-con vô tích sự í mắc chuyện gì ở đấy lâu thế. Theo tau biết, chưa chừng bi giờ nó thịt mấy con gà, nấu lên đánh chén mừng Lễ Tạ Ơn cũng nên”.
Tôm cười: “Joóc-con tốt đấy, bố ạ. Anh í chỉ chậm chạp thế thôi. Anh í từng biểu con anh í cũng yêu gà dư bố” Tôm dừng lại một chút, rồi quyết định đánh bạo nêu ý nghĩ tiếp theo của mình: “Con cho rằng trên đời không có ai yêu gà dư bố”.

Nhưng Joóc-Gà sẵn sàng nhất trí khá nhanh: “Dù sao cũng không ai thế trong cái gia đình này. Bố đã thử tất cả bọn nó rồi - trừ con. Tuồng dư tất cả lũ con trai còn lại của bố đều muốn suốt đời kéo cầy từ đầu nầy đến đầu kia cánh đồng, ngước mắt lên chỉ thấy mông con la!” Anh ngẫm nghĩ một lát: “Nghề rèn của mày, nói cho đúng ra, cũng chưa phải là sống cao sang gì - không gì bằng chọi gà – dưng mà chí ít nó cũng là một công việc lền ông”.

Tôm tự hỏi liệu cha mình có thực sự tôn trọng cái gì ngoài gà chọi không. Nó cảm thấy rất mừng là đã thoát bằng cách nào đó và đi vào cái nghề rèn vững vàng, ổn định. Song nó diễn đạt ý nghĩ của mình một cách quanh co.

“Con thấy làm ruộng chả có gì xấu, bố ạ. Nếu không có người làm ruộng, chắc không ai có ăn. Con chọn theo nghề rèn cũng dư bố ưng chọi gà, là vì con thích nó và Chúa cho con cái khiếu í. Rành không phải tất cả mọi người cùng thích một thứ dư nhau”.
“Ờ, chí ít bố mấy con còn biết đường làm ra tền trong khi làm cái mình thích”, Joóc-Gà nói.

Tôm trả lời. “Hiện mới có bố thôi. Con thì còn phải vài năm nữa mới kiếm được, khi nào con học nghề xong và đi làm cho ông chủ - nghĩa là nếu ông í cho con một ít trong số tền làm ra, dư ông í làm với dững gì bố được cá khi chọi gà hạ cấp!”

“Chắc chắn là ông í sẽ cho thôi!” Joóc-Gà nói. “Ông chủ không đến nỗi xấu như mẹ mầy, bà nội mầy mấy các cô bác í thích rêu rao đâu. Ông í có dững thói cách thường tình, rành là thế! Mầy chỉ cần biết cách đánh vào mặt tốt của ông chủ, dư tau í - cứ làm cho ông í tưởng mình coi ông í là một ông chủ loại thượng lưu đối đãi tốt với nhọ”.
Joóc-Gà ngừng một lát. “Cái mexừ Ơxkiu ở chỗ mầy làm í – mày có biết ông í cho lão nhọ Aizêiơ bao nhêu tền công rèn không?”
“Đâu dư mỗi tuần một đôla” Tôm nói. “Con nghe vợ ông Aizêiơ biểu mỗi tuần ông chồng đưa bà í chừng nấy để để dành, và bà í để dành từng xu một”.
“Chọi gà thì chưa đầy một phút đã được hơn thế!” Joóc-Gà kêu lên rồi kìm lại.
“Được, dù sao, khi mầy về đây rèn cho ông chủ, chuyện tền nong cứ để mặc tau. Tau sẽ nói chuyện để ông í biết cái mexừ Ơxkiu í bủn xỉn dư thế nào mấy cánh nhọ”.
“Vâng ạ”

Joóc-Gà có cái cảm giác kỳ lạ là anh thực sự muốn bảo đảm tranh thủ được sự liên mình - thậm chí, sự đồng tình thôi - của riêng đứa này trong số sáu con trai, không phải vì có cái gì không ổn với năm đứa kia và mặc dù thằng cu nầy xuề xòa nhất đám, đừng có hòng thấy nó diện cái gì đại loại như một chiếc khăn quàng xanh với mũ quả dưa đen điểm chiếc lông chim dài; mà chỉ vì rõ ràng thằng Tôm nầy có những phẩm chất về ý thức trách nhiệm không phải ngày nào cũng gặp được, cũng như một sức mạnh và bền bỉ cá nhân khác thường.
Họ tiếp tục im lặng đi một lát nữa, rồi bất thần, Joóc-Gà hỏi: "Có bao giờ, mầy nghĩ đến chuyện làm rèn vì mình không nhỏ?"
"Bố định nói gì? Cách nào mà con làm thế được, hở bố?"
"Có bao giờ mầy nghĩ đến chuyện để dành tền mầy sẽ kiếm ra để mua lấy tự do cho mình không?"
Thấy Tôm ngẩn tò te không trả lời được, Joóc-Gà tiếp tục nói:
"Mấy năm trước, vào dạo đẻ Kitzi, một đêm tau mấy mẹ mầy ngồi tính thử xem mua tự do cho cả gia đình nhà mình thì hết bao nhiêu, theo giá nhọ hồi í. Phải tới quãng sáu mươi tám trăm đôla…"
"Úi" Tôm lắc lư đầu.
"Nghe tau nầy!" Joóc nói: "Rành là một đống của. Dưng mà từ dạo í đến giờ, tau đã ra sức đi chọi gà hạ cấp đến nát xương lòi da cho mẹ mầy để dành tền được cá của tau. Không được nhều dư tau trù tính lúc bắt đầu, dưng mà dù sao cũng tạm, chả ai biết trừ mẹ mầy mấy tau – bây giờ thêm mầy nữa – bà í đã có hơn một nghìn đôla bỏ hũ chôn ở quanh sân sau!" Joóc-Gà nhìn Tôm. "Bố nghĩ…"
"Cả con nữa, bố ạ!" một ánh mắt long lanh trong mắt Tôm.
"Nghe đây, nhỏ!" Giọng Joóc-Gà thúc bách hơn. "Nếu bố cứ tiếp tục được cá dư trong mấy mùa qua thì đến lúc mầy bắt đầu rèn cho ông chủ, ắt phải có thêm ba, bốn nghìn nữa được cất giấu".
Tôm hăm hở gật đầu. "Và bố ạ, với cả hai bố con mình cùng làm ra tền, một năm mẹ có thể chôn giấu đến năm, sáu trăm cũng nên!" nó phấn khởi nói.
"Phải!" Joóc-Gà thốt lên. "Cứ đà í, trừ phi giá nhọ cao vọt lên, có thể chúng mình đủ tền để mua tự do cho cả gia đình, trong vòng độ… để bố tính xem…"

Cả hai cùng bấm đốt ngón tay, tính toán. Lát sau, Tôm kêu lên: "Độ mười lăm năm".
"Mầy học ở đâu mà tính nhanh vậy? Mầy thấy ý tau thế nào, nhỏ?"
"Bố ạ, con sẽ lục đầu vào rèn, làm chết thôi! Giá bố biểu con từ trước!"
"Với hai bố con, tau biết là làm được mà!" Joóc-Gà nói, mặt tươi hơn hớn. "Làm cho cái gia đình nầy thành cái gì chứ lị! Tất cả chúng ta lên Bắc, nuôi nấng dững con, cháu, dư con người sinh ra là phải được thế! Mầy bẩu sao, nhỏ?"

Càng xúc động sâu sắc, Tôm và Joóc-Gà đang sôi nổi nắm lấy vai nhau thì đúng lúc ấy, họ quay lại, thấy cái dáng chắc mập của Joóc-con tiến lại gần, vừa ì ạch chạy, vừa gọi to: "Tôm! Tôm!", miệng cười toác rộng gần hết mặt. Hổn hển tới kịp bố và em trai, thở không ra hơi, ngực phập phồng, nó nắm lấy tay Tôm lắc rối rít, vỗ lưng bồm bộp và đứng ngây đó hết khò khè lại nhe răng cười, mồ hôi làm đôi má phúng phính bóng nhẫy lên. "Rất… mừng… được… gặp… em… Tôm!" Cuối cùng, nó nói đứt quãng.
"Cứ bình tĩnh, nhỏ!" Joóc-Gà nói, "Kẻo không có sức mà ăn cỗ".
"Con … chả… bao… giờ… mệt… đến… không… ăn… được…bố… ạ!"
"Vậy sao không lên ăn đi" Tôm nói, "Chúng mình gặp nhau sau. Bố mấy em đang nói chuyện cần".
"Thôi… được… lát… nữa… gập… em" Joóc-con nói, không chờ giục thêm, quay đầu hướng về xóm nô.

"Tốt hơn là ba chân bốn cẳng lên!" Joóc-Gà hò với theo. "Không biết mẹ mầy giữ được bọn em mầy bao lâu để chúng nó khỏi ăn hết dững gì còn lại?"

Nhìn Joóc-con bắt đầu lạch bạch chạy, Tôm và bố ôm bụng cười cho đến lúc nó biến mất ở khúc quành, vẫn tăng tốc độ.
"Tốt hơn là ta cứ tính mười sáu năm nữa, ta mới được tự do" Joóc-Gà nói, hổn hển.
"Sao thế?" Tôm hỏi, chợt lo lắng.
"Cứ cái cách thằng nhỏ nầy phàm ăn thế, chỉ nuôi nó đến lúc í cũng mất đứt một năm thu nhập!"

Chương 103

Trong trí nhớ của Joóc-Gà, không gì gây nhộn nhạo trong giới chọi gà miền Bắc Carôlina bằng cái tin lan truyền nhanh chóng hồi cuối tháng 11 năm 1855 rằng mexừ Juét giầu bự đang đón tiếp thượng khách là một tay chơi gà chọi có chức tước, cũng giầu như ông ta, từ nước Anh sang, mang theo qua đại dương ba mươi con trong số gà "Nòi Anh Cát Lợi cổ" thuần chủng, nghe nói là giống gà chọi hay nhất hiện có. Theo tin này, vị khách người Anh, Ngài C. Eric Roxel, đã nhận thiếp mời của mexừ Juét mang gà mình đến chọi với một số gà hay nhất ở Mỹ. Vì lẽ, với tư cách là bạn lâu năm, họ không muốn đấu với nhau, nên mỗi ông sẽ đưa ra hai mươi con gà để chọi với bất kỳ bốn mươi con nào được chọn ra thách đấu, với điều kiện là tập thể các chủ gà này sẽ đặt trước nửa số 30.000 đôla là tiền cá chính thức, ngoài ra, những món cá phụ tối thiểu được phép trên mỗi con là 250 đôla. Một tay chơi chọi gà đại phú khác ở địa phương tình nguyện đứng ra tổ chức tập hợp bốn mươi gà thi đấu - chỉ nhận của mỗi người năm con, trong số bảy chủ gà khác ngoài bản thân ông ta.
Với mexừ Liơ, thực ra ông chẳng cần phải nói với người luyện gà kỳ cựu của mình rằng ông đang nhắm nhe một phần của khoản cá khổng lồ này.
"Thế đấy", ông nói lúc trở về đồn điền sau khi gửi bưu điện tấm phiếu 1.875 đôla của mình, "chúng ta có sáu tuần để luyện năm con gà".
"Vâng thưa ông, cháu nghĩ có thể làm được việc í", Joóc-Gà trả lời, cố hết sức làm như không bị kích động mà không được. Ngoài nỗi hồi hộp sâu sắc của bản thân - mới nghĩ đến một cuộc thi đấu như vậy, đã thấy rạo rực cả người – Joóc-Gà còn hân hoan nói với cuộc họp mặt gia đình xóm nô rằng ông cảm thấy như chỉ riêng sự phấn khởi đã khiến cho mexừ Liơ trẻ ra đến hai mươi lăm tuổi. "Ranh là họ đặt cá cao cho cánh hạ cấp ra rìa hết!" ông kêu lên. "Ông chủ biểu ranh đây là khoản tền cá to nhất ông chưa bao giờ thấy ở đâu lên xấp xỉ dư thế - thực ra thì là khoản to thứ nhì ông từng nghe thấy".
"Gớm, còn có cuộc chọi gà nào to hơn thế này nữa!" bác Pompi kêu lên.
Joóc-Gà nói: "Ước chừng hai mươi năm trước, cái ông Nicơlơx Arinhtơn giầu nứt đá đổ vách gần Nasvil, bang Tennexi, đem mười một xe tải phủ kín, hăm hai người mấy ba trăm gà, đi cùng khắp không biết bao nhêu bang, qua mặt cả cướp, cả Anhđiêng, đủ mọi thứ, cho đến khi tới Mêhicô. Họ đem chọi với ba trăm con gà khác của tổng thống Mêhicô là một ông tướng Xanta Ana lắm tền đếm không xuể, lại xưng xưng thề rằng mình nuôi được dũng con gà chọi hay nhất thế giới. Chà, ông chủ biểu cuộc đấu gà của hai người kéo suốt một tuần liền. Đặt cược to đến nỗi tền bỏ chật một cái tủ đứng! Ông chủ còn biểu cá phụ cũng sạt nghiệp dũng tay giàu hạng nhất. Rốt cuộc, cái mexừ Arinhton ở Tennexi í được quãng nửa triệu đôla! Ông ta gọi gà của mình là "Tôni què", lấy tên của tay nhọ què luyện gà cho ông là Tôni. Còn cái ông tướng Xanta Ana tổng thống Mênicô nọ thì muốn có một con "Tôni què" làm giống, cay cú đến nỗi xin mua nó bằng giá vàng cân!"
"Bi giờ tui mới thấy giá mình đi vào nghiệp chọi gà có phải hơn!" bác Pompi nói.
Hầu hết sáu tuần sau, họa hoằn lắm mới thấy Joóc-Gà và mexừ Liơ ở đồn điền. "May mà ông chủ cứ ở liền dưới í với gà, vì bà chủ đang cáu dư điên!" bà Malizi nói với mọi người ở xóm nô, vào cuối tuần thứ ba. "Tui nghe thấy bà la ông tru tréo về chuyện rút nhà băng ra ba nghìn đôla. Thấy bà í biểu chỗ nầy gần bằng nửa số hai vợ chồng dành dụm suốt đời, rồi bà í gào thét và làm ỏm tỏi cả lên vì nỗi ông chồng cứ cố đua đòi mấy dũng mexừ giàu thật là giàu, nhều tền gấp nghìn lần ông í." Sau khi quát bà vợ im mồm và hẵng lo lấy công việc thổ tả của chính mình đã, ông chủ hiên ngang bước ra khỏi nhà, bà Malizi kể vậy.
Lầm lì nghe, không nói câu gì, là Matilđa và gã Tôm hai mươi hai tuổi; bốn năm trước Tôm đã trở về đồn điền, dựng một cửa hàng thợ rèn đằng sau chuồng ngựa, nơi anh hiện đang làm ăn phát đạt vì lợi ích của mexừ Liơ, khách ra vào tấp nập. Tức sôi sùng sục, Matilđa đã tâm sự với con trai về chuyện Joóc-gà hùng hổ đòi lấy số tiền để dành hai nghìn đôla đã cất giấu, để giao cho ông chủ đặt cá trên đám gà nhà. Matilđa cũng đã tru tréo và khóc lóc, cố gắng một cách tuyệt vọng để phân giải điều hơn lẽ thiệt cho Joóc-Gà, "Cơ mà ông í cư xử cứ dư hóa dại!" bà nói với Tôm. Ông í quát mẹ: "Nầy mụ, ta biết từng con gà nhà nầy từ lúc nó còn trong trứng. Có ba, bốn con không loài có cánh nào đánh nổi. Ta không thể bỏ qua dịp may nầy để nhân lên đúng gấp đôi dũng gì chúng ta đã dành dụm được, thật mau lẹ, một con gà của ta đá chết một con là xong! Chỉ hai phút, đã có thể đỡ mất thêm tám, chín năm bòn từng đồng, dành dụm để chuộc lại tự do!"
"Mẹ à, con biết mẹ đã biểu bố là nếu gà mình thua thì lại phải bắt đầu để dành lần nữa!" Tôm đã thốt lên như vậy.
"Không phải mẹ chỉ nói mấy ông í có thế! Mẹ đã cố hết sức mình tọng vào đầu ông í rằng ông í không có quyền đánh bạc mới tự do của chúng ta! Cơ mà ông í nổi điên lên thật sự, gầm thét: "Không cách nào bọn ta thua được! Mụ đưa tền của ta cho ta!" và Matilđa đã phải làm theo, bà kể với Tôm thế, mặt đờ đẫn.
Ở khu gà chọi, Joóc-Gà và mexừ Liơ đã hoàn thành việc lọc loại từ mười bảy con trong đàn gà ở bãi thả lấy mười con – mười con gà chọi hay tuyệt, chưa từng thấy đối với cả hai. Rồi họ bắt đầu luyện bay cho mười con đó, mỗi ngày tung chúng một cao hơn, cho tới khi, cuối cùng, tám con trong số này bay được độ mười hai thước mới phải đặt chân xuống đất. "Y dư thể chúng ta đang luyện gà tây rừng í", Joóc-Gà cười khanh khách.

“Chúng nó sẽ cần phải là diều hâu để đọ lại với gà của Juét và vị khách người Anh ấy”, ông chủ nói.
Khi cuộc đấu lớn chỉ còn cách một tuần nữa, ông chủ cưỡi ngựa đi và cuối ngày hôm sau, ông trở về với sáu đôi cựa thép Thụy Điển vào loại tốt nhất có thể kiếm được dài và sắc như dao cạo, đầu nhọn như mũi kim.
Sau lần đánh giá phê phán cuối cùng hai ngày trước trận đấu, cả tám con đều hoàn hảo đến nỗi không thể phân định năm con nào trội nhất. Thành thử ông chủ đành quyết định mang đi cả tám và đến phút chót sẽ chọn trong đám ấy.
Ông ta bảo Joóc là sẽ lên đường vào nửa đêm hôm sau để đến nơi đủ sớm cho cả người lẫn gà đều được nghỉ ngơi lại sức sau chặng đường dài, và sảng khoái bước vào trận đấu. Joóc-Gà biết ông chủ cũng ngứa ngáy nôn nóng muốn mau chóng tới đó như mình.
Cuộc hành trình dài bằng xe tải trong đêm tối diễn ra bình thường không có sự kiện gì đặc biệt. Trong khi lái xe, mắt uể oải nhìn chiếc đèn treo ngòi sáng lắc lư ở đằng mũi xe giữa hai con la, Joóc-Gà ngẫm nghĩ với những cảm giác xáo trộn về cuộc va chạm tình cảm vừa rồi giữa mình với Matilđa xung quanh chuyện tiền nong. Ông bực dọc nghĩ về việc cái món tiền ấy là kết quả bao năm kiên trì dành dụm thì ông còn biết rõ hơn bà chứ lại: nói cho cùng, chẳng phải những thắng lợi liên tiếp của ông trong các cuộc đấu hạ cấp, hết trận nọ đến trận kia, đã kiếm ra nó hay sao. Hẳn ông không lúc nào cảm thấy Matilđa chưa tròn phận sự làm vợ, nên ông tiếc là mình đã phải thét lác át giọng bà, khiến bà nháo nhác đến thế, như ông chủ cũng buộc phải làm thế trong đại sảnh, nhưng mặt khác, có những khi người chủ gia đình phải dứt khoát hạ những quyết định cứng rắn, quan trọng chứ. Ông lại như nghe thấy tiếng kêu đầy nước mắt của Matilđa: “Joóc, anh không có quyền đánh bạc mới tự do của tất cả chúng ta!” Làm sao mà bà chóng quên đến thế rằng chính ông là người đầu tiên đề ra ý kiến cóp nhặt sao cho đủ để mua lại tự do cho cả nhà! Và sau ngần nấy năm dành dụm chậm rề rề, giờ đây ông chủ tâm sự rằng ông ta cần thêm tiền mặt để cá phụ trong những trận đấu sắp tới, không phải chỉ nhằm phô trương trước các mexừ phú quý, trưởng giả hợm hĩnh kia, mà còn nhằm vơ tiền của họ nữa, thì đó chẳng phải vận trời cho thì còn là gì? Joóc-Gà nhe răng cười một mình, khoái chá nhớ lại vẻ kinh ngạc tột độ của mexừ Liơ khi nghe thấy ông nói: “Cháu có độ hai nghìn đôla tền để dành, ông có thể dùng để cá, ông chủ ạ”. Trấn tĩnh lại sau phút sửng sốt, mexừ Liơ đã thực sự nắm lấy tay người luyện gà của mình lắc đi lắc lại, hứa sẽ cho Joóc-Gà nhận tất cả tiền được giải trong những khoản cá dùng đến tiền của ông, và tuyên bố: “Mày phải nhân gấp đôi số tiền đó, muốn thế nào thì thế!” Ông chủ lưỡng lự một chút rồi hỏi : “Nhỏ này, rồi mày làm gì với bốn nghìn đôla?”
Lúc đó, Joóc-Gà đã quyết định đánh một nước bài thậm chí còn lớn hơn nước trước, bộc lộ lý do tại sao dành dụm lâu thế và ráo riết thế. “Ông chủ ạ, ông đừng có hiểu nhầm gì cháu, cháu dặt chỉ có tình cảm tốt nhất mấy ông mà thôi, ông chủ ạ. Dưng mà cháu mấy Tilđa mới nói chuyện và thưa ông chủ, chúng cháu đã quyết định thử xem có thể mua lại của ông cả vợ chồng con cái và sống tự do nốt những ngày còn lại hay không!” Thấy mexừ Liơ rõ ràng bị bất ngờ, Joóc-Gà lại nài nỉ : “ Lạy Chúa, xin ông chớ hiểu nhầm chúng cháu, ông chủ”…
Nhưng, bấy giờ - và đây là một trong những trải nghiệm nồng ấm nhất trong đời Joóc-Gà – mexừ Liơ bèn nói: “Này nhỏ, ta sẽ nói cho con biết ta nghĩ gì về cuộc chọi gà chúng ta sắp tham gia. Ta đồ rằng nó là cuộc chọi lớn cuối cùng của ta. Thậm chí ta nghĩ là con không hiểu, ta nay đã bảy mươi tám tuổi rồi. Hơn năm mươi năm, mùa nào ta cũng ngược xuôi lo lắng nào nuôi gà, nào chọi gà. Ta ớn chuyện ấy rồi. Con nghe ta chứ? Ta nói cho con biết, nhỏ ạ! Với phần cược chính và các khoản cá phụ của ta, ta hy vọng được một món đủ để xây cho vợ chồng ta một ngôi nhà nữa – không phải là tòa lâu đài lớn như ta đã từng muốn một thời, mà chỉ năm sáu buồng mới, chúng ta chỉ có thế thôi. Và trước lúc con nêu vấn đề thì ta cũng chưa nghĩ tới, song quả thật đến lúc bấy giờ, cũng chả cần nuôi cả một đống nhọ chúng mày làm gì. Chỉ cần Xerơ và Malizi cũng có thể nấu nướng và chăm nom vườn tược cho tốt để chúng ta sống vào đó và có kha khá tiền ở nhà băng, khỏi phải xin xỏ ai cái gì”…
Joóc-Gà gần như nín thở trong khi mexừ Liơ nói tiếp: “Cho nên ta sẽ nói cho con biết thế này, nhỏ ạ! Các con đã hầu hạ ta tốt và chưa hề gây rắc rối thực sự cho ta. Ông con ta sẽ thắng lớn cuộc chọi gà này, ít ra là gấp đôi số tiền của cả hai ta, phải, con chỉ cần đưa ra số tiền con sẽ có, bốn nghìn đôla, thế là giữa chúng ta coi như xong! Và mày cũng biết như ta là đám nhọ nhà mày đáng giá gấp đôi thế! Tình thật, ta chưa nói cho con biết chuyện này bao giờ, có lần cái lão nhà giàu Juét đã xin mua riêng mày với giá bốn nghìn đôla mà ta từ chối phăng, cho lão tưng hửng! Phải, cả bọn mày có thể được tự do nếu đó là điều mày muốn!”
Đột nhiên ứa nước mắt, Joóc-Gà đã nhảy bổ tới định ôm chầm lấy mexừ Liơ, nhưng ông này bối rối né nhanh sang một bên. “Ôi, Lạy Chúa ông chủ, ông có biết ông đang nói gì không? Chúng con muốn được tự do xiết bao!” Giọng mexừ Liơ đáp lại khàn đi một cách kì lạ. “À, ta không biết bọn nhọ chúng bay, khi được tự do, sẽ làm gì nếu không ai để mắt tới bọn bay. Và ta biết bà vợ ta sẽ làm rinh thiên địa về chuyện ta cứ buông tha bọn bay, dù thế nào mặc lòng. Mẹ kiếp, riêng cái thằng Tôm thợ rèn đã đáng đứt hai nghìn rưỡi, chưa kể nó còn kiếm tiền tốt cho ta nữa!”
Ông chủ dúi mạnh Joóc-Gà một cái. “Cút đi, nhọ, trước khi ta thay đổi ý kiến! Mẹ kiếp! Hẳn là ta điên! Nhưng ta hy vọng vợ mày và mẹ mày cùng cả bọn nhọ nhà mày thấy ra là ta không đến nỗi xấu như ta biết chúng đã thường nghĩ”.
“Ồ, không ạ, không ạ, thưa ông chủ, cảm ơn ông, dạ thưa ông chủ! Joóc – Gà luýnh quýnh lui lại trong khi ông chủ vội vã bỏ đi ngược con đường về phía đại sảnh.
Hơn lúc nào hết, giờ đây Joóc-Gà những muốn giá cuộc đụng độ gay gắt với Matilđa đừng xảy ra. Giờ đây, ông quyết định tốt nhất là cứ giữ kín điều bí mật đắc ý của mình để cho Matilđa, bà mẹ Kitzi của ông và cả gia đình, khi

biết mình được tự do, sẽ hoàn toàn bị bất ngờ một cách tuyệt đối. Tuy nhiên, tâm tư như muốn bung ra với điều bí mật đó, mấy lần ông suýt ngỏ với Tôm, song cứ đến phút cuối cùng, ông lại thôi, vì mặc dầu đã là người lớn hẳn hoi Tôm vẫn gần gũi cả mẹ lẫn bà đến mức có thể kể lại với họ đồng thời bắt họ thề giữ kín, thế là lộ bét. Lại nữa, làm thế sẽ có thể khuấy động trong bọn họ một vấn đề rất bầy nhầy là, theo lời ông chủ nói, họ sẽ phải bỏ các bà Xerơ, Malizi, và bác Pompi ở lại, mà những con người này có khác nào gia đình thân quyến họ.
Cho nên suốt những tuần chờ đợi, Joóc-Gà, tù hãm với điều bí mật của mình, đành dốc hết tâm lực, vùi đầu vào việc rèn giũa đến mức hoàn hảo tuyệt đối tám con gà chọi chung tuyển hiện đang yên ổn trong lồng đằng sau ông và mexừ Liơ, trong cỗ xe thửa đồ sộ đang lăn bánh trên con đường cô quạnh xuyên qua đêm tối. Chốc chốc, Joóc-Gà lại tự hỏi không biết mexừ Liơ trầm lặng một cách khác thường này đang nghĩ gì.
Đến rạng sáng, trong ánh ban mai, họ trông thấy một đám người rất đông, sặc sỡ màu sắc; mặc dầu còn sớm thế, đám này chẳng những đã đứng chật kín khu chọi gà, mà còn tràn sang cả một cánh đồng cỏ bên cạnh, tại đó chẳng bao lâu đã ùn ùn những xe tải, xe ngựa, xe la, xe bò cùng với những chú la và ngựa khịt mũi ầm ĩ.
"Tôôm Liơ!" Một tốp "cách cơ" nghèo gọi to khi vừa trông thấy ông chủ từ cỗ xe đồ sộ trèo xuống. "Cho họ biết tay, Tôôm!" Trong khi đội lại chiếc mũ quả dưa đen cho chỉnh, Joóc-Gà nhìn thấy ông chủ thân ái gật đầu với họ, song vẫn tiếp tục đi thẳng. Ông biết ông chủ phân vân giữa bối rối và tự hào, trước danh tiếng của mình trong đám "cách cơ". Thực vậy, sau nửa thế kỷ chơi chọi gà, mexừ Liơ đã thành một huyền thoại ở bất kỳ nơi nào có đấu gà, vì ngay cả ở cái tuổi bảy mươi tám, bản lĩnh điều khiển gà trên bãi chọi của ông dường như vẫn không giảm sút.
Joóc-Gà chưa bao giờ nghe thấy một hỗn tấu những tiếng gà chọi quang quác inh ỏi đến như thế, trong khi ông bắt đầu tháo dỡ đồ lề để vào cuộc. Một nô lệ luyện gà, đi qua dừng lại, nói cho ông biết là trong đám đông, có nhiều người đã đi nhiều ngày từ các bang khác tới, thậm chí cả từ Florida. Vừa nói chuyện vừa liếc mắt ngó quanh, Joóc-Gà thấy khu vực mọi khi dành cho người xem đã mở rộng hơn gấp đôi, vậy mà đã chen chúc những người đến xí chỗ. Trong số những người liên tục đi qua chỗ xe đỗ, ông thấy những bộ mặt lạ, cả da trắng lẫn da đen, cũng lắm như những diện mạo quen thuộc và ông lấy làm hãnh diện khi nhiều người thuộc cả hai chủng loại, khẽ huých đồng bạn và thì thào, hiển nhiên là đã nhận ra ông.
Sự náo nức nhộn nhạo của đám đông ngổn ngang ấy càng dâng lên cao hơn nữa khi ba giám khảo đến bãi chọi và bắt đầu đo đạc, đánh dấu những vạch xuất phát. Một tiếng lao xao khác nổi lên khi một con gà chọi của ai đó xông ra và lồng lộn tấn công mọi người trên đường chạy trốn của nó thậm chí làm một con chó kêu oăng oăng, mãi cho đến lúc nó bị dồn vào một góc và bắt lại. Và cứ mỗi khi thấy và nhận ra bất kỳ ai trong số những tay chơi chọi gà nổi tiếng trong vùng tới - đặc biệt số còn lại trong đám người sẽ đấu với các mexừ đăng cai Juét và Raxel – tiếng ồn ào của đám đông lại tăng rộ lên.
"Tôi chưa bao giờ thấy người Anh nào cả, còn ông?" Joóc-Gà nghe hóng thấy một người da trắng nghèo hỏi một người khác, tay này đáp là mình cũng vậy: Ông cũng nghe thấy người ta nói chuyện về sự giàu có của vị chức sắc người Anh này, không những ông ta có một điền trang khổng lồ ở nước Anh, mà còn nắm những tài sản phong phú ở những nơi gọi là Xcốtlen, Ailen và Hamaica nữa. Và nghe nói mexừ Juét đã hãnh diện khoe với bạn bè là vị khách của mình sẵn sàng cho gà xuất trận bất kỳ lúc nào, bất kỳ ở đâu, với bất kỳ đấu thủ nào, nhận bất kỳ khoản cược nào.
Joóc-Gà đang băm nhỏ mấy quả táo để cho gà ăn thì đột nhiên tiếng ồn ào của đám đông rộ lên thành một tiếng gào thét – và đứng vội lên trong xe, ông nhận ra chiếc xe ngựa hai chỗ rủ trướng của mexừ Juét đang tiến lại gần, theo tay lái của gã xà-ích da đen mặt lúc nào phớt tỉnh. Đằng sau là hai mexừ đại phú mỉm cười và vẫy tay với đám đông xô ra bám dày đặc quanh họ đến nỗi đôi tuấn mã tương xứng với cỗ xe sang trọng phải chật vật mới tiến lên được. Và theo sau không xa là sáu chiếc xe tải đầy những chuồng gà cao nghễu nghện, chiếc đầu do gã da trắng luyện gà cho mexừ Juét lái; ngồi cạnh gã này là một người da trắng gầy gò, mũi nhọn mà Joóc-Gà nghe lỏm thấy một người đứng gần đó bảo rằng vị chức sắc giàu có người Anh đã đưa qua đại dương sang đây chỉ cốt để chăm nom đàn gà của ông.
Nhưng bản thân nhà quý phái thấp tè, vóc người chắc nịch, da dẻ đỏ đắn và ăn vận kỳ cục mới là trung tâm chú ý chủ yếu của đám đông xoay quanh nhộn nhịp, trong khi ông ta sóng đôi với mexừ Juét cưỡi xe song mã đi qua, cả hai đều có mẽ của bậc yếu nhân, thậm chí quý tộc nữa, ngoài ra vị khách Hồng mao coi bộ còn tỏ ra tí chút khinh khi và kiêu kỳ đối với đám đông chen vai thích cánh dưới đất.
Joóc-Gà đã dự quá nhiều cuộc chọi gà, nên ông quay về với công việc xoa bóp chân, cánh cho lũ gà mình, biết chắc qua kinh nghiệm rằng những âm thanh khác nhau của đám đông sẽ mách bảo ông về mọi thứ xảy ra, không cần phải nhìn. Chẳng mấy chốc, một người trọng tài hô to để dẹp mọi tiếng hò hét, huýt còi và la ó quấy loạn, chứng tỏ nhiều người trong đám đã nốc tới số những be rượu của mình.
Rồi ông nghe thấy thông báo đầu tiên: "Ông Frêđ Ruđôlf ở Uyliêmxtao chọi con gà đỏ của mình với con xám đốm của ngài C.Eric Raxel ở nước Anh".
Rồi: "Lắp cựa!".
Và rồi: "Buông gà!" và tiếng hò reo của đám đông tiếp theo là một sự im lặng kinh hãi đột ngột, cho ông biết rõ ràng, như thể ông đang theo dõi bằng mắt, rằng con gà của vị khách Hồng mao đã mau chóng thắng cuộc. Trong khi mỗi người trong số tám chủ gà thách đấu lần lượt xuất năm con của mình để chọi xen kẽ với một con hoặc của mexừ Juét hoặc của vị khách người Anh, Joóc-Gà chưa bao giờ nghe thấy rộn tiếng cá phụ om sòm như thế trong

đời và các cuộc đấu khẩu giữa đám người xen cùng tiếng trọng tài hô hào im lặng, lắm lúc cũng sôi nổi không kém những trận đọ sức trong sân chọi. Thỉnh thoảng, tiếng ồn ào của khán giả mách cho ông Joóc-Gà đang bận rộn biết rằng cả hai con gà cùng bị thương tới mức trọng tài phải ngưng trận đấu để các chủ gà chữa chạy cho chúng trước khi tiếp tục đấu. Bằng vào một cách gào rú đặc biệt của đám đông, Joóc có thể nói đúng những lần hiếm hoi gà của một trong hai nhà phú hộ bị thua, và ông bứt rứt tự hỏi chừng bao nữa đến lượt mexừ Liơ. Joóc đoán là các giám khảo định thứ tự các đấu thủ bằng cách bốc thăm những mảnh giấy ghi tên của họ đặt trong một cái mũ.
Ông cũng muốn xem đấu cụ thể, ít nhất là một lát, song còn biết bao chuyện gay go! Ông không thể ngắt quãng việc xoa bóp, dù chỉ trong một lúc. Ông thoáng nghĩ đến món tiền kếch xù, trong đó một phần là những năm ăn nhịn để dành của bản thân ông, mà ông chủ chỉ nhăm nhăm chờ cược trên chính những con gà đang được ông nhẹ nhàng lần ngón tay nắn bóp từng bắp thịt. Mặc dù sẽ chỉ có năm con được chọn ra đấu, nhưng không thể đoán được là năm con nào, nên cả tám con đều phải sẵn sàng tột độ và trong điều kiện tối ưu về thể chất. Joóc-Gà không mấy khi cầu nguyện trong đời, nhưng giờ đây ông đang làm điều đó. Ông cố hình dung nét mặt Matilđa sẽ ra sao khi, thoạt tiên, ông trở về và ném vào lòng bà món tiền chí ít cũng đã tăng gấp đôi, rồi sau đó, khi ông đề nghị bà tập hợp cả gia đình lại để báo tin là họ đã được TỰ DO.
Rồi ông nghe thấy trọng tài hô: “Năm con gà thách đấu tiếp theo là của ông Tôm Liơ ở quận Caxuel và sẽ do ông điều khiển!“
Tim Joóc nhảy thót đến họng! Chụp chiếc mũ quả dưa chặt hơn trên đầu, ông nhảy xuống khỏi xe, biết là ông chủ sắp đến chọn gà, đầu tiên ngay tức khắc.
“Tôôôôôôôm Liơ!“. Chùm lên tiếng ồn ào của đám đông, ông nghe thấy những người cách-cơ hò tên ông chủ. Rồi những tiếng la khàn khàn quấy đảo ào lên, khi một tốp người nhô ra khỏi đám đông, vây quanh ông chủ. Đi giữa bọn họ tới chỗ chiếc xe, ông khum tay trên miệng và cố át tiếng huyên náo, hét vào tai Joóc: “Những tay này sẽ giúp chúng ta đem tất cả gà đến cạnh bãi chọi“.
“Vâng, thưa ông chủ“.
Joóc lại nhảy trở lên xe, chuyền tám cái chuồng gà xuống cho những người bạn da trắng nghèo của ông chủ, trong óc vụt nghĩ rằng trong ba mươi bảy năm theo nghiệp chọi gà, ông chưa bao giờ hết ngạc nhiên trước vẻ ngoài hoàn toàn bình tĩnh, thản nhiên của mexừ Liơ trong những lúc căng thẳng như hiện giờ. Rồi tất cả bọn kéo về phía bãi chọi, xuyên qua đám đông, mexừ Liơ mang con gà tuyệt đẹp màu vàng sẫm mà ông đã chọn để chọi đầu tiên và Joóc-Gà đi sau cùng, xách chiếc giỏ đựng các phương thuốc cấp cứu, da bụng của thỏ rừng, một mớ lá thường xuân tươi, xáp glixêrio, một búi mạng nhện và dầu thông. Càng đến gần bãi chọi, càng phải xô đẩy dữ mới tiến được, trong khi vang lên bên tai họ những giọng say bét nhè: “Tôôôm Liơ!“ hoặc đôi khi: “Đây là gã nhọ Joóc-Gà của ông í!“ Và Joóc có thể cảm thấy những con mắt sờ mó mình như những ngón tay, điều đó thật dễ chịu song ông vẫn tiếp tục vừa tiến bước vừa nhìn thẳng trước mặt, cố làm ra vẻ tình bơ như ông chủ.
Và Joóc-Gà trông thấy vị chức sắc người Anh thấp bè bè thản nhiên đứng cạnh bãi chọi, cánh tay trái gập lại kẹp một con gà rất đẹp, trong khi đôi mắt cảnh giác đánh giá cái đám rước nhỏ đang dinh lũ gà khiêu chiến tới. Sau những cái gật đầu cộc lốc trao đổi với mexừ Liơ, Raxel đặt con gà của mình lên bàn cân và người trọng tài xướng: “Năm (pao) mười lăm (ao-xơ)[1]. Bộ lông xanh của con gà đẹp mã óng lên như bạc dưới ánh mặt trời.
Rồi ông chủ bước lên với chú gà vàng sẫm của mình, một trong những con được Joóc-Gà đặt biệt ưa thích. Nó cường lực, man dại, cổ ngọ nguậy như con rắn chuông, cặp mắt đằng đằng sát khí, và nó sôi sục muốn được thả ngay. Khi người trọng tài hô: “Chẵn sáu (pao)“ đám người da trắng nghèo hâm mộ và bợm rượu bèn hò reo cứ như thể chênh lệch một (ao-xơ) ấy có nghĩa là thắng rồi. “Tôôôôôm Liơ! Xơi tái ngài Anh – cát – lị í đi, Tôm! Ngông nghênh lắm cơ! Hạ cho y ta xuống nước đi một nấc nào!“
Rõ ràng những người đặt biệt hâm mộ mexừ Liơ đã thực sự túy lúy càn khôn và Joóc-Gà thấy cả ông chủ lẫn vị khách người Anh đều đỏ rừ mặt lên vì bối rối trong khi họ quỳ xuống buộc cựa sắt cho gà của mình, vờ như không nghe thấy gì. Thế nhưng những tiếng hò càng to lên và thô lỗ hơn “Y ta chọi gà hay chọi vịt đấy nhỉ?“... “Khôồng, đấy là gà biết bơi mà!“... “Phải! Y ta nuôi nó bằng cá đấy!“ Mặt vị khách người Anh đầy vẻ phẫn nộ. Người trọng tài đã bắt đầu lao tới lao lui, giận dữ vung tay hét lớn: “Xin quý vị!“. Nhưng tiếng cười chế giễu chỉ lan rộng thêm và những lời châm chọc trở nên cay độc hơn: "Y ta mặc áo choàng đỏ nhằm cái trò vè gì nhỉ?“, “Y ta có chơi chọi cáo nữa không nhỉ?“...“Khôồng, y quá chậm chạp, lạch bạch như con ôpốt [2] ấy “...“Giống con ếch ộp hơn!“...“Tôi nom y giống như con chó săn ấy!“
Mexừ Juét sải bước ra, giận dữ tới giáp mặt người trọng tài, hai tay chém vào không khí, nhưng những lời ông chìm đi trong tiếng hô đồng thanh: “Tôômm Liơ...! Tôômmmmm LIƠ...!“. Lúc này cả các giám khảo cũng nhập với trọng tài lăng xăng hết chỗ này sang chỗ khác, vung cánh tay, giơ nắm đấm và thét lác liên hồi: “Cuộc chọi gà sẽ ngừng lại nếu không im lặng!”… “Các người muốn thế đấy chứ, phải tiếp tục đi!”. Dần dà, những tiếng kêu la và cười cợt say khướt bắt đầu từ từ dịu xuống. Joóc-Gà thấy mặt mexừ Liơ như phát ốm vì bối rối và cả vị khách Hồng mao lẫn mexừ Juét đều nhợt nhạt đến tột độ.
“Ông Liơ!” Khi vị khách người Anh đột ngột cất cao giọng bật ra tiếng ấy, đám đông hồ như im bặt ngay tức thì.
“Ông Liơ, cả hai chúng ta đều có những con gà tuyệt diệu như thế này ở đây tôi không biết ông có ưng cùng tôi làm một quấn cá phụ đặc biệt của riêng chúng ta hay không?

Joóc-Gà biết là tất cả trong số hàng trăm người đang chen chúc xung quanh đều cảm thấy như ông cái giọng hằn học và hạ cố của vị khách Hồng mao đằng sau cung cách lịch sự của hắn. Gáy của ông chủ - Joóc thấy thế - bỗng đỏ lên vì tức giận.
Câu trả lời cứng nhắc của mexừ Lio đến trong vài giây sau: "Cái đó cũng hợp ý tôi, thưa ngài. Ngài đề nghị đặt bao nhiêu?"
Vị khách Hồng mao nín thinh. Vẻ như ông ta đang cân nhắc vấn đề trước khi nói. "Liệu mười nghìn đôla có đủ không?"
Ông ta để cho đợt sóng ồ! à! hào hển tràn khắp đám đông rồi: "Có nghĩa là, trừ phi ông không tin lắm ở triển vọng của gà mình, thưa ông Lio". Ông ta đứng nhìn ông chủ nụ cười mỏng môi rành rành lộ vẻ khinh bỉ.
Tràng sấm cảm thán ngắn ngủi của đám đông mau chóng xẹp xuống thành một im lặng ghê sợ; những người vừa nãy ngồi, giờ đứng hẳn lên. Tim Joóc-Gà như ngừng đập. Như một tiếng vang xa xăm, ông nghe thấy bà Malizi thuật lại cơn tam bành của bà chủ Lio, bà ta gào lên rằng cái món năm nghìn đôla ông chủ đã rút ở nhà băng là "ngót nghét số tiền dành dụm suốt cả đời họ". Cho nên Joóc-Gà biết mexừ Lio không thể cả gan nhận cá. Nhưng liệu ông có thể trả lời thế nào để khỏi bị nhục nhã cực kỳ trước cái đám đông gồm hầu hết những người ông quen biết này? Chia sẻ nỗi quằn quại của ông chủ mình, Joóc-Gà thậm chí không dám nhìn ông nữa. Dường như một thiên thu đã trôi qua, rồi Joóc-Gà chợt nghi ngờ tai mình.
Giọng mexừ Lio căng thẳng: "Thưa ngài, liệu ngài có bằng lòng gấp đôi số ấy không? Hai mươi nghìn!"
Toàn thể đám đông trút ra những tiếng kêu hoài nghi giữa lao xao chuyển động náo nức. Hoàn toàn kinh hãi Joóc-Gà hiểu rằng món tiền ấy là tất tật cả vốn liếng mexừ Lio có ở trên đời, nhà cửa ruộng đất và nô lệ của ông ta cộng thêm số tiền tiết kiệm của Joóc-Gà. Ông trông thấy vẻ kinh ngạc tột độ của người Anh trước khi mau chóng trấn tĩnh lại, bộ mặt giờ đây nghiêm nghị và dữ tợn. "Một bậc thượng võ chân chính! Y thốt lên, chìa tay cho mexừ Lio "Xin nhận cá, thưa ngài! Nào ta hãy lắp cựa cho gà!"
Lúc bấy giờ, Joóc-Gà đột nhiên hiểu ra: mexừ Lio biết là con gà vàng sẫm tuyệt vời của mình sẽ thắng. Chẳng những ông chủ phút chốc trở nên giàu có, mà chiến thắng quyết định này sẽ khiến ông mãi mãi là một huyền thoại anh hùng đối với tất cả những người cách-cơ, một biểu tượng có thể thách thức và đánh bại cả những mexừ trưởng giả, giàu sang phú quí! Từ nay, không kẻ nào trong bọn họ còn thể nhìn Tôm Lio dưới tầm con mắt nữa!
Giờ đây, mexừ Lio và vị khách Hồng mao cúi khom khom ở hai bên đối diện của sân chọi và trong khoảnh khắc đó, Joóc-Gà như thấy cả cuộc đời con gà của ông chủ vụt lướt qua tâm trí mình. Ngay từ khi còn là một con gà nhép, những phản xạ nhanh không tưởng tượng được của nó đã khiến Joóc chú ý từ đầu; rồi đến lúc choai choai, tính hung hãn kỳ lạ của con gà tơ này khiến nó luôn luôn tìm cách tấn công những con khác qua những kẽ rào của chuồng; và gần đây khi dược rút về từ bãi thả, trong mấy giây, li leo nữa thì nó giết chết con mồi già, trước khi nó bị chặn lại. Ông chủ đã chọn con gà này vì biết ngón đánh của nó sắc sảo, xông xáo và sâu biết bao. Chỉ thoáng trong nửa giây, Joóc-Gà lại như nghe thấy Matilđa phẫn uất kêu: "Anh còn điên hơn cả ông chủ! Tệ lắm thì kết cục ông í cũng chỉ đến lại trở thành một cách-cơ là cùng, dưng mà đàng này anh đánh bạc với tự do của cả gia đình trên mấy con gà!"
Rồi ba giám khảo bước ra, chiếm lĩnh vị trí đồng đều quanh sân chọi. Người trọng tài lấy tư thế rón rén như đang đứng trên trứng. Phảng phất một không khí tựa hồ như mọi người ở đây đều biết họ sắp được chứng kiến một cái gì sẽ là đầu đề để họ chuyện trò bàn tán cho đến hết đời. Joóc-Gà trông thấy ông chủ mình và lão người Anh ghìm đôi gà căng thẳng xuống, cả hai bộ mặt đều ngẩng lên theo dõi môi người trọng tài:
"Buông!"
Con gà xanh óng bạc và con gà sẫm loang loáng lao vào nhau, đâm sầm thật mạnh và nhảy lùi lại. Vừa chạm chân tới đất, cả hai lập tức tâng lên không, cố phóng đòn trúng vào những chỗ hiểm của nhau. Mỏ táp, cựa vung ào ào với một tốc độ lóa mắt, Joóc-Gà ít gặp trên sân chọi cặp gà nào đánh nhau dữ tợn như vậy. Bất thình lình con xanh óng bạc của lão người Anh bị trúng đòn, con gà của ông chủ đã phập sâu một cựa vào một xương cánh của nó, chúng mất thăng bằng ngã xuống, cả hai cùng vùng vẫy để gỡ chiếc cựa bị mắc trong khi mổ rất ác vào đầu nhau.
"Săn sóc! Ba mươi giây!" Tiếng hô của trọng tài chưa dứt, cả vị khách người Anh lẫn mexừ Lio đã nhảy vào: chiếc cựa gỡ ra rồi, hai người vuốt mớ lông đầu rối bù của gà mình cho mượt lại, rồi đặt chúng trở lại vạch xuất phát, lần này giữ đuôi chúng. "Chuẩn bị." … "Buông!"
Một lần nữa, đôi gà lại gặp ở tầm cao ngang nhau trên không cả hai bộ cựa cùng tìm đánh một đòn chí tử nhưng đều không đạt trước khi hạ xuống đất. Con của ông chủ lao tới định đánh ngã địch thủ, nhưng con gà Anh làm một động tác giả xuất sắc, né sang bên, khiến đám đông hồ như nghẹn thở trong khi con gà của ông chủ nhào qua với tất cả sức mạnh vô tác dụng. Trước khi nó ngoắt lại, con gà Anh đã bổ tới, chúng điên cuồng quần nhau lăn lộn trên mặt đất, rồi lại đứng dậy được, lồng lộn, mỏ chọi mỏ, vừa rời ra lại quật cánh thật mạnh vào nhau bên trên hai cặp chân đá túi bụi. Chúng lại nhảy lên không, rồi lại hạ xuống đánh nhau dưới đất với một khí thế cuồng nộ mới.
Một tiếng kêu nổi lên! Con gà Anh đã đánh con kia chảy máu. Một vết sẫm loang loang lộ ra trên ngực con gà của ông chủ. Nhưng nó nện mạnh địch thủ bằng những đòn cánh cho đến khi con này loạng choạng và nó chồm lên để hạ thủ. Nhưng một lần nữa con gà Anh lại né đỡ xuất sắc, tránh kịp và thoát hiểm. Joóc-Gà chưa từng chứng kiến những phản xạ nhanh quá sức tưởng tượng như thế bao giờ. Nhưng lúc này, con gà của ông chủ xoáy lộn dũng

mãnh đến độ đủ sức đánh con gà Anh ngã ngửa. Nó đánh trúng ngực con này hai lần, làm chảy máu, nhưng con gà Anh xoay xở thế nào lại phóc được lên trên không và lao xuống đánh con gà của ông chủ vào cổ.
Joóc-Gà đã nín thở theo dõi hai con gà máu me đầm đìa vẫn đá nhau, xoay vòng, đầu cúi thấp, mỗi con đều tìm một khe hở. Trong một pha quần thảo đột ngột, quay tít mù, con gà Anh thắng thế, dùng cánh ra đòn tới tấp, đôi cựa lại đánh tóe thêm máu, thế rồi kỳ lạ đến mức khó tin, con gà của ông chủ bỗng vọt lên không và khi hạ xuống, phóng một cựa vào trúng tim con gà Anh, nó gục xuống thành một mớ lông, máu ộc ra đằng mỏ.
Điều đó xảy ra nhanh đến nỗi khoảng một giây sau tiếng ồn ào mới bùng lên như sấm rậy. Những gã đàn ông mặt đỏ gay la thét, nhảy lên nhảy xuống: "Tôôm! Tôôm! Ông ta đã thắng!" Joóc-Gà quá đỗi sung sướng, trông thấy họ xúm lại quanh ông chủ, đấm thùm thụp vào lưng ông, chộp lấy tay ông lắc lấy lắc để: "Tôôm-Liơ! Tôôm-Liơ! Tôm LIƠ!"
Chúng ta sắp được tự do, Joóc-Gà tiếp tục nghĩ. Cái thực tế là chẳng mấy nữa ông sẽ nói vậy với gia đình mình, dường như không thể tin được. Ông thoáng thấy lão người Anh bạnh quai hàm ra khiến người ta nghĩ đến một con chó bò [3].
"Ông LIƠ" Có lẽ không gì khác có thể khiến đám đông im lặng nhanh chóng đến thế.
Lão người Anh đang bước; lão dừng lại cách ông chủ độ ba thước. Lão nói: "Gà của ông đánh cừ lắm. Kể ra con nào cũng có thể thắng…Đây là cặp gà kỳ phùng địch thủ hoàn hảo nhất mà tôi từng thấy! Tôi nghe nói ông là loại người thượng võ khả dĩ dám gộp cả tiền được lẫn vốn để cá tiếp một keo khác giữa gà của chúng ta".
Mexừ Liơ đứng đó, mặt trắng nhợt đi.
Trong mấy giây liền, tiếng cục cục, quàng quạc của những con gà chọi nhốt trong chuồng là âm thanh duy nhất người ta nghe thấy, trong khi đám người đông nghịt cố gắng lĩnh hội được cái tiềm năng của đôi gà chọi thi đấu với tám mươi nghìn đôla đặt cược ai thắng sẽ vơ tuốt…
Những cái đầu quay về phía mexừ Liơ. Ông có vẻ ngỡ ngàng phân vân. Trong một phần giây đồng hồ, luồng mắt của ông chạm vào Joóc-Gà đang ráo riết chạy chữa cho con gà bị thương. Joóc-Gà cũng giật thót như những người khác khi nghe thấy giọng của chính mình: "Gà của ông đánh được mọi thứ gì có lông vũ, thưa ông chủ!" Một biển mặt da trắng xoay về phía Joóc.
"Tôi nghe nói gã da đen trung thành của ông là một trong số những tay luyện gà cự phách nhất, nhưng ở vào địa vị ông, tôi sẽ không quá tin vào ý kiến hắn. Tôi cũng có những gà khác rất hay".
Những lời đó thốt ra như thể nhà phú hộ Anh coi thất bại vừa rồi của mình khác nào một ván bi, như thể lão đang trêu tức mexừ Liơ vậy.
Thế rồi mexừ Liơ nói, giọng hết sức trang trọng "Vâng thưa ngài. Như ngài đề nghị, tôi vui lòng để cả món tiền chuyển sang cá vào một trận khác".
Mấy phút hoạt động chuẩn bị tiếp theo đó qua đi gần như mờ mờ ảo ảo đối với Joóc-Gà. Không một tiếng động nào phát ra từ đám đông xung quanh. Trước nay chưa từng có gì như thế. Tất cả bản năng của Joóc-Gà đều đồng tình khi mexừ Liơ đưa ngón tay trỏ chỉ vào cái chuồng nhốt con gà vốn đã được Joóc đặt cho một biệt hiệu từ trước. "Vâng thưa ông, con Diều hâu", ông thì thào, biết rất cụ thể rằng con này thiên về miếng chộp và giữ địch thủ bằng mỏ trong khi dùng cựa chém. Đó sẽ là cách trị những con gà được luyện tránh né tinh thông, như trận đấu trước đã khiến người ta nghĩ đó có thể là đặc điểm trong đàn gà của vị khách Hồng mao.
Ẵm con "Diều hâu" trong tay, mexừ Liơ đi ra chỗ lão người Anh cầm một con gà chắc nịch màu xám đậm. Đưa lên cân trước khi vào trận, cả hai cùng nặng sáu (pao).
Khi tiếng "Buông!" vang lên, mang tới chấn động mong đợi, thay vì nhảy lên không, chả hiểu sao cả hai con đều phang nhau những đòn cánh dữ dội và Joóc-Gà nghe thấy con "Diều hâu" táp mỏ sắc một miếng giữ đích đáng… đang đòn đi đòn lại thì không biết thế nào, con gà Anh đánh trúng một cựa khủng khiếp. Còn gà của ông chủ loang choạng và đầu nó rũ xuống mềm oặt một lúc trước khi ngã gục, miệng há ra trào máu.
"Ôi lậy Chúa! Ôi lạy Chúa! Ôi lạy Chúa! Ôi lạy Chúa!" Joóc-Gà lao như tên bắn gạt mọi người sang bên, bổ nhào vào bãi chọi hình tròn. Rống lên như trẻ con, bế thốc con "Diều hâu" hiển nhiên là bị tử thương, ông hút máu động nơi mỏ nó trong khi nó thoi thóp yếu ớt hấp hối trên tay ông. Ông chật vật đứng dậy, nỗi đau ồn ào dữ dội của ông khiến những người đứng gần nhất phải lùi lại trong khi ông loạng choạng đi xuyên đám đông trở về xe, tay ẵm con gà chết.
Quanh quanh bãi chọi, một nhóm điền chủ đang rối rít vỗ lưng chúc mừng vị khách người Anh và mexừ Juét. Cả bọn họ đều quay lưng lại cái bóng đơn độc, rũ rượi của Me xừ Liơ đang đứng chôn chân, đờ đẫn nhìn xuống những vệt máu trong sân chọi.
Cuối cùng ngài C. Eric Raxel quay lại, bước tới chỗ me xừ Liơ, và me xừ Liơ chậm rãi ngước lên.
"Ngài nói sao?" ông lẩm bẩm.
"Thưa ngài, tôi nói rằng chỉ tại hôm nay không phải là ngày đại cát của ngài thôi."
Me xừ Liơ cố tạo ra được cái vệt bóng của một nụ cười.
Ngài C. Eric Raxel nói: "Về chuyện cá thì thế này. Cố nhiên, không ai mang theo những món tiền lớn như thế trong túi. Tại sao ta không giải quyết vào ngày mai nhỉ? Cho là một lúc nào đó trong buổi chiều đi…" Ông ta dừng lại một lát. "Sau giờ dùng trà, tại nhà ông Juét".
Tê tái, me xừ Liơ gật đầu: "Vâng thưa ngài".

Chặng đường về nhà mất hai tiếng đồng hồ. Cả ông chủ lẫn Joóc-Gà đều không hé răng nói một lời. Đây là cuộc hành trình dài nhất bằng xe mà Joóc-Gà từng đi, ấy thế mà nó vẫn chưa đủ dài, khi chiếc xe rẽ vào lối đi trong đồn điền…

Khì mexừ Liơ từ nhà Mexừ Juét trờ về vào lúc sẩm tối ngày hôm sau, ông thấy Joóc-Gà đang trộn thức ăn cho lũ gà con trong lều đựng đồ dự trữ, nơi ông đã qua phần lớn thời gian từ lúc những tiếng la thét, rền rĩ than khóc của Matilđa, cuối cùng, đã khiến ông phải trốn khỏi căn nhà gỗ nhỏ của họ.

"Joóc", ông chủ nói "ta có điều đau lòng nói với anh". Ông dừng lại lựa chữ tìm lời. "Ta hồ như không biết nói sao đây. Nhưng anh đã biết đấy, ta chả lấy đâu ra ngót nghét số tiền mà người ta tưởng ta có. Sự thực là, trừ mấy nghìn, hòm hèm toàn bộ sở hữu của ta chỉ gồm có ngôi nhà, mảnh ruộng đất này và một số nô lệ các người."

Ông í sắp bán bọn ta, Joóc mang máng cảm thấy thế.

"Khốn nỗi", ông chủ nói tiếp, "thậm chí tất cả những thứ ấy cũng chỉ được vào khoảng một nửa số ta nợ lão chó đẻ giời đánh thánh vật ấy. Nhưng lão đã mở cho ta một đường thoát". Ông chủ lại ngần ngừ. "Anh đã nghe lão bảo đã nghe đồn về anh như thế nào đấy, và hôm nay lão nói lão đã thấy được tài luyện gà của anh qua cả hai con đem ra đấu"…

Ông chủ hít một hơi thật sâu. Còn Joóc-Gà thì nín thở "Ờ, tuồng như lão cần thay một tay luyện gà lão mất ở bên Anh cách đây ít lâu và lão nghĩ mang về một gã nhọ luyện gà kể cũng hay". Ông chủ không đủ sức nhìn vào đôi mắt nghi ngờ của Joóc và đâm ra cộc lốc hơn. " Để khỏi kéo dài chuyện bầy nhầy này, lão ta bằng lòng lấy tất cả tiền mặt ta có, hai đợt cầm giữ ngôi nhà này để thế nợ - đợt một và đợt hai - và mang anh về bên Anh dùng cho đến khi anh luyện được một người khác, coi thế là xong nợ. Lão ta bảo là không quá hai năm đâu".

Ông chủ cố ép mình nhìn thẳng vào mặt Joóc-Gà "Không thể nào nói được ta đau đớn biết chừng nào về chuyện này, Joóc ạ… Ta không có cách nào khác. Lão ta xử với ta thế, cũng là nương nhẹ. Nếu ta không làm theo thì sẽ lụn bại, mọi thứ ta đã làm lụng suốt đời để gầy dựng nên đều đổ xuống sông xuống biển hết".

Joóc không sao tìm ra lời để nói. Ông có thể nói gì kia chứ? Dù sao, ông cũng là nô lệ của ông chủ.

"Bây giờ, ta biết anh cũng khánh kiệt và ta muốn bù đắp lại phần nào cho anh. Cho nên, ngay đây ta hứa với anh là trong khi anh đi vắng, ta sẽ trông nom vợ con anh. Và ngày anh trở về…".

Mexừ Liơ ngừng lại, luồn tay vào túi rút ra một tờ giấy gấp, giở nó ra và chìa trước mặt Joóc-Gà.

"Biết đây là cái gì không? Đêm qua, ta ngồi viết nó đây. Con đang nhìn thẳng vào văn bản hợp pháp xác nhận cho con được tự do, nhỏ ạ! Ta sẽ giữ nó trong két sắt của ta để trao cho con, ngày con trở về!"

Nhưng sau khi nhìn trừng trừng một lúc vào những dòng chữ bí ẩn phủ kín tờ giấy trắng vuông vức, Joóc-Gà vẫn tiếp tục vật lộn để chế ngự cơn giận dữ của mình. "Ông chủ ạ", ông bình tĩnh nói, "trước tui định mua cả nhà tui tự do! Bi giờ tất cả mọi thứ tui có đã đi tong, còn tui thì ông tống khứ tận đâu đâu bên kia biển nước, xa vợ xa con. Sao ông không thể chí ít là thả cho mẹ con nó tự do ngay bi giờ, rồi sau đến tui, khi tui trở về?".

Đôi mắt Mexừ Liơ him him, "Ta không cần mày dạy ta phải làm gì, nhỏ ạ!" Không phải lỗi tại ta mà mày mất món tiền ấy! Dù sao ta vẫn tự nguyện làm quá nhiều cho mày, ấy cái phiền nhiễu với bọn nhọ là thế! Tốt hơn, là mày hãy cẩn thận cái mồm mầy!" Mặt ông chủ đỏ dần lên. "Nếu mày không ở với ta cả đời ở đây thì ta đã thẳng thừng mà làm và bán quách cái đít nhọ của mày đi cho xong".

Joóc nhìn ông, rồi lắc đầu: "Nếu cả đời tui có chút ý nghĩa gì mới ông, thì thưa ông chủ, sao ông lại còn làm nó thêm rối beng lên thế nữa?"

Mặt ông chủ rắn đanh lại: "Hãy gói ghém bất cứ thứ gì mày định mang theo! Thứ bảy, mày sẽ lên đường sang Anh".

Chú thích:

[1] Khoảng gần 2,700kg
[2] Một loài thú có túi đựng con
[3] Một loài chó đầu to

Chương 104

Joóc-Gà đi rồi, số may mắn đi theo và có lẽ cả nghị lực của ông cũng đi nốt, vận của Mexừ Lio cứ thế tiếp tục suy. Mới đầu, ông ra lệnh cho Joóc-con chuyển sang dành cả thời gian hằng ngày chăm nom gà, song mới đến cuối ngày thứ ba, ông chủ đã thấy các cóng nước ở một số chuồng gà con cạn khô và gã Joóc-con bầu bĩnh, chậm chạp bèn bị tống cổ với những lời đe dọa ghê gớm. Sau đó, đứa con trai út, Luyx, mười chín tuổi, được chuyển từ làm đồng về nhận công việc đó. Để chuẩn bị cho mấy cuộc chọi còn lại trong mùa, giờ đây Mexừ Lio buộc lòng phải đích thân làm hầu hết công việc bồi sức và luyện gà trước kỳ thi đấu, vì cho đến nay, Luyx hoàn toàn không biết xoay sở ra sao. Cu cậu theo ông chủ đến các cuộc đấu ở nhiều địa phương khác nhau và những ngày ấy, cứ tối đến, gia đình lại tụ tập chờ Luyx về kể lại mọi chuyện xảy ra.

Gà của ông chủ thua nhiều hơn thắng, bao giờ Luyx cũng nói vậy, và lát sau, lại kể thêm là nó nghe hóng thấy nhiều người nói chuyện công khai rằng ông Tôm Lio phải tìm cách vay tiền để đánh cá. “Xem vẻ chả mấy ai muốn nói chuyện mấy ông chủ. Họ chỉ nói qua quít hoặc vẫy nhanh một cái rồi tiếp tục đi cứ dư ông bị mắc dịch í”.

“Phải, ôn dịch bắt họ đi, bi giờ chả họ biết là ông í nghèo mà”, Matilđa nói “Ông í xưa nay vưỡn chỉ là cách cơ mà thôi” bà Xerơ sẵng giọng.

“Cái ông già í chưa bao giờ bằn tính đến thế!” một đêm, bà Malizi kể vậy với đám cử tọa lầm lì. “Ông í sục sặc trong nhà dư con rắn, hò hét và chửi thề nếu bà chủ chỉ nhìn ông í thôi. Và khi ông đi vắng, cả ngày bà í ở trong nhà kêu la rằng bà í thậm chí không bao giờ muốn nghe nói đến gà nữa!”

Matilđa ngồi nghe, lòng cạn khô xúc động qua bao khóc lóc và cầu nguyện từ khi Joóc–Gà của bà đi khỏi. Bà đưa mắt điểm qua mấy đứa con gái ở tuổi vị thành niên và sáu con trai lớn khỏe mạnh trong đó ba đã có vợ con. Rồi tia nhìn đó quay lại ngưng trên người con trai thợ rèn, Tôm, như thể bà muốn anh nói điều gì. Nhưng người nói lại là Lili Xiu, cô vợ bụng chửa của Vơjơl ở đồn điền Cari bên cạnh ghé qua thăm, và giọng cô nặng trĩu lo sợ. “Con chả hiểu rõ ông chủ bên này bằng các bà, dưng mà con cảm thấy ông í sắp làm cái gì thật kinh khủng, chắc chắn dư chúng ta đã sinh ra đời vậy”. Im lặng đè nặng lên họ, không ai muốn phát biểu, sự phỏng đoán của mình, chút ít cũng là không muốn nói ra lời.

Sau bữa điểm tâm sáng hôm sau, bà Malizi lạch bạch từ nhà bếp hớt hải xuống cửa hàng rèn. “Ông chủ biểu cháu thắng yên con ngựa của ông í và dắt nó đi vòng ra cổng trước, Tôm ạ“ bà giục, đôi mắt to rõ ràng là ướt đẫm “Lạy Chúa, nhanh lên cháu, bởi vì những điều ông í nói mí bà cụ chủ tội nghiệp rằng là chả ra sao“. Chẳng nói chẳng rằng, loáng sau, Tôm đã buộc con ngựa thắng yên cương vào một cột cổng vả anh vừa bắt đầu vòng ra mé đại sảnh thì mexừ Lio lật đật đi qua cửa trước. Mặt đã đỏ gay vì rượu, ông chật vật trèo lên lưng ngựa và phóng đi, ngật ngà ngật ngưỡng trên yên.

Qua một cánh cửa sổ nửa mở nửa khép, Tôm nghe thấy bà chủ Lio khóc như tim sắp vỡ ra. Cảm thấy bối rối thay cho bà, anh tiếp tục đi qua sân sau đến lán thợ rèn, nơi anh vừa bắt đầu mài sắc một mũi cày bị cùn, đang làm thì bà Malizi lại đến.
“Tôm“, bà nói: “Bà tiêng bố cho cháu biết khéo ông chủ rồi đến tự giết mình mất thôi, ông í cứ dư thế này mãi, gần tám mươi tuổi đầu rồi còn gì“.
“Bà Malizi, bà muốn biết sự thật à“, anh đáp: “Cháu cho rằng cách này hay cách khác đấy chính là điều ông í định làm!“

Mexừ Lio trở về vào khoảng giữa chiều, theo sau là một người da trắng khác cưỡi ngựa, và từ vị trí quan sát của mình ở nhà bếp và cửa hiệu rèn, cả bà Malizi và Tôm đều ngạc nhiên thấy hai người không xuống ngựa vào đại sảnh nghỉ ngơi uống nước, như trước đây, bao giờ có khách cũng thế. Đằng này, hai con ngựa vẫn tiếp tục phi nước kiệu xuôi con đường sau nhà, hướng về phía khu gà chọi. Không đầy nửa giờ sau, Tôm và bà Malizi thấy người khách phóng nhanh trở lại một mình cặp ở nách một con gà mái chọi sợ hãi kêu cục cục và Tôm đứng ở ngoài, nên có thể nhìn thấy khá gần vẻ giận dữ của người đó khi y phi ngựa qua.

Mãi đến cuộc họp mặt thường lệ của xóm nô đêm hôm ấy, Luyx mới thuật lại những gì thực sự đã xảy ra. “Khi con nghe thấy tiếng ngựa đến“, nó nói, “con cốt sao chắc chắn là ông chủ đã trông thấy mình đang làm việc, rồi mới lẩn ra sau mấy bụi cây, từ chỗ í con biết là có thể nhìn và nghe rõ mọi chuyện.

“Thế, sau khi mặc cả thật găng một hồi, họ đi đến ngã giá một trăm đôla con gà mái chọi đang ấp một lứa trứng í. Rồi con thấy người kia xỉa tền ra đếm, rồi ông chủ đếm lại trước khi bỏ vào túi. Ngay sau đấy bắt đầu một sự hiểu nhầm, tưởng ông chủ biểu dững quả trứng con mái í đang ấp cũng đi kèm luôn vào món hàng í. Thế là ông chủ bắt đầu nguyền rủa dư điên! Ông chạy tới túm lấy con gà nhắc lên và lấy chân giậm nát bét ổ trứng thành một mớ bèo nhèo! Hai người xít nữa đánh nhau, thì bất thình lình người kia giật lấy con gà và nhẩy lên ngựa, miệng hét nếu ông chủ không giả khụ dư thế, thì lão ta đã choảng vỡ đầu rồi!“

Mỗi ngày qua đi, nỗi lo lắng băn khoăn của cái gia đình xóm nô càng sâu thêm và ban đêm giấc ngủ khắc khoải không yên vì không biết sắp tới còn có diễn biến gì đáng sợ nữa. Suốt mùa hè cho đến khi bước vào mùa thu năm 1855 ấy, cứ mỗi cơn thịnh nộ của ông chủ, cứ mỗi lần ông đi khỏi nhà hoặc trở về, cả gia đình bất giác lại dồn mắt vào anh chàng Tôm thợ rèn hai mươi hai tuổi, như muốn kêu gọi anh dìu dắt hướng dẫn, nhưng Tôm không đáp ứng. Sang tháng mười một mát mẻ, khi một vụ thu hoạch tốt đẹp trên khoảng sáu mươi lăm âycơ bông và thuốc lá của ông chủ khiến ông có thể bán khá tiền, một hôm thứ bảy vào lúc sẩm tối, Matilđa ngóng ở cửa sổ căn nhà gỗ nhỏ của mình cho đến khi thấy người khách cuối cùng của Tôm rời cửa hiệu rèn, và bà hối hả chạy ra đó, qua kinh nghiệm bao lâu nay, nhìn vẻ mặt mẹ, Tôm biết một điều gì đặc biệt đang làm bà bận tâm.
“Có gì thế mẹ?“ anh vừa hỏi vừa bắt đầu vun lửa trong lò rèn.
“Mẹ đang nghĩ, Tôm ạ. Bi giờ, cả sáu con trai mẹ đều đã thành người nhớn rồi. Con không phải là cả, dưng mà mẹ là mẹ của con, mẹ biết con có đầu óc chín chắn nhất“, Matilđa nói. “Hơn nữa, con là thợ rèn, còn bọn nó là lực điền. Cho nên, xem ra con phải là người lền ông trụ cột của gia đình này từ khi bố con đi đã tám tháng nay...“ Matilđa ngập ngừng rồi thành thật nói thêm, “chí ít cũng đến khi bố về“.

Tôm giật mình kinh ngạc thực sự, vì từ bé đến giờ, anh vẫn là thành viên kín đáo, dè dặt nhất trong gia đình. Mặc dầu tất cả đều sinh trưởng ở đồn điền của mexừ Liơ anh chưa bao giờ trở nên thật gần gũi với ai trong số anh em trai, chủ yếu là vì anh đã phải đi xa mấy năm học nghề thợ rèn và từ khi trở về nhà như một người trưởng thành, anh luôn ở lò rèn, trong khi các anh em trai của anh làm việc ngoài đồng. Anh càng ít tiếp xúc hơn với Vơjơl, Asfođ và Joóc-con vì nhiều lý do khác nhau. Vơjơl, nay đã hai mươi sáu tuổi, có bao nhiêu thì giờ rỗi rãi đều sang đồn điền bên cạnh với cô vợ Lili Xiu và đứa con mới đẻ đặt tên là Iuriơ. Còn Asfođ, hai mươi lăm tuổi thì xưa nay gã với Tôm bao giờ cũng xung khắc và tránh nhau, thêm nữa, Asfođ đã trở nên yếm thế hơn bao giờ hết từ khi ông chủ của cô gái mà gã cay cú muốn lấy từ chối không cho hai cô cậu nhảy chổi, ông ta gọi Asfođ là tên “nhọ kiêu kỳ“. Và anh chàng Joóc-con hăm bốn tuổi, bây giờ rõ là béo ị, cũng đang lao vào mải mê tán tỉnh một chị bếp ở một đồn điền kế cận, gấp đôi tuổi mình, làm cả gia đình dè bỉu rằng cu cậu sẵn sàng cầu hôn bất kỳ ai muốn nhồi đầy dạ dầy mình.

Việc Matilđa bảo Tôm rằng bà coi anh như chủ gia đình càng khiến anh bàng hoàng hơn vì điều đó hàm ý rằng anh sẽ là người trung gian giao thiệp với mexừ Liơ mà anh vốn cố tình lảng xa, rất ít tiếp xúc cụ thể. Từ khi dựng cửa hiệu rèn, ông chủ, chả biết do đâu, bao giờ cũng có vẻ tôn trọng sự dè dặt trầm tĩnh của Tôm, cùng với khả năng hiển nhiên của anh về nghề rèn, nhờ đó khách hàng cứ ùn ùn đến ngày một đông. Bao giờ họ cũng trả ông chủ tại đại sảnh mọi công sá về các việc Tôm đã làm, và mỗi chủ nhật ông chủ phát cho Tôm hai đôla tiền công hàng tuần.

Cùng với tính trầm lặng cố hữu không muốn nói chuyện nhiều với ai, Tôm còn có khuynh hướng ngẫm ngợi đào sâu những ý nghĩ thầm kín. Không ai ngờ rằng trong hai năm nay, có khi hơn nữa, anh đã xoay đi lật lại trong đầu những điều cha anh mô tả về những triển vọng đáng phấn khởi mà “trên Bắc“ phơi bày trước người dân da đen tự do, và Tôm đã cân nhắc rất kỹ ý định đề nghị với toàn thể gia đình xóm nô là, thay vì chờ đợi thêm hàng bao năm đằng đẵng để cố mua lại tự do, họ nên vạch kế hoạch cẩn thận và tiến hành một cuộc chạy trốn hàng loạt lên miền Bắc. Anh đã miễn cưỡng phải bỏ ý định ấy khi nhận ra rằng bà nội Kitzi hẳn đã ngoài sáu mươi tuổi, và các bà già Xerơ, Malizi, cũng coi như người trong gia đình, đã ngoại thất tuần. Anh cảm thấy ba người này ắt sốt sắng nhất muốn đi khỏi, song anh khó tin có bà nào sống qua được những hiểm nghèo và gian khổ của một nước bài tuyệt vọng như vậy.

Gần đây, Tôm đã thầm suy luận rằng tổn thất vừa rồi của ông chủ trong chọi gà hẳn là còn lớn hơn ông bộc lộ. Tôm đã theo dõi sát mexừ Liơ mỗi ngày một thêm căng thẳng, phờ phạc và già nua, sau mỗi chai uýtxki cạn đến đáy. Nhưng Tôm biết rằng chứng đáng lo nhất về một cái gì bất ổn sâu sắc là theo lời Luyx, đến nay, ông chủ đã bán đi ít nhất là nửa số gà của mình, mà gây được bấy nhiêu giống xoàng ra cũng phải mất nửa thế kỷ.

Rồi Nôen đến và bước sang năm mới 1856, một cái gì như một tấm màng tang chùm khắp, không chỉ riêng trên xóm nô mà trên toàn bộ đồn điền. Rồi một buổi chiều đầu xuân lại một người cưỡi ngựa xuất hiện ở lối vào đồn điền. Mới đầu, bà Malizi đánh giá y là một khách mua gà nữa. Nhưng rồi thấy ông chủ đón chào người này một cách khác hẳn, bà đâm lo. Mỉm cười và tán chuyện với người khách trong khi y xuống ngựa, ông chủ hét Joóc-con đứng gần đấy sai cho ngựa ăn, uống và dắt vào chuồng ngủ đêm, rồi mexừ Liơ ân cần hộ tống y vào nhà.

Ngay cả trước khi bà Malizi bắt đầu dọn bữa tối, ngoài xóm nô mọi người đã lo sợ hỏi nhau "Muốn gì đi nữa, cái người này là thế nào nhỉ?"... "Trước nay chưa thấy y ta bao giờ cả!"..."Gần đây, chả lần nào, ông chủ tiếp khách dư vậy!"..."Thế các người đoán y ta đến đây làm gì?". Họ gần như không đủ kiên nhẫn chờ bà Malizi đến thông báo tình hình.

"Họ nói chuyện gì, chuyện gì tôi nghe chả đâu vào đâu cả", bà nói "Có thể là vì có bà cụ chủ ở ngay đấy". Rồi bà Malizi nói tiếp, nhấn giọng: "Dưng mà, muốn thế nào thì thế, tui không sao ưa được cái vẻ của người này! Tui đã thấy nhiều kẻ giống dư hắn, mắt liếc ngang liếc dọc, lại cố làm ra vẻ ta đây kẽ giờ, mà thực ra không phải là thế".

Hàng chục đôi mắt ở xóm nô đang giám sát các cửa sổ ở đại sảnh thì những di động hiển nhiên của ngọn đèn nói lên rằng bà chủ Lio đã để hai người đàn ông ở lại phòng khách và lên gác đi ngủ. Ngọn đèn phòng khách vẫn còn cháy sáng khi người cuối cùng trong gia đình xóm nô thôi không gác nữa và về giường ngủ, sợ tới giờ kẻng báo thức lúc rạng đông.

Trước bữa điểm tâm, vừa có dịp là Matilđa kéo riêng người con trai thợ rèn ra một chỗ. "Tôm, đêm qua không có dịp nào để nói riêng mấy con, mới lị mẹ chả muốn làm mọi người sợ chết khiếp, cơ mà bà Malizi biểu mẹ là bà nghe thấy ông chủ nói ông phải giả hai văn tự cầm nhà và bà Malizi biết ông chủ hồ dư không có lấy một xu! Mẹ cảm thấy đến tận đầu ngón tay rằng cái lão da trắng í là một lái buôn nhọ!".
"Con cũng vậy" Tôm nói gọn. Anh im lặng một lát "Mẹ ạ, con nghĩ với một ông chủ nào khác, chúng ta lại có thể khá khẩm hơn đấy, có nghĩa là chừng nào tất cả chúng ta còn sum họp. Đấy là lo lắng lớn nhất của con".

Thấy những người khác bắt đầu ra khỏi lều để đi làm buổi sáng, Matilđa vội bỏ đi, để khỏi làm họ hốt hoảng không cần thiết bởi việc tiếp tục câu chuyện.

Sau khi bà Lio bảo Malizi là mình đau đầu, không ăn điểm tâm, ông chủ và người khách đánh một bữa sáng ngon lành, rồi bước ra sân trước, chụm đầu chuyện trò sôi nổi. Hồi lâu, họ dạo quanh đại sảnh, vào sân sau, rồi cuối cùng tới chỗ Tôm đang thụt chiếc bễ làm lấy, phun những tia lửa vàng vàng bay lên lò rèn trong đó có hai tấm sắt bẹt đang được nung gần tới độ nóng cần thiết để gò thành bản lề cửa. Trong mấy phút liền, hai người đứng theo dõi sát Tôm dùng chiếc kìm cán dài lấy những tấm sắt đỏ rực ra. Sau khi khéo léo gấp chính giữa tấm sắt đó, quấn thật chặt quanh một chiếc cần làm khuôn cắm vào lỗ đục của cái đe mang nhãn hiệu Fisơ Norix, tạo thành ống bản lề, anh tiếp tục đục ba lỗ bắt vít vào mỗi tấm. Nhấc cái đục nguội chuôi ngắn và cái búa bốn "pao" tự rèn lấy ưa thích của anh, Tôm cắt những lá sắt thành những bản lề hình chữ H mà một khách hàng đã đặt, luôn tay luôn chân làm việc tựa hồ không biết đến sự có mặt của hai người đang quan sát anh.

Cuối cùng mexừ Lio nói:"Nó là một tay thợ rèn cừ ra trò, chính tôi cũng phải nói thế", ông lấy giọng tự nhiên.

Người kia ầm ào tán thành. Rồi y bắt đầu đi quanh trong lán rèn, ngó nhìn những dẫn chứng nhan nhản về kỹ năng của Tôm treo ở những chiếc đinh và chốt. Đột nhiên y hỏi thẳng Tôm: "Chú mày bao nhiêu tuổi?"
"Thưa ông, bi giờ là sắp hăm ba".
"Chú mày có mấy con?"
"Thưa ông, tui chưa vợ"
"Một gã trai to, khỏe như chú mày thì chả cần vợ cũng có con rải rác khắp nơi".
Tôm chẳng nói chẳng rằng, thầm nghĩ có biết bao con cái người da trắng rải rác khắp các xóm nô.
"Có thể chú mầy là một nhọ thực sự ngoan đạo chăng?"

Tôm biết người này đang tìm cách moi chuyện anh vì một lý do gì đó - gần như chắc chắn là nhằm đánh giá để mua anh. Anh nói sắc gọn: "Tui chắc mexừ Lio đã nói mấy ông bày tui ở đây hầu hết là một gia đình, mẹ tui, bà tui và các anh chị em tui và các cháu tui. Bầy tui ai nấy đều được dạy dỗ tin ở Thượng đế và Kinh Thánh, thưa ông".
Mắt người nọ nheo lại: "Vậy chứ ai trong bọn chú mầy đọc Kinh Thánh cho mọi người khác nghe?".

Tôm chả dại gì cho người lạ mặt mang điềm gở này biết rằng cả bà nội lẫn mẹ mình đều biết đọc. Anh nói: "Tui cho rằng bọn tui trong khi nhớn lên ai nấy đều nghe Kinh Thánh nhều đến nỗi đâm thuộc lòng, thưa ông".

Có vẻ yên tâm, người nọ quay lại chuyện lúc đầu: "Chú mầy liệu có thể lo toan công việc rèn ở một đồn điền lớn hơn thế này nhiều không?"

Tôm cảm thấy uất đến mức sắp nổ tung vì đây lại thêm một bằng chứng xác nhận việc người ta bán anh, song anh cần biết gia đình mình có được bao gồm trong đó không. Qua cơn tức giận điên người vì bị treo trong trạng thái

thấp thỏm như vậy, anh lại thăm dò lần nữa: “À, thưa ông, tui mấy mọi người trong gia đình tui ở đây có thể trồng cấy và làm hầu hết mọi thứ cần thiết cho một đồn điền, tui chắc thế“...

Cũng bình tĩnh như lúc họ đến, ông chủ và người khách của mình bỏ mặc Tôm tức sôi sùng sục; họ vừa mới hướng ra đồng thì bà già Malizi đã từ nhà bếp hớt hơ hớt hải đến: “Vậy chớ dững người lền ông í nói gì thế, Tôm? Bà chủ thậm chí không dám nhìn vào mắt tao nữa“.

Cố gắng ghìm giọng, Tôm nói: “Sắp có sự bán chác gì đây, bà Malizi ạ, có thể là tất cả chúng ta, dưng mà cũng có thể chỉ mình cháu thôi“. Bà Malizi oà lên khóc và Tôm lắc mạnh vai bà. “Bà Malizi, việc gì phải khóc. Dư cháu biểu với mẹ cháu, khéo đến nơi mới chúng ta lại khấm khá hơn ở đây mấy ông í cũng nên“. Nhưng tha hồ cố gắng, Tôm vẫn không sao làm cho bà già Malizi nguôi buồn phiền.

Cuối ngày hôm đó, những người khác ở ngoài đồng về, các anh em trai của Tôm mặt lầm lầm, u ám giữa đám phụ nữ rên khóc sướt mướt. Tất cả lập tức kể lại chuyện ông chủ cũng đã dẫn khách ra quan sát họ làm việc như thế nào, rồi người lạ mặt đi từ người nọ đến người kia đặt những câu hỏi khiến không ai còn có thể nghi ngờ gì về viêc họ đang được đánh giá để đem bán.

Đến gần sáng thì ba người trong đại sảnh không thể không nghe tiếng náo động mỗi lúc một tăng do nỗi đau buồn và kinh hãi dâng lên trong đám mười bảy con người ở xóm nô; cuối cùng, phần lớn những người đàn ông cũng phản ứng một cách cuồng loạn như phụ nữ, họ đâm lây nhau lên cơn túm lấy, ghì chặt lấy bất kỳ ai ở gần mình nhất mà la trời rằng chẳng bao lâu sẽ không còn được thấy nhau nữa. “Lạy Chúa xin cứu chúng con khỏi sự áááác nầy“, Matilđa thất thanh cầu nguyện.

Sáng ra, Tôm rung chuông báo thức với một dự cảm về sự tận thế.

Bà già Malizi đi qua bên anh, tất cả đến nhà bếp đại sảnh sửa soạn bữa điểm tâm. Chưa đầy mười phút sau, bà ì ạch quay lại xóm nô, bộ mặt đen căng thẳng vì một cơn choáng váng mới và lại nhễ nhượi nước mắt: “Ông chủ biểu không ai được đi đâu. Ông biểu khi nào ông điểm tâm xong, tất cả phải tập họp ngoài này“...

Cả bác Pompi già khụ, ốm liệt cũng được đặt trong ghế khiêng ra khỏi lều khi mọi người tập họp, kinh hoàng.

Lúc mexừ Lio và người khách quành mé đại sảnh, dáng đi chệch choạng của mexừ Lio nói với mười bảy đôi mắt rằng ông ta còn quá chén hơn mọi khi nữa và hai người dừng lại khoảng bốn mét trước đám dân xóm nô, ông chủ bèn lớn tiếng, giận dữ, líu cả lưỡi:
“Bọn nhọ các người bao giờ cũng thò mũi vào công việc của ta, cho nên các người chẳng lạ gì là cái đồn điền này sắp đổ vỡ. Các người là gánh nặng quá lớn, ta không đương nổi nữa, cho nên ta phải bán bớt cho quý ông đây“...

Thấy tất cả đồng thanh la hét, rền rĩ, người kia khoa tay thô bạo “Im mồm! Đã làm ỏm tỏi lên như thế từ đêm qua rồi còn chưa đủ à?“ Y đưa mắt lướt qua lướt lại hàng người cho đến khi họ im lặng. “Ta đây không phải loại buôn nhọ bình thường. Ta là đại diện cho một trong những hãng lớn nhất, xộp nhất trong ngành. Chúng ta có các chi nhánh, có tàu để giao nhọ theo đơn đặt hàng, đi đi về về giữa Richmơnd, Saletơn, Memphix, và Niu Oliânz...“.

Matilđa thốt ra nỗi khắc khoải đầu tiên trong tâm trí của tất cả: “Thưa ông chủ, chúng cháu sẽ được bán cùng cả loạt chứ ạ?“.
“Ta đã bảo các ngươi im cái mồm! Rồi các ngươi sẽ biết. Ta khỏi cần nói ông chủ các ngươi đây là một quý ông chân chính, cũng như phu nhân đôn hậu trên nhà kia đang khóc nẫu cả lòng vì những bộ da đen của các ngươi. Nếu đem bán lẻ bọn các ngươi, ông bà đây ắt được nhiều tiền hơn, nhiều hơn nhiều". Y đưa mắt nhìn Kitzi-bé và Meri đang run bần bật. "Hai đứa nữ này, ngay bây giờ chúng bay đã có thể bắt đầu sinh sản những tí nhau nhọ đáng bốn trăm trở lên một đứa". Cái nhìn của y đặt lên Matilđa. "Ngay cả như nhà chị cũng đã khá già, nhà chị cũng biết nấu nướng, chị nói thế mà. Dưới miền Nam hiện nay, một đầu bếp giỏi giá từ nghìn hai đến nghìn rưỡi". Y nhìn Tôm. "Cứ cái đà giá cả đang lên bây giờ, theo ta, một gã thợ rèn đang trai có thể dễ dàng bán được hai nghìn rưỡi, thậm chí tới ba nghìn, nếu gặp người nào muốn có chú mày để thu hút khách hàng như chú mày đang làm ở đây!" Đôi mắt y lướt trên năm anh em trai của Tôm, từ hai mươi đến hai mươi tám tuổi. "Còn bọn trai lực điền này, mỗi đứa phải đáng giá từ chín trăm đến một nghìn"... Cha lái buôn nô lệ ngừng lại để gây hiệu quả. "Nhưng các ngươi quả là một bọn nhọ may mắn! Bà chủ các ngươi một mực đòi là các ngươi phải được bán cả cụm và ông chủ các ngươi đã đồng ý!".
"Cảm ơn bà chủ! Cảm ơn Chúa Jêxu!" Bà nội Kitzi kêu lên. "Sáng danh Thượng đế!" tiếng Maltiđa lanh lảnh.

"IM MỒM!" Cha lái buôn nô lệ giận dữ khoa tay. "Ta đã hết sức cố gắng thuyết phục ông bà ấy làm khác mà không được. Cũng là tình cờ mà hãng của ta lại có một số khách hàng có một đồn điền thuốc lá ở cách đây không xa. Ngay gần công ty xe lửa Bắc Carôlina ở quận Hơmex. Họ cần một gia đình nhọ cùng sống chung, không gây rắc rối, không có kẻ nào trốn chạy hoặc chuyện gì đại loại như thế, và có kinh nghiệm lo toan mọi việc ở chỗ của mình. Sẽ không cần phải đem các ngươi bán đấu giá. Ta được dặn là không phải xiềng các ngươi, không phải làm điều gì đại loại như thế, trừ phi gặp chuyện rầy rà!" Y lạnh lùng nhìn suốt lượt. "Thôi được, bắt đầu ngay từ bây giờ tất cả bọn các ngươi vừa nghe ta nói chuyện, hãy tự coi mình là nhọ của ta cho đến khi ta đưa các ngươi tới nơi tới chốn. Ta cho các ngươi bốn ngày để thu xếp gói ghém đồ đoàn. Sáng thứ bảy, chúng ta sẽ cho một số xe tải chở các ngươi đến quận Alơmenx".

Vơjơl là người đầu tiên thốt lên bằng một giọng rã rời: "Còn Lili Xiu mấy con nhỏ của tui ở đồn điền Cari thì sao? Ông cũng mua luôn thể chứ, thưa ông?".

Tôm bật ra: "Và còn bà nội chúng tui, bà Xerơ và bà Malizi và cụ Pompi? Cũng là gia đình cả, sao ông không nhắc đến"...
"Ta không có ý định ấy! Ta không thể mua tất cả các ả mà một gã trai vớ được để tòm tem cho khỏi cảm thấy cô đơn!" cha lái buôn nô lệ kêu lên mỉa mai. "Còn như đám già thân tàn ma dại này, họ đi còn không nổi nữa là làm việc, chả khách nào thèm mua họ? Nhưng ông Liơ tốt bụng đã bằng lòng để cho họ tiếp tục lê lết ở quanh đây".

Giữa những tiếng kêu, khóc òa lên, Bà Nội Kitzi nhảy ra ngay trước mặt mexừ Liơ nói như rứt từng tiếng ra khỏi cổ họng: "Ông đã đẩy chính con giai ông đi rồi, chả nhẽ tui không thể chí ít là được ở mấy lũ cháu ư?" Thấy mexừ Liơ vội vã nhìn đi chỗ khác, bà cụ sụm xuống đất, những cánh tay trẻ, khỏe nắm lấy và đỡ bà dậy trong khi các bà già Malizi và Xerơ gần như đồng thanh tru lên: "Ông chủ, tui chỉ còn có bọn nó là gia đình thôi!"... "Tôi cũng thế, thưa ông chủ! Bầy tui sống cùng nhau đã năm mươi năm có lẻ!" Bác Pompi già khụ tàn phế thì chỉ ngồi, không đủ sức đứng dậy khỏi ghế, nước mắt ròng ròng trên má, nhìn thẳng trước mặt như mất hồn, môi mấp máy như cầu nguyện.

"IM MỒM". Lão lái buôn nô lệ hét. "Ta bảo các ngươi lần chót đấy. Rồi các ngươi sẽ mau chóng thấy ta biết cách trị nhọ như thế nào!".

Cặp mắt Tôm tìm kiếm và trong một thoáng chốc, quyện lấy luồng mắt mexừ Liơ và Tôm lựa lời nói, giọng khàn đi: “Thưa ông chủ, chúng cháu rành là khổ tâm thấy ông gặp sự không may, và chúng cháu biết sở dĩ ông bán chúng cháu chỉ là vì ông buộc lòng phải làm thế mà thôi...”.

Mexừ Liơ có vẻ gần như cảm kích, rồi mắt ông lại cụp xuống và mọi người phải cố gắng mới nghe rõ lời ông. “Phải ta chẳng hiềm ghét gì đứa nào trong bọn bay, nhỏ ạ...” ông lưỡng lự. “Tình thật, thậm chí còn có thể nói bọn bay là những tên nhọ tốt, phần hết bọn bay đều sinh ra và lớn lên ngay trên đất của ta”.

“Thưa ông chủ”, Tôm dịu dàng cầu xin, “nếu các người ở quận Alơmenx không nhận các cụ già trong gia đình chúng cháu, liệu ông có thể để cho cháu mua các cụ từ tay ông được không? Người này vừa nói các cụ chả đáng bao tền, cháu xin giả ông tốt giá. Cháu sẽ quỳ gối xin ông chủ mới để cho cháu kiếm chút việc rèn thuê ở ngoài, có thể là làm cho cái đường sắt í, và các anh em trai cháu cũng làm mướn góp thêm vào nữa, thưa ông?” Tôm van vỉ một cách khốn khổ, lúc này nước mắt bắt đầu chảy xuống má. “Thưa ông chủ, làm được ngần nào, chúng cháu xin gửi ông tất cả cho đến khi chúng cháu giả hết khoản tền mua bà nội chúng cháu, mấy lại ba cụ già kia nữa cũng là gia đình chúng cháu, ông đòi bao nhiêu chúng cháu xin giả chừng nấy. Tất cả chúng cháu đã no đói có nhau, rành là chúng cháu tha thiết muốn ở bên nhau, thưa ông chủ...”.

Mexừ Liơ đã cứng rắn hơn. Nhưng ông nói: “Thôi được! Giả ta mỗi mống ba trăm đôla, ta để cả cho”... ông giơ tay lên ngăn lại, trước khi nỗi vui mừng của họ kịp bùng ra trọn vẹn. “Hãy khoan! Họ còn phải ở lại đây đến khi nào ta nhận đủ tiền”.

Giữa những tiếng rền rĩ và nức nở, giọng Tôm vọng đến xa vắng “Xét mọi bề, bầy tui ngỡ có thể trông chờ ở ông nhiều hơn thế, ông chủ ạ”.

“Đưa chúng ra khỏi đây, ông lái!” ông chủ quát. Và quay gót, đi nhanh về phía đại sảnh.

Trở về xóm nô tuyệt vọng cùng đường, cả các bà già Malizi và Xerơ cũng tham gia vào an ủi Bà Nội Kitzi. Bà ngồi trong chiếc ghế đu do Tôm làm cho bà, giữa sự nháo nhác của gia đình xúm lại ôm ghì, hôn hít bà, tưới đẫm nước mắt lên bà. Tất cả đều khóc.

Từ một nguồn nghị lực nào đó, bà lão tìm ra được sức mạnh, lòng can đảm để gắt lên, giọng khàn khàn: “Chúng bay đừng có rối lên thế! Bà mấy Xerơ, Malizi, mấy lị Pompi chỉ việc ở đây chờ Joóc cho đến khi nó trở về. Chả còn mấy lâu nữa, đã gần hai năm rồi. Nếu nó không đủ tền mua bọn tau, thì bà chắc cũng chả mất thêm nhiều thời gian để Tôm mấy cả bọn con trai chúng mầy sẽ...”.

Asfođ nghẹn ngào: “Vâng thưa bà, chúng cháu nhất định sẽ làm được!” Bà mỉm cười nhợt nhạt với Asfođ, với tất cả mọi người. “Còn một điều nữa,” Bà nội Kitzi nói tiếp, “bất kỳ đứa nào trong bọn bay có thêm con trước khi bà gặp lại bọn bay, chớ có quên kể lại cho chúng nghe về các cụ đẻ ra tau, về mẹ tau là Bel và bố tau người Phi tên là Kunta Kintê, tức là cụ tổ năm đời của các con bọn bay! Nghe bà đây! Hãy kể cho chúng nghe về bà, về Joóc của bà, về chính các cháu nữa! Và kể dững đều chúng ta đã phải trải qua giữa nhều ông chủ khác nhau. Kể cho con cái nghe tất cả, cho chúng biết tổ tiên, ông bà, cha mẹ chúng là ai!”.

Giữa một hợp xướng xụt xà xụt xịt những tiếng “Nhất định chúng con sẽ làm thế”... “Chúng con sẽ không bao giờ quên đâu, Bà Nội ạ”. Bà lão đưa tay quờ những khuôn mặt ở gần mình nhất “NÍN ngay! Mọi sự rồi sẽ tốt đẹp! Nín ngay, bà đã biểu các con mà! Bọn bay sắp sửa trút ngập nước mắt làm trôi bà ra khỏi cửa bây giờ!”.

Thế rồi, cách nào đó, bốn ngày cũng trôi qua, những người phải ra đi đã gói ghém hành trang và cuối cùng, sáng thứ bảy đã tới. Ai nấy đều thao thức suốt đêm. Lặng lẽ hầu như không thốt ra lời nào, họ tập hợp lại, tay nắm tay chăm chăm nhìn mặt trời lên. Cuối cùng, đoàn xe tải tới. Lần lượt, những người ra đi quay lại lặng lẽ ôm hôn những người ở lại.
“Bác Pompi đâu?” có người hỏi.

Bà Malizi nói: “Tội nghiệp ông già đêm qua biểu bà là ông ấy không chịu nổi phải thấy tất cả các cháu đi...”.
“Dù thế nào cháu cũng phải chạy vào hôn ông!” Kitzi-bé kêu lên và chạy về phía căn nhà gỗ nhỏ.

Một lát, bỗng thấy tiếng cô bé: “ÔI, KHÔNG!”.

Những người khác, đang đứng dưới đất hoặc nhảy từ trên xe xuống, vội lao tới. Ông già đang ngồi trên chiếc ghế tựa của mình. Và ông đã chết.

Chương 105

Tại đồn điền mới, mãi đến chủ nhật sau, khi ông chủ bà chủ Marê cưỡi xe ngựa đi lễ nhà thờ, cả gia đình mới có dịp ngồi lại hàn huyên với nhau.

"Nầy, rành là mẹ không muốn nhận định quá sớm đâu", Matilđa nói, đưa mắt nhìn quanh cả một lượt con cháu. "Dưng mà suốt tuần vừa rồi, mẹ mấy bà chủ Marê chuyện trò khá nhều ở trong nhà bếp trong khi mẹ nấu ăn. Mẹ phải nói rằng bà í mấy ông chủ mới nầy có vẻ là dững người Cơ đốc ngoan đạo. Mẹ cảm thấy dư chúng ta ở đây rồi sẽ khấm khá hơn nhều, trừ cái là bố các con chưa về, mấy lị Bà Nội mấy hai bà già còn ở lại chỗ mexừ Liơ thôi". Một lần nữa nhìn chăm chăm vào mặt các con, bà hỏi: "Vậy chứ bằng vào dững đều tai nghe mắt thấy, các con cảm thấy thế nào?"

Vơjơl nói: "À, mexừ Marê nầy xem chừng chả biết mấy về nghề nông cũng chả có vẻ ông chủ nữa!".

Matilđa ngắt lời: "Ấy là vì họ là người tỉnh thành mở cửa hiệu ở Bơlintơn cho đến khi chú ông í chết, di chúc để lại cho hai vợ chồng cái đồn điền nầy".

Vơjơl nói: "Lần nào nói chuyện mấy con, ông í cũng biểu đang tìm thuê một xú-ba-dăng người da trắng để đôn đốc chúng ta làm việc. Con vẫn biểu ông í rằng không cần phải tiêu phí tền, rằng ông í cần ít nhất là năm sáu lực điền nữa còn hơn một xú-ba-dăng. Con biểu ông í cứ để chúng ta làm thử, chúng ta sẽ độc lực trồng cho ông í dững vụ thuốc lá thật tốt...".

Asfođ xen vào: "Nơi nào có xú-ba-dăng cách-cơ dòm dỏ từng cử động một, là tui không có chịu ở lâu dài!".

Sau khi quắc mắt nhìn Asfođ, Vơjơl nói tiếp: "mexừ Marê nói ông í có đứng quan sát một lúc xem chúng ta làm việc dư thế nào". Anh ngừng một lát. "Con gần dư van ông í mua nốt Lili Xiu mấy cháu bé khỏi mexừ Cari ở đằng í và đưa mẹ con nó về đây. Con biểu ông í là Lili Xiu làm khỏe dư bất kỳ ai. Ông í biểu là để ông í nghĩ xem, cơ mà để mua chúng ta, hai vợ chồng ông í đã phải vay nhà băng một khoản cầm cố ngôi đại sảnh và để ông í xem năm nay bán được bao nhiêu thuốc lá" Vơjơl lại tạm ngừng. "Vì vậy tất cả chúng ta đều phải cố công làm lụng ra trò! Có thể nói dững người da trắng khác đang ý kiến mấy ông í rất nhiều rằng không có người trông coi, bọn nhọ chỉ làm việc nửa vời. Nếu chúng ta để ông í thấy ai lừng khừng chơi rông thì chắc chắn là cuối cùng, chúng ta sẽ có một xú-ba-dăng kèm riết cho mà coi". Vơjơl lại đưa mắt nhìn anh chàng Asfođ mặt sưng mày sỉa và nói thêm: "Thực đấy, tui nghĩ khi nào mexừ Marê phóng ngựa ra chỗ chúng ta làm việc, tui có hò hét mọi người một tí cũng là tốt thôi, cơ mà tất cả cũng hiểu tại sao phải thế".

"Nhất định rồi!" Asfođ nổi đóa, "Tui biết anh mấy một đứa khác nữa, bao giờ cũng cố tỏ vẻ là tên nhọ đặc biệt của ông chủ".

Tôm căng cả người, nhưng kìm được làm như hoàn toàn bỏ ngoài tai lời nhận xét của Asfođ trong khi Vơjơl nhổm nửa người dậy chĩa một ngón tay trỏ sần chai vì lao động ra phía trước: "Nầy, tau bẩu cho mà biết, có cái gì hỏng kiểu là tại ai đó không hòa thuận mấy ai cả! Không khéo mầy có ngày bị lôi thôi to đấy! Nói riêng phần tau thôi, nếu phải tay tau, có người sẽ cho một trong chúng ta đi đứt đấy!".

"Im đi! Cả hai đứa im cái chuyện bí bét í đi!". Matilđa lườm cả hai, rồi nhìn riết vào Asfođ, trước khi xoay đôi mắt khẩn khoản sang Tôm, rõ ràng là tìm cách làm dịu sự căng thẳng đột ngột đó. "Tôm, nhều lần mẹ thấy mầy mấy mexừ Marê trò chuyện ở dưới í trong khi mầy dựng cửa hiệu. Mầy cảm thấy binh tình thế nào".

Chậm rãi, tư lự, Tôm nói: "Con đồng ý là chúng ta ở đây ắt khá khẩm hơn. Dưng mà còn tùy phần lớn ở cách chúng ta lo liệu ra sao. Dư mẹ đã nói, mexừ Marê có vẻ không phải là một người da trắng tầm thường, đê tiện. Con cảm thấy dư anh Vơjơl nói, ông í chỉ phải cái không có mấy kinh nghiệm, thành thử không tin ở chúng ta. Thậm chí hơn thế nữa, con cho rằng ông í sợ chúng ta tưởng ông í dễ dãi cho nên ông í buộc mình hành động và nói năng ra vẻ hắc hơn bẩm tính của ông í, mà do vậy mới có chuyện xú-ba-dăng kia". Tôm ngừng một lát. "Theo ý con, mẹ cứ lựa chiều xoay khiến bà chủ. Còn bọn chúng con cần phải dậy cho ông chủ biết là ông í muốn tốt thì cứ để cho chúng ta yên".

Sau những tiếng thì thào tán đồng, giọng Matilđa rung lên niềm vui trước triển vọng rõ ràng về một tương lai đầy hứa hẹn của gia đình. “Ờ thế, gọn lại, theo dư các con nói, thì chúng ta phải xiết phục mexừ Marê mua nốt Lili Xiu mấy bé Iuriơ nữa. Về phần bố các con thì chúng ta không thể làm gì khác ngoài chờ đợi. Một hôm nào đó ông í lù lù bước vào đây”...

Cười khúc khích, Meri ngắt lời mẹ: “Với chiếc khăn quàng cổ màu xanh phất phơ và chiếc mũ quả dưa đen nghễu nghện trên đầu”.

“Cái í thì mày nói rành đúng, con gái ạ”, Matilđa mỉm cười với những người khác. Bà nói tiếp: “Cố nhiên, đây là mẹ chưa nói đến chuyện kéo Bà Nội mấy hai bà Xerơ và Malizi về. Mẹ đã được bà chủ Marê hứa giúp chuyện nầy. Mẹ đem hết lời lẽ tả thật mạnh mẽ để bà í thấy tất cả chúng ta đứt ruột đứt gan mà phân ly đôi ngả dư thế nào. Lậy Chúa! Bà chủ cũng khóc dư mẹ! Bà í biểu đừng có ai, kể cả bà í, xin mexừ Marê mua ba bà già cốc đế để làm gì, vô ích, cơ mà bà í hứa chắc dư đanh đóng cột là sẽ xin ông chủ kiếm việc làm mướn cho Tôm, mới cả cho đám trai các con nữa. Cho nên hẵng nhớ đinh ninh trong dạ rằng ở đây chúng ta không phải chỉ làm việc cho một ông chủ mới, chúng ta đang làm việc để cho gia đình ta sum họp trở lại”.

Với quyết tâm ấy, cả gia đình bắt tay vào mùa trồng cấy năm 1856, Matilđa ngày càng được cả hai vợ chồng mexừ Marê tin, quý với lòng trung hậu và chân thật hiển nhiên, tài nấu nướng xuất sắc và khả năng nội trợ không chê trách vào đâu được của bà. Ông chủ thấy rõ Vơjơl luôn luôn đôn đốc, thúc dục các em trai, em gái mình để đạt một mùa thuốc lá bội thu. Ông thấy Tôm rõ ràng đã khôi phục lại đồn điền đến một tình trạng đáng thèm muốn, đôi bàn tay tài năng của anh sử dụng những dụng cụ phần lớn là làm lấy, biến những mảnh sắt vụn cũ, vứt đi gỉ nát thành hàng chục nông cụ mới, chắc chắn, cùng với những đồ gia dụng vừa được việc lại vừa có tác dụng trang trí.

Hầu hết các chiều chủ nhật, trừ những buổi chính hai vợ chồng nhà Marê đi đâu đó, các gia đình ở các đồn điền trong vùng thường đến thăm xã giao họ cùng những bạn bè cũ ở Bơlinhtơn, Grehơm, Ho Rivơ, Mibên và các tỉnh khác quanh đấy. Khi đưa khách dạo xem quanh đại sảnh và các sân sướng, vợ chồng Marê bao giờ cũng hãnh diện phô những thí dụ khác nhau về tài nghề của Tôm. Không mấy vị khách, ở trang trại cũng như ở tỉnh, ra về mà không nài ông chủ cho phép Tôm làm hoặc chữa cho họ một cái gì mà mexừ Marê thường sẵn sàng đồng ý. Dần dà, thêm nhiều mặt hàng thửa của Tôm xuất hiện quanh quận Alơmenx, do người nọ truyền mồm người kia quảng cáo cho anh và yêu cầu đầu tiên của bà Marê, là ông chủ kiếm việc làm thuê cho Tôm, trở nên hoàn toàn không cần thiết. Chẳng bao lâu, ngày nào cũng thấy những nô lệ trẻ và già, cưỡi la hoặc đôi khi đi bộ, mang những dụng cụ gẫy hoặc các đồ khác đến cho Tôm chữa. Một số ông chủ hoặc bà chủ phác họa những vật trang trí họ muốn thuê làm để bày ở nhà mình. Hoặc thi thoảng có những khách hàng yêu cầu mexừ Marê viết giấy thông hành cho Tôm cưỡi la đến một số đồn điền khác hoặc thị xã để sửa chữa hoặc sắp đặt thiết bị tại chỗ. Sang năm 1857, ngày nào Tôm cũng làm việc từ mờ sáng đến tối mịt, trừ chủ nhật, toàn bộ khối lượng công việc của anh ít ra cũng ngang với bác Aizêiơ, người đã dạy nghề cho anh. Khách hàng trả tiền cho ông chủ, hoặc tại đại sảnh hoặc khi gặp ông tại nhà thờ với các mức như mười bốn xu một móng đóng cho ngựa, la, hoặc bò, ba mươi bảy xu một cạp vành mới cho bánh xe tải, mười tám xu chữa một chàng nạng hoặc sáu xu mài một lưỡi cuốc. Giá cả cho công việc trang trí do khách hàng thiết kế lấy, được thương lượng đặc biệt, như năm đôla một rèm mắt cáo cho cổng trước, điểm hình lá sồi. Và mỗi cuối tuần mexừ Marê tính toán trả Tôm với tỉ lệ mười xu một đôla trên khoản tiền do việc làm của anh mang lại trong tuần trước. Sau khi cảm ơn ông chủ, Tôm giao số tiền hàng ngày cho bà mẹ Matilđa bỏ vào lọ thủy tinh đem chôn ở những chỗ mà chỉ bà và Tôm biết.

Những trưa thứ bảy, tuần làm việc kết thúc với các thành viên lực điền của gia đình. Kitzi-bé và Meri, nay đã mười chín và mười bảy, nhanh chóng tắm rửa, lấy dây buộc chặt những bím tóc ngắn, loăn xoăn và dùng xáp ống xoa mặt cho đen bóng lên. Rồi mặc những chiếc áo váy vải bông in hoa đẹp nhất, hồ cứng và là phẳng phiu, hai cô chẳng mấy chốc đã thấy xuất hiện ở cửa hiệu rèn, một cô đem đến một bình nước, hoặc có khi là bình "limônách" và cô kia một cái môi bằng vỏ bầu. Sau khi Tôm đã giải khát, hai cô múc từng môi đầy mời cái tốp nhỏ những gã nô lệ chiều thứ bảy nào cũng được chủ sai đến lấy những đồ mà Tôm hẹn sẽ hoàn thành vào cuối tuần. Tôm vừa thinh thích vừa hơi khó chịu nhận thấy những lời chọc ghẹo nhẹ nhàng nhất, vui vẻ nhất của hai em gái mình bao giờ cũng dành cho các chàng trai trẻ đẹp. Một đêm thứ bảy, anh chẳng lấy gì làm lạ khi nghe hóng thấy Matilđa trì triết: "Tau không mù đâu! Tau thấy bọn bay xuống dưới í ngỏng đuôi làm duyên làm dáng giữa bọn lền ông!" Kitzi-bé đáp lại vẻ thách thức: "Phải, mẹ ạ chúng con là lền bà! Chúng con chưa được gặp người lền ông nào ở chỗ mexừ Liơ cả!" Matilđa làu bàu cái gì Tôm nghe không rõ, song anh ngờ rằng thâm tâm bà cũng không phản đối như bà cố làm ra vẻ thế. Điều đó được xác nhận khi, một tháng sau, Matilđa bảo anh: "Tuồng dư anh để cho hai con bé chim chuột ngay dưới mũi anh. Tui nghĩ ít nhất anh cũng phải để mắt xem ngộ nhỡ chúng nó ngoắc nhầm phải dững đứa không ra gì!".

Trước sự ngạc nhiên của cả gia đình, không phải Kitzi-bé vốn đặc biệt "đỏm dáng" mà lại chính cô nàng Meri điềm đạm hơn nhiều là người đầu tiên lặng lẽ thông báo ý muốn "nhảy chồi" với một gã coi chuồng ngựa ở một đồn điền gần làng Mibên. Cô nài nỉ Matilđa: "Con biết mẹ có thể giúp con xiết phục ông chủ bán con với giá phải chăng khi nào ông chủ của Nicôđimơx xin mua, để chúng con được sống mấy nhau, mẹ ạ!". Nhưng Matilđa chỉ ầm ào mơ hồ, làm Meri khóc ròng.

"Lạy Chúa, Tôm ạ, mẹ quả không biết nên dư thế nào nữa!" Matilđa nói. "Cố nhiên, mẹ mừng cho con bé, mẹ thấy nó sung sướng thế cơ mà. Dưng rành mẹ ghét phải thấy có ai trong nhà ta bị bán đi nữa".

"Mẹ nhầm, mẹ ạ. Mà mẹ biết là mẹ nhầm đấy!" Tôm nói. "Con rành chả muốn lấy ai sống ở chỗ khác. Mẹ xem anh Vơjơl đấy. Kể từ khi chúng ta bị bán, anh í đâm ốm vì phải để Lili Xiu ở lại nơi kia!".

"Con giai ạ!", bà nói, "con đừng có nói mấy mẹ về chuyện lấy người nào mà mình chả mấy khi thấy mặt! Hằng bao lần, nhìn các con, mẹ mới biết là mình còn có một người chồng..." Matilđa ngập ngừng. "Dưng mà giờ lại chuyện Meri sắp đi, không phải mẹ chỉ nghĩ về nó, mà về tất cả các con. Con làm việc quá nhiều nên mẹ đoán con không để ý, chứ bi giờ vào dững hôm chủ nhật nghỉ việc, chả mấy khi thấy mặt các anh em trai của con ở quanh đây nữa, độc có con mấy Vơjơl thôi. Dững đứa khác đi hết, chim chuột tợn..."
"Mẹ", Tôm sẵng giọng ngắt lời. "Chúng con nhớn nhao cả rồi!"
"Rành là thế!" Matilđa đáp lại. "Mẹ không nhằm vào cái í! Mẹ muốn nói cái gia đình này sắp xé lẻ ra trước gió trước khi chúng ta vun được nó xum họp trở lại!".

Trong một phút im lặng giữa hai mẹ con, Tôm cố nghĩ xem có thể nói được điều gì an ủi, anh cảm thấy ẩn dưới tâm trạng dễ cáu bẳn hoặc những cơn ủ rũ khác thường của mẹ anh gần đây, là cái thời hạn mà đáng lẽ cha anh phải trở về, nay đã qua hàng mấy tháng. Như bà vừa mới nói, bà lại phải sống với sự vắng mặt của chồng.

Tôm bàng hoàng khi Matilđa đột nhiên đưa mắt nhìn anh: "Khi nào con lấy vợ?".

"Bi giờ con chưa nghĩ đến chuyện í..." Bối rối, anh ngập ngừng và chuyển sang chuyện khác. "Con đang nghĩ về chuyện làm sao đưa được bà nội, bà Xerơ và bà Malizi về. Mẹ, hiện chúng ta đã để dành được ước chừng bao nhêu?".
"Không phải ước chừng gì cả! Mẹ nói đích xác cho anh biết! Cộng cả hai đôla bốn xu anh đưa mẹ chủ nhật rồi là tám mươi bảy đôla năm mươi xu".
Tôm lắc đầu: "Con còn phải làm hơn nữa".
"Giá Vơjơl mấy bọn nó góp thêm vào nữa".
"Không thể trách họ được. Việc đồng áng làm mướn thật khó kiếm, vì phần lớn các ông chủ cần thuê mướn người đều gọi đám nhọ tự do, các cha này làm chết thôi để kiếm hăm nhăm xu một ngày, không có thì chết đói. Rành là con phải làm nhều hơn thôi! Bà Nội, bà Xerơ và bà Malizi, tất cả đều già tợn rồi!".
"Bà Nội bi giờ quãng bảy mươi, còn bà Xerơ mấy bà Malizi thì ngót tám mươi rồi".
Một ý nghĩ bất chợt đến với Matilđa nét mặt bà bỗng có vẻ xa vời. "Tôm, con có biết mẹ chợt nghĩ đến cái gì không? Bà Nội thường kể cụ thân sinh ra bà là người Phi, cụ ghi nhớ tuổi mình bằng cách bỏ dững hòn sỏi vào trong vỏ một quả bầu. Con có nhớ là bà nói thế không?".
"Vâng, nhất định là con nhớ chứ". Anh dừng một lát. "Không biết bi giờ, cụ bao nhêu tuổi nhỉ?".
"Mẹ không nghe nói, chí ít cũng là theo sự nhớ của mẹ". Một vẻ bối rối lộ trên mặt bà. "Còn tùy là mình nói về thời kỳ nào. Khi Bà Nội Kitzi bị bán đi khỏi cụ mấy cụ bà, thì cụ tuổi này, rồi khi Thượng đế gọi cụ về chầu, thì cụ lại tuổi khác…". Bà ngần ngừ. "Con biết đấy, bà nội sắp bảy mươi, thì cụ ắt chết đã lâu rồi. Cả cụ bà nữa cũng vậy. Tội nghiệp linh hồn các cụ!".
"Phải…" Tôm nói, vẻ trầm tư. "Đôi khi con cứ tự hỏi không biết hình dáng các cụ ra sao. Cứ nghe kể về các cụ hoài!"
Matilđa nói: "Mẹ cũng thế, con giai ạ". Bà rướn thẳng người trong chiếc ghế tựa. "Dưng mà lại nói về bà nội, bà Xerơ và bà Malizi, đêm nào mẹ cũng quỳ gối xin Thượng đế ở bên các bà và mẹ cầu nguyện là hôm nào đó, bố con tới đây, tền đầy túi và mua các bà về". Bà cười rạng rỡ. "Một buổi sáng, chúng mình ngước nhìn lên, thấy cả bốn người tự do dư chim trời!".
"Đó rành là một cảnh tượng đáng nhìn!" Tôm nhoẻn miệng cười.
Một sự im lặng buông xuống giữa hai mẹ con, mỗi người chìm vào những ý nghĩ riêng. Tôm đang suy tính rằng bây giờ là một thời điểm và không khí thuận lợi hơn lúc nào hết để anh tâm sự với mẹ về một điều mà anh đã thận trọng giữ kín, không để lộ cho ai biết, song xem ra bây giờ đang có chiều hướng phát triển.
Anh dùng một câu hỏi lúc trước của Matilđa để đưa đà: "Mẹ à, ban nãy mẹ đã hỏi con có khi nào nghĩ đến chuyện lấy vợ, phải không ạ?"
Matilđa rướn người phắt dậy, mặt rạng rỡ và mắt sáng lên: "Phải, con giai ạ!".

Tôm những muốn tự đá mình vì tội đã khơi vấn đề lên. Anh gần như đau đớn tìm cách tiếp tục như thế nào. Rồi rắn rỏi: “À, coi dư con gặp một cô gái và chúng con đã chuyện trò tí ti…”
“Lạy Chúa lòng lành, Tom! Ai vậy!”
“Chả phải ai mẹ quen biết đâu! Tên cô í là Airin. Một số người gọi là Rini. Là người của mexừ Eđuyn Hâut làm ở trong đại sảnh của họ...”
“Cái mexừ Hâut giàu bự mà ông chủ, bà chủ biểu có cái nhà máy bông ở thung Alơmenx í à?”
“Vâng...” Vẻ mặt Tôm có phần giống như vẻ mặt một chú bé bị bắt quả tang ăn vụng bánh.
“Lậy Chúa!” Một vẻ tươi hơn hớn lan khắp mặt mày Matilđa. Cuối cùng, rồi mèo cũng bắt được chuột! Bật dậy, đột ngột ôm chầm lấy cậu con trai đang lúng túng, bà sôi nổi nói: “Mẹ rất mừng cho con, Tôm ạ, rành là mừng!”.
“Khoan! Khoan đã, mẹ!”. Gỡ ra, anh vẫy tay cho bà trở lại ghế ngồi. “Con chỉ biểu là chúng con mới chuyện trò thôi mà!”.
“Nhỏ nầy, con là đứa con kín miệng nhất của mẹ khi con thở hơi đầu tiên! Nếu con thừa nhận đến mức đã gặp một đứa con gái, thì mẹ biết là con có gì hơn thế nữa!”.
Anh gần như lừ mắt với mẹ. “Con không muốn mẹ thì thào gì mấy ai đâu, mẹ nghe con đấy chứ?”.

“Mẹ biết ông chủ sẽ mua nó cho con, nhỏ ạ! Kể thêm về nó cho mẹ nghe đi, Tôm!" Biết bao điều ập đến trong đầu Matilđa dồn dập đến nỗi trào cả ra... tận trong cùng tâm trí bà lóe lên hình ảnh những chiếc bánh ngọt ngày cưới mà bà sẽ bỏ vào lò...

"Muộn rồi con phải về..." Nhưng bà nhanh chân ra cửa trước anh. "Mẹ rất sung sướng sắp có người thành đôi thành lứa mấy các con! Con là đứa cưng nhất của mẹ!" Đã lâu Tôm mới thấy mẹ cười hồ hởi sung sướng như thế. "Mẹ đoán về già, rồi mẹ cũng giống bà nội Kitzi, chỉ mong có thêm cháu!" Tôm đi lướt qua, ra đến ngoài còn nghe thấy bà nói: "Mẹ còn sống khá lâu, thậm chí có thể trông thấy một số chắt nội, chắt ngoại, chưa chừng!".

Chương 106

Một ngày chủ nhật mấy tháng trước, hai vợ chồng mexừ Marê đi lễ nhà thờ về và ông chủ gần như lập tức rung chuông kêu Matilđa bảo gọi Tôm ra đằng cổng tiền.

Niềm vui thích của ông chủ lộ ra cả trên mặt lẫn trong giọng nói khi ông bảo Tôm rằng mexừ Eđuyn Hâut, chủ xí nghiệp bông Hâut, đã gửi thư cho ông nói rằng bà Hâut gần đây có xem một số đồ sắt tinh tế do Tôm làm và bà rất thích, rằng bà đã vẽ một bản thiết kế lưới sắt trang trí cửa sổ, mong Tôm thực hiện sớm cho và đem lắp ở ngôi nhà "Thích Hòe Viên" của họ.

Với một tấm giấy thông hành do mexừ Marê cấp, sáng hôm sau Tôm cưỡi la đến xem bản vẽ và đo các cửa sổ. Mexừ Marê đã bảo anh không phải băn khoăn về bất kỳ việc gì đợi ở lò rèn và dặn rằng tốt nhất là theo con đường Họ Rivơ đến thị xã Grêơm, rồi con đường Grêơm đến nhà thờ Belơmơnt, đến đó rẽ tay phải, đi bộ hai dặm nữa sẽ thấy tòa lâu đài trang nhã của gia đình Hâut, không trệch đi đâu được.
Tôm tới nơi và xưng danh với một người da đen làm vườn, người ta bảo anh chờ ở gần bậc thềm đằng trước. Lát sau, đích thân bà Hâut ra hồ hởi khen sản phẩm trước đây của Tôm mà bà đã được xem và đưa anh coi các bản vẽ của bà về một kiểu lưới sắt cửa sổ hình mắt cáo với dây leo và lá sum suê che phủ. Tôm nghiên cứu kỹ các bản vẽ và nói: "Tui tin có thể làm được, chí ít tui cũng gắng hết sức mình thưa bà". Nhưng anh chỉ ra rằng, với nhiều cửa sổ cần lưới sắt như thế, mà tất cả đều đòi hỏi công phu lắt nhắt từng li từng tí thì có thể phải mất hai tháng mới hoàn thiện được. Bà Hâut nói bà rất hài lòng nếu công việc có thể xong trong thời gian đó và sau khi giao cho Tôm giữ các bản vẽ để theo đó mà làm, bà để anh tiến hành công việc khởi đầu cần thiết là đo đạc cẩn thận các kích thước của hàng bao nhiêu cửa sổ.

Đến đầu giờ chiều, Tôm đang làm việc ở các cửa sổ trên gác nhìn ra một hàng hiên thì linh tính báo cho anh là có người nhìn mình; quay ngoắt lại, anh chớp chớp mắt như bị quáng trước vẻ xinh đẹp kỳ lạ của một cô gái da màu đồng, tay cầm chiếc giẻ lau, đang lặng lẽ đứng ngay ở khung cửa sổ mở cạnh đấy. Mặc một bộ đồng phục nữ hầu phòng đơn sơ, mớ tóc đen quận thành một búi lớn phía sau đầu, cô nhìn lại Tôm một cách điềm đạm và nồng nhiệt. Duy chỉ nhờ cái bẩm tính kín đáo, Tôm mới đủ sức giấu nổi cái phản ứng giật đánh thót tận trong lòng khi anh cố trấn tĩnh và vội vàng bỏ mũ, bật ra một tiếng: "Chào cô!".
"Chào ông!" cô đáp lại, lóe sáng một nụ cười, và chừng đó, cô biến mất.

Cuối cùng, rong ruổi trên mình la trở về đồn điền Marê, Tôm ngạc nhiên và bứt rứt thấy rằng mình không sao xua nổi hình ảnh cô gái khỏi tâm trí. Đêm ấy, nằm trên giường, như một ánh chớp, anh vụt nghĩ: thậm chí mình chưa biết tên cô ta là gì. Anh đoán cô độ mười chín hoặc có thể hai mươi tuổi. Cuối cùng anh chập chờn ngủ, rồi lại thức giấc để tự hành hạ mình với ý nghĩ là người xinh đẹp như cô ắt phải có chồng rồi hoặc đang bắt nhân tình với ai là cái chắc.

Làm những khung lưới cơ bản, hàn bốn thanh sắt bẹt cắt sẵn cho thật nhẵn nhụi bằng phẳng thành những hình chữ nhật vừa cỡ cửa sổ, chỉ là công việc thông thường. Sau sáu ngày làm phần việc đó, Tôm bắt đầu ấn những que nung sáng trắng qua bộ đồ giảm khối gồm những đê lỗ nhỏ dần cho đến khi thành những sợi không to hơn những dây bìm bìm hay kim ngân. Sau khi đã nung thí nghiệm và uốn nhiều sợi đó theo các kiểu khác nhau mà vẫn chưa vừa ý, Tôm bắt đầu những cuộc đi dạo sớm tinh mơ, xem xét thật kỹ những đường uốn duyên dáng và những chỗ giao nhau của các loại dây leo cụ thể. Sau đó, anh cảm thấy những cố gắng sao chép của mình có kết quả mỹ mãn hơn.

Công việc tiến triển tốt, trong khi mexừ Marê hằng ngày phải giải thích cho khách hàng đôi khi nổi nóng rằng Tôm chỉ có thể nhận những việc sửa chữa đột xuất khẩn cấp nhất, từ giờ cho đến khi gã hoàn thành một công việc quan trọng cho ông Eđuyn Hâut và điều đó làm nhụt sự bất bình của số đông. Mexừ Marê, rồi bà Marê thường đến cửa hàng quan sát, rồi đưa bạn bè ghé thăm, dần dà có khi tám đến mười người trong bọn họ cứ lặng lẽ đứng xem Tôm làm việc. Miệt mài với công việc nghề nghiệp của mình, Tôm cho rằng mình thật may mắn biết bao, ở chỗ là thậm chí mọi người dường như sẵn sàng để cho mấy anh thợ rèn mải mốt làm việc, lờ mình đi. Anh ngẫm nghĩ về việc phần lớn những gã nô lệ mang đồ của chủ đến cho anh chữa, đều có vẻ rầu rĩ. Hoặc giả có khi họ bô bô trò chuyện với nhau quanh cửa hàng, nhưng hễ có người da trắng xuất hiện, là lập tức tất cả đều nhe răng cười, lúng ta lúng túng, hoặc bắt đầu giả ngô giả ngọng như, thực tế, trước đây Tôm vẫn thường bối rối kết luận thầm trong bụng về ông bố Jooc-Gà đội mũ quả dưa, ăn nói khoa trương của mình.

Tôm càng cảm thấy may mắn hơn ở chỗ anh thành thật thú vị được đắm mình – thậm chí tới một mức độ biệt lập – trong cái thế giới nghề rèn. Trong khi anh làm những lưới sắt cửa sổ từ sáng sớm đến lúc không nhìn rõ gì nữa, những suy nghĩ riêng tư lan man thường choán hết tâm trí anh, có khi hàng mấy giờ liền trước khi anh lại bất chợt thấy mình nghĩ tới cô gái hầu phòng xinh xinh anh đã gặp.

Làm những chiếc lá cho lưới sắt cửa sổ là thử thách gay nhất của anh. Tôm đã nhận thức thấy điều đó từ lúc đầu tiên bà Hâut đưa anh coi bản vẽ. Anh lại đi dạo, lần này nghiên cứu thật kỹ những chiếc lá thật trong tự nhiên. Nung đi nung lại những miếng sắt vuông chiều một "inso", dùng chiếc búa nặng vuông mặt nện bệt thành những lá mỏng tinh tế, cuối cùng anh lấy kéo cắt ra thành hàng chục hình trái tim lớn. Vì kim loại dát mỏng như thế có thể mau chóng cháy rực và hỏng nếu lò rèn quá nóng, nên anh hết sức cẩn thận thụt đôi bễ làm lấy, thoăn thoắt cặp mỗi lá sắt mỏng nung đỏ mặt lên đe và khéo léo gò thành hình vành lá bằng những nhát đập nhanh nhẹ của chiếc búa nhọn đầu nhẹ nhất của anh.

Bằng những mối hàn phức tạp, Tôm điểm những vấu lá tinh tế và sau đó gắn cuống vào những dây leo. Anh cảm thấy đắc ý là không có cái nào giống hệt cái nào, đúng như anh đã quan sát thấy trong tự nhiên. Sau cùng, vào tuần lễ thứ bảy làm việc khẩn trương, Tôm hàn những dây leo sum suê lá của mình vào đúng chỗ trên những khung lưới sắt cửa sổ đang nằm đợi.

"Tôm, mẹ tiêng bố, thật nom dư nó mọc lên ở đâu í!" Matilđa kêu lên, kinh phục nhìn trân trân vào tác phẩm của con trai. Kitzi-bé cũng trầm trồ không kém mấy, cô ta hiện đang công khai làm duyên với ba gã nô lệ cục mịch ở địa phương. Cả đến các em trai của Tôm và mấy cô vợ – hiện giờ chỉ còn Asfođ và Tôm là độc thân – cũng phóng những cái nhìn lồ lộ như tấm gương phản chiếu niềm kính trọng tăng lên của họ đối với anh. Vợ chồng mexừ Marê phải cố gắng lắm mới kìm nổi mức độ vui thích cũng như hãnh diện, có được một tay thợ rèn như vậy.

Trong chiếc xe tải chất đầy lưới thép cửa sổ, Tôm rong ruổi một mình đến đại sảnh của gia đình Hâut để lắp dựng. Khi anh giơ một chiếc lên cho bà Hâut xem, bà suýt xoa, vỗ tay, vui thích ngây ngất, gọi cô con gái dạy thì cùng mấy cậu con trai lớn tình cờ cũng ở đấy ra coi và tất cả bọn họ tức thì xúm lại khen ngợi Tôm.

Ngay lập tức, anh bắt đầu lắp dựng. Sau hai tiếng đồng hồ, các lưới sắt cửa sổ dưới nhà đã đâu vào đấy, càng làm tăng sự ngưỡng mộ của các thành viên gia đình Hâut, cũng như nhiều người trong số nô lệ; anh đoán những tiếng xì xào về nỗi vui thích của bà chủ họ đã lan truyền nhanh chóng và họ bèn chạy đến xem tận mắt. Cô ta đâu nhỉ? Câu hỏi đó khiến Tôm căng thẳng trong khi một cậu con trai ông bà Hâut dẫn anh qua phòng giải lao bóng loáng của nhà dưới, lên chiếc cầu thang lượn cong để đặt nốt những lưới sắt còn lại vào các cửa sổ hàng hiên tầng hai.

Đây đúng là cái chỗ cô ấy đã đứng lần trước. Liệu anh có thể nói cách nào và hỏi ai để biết cô là ai, cô ở đâu, thân phận ra sao, mà không tỏ ra quá mức quan tâm, tò mò? Trong nỗi thất vọng của mình, Tôm làm việc lại càng nhanh hơn, phải làm xong sớm mà ra về thôi, anh tự nhủ.
Anh đang đặt tấm lưới sắt cửa sổ thứ ba trên gác thì đây, sau những tiếng chân bước dồn, cô hiện ra, mặt đỏ bừng gần như hụt hơi vì chạy vội. Anh cứ đứng ngây, lưỡi cứng lại.

"Chào ông Marê" Anh giật mình nhận ra là cô hẳn không biết đến "Liơ" mà chỉ biết anh hiện là người của mexừ Marê nào đó. Anh vụng về bỏ chiếc mũ rơm ra khỏi đầu.
"Chào cô Hâut...".
"Đang ở dưới nhà sấy sấy thịt, nghe nói ông ở đây...". Luồng mắt cô lia tới chỗ chiếc lưới sắt cửa sổ anh vừa đặt vào vị trí. "Ôi, đẹp ơi là đẹp!" cô thì thào. "Đi qua chỗ bà chủ Emili dưới nhà rành là cứ rối rít lên về dững cái ông làm".

Anh liếc nhìn chiếc khăn làm đồng quấn trên đầu cô. "Tui cứ ngỡ cô làm hầu phòng..." Nghe chừng đó là một điều thất thố nên không nói.
"Em thích làm dững thứ khác nhau, và họ để cho em làm", cô nói, đưa mắt nhìn quanh. "Em chỉ chạy lên đây một phút thôi, tốt hơn là nên quay về làm việc, cả ông cũng thế..."
Anh cần phải biết thêm nữa, chí ít là tên cô. Anh hỏi cô.
"Airin", cô nói, "Họ gọi em là Rini". "Thế tên ông là gì?".
"Tôm", anh đáp. Như cô đã nói, cả hai phải trở về công việc. Anh cần liều một nước cờ. "Cô Airin, cô có... có... đang bầu bạn mấy người nào không?".

Cô nhìn anh thật lâu, thật nghiêm khắc đến nỗi anh biết là mình đã lỡ lời ghê gớm. "Xưa nay, em chưa bao giờ mang tiếng là không nói thật ý mình ông Marê ạ. Lần trước thấy ông quá rụt rè, em đã sợ ông không dám đến nói chuyện mấy em nữa".

Tôm tưởng có thể ngã nhào khỏi hàng hiên.

Từ đó, anh bắt đầu xin mexừ Marê mỗi chủ nhật cấp cho một giấy thông hành cả ngày, đồng thời cho phép anh dùng chiếc xe la. Anh cũng bảo với gia đình rằng anh đi sục các rệ đường kiếm những đồ kim loại vứt bỏ để bổ sung thêm đống sắt vụn ở cửa hiệu rèn của mình. Hầu như bao giờ anh cũng tìm được một cái gì đó có ích trong khi đánh xe theo các lối khác nhau trong chặng hành trình khứ hồi, mỗi chiều mất khoảng hai tiếng, để đến gặp Airin.

Không riêng cô mà những người khác anh gặp ở xóm nô của gia đình Hâut đều tiếp đãi anh hết sức nồng hậu, không thể hơn được. "Anh nhút nhát thế, khéo tay dư anh thì người nào chả ưa", Airin thật thà nói với anh. Họ thường đi xe đến một chỗ nào tương đối kín đáo ngay gần đấy, rồi Tôm tháo la, thả dài dây buộc cho nó gặm cỏ trong khi hai người đi dạo, phần lớn chỉ toàn Airin nói.

"Bố em là người Inđơn . Bố tên Hiliơn, là mẹ biểu thế. Thành thử da em mầu dư vậy", Airin tự ý nói ra một cách thản nhiên. "Dạo xưa, mẹ em chạy trốn khỏi một ông chủ thật hèn mạt, rồi có một số người Inđơn bắt được mẹ trong rừng đưa về làng họ, ở đó mẹ em gặp bố em và đẻ ra em. Em chưa nhớn được mấy tí thì người da trắng đánh vào làng giết chóc, bắt mẹ em và mang chúng em về giả ông chủ cũ. Mẹ biểu ông í đánh mẹ đau lắm rồi đem bán hai mẹ con em cho một lái buôn nhọ, rồi mexừ Hâut mua mẹ con em, thật là may vì họ là người rất tốt..." Mắt cô nheo lại. "Phải, chí ít cũng thường thường là thế. Dù sao, mẹ em vẫn làm công việc giặt là quần áo cho họ suốt đến khi mẹ ốm rồi chết cách đây bốn năm và từ đấy em ở luôn đây. Bi giờ, em mười tám tuổi, sang năm mới là mười chín...". Cô nhìn Tôm với cái vẻ thẳng thắn của mình "Anh bao nhiêu tuổi?"
"Hăm bốn" Tôm nói.

Đến lượt mình kể cho Airin nghe những sự việc chủ yếu về gia đình, Tôm nói rằng cho đến nay họ chỉ biết rất ít về cái vùng Bắc Carôlina này. Nơi họ đã bị mang đến bán.
"Nầy", cô nói, "em đã lượm được ói chuyện vì rằng là gia đình Hâut là dững người quan trọng đáo để, cho nên người nào to cũng đều đến thăm, thế là em hầu hạ cơm nước rón ra rón rén và em có tai để nghe ngóng chứ lị".
"Họ biểu dững cụ kỵ của phần đông dân da trắng ở quận Alơmenx là ở Penxylvanio đến đây từ lâu trước khi có cái cuộc chiến tranh cách mệnh í, dạo í chưa có mấy ai quanh đây trừ dững người Inđơn Xixipo. Có người gọi họ là dân Xăcxapa. Cơ mà lính Anh giết họ sạch trơn, kỳ đến chỉ độc chọi sông Xắcxapo bi giờ là còn cái tên í..." Airin nhăn mặt, "Ông chủ em biểu họ đã trốn cực khổ, vượt qua biển và đến chật ních Penxylvanio đến nỗi dững người Anh cai quản thuộc địa bố cáo là tất cả đất họ muốn bán ở cái phần Bắc Calini nầy không đầy hai xu một "âyco". Thế, ông chủ biểu không biết cơ man nào là người Quêico, người Xcốt Ailen thuộc giáo hội trưởng lão, người Đức theo thuyết Lute, nhét tất cả dững gì có thể nhét vào dững xe tải phủ kín, khắp dững thung lũng Cambơlen và Sinanđo. Ông chủ biểu cơ hồ kéo dài tới bốn trăm dặm. Họ mua đất cơ chừng nào có thể và bắt đầu đào bới, khai khẩn vỡ hoang và trồng cây, hầu hết chỉ là dững trại nhỏ họ tự cầy cấy dư một số đông người da trắng ở quận nầy vẫn còn làm thế. Thành thử không có nhều nhọ dư ở dững nơi đồn điền to".

Chủ nhật sau, Airin đưa Tôm đến xem nhà máy bông của ông chủ cô ở bên bờ con sông nhỏ Alơmenx, hãnh diện như thể cái nhà máy lẫn gia đình Hâut là của cô vậy.

Sau mỗi tuần lao động vất vả, hoàn thành hàng mấy chục công việc gò rèn, Tôm khát thèm từng ngày chủ nhật khi chiếc xe la lăn bánh qua những dặm đường dọc những hàng rào bao quanh các ruộng ngô, lúa mì, thuốc lá, thi thoảng xen vào một vườn táo hoặc vườn đào và những nhà trại nhỏ bé. Vượt qua những người da đen khác hầu như bao giờ cũng đi bộ, họ vẫy chào nhau, Tôm hy vọng họ thông cảm rằng nếu anh mời họ lên xe, anh sẽ bị mất những giây phút được ngồi một mình với Airin. Thi thoảng ghìm la lại đột ngột, anh nhảy xuống và ném vào mạn sau xe một miếng kim khí gỉ vứt đi nào đó anh chợt thấy trong khi đánh xe rong ruổi trên đường. Một lần Airin làm anh giật mình khi cô cùng nhảy ra ngắt một bông hồng dại. "Từ bé, em đã yêu hoa hồng", cô bảo anh.

Gặp những người da trắng cũng đi xe hoặc cưỡi ngựa Tôm và Airin thường ngồi ngây ra như hai pho tượng, cả đôi bên đều nhìn thẳng về phía trước. Lát sau, Tôm bình luận rằng từ khi đến quận Alơmenx, anh cảm thấy ít gặp loại người da trắng "cách-cơ nghèo" hơn nhiều so với vùng anh ở trước.

"Em biết anh định nói cái loại nông dân cổ đỏ dư gà tây chứ gì", cô nói. "Không, loại í quanh đây chả có mấy. Anh có gặp người nào thì đấy chỉ là lọt sàng xuống nia thôi. Dững người da trắng tai to mặt lớn không ưa dùng họ bằng dân nhọ".

Trong thâm tâm, Tôm dần dần thấy ngán cái điều mà anh bắt đầu cảm thấy là hình như Airin khoái kể những sự kiện hàm ý ca ngợi chủ cô và dòng dõi ông ta. Một chủ nhật khi hai người mạo hiểm đi vào quận lỵ Grêơm, cô nói:

“Cái năm có vụ lớn đổ xô đi tìm vàng ở Californiơ í, ông cụ đẻ ra ông chủ em đã cùng nhiều người tai to mặt lớn mua đất, dựng nên cái thị trấn nầy làm quận lỵ đấy”.

Chủ nhật sau, khi đánh xe dọc con đường Xolxberi, cô chỉ một mốc đá sừng sững: “Chính ở đây, ngay trên đồn điền của ông chủ, đã diễn ra trận Alơmenx. Dân chúng chán ghét sự bạc đãi của nhà vua, cướp súng của lính Anh và ông chủ biểu trận đánh này châm ngòi cho cuộc chiến tranh cách mệnh Mêhicô khoảng năm năm sau”.

Thời gian này, Matilđa đã phát cáu. Sự kiên nhẫn của bà đã căng đến mức cực hạn vì nỗi phải kìm giữ điều bí mật đáng phấn khởi lâu đến thế. “Mầy có chuyện gì thế? Cứ dư là mầy không muốn cho ai thấy cái con Inđơn nhà mầy í!”.

Cố nén nỗi bực tức, Tôm chỉ lầm bầm câu gì không ai hiểu và bà Matilđa nổi điên lên, giở ngón đánh hiểm: “Dễ thường chúng tau chả đáng với nó vì nó là người ở của các ông to bà nhớn chứ gì!”.
Lần đầu tiên Tôm làm một điều như vậy: anh hiên ngang đi khỏi chỗ mẹ, không thèm trả lời.

Anh ao ước có người nào, bất cứ ai, đủ thông cảm để anh có thể tâm sự về những điều đã trở nên những phân vân sâu sắc của anh: có nên tiếp tục bồ bịch với Airin nữa không?

Rút cục, anh đã thừa nhận với bản thân là anh yêu cô biết bao. Cùng với những nét xinh đẹp lai da đen và da đỏ của cô, không còn nghi ngờ gì nữa, cô là một ý trung nhân thật đáng yêu, quyến rũ và thanh lịch như trong mơ ước của anh. Tuy nhiên, bẩm tính vốn chín chắn và cẩn thận, Tôm cảm thấy nếu không giải quyết được hai mối băn khoăn có tính chất sống còn mới nảy sinh trong anh về Airin thì họ không bao giờ có thể hưởng một cuộc kết duyên thực sự thành công.

Một là, tận đáy lòng, Tôm không hoàn toàn ưa thích cũng như không hoàn toàn tin bất cứ người da trắng nào, kể cả ông bà chủ Marê của anh. Anh thực sự chán ngán thấy Airin dường như thật tình kính yêu, nếu không phải là sùng bái, những người da trắng sở hữu cô; rõ ràng là hai người sẽ không bao giờ có thể nhất trí được về một vấn đề có tính chất sống còn.

Điều lo lắng thứ hai của anh xem chừng còn khó giải quyết hơn nữa, đó là gia đình Hâut cũng có vẻ gắn bó với Airin không kém, theo cái cách một số gia đình ông chủ phát đạt vẫn hay đi đến chỗ quý mến một số gia nô. Anh biết mình không thể nào sống nổi cái cảnh oái oăm ngủ nghê ân ái với một người đàn bà nào đó mà lại ở cách biệt tận một đồn điền khác, kéo theo cái nỗi sỉ nhục thường xuyên là mỗi bên đều phải xin ông chủ của mình chấp thuận những lần năm thì mười họa vợ chồng đến thăm nhau.

Thậm chí Tôm đã nghĩ đến cả cái điều có thể là cách giải quyết danh dự nhất, tuy anh biết làm thế sẽ rất đau đớn là rút lui không gặp Airin nữa.
“Có chuyện gì thế, anh Tôm?” bữa chủ nhật sau, cô hỏi giọng đầy lo lắng.
“Không có gì cả”.

Họ tiếp tục đánh xe đi, lặng lẽ. Rồi cô nói với cái phong cách chân thật, cởi mở của mình: “Thôi được, em không ép anh nếu anh không muốn nói, chỉ miễn anh biết là em biết có điều gì dầy vò anh tợn thôi”.
Hầu như không biết đến những dây cương cầm trong tay, Tôm nghĩ rằng một trong những đức tính anh mến phục nhất ở Airin là sự thẳng thắn, trung thực, vậy mà hàng tuần, hàng tháng nay, anh đã thực sự man trá với cô, theo cái nghĩa là anh đã trốn tránh, không nói cho cô biết những ý nghĩ thật của mình, dù điều đó có thể trở nên sót sa đến mấy cho cả hai đi nữa. Và anh càng nấn ná lâu hơn, sẽ càng tiếp tục man trá, cũng như kéo dài những thất vọng chua chát của mình.

Tôm cố gắng lấy giọng thản nhiên: “Hồi nọ, anh có kể mấy em làm sao mà vợ anh Vơjơl nhà anh phải ở lại mấy ông chủ bên chị í, khi cả nhà anh bị bán, em có nhớ không? Anh không nói đến cái đoạn mexừ Marê, sau lần anh đích thân cầu xin, đã đến quận Caxuel và mua được Lili Xiu cùng đứa con trai Iuriơ về, vì chuyện đó không liên quan đến mục tiêu của anh”.

Tự cưỡng mình tiếp tục, Tôm nói: “Anh cảm thấy nếu có bao giờ anh nghĩ đến chuyện kết đôi mấy ai... ờ, rành là anh không tin rằng mình có thể chịu nổi nếu chúng ta phải sống ở dững đồn điền của dững ông chủ khác nhau”.
“Em cũng thế!”. Câu trả lời của cô mau lẹ dứt khoát, đến nỗi Tôm suýt buông rơi dây cương, nghi ngờ tai mình. Anh quay phắt sang phía cô, há hốc mồm. “Em định nói gì?” Anh lắp bắp.
“Đúng dư anh vừa nói!”.
Anh ghé sát lại cô. “Em thừa biết ông bà chủ Hâut sẽ không chịu bán em!”.

“Khi nào em chuẩn bị xong đâu đấy, họ sẽ phải bán em!” cô bình tĩnh nhìn anh.

Tôm cảm thấy bủn rủn cả người: “Em nói sao?”.
“Em không định nói cộc lốc, anh không phải lo, đấy là việc của em”.
Người như lả đi, Tôm nghe thấy mình nói: “Ờ, thế tại sao em không nói họ bán em đi...”
Cô có vẻ lưỡng lự. Anh gần phát hoảng lên.
Cô nói: “Được. Anh có định thời gian đặc biệt nào không?”
“Anh nghĩ cái í cũng tùy ở em...”
Tâm trí anh mở tốc độ. Với một thứ quý giá như cô liệu ông chủ cô sẽ đòi bao nhiêu... Nếu như tiên chứng, toàn bộ chuyện này không phải là một giấc mơ điên rồ?
“Anh phải hỏi xem ông chủ anh có mua em không?”.
“Ông í mua em”, anh nói với vẻ chắc chắn hơn là anh cảm thấy thực sự. Rồi anh cảm thấy như mình là thằng ngốc khi anh hỏi: “Em cho là em trị giá bao nhêu? Anh nghĩ là ông ấy cần biết ang áng về cái đó”.
“Em chắc ông í giả bao nhêu họ cũng nhận, phải chăng thôi”.
Tôm chỉ biết nhìn cô trân trân và Airin cũng nhìn lại anh.
“Tôm Marê, cách nào đấy, anh là người lền ông đáng cáu tiết nhất em từng thấy! Chuyện này, lẽ ra em có thể nói ngay từ hôm chúng mình gặp nhau lần đầu! Bao lâu em chờ đợi anh nói một cái gì! Anh cứ đợi đấy, khi nào em nắm được anh, em sẽ tống bớt cái tính ương bướng này ra khỏi đầu anh!”. Anh hầu như không cảm thấy hai nắm tay nhỏ nhắn của cô đấm thùm thụp lên đầu lên vai anh trong khi anh ôm vào trong tay người đàn bà đầu tiên của đời mình, để mặc con la đi không ai cầm cương.

Đêm ấy, nằm trên giường, Tôm bắt đầu hình dung mình sẽ làm cho Airin một bông hoa hồng bằng sắt như thế nào. Trong một chuyến đi lên quận lỵ, anh sẽ chỉ cần mua một thanh sắt nhỏ loại tốt nhất, mới luyện. Anh phải nghiên cứu thật kỹ bông hoa hồng, cuống và trôn gắn với nhau như thế nào, cánh xòe ra sao, mỗi cánh uốn ra phía ngoài theo cách riêng của nó..., làm sao nung thanh sắt vừa tới độ đỏ da cam để có thể dùng búa dát mỏng ra nhanh nhất từ đó tỉa hình các cánh hoa hồng và những miếng này, một khi đem nung lại và gò với biết bao trìu mến, yêu thương, sẽ được nhúng vào nước muối trộn dầu đảm bảo cho cô gái tao nhã của những cánh hoa hồng...

Chương 107

Thoạt tiên nghe thấy tiếng động, rồi tiến nhanh tới, bà Emili Hâut giật mình trông thấy cô hầu phòng Airin yêu quý của mình ngồi thu lu, khóc nấc lên đằng sau chỗ cầu thang nhà dưới uốn thành hình vòng cung. Lập tức, bà chủ hoảng lên: "Cái gì thế, Airin?". Bà Emili cúi xuống, nắm lấy đôi vai thổn thức, lắc mạnh. "Đứng dậy khỏi đây ngay lập tức và kể ta nghe! Cái gì thế?".

Airin cố gắng loạng choạng đứng dậy, đồng thời hổn hển thổ lộ với bà chủ về mối tình của cô với Tôm, nói rằng cô muốn lấy anh, chứ không thể tiếp tục chống lại mấy cậu công tử cứ theo đuổi cô hoài. Bà Hâut, đột nhiên bị kích động, thúc cô nêu đích danh bọn ấy, và, qua hàng nước mắt, Airin phun ra hai cái tên.

Tối hôm ấy, trước bữa ăn, ông bà Hâut, qua phút dao động, đã nhất trí rằng cần mau chóng bán Airin cho mexừ Marê, việc đó rõ ràng là phù hợp nhất với lợi ích của gia đình.

Tuy nhiên, vì ông bà Hâut chân thành yêu mến Airin và rất tán thành việc cô chọn Tôm làm bạn trăm năm, nên họ một mực yêu cầu ông bà Marê để cho họ đăng cai hôn lễ và tiệc cưới. Tất cả các thành viên của hai gia đình Hâut và Marê, da trắng cũng như da đen, sẽ dự lễ ở sân trước đại sảnh nhà Hâut, với linh mục hành lễ và đích thân mexừ Hâut trao cô dâu cho nhà trai.

Nhưng giữa cái dịp vui đầy xúc động này, điều nổi bật gây xôn xao nhất chính là đóa hoa hồng bằng sắt có cuống dài, gò tay một cách tinh vi, hoàn hảo mà chú rể Tôm rút ra từ trong túi áo véttông và âu yếm trao tặng cho cô dâu tươi roi rói. Giữa những tiếng "ồ", "à" của cả đám cưới, Airin hôn đóa hoa bằng mắt, rồi ép nó vào ngực, cô thì thào "Tôm rành là quá đẹp! Em sẽ không bao giờ xa rời bông hoa hồng này – cũng như anh!".

Trong bữa tiệc cưới linh đình ở ngay trong sân, sau khi hai gia đình da trắng hân hoan rút lui vào dùng bữa trong đại sảnh, bà Matilđa, sau cốc rượu vang ngon thứ ba sôi nổi nói với Airin: "Con còn hơn là một đứa con gái xinh đẹp! Con đã cứu mẹ khỏi lo lắng là Tôm quá nhút nhát không dám cầu hôn với cô gái nào..." Airin nhanh nhảu và lớn tiếng đáp: "Anh í có dám đâu!" Và các khách ngồi trong tầm tai nghe rộ lên cười theo họ ầm ĩ.

Sau tuần lễ đầu tiên trở về đồn điền Marê, gia đình Tôm bắt đầu nói đùa với nhau rằng, từ khi cưới, chiếc búa của anh như hát trên đe. Chắc chắn là trước nay chưa ai thấy anh chuyện trò nhiều như thế hoặc hay mỉm cười với nhiều người như thế, hoặc làm việc hăng say như từ khi Airin về với anh. Bông hoa hồng bằng sắt quý báu của cô ngự trên lò sưởi ngôi nhà gỗ mới của họ mà cứ rạng sáng, anh lại rời khỏi để ra nhóm lò rèn, sau đó những tiếng dụng cụ chí chát gò kim khí cứ rền rền chẳng mấy khi ngắt cho đến khi vật nung đỏ cuối cùng vào lúc sẩm tối được nhúng vào chậu nước ngầu ngầu, kêu xèo xèo và sủi bọt nguội dần. Có khách đến thuê chữa lặt vặt hoặc chỉ đơn thuần là để mài sắc một dụng cụ nào đó, anh thường đề nghị họ vui lòng chờ. Một số nô lệ thích ngồi trên những khúc gỗ cao độ ba mươi phân đặt ở một bên, tuy nhiên phần đông lại ưng quanh quẩn tụ thành một nhóm thoải mái trao đổi những chuyện cùng quan tâm. Bên phía đối diện, các khách hàng da trắng thường ngồi chờ trên những chiếc ghế dài làm bằng gỗ xẻ mà Tôm dành cho họ, thận trọng đặt vừa đúng tầm tai nghe, song vừa đủ xa để đám da trắng không nghi ngờ là trong khi làm việc, Tôm vẫn hóng chuyện họ. Vừa hút thuốc, vừa gọt gọt đẽo đẽo và thỉnh thoảng tợp một ngụm từ những cút rượu bỏ túi trong khi trò chuyện, họ đi đến chỗ coi cửa hiệu của Tôm như một nơi gặp gỡ nổi tiếng của địa phương, hàng ngày cung cấp cho anh một lô chuyện gẫu, đôi khi cả những tin mới toanh, quan trọng mà anh đem kể cho Airin và mẹ Matilđa của mình cùng số còn lại trong gia đình xóm nô sau giờ ăn tối.

Tôm kể cho gia đình biết người da trắng tỏ ra cay đắng sâu sắc biết mấy về chiến dịch đang rộ lên của những người theo chủ nghĩa bài nô ở miền Bắc chống chế độ nô lệ. "Họ biểu tổng thống Biucơnơn biết điều thì tách xa cái đám vô tích sự những tên yêu nhọ, nếu ông í chờ đợi một sự ủng hộ nào đó ở miền Nam nầy". Nhưng các khách hàng da trắng của anh – Tôm nói – trút ra lời sự căm thù độc địa nhất của họ "đối mấy mexừ Ebrahơn Lincôn, người đang nói đến chuyện giải phóng dân nô lệ chúng ta".
"Rành là thật!" Airin nói. "Cách đây ít cũng một năm, em đã nghe họ nói nếu ông í không im mồm thì sẽ đẩy miền Bắc lẫn miền Nam vào một cuộc chiến tranh!".

"Phải nghe cái ông cụ chủ của tui to mồm nguyền rủa mới khiếp cơ!" Lili Xiu thốt lên. "Ông í biểu mexừ Lincôn chân, tay đầy hạch, mặt xấu xí, dài nghêu, lông lá đến nỗi khó mà nói ông í giống người hơn hay giống khỉ hoặc

đười ươi hơn! Biểu ông í sinh ra và lớn lên nghèo rớt mồng tơi trong một căn lều gỗ, phải bắt cáo bắt chồn lấy cái ăn, mấy lị sẻ gỗ thuê thành ván hàng rào, y dư một tên nhọ vậy".
"Anh Tôm, anh chả biểu mexừ Lincôn bi giờ làm luật sư là gì?" Kitzi-bé hỏi và Tôm ậm ừ gật đầu.

"Nầy, mẹ bất cần dững người da trắng í nói cái gì!". Matilđa tuyên bố. "Mexừ Lincôn làm tốt cho chúng ta nếu ông í khiến bọn họ nháo nhác lên dư thế. Thật tình, mẹ càng nghe nói về ông í thì lại càng thấy ông í dư ông Môixê cố tìm cách giải phóng chúng ta là con dân xứ Ixrael vậy!".
"Ấy thế, rành là ông í không thể làm thế thật nhanh chóng cho hợp nguyện vọng của con". Airin nói.

Cả cô và Lili Xiu đều được mexừ Marê mua về tăng cường lực lượng lao động làm đồng. Mới đầu, cô làm đủ lệ bộ như vậy. Nhưng chưa được bao tháng, Airin đã đề nghị với anh chồng si mê làm cho mình một chiếc khung cửi – và cô bèn được toại ý ngay trong thời gian ngắn nhất mà đôi tay khéo léo của anh có thể thực hiện. Thế rồi, ở cách xa khoảng ba căn nhà, người ta có thể nghe thấy tiếng lách cách đều đặn của chiếc khung cửi trong khi cô làm việc đến tận đêm khuya, sau cả giờ đi ngủ của mọi người khác trong xóm nô. Chẳng bao lâu, đã thấy anh chàng Tôm hãnh diện ra mặt, tuy nhiên cũng có phần ngượng nghịu, mặc một chiếc sơ mi mà Airin đã cắt và may từ tấm vải do chính bàn tay cô dệt nên. "Chỉ là em thích làm dững việc gì mẹ em đã dậy em" cô khiêm tốn đáp lại những lời khen ngợi. Sau đó, cô chải, se, quay sợi, dệt và may đôi áo dài có diềm xếp nếp thật xứng hợp cho Lili Xiu và Kitzi-bé làm cho hai cô nàng sướng ngây ngất – Kitzi-bé, nay đã gần hai mươi tuổi, tỏ ra hoàn toàn không quan tâm gì đến chuyện "yên bề gia thất", mà dường như chỉ thích nhởn nhơ hết cuộc yêu đương này đến cuộc giăng gió khác, người tình mới nhất của cô, Amôx, là một công nhân làm đủ mọi việc ở cái khách sạn mới hoàn thành của công ty đường sắt Bắc Carôlina, ở khu cơ xưởng của công ty cách đấy mười dặm.

Rồi Airin lại mang cơm cho từng người trong các anh em chồng – điều khiến cho bọn họ, kể cả Asfođ thực sự xúc động – và cuối cùng là những tạp dề, áo "blu" và mũ mềm cho Matilđa và bản thân cô. Cả bà chủ rồi đến mexừ Marê cũng không kém thích thú ra mặt với những váy áo và sơ mi với đường kim mũi chỉ đẹp lạ lùng mà cô may cho họ bằng vải dệt từ bông mọc ngay trên đồn điền của họ.
"Ồ, quả là đẹp!" Bà Marê kêu lên, xoay một vòng để phô chiếc áo váy với Matilđa mặt tươi như hoa. "Tôi không hình dung ra được tại sao ông bà Hâut lại bán nó cho chúng tôi, mà lại với giá phải chăng như thế!". Khéo léo tránh không bộc lộ sự thật mà Airin đã tâm sự với bà, Matilđa nói: "Thưa bà, cùng lắm tui chỉ có thể đoán là tại họ rất chi là thích Tôm".

Vốn rất yêu màu sắc, Airin hăm hở thu nhặt các thứ cây, lá cô cần để nhuộm vải và vào những dịp cuối tuần đầu thu năm 1859 người ta thấy những tấm vải các màu xanh, lục, đỏ, tía, nâu và nhất là màu vàng ưa thích của cô, hong khô trên những sợi dây mây phơi quần áo. Chẳng cần ai chính thức quyết định hoặc thậm chí để ý thấy, Airin dần dà rút hẳn không làm việc đồng áng nữa. Từ ông chủ, bà chủ cho chí thằng bé Iuriơ bốn tuổi, cung cách khác thường, của Vơjơl và Lili Xiu, ai nấy đều nhận thức rõ thêm nhiều là bằng những cách ngày càng phong phú, Airin đang góp một khía cạnh tươi sáng mới vào cuộc đời của tất cả bọn họ.
"Con cho rằng cái chính làm con muốn lấy anh Tôm đến thế, là vì con thấy cả hai chúng con đều thích làm các thứ cho mọi người", cô nói với Matilđa đang ung dung đu đưa trong chiếc ghế trước lò sưởi ánh lên mờ mờ, một buổi tối lạnh giá cuối tháng mười. Ngừng một lát, Airin ranh mãnh liếc nhìn mẹ chồng. "Biết tính anh Tôm", cô nói, "nên con chả cần hỏi xem anh í có biểu mẹ là chúng con đang làm một cái gì khác nữa..."

Phải mất một giây, ý nghĩa câu nói mới ngấm. Mừng rú lên, chồm dậy và ôm chặt lấy Airin, bà Matilđa sướng ngây ngất cả người, "Làm một đứa con gái trước đã, cưng ạ, để mẹ có thể ôm ấp, ru nó như một con búp bê!".

Airin làm vô số thứ, nhiều đến mức không tin được, suốt những tháng mùa đông trong khi bụng cô mỗi ngày một chửa to. Đôi bàn tay của cô dường như có thể tạo nên một phép mầu phút chốc khiến cho trong đại sảnh lẫn từng căn lều ngoài xóm nô đều hoan hỉ. Cô lấy vải vụn tết thành thảm, cô làm những cây nến Nô-en và Tết dương lịch vừa rực rỡ mầu sắc vừa thơm ngát, cô đẽo gọt sừng bò khô thành những chiếc lược xinh xinh, vỏ bầu thành môi múc nước và biến những tổ chim thành họa tiết trang trí. Cô năn nỉ bằng được Matilđa để cho cô tiếp thu nhiệm vụ hàng tuần nấu giặt và là quần áo cho tất cả mọi người. Cô bỏ mấy chiếc lá húng quế hoặc hoa hồng khô ngào ngạt hương giữa những nếp quần áo gấp gọn, làm cho dân đồn điền Marê, da trắng cũng như da đen, đều thơm phức.

Tháng hai năm ấy, Airin bị Matilđa xúi giục tham gia vào một âm mưu tay ba; trước đó, bà đã tranh thủ được sự giúp đỡ của Asfođ, anh chàng có vẻ thú cái trò này. Sau khi giải thích kế hoạch của mình, Matilđa đe Airin "Đừng có hở câu nào mấy Tôm đấy, mầy lạ gì tính nó cứng nhắc và đúng mực dư thế nào!". Thâm tâm thấy không có hại gì trong việc thực hiện những chỉ thị của bà, Airin nắm lấy cơ hội đầu tiên để kéo riêng cô em chồng Kitzi-bé (vốn công khai tôn sùng bà chị dâu) ra một chỗ và trịnh trọng nói: "Chị nghe nói một đều mà chị đồ là em không muốn. Cái anh Asfođ í cứ thì thà thì thầm khắp rằng thì là tuồng dư có một đứa con gái xinh thật là xinh đang định cướp

của em cái anh chàng Amôx làm ở khách sạn đường sắt...” Airin ngần ngừ một lát vừa đủ để xác định rõ đôi mắt Kitzi-bé nheo lại vì ghen, rồi tiếp tục: “Anh Asfođ biểu con bé ở ngay cùng đồn điền mấy gã kia. Anh ấy biểu Amôx hàng tuần đến gặp nó mấy đêm, còn chủ nhật mới gặp em. Con bé nói chả mấy nữa nhất định nó sẽ cùng Amôx nhẩy chổi”.

Kitzi-bé đớp mồi ngay như một con cá đói, tin đó làm cho Matilđa vô cùng mãn ý, bà đã kết luận rằng, theo sự quan sát ngấm ngầm của bà về đám người tình trước của cô con gái đổi thay xoành xoạch, Amôx có vẻ là triển vọng vững vàng nhất, chân thành nhất để Kitzi-bé thôi lăng nhăng và ổn định một bề với anh ta.

Airin thấy ngay cả anh chàng Tôm khắc kỷ của mình cũng phải nhướn lông mày lên trong buổi chiều chủ nhật tiếp đấy, khi Amôx cưỡi con la mượn tới, trung thành thực hiện cuộc đi thăm thường lệ. Chưa ai trong gia đình thấy Kitzi-bé sôi nổi phô bày sự vui tươi hóm hỉnh cùng những ngón gợi ý kín đáo như lần này, trong khi cô tới tấp chầm bập anh chàng Amôx hồ như líu lưỡi lại, mà trước đây, ít nhiều cô thường tỏ ra chán ngấy. Sau mấy chủ nhật như vậy nữa, Kitzi-bé thú nhận với nữ thần tượng Airin của mình là cuối cùng, cô đã yêu thật sự và Airin mau chóng kể lại điều đó với Matilđa, làm bà hài lòng sâu sắc.

Nhưng rồi khi thấy chủ nhật nữa qua đi mà không thấy đả động gì đến chuyện nhẩy chổi, Matilđa tâm sự với Airin: “Mẹ thấy lo lo. Mẹ biết chả mấy nữa, hai đứa nó sẽ làm cái gì đấy. Con xem, lần nào thằng í đến đây, chúng nó cũng đi dạo, tách hẳn khỏi tất cả bọn ta, đầu chụm sát vào nhau...” Matilđa ngừng một chút, “Airin ạ, mẹ lo hai cái. Thứ nhất, chúng nó cứ đú đởn và gần gũi nhau quá, con bé có thể đi đến chỗ chung gối chung chạ. Cái nữa là thằng í vốn quen chuyện đường xe lửa mấy người nọ người kia đi đây đi đó, mẹ không biết liệu chúng nó có thể nghĩ đến chuyện chạy trốn lên mạn Bắc hay không? Bởi vì Kitzi-bé rành là đủ liều lĩnh để toan tính bất kỳ cái gì, con biết đấy!”.

Chủ nhật sau, Amôx vừa đến, Matilđa đã mau chóng xuất hiện, mang một chiếc bánh kem lớn nhiều tầng và một bình limônát tướng. Bà lớn tiếng rành rọt mời Amôx, nói rằng nếu như bà nấu nướng không cừ bằng Kitzi-bé đi nữa, thì chẳng gì Amôx cũng chịu khó nếm một miếng bánh và trò chuyện tí chút. “Quả thật, bọn ta cũng chả còn được gặp cháu mấy nữa, tuồng dư vậy!”.

Kitzi-bé vừa hừm một tiếng, đã vội nín bặt ngay lập tức khi cô thấy Tôm lừ mắt nghiêm nghị, trong lúc Amôx không còn cách nào khác, đành phải ngồi xuống chiếc ghế được kéo ra mời anh. Rồi trong khi gia đình vừa giải khát, vừa chuyện gẫu, Amôx cũng phải tham gia đôi ba tiếng ngượng ngập, gượng gạo. Sau một lát, rõ ràng là Kitzi-bé quyết định phải chứng tỏ người yêu của mình bội phần hay hơn là gia đình cô có thể đánh giá.
“Amôx, sao anh không kể cho mọi người nghe về dững cái cột cao vút mấy lại dây thép mà dững người da trắng công ty đường sắt mới dựng cách đây không lâu?” Giọng cô có vẻ đòi hỏi hơn là đề nghị.

Amôx luống cuống một chút rồi nói: “À, thật quả chả biết cháu có thể tả đích xác nó là cái gì không. Dưng mà mới tháng qua, họ đã kéo dây thép qua suốt các đỉnh cột cao thật là cao, chạy dài tít tắp đến hết tầm mắt...”
“Thế dững cây cột mấy lại dây thép í để làm gì?” Matilđa hỏi.
“Mẹ, anh í đang sắp sửa nói đến chỗ í!”.

Amôx có vẻ bối rối. “Điện tín, đâu dư họ gọi nó thế, thưa bác. Cháu đã đi theo đường dây, xem nó dẫn vào nhà ga xe lửa, ở đấy người ký ga có trên bàn giấy, một cái máy kỳ cục với một thứ cán ngô ngộ lệch về một bên. Thi thoảng, ông ta lấy ngón tay ấn nó kêu tanh tách. Dưng mà nhều lần, cái máy í tự nó kêu tạch tạch. Cái này làm dân da trắng náo nức thật lực. Bi giờ, sáng nào cũng có một lô một xốc bọn họ đến, buộc ngựa, tha thẩn quanh đấy, chỉ chờ nghe cái vật í bắt đầu tạch tạch. Họ biểu đó là tin tức từ nhiều nơi khác nhau truyền qua dây thép tận trên các đầu cột kia”.
“Amôx, khoan đã, nầy...”, Tôm chậm rãi nói “Chú bẩu nó truyền tin dưng không nói, mà chỉ tạch tạch thôi ư?”.
“Vâng, thưa ông Tôm, y như một con châu chấu gộc í. Tôi thấy tuồng dư ông ký ga làm cách nào đấy để ghi từ cái í ra thành chữ cho đến khi nó dừng lại. Rồi loáng sau, ông í bước ra ngoài và nói cho dững người kia biết mọi chuyện trong đó”.

“Dững cái người da trắng í quả là một cái gì!” Matilđa thốt lên. “Chúa đã phán mà!” Bà nhìn Amôx, hớn hở gần như Kitzi-bé.
Amôx, rõ ràng là thoải mái hơn trước nhiều, lúc này không cần ai giục cũng tự động kể thêm một điều kỳ diệu nữa.
“Ông Tôm, ông đã bao giờ vào xưởng sửa chữa hỏa xa nào chưa?”
Tôm đang thầm khẳng định là anh ưa gã trai trẻ này, vẻ như, cuối cùng, em gái anh đã chọn gã để cùng nhau nhảy chổi, gã có cốt cách đáo để. Xem ra gã là người chân thật, vững vàng.

“Không, chú ạ, tui chưa từng,” Tôm nói – “Vợ chồng tui thường đánh xe qua khu cơ xưởng của công ty, dưng mà tui chưa bao giờ vào bên trong một ngôi nhà nào ở đó”.

“Ấy, tui đã nhiều lần bưng khay đựng thức ăn từ khách sạn đến cho các người ở cả mười hai xưởng khác nhau và tui cho xưởng rèn là bận rộn nhất. Ở đấy, họ làm dững việc dư là uốn thẳng lại những cái trục toa to tướng bị cong, chữa đủ mọi thứ hỏng hóc của toa xe, mấy lị làm đủ các loại bộ phận làm cho tầu chạy. Dững cái tời ở đấy to dư dững khúc gỗ, bắt vít vào trần nhà, và ước chừng mười hai đến mười lăm thợ rèn mỗi người có một nhọ giúp việc quay dững cái vồ và búa tạ to chưa từng thấy. Họ có dững lò rèn đủ to để quay được đến hai ba con bò nguyên cả con, và một nhọ giúp việc bẩu tui là dững cái đe của họ nặng tới tám trăm pao!”.
“Huýt!” Tôm huýt gió rõ ràng là bị ấn tượng mạnh.
“Đe của anh nặng bao nhêu, anh Tôm?” Airin hỏi.
“Khoảng hai trăm pao và không phải ai cũng nhấc nổi nó”.
“Amôx...” Kitzi-bé nhắc, “anh không kể gì về cái khách sạn mới của anh, nơi anh làm việc!”.
“Khoan đã nào, đâu phải khách sạn của tui!” Amôx cười nhe cả hai hàm răng. “Rành là tui dững hước hao giá nó là của tui! Họ hốt bạc! Lạy chúa! Phải, chắc mọi người đều biết cái khách sạn í xây dựng chưa được bao lâu. Người ta biểu một số ông lền ông cáu tiết là vì ông chủ công ty đường sắt nói chuyện mấy họ, dưng lại chọn bà Nanxi Hilơd làm quản lý khách sạn. Chính bà là người đã tuyển tui vào vì nhớ hồi đang nhớn, tui làm cho gia đình bà rất cần cù. Đại khái, khách sạn có ba mươi phòng với sáu buồng vệ sinh ở sân sau. Khách phải giả một đôla một ngày tiền thuê phòng, chậu rửa mặt, khăn tắm cùng với các bữa ăn sáng, trưa, tối và ghế ngồi chơi ở cổng tiền. Thi thoảng, tui nghe thấy bà Nanxi rầy la về chuyện phần lớn công nhân đường sắt làm rây bê bết dầu mỡ và bồ hóng vào dững khăn trải giường trắng bốp của bà, dưng bà lại nói, thôi được, chí ít họ cũng tiêu hết mọi thứ họ kiếm được, cho nên họ góp phần làm cho khu cơ xưởng của công ty phát đạt lên!”.

Một lần nữa Kitzi-bé lại gợi cho Amôx của mình: “Còn chuyện phục vụ ăn uống cho hàng bao nhêu người đi tầu thì sao?”.

Amôx mỉm cười: “À, việc này làm bầy tui bận bịu chưa từng thấy! Nầy nhé, hàng ngày có hai chuyến tàu khách, một chuyến chạy về phía đông, chuyến kia phía tây. Trên đường đến Mrếc Linxvil hoặc Hilxborô, tùy theo tầu đi theo hướng nào, trưởng tàu đánh điện tín trước cho khách sạn biết có bao nhêu hành khách và nhân viên trên tầu. Và khi chuyến tầu í đến ga bầy tui, xin nói để các vị biết, bà Nanxi đã cho bầy tất cả đồ ăn lên dững dãy bàn dài, nóng xốt, bốc hơi nghi ngút và tất cả cánh giúp việc bầy tui cứ là tíu tít hầu bàn! Xin nói là ê hề, nào chim cun cút, nào dăm bông, nào gà thỏ, nào thịt bò, thôi thì đủ các loại xà lách trộn, rau thì muốn kể thứ gì cũng có, cùng với cả một bàn toàn đồ tráng miệng! Người kéo ra ùn ùn từ đoàn tầu to tướng đậu ở đấy hai mươi phút để cho họ đủ thì giờ ăn uống trước khi trở lại toa và nó bắt đầu tu tu xịch xịch đi tiếp!”.
“Còn dững người chào hàng, anh Amôx!”. Kitzi-bé kêu và mọi người mỉm cười trước vẻ tự hào của cô.

“Phải”, Amôx nói. “Họ là dững người mà bà Nanxi rất thích cho trọ ở khách sạn! Thi thoảng, hai, ba người chào hàng cùng ở một chuyến tàu xuống ga, tui mấy một nhọ nữa vội vàng đến xách va-li cho họ cùng với những hòm đen nặng, bọc lưới da mà bầy tui biết là đầy dững mẫu hàng, và đưa họ về khách sạn. Bà Nanxi biểu họ là dững tay hào hoa phong nhã chính cống, luôn luôn sạch sẽ tinh tươm và thực sự trân trọng việc họ được săn sóc tử tế, và tui cũng thích họ. Một số rất nhanh nhẩu chi năm xu, một hào thưởng công xách cặp hoặc đánh giầy cho họ, hoặc dững việc gần dư không đáng kể! Họ tắm táp cẩn thận rồi dạo quanh thị xã, trò chuyện mấy mọi người. Ăn chiều xong, họ ngồi chơi ở cổng, hút hoặc nhai thuốc lá, ngắm nhìn hoặc nói chuyện cho đến lúc lên gác đi ngủ. Rồi sáng hôm sau, điểm tâm xong, họ gọi một người trong cánh nhọ bầy tui mang dững hòm mẫu hàng đến cửa hiệu thợ rèn thuê một con ngựa, một cỗ xe với giá một đôla một ngày và họ đánh xe đi bán hàng cho hầu khắp các cửa hàng dọc dững con đường trong quận này, là tui gẫm thế...”

Hoàn toàn thán phục Amôx được làm việc giữa những điều kỳ diệu như vậy, anh chàng Joóc-con phục phịch kêu lên hồn nhiên: “Amôx chú mầy, ta không ngờ chú mầy đang sống ra cái gì đấy!”.

“Bà Nanxi biểu hỏa xa là cái bất hủ nhất kể từ khi biết dùng ngựa”. Amôx khiêm tốn nhận xét. “Bà í biểu bao giờ có thêm nhều đường sắt nối liền nhau, mọi sự sẽ không bao giờ còn dư cũ nữa”.

Chương 108

Joóc-Gà ghìm con ngựa đẫm mồ hôi chậm lại vừa đủ cho nó ngoặt lại gấp từ đường cái lớn vào lối hẻm, rồi đột nhiên hai tay ông giật lên khiến dây cương căng ra. Đúng chỗ này đây, nhưng kể từ dạo ông thấy nó lần trước..., thật không thể tin được. Bên kia con đường hẻm lút cỏ, ngôi nhà của ông Liơ thủa xưa mầu vàng sẫm, giờ trông xám xịt, nham nhở những mảng vôi cũ tróc lở, một số ô kính cửa sổ vỡ phải nhét giẻ vào, mái thì vá víu lung tung và một bên gần như võng xuống. Cả những cánh đồng kế cận cũng cằn cỗi, không còn gì ngoài những thân rơm khô héo bên trong những hàng rào gỗ sẻ siêu vẹo.

Bàng hoàng, ngơ ngác ông buông lỏng cương cho ngựa đi tiếp, tự lách đường qua đám cỏ. Đến gần hơn ông thấy cái cổng xiên xẹo của đại sảnh, những bậc thềm trước lở lói, và tất cả các mái lều gỗ xóm nô đều sụt xuống. Không thấy một con mèo, một con chó hoặc một con gà nào khi ông tụt xuống ngựa, cầm cương dắt nó đi dọc theo mé nhà đến sân sau.

Ông cũng không kém sửng sốt khi thấy bà cụ già khụ ngồi còng lưng trên một khúc gỗ, nhặt rau xà lách vứt cuộng xuống đất quanh chân và bỏ lá vào một cái chậu rửa nứt nẻ, han gỉ. Ông nhận ra đó ắt hẳn là bà Malizi nhưng khác đi quá đỗi đến mức không tin được. Ông hắng giọng to một cách không cần thiết, khiến bà cụ chú ý.

Bà Malizi ngừng nhặt rau. Bà ngẩng đầu lên, nhìn quanh, rồi trông thấy ông, song ông có thể nói chắc là bà chưa nhận ra ông là ai.

“Bà Malizi!” ông chạy lại gần hơn, dừng lại phân vân khi thấy mặt bà cụ vẫn có vẻ thắc mắc. Nheo mắt lại, bà tập trung nhìn ông cho rõ hơn... rồi đột nhiên, tỳ mạnh một tay xuống khúc gỗ, bà rướn người dậy. “Joóc... có phải cái thằng Joóc đây không?”.
“Phải, bà Malizi ạ!” Bây giờ, ông chạy bổ đến nắm lấy và ôm ghì thân hình to lớn mà bèo nhèo của bà lão, gần muốn khóc. “Lạy chúa, nhỏ bao lâu nay ở đâu? dạo xưa cứ quen có mầy ở quanh đây suốt!”.

Giọng và lời bà có một cái gì trống vắng, như thể bà không biết rằng một khoảng thời gian gần năm năm đã trôi qua. “Ở tận bên kia biển, bên nước Anh í, bà Malizi ạ. Chọi gà ở bên í... Bà Malizi, mẹ con, vợ con con đâu rồi?”

Mặt bà cũng đờ đẫn, thất thần như không còn khả năng xúc động, bất kể điều gì khác có thể xảy đến. “chẳng còn ai ở đây nữa, nhỏ ạ”. Bà có vẻ ngạc nhiên là ông không biết điều đó. “Đi tuốt cả rồi, còn có mình tao mấy ông chủ...”
“Đi đâu, bà Malizi?”. Giờ đây ông biết đầu óc bà lão đã lẫn cẫn. Bà giơ một bàn tay hum húp ra hiệu về phía khu rừng liễu nhỏ dưới xóm nô. “Mẹ mầy... Tên bà í là Kitzi... Nằm ở kia kìa...”

Một tiếng nấc hự dâng lên và bật khỏi cổ họng Joóc-Gà. Ông vội đưa tay lên bịt miệng.
“Cả Xerơ nữa, bà í cũng nằm đấy... và bà cụ chủ... ở sân trước – mầy cưỡi ngựa qua mà không thấy bà í ư?”
“Bà Malizi, Tilđa mấy các con con đâu?”

Ông không muốn thúc hối bà lão. Bà phải nghĩ một lúc.
“Tilđa à? Ừ, Tilđa xưa là đứa con gái ngoan, rành thế. Đẻ một lũ một lĩ con nữa. Ừ, nhỏ này, mày phải biết chứ, ông chủ đã bán tất cả bọn nó đi từ lâu rồi...”
“Đâu, bà Malizi, bán đi đâu?”. Cơn điên khùng tràn ngập ông. “Ông chủ đâu bà Malizi?”.

Đầu bà quay về phía đại sảnh. “còn ngủ trong kia, tau chắc thế. Say bét nhè, phải muộn mới dậy, gào ăn... Chả có thức ăn gì mấy... Nhỏ, mầy có mang gì đến để nấu nướng không?”

Ném một câu “Không ạ” trả lời bà lão bối rối, Joóc-Gà lao qua nhà bếp ngổn ngang và dãy hành lang tróc lở, vào căn phòng khách lộn xộn hôi hám để dừng lại dưới chân chiếc cầu thang ngắn, giận dữ gọi ầm lên: “Mexừ Liơ!”

Ông đợi một thoáng ngắn.

“MEXỪ LIƠ!”

Sắp sửa định chạy bổ lên cầu thang thì ông nghe thấy có tiếng động đậy. Sau một lát, từ khung cửa lớn bên phải, một bóng người đầu tóc bù xù nhô ra, ngó xuống phía dưới.

Qua cơn giận, Joóc-Gà đứng ngây bàng hoàng, không nói lên lời trước con người vốn là ông chủ mình nay chỉ còn là cái vỏ gầy guộc râu tóc lởm chởm không cạo, hiển nhiên là ông đã mặc cả bộ đồ quần áo ấy mà ngủ. "Mexừ Lio đấy ư?"

"Joóc!" Người ông già giật lên trông thấy. "Joóc!" Ông chệnh choạng bước xuống những bậc cót két, dừng lại ở chân cầu thang; họ đứng nhìn nhau trân trân. Trong gương mặt hốc hác của mexừ Lio, đôi mắt bỗng ươn ướt, rồi với một tiếng cười the thé, ông dang rộng hai tay xô đến để ôm Joóc-Gà. Ông này bước né sang một bên, nắm lấy đôi tay xương xẩu của mexừ Lio, lắc thật mạnh.

"Joóc, anh về, ta rất mừng! Anh đã đi những đâu? Đáng lẽ anh phải về đây lâu rồi!".

"Vâng, vâng. Ngài Raxel vừa mới buông cháu ra. Và cháu mất tám ngày đi từ chỗ tàu cập bến Rích mơnđ đến đây".
"Vào trong này! Vào nhà bếp cái!". Mexừ Lio kéo cổ tay Joóc-Gà. Và khi họ tới đó, ông kéo rẹt hai chiếc ghế của cái bàn gẫy. "Ngồi sau, cu! Lizi! Bình rượu của tôi đâu! Lizi".
"Tôi đang đến đây, ông chủ..." tiếng bà già từ bên ngoài vọng vào. "Bà ấy đâm lẫn cẫn từ dạo anh đi, không còn phân biệt được hôm qua với ngày mai nữa". mexừ Lio nói.
"Ông chủ, gia đình cháu đâu?"

"Cu, ta hãy uống một chén đã, rồi nói chuyện sau. Bao lâu ở với nhau, ta chưa bao giờ uống với nhau! Rất mừng thấy anh về, rốt cuộc thế là có người để chuyện trò!"
"Không uống trước khi nói chuyện đâu, ông chủ! Gia đình tui đâu...".
"LIZI".
"Dạ..." Thân hình đồ sộ của bà di chuyển qua khung cửa, bà tìm thấy và đặt một cái bình cùng vài chiếc ly lên bàn rồi trở ra ngoài như không hề biết đến Joóc-Gà và mexừ Lio đang nói chuyện ở đó.

"Phải, cu ạ, ta thật xót thương mẹ anh. Bà ấy già quá đấy thôi, bà ấy không đau đớn gì mấy và đi nhanh chóng. Ta đặt bà ấy trong một ngôi mộ tử tế..." mexừ Lio vừa nói vừa rót rượu cho cả hai.

Cố tình không nhắc đến Tilđa và các con mình, ý nghĩ đó vụt lóe lên trong óc Joóc-Gà. Chả thay đổi tí nào... Vẫn thủ đoạn và nguy hiểm dư con rắn, phải giữ đừng để cho ông ta nổi máu điên.

"Ông có nhớ dững điều cuối cùng ông nói mấy cháu không, ông chủ? Ông biểu thả cho cháu tự do ngay khi cháu trở về. Thì cháu đã về đấy!".

Nhưng mexừ Lio không tỏ vẻ gì là có nghe thấy mà chỉ đẩy ly rượu đầy tới ba phần tư qua phía bên kia bàn. Rồi nâng ly của mình. "Này, cu. Ta hãy uống mừng anh trở về...".

Mình cần cái nầy... Uống một hơi cạn ly rượu, Joóc-gà cảm thấy nó trôi xuống họng cay xè và làm nóng xực trong người.
Ông lại thử đi đường vòng: "Ông chủ, cháu rành là ái ngại, nghe bà Malizi nói là ông đã mất bà chủ".
Uống nốt ly rượu, rồi ầm è, mexừ Lio nói: "Đơn giản là một buổi sáng, bà ấy không dậy nữa, có thế thôi. Ta rất không muốn thấy bà ấy đi. Từ cái cuộc thi chọi gà ấy, bà không để ta yên một phút nào. Nhưng ta thật không muốn bà ấy đi. Không muốn thấy ai đi sất". "Ông ợ. Tất cả chúng ta ai cũng phải đi.."
Ông í chưa đến nỗi dư bà Malizi, dưng mà cũng sắp sửa. Giờ đây, Joóc đi thẳng vào vấn đề.
"Tilđa của tui và các con tui, ông chủ, bà Malizi biểu ông đã bán họ..."
Mexừ Lio liếc nhìn ông. "Phải, bắt buộc, cu ạ. Bắt buộc phải thế! Vận rủi dồn ta cùng đường, quá tệ. Ta bắt buộc phải bán đi gần hết đất đai, bán mọi thứ, mẹ kiếp, đến cả lũ gà nữa!".

Đã sắp nổi đóa, Joóc-Gà bỗng chững lại.
"Cu ạ, ta bây giờ nghèo xơ xác, ta và Malizi gần như vớ được gì ăn nấy!". Bỗng nhiên ông cười cùng cục. "Mẹ kiếp chắc bây giờ chả có gì sất! Ta vốn sinh ra bần hàn mà!". Ông trở lại nghiêm túc. "Nhưng bây giờ anh đã về, anh với tôi có thể gây lại cái cơ đồ này, anh nghe không, tôi biết hai ta có thể làm được, cu ạ".

Tất cả cái gì đã ngăn Joóc-Gà khỏi xông vào tấn công mexừ Lio là cái ý thức ức chế ông suốt đời do biết rõ hậu quả tự nhiên của việc phạm tới thân thể bất kỳ người da trắng nào. Nhưng cơn giận đẩy ông gần tới chỗ đó. "Ông chủ ạ, ông đã đẩy tui đi khỏi đây với lời hứa hẹn cho tui tự do! Dưng mà tui trở về, thậm chí ông đã bán cả gia đình tui đi. Tui cần giấy tờ của tui và cần biết vợ con tui giờ ở đâu, ông chủ!".

“Ta tưởng đã nói cho anh biết cái đó rồi chứ! Bọn nó bên quận Alomenx, chỗ nhà điền chủ tên là Marê, ở cách các cơ xưởng hỏa xa không bao xa...”. Mexừ Lio nheo mắt lại. “Mày to tiếng với ta đó, cu?”.
Alomenx... Marê... Cơ xưởng hỏa xa. Khắc vào trí nhớ những tiếng then chốt đó, Joóc-Gà lúc này cố làm ra vẻ ân hận: “Xin lỗi, tại cháu hơi nóng đấy thôi, chứ không chủ ý, ông chủ ạ...”

Ông chủ có vẻ phân vân, rồi cho qua. Mình cần lựa lời dỗ ông ta đưa cái giấy ông ta đã viết cho mình được tự do. “Ta đã sa sút, cu ạ!”. Cúi khom khom qua mặt bàn, ông chủ hiếng mắt, dữ tợn. “Anh nghe thấy không? Chẳng ai biết được ta sa sút đến mức nào đâu... Ta không muốn nói về mặt tiền nong thôi đâu...”. Ông chỉ vào ngực mình “Sa sút ở trong này này!”. Ông có vẻ cần một câu trả lời.
“Vâng”.
“Ta đã trải qua những ngày cơ cực, cu ạ! Bọn chó đẻ, khi thấy ta đến thường gào tên ta từ bên này sang bên kia đường. Ta nghe thấy chúng cười diễu sau lưng ta. “Quân chó đẻ!”. Một nắm đấm xương xẩu nện xuống mặt bàn. “Ta đã thề trong tim là Tom Lio sẽ cho chúng biết tay! Bây giờ, anh trở về. Kiếm một loạt gà nữa! Bất kể đã tám mươi ba... Chúng mình có thể làm được chứ cu?”.
“Ông chủ...”
Mexừ Lio nheo mắt lại: “Ta quên mất anh bao nhiêu tuổi rồi, cu nhỉ?”.
“Bi giờ là năm tư, thưa ông chủ”.
“Làm gì đến!”
“Đến đấy thưa ông chủ. Chẳng mấy nữa là năm nhăm...”
“Mẹ kiếp ta thấy mày ngay từ buổi sáng mầy ra đời. Thằng nhọ con da màu rơm nhăn nheo...”. Mexừ Lio cười cùng cục. “Mẹ kiếp, chính ta đặt tên cho mày”.

Tự rót cho mình một ly vơi hơn sau khi Joóc-Gà xua tay từ chối, mexừ Lio đảo mắt vội và ngó quanh như để chắc dạ là chỉ có mình họ ở đó. “Thiết nghĩ chả cần giấu mày làm gì, ta đánh lừa bọn chúng tuốt! Bọn nó tưởng ta không còn gì nữa...”. Ông nhìn Joóc-Gà vẻ âm mưu. “Ta có tiền! Không nhiều lắm... Ta cất giấu kỹ. Chẳng có ai ngoài ta biết chỗ!”. Ông nhìn Joóc-Gà lâu hơn. “Cu cậu ạ, khi nào ta đi mày có biết ai sẽ được những gì ta có không? Ta hãy còn mươi âycơ nữa cơ. Ruộng đất cũng như tiền gửi nhà băng! Bất cứ cái gì ta có đều sẽ về mày. Giờ đây mày là người thân cận nhất của ta, cu ạ”.

Ông có vẻ đang vật lộn với điều gì. Ông cúi lại gần hơn, vẻ lén lút “Mẹ kiếp, chả cần gì phải tránh không nhìn thẳng vào sự thật. Chúng mình có liên quan máu mủ với nhau, nhỏ ạ”.

Rành là ông ta đã xuống tận đáy rồi nên mới nói ra cái đó. Lòng dạ như thắt lại, Joóc-Gà ngồi lặng câm.
“Hãy ở lại đây, dù chỉ một thời gian ngắn, Joóc ạ...”. Bộ mặt say uytxki khẩn khoản. “Ta biết con không phải loại quay lưng lại với những người đã giúp con trong cuộc đời này”.

Đúng trước khi mình đi, ông í đã đưa mình xem tờ chứng chỉ tự do ông í viết và ký tên vào, biểu là sẽ giữ trong két. Joóc-gà hiểu ra rằng ông còn phải chuốc rượu cho mexừ say hơn nữa. Ông ngắm nghía thật kỹ bộ mặt bên kia bàn, bụng nghĩ ông í còn độc có mỗi một thứ là nòi da trắng mà thôi...

“Thưa ông chủ, cháu sẽ không bao giờ quên là ông đã nuôi nấng cháu – rất ít có người da trắng tốt như vậy...”
Đôi mắt ươn ướt sáng lên. “Dạo ấy, anh chỉ là một thằng nhọ con lao động. Ta rành nhớ...!”
“Dạ, ông mấy bác Mingô...”
“Lão già Mingô! Cái thời lão ấy! Tay nhọ luyện gà cừ nhất đấy...”. Đôi mắt rớm lệ tập trung nhìn xoáy vào Joóc-Gà “... cho đến khi anh học thành tài... ta bắt đầu mang anh đi các cuộc đấu và để Mingô lại...”
“... hy vọng mầy với ông chủ giao cho tau cho gà ăn...”. Nhớ lại cái giọng cay đắng của bác già Mingô, ông vẫn còn thấy khổ tâm.
“Ông chủ ạ, ông còn nhớ cái đận ta sắp đi dự một cuộc đấu lớn ở Niu Oliânz không?”.
“Tất nhiên! Rồi lại không đi nữa...”. Trán ông nhăn lại.
“Là vì ngay trước khi lên đường thì bác Mingô chết”.
“Phải, lão Mingô giờ nằm dưới những cây liễu kia”. Cùng mấy mẹ mình, mấy bà Xerơ, và cả bà Malizi nữa, khi nào bà í đi, tuỳ theo ông hay bà í đi trước. Joóc tự hỏi hai con người này, nếu mất đi một, không biết người kia sẽ ra sao.
“Cu này, anh có nhớ hồi ta cho anh cái giấy thông hành để đi bắt tất cả các hĩm anh muốn không?”.
Giả vờ cười hô hố, Joóc-Gà cũng đấm bàn, trong khi ông chủ hỏi tiếp. “Ta làm thế là rất phải, vì dạo ấy anh là con ngựa đực khoẻ nhất ta từng thấy. Và cả hai ông con đều bắt được khối hĩm trong những chuyến đi, cu nhỉ! Ta biết anh có món và anh cũng biết ta có món...”
“Dạ! Rành thế, thưa ông chủ!”.
“Và anh bắt đầu chọi gà hạ cấp và ta cho tiền anh đánh cá và anh được lia lịa!”

“Vâng, rành là đúng ạ! Đúng thế!”.
“Cu này, chúng ta đã từng là một ê-kíp, chúng ta đã từng là thế!”. Joóc-Gà bất chợt thấy mình hầu như bắt đầu chia sẻ nỗi rạo rực trong việc ôn lại kỷ niệm cũ; ông cũng cảm thấy chếnh choáng hơi men uytxki. Ông bèn tự nhắc mình nhớ đến mục tiêu. Với tay qua bàn nhấc bình rượu lên, ông rót vào ly mình chừng một đốt ngón tay, nắm vội lấy thành ngoài ly để che giấu lượng rượu ít ỏi, trong khi vươn tay sang rót cho mexừ Lio chừng ba phần tư ly. Ông giơ chiếc ly bọc kín trong nắm tay lên, làm ra vẻ loạng choạng, giọng lè nhè: “Chúc ông chủ mọi nơi mọi tốt! Dư dững người Anh nói: Tợp một hơi! Nào”.

Nhấm nháp ly của mình, ông theo dõi mexừ Lio nốc ừng ực. “Cu ạ, anh cảm thông thế, ta thật hởi lòng...”
“Chạm cốc lần nữa!”. Hai chiếc ly được giơ lên. “Tên nhọ ưu tú nhất ta từng có!”. Họ cạn ly.

Đưa một mu bàn tay nổi gân xanh lên chùi mồm, họ sục sặc vì độ sốc của uýtxki, mexừ Lio cũng lè nhè. “Cu, mày không nói gì với ta về cái lão người Anh ấy... Tên lão ta là gì nhỉ?”.

Ngài Raxel, thưa ông chủ. Ông í tiền nhều đếm không xuể. Có hơn bốn trăm gà nòi tha hồ chọn để đem đi chọi...”. Rồi sau khi dụng ý dừng một lát: “Dưng mà thưa ông chủ, ông í đâu phải là tay chơi chọi gà tầm cỡ dư ông”.
“Mày nói thật tình đấy chứ, cu?”.
“Một là ông í không tinh bằng. Mấy lị không phải bậc tu mi nam tử dư ông! Ông í chỉ giàu và may mắn thôi... Không phải hạng người da trắng dư ông, thưa ông chủ!”. Joóc-Gà nhớ lại là đã nghe lỏm thấy ngài X. Eric Raxel nói với bạn bè: Ông chủ của Joóc là một tay chọi gà lẫy lừng.

Đầu mexừ Lio oặt xuống, ông lại hất hẳn lên, đôi mắt cố gắng tập trung nhìn Joóc-Gà. Không biết ông ta để cái két ở đâu nhỉ? Joóc-Gà nghĩ bụng số phận quãng đời còn lại của ông biết mấy tùy thuộc vào việc giành đoạt lấy mảnh giấy vuông vắn vẫn in rõ mồn một trong trí nhớ ông, với số chữ viết có lẽ nhiều gấp ba tờ thông hành, bên trên chữ ký.
“Ông chủ, cháu có thể xin ông thêm tí riệu nữa được không?”.
“Việc gì mày phải hỏi, cu... mày muốn bao nhiêu cũng được”...
“Cháu biểu mấy nhều người Anh là cháu có ông chủ tốt nhất trên đời... không ai nghe thấy cháu nói đến chuyện ở lại bên í bao giờ... ấy, ly của ông chủ gần cạn rồi kìa, ông chủ...”
“... chỉ một chút nữa là đủ... không, mày không phải là cái loại ấy, cu ạ... không bao giờ gây rắc rối thật sự cho tao cả...”
“Vâng... nào, lại xin nâng cốc chúc mừng ông...” Họ uống, một chút rượu rớt xuống cằm ông chủ. Joóc-Gà đang cảm thấy ngấm rượu hơn thì bỗng nhiên ngồi thẳng người dậy, trông thấy đầu ông chủ ngả dần xuống mặt bàn...
“Ông bao giờ cũng tốt với các nhọ khác nữa, thưa ông chủ...”
Cái đầu lúng liếng, gục xuống “Ta đã cố như thế, cu ạ... đã cố”... Bặt tiếng.
Chắc là, ông ta say mềm rồi. «Vâng, ông mấy cả bà chủ đều... »
“Một phụ nữ tốt... Về nhiều mặt”...
Lúc này ngực ông chủ cũng đã chạm mặt bàn. Nhấc ghế lên thật nhẹ nhàng, không để động mạnh, Joóc-Gà đợi một lúc, nín thở hồi hộp. Đi tới cửa vào đại sảnh, ông dừng lại, rồi gọi không to lắm: “ông chủ! ông chủ!”
Quay ngoắt lại như một con mèo, trong mấy giây, ông lục tất cả các ngăn kéo trong mọi thứ đồ đạc ở phòng trước. Dừng lại, chỉ nghe thấy tiếng mình thở, ông rảo bước, vừa đi vừa nguyền rủa tiếng sàn kêu cót két.
Chỉ riêng việc đột nhập vào phòng ngủ một người da trắng đã là một chấn động mạnh đối với ông. Ông dừng sững... Bất giác bước lùi lại, ông thoáng thấy cả một mớ lộn xộn. Trấn tĩnh nhanh chóng, ông lại bước vào, bao vây bởi những mùi nồng nặc lẫn lộn của rượu uýtxki với nước tiểu, mồ hôi và quần áo bẩn chưa giặt giữa đống chai không. Rồi như bị ốp đồng, ông mở tung các thứ, gạt bừa sang bên, lục lọi một cách vô hiệu. Có lẽ ở dưới gầm giường. Giận dữ quỳ thụp xuống, ngó ngó nghiêng nghiêng, ông nhìn thấy cái két nhỏ.
Vồ lấy nó, loáng một cái, ông đã trở xuống cầu thang, nhẹ nhàng đi qua hành lang. Thấy ông chủ vẫn gục trên bàn, ông quay lại, hối hả qua cửa trước. Quành mé nhà, ông lấy tay vặn khoá định mở chiếc két sắt. Lên ngựa đi đã – rồi phá nó sau. Song ông phải biết chắc là mình đã nắm được tờ chứng chỉ tự do.
Khúc gỗ để bổ củi ở sân sau níu luồng mắt ông lại, cùng với chiếc rìu nằm bên cạnh, dưới đất. Gần như nhảy chồm tới, nhấc đánh phắt chiếc rìu lên, đặt cái két trên khúc gỗ, mặt khoá ngửa lên, ông bổ một nhát bửa tung nó ra. Tiền giấy, tiền đồng, những tờ giấy gấp văng ra, và mở vội những giấy đó, ông nhận ra ngay tờ chứng chỉ.

“Mầy làm chi đấy, nhỏ?”
Ông giật nẩy mình. Nhưng đó chỉ là bà Malizi ngồi trên khúc gỗ của mình, thản nhiên như không, lặng lẽ nhìn.
“Ông chủ biểu sao?” bà hỏi một cách lơ đãng.
“Con phải đi đây, bà Malizi ạ!”
“Ờ, thiết tưởng mầy đi đi thì hơn, rồi...”
“Con sẽ biểu Tilđa mấy các cháu là bà chúc tất cả tốt lành...”

“Thế thì tốt, nhỏ ạ... cẩn thận nhá...”

“Vâng...” Vội vội vàng vàng, ông ôm chặt lấy bà lão hôn. Mình phải chạy ra thăm cái mộ mới được. Nhưng rồi nghĩ rằng nên nhớ lại hình ảnh mẹ Kitzi của mình cùng bà Xerơ như hồi họ còn sống thì hơn, Joóc-Gà lướt nhanh một cái nhìn cuối cùng bao quát cái quang cảnh đổ nát nơi ông đã sinh trưởng; bất thình lình khóc oà lên, ông nắm chặt tờ chứng chỉ tự do, chạy vút tới nhảy lên mình ngựa, ngồi trước hai cái bọc đựng các đồ lề hành trang của ông, phóng nước đại qua lớp cỏ cao của con đường hẻm, không ngoái nhìn lại.

Chương 109

Bên dẫy hàng rào ven đường cái lớn, Airin đang bận rộn hái lá để ép lấy hương thì chợt nghe thấy tiếng vó ngựa phi và ngước nhìn lên. Chị há hốc mồm khi trông thấy người cưỡi ngựa quấn một chiếc khăn quàng cổ màu xanh bay phất phơ và đội một chiếc mũ quả dưa đen với một chiếc lông đuôi gà trống cong cong chòi lên khỏi băng mũ.

Vẫy tay rối rít, chị chạy nhanh về phía đường cái, gào đến vỡ phổi: "Joóc-Gà! Joóc-Gà!". Người cưỡi ngựa ghìm cương lại ngay bên kia hàng rào, con vật đẫm mồ hôi thở phập phồng, nhẹ nhõm.

"Cô gái, ta có biết cô không nhỉ?" ông hỏi, mỉm cười lại với chị.
"Không ạ, chúng ta chưa gặp nhau bao giờ, dưng mà anh Tôm, mẹ Tilđa mấy cả gia đình nói chuyện về ông nhiều đến nỗi cháu biết rõ hình dạng ông dư thế nào".

Ông nhìn chị chằm chằm: "Tôm và Tilđa của ta?".
"Vâng! Vợ ông và chồng cháu – bố của các con cháu!".

Ông phải mất vài giây mới hiểu ra. "Con và Tôm đang có một đứa bé hả?". Chị gật đầu, tươi cười và vỗ vỗ cái bụng chửa: "một tháng nữa đến cữ!". Ông lắc đầu! "Lạy chúa toàn năng! Tên con là gì?".
"Airin ạ!".

Sau khi bảo ông cứ cưỡi ngựa đi tiếp, Airin vụng về rảo bước đến mức nhanh nhất mà chị dám, cho tới chỗ có thể gọi với sang một khu vực khác của đồn điền nơi Vơjơl, Asfođ, Joóc-con, Jêimz, Luyx, Kitzi-bé và Lili Xiu đang trồng cây. Nghe thấy chị hú gọi, Kitzi-bé lo lắng chạy vội tới rồi lại lao đi chuyển tiếp cái tin bất ngờ. Tất cả hỗn hển tới xóm nô, hò la và xộn rộn quanh ông bố, bà mẹ và Tôm, ai nấy đều cố ôm lấy bố ngay tức thì, cho đến khi ông Joóc-Gà bị đẩm thùm thụp và quay cuồng – đâm chìm ngợp hoàn toàn bởi sự đón tiếp dành cho mình.

"Có lẽ tốt nhất là các con nghe tin buồn trước" và ông báo cho gia đình biết: bà nội Kitzi và bà Xerơ đã mất. "Cả bà cụ chủ Liơ cũng đi rồi..."

Khi cơn buồn về những mất mát đó đã nguôi nguôi phần nào, ông bèn mô tả hình dạng bà Malizi và, sau đó, cuộc gặp gỡ của ông với mexừ Liơ, kết cục đi đến tờ chứng chỉ tự do mà ông phô ra một cách đắc thắng. Ăn tối xong, đêm xuống, gia đình vui sướng xúm quanh Joóc khi ông đi vào câu chuyện về gần năm năm ở trên đất Anh.

"Nói thật mấy các con, thiết tưởng bố phải làm một năm nữa mới kể hết những gì bố đã thấy, đã làm ở bờ biển bên kia! Lạy chúa!". Nhưng bây giờ, ít ra ông cũng phác cho họ biết mấy nét nổi bật về sự giàu sang phú quý và uy tín xã hội của ngài X. Eric Raxet, về đàn gà nòi chính tông có dòng giống lâu đời và bách chiến bách thắng của ông, và về chuyện bản thân ông, với tư cách là một chuyên gia luyện gà người da đen từ Mỹ sang, đã tỏ ra hấp dẫn như thế nào đối với những người mê chọi gà ở nước Anh, tại đó các phu nhân đài các thường dạo chơi, dắt theo những thằng bé người Phi mặc đồ nhung, lụa, bằng những dây xích vàng thắt quanh cổ chúng.

"Bố không nói dối đâu, bố mừng là đã trải mọi sự. Dưng mà chúa chứng giám là bố nhớ mẹ mấy các con ghê gớm".
"Rành là tui thấy chả có vẻ thế tí nào – hai năm mà kéo ra thành hơn bốn năm!" Matilđa nói, giọng gay gắt.
"Bà già chả thay đổi tí nào, phải không nhỉ?" Joóc-Gà nhận xét với các con đang buồn cười.
"Hừm! Ai già?" Matilđa quặc lại. "Đầu ông phô bạc nhều hơn đầu tui thì có!".

Ông cả cười vỗ vỗ vào vai Matilđa trong khi bà giả vờ làm ra vẻ rất bất bình. "Đâu phải tui không muốn trở về! Qua hai năm là tôi bắt đầu nhắc ngài Raxel ngay. Dưng mà sau một thời gian, một hôm ông í đến bỉu tui đang luyện gà của ông í tốt thế, cũng như rèn cặp gã thanh niên da trắng giúp việc tui, cho nên ông í quyết định gởi thêm một món tiền cho mexừ Liơ, bỉu là ông í cần tui một năm nữa – và tui gần dư phát điên lên được! Cơ mà tui làm thế nào đây? Tui đã làm hết sức mình – ông í phải viết vào thư dặn mexừ Liơ phải bảo đảm nói cho bà mấy các con biết chuyện gì đã xảy ra..."
"Ông í chả nói mấy bầy tui một lời nào sất" Matilđa kêu lên.
"Mẹ biết tại sao không? Hồi í, ông í đã bán chúng ta đi rồi còn gì".
"Rành là phải! Vì thế mà chúng ta không nghe tin".

“Ừ hứ! Ừ hứ! Thấy chưa? Không phải tại tui nhá!” Giọng Joóc-Gà có vẻ khoan khoái vì được biện minh.

Sau sự thất vọng cay đắng ấy, ông đã moi được ngài Raxel phải hứa rằng đấy là năm cuối cùng. “Rồi tui tiếp tục dấn tới, giúp cho gà của ông í thắng một mùa lớn chưa từng thấy – chí ít cũng là theo lời ông í nói mấy tui. Rồi cuối cùng ông í biểu ông í cảm thấy tui đã dạy gã thanh niên da trắng đủ sức thay thế tui và tui sắp có thể để chỗ nầy cứ thế tiếp tục, tui sướng ơi là sướng!”.

“Xin nói mấy tất cả một đều: Chả có mấy nhọ được cả hai xe chở người Anh đi tiễn, dư họ đã đưa chân tui đến Xaophemtơn đâu. Đấy là một thành phố to tướng bên cạnh bờ biển với không biết cơ man nào là tầu ra tầu vào. Ngài Raxel đã thu xếp cho tui đi khoang hạng bét trên cái tầu vượt đại dương.
“Lạy chúa! Tui chưa từng sợ dư thế bao giờ! Ra khơi chưa bao xa, tầu đã bắt đầu chòng chành, chồm lên chồm xuống dư con ngựa hóa dại. Nói gì đến chuyện cầu nguyện!” – ông lờ như không để ý đến cái “hừm!”của Matilđa – “tuồng dư cả đại dương đang lên cơn điên, muốn xé bọn tui ra từng mảnh vậy! Dưng mà cuối cùng biển tàm tạm lặng đi và thậm chí là êm ả tĩnh mạc khi bọn tui đến Niu Yoóc, ở đấy mọi người đều xuống khỏi tầu...”
“Niu Yoóc!” Kitzi bé kêu lên. “Làm gì ở đấy, bố!”.
“Con gái, bố đã chả kể nhanh hết sức mình là gì? Thế, Ngài Raxel đã đưa tền cho một sĩ quan trên tầu, dặn là chuyển tui sang một tầu khác về Richmơnđ. Cơ mà cái tầu mà người sĩ quan í xếp tui, phải năm, sáu hôm nữa mới rời bến. Cho nên tui đành đi dạo ngược xuôi trong cái thành phố Niu Yoóc nghe ngóng xem xét...”
“Ông trọ ở đâu?” Matilđa hỏi.

Nhà trọ cho người da mầu – thế cũng dư là nhọ, chứ bà nghĩ là còn ở đâu nữa? Tui có tền. Tui còn tền, ngay bây giờ trong túi yên ngoài kia kìa. Sáng mai, tui sẽ cho tất cả xem”. Ông tai quái liếc Matilđa. “tử tế, tui thậm chí có thể cho bà trăm đôla!”. Thấy bà khịt khịt mũi hoài nghi, ông nói tiếp: “Ngài Raxel í hoá ra lại là một người thật là tốt. Ông ta cho tui món tiền kha khá này ngay trước khi tui lên đường. Biểu là của tui hoàn toàn, thậm chí đừng có nói cho mexừ Liơ biết, mà bà mấy các con thừa biết tui nói làm gì.

“Cái chính tui đã làm ở Niu Yoóc là nói chuyện mấy nhều nhọ tự do ở đấy. Tui thấy hình dư phần đông bọn họ cố giữ cho khỏi chết đói, lại còn nghèo hơn cả chúng mình. Cơ mà cũng dư ta đã nghe nói: Một số sống khá lắm! Có nhều loại khác nhau, họ có dững món kinh doanh hoặc là dững việc lương cao bổng hậu. Một số có nhà riêng, số đông hơn thuê dững chỗ ở gọi là căn hộ, và trẻ con có dững đứa được học hành chút ít, đại loại dư thế.

“Nhưng mà tay nhọ nào nói chuyện với tui cũng tức điên lên về nỗi nhìn đâu cũng thấy cái bọn người da trắng di trú”... “Dững tay chủ trương bãi nô í à?” Kitzi bé kêu lên. “Con nói vậy hay là bố? Không! Chắc chắn là không phải! Theo dư bố hiểu, cánh bãi nô là dững người da trắng ở đất này ít nhất cũng lâu dư dân nhọ. Dưng mà cái đám mà bố đang nói đến, họ từ các tầu đổ vào Niu Yoóc, thực tế là tràn khắp miền Bắc. Họ chủ yếu là dân Ailen, họ nói dững gì mình chả hiểu nổi, và một lô xí xộ loại người kỳ cục khác thậm chí không biết nói tiếng Anh. Thực tế, bố nghe nói từ trên tầu bước xuống, chữ đầu tên họ học là “nhụa”, rồi tiếp đến là rêu rao rằng dân nhọ tranh việc làm của họ! Họ gây sự ẩu đả luôn – họ còn tệ hơn cả cánh cách-cơ!”.
“Chà, lạy Chúa, mong rằng họ đừng có tràn xuống đây!”. Airin nói.

“Nầy, bà nó mấy các con, phải mất một tuần nữa may ra bố mấy kể hết nữa dững đều tai nghe mắt thấy trước khi con tầu í đưa bố đến Richmơnđ”...
“Tui lấy làm lạ là ông còn lên cái tầu í đấy!”.
“Cái bà nầy, chả bao giờ bà để tui yên! Chồng đi hàng bao năm, mà bà làm dư tui mới đi hôm qua í!” giọng Joóc-Gà thoáng chút bực bội.

Tôm vội vàng hỏi: “Bố mua con ngựa ở Richmơn à?”.
“Đúng! Bẩy mươi đôla! Đấy là một con ngựa cái đốm nhanh thật là nhanh. Bố nghĩ người tự do cần có một con ngựa hay. Bố thúc nó phóng hết sức đến chỗ mexừ Liơ...”.

Đang vào đầu tháng tư, mọi người khác đều bận tối mắt tối mũi. Gần như cả gia đình đều đang ở cao điểm của mùa trồng cấy. Giữa bao công việc nào lau chùi, nào nấu nướng và hầu hạ ở đại sảnh, Matilđa có rất ít thời giờ rảnh rỗi. Các khách hàng của Tôm khiến anh luôn luôn phải làm cật lực từ rạng sáng đến tối mịt và cô nàng Airin chửa gần tám tháng cũng không kém bận bịu giữa những công việc linh tinh của mình.

Mặc, suốt tuần sau, Joóc-Gà vẫn gẫu chuyện với tất cả. Nhưng ở ngoài đồng, chẳng mấy chốc cả những người kia lẫn bản thân ông cùng sượng sùng nhận thấy rõ ràng rằng mọi thứ liên quan đến công việc đồng áng đều xa lạ đối với ông. Matilđa và Airin thường vội mỉm cười khi ông lại gần, rồi cũng vội vàng như thế, biện bạch, mong ông thông cảm là họ phải quay về với công việc đang làm. Mấy lần, ông ghé qua định trò chuyện một chút với Tôm

trong khi anh rèn, nhưng lần nào không khí cũng trở nên căng thẳng. Cánh nô lệ đang chờ thì bứt rứt ra mặt khi thấy việc mình chưa được chăm lo tới, các khách hàng da trắng thì dừng bặt câu chuyện đang nói, khạc nhổ ầm ĩ và ngọ nguậy người trên những chiếc ghế gỗ dài, trong khi đưa mắt gườm gườm nhìn cái lão đội mũ quả dưa đen và thắt khăn quàng xanh, với vẻ hồ nghi rõ rệt mà không nói ra.

Hai bận trong những lần ấy, Tôm tình cờ liếc nhìn thấy mexừ Marê đã bắt đầu đi về phía lò rèn, song lại quay lại và anh biết lý do tại sao. Matilđa đã nói với anh rằng thoạt đầu khi vợ chồng ông Marê mới biết Joóc-Gà tới, "họ có vẻ mừng cho chúng ta, dưng mà Tôm ạ, mẹ thấy lo lo, mẹ biết từ đó cứ hội họp mấy nhau đông đông, hễ thấy mẹ vào là họ thôi không nói nữa".

Cái quy chế "tự do" của Joóc-Gà ở đồn điền Marê này rồi sẽ ra sao? Sắp tới ông sẽ làm gì? Những câu hỏi ấy lớn vởn như một đám mây trong óc mỗi cá nhân trong bọn họ... Từ thằng bé Iuriơ lên bốn tuổi, con của Vơjơl và Lili Xiu.

"Ông là ông nội cháu à?", Iuriơ chộp lấy cơ hội để trực tiếp nói một điều gì đó với cái người đàn ông kỳ cục dường như đã làm xáo động tất cả đám người lớn từ khi ông ta đến đây mấy hôm trước.
"Cái gì?".

Joóc-Gà giật mình, ông vừa mới lững thững trở về xóm nô, lòng day dứt sâu sắc vì cái cảm giác bị xua đẩy. Ông liếc nhìn đứa bé đang chòng chọc dán đôi mắt thao láo, tò mò vào ông. "Ờ, có lẽ thế". Đã sắp đi tiếp, Joóc-Gà lại ngoái lại: "tên cháu là gì?".
"Iuriơ ạ. Ông ơi, ông làm việc ở đâu?".
"Mầy nói gì thế?". Ông trừng trừng nhìn xuống thằng bé. "Ai bẩu mày hỏi tau thế?".
"Ứ có ai bẩu. Hỏi ông xế xôi".
Ông chắc thằng bé nói thật. "Ông chẳng làm ở đâu hết. Ông tự do".
Thằng bé lưỡng lự. "Ông ơi, tự do là gì?".

Cảm thấy lố bịch vì phải đứng ngây ra đấy cho một đứa con nít lục vấn, Joóc cất bước đi tiếp, nhưng rồi ông nghĩ tới điều Matilđa đã tâm sự về thằng nhỏ. "Tuồng dư nó dễ quặt quẹo hay sao í, thậm chí có lẽ hơi hâm hâm đầu nữa. Lần sau ở bên nó, ông thử để ý nó cứ trừng trừng nhìn một người nào đó dư thế nào, ngay cả khi họ thôi không nói nữa". Quay đằng sau, Joóc-Gà soi mói nhìn vào mặt Iuriơ và ông thấy ra ý nghĩa của điều Matilđa định nói. Thằng bé quả có phóng ra một ấn tượng về sự yếu nhược cơ thể và đôi mắt to – trừ những thoáng chớp chớp – cứ như gắn chặt vào Joóc-Gà, đánh giá từng lời thốt ra, từng cử động của ông. Joóc cảm thấy thế nào ấy. Thằng bé nhắc lại câu hỏi: "Ông, tự do là gì?".
"Tự do nghĩa là không có ai là chủ mình nữa". Ông lại định đi.
"Mẹ bỉu ông chọi gà. Ông chọi gà mấy gì?".

Xoay hẳn người lại, đã toan bắt bẻ thì Joóc-Gà cảm nhận ra đó chỉ là bộ mặt háo hức, tò mò của một thằng bé con. Và điều đó khuấy lên trong ông một cái gì đó: cháu đích tôn.

Ông chăm chú nhìn Iuriơ thật kỹ một cách xét nét, bụng nghĩ ắt phải có điều gì thích hợp để nói với nó. Và cuối cùng: "Mẹ cháu hay ai đó có biểu cho cháu biết quê hương gốc gác cháu ở đâu không?".

"Dạ? Quê gốc gác đâu há?". Chưa có ai nói cho nó biết, Joóc thấy rõ thế, hoặc có chăng, cũng không đúng cách để nó có thể nhớ được.
"Lại đây mấy ông, con".
Đây cũng là điều ông cần làm. Joóc-Gà dẫn Iuriơ tới căn nhà gỗ ông cùng với Matilđa "Bi giờ, con ngồi xuống cái ghế này và đừng có hỏi lung tung nữa. Chỉ ngồi yên mà nghe kể thôi".
"Vâng".
"Ông mấy bà nội Tilđa đẻ ra bố con". Ông liếc nhìn thằng bé. "Con hiểu chứ?".
"Bố cháu là con ông".
"Đúng rồi. Con không đến nỗi đần dư vẻ ngoài của con. Vậy nhé, mẹ của ông tên là Kitzi. Đấy là cụ nội của con, cụ bà Kitzi. Con nói thế đi".
"Vâng. Cụ bà Kitzi".
"Ờ. Thế mẹ của cụ tên là Bel".
Ông nhìn thằng bé.
"Tên là Bel".
Joóc-Gà e hèm. "Tốt. Và bố của cụ Kitzi tên là Kunta Kintê...".
"Kunta Kintê".

“Đúng. Thế Kunta và Bel là kỵ ông, kỵ bà của cháu”...
Gần một giờ sau, khi Matilđa hớt ha hớt hải bước vào căn lều lo lắng không hiểu chuyện gì đã xảy đến với Iuriơ, bà thấy nó ngoan ngoãn nhắc lại những tiếng như “Kunta Kintê” và “Kô” và “Kămbi Bôlônggô”... Và Matilđa quyết định rằng bà có thì giờ để ngồi lại một lúc; và tươi cười mãn ý, bà lắng nghe Joóc-Gà kể cho thằng cháu nội thích mê mẩn câu chuyện về cụ tổ người Phi của nó, từ lúc cụ đang đẵn gỗ ở một nơi cách làng không xa để làm một cái trống thì có bốn người ập đến, đè nghiến và bắt lén cụ đi làm kiếp nô, “rồi thì một con tầu mang cụ qua vùng nước lớn đến một nơi gọi là Nơplix, ở đấy cụ bị một mexừ Jon Uolơ mua, đưa về đồn điền của lão ở quận Xpotxilvaniơ, bang Vơjiniơ...”
Thứ hai sau, Joóc-Gà cùng với Tôm đánh xe la đi mua đồ dự trữ ở quận lỵ Grêơm. Hai bố con không nói gì mấy với nhau, mỗi người dường như chìm đắm trong suy nghĩ riêng. Trong khi đi từ cửa hàng này sang cửa hàng kia, Joóc-Gà rất khoái với cái phẩm cách điềm đạm mà anh con trai hai mươi bảy tuổi của ông tỏ ra trong giao thiệp với những nhà buôn da trắng khác nhau. Rồi họ đến một cửa hiệu thực phẩm và Tôm báo vừa mới được bán cho một cựu quận trưởng cảnh sát tên là J.D. Kêitz.
Lão Kêitz ục ịch dường như phớt lờ họ đi trong khi lão lăng xăng phục vụ một số khách hàng da trắng ít ỏi. Trong Tôm nổi lên một ý thức cảnh giác, anh đưa mắt thấy Kêitz nhìn trộm Joóc-Gà choàng khăn xanh, đội mũ quả dưa đen đang dạo bước quanh với vẻ nghênh ngáo xem xét các mặt hàng. Theo linh tính, Tôm đang tiến về phía ông bố để rút ra cho nhanh thì giọng Kêitz bỗng xuyên qua cửa hàng:
“Ê, bồi múc cho ta môi nước ở cái xô kia kìa!”.
Kêitz đang nhìn thẳng vào Tôm, đôi mắt vừa trêu chọc vừa dọa dẫm. Ruột gan như đông lại, uy hiếp bởi cái mệnh lệnh trực tiếp của một người da trắng, Tôm bước tới chỗ chiếc xô, mặt lạnh như đá và quay trở lại với một môi nước. Kêitz uống đánh ực một cái, đôi mắt ti hí phóng qua bờ cái môi nhìn vào Joóc-Gà đang đứng chậm rãi lắc đầu. Kêitz đẩy cái môi về phía ông. “Ta vẫn còn khát!”.
Tránh mọi cử động vội vã, Joóc-Gà rút trong túi ra tờ chứng chỉ tự do gấp rất cẩn thận và đưa cho Kêitz. Kêitz giơ ra đọc. “Anh đang làm gì trong quận chúng ta?” lão lạnh lùng hỏi.
“Ông í là bố tui”, Tôm vội vàng chen vào. Trên tất cả, anh không muốn bố mình nói bất cứ câu gì có tính chất thách thức. “Bố tui vừa mới được tự do”.
“Ở với cả bọn các ngươi tại đồn điền mexừ Marê à?”.
“Vâng”.
Đảo mắt nhìn các khách hàng da trắng của mình, Kêitz thốt lên: “Lý ra ông Marê phải hiểu luật lệ bang này hơn thế!”.
Không hiểu rõ ý lão, cả Tôm và Joóc đều không nói gì.
Đột nhiên, cung cách của Kêitz bỗng gần như hòa nhã: “Được, khi nào bọn ngươi về đến nhà, nhớ thưa với ông Marê rằng ít nữa ta sẽ ra chơi nói chuyện với ông nhé”. Với tiếng đám người da trắng cười khanh khách đằng sau lưng, Tôm và Joóc-Gà vội rời khỏi cửa hàng.
Chiều hôm sau, Kêitz phóng ngựa, theo đường xe chạy tới đại sảnh nhà Marê. Mấy phút sau, Tôm ngước mắt lên khỏi chiếc lò rèn của mình và trông thấy Airin chạy về phía cửa hiệu. Hối hả đi qua vài người khách đang đợi, anh ra đón chị.
“Mẹ Tilđa biểu báo cho anh biết ông chủ mấy cái người da trắng nọ đang đứng ở cổng nói chuyện hoài hoài. Chí ít cũng là lão kia cứ nói liên hồi còn ông chủ thì gật lia lịa”.
“Được, cưng ạ” Tôm nói. “Đừng hốt hoảng. Em về ngay đi”. Airin chạy về.
Rồi, sau khoảng nửa tiếng nữa, chị đến báo là Kêitz đã đi khỏi và “Bi giờ, ông chủ bà chủ đang chụm đầu bàn bạc”.
Nhưng không hề có gì xảy ra cho đến khi Matilđa dọn bữa tối cho ông bà Marê, bà thấy họ ăn trong một im lặng căng thẳng. Cuối cùng, khi bà mang đồ tráng miệng và cà phê đến mexừ Marê mới nói, giọng rất đanh: “Matilđa, bảo chồng chị là tôi muốn gặp anh ta ở cổng ngay bây giờ”.
“Vâng, thưa ông chủ”.
Bà tìm thấy Joóc-Gà với Tôm ở cửa hiệu rèn. Joóc-Gà gượng cười to khi nghe bà truyền đạt lời nhắn. “Chắc ông í muốn xem thử tui có thể kiếm cho ông í mấy con gà chọi chăng!”.
Chỉnh lại chiếc khăn quàng và đội chiếc mũ quả dưa lệch theo một góc có vẻ trẻ trung hơn, ông nhanh nhẹn bước về phía đại sảnh. Mexừ Marê đang đợi ở đó, ngồi trong một chiếc ghế đu ngay cổng. Joóc-Gà dừng lại trong sân, dưới chân những bậc thềm.
“Tilđa biểu ông muốn gặp tui”.
“Phải, tôi muốn gặp anh, Joóc ạ. Tôi sẽ đi thẳng vào đề. Gia đình anh đã mang lại cho bà Marê và tui đây nhiều điều vui vẻ...”
“Dạ thưa ông”, Joóc xen vào, “và bọn nó cũng rành là khen ngợi ông bà hết mức, thưa ông chủ!”.
Ông chủ đanh giọng lại: “Nhưng tôi e rằng chúng ta sắp phải giải quyết một vấn đề... liên quan đến anh”. – Ông ta ngừng một chút. “Theo tôi hiểu, hôm qua, ở Bơlingtơn, anh đã gặp ông J.Đ. Kêitz, cựu quận trưởng cảnh sát của chúng tôi...”
“Vâng, có thể nói là tui đã gặp ông í, thưa ông chủ”.

“Ờ, có lẽ anh cũng biết là hôm nay ông Kêitz đã đến thăm tôi. Ông ấy lưu ý tôi đến một điều luật ở Bắc Carôlina cấm bất kỳ người da đen được giải phóng nào lưu trú trong bang quá sáu mươi ngày, nếu không tuân sẽ bị nô dịch trở lại”.
Phải một lúc Joóc-Gà mới hiểu. Ông trừng trừng nhìn mexừ Marê nghi nghi hoặc hoặc, không nói nên lời.
“Tôi thật tình ái ngại cho anh. Tôi biết anh cảm thấy điều đó là không công bằng”.
“Mexừ Marê ông có cảm thấy điều đó là công bằng không ạ?”.
Ông chủ ngần ngừ. “Không, nói thật với anh thế. Song luật pháp là luật pháp”. Ông ngưng một lát. “Nhưng nếu anh muốn chọn ở lại đây, tôi sẽ đảm bảo là anh sẽ được đối đãi tử tế. Về điều đó, tôi xin hứa với anh vậy”.
“Ông hứa ư, thưa mexừ Marê?”. Đôi mắt Joóc trơ trơ.
Đêm hôm ấy, nằm dưới tấm mền chăn, Joóc và Matilđa đã cầm tay nhau, cả hai cùng nhìn trân trân lên trần nhà.
“Tilđa”, sau một hồi lâu, ông nói, “tui gẫm chả còn cách gì khác ngoại trừ ở lại. Tuồng dư cả đời tôi chỉ có chạy rông”.
“Không, Joóc ạ”, Matilđa chậm rãi lắc lư cái đầu. “Bởi vì mình là người đầu tiên trong chúng ta được tự do. Mình phải tiếp tục tự do, sao cho chúng ta có một người tự do trong gia đình nầy. Dứt khoát mình không thể quay trở lại kiếp nô được”.
Joóc-Gà bắt đầu thổn thức. Và Matilđa cũng cùng khóc với ông. Hai hôm sau, bà thấy trong người khó chịu, không cùng ông đến lều của Tôm và Airin ăn bữa tối với họ được. Câu chuyện xoay quanh đứa bé sẽ ra đời trong vòng hai tuần nữa và Joóc-Gà trở nên trang trọng.
“Nhớ phải kể cho nó nghe về gia đình ta đấy, nghe không?”.
“Bố ạ, sẽ không có đứa con nào của con lớn lên mà không biết chuyện í”, Tôm cười gượng gạo. “Con nghĩ, nếu con không kể cho chúng nó nghe, bà nội Kitzi sẽ về cho con một trận”.

Im lặng hồi lâu, trong khi ba bố con ngồi đăm đăm nhìn vào ngọn lửa.

Cuối cùng, Joóc-Gà lại nói:
“Bố mấy mẹ Tilđa đã tính. Bố còn bốn mươi ngày nữa mới phải đi, chiều theo cái điều luật nói. Dưng mà bố nghĩ: lần lữa mà làm gì, vô ích...”

Ông đứng bật dậy khỏi ghế, cuồng nhiệt ôm ghì lấy Tôm và Airin. “Bố sẽ trở về!” ông nói, giọng khàn khàn, vỡ ra. “Hãy chăm nom lẫn nhau nhá!” ông lao vút qua cửa ra ngoài.

Chương 110

Đã đến đầu tháng 11 năm 1860 và Tôm đang hối hả hoàn thành nốt công việc rèn cuối cùng trước khi trời tối hẳn. Anh làm xong xuôi. Rồi sau khi rấm lửa trong lò, anh mệt mỏi đi về nhà ăn tối với Airin hồi này đang nuôi con thơ – con bé Marya giờ đã được nửa năm. Hai vợ chồng ăn không nói năng gì, và Airin không muốn ngắt quãng sự im lặng suy tư của anh. Và sau đó, họ đến nhập bọn với cả gia đình xúm xít trong căn lều gỗ của Matilđa, kẹp và bóc vỏ những hột hồ đào mà bà và Airin (chị đã lại có mang!) đã nhặt về, định dùng làm bánh gatô và bánh nướng nhân ngọt đặc biệt nhân dịp Nôen và năm mới.

Tôm ngồi nghe câu chuyện trao đổi nhẹ nhàng, không xen vào bình luận – thậm chí còn ra vẻ như không nghe thấy nữa – rồi, cuối cùng giữa một quãng ngừng, anh ngả người về phía trước trên ghế của mình và nói "Cả nhà còn nhớ mấy lần tui kể là đám người da trắng chờ quanh cửa hiệu tôi có bữa đã nguyền rủa và làm nhặng xị lên về mexừ Lincôn không? Ấy đấy, giá cả nhà được nghe họ nói chuyện hôm nay, bởi vì ông Lincôn đã được bầu làm tổng thống. Họ biểu bi giờ ông í sắp vào trong Nhà Trắng, ông í sẽ chống miền Nam với bất kỳ ai còn giữ nô lệ".

"Tốt", Matilđa nói, "giá mẹ được nghe mexừ Marê nói gì về chuyện nầy thì mẹ thật thỏa thuê. Ông í rành là luôn luôn nói mấy bà chủ là sắp rắc rối to trừ khi miền Bắc mấy miền Nam thu xếp ổn thoả được mọi bất đồng, cách này hay cách khác".

"Con còn nghe được dững chuyện khác cơ", Tôm kể tiếp, "hàng bao nhêu người nhều hơn ta tưởng nhều, chống việc giữ nô lệ. Tất cả bọn họ trên miền Bắc cũng thế. Hôm nay con làm việc mà đầu óc cứ để đâu đâu, mải nghĩ về chuyện í quá. Tuồng dư tốt đẹp đến nỗi không tin được, dưng mà có thể đến một ngày nào đó, sẽ không còn nô lệ nữa".

"Ờ, chắc chắn là chúng ta sẽ chả sống để nhìn thấy cái ngày í", Asfođ chua chát nói.

"Dưng mà con nhỏ kia, có thể nó sẽ thấy", Vơjơl hất hàm về phía đứa con nhỏ của Airin.

"Xem chừng chả có cơ đâu", Airin nói, "mặc dù em rất muốn tin thế. Cứ gộp tất cả các nô lệ ở miền Nam lại, cho là chỉ tính mỗi lao công làm đồng tám, chín trăm đôla thôi, cũng đã bao nhêu của rồi, đến Thượng Đế cũng chả có được ngần nấy! Hơn nữa bọn ta lại làm hết tất cả mọi việc". Chị nhìn Tôm. "Anh biết đấy, người da trắng chả chịu nhả đâu".

"Họ chả chịu từ bỏ mà không đánh nhau đâu" Asfođ nói. "Mà họ lại đông hơn ta nhều. Vậy làm sao ta thắng được?".

"Dưng mà nếu nói chung cả nước", Tôm nói, "thì có thể người chống chế độ nô lệ cũng nhiều bằng người ủng hộ nó".

"Rầy một cái là dững người chống nó lại không ở nơi chúng ta ở", Vơjơl nói và Asfođ gật đầu, lần này khác với lệ thường, anh chàng lại đồng ý với một người khác.

"Ờ, nếu ý kiến anh Asfođ về chuyện đánh nhau là đúng, thì mọi sự có thể thay đổi thiệt nhanh đấy", Tôm nói.

Một đêm đầu tháng 12, ông bà Marê đi ăn tiệc ở một đại sảnh kế cận, vừa cưỡi xe ngựa về đến nhà, thì Matilđa hối hả từ nội thất chạy ra lều của Tôm và Airin. "Ly khai nghĩa là gì?" Bà hỏi, và khi thấy hai người kia nhún vai, bà nói tiếp "Ấy, ông chủ biểu đấy chính là cái điều miền Nam Calini vừa mới làm. Ông chủ nói dư cách là họ rút ra khỏi Hợp Sẻng Cuốc í".

"Làm sao họ rút ra khỏi đất nước mà họ ở trong đó được?" Tôm nói.
"Người da trắng làm bất kỳ việc gì", Airin nói.

Tôm không nói cho mẹ và vợ biết, nhưng suốt ngày hôm ấy, anh đã nghe đám khách hàng da trắng của mình lồng lộn gầm gào lên rằng họ sẽ "lội trong máu ngập đến đầu gối" trước khi họ chịu nhượng bộ miền Bắc về một cái gì đó mà họ gọi là "quyền các bang" cùng với quyền sở hữu nô lệ.

“Con không muốn làm cho mẹ mấy em sợ” anh bảo Matilđa và Airin, “dưng mà con tin chắc rằng sắp chiến tranh”.

“Ôi, lậy Chúa! Rồi ra chiến tranh ở chỗ nào, Tôm?”.

“Mẹ ạ, chiến tranh không chọn chỗ nhất định dư nhà thờ hay dư cuộc đi chơi ăn uống ngoài trời!”.

“Thế thì mẹ rành mong nó đừng xẩy ra ở nơi nào quanh đây!”.

Airin giễu cả hai người: “Mẹ mấy anh Tôm nữa đừng có biểu con phải tin rằng người da trắng sẽ giết lẫn nhau vì dân nhọ”.

Nhưng, ngày lại ngày qua đi, những điều Tôm nghe hóng được ở cửa hiệu rèn khiến anh tin chắc mình đã dự đoán đúng. Một số điều anh đem kể lại gia đình nghe, nhưng nhiều chuyện khác thì ỉm đi vì không muốn gây hoang mang không cần thiết và bản thân anh cũng không dứt khoát là nên sợ những sự kiện anh thấy đang tới, hay nên hy vọng. Song anh có thể cảm thấy dù sao đi nữa, trạng thái lo lắng không yên của gia đình vẫn tăng lên, cùng với sự đi lại trên đường cái chính, nơi những người da trắng cưỡi ngựa và ruổi xe qua đồn điền mỗi lúc một nhanh và mỗi lúc một đông hơn. Gần như ngày nào cũng có người rẽ ngoặt vào lối xe chạy trong đồn điền và bắt chuyện với mexừ Marê, Matilđa giở mọi mẹo ra để quét quáy, lau chùi ở những chỗ bà có thể nghe hóng được. Và từ từ, mấy tuần tiếp theo, trong những buổi trao đổi ban đêm ở gia đình, những lời bàn tán hoảng hốt, phẫn nộ của người da trắng dần dần có tác dụng động viên tất cả đám tin rằng nếu có chiến tranh – và người “Yanki”[1]thắng thì họ có thể được giải phóng thật sự.

Ngày càng có đông người da đen đặt Tôm làm hàng rèn kể với anh rằng các ông chủ bà chủ của họ đâm đa nghi và giở trò thậm thụt giấu giấu giếm giếm, hạ thấp giọng và thậm chí phân trần giảng giải mỗi khi thấy gia nhân, kể cả những người ở lâu năm nhất và thân cận nhất, bước vào phòng.

“Quanh chỗ mẹ trong đại sảnh, họ có hành động gì đặc biệt không, mẹ?” Tôm hỏi Matilđa.

“Chả có thì thào hay phân trần, hay làm gì tơng tự dư thế cả”, bà nói. “Dưng mà rành là họ bắt đầu khác ý, hễ mẹ vào là chuyển phắt sang chuyện mùa màng hay tiệc tùng”.

“Tốt nhất là tất cả chúng mình cứ hết sức giả ngây giả điếc”, Tôm nói, “dư cách mình chả nghe nói gì về dững chuyện đang diễn ra”.

Matilđa suy tính, song bà quyết định không nghe theo. Và một buổi tối, sau khi bày đồ tráng miệng cho vợ chồng Marê, bà bước vào phòng ăn và xoa xoa tay kêu lên: “Lạy Chúa, thưa ông chủ bà chủ, ông bà bỏ quá cho, tui phải thưa là các con tui mấy tui nghe thấy mọi thứ chuyện bàn tán lung quanh và bây giờ tui hết sức sợ hãi dững người Yanki, và bầy tui rành mong ông bà che chở nếu dư họ gây rối”. Bà hài lòng nhận thấy vẻ đồng tình và nguôi dịu nhanh chóng lướt trên mặt họ.

“Phải, các người sợ là đúng, bởi vì bọn Yanki đó chắc chắn là không thân ái gì với các người đâu” bà Marê nói.

“Nhưng các người đừng lo”, ông chủ trấn an. “Rồi sẽ chẳng có chuyện rắc rối gì đâu”.

Ngay cả Tôm cũng phải phì cười khi Matilđa tả lại cảnh đó. Và cả gia đình lại cùng với anh cười rộ một mẻ nữa khi anh kể cho họ nghe câu chuyện nghe hóng được về một gã coi ngựa ở thị xã Melvit đã xử lý vấn đề tế nhị này như thế nào. Bị ông chủ chất vất là anh ta sẽ đứng về phe nào nếu xảy ra chiến tranh, người coi ngựa nói: “Thưa ông chủ, ông có bao giờ thấy hai con chó đả nhau để tranh một khúc xương không ạ? Ấy đấy, bọn nhọ bầy tui chính là khúc xương í”.

Nôen rồi năm mới đến và qua đi mà hầu như không mấy ai nghĩ đến chuyện hội hè đình đám trong khắp quận Alơmenx. Cứ cách mấy hôm - lại thấy khách hàng của Tôm đến với những tin về nhiều bang nữa ở phía Nam đòi ly khai – đầu tiên là Mitxixipi, rồi đến Floriđa, Ơlebemơ, Jojiơ và Luiziano trong cả tháng giêng năm 1861 và vào ngày đầu tháng hai là Têchxơx. Và tất cả đều xúc tiến việc tham gia một “Liên minh” các bang miền Nam cầm đầu bởi tổng thống riêng của họ, một người tên là Jơfơxơn Đêvix.

“Cái mexừ Đêvix í và hàng lô các ông nghị sĩ quốc hội, thượng viện, hạ viện, mấy nhều người cao cấp trong quân đội”, Tôm loan tin cho gia đình biết, “đã xin từ chức về nhà”.

“Tôm ạ, cơ sự đã gần kề hơn ta tưởng đấy”, Matilđa thốt lên. “Hôm nay một gã đến biểu ông chủ là ông Chánh án Raffin ngày mai rời Ho Rivơ đi dự một hội nghị hòa bình lớn ở cái thủ đô Oasinhtơn!”.

Nhưng mấy ngày sau, Tôm nghe thấy các khách hàng của lò rèn nói rằng Chánh án Raffin đã buồn rầu trở về, cho biết hội nghị hòa bình thất bại, kết thúc bằng những cãi vã bùng nổ giữa các đại biểu trẻ ở miền Bắc và miền Nam. Sau đó, một xà ích da đen kể lại với Tôm là anh ta đã trực tiếp được người gác cổng tòa án quận Alơmenx cho biết rằng một cuộc mít-tinh đông tới gần một nghìn bốn trăm người da trắng ở địa phương – Tôm biết trong đó có cả mexừ Marê - đã được tổ chức, và mexừ Hâut, chủ cũ của Airin, cùng nhiều người khác cũng quan trọng như ông ta đã thét lớn là cần phải ngăn ngừa chiến tranh và đập bàn gọi bất kỳ ai tham gia liên minh (các bang miền Nam) là “đồ phản bội”. Người gác cổng cũng nói cho tay xà ích biết là một mexừ Jailz Miben, được bầu ra để tới một hội nghị bang về vấn đề ly khai, thông báo biểu quyết của quận Alơmenx ở lại trong liên bang với bốn phiếu thuận một phiếu chống.

Gia đình khó mà theo dõi kịp tất cả những tin tức do Tôm hay Matilđa thuật lại mỗi đêm. Chỉ trong một ngày tháng ba mà hàng loạt tin dồn dập tới, nào tổng thống Lincôn đã tuyên thệ nhậm chức, nào một cái cờ của “Liên minh” đã được phát hiện trong một buổi lễ lớn ở Môngômđri, Elơbemơ, nào là Tổng thống của “Liên minh”, Jef Đevix, đã tuyên bố bãi bỏ việc buôn bán nô lệ Phi. Mấy ngày sau, sự căng thẳng mới tăng lên đến độ sốt cuồng cùng với việc thông báo là cơ quan lập pháp Bắc Carôlinơ đã kêu gọi lập tức huy động hai vạn lính tình nguyện quân.

Sáng sớm ngày thứ sáu, 12-4-1861, mexừ Marê đã đi xe ngựa tới dự một cuộc họp ở thị trấn Miben, và Luyx, Jêimz, Asfođ, Kitzi-bé cùng Meri ở ngoài đồng đang bận bịu cấy những mầm cây thuốc lá thì bắt đầu nhận thấy một số lớn người da trắng tấp nập khác thường, phóng ngựa hết tốc lực qua, dọc theo đường cái lớn. Khi một người cưỡi ngựa ghìm chậm lại một thoáng, giận dữ vung nắm đấm về phía họ và quát tháo một điều gì không ai hiểu ra sao, Vơjơl bèn phái Kitzi-bé chạy từ cánh đồng về bảo cho Tôm, Matilđa và Airin biết là một chuyện gì quan trọng ắt đã xảy ra.

Tôm, bình thường vẫn điềm tĩnh, cũng phát bực khi Kitzi-bé không sao nói được cụ thể hơn một chút. “Họ quát tháo cái gì?” Anh hỏi. Nhưng cô chỉ có thể nhắc lại rằng người cưỡi ngựa nọ ở xa quá nên không nghe rõ được.
“Tốt nhất là tui cứ lấy con la, phóng ra xem sao”. Tôm nói.
“Dưng mà chú không có giấy thông hành!” Vơjơl kêu to khi thấy Tôm phóng la xuôi lối xe chạy.
“Phải liều thế thôi!” Tôm thét lớn đáp lại.

Lúc anh ra tới đường cái lớn, nó đã bắt đầu giống như một trường đua ngựa và anh biết những kỵ sĩ nọ hẳn đang hướng tới khu cơ xưởng của Công ty, tại đó sở điện tín nhận được những tin tức quan trọng qua đường dây thép dăng trên các đầu cột. Trong khi ruổi ngựa, một số người gào to, trao đổi với nhau, song dường như họ cũng không biết gì nhiều hơn anh. Đi qua những người da đen và da trắng nghèo chạy bộ, Tôm biết là điều tệ hại nhất đã xảy ra, nhưng tim anh vẫn se lại khi tới khu sửa chữa hỏa xa và trông thấy đám người đông nghịt chen chúc quanh sở điện tín.

Nhảy xuống đất và buộc la xong, anh chạy một vòng rộng quanh đám lộn xộn những người da trắng giận dữ hoa chân múa tay đang nhìn lên những dây điện tín như thể chờ đợi trông thấy một cái gì đến theo đường ấy. Rẽ sang một bên, anh tới chỗ một tốp người da đen và nghe thấy họ đang nói huyên thuyên: “mexừ Lincôn rành là sắp sửa tranh đấu cho chúng ta bi giờ!”... “Rốt cuộc, tuồng như Thượng Đế cũng đến dân nhọ tí chút!”... “Thật không thể ngờ được!”... “Tự do, lậy Chúa, tự do!”.

Kéo một ông già sang bên để hỏi, Tôm được biết điều gì đã xảy ra. Quân đội Nam Carôlinơ đang bắn vào pháo đài Xơmtơ của nhà nước Liên bang ở cảng Tsalztơn và hai mươi chín căn cứ khác của nhà nước Liên bang đã bị đánh chiếm theo lệnh của Tổng thống Đevix. Chiến tranh đã thực sự bắt đầu. Ngay cả sau khi Tôm mang tin trở về an toàn trước khi ông chủ về đến nhà, hàng tuần nữa hệ thống truyền tin của người da đen vẫn tràn ngập những thông báo. Sau hai ngày bị vây hãm – họ được biết như vậy – pháo đài Xơmtơ đã đầu hàng, với hai mươi lăm người của cả hai bên bị chết, và hơn một nghìn nô lệ hiện đang xếp bao cát làm công sự chặn các lối vào cảng Tsalztơn. Sau khi báo cho Tổng thống Lincôn rằng ông đừng hòng lấy lính Bắc Carôlinơ, Thống đốc Bắc Carôlinơ Jon Elix giao hàng ngàn lính với súng hoả mai cho quân đội Liên Minh. Tổng thống Đevix kêu gọi tất cả những người da trắng từ mười tám đến ba mươi lăm tuổi tình nguyện chiến đấu ba năm, và hạ lệnh rằng cứ mười nô lệ nam ở bất kỳ đồn điền nào, thì một phải đi làm lao dịch không công phục vụ chiến tranh. Tướng Rôbớt E.li rút khỏi lục quân Mỹ để chỉ huy quân đội Vơjiniơ. Và nghe nói là mọi dinh cơ của chính phủ ở thủ đô Oasinhtơn đều đông nghịt lính vũ trang và đầy những ụ sắt xi măng đề phòng các lực lượng miền Nam xâm lăng.

Trong khi đó, khắp quận Alơmenx, dân da trắng sắp thành từng dãy dài hàng chục người để ghi tên đi chiến đấu. Tôm nghe thấy một xà ích da đen lái xe tải kể rằng ông chủ anh ta đã gọi người gia bộc tin cẩn nhất vào đại sảnh, bảo: "Này anh, bây giờ ta mong anh trông nom bà chủ và bọn trẻ cho đến khi ta trở về, nghe không?". Và một số người da trắng ghé lại chỗ anh đóng móng cho ngựa trước khi đến thị trấn Miben tập họp với số còn lại của "Đại đội Hofilđ" mới thành lập ở quận Alơmenx, để đáp chuyến xe lửa đang đợi đưa họ đến một trại huấn luyện ở Tsalốt. Một xà ích da đen đã đưa ông chủ, bà chủ của mình tới đó để tiễn con trai cả, tả lại cho Tôm nghe cảnh tượng đó: đám phụ nữ khóc thảm thiết, bọn con trai họ thò người khỏi cửa sổ các toa tầu, hò hét loạn xạ, làm rung động cả không khí, nhiều gã hô: "Chúng tôi đi tống cổ bọn chó đẻ Yanki ấy xuống tàu và sẽ về trước bữa điểm tâm!". Tay xà ích nói: "Cậu công tử mặc bộ quân phục mới màu xám, cậu cũng khóc dữ dư ông chủ, bà chủ, rồi họ bắt đầu hôn hít, ôm ghì nhau mãi đến khi cuối cùng họ dư là rứt ra khỏi nhau, đứng ở giữa đường khụt khà khụt khịt. Chả cần phải nói dối làm gì, tui cũng khóc nốt!".

Chú thích:
[1] Dân hoặc lính Mỹ ở miền Bắc

Chương 111

Tận khuya đêm hôm ấy, trong căn nhà gỗ thắp đèn sáng, lần thứ hai, Tôm đến ngồi bên giường đưa tay cho Airin nắm chặt lấy trong cơn quằn quại và khi nghe những tiếng rền rĩ và đau đẻ của chị đột ngột ré lên thành một tiếng thét chói tai, anh liền lao ra ngoài đi tìm mẹ. Nhưng mặc dầu đã khuya, Matilđa tuân theo linh tính, vẫn chưa ngủ và cũng nghe thấy tiếng thét ấy. Anh gặp bà lúc ấy đã ra khỏi lều mình, còn ngoái lại lớn tiếng dặn với Meri và Kitzi-bé, mắt giương lên thao láo: "Nấu mấy siêu nước, mang nhanh lại cho mẹ!". Trong vòng mấy phút sau, những người lớn khác của gia đình cũng nhô ra khỏi lều và năm anh em trai của Tôm hòa cùng anh bồn chồn dạo bước đi đi lại lại, nhăn nhăn nhó nhó trong khi những tiếng kêu đau đớn của Airin vẫn tiếp tục. Trong những tia sáng đầu tiên của rạng đông, khi tiếng khóc the thé của một đứa hài nhi vang lên, các anh em trai của Tôm ùa đến anh, đấm thùm thụp vào lưng, bắt tay rối rít – kể cả Asfođ – rồi lát sau, bà Matilđa cười toe toét bước qua cửa lều, kêu to: "Tôm, con lại có một tí gái nữa!"

Một lúc sau, trong buổi sớm mai rạng dần, đầu tiên là Tôm rồi đến số còn lại trong gia đình biến thành một đám rước nối nhau tiến vào thăm Airin xanh nhợt nhạt nhưng tươi cười và đứa bé da nâu mặt nhăn nhúm. Matilđa đã đưa tin vào đại sảnh, ở đó bà vội vã nấu bữa điểm tâm, và ngay sau khi ông bà Marê ăn xong, họ cũng tới xóm nô, vui sướng xem đứa hài nhi mới đẻ trong quyền sở hữu của họ. Tôm đồng ý ngay với mong muốn của Airin lấy tên mẹ mình là: "Ilơu" đặt cho đứa con gái thứ hai này. Anh quá mừng về việc lại được làm cha lần nữa, đến nỗi mãi về sau mới nhớ ra là mình đã mong một đứa con trai biết nhường nào.

Matilđa đợi đến chiều hôm sau mới ghé qua lò rèn. "Nầy Tôm, anh có biết mẹ đang nghĩ gì không?" bà hỏi. Mỉm cười với mẹ. Tôm nói: "Mẹ nghĩ muộn đấy, mẹ ạ. Con đã nói mấy mọi người – và đang định nói mấy mẹ nữa – là đêm thứ bảy tới, hãy đến ngồi chật căn lều và con sẽ kể cho cháu bé này nghe câu chuyện gia tộc y dư con đã kể cho Marya khi nó mới đẻ". Như đã dự định, gia đình họp lại và Tôm tiếp tục cái truyền thống đã được lưu truyền từ Bà Nội Kitzi quá cố và Joóc-Gà; Và sau đó, có nhiều câu đùa rằng nếu thảng hoặc có ai trong bọn lơ là không kể lại câu chuyện biên niên sử gia tộc cho bất cứ đứa trẻ nào mới ra đời, người đó hãy giờ hồn với vong linh Bà Nội Kitzi.

Nhưng ngay cả niềm phấn khởi về đứa con thứ hai của Tôm và Airin cũng mau chóng giảm sút khi những sự kiện dồn dập của chiến tranh tăng tốc. Trong lúc bận bịu đóng móng cho ngựa, la và làm hoặc chữa các dụng cụ, Tôm vẫn dỏng tai nghe ngóng mọi mẩu chuyện trao đổi giữa các khách hàng da trắng tụ tập trước cửa hiệu của anh. Và anh nhăn nhó thất vọng thấy họ liên tiếp kể lại một cách hoan hỉ những chiến thắng của "Liên Minh". Đặc biệt, một trận mà người da trắng gọi là "Bul Răn" đã khiến họ reo hò, vỗ lưng nhau và vừa tung mũ lên vừa hét những câu đại loại như sau: "Bọn Yanki đứa nào chưa ngoẻo hay bị thương đều chạy bán sống bán chết!" hoặc "Bọn Yanki vừa nghe thấy quân ta đến, đã quay đít chuồn!". Niềm hoan lạc ấy được lặp lại nhân một thất bại lớn của quân Yanki tại "Thung Uynxơn" bang Mixuri, rồi sau đó không lâu, lại nổi lên khi ở một nơi trong bang Vơjiniơ, hàng trăm quân Yanki bị giết, trong đó có cả một viên tướng mình lỗ chỗ đạn, người đã từng là bạn gần gũi của chính Tổng thống Lincôn. " Đám da trắng í nhảy cỡn cả lên và cười ầm ĩ, bỉu là Tổng thống Lincôn nghe tin, khóc dư đứa trẻ con", Tôm kể lại với gia đình. Cuối năm 1861 – khi quận Alơmenx đã phái mười hai đại đội tham gia nhiều trận chiến đấu khác nhau – anh đâm chán, chỉ thuật lại một phần nhỏ những gì anh tiếp tục nghe thấy, vì những điều đó chỉ làm sâu sắc thêm nỗi buồn rầu của gia đình cũng như của bản thân anh mà thôi. "Chúa biết rành là cứ cái nước nầy thì xem ra chúng ta chưa hòng gì được tự do!". Matilđa nói, đảo mắt nhìn những bộ mặt ủ rũ xúm quanh thành nửa vòng tròn, một buổi chiều tà chủ nhật. Hồi lâu, không ai bình luận câu nào; rồi Lili Xiu vừa chăm sóc đứa con trai Iuriơ bị ốm vừa nói: "Chuyện hão về tự do suốt! con rành thôi chả hy vọng gì nữa đâu!".

Rồi một buổi chiều mùa xuân 1862, một người cưỡi ngựa phóng nước kiệu nhỏ theo đường xe chạy trong đồn điền Marê; y vận bộ đồng phục màu xám của sĩ quan "Liên Minh", còn cách khá xa, Tôm đã thấy hơi quen quen. Khi người đó đến gần hơn, Tôm choáng người nhận ra đó là lão cựu quận trưởng cảnh sát Kêitz, chủ hiệu thực phẩm, người đã khuyên mexừ Marê buộc Joóc-Gà phải rời bang này. Mỗi lúc một thêm bồn chồn, Tôm trông thấy Kêitz xuống ngựa và biến vào trong đại sảnh; rồi không bao lâu, Matilđa hớt hơ hớt hải đến lò rèn, trán hằn những vết nhăn lo âu: "Ông chủ muốn gặp con, Tôm ạ. Ông í đang nói chuện mấy cái mexừ Kêitz bất hảo, chủ hiệu đồ ăn. Con cho rằng họ muốn gì?".

Từ nãy đến giờ, đầu óc Tôm đã quay cuồng nghĩ đến nhiều khả năng, kể cả việc anh đã nghe đám khách hàng nói rằng nhiều điền chủ đã đem theo nô lệ cùng đi chiến đấu với họ và một số khác thì tình nguyện đóng góp vào các dịch vụ chiến tranh những nô lệ biết nghề, đặc biệt các loại chuyên môn như mộc, thuộc da và rèn. Nhưng anh nói,

cố gắng bình tĩnh hết sức mình. “Quả tình con không biết, mẹ ạ. Con nghĩ, tốt nhất là cứ đến xem sao”. Lấy tư thế thật đĩnh đạc, Tôm mạnh mẽ bước vào phía đại sảnh.

Mexừ Marê nói: “Tôm, anh biết thiếu tá Kêitz chứ”.

“Thưa vâng”, Tôm không nhìn Kêitz mà vẫn cảm thấy lão ngó chằm chằm vào mình.
“Thiếu tá Kêitz cho ta biết ông chỉ huy một đội kỵ binh mới đang được huấn luyện ở khu cơ xưởng của công ty Hỏa xa và họ cần anh để đóng móng ngựa cho họ”.

Tôm cảm thấy nghèn nghẹn. Anh nghe thấy lời mình thốt ra với một âm thanh rỗng huếch: “Thưa ông chủ, có nghĩa là tui ra trận à?”.

Chính Kêitz trả lời, giọng khinh miệt: “Ta chả vạ gì mà cho tên nhọ nào đến chỗ ta chiến đấu để nó vừa nghe thấy tiếng đạn đã chạy mất! Ta chỉ cần mi đóng móng ngựa ở chỗ chúng ta luyện tập thôi”.

Tôm nhẹ cả người nhưng cố tự kiềm chế không để lộ: “Thưa vâng”.

“Thiếu tá và tôi đã bàn chuyện này”, mexừ Marê nói. “Anh sẽ làm một tuần cho đội kỵ binh của ông, rồi lại một tuần ở đây cho tôi, trong suốt thời gian chiến tranh, mà xem chừng chiến tranh sẽ không lâu đâu”. Mexừ Marê nhìn thiếu tá Kêitz. “Ông muốn hắn bắt đầu từ bao giờ?”.
“Sáng mai, nếu có thể được, thưa ông Marê”.
“Ồ, nhất định là được chứ, đó là bổn phận của chúng tôi đối với miền Nam mà!” mexừ Marê nhanh nhảu nói, coi bộ hài lòng vì có dịp góp phần vào cố gắng chiến tranh.
“Tôi hy vọng tên nhọ hiểu rõ vị trí của nó”, Kêitz nói “Quân sự không phải là đồn điền của ai”.
“Tôm biết cách cư xử, tôi biết chắc thế” mexừ Marê nhìn Tôm đầy vẻ tin cẩn. “Đêm nay tôi sẽ viết một tấm giấy thông hành và để cho Tôm lấy một con la của tôi đến trình diện ông vào sáng mai”.
“Tốt lắm!” Kêitz nói rồi y đưa mắt nhìn Tôm. “Chúng ta đã có móng ngựa, nhưng mi phải mang đồ nghề đến và ta phải nói ngay với mi rằng chúng ta cần làm nhanh, làm tốt. Chúng ta không có thì giờ để phí phạm!”.
“Thưa vâng”.

Mang một bộ đồ đóng móng ngựa thu thập vội vàng trên lưng la, khi đến gần xưởng sửa chữa ở khu cơ xưởng của Công ty Hỏa xa, Tôm trông thấy mấy mẫu đất xung quanh trước đây loáng thoáng cây cối, giờ rải rác những lều vải nhỏ sắp thành từng dãy dài, ngay ngắn. Tới gần nữa anh nghe thấy tiếng kèn đồng rúc và súng hỏa mai bắn lẹt đẹt; rồi anh căng cả người khi trông thấy một lính gác phóng ngựa về phía mình. “Mi không trông thấy đây là quân sự ư, nhọ? Mi ngỡ mi là mi đang đi tới đâu?” gã lính hỏi.
“Thiếu tá Kêitz đã biểu tôi đến đây đóng móng ngựa”. Tôm lo sợ nói.
“A, kỵ binh ở đằng kia”... tên lính gác chỉ. “Xéo nhanh kẻo ăn đạn bây giờ!”.

Thúc ủng giục la đi khỏi, một chốc Tôm tới một cái gò nhỏ và trông thấy bốn hàng ngang kỵ binh đang thao diễn và lập đội hình; đằng sau các sĩ quan hò hét ra lệnh, anh nhận ra thiếu tá Kêitz vênh vênh váo váo xoay lượn trên lưng ngựa. Anh nhận biết lúc lão thiếu tá trông thấy anh trên lưng la và khoát tay ra hiệu cho một lính kỵ mã phóng ngựa về phía anh... Tôm ghìm cương và đợi.
“Mi là tên nhọ thợ rèn?”.
“Vâng”.

Gã lính gác chỉ về phía một cụm lều vải. “Mi sẽ ở và làm việc ở cạnh những lều chứa rác kia. Chừng nào mi thu xếp xong, chúng ta sẽ cho ngựa đến.

Suốt tuần đầu Tôm phục vụ ở đội kỵ binh của “Liên Minh”, lũ ngựa cần thay móng sắt ùn ùn đến không ngớt, và từ tinh mơ đến tối mịt, anh đóng móng cho chúng kỳ tới khi phía dưới những vó ngựa dường như biến thành một vệt nhoa nhóa trong đầu anh. Tất cả những điều anh nghe lỏm bọn kỵ binh trẻ nói, càng gây cảm giác chắc chắn là quân Yanki đang đại bại trong mọi trận giáp chiến, và kẻ trở về để ở một tuần phục vụ các khách hàng thường xuyên của mexừ Marê là một gã Tôm mỏi mệt, chán ngán, thất vọng khôn bề an ủi.

Anh thấy đám phụ nữ ở xóm nô trong một trạng thái nháo nhác ghê gớm. Suốt đêm hôm trước và sáng nay, đứa con trai ốm yếu của Lili Xiu, Iuriơ, tưởng đã đi đứt. Trước lúc Tôm trở về không bao lâu, Matilđa, trong khi quét cổng trước đã nghe thấy những tiếng động kỳ lạ và, xục tìm, bà thấy thằng bé nước mắt ròng ròng, bụng đói, trốn dưới đại sảnh. “Con chỉ tìm cách nghe xem ông chủ, bà chủ lói gì về chuện cho dân nhọ ta tự do thôi, dưng mà ở dưới lày, con chả nghe thấy gì sất”, Iuriơ đã nói vậy và giờ đây cả Matilđa và Airin đang cố an ủi Lili Xiu ruột gan

rối bời về nỗi thằng con kỳ dị luôn luôn gây những chấn động như vậy. Tôm cũng góp sức dỗ chị bình tĩnh lại, rồi thuật cho gia đình nghe những điều mình đã trải trong tuần qua. "Dững điều tui thấy hay nghe được, chả có gì khả quan cả", anh kết luận. Airin cố gắng vô hiệu để làm cho mọi người chí ít cũng cảm thấy đỡ xìu hơn một chút. "Ta chưa bao giờ được tự do, cho nên dù sao ta cũng chả mất mát gì", chị nói. Nhưng Matilđa bảo: "Nói thật mấy các con, mẹ chỉ sợ cuối cùng rồi chúng mình còn điêu đứng hơn trước".

Cùng một dự cảm ấy thấm sâu vào Tôm khi anh bắt đầu tuần thứ hai đóng móng ngựa cho đội kỵ binh của "Liên Minh". Đêm thứ ba, đang nằm thao thức ngẫm nghĩ, anh nghe thấy một tiếng động hình như từ phía một lều chứa rác bên cạnh. Hồi hộp, Tôm sờ soạng và nắm lấy chiếc búa rèn. Anh rón rén bước ra ngoài, dưới ánh trăng yếu ớt, để dò xét. Anh đã sắp kết luận rằng đó là tiếng xục xạo của một con vật nhỏ nào đó thì bỗng thấy một bóng người từ lều rác lùi ra, tay cầm một cái gì bắt đầu đưa lên miệng ăn. Nhón chân lại gần hơn, Tôm bắt quả tang một thanh niên da trắng gày gò mặt hốc hác. Dưới ánh trăng họ trân trân nhìn nhau khoảng một giây trước khi gã thanh niên da trắng đâm đầu chạy. Nhưng cách chưa đầy mươi mét, cái bóng người trốn chạy ấy vấp phải một vật gì kêu loảng xoảng, rồi gã lấy lại thăng bằng và biến mất trong đêm tối. Thế rồi lính gác mang súng hỏa mai và xách đèn ồ tới thấy Tôm đứng đó tay cầm chiếc búa.
"Mày ăn cắp cái gì, đồ nhọ?".

Tôm lập tức cảm thấy mình mắc vào chuyện rầy rà. Bác bỏ thẳng thừng lời kết tội cũng bằng gọi một người da trắng là kẻ nói dối – lại càng nguy hiểm hơn là ăn cắp. Gấp gáp nhận thức rằng cần làm cho bọn này tin lời mình, Tôm gần như lắp bắp: "Thưa ông, tui nghe thấy có cái gì, ra xem thì thấy một người da trắng ở lều rác và hắn ta vùng ra chạy mất".

Nhìn nhau tỏ vẻ không tin, hai tên lính gác phá lên cười giễu cợt: "Mày coi chúng tao ngờ nghệch đến thế kia ư, đồ nhọ?" một tên hỏi vậy. "Thiếu tá Kêitz bảo phải đặc biệt để mắt đến mày! Mày sẽ gặp ông ấy vào sáng sớm, khi ông trở dậy, con ạ!". Mắt vẫn nhìn Tôm chòng chọc, hai tên gác rì rầm bàn bạc với nhau.

Tên lính gác thứ hai nói: "Bồi, bỏ cái búa xuống!" Một cách bản năng, tay Tôm riết chặt lấy cán búa tiến lên một bước, tên lính gác chĩa cây súng hỏa mai vào bụng Tôm. "Bỏ nó xuống!".

Ngón tay Tôm buông ra và anh nghe thấy chiếc búa rơi đánh thịch xuống đất. Bọn lính gác ra hiệu cho anh đi lên phía trước chúng một quãng khá xa, rồi hạ lệnh cho anh dừng lại ở một khoảng trống nhỏ, trước một cái lều vải lớn có một tên lính vũ trang khác đứng canh: "Chúng tôi đi tuần tra và bắt được một tên nhọ này đang ăn cắp", một trong hai tên kia nói và hất hàm về phía chiếc lều vải lớn. "Đáng lẽ bọn tôi xử trí với nó, nhưng thiếu tá đã bảo chúng tôi canh chừng nó và có chuyện gì thì báo cáo với chính thiếu tá. Khi nào thiếu tá dậy, bọn tôi sẽ quay lại".

Hai tên lính gác để Tôm lại cho tên mới, tên này gườm gườm nhìn anh và gắt gỏng bảo: "Nằm áp lưng xuống đất, nhọ. Mày mà động đậy là chết liền". Tôm nằm xuống theo y lệnh. Mặt đất lạnh. Anh suy đoán những gì có thể xảy đến, cân nhắc những khả năng trốn thoát rồi những hậu quả nếu anh làm thế. Anh ngẩm rạng đông hừng lên; rồi hai tên lính gác lúc đầu trở lại khi những tiếng động trong lều cho biết thiếu tá Kêitz đã dậy. Một tên gọi: "Xin phép được gặp ngài, thưa thiếu tá!".
"Về chuyện gì đấy?" Tôm nghe thấy giọng lão càu nhàu bên trong lều.
"Đêm qua, chúng tôi bắt được tên nhọ thợ rèn đang ăn cắp, thưa ngài!".
Một quãng ngừng. "Bây giờ nó đâu rồi?".
"Chúng tôi giữ nó ngay ở ngoài này, thưa ngài!".
"Ta ra ngay đây!".

Sau một phút nữa, vạt cửa lều mở và thiếu tá Kêitz bước ra đứng nhìn Tôm như con mèo nhìn một chú chim. "Hừ thằng nhọ huênh hoang, kể tau nghe mày ăn cắp ra sao! Mà biết trong quân đội chúng tao coi chuyện này như thế nào chứ?".
"Mexừ..." Tôm sôi nổi kể lại sự thật về điều đã xảy ra và kết thúc.
"Mexừ, anh ta đói thật là đói, phải moi cả rác".
"Mày lại bắt được một người da trắng ăn rác cơ đấy! Mày quên mất là trước đây chúng ta đã gặp nhau, hơn nữa tao biết tỏng các loại chúng mày, nhọ ạ! Tao đã để ý đến cái tên nhọ tự do bất hảo là cha mày, nhưng chúng mày đã lọt lưới. Được, lần này tao vớ được mày, cứ luật lệ chiến tranh mà xử!".

Với cặp mắt hoài nghi, Tôm nhìn Kêitz sải bước tới giật chiếc roi ngựa lủng lẳng ở núm yên ngựa treo ở đầu một cái cọc gần đấy. Tôm quắc mắt, cân nhắc chuyện chạy trốn, nhưng cả ba tên gác đều chĩa súng vào anh trong khi Kêitz tiến lại: mặt rúm lại, lão giơ cao chiếc roi bện và quất xuống vai Tôm rát như lửa, lần nữa, lần nữa, liên tục...

Khi Tôm loạng choạng đi về chỗ anh vẫn đóng móng ngựa, lòng đầy tủi nhục và phẫn nộ, anh vớ lấy bộ đồ nghề, nhảy lên lưng la, bất cần điều gì có thể xảy đến nếu bọn lính hô đứng lại, và phóng miết không dừng cho tới khi về tới đại sảnh. Mexừ Marê lắng nghe câu chuyện đã xảy ra và khi Tôm kể xong, mặt ông đỏ bừng vì tức giận. "Xin ông cứ mặc kệ, thưa ông chủ, tôi không trở lại đấy nữa đâu".
"Bây giờ anh không sao chứ, Tôm?".
"Tui không đau đâu cả, trừ ở trong lòng, nếu đấy là điều ông định hỏi, thưa ông".
"Thôi được, ta hứa với anh thế này nhé. Nếu tay thiếu tá dương oai định gây sự lôi thôi, ta sẵn sàng đến chỗ ông thiếu tướng chỉ huy, nếu cần. Ta thực sự phiền lòng vì chuyện này đã xảy ra. Anh cứ trở về cửa hiệu lò rèn mà làm việc". Mexừ ngập ngừng. "Tôm, ta biết anh không phải là con cả, nhưng bà Marê và ta vẫn coi anh là chủ gia đình anh. Và ta muốn anh nói với gia đình anh là vợ chồng ta hy vọng tất cả chúng ta cùng vui hưởng quãng đời còn lại khi đánh tan bọn Yanki. Bọn chúng chỉ là lũ quỷ mặt người, không có gì khác!".
"Dạ", Tôm nói. Anh nghĩ một ông chủ không thể nào hiểu được rằng, đã thuộc quyền sở hữu của một người nào thì làm sao mà vui thú cho được. Tuần nối tuần, bước sang mùa xuân năm 1862, Airin lại có mang và những tin tức Tôm nghe được hằng ngày từ miệng những khách hàng da trắng của anh ở địa phương, đem lại cho anh cái cảm giác rằng quận Alomenx dường như nằm trong vùng trung tâm yên tĩnh của một cơn bão tố chiến tranh đang hoành hành ở những nơi khác. Anh nghe nói về một trận chiến đấu ở Sailô trong đó quân Yanki và quân "Liên minh" mỗi bên thương vong tới gần 4 vạn, đến nỗi những người sống sót phải lách lấy lối đi giữa những xác chết và số thương binh cần cưa cắt nhiều đến mức cả một đống tú ụ những chân, tay người ùn lên trong sân của bệnh viện gần nhất ở bang Mitxixipi. Trận ấy có vẻ như là hòa nhưng xem chừng rõ ràng là bên Yanki đang thua trong hầu hết các trận lớn. Gần cuối tháng tám, Tôm nghe thấy người ta hoan hỉ mô tả một trận "Bul Răn" thứ hai trong đó quân Yanki phải rút lui với hai viên tướng trong đám tử sĩ và nghe đồn hàng nghìn lính rải rác lê lết về Oasinhtơn, dân chúng bèn hoảng hốt xô nhau chạy trốn trong khi các nhân viên văn phòng dựng chướng ngại vật quanh các công sở và tiền của cả ngân khố lẫn các nhà băng đều được đưa xuống tàu chở đến Niu Yoóc đồng thời một pháo hạm mở máy trên sông Pôtômắc sẵn sàng di tản Tổng thống Lincôn cùng bộ tham mưu của ông. Rồi không đầy hai tuần sau, tại bến phà Hacpơ một lực lượng của "Liên minh" dưới sự chỉ huy của tướng Xtônuôn Jêchxơn lại bắt được mười một nghìn tù binh Yanki.
"Tôm ạ, em thật không muốn nghe gì về cuộc chiến tranh kinh khủng nầy nữa đâu" một buổi tối tháng chín Airin nói vậy khi họ ngồi đăm đăm nhìn vào bếp lửa sau khi anh kể cho chị nghe về hai toán quân dài tới ba dặm của bên "Liên Minh" và bên Yanki đụng độ, bắn giết lẫn nhau ở một nơi gọi là Entitơm. "Em ngồi đây, bụng đầy căng đứa con thứ ba của chúng ta mà tất cả chỉ dặt nói chuyện đánh nhau mấy giết nhau thì cách nào í, tuồng dư không phải lắm đâu...".

Rồi cùng một lúc, cả hai ngoái lại nhìn về phía cửa lều vì nghe thấy một tiếng động rất nhẹ, nhẹ đến nỗi không ai buồn để ý thêm nữa. Nhưng khi lại thấy động, bây giờ rõ ràng là một tiếng gõ khe khẽ, thì Airin, ngồi gần hơn, đứng dậy ra mở cửa và Tôm rướn lông mày lên khi nghe thấy tiếng một người đàn ông da trắng van vỉ: "Xin lỗi anh chị có gì cho tui ăn được không? Tôi đang đói". Quay hẳn người lại, Tôm suýt té nhào khỏi ghế khi nhận ra bộ mặt của gã thanh niên da trắng anh đã bắt chợt thấy giữa những thùng chứa rác ở trại ky binh. Nhanh chóng trấn tĩnh lại và ngờ là có một thủ đoạn gì đây, Tôm ngồi ngay đuỗn, nghe thấy vợ mình hồn nhiên nói: "À, bầy tui chả có gì ngoài một tí bánh ngô nguội còn thừa sau bữa tối".

"Tốt chán, hai hôm nay tôi chả được mấy tí vào bụng".

Nhận định rằng đó chỉ một sự trùng hợp kỳ lạ, lúc này Tôm đứng lên khỏi ghế và đi ra cửa. "Một tháng nay cậu chỉ đi ăn xin phải không?".

Khoảng nửa giây, gã trai trẻ nhìn Tôm, vẻ giễu cợt, rồi trợn tròn mắt, gã ù té biến mất nhanh đến nỗi Airin đứng ngây ra sửng sốt – và chị lại càng sửng sốt hơn khi Tôm nói cho chị biết người mà chị sắp cho ăn là ai.

Đêm hôm sau, trong cuộc họp gia đình có cả Tôm và Airin dự, khi toàn thể xóm nô đều đã biết cái sự kiện kỳ lạ ấy, thì Matilđa lại rêu rằng ngay sau bữa điểm tâm, "một anh cu da trắng cha căng chú kiết nào đó, gầy khẳng gầy khiu", đột nhiên xuất hiện ở cửa che nhà bếp xin ăn, coi bộ thật thảm hại; bà đã cho gã một bát thịt hầm còn thừa nguội tanh nguội ngắt, khiến gã cám ơn rối rít trước khi biến mất, rồi sau đó, bà thấy cái bát đã rửa sạch đặt ngay ngắn trên bậc cửa nhà bếp. Sau khi nói cho mọi người biết gã thanh niên đó là ai. Tôm nói: "Một khi mà mẹ đã cho hắn ăn, con chắc hắn còn quanh quẩn ở đây. Có lẽ hắn ngủ đâu trong rừng cũng nên. Dù sao con cũng không tin hắn; đều trước hết ta biết, là có người lâm nạn".
"Nói dư thật!" Matilđa thốt lên. "Thôi được, mẹ hiểu các con nầy, nếu hắn thò mặt ra nữa, mẹ sẽ đề nghị hắn chờ để hắn tin rằng mẹ đang sắp cho hắn món gì ăn, trong khi mẹ đi thưa ông chủ".

Bẫy đã được dăng hoàn chỉnh khi gã trai trẻ lại xuất hiện vào sáng hôm sau. Được Matilđa báo động, mexừ Marê vội đi qua cửa trước và vòng mé cạnh nhà trong khi Matilđa hối hả trở về nhà bếp vừa kịp để nghe thấy gã thiếu niên đang đợi, bị chộp hoàn toàn bất ngờ. "Mày lởn vởn quanh đây làm gì?" mexừ Marê hỏi. Nhưng gã trai trẻ không hoảng sợ, thậm chí cũng không có vẻ gì là bối rối nữa. "Thưa ông, tôi thật quả đã kiệt sức vì đi đây đi đó hoài. Người ta không thể trách một kẻ bí thế và các gia nhân nhọ của ông đã đủ hảo tâm để đãi tôi một chút gì!". Mexừ Marê ngập ngừng rồi nói: "Thôi được ta có thể thông cảm, song mầy phải hiểu thời buổi bây giờ khó khăn biết chừng nào, cho nên chúng ta không thể nuôi thêm những cái miệng dư thừa. Mày phải đi đi". Rồi Matilđa nghe thấy giọng gã thiếu niên van vỉ một cách hèn mạt: "Thưa ông, xin ông cho con ở lại. Con không sợ công việc gì hết. Con chỉ không muốn chết đói thôi. Con sẽ làm bất cứ công việc gì ông cần".

Mexừ Marê nói: "Ở đây không có việc gì cho mày làm cả. Làm đồng thì đã có cánh nhọ của ta rồi".

"Con sinh ra và lớn lên trên đồng ruộng. Con sẽ làm cật lực hơn cánh nhọ của ông nữa kia, thưa ông – cốt sao được ăn đều đặn", gã trai trẻ năn nỉ.
"Tên mày là gì và mày từ đâu tới đây?".
"Joóc Jonxơn ạ. Từ Nam Carôlinơ tới, thưa ông. Chiến tranh đã làm tan nát nơi con sinh sống. Con đã tìm cách tòng quân nhưng họ bảo con còn bé quá. Con vừa mới tròn mười sáu tuổi. Chiến tranh tàn phá mùa màng chúng con, tàn phá tất cả mọi thứ, tệ hại quá, bộ như cả đến thỏ cùng không còn mống nào. Và con cũng bỏ đi, ngỡ rằng ở đâu đấy – bất cứ nơi nào khác – hẳn là phải khá hơn. Nhưng xem như thời buổi này, những người duy nhất cho con là cánh nhọ của ông".

Matilđa có thể cảm thấy rằng câu chuyện của gã thiếu niên đã làm mexừ Marê xúc động. Rồi bà nghe thấy, nhưng không tin ở tai mình. "Anh có biết gì về công việc giám thị không?".
"Con chưa bao giờ làm thứ công việc ấy". Gã thiếu niên Joóc Jonxơn có vẻ sửng sốt. Rồi gã ngập ngừng nói: "Nhưng con đã nói với ông là con không từ nan việc gì".
Thất kinh, Matilđa nhích gần hơn đến mép cửa che để nghe rõ hơn.
"Xưa nay ta vẫn thích có một giám thị, mặc dầu bọn nhọ của ta làm ăn tốt, chăm nom mùa màng, cấy hái đâu ra đấy. Ta muốn thử dùng anh, ban đầu thì chỉ chu cấp nơi ăn chốn ở thôi – để xem kết quả ra sao đã".
"Thưa ông... ông... gì ạ?".
"Marê" ông chủ nói.
"Vâng, vậy là ông đã có một giám thị đấy, thưa ông Marê".
Matilđa nghe thấy ông chủ cười khẽ. Ông nói: "Có một gian trống ở đằng sau chuồng ngựa, anh có thể dọn vào đấy mà ở. Hành trang của anh đâu".
"Thưa ông, có bao nhiêu hành trang con mặc trên người cả rồi", Joóc Jonxơn nói.
Cái tin choáng người ấy lan khắp gia đình, dữ dội như một tiếng sét. "Quả thật mẹ không dám tin những điều mẹ nghe thấy!" Matilđa thốt lên, kết thúc bản tường trình lạ lùng của mình và mọi người trong gia đình đều công phẫn. "Hẳn ông chủ sắp điên đến nơi rồi!"... "Tự chúng ta đã chẳng trông nom cơ ngơi của ông í đến nơi đến chốn đấy sao?"... "Chỉ vì cả hai đều là da trắng, có thế thôi!"... "Rồi ông í sẽ nhìn cái tên cách cơ này khác đi, khi nào chúng ta liệu chiều để xảy kha khá sự trục trặc khiến công việc không chạy!".
Nhưng mặc dù họ rất phẫn nộ, ngay từ lần gặp mặt trực tiếp đầu tiên với gã mạo danh ở ngoài đồng vào sáng hôm sau, gã lập tức khiến cho cơn giận dữ của họ khó mà có thể tồn tại ở mức phát sốt phát cuồng. Khi Vơjơl dẫn mọi người ra tới đồng, gã Joóc Jonxơn khẳng khiu xanh xao đã có mặt ngoài đó và gã bước tới gặp họ. Bộ mặt gày gò của gã đỏ rừ lên và trái yết hầu cứ lên lên xuống xuống trong khi gã nói: "Tôi không thể trách các anh các chị đã ghét tôi, nhưng tôi có thể đề nghị các anh các chị chờ ít lâu xem tôi có hóa ra xấu như các anh các chị tưởng không. Các anh chị là những người da đen đầu tiên có quan hệ công việc với tôi song tôi nghĩ trời sinh các anh chị có màu da đen cũng như tôi có màu da trắng, và tôi xét mọi người ở hành động của họ. Tôi chỉ biết có một điều là các anh chị đã cho tôi ăn khi tôi đói và có ối người da trắng đã không làm thế. Giờ đây xem chừng ông Marê đã quyết tâm muốn có một giám thị, và tôi biết các anh các chị có thể khiến ông ấy thay tôi, song tôi nghĩ nếu các anh, chị làm thế, thì có cơ là kẻ thay thế tôi lại tệ hại gấp bội phần".
Xem ra trong gia đình, không ai biết trả lời ra sao cả. Dường như không có cách chi khác ngoài việc tản ra và bắt tay vào lao động, cả bọn đều ngấm ngầm quan sát Joóc Jonxơn làm việc cũng miệt mài như họ, nếu không muốn nói là hơn – thực tế, gã có vẻ chú tâm chứng minh lòng chân thành của mình.
Đứa con gái thứ ba của Tôm và Airin – Vaini – sinh vào cuối tuần đầu sau khi gã này đến. Giờ đây khi ở ngoài đồng Joóc Jonxơn đã mạnh dạn sà vào ngồi với các thành viên gia đình vào giờ ăn trưa, làm như không để ý thấy. Asfođ công nhiên đứng dậy, mặt sưng, mày sỉa, bỏ đi chỗ khác. "Các anh, chị thấy là tôi chẳng biết gì về công việc giám thị cả, cho nên các anh, chị cần giúp tôi trót lọt", Joóc Jonxơn thẳng thắn nói với họ. "Sẽ chẳng hay ho gì nếu để ông Marê ra đây và nghĩ rằng tôi không làm công việc ấy như ý ông muốn".
Cái ý rèn cặp đào tạo kẻ giám sát mình khiến cho ngay cả Tôm bình thường vốn trang nghiêm, cũng thấy ngồ ngộ khi nó được đưa ra bàn bạc ở xóm nô đêm hôm ấy, và tất cả đều nhất trí rằng các trách nhiệm ấy thế tất thuộc về

Vơjơl vì xưa nay bao giờ anh cũng vẫn điều khiển công việc đồng áng. “Đều đầu tiên” anh bảo Joóc Jonxơn, “cậu sẽ phải thay đổi hàng loạt cung cách thông thường của mình. Cố nhiên là với tất cả bọn tui luôn luôn trông chừng, thì ông chủ chả thể nào đến gần trước khi bọn tui kịp ra hiệu cho cậu. Thế rồi cậu phải nhanh chân tách ra để khỏi xoắn xuýt quá gần quanh bọn tui. Chắc cậu cũng biết người da trắng, nhất là cánh xú-ba-dăng không có được tỏ ra gần gũi mấy dân nhọ”.
“Ồ, ở Nam Carôlinơ quê tôi xem ra dân nhọ không bao giờ quá gần gũi với dân da trắng” Joóc Jonxơn nói.
“Ờ, dững tay nhọ í khôn ngoan đấy!” Vơjơl nói. “Đều tiếp theo là một ông chủ cần cảm thấy xú-ba-đăng của mình thúc đẩy đám nhọ làm việc hăng hơn trước khi có xú-ba-đăng. Cậu phải học quát tháo. “Làm đi, bọn nhọ chúng bay!” và dững câu đại loại dư thế. Và bất cứ lúc nào cậu ở bên ông chủ hoặc bất kỳ người da trắng nào nữa, cậu chớ có bao giờ gọi bọn tui bằng cái tên dư cậu vẫn thường gọi. Cậu phải học gầm gừ và chửi rủa và làm sao có vẻ thật bỉ ổi, để làm cho ông chủ cảm thấy cậu không quá dễ tính và thả lỏng bọn tui”.
Khi mexừ Marê ra thăm đồng lần sau, Joóc Jonxơn ra sức cố gắng quát tháo, chửi rủa, thậm chí còn đe dọa tất cả mọi người trên cánh đồng, từ Vơjơl trở xuống. “Thế nào, họ làm ăn ra sao?” mexừ Marê hỏi. “Đối với bọn nhọ được để cho làm tự ý mình, thì thế cũng kha khá”, Joóc Jonxơn kéo dài giọng, “nhưng con hy vọng một hay hai tuần nữa sẽ cho chúng vào khuôn phép đâu ra đấy”.
Đêm hôm ấy, cả gia đình cười lăn ra, bắt chước Joóc Jonxơn cùng với vẻ vui thích hiển nhiên của mexừ Marê. Sau đó khi qua đi hàng ngàn cơn vui, Joóc Jonxơn bình thản kể cho họ nghe cảnh nghèo rớt mồng tơi suốt quãng đời trước đây của mình, ngay cả trước khi gia đình gã tan tác với ruộng đồng bị chiến tranh hủy hoại, cho đến khi gã phải ra đi tìm một cuộc sống mới tốt đẹp hơn. “Có lẽ cậu ta là người da trắng duy nhất mộc mạc trung thực về chính mình mà chúng ta từng gặp”. Vơjơl nói lên sự đánh giá tập thể của gia đình.

“Nói tình thật, tui thích nghe cậu ta nói chuyện”, Lili Xiu phát biểu và Joóc-con giễu: “Cậu ta nói chuyện thì cũng dư mọi cách-cơ khác thôi. Khác cái cậu ta là người đầu tiên tui thấy không làm ra vẻ ta đây. Phần lớn đều rất xấu hổ về thân phận của mình”. Meri cười: “Ờ, cậu này không xấu hổ, dám cả xin ăn nữa cơ mà”.

“Mẹ thấy tuồng dư các con đã thực sự thích cái lão Joóc rồi đấy”. Matilđa nói. Mọi người lại cười rộ khi nghe thấy cái biệt hiệu mới đặt cho gã giám thị cây nhà lá vườn của họ. “Lão Joóc”, vì “lão” trẻ một cách kỳ cục. Và Matilđa nói đúng: thật khá lạ lùng, họ đã đi đến chỗ thích gã một cách thực tình.

Chương 112

Miền Bắc và Miền Nam như hai con hươu ngoắc sừng vào nhau trong một cuộc tử chiến. Xem chừng cả hai đều không thể thực hiện một chiến dịch thắng lợi để loại trừ bên kia. Tôm bắt đầu nhận thấy đôi chút thất vọng trong các cuộc trò chuyện giữa các khách hàng của anh. Đó là một cái phao cho niềm hy vọng được tự do vẫn còn mãnh liệt trong anh.

Cả gia đình lao vào sôi nổi suy đoán, khi "lão" Joóc Jonxơn nói với vẻ bí ẩn: "Ông Marê bảo tôi có thể đi lo một công việc gì đó. Tôi sẽ cố về hết sức nhanh". Rồi sáng hôm sau, anh ta đi.
"Các người đoán đó là việc gì?".
"Cứ theo cái cách lão vẫn nói chuyện thì ở quê lão chả còn gì mà lo liệu nữa".
"Có thể là một cái gì dính dáng đến họ hàng lão".
"Dưng mà lão có bao giờ nhắc đến họ hàng gì đâu – chí ít cũng là không nhắc đến người nào đặc biệt".
"Lão ắt phải có bà con nào ở đâu đó chứ!".
"Có khi lão quyết định đi chiến tranh cũng nên".
"Chà, tui rành không hình dung nổi lão Joóc lại muốn bắn ai".
"Tui ngờ là cu cậu cuối cùng đã được ăn uống đẫy bụng và bữa qua chúng ta thấy cu cậu là lần cuối đấy".
"Ồ, im đi, Asfođ! Anh thì chả bao giờ nói tốt cho lão hay bất kỳ ai khác!".

Gần một tháng đã qua khi một hôm chủ nhật, bỗng vang lên những tiếng hú và hò reo – bởi vì lão Joóc đã trở về, nhe răng cười ngượng và cùng với anh ta là một cô gái rụt rè đến khổ sở, cũng gầy gò và xanh xao như anh ta, cái bụng chửa tám tháng khiến cô có vẻ như đã nuốt phải một quả bí ngô.

"Đây là vợ tôi, cô Mathơ" Lão Joóc nói với mọi người, "Ngay trước lúc tôi ra đi, chúng tôi đã cưới và tui bảo cô ấy là khi tìm được nơi nào, tôi sẽ về đón. Sở dĩ trước tôi không nói gì về vợ tôi là vì kiếm được ai bằng lòng nhận một mình tôi cũng đã đủ khó rồi". Anh nhe răng cười với Mathơ: "Sao em không chào bà con đi?".

Mathơ ngoan ngoãn chào tất cả mọi người, và đối với cô dường như là một bài diễn văn dài khi cô nói thêm: "Joóc đã kể với tôi nhiều về bác và các anh chị".
"À, tui mong rằng mọi cái cậu í kể mấy mợ đều tốt cả!". Matilđa hớn hở nói và lão Joóc thấy bà liếc nhìn lần thứ hai vào cái bụng chửa to đến cực độ của Mathơ.
"Khi ra đi, tôi không hề biết là chúng tôi sắp có con. Tôi chỉ luôn luôn có cảm giác là tôi phải trở về. Và đó, cô ấy đã sắp làm mẹ rồi".
Cô bé Mathơ mảnh dẻ xem ra hoàn toàn vừa đôi phải lứa với Lão Joóc Jonxơn, nên gia đình nhiệt thành mừng cho đôi bạn.
"Có nghĩa là cậu chưa nói cả mấy mexừ Marê?" Airin hỏi.
"Chưa. Tôi chỉ bảo là tôi có chút công chuyện như tôi đã nói với bác và các anh, chị. Nếu ông ấy muốn tống chúng tôi đi thì chúng tôi đành phải đi, có thế thôi".
"Ồ, tui biết ông chủ sẽ không ác cảm dư thế đâu" Airin nói và Matilđa họa theo: "Cố nhiên, ông í không thế. Ông chủ không phải loại người dư vậy".
"Được bác nói hộ là hễ có dịp là cháu phải gặp ông ấy ngay", Lão Joóc Jonxơn nói với Matilđa.

Đề phòng mọi bất trắc, Matilđa thưa với bà chủ Marê trước, phần nào bi kịch hóa tình cảnh của hai cô cậu lên một chút. "Thưa bà, tui biết cậu ta là một xú-ba-dăng mí lại thế này thế khác thật đấy, dưng mà cậu í mấy cái cô vợ bé bỏng tội nghiệp của cậu í rành sợ chết khiếp là ông chủ sẽ đuổi đi bởi vì trước cậu í chả nhắc gì đến vợ mí lại thời buổi thật khó khăn đủ thứ. Hơn nữa ngày ở cữ của cô í chả còn mấy xa".
"Được, tất nhiên tôi không thể quyết định thay nhà tôi, song tôi tin chắc nhà tôi sẽ không tống họ ra khỏi cửa...".
"Vâng, thưa bà, tui biết ông bà sẽ chả làm thế đâu, nhất là tui đồ rằng cô bé mới chưa quá mười ba mười bốn tuổi bà ạ, và coi bộ dư sắp sửa đẻ bất cứ lúc nào, lại mới chân ướt chân ráo đến đây và không quen biết ai ngoài bọn tui... và ông bà".

Bà chủ Marê nói: "Thôi được, như tôi nói đấy, đấy không phải việc của tôi, mà phải do ông Marê quyết định. Nhưng tôi cảm thấy chắc chắn là họ có thể ở lại".

Trở về xóm nô, Matilđa bảo Lão Joóc Jonxơn đầy vẻ hàm ơn là đừng lo, bà chủ Marê đã nói chắc chắn rằng không có vấn đề gì. Rồi bà tất tưởi đến lều Airin, ở đó sau khi hội ý nhanh chóng, cả hai lại rảo bước đến chiếc lán nhỏ biến thành nơi ở của vợ chồng Lão Joóc Jonxơn.
Airin gõ cửa và khi Lão Joóc Jonxơn ra, chị bảo: "Bọn tui lo cho vợ cậu. Cậu biểu mợ í để bọn tui thủi nấu giặt giũ tất cả cho, vì mợ í phải dành sức để sinh cháu".

"Cô ấy đang ngủ. Chị lo cho như vậy, thật quý hóa" anh ta nói. "Bởi vì suốt từ lúc đến đây, cô ấy cứ nôn ọe hoài".
"Chả có gì là lạ. Coi bộ sức mợ í chả hơn sức một con chim là mấy", Airin nói. "Việc gì cậu phải đưa mợ í đi bao nhêu đường đất tới đây đúng vào giữa cái đận này" Matilđa nghiêm nghị nói thêm.
"Cháu đã hết hơi hết sức bảo cô ấy thế khi cháu về quê. Nhưng cô ấy không chịu giải quyết cách nào khác".
"Thí dụ có chuyện gì xảy ra dọc đường. Cậu có biết mô tê gì về đỡ đẻ đâu", Matilđa kêu lên.

Anh ta nói: "Cháu thật khó mà tin rằng cháu sắp làm bố".
"Ấy thế mà rành là sắp rồi", Airin suýt bật cười khi thấy vẻ lo lắng của Lão Joóc Jonxơn, rồi chị và Matilđa quay lưng đi về lều mình.
Hai mẹ con lo lắng bàn riêng với nhau. "Mẹ thấy tình trạng con bé tội nghiệp í chả ổn tí nào cả", Matilđa lầm bầm tâm sự "Gần dư thấy cả xương. Và xem chừng đã quá muộn để tẩm bổ cho nó khỏe".

"Con cảm thấy dư cô í sẽ gay lắm đây", Airin tiên đoán, "Lậy chúa! Rành con không bao giờ nghĩ là cuối cùng mình lại ưa được một người da trắng nào!".

Không đầy hai tuần sau, một buổi trưa, Mathơ bắt đầu thấy đau. Cả gia đình xóm nô nghe thấy cô quằn quại kêu từ trong lán, trong khi Matilđa và Airin vất vả với cô suốt đêm cho đến gần trưa hôm sau. Cuối cùng khi Airin ló ra vẻ mặt chị đã tin cho lão Joóc Jonxơn phờ phạc ngay cả trước khi miệng chị thốt nên lời. "Tui chắc mợ Mathơ sẽ qua cầu thoát nạn thôi. Đứa bé là con gái... dưng mà nó chết rồi".

Chương 113

Chiều muộn hôm Tết dương lịch năm 1863, Matilđa chạy như bay vào xóm nô. "Các con có trông thấy cái tay da trắng vừa mới cưỡi ngựa đến đây không? Các con chả tin được đâu. Y ta đang rủa xả ở trong kia, biểu mấy ông chủ là vừa có tin theo đường dây điện tín hỏa xa báo rằng Tổng thống Lincôn đã ký Tuyên bố Rải phóng cho chúng ta được tự do!".

Cái tin phấn khởi ấy khiến những người da đen thuộc sở hữu của Marê, cũng như hàng triệu người khác như họ, vui sướng như điên trong những căn lều của họ... nhưng mỗi tuần qua đi, sự hoan hỉ chờ đợi tự do giảm dần, teo đi và cuối cùng quắt lại thành một nỗi thất vọng mới, vì thực tế càng trở nên rõ ràng rằng trong cái vùng ngày càng đẫm máu, tan hoang của khối Liên Minh, lệnh của Tổng thống Lincôn, chỉ thổi bùng thêm sự khinh ghét cay đắng đối với ông mà thôi.

Nỗi thất vọng ở xóm nô của đồn điền Marê sâu sắc đến nỗi mặc dù Tôm thi thoảng vẫn báo tin quân Yanki thắng những trận lớn, kể cả việc đánh chiếm Atlanta, mọi người vẫn từ bỏ hy vọng được tự do; cứ thế cho đến cuối năm 1864, một bữa Tôm hớn hở khác thường, gần hai năm nay chưa thấy anh phấn khởi thế bao giờ. Anh nói các khách hàng da trắng của anh đã mô tả hàng nghìn lính Yanki giết người cướp của, đông không kể xiết, dăng hàng tiến quân dài tới năm dặm, dưới sự chỉ huy của một tên tướng Sơman điên cuồng nào đó, đã tàn phá bang Jojiơ như thế nào. Mặc dù trước đây đã nhiều lần vỡ mộng, gia đình khó lòng dẹp được niềm hy vọng tự do mới được nhóm lại khi Tôm thông báo thêm tin tức vào những đêm sau.

"Tuồng dư quân Yanki không chừa lại tí gì! Đám da trắng chưởi họ đốt sạch cả đồng ruộng, đại sảnh, chuồng ngựa! Họ giết cả la, nấu thịt bò và mọi thứ khác ăn được! Dững thức gì họ không đốt không ăn được thì họ phá béng mấy lại cướp bất cứ cái gì mang theo được!" Và nghe nói dân nhọ ào hết ra rừng, ra đường cái, đông dư kiến, bỏ đồn điền, bỏ các ổng chủ, đi theo quân Yanki đến nỗi chính cái ông tướng Sơman í phải xin họ trở về chỗ cũ!".

Rồi không lâu sau khi cuộc tiến quân thắng lợi của bên Yanki tràn tới bờ biển, Tôm hổn hển báo tin: "Saletơn mất rồi!"... và sau đó là: "Tướng Grant đã chiếm Richmơn!"... và cuối cùng, tháng 4 năm 1865: "Tướng Li đã đầu hàng, nộp toàn bộ quân đội "Liên Minh!" Miền Nam đã chịu thua!".

Niềm hân hoan vui sướng ở xóm nô giờ đây thật không lấy gì đo nổi khi họ ùa ra qua sân trước đại sảnh và ngược lên lối vào, tới đường cái lớn để hòa vào hàng trăm người đã kéo đến đó, tíu tít như đèn cù, nhẩy cẫng, nhún lên nhún xuống, hò la, gào hú, hát ca, thuyết giảng, cầu nguyện. "Tự do, lậy Chúa, tự do!"... "Đội ơn Chúa toàn năng, cuối cùng, tự do đã đến!".

Nhưng rồi trong vòng mấy ngày, tinh thần hội hè hoan lạc lại chìm vào tang tóc và sầu đau sâu sắc với cái tin sét đánh về vụ ám sát Tổng thống Lincôn. "Đạạại áác!" Matilđa rít lên trong khi cả gia đình khóc quanh bà cùng với hàng triệu người như họ đã tôn kính vị Tổng thống hy sinh như đấng cứu tinh Môixe.

Rồi sang tháng năm, như đang xảy ra ở khắp miền Nam thất trận mexừ Marê triệu tập tất cả nô lệ trong sân trước đại sảnh. Khi đã tập hợp thành một hàng ngang, họ thấy khó nhìn thẳng vào bộ mặt bàng hoàng, chảy dài của ông chủ, của bà Marê khóc sướt mướt và của vợ chồng Lão Joóc Jonxơn vốn dĩ cũng thuộc nòi da trắng. Thế rồi, bằng một giọng đau đớn, mexừ Marê chậm rãi đọc tờ giấy cầm trong tay báo rằng miền Nam đã thua cuộc chiến tranh. Thấy khó nén được ngẹn ngào trước cái gia đình da đen đứng dưới đất đối mặt ông, ông nói: "Tôi nghĩ thế nghĩa là tất cả các người đã tự do như chúng tôi. Các người có thể đi khỏi nếu các người muốn, có thể ở lại nếu các người muốn thế, và nếu ai ở lại, chúng tôi sẽ cố gắng đãi một cái gì..."

Những người da đen thuộc sở hữu của Marê lại bắt đầu nhảy nhót, hát ca, cầu nguyện, la hét: "Chúng ta được tự do!"... "Rốt cuộc, thế là tự do!"... "Tạ ơn Người, Đức Chúa Jêxu!". Tiếng reo mừng như điên bay đi, lọt qua khung cửa mở của căn nhà gỗ nhỏ nơi Iuriơ, con trai của Lili Xiu, năm nay lên tám, đang nằm sốt mê man từ mấy tuần nay. "Tự do! Tự do!" nghe thấy vậy, Iuriơ bật dậy khỏi giường nằm, sôi sục, chiếc áo ngủ phất pha phất phới; đầu tiên, nó chạy ra chuồng lợn: "Lũ lợn kia, đừng ủn ỉn nữa, chúng mầy được tự do rồi! Nó nhào tới chuồng bò: "Lũ bò cái kia, đừng cho sữa nữa chúng mầy tự do rồi! – và cả TAO cũng thế!".

Nhưng đêm hôm ấy, sau khi mọi người đã mệt lử không còn sức để reo mừng, Tôm tập hợp đại gia đình trong chuồng ngựa để bàn bạc xem giờ đây, khi "cái tự do" bao lâu mong đợi đã đến, họ cần phải làm gì. "Tự do sẽ

không nuôi sống chúng ta, nó chỉ để cho chúng ta tự ý quyết định xem cần làm gì để có cái ăn". Tôm nói. "Chúng ta phải có nhều tền, mà ngoài tôi làm rèn mấy mẹ nấu bếp, nhà ta chỉ biết mỗi việc làm đồng mà thôi", anh đánh giá cái thế khó xử của gia đình.

Matilđa thuật lại là mexừ Marê đã đề nghị bà thuyết phục mọi người cân nhắc ý kiến của ông đưa ra là phân mảnh đồn điền ra và ai muốn làm rẽ thì chia đôi hoa lợi. Một cuộc tranh luận sôi nổi diễn ra. Nhiều người lớn trong gia đình muốn rời đi thật nhanh, càng sớm càng tốt, Matilđa phản đối. "Mẹ muốn gia đình ta đây tiếp tục xum vầy. Bi giờ thử bàn về chuện di chuyển nhá, phí dụ chúng ta bỏ đi, thế rồi bố Joóc-Gà của các con giở về, không có ai biểu cho bố biết chúng ta đi đằng nào thì sao!".

Mọi người im lặng khi Tôm ngỏ ý muốn nói: "Tui xin nói mấy cả nhà nữa là làm sao chúng ta chưa thể bỏ đi được – là vì chúng ta chưa chuẩn bị gì cả, thế thôi. Khi nào chúng ta chuẩn bị xong xuôi, tôi sẽ là người đầu tiên đòi đi". Cuối cùng, đa số chịu là Tôm nói phải và cuộc họp gia đình giải tán.

Nắm tay Airin, Tôm cùng vợ đi dưới ánh trăng về phía cánh đồng. Nhẹ nhàng nhảy qua một hàng rào, anh bước những bước dài, ngoặt theo một góc chín mươi độ, khoanh một hình vuông, rồi sải cẳng trở về chỗ hàng rào anh nói: "Airin, chỗ này sắp sửa là của chúng mình!" Chị khe khẽ nhắc lại lời anh: "của chúng mình!".

Trong vòng một tuần, các đơn vị riêng rẽ của gia đình làm phần ruộng của mình. Một buổi sáng, Tôm đã rời khỏi lò rèn đi đến giúp sức các anh em trai, thì chợt nhận ra một người cưỡi ngựa lũi thũi trên đường cái là lão cựu thiếu tá kỵ binh Kêitz, quân phục tả tơi, ngựa thì tập tà tập tễnh. Kêitz cũng nhận ra Tôm và thúc ngựa lại gần hàng rào, lão ghìm cương lại: "Ê, nhọ, mang cho ta gáo nước!" lão gọi. Tôm tới chỗ xô nước. Anh múc đầy gáo và bước lại đưa nó cho Kêitz. "Tình hình bi giờ thay đổi rồi, ông Kêitz ạ", Tôm điềm đạm nói. "Sở dĩ tui mang cho ông gáo nước nầy chỉ là vì bất kỳ ai khát, tui cũng cho uống, chớ không phải vì ông quát tháo đâu. Tui muốn ông phải hiểu rõ điều í".

Kêitz đưa trả lại chiếc gáo. "Cho ta gáo nữa, nhọ". Tôm cầm chiếc gáo, bỏ trở lại vào xô nước và bước đi không thèm ngoái nhìn lại.

Nhưng khi một kỵ mã khác vừa hú vừa phóng nước đại theo đường cái, với một chiếc mũ quả dưa đen nhàu nát rất dễ nhận ra bên trên một chiếc khăn quàng xanh bạc thếch, thì mọi người ngoài đồng ào ào chạy cả về xóm nô: "Mẹ ơi, bố về! Bố về!" Khi con ngựa vào tới sân, các con trai Joóc-Gà kéo phăng ông kiệu lên vai và kéo đến trước mặt Matilđa chan hòa nước mắt.

"Làm sao mà lại khóc rống lên thế, mụ?" ông giả vờ bất bình hỏi, đồng thời ôm ghì lấy bà như không muốn buông ra nữa, nhưng cuối cùng ông cũng rời khỏi bà lớn tiếng bảo gia đình tập hợp lại và im lặng. "Rồi sau, bố sẽ kể cho cả nhà nghe bố đã đi dững đâu, làm dững gì từ khi chúng ta xa nhau", Joóc-Gà oang oang. "Dưng ngay bi giờ bố phải cho các con biết cả nhà ta sắp cùng nhau đi đến đâu sum vầy!". Trong không khí im lặng tưởng chừng nghe thấy cả tiếng kim rơi và với khiếu kịch bẩm sinh, Joóc-Gà kể là ông đã kiếm được cho cả nhà một khu định cư ở miền Tây Tennexi và những người da trắng vùng này đang nóng ruột chờ họ đến giúp sức xây dựng một thị xã.

"Nói cho cả nhà biết cái nầy nhé! Đất ở chỗ chúng ta sắp đến đen nhánh và mầu mỡ đến nỗi cắm một cái đuôi lợn con xuống, sẽ mọc lên cả con lợn í... đêm đến thì khó mà ngủ được vì dưa hấu nhớn nhanh đến nỗi cứ nứt đôm đốp dư pháo nổ. Có những con ôpốt[1] nằm ềnh dưới gốc cây, béo ục ịch không đi nổi, nước ngọt ở cây nhỏ xuống đặc dư mật...!".

Gia đình phấn khởi nhộn nhạo như điên, không để ông nói nốt. Trong khi một số chạy đi khoe những người khác ở các đồn điền bên cạnh, chiều hôm ấy Tôm bắt đầu lập kế hoạch sửa một chiếc xe làm đồng thành một chiếc "Róccouê [2] có mui, mà mười chiếc như thế có thể đưa tất cả các đơn vị trong gia đình đến chỗ mới nọ. Nhưng đến lúc mặt trời lặn, khoảng một tá người khác, chủ các gia đình mới được giải phóng, đã kéo tới – không phải là xin, mà đòi hỏi cho các gia đình của họ cùng đi – họ là những người da đen ở các đồn điền Hâut, Fitzpat rie, Pơm, Têilơ, Rait, Lêik, Mêcgrigo... thuộc quận Alơmenx.

Trong hai tháng ráo riết hoạt động tiếp theo, cánh đàn ông đóng xe "Róccouê". Phụ nữ mổ thịt gia súc, nấu nướng, đóng hộp và sấy thức ăn để đi đường và chọn những thứ tối cần thiết để mang theo. Ông già Joóc-Gà đi quanh giám sát mọi hoạt động, rất thích vai trò chính của mình. Lại có thêm những gia đình mới được giải phóng xúm đến quanh tìm Tôm tình nguyện giúp một tay và cam đoan sẽ nhanh chóng lấy xe tải riêng để làm thành xe "Róccouê" của gia đình. Cuối cùng anh tuyên bố tất cả những ai muốn đều có thể đi – nhưng mỗi đơn vị gia đình chỉ được một chiếc "Róccouê" thôi. Cuối cùng, khi hai mươi tám chiếc xe đã được chất đồ lên và sẵn sàng lăn bánh vào rạng

sáng hôm sau, với một cảm giác kỳ lạ vừa buồn vừa bình thản, đám người mới được tự do tha thẩn đi quanh, khe khẽ sờ vào những vật quen thuộc, chậu rửa bát, cọc rào..., biết rằng đó là lần cuối cùng.

Trong nhiều ngày, những người da đen ở đồn điền Marê chỉ loáng thoáng thấy vợ chồng ông chủ. Matilđa khóc: "Lậy Chúa, tui thật không muốn nghĩ đến cái nông nỗi mà ông bà í đang phải trải qua, tui thề là thế!".

Tôm đã rút vào trong xe mình để nghỉ đêm thì chợt nghe thấy tiếng gõ nhẹ ở cửa phía sau. Không hiểu sao, anh biết ngay đó là ai, ngay trước cả khi mở tấm che hậu. Lão Joóc Jonxơn đứng đó, mặt nhăn nhó vì xúc động, hai tay vặn vẹo chiếc mũ: "Tôm... tôi muốn nói một câu với anh... nếu anh có thì giờ...".

Tụt xuống khỏi xe, Tôm đi theo lão Joóc Jonxơn một quãng dưới ánh trăng. Cuối cùng, khi lão Joóc dừng lại, gã nghẹn ngào vì bối rối và xúc động, khó khăn lắm mới nói lên lời: "Tôi và Mathơ đã bàn... xem ra chúng tôi chỉ có các anh các chị là người thân mà thôi. Tôm ạ, chúng tôi băn khoăn không biết các anh các chị có để cho chúng tôi đi theo không?".

Một lát sau, Tôm mới nói: "Nếu chỉ có một gia đình tui thì tui có thể trả lời cậu ngay bi giờ. Dưng mà còn có nhều người khác nữa. Tui phải bàn mấy tất cả bọn họ. Tui sẽ cho cậu biết...".

Tôm đi đến từng xe khác, gõ khe khẽ, gọi những người đàn ông ra. Tập hợp họ lại, anh nói cho họ biết điều gì xảy ra... Một phút im lặng nặng nề. Tôm đề nghị: "Cậu ta là tay xú-ba-dăng tốt nhất đối mấy bọn tui, bởi vì thực ra cậu í chả phải là xú-ba-dăng gì hết, cậu í vai kề vai làm lụng mấy bọn tui mà".

Một số, phần nào hiềm kỵ da trắng, phản đối kịch liệt. Nhưng sau một lát, một người bình tĩnh nói: "Giời sinh hắn da trắng, hắn làm thế nào được..." Cuối cùng, phải lấy biểu quyết và đa số đồng ý để cho vợ chồng Jonxơn đi theo.

Cần phải hoãn lại một ngày để làm một chiếc "Róccơuê" cho lão Joóc và Mathơ. Rồi rạng sáng hôm sau, một đoàn hai mươi chín chiếc "Róccơuê" có mui sắp hàng dọc bắt đầu cót két, lọc cọc chuyển bánh rời khỏi đồn điền Marê trong bình minh. Trên đầu đoàn xe, ông Joóc-Gà sáu mươi bảy tuổi đội mũ quả dưa, đeo khăn quàng, cưỡi con ngựa "Già Bóp", mang trong tay con gà chọi già độc nhỡn. Đằng sau ông, Tôm lái chiếc xe thứ nhất, với Airin ngồi bên cạnh và đằng sau họ là lũ con, mắt tròn xoe thích thú, đứa bé nhất Xinthiơ mới được hai năm. Và sau hai mươi bảy chiếc xe nữa, với những người đàn ông da đen hoặc lai cùng vợ họ ngồi trên chiếc ghế trước, cuối cùng đến chiếc xe vét của lão Joóc và Mathơ; họ dõi mắt nhìn xuyên qua lớp bụi mù mịt cuốn lên bởi tất cả những vó ngựa, la và bánh xe đang tiến về phía mà ông Joóc-Gà thề sống thề chết rằng đích thị là miền Đất Hứa.

Chú thích:
[1] Loại thú có túi đựng con ở Mỹ
[2] Một loại xe hòm lớn do ngựa kéo, hai bên thành và ở đằng sau có cửa, thường được đóng tại thị xã Roccơuê

Chương 114

“Chỗ này à?” Tôm hỏi.
“Miền Đất Hứa đây ư?” Matilđa hỏi.
“Thế dững con lợn mấy lị bí ngô vọt ra khỏi mặt đất đâu?” một đứa trong bọn trẻ con hỏi khi Joóc-Gà ghìm cương cho ngựa đứng lại.

Trước mắt họ là một khoảng trống trong rừng, với một số cửa hàng bằng gỗ ở chỗ giao nhau giữa con đường ghập ghềnh họ đang đi với một con đường thẳng góc với nó. Ba người đàn ông da trắng – một người ngồi trên một chiếc thùng đinh, một người khác trên một chiếc ghế xích đu, người thứ ba ngật ngưỡng trên hai chân sau một chiếc ghế đẩu, lưng tựa vào một bức tường có ván che và chân gác lên một cái cọc buộc ngựa – khẽ huých nhau và hất hàm về phía đoàn xe bụi bặm cùng những hành khách trên đó. Hai thằng bé da trắng đang đánh vòng đứng sững lại và giương mắt nhìn, chiếc vòng tiếp tục lăn quá chỗ chúng ra đến giữa đường, quay vài lượt nữa rồi đổ kềnh. Một người da đen lớn tuổi đang lom khom, đứng thẳng dậy, thản nhiên nhìn họ hồi lâu, rồi từ từ nhoẻn miệng cười. Một con chó lớn đang gãi bên một thùng hứng nước mưa cũng ngừng lại, chân vẫn giơ lên, nghển đầu nhìn họ, rồi lại tiếp tục gãi.
“Ta đã biểu mấy tất cả đây là một khu định cư mới”, Joóc-Gà nói nhanh. “Họ chỉ mới có độ một trăm người da trắng gì đó, và ngay cả với số mười lăm xe còn lại của chúng ta sau khi dững xe khác rẽ ngang trên đường đi tới đây, chúng ta cũng chỉ gần gần tăng gấp đôi dân số mà thôi. Chúng ta đang đi vào cái nền của một đô thị đang mọc lên”.
“Ờ, nó chỉ còn mỗi cách mọc lên chứ còn làm gì khác được nữa, đấy là cái chắc” Joóc-con nói, không hề mỉm cười.
“Cứ chờ lúc các người thấy vùng đất nhất đẳng điển của họ mà xem”, ông bố nói, vẻ rạng rỡ, hai tay xoa vào nhau hình dung trước lúc đến đó.
“Có khi lại là đầm lầy” Asfođ lầm bầm, cũng đủ khôn ngoan để không nói to cho Joóc-Gà nghe thấy.

Nhưng quả là loại đất thượng hảo hạng thật – màu mỡ và nhiều mùn, mỗi gia đình được ba mươi “âyco”, rải rác trên những khoảnh ô bàn cờ từ ven đô kéo suốt đến những trại của người da trắng đã chiếm vùng đất tốt nhất ở quận Laođơđêl, trên hai bờ sông Hatai cách sáu dặm về phía Bắc. Nhiều trại của người da trắng rộng bằng tất cả số đất của họ cộng lại, nhưng ba mươi “âyco” cũng đã gấp ba mươi lần những gì họ từng mong có trước đây và chừng này, họ đã thấy đầy tay rồi.

Vẫn cứ ở chen chúc trên xe, các gia đình bắt đầu đào bật những gốc cụt và phát bụi rậm ngay từ sáng hôm sau. Chẳng bao lâu, đất đã được cầy thành luống và gieo trồng vụ đầu tiên – phần lớn là bông, một ít ngô, với những mảnh vườn rau và một vạt trồng hoa. Khi mọi người chuyển sang công việc tiếp theo là hạ cây và sẻ gỗ dựng nhà, Joóc-Gà cưỡi ngựa từ trại này sang trại khác, tình nguyện góp ý kiến về cách thức xây dựng và ồn ào kể công mình đã đổi đời họ như thế nào. Ngay cả giữa đám những da trắng đến lập nghiệp ở Henning, ông cũng khoe khoang là những người ông đưa tới đây sẽ góp phần làm cho thị xã lớn lên và phồn thịnh như thế nào, không quên nói rằng con trai giữa của ông là Tôm sắp tới sẽ mở cửa hiệu rèn đầu tiên của vùng này.

Sau đó không bao lâu, một hôm, ba người da trắng cưỡi ngựa tới lô đất của Tôm trong khi anh đang cùng các con trai trộn bùn với lông lợn để trát vách cho căn lều đã xong một nửa của mình.
“Ai trong số các anh là thợ rèn?” một người hỏi to từ trên lưng ngựa. Đoán chắc là những khách hàng đầu tiên đã tới ngay cả trước khi anh kịp xây dựng cơ sở để hành nghề, Tôm hãnh diện bước ra.
“Chúng ta nghe nói anh định mở một cửa hiệu rèn ở thị xã này”, một người nói.
“Vâng, thưa ông. Tui đang ngắm xem chỗ nào tốt nhất để dựng nó. Có thể là cái chỗ trống ở cạnh nhà máy cưa, nếu chưa có ai khác để mắt tới”.

Ba người kia đưa mắt nhìn nhau. “Này người anh em”, người thứ hai nói tiếp, “không cần phải mất thì giờ vô ích, chúng tôi sẽ nói thẳng vào vấn đề. Anh biết nghề rèn tốt thôi. Nhưng nếu anh muốn hành nghề ở thị xã này, anh sẽ phải làm việc cho một người da trắng làm chủ hiệu. Anh đã nghĩ đến chuyện đó chưa?”.

Một cơn giận điên người dâng lên trong Tôm đến nỗi phải gần một phút sau, anh mới bình tĩnh lại để nói: “Không, thưa ông, tui chưa nghĩ đến”, anh chậm rãi nói: “Tui và gia đình tui bì giờ là dững người tự do, bọn tui chỉ mong kiếm sống dư mọi người khác, bằng cách cần cù làm dững cái gì mình biết làm”. Anh nhìn thẳng vào mắt bọn kia. “Nếu tui không được làm chủ dững gì tui làm ra bằng hai bàn tay mình, vậy đây không phải là chỗ cho bọn tui”.

Người da trắng thứ ba nói: "Nếu anh cảm thấy dư thế thì ta e rằng anh phải rong ruổi đường trường nhiều nữa mới mong kiếm được nơi thích hợp, cu ạ".
"À, bọn tui quen đi đây đi đó rồi", Tôm nói. "Tui chả muốn gây rắc rối ở đâu, dưng mà tui cần phải là một con người. Tui chỉ ước là giá tui biết trước tình cảm của các ông ở đây để gia đình tui khỏi dừng lại làm phiền các ông".
"Được, cứ nghĩ thế đi", người da trắng thứ hai nói. "Đó là việc của anh".
"Bọn các anh phải học sao cho cái thói luôn mồm nói đến tự do đừng có bốc lên đầu", người thứ nhất nói.

Thúc ngựa quay đằng sau, không nói thêm lời nào, họ phóng đi.

Khi cái tin đó truyền đi chớp nhoáng qua các trại, các chủ gia đình vội đến gặp Tôm.
"Con trai ạ" Joóc-Gà nói. "Cả đời mày đã biết người da trắng dư thế nào rồi còn gì. Tránh voi chả xấu mặt nào, con cứ né khỏi đường họ. Rồi thì tay rèn cừ dư con, chả bao lâu họ sẽ phải quay lại thôi".
"Đi cùng đường, rồi bi giờ lại phải khăn gói gió đưa!" Matilđa kêu lên. "Đừng có bắt gia đình phải thế, con giai!".

Airin phụ họa: "Tôm, em xin anh! Em mỏi mệt rồi! Mệt bã rồi!".

Nhưng mặt Tôm lầm lầm "Sự vật không bao giờ tự nó tốt lên trừ phi ta làm cho nó tốt lên!" anh nói. "Tui không ở lại nơi nào tui không thể làm dững gì một con người tự do có quyền làm. Tui không yêu cầu ai khác đi mấy bầy tui, dưng mà bầy tui sẽ chất đồ lên xe và mai đi luôn".
"Tui cũng đi!" Asfođ tức tối nói.

Đêm ấy, Tôm ra ngoài đi dạo một mình, lòng nặng trĩu cái cảm giác phạm tội, về nỗi gian truân mới mà anh đang buộc gia đình mình phải chịu đựng. Anh ôn lại trong đầu cuộc thử thách mà tất cả đã trải qua trên những chiếc xe lăn bánh hàng mấy tuần liền... và anh nghĩ tới điều Matilđa thường hay nói: "Cứ dò tìm kỹ trong cái xấu, thế nào cũng thấy cái gì tốt".

Khi cái ý đó đập vào óc anh, Tôm tiếp tục đi dạo một tiếng đồng hồ nữa, để cho kế hoạch hiện hình rõ nét trong tâm trí. Rồi anh rảo bước về xe, nơi gia đình anh đang yên giấc và vào giường ngủ.

Sáng ra, Tôm bảo Jêimz và Luyx dựng tạm hộ những lán một mái cho Airin và bọn trẻ làm chỗ ngủ vì anh sẽ cần đến xe. Trong khi gia đình đứng quanh, ngỡ ngàng nhìn anh – Asfođ thì mỗi lúc một thêm nghi hoặc và tức giận – anh nhờ Vơjơl giúp một tay, đỡ chiếc đe nặng đem lắp lên trên gốc cây cụt mới cưa. Đến trưa, anh đã dựng xong một cái lò bễ tạm thời. Tiếp đến trước mắt mọi người vẫn theo dõi, anh tháo tấm vải mui xe, rồi những tấm ván hai bên thành để trơ sàn xe, trên đó giờ đây anh bắt tay vào việc với những dụng cụ nặng nhất của mình. Dần dần, họ bắt đầu hiểu ra ý kỳ lạ mà Tôm đang biến thành một hiện thực.

Cuối tuần ấy, Tôm lái thẳng qua thị xã với lò rèn lưu động của mình và tất cả không trừ một ai – đàn ông, đàn bà hay trẻ con đều đứng há hốc miệng nhìn cái đe, cái lò bễ, cái chậu nước nhúng cùng những giá để gọn gàng một loạt dụng cụ rèn, tất cả lắp chắc chắn trên sàn xe được tăng cường thêm những thanh hỗ trợ.

Lễ phép gật đầu chào tất cả những người anh gặp – cả da trắng lẫn da đen – Tôm hỏi xem họ có đồ gì cần rèn với giá phải chăng. Trong vòng một thời gian, số trang trại yêu cầu anh tới phục vụ mỗi lúc một nhiều, vì không ai có thể nghĩ đến một lý do gì xác đáng để buộc một người da đen không được hành nghề trên một chiếc xe. Đến lúc họ nhận ra rằng với cái lò rèn lưu động, anh lại làm ăn khá hơn nhiều so với một cửa hiệu tĩnh tại, thì Tôm đã tự tạo cho mình trở thành cần thiết cho khắp thị xã đến nỗi họ không thể kiếm cách nào phản đối, ngay cả nếu họ muốn thế. Song, tình thật, họ không muốn thế, vì họ thấy Tôm là loại người làm tốt công việc của mình và không chõ vào việc của người khác, và họ không thể không trọng thị đức tính đó. Trên thực tế, cả gia đình đã mau chóng tự khẳng định mình là những Cơđốc đứng đắn, làm tròn nghĩa vụ, không giao du với bên ngoài – và "yên phận thủ thường", như một nhóm người da trắng đã nói trong một cuộc trò chuyện mà lão Joóc Jonxơn nghe lỏm được tại cửa hàng tổng hợp.

Nhưng lão Joóc cũng bị đối xử như là một kẻ trong "bọn ấy" – bị xa lánh trong môi trường xã giao, phải chờ đợi ở các cửa hàng cho đến khi tất cả các khách hàng da trắng khác đã được phục vụ xong xuôi, thậm chí có lần bị một lái buôn bắt phải mua một chiếc mũ mà anh đã thử và để trả lại trên giá khi thấy nó chật quá. Sau đó, anh kể chuyện lại cho gia đình Joóc-Gà nghe, để chiếc mũ đậu toòng teng trên đầu cho mọi người coi và ai nấy đều cười rộ như anh. "Tui lấy làm lạ là sao chiếc mũ í không vừa", Joóc-con nói đùa, "khi mà cậu thộn đến nỗi đi thử nó ở cái cửa hàng í". Asfođ thì tất nhiên phẫn nộ đến nỗi lớn tiếng dọa – dọa suông thôi – sẽ xuống đó tọng cái mũ vào cổ họng thằng cha da trắng í".

Mặc dù đám cộng đồng da trắng không cần đến họ mấy – và ngược lại – Tôm và bà con biết rất rõ là cánh thương nhân ở thị xã khó có thể nén nổi niềm phấn khởi trước sự gia tăng vùn vụt trong kinh doanh do họ tạo nên. Tuy họ tự may lấy hầu hết quần áo cho bản thân, tự túc phần lớn thực phẩm và chặt hạ phần lớn gỗ làm nhà, số lượng đinh, sắt tây và dây kẽm gai họ đã mua trong hai năm sau đó chứng tỏ nhịp độ trưởng thành của cộng đồng da đen.

Đến năm 1874, khi nhà cửa, chuồng ngựa, chuồng bò và hàng rào đã xây dựng đầy đủ, gia đình – dưới sự chỉ đạo của Matilđa – chuyển hướng chú ý sang một công cuộc mà họ coi không kém phần quan trọng đối với sự an lạc của mình: xây dựng một nhà thờ thay thế những gốc cây vẫn dùng làm nơi cúng lễ tạm bợ. Việc đó làm mất một năm và ngốn một phần lớn tiền dành dụm của họ, nhưng khi Tôm và các anh em trai cùng đám con trai của họ hoàn thành chiếc ghế dài cuối cùng trong nhà thờ và tấm vải trắng đẹp với hình thánh giá màu đỏ tía do Airin dệt tay đã được phủ trên bục giảng kinh trước cái cửa sổ bằng kính màu giá 250 đôla đặt ở hãng Xia, Râubắc, tận Tsicơgâu, thì tất cả đều nhất trí rằng ngôi nhà thờ Tân Giáo Giám Lý cho người da màu mang tên Niềm Hy Vọng Mới quả là đáng bỏ công sức, thời gian và tiền bạc ra để xây dựng.

Buổi lễ chầu ngày chủ nhật đầu tiên, tín đồ ùn ùn kéo đến – hầu hết những người da đen ở trong vòng hai mươi dặm có thể đi được hoặc cáng theo – đông đến nỗi tràn cả ra cửa lớn và cửa sổ, đứng cả ở bãi cỏ quanh nhà thờ. Nhưng ai nấy đều dễ dàng nghe rõ từng lời bài giảng kinh vang vang của đức cha Xailơx Henninh, trước là nô lệ của bác sĩ Đ.C Henninh một ủy viên chấp hành Hỏa xa Trung ương, bang Ilinoi, có rất nhiều ruộng đất quanh thị xã.

Sau bài đồng ca não lòng cuối cùng. "Cây Thánh giá cũ xù xì", một lần nữa, giáo đoàn do Matilđa dẫn đầu – Joóc-Gà chưa bao giờ thấy bà rạng rỡ như thế – lau nước mắt và sắp hàng đi qua trước mặt cha giảng đạo, xiết chặt tay và vỗ vỗ vào lưng cha. Đặt những giỏ thức ăn nơi cổng nhà thờ, họ rải những tấm khăn rộng lên bãi cỏ và bắt đầu thưởng thức các món gà rán, xăngđuých kẹp sườn lợn, trứng rán tẩm tiêu ớt, xà lách khoai tây, xà lách cải bắp, dưa góp, bánh ngô, nước chanh chai và nhiều nước ngọt, bánh nướng đến nỗi cả Joóc-con cũng phải há miệng thở sau khi ăn xong miếng cuối cùng.

Trong khi mọi người ngồi trò chuyện hoặc tha thẩn dạo quanh – cánh đàn ông và con trai mặc véttông, đeo càvạt, các bà có tuổi vận toàn trắng, các cô gái mặc áo váy màu sáng có dải băng ở eo – bà Matilđa mắt nhòa lệ, ngắm đàn cháu chơi chạy đuổi lăng xăng quanh đấy không biết mệt. Cuối cùng, quay lại phía chồng và đặt tay lên bàn tay sần sùi những sẹo do gà chọi cào, bà dịu dàng nói: "Joóc ạ, tui sẽ không bao giờ quên ngày hôm nay. Chúng mình đã đi một chặng đường dài, kể từ lúc ông đến tán tỉnh tui lần đầu với cái mũ quả dưa í của ông. Con cái chúng ta đã khôn nhớn cả, chúng nó lại sinh con đẻ cái và Chúa thương, cho tất cả chúng ta đoàn tụ một nhà. Tui chỉ ước có mỗi một điều là mẹ Kitzi của ông có ở đây để trông thấy cánh này với chúng ta".

Nước mắt lưng tròng, ông Joóc-Gà nhìn lại vợ: "Mẹ đang nhìn đấy, em ạ. Rành là mẹ đang nhìn!".

Chương 115

Trưa thứ hai, vào giờ nghỉ của người lớn ở ngoài đồng, trẻ con bắt đầu sắp hàng vào nhà thờ để khai giảng buổi học đầu tiên. Hai năm qua, từ khi đến thị xã sau khóa tốt nghiệp đầu tiên của trường cao đẳng Lêin ở Jêchxơn, bang Tennexi, cô Keri Oait đã phải dạy ngoài trời dưới bóng cây và việc sử dụng nhà thờ nhằm mục đích này thật là một dịp trọng đại. Những người quản lý nhà thờ Tôn Giáo Giám Lý cho người da màu mang tên Niềm Hy Vọng Mới – ông Joóc-Gà, Tôm và các anh em trai – đã góp tiền mua bút chì, bảng con và sách vỡ lòng để "học đọc, học viết và bốn phép tính". Vì cô dạy tất cả trẻ con đến tuổi đi học, Keri có sáu lớp những học trò từ năm đến mười lăm tuổi, trong đó có năm đứa con lớn của Tôm: Meriơ Jêin, mười hai tuổi; Ilơn; Vaini; Matilđa-bé và Ilizơbơt, sáu tuổi; kế đó là Tôm-con sang năm bắt đầu đi học, rồi đến cô út Xinthiơ.

Khi Xinthiơ tốt nghiệp vào năm 1883, thì Meriơ đã lấy chồng và đẻ đứa con đầu lòng; và Ilizơbơt, học sinh xuất sắc nhất trong nhà, đã dạy bố Tôm của cô viết được tên mình và thậm chí còn trở thành người giữ sổ sách cho cửa hiệu rèn của ông nữa. Ông cần một người như vậy bởi vì bấy giờ, cái lò rèn lưu động của ông phát triển đến nỗi ông đã dựng thêm một cửa hiệu tĩnh tại – mà không thấy một tiếng xì xào phản đối nào – và ở trong số những người làm ăn khá giả của thị xã.

Khoảng một năm sau khi làm việc cho bố, Ilizơbơt phải lòng Jon Tôlen, một người mới đến Henninh và đã đi làm rẽ ở cái trang trại sáu trăm "âycơ" của một gia đình da trắng gần sông Hatsi. Cô đã gặp anh ta, vào một hôm, ở cửa hàng bách hóa tổng hợp thị xã và – cô kể với bà mẹ Airin của mình – cảm phục ngay, không phải chỉ vì vẻ ưa nhìn và thân hình lực lưỡng của anh mà còn vì anh có phong thái đĩnh đạc và hiển nhiên là thông minh nữa. Thậm chí anh còn biết viết chút ít nữa, cô nhận thấy thế khi anh ký vào biên lai. Trong nhiều tuần sau, qua những cuộc đi dạo trong rừng với anh – mỗi tuần độ một, hai lần – cô còn phát hiện ra anh là một thanh niên có uy tín, chăm đi nhà thờ, có ước vọng dành dụm được đủ tiền để dựng lên một trang trại riêng và anh đã khỏe lại dịu dàng không kém.

Mãi đến khi hai người thường xuyên gặp nhau đã được ngót ngét hai tháng – và đã bắt đầu bí mật bàn chuyện cưới xin – Tôm mới ra lệnh cho cô không được lén lút phải dẫn anh ta về nhà ra mắt sau khi lễ nhà thờ, Ilizơbớt nữa (thực ra, ông biết chuyện từ đầu) vào chủ nhật tới, y lời làm theo. Jon Tôlen tỏ ra thân mật và hết sức kính trọng khi Ilizơbơt giới thiệu anh với Tôm; ông này thậm chí còn ít nói hơn mọi khi và, chỉ sau vài phút bông đùa gượng gạo, đã cáo lui. Sau khi Jon Tôlen ra về, Tôm gọi Ilizơbơt đến, nghiêm nghị nói: "Xem cái cách mầy lăng xăng quanh thằng thanh niên í thì rõ ràng là mầy kết nó rồi. Hai đứa mầy có tính chuyện gì không?".
"Bố định nói gì thế bố?" cô lắp bắp, mặt đỏ bừng bừng.
"Lấy nhau! Chúng mầy tính thế phải không?".
Cô không nói được.
"Mầy đã nói mấy bố! Chà, bố muốn ban phước cho mầy vì bố cũng mong mầy được sung sướng nhiều dư mầy mong". Nó có vẻ là một người tốt đấy... dưng mà bố không thể để con lấy nó được."

Ilizơbơt nhìn ông, không hiểu.
"Nó cũng duôm duôm. Nó có thể gần gần coi dư da trắng – cơ mà không hoàn toàn thế. Nó dở dơi dở chuột. Con có hiểu bố nói gì không? Nó quá trắng đối mấy người da đen, quá đen đối mấy người da trắng. Đã đành vẻ ngoài là bẩm sinh thế, nó không làm sao khác được, dưng mà bất kể nó có cố mấy, cũng chả bao giờ nhập vào đâu cho hợp được. Mới lại mầy phải nghĩ đến chuyện con cái mầy về sau bộ dạng da dẻ ra sao chứ! Bố không muốn con sống cách í, Ilizơbơt ạ".
"Nhưng bố ạ, ai cũng thích Jon mà! Nếu chúng ta có thể hòa hợp với Lão Joóc Jonxơn, thì tại sao chúng ta lại không thể hòa hợp với anh ấy?".
"Mỗi đàng một khác!".
"Nhưng bố ạ...!" cô đâm tuyệt vọng. "Bố bảo mọi người không chấp nhận anh ấy. Chính bố không chấp nhận thì có!".
"Đủ rồi, mầy đã nói tất cả dững gì tau cần nghe về chuyện í. Mầy đã không đủ trí khôn để tránh xa cái họa í thì tau phải tránh cho mầy. Tau không muốn mầy gặp nó nữa".
"Nhưng bố..." cô nức nở.
"Chấm dứt! Chuyện có vậy thôi!".
"Nếu con không lấy được Jon thì không bao giờ con lấy ai nữa!" Ilizơbơt khóc thét lên.

Tôm quay lưng và sải bước ra khỏi phòng, rập cửa đánh sầm. Sang buồng bên, ông dừng lại.
"Tôm, mình làm gì..." Airin ngồi thẳng dậy trên ghế xích đu, mào đầu vậy.

“Chả còn gì phải nói về chuyện í nữa!” ông gắt, chân bước ra cửa trước.

Khi biết chuyện, bà cụ Matilđa tức giận đến nỗi Airin phải ngăn không cho bà gặp mặt Tôm. “Bố cái thằng í cũng có máu da trắng ở trong người!” bà lão thét lên, bỗng nhiên nhăn mặt rồi ôm lấy ngực, bà Matilđa ngã chúi vào bàn, Airin với tay đỡ kịp trong khi bà đổ xuống sàn.
“Ôi, lạy Chúa ôi!” bà cụ rên rẩm, mặt rúm ró vì đau. “Chúa Jêxu lòng lành! Ôi, Thượng đế, đừng!” mí mắt bà cụ chấp chới và khép lại.
“Bà!” Airin hét lên, quàng lấy hai vai mẹ chồng. “Bà!” Airin ghé tai vào ngực bà già và lắng nghe, tim hãy còn thoi thóp. Nhưng hai ngày sau thì nó ngừng hẳn.

Cụ Joóc-Gà không khóc. Nhưng có một cái gì đến tan nát lòng trong cái vẻ ngây như đá, trong đôi mắt như chết rồi của cụ. Từ hôm ấy, không còn ai thấy cụ mỉm cười hay nói một lời lịch sự với người nào. Cụ với cụ bà Matilđa có vẻ như chưa bao giờ gần gũi nhau thật sự – nhưng khi cụ bà chết thì nhiệt tình của cụ ông cũng chết theo. Và cụ bắt đầu khô héo, quắt queo lại, gần như qua một đêm, sáng dậy đã già khụ – không phải trở nên yếu và lẫn cẫn, mà đâm ra khó tính và chấp nhặt. Không chịu ở thêm ngày nào trong căn nhà mà cụ đã từng chung sống với cụ bà Matilđa, cụ bắt đầu đi ngủ đậu ở nhà các con, hết nhà này sang nhà khác, kỳ đến khi cả hai bên đều phát ớn, thì ông lão Joóc-Gà tóc bạc lại chuyển chỗ. Khi nào không ca cẩm, cụ thường ngồi ở cổng, trong chiếc ghế xích đu mà cụ vẫn mang theo và giương mắt dữ tợn nhìn ra ngoài đồng hàng giờ liền.

Cụ vừa tròn tám mươi ba tuổi – cụ đã lạu bạu từ chối không đụng tí nào đến chiếc bánh sinh nhật con cháu làm mừng cụ. Một buổi cuối đông năm 1880, cụ ngồi trước lò sưởi nhà cô cháu gái lớn nhất Meriơ Jêin. Cô đã dặn cụ ngồi yên, cho cái chân đau nghỉ, trong khi cô chạy ù ra mang bữa trưa cho chồng ở cánh đồng bên cạnh. Khi cô trở về thật nhanh, cô thấy cụ nằm trên nền trước lò sưởi, nơi cụ đã lết đến sau khi ngã vào đống lửa. Những tiếng kêu thất thanh của Meriơ Jêin khiến chồng cô chạy vội về. Chiếc mũ quả dưa, chiếc khăn quàng và chiếc áo nịt vẫn âm ỉ, cụ Joóc-Gà bị bỏng kinh khủng từ đầu đến thắt lưng. Đêm khuya hôm ấy cụ qua đời.

Gần như tất cả những người da đen ở Henninh dự đám tang cụ, trong đó hàng tá là con cái, cháu chắt đứng bên cạnh huyệt trong khi cụ được hạ xuống trong lòng đất, ngay cạnh cụ bà Matilđa, ông con trai Joóc-con ghé vào tai Vơjơl thì thầm: “Bố cứng rắn quá, chắc chả chết tự nhiên được” Vơjơl quay lại nhìn em trai. “Tui yêu bố”, ông điềm đạm nói. “Cả chú và tất cả chúng ta”.

“Cố nhiên là thế”, Joóc-con nói. “Sống mấy ông cụ cứ nhắng nhít te te gáy thì chẳng ai chịu nổi, thế mà bi giờ, anh nhìn xem, tất cả đều thút thít vì nỗi ông cụ ra đi!”.

Chương 116

"Mẹ!" Xinthiơ hổn hển gọi Airin "Uyl Palmơ ngỏ lời muốn đưa con từ nhà thờ về nhà chủ nhật tới".
"Đích thị anh ta không phải người hấp tấp phải không? Ít ra đã hai năm nay, mẹ thấy anh ta chủ nhật nào cũng ngắm con..." Airin nói.
"Ai?" Tôm hỏi.
"Uyl Palmơ! Anh ta đưa Xinthiơ về nhà có được không?".
Sau một hồi, Tôm nói, giọng khô khốc, "Để tui nghĩ đã".
Xinthiơ đi ra, coi bộ như vừa bị dao đâm, để lại Airin nhìn chăm chú vào mặt ông chồng. "Tôm, nhẽ nào chả có ai xứng mấy các con gái ông. Ở tỉnh này, ai cũng biết cái gã trai trẻ Uyl sắp cai quản công ty gỗ cho ông già Jêimz say sưa tối ngày. Dân chúng ở khắp vùng Henninh đều thấy anh ta tự tay dỡ gỗ từ trên các xe lửa chở hàng, đích thân bán và giao gỗ, rồi biên hóa đơn, thu tền rồi lại đích thân đem tền gởi nhà băng. Lại còn làm cả dững việc mộc nho nhỏ mà khách hàng cần và không đòi thêm đồng nào. Ấy thế mà anh ta chả bao giờ nói đụng đến ông Jêimz một câu nào gọi là phạm tệ".
"Cứ dư tui nhìn nhận thì nó làm tròn phận sự, không chõ vào việc người khác", Tôm nói. "Tui cũng thấy nó trong nhà thờ, một nửa số con gái trong đấy cứ nhấm nha nhấm nháy dòm nó".
"Cố nhiên rồi!" Airin nói. "Vì anh ta là đám tốt nhất ở Henninh nầy. Dưng mà anh ta chưa ngỏ lời đưa ai về nhà[1] hết".
"Còn cái con Lulơ Catơ mà hồi nọ nó tặng hoa thì sao?".

Ngạc nhiên thấy Tôm biết cả chuyện đó, Airin nói: "Đấy là hơn một năm trước, Tôm ạ, và nếu ông biết kỹ đến thế, thì chắc ông cũng biết là sau đấy con bé này cứ sùng sục dư điên, xun xoe quanh anh ta dư cái bóng, cuối cùng anh ta thôi hẳn không chuện trò gì mấy cô ả nữa".
"Nó đã làm thế một lần, nó có thể làm lại lần nữa".
"Nó không làm thế mấy Xinthiơ đâu, con nó khôn ngoan đáo để, lại xinh và có giáo dục. Nó biểu tui là mặc dầu nó rất thích Uyl, nó vẫn không bao giờ lộ cho anh ta biết tình cảm nó thế nào! Quá lắm là nó chỉ chào hỏi và mỉm cười đáp lại khi anh ta chào nó. Bất kể bao nhiêu con gái vo ve theo Uyl, ông có thấy anh ta vo ve theo đuổi ai không?".
"Tui thấy là bà đã sắp đặt mọi sự đâu ra đấy", Tôm nói.

Airin năn nỉ: "Ôi, Tôm, hãy để cho anh ta đưa con bé về nhà. Ít ra cũng để cho hai đứa gặp gỡ nhau. Còn ở mấy nhau hay không là chuện của chúng nó".
"Thế còn tui!" Tôm nghiêm nghị nói. Ông không muốn tỏ ra dễ dãi với bất kỳ cô nào trong số con gái ông, cũng như với vợ nữa. Nhất là ông không muốn Airin biết trước đây ông đã thấy khả năng này, đã cân nhắc và hoàn toàn tán thành Uyl Palmơ nếu thời cơ đến. Vốn đã theo dõi gã trai trẻ Uyl từ khi anh ta đến Henninh, nhiều lần Tôm thầm ước giá một trong hai con trai mình có được nửa tài tháo vát của Uyl. Trên thực tế, anh chàng Uyl Palmơ nghiêm túc mà láu, nhiều tham vọng lại rất có bản lĩnh, khiến Tôm nhớ đến bản thân ông hồi còn trẻ.

Không ai ngờ việc "tìm hiểu" phát triển mau thế. Mười tháng sau, tại "buồng khách" trong ngôi nhà mới bốn phòng của Tôm và Airin, Uyl ngỏ lời cầu hôn và Xinthiơ phải khó khăn lắm mới kìm được câu trả lời "Vâng!" cho đến khi anh nói xong. Ngày chủ nhật thứ ba, tính từ bữa ấy, họ làm lễ cưới tại Nhà Thờ Tân Giáo Giám Lý cho người da màu mang tên Niềm Hy Vọng Mới, có trên hai trăm người dự, trong đó gần một nửa đã đáp xe từ Bắc Carôlinơ tới, cùng với con cái họ – nay ở các trang trại rải rác khắp quận Laođođêil.

Uyl tự tay, và với dụng cụ của mình, dựng lên ngôi nhà nhỏ, ở đó một năm sau, 1894, đứa con trai đầu lòng của vợ chồng anh ra đời và chết trong vòng mấy hôm sau. Dạo này, Uyl Palmơ không nghỉ việc được lấy một ngày, vì ông chủ bợm rượu của công ty gỗ cứ đắm vào hết be này đến be kia, thành thử thực tế là Uyl đang điều khiển toàn bộ công việc. Một buổi chiều thứ sáu mưa dông, kiểm tra lại sổ sách của công ty, Uyl phát hiện thấy một khoản phải nộp ngân hàng đến nay đã quá hạn. Anh phóng ngựa tám dặm đường dưới mưa tầm tã đến gõ cửa sau nhà ông chủ ngân hàng.
"Thưa ông Von", anh nói, "ông Jêimz quên mất khoản này và tôi biết là ông ấy ắt không muốn để ông phải chờ đến tận thứ hai".

Được mời vào trong nhà ngồi cho khô quần áo, anh nói: "Không dám, xin cảm ơn ông, Xinthiơ hẳn đang thắc mắc không biết tôi đi đâu". Và sau khi chúc ông chủ nhà băng ngủ ngon, anh lại phóng ngựa lao vào mưa trở về.

Cảm kích sâu sắc, người chủ nhà băng kể lại sự kiện đó khắp thị xã.

Mùa thu năm 1893, có người đến báo Uyl là ở ngân hàng, người ta đang cần gặp anh. Suốt trong mấy phút đi bộ đến đó Uyl thắc mắc không hiểu chuyện gì; vào đến nơi, anh thấy mười nhà doanh nghiệp da trắng chủ chốt ở Henninh đang chờ mình, tất cả đều có vẻ bối rối, mặt đỏ rừ. Chủ nhà băng Von nói nhanh, giải thích rằng chủ công ty gỗ tuyên bố vỡ nợ và dự định chuyển cả gia đình đi nơi khác. "Henninh cần có công ty gỗ", người chủ ngân hàng nói. "Tất cả chúng tôi đây đã bàn cãi hàng tuần là không thể nghĩ đến ai khác có khả năng điều khiển công ty này tốt hơn ông, Uyl ạ. Chúng tôi đã đồng ý cùng ký vào một ngân phiếu thanh toán mọi khoản nợ cho công ty để ông tiếp nhận nó với tư cách người chủ mới".

Nước mắt ròng ròng trên má, Uyl Palmơ không nói nên lời, bước dọc theo hàng người da trắng. Mỗi lần anh riết chặt tay ai, người đó lại vội vàng ký vào tấm ngân phiếu và bỏ ra ngoài, thậm chí còn hấp tấp hơn lúc ký, mắt cũng rưng rưng lệ. Khi tất cả đã đi khỏi, Uyl xiết chặt tay người chủ ngân hàng hồi lâu: "Thưa ông Von, tôi còn muốn xin một ân huệ nữa. Chẳng hay ông có vui lòng nhận một nửa số tiền để dành của tôi làm một ngân phiếu cho ông Jêimz mà không để cho ông ấy biết do lai từ đâu tới?".

Trong vòng một năm, phương châm của Uyl – cung cấp những hàng tốt nhất và phục vụ tốt nhất trong phạm vi khả năng với giá hạ nhất có thể được – đã lôi kéo khách hàng ở cả những thị xã lân cận, và những cỗ xe chở đầy người, phần lớn là da đen, ở tận Memphix – cách bốn mươi tám dặm Anh về phía Nam – đã tới để xem tận mắt cái cơ sở kinh doanh đầu tiên do người da đen làm chủ ở miền Tây Tennexi, nơi mà Xinthiơ đã treo những tấm rèm đăngten hồ bột ở cửa sổ và Uyl đã sơn tấm biển trước cửa nhà: "CÔNG TY GỖ UYL E. PALMƠ".

Chú thích:

[1] Đưa một cô gái về nhà tức là có ý muốn cầu hôn

Chương 117

Lời nguyện cầu của Xinthiơ và Uyl được toại vào năm 1895 với sự ra đời của một đứa con gái khỏe mạnh mà họ đặt tên là Bơthơ Joóc – "Joóc" đây là tên bố của Uyl. Xinthiơ một mực đòi họp cả nhà lại và trước mặt mọi người, chị kể với đứa bé bi ba bi bô toàn bộ câu chuyện từ đời ông tổ người Phi Kunta Kintê, đúng như ông Tôm đã kể cho tất cả con cái nghe trước đây.

Uyl Palmơ tôn trọng lòng thành của Xinthiơ toàn tâm toàn ý tưởng nhớ tới tổ tiên, nhưng lòng tự tôn của anh bị tổn thương sâu sắc vì nỗi bị coi là chịu về làm rể trong gia đình Xinthiơ chứ không phải Xinthiơ về làm dâu trong gia đình mình. Có lẽ vì thế mà anh bắt đầu độc chiếm bé Bơthơ ngay từ trước khi nó biết đi. Sáng nào anh cũng bế nó dạo quanh trước khi đi làm. Đêm nào anh cũng quấn chăn mền cho bé trong chiếc giường cũi mà anh đã tự tay đóng cho nó.

Khi Bơthơ lên năm, mọi người khác trong gia đình và số đông trong cộng đồng da đen ở thị xã thường dẫn lời Xinthiơ và phát biểu ý kiến riêng cũng nhất trí với chị: "Uyl Palmơ chiều con bé đủ thứ tùm lum!" Anh đã thu xếp để có sổ nợ ở mọi cửa hàng bánh kẹo ở Henninh và anh thanh toán hàng tháng, tuy nhiên anh bắt nó lên một bảng "kế toán" mà anh trịnh trọng kiểm tra để dạy nó "kinh doanh". Vào dịp sinh nhật mười lăm tuổi của Bơthơ, Uyl mở cho cô bé một tài khoản ở hãng Xia, Râubắc tận Tsicơgâu để cô có thể đặt bất kỳ thứ gì cô ưng ý trong "catalôg".

Sau đó, cũng năm ấy, Uyl thuê một ông thầy tận Memphix hàng tuần đến dạy Pianô cho Bơthơ. Cô là một học trò có năng khiếu và chẳng bao lâu đã đệm đàn cho dàn đồng ca ở Nhà Thờ Tân Giáo Giám Lý cho người da màu và Uyl là quản trị trưởng và Xinthiơ là chủ tịch vĩnh viễn của Ban nữ quản lý.

Khi Bơthơ học hết lớp tám ở địa phương vào tháng 6 năm 1909, một điều đương nhiên là cô phải rời Henninh để đi học tiếp ở Viện Lêin (do Nhà Thờ Tân Giáo Giám Lý do người da màu trợ giúp) tại Jêchxơn, bang Tennexi, cách đây ba mươi dặm về phía đông, có từ lớp chín cho đến hết hai năm cao học.

"Con gái ạ, con không cách nào biết được... việc này có ý nghĩa dư thế nào đâu, trong gia đình nhà ta, bi giờ con là người đầu tiên vào đại học..."

"Mẹ, bao giờ con mới có thể làm cho bố, mẹ đừng có nói những chữ như "bi giờ" và "dư" nữa? Con đã bảo phải phát âm là "bây giờ" và "như" cơ mà! Xét cho cùng, sinh ra trường cao đẳng để làm gì chứ? Chả phải để cho "người ta đến học hay sao?".

Khi còn lại một mình với chồng, Xinthiơ khóc. "Lạy chúa, xin Người giúp chúng con soi sáng cho nó. Uyl ạ, rành con nó không hiểu nổi".

"Có lẽ nó không hiểu, lại tốt nhất đấy", Uyl tìm cách an ủi. "Anh chỉ biết khi mình trút hơi thở cuối cùng, được thấy nó may mắn hơn chúng ta".

Đáp ứng lòng mong đợi của bố mẹ, Bơthơ kiên trì theo hết các lớn trên – học sư phạm để trở thành cô giáo – và cô vừa chơi pianô vừa hát ở ban đồng ca nhà trường.

Trong những lần về thăm nhà sau này, Bơthơ bắt đầu nói đến một thanh niên cô đã gặp ở ban đồng ca nhà trường tên là Xaimơn Elichzandơ Heili, gốc từ thị xã Xavannơ, bang Tennexi. Cô kể là anh ta rất nghèo, phải cùng một lúc làm bốn loại công việc linh tinh để có đủ tiền theo học khoa nông nghiệp tại trường. Thấy Bơthơ tiếp tục nói chuyện về anh ta, một năm sau, 1913, Uyl và Xinthiơ bèn gợi ý là cô nên mời anh ta về Henninh thăm bố mẹ để ông bà có thể tự mình đánh giá.

Vào cái hôm chủ nhật có tin đồn là "bồ của Bơthơ từ trường cao đẳng" sẽ tới chầu lễ, nhà thờ Tân Giáo Giám Lý cho người da màu mang tên Niềm Hy Vọng Mới chật ních người. Anh ta đến, dưới sự quan sát chăm chú không những của Uyl và Xinthiơ Palmơ mà cả của toàn thể cộng đồng da đen. Nhưng xem ra anh ta là một thanh niên rất tự tin. Sau khi đơn ca bài "Trong vườn Thiên Đàng" bằng giọng nam trung, với Bơthơ đệm pianô, anh thoải mái nói chuyện với tất cả những người xúm lại quanh anh trong sân nhà thờ, anh nhìn thẳng vào mắt mọi người, rắn rỏi bắt tay tất cả cánh đàn ông và ngả mũ chào tất cả các bà, các cô.

Tối hôm ấy Bơthơ và anh chàng Xaimơn Elic Heili của cô cùng đi xe buýt về trường cao đẳng Lêin. Trong những cuộc bàn cãi sau đó trong cộng đồng, về mặt công khai, không ai thấy có gì chê trách anh ta được. Tuy nhiên, nói riêng với nhau, một số tỏ ra băn khoăn về màu da gần như rất sáng của anh. (Anh đã tâm sự với cô Bơthơ da nâu sẫm rằng bố mẹ anh – trước kia là nô lệ – cho biết bà nội, bà ngoại anh là nô lệ, còn ông nội, ông ngoại anh đều là người Ailen da trắng). Nhưng tất cả đều nhất trí rằng anh hát hay; rằng anh có vẻ là con nhà gia giáo và không hề tỏ vẻ lên mặt vì có học thức.

Heili bỏ ra một mùa hè làm phu khuân vác hành lý trên những toa tàu Pulman[1] dành từng xu để có thể chuyển sang trường đại học nông nghiệp ở Grinxborâu, Bắc Carôlinơ, hằng tuần trao đổi thư từ với Bơthơ. Khi xảy ra thế chiến 1, anh và tất cả bạn trai trong lớp sắp tốt nghiệp đồng loạt gia nhập quân đội Hoa Kỳ và chẳng bao lâu, thư từ anh gửi cho Bơthơ đều từ Pháp đến; tại đây, năm 1918, anh bị hơi độc trong khu rừng Acgon. Sau nhiều tháng điều trị tại một bệnh viện bên kia đại dương, anh được đưa về nước dưỡng bệnh và năm 1919, hoàn toàn bình phục, anh trở lại Henninh, rồi cùng với Bơthơ tuyên bố hứa hôn.

Lễ cưới của họ, cử hành ở nhà thờ Tân Giáo Giám Lý cho người da màu mang tên Niềm Hy Vọng Mới vào mùa hè năm 1920, là sự kiện xã hội đầu tiên ở Henninh có cả người da đen và da trắng cùng dự – không những vì Uyl Palmơ giờ đã ở trong số những công dân nổi bật nhất của thị xã, mà còn vì bản thân cô Bơthơ hoàn hảo cũng là một nhân vật mà mọi người ở Henninh đều nhìn bằng con mắt tự hào. Cuộc tiếp tân được tổ chức trên bãi cỏ rộng, thoai thoải trong ngôi nhà mười buồng mới toanh của vợ chồng Palmơ, bao gồm cả một phòng nhạc và một thư viện. Một bữa tiệc được dọn ra mời khách; quà mừng chất đống, nhiều hơn cả số lượng thường thấy ở ba đám cưới trung bình; có cả một chương trình biểu diễn của toàn ban hợp xướng trường cao đẳng Lêin – chính trong đội ngũ của nó, đôi vợ chồng mới ngây ngất hạnh phúc này đã gặp nhau lần đầu. Một chiếc xe buýt do Uyl Palmơ thuê từ Jêchxơn đã chở Ban hợp xướng đến.

Chiều hôm ấy, nhà ga xe lửa nhỏ bé của Henninh tràn ngập người khi Xaimơn và Bơthơ đáp chuyến tàu Trung tâm Ilinoi đưa họ đi suốt đêm tới Tsicơgâu, ở đó họ chuyển sang một tàu khác đi tới một vùng gọi là Ithơcơ, Niu Yoóc. Xaimơn sẽ học tại trường "Đại học Conel" để lấy bằng cử nhân nông nghiệp và Bơthơ sẽ vào "Nhạc viện Ithơcơ" ở gần đấy.

Trong khoảng chín tháng, Bơthơ viết thư về nhà đều đặn, kể những thực tế phấn khởi họ đã trải ở nơi xa này và cho biết họ sống với nhau rất hạnh phúc. Nhưng rồi đến đầu mùa hè năm 1921, thư của Bơthơ bắt đầu thưa dần, cho đến khi Xinthiơ và Uyl, cuối cùng, đâm rất lo là có cái gì không ổn mà Bơthơ không nói cho ông bà hay. Uyl đưa Xinthiơ năm nghìn đôla để gửi cho Bơthơ, dặn cô cứ việc dùng theo sự cần thiết của hai vợ chồng mà không cần nói cho Xaimơn biết. Thế nhưng thư của cô con gái lại càng ít hơn và đến cuối tháng tám, Xinthiơ bảo với Uyl cùng các bạn thân thiết rằng bà sẽ đích thân đi Niu Yoóc để xem binh tình ra sao.

Hai ngày trước khi Xinthiơ định lên đường, một tiếng gõ cửa vào lúc nửa đêm khiến hai vợ chồng hốt hoảng thức giấc. Xinthiơ ra khỏi giường trước, vớ lấy chiếc áo choàng, Uyl theo sát đằng sau. Đến cửa buồng ngủ, bà có thể nhìn qua tấm cửa kính phòng khách thấy hai bóng người dưới trăng, Bơthơ và Xaimơn, ở cổng trước. Xinthiơ rú lên và nhảy xổ ra mở toang cửa.

Bơthơ bình thản nói: "Chúng con xin lỗi là đã không viết thư, chúng con muốn mang đến cho bố mẹ một món quà bất ngờ..." cô chìa cho Xinthiơ cái bọc quấn mền cô ẵm trong tay. Tim đập thình thình và với Uyl nghi nghi hoặc hoặc nhìn chăm chăm qua vai bà, Xinthiơ kéo nếp gấp trên cùng của tấm mền xuống, để lộ ra một khuôn mặt tròn, nâu...

Đứa bé trai mới được sáu tuần ấy, chính là tôi.

Chú thích
[1] Loại to sang trọng, bố trí thành buồng ngủ, buồng khách

LỜI NGƯỜI DỊCH

Vậy đó, đứa cháu bảy đời của Kunta Kintê ra đời.

Năm mươi năm sau, đứa cháu đó, lúc này là nhà báo Elicx Hêili (ALEX HALEY), tác giả cuốn "Tự truyện của Malcôm X" lãnh tụ của những người Hồi giáo da đen ở Mỹ, mà như Malcôm đã tiên đoán, chính ông cũng không được đọc, vì ông bị ám sát khoảng hai tuần sau khi hoàn thành bản thảo, bắt đầu cuộc hành trình mười lăm năm trở ngược về quá khứ tìm nguồn cội, với trang bị còm cõi đôi ba tiếng thổ âm lạ tai – "Cô" (cái đàn) "Kămbi Bôlônggô" (con sông)... – còn lưu truyền lại nhờ cái lệ đã thành truyền thống gia đình là ôn lại câu chuyện ông tổ người Phi trước đông đủ các thành viên của gia đình, mỗi khi có thêm một đứa bé ra đời, dù trai dù gái. Khui hàng núi tài liệu ở hàng trăm cơ quan lưu trữ tư liệu, thư viện; gặp gỡ phỏng vấn hàng trăm chuyên gia các ngành nghiên cứu khác nhau: sử học, khảo cổ, Đông Phương học... có khi bỏ hàng tuần lảng vảng quanh trụ sở Liên Hợp Quốc ở Niu Yoóc rình đón các đại biểu Phi để chỉ gặt hái được những cái nhìn câm lặng, hoài nghi, khi mở miệng hỏi về những âm Phi kỳ lạ nọ bằng cái giọng lơ lớ miền Tennexi; bay qua bay lại từ bang này sang bang khác, hết Niu Yoóc đến Oasinhtơn tại Uytconxin, cuối cùng sang tận Găмbia lần mò tới tận làng Jufurê heo hút của bộ tộc Manđinka (tất cả những lặn lội lên rừng xuống biển ấy về sau đều được kể lại trong cuốn "Đi tìm" (Search), điều mà Hêili tìm kiếm đã được xác nhận từ miệng một trong những ông già "graiốt", bộ nhớ lịch sử của các bộ lạc Phi: "Vào cái đận lính của nhà Vua đến, Kunta vào rừng đẵn gỗ và không bao giờ thấy trở lại nữa...".

Phải, vào giữa "cái năm lính của nhà Vua đến" – 1767 – người thanh niên Găмbia mười bảy tuổi tên là Kunta Kintê ấy đã bị những tên "tubốp" bắt cóc trong một cánh rừng, dí sắt nung đỏ đóng dấu vào lưng, nhốt xuống hầm tàu, trần truồng, cùng với trên một trăm người khác, đàn ông, đàn bà và trẻ con, thuộc nhiều bộ lạc Phi. Ngày 5-7-1767, con tàu hắc nô mang tên Lođ Ligơnia, do Tômơx Đêiviz làm thuyền trưởng, nhổ neo từ sông Găмbia vượt biển và ngày 29-9-1767 cập bến tại Annơpơlix-Nơplix, theo cách phát âm của người da đen. Một phần ba số tù nhân trong hầm tàu đã chết trên dọc đường và bị quẳng xác xuống làm mồi cho cá. Tờ "Gazét" của Merôlơn – hồi đó chưa có "Hợp Sẻng Cuốc" Mỹ và Merơlơn mới chỉ là một trong những thuộc địa của vương quốc Anh tại châu Mỹ – thông báo HÀNG MỚI NHẬP: "Một mớ nô lệ khỏe mạnh, chọn lọc" sẽ được bán vào thứ tư, 7-10-1767, tới, "lấy tiền mặt hoặc hối phiếu". Trong các "mớ" đó, có Kunta Kintê...

Hồi đó, phải, hồi đó Hợp Chủng Quốc Mỹ chưa ra đời. Phải đến chín năm sau khi Kunta Kintê bị ném lên đất này như một món hàng, mới bắt đầu cuộc chiến tranh giành độc lập. Cuộc chiến tranh này kéo dài bảy năm cho đến khi tướng Anh Cônuôlix đầu hàng và nước Anh phải ký Hiệp ước Vécxay (3-9-1783) công nhận quyền độc lập của mười ba bang hợp thành Hợp Chủng Quốc Mỹ vào thời kỳ ấy, Kunta ngày này qua ngày khác đánh xe chở "mexừ" Uôlơ đi thăm bệnh, chữa bệnh ở các vùng xung quanh Xpốtxylvaniơ để tối tối mang về làm quà cho "xóm nô" những mẩu tin nghe lỏm được ở các thị, quận lỵ, ở nhà bếp hoặc hành lang các đại sảnh... Lòng khát khao tự do khiến dân "xóm nô" háo hức theo dõi thời sự, và những tin tức ấy khiến họ lúc thì phấn khởi, lạc quan đón chờ một thay đổi xã hội chính trị khả dĩ mở ra triển vọng được giải phóng khỏi kiếp tôi đòi nhục nhằn. Khi lại ngụp sâu hơn vào tuyệt vọng. Hai năm trước khi Kunta và Bel thành vợ chồng – quả bầu đựng những viên sỏi đếm thời gian của Kunta cho biết anh đã qua hai mươi "vụ mưa" trên đất "tubốp" – với bản hiến pháp năm 1787, một trong những hứa hẹn tự do ấy dường như đã lấp lóe trước mắt họ. Việc thông qua bản hiến pháp đầu tiên này của nước Mỹ là một thỏa hiệp giữa các phe phái, và phe chống chế độ nô lệ đã đạt được mục tiêu đòi cấm tệ buôn người. Song điều khoản này chỉ bắt đầu có hiệu lực từ 1807, tức là hai mươi năm sau, và phải hơn nửa thế kỷ nữa, qua cuộc chiến tranh Nam – Bắc (1861 – 1865), chế độ nô lệ mới được chính thức xóa bỏ.

Chế độ nô lệ đã thành thiết chế từ buổi đầu dinh điền ở Bắc Mỹ. Nét nổi bật của lịch sử Mỹ trong thời kỳ này là việc mở rộng về phía Tây, và sự bành trướng đó dẫn đến chỗ gần như tiêu diệt các bộ lạc da đỏ. Tệ buôn người cộng với tỷ lệ sinh đẻ cao của người da đen đã khiến số nô lệ – hầu hết là gốc Phi – tăng vọt lên, chiếm tới 1/7 – 1/8 tổng dân số. Đáng chú ý là vào nửa sau thế kỷ XIX, chế độ nô lệ đã tự nó biến mất ở miền Bắc; các điền chủ ở đây hoặc đã bán hết nô lệ, hoặc đã giải phóng họ. Điều đó – cùng với những tin tức về các cuộc nổi dậy đây đó của người da đen – luôn luôn là đầu đề bàn tán sôi nổi trong những buổi tối họp mặt ở các "xóm nô" của các đồn điền miền Nam, và hình ảnh người "nhọ" tự do trên miền Bắc, đầy sức hấp dẫn, trở thành nỗi trăn trở khôn nguôi của những Kunta cùng bạn nô và con cháu của họ. Điều đó cũng là nguyên nhân bất bình sâu sắc của các điền chủ miền Nam; ở đó, một phần tư dân da trắng, có sở hữu nô lệ, nguồn nhân lực cần thiết cho cuộc canh tác (bông, thuốc lá) của họ. Năm 1860, A. Lincôn trúng cử tổng thống và một trong những chủ trương tích cực của ông là xóa bỏ chế độ nô lệ. Giọt nước tràn cốc đó đã châm ngòi nổ cho cuộc chiến Nam Bắc, được gọi trong sử Mỹ là chiến tranh ly khai (1861 – 1865). Thoạt tiên, Nam Carôlinơ tuyên bố ly khai, rồi tiếp theo là mười bang khác kiên trì chế độ nô

lệ. Đây là một cuộc chiến tranh không cân sức, đối lập một miền Bắc 22,5 triệu dân có công nghiệp hiện đại và ưu thế hải quân với một miền Nam nông nghiệp 8,7 triệu dân (trong đó 3,5 triệu là nô lệ hướng về miền Bắc). Tuy nhiên thời gian đầu, với một số tướng tài, miền Nam đã giành một số thắng lợi khá vang dội. Những người dân "xóm nô" ở các đồn điền miền Nam – những Joóc-Gà, Kitzi, Pompi...; vốn trông chờ một sự đổi đời ở thắng lợi của miền Bắc, đã trải qua những cơn tuyệt vọng khi nghe tin quân Yanki thất trận nặng nề ở Bulrăn (21-7-1861), Richmơn (2-7-1862), Frêđêrichxbơg (13-12-1862). Nhưng những năm sau – 1863, 1864, 1865 – các tướng Grant và Sơman, với hàng loạt chiến thắng liên tiếp, đã buộc tướng Ritsớt Li đầu hàng (9-4-1865). Chiến tranh ly khai kết thúc, Hợp Chủng Quốc Mỹ trở lại thống nhất, và chế độ nô lệ được chính thức xóa bỏ theo điều 18 (bổ sung) của hiến pháp. Song, như thường vẫn xảy ra trong cuộc đời, từ lời chữ trên văn bản đến thực tế, nhiều khi là một con đường đo bằng khoảng cách giữa các hành tinh. Nhiều thế hệ con cháu Kunta Kintê đã sống trong những chuỗi dài dặc, xen kẽ ảo tưởng, hy vọng và vỡ mộng đó...

Một chiều 29-9-1967 đúng hai thế kỷ sau ngày con tàu chở hắc nô Lođ Ligơnia đổ "mớ hàng mới" lên đất mỹ – Elicx Hêili đứng trên một cầu tầu ở cảng Annơpơlix, nhìn ra khơi, nơi con tàu định mệnh oan nghiệt đã vượt qua để mang ông tổ bảy đời của ông tới đây, và chợt thấy mình khóc những giọt nước mắt ngậm ngùi trên cái mảng đầy bóng tối và bị che lấp ấy của lịch sử nước Mỹ...

Và như thế "Cội Rễ" đã được thai nghén...

Cuốn sách ra đời như một sự kiện xã hội chấn động; sự tái tạo một quá khứ mà dân tộc da đen ở Mỹ đã bị tước đoạt. Trong hai tháng, gần một triệu bản đã bán hết. Có nơi, người ta đập vào những tủ kính cửa hiệu sách để cướp những cuốn "Cội Rễ" bày trong đó. Bộ phim vô tuyến truyền hình tám tập dựng theo tác phẩm này đã thu hút 80 triệu người xem, một kỷ lục chưa từng thấy! Hàng trăm trường học ở Mỹ đã đưa "Cội Rễ" vào giáo trình giảng dạy văn học. Người Mỹ phát hiện thấy quá khứ bạo hành và áp bức ẩn giấu trong lịch sử mỗi bang. Như một hệ quả tất yếu, cuốn sách dấy lên ở Mỹ, kể cả trong những người da trắng, một trào lưu sôi nổi tìm về gốc gác tổ tông. Điều bất ngờ thú vị đối với quê hương xa xưa của Kunta Kintê, làng Jufurê hẻo lánh, mà không ai có thể tìm thấy trên bất kỳ tấm bản đồ nào, dù đầy đủ chi tiết nhất, bỗng nhiên trở thành một nơi hành hương thu hút khách du lịch các nước. Đến mức, có hồi chính phủ Gămbia phải định ra một số quy định về việc tham quan để tránh tình trạng ùn ở nơi "di tích lịch sử!".

Hêili, mà dòng máu Phi trong huyết quản, qua bảy thế hệ đã hơn một lần bị pha loãng, vẫn không quên nỗi day dứt về nguồn cội khuấy lên bởi những tiếng kỳ lạ do người bà ngoại quá cố dạy, những chiều hai bà cháu ngồi trước cổng ngôi nhà ở Henninh, Tennexi. Ông đã nghiền ngẫm câu chuyện được nhắc đi nhắc lại, mỗi lần có thêm một đứa trẻ ra đời trong gia đình, về một ông tổ người Phi khăng khăng một mực nhấn mạnh tên mình là Kunta Kintê, chứ không phải Tôby như "mexừ chủ" đặt, khăng khăng không chịu quên những tiếng của làng cũ quê xưa, những tiếng mà với biết bao tâm thành, ông tự đặt cho mình nhiệm vụ truyền lại, và nhắc con cháu truyền lại, đời này qua đời khác, những di tồn duy nhất còn sót lại về gốc tổ. Và từ đầu mối mong manh ấy, Hêili đã lập lại được gia phả đau thương của dòng họ.

Chúng ta chia sẻ với Kunta nỗi căm giận điên cuồng khi ông bị bắt, nỗi đau trong chặng hành trình vượt đại dương dưới hầm tối của con tàu hắc nô, với bảy thế hệ con cháu của ông, những nhục nhằn bất tận của kiếp nô, những khắc khoải triền miên với ảo tưởng tự do không ngừng bị tan vỡ. Độc giả sẽ nhớ mãi Kunta Kintê và cái thế giới đột hiện lên từ quá khứ cùng với ông, cái thế giới của những người nô lệ bị áp bức đến cùng cực mà bao lâu những xã hội gọi là "văn minh" ở phương Tây khăng khăng không chịu nhận là đồng loại. Người ta có thể còn có nhiều điều bàn cãi về quan điểm của tác giả, về sự chính xác của một số chi tiết lịch sử, và bút pháp có phần thô sơ, cục mịch (mặc dầu nó có cái sức mạnh hồn nhiên của văn học truyền miệng), nhưng điều quan trọng là Elicx Hêili đã trả lại cho một dân tộc những miền đã mất đi của ký ức. Trong "Cội Rễ", chính là những người nô lệ, chứ không phải đám chủ của họ, đã lên tiếng. Và tiếng nói đó vút lên từ thẳm sâu quá khứ, sẽ không bao giờ tắt nữa. Hêili đã đắp thêm vào lịch sử nước Mỹ – và lịch sử phương Tây – trọng lượng của những đau đớn, nhục nhằn chất nặng trên cuộc đời Kunta Kintê cùng con cháu họ. Và hai mươi lăm triệu người da đen trên đất Mỹ, mà tổ tiên đã bị trốc rễ, cướp đi khỏi quê hương như Kunta Kintê, nay hiểu rõ rằng mình cũng có một CỘI RỄ. Đó là điều mà từ nay không gì xóa nổi khỏi ý thức của họ.

HẾT TẬP 2